



**ĐẠI  
BÁT  
NIẾT  
BÀN  
KINH**

**(DIỄN NGHĨA)**

**PHẦN I  
(QUYỂN 1)**

**Nguyên tác : Cố Đại Lão Hòa Thượng  
THÍCH TRÍ TỊNH  
Chuyển thể Thi văn Kệ tụng:  
CƯ SĨ THANH LAM**







**ĐỨC BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT**



# GIỚI THIỆU BỘ KINH



Bộ Kinh **ĐẠI BÁT NIẾT BÀN** này do **Cư sĩ Thanh Lam** chuyển thể bằng lối văn kệ tụng dựa trên nguyên tác của **Cố Đại Lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh** biên soạn, gồm 29 phẩm :

1. Phẩm Tự .
2. Phẩm Thuần Đà .
3. Phẩm Ai Thán .
4. Phẩm Trường Thọ .
5. Phẩm Kim Cang Thân .
6. Phẩm Danh Tự Công Đức .
7. Phẩm Tứ Tướng .
8. Phẩm Tứ Y .
9. Phẩm Tà Chánh .
10. Phẩm Tứ Đế .
11. Phẩm Tứ Đảo .
12. Phẩm Như Lai Tính .
13. Phẩm Văn Tự .
14. Phẩm Điều Dụ .
15. Phẩm Nguyệt Dụ .
16. Phẩm Bồ Tát .
17. Phẩm Đại Chúng Sở Vấn .
18. Phẩm Hiện Bệnh .
19. Phẩm Thánh Hạnh .
20. Phẩm Phạm Hạnh .
21. Phẩm Anh Nhi Hạnh .
22. Phẩm Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát .
23. Phẩm Sư Tử Hống Bồ Tát .

24. Phẩm Ca-Diếp Bồ Tát .
25. Phẩm Kiều Trần Như .
26. Phẩm Di Giáo .
27. Phẩm Ứng Tận Hườn Nguyên.
28. Phẩm Trà Tỳ .
29. Phẩm Cúng Đường Xá Lợi .

Được chia làm 2 Phần :

**PHẦN I** : gồm 3 quyển.

- **Quyển 1**, gồm 12 Phẩm : Từ Phẩm “**TỰ**” thứ nhất đến Phẩm “**NHƯ LAI TÁNH**” thứ 12.
- **Quyển 2**, gồm 07 Phẩm : Từ Phẩm “**VĂN TỰ**” thứ 13 đến Phẩm “**THÁNH HẠNH**” thứ 19.
- **Quyển 3**, gồm 02 Phẩm : Phẩm “**PHẠM HẠNH**” thứ 20 và Phẩm “**ANH NHI HẠNH**” thứ 21.

**PHẦN II** : gồm có,

- . Phẩm **Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát** , thứ 22.
- . Phẩm **Sư Tử Hống Bồ Tát** , thứ 23 .
- . Phẩm **Ca-Diếp Bồ Tát** , thứ 24 .
- . Phẩm **Kiều Trần Như**, thứ 25 .
- . Phẩm **Di Giáo**, thứ 26 .
- . Phẩm **Ứng Tận Hườn Nguyên** , thứ 27.
- . Phẩm **Trà Tỳ** , thứ 28 .
- . Phẩm **Cúng Đường Xá Lợi** , thứ 29 .



# MỤC LỤC (Q.1)

Lời tựa	01
Sơ lược về Tiểu sử Đức Phật Thích Ca Mâu Ni	05
Lịch sử Xá Lợi của Đức Phật Thích Ca	15
Nghi thức sám hối	33
Nghi thức trì tụng	45
Phẩm <b>Tự</b> , thứ nhất	<b>51</b>
Phẩm <b>Thuần Đà</b> , thứ 2	<b>97</b>
Phẩm <b>Ai Thán</b> , thứ 3	<b>139</b>
Phẩm <b>Trường Thọ</b> , thứ 4	<b>175</b>
Phẩm <b>Kim Cang Thân</b> , thứ 5	<b>221</b>
Phẩm <b>Danh Tự Công Đức</b> , thứ 6	<b>249</b>
Phẩm <b>Tứ Tướng – Giải Thoát</b> , thứ 7	<b>257</b>
Phẩm <b>Tứ Y</b> , thứ 8	<b>385</b>
Phẩm <b>Tà Chánh</b> , thứ 9	<b>455</b>
Phẩm <b>Tứ Đế</b> , thứ 10	<b>491</b>
Phẩm <b>Tứ Đảo</b> , thứ 11	<b>503</b>
Phẩm <b>Như Lai Tánh</b> , thứ 12	<b>511</b>
Tán Thán Xá-Lợi Phật	577
Bát Nhã Tâm Kinh	581
Nguyện Vãng Sanh (Chú Vãng Sanh)	584
Phục Nguyện	586
Hồi Hương	589
Tam Quy Y	591
Thích Nghĩa	593





## LỜI TỰA



### Kỷ Niệm Đại Lễ

## Đức Phật Thích Ca Mâu Ni

## Thường Trụ Đại Niết Bàn

*(Ngày 15 tháng 02 âm lịch, theo Phật Giáo Bắc truyền)*

- **Nam Mô Thập Phương Tam Thế Phật Bảo.**
- **Nam Mô Thập Phương Tam Thế Pháp Bảo.**
- **Nam Mô Thập Phương Tam Thế Tăng Bảo.**
- **Nam Mô Ta Bà Giáo Chủ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật .**

**N**hân ngày Đại Lễ trọng thể **Phật Đản** 2558 năm Phật-Lịch và kỷ niệm ngày **Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật Thường Trụ Đại Niết Bàn**. Khắp toàn thế giới nhân loại đang hướng về chân thân **Đức Phật**. Bằng tất cả tâm lòng ưng cúng, nguyện tin đặt trọn vào **Phật Pháp** siêu việt mà **Đức Từ Phụ**

**Bổn Sư** đã hoằng hóa độ sanh trải qua hơn 25 thế kỷ.

Tại đây, chúng con xin mạn phép thiết lập lễ đàn trong phạm vi gia đình Phật tử còn nhiều thiếu sót. Nhưng với tấm lòng chân thành tưởng nhớ công ân sâu dày khôn tả của **Đức Từ Phụ Bổn Sư** đã vì chúng sinh nhân loại giáng sinh cõi Ta bà ác trược, tùy duyên hóa độ chúng sanh từ lúc **Thành đạo** đến khi **viên mãn thế duyên, xả thụ tịch diệt** trong suốt 45 năm tại thế để cứu độ hàm linh thoát cảnh vô minh tăm tối.

Ngọn đuốc từ bi mãi thấp sáng trong lòng người đến nay chưa hề vụt tắt.

Chúng con kính dâng **Đức Từ Phụ** bao đóa hoa xinh, thơm tỏa bằng cả tâm lòng **Thường, Lạc, Ngã, Tịnh**. Những nén hương nguyên lan tỏa thấu tận mười phương **Pháp giới Chư Phật** chứng minh cho những Phật Tử đã giác ngộ hoặc còn lự thụt trong cảnh đời ô trược nhưng tâm lòng vẫn hằng tâm niệm sẽ có một ngày vượt qua mọi chướng nghiệp còn ràng buộc trong tâm thức bấy lâu nay.

Ngưỡng cầu **Đức Từ Phụ Bốn Sư** nhủ lòng lân mẫn Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả hộ trì cho hàng Phật tử chúng con tiêu tai ách nạn, phiền não đoạn diệt, tinh tấn tu hành trong thời Mạt pháp vượt qua mọi chướng ngại sớm được **Đức Phật** khai ngộ chân tánh dắt dìu đến bờ an lạc giải thoát.

Nhân ngày **Đại lễ kỷ niệm Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật Thường Trụ Đại Niết Bàn**, chúng con kính dâng lên **Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni Phật, Quyển Kinh Đại Bát Niết Bàn** do **Đức Phật Thích Ca** tuyên thuyết, hôm nay được chuyển thể bằng lối văn kệ tụng dựa trên nguyên tác của **Cố Đại Lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh** biên soạn, nhằm đa dạng hóa nền văn hóa **Phật Giáo**, đồng thời góp một phần nhỏ vào công việc trùng hưng **Phật giáo Việt Nam** rộng ra thế giới. Cầu **Phật Từ** gia hộ chứng minh những ai thọ trì nghe thấy tin tưởng đều được lợi ích viên mãn, cứu cánh giải thoát.

Chúng con đồng cầu nguyện Phật Pháp được trường tồn vĩnh cửu. **Chư Phật** mười phương ban bố

pháp mầu thắm nhuần cả cõi Ta bà. Nhân loại trên quả địa cầu người người đều được nẩy nở hạt giống Từ Bi của **Chư Phật**.

Đồng cầu nguyện đất nước **Việt Nam** thanh bình cọng lạc, thế giới năm châu giảm bớt thiên tai, chiến tranh, bệnh tật. Nhân loại sống trong niềm vui hạnh phúc an lạc.

Đồng cầu nguyện âm siêu dương thới, Chư Hương Linh Cửu Huyền Thất Tổ, ông bà, cha mẹ, lục thân quyến thuộc trong nhiều đời kiếp, hoặc hiện kiếp của chúng con đã quá vãng cùng tất cả chư hương linh trong mười phương, sớm vãng sanh vầy miền **Phật Quốc**.

Kính mong **Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** chứng minh gia hộ, tất cả **Phật Tử** chúng con đồng cúi lạy.



# SƠ LƯỢC VỀ TIỂU SỬ ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI



**Đ**ức Phật Thích Ca Mâu Ni là Thủy Tổ khai sáng **Đạo Phật**: Ngài là vị Giáo Chủ trong cõi Ta bà ngũ trược ác thế này, lại làm Thầy ba cõi, làm Cha bốn loài trong hoàn cầu năm châu thế giới.

Sinh thời **Ngài** là một vị Thái tử con của Vua **Tịnh Phạn** thuộc dòng **Thích Già**. Họ của **Ngài** là **Kiều Đáp Ma** xưa dịch **Cô Đàm**, nay gọi **Gô Ta Ma**, tại nước **Ca Tỳ La Vệ** thuộc về miền **Trung Ấn Độ**, trước kêu là **Trung Thiên Trúc**, nay là nước **Nê Pal**, một nước nằm ở ven sườn núi **Hy Mã Lạp Sơn**, một ngọn núi cao nhất thế giới hiện nay.

Mẹ **Ngài** tên là **Ma Da Hoàng Hậu** cũng là một người thuộc dòng **Sát Đế Lợi** đã mấy mươi đời nổi nghiệp làm vua trị vì đất nước.

Vua **Tịnh Phạn** cùng bà **Ma Da Hoàng Hậu** đều là bậc đã nhiều kiếp tu hành có công đức sâu dày xứng đáng làm cha mẹ muôn dân.

Thái tử giáng sinh nhằm ngày mừng tám tháng tư năm Giáp Dần nhằm năm thứ 24 đời Chiêu Vương nhà Châu bên Tàu. Tức là **Ngài** sanh trước Tây Lịch 546 năm. Đây là biện chứng chắc thiết mà trong quyển *Chứng Thánh Điển Ký* có nói rằng:

“Giáo Pháp của Phật thuyết trong 49 năm; chia làm ba Tạng, Ngài **A Nan** kết tập thủ trì Tạng **Kinh**; Ngài **Ưu Ba Ly** kết tập thủ trì Tạng **Luật**; Ngài **Ma Ha Ca Diếp** thủ trì Tạng **Luận**. Sau khi **Phật** diệt độ cách 3 tháng sau thì Ngài **Ma Ha Ca Diếp** mới triệu nhóm chúng hội thiết lập Đạo Tràng chiêu tập Đại Hội lần thứ nhất để kết tập **Tam Tạng Kinh Điển** làm căn bản hầu lưu truyền đời sau để khỏi thất lạc, sai lầm Thánh Giáo của **Đức Thế Tôn** đã ân cần dặn dò phó chúc. Đại Hội nhằm ngày rằm tháng 7 là ngày Tự Tứ của Chư Tăng câu hội.

Cách nay độ khoảng 60 năm có nhà khoa học người Anh ở Ấn Độ có đào được một trụ đá ghi khắc năm **Đức Phật** giáng sanh của Vua **A Dục**,

một vị vua sùng đạo và có công lớn ghi lại lịch sử cuộc đời **Đức Phật** như vậy:

Một hôm, *Hoàng Hậu Ma Da* nửa đêm nằm mộng thấy con voi trắng sáu ngà từ trên hư không xuống; lấy ngà khai hông bên hữu của Bà mà chun vào bụng từ đó bà thọ thai. Khi gần sanh, bà về quê nhà, đi tới vườn **Lâm Tỳ Ni** cách thành **Ca Tỳ La Vệ** 15 cây số, *Ma Da Hoàng Hậu* nhón díp ghé vào vườn hoa để ngoạn cảnh, thấy cây Ưu Đàm bông mới nở đẹp lại thơm, bà vừa đưa tay định hái bông thì *Thái Tử* xuất hiện tại đây. Khi rước về Hoàng Cung có thầy Tu Sĩ, tên là **A Si Ta** xem tướng rồi tán thán và ngợi khen hết mực: “*Thái Tử* là một đấng siêu nhân xuất thế đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Nếu ở thế trị vì thiên hạ là bậc **Chuyển Luân Thánh Vương** phước cho nhân loại, còn nếu xuất gia sẽ là một vị **Phật Toàn Giác** cứu độ bốn loài”.

Vua cha đặt tên là **Sĩ Đạt Ta**, Tàu dịch “**Tất Đạt Đa**”, theo tiếng Phạn có nghĩa là: “Mọi nguyện vọng đều được thành tựu như ý”.

Sau khi sanh *Thái Tử* đặng bảy ngày thì *Hoàng Hậu Ma Da* qui thiên năm 48 tuổi.

Vua cha giao *Thái Tử* cho bà Thứ Phi cũng là em ruột của *Hoàng Hậu Ma Da*, tên là **Ma Ha Ba Xà Ba Đề** dưỡng nuôi. Năm *Thái Tử* lên 6 tuổi có ông thầy tên **Bạc Đà Ma Ni** đến dạy học văn, được 7 tuổi thì học võ với thầy tên là **Săng Đề Đề Bà**.

Chẳng bao lâu *Thái Tử* văn võ toàn tài, trong triều trên dưới đều lấy làm kinh ngạc. Từ đây vua cha mới biết *Thái Tử* là một đấng siêu phàm, khi lên 16 tuổi vua cha cưới vợ cho **Ngài** là công chúa của nước láng giềng tên là **Gia Du Đà La**, ba năm sau sanh được một trai đặt tên là **La Hầu La**. Sau khi dạo bốn cửa thành trở về lòng *Thái Tử* ngày đêm luôn ủ dột thương xót sanh linh chịu nhiều thống khổ của sự Sanh, Già, Bệnh, Tử chi phối nên **Ngài** quyết chí tầm đạo để cứu lấy nhân loại. Nửa đêm mùng 8 tháng 2, *Thái Tử* lìa bỏ cung son, cha già, vợ đẹp, con cưng, dấn thân vào con đường gian khổ mong tâm được đạo quả giải thoát bản thân mình và bốn loại Chúng sanh. Khi đó, *Thái Tử* cũng vừa được 19 tuổi. Ròng rã gần 5 năm học đạo đủ các thầy ngoại đạo tại non Tuyết lãnh **Kỳ Xà Quật** rồi lại tu khổ hạnh 6 năm. Thời gian *Thái Tử* xuất



gia tâm đạo đúng 11 năm, vào ngày mùng 8 tháng 12 năm Quý Mùi **Ngài** đắc Đạo Quả, đúng 30 tuổi.

Tại non Tuyết lãnh **Ngài** tu khổ hạnh sáu năm về Pháp môn **Tịnh Tọa** vẫn chưa tìm được lý đạo và sanh tử do nguyên nhân từ đâu. Thân thể **Đức Ngài** càng ngày càng hao gầy.

Một hôm, **Ngài** kiệt sức ngất xỉu giữa chốn rừng sâu, khi tỉnh lại **Ngài** suy gẫm quán xét biết rằng dầu khổ hạnh đến đâu đi nữa cũng là hành thân hoại thể mà thôi; Chớ không thể tỏ ngộ giải thoát được. Một bữa kia *Thái Tử* xuống sông **Ni Liên** trút bỏ mọi bụi bấn từ bấy lâu bám vào thân thể của **Ngài**, liền đó thân tâm được vui khỏe, có người con gái chăn dê đem sữa dâng cho **Ngài**, bắt đầu từ đó **Ngài** ăn uống trở lại bình thường.

Bấy giờ, **Ngài** đến gốc cây **Tất Bác La** gọi là cây Bồ Đề, **Ngài** phát tâm đại thệ rằng: “*Ta quyết định ngồi đây dầu tan xương nát thịt Đạo chưa thành Ta chẳng đứng lên*”. **Ngài** ngồi Thiền định siêng suốt 49 ngày không lay động thân tâm, chứng thành **Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác** hiệu là **Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh**

***Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.***

**Thích Ca** nghĩa là **Năng Nhơn**, **Năng** là năng lực; **Nhơn** là Từ Bi; **Mâu Ni** nghĩa là **Tịch Mặc**; **Tịch**: là yên lặng không bị hoàn cảnh khổ làm động tâm vẫn như như bất động; **Mặc**: là lặng lẽ tỏ chiếu không bị phiền não khuấy rối. **Thích Ca Mâu Ni** có nghĩa là người có năng lực siêng làm hạnh nín nhịn, yên lặng, thanh tịnh và trong sạch, không nhiễm ô trần thế, không vọng tưởng điên đảo và phiền não mê lầm, các Pháp được giác ngộ hoàn toàn **Chân Thiện Mỹ**.

Chỗ **Ngài** ngồi tu đặc đạo gọi là **Bồ Đề Đạo** Tràng hay gọi là **Kim Cang Tọa** và cây **Bồ Đề** còn gọi là **Bồ Đề Bảo Thọ** nghĩa là chỗ **Bồ Tát** ngồi tu đặc đạo thành **Phật** .

Sau đó **Ngài** ngồi tịnh định thêm 21 ngày để thuyết **Kinh Hoa Nghiêm** cho các vị **Bồ Tát** đồng nghe.

Ba lần **Chuyển Pháp Luân** nói Pháp **Tứ Diệu Đế** tại vườn **Lộc Giả**, thuyết Pháp trong 49 năm

hơn 300 hội phân ra làm Ba Thừa Năm Giáo độ Chúng sanh đủ các phương tiện nào: Quyền, Thật, Đốn, Tiệm ... rất ráo viên mãn.

**Đức Phật** tịch diệt tại rừng **Ta La Song Thọ** gần sông **Ni Liên** nhằm ngày rằm tháng 2, **Đức Phật** lên tảng đá nằm nghiêng, đầu day về hướng Bắc, mặt trông về Tây Thiên nhằm năm Nhâm Thân thứ 52 đời Mục Vương nhà Châu, trụ thế 80 năm.

Sau khi **Đức Phật** nhập diệt, lễ **Trà Tỳ** cũng khác hẳn người đời và **Xá-Lợi** được phụng thờ lưu truyền mãi mãi cho đến ngày nay.

Vì vậy, tinh thần và giáo lý của **Đức Phật** chẳng phải bi quan và yếm thế, mà thật là một phương pháp để cứu đời.

Vì sao? Vì đó là đại sự nhân duyên nên **Phật** mới xuất thế, mục đích cứu khổ ban vui cho muôn loài vạn vật; vì Chúng sanh đau khổ, **Phật** mới thị hiện ra đời chớ không phải **Phật** vì **Phật** mà giáng thế.

**Đức Phật** ra đời là để Khai Thị cho Chúng sanh ngộ nhập **Tri Kiến Phật** hầu đặng giải thoát cho Chúng sanh khỏi khổ não và an vui.

Bất luận Tôn Giáo nào vị Giáo Chủ đó bao giờ cũng là một tấm gương sáng cho tín đồ Phật tử soi chung để tiến bước trên con đường đạo đức và tự thất đuốc mà đi. Nhưng các vị Giáo Chủ của các Tôn Giáo hiện có trên thế giới này, không có một vị nào có đầy đủ ý nghĩa cao đẹp, chơn lý rỏ ráo, một đời sống sâu xa hơn **Đức Phật Thích Ca** của chúng ta. Mỗi hành động, mỗi cử chỉ, mỗi lời nói cho đến mỗi việc, mỗi sự đều yên lặng thanh tịnh và trong sạch, công hạnh đức độ của **Đức Phật** đều là những bài học quý báu cho các hàng Phật tử chúng ta noi theo.

Nếu chúng ta học qua giáo lý của **Đức Phật** tôn thờ ngưỡng mộ **Đạo** của **Ngài** mà không thấu hiểu rõ đời sống của **Ngài** thì sự tu học của chúng ta thật còn nhiều thiếu sót.

Vì đời sống lại là những biểu hiện tượng trưng giáo lý của **Đức Phật**; Vậy chúng ta phải tìm hiểu ý nghĩa thâm thúy của đời sống ấy có đầy đủ đức

tánh **Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi, Đại Hỷ, Đại Xả** chẳng ?

Tóm lại, nếu chúng ta là người tu học biết kính tin **Phật** để theo làm Phật tử của **Đức Phật** thì chúng ta phải hết lòng noi gương **Đức Thích Ca Từ Phụ**. Dẫu rằng chúng ta không được bằng **Phật** đi nữa chúng ta cũng phải giúp đời hộ đạo. Làm những điều lợi ích cho đồng bào nhân loại những việc từ thiện hay ban vui cứu khổ nhân sanh vạn vật. Nếu được như vậy mới khởi phụ lòng bốn nguyện của một vị cứu tinh khai sáng đạo **Phật** vậy.

Khi **Đức Phật** giáng sanh xuất thế cũng hiện thân ở cõi Ta Bà này, chịu đựng biết bao nỗi khổ gian lao trong một kiếp sống như mọi người chúng ta. Khi **Đức Phật** còn tại gia cũng ở trong một địa vị diễm phúc cao sang quý nhứt hơn tất cả người đời, ấy thế mà **Đức Phật** không màng tưởng đến, **Đức Phật** vẫn không chịu ở yên trong địa vị cao sang phú quý ấy lại vất vả ruổi rong trên mọi nẻo đường bụi bặm, chông gai hiểm hố, gian nan nguy hiểm, bùn lầy để đi tìm ra chân lý dẫn dắt quần sanh, nâng đỡ chúng ta hầu cứu độ muôn loài thoát

khỏi sông mê trầm nịch tự bao đời, mục tiêu là đến bến bờ an lạc chân hạnh phúc, đạt quả vị **Niết Bàn**, Tây Phương tự tại vui hưởng đời đời, kiếp kiếp bất sinh bất diệt.

Lòng Từ Bi của **Chư Phật** thật vô lượng, vô biên, vô cùng tận, ân đức của **Chư Phật** bao la vị tha không ngần mé, tính kể khôn cùng, nói ra không xiết. Là Phật tử của Phật giáo đồ, chúng ta cùng toàn thể mọi người nên lấy đó làm khuôn vàng thước ngọc, thành tâm kính cẩn tôn thờ sùng bái, thực hành trọn vẹn theo giáo điều của **Phật giáo** dạy trong đời sống thường nhật, đó là quý trọng công ơn của **Đức Phật** trong muôn một vậy.

● **Nam mô Bốn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật.**



## LỊCH SỬ XÁ-LỢI CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH CA



**N**gọc Xá Lợi là một Thánh tích vô giá của **Phật Tổ Thích Ca**, do phái đoàn **Phật Giáo Tích Lan** đưa qua **Nhứt Bốn** để hiến cho hàng Phật tử xứ ấy, trong dịp Đại **Hội Nghị Phật Giáo** hoàn cầu kỳ nhì tại **Đông Kinh** 1952, được cung nghinh lên kinh đô xứ **Việt Nam**, một cách vô cùng trọng thể và được tôn trí trọn cả một ngày đêm, cho công chúng chiêm bái cúng dường.

Chúng ta nên ghi nhớ rằng, trong ngàn năm muôn kiếp, ngày cung nghinh **Xá Lợi** vừa rồi, là ngày duy nhứt trong đời tu **Phật** của chúng ta: ngày ấy là ngày 25 tháng 7 năm Nhâm Thìn, nhằm ngày 13/09/1952. Kể lại, từ khi **Đức Thế Tôn** nhập diệt đến ngày chúng ta gặp duyên may đánh lễ **Xá Lợi**, thời gian đã trôi chảy được 2496 năm, 4 tháng mười ngày.

Thấy rằng, mặc dù sanh vào thời kỳ vô cùng xa cách với niên đại nói trên, chúng ta vẫn còn

duyên lành với **Phật Tổ Như Lai**; vì chúng ta không mong mà tình cờ lại được đánh lễ **Ngọc Xá Lợi**, đem tất cả lòng nhiệt thành sùng tín, hoài niệm tưởng nhớ đến ân đức của đáng trọn lành, đã tận tụy hy sinh từ vô lượng kiếp, quyết chí tìm phương cứu vớt sanh linh ra khỏi vòng đau khổ.

Trong kiếp chót, khi đạt được mục đích cao cả rồi, vị *Chánh Đẳng Chánh Giác*, ngày đi đêm nghỉ, châu du từ thành này sang xứ nọ, trọn 49 năm trường, hướng dẫn tín đồ trên đường giác ngộ. Vì quá thương xót Chúng sanh đương bị chơi vơi trong biển khổ, mà Ngài hy sinh, mệt nghỉ, khỏe đi, đi hoài, cho đến mòn hơi, kiệt lực; giữa đường thọ bệnh nan y.

**Đấng Cứu Thế**, đã vì nhân loại, với cái tuổi 80, với bao nhiêu sự cam go hiểm trở trên những con đường gồ ghề băng xuyên giữa rừng núi, dưới những đám mưa phùn tuyết đổ; mà Ngài vẫn nhẫn nại làm tròn phận sự cho đến giờ phút kiệt quệ, phải vĩnh biệt thế gian.

Trên đời này còn ai hy sinh trong sự mưu cầu hạnh phúc cho nhơn loại hơn **Phật Tổ Thích Ca** ?

Cao cả thay! Cuộc đời sáng lạng của Đấng Hiền Triết duy nhất của thế gian. Cao quý thay!



Ân đức từ bi rộng lớn của bậc siêu nhân hi hữu của cõi Á Châu!

Chúng tôi, là kẻ đã thọ ân sâu dày của **Ngài**, nhờ giáo pháp của **Ngài** để lại, biết cải ác tùng thiện, theo dõi con đường vạch sẵn của **Ngài**, xin đem tất cả tấm lòng trong sạch, cúi đầu tôn kính **Ngài**.

Chẳng biết lời nào để tán dương ân đức của **Ngài**, chúng tôi, nhân dịp này, xin mượn lời của **Đức Trời Đế Thích** để chiêm bái **Ngài**:

**“Namo Tassa Bhagavato Arahato Samma Sambuddhassa”**.

...Nhân đây, tôi xin lược thuật một đoạn trong kinh **“Đại Niết Bàn”** để cống hiến cho quý ông, quý bà đôi chút tài liệu về sử tích **Xá Lợi** ...

Ngày kia **Đức Thế Tôn** cùng chư Thinh Văn đến xứ **Pāva**, vì trời tối nên tạm ngụ trong vườn xoài của con một người thợ bạc tên là **Cunda**.

Khi hay tin có **Phật** ngụ trong vườn mình, chàng **Cunda** đến yết kiến **Phật**. Nhân dịp ấy, **Đức Thế Tôn** giảng giải cho chàng hiểu thấu nghiệp quả và khuyến dạy lánh dữ làm lành.

Sáng ngày, **Cunda** thỉnh **Phật** và Chư Tăng đến nhà thọ thực.

Bữa cơm này là bữa cơm cuối cùng. Thân già, đi bộ rờng rã xứ này qua xứ nọ, tránh sao cho khỏi lao thân, mệt xác, nên khi thọ thực xong **Ngài** thấy trong mình phát sanh bệnh kiết lị. **Ngài** gắng gượng lên đường qua xứ **Kusināra**. Giữa đường, bệnh càng nặng **Ngài** tạm nghỉ dưới cội cây, bảo ông **Ananda** đi kiếm nước cho **Ngài** dùng đỡ khát. Ông **Ananda** đi rồi trở lại bạch rằng: “*Bạch Đức Thế Tôn, dưới suối nước rất ít, lại thêm vừa có năm trăm cỗ xe thương mãi đi qua làm cho nước nổi cạn bùn không thể uống được*”.

*Như Lai khát nhiều (không thể chờ đợi) Ananda cứ đi múc đi cho Như Lai dùng.*

Ông **Ananda** trở lại làn suối, thì thấy nước trong, bèn lấy nước dâng lên. Đỡ khát rồi, **Đức Thế Tôn** gắng gượng lên đường, đến chiều tối tới xứ **Kusināra**. Thấy trò vào tạm nghỉ trong rừng **Sala**.

**Đức Thế Tôn** kêu ông **Ananda** nói rằng: *Này Ananda ! Như Lai đã mệt nhọc lắm rồi, vậy người mau trái y giữa hai cây đại thọ này cho Như Lai an nghỉ và nội đêm nay Như Lai sẽ nhập diệt tại đây.*

Vậy người kíp vào hoàng thành báo cho Vua và hoàng tộc cùng bá quan đương hội yến đông vây. Ông **Ananda** xin vào chầu vua **Malla** và tâu rằng: “Bần tăng vâng lệnh **Đức Thế Tôn** đến báo tin cho Bệ hạ rõ rằng **Ngài** vừa ngự đến rừng **Sala**, và sẽ nhập **Niết Bàn** tại đó, nội đêm nay vào canh chót”.

Khi nghe được tin ấy Vua và triều thần đồng cảm xúc: **Phật Thích Ca** là dòng vua, sang cả, mà vì tình thương xót chúng ta, băng rừng lướt bụi chẳng nài lao khổ, cam chịu bỏ xác giữa rừng thật đáng cho chúng ta lễ bái cúng dường. Vua **Malla** và triều thần đồng nhau đến rừng **Sala** xin đến yết kiến **Đức Thế Tôn**. **Đức Phật** dùng kim ngôn mỹ từ khuyên nhủ vua **Malla** và bá quan trên đường tu tập, lấy đạo đức cùng lòng từ bi mà dìu dắt dân chúng đến nơi an vui hạnh phúc.

Cả vua chúa và triều thần vểnh vểnh nghe Pháp đến cuối canh đầu mới lui gót ra về với một tấm lòng cảm mến và thương tiếc.

Tối phiên một vị đạo sĩ tên **Subbadda** vào đảnh lễ và vấn an **Đức Phật**, rồi xin hỏi Đạo. **Đức Phật** vui lòng nhận lời, mặc dầu là **Ngài** đã mệt gần đuối sức.

-“**Bạch Đức Thế Tôn:** Ngoài giáo pháp của **Đức Thế Tôn** còn có **Lục Sư** ngoại đạo rất đông tín đồ, và họ tự cho họ là bậc cao thượng; chẳng hay các **Lục Sư** ấy cao thượng đến bậc nào?”.

-“**Subhadda** này ! Điều ấy chẳng nên tìm hiểu làm chi. Nếu người muốn biết đạo của **Như Lai** như thế nào? **Như Lai** sẵn lòng giải thích cho người nghe” ...

**Subhadda** vâng lời cung kính nghe **Phật** thuyết: “**Subhadda** này! Đạo là con đường có tám chi, rất quý báu, đưa người đến nơi tận diệt phiền não. Trong Tôn giáo nào không có con đường tám chi ấy, thì **Sa môn** thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư (đây chỉ về hàng tứ thánh) chẳng có trong tôn giáo ấy. **Subhadda** này! Nếu có người thực hành đúng theo giáo pháp của **Như Lai**, thì trong cõi đời này, vẫn còn có bậc **A la hán**” ...

Ông **Subhadda** nghe được Pháp, xin xuất gia đầu **Phật** liền khi ấy, và nhờ **Đức Phật** khai sáng cho, lại thêm duyên lành sẵn có, nên hành thiền trong giây lát đắc đạo quả **A La Hán**. Đây là đệ tử chót của **Phật**, có tên là **Pachimasāva**, nghĩa là người gặp **Đức Phật** sau chót hết.

**Đức Thế Tôn** kêu các thầy *Tỳ khưu* lại gần hỏi rằng: “*Các đệ tử có điều nào còn nghi ngờ trong **Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo**, trong đạo quả, hoặc trong sự hành đạo, các thầy cứ hỏi đi!*”. **Đức Thế Tôn** hỏi đến ba lượt, mà các thầy vẫn làm thinh, tỏ ý không nghi ngờ điều chi, bởi trong năm trăm vị Thinh Văn theo hầu **Phật**, những vị có đặc ân nhỏ hơn hết là bậc đã đắc đạo quả *Tu Đà Hườn*, các Ngài toàn là Thánh Tăng cả thầy.

Hỏi rồi, **Đức Thế Tôn** dạy lời di giáo tối hậu:

*“Này chư vị Tỳ khưu! Như Lai xin nhắc lại các thầy nên ghi nhớ rằng: Các Pháp hành, có sanh phải có diệt. Các thầy nên tinh tấn tự tìm sự lợi ích cho mình, nhất là cố gắng thực hành, các Pháp cao thượng chẳng nên dễ duôi”.*

**Đức Thế Tôn** gom cả lời giáo huấn trong bốn mươi lăm năm vào một câu “*Là không nên dễ duôi*” để nhắc nhở các môn đệ đừng giải đãi trên đường tự tu, tự độ.

Từ đó trở đi **Đức Thế Tôn** không còn nói câu gì nữa. Lấy **Niết Bàn** làm đề mục, **Ngài** nhập định

trong các sắc thiên, hữu sắc, vô sắc và diệt, thọ, tưởng, định.

Lúc ấy có ông **Anuruddha** là bậc lâu thông thiên định, làm người báo nhập định theo dõi **Đức Thế Tôn**, rồi xả thiên cho các đạo hữu biết Tôn Sư mình được nhập định trong thiên nào, và sang qua thiên nào. Ông **Ananda** chực sẵn kể bên hỏi hoài: “*Bạch Sư Huynh, vậy chớ Đức Thế Tôn nhập diệt chưa?*” Đại Đức **Anuruddha** vào thiên, ra thiên từng chập để trả lời cho ông **Ananda**.

Trời vừa rạng đông, quả địa cầu rung động, báo điềm **Phật Tổ Thích Ca** đã nhập **Vô Lượng Thọ Niết Bàn** (*đêm 15-16 tháng tư năm Ty*).

Trời **Phạm Thiên Sharnpati** cất tiếng ngâm câu kệ động tâm như vậy: “**Đức Thế Tôn** là Đấng Trọn Lành, có đặc ân cao dày, tự ngộ đạo quả Vô Thượng Bồ Đề, mà thân **Ngài** cũng không tránh khỏi chi phối của luật vô thường sanh diệt”.

“*Hỡi ôi! Định luật thiên nhiên nó như thế ấy, thì tất cả Chúng sanh không sót giống nào, lần lượt nối tiếp nhau bỏ xác lại thế gian*”.

“Ta còn yêu mến chi cái kiếp phù sanh giả tạm này?”.

Trời **ĐẾ Thích** tiếp ngâm câu kệ động tâm như vậy: “*Ô hô! Các Pháp hành thật không bền vững, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh. Chỉ có sự dập tắt pháp hành, thì danh sắc, ngũ uẩn mới không sanh ra được*”.

Đại Đức **Anurudda** và **Ananda** thay phiên nhau thuyết về Pháp động tâm, làm cho ai ai cũng chán nản các pháp hữu vi, là pháp sanh diệt, chia lìa, đau khổ triền miên. Ai ai cũng nguyện tinh tấn thật hành theo giáo pháp của **Đức Thế Tôn** truyền lại để mong có ngày ra khỏi vòng cương tỏa của luật vô thường, hầu siêu sanh về cõi an vui tuyệt đối là **Niết Bàn**.

Sáng ngày, Đại đức **Anuruddha** sai ông **Ananda** vào đền báo cho vua **Malla** hay tin **Đức Phật** đã nhập **Niết Bàn** rồi. Đến nơi thấy Vua và triều thần hội nhau bàn tán về ngày cuối cùng của vị *Chánh Đẳng Chánh Giác*, quên lo đến việc triều chánh. Khi hay tin **Phật** diệt độ cả Vua chúa quần thần đều chan hòa giọt lệ, mến tiếc và ca tụng ân đức của **Đấng Trọn Lành**.

Đức Vua liền hạ chiếu chỉ cho triều thần và các lớp dân chúng trong sứ **Kusinārā**, đem bông hoa, nước thơm, và nhạc lễ đến rừng **Sālāvana**, và dạy nội ngày ấy cất rạp cho rồi để thiết đại lễ cúng dường **Phật Tổ**.

Công việc tẩn liệm thi hài của **Đức Thế Tôn**, Vua làm y theo lời chỉ bảo của Đại Đức **Ananda**: lấy 1.000 cây lụa trắng bao bọc Thánh Thể, ướp đủ các thứ nước thơm, để vào Kim quan.

Toàn xứ **Kusinārā** thiết lễ long trọng cúng dường **Đức Phật**; Cuộc lễ kéo dài đến 6 ngày đêm. Qua ngày thứ 7 là ngày Đức Vua định làm lễ hỏa táng. Đúng giờ phát hành, 8 vị lực sĩ của Vua, sắc phục chỉnh tề vào động quan, khiên Kim quan vào cửa hướng Bắc thành **Kusinārā**, và sau khi đi cùng khắp thành phố, trở ra cửa hướng Đông, thẳng đến tháp **Makutabandhana Cetiya** là nơi làm lễ **Trà Tỳ** (*thiêu*).

Trong lúc ấy, từ không trung rơi xuống những bông **Mạn Thù** cùng khắp thành **Kusinārā**, mùi thơm bát ngát. Dưới đất âm nhạc rền trời.



Khi thỉnh Kim quan để trên hỏa đài rồi, có 4 vị Quốc sư của Vua từ 4 hướng cung kính đem lửa mỗi châm vào 4 góc. Lửa không cháy. Vua **Malla** kinh sợ đến bạch hỏi Đại Đức **Anuruddha**. Ngài trả lời: “*Nên hưỡn lại một chút, chờ Đại Đức **Ma Ha Ca Diếp***”. Ngài **Ma Ha Ca Diếp** dẫn 500 đồ đệ đi ngay lại hỏa đài, khoác áo vai trái, chấp tay lễ bái, đi quanh Kim quan ba lượt, rồi cúi đầu lay dưới chơn **Đức Thế Tôn**, 500 vị **Tỳ khưu** cũng tiếp làm theo y như thế.

Khi Đại Đức **Ma Ha Ca Diếp** và **Chư Tăng** làm lễ vừa xong thì lửa từ Kim quan bốc cháy rần rộ, chẳng bao lâu xong cuộc lễ **Trà Tỳ**.

Vua **Malla** đem nước thơm lại tưới trên hỏa đài, và thỉnh **Xá Lợi** về hoàng thành, thiết đại lễ cúng dường.

**Xá lợi** gồm có 7 miếng lớn thuộc về xương trán, xương vai và răng nhọn và những xương nhỏ bằng hạt đậu xanh, hạt gạo và hạt cải. Cả thảy được 16 cân.

Mặt khác, Vua **Malla** hạ lệnh cho tu bổ hào lũy chung quanh đền, tập dượt binh mã và canh phòng

ng nghiêm ngặt, để ngừa các nước lân bang đến chiếm đoạt **Xá Lợi**.

Hẳn thật như lời tiên đoán của Vua **Malla**, các nước kế cận lần lượt gửi binh mã và sứ thần đến xin chia **Xá Lợi**:

Cả thấy bảy đại diện của:

*1/ Vua Ajātasatru (A Xà Thế) xứ Magadha*

*2/ Vua Sakya (dòng Thích Ca)*

*3/ Vua Licchavi, xứ Vesali*

*4/ Vua Thūlīya, xứ Alakappa*

*5/ Vua Koliya, xứ Rāmagāma*

*6/ Vua Malla, xứ Pāvā*

*7/ Và vị Bà La Môn Mahābrahma, thủ lĩnh xứ Vedhadipaka.*

Bảy sứ thần đến yết kiến Vua **Malla** xứ **Kusinārā** bày tỏ rằng:

*“Chúng tôi hay tin Đức Thế Tôn đã nhập Niết Bàn trong xứ của Đại Vương; vì Đức Giáo Chủ Thích Ca là vị Pháp Vương cao thượng, chúng tôi đây cũng thuộc dòng cao thượng nên đến xin Đại Vương chia cho một phần Xá Lợi để đem về lập đền*

*thờ cúng, chiêm ngưỡng hằng ngày; mong Đại Vương nhận lời”.*

Bảy vị sứ thần bề ngoài tỏ ý khiêm tốn, nhưng đã cương quyết bố trí binh mã ngoài thành, chờ coi Vua **Malla** định đoạt thế nào.

Vua **Malla** nuốt định bác lời yêu cầu của các sứ thần nhưng các vị này cũng không nản chí, cứ nài nỉ xin chia mãi.

Về phần Vua **Malla**, trước sự nhẫn nại và cương quyết của các sứ thần, Ngài suy nghĩ: sức mình yếu kém, không đủ ngăn chống hùng binh. Vả lại, **Đức Thế Tôn** là bậc thông hiểu quá khứ, hiện tại, vị lai, mỗi hành vi của **Ngài** đều đem lại sự lợi ích lâu dài cho Chúng sanh. **Ngài** nhập **Niết Bàn** tại xứ ta, ban bố **Xá Lợi** cho ta, để lại hạnh phúc cho ta, nhưng **Xá Lợi** này cũng không bền vững lâu dài, và không bằng phụng hành giáo lý của **Phật** để lại, hầu tránh khỏi sự giết hại lẫn nhau.

... Khi ấy có vị Bà la môn tên **Dona**, là Quốc sư của Vua **Malla**, là bậc trí tuệ và nhiều kinh nghiệm xin đứng ra làm tài phán phân giải, đôi bên. Ông **Dona** nói rằng: *Thưa các Ngài! Chúng ta*

nên hiểu rằng **Đức Bốn Sư** chẳng phải là quyến thuộc của ta, chúng ta muốn có **Xá Lợi**, chẳng qua là chúng ta đã công nhận **Đức Thế Tôn** là một vị **Giáo Chủ**. Chúng ta có lòng ái mộ, muốn phụng thờ và thực hành theo Chánh giáo của **Ngài**. Nếu vì sự sùng bái **Ngài** mà khai chiến với nhau, là việc không phải lẽ, và làm mất sự thân thiện lẫn nhau. Vả lại, **Đức Thế Tôn** xưa kia chẳng hề dạy chúng ta gây chiến cùng nhau; Trái lại, **Ngài** hằng khuyên chúng ta nhẫn nại, từ bi, hòa hợp, dứt bỏ điều oan kết và sự giết hại lẫn nhau.

Lại nữa, khi **Đức Thế Tôn** còn tại thế, các tín đồ hằng được gặp, được thấy, được cúng dường **Ngài** cùng khắp mọi nơi. Giờ đây **Đức Thế Tôn** nhập diệt rồi, **Xá Lợi** được phân chia trong các xứ, tiện bề cho tín đồ bốn phương chiêm ngưỡng, lễ bái hằng ngày; thì Đại chúng lấy làm hân hạnh biết bao! Hiện giờ các xứ lân bang lớn nhỏ đều có đại diện nơi đây, nếu chúng ta đem **Xá Lợi** ra chia nhau mỗi xứ mỗi phần bằng nhau, thì tình thân thiện giữa các **Quốc Vương** càng kết chặt, thì ai ai cũng vui mừng tránh khỏi tai hại tàn khốc của chiến tranh. Các **Xá Lợi** được đem về thờ cúng cùng nơi khắp chốn, người người phát tâm trong sạch nơi **Phật Bảo**

và hành theo Kinh Luật di truyền, xa lánh các điều ác, tạo thêm nghiệp lành, thì kết quả của sự nhẫn nại và hòa thuận hôm nay là được đoàn kết giữa các lân bang, để cùng nhau tiến bước trên đường giác ngộ, diệt tận những mối thù oán, giết hại lẫn nhau. Như thế ấy, chúng ta mới tỏ là người có đủ tư cách làm đệ tử của **Đức Giáo Chủ Thích Ca**”.

Vua **Malla** và các sứ thần công nhận lời phân giải của ông **Dona**, đồng lòng giao cho ông lãnh trách nhiệm phân chia **Xá Lợi** cho các xứ. Ông **Dona** dùng một cây cân bằng vàng cân tám phần **Xá Lợi** bằng nhau, giao cho đại diện các xứ, luôn cả phần của Vua **Malla**. Rồi ông xin giữ cây cân vàng về phần ông để làm kỷ niệm. Ông được như ý nguyện.

Sau khi chia **Xá Lợi** rồi, có dòng **Moriya** tại xứ **Pippahali** phái người đến xin lãnh một phần. Vua **Malla** lấy làm tiếc cho hay rằng **Xá Lợi** đã chia ra đều đủ cho các lân bang rồi và cho Sứ thần một mớ tro đem về thờ thay thế cho **Xá Lợi**.

Các **Xá Lợi** được chia ra đồng đều cho tám nước, mỗi kinh thành mỗi lập đền thờ long trọng để cho vua chúa quan dân đến chiêm bái cúng dường ...

Thời gian nhiều thế kỷ trôi qua. Hết thịnh tới suy. Có nhiều nguyên nhân làm cho **Phật Giáo** dần dần suy đồi, như sự chia rẽ Tăng tín đồ, nạn chiến tranh xâm chiếm của **Hồi Giáo** và sự phục hưng của Đạo Bà la môn; nên các tháp **Xá Lợi** bị bỏ hoang hư lụn.

Thuở **Phật Pháp** được 218 năm, có Vua **A Dục** ra đời đánh Nam dẹp Bắc, mở rộng giang sơn, lại có đức tin trong **Phật Giáo**, nên tạo ra cùng nơi khắp chốn 84.000 tháp thờ, lấy các **Xá Lợi** trong tám tháp đầu tiên chia ra để thờ trong tháp mới và dựng bia đá làm dấu tích 4 chỗ Động Tâm là: *Rừng Lumbini, nơi Phật giáng sanh; Buddha Gayā chỗ Phật thành đạo; Rừng Isipattana (Lộc giả) là nơi Phật Chuyển Pháp Luân và vườn Kusinārā, chỗ Phật nhập Niết Bàn.*

Ngoài ra Vua **A Dục** còn dựng thêm bia đá nơi các ngã ba đường và khắc những **Phật ngôn** cùng lời ca tụng ân đức của **Phật** để khuyến khích dân chúng tôn sùng **Đức Phật**.

Vua **A Dục** còn phái Chư Tăng đi truyền bá **Đạo Phật** ra các nước lân cận và đem giống **Bồ Đề** cùng **Xá Lợi** qua tận đảo **Tích Lan** nhờ vậy mà

hiện giờ đảo **Tích Lan** trở thành trung tâm **Phật Giáo**.

Sử tích **Xá Lợi** trong thời kỳ thượng cổ như thế ấy.

Sau thời kỳ **A Dục**, dân **Ấn Độ** trở lại theo đạo Bà la môn, phế bỏ các tháp thờ **Xá Lợi**. Có chỗ đạo Bà la môn chiếm cứ, như đền thờ tại **Buddha Gayã** (*chỗ Phật thành Đạo*) và sửa tượng **Phật** lại làm tượng Bà la môn (*Brahma*) lợi dụng chỗ Thập phương đến chiêm bái, hưởng lấy tài lợi rất nhiều (*ngày nay Bồ Đề Đạo Tràng đã được trả lại cho phía Phật giáo*).

Thời kỳ nước Anh đô hộ, nhiều tháp bị các nhà khảo cổ đào bới tìm kiếm những **Xá Lợi** đem về xứ Anh để trưng bày trong Cổ Tàng Viện, như **Xá Lợi** của **Đức Xá Lợi Phất** và **Đức Mục Kiền Liên** mà xứ **Ấn Độ** mới vừa đòi lại, sau khi được độc lập 1947.

Hiện giờ Hội **MaHa Boddhi** (*Đại Bồ Đề*) đương lo trùng tu các tháp và các chùa **Phật** (*ở Ấn Độ*).

Với sự thay đổi trong xã hội Ấn Độ và với những sự biến chuyển trong lịch sử **Phật giáo**, hiện giờ chúng ta không thể biết được rõ rệt các **Xá Lợi** của **Đức Phật** còn mất thế nào và chia sót nơi đâu.

Vả lại, theo lời của Vua **Malla**, các **Xá Lợi** cũng không tránh khỏi luật vô thường chi phối; chỉ có sự thật hành theo giáo pháp của **Đức Thế Tôn** truyền lại điều cần thiết. Vậy chúng ta nên cố gắng tu học mãi mãi cho đến ngày giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi đến nơi vô sanh bất diệt là **Đại Niết Bàn ...**

• **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.**

*Trích đoạn bài phát biểu  
của cố cư sĩ Nguyễn Văn Hiếu  
Đọc tại Kỳ-Viên-Tự, Sài Gòn  
Ngày 30 tháng 7 Nhâm-Thìn 1952.*





# NGHI THỨC SÁM HỐI



**T**rải qua bao đời kiếp, chúng con lăn lộn trong bể trần tục u mê gây ra nhiều tội lỗi sâu dày không kể xiết, đọa lạc trong ba cõi, sáu đường lên xuống trầm luân, mang đầy trọng nghiệp. Hôm nay, chúng con xin được Sám hối, nguyện cầu tha lực mười phương **Chư Phật** hộ trì.

- **Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)**

Trước khi vào lễ **Sám hối**, chúng ta hãy dẹp bỏ những ý nghĩ sai lầm và để tỏ rõ sự chân thành của mình đối với **Chư Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng** rằng mình đã thấu rõ cội gốc của tội lỗi. Do vì vô minh mà sinh ra tất cả.

- **Thân** : thì có **3 điều ác** nghiêm trọng :

**Sát sanh, trộm cắp, tà dâm.**

- **Khẩu** : thì vướng vào **bốn nghiệp** không kém phần suy diễn mà chúng ta trong hiện thế ít nhiều chịu phải hành lỗi.

**Vọng ngữ** : tức là nói sai sự thật

**Lưỡng thiệt** : tức là nói hai chiều

Thương thì thấp cao bào chữa, ghét kiếm chuyện dẹt thù, gây mối bất hòa trong gia đình, đoàn thể, xã hội.

**Ác khẩu** : chửi mắng Cha Mẹ, chẳng kiên Trời Đất, Thần Thánh, người trưởng thượng, chủ la mắng tội tở, ỷ giàu bắt nạt dân ngu.

**Ỗ ngôn** : cho mình học giỏi, lý luận thông suốt lờn khinh **Phật Pháp**, Quan ỷ quyền hà hiếp dân đen ngạo khinh chân lý xem nhẹ nhân quả.

- **Sau cùng là ba nghiệp của ý** :

**Ý** là cơ quan chủ quản của **5 giác quan** như **mắt, tai, mũi, lưỡi, thân**. Cho nên ý tưởng rất quan trọng nó có thể sai khiến chúng ta làm ra tất cả **thiện** hay **ác** : **ba nghiệp của Ý** là : **Tham lam, sân hận** và **si mê**. Nhà **Phật** gọi là **Tam Độc** muốn giải trừ chữa trị không phải là dễ đối với người tu học sơ cơ như chúng ta, bởi **tham, sân, si** đã thấm sâu vào căn

tánh của chúng ta tự lâu đời kiếp đến nay. Chúng ta ai ai cũng đều biết rõ như soi gương thấy mặt. Vì vậy việc **Sám hối** rất là tinh tế phải nắm rõ bệnh tình mới cầu phương pháp chữa trị có hiệu quả sớm hơn. Kính mong **chư huynh đệ** thấu hiểu nội tình phát lòng **Sám hối**. Nhân ngày **Đại Lễ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Thường Trụ Đại Niết Bàn**, (đêm 15-16 tháng 02 âm lịch), mong cầu sớm đăng kết quả viên mãn.

### • Nam Mô Cầu Sám Hối Bồ Tát

**Sám** là biết lỗi mình làm

**Hối** là chừa bỏ tham lam hận lòng

Thể như nước đục lắng trong

Bao nhiêu tật đố sớm hòng trừ ngăn

**Sám** là biết lỗi ăn năn

**Hối** là cải thiện nghiệp thân ý chừa

Miệng không nói láo thêu thùa

Ý ngôn, ác khẩu sái bữa điêu ngoa

**Sám** là tự thấu tánh ta

**Hối** tâm giác ngộ thường xa lỗi lầm

Thân không trộm cắp, tà dâm

Dứt trừ tửu sắc khỏi lâm nguy nản  
**Sám** nguyên ngay trước **Phật** đàng  
**Hối** cầu **Bồ Tát** hỷ hoan hộ trì  
 Một đời giữ giới qui y  
 Thệ không tái phạm lỗi nghì xưa gây  
**Sám** kinh học thuộc từ đây  
**Hối** noi gương sáng **Tổ Thầy** vững tin  
 Hằng ngày quán xét chính mình  
 Rõ như soi mặt thấy nhìn trong gương  
**Sám** đời trắng nước vô thường  
**Hối** lìa mộng tưởng lánh đường si mê  
 Nhà xưa mau chóng quay về  
**Phật tâm** hiện lộ **Bồ Đề** viên dung  
**Con nay** sám hối Đại Hùng  
 Bấy nhiêu lầm lỗi tận cùng tiêu tan.

• **Nam Mô Cầu Tiêu Tai Cát Tường Bồ Tát** (1 lạy)

Thất Phật Diệt Tôi Chơn Ngôn :

Ly bà ly bà đế, Cầu ha cầu ha đế, Đà ra ni đế, Ni  
 ha ra đế, Tỳ lê nể đế, Ma ha đà đế, Chơn lăng càng  
 đế, ta bà ha (3 biến)

- **Nam Mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhứt  
Thiết Chư Phật.** (1 lạy)
- **Nam Mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhứt  
Thiết Tôn Pháp .** (1 lạy)
- **Nam Mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhứt  
Thiết Hiền Thánh Tăng .** (1 lạy)

**Quì, tay cầm hương cúng dường phát nguyện :**

*Hương màu ứng nguyện cúng dường  
Tất cả Chư Phật mười phương ba đời  
Lành thay! bay tỏa trời người  
Tôn Pháp, Bồ Tát rạng ngời đức công  
Thanh văn, Duyên Giác, Chúng đồng  
Thánh Hiền, Thầy Tổ chứng lòng hôm nay  
Duyên khởi sáng chói mây dài  
Trùm bao các cõi rộng dài vô biên  
Khấp xông bốn loại trần miền  
Bồ Đề tâm phát thề nguyện vững tin  
Xa lìa những nghiệp vọng sinh  
Vô Thượng Đạo Quả đắc thành chân tu . (lạy)*

- **Nam Mô Hương Cúng Dường Chư Phật, Bồ Tát  
Ma Ha Tát** (3 lần)
- ( Cắm hương lạy 1 lạy)

**ĐÚNG, CHẤP TAY XƯỚNG:**

*Như Lai* tướng tốt đẹp vô vàn  
 Không sánh, không bì, không nghĩ bàn  
 Nhứt nguyện con nay xin đánh lễ  
 Sắc thân **Tôn Phật** hiện mười phương  
 Quang minh trí huệ soi vô tận  
 Muôn Pháp thường còn trú lạc an  
 Con thệ theo về nương **Phật Pháp**  
 Đắc thành nguyện lớn độ trần gian. (lay)

*Khiến* bỏ thân này các khổ ly  
 Sinh về nước **Phật** thoát đồ nguy  
 Con nay gọi sạch tan **ba nghiệp**  
 Lễ tán **Quy Y** nguyện thọ trì  
 Đồng nguyện muôn loài sanh **Lạc Quốc**  
**Tây Phương** an dưỡng thấy **A Di**. (lay)

- **Án, Phạ Nhựt Ra Vật** (7 lần)



**Chí Tâm Đảnh Lễ:**

*Thường Tịch Quang Tịnh Độ*

*A Di Đà Như Lai*

*Pháp Thân màu thanh tịnh*

*Khắp pháp giới Chư Phật. (1 lạy)*

*Thật Báo Trang Nghiêm độ*

*A Di Đà Như Lai*

*Thân tướng hải vi trần*

*Khắp pháp giới Chư Phật . (1 lạy)*

*Phương Tiện Thánh Cư Độ*

*A Di Đà Như Lai*

*Thân trang nghiêm giải thoát*

*Khắp pháp giới Chư Phật . (1 lạy)*

*Cõi An Lạc Phương Tây*

*A Di Đà Như Lai*

*Thân căn giới Đại Thừa*

*Khắp pháp giới Chư Phật . (1 lạy)*

*Cõi An Lạc Phương Tây*  
*A Di Đà Như Lai*  
*Thân hóa đến mười phương*  
*Khắp pháp giới Chư Phật . (1 lạy)*

*Cõi An Lạc Phương Tây*  
*Giáo hạnh lý ba Kinh*  
*Tột nói bày y chánh*  
*Khắp Pháp giới Tôn Pháp . (1 lạy)*

*Cõi An Lạc Phương Tây*  
*Quán Thế Âm Bồ Tát*  
*Thân Tử Kim muôn ức*  
*Khắp Pháp giới Bồ Tát . (1 lạy)*

*Cõi An Lạc Phương Tây*  
*Đại Thế Chí Bồ Tát*  
*Thân trí sáng vô biên*  
*Khắp pháp giới Bồ Tát . (1 lạy)*

*Cõi An Lạc Phương Tây*  
*Thanh Tịnh Đại Hải Chúng*  
*Thân hai nghiêm Phước, Trí*



***Khấp pháp giới Thánh Chúng . (1 lạy)***

**Đứng, Chắp Tay Nguyên :**

*Con nay vì bốn ơn ba cõi*

*Cùng chúng sanh trong pháp giới này*

*Nguyên dứt trừ ba chương tạo gây*

*Nên quy mạng lòng đây sám hối . (1 lạy)*

**Quỳ, Chắp tay Sám Hối :**

***Chí Tâm Sám Hối:***

*Đệ Tử ... ..*

*Và chúng sanh trong pháp giới đây*

*Từ đời vô thủy đến ngày nay*

*Vô minh che đậy nên tâm tối*

*Điên đảo mê lầm chỗ vọng sai*

*Ba nghiệp, sáu căn ngăn trở ngại*

*Mười điều rộng phạm, ý cuồng quay*

*Sa vào năm tội nghịch vô gián*

*Cùng các lỗi xưa thật khó bày .*

*Mười phương **Chư Phật** trong đời*

*Giảng Pháp không dứt, hương lời mâu thay!*

*Ngập tràn vị **Pháp Liên Đài***

*Hào quang chiếu rọi các loài độ tha*  
*Lý chân thường trụ bao la*  
*Hư không đầy đầy **Pháp Hoa** bủa truyền*  
*Con từ vô thỉ thiếu duyên*  
***Sáu căn** mê đắm, oan khiên chất chồng*  
*Não phiền buộc chấp nơi lòng*  
*Quả nhân trói cột trong vòng khổ tai*  
*Chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay*  
*Lăn trôi biển thức, đọa đày tử sanh*  
*Cho nên che lấp căn lành*  
*Trăm ngàn muôn kiếp cấu thành khó ra .*  
*“**Đức Phật Tỳ Lô Giá Na**”*  
*Hiện thân khắp chỗ **Ta bà** thế gian*  
*Chỗ Phật trụ **Thường Tịch Quang***  
*Cho nên phải biết rõ ràng gốc căn*  
*Cả thấy các **Pháp** vi trần*  
*Đều là **Phật Pháp** vô ngần, vô biên*  
*Con không thấu xét căn nguyên*  
***Vô minh** vì thế bụi phiền lấp che*  
*Làm mờ chơn trí **Bồ đề***  
*Ở trong thanh tịnh, chẳng hề tịnh thanh*  
*Trong cảnh giải thoát đành rành*  
*Vì sao ràng buộc, diệt sanh luân hồi ?*

Nay con tỏ ngộ nhứt thời  
 Nguyên chữa bỏ dứt thói đời lãng nhãng  
 Phát lồ **sám hối** ăn năn  
 Phụng đối **Tam Bảo** thề rằng không ngoa  
**Thích Ca** và **Phật Di Đà**  
 Chứng lòng **Đệ Tử** cùng là chúng sanh  
 Tất cả tội nặng cấu thành  
**Sáu căn, ba nghiệp** bất lành tạo gây  
 Quá khứ, hiện tại, vị lai  
 Chính mình phạm lỗi, hoặc bày người theo  
 Thấy người gây tạo vui theo  
 Hoặc nhớ, chẳng nhớ, nghiệp đeo không rời  
 Hoặc biết, hoặc chẳng biết thời  
 Hoặc nghi, hoặc chẳng nghi người giấu che  
 Hoặc chẳng che giấu lỗi kia !  
 Thủy đều rất ráo đoạn lìa lòng mê.  
**Đệ Tử** sám hối xong rồi  
 Bấy nhiêu tội lỗi kiếp đời sạch trong  
 Căn lành tu tập vun trồng  
 Tâm không còn lỗi, cõi lòng tịnh thanh  
 Hối hướng Pháp giới chúng sanh  
 Trang nghiêm **Tịnh Độ Bửu thành** đồng nương.  
**A Di Đà Phật** nguyện thường

*Hộ trì **Đệ Tử** thoát đường lầm sai  
Hiện tiền tinh tấn hằng ngày  
Cầu về **Cực Lạc** ngôi đài **Liên Hoa**  
Lâm chung thấy **Phật Di Đà**  
Cùng hàng **Thánh Chúng** đài hoa tay cầm  
Thân an niệm chánh chẳng lầm  
Thấy nghe đều biết nơi tâm rõ ràng  
**Sát na** sanh trước **Tây Phương**  
Đầy đủ đạo hạnh **Niết Bàn** liễu viên  
Rộng độ sanh chúng vô biên  
Đồng thành **Phật Đạo**, thệ nguyện như như.*

Đệ Tử Sám Hối Phát Nguyện Quy mạng đánh lễ:

• **Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, Đại Từ, Đại Bi, A Di Đà Như Lai, biến Pháp Giới Tam Bảo.** (3 lần)



# NGHI THỨC TRÌ TỤNG



## Bài Tán Lư Hương

*Lò trầm vừa bén lư hương*

*Pháp giới xông thấu mười phương Liên Đài*

*Chư Phật hải hội xa hay*

*Theo chỗ kết tụ tỏa bay mây lành*

*Cung kính với cả lòng thành*

*Các Phật, Bồ Tát toàn thân hiện về .*

- **Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)**

## TỊNH PHÁP GIỚI CHƠN NGÔN



**Án, Lam Tóa Ha (7 lần)**

*(Trì chú này thì thân tâm, cảnh vật đều thanh tịnh)*

## TỊNH KHẨU NGHIỆP CHƠN NGÔN



**Tu rị tu rị , Ma ha tu rị, tu tu rị Ta bà ha (7 lần)**

*(Trì chú này hơi miệng trong sạch)*

## TỊNH TAM NGHIỆP CHƠN NGÔN



**Án ta phạ, Bà phạ thuật đà ta phạ, Đạt mạ ta  
phạ Bà phạ thuật độ hám. (3 lần)**

*( Trì chú này thân, miệng, ý đều trong sạch )*



## AN THỔ ĐỊA CHƠN NGÔN



**Nam mô tam mãn đá một đà nẫm, án, độ rô độ  
rô, địa vĩ tát bà ha (3 lần)**



## PHỔ CÚNG DƯỜNG CHƠN NGÔN



**Án nga nga nẳng, tam bà phạ phiệt nhựt ra hồng  
(3 lần)**

*( Trì chú này thì hoa, hương cùng tiếng tụng niệm sẽ  
vang khắp cúng dường cả mười phương. )*

## BÀI VĂN PHÁT NGUYỆN



- **Nam Mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo**  
(3 lần)

Kính lạy **Phật Từ Bi** cao cả

**Tam Giới Tôn Đạo Quả** siêu nhiên

Mười phương **Chư Phật** ứng nguyên

Quy mạng đánh lễ **Đài Liên Bảo** Tòa.

Nay con nguyện sâu xa vô hạn

Thọ trì **Kinh Đại Bát Niết Bàn**

Trên đền đáp **Tứ Trọng Ân**

Dưới cứu sanh chúng trôi lăn **Tam đồ**

Nếu có kẻ thấy nghe tin tưởng

Đều phát tâm **Vô Thượng Bồ Đề**

Một đời dứt sạch lòng mê

Thác sanh **Cực Lạc** dựa kê **Tây Phương**.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)



## KHAI KINH



**Pháp Phật** vi diệu khôn lường  
Trăm ngàn ức kiếp khó tường khó tri  
Con nay nghe thấy thọ trì  
“**Vô Lượng Nghĩa Đế**” Từ Bi thực hành. (1 lạy)

- **Nam Mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát** (3 lần)





**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM “TỰ”**

**Thứ Nhất**



# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



## PHẨM “TỰ” (THỨ NHỨT)

Tôi nay nghe thấy như vậy:  
Hôm nay kết tập *Kinh* này không sai.  
Một thuở nọ, **Như Lai** Tôn Chủ  
Ở tại rừng *Song thụ Ta la*  
Thuộc vùng thành *Câu Thi Na*  
Cùng đại *đệ tử* đều là *Tỳ kheo*  
Tám muôn *ức* trăm ngàn ước lượng  
Bậc *La Hán* đại tượng lành thay!  
Vào ngày trăng rằm tháng hai  
Trời vừa ló mọc sao Mai lu dần.  
**Đức Thế Tôn** sắp gần an nghỉ  
Nhập *Niết Bàn* dưỡng trí phương xa.  
**Phật** dùng *thần lực* vang ra  
Tiếng lớn rúng động gần xa trời người,  
Thông đến chốn cõi trời *Hữu Đảnh*

Tùy ngôn ngữ, *tánh, hạnh* mỗi loài.  
 “Phát truyền lời dạy sâu dày  
 Đấng *Vô Thượng Sĩ, Như Lai, Phật Đà,*  
 Lòng thương mến *Ta-bà* bốn loại,  
 Luôn chở che hết thảy *chúng sinh,*  
 Xem như con đẻ của mình  
 Ngôi nhà rộng lớn chứa tình sâu xa,  
 Đồng như **La Hầu La** chẳng khác,  
*Tâm từ bi đại giác* thânh thàng.  
**Thế Tôn!** Sắp nhập *Niết Bàn* !  
 Tất cả *đại chúng* nghi nan chỗ nào.  
 Nay cho phép trước sau gạn hỏi  
 Đây cũng là lần cuối trong đời!”  
 Lúc đó, *sáu căn Phật* thời  
 Các thứ ánh sáng rạng ngời phóng ra.  
 Những ánh sáng hợp hòa màu sắc:  
 Xanh, đỏ, vàng, rờn rạc trắng tinh  
 Tợ như pha-lê đẹp xinh  
 Chiếu khắp các cõi *ba nghìn đại thiên,*  
 Cũng lại chiếu *vô biên* thế giới  
 Nói tốt cùng soi tới mười phương.  
 Chúng sinh sống trong *sáu đường*

Nếu ai gặp đặng ánh dương **Phật Đà**  
Chiếu đến mình thời là hưởng phước  
Tất cả tội, *phiền trước* tiêu trừ.

Cùng nghe tuyên bố **Phật Từ**,  
Rầu lo, buồn tủi, trời người lệ rơi:

“Than ôi! Nay cõi đời trống rỗng  
Chẳng còn gì hy vọng nữa rồi,

*Từ Phụ* lia hấn mọi loài  
Không ai dìu dắt khổ thay vô cùng!”

Lúc đó, khắp núi sông *đại địa*  
Đều chấn động bốn phía lan dần

Các chúng sanh bảo nhau rằng:

“Chúng ta cố nén tinh thần buồn đau  
Phải nhanh chơn mau mau kịp đến  
Rừng *Ta la Song thọ* lệ ngay,

Đảnh lễ **Thế Tôn Như Lai!**

Cầu thỉnh **Đức Phật** kéo dài thời gian.

Xin đừng nhập *Niết Bàn* quá ngắn  
Cho chúng con phước đặng thọ dài

Thế gian vắng **Phật** một ngày  
Những *ác nghiệp* tạo sâu dày khổ lao.  
Mọi người truyền nói nhau sự thật

Các Ngài đến hầu **Phật** một lần.

Rồi lại buồn tủi khóc than!

**Như Lai** sao nhập *Niết Bàn* quá nhanh:

“Thế gian này mỏng manh trống rỗng!

Kể từ đây vắng bóng **Như Lai** !

Không nơi nương tựa lạc loài

Lấy ai thờ phụng, đêm ngày dạy khuyên,

Thân trôi dạt không thuyền cứu hộ,

Chịu cút côi ai độ tai qua.

Một mai xa đấng *Cha già*

Bậc *Vô Thượng Giác* thật là cao thâm,

Nếu có chỗ nghi lầm tạo lỗi

Chúng ta đây bạch hỏi cùng ai?”

Bấy giờ, Tỳ Kheo các ngài

Xứng danh *Thích Tử, Pháp tài* sâu xa

**Ca-Chiên-Diên Ma-Ha Tôn Giả,**

**Bạc-Câu-La, Ưu-Ba-Nan-Đà ...**

Tám trăm vạn vị đều là

Chứng đặng *vô lậu A-La-Hán* thành,

Tâm *tự tại, bất sanh bất diệt,*

Chỗ tu hành đoạn tuyệt não phiền,

*Điều phục* sáu căn tịnh yên,

Có oai đức lớn phước duyên dư thừa.  
 Sáng hôm ấy, trời vừa lổ mọc  
 Các ngài đang nhả lá lành dương  
 Thấy ánh sáng chiếu lạ thường  
 Chạm vào thân thể tâm dường xót xa  
 Khấp trên người mình da rợn óc,  
 Máu nổi đỏ màu *Ba-la-xa*,  
 Đôi mắt ngấn lệ tuôn ra  
 Như điềm báo trước **Phật Đà tịch viên**.  
 Dạ bồn chồn không yên lo lắng,  
 Vì Chúng sanh còn nặng thương yêu,  
 Sợ mai không người dắt dìu,  
 Thành tựu hạnh *quả* cao siêu **Đại Thừa**,  
 Muốn hiển phát sao vừa *pháp Phật*,  
 Đủ *phương tiện* bí mật **Như Lai**,  
 Làm cho *lợi lạc* muôn loài  
 Cầu **Phật thuyết pháp** mầu thay không ngừng  
 Và cũng muốn gieo *nhơn duyên* lớn  
**Giác** Chúng sanh qui hướng đường lành,  
 Nên các Ngài bước thật nhanh  
 Đến chỗ **Đức Phật** tâm thành thiết hơn,  
 Cúi đầu lạy dưới chơn *Từ Phụ*,

Nhiều quanh **Phật** đến trăm ngàn vòng.  
 Xong rồi cung kính một lòng  
 Lặng yên tịnh tọa chờ trông **Phật** truyền.

**Bấy giờ,**

*Tỳ Kheo Ni Thiện Hiền* cũng đến  
 Và **Hải Ý, Ưu Ba Nan Đà ...**

Sáu mươi ức vị đều là  
 Đại A La Hán *Tăng Già* xứng danh.  
 Vào buổi sáng trời thanh ló mọc,  
 Toàn thân đều rỏ óc thịt da,  
 Màu đỏ như *Ba La Xa*,  
 Đôi dòng lệ đổ tuôn ra hai hàng.  
 Lòng ưu buồn bàng hoàng trong dạ,  
 Vì lợi ích cho cả Chúng sanh.

Các *Tỳ Kheo Ni* tâm thành  
 Vội đến chỗ **Phật** Cha lành **Thích Ca**.

Quỳ dưới chơn **Phật Đà** cúi lạy  
 Nhiều quanh **Phật** đến trăm ngàn vòng.  
 Xong rồi cung kính một lòng  
 Yên lặng tịnh tọa chờ trông lời vàng.  
*Tỳ Kheo Ni* hiện đang có mặt



Là những vị chứng bậc **Ma Ha**  
**Bồ Tát Thập Địa** vượt qua,  
 An trụ **bất động** thật là thành danh.  
 Vì muốn **độ** chúng sanh **thị hiện**  
 Thân phụ nữ **luân chuyển tùy duyên**,  
 Nhưng thường **tu** theo **bốn nguyên**  
**Từ, Bi, Hỷ, Xả** vô biên không lường.  
 Đặng tự tại mười phương **thù thắng**  
 Có thể **biến** làm đấng **Phật Đà**. (Lạy)

Bấy giờ, có một **Hằng sa**  
 Thập Địa **Bồ Tát** rất là số đông.  
 An trụ tâm **hư không** bất động,  
 Phương tiện **quyền** ứng dụng hiện thân.  
 Danh hiệu các vị **Thánh nhân**  
 Không sao kể hết lược phân vài người.  
**Vô Tận Ý** hay thời **Hải Đức** ...  
 Đều là bậc **đạo lực** đứng đầu  
 Các Ngài kính trọng pháp mầu  
 Luôn luôn ưa thích, hiểu sâu Đại Thừa.  
 Khéo **tùy thuận** thế gian tất cả  
 Lập **thệ** rằng: Độ hóa muôn loài.

“Những ai chưa *giải thoát* đây  
Sẽ làm cho đặng một ngày *viên dung*.  
*Vô lượng* kiếp ở trong quá khứ  
Thường tu trì *pháp giới tịnh thanh*,  
*Nguyện* đem những chỗ đã thành  
Dạy lại kẻ khác thực hành như y,  
Mãi nối truyền duy trì *Tam Bảo*  
Chẳng để mất *Chánh giáo* thật chân,  
Sau này sẽ *Chuyển Pháp Luân*  
Dùng mọi *công đức* tự *trang nghiêm* mình,  
Xem Chúng sanh như tình phụ tử,  
Đứa con một bảo giữ hằng ngày.  
Các vị Đại **Bồ Tát** này  
Vào lúc dậy sớm ban mai hừng trời  
Gặp ánh sáng **Phật** thời chiếu đến  
Khắp cả mình rỏn óc nổi da  
Màu đỏ như bông *Ba-La*  
Đôi mắt đầy lệ thấm nhòa hoen mi.  
Lòng đau xót kể chi thân xác,  
Vì muốn cho lợi lạc chúng đồng,  
Thành tựu hạnh *Đệ Nhất Không*,  
Đại Thừa hiển pháp khắp trong trời người,

**Pháp** phương tiện ẩn nơi bí mật  
 Của **Thế Tôn Đức Phật** không hai,  
 Các cuộc *thuyết pháp* kéo dài  
 Chẳng thể dứt hẳn một ngày thế gian,  
 Làm *nhơn duyên* cho hàng Sanh chúng  
 Nên các Ngài đây cũng nhanh chơn  
 Đến chỗ **Đức Phật** thi ơn,  
 Cúi đầu lễ lạy thiết hơn tâm thành,  
 Trăm ngàn vòng nhiều quanh *Từ Phụ*  
 Rồi chấp tay an tọa một bên. (Lạy)

Bảy giờ, có hai Hằng sa  
 Vị *Ưu-Bà-Tắc* tại gia lòng lành  
 Thọ *Tam Quy* thường hành *Ngũ Giới*.  
 Ngài Oai Đức, Thiện Đức .v.v...  
 Làm bậc *Thượng Thủ* chúng nhân  
 Đây đủ *tế hạnh* vẹn phần *oai nghi*.  
 Tất cả đều xét *tri, quán sát*  
 Sâu các môn *thọ, lạc, khổ, vui*,  
*Thường, vô thường* hiểu thông rồi,  
*Tịnh* hay *bất tịnh* đồng thời nhận ra,  
 Hoặc có *ngã* hay là *vô ngã*,

*Thiệt, bất thiệt* đều đã thấu tri,  
 Hoặc *Quy y, Phi Quy y*,  
 Chúng sanh thật có, không thì Chúng sanh,  
*Hằng, phi hằng* biết rành sự lý,  
 An, phi an, *hữu vi, vô vi*,  
*Đoạn, bất đoạn* tận tường tri,  
**Niết Bàn** thiệt chứng hay Phi Niết Bàn,  
*Tăng thượng mạn* hay *phi Tăng thượng*  
 Nói chung pháp vô lượng .v.v ...  
 Cũng muốn lãnh hội cao thâm  
**Vô thượng** Pháp **Phật** tối năng Đại thừa  
 Nghe rồi giảng lại cho người khác  
*Giới luật* gìn chứng đạt đạo vàng,  
 Khát ngưỡng *Phương Đẳng* mở mang  
 Tự mình đầy đủ, thế gian đủ đầy,  
 Khéo *nhiep thủ* miệt mài *trí huệ*,  
*Tùy thuận* theo *Tục đế* giảng bày,  
 Độ người chưa tỉnh cơn say,  
 Dạy người chưa *ngộ* thấu ngay đạo mầu.  
 Giống *Tam Bảo* gieo sâu bất diệt  
 Đời đời không đoạn tuyệt gốc *căn*  
 Nguyện sau này *Chuyển Pháp Luân*

Trang nghiêm tự tại *pháp thân* hoàn toàn,  
 Tâm các vị *giới đàn* siêu xuất,  
 Nên thành tựu công đức *quang minh*  
 Phát tâm *đại bi* đẳng bình  
 Chúng sanh con một của mình không hai. (**Lạy**)

Sáng hôm ấy, các Ngài chuẩn bị  
 Mỗi người đem vạn bó gỗ thơm:  
 Nào *chiên đàn*, thiên mộc hương,  
*Ngưu đầu, trầm thủy* ... tính lường hết đâu.  
 Do thân lực nhiệm màu **Đức Phật**  
 Các gỗ thơm tỏa sắc nhiều màu  
 Xanh, vàng, đỏ, trắng đẹp bao,  
 Hoa sen trang trí không sao diễn bày,  
 Những lá *phan* mịn dày *ngũ sắc*,  
 Xe chở bằng *thất bảo* trang hoàng,  
 Tứ mã hùng dũng hiên ngang,  
 Trang trí tàng lọng che giăng tụi màn,  
 Tràng hoa kết bạc vàng ngọc báu,  
 Nào *kim cương, mã não*, trân châu.  
 Chiếu sáng rực rỡ đủ màu,  
 Ong đen đủ loại họp nhau bu đầy.

Trong tràng hoa vang vầy ra tiếng  
 Đủ *pháp âm* thuyết diễn vô thường,  
 Khổ, *không*, vô ngã diệu phương,  
 Thuật lại *đạo hạnh* kiên cường trước đây  
 Của **Bồ Tát** các ngài chứng đạt,  
 Vì Chúng sanh giải thoát sáu đường.  
 Lại có âm nhạc du dương  
 Hòa tấu thành điệu nổi buồn than ôi!  
 “Khổ thay! Thế gian rồi trống rỗng  
 Vắng **Thế Tôn** hy vọng còn gì?  
 Trước cơn tử biệt chia ly  
 Dầu lòng ngộ giác cũng bi thương sâu”.  
 Mỗi xe đều dẫn đầu một vị  
 Ưu-Bà-Tắc *Cư Sĩ thiện nam*  
 Bưng hương án làm bằng vàng,  
 Trầm xông thượng hạng thơm lan ngút trời,  
 Chưng các hoa đủ thời màu sắc,  
 Để *cúng dường Đức Phật* Chư Tăng.  
 Các vị *Cư Sĩ* tại trần  
 Chuẩn bị dự sắm thức ăn sẵn sàng,  
 Nấu bằng củi *Chiên đàn*, trầm thủy  
 Những thực phẩm hương vị ngon thay:

Mặn, lạt, ngọt, đắng, chua, cay.  
 Cùng đủ ba đức phân bày dưới đây:  
 Cơm mềm dẻo, thức ăn sạch sẽ,  
 Đúng pháp làm mọi lễ hiểu qua.  
 Đến rừng *Song Thọ Ta La*  
 Họ lấy vàng mạt rải mà khắp nơi,  
 Rồi trải gấm lụa thời trên đất  
 Rộng đo đến mười hai *do tuần*.  
 Thiết *tòa* sư tử kỳ lân  
 Kết bằng bảy báu châu trân tuyệt trần  
 Để thỉnh **Phật**, Chư Tăng an *tọa*.  
 Dem dầu thơm thoa cả rừng cây  
 Treo phan, tàng lọng phủ dài  
 Những thứ hoa quý rải bày đẹp bao  
 Khoảng giữa cây cách nhau dây đặc.  
 Các vị *Ưu-Bà-Tắc* nghĩ rằng:  
 “Tất cả Chúng sanh cõi trần  
 Nếu ai thiếu hụt đang cần thức ăn  
 Chúng tôi nguyện chia phần no đủ,  
 Nếu cần uống cho uống tức thì,  
 Cần dầu cho dầu như y,  
 Cần mắt cho mắt tiếc gì *huyễn* thân,

Bất luận người muốn cần mọi thứ  
Chúng tôi cho *tùy hỷ* sướng vui.

*Bố thí Vô úy* đời đời

*Tham, sân, si ái* tâm thời chẳng sanh.

Không hề móng cầu danh phước hưởng  
Chỉ cầu quả Vô Thượng **Bồ Đề**". (Lạy)

Do vì *nhất tâm* nguyện thề

Các vị đều đặng Bồ Đề *trụ* an.

Lòng tự nghĩ âm thầm chơn thật:

“Ta cúng dường **Đức Phật** hôm nay

Thọ thực xong rồi sau đây

**Thế Tôn tịch diệt Như Lai** Niết Bàn”.

Vừa nghĩ đến bàng hoàng rợn óc

Cả mình đều máu nổi trên da

Màu đỏ như bông Ba-la

Đôi mắt ngấn lệ chan hòa bi thương.

Giờ đến lúc cúng dường **Đức Phật**

Những đồ dùng thực vật kính dâng

Cúi đầu lạy chơn **Phật** thân,

Đi quanh **Đức Phật** đến trăm ngàn vòng,

Tiếng khóc vang động trong trời đất



Khó đong lường nước mắt trào dâng  
 Đồng cảm than thở nhau rằng:  
 “Ta-bà vắng **Phật** muôn phần khổ thay  
*Thế gian rồi từ nay trống rỗng!*  
*Thế gian rồi từ nay trống rỗng!”*  
 Vì không tự chủ nơi lòng  
 Nhào lặn trước **Phật** thật không kể gì!  
 Vừa khóc lại vừa quỳ bịch **Phật**:  
 “Đức **Thế Tôn** chơn thật xót thương  
 Vì chúng con nhận cúng dường  
 Cũng là lần cuối ban ơn cho đời”.  
**Phật** biết chưa đến giờ thọ nhận  
 Nên điềm nhiên yên lặng *Pháp Tòa*. (**Lạy**)

Bấy giờ, có ba Hằng sa  
 Ưu-Bà-Di vốn tại gia *thọ trì*,  
 Gìn Ngũ Giới, Quy Y Tam Bảo,  
 Đủ oai nghi tướng hảo nghiêm trang.  
 Số đó tám vạn bốn ngàn  
 Đều là Thượng Thủ cho hàng tục gia:  
 Bà **Thọ Đức** rồi bà **Đức Mạn**,  
**Tỳ-Xá-Khư** danh hiệu .v.v...

Chư Ưu-Bà-Di thoát trần  
Hộ trì **Chánh Pháp** xả thân chẳng màng.  
Vì độ Chúng phàm gian thị hiện  
Tướng phụ nữ luân chuyển nhiều đời.  
Thường chê trách gia pháp thời,  
Tự xem mình nhẹ kiếp người mỏng manh,  
Như rắn độc hôi tanh chứa đựng,  
Thân này làm cho những món ăn  
Vô số vi trùng gặm dần,  
Là sự nhớ nhục tham sân buộc ràng,  
Chịu chôn nhất tù giam tội lỗi,  
Mãi ở trong bóng tối **vô minh**,  
Thật đáng ghét, thật đáng khinh,  
Khác gì chó nọ chết sinh trôi sông,  
Bao chất dơ chứa trong chín lỗ,  
Ngày hay đêm tuôn đổ xiết chi,  
Thân này như thể thành trì :  
Ngoài da bao bọc, trong thì gân xương.  
Vật bất tịnh khó lường tính kể,  
Tay chân là gậy gộc đỡ nâng,  
Đôi mắt chỗ hở sâu ngàn,  
Đầu là cung điện ngự phần **tâm vương**.

Những ác quỷ tham gian, dâm dục,  
 Hay *hận sân* dấy đục não phiền,  
 Óan thù, ghen ghét triền miên,  
*Si mê, tà kiến* đảo điên trong thành.  
 Đây là chỗ bất lành, Chư **Phật**  
 Đã vất bỏ mọi vật lâu nay.  
*Phàm phu* ngu dại mê say  
*Chấp* tâm huyền giả sống dài bền lâu.  
 Như cây chuối, cọng lau yếu ớt,  
 Không khác gì bọt nước sương đêm,  
 Thân vô thường chẳng ấm êm,  
*Niệm niệm* vui khổ nối liền xen nhau.  
 Tợ suối nước trên cao dốc đổ,  
 Ví củi hết lửa đỏ rụi tàn.  
 Thân này đến lúc hoại tan,  
 Làm mỗi lũ kiến ruồi lặn bu quanh.  
 Là người trí thiện lành suy gẫm  
 Chẳng có ai tham đắm thân này.  
 Dem hết nước biển chứa đầy  
 Dấu chân trâu ngựa việc này dễ hơn,  
 Thân vô thường khó lường kể hết  
 Sự nhớ nhiệm không biết dường bao.

Nếu vò nhỏ quả địa cầu  
 Tợ bằng hạt bụi không sao dễ làm,  
 Cũng dễ hơn thân phàm *tứ đại*  
 Khó lường đặng tai hại khổ chầy.  
 Thế nên nhàm bỏ thân này  
 Như bỏ đằm mũi ra ngoài xác thân.  
 Vì *quán chiếu* những nhân duyên ấy,  
 Các Ưu-Bà-Di đấng thường hành  
*Pháp Không, Vô tướng* đạt thành,  
*Vô nguyện* đoạn dứt diệt sanh não phiền.  
 Các Bà thích năng siêng học hỏi  
*Kinh Đại Thừa* tầm hiểu rộng xa,  
 Thủ hộ Chánh Pháp **Phật Đà**,  
 Có thể thuyết giảng dạy qua người tường  
 Dù hiện thân đời thường phụ nữ,  
 Nhưng đã là **Bồ Tát** Ma-Ha,  
 Khéo hay tùy thuận Ta-bà.  
 Độ người chưa độ thật là khó khăn,  
 Dạy những ai ăn năn *giác ngộ*  
 Chưa được hiểu Pháp độ truyền khai.  
 Nói giòng Tam Bảo lâu dài  
 Đời đời chẳng mất, tương lai sau này

Chuyển Pháp Luân bốn loài *giáo hóa*,  
Dùng trang nghiêm để tự trang nghiêm.  
Đối với Chúng sanh phát nguyện  
Đại bi bình đẳng dạy khuyên chí tình.  
Ngày hôm ấy, bình minh rạng sáng  
Rừng *Ta la* còn áng mây trời  
Các Bà *hòa hợp* nhiều người  
Đồng đến chỗ **Phật** dâng thời thức ăn.  
Cúi đầu lễ dưới chân **Đức Phật**  
Đi nhiều quanh đến trăm ngàn vòng.  
Xong rồi bạch **Đức Phật** rằng:  
“Chúng con sắp sẵn thức ăn cúng dường  
Mong **Thế Tôn!** Xót thương thọ nhận”  
Đã ba phen cầu khẩn bạch trình  
Mà **Đức Phật** vẫn lặng thinh  
Các bà than thở phận mình lệ sa. (**Lạy**)

Bấy giờ, nơi thành *Tỳ Gia*  
Các hàng quyến thuộc trẻ già, gái trai  
Dòng *Ly-Xa* lâu dài danh tiếng  
Các hoàng tộc thân quyến quốc gia,  
Vì cầu Chánh pháp **Phật Đà**

Huấn tu *giới hạnh* thật là lành thay!  
*Tứ Oai Nghi* trong ngoài đầy đủ,  
 Đẹp các môn đệ học *thần quyền*  
 Làm tổn hại *Pháp Phật* truyền.  
 Họ thường tâm đắc bảo khuyên nhau rằng:  
 “Chúng ta phải nên cần sử dụng  
 Dùng vàng bạc kho đụn của mình  
 Làm cho thâm áo *Tạng Kinh*  
 Chánh pháp còn mãi giữ gìn đời sau.  
 Nguyện chúng ta nâng cao trí sáng.  
 Nếu có ai phỉ báng ngạo cười,  
 Khinh chê Chánh pháp *Phật* thời  
 Hãy nên cắt lưỡi của người đó ngay”.  
 Họ lại nguyện rằng ai nghe thấy  
 “Người *xuất gia* phạm phải *giới* răn,  
 Dù là *Đại đức* Cao Tăng  
 Bắt họ *hoàn tục* làm thân nô tỳ.  
 Còn những bậc hộ trì *Pháp Phật*  
 Giới đức gìn tịnh vật sạch trong,  
 Chúng ta kính trọng hết lòng  
 Xem như cha mẹ dày công sanh thành.  
 Nếu chư Tăng *tu hành* Chánh pháp,

Phải *tán thán* phù hạp *trợ duyên*

Giúp họ tự do toàn quyền

Đi lại giáo hóa dạy khuyên nhưn loài”.

Những hoàng tộc này đây tâm nguyện

Rất thích nghe *kinh điển Như Lai*

Đại Thừa Phương Đẳng không hai,

Và cũng có thể giảng bày cao thâm

Cho những người *tín tâm* đủ phước

Pháp Đại thừa đã được nghe qua.

Tất cả thành tựu *lợi tha*

Những công đức ấy thật là vô biên.

Danh hiệu các Vua hiền *Đại Sĩ*:

- **Tịnh Vô Cấu Tạng Ly Xa Tử,**
- **Tịnh Bất Phóng Dật Ly Xa Tử,**
- **Vô Cấu Tịnh Đức Ly Xa Tử**

Rất nhiều Vương Tử .v.v...

Không thể diễn tả quyến thân đông vậy.

Họ bảo nhau đến ngay chỗ **Phật**

Mang vô số đồ vật khôn lường

Châu minh nguyệt, gỗ trầm hương . .

Chở bằng xe báu tượng vương hàng hàng,

Trang trí xe lọng phan treo phủ,  
 Rừng Ta la hội tụ ứng hầu,  
 Đồng lòng quỳ phục cúi đầu  
 Nhiều quanh **Đức Phật** đến trăm ngàn vòng,  
 Rồi bạch rằng: **Thế Tôn! Thiện Thệ!**  
 Chúng con là gia thế vì Vương  
 Sấm đủ phẩm vật cúng dường  
 Ngưỡng mong **Đức Phật** xót thương nhận dùng”.  
**Phật** yên lặng cũng không hứa nhận.  
 Các hoàng tộc chẳng đặng toại nguyện,  
 Lòng rất buồn tủi ưu phiền,  
 Tự trách mình thiếu phước duyên chẳng là?  
 Do thần lực **Phật Đà gia hộ**  
 Họ bay cao ước độ không xa  
 Cách đất bảy cây **Đa la**  
 Ngồi yên lặng trụ giữa tòa hư không. (**Lạy**)

**Bấy giờ,**

Có vô số Đại Thần **Trường giả**  
 Kính trọng Pháp, **Đạo** cả siêu nhiên  
 Dẹp trừ dị giáo ngoại truyền,  
 Như mưa đá đổ nát nghiền cỏ cây.



Có các ông *Nhật Quang* Trưởng giả  
 Và *Hộ Thế* Trưởng giả xứng danh,  
*Hộ Pháp* Trưởng giả .v.v...  
 Là bậc Thượng thủ trong hàng Chúng nhân.  
 Họ sắm đủ thức ăn tốt nhất  
 Dưng cúng dường **Đức Phật, Thánh Tăng**.  
 Cúi đầu lễ lạy **Phật** thân,  
 Nhiều quanh **Đức Phật** đến trăm ngàn vòng.  
 “Bạch **Thế Tôn** mở lòng thương xót  
 Nhận cúng dường lần chót hôm nay”.  
**Thế Tôn! Ứng Cúng! Như Lai!**  
 Cũng không hứa nhận. Pháp đài trụ yên.  
 Các Trưởng giả ước nguyện chẳng toại  
 Lòng tủi buồn lệ chảy đầm chan.  
 Nhưng nhờ Thần lực **Phật** ban  
 Họ bay cao khoảng bảy hàng *Đa la*  
 Rồi an trụ giữa tòa *không giới*  
 Tâm định thiền chẳng khởi niệm gì. (**Lạy**)  
 Bảy giờ, thành *Tỳ-Xá-Ly*  
 Cùng các Vua khác trị vì muôn dân,  
*A-Xà-Thế*, phu nhân, thần tử,

Mỗi Vua cùng thê thiếp hoàng thân,  
 Sắm đủ trăm món thức ăn  
 Cúng phẩm thượng hạng đến rừng Ta la.  
 Đồng lễ bái **Phật Đà** cúi lạy:  
 “Bạch **Thế Tôn!** Hà hải xót thương,  
 Hôm nay chúng con lo lường  
 Nguyệt dâng thực phẩm cúng dường **Tôn Sư**.  
 Mong **Như Lai** đại từ bi nhận  
 Cho chúng con nay dâng phước thêm”.

**Đức Phật** lúc đó lặng yên  
 Tự biết chưa phải *túc duyên* nhận dùng.  
 Các vị Vua và cùng thân quyến  
 Không được như ý nguyện *sở cầu*  
 Trong lòng buồn khổ lo âu  
 Tìm chỗ an tọa dạ sâu xiết chi. (**Lạy**)

Bấy giờ, vô số vì **Thiên Nữ**  
 Đứng đầu là **Quảng Mục** hiệu danh  
 Thiên Nữ bảo chị em rằng:  
 “Xem kìa! Hạ giới cõi trần hôm nay  
 Cả đại Chúng sắm bày lễ vật  
 Đến cúng dường **Đức Phật**, Thánh Tăng.

Chúng ta không nên chậm chân  
Mau đem phẩm vật kính dâng **Phật Đà**,  
**Phật** thọ xong chắc là tịch diệt.  
Chị em ta đều biết rõ rằng  
Gặp **Phật xuất thế** khó khăn,  
Cúng **Phật** lần cuối lại càng khó hơn.  
Nếu **Phật** nhập Niết Bàn nhanh chóng  
Thời thế gian trống rỗng khổ thay!”  
Hàng Thiên Nữ vô số đây  
Quy y Tam bảo *giới trai* vẹn gìn,  
Đủ oai nghi, đức tin kiên nhẫn  
Luôn hộ trì Phương Đẳng mở mang,  
Tùy thuận tất cả thế gian  
Độ người chưa độ, xua tan mây sâu,  
Dạy những ai Pháp mầu chưa hiểu  
Sớm tu hành *trí* liễu *huệ* khai,  
*Chuyển Pháp Luân* đời vị lai,  
Thương yêu bình đẳng bốn loài Chúng sinh,  
Đại trang nghiêm quang minh cao tột  
Xem Chúng sinh con một của mình.  
Vì muốn lợi lạc *hàm linh*  
Hạnh **Đệ Nhất Nghĩa** chơn minh đạt thành,

*Hiển giáo* pháp mưa lành vạn vật,  
 Mở diệu phương bí mật **Như Lai**,  
 Cầu **Phật** trụ thế lâu dài  
 Các cuộc *thuyết pháp* hồng khai mãi hoài,  
 Nên Thiên Nữ sắm bày phẩm vật  
 Đồ tịnh thanh tốt nhất cõi trời,  
 Những xe báu quý tuyệt vời,  
 Phan lọng, kỷ nhạc, rải thời hương hoa,  
 Cùng đến rừng Ta la hạp mặt  
 Đầu cúi lạy chơn **Phật** nhiều quanh  
 Trăm ngàn vòng, tâm kính thành:  
 “Ngưỡng mong Thiện Thệ Cha lành **Thích Ca !**  
 Vì chúng con **Phật Đà** thọ nhận  
 Phần cúng dường thù thắng sau cùng”.  
**Đức Phật** tịnh tọa ung dung  
 Cũng không hứa nhận trong lòng lặng yên.  
 Chúng Thiên Nữ sở nguyện chẳng được  
 Lòng rất buồn lần lượt ngồi yên.     **(Lạy)**  
 Bảy giờ, Vua Trời vô biên,  
*Thiên Vương bốn vị, Thiện Thân* rất đông,  
 Vị đứng đầu ở trong *Thiên Đế*

**Tỳ-Sa-Môn** hộ thế thường thường  
 Và vô số các **Long Vương**  
 Đồi đồi Hộ Pháp xiển dương Ta-bà:  
**Hòa-Tu-Kiết, Nan-Đà** danh vị,  
**Bạt-Nan-Đà** thượng trí cao cường;  
**Kim-Sí-Điểu** số khôn lường  
 Đại diện hàng **Oán Điểu Vương** quản quyền;  
**Càn-Thát-Bà, Chư thiên** âm nhạc  
 Làm thượng thủ **Na-La-Đạt** Vương;  
 Vô số **Khẩn-Na-La** Vương  
 Có ngài **Thiện Kiến** thần vương đứng đầu;  
**Ma-Hầu-La-Già** đông vô số  
 Đại Thiện Kiến Thượng Thủ hiệu danh;  
 Vô số **A-Tu-La** Vương  
 Ngài **Viêm Bà Lợi** cao cường bậc trên;  
 Trong thế giới Tam Thiên rộng lớn  
 Các loài đây vô lượng khó lường,  
 Hằng sa **Đà-Na-Bà** Vương,  
**Vô Cấu Hà Thủy, Bạt Đề Đạt Đa**  
 Hai vị này đồng là thượng thủ  
 Luôn bảo vệ **Pháp Phật** miên trường;  
 Vô số **La-Sát** khôn lường

Có vị **Khả Úy** Chủ Vương dẫn đường:  
Thọ **Lâm Thân Lạc Hương** thượng thủ,  
Nào **Hải Thần** đầy đủ **Hà Thần**,  
Tri **Chú Vương** số vô ngân  
**Đại Huyễn** thượng thủ quyền năng tột cùng,  
**Thiện Kiến Vương** đứng đầu **Quỷ Mị**,  
**Bạch Thấp Vương** thống trị **Quỷ Vương**,  
**Sư Tử Vương** đông không lường,  
**Tượng Vương** cũng vậy, **Điều Vương** hằng hà,  
**Vân Vũ Vương** thật là khó kể,  
Rồi **Ngưu Vương** cùng với **Phong Vương**  
Thần Tiên khắp cả mười phương  
Họ đều vân tập đến rừng Ta la.  
Để cúng dường **Thích Ca Tôn Chủ**  
Nào phẩm vật đầy đủ hương, hoa.  
**Như Lai** an tọa **Pháp Tòa**  
Cũng không hứa nhận thốt ra lời nào.  
Đại Chúng đây buồn đau thân phận  
Đồng ngồi yên tâm chẳng nghĩ gì. (**Lạy**)  
  
Chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni  
Thảy đều họp mặt hội qui rừng già

Thiếu hai Ngài **Ma Ha Ca-Diếp**,  
**A-Nan-Đà** bận việc phương xa.  
Hôm ấy toàn rừng Ta la  
Bỗng đổi màu trắng thật là lạ thay!  
Tợ như lông của loài bạch hạc  
Điềm **Như Lai** thường lạc Niết Bàn.  
Có tòa Thất Bảo rõ ràng  
Hiện ra giữa chốn không gian sáng lâu,  
Dưới tòa nhà có ao suối chảy,  
Đầy hoa sen xinh tốt đủ màu,  
Như vườn **Hoan Hỷ** khác nào  
Thiên Cung **Đạo Lợi** không sao tả bày.  
Rừng Ta La phút giây sáng rực,  
Thành trang nghiêm hết sức khác thường.  
Trời Đế Thích, Tứ Thiên Vương  
Sáu cõi **Dục Giới, Thiên Đường** nói chung  
Đem phẩm vật tốt cùng quý nhất  
Mong Từ Bi oai **Phật** xót thương  
Lần cuối cùng nhận cúng dường  
Ân của **Đức Phật** lớn dường sâu xa,  
Được thành tựu **thí Ba La Mật**  
Lời thỉnh cầu chân thật tâm nguyện.

Lúc đó **Thế Tôn** điềm nhiên  
 Cũng không hứa nhận *toạ thiên* lặng yên.  
**Đại Phạm Thiên**, Chư Thiên *Sắc giới*  
 Đồng vân hành đến rừng Ta La  
 Phẩm vật cõi Sắc bày ra  
 Cúng dường **Đức Phật** thiết tha cầu nguyện  
**Như Lai** vẫn lặng yên không nhận  
 Tất cả đều chẳng đặng toại nguyện  
 Lòng không vui, dạ tủi phiền  
 Chư chúng lặng lẽ ngồi yên lần lần.  
 Bấy giờ, **Ma Ba-Tuần** Vương Chủ  
 Cùng quyến thuộc hội tụ họp bàn  
 Đồng nhau mở cửa ngục đàng  
 Dùng nước thánh tịnh rưới ban chốn này,  
 Bảo đại Chúng rằng nay sự thật  
 Các người nên niệm **Phật Như Lai**  
**Ứng Cúng Thiện Thệ Đức Ngài**,  
 Tùy hỷ sắm sửa lễ bày cúng dâng  
**Đức Thế Tôn!** Đây lần sau cuối  
 Đặng an vui phước lợi muôn phần.  
 Liên sau đó, Ma Ba-Tuần  
 Dẹp bỏ gươm giáo .v.v... tức thời,



Những độc cụ ở nơi *địa ngục*,  
 Cùng làm cho giây phút mưa giăng  
 Dập tắt ngọn lửa cháy hừng  
 Không còn nóng bức các tầng ngục âm.  
**Ma Vương** lại phát tâm truyền lệnh  
 Cho toàn thể gia quyến quần ma  
 Đều buông bỏ binh khí mà  
 Rồi mang phẩm vật hương hoa tuyệt trần  
 Rừng Ta La cúng dâng **Đức Phật**  
 Cúi đầu lạy thành thật trình thưa:  
 “Chúng con từ nay thích ưa  
 Gìn giữ Chánh pháp Đại Thừa **Như Lai**.  
 Bạch **Thế Tôn!** Con nay thề giữ.  
 Nếu Chúng sanh nam, nữ cõi trần  
 Vì cúng dường **Phật, Pháp, Tăng**,  
 Hay vì sợ hãi tinh thần không yên,  
 Vì phỉn người, vì tiền *lợi dưỡng*,  
 Tùy theo người tin tưởng hay chẳng.  
 Đại thừa thọ lấy tu thân,  
 Hoặc *chơn*, hoặc *ngụy* không cần biệt phân,  
 Chúng con truyền *chú*, năng trừ diệt  
 Nỗi sợ hãi dứt hết trong lòng:

**“Sá chỉ, trá trá la sá chỉ,  
Lô ha lệ, ma ha lô ha lệ,  
A la, giá la, đa la, tóa ha”.**

Bài chú này *công năng* hiệu quả  
Làm cho người tâm dạ điên cuồng,  
Người kinh sợ luôn lo buồn,  
Người đương *thuyết pháp* mở đường độ sanh,  
Người chẳng mất căn lành **Phật Pháp**  
Đều an vui, phù hạp mọi loài.

Vì hàng phục *ngoại đạo* đây,  
Bảo vệ gìn giữ nài tai cho mình,  
Và hộ trì quang minh Chánh Pháp  
Kinh Đại Thừa phổ cập hoằng khai  
Mà chúng con truyền chú này  
Trước **Phật** không thể dối sai thệ nguyện.  
Nếu người nào thường xuyên  *tinh tấn*  
Trì chú này thì đặng bình an,  
Không sợ Sư tử, sói lang  
Vào nơi ở chốn rừng hoang, đầm lầy.  
Thoát khỏi nạn tai bay họa gửi,  
Nào thiên tai nước lửa mất thân,  
Bức bách hình phạt quan quân

Hay bị trộm cướp tiêu tan cửa nhà.

Bạch **Thế Tôn! Phật Đà** chứng giám

Những việc trên không dám trái lời.

Ai trì bài Chú này thời

Con nguyện ủng hộ trọn đời thối lai.

Ngưỡng mong **Đức Như Lai** thương xót

Nhận cúng dường lần chót ban ân”.

**Phật** bảo Ma Vương Ba Tuần

Rằng: “**Ta** không nhận thực phần cúng dâng

Mà chỉ nhận Chú Thần người nói

Vì lợi ích hết thảy Chúng nhân”.

Ma Vương thỉnh cầu ba lần

**Đức Phật** không hứa tịnh thân điềm nhiên

Ma Ba-Tuần toại nguyện chẳng được

Lòng rất buồn lần lượt ngồi yên. (**Lạy**)

Bấy giờ, **Đại Tự Tại Thiên**

Vô lượng Thiên chúng tâm nguyện cùng nhau

Sấm phẩm vật tối cao *vi diệu*

Hơn hẳn nhiều trong cõi trời người

Và đã lược thuật trước rồi,

Phẩm vật Đế Thích sánh thời đặng đâu

Như khối mộc khó hầu đem đổi  
Đống ngọc châu sáng chói chiếu ngời,  
Một cây lọng báu nhỏ thôi  
Có thể che phủ bầu trời Đại thiên.  
Rừng Ta La chim thiên im tiếng,  
Mây đỡ chơn hòa quyện đến nơi  
Dâng phẩm vật nhất cõi trời  
*Ứng Cúng, Thiện Thệ* thoát đời trầm luân,  
Đầu cúi lạy dưới chân **Đức Phật**  
Đi nhiều quanh đến trăm ngàn vòng  
Lễ bày thành kính vừa xong  
Bạch rằng: “Tôn Chủ mở lòng xót thương  
Những cúng phẩm tâm thường nhỏ nhặt  
So với công đức **Phật** khó bì,  
Khác nào con muỗi nhỏ thì  
Lại đem dâng cúng các vì Chư Thiên.  
Ví như bụm nước kia hạn lượng  
Đổ vào trong biển lớn không lường,  
Thắp cây đèn nhỏ soi đường  
Mà đòi so sánh trăm ngàn Thái dương,  
Cầm bông hoa vào vườn hoa nở  
Giữa mùa xuân rộ rỡ muôn hoa,

Một hột *đình lịch* kia là  
 Không làm thêm lớn cho tòa **Tu-Di**,  
 Một bụm nước ích gì biển rộng,  
 Cây đèn nhỏ so với mặt trời,  
 Một bông hoa khó sánh thời  
 Muôn hoa nở rộ rạng ngời mùa xuân.  
 Dầu mang cả báu trân, kỹ nhạc  
 Phan, lọng đầy khắp các Đại thiên  
 Khó bày số lượng vô biên  
 Cũng không xứng đáng, bốn nguyên **Phật** đây.  
 Vì sao vậy? **Như Lai** thường chuyển  
 Trong sáu đường thị hiện tướng hình  
 Địa ngục, *ngạ quỷ, súc sinh*  
 Cứu vớt bốn loại đẳng bình *dung thông*.  
 Xin **Thế Tôn!** Mở lòng thương Chúng  
 Lần cuối cùng thọ dụng thi ân”.  
**Đức Phật** điềm nhiên tịnh thần  
 Cũng không hứa nhận thức ăn cúng dường  
 Đại Tự Tại Thiên Vương tử phạm  
 Ý nguyện này chẳng đặng như lòng. (**Lạy**)  
 Bảy giờ, thế giới phương Đông

Hằng hà sa số tính không thể lường,  
**Cõi Ý Lạc Mỹ Âm Đức Phật**  
**Hư Không Đẳng** xứng bậc **Như Lai**  
*Ứng Cúng* vô thượng không hai,  
*Thế Gian Giải* ngộ chỉ bày chân tâm,  
*Chánh Biến Tri* thường hằng thấu biết,  
*Minh Hạnh Túc* vốn thiết tròn đầy,  
*Thiện Thệ* nguyện lớn sâu đầy,  
*Trượng Phu Điều Ngự* không ai sánh bằng,  
*Vô Thượng Sĩ* đức năng vòi vọi  
 Khắp *ba cõi* phước lợi cao vời,  
*Thiên Nhân Sư* thầy trời người,  
**Phật** là toàn giác đời đời **Thế Tôn**.  
**Phật** đó sống trường tồn tột bậc,  
 Bảo *đệ tử* lớn nhất của Ngài  
**Vô Biên Thân Bồ Tát** đây  
 Sớm qua Hạ giới phương Tây Ta bà  
 Hiện đang có **Thích-Ca Đức Phật**  
 Đủ mười hiệu sắp nhập Niết Bàn.  
 Cơm thơm hãy nhớ đem mang  
 Ăn vào an ổn bố ban cõi trần

Tâm chí thành kính dâng lên **Phật**  
Thọ dùng rồi sẽ nhập Niết Bàn  
Nhơn đó chiêm ngưỡng tôn nhan  
Nhờ **Phật** giảng dạy nghi nan mong cầu”.  
**Vô Biên Thân** đứng đầu **Bồ Tát**  
Vâng lời **Phật** ủy thác vừa qua,  
Vô lượng **Bồ Tát** Hằng sa  
Đồng đến chỗ **Phật** Ta La rừng già.  
Lúc ấy, cõi Ta bà *biến hiện*  
*Sáu cách động* rung chuyển lạ thường.  
Trời Đế Thích, Tứ Thiên Vương ...  
Đại chúng hội họp lo lường hải kinh,  
Thấy đất động rung rinh phút chốc  
Cổ lưỡi khô rợn óc cùng mình,  
Không còn ánh sáng quang minh,  
Mất cả oai đức sự tình vì đâu?  
Tâm bất ổn lo âu hoảng loạn  
Mọi người muốn giải tán chơn đời.  
**Văn-Thù Bồ Tát** biết thời  
Liên đứng dậy bảo: “Mọi người an tâm!  
Cách đây về phương Đông vô lượng

**A Tăng Kỳ** khó tưởng tính ra  
 Thế giới như cát Hằng hà  
**Có cõi Ý Lạc Liên Hoa Bửu Thành**  
**Hư Không Đẳng Phật** danh viên liễu  
 Trọn đủ cả mười hiệu sâu xa.  
**Có Đại Bồ Tát** Ma Ha  
**Vô Biên Thân** hiệu xứng là bậc cao  
 Cùng vô số biết bao **Bồ Tát**  
 Đồng vân hành phúc lạc đến đây.  
 Do sức thần lớn Đức Ngài  
 Làm mờ quang lực mọi người khuất đi  
 Trong giây phút tức thì trở lại  
 Chẳng sợ gì, nên phải mừng vui”.  
 Liên đó, đại Chúng mọi loài  
 Thấy Chư **Bồ Tát** hiện bày *pháp thân*  
 Nơi Quốc độ **Mỹ Âm** lai vãng  
 Như nhìn gương soi sáng mặt mình.  
**Văn Thù Sư Lợi** quang minh  
 Lại bảo đại Chúng *hữu tình* nơi đây:  
 “Mọi người thấy các ngài **Bồ Tát**  
 Cũng như thấy **Đức Phật Thích Ca**.



Nhờ *Phật lực* chiếu sáng xa  
Được thấy vô lượng **Phật Đà** chín phương”.  
Bấy giờ, tại nơi rừng Song thọ  
Đại chúng đều thấy rõ tướng Ngài  
**Vô Biên Thân Bồ Tát** đây  
Cùng với quyến thuộc sum vầy rất đông.  
Nơi mỗi lỗ chơn lông **Bồ Tát**  
Đều xuất sinh một đóa *liên hoa*,  
Mỗi hoa sen đều hiện ra  
Thành ấp số lượng bảy muôn tám ngàn,  
Rộng như thành **Tỳ Gia** chẳng khác,  
Vách thành xây thất bảo khang trang,  
Cây báu liệt liệt thẳng hàng  
Xum xuê cành lá nặng hoẵng quả hoa,  
Gió nhẹ thổi vang ra tiếng nhạc  
Những giai điệu hoan lạc vui tươi,  
Ví như tiếng nhạc cung trời  
Nhơn dân thành ấp mọi người nghe qua.  
Đặng hưởng thọ rất là vi diệu.  
Nước sạch thơm trong suốt *lưu ly*,  
Có thuyền báu bảy đưa đi

Dạo chơi, tắm gội cực kỳ sướng vui,  
Dưới hào là hoa sen lớn tợ  
Như bánh xe đua nở đủ màu  
Xanh, vàng, trắng, đỏ đẹp bao  
Theo làn gió tỏa ngạt ngào mùi hương,  
Trên bờ hào có vườn rừng kiểng  
Đủ các loài chim liệng lội bơi,  
Suối nguồn tuôn chảy không vơi  
Giống vườn Hoan Hỷ cõi trời Thiên Vương.  
Dân nơi này họ thường tâm đắc  
Cầu Đại thừa Pháp **Phật** cao sâu,  
Không nghe danh tự khác đâu,  
Trí huệ minh mẫn sáng lầu trăng gương.  
Luôn có vị **Quốc Vương** chủ quản  
Đem Đại thừa thuyết giảng độ nhơn.  
**Vô Biên Thân** đức vô cương!  
Thần lực **biến hóa** xiển dương Pháp mầu.  
**Bồ Tát** này thân cao vô lượng  
Như hư không **thật tướng** vô ngần.  
Trừ **Phật** không ai sánh bằng,  
Khó thể thấy dạng tướng thân của Ngài

**Vô Biên Thân** hiện oai thần lực  
Cùng **Bồ Tát** số ức khôn lường,  
Vô lượng báu phẩm **Phật** đường  
Thức ăn thơm diệu cúng dường **Như Lai**.  
Nếu Chúng sanh nào đây gửi được  
Mùi thức ăn hưởng phước muôn ngàn,  
*Phiên nã, lậu, trước*, tiêu tan  
Do công đức **Phật** tâm an mạnh lành,  
Các **Bồ Tát** chí thành lễ lạy  
Dưới chơn **Phật** từ ái nghiêm trang  
“Bạch **Thế Tôn** đức vô vãn!  
Mong **Phật** nhận sự cúng dường chúng con”.  
Chư **Bồ Tát** ba phen dâng bạch  
Chưa phải giờ nên **Phật** ngồi yên. (**Lạy**)

Các cõi **Phật** ở Nam phương,  
Tây phương hay cõi Bắc phương không ngần  
Cũng có **Vô Biên Thân Bồ Tát**  
Vô lượng Đại **Bồ Tát** mười phương  
Đều đến Ta La cúng dường  
Và *bốn bộ chúng* ở *Diêm Phù Đề*  
Tất cả đồng hội về nhộn nhịp

Trừ **Ma Ha Ca-Diếp, Nan-Đà.**

Vua **A-Xà-Thế** toàn gia,

A-Tu-La và thần Đà-Na-Bà

Nhẫn đến mười sáu loài thú độc

Nào rắn, rít, bò cạp, bọ hung

V.v... tất cả nói chung

Đều bỏ ác niệm khoan dung hài hòa

Xem nhau như cùng cha, cùng mẹ,

Hay chị em, huynh đệ một nhà.

Bốn loại Chúng sanh Ta bà

Tam thiên thế giới cùng là Đại thiên

Sanh lòng từ nhân hiền *chuyển hóa*

Đối với nhau như thể ruột rà,

Trừ hạng *Nhứt Xiển Đề* ra

Nhơn vật giác ngộ chung nhà Từ bi.

Hôm ấy, cả khắp thì thế giới

Do thần lực **Đức Phật** phóng ra

Biến thành trang nghiêm *Bửu tòa*

Như cõi *Cực Lạc, Di Đà* phương Tây

Trong Pháp hội hiện bày tường tất

Thế giới của **Chư Phật** mười Phương

Như thấy hình mình trong gương  
Rõ ràng cảnh vật tận tường không sai.

**Lúc ấy,**

Từ mặt **Đức Như Lai** phóng rọi  
Đủ năm màu rực chiếu sáng lò  
Bao trùm khắp rừng Ta La  
Rồi thâm vào miệng **Phật Đà** phút giây.  
Cả Chúng hội nơi này ngờ vực  
Thấy điềm nầy hết sức lạ kỳ  
Tâm lo rầu, dạ kinh nguy

Nghĩ rằng: “**Phật** sắp Tây Qui *Liên Đài*”

Nên phóng quang thâm ngay vào miệng  
Duyên cơ gì? Chắc chuyện chẳng lành  
Khổ thay! Khổ thay! Chúng sanh!.

Sao Đức Từ Phụ cội cành rời xa

Nỡ lìa bỏ chúng ta cô cút  
Thế gian rồi hết phúc, nản tai.

Mặt trời Thánh huệ từ nay

Tắt hẳn, tằm tối đọa đày sinh linh,

Thuyền **Phật Pháp** quang minh Vô thượng  
Sắp đắm chìm muôn lượng sóng tràn.

Ta bà buồn khổ sâu than!  
Đau lòng da diết cung đàn lạc âm.  
Đại chúng đồng ngào lặn khóc kể  
Đất chan hòa máu lệ tuôn rơi.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (lạy)
- **Nam Mô Chư Bồ Tát Thánh Chúng Câu Hội Chứng Minh.** (lạy)



**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM “THUẦN ĐÀ”**

**Thứ Hai**





# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



## PHẨM “THUẦN ĐÀ”

### (Thứ Hai)

Lúc L bấy giờ, ở trong đại hội  
Có một vị tên gọi *Thuần Đà*  
Là hàng Cư Sĩ tại gia  
Thọ thuyên cư ngụ Câu-Thi-Na thành  
Cùng mười lăm bạn lành đồng nghiệp  
Vì muốn gieo kiếp kiếp nhân lành  
Cho người đời lẫn Chúng sanh,  
Cúi lạy chơn **Phật** chí thành cầu mong.  
Ông buồn khóc rơi dòng giọt lệ.  
Bạch **Thế Tôn!** *Thiện Thệ* xót thương,  
Và *Thánh Tăng* trong mười phương  
Xin hãy thọ nhận *cúng dường* hôm nay.  
Lần cuối cùng **Như Lai hóa độ**  
Cho chúng con, cứu khổ muôn loài.  
Bạch **Thế Tôn!** **Đức Như Lai!**

Chúng con từ trước đến nay nghèo hèn

Sự đói khát bao phen cùng cực

Không có ai cứu vớt qua ngày.

Muốn cầu phước lộc tương lai

Đức Từ cao vợi sâu dày ban ân,

Niềm bi cảm nhận phần phẩm vật

Rồi **Phật** đây sẽ nhập Niết Bàn.

Ví như có người cơ hàn

Đến nơi xứ lạ mở mang ruộng điền,

Đặng trâu giỏi năng siêng cày xới,

Đất tốt màu thuận lợi gieo trồng,

Nhỏ sạch gốc rễ cỏ bông

Chỉ còn chờ đợi phước hồng mưa sa.

Trâu giỏi dụ đó là bầy nghiệp

Của thân, miệng trâu nhiếp an bày,

Ruộng tốt dụ trí huệ khai,

Cỏ căn nhỏ sạch dụ đây não phiền.

Bạch **Thế Tôn!** Con hiền đủ sẵn

Ba việc trên đều đặng hoàn toàn

Chỉ chờ ơn **Đức Phật** ban

Mưa Pháp **Cam Lộ** thấm chan gội nhuần.

Người nghèo kia hưởng phần phước lớn

Được *Pháp bảo* vô thượng không hai.  
 Ngưỡng mong nhận cúng phẩm này  
 Tuy là hèn mọn **Như Lai** đủ dùng.  
 Ngày nay con, nói chung bốn loại  
 Đang đắm chìm biển ái vô minh,  
 Cúi đầu lạy **Phật** rộng tình  
 Dụng thuyền cứu vớt *Chúng sinh* Ta-bà,  
 Xem như **La-Hầu-La** chẳng khác  
 Đồng làm con **Đức Phật** đời đời.  
 Đức **Thế Tôn!** Thầy trời người.  
 Bực *Nhất Thiết Trí* rạng ngời tinh hoa.  
 Đấng *Trượng Phu Phật Đà* Điều Ngự:  
 Bảo **Thuần Đà** Phật tử lành thay!  
 Lành thay! Hôm nay **Như Lai**  
 Trừ sự thống khổ nản tai khốn cùng,  
 Mưa Pháp xuống cho ông thỏa dạ,  
 Ruộng *chơn tâm* lúa mạ mọc mầm.  
 Ông muốn cầu thọ mạng chẳng?  
**Sắc, lực, vô ngại** đắc phần lạc an  
 Hay *biện tài* của hàng **Bồ Tát**  
 Thời **Như Lai** ban phát đủ đầy.  
 “**Thuần Đà, thí thực** có hai

Đồng một quả báo giải bày như sau:

*Một*, thọ xong chứng vào **Chánh Giác**,  
*Hai*, thọ xong sẽ nhập Niết Bàn”.

Hôm nay, **Như Lai** hân hoan  
Nhận phần thí thực cúng dường của ông  
Vì cầu Pháp một lòng bố thí  
**Ba-La-Mật**, vô úy lành thay!

**Thuần Đà** liền bạch **Phật** ngay:  
**Thế Tôn!** Vừa dạy con nay nghi mà  
Rằng hai lúc mà ta cúng thí  
Quả báo đồng một vị không hai.

Theo ý con nghĩ thế này  
E không đúng nghĩa **Như Lai** lắm tường.  
Vị thọ trước bậc thường **thế tục**,  
Tâm vọng động tham dục chưa trừ,

**Vô chứng Phật trí chơn như**,  
Cũng chưa làm lợi trời người thế gian,  
Đủ công đức Đản Ba La Mật.

Vị thọ sau là bậc chứng rày  
**Nhất Thiết Chứng Trí Như Lai**,  
Gột sạch **trần cấu**, đức tài quang minh  
Làm lợi ích hàm linh hiệu quả

Sự **Bồ Thí Ba-La-Mật** thành.

Vị thọ trước còn chúng sanh  
 Mang thân tạp thực huệ lành chưa viên  
 Thân vô thường buộc triền **nghiệp chướng**,  
 Vị thọ sau thân tướng Kim Cương,  
 Không đắm nhiễm trong Sáu đường,  
 Pháp thân chứng đắc hoàn toàn chơn tâm.  
 Vị thọ trước Sáu căn bất tịnh,  
 Nên chưa vào thiền định thâm sâu,  
 Chỉ có **nhục nhĩn** thai bào,  
 Nói chung **Phật nhĩn** không sao chứng thời.  
 Vị thọ sau là người đã đắc  
 Đủ **Sáu Ba-La-Mật** hoàn toàn  
 Nhĩn đến Phật nhĩn minh quang  
 Vô Thượng Chánh Giác **Niết Bàn Vô Dư**.  
 Sao cho rằng hai sự cúng thí  
 Đặng quả báo đồng vị không hai?  
 Cúi xin **Thế Tôn** hôm nay  
 Xem xét nghĩa ấy đúng sai giải bày.  
 Vị thọ thí trước này phạm ngã,  
 Ăn nuốt vào tiêu hóa nuôi thân  
 Đặng sức khỏe, dưỡng tinh thần,

An vui, xinh đẹp tướng trần còn mang.  
 Vị thọ sau chẳng màng ăn uống,  
 Đã không còn năm sự vấn vương.  
 Cho nên hai việc cúng dường  
 Quả báo chẳng một, hai đường khác xa?  
**Đức Phật** bảo: **Thuần Đà** nên biết !  
**Như Lai** đây sự thiệt trải qua  
 Vô số kiếp *na-do-tha*  
 Không có thân tướng chấp là uống ăn,  
 Thân phiền não hay thân sau cuối,  
 Mà là thân bất hoại chân thường,  
 Thân như tính chất Kim Cương  
 Không gì phá vỡ, tinh tường trí năng.  
 Nay **Thuần Đà**! Không cần so sánh.  
 Người chưa thấy *Phật Tánh* gọi là:  
 Thân tạp thực, phiền não mà,  
 Cuối cùng thân chứng *Ma-Ha* đạo mầu.  
 Lúc **Bồ Tát** thọ đồ ăn uống  
 Rồi nhập vào *Tam-muội* Kim cang,  
 Đồ ăn tiêu hóa hoàn toàn  
 Liền thấy **Phật tánh** rõ ràng không sai,  
 Chứng Vô Thượng **Như Lai** Chánh Giác.

Vì lẽ ấy, **Ta** mới nói rằng :  
 Hai sự cúng thí đặng phần  
 Đều được quả báo chẳng phân khác nào.  
 Lúc thành tựu tối cao đạo quả  
**Bồ Tát** đây dẹp phá tà gian,  
 Dù nay có nhập Niết Bàn,  
**Bổn ma** đây cũng diệt tan an bày,  
 Nên **Như Lai** nói hai quả báo  
 Không sai khác đồng một chẳng hai.  
 Lúc trước vị **Bồ Tát** đây  
 Chẳng rộng diễn thuyết *mười hai kinh phân*,  
 Nhưng đã thông *Lý Chân* hiển đạt  
 Nay Niết Bàn giải thoát rời xa,  
 Nhon vì sanh chúng Ta bà  
**Phân biệt** giảng dạy rất là *thậm thâm*.  
 Vì thế nên thật tâm **Ta** nói  
 Sự quả báo một cõi không hai.  
 Thuần Đà! Thân của **Như Lai**  
 Đã từ vô lượng kiếp nay đến giờ  
 Chẳng tham đắm nường nhờ ăn uống.  
 Vì **Thanh Văn** ưa chuộng nói rằng:  
 “Trước thọ cháo sữa tục trần

Hai nàng con gái nguyện dâng cúng dường.

*Một*, Nan-Đà tên thường đời gọi,

*Hai, Nan Đà Ba La* hiệu danh,

Rồi sau mới đắc đạo thành

Vô thượng Chánh giác quả lành **Như Lai**,

Nhưng chính thật **Ta** đây không đấm

Sự uống ăn thực phẩm cõi này.

Hôm nay vì Đại chúng đây

Trong hội lần cuối **Như Lai** nhận dùng

Sự cúng dường của ông *kham nhẫn*

Chớ thiệt ra **Ta** chẳng có ăn”.

Đại chúng nghe **Phật** tỏ phân

Vui mừng hơn hở muôn phần hân hoan.

Đồng lớn tiếng khen vang trong hội:

“Lành thay! Như tên gọi **Thuần Đà!**

*Hy hữu* nhất cõi Ta-bà

**Thuần Đà** “Diệu nghĩa” thật là thậm thâm.

Ông *kiến lập* gieo mầm **Phật Pháp**

Mãi về sau phù hợp nhưn gian.

Hiện đời sẽ đặng vinh vang

Tài lợi, *đức hạnh* thiệt hàng *giác tha*.

Rất lạ cho **Thuần Đà** thù thắng,



Sanh loài người lại đặng phước dày  
 Quả lành vô thượng không hai  
 Ít ai mà được sánh vai Thánh, Phạm.  
 Khác nào *hoa Ưu-Đàm* nhìn thấy,  
 Lại khó hơn gặp **Phật** ra đời.  
 Nguyên tin chẳng có đổi dời  
 Được nghe Chánh Pháp lại thời khó khăn.  
 Diện kiến **Phật** sắp gần tịch diệt,  
 Thỉnh được **Phật** sự thiệt khó hơn.  
 Đặng **Thế Tôn** nhận cúng dường  
 Cuối cùng càng khó lạ thường quý đa!  
 Nam mô Đức **Thuần Đà** thành tựu!  
 Nay ông đã đầy đủ căn lành,  
*Bố Thí Ba La Mật* thành  
 Đại chúng liền xưng kệ rằng dưới đây: (**lay**)

*Dầu sanh Nhơn đạo phước sâu dày*  
*Siêu xuất cõi trời thứ sáu đây*  
*Đại chúng ngưỡng mong ông nói giúp*  
*Yêu cầu thỉnh nguyện Đức Như Lai*  
*Trụ lâu tại thế vì nhân loại*  
*Diễn thuyết Pháp mầu vô thượng khai*

*Mà bậc trí thường luôn tán thán  
Lợi hành cho cả khắp muôn loài.*

*Nếu không thỉnh **Phật** trụ thế gian  
Thân mạng chúng tôi ắt khó toàn  
Ông hãy thương tình vì Đại chúng  
Cúi đầu đánh lễ **Phật** từ ban.*

Ông **Thuần Đà** vui mừng chi xiết  
Như cha mẹ vừa chết bỏ thân  
Bỗng nhiên sống lại dương trần  
Vội vàng đánh lễ dưới chân **Phật Đà**.  
Xong rồi lại bạch qua **Đức Phật**  
Bằng bài kệ chơn thật dưới đây:

*Vui thay! Được lợi mình không hay  
Khéo thọ thân người lắm khổ tai  
Trừ dục tham, sân, si đoạn dứt  
Ba đường ác đạo chẳng đầu thai.*

*Thích thay được lợi mình không hay  
Nay gặp kho tàng báu mở khai  
Diện kiến **Thế Tôn** ân đức cả  
Chẳng còn luân chuyển cõi trần ai.*

**Phật** như ví thể hoa Ưu-Đàm  
Gặp gỡ kính tin kẻ tục phàm  
Lại đặng vun trồng cây thiện quả  
Đời đời nhỏ sạch cỏ si tham.

Cũng hay tổn giảm ác ba đường  
Chủng loại **Tu-la** bớt họa ương  
Hột cải ghim đầu kim rất dễ  
Bình sanh gặp **Phật** khó khăn hơn,  
Tôi đây vẹn Đản Ba La Mật  
Nhờ Đức Từ Bi nhận cúng dường  
Ổn của **Thế Tôn** không diễn tả  
Thoát đường sanh tử độ thiên, nhơn.

**Phật** chẳng **niễm ô** cõi tục trần  
Như hoa Sen nở nước trong ngần  
Khéo trừ hạt giống nơi Tam giới  
Chứng đắc **Như Lai** mặc Pháp thân.

Sanh đặng làm người rất khó thay!  
Nhân duyên kiến **Phật** phước sâu dày  
Đường như biển lớn bao la rộng  
Rùa nọ mù lòa gặp bọng cây.

*Nay tôi dâng thực phẩm nguyên rằng  
Cầu đặng Pháp mầu Vô Thượng chân  
Xô phá não phiền rừng **kiết sử**  
Vốn không bền chắc tợ **phù vân**.*

*Con nguyện ở nơi **Phật hiện tiền**  
Không cầu thân tướng cõi nơn, thiên  
Dầu cho có đặng thân vui khỏe  
Cũng chẳng thích ham luống lụy phiền.*

*Được **Phật** nhận phần phẩm cúng dường  
Tâm con vui sướng thật không lường  
Khác nào ví tợ **y-lan** vậy,  
Mà đặng Chiên-Đàn tỏa ngát hương.*

*Tâm con hôi thúi như y-lan  
Lại được **Thế Tôn** nhận cúng dường  
Như thể Chiên-Đàn hương đặng người  
Vui mừng của báu **Phật** dành ban.*

*Tất cả trời, người khắp thế gian  
Đều sanh lòng tủi khổ buồn than  
Bởi vì biết **Phật** không lâu nữa  
Sẽ nhập vào trong **Đại-Niết-Bàn**.*

*Đồng tâm cất tiếng xướng to vang:  
Điều Ngự nữ nào bỏ thế gian  
Đời chắc đảo điên không có **Phật**  
Chúng sanh mê muội chịu lầm than.*

***Phật** thường ngồi giữa chúng Chư Tăng  
Diễn thuyết Pháp môn Vô thượng tằng  
Như núi Tu-Di cao tột bậc  
Mặc cho biển cả sóng bao giăng.*

*Trí huệ **Như Lai** khéo sáng khai  
Vô minh tăm tối phá trừ ngay  
Dường như trụ giữa hư không vậy,  
Mây nổi phủ che mát mẻ thay.*

***Như Lai diệu dụng** được mâu linh  
Chữa trị não phiền của Chúng sinh  
Như mặt trời lên xua bóng tối  
Tan mây soi sáng ánh quang minh.*

*Các loại Chúng sanh đây **nghiệp** dày  
Khóc than bi lụy suốt đêm ngày  
Bị dòng sanh tử trôi lăn mãi  
Khốn khổ vô cùng lắm kiếp tai.*

**Thế Tôn!** *Quảng đại hã y thương tình*  
*Thêm nữa căn lành cho Chúng sinh*  
*Vì dứt khổ sâu sanh tử **phước***  
*Trần gian nán lại thuyết **cơ minh.** (**Lạy**)*

**Phật** bảo: “**Thuần Đà** lành thay!  
 Đúng như lời nói phân bày của người.  
**Ta** thị hiện ra đời rất khó  
 Như Ưu-Đàm ít có trong trần.  
 Gặp **Phật** sanh trưởng lòng nhân  
 Đức tin lại có muôn phần khó hơn.  
**Phật** sắp nhập Niết-Bàn tịch diệt  
 Được cúng dường lần cuối sau cùng  
 Đàn Ba-La-Mật viên dung  
 Là việc rất khó vô cùng bội tăng.  
 Nay ông chớ buồn than khổ sở  
 Nên an lòng được thưở vui mừng  
 Vì đã thuận dịp cúng dường  
**Như Lai** lần cuối không lường sâu *duyên*.  
 Do đây đặt ước nguyện thành tựu  
 Bồ Thí Ba-La-Mật đủ đầy  
 Chẳng nên thỉnh cầu **Như Lai**

Ở lại cõi thế trần ai nữa gì,  
Phải quan sát thấu tri *cảnh giới*  
Cõi *Ta bà* đều thấy vô thường,  
Tánh, *tướng, hành pháp* tạm nương,  
Khác gì đọng lại giọt sương đầu cành”.

Ông hãy nghe cho rành bài kệ  
Lời **Như Lai** vì thế gian này:

Tất cả tướng thân cõi thế gian  
Có sanh, có tử thật rõ ràng  
Dầu cho thọ mạng đây vô lượng  
Sẽ có một ngày cũng hoại tan.

Có thịnh tất phải có suy,  
Sum hiệp có lúc biệt ly khổ sầu,  
Tuổi trẻ chẳng dừng lâu dài mãi  
Khỏe mạnh nay, mai lại bệnh mang  
Nói chung nơi cõi thế gian  
Mạng người sống chết tự làn tên bay.  
Bậc Vua chúa quyền oai tự tại  
Có thế lực không ai sánh bằng  
Mà không giữ được mạng thân  
Tử thần đến gọi Vua, dân chung đồng.

Sự khổ xoay quay vòng liên tục  
 Lưu chuyển không giây phút nào dừng  
 Ba cõi đều vốn vô thường  
 Mọi loài lên xuống sáu đường sầu bi.  
 Tánh, tướng của *hữu vi pháp* vốn  
 Tất cả đều trống rỗng không sai.  
 Pháp *sanh diệt* lưu chuyển hoài  
 Tâm luôn khuynh hướng kéo dài lo âu.  
 Nào sợ sệt, buồn rầu lỗi ác,  
 Già, bệnh, chết mất mát của thân,  
 Những khổ ấy không mé ngần  
*Phiền não* gói kín, tinh thần chơi vơi  
 Khác nào tầm ở nơi kén nhợ.  
 Là người có trí tuệ mở khai  
 Đâu nên ưa thích chốn này  
 Các khổ chứa nhóm thân đầy nhuốc nhợ,  
 Nào tai nạn chực chờ giây phút,  
 Bệnh ghẻ nhọt nhun nhúc hôi tanh,  
 Cội gốc khổ đau hoành hành,  
 Dầu thân *Thiên thượng* cũng đành như nhau.  
 Bởi si mê đắm vào *tham ái*,  
 Cho *Vô thường* tồn tại vĩnh hằng.



**Phật** đây đoạn dứt lòng trần,  
Nên chẳng tham chuộng tấm thân huyễn này,  
**Ly dục** khéo **Phật** hay thấu biết  
Đặng chứng quả chơn thiệt không hai,  
Rốt ráo sanh tử đoạn rày  
Nay thời **Ta** sắp vào ngay *Niết Bàn*.

**Phật** đã vượt qua sang *bờ giác*  
Đạo quả thành giải thoát khổ tai,  
Vì thế nên **Ta** hiện nay  
Thuần hưởng *diệu lạc* ra ngoài Tam Thiên,  
Do đầy đủ nhưn duyên ấy vậy,  
Những phiền, trước đều thấy tiêu tan.  
Hôm nay, **Ta** nhập *Niết Bàn*.

**Phật** không sanh tử, thân mang bệnh già,  
Thọ mạng **Ta** sâu xa cùng tận,  
Dầu tài cao khó đặng nghĩ bàn!  
Như lửa tắt hết tro tàn.

**Thuần Đà!** Ông chớ nghi nan tử sâu,  
Hãy suy lường nhiệm mầu nghĩa **Phật**,  
Nên xét tánh chân thật **Như Lai**.

**Đức Phật** vào trong cõi *Niết Bàn*

*Thọ trì* đệ nhất, lạc tâm an  
 Xưa nay *Pháp Phật* đều như vậy,  
 Chư chúng chớ buồn tủi khóc than. (**Lạy**)

**Thuần Đà** trình bạch **Phật** rằng:

“**Thế Tôn!** Giáo dạy cạn phân rõ ràng.

Trí huệ con mở mang còn kém  
 Như muỗi mòng hổ thẹn làm sao,  
 Đâu thể nghĩ bàn được nào,  
*Niết Bàn* sâu kín nghĩa mầu **Như Lai**.  
 Bạch **Thế Tôn!** Con nay sánh tợ  
 Cũng như người thơ ấu xuất gia  
 Chưa thọ *Cụ Túc Giới* mà  
 Được dự câu hội hợp hòa Chúng Tăng.  
 Nhờ *Pháp Lực* oai thần của **Phật**  
**Đại Bồ Tát** các bậc lão thông,  
 Mà con dự khán vào trong  
 Chư vị **Bồ Tát** thật không thể lường  
 Đại *Long Tượng* hàng hàng vô số  
 Như Đức Ngài **Văn Thù** v. v...  
 Thế nên xin **Phật** khai ân  
 Vì Chúng trụ ở cõi trần lâu hơn”.

Ngài **Văn Thù Pháp Vương Tử** bảo,

Này **Thuần Đà** chớ có nói rằng:

“Muốn **Phật** thường ở cõi trần  
*Niết Bàn* chẳng nhập phải chẳng ý mình.

Ông phải quán thấy nhìn tánh, *tướng*  
Của hành pháp vô thường thế gian.

Quan sát thật tướng rõ ràng,  
Đặng “Không” tam muội hoàn toàn chẳng sai.

Ông muốn cầu **Như Lai** Chánh Pháp  
Nên học Pháp quan sát như trên”.

**Thuần Đà** mạn phép nói lên  
Những gì suy nghĩ bề trên xét lường.

Thưa **Văn Thù Pháp Vương** đã hiểu  
**Đức Như Lai** úy hiệu đủ mười

Cao cả nhất trong trời người  
Há lại hành pháp như đời hay sao ?  
Nếu hành pháp, pháp thời sanh diệt.

Cũng ví như bọt nước nổi tan,

Quay vòng như bánh xe lăn,  
Các hành pháp cũng xoay vần tự nhiên.

Tôi đặng nghe Chư Thiên cõi Thượng  
Sống rất lâu vô lượng thọ dài,

Tại sao **Thế Tôn! Như Lai!**  
 Là bậc tối thượng vượt ngoài Tam Thiên,  
 Trong các Trời đứng trên tất cả  
 Mà lại sống không quá trăm năm.  
 Tôi đây nhận định không lầm  
 Sanh tử hành pháp là mầm thế gian,  
 Nếu **Như Lai Niết Bàn** nay nhập  
 Thời đồng với hành pháp khác nào,  
 Đâu gọi là đấng tối cao  
 Bậc trời trong các cõi Trời thiên oai  
 Là **Pháp Vương** trong ngoài tự tại.  
 Vì thế chẳng xem **Đức Như Lai**  
 Đồng với hành pháp là sai  
**Văn Thù Sư Lợi** mong Ngài xét qua.  
**Đức Như Lai!** Lâu xa hàng phục  
**Phiền não ma** hay **ngũ ấm ma,**  
**Thiên ma, tử ma** cùng là . . .  
 Do nhơn duyên ấy **Phật Đà viên dung**  
 Thành đạo quả thỉ chung chơn thật  
 Nên xứng tôn là bậc **Như Lai:**  
 Muôn loài **Ứng Cúng Phật** đây  
**Thiện Thệ** ví tợ đất dày rộng sâu,

*Chánh Biến Tri* nhiệm mầu cao cả,  
*Minh Hạnh Túc* đạo quả viên dung,  
*Thế Gian Giải* ngộ tột cùng,  
 Đấng *Vô Thượng Sĩ* đại hùng uy danh,  
 Bậc *Trượng Phu* căn lành *Điều Ngự*,  
 Khắp chúng sanh lê thứ qui hồi  
*Thiên Nhân Sư* thầy trời người  
**Phật** là toàn giác đời đời **Thế Tôn**.      (**Lạy**)

“Bạch thưa! Ngài **Văn Thù** độ lượng!  
 Cũng chẳng nên ước tưởng biệt bày  
 Mà đem pháp của **Như Lai**  
 Cho đồng hành pháp thật sai vô cùng.  
 Ví như nhà Phú ông sanh đặng  
 Đứa con trai lành lặn dễ thương,  
 Có nhà tướng số bốc tường  
 Đoán mạng trẻ đó thọ trường không lâu.  
 Phú ông nghe lo rầu tâm thể  
 Biết con mình chẳng kế nghiệp cha.  
 Từ đó thường tưởng cách xa,  
 Mọi người bất kính, toàn gia không nhìn.  
 Nếu **Như Lai** có sinh, có diệt

Các hành pháp sự thiết vẫn đồng.  
*Sa-môn* chẳng kính trong lòng,  
Trời, Người, Ma, *Phạm*, dòng *Bà-La-Môn*,  
Tất cả đều bất tôn trọng **Phật**.  
Dầu pháp chơn *sắc bất dị không*,  
Bất biến vạn thù tinh thông  
**Như Lai** có dạy ai hòng thọ tin.  
Vì lẽ ấy, **Văn Thù Sư Lợi!**  
Ngài không nên khải nói lời rằng:  
**Như Lai** đồng với *pháp trần*,  
Các hành pháp cũng giảm, tăng bất hòa.  
Ngài **Văn Thù!** Nghe qua ví dụ:  
Như bần nữ không chồng có mang,  
Nghèo hèn đói khát gian nan,  
Không nơi trú ngụ để hoang nhà người.  
Chủ hay biết tức thời xưa đuổi  
Nên bỗng con lủi thủi đăng trình  
Tìm đến xứ khác mưu sinh  
Vượt qua khó nhọc núi, rừng, suối, sông  
Rủi ro thay bị dòng nước cuốn,  
Thà chết chung chẳng muốn buông con.  
Vì lòng từ ái sắt son

Bần nữ khi thác sanh lên cõi trời.  
 Nếu có ai là Thiện Nam Tử!  
 Muốn hộ trì gìn giữ *pháp môn*  
 Chớ nói **Như Lai ! Thế Tôn !**  
 Đồng với hay chẳng là đồng thế gian.  
 Nên tự trách mình đang ngu muội  
 Vì vô minh tăm tối quáng quàng.  
 Chánh Pháp **Như Lai** hàm tàng  
 Khó mà suy diễn nghĩ bàn được chẳng.  
 Không nên tuyên nói rằng **Đức Phật**  
 Quyết định là *quyền thật, hữu vô*.  
 Nếu người *chánh kiến* điếm tô  
 Thường nói **Đức Phật** vốn *vô vi* rày.  
**Vì sao thế?**  
 Vì tuyên nói **Như Lai Vô tướng**  
 Thời có thể lợi dưỡng chúng sanh.  
 Thiện nam tử ! Đủ căn lành  
 Hộ trì Chánh pháp *phụng hành* như y.  
 Thà có chết không gì hối tiếc  
 Chớ không nói những việc quái kỳ  
 Cho **Phật** đồng *pháp hữu vi*.

Phải nói **Đức Phật** tức thì *vô vi*.

Nhơn vì người hộ trì *Chánh pháp*

Nói **Như Lai** đồng pháp có, không

Mà đặng đạo quả thành công

*Vô Thượng Chánh Giác* vào trong *Niết Bàn*.

Như bần nữ thà rằng chết đuối

Giữa dòng sông không chịu buông con,

Vì tình mẫu tử sắt son

Sanh lên cõi Phạm không còn khổ đau.

Thiện nam này chẳng cầu giải thoát

Mà giải thoát chứng đạt tự nhiên.

Khác nào bần nữ kia trên

Chẳng cầu sanh cõi *Phạm Thiên* bao giờ

Quả *Phạm Thiên* bất ngờ tự đến

Mong người nay suy xét tận tường.

Thưa Ngài **Văn Thù Pháp Vương!**

Dụ như có kẻ trên đường đi xa,

Quá mệt mỗi tìm nhà nghỉ trọ.

Trong lúc ngủ, nhà đó cháy lan.

Người ấy chợt tỉnh mơ màng

Xem lại nhìn thấy thân mang lửa lò

Lòng hổ thẹn lấy đồ y phục



Vấn vào thân rồi trút hơi tàn  
Mạng chung sanh lên *Thiên đàng*  
Cõi *trời Dao-Lợi* thanh nhàn thảnh thơi.  
Sau đó, tám mươi đời chiêu cảm  
Được làm vị *Đại Phạm Thiên Vương*,  
Trăm ngàn đời làm *Thánh Vương*,  
Người ấy vui hưởng thọ trường phước sâu.  
Hắn không bị đọa vào *ác đạo*,  
Do có tâm hổ thẹn kẻ trên.  
Là người *tàm quý* chẳng nên  
Chớ xem **Đức Phật** đồng duyên pháp trần.  
Bọn ngoại đạo thấy *chân vọng*, *huyễn*  
Mà sinh ra *tà kiến* nghĩ sai  
Bài xích nói **Đức Như Lai**  
Đồng với hành pháp trần ai khác gì.  
Là *Tỳ-kheo* thọ *trì giới* kiể  
Đâu có nên quan niệm cho rằng:  
“**Đức Như Lai** đồng tục trần  
Mà là thiệt tướng *Pháp thân* hoàn toàn.  
Nếu có người tâm mang tạp nhạp  
Nói **Như Lai** là *pháp hữu vi*  
Phải biết người đó *ngu si*

Phạm điều *vọng ngữ*, *A-tỳ ngục* vương.  
 Ngài **Văn Thù** lã tưởng đã biết  
**Như Lai** vốn chơn thiệt chánh tri.  
 Chính là chánh *pháp vô vi*  
 Chẳng nên lại nói *hữu vi* phạm thường.  
 Từ nay ở trong đường sanh tử,  
 Ngài nên bỏ hữu trí, mà cầu  
*Chánh trí* vi diệu nhiệm mầu  
 Là pháp tối thắng cao sâu cực kỳ.  
**Như Lai** chính *vô vi* *Thánh Đế*.  
 Đặng *quán đảnh* như thế đủ đầy  
*Ba mươi hai tướng* tốt thay  
 Chóng thành *Chánh Đẳng Như Lai Đại Từ* ”.  
 Bấy giờ, Ngài **Văn Thù Bồ Tát!**  
 Khen **Thuần Đà** *tâm phát* rộng nguyên:  
 “Lành thay! **Thuần-Đà** như tên  
 Ông nay đã tạo nhưn duyên thọ trường.  
 Thấu biết đặng tận tướng sự thật  
 Pháp *thường trụ* của bậc **Như Lai**  
 Chẳng biến dị, chẳng đổi thay,  
 Bất sanh, bất diệt, trong ngoài *vô vi*.  
 Ông cũng chẳng có gì ngờ vực

Tướng *hữu vi* của **Đức Như Lai**,  
 Sau này ông đặng đủ đầy  
*Ba mươi hai tướng* đẹp thay nhất đời  
 Và có thêm *tám mươi tướng phụ*,  
**Mười tám pháp bất cộng** siêu nhiên,  
 Thọ mạng vô lượng, vô biên,  
 Luôn đặng tự tại an nhiên lâu dài,  
 Không còn chịu buộc dây sanh tử,  
 Sẽ thành tựu **Ứng Cúng Phật Đà**.  
 Như người lữ khách kể qua  
 Bị lửa thiêu đốt cháy mà **nhục thân**  
 Mà có lòng ăn năn hổ thẹn  
 Trước khi chết toàn vẹn tướng hình.  
 Lấy y phục vấn vào mình  
 Nhờ tâm lành đó được sinh cõi trời  
 Làm **Phạm Vương** nhiều đời kế tiếp  
*Chuyển Luân Vương* ngàn kiếp an vui,  
 Chẳng sa ác đạo luân hồi,  
 Phước lành tận hưởng đời đời vững yên.  
 Tôi cùng ông đều nên che đậy  
 Tướng *hữu vi* của **Đức Như Lai**.  
 Lát nữa, **Thế Tôn** giảng bày

Rộng về ý nghĩa ông đây hiểu thì,  
 Để hữu vi, vô vi lại đó,  
 Ông mau kíp mà lo cúng dường,  
 Cũng nên sắm sửa lo lường  
 Cho hàng tứ chúng mười phương hội về.  
 Việc cúng dường chớ hề trễ nải,  
 Như thế là mới phải đủ đầy  
**Chủng tử** căn bản sâu dày  
 Đàn Ba La Mật không ai sánh bì.  
**Thuần Đà!** Nhớ thực thi chơn thật  
 Lần cuối cùng cúng **Phật**, Chư *Tăng*  
 Hoặc nhiều hay ít thức ăn,  
 Hoặc đủ hay thiếu phải cần sớm lo  
 Nhớ chu toàn đúng giờ, đúng khắc.  
**Đức Như Lai** sẽ nhập *Niết Bàn*". (Lạy)

Ông **Thuần Đà** dạ buồn than!  
 “Thưa Ngài **Sư Lợi!** Lời rằng như sau:

**Đức Như Lai** không lâu nhập diệt  
 Tôi đã biết và biết rõ ràng.  
 Cớ chi Ngài lại vội vàng  
 Vì chút thực phẩm cúng dường biệt phân

Nhiều hay ít thức ăn thiếu, đủ  
 Rồi bảo tôi chuẩn bị kịp giờ?  
 Tôi nhớ **Như Lai** trước cơ  
 Sáu năm khổ hạnh rừng thưa *tu hành*  
 Còn chịu nổi bất lành đói khát  
 Huống là chờ giây lát hôm nay.  
 Ngài thiết cho là **Như Lai**  
 Thọ đồ ăn uống cõi này chẳng ư?  
 Tôi thấy biết tâm như *quyết định*  
 Thân **Phật** đây là chính *Pháp thân*,  
 Không phải thực thân uống ăn  
 Khác hơn những kẻ tục trần *phàm phu*".  
**Đức Phật** bảo **Văn Thù Sư Lợi**:  
 “Thật đúng như lời nói vừa qua  
 Lành thay! Lành thay! **Thuần Đà**  
 Ông đã thành tựu thấy xa đạo mầu  
 Đại *trí huệ* cao sâu tu luyện  
 Khéo thâm nhập *kinh điển* Đại thừa” (**Lạy**)

**Văn Thù** nói với **Thuần Đà**:  
 “Ông cho rằng **Phật** thật là *vô vi*  
 Thân **Như Lai** không gì *sinh diệt*

Là trường thọ, hiểu biết của ông,  
 Hiểu biết như vậy **viên thông**  
**Đức Phật** đây rất hài lòng về ông”.

**Thuần Đà** nói : “**Phật** không thiên vị,  
**Phật** hài lòng đâu chỉ riêng tôi  
 Mà hài lòng với mọi người  
 Cho đến sanh chúng muôn loài như nhau”.

Ngài **Văn Thù Pháp Vương Tử** nói:  
 “**Đức Như Lai** lại đối với ông,  
 Với tôi, với Đại chúng đồng  
**Như Lai bình đẳng** hài lòng như nhau”.

Ông **Thuần Đà** đổi trao lại nói:  
 “Ngài **Văn Thù** chớ khởi lời này  
 Không nên nói **Đức Như Lai**  
 Hài lòng như vậy! Kẹt ngoài, dính trong.  
 Nếu luận về hài lòng một hướng,  
 Chính là do **đảo tưởng vọng sanh**,  
 Phàm có **đảo tưởng** thọ hành  
 Thời là **sanh tử**, tử sanh đời đời,  
 Có sanh tử, có thời **nghiệp chương**  
 Tức gọi là **pháp** tướng **hữu vi**.  
 Vì lẽ ấy, hãy xét tri

**Như Lai** chẳng phải *hữu vi pháp* bày.  
Nếu nói rằng **Như Lai** *hữu tướng*  
Ngài cùng tôi *đạo tướng* cả hai.  
Cho nên tôi mới phân bày  
**Văn Thù Sư Lợi** mong Ngài cảm thông.  
**Đức Như Lai** cũng không niệm *ái*.  
Xin phép Ngài ! Luận giải trình qua:  
“Dụ như trâu mẹ ấy là.  
Vì lòng ái niệm chẳng xa con mình  
Thấy đói khát thân hình suy nhược  
Vội đi tìm cỏ, nước uống ăn  
Hoặc no, chưa no chẳng cần  
Bỗng nhớ con nó quày chân trở về.  
**Phật** bi thương chẳng hề như vậy,  
*Bình đẳng* xem hết thấy *Chúng sinh*  
Như là con một của mình  
**La Hâu La** vậy, rộng tình bao la.  
Rải từ ái sâu xa độ thế  
Là *cảnh giới* trí huệ **Như Lai**”.  
**Văn Thù Sư Lợi** bạch Ngài!  
Tôi xin ví dụ luận bày phân qua.  
Có vị Vua, long xa ngoạn cảnh,

Lại có người muốn đánh xe bò  
 Đuổi theo cho kịp xe Vua  
 Tất không đuổi kịp, kính thưa Đức Ngài!  
 Ngài và tôi nói hoài lý đạo  
 Chỗ *vi mật* thâm áo **Như Lai**  
 Cũng không cùng tận hết đây.  
 Như *Kim Sí Diệu* là loài bay cao  
 Số *do-tuần* khó nào tính đặng,  
 Nhìn xuống biển sâu lắng suốt trong  
 Thấy loài thủy tộc như rỗng  
 Bóng nó hiện rõ gương trong soi hình  
 Trí của kẻ phàm tình dầu hiểu  
 So với *Kim Sí Diệu* không bằng.  
 Cũng thế, Ngài cùng tôi chẳng  
 Không thể lường được trí năng **Phật Đà**".  
 Đức **Văn Thù Ma Ha Bồ Tát!**  
 “Bảo **Thuần Đà** không khác lời ông,  
 Những việc ấy tôi đều thông  
 Chẳng qua vì muốn thử ông **Thuần Đà**".  
 Bấy giờ, mặt **Phật Đà** biến hẳn  
 Phóng ra nhiều tia sáng lạ thay!  
 Chiếu khắp thân hình Đức Ngài



**Văn Thù** liền bảo mách đây **Thuần Đà**:

“Nay **Như Lai** hiện ra *thoại tướng*  
 Từ trên mặt phóng luồng hào quang  
 Là điềm **Phật** sắp *Niết Bàn*

Ông phải sửa soạn lễ dâng *cúng dường*  
**Phật**, Đại chúng mười phương có mặt,  
 Rồi **Thế Tôn** sẽ nhập *Niết Bàn*”.

**Phật** bảo **Thuần Đà** sửa sang:

“ Đến giờ đã định ông toan lo lường  
 Dâng thực phẩm *cúng dường Đức Phật*  
 Và Đại chúng họp mặt đủ đây.

Thọ xong rồi **Đức Như Lai**  
 Giả từ tất cả vào ngay *Niết Bàn*”. (Lạy)

**Đức Phật** bảo ba lần như vậy.

**Thuần Đà** nghe **Phật** dạy truyền ban  
 Bất giác nghẹn ngào khóc vang  
 Nức nở lệ đổ đầm chan hai hàng:

“Khổ thay! Ôi thế gian trống rỗng”.

**Phật** lia đời hy vọng mỏng manh.

Rồi ông tha thiết chí thành  
 Thưa cùng đại hội tâm lành cầu xin:

“Mong ơn **Phật** rộng tình từ ái  
Vì chúng sanh ở lại thế gian  
**Phật** đây đừng nhập *Niết Bàn*  
Chúng con ngu muội, lời vàng ai khuyên”.

**Đức Thế Tôn!** Vội liền dạy bảo:  
“Ông chớ nên áo não khóc than  
Tiêu tụy tâm thể bất an.  
Ông phải quan sát rõ ràng trước sau:  
Thân này khác tợ nào cây chuối,  
Như ánh nắng sáng chói ban mai,  
Như bọt nước tụ chẳng dài,  
Thân là *huyễn hóa* mượn vay tạo hình,  
Như đồ gốm thủy tinh dễ vỡ,  
Như làn chớp, như tợ cành hoa,  
Như hình vẽ trên nước mà,  
Như người tử tội đem ra hành hình,  
Như trái mùi thối sinh rụng nát,  
Như cục thịt chẳng khác gì hơn,  
Như bức dệt hết khổ đường,  
Như chày giã gạo xuống lên liên hồi,  
Phải quan sát rõ thời hành pháp  
Như món ăn lẫn chất độc nguy.

Cho nên các *pháp hữu vi*  
 Mang nhiều tai hại có gì đẫm tham”.  
 Ông **Thuần Đà** chí tâm bạch **Phật**:  
 “**Đức Thế Tôn** sự thật *Niết Bàn*  
 Không muốn ở lại thế gian  
 Làm sao con chẳng khóc than cho đành.  
**Phật** rời bỏ *Chúng sanh* bốn loại  
 Thế gian này chịu phải khổ thay!  
 Ngưỡng mong ân đức **Như Lai**  
 Thương xót tứ chúng nặng dày nguyện sâu  
 Vì chúng con, trụ lâu tại thế  
 Ở luôn đời chẳng nhập *Niết Bàn*”. (Lạy)

**Phật** bảo **Thuần Đà** chẳng nên  
 “Nói rằng thương chúng ở luôn nơi đời.  
 Chính vì thương ông, thời sanh chúng  
 Mà **Phật** đây mới nhập *Niết Bàn*  
 Vì sao thế?

**Chư Phật**, *Pháp nhĩ* chơn thường,  
**Như Lai** cũng vậy, chẳng hơn khác gì.  
*Pháp hữu vi* cũng thì như thế  
 Nên **Chư Phật** nói kệ dưới đây:

*Các Pháp hữu vi  
Tánh nó vô thường  
Sanh rồi chẳng trụ  
Tịch diệt là vui.*

**Thuần Đà!** Ông phải nên quan sát  
Các hành pháp là tạp độc nguy.

Nói chung các *Pháp hữu vi*  
Vốn là *vô ngã* không gì trụ lâu.  
Tám thân này khổ sâu tai hại  
Như bóng nước tồn tại được đâu?  
Vì lẽ ấy, ông hiểu sâu  
Chớ nên khóc lóc tủi sầu than van”.

**Thuần Đà** nghe lời vàng của **Phật**  
Rồi bạch rằng: “Sự thật đúng y.  
Mặc dầu con đã thấu tri

**Phật** dụng *phương tiện* quyền tùy thế gian,  
Nên thị hiện **Niết Bàn tịch diệt**,  
Nhưng lòng con da diết khó ngăn  
Trước sự buồn thảm vô ngần.  
Giờ đây tự xét cân phân vỡ hòa”. (**Lạy**)

**Phật** khen ông **Thuần Đà** hết mực!

Ông có thể biết **Đức Như Lai**  
*Thị hiện* đồng với nhơn loài  
 Phương tiện *quyền biến* **Như Lai Niết Bàn**.  
**Thuần Đà!** Ông nghe qua ví dụ:  
 Như mùa xuân hội tụ muôn hoa  
 Có loài chim *Ta-La-Ta*  
 Đều nhóm họp ao *A-Nậu-Đạt* này.  
 Các **Chư Phật Như Lai** giống vậy,  
 Cũng đồng đến chỗ ấy gặp nhau.  
 Ông chớ suy nghĩ trước sau  
**Chư Phật** đoản thọ, sống lâu thọ trường  
 Tất cả *pháp vô thường* còn mất  
 Đều như tướng *huyễn thuật* hóa ra.  
**Như Lai** ở trong đó mà  
 Do sức *phương tiện* không là nhiệm vương.  
 Vì sao thế ? Khó bàn luận nghĩ  
 Vì **Chư Phật** pháp nhĩ *như như*.  
**Thuần Đà!** Vì lòng bi từ  
**Phật** nay mới nhận phần người *cúng dường*.  
**Ta** muốn ông thoát đường *sinh tử*  
 Khởi rơi vào *Tam giới luân hồi*.  
 Hàng *Chúng sanh* trong trời, người

Được quả **Bất Động** do nơi *cúng dường*  
 Lần cuối cùng **Thế Tôn! Đức Phật!**  
 Tâm luôn đặng chơn thật an vui.

**Vì sao thế?**

Vì **Như Lai** chính là nơi  
**Phước điền** tốt nhất cho thời *Chúng sanh*.

Nếu ông muốn đắc thành đạo quả  
 Làm *phước điền* cho cả thế gian  
 Thời phải kíp, sắm sửa sang  
 Chẳng nên do dự thời gian trễ à”.

Bấy giờ, ông **Thuần Đà** muốn *độ*  
 Các *Chúng sanh* thoát khổ tai sâu  
 Nên ông lau lệ cúi đầu

Bạch **Phật**: Công lớn cao sâu rộng dày.

“Lành thay! **Đức Như Lai** bi mẫn!

Nếu lúc con *kham nhẫn* đủ duyên

Thệ nguyện làm trọn *phước điền*,

Biết **Phật nhập diệt** do nguyên nhân nào

Hay **Phật** chẳng nhập vào *tịch diệt*

Bởi chúng con trí biết kém suy

Hàng *Thanh Văn*, **Duyên Giác** thì

Nhỏ như muối, kiến khó tri tận tường,

Thật không thể suy lường **Đức Phật**  
Nhập *Niết Bàn* chẳng nhập *Niết Bàn*”.

Bạch xong, ông cùng gia đình  
Quyến thuộc đồng khóc đôi hàng lệ sa,  
Trầm hương đốt rải hoa dâng cúng,  
Hết lòng đây cung kính **Như Lai**,  
Rồi cùng **Văn Thù Đức Ngài**  
Sắm sửa thực phẩm giờ đây *cúng dường*. (**Lạy**)

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** (3 lần)







**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM “AI THÁN”**

**Thứ Ba**



# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



## PHẨM “AI THÁN”

### (Thứ Ba)

**Lúc đó, Thuận Đà** ra đi

Không lâu hiện tượng lạ kỳ xảy ra

Khắp Đại địa Ta-bà rung chuyển

Nhấn đến trời *Phạm Thiên* lung lay

Sự chấn động sáu cách bày

Phàm thì **địa động** có hai phân rành:

1- Tiểu địa động âm thanh vang nhỏ  
Riêng mặt đất xoay có một chiều.

2- Đại địa động tiếng lớn kêu,  
Núi non biển cả báo điều lạ thay!  
Nào chấn động như rày đất sụp,  
Động xoay chiều mỗi lúc lan nhanh,  
Động đến cả tâm Chúng sanh  
Nghe thấy hoảng hốt thất thanh tinh thần.

**Phật** ra đời những lần địa động.  
 Xin lược trình tóm tắt bày phân:  
 Từ Cung **Đâu-Suất** giáng thân  
 Sơ sanh thị hiện cõi trần nhơn gian,  
 Rồi xuất gia cung vàng lìa bỏ,  
 Đến **thành đạo** khổ khó gian nan,  
*Chuyển Pháp Luân*, nhập **Niết Bàn**  
 Nên có địa động lớn vang hiện giờ.  
 Nào **Thiên, Long** nói chung **Bát bộ**  
 Nghe chấn động rỏn óc cả người  
 Đồng thanh buồn khóc lệ rơi  
 Cả thầy lớn tiếng nói lời kệ ra:

*Cúi đầu lễ lạy Đức Như Lai*  
*Tất cả chúng con khuyến thỉnh Ngài*  
*Thế giới Tam Thiên xa vắng Phật*  
*Trần gian ai cứu khỏi nản tai.*

**Đức Phật** hôm nay nhập **Niết Bàn**  
*Chúng con ba cõi chịu lầm than*  
*Khác nào ghé nọ lìa xa mẹ*  
*Sầu tủi buồn lo nỗi khổ nản.*

*Nghèo cùng không kẻ giúp qua cơn  
 Cũng giống như người bệnh liệt giường  
 Chẳng gặp lương y cho thảo dược  
 Tự mình chạy chữa bệnh thêm hơn,  
 Chúng sanh phiền não nhiều căn nghiệp  
 Bốn loại chấp mê **đoạn kiến thường**,  
 Tà độc thấm vào tâm khó chữa  
 Tại vì xa vắng **Đấng Y Vương**.*

*Ngưỡng mong **Đức Phật Thế Tôn** nay!  
 Chớ bỏ chúng con chịu lạc loài  
**Phật** ví như vàng dương ló mọc  
 Quang minh chiếu sáng thế gian này  
 Luôn trừ tất cả bao tăm tối  
 Hằng độ Chúng sanh dứt khổ chầy.  
 Ở giữa Chư Tăng cùng chúng hội  
 Thể như ngọn núi Tu-Di đây.      (**Lạy**)*

Bạch **Thế Tôn!** Nghe qua ví dụ:  
 Có vị Vua đông đủ Tử Vương

Diện mạo xinh đẹp khác thường  
 Vua rất hết mực yêu thương trong lòng  
 Truyền dạy cho tinh thông văn võ

Không bao lâu Vua đó lạ kỳ  
 Mật sai người đem giết đi  
 Nhà Vua như vậy có thì đúng không?  
 Nay chúng con là giòng Thích Tử,  
 Nhờ **Phật** dạy đầy đủ chánh chơn,  
 Xin chớ bỏ con giữa đường,  
 Khác gì như vị Quốc Vương kia là.  
 Cúi mong **Đức Phật Đà** trụ thế  
 Chớ nên vội nhập diệt *Niết Bàn*.

Bạch **Thế Tôn!**

Ví như có người giỏi giang  
 Học các bộ luận hoàn toàn thông minh  
 Rồi sanh lòng tự mình lo sợ  
 Đối với các bộ luận ấy mà,  
 Cũng thế, như **Đức Phật Đà**  
 Thông đạt các pháp sâu xa trên đời  
 Mà lại sợ vậy thời các *Pháp*.  
 Mong **Thế Tôn** chớ nhập *Niết Bàn*  
 Ở luôn nơi cõi thế gian  
*Cam Lô* rưới rải cho hàng Chúng sanh  
 Đặng thấm nhuần viên thành đạo quả  
 Khỏi còn sợ sa đọa ngục đường.

Bạch **Thế Tôn** ! Đại Y Vương!  
Vị như có một người đương học nghề.  
Kế bị quan bắt về tra vấn,  
Lại hỏi thăm muốn đặng thế nào?  
Người ấy đáp trả lời mau,  
Nay tôi bị bắt khổ đau tử phiên.  
Nếu được thả tất nhiên người ấy  
Dạ vui mừng tâm lại nhàn thanh.  
Cũng thế, **Như Lai** Cha lành  
Vì chúng *khổ hạnh* tu hành dày công,  
Nhưng hiện nay khắp trong nhơn loại  
Vòng sanh tử chưa khỏi đọa đày,  
Thế sao? Từ Phụ **Như Lai**  
Lìa khổ để thọ hưởng ngày an vui.  
Bạch **Thế Tôn**! Trời người kính trọng.  
Như Y Vương học rộng hiểu sâu,  
Đạt những phương dược nhiệm mầu  
Không truyền trò khác chỉ hầu truyền con.  
Cũng thế, **Đức Như Lai Chư Phật**  
Đem *pháp tạng* bí mật tối ưu  
Dạy cho **Bồ Tát Văn-Thù**  
Mà chẳng khai mở trí ngu muôn loài

Như thầy thuốc này đây phân biệt  
 Chấp thân, *sơ tâm* thiết riêng tư.  
 Nên sự dạy chẳng đúng ư !  
 Bình đẳng rộng rãi mọi người như y.  
**Đức Như Lai** từ bi đại trí  
 Không có lòng thiên vị riêng ai,  
 Sao **Phật** không trụ lâu dài  
 Để mà dạy dỗ các loài Chúng sanh.  
 Bạch **Thế Tôn** ! Đức lành cao cả:  
 Ví những người già, trẻ bịnh mang  
 Đi nơi đường hiểm gian nan,  
 Bỗng gặp một bậc dị nhân lạ thường  
 Vì thương xót chỉ đường bằng thẳng  
 Ít cam go bớt đặng khổ nguy.  
 Chúng con cũng vậy khác gì  
 Tuổi trẻ ví dụ những người kém căn,  
 Chưa tăng trưởng *pháp thân* chứng đặng.  
 Người già dụ kẻ nặng ão phiền,  
 Bịnh dụ sanh tử triền miên,  
 Đường hiểm ví dụ xuống lên *luân hồi*,  
 Mãi ràng buộc ở nơi *Tam giới*,  
 Chẳng tu hành khó khỏi chốn này.



Cúi xin oai Đức **Như Lai** !

Hướng dẫn đường tốt chỉ bày chánh chơn  
Cho chúng con thoát cơn khốn ngặt,  
Trụ lâu đời chốn nhập *Niết Bàn*". (**Lạy**)

**Phật** bảo *Tỳ-Kheo* bốn ban:

“Các thầy đừng có khóc than kể lời  
Giống như hàng trời người kia vậy,  
Mà các thầy cố gắng siêng năng  
*Tinh tấn* hành đạo chuyên cần,  
Giữ vững **chánh niệm** tinh thần nâng cao”.

Nghe **Đức Phật** truyền trao lời ngọc  
Hàng **Bát bộ** nín khóc liền ngay.

**Đức Thế Tôn! Phật! Như Lai!**

Ở trong Đại chúng truyền khai kệ rằng:

*Đại chúng phải cần tỉnh thức ngay  
Chẳng nên sầu khổ quá bi ai  
Xưa nay **Chư Phật** đều như vậy,  
Vì thế lặng im chớ tỏ bày  
Giữ hạnh ly gia cầu giải thoát,  
Gìn lòng Chánh niệm nhớ đừng phai.  
Xa lìa ác nghiệp không gây tạo*

*Thường, lạc, an vui với tháng ngày. (Lay)*

Lại này các thầy *Tỳ Kheo!*  
 Nếu thấy có chỗ đăm đeo nghi ngờ  
 Phải bạch hỏi trước cơ hội cuối  
 Để về sau tiếc nuối tủi lòng.  
 Ở những pháp không, bất không,  
 Khổ hay phi khổ, thường không có thường,  
*Y phi y, khứ không bất khứ,*  
*Qui phi qui, hằng hay phi hằng,*  
 Đoạn, phi đoạn thấu hiểu rằng:  
 Có hay không có phải cần tri ra,  
 Chúng sanh hay chẳng là sanh chúng,  
 Thiệt không thiệt, chơn cũng bất chơn,  
*Diệt, bất diệt nhớ am tường*  
*Mật* hay không mật, nhị thường *nhị không* ...  
 Những điều nghi trong lòng chưa biết  
 Hỏi **Như Lai** giải quyết hết đây.  
*Cam Lô* ban rải các thầy,  
 Rồi **Phật** từ biệt vào ngay *Niết Bàn*.  
 Nay các thầy là hàng xuất chúng!  
**Phật** ra đời đây cũng khó khăn,

Thân người có được gì bằng  
 Gặp **Phật** sanh trưởng *tín tâm* tu hành,  
 Việc này cũng đắc thành ít có,  
**Nhẫn** sự khó, nhẫn khó khăn hơn,  
 Đầy đủ *giới hạnh, chơn thường*  
 Chứng quả La-Hán thoát đường tử sinh.  
 Việc như thế nhận nhìn không khác  
 Như tìm vàng trong cát khó thay.  
 Các thầy khỏi *tám nạn* tai  
 Thân người được có, khó thay vô cùng.  
 Nay gặp **Phật** luống công uổng tiếc.  
 Như ngày xưa **Ta** thiệt tỉnh trần  
 Tu nhiều *khổ hạnh* gian truân  
 Giờ đặng *phương tiện* vô ngần bao la.  
 Vô lượng kiếp giác tha *vô úy*  
 Vì Chúng sanh *xả* thí thân này  
 Đầu, mắt, tủy, não, chân, tay ...  
**Như Lai** chẳng tiếc với ai bao giờ.  
 Hãy mạnh dạn sang bờ *giác nạn*  
 Chớ yếu lòng chán nản xuôi tay.  
 Hỡi này các *Tỳ Kheo* đây!  
 Thành trì *Chánh Pháp* báu đài trang nghiêm.

Tại nơi tâm chẳng tìm đâu nữa  
**Giới, Định, Huệ** nhà cửa tường thành.  
 Nay các thầy có duyên lành  
 Gặp đặng **Phật Pháp** chớ đành bỏ qua  
 Không nên lấy Pháp tà *hư nguy*.  
 Ví như người thiếu trí ngu đần  
 Gặp thành chơn, chứa báu trân  
 Lượm lấy ngói sạn tưởng rằng ngọc châu.  
 Các thầy chớ tâm cầu hạ đẳng  
 Đạt chút *Pháp* cho đặng đủ mà.  
 Các thầy dầu bực *xuất gia*  
 Lòng không hâm mộ *pháp Ta Đại Thừa*.  
 Thân các thầy, *cà-sa, y* khoác  
 Mà tâm chưa *giải thoát* tục trần,  
 Chẳng thuần pháp đẳng chánh chân  
*Thanh tịnh* thu nhiếp nội căn, *ngoại trần*.  
 Các thầy dầu xin ăn *khất thực*  
 Qua nhiều nơi sự thật chưa từng  
 Khất thực **Pháp** bực *Đại thừa*  
 Là điều quan trọng bây giờ gắng ghi.  
 Các thầy đã *Quy y* phủi tóc  
 Mà chưa vì *Pháp* học *thậm thâm*,

Cạo sạch *kiết sử* trong tâm  
 Từ nay tỉnh thức gieo mầm tương lai. (**Lạy**)

Này các *Tỳ-kheo* nghe đây!  
 Nay **Phật** báo thiệt các thầy *Sa-môn*.  
 Hiện tại **Đức Thế Tôn**, Đại chúng  
*Hòa hiệp* trong **Pháp tánh** thật chơn,  
 Chẳng *điên đảo* pháp vô thường.  
 Vì thế, dũng mãnh, kiên cường, tự tin,  
 Xô dẹp phá vô minh *kiết sử*,  
 Rừng tà kiến trừ khử gốc căn.

Khi mặt trời **Phật** lặn dần  
 Bóng đêm bao phủ tối tăm *Ta-bà*.  
 Này các thầy nghe qua ví dụ!  
 Những cỏ thuốc sanh đủ người dùng.

**Phật Pháp** cũng vậy nói chung  
*Cam Lộ* sanh trưởng vô cùng quý thay!  
 Luôn làm vị thuốc hay chữa bệnh  
 Các *phiền não tâm tính* Chúng sanh.

Nay **Thế Tôn** rải phước lành  
 Cho trong bốn bộ, Chúng sanh muôn loài  
 Được an trụ **Như Lai** trí huệ,

**Tạng** bí mật không thể nghĩ bàn.  
 Cũng như chữ “Y” rõ ràng  
 Nếu ba điểm đứng chung hàng với nhau  
 Hoặc đứng ngay, chỗ nào sai khác  
 Đều không thành in tạc chữ “Y”.  
 Ba điểm giống hệt vậy thì,  
 Như ba con mắt của vì *Đại Thiên*.  
**Đức Thế Tôn** y nguyên tự tại.  
 Pháp *giải thoát* không phải *Niết Bàn*,  
 Thân **Như Lai** phi thế gian  
*Niết Bàn* không phải *Niết Bàn* cả hai,  
 Trí *Bát-Nhã* **Như Lai** cũng vậy,  
 Nói *Niết Bàn* không thấy *Niết Bàn*,  
 Ba Pháp đều khác hoàn toàn  
 Cũng là không phải *Niết Bàn vô dư*.  
**Đức Thế Tôn** thường như an trụ  
 Ba Pháp ấy đầy đủ rõ ràng,  
 Vì Chúng sanh cõi thế gian  
 Mà nói là nhập *Niết Bàn* đúng thôi,  
 Như chữ “Y” trong đời cũng vậy.  
 Các *Tỳ Kheo* nghe thấy lòng tin  
**Phật** đây *quyết định* chính mình

*Niết Bàn* sẽ nhập, diệt sinh không còn,

Ai nấy đều thon von tấc dạ,

Đôi dòng mi lả chả lệ tràn

Cúi lạy chơn **Phật** bạch rằng:

**Thế Tôn** khéo dạy *Vô thường, khổ, không*,

Không có ta ở trong bản ngã,

Pháp *Vô ngã* giáo hóa không sai”.

Bạch **Thế Tôn! Đức Như Lai!**

Dấu chơn muông thú thua rày chơn voi.

*Vô Thường Quán* cũng thời như vậy,

Là pháp quán bực nhất tối cao.

Nếu ai tinh cần đòi trau

*Tu tập* pháp quán này mau loại trừ

Sự ái, nhiễm ở từ cõi Dục,

Đến cõi Sắc, Vô Sắc không còn,

*Vô minh, kiêu mạn* tiêu mòn,

Ví như đêm tối trăng tròn sáng khai.

**Đức Thế Tôn!** Xưa nay lìa hẳn

*Vô Thường Tưởng* chứng đặng đạo vàng

Thời nên chẳng nhập *Niết Bàn*

Nếu chưa lìa hẳn sao rằng dạy khuyên

*Vô Thường Quán* cần chuyên tu tịnh

Sẽ diệt trừ được bệnh *ái tham*,  
Thoát ra *Tam giới* tục phàm,  
Không còn chịu cảnh khổ kham cỗi này.  
Bạch **Thế Tôn!** Có Ngài Vua nợ  
Biết sắp gần lìa bỏ mạng phần  
Bèn ra lệnh bố đức ân  
Xả bỏ tù ngục phạm nhân giam cầm.  
Khắp thiên hạ thần dân yêu kính,  
Rồi sau mới *quyết định* băng hà.  
Ngày nay **Thế Tôn Phật Đà!**  
Cũng nên bố đức như là Vua kia  
Độ Chúng sanh sớm lìa lao ngục,  
Không tối tăm *ái dục* buộc ràng,  
Rồi sau **Phật** nhập *Niết Bàn*  
Thật ra chẳng khó, muộn màng gì đâu.  
Nay chúng con Pháp mầu chưa đạt,  
Không đủ sức *giải thoát* tù lao  
Sao **Phật** từ bỏ nữ nào  
Chúng con ở lại, **Phật** vào vô vi.  
Bạch **Thế Tôn** trí tri thành tựu!  
Như có người say rượu mê man  
Không biết thân, sơ họ hàng



Nằm vùi đống phấn dọc đường chẳng hay,  
Nhờ lương y ra tay cứu hộ  
Cho uống thuốc nôn thổ sạch trần,  
Mới đặng tỉnh lại dần dần,  
Lòng rất hổ thẹn tự răn trách mình,  
Rượu là thứ vô tình tai hại  
Là nguồn gốc bại hoại thân danh  
Gây bao tội lỗi bất lành  
Nếu không chữa bỏ bị hành khổ đau.  
Chúng con nay khác nào kẻ ấy  
Từ nhiều đời chịu phải nhốt giam  
Tử sắc say mê đắm tham  
Sống trong *ngũ dục* tâm phạm *đọa sa*.  
Không phải mẹ tưởng là đó mẹ,  
Không phải con, em, chị, anh mình  
Mà tưởng ruột thịt gia đình,  
Chúng sinh không phải nhận nhìn Chúng sinh,  
Vì cố ấy, thức tình chuyển mãi  
Như người say nằm tại phấn nhơ.  
Mong ân **Phật** rải phước nhờ  
Chúng con mòn mỏi trông chờ được ban.  
Rượu *phiền não* ôm mang trừ khử,

Sớm tỉnh ra ngạn thử sông sâu.

**Phật** đành bỏ chúng con sao !

*Niết Bàn* chớ có nhập vào quá nhanh.

Bạch **Thế Tôn!** Cha lành *Tam giới*.

Không có gì khen ngợi trần ai.

Như cây chuối không thọ dài

*Chúng sanh* cũng vậy, mạng này như hoa,

Không có gì khen ta là *ngã*,

Người, *Chúng sanh*, **thọ giả** mạng căn,

Dưỡng dục, **tri kiến**, nguyên nhân,

Tác giả, đợc giả không chân thật nào.

Chúng con tu **Quán** vào *Vô ngã*

Chẳng có gì, tất cả *Vô thường*.

Bạch **Thế Tôn** đức khôn lường!

Ví như bả xác bên đường cứng khô

Không sử dụng làm đồ dùng đặng

Bông **thất diệp** cũng chẳng mùi thơm,

Cũng vậy, thân thể người thường

Chứa toàn chất trược, nhiễm vương độc tà

Không có *ngã*, cũng là không chủ.

Nên chúng con huấn dụ với lòng

**Quán tưởng**, *Vô ngã* đều không

Năng Quán như vậy, từ trong đến ngoài.  
Đức **Thế Tôn!** thường ngày giáo dạy  
Tất cả *Pháp* hiện tại trống không,  
Không *ngã*, *ngã sở* bất đồng.  
Các *Tỳ-kheo* phải gắng công tu trì.  
*Tu* như đây trừ đi *ngã mạn*,  
Rời *ngã mạn* chứng đặng *Niết Bàn*.  
Bạch **Thế Tôn!** Trong không gian.  
Không tìm thấy dấu của đàn chim bay.  
Người *tu* pháp Quán này cũng vậy,  
Không có còn kiến chấp lầm sai”.  
Nghe qua, **Phật** khen lành thay!  
Các thầy *tu tập* khéo hay thực hành  
Quán *Vô ngã* đạt thành nhanh chóng  
Tức đoạn lìa tâm vọng hiện bày.  
Các *Tỳ-kheo* bạch **Như Lai**:  
Chẳng những *tu* pháp *Quán* này thôi đâu  
Mà chúng con dôi trau *Quán* khác:  
Quán *Vô Thường*, Quán Pháp *Khổ* đây...  
Bạch **Thế Tôn!** Như người say.  
Nhìn thấy sông núi, cỏ cây, cửa nhà  
Đều đảo lộn nghiêng qua, nghiêng lại.

Người không tu quán thấy *Vô thường*,  
*Khổ, Không, Vô ngã* tinh tường  
 Chẳng là bực *Thánh* thoát đường *si mê*,  
 Người này nhiều mọi bề **phóng dật**  
 Trôi lăn trong nhờn vật bốn loài.

Vì thế, các con *nguyện* dầy  
 Tu tập các pháp *Quán* này thành công.

**Đức Phật** bảo *Tỳ Kheo* chư vị :

“Hãy lắng nghe chủ ý **Như Lai** !

Vừa rồi các thầy trình bày

Ví dụ như có người say đó là ...

Các thầy chỉ biết qua danh tự

Mà chưa hiểu “*Thật nghĩa*” sâu xa.

Thế nào “*Thật nghĩa*”? bày ra

Như người say đó thấy nhà cửa đây

Hoặc núi sông, cỏ cây... tất cả,

Sự vốn không nghiêng ngã, ngã nghiêng

Mà tưởng cho là đảo điên.

Cũng vậy, bị những não phiền *Vô minh*

Bao trùm tâm Chúng sinh *điên đảo*:

*Ngã* cho là *Vô ngã* không ta,

*Thường* cho *Vô thường* thật mà,

*Tịnh cho Bất tịnh, Lạc là Khổ* đau.

Vì mắc phải dính vào *phiền não*

Nên mắc dầu nghĩ tưởng thấy qua

Không rõ “Thật nghĩa” sâu xa

Như người say đó sanh ra *não phiền*,

Đối với sự không nghiêng đảo lộn

Mà tưởng cho đảo lộn là sai.

“*Ngã*” thật nghĩa chính là đây

Của “**Phật**” từ trước đến nay thường hằng,

“*Thường*” chính là “*Pháp Thân*” *chứng đắc*,

“*Lạc*” chính là nghĩa thật “*Niết Bàn*”

“*Tịnh*” là “*Pháp*” *xuất thế gian*.

Các thầy sao lại nói rằng bày qua

Người có *Ngã* thời là *kiêu mạn*

Mãi chuyển lưu vô hạn cõi trần.

Nếu các thầy lại cho rằng

Tôi cũng *tu tập* siêng năng hằng ngày

Quán *Vô thường*, *Khổ* hay *Vô ngã*

Ba môn này không “Thật nghĩa” nào.

**Như Lai** lại thuyết lời trao:

Đắc thắng ba pháp tu mau *viên thành*.

Sống trong *khổ tưởng* sanh vui thọ,

Vui *Niết Bàn* tưởng có khổ sâu  
 Là pháp *điên đảo* từ đầu  
 Khổ vui, vui khổ *chấp* cầu do ta,  
 Sự *Vô thường* cho là *Thường* mãi,  
 Lý *Chơn thường* nghĩ lại *Vô thường*,  
 Là pháp *điên đảo* quay cuồng  
*Chúng sanh* lặn lộn sáu đường khó ra.  
 Thân *Bất tịnh* cho là *thường tịnh*  
 Tâm *thường định*, *bất định* tưởng sinh  
 Có *bốn điên đảo* nơi mình  
 Như vậy, thời chẳng xét mình rõ ràng.  
 Người không hiểu hoàn toàn thiệt pháp  
 Khó *tu hành* phù hạp chánh chơn.  
 Các thầy xét lại đáng thương  
 Ở trong pháp khổ tưởng chừng là vui,  
 Lại dính mắc *Vô thường* tưởng đó,  
 Cho là *Thường chấp* có thể gian.  
 Ở trong *Vô ngã* ngỡ ngàng  
 Cho rằng *thật ngã* ôm mang không rời,  
 Trong *bất tịnh* tâm thời lầm tưởng  
 Cho là *tịnh* chiều hướng đảo xoay.  
 Thế gian có bốn pháp này

**Thường, Lạc, Ngã, Tịnh** đủ đây không sai.

*Xuất thế gian* hiển bày *quyết định*

Có *Thường, Lạc, Ngã, Tịnh* viên dung.

Pháp thế gian suy cho cùng

Không có thiệt nghĩa chỉ dùng văn ngôn.

Pháp xuất thế có trên văn tự,

Có thật nghĩa *ý thú* hoàn toàn.

Tại sao vậy? Pháp thế gian

Có ***bốn điên đảo*** buộc ràng nơi tâm,

Nên chẳng biết diệu thâm thật nghĩa.

Lại có *tưởng ý nghĩ đảo điên*,

Có tâm *điên đảo* liên miên,

Có *kiến* điên đảo chấp riêng vạy tà.

Vì ba sự này là dây trói

Buộc chặt vào tâm tối bấy lâu.

Ở trong lạc thấy khổ sâu,

Trong *Thường* lại thấy *chấp* câu *Vô thường*,

Trong *Ngã* thấy tưởng rằng *Vô ngã*,

Trong *Tịnh* thấy *Bất tịnh* tục trần,

Thế gian *điên đảo* tinh thần

Không tường thật nghĩa, biết văn tự mà,

Có người hỏi sao là thật nghĩa?

Vô ngã là *sanh tử* đổi thay,  
 Còn Ngã gọi là **Như Lai**,  
 Thanh văn, Duyên giác gọi đây Vô thường,  
 Pháp Thân **Phật** miên trường tồn tại  
 Như *hư vô* bất hoại giảm tăng,  
 Khổ là *ngoại đạo* phạm nhân  
 Còn Lạc là nhập *Niết Bàn vô dư*,  
 Bất tịnh là *hữu vi* tục đế,  
 Còn Tịnh là *chơn đế Phật Đà*  
 Và Chư **Bồ-Tát Ma-Ha**  
 Cho nên chẳng gọi đây là đảo điên.  
 Biết văn tự bốn nguyên thật nghĩa.  
 Nếu muốn lìa bốn tướng đảo điên,  
 Thời phải thấu rõ căn nguyên  
*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh* liễu viên nghĩa này.  
 Các *Tỳ-Kheo* chấp tay bạch **Phật**.  
 Như lời dạy của Đức **Như Lai** !  
 Dứt lìa *bốn điên đảo* này  
 Ấy thời rõ thấu sâu dày nghĩa chơn:  
*Ngã, Lạc, Tịnh* hay *Thường* đúng vậy,  
 Nghĩa và văn tự thấy không sai.  
 Nay Đức **Thế Tôn Như Lai**!



Trọn không có bốn sự này đảo điên  
 Thời đã đăc **nhất nguyên** Thường, Lạc  
 Ngã và Tịnh đạo đạt tối năng  
 Sao **Phật** không ở nơi trần  
 Một kiếp, nửa kiếp khuyến răn nhưn loài.  
 Cho chúng con thấy sai *tu tập*,  
 Mà **Phật** nay muốn nhập *Niết Bàn*.  
 Nếu được **Thế Tôn** phước ban  
 Đoái thương dạy bảo cho hàng *Tỳ-Kheo*  
 Chúng con nguyện hành theo lời dạy  
 Thệ suốt đời nhẫn nại không than.  
 Bằng như **Phật** nhập *Niết Bàn*  
 Chúng con không thể mang thân *huyễn* này  
 Để tu học tròn đầy *Phạm hạnh*.  
 Chúng con đồng theo **Phật** *Niết Bàn*.  
**Phật** bảo *Tỳ-Kheo* bốn ban:  
 “Các thầy chớ có nói gàn vừa qua.  
 Bao *Chánh Pháp* **Phật** *Đà Vô thượng*  
**Đức Như Lai** tin tưởng không sai  
 Đều đem giao phó cho Ngài  
**Ma-Ha Ca-Diếp** sau này truyền lưu.  
 Sẽ là chỗ dựa như *y chỉ*

Cho các thầy chơn trí huệ khai  
 Cũng như **Thế Tôn Như Lai**  
 Là chỗ y *chỉ* muôn loài Chúng sanh.  
 Vì tuần du Vua đành rời bỏ  
 Việc triều chính giao phó Đại thần.  
 Ta-bà **Phật** sắp rời chân  
*Chánh Pháp Ca-Diếp* lãnh phần truyền giao.  
 Các thầy nên nâng cao *giác ngộ*  
 Chỗ *tu* Pháp Quán *Khổ, Vô thường*.  
 Trước kia chỉ tạm trú nương  
 Chẳng phải mục đích con đường chánh chân.  
 Cũng ví như mùa xuân nước bích  
 Có nhóm người sở thích du thuyền  
 Trong hồ lớn, dăm ngàn thiên  
 Rủi thay làm rớt ngọc chìm đáy sâu.  
 Nhóm người ấy cùng nhau hụp lặn  
 Quyết lòng tìm choặng Ngọc Châu.  
 Bốc nhằm hòn đá thô màu  
 Vui mừng khôn xiết tưởng nào tìm ra  
 Đến lúc đem lên xa mặt nước  
 Mới rõ là chỉ được đá thô.  
 Lúc ấy, viên ngọc *lưu ly*

Vẫn nằm ở tận dưới thì đáy sâu,  
 Do thể dụng ngọc châu chiếu sáng  
 Nước trong hồ đều gạn lóng trong.  
 Bảy giờ, có người tinh thông  
 Chậm rãi lặn xuống cạn không nổi bàu  
 Liên vớt được ngọc ngay tức khắc  
 Khởi tổn sức không mất thời gian.  
 Các thầy chớ nên nghĩ rằng:  
 Sự nghiệp *tu tập* quán năng *Vô thường*,  
*Khổ*, *Vô ngã* hay thân *Bất tịnh*  
 Như vậy, là thật nghĩa đúng sao ?  
 Cũng như một nhóm người kia  
 Tìm ngọc mà bốc nhằm kìa đá thô.  
 Các thầy phải khéo khôn khai hóa  
 Luôn tu pháp *Tịnh*, *Ngã*, *Lạc*, *Thường*.  
 Lại cần nên biết mọi phương  
 Tướng mạo bốn pháp đảo điên trước mà.  
 Muốn được đắc **Phật Đà** chơn thật  
 Tu các pháp *Ngã*, *Lạc*, *Tịnh*, *Thường*,  
 Phải như người trí tinh tường  
 Khéo vớtặng ngọc khỏi lờng sức công.  
 Các *Tỳ-kheo* nghe xong bạch **Phật**:

“Bạch **Thế Tôn!** Là bậc **Như Lai.**

Ngày trước **Đức Phật** dạy rằng:

“Các pháp *Vô ngã* chuyên cần quán thông.

Lìa *Vô ngã*, diệt lòng chấp *Ngã*.

Chấp *Ngã* lìa, *kiêu mạn* đoạn trừ.

*Kiêu mạn* lìa, chứng *Chân như*.

Lần lần **kiến đắc** vô dư *Niết Bàn*.

Nghĩa **Phật** dạy hiện đang chưa biết,

Mong **Thế Tôn** sự thiệt giải bày”.

**Phật** khen: “Lành thay! Lành thay!

Các thầy có thể hôm nay bạch trình

Hỏi nghĩa ấy tự mình giải tỏa

Chỗ *nghi* ngờ nay đã rõ thông.

Hỡi này: *Tỳ-kheo* các ông!

Có vị Vua nọ tâm lòng thiếu tri.

Tin dùng một y sư kém đức,

Tánh tình lại hết sức tự cao

Phàm bịnh gì, đều giống nhau,

Dụng sữa làm thuốc chẳng nào khác hơn,

Thêm thiếu hiểu suy lường căn bịnh,

Dầu biết dụng sữa tính dược thang

Mà không phân biệt rõ ràng

Sữa tốt hay xấu đầu màng xét qua.  
Một hôm từ phương xa xuất hiện  
Vị minh y khổ luyện tám nghề  
Rành các phương thuốc mọi bề  
Trị bệnh kết quả không hề kiêu căng.  
Cựu y đây không bằng lòng tiếp  
Minh y kia thấu biết nội tình  
Của vị cựu y bất minh  
Nên bèn *nhẫn* chịu hạ mình bái sư,  
Nhơn đó được từ từ an phận,  
Lúc sau mới hầu cận *Quốc Vương*.  
Đem hết y thuật được phương  
Tấu trình cận kẽ tỏ tường đầu đuôi.  
Bấy giờ, Vua nghe rồi tỉnh thức,  
Triệu cựu y biếm truất đuổi đi,  
Từ đó trọng dụng minh y.  
Vua phán truyền lệnh thực thi yêu cầu  
Cấm dân chúng ngộ hầu không được  
Uống thuốc sữa thuở trước cựu y,  
Vì thuốc ấy rất độc nguy,  
Làm cho thương tổn mất đi mạng phần.  
Nếu ai bất khâm tuân chỉ thị

Dùng sữa thuốc sẽ bị gia hình.  
Minh y căn cứ được linh  
Bào chế chữa mạnh dân tình bốn phương.  
Ít lâu sau, Quốc Vương bịnh nặng  
Lệnh truyền đòi cho đặng minh y.  
Sau khi xem mạch cấp kỳ,  
Tiên đoán trị liệu dùng thì sữa mau.  
Minh y liền khấu đầu trình tấu:  
“Mong bệ hạ hiểu thấu đuôi đầu,  
Ngày trước tôi có yêu cầu  
Cấm dùng sữa thuốc cứu y không lầm.  
Nên uống sữa dứt mầm căn bịnh  
Hiện nhà Vua đang nóng cần dùng”.  
Vua bảo: “Ông đây điên khùng  
Hay bị loạn trí nói ngông thế này,  
Rằng uống sữa ta nay hết bịnh  
Thật hoang đường suy tính lung tung.  
Sữa cứu y không được dùng,  
Ông cho độc hại vô cùng hiểm nguy,  
Bảo ta cấm tuyệt thì dùng nữa,  
Giờ lại nói uống sữa tốt nào.  
Ông muốn khi đối ta sao?

Cứ theo lời đó trước sau bất đồng.

Thời cựu y hơn ông rồi vậy,

Thật hổ thay ông lại khinh thường”.

Minh y tâu: “Thưa Đại Vương!

Xin nghe ví dụ Đại Vương hiểu liền.

Mỗi ăn gỗ ngẫu nhiên thành chữ,

Con mối này nó tự nói chẳng?

Con mối nó không nói rằng :

“Biết là thành chữ hay không chữ thành”

Người trí xem hiểu rành ảo tưởng

Không bao giờ tuyên xưng bày ra

Con mối biết chữ vậy mà

Chẳng lấy làm lạ vì là ngẫu nhiên.

Do không xét căn nguyên các bệnh

Vị cựu y quyết định tự dùng

Thuần sữa làm thuốc trị chung

Lại không biết sữa kết hung, dữ lành”.

Vua vừa nghe phân rành khúc chiết

“Vậy xin ông giải thích rõ ràng”

Minh y tâu trình Thiên nhan:

“Thuốc sữa cũng có đôi đàng đúng sai.

*Một*, độc hại ; *Hai*, thay cam lộ.

Giết bịnh nhân, cứu độ bịnh nhân.  
Thế nào *Cam lộ* giải phân:  
Nếu là bò cái không ăn bã hèm,  
Hay trấu cặn, cỏ đen khô héo  
Nên con nghé khỏe béo mạnh hiền,  
Thả chăn không phải cao nguyên  
Không quá thấp ướt, uống nguồn nước trong,  
Đừng để chúng lung tung chạy nhảy,  
Ngăn bò đực cách phải xa bầy,  
Cho nó ăn uống đủ đầy,  
Coi chừng chớ để chúng gây ốm thây.  
Sữa của bò này đây đặc tính  
Trị được nhiều chứng bịnh rất hay  
Gọi là *Cam lộ* lành thay!  
Ngoài các thứ sữa khác rày độc nguy”.  
Vua lắng nghe minh y giảng giải  
Quả thật hay rồi lại khen rằng:  
“Hay lắm! Hay lắm! Y thần.  
Nay ta mới rõ nguyên nhân thế nào:  
Là sữa tốt trị mau lành bịnh,  
Là sữa xấu độc tính hiểm nguy”.  
Sau khi uống sữa minh y,



Vua đặng lành mạnh tức thì lệnh ban  
Cho dân chúng thôn làng dùng sữa  
Để làm thuốc cứu chữa bệnh tình.  
Dân chúng không đồng lòng tin  
Với thái độ của Vua mình trước nay.  
Nên hội đến đông vây cung điện  
Để cật vấn sự kiện vừa qua.  
Vua khuyên dân chúng gần xa:  
“Mọi người chớ có trách ta hiểu lầm,  
Về vấn đề thuốc làm bằng sữa  
Uống hay không là ý y sư  
Không phải lỗi Vua bậy chừ  
Thần dân xét lại mọi người cảm thông”.  
Dân chúng nghe vừa lòng tuân lệnh.  
Dùng thuốc sữa trị bệnh tốt thay!  
Được nhiều kết quả ngày ngày  
Quốc gia an hưởng thời lai thanh nhàn.  
Này Tỳ Kheo ! bốn ban nên biết,  
Đức **Như Lai** vốn thiệt không hai  
*Ứng Cúng* bất khả tri bày,  
*Thiện Thệ* độ chúng bốn loài rộng sâu,  
*Chánh Biến Tri* nhiệm mầu cao cả,

*Minh Hạnh Túc* đạo quả viên dung,  
*Thế Gian Giải* ngộ tột cùng,  
 Đấng *Vô Thượng Sĩ* đại hùng uy danh,  
 Bậc *Trượng Phu* căn lành *Điều Ngự*  
 Khắp Tam Thiên lê thứ kính thời,  
*Thiên Nhân Sư* thầy trời người,  
**Phật Đà** toàn giác đời đời **Thế Tôn**.      (**Lạy**)

**Phật** là bực *Y Vương* cao cả  
 Hiện ra đời khai hóa lý chân  
     Hàng phục *ngoại đạo*, ác thần,  
 Tà y chấn chỉnh dần dần hoại tan.  
 Giữa Đại chúng **Đạo tràng** tuyên bố:  
 Là *Y Vương* cứu khổ tai ương,  
     Điều phục những kẻ chấp *Thường*,  
 Nên không nói *Ngã*, không nhưn tướng đời,  
     Không *Chúng sanh*, không thời *thọ giả*,  
 Đó là **Phật** dẹp phá pháp tà.  
     Các Thầy phải biết sâu xa  
*Ngoại đạo* nói *Ngã* giống là ví như  
 Mỗi ăn cây thấy ra thành chữ  
 Thật ngẫu nhiên chẳng có lạ gì .

Vì thế, nên **Phật** từ bi  
 Nói là *Vô ngã* thức tri tỉnh trần,  
 Rồi cũng vì sở nhân *giáo hóa*,  
 Nên **Phật** nói có *Ngã tùy duyên*.  
 Như Minh Y đạt kinh *quyền*  
 Biết sữa là thuốc dữ, hiền cân phân.  
 Chẳng phải như phạm nhân chấp *Ngã*,  
 Như ngón cái, hạt cái, *vi trần*.  
*Ngã* của **Phật** nói có ngần  
 Không giống ý nghĩ tục trần vọng sai.  
 Vì thế nên, **Như Lai** mới nói  
 Các pháp đều không *Ngã*, sở ta,  
 Mà chính thiệt chỗ sâu xa  
 Chẳng phải không *Ngã* thật ra cũng lầm.  
 Thế nào thiệt là mầm *chơn ngã*?  
**Như Lai** xin *giáo hóa* tận tường:  
*Pháp* là thiệt, cũng là chơn,  
 Là *Thường*, là chủ, sở nhưn hằng còn,  
**Tánh Phật** không hao mòn biến đổi,  
 Đó gọi là thật *Ngã Như Lai*.  
 Như vị minh y kia đây  
 Hiểu tính thuốc sữa đúng sai phân rành.

**Đức Phật** vì *Chúng sanh* nói thuyết

Trong các *pháp* chơn thiệt có ta.

Bốn bộ *đệ tử* **Phật Đà**

Tu *Quán Chơn Ngã* phải là như y.   **(Lạy)**

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** (3 lần)



**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM “TRƯỜNG THỌ”**

**Thứ Tư**



# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



## PHẨM “TRƯỜNG THỌ”

### (Thứ Tư)

**Đức Phật** bảo *Tỳ-kheo* bốn bộ:

“Nơi *giới luật* có chỗ nghi ngờ,

Cho phép các thầy hiện giờ

Hãy hỏi theo ý đừng chờ nữa chi,

**Như Lai** sẽ tùy nghi giải thích

Pháp bốn tánh *không tịch* nhiệm mầu.

**Thế Tôn** tu luyện từ lâu

Rành rẽ thông đạt cao sâu vô ngần.

Các thầy chớ nghĩ rằng **Phật Thích**

Tu các pháp *Không tịch* thôi đâu.

Ở nơi *giới luật* chỗ nào

Nghi ngờ nên hỏi đối trao tận tình”

Các *Tỳ-kheo* bạch trình **Đức Phật**:

“Bạch **Thế Tôn**! Sự thật chúng con

Không đủ trí huệ viên tròn

Để hỏi **Phật Pháp Thế Tôn** giảng bày.  
*Chánh Biến Tri, Như Lai Ứng Cúng*  
 Mời danh hiệu diệu dụng lành thay!  
 Vì *cảnh giới* của **Phật** đây  
 Không thể bàn nghĩ khó ai *biện tài*,  
 Và *thiền định* **Như Lai** cũng thế  
 Rất siêu mầu chẳng thể luận bàn.  
 Lời phán dạy *xuất thế gian*  
 Của bậc *Vô thượng* quý hơn ngọc vàng.  
 Vì cố ấy, là hàng kém cỏi  
 Chúng con không dám hỏi **Như Lai**.  
 Bạch **Thế Tôn** đức sâu dày!  
 Ví như có một người nay đã già  
 Trên trăm tuổi mắc mà chứng bệnh  
 Nằm liệt giường tâm tính luờ  
 Sự chết xảy đến bất ngờ  
 Như đèn sắp tắt còn chờ phút giây.  
 Một hôm có người đây giàu có  
 Vì duyên sự tạm bỏ quê nhà  
 Tìm đến gởi vàng ông già  
 Số lượng cân nặng đúng là trăm cân,  
 Hẹn ước giao mười năm hay hoặc



Hai mươi năm trở lại gia cang.  
Ông già đó nhận giữ vàng  
Không lâu chết, chẳng họ hàng lửa hương,  
Số vàng để gia đường vì đó  
Thất lạc đi không có rõ ràng.  
Đúng kỳ hạn người gửi vàng  
Trở về mới biết dở dang khóc cười,  
Chủ vàng kia là người vô trí  
Khi gửi vàng chẳng biết chọn nơi  
Đáng gửi hay không đáng thời  
Để khi mất của cả đời héo von.  
Hàng *Thanh Văn* chúng con cũng vậy,  
Dầu đã nghe lời dạy **Như Lai**  
Mà chúng con chẳng miệt mài  
*Thọ trì, hành* tập hằng ngày siêng năng,  
Khiến *Chánh Pháp* dần dần mất hẳn.  
Như ông già đã nhận số vàng  
Của người gửi không bảo toàn,  
Vì chẳng sống đặng thế gian lâu dài.  
Chúng con chưa đủ tài, đủ đức  
Biết hỏi gì *giới luật* tinh thông”.  
**Phật** dạy *Tỳ-kheo* các ông:

“Vì sự *lợi ích* cho trong bốn loài.

**Như Lai** bảo các thầy là vậy,  
Chỗ nào *nghi* che đậy hỏi qua”.

Các *Tỳ-kheo* bạch **Phật Đà:**

“**Thế Tôn! Thiện Thệ!** Dung hòa dưới trên.

Như có người thanh niên khỏe mạnh

Nhà giàu sang *tâm tánh* thật thà,

Đầy đủ vợ con, mẹ cha,

Thân nhân bằng hữu cùng là anh em.

Một hôm có người quen tìm tới

Năn nỉ anh cho gửi số vàng:

“Vì công việc xa gia đàng

Khi tôi trở lại anh hoàn trả sau”.

Nhận vàng xong cất vào kho kỹ.

Ít lâu sau anh bị bệnh mang,

Người trai trẻ dặn họ hàng

Nếu tôi mệnh hệ trần gian lia đời

Nhớ hãy trả cho người chủ cũ

Số vàng kia giao đủ như y.

Thời gian qua đúng hạn kỳ,

Ông gửi vàng ấy hồi qui quê nhà.

Được vợ con anh ta hoàn trả

Đúng như lời anh đã dặn dò.  
 Là người trí phải dẫn đo,  
 Nên biết chọn mặt gửi cho đúng người.  
 Khỏi hối tiếc mất thời của quý,  
 Chuyện gửi vàng như ví dụ đây.  
 Cũng vậy, nếu **Đức Như Lai** !  
 Dem hết **Pháp bảo** giao ngài **A-Nan**  
 Và *Tỳ-kheo* bốn ban kém đức  
 Giữ chẳng lâu đến mức chu toàn  
 Vì *Thanh Văn* Chúng đạo tràng  
 Hay ngài **Ca-Diếp** đều mang *vô thường*.  
 Như ông già nhận vàng người gửi  
 Không bao lâu lia cỏi trần này.  
 Bạch **Thế Tôn**! thấu rõ ngay  
 Nên đem **Phật Pháp** sâu dày truyền ban  
 Giao phó cho các hàng **Bồ-Tát**,  
 Vì **Bồ-Tát** đạo đạt huệ khai.  
 Có thể hỏi **Đức Như Lai**  
*Pháp bảo* giữặng lâu dài xiển dương  
 Làm lợi ích Sáu đường, Ba cõi,  
 Ví như người trai trẻ trên đây.  
 Vì những lẽ ấy hôm nay

Chỉ hàng **Bồ-Tát** hỏi rày **Phật** thôi.  
 Trí huệ chúng con thời quá nhỏ  
 So **Phật huệ** không có sánh bằng  
 Làm sao hỏi **Pháp** diệu thâm  
 Vô **Thượng** đạo quả Chánh Chân cao vời.  
 Các **Tỳ-kheo** khéo lời trình bạch  
 Xong rồi lại lễ **Phật** ngồi yên. (Lạy)

**Phật** khen các vị **Thánh Hiền**.  
 “Lành thay! Chứng ngộ tâm thiên **vô sanh** .  
**Như Lai** đã hiểu rành suy xét  
 Hay duyên cố rõ nét đúng, sai.  
 Nên đem **Phật Pháp Như Lai**  
 Giao phó **Bồ-Tát** từ nay lãnh phần  
 Khiến **diệu pháp** tăng dần tồn tại  
 Được lưu truyền mãi mãi nơi đời”.

**Thế Tôn! Như Lai!** Tức thời.  
 Bảo toàn **Đại chúng** nhớ lời hôm nay.  
**Thọ mạng Phật** không tài tính đặng  
 Dầu biện luận siêu đẳng thế nào.  
**Đại chúng** phải nên mong cầu  
 Tùy ý bạch hỏi cạn sâu chỗ nào

Nơi *giới luật* thấp cao chưa hiểu  
*Pháp Quy Y* đạt liễu chánh chân.

**Đức Phật** tuyên bố ba lần

Thả đều như vậy, ân cần khuyến mong.

Lúc bấy giờ, ở trong Đại chúng

Có một vị, trí dũng song toàn

Tuổi còn trẻ, liệt vào hàng

Bậc **Đại Bồ Tát** thuộc làng Đa-La

Họ **Ca Diếp** con nhà vọng tộc

*Bà La Môn* tu học kỳ tài,

Do *thần lực* của **Như Lai**

Chỗ ngồi đứng dậy trịch vai áo bày,

Gối bên mặt quỳ ngay chấm đất

Chấp hai tay hướng **Phật** bạch rằng:

“**Đức Thế Tôn** ! Đại *Thánh Nhân* !

Là Cha muôn loại, vạn lần thi ân.

Con có chút việc cần muốn hỏi

Cầu **Phật** từ mong mỗi thứ tha”.

**Phật** bảo **Ca Diếp** Ma Ha:

“**Như Lai Ứng Cúng Phật Đà** từ bi

Cho phép ông điều gì chưa biết

Chỗ nghi ngờ sự thiệt chẳng thông

Cứ hỏi **Như Lai** sẵn lòng  
 Giải quyết tất cả để ông vui mừng”.

Ngài **Ca Diếp** thưa vâng bạch **Phật**:  
**Đức Thế Tôn!** Xứng bậc Cha lành  
 Xót thương nhưn loại *Chúng sanh*  
 Nay con mạn phép chân thành xin thưa,  
 Vì *trí huệ* con chưa đủ lực.  
 Còn **Thế Tôn** đạo đức châu toàn  
 Thân **Phật** như chơn *kim cang*  
 Màu như kha ngọc rõ ràng *litu ly*.  
 Trong đại hội nay thì đầy đủ  
**Đại Bồ Tát** thành tựu *Hằng hà*  
 Vô lượng *công đức* bao la  
 Ở trước **Phật**, Chúng thật là *quang minh*,  
 Con đâu dám lờn khinh sợ lỗi  
 Lại ngang nhiên bạch hỏi **Như Lai**.  
 Nay nương sức thần **Phật** đây  
 Và của *Đại chúng* đức dày *thiện căn*.  
 Bạch hỏi những điều cần nên hỏi,  
 Để *Chúng sanh* tầm tởi *tu hành*.  
**Ca Diếp Bồ Tát** chí thành  
 Đánh lễ **Tôn Phật** kệ rằng như sau:

**Đức Phật** thọ trường như thế nào ?

*Thân kim cang bất hoại, vì sao ?*

*Nhơn duyên có được luôn tròn vẹn*

*Đặng sức kiên bền không tổn hao ?*

*Thế nào đạt liễu **khế kinh** này*

*Rốt ráo bờ kia đến thẳng ngay ?*

*Nguyện **Phật** từ bi vì Đại chúng*

*Nghĩa chơn kín nhiệm giảng khai bày.*

*Thế nào đặng đạo rộng sâu dày*

***Y chỉ** làm gương hết mọi loài ?*

*Chẳng thiệt vô sanh La Hán quả ?*

*Mà đồng La Hán thiệt không sai ?*

*Thế nào biết rõ chỗ **Thiên Ma***

*Lưu nạn làm cho Chúng khổ mà ?*

*Lời **Phật**, lời **ma** tuy có khác*

*Làm gì phân biệt để tri ra ?*

*Thế nào **Điều Ngự Trượng Phu** đây !*

*Hoan hỷ thuyết chơn để mở khai*

*Thành tựu **giác viên** tâm chánh thiện*

*Diễn rành nói bốn đảo điên này ?*

*Nghiệp lành muốn tạo làm sao đạt*

*Xin Đức Thế Tôn chỉ dạy bày.*

*Con nguyện hành y lời của Phật*

*Lý chân rộng giải độ muôn loài.*

*Các hàng Bồ Tát bậc Ma Ha !*

*Thấy được tánh kia khó thấy mà*

*Nghĩa **mãn tự** hay là **bán tự***

*Thế nào hiểu đúng chỗ sâu xa.*

*Thánh Hạnh nghĩa này chưa hiểu qua*

*Ví như chim nọ **Ta La Ta** ?*

*Thế nào chưa phát tâm vô thượng*

*Mà gọi là **Bồ Tát Ma-Ha** ?*

*Ở giữa Thánh Tăng Đại chúng này*

*Không hề kinh sợ chí lung lay*

*Như vàng nguyên chất **Phù Đàn** vậy*

*Chẳng có ai mà chỉ trích đây?*

*Sống đời **ngũ trước** chốn trần lao*

*Tham ái lợi danh chẳng nhiễm vào*

*Ví thể hoa sen không dính bần*

*Gần bùn tiết sạch nét thanh cao ?*

*Vọng tâm phiền não đều tan biến*

*Như vị y sư trị bệnh đau,*



*Chẳng để bệnh nhân lây nhiễm bệnh.*

**Phật** thương chỉ dạy cách làm sao ?

*Thế nào làm chủ chiếc thuyền nan*

*Giữa biển tử sanh lăm khổ nản ?*

*Như rắn lột da thay lớp cũ ?*

*Đoạn lìa sanh tử định tâm an ?*

**Tam Bảo** phụng hành như thế nào ?

*Tợ cây Thiên Ý đẹp dường bao ?*

**Ba thừa** nếu thật đây **vô tánh**

*Xin hỏi làm gì nói rộng sâu,*

*Ví sự vui kia chưa xảy đến*

*Mà ta lại nói thọ vui sao ?*

**Phật** từ bi giải cho sanh chúng

*Hiểu rõ đuôi đầu nghĩa cạn sâu.*

*Thế nào **Bồ Tát nhục thân** mang*

*Mà đặng chứng thân bất hoại tan ?*

*Lại nhận làm người đưa dẫn lối*

*Đưa mù thức tỉnh thoát lằm than*

*Vì sao thị hiện nhiều đầu vậy*

*Xin **Phật** từ bi Chánh Pháp ban.*

*Muôn loại Chúng sanh đồng giác ngộ*

*Biển trần Bát nhã sớm đưa sang.*

*Thế nào thuyết pháp độ trần gian*

*Thêm lớn như trăng mọc rõ ràng ?*

*Thị hiện tướng thân vì lợi chúng*

**Niết Bàn** viên tịch hóa kim quang ?

*Thế nào là bực Đại Từ Bi*

*Hiện tướng như, thiên, ma đạo thì ?*

*Thấu biết sâu lường nơi Pháp tánh,*

*Mà sao **Pháp lạc** thọ hành trì ?*

*Thế nào **Bồ Tát** đã lìa xa*

*Tất cả bệnh căn chẳng nhiễm qua ?*

*Vì giác Chúng sanh khai diễn thuyết*

*Pháp mâu bí mật khó bàn ra ?*

*Thế nào thuyết pháp được viên thông*

*Và chẳng viên thông đến tột cùng.*

*Như đứt lưới nghi kia đã dệt.*

*Tại sao bất định chỗ **tâm không** ?*

*Thế nào gần đặng bậc **Như Lai***

***Tối thắng** Thượng Tôn đạo chỉ bày?*

*Cầu thỉnh **Thế Tôn** vì Đại chúng*

*Và Chư **Bồ Tát** hiện nơi đây*

*Giảng sâu thuyết Pháp chơn vô thượng  
 Các hạnh diệu thâm thấy rộng dày  
 Trong các Pháp kia đều sẵn có  
 Tánh chân an lạc chẳng lầm sai.  
 Cúi xin **Đức Phật** đây phân biệt  
 Dạy chúng con mau thấu biết ngay.*

**Đức Phật** là nhà để tựa nương  
 Chúng sanh tôn kính Đại Y Vương!  
 Nay con muốn hỏi qua nhiều **Ấm**  
 Ngặt nổi trí thô khó định lường,  
**Bồ Tát** số đông tinh tấn đạo  
 Còn không biết được hết am tường  
 Nhiệm màu cảnh giới Hằng sa **Phật**  
 Rất kín khó bàn chỗ diệu phương. (Lạy)

**Đức Phật** nghe qua khen ngài:  
 “**Ca-Diếp Bồ Tát** lành thay *pháp tài!*  
*Nhất Thiết Trí* ông nay chứng đắc  
 Của **Như Lai** đã được từ lâu.

Những *bí tạng* rất tối cao  
 Mà ông vừa hỏi nghĩa sâu vô vàn  
 Như chỗ hỏi của hàng **Đại giác**

*Nhất Thiết Trí* thành đạt sẵn rồi.

Hỡi này Thiện Nam Tử ơi ! :

“Lúc **Ta** đắc đạo ngồi nơi rừng già

**Cội Bồ-đề** chưa xa rời bước,

Chư **Bồ Tát** cõi nước mười phương

Thế giới không thể tính lường

Cũng từng đến hỏi *Pháp* dường như trên.

Những chân lý vô biên *vi diệu*,

Văn nghĩa đều chứng liễu **đức công**.

Ngày trước bấy giờ đến ông

Xét ra chẳng khác, vẫn đồng như nhau.

Hỏi như vậy dường bao *lợi ích*

Cho *vô lượng* sở thích *Chúng sanh*”.

**Ca-Diếp Bồ Tát** chân thành:

Kính bạch *Từ Phụ* Cha lành **Thế Tôn!**

Con không đủ trí khôn để hỏi

**Đức Như Lai** thâm nghĩa ấy đâu.

Ví loài muỗi chẳng bay cao

Qua đến bờ biển, lượn vào *hư không*.

Cũng vậy, con nào mong so sánh

Nghĩa *hư không* pháp tánh sâu dày

*Trí huệ* biển cả **Như Lai**

Thật là tối thượng không ai dám bì.  
 Như vị vua trị vì thiên hạ  
 Đem minh châu quý giá của mình  
 Giao quan chủ kho giữ gìn.  
 Con đây cũng thế kính tin hết lòng  
 Pháp *Đại Thừa* viên thông bí mật  
 Của **Thế Tôn Chư Phật** giáo truyền.  
 Vẹn gìn chẳng chút giảm thuyên  
 Vì vậy, con đặng hiển nhiên huệ mâu”.  
**Đức Phật** bảo **Ca-Diếp Bồ Tát**:  
 “Hãy lắng nghe! Ghi tạc tâm lòng.  
**Như Lai** nay sẽ vì ông  
 Và cả *Đại chúng* một lòng thiết hơn  
 Giảng về *Sự, nghiệp nhơn* trường thọ  
 Của **Như Lai** sáng tỏ xưa nay.  
 Do nơi tào *nghiệp nhơn* này  
 Mà **Chư Bồ Tát** thọ dài *mạng căn*  
 Nếu *hạnh nghiệp* làm *nhân* cho *quả*  
 Thời phải nên nhứt dạ *tâm thành*  
 Lắng nghe cho kỹ rõ rành  
 Và lãnh thụ nghĩa thực hành như y,  
 Đã lãnh thụ duy trì rộng thuyết

Cho người khác cùng biết tận tường.  
 Bối tu tập *hạnh nghiệp* thường  
**Như Lai** được đạo thọ trường vĩnh miên.  
 Nay vì người lại tuyên giảng thuyết  
 Ý nghĩa ấy chơn thiết cao sâu.  
 Như vị vương tử đương trào  
 Phạm phải luật nước giam vào thiên lao.  
 Vua nhớ con buồn đau tất dạ,  
 Tự đích thân ngự giá ngục đường.  
 Cũng vậy, muốn đặng thọ trường  
**Bồ-Tát *hộ niệm*** thường thường *Chúng sinh*,  
 Xem như con của mình không khác,  
 Luôn sanh lòng *hỷ, xả, từ, bi*  
 Truyền cho *Chánh pháp Tam quy*,  
*Ngũ giới, **thập thiện*** thực thi tu hành.  
 Lại vào chốn *súc sanh, địa ngục*  
 Để cứu vớt mọi lúc không ngừng,  
*Giải thoát* những kẻ *trâm luân*,  
 Độ người khổ não chưa từng độ qua.  
 Người chưa được thoát ra *Tam giới*,  
 Người chưa từng vào cõi *Niết Bàn*,  
 Đều làm cho đặng hoàn toàn,

An ủi tất cả người đang buồn rầu,

Ở trong cảnh lo âu kinh sợ,

**Bồ Tát** đều giúp họ an tâm.

Đã đủ *nghiệp nhân* gieo mầm,

Nên quả thọ mạng *thậm thâm* lâu dài,

Các *trí huệ* an bày *tự tại*

Không có còn trở ngại *Sáu* đường.

Khi mạng chung **Bồ Tát** thường

Sanh về nước **Phật** mười phương *Hằng* hà.

Ngài **Ca Diếp** thưa qua **Đức Phật**;

“Bạch **Thế Tôn**! Sự thật ra sao.

**Bồ Tát** *Ma Ha* thế nào?

Mà xem sanh chúng trước, sau đấng bình

Như con ruột của mình sinh đẻ,

Nghĩa **Phật** dạy lý lẽ rất sâu,

Con chưa hiểu đặng đuôi đầu

Lòng còn nghi ngại ngỡ hầu việc trên.

**Đức Thế Tôn** chẳng nên khuyên nói

Các **Bồ Tát** đối với *Chúng sinh*

*Tu tâm, hạnh đức* đấng bình

Xem Chúng đồng thể con mình không hai,

Vì ở trong hiện nay **Phật Pháp**

Đã có người tạo ác mê lầm,  
**Phá giới, sát sanh, tà dâm,**  
 Phạm tội **ngũ nghịch** trọng tâm rất nhiều.  
 Lại có kẻ đem điều hủy báng  
**Chánh Pháp Phật** ngạo mạn chê bai.  
 Sao đối với hạng người này  
 Xem như con ruột mình đây lạ kỳ”.

**Đức Thích Ca Mâu Ni Phật** dạy:  
 Nay **Ca Diếp** : “Phải đấy ! Không sai.  
**Thế Tôn** thiết xem muôn loài  
 Đồng là con một như **La Hầu La**”.

**Ca Diếp** liền bạch qua **Đức Phật**:  
 Xin **Phật** thương sự thật phân qua.  
 Trước kia, ngày rằm không xa,  
 Lúc đó, **Đại Đức Tăng** già nhóm đông  
 Đang **bố tát** truyền trong *giới luật*  
 Có đứa bé khờ khật vạy ngây  
 Không tu *thân, khẩu, ý* này  
 Núp ở chỗ kín nghe bày *giới* khai.  
**Mật Tích Thần** nường oai *thần lực*  
 Của **Phật** đây dùng sức của mình  
 Lấy chày *kim cang* hiển linh



Đập nát đũa trẻ thân hình ra tro.

Bạch **Thế Tôn!** Bởi do *sát giới*

*Thần Kim Cang* đây mới giết người

Rất là bạo ác trên đời.

Thế sao **Phật** dạy xem thời *Chúng sinh*

*La Hầu La* con mình không khác

Lời *giáo hóa* của **Phật** đúng chẳng ?”

Tiếp theo **Đức Phật** dạy rằng:

“**Ca Diếp** chưa thấu nói năng phạm lời

Đứa trẻ đó là người *biến hóa*

Chẳng phải thật ông đã hiểu lầm.

Vì muốn đuổi kẻ tà tâm

Những người *phá giới* gieo mầm ác nhân

Ra ngoài chỗ *Chư Tăng* đồ chúng

Nên hiện bày *quyền* dụng thế kia,

Vả lại *thần kim cang* kìa

Cũng do *biến hóa* chẳng là thật đâu.

Hạng hủy báng đạo mâu **Pháp Phật**,

*Nhất Xiển Đề* hay hoặc có người

*Sát sanh, tà kiến* không thôi!

Cố ý phạm giới hại đời *phá Tăng*.

**Phật** từ bi thế trần ban phát

Đồng là con như **La Hầu La**.

Như *Quốc Vương* trị nước nhà  
Bây tôi phạm pháp khó tha luật hình.

**Phật** đối với *Chúng sanh* chẳng vậy;  
Hạng hủy báng, phạm phải sát nhân  
Dùng pháp *yết ma* khuyên răn,  
Khiến trách, cử tội .v.v. . . khử trừ.

Vì **Phật** muốn hạng người như vậy,  
Có *quả báo* nhận lấy không sai.

Ông phải biết **Đức Như Lai** !  
Là vị *vô úy* vượt ngoài thế gian.

Luôn thí *đức* bố ban *hỷ, xả*  
Cho *Chúng sanh* ác đã tạo gây.

Nếu **Như Lai Thế Tôn** đây !  
Phóng ra tia sáng một, hai, năm lần...

Kẻ nào gặp được vầng tia sáng  
Đều xa lìa dứt hẳn ác gian.

**Như Lai** đầy đủ phước ban  
Vô lượng oai lực hộ an bốn loài.  
Pháp chưa thấy, nếu nay muốn thấy  
**Ta** vì ông giảng dạy sẵn sàng  
Về tướng mạo đó rõ ràng.

Sau khi **Phật** nhập *Niết Bàn* tịch viên.  
Có *Tỳ Kheo* nào siêng *trì giới*,  
Đủ *oai nghi* đức độ phi phàm,  
Hộ trì *Chánh Pháp già lam*  
Thấy người *tu hoại* việc làm dối gian.  
Có thể trước đạo tràng *khu khiển*  
Hay quả trách tùy tiện phạt răn.  
Phải biết *Tỳ Kheo* đó rằng:  
Đặng *phước* vô lượng khôn ngần vô biên.  
Như vị Vua chuyên quyền bạo ác  
Giết trung thần sát phạt dân lành  
Không lâu lâm bệnh nặng hành.  
Vua nước lân cận nội tình thấu qua  
Liên khởi binh trăm xà dẹp thảo,  
Trách tội Vua vô đạo quá chừng.  
Vì thế yếu phải đành ưng  
Xin được tha mạng ăn năn sửa mình.  
Vua lắng giềng hiếu sinh độ lượng,  
Nên đặng *phước* vui hưởng nghĩ bàn.  
Cũng vậy, *Tỳ kheo* bốn ban  
Giữ phép khiển trách, trị hàng ác *Tăng*  
Cho họ chừa lỗi răn giới đức

Thời được *phước* hết sức khôn lường.

Ví như nhà cửa ruộng vườn  
Của ông *Trường giả* mọc toàn những cây  
Gai có độc chứa đầy trong đó  
Ông thấu biết đốn bỏ sạch trơn.

Lại như có người thanh niên  
Đầu nhiều tóc bạc ưu phiền trong tâm  
Anh hổ thẹn âm thầm nhổ bỏ  
Để tóc bạc chẳng lộ ra dài.

Cũng vậy, vị *Tỳ kheo* này  
Một lòng giữ *giới* thấy ai phạm vào  
Luật ***giới pháp*** mau mau cử tội,  
Nên quả phạt ***sám hối*** lỗi bày.

Đúng là *đệ tử Như Lai!*  
*Thanh Văn* chơn thật đức dày sâu xa.  
Nếu thấy mà bỏ qua che đậy  
Phải nên biết người ấy theo *ma*

Làm hoại *Chánh Pháp Phật Đà*  
*Tu hành* như vậy khó ra bề trần.

Ngài **Ca Diếp** thưa rằng với **Phật**:  
“Bạch **Thế Tôn!** Sự thật giải bày.

Cứ như lời dạy **Phật** đây

Thời không *bình đẳng* con nay *nghi* ngờ.  
Nếu có người cầm dao hại **Phật**,  
Lại có người tâm thật hiền lương  
Đem dầu cây *Chiên đàn* hương  
Thoa lên thân **Phật cúng dường Thế Tôn**.  
**Đức Như Lai** có lòng *bình đẳng*  
Đối hai người tâm chẳng biệt phân,  
Sao lại **Phật** đây bảo rằng  
Đem kẻ phạm luật ra răn trị rày.  
Nếu trừng trị người này phạm luật  
Thời lời dạy của **Phật** lỗi sai”.

Nghe qua **Ca Diếp** trình bày  
**Phật** nói ví dụ sau đây nghĩa rằng:  
“Như Quốc vương, Đại thần, Tể tướng ...  
Có bốn người trai trưởng thơ sinh,  
Khôi ngô tuấn tú thông minh,  
Giao thầy giỏi dạy sử kinh sách đèn  
Và dặn rằng: Thầy rèn luyện chúng  
Tài lẫn Đức hữu dụng nước nhà,  
Nếu chúng ngỗ nghịch vạ tà  
Phải nhớ nghiêm trị theo gia pháp truyền.  
Thầy đừng sợ được quyền hành phạt

Dầu ba đũa có thác mạng phần,  
 Còn một đũa đặng nên thân  
 Chúng tôi thỏa nguyện đội ân đức dày.

Này **Ca Diếp**, **Như Lai** xin hỏi :  
 Cha và Thầy có tội sát chăng?”

**Ca Diếp Bồ Tát** thưa rằng:

“Dạ không có tội muôn lần cũng không.

Vì Thầy, Cha tấm lòng chân thật  
 Muốn con, trò toại đắc thành danh,  
 Chớ chẳng phải có ác tâm

Dạy dỗ như thế gieo mầm thanh cao”.

**Phật** nói: **Như Lai** đâu có lỗi

Đối với kẻ phạm tội luật hình

Xem đồng con cả của mình

Một mực thương mến chơn tình trước sau.

Nay **Như Lai** đem giao tất cả

*Pháp* vô thượng phó chúc các Vua,

Đại thần, Tể tướng, *Tỳ kheo*,

*Cận sự nam nữ* y theo huấn điều.

Các Quốc Vương, Quan triều, bốn bộ

Nên khuyến răn, ủng hộ Chúng Tăng,

*Giới, định, huệ* đặng vẹn phần

Làm gương bá tánh thứ dân nường về.  
 Nếu người nào chấp *mê* bỏ *ngộ*  
 Không tu học ba độ pháp này  
 Làm biếng, phá hoại giới trai  
 Hủy phạm *Chánh Pháp Như Lai Phật Đà*,  
 Thời Vua, Quan, *Tăng già* Bốn bộ  
 Phải nghiêm trị cử tội không tha.  
 Nay **Ca Diếp** đã nghe qua !  
 Như vậy Bốn bộ cùng là Vua, Quan  
 Có mắc tội hay không mắc tội  
**Đức Như Lai** muốn hỏi với ông ?  
 “Bạch **Thế Tôn!** Dạ thưa không!  
 Vì vâng lời **Phật** trọn lòng hành y  
 Vua và Quan chẳng thì mắc tội  
 Huống **Như Lai** có lỗi hay sao?”  
 Nay **Ca Diếp ! Phật** dòi traу.  
**Tu** đức *bình đẳng* trải bao lâu đời,  
 Xem *Chúng sanh* như thời con cá.  
*Tu* như vậy *đạo quả* viên thành,  
**Bồ Tát** bình đẳng *Chúng sanh*  
*Hạnh nghiệp* cao cả mạng lành thọ lâu,  
 Đủ *trí huệ* lâu lâu sáng tỏ

Việc đời trước biết rõ hoàn toàn.  
**Ca Diếp** chuyên chú tịnh an  
Lắng nghe **Phật** nói lại càng nghi nan!  
“**Như Lai** dạy khuyên hàng **Bồ Tát**  
Tâm bình đẳng thương các *Chúng sinh*  
Như con ruột của chính mình  
Thời được *thọ mạng* khương ninh lâu dài.  
Xin **Thế Tôn ! Như Lai Ứng Cúng !**  
Chẳng nên dạy sanh chúng thế này.  
Ví người biết *Pháp* giỏi hay,  
Có thể giảng nói thảo ngay hiếu thuận,  
Khi về nhà quên ân cha mẹ,  
Thường thốt ra lời lẽ cộc cằn  
Hoặc hay mắng chửi song thân,  
Kể chi dưỡng dục công ân biển trời.  
Cha mẹ vốn là nơi ruộng *phước*,  
**Phật** tại gia cần được *cúng dường*,  
Trở lại đánh đập chẳng thương,  
Lời nói hành động hai đường trái nhau.  
**Phật giáo hóa** có nào chẳng khác,  
Khuyến chư vị **Bồ Tát tu hành**,  
Tâm từ bình đẳng *Chúng sanh*



Được mạng trường thọ đắc thành *túc thông*.

Thường ở đời lòng không dời đổi,

Hằng luôn gìn gốc cội *từ bi*.

Nay đây do duyên cố gì

Mà Đức *Từ Phụ Mâu Ni Phật Đà*

*Thọ mạng* đồng như là *thế tục*?

Hay **Như Lai** oán ghét *Chúng sanh* ?

Ngày trước làm việc bất lành

Giết chết sanh mạng, phải đành *quả* mang.

Chịu đoản thọ hơn gian ngắn ngủi,

Sống không đầy trăm tuổi đặng nào?”

**Phật** bảo **Ca Diếp** vì sao !

“Dụng lời thô siển chứa bao ẩn lòng.

Trước **Như Lai** mà ông như thế

Không sợ *ma* khi dễ hay sao?

**Như Lai** trường thọ dài lâu

Hơn các tuổi thọ khó âu so lường.

*Chúng* được Pháp chơn *thường trụ* mãi

Trong các *Pháp* tồn tại tối cao”.

**Ca Diếp** bạch **Phật** ! Làm sao :

“**Thế Tôn** *thọ mạng* dài lâu thế nào?”

**Phật** nói: “Như tám con sông lớn,

Xin lược kể dưới đây như là:

Một là sông **Hằng**,  
Hai sông **Diêm Ma La**,  
Ba là sông **Tát La**,  
Bốn sông **A Lợi La**,  
Năm là sông **Ma Ha**,  
Sáu là sông **Tân Đầu**,  
Bảy là sông **Bát Xoa**,  
Tám là sông **Tất Đà**.

Tám con sông lớn trên nào  
Cùng các sông nhỏ chảy vào đại dương.  
Các sông *thọ mạng* thường cũng vậy,  
Người, trời, đất, cả thủy *hư không*,  
Đều vào biển **Phật** mênh mông,  
**Như Lai** dụng chứa thể đồng tánh đây.  
Vì vậy, nên **Như Lai** *thọ mạng*  
Số kiếp đây vô hạn *Hằng sa*.  
Như *ao A Nậu* chảy ra  
Thành bốn sông lớn thật là tự nhiên.  
**Đức Như Lai** xuất sanh tất cả  
Sự *thọ mạng* chuyển hóa không ngừng.

Ví dụ các Pháp *Chơn thường*,  
*Hư* không đệ nhất thọ trường dài lâu,  
 Ở trong các Pháp mầu *thường trụ*,  
**Thế Tôn** là đệ nhất không hai.

Như trong các vị thuốc hay  
**Đề hồ** đệ nhất, quý thay được lành.  
 Cũng vậy, trong Chúng sanh vạn vật,  
*Thọ mạng Phật* đệ nhất khó tri”.

**Ca Diếp** bạch đấng *từ bi* :

“Con nghe **Phật** dạy những gì vừa qua !  
 Nếu *thọ mạng Phật Đà* như vậy,  
 Thời **Như Lai** *trụ* lại đời thường  
 Hoặc một kiếp, hoặc ít hơn  
 Tuyên thuyết diệu pháp, như cơn mưa rào”.

**Đức Phật** bảo : Ông sao nói vậy ?

Này **Ca Diếp** xin hãy nghe đây!

Chớ nên quan niệm **Như Lai**  
 Cho là *diệt tận* nghĩ sai biện bàn.

Này **Ca Diếp**! Có hàng thoát tục

Bậc *Tỳ Kheo ly dục xuất gia*,

*Cận sự nam, nữ* tại nhà,

Nhẫn đến *ngoại đạo* đắc là **Ngũ thông**

Hạng *Thần Tiên* tùy lòng *tự tại*,  
Sống một kiếp hay lại ít hơn,  
Ở giữa *hư không* trụ thường  
Năm, ngòi, đi, đứng con đường *tự do*.  
Nách tả phun lửa màu đỏ rực,  
Nách hữu phun vọt nước trắng ngần,  
Khói lửa mù mịt che thân,  
Nếu muốn sống thọ tuổi trần bao nhiêu,  
Tùy theo ý thả đều *vô ngại*,  
Đổi *thọ mạng* ngắn lại hay dài.  
Người đắc *Ngũ thông* trên đây  
Còn được *thần lực* tháng ngày thông dong,  
Huống **Như Lai**, Chủ trong *Tam giới*  
Nơi Sáu đường lui tới an nhiên,  
Sức *thần thông*, lực vô biên,  
Tất cả các *Pháp* nào phiền xua tan.  
Há không *trụ* thế gian nửa kiếp,  
Hoặc một kiếp nhiều kiếp hay sao?  
Trăm ngàn kiếp số *trần lao*,  
Hoặc vô lượng kiếp khó nào chi chẳng?  
Vì nghĩa ấy, phải cần hiểu biết  
**Như Lai** vốn chơn thiệt *thường hằng*,

Không biến đổi, bất biệt phân.  
 Thân của **Đức Phật hóa thân** đây là,  
 Chẳng phải thân sanh ra tạp thực,  
 Vì *độ* Chúng *nguyện lực* sâu dày,  
 Nên *thị hiện* ở cõi này  
 Đồng với sanh chúng như loài thân mang.  
 Vì vậy, **Phật Niết Bàn tịch diệt**  
 Bỏ thân phàm *thị hiện* thế trần. (**Lạy**)

**Ca Diếp !** Ông nên biết rằng:  
 “**Phật** là thường trụ *pháp thân* mãi còn,  
 Là *Pháp* không hao mòn biến đổi,  
 Vượt ra ngoài nơi cõi trần ai.  
 Ở trong *đệ nhứt nghĩa* này,  
 Các ông cố gắng hằng ngày siêng năng,  
 Luôn *tinh tấn nhứt tâm tu tập*,  
 Cho dầu phải có gặp gian nan.  
 Mình *tu tập* được vẹn toàn  
 Và vì người khác mở mang đạo mầu”.  
 Ngài **Ca Diếp** cúi đầu thưa hỏi:  
 “**Bạch Thế Tôn!** Giảng nói rộng phân.  
 Có sự sai khác gì chẳng

Giữa *Xuất thế pháp*, *Pháp trên* thế gian?”

Như lời **Phật** rõ ràng đã dạy:

“**Phật** là *Pháp* tồn tại trong đời,

Là *Pháp* không biến đổi đời.

Người nay cũng nói cõi Trời *Phạm Thiên*,

*Tự Tại Thiên* niên niên bất diệt,

Cho là *Thường* sự thiệt khó lường,

Họ cũng nói *Ngã* là *Thường*

Dù sanh hay diệt, đoạn, trường *mạng căn*,

*Tánh* là *Thường*, *vi trần* rất nhỏ

Cũng là *Thường* chẳng có khác sai.

Nếu nói **Thế Tôn Như Lai** !

Là *Pháp thường trụ* không thay đổi đời.

Cớ sao chẳng hiện đời thường vậy,

*Nhập Niết Bàn Phật* lại xa rời ?

Nếu không thường hiện nơi đời

Có khác gì nghĩa thường thời thế gian ?

Vì *Phạm Thiên* hay hàng *Tự Tại*,

Hoặc *vi trần* chẳng thấy hiện ra”.

**Phật** bảo **Ca Diếp** nghe qua,

Rành rẽ thí dụ chắc là hiểu thông :

“Ví như nhà của ông *Trường giả*

Nuôi nhiều bò, tất cả chung đàn,  
Da thời đen, đốm, trắng, vàng  
Khác nhau màu sắc cũng toàn bò thôi.  
*Trường giả* giao cho người chăn dắt  
Ăn cỏ tốt, uống rặt nước trong,  
Chẳng cầu bơ sữa phí công,  
*Đề Hồ* mong được thỏa lòng một mai.  
Người chăn bò hằng ngày vắt sữa  
Để nuôi thân làm bữa no lòng,  
Không lâu *Trường giả* mạng vong,  
Bao nhiêu bò nọ mất không còn gì,  
Bị bọn cướp lừa đi hết cả  
Uống công ông vắt vả gian nan.  
Bọn cướp vui vẻ luận bàn  
Rằng ông *Trường giả* nuôi đàn bò lâu  
Đặng *đề hồ* không cầu bơ sữa  
Làm cách gì để đạt *đề hồ*.  
Là phẩm vật quý trong đời  
Thuốc trên các thuốc, chứa nơi *đề hồ*.  
Chúng ta không có đồ đựng chứa  
Dầu cho vắt nhiều sữa ích gì.  
Cuối cùng bọn chúng nghĩ suy

Lấy túi da đựng chứa thì sữa kia.  
 Không biết cách khó mà làm được  
 Sữa thành bơ, hà huống *đề hồ*.  
 Lũ cướp chế nước thêm vô  
 Pha trong túi sữa ý đồ đại ngậy,  
 Bơ chẳng thành, sữa đây lợt lạt,  
 Chất *đề hồ* muốn đạt dễ sao.  
 Hạng *phàm phu* cũng vậy nào,  
*Pháp* lành tuy có, nhưng màu ngoài da.  
 Chỉ tập tành học qua lời **Phật**,  
 Ví bọn cướp đánh cắp đàn bò.  
 Sau khi **Phật** nhập *Niết Bàn*  
 Họ trộm *thừa pháp* các hàng **Như Lai**  
 Cũng bày ra *giới khai định, huệ*,  
 Như sữa, không biết chế *đề hồ*  
 Mặc dầu cố sức điểm tô  
 Do không *phương tiện* bày phô hiệu rành.  
 Vì nghĩa này *Chúng sanh* không thể  
 Đặng thường *giới, định, huệ* sâu xa.  
 Như bọn cướp kia trên là  
 Chẳng biết phương pháp làm ra *đề hồ*.  
 Vì *đề hồ* pha vô nhiều nước



Vào chất sữa không được còn nguyên.  
 Cũng vậy, *phàm phu* thiếu *duyên*  
 Vì cầu *giải thoát* chấp riêng *Ngã* thường,  
 Hoặc *Phạm Thiên* hay *Tự Tại Thiên*,  
 Và ***Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên***,  
 Họ đều ***biên kiến*** chấp riêng  
 Cho là *chứng quả* tịch viên *Niết Bàn*,  
 Kỳ thật ra hoàn toàn chẳng đạt,  
 Nói **Niết Bàn** *giải thoát* điều ngoa.  
 Cũng như bọn cướp kia mà  
 Có sữa không thể biến ra *đề hồ*.  
 Hạng người trên trí thô ***phàm tánh***  
 Có chút ít ***phạm hạnh*** căn lành,  
 Hiếu thảo báo đáp sinh thành,  
 Nhờ đó *mạng* hết ***hóa sanh*** cõi trời  
 Hưởng chút *phước* thanh thoi an lạc,  
 Chẳng khác nào sữa, nước lộn chung.  
*Phàm phu* suy xét tột cùng  
*Phước* trời thọ hưởng cũng không hiểu rành,  
 Lại chẳng biết *giới* sanh đặng *định*,  
*Định* sanh *huệ*, thanh tịnh trí tri,  
 Không biết ***hồi hướng***, *Tam quy*

**Giác tâm** theo **Phật** thực thi pháp mầu.

Vì vậy nên kém sâu trí *định*  
 Nói *thường, lạc, ngã, tịnh* thật ra  
 Họ không hề thấu hiểu qua.

Thế nên **Phật** mới hiện ra đời này.

Vì *Chúng sanh* thuyết khai thị *Pháp*  
*Chơn, thường, lạc, ngã, tịnh* chỉ đường.

Như Vua **Chuyển Luân Thánh Vương**,

Do oai đức lớn kiên cường minh quang,

Ngài ra đời phá tan bọn cướp,  
 Lấy đàn bò như trước vẹn nguyên.

Vua đem đàn bò lành hiền

Giao người chăn giữ năng siêng rành nghề.

Không bao lâu được *đề hồ* tốt  
 Nhờ *đề hồ* khỏi khổ nhơn dân.

Lúc Đấng *Pháp Vương* giáng trần

Hạng *phàm phu* ấy dần dần vỡ tan.

Vì không thể đăng đàn thuyết giáo  
*Giới, định, huệ* rốt ráo hoằng khai.

Bấy giờ, **Thế Tôn! Như Lai!**

Khéo giảng **thế pháp** an bày *Chúng sanh*

Và *xuất thế* tu hành *giải thoát*,

*Nhứt thiết trí* chứng đạt như **Ta**.  
 Khiến các **Bồ Tát** Ma Ha  
 Theo đó *diễn thuyết* thiết là qui mô.  
**Chư Bồ Tát** *đề hồ* đã độ,  
 Lại làm cho vô số *Chúng sanh*  
 Đặng Pháp *Cam lộ* thượng lành  
 Tức là *Thường, Lạc* .... **Phật** thành từ lâu.  
 Nay **Ca Diếp** pháp mầu nghe thấy!  
 Cũng vì những nghĩa ấy diệu huyền.  
 Nên **Như Lai** là *Thường* nhiên  
 Là pháp bất biến *tùy duyên* độ đời.  
 Chẳng đồng hạng với người ngu tối  
 Mà trong đời danh gọi *Phạm Thiên* ...  
 Là *Pháp* thường còn vĩnh miên,  
 Không sanh, không diệt vị nguyên **Phật thừa**.  
 Gọi là *Pháp Vô vi* thường trụ,  
 Thời phải là *Thiện Thệ* **Như Lai** !  
 Chớ chẳng phải *Pháp* nào đây  
 Ông nên hiểu biết thân này của **Ta**,  
 Thân **Thế Tôn** đúng là như vậy,  
 Không bao giờ nghe thấy đổi thay.  
 Nay **Ca Diếp**! Mọi người đây.

Chuyên lòng tu hai chữ này trọng tâm

**Phật** “*Thường Trụ*” *thậm thâm vi diệu*

Đó là *Pháp* viên liễu tối cao.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào

Hai chữ “*Thường Trụ*” giới trau thường thường,

Người ấy đi theo đường của **Phật**,

Đến chỗ **Phật**, chơn thật không sai.

**Ca Diếp Bồ Tát** nghe đây!

Nếu người tu hai chữ này *viên dung*,

Rồi làm *tướng* cuối cùng *tịch diệt*,

Đó là điều nên biết rõ ràng,

**Như Lai** *chứng nhập Niết Bàn*

Đối với người ấy hoàn toàn giống nhau.

Này **Ca Diếp**! Nghe nào **Ta** dạy.

Nghĩa *Niết Bàn* đó lại chính là

*Pháp tánh* của **Chư Phật Đà**

Khó mà suy nghĩ nói ra ngôn từ.

Ngài **Ca Diếp** bấy giờ bạch **Phật** :

“Bạch **Thế Tôn**! Thành thật thưa qua.

*Pháp tánh* của **Chư Phật Đà**

Lý nghĩa thâm áo sâu xa thế nào?

Con muốn biết nghĩa mầu *Pháp tánh*.

Cúi xin Bậc **Đại Thánh Như Lai !**

Xót thương *Chúng sanh* bốn loài  
Giảng giải rộng nghĩa sáng khai *Ta bà*.

Vả *Pháp tánh* tức là xả bỏ,

Thân xả lìa nó có như không,

Vậy nên chớ luống cầu mong  
Thân *vô sở hữu*, tức không có nào.

Thân nếu còn, tại sao lại nói :

“Thân này có *pháp tánh* hay sao ?”

Hai điều trái ngược khác nhau,  
Thân có *pháp tánh*, thân sao lại còn ?

Mong **Phật** dạy cho con hiểu thấy

Như thế nào nghĩa ấy đúng, sai ?

Bấy giờ, **Thế Tôn Như Lai !**

Bảo ngài **Ca Diếp** nghe đây giáo truyền :

“Nay ông chớ chảng nên nói diệt

*Pháp tánh* này có thiệt hay sao.

*Pháp tánh*, không có diệt nào.

Ví phẩm chất sữa một màu tinh nguyên.

Như cội *Vô Tướng Thiên* thành tựu,

*Sắc ấm* không có Sắc tướng mà.

Chảng nên suy luận hỏi qua

Các trời vui hưởng, sướng ra thế nào ?  
 Nghĩ tưởng thì làm sao được biết ?  
 Thấy nghe sao ? Sự thiệt hãn tường.  
 Nay **Ca Diếp** ! Thật khó lường  
*Cảnh giới Chư Phật* mười phương nhiệm mầu.  
 Chẳng phải chỗ cạn sâu tri xét  
 Của *Thanh Văn, Duyên Giác* biện bày.  
 Không nên nói thân **Như Lai**  
 Là *Pháp Sanh diệt* như loài thế gian.  
 Nay **Ca Diếp** ! **Niết Bàn tịch diệt**  
 Như thế là *cảnh giới Như Lai*,  
 Chẳng phải hàng *Thanh Văn* đây  
 Hay là *Duyên Giác* tri lai tận tường.  
 Ông không nên suy lường **Đức Phật**  
 Ở chỗ nào, đi đến chỗ nào,  
 Thấy chỗ nào, vui chỗ nào?  
 Những diệu nghĩa ấy thâm sâu vô cùng,  
 Cũng chẳng phải các ông biết đặng  
*Pháp thân Phật tối thắng* vô biên.  
 Các thứ *phương tiện* biến quyền  
 Không thể bàn nghĩ *tùy duyên* độ đời.  
 Nay **Ca Diếp** ! Thời thời qui nạp

Phải *tu tập* **Phật, Pháp** và **Tăng**

Luôn luôn *quán tưởng* thường hằng.

Không có *dị tưởng* nhớ rằng định an,

*Vô thường tưởng* xua tan loại bỏ,

***Biến dị tưởng*** chớ có *vọng sanh*.

Ba pháp này cần lối hành

*Tam Quy* không thể tịnh thanh bao giờ

Của những người *tu* nơi *dị tưởng*,

Chẳng có chỗ nào đặng y nương,

Cấm giới của họ bất thường

Đều không đầy đủ trọn đường *vô sanh*

Quả *Thanh Văn* hay thành *Duyên Giác*

Hoặc *Bồ Đề* chứng đắc **Như Lai**.

Nếu có thể ở nơi đây

***Bất khả tư nghị*** thường hay *thọ trì*,

Tức có chỗ *quy y Tam Bảo*

Tâm *Chúng sanh* phước tạo sâu dày.

Này **Ca Diếp** ! Ông nghe đây.

Nhơn có cây nọ, bóng cây hiện bày.

Cũng vậy, vì **Như Lai** đã có

*Pháp Thường Trụ* chỉ ngộ *tu trì*,

Cho nên đúng chỗ *quy y*,

Chớ không như *Pháp hữu vi Vô thường*.  
 Bởi *Vô thường* là đường *sinh diệt*,  
 Thời **Như Lai** chẳng thiệt **Như Lai**,  
 Không phải chỗ *quy y* này  
 Của Trời, người vậy, bốn loài *Chúng sanh*".  
 Ngài **Ca Diếp** tâm thành bạch **Phật**:  
 “Bạch **Thế Tôn!** Sự thật đó là.  
 Ví như trong đêm tối lòa  
 Có cây không bóng hiện ra bao giờ”.  
**Phật** nói: “Này **Ca Diếp Bồ Tát**  
 Ông không nên thất lạc nói là  
 Có cây không bóng hiện ra,  
 Chỉ vì *nhục nhãn* người ta che dầy,  
 Nên không thấy bóng cây đêm tối  
 Chớ chẳng phải không có bóng cây.  
 Cũng vậy, *tánh* của **Như Lai**  
 Vốn là *thường trụ* không thay đổi dời.  
 Người không có con người *trí huệ*  
 Thì làm sao có thể thấy ra.  
 Đến khi **Thế Tôn!** **Phật Đà!**  
**Niết Bàn** *nhập diệt* Ta bà về sau  
 Hạng *phàm phu* tô màu *thế độ*



Nói **Như Lai** là chỗ *Vô thường*.  
 Thật là ngu dại đáng thương  
 Tội này ắt chịu *đọa* nường ngục đầy.  
 Nếu cho rằng **Phật** đây có khác  
 Cùng đối với *Chánh Pháp, Thánh Tăng*,  
 Thời chẳng thành chỗ thật chân,  
*Tam Bảo* quy hướng làm nhân *tu hành*.  
 Như cha mẹ sinh thành ông vậy,  
 Mỗi mỗi đều nhìn thấy khác sai,  
 Nên thành *Vô thường* đổi thay  
 Là *Pháp thế tục* phô bày *sắc thân*”.  
 Ngài **Ca Diếp** ân cần thưa **Phật**:  
 “Bạch **Thế Tôn**! sự thật từ nay,  
 Con nguyện đem ba pháp này  
*Thường trụ Tam Bảo* để khai ngộ trần,  
 Cho cha mẹ dần dần tỉnh thức,  
 Trong bảy đời một mực phụng trì.  
 Bạch **Thế Tôn**! Nguyên khắc ghi  
*Tam Bảo bất khả tư nghi* giới trau.  
 Tự mình học rồi sau vì Chúng  
 Mà giảng giải *diệu dụng* nghĩa mầu.  
 Trong thế gian, nếu người nào

Không tin, không nhận cao sâu pháp lành,  
 Thời kẻ đó *tu hành* trái đạo,  
*Pháp Vô thường* gieo tạo đã lâu.

*Nguyện* làm sương móc, mưa ngâu  
 Cho hạng người đó thấm sâu *Pháp* này.

**Đức Phật** khen: “Lành thay **Ca Diếp!**

Nay ông đã thâm nhiếp *nguyện* dày,

Phò trì *Chánh Pháp* **Như Lai**.

*Hộ pháp* như vậy đức tài khó tri,

Là chẳng có khinh khi người khác.

Do *nghiệp nơn* tạo tác của mình

Không mắc vào lỗi trọng, khinh

Nên đặng *quả báo* trường sinh lâu dài.

Việc đời trước biết ngay chơn thật

*Lậu tận thông* chứng đắc hoàn toàn.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** (3 lần)



**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**  
**PHẨM “KIM CANG THÂN”**

**Thứ Năm**



# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



## PHẨM “KIM CANG THÂN” (Thứ Năm)

**B**ấy giờ, Đức Phật Thích Ca

Bảo ngài Ca Diếp nghe qua lời rằng:

“Thân Như Lai là thân *thường trụ*,

Thân bất hoại, thân tợ *Kim Cang*

Không gì có thể phá tan.

Chẳng phải thân *huyễn* thế gian như người,

Chính *Pháp thân* của thời **Chư Phật**

Không *Sanh diệt*, còn mất đổi thay.

**Ca Diếp** bạch Đức Như Lai!

Những thân **Phật** nói con nay chưa tưởng,

Chỉ thấy thân *Vô thường* tan hoại,

Thân tạp thực, hiện tại *vi trần*.

Vì rằng **Phật** sắp bỏ thân

**Niết Bàn** *nhập diệt* xa dân *Chúng sanh*”.

**Đức Thế Tôn!** Lời lành giảng tiếp:

“Này **Bồ Tát Ca Diếp** *Ma Ha!*

Ông chớ cho rằng thân **Ta**

Không bền, hư hoại như là phàm nhân.

Ông nên biết *Pháp thân* của **Phật**

*Vô lượng* kiếp bền chắc không hư,

Không phải như thân trời, người,

Hay thân sợ sệt, thân thời uống ăn.

Thân **Phật** chẳng phải thân giả thiết,

Mà là thân chẳng diệt, chẳng sanh,

Chẳng tu, chẳng tập, chẳng hành,

Chẳng tăng, chẳng giảm, trước, thanh xa rời,

Nên vô lượng kiếp đời bất hoại,

Không dấu vết để lại chân hoang,

*Vô tri*, vô hình hoàn toàn,

Rốt ráo *thanh tịnh* **Niết Bàn** *như như*,

Không lay động trước cơn phong vũ,

Không thọ hành, chẳng *trụ* chỗ nào,

Không mùi vị, không sắc màu,

Không xen tạp nhiễm trần lao *Ta bà*,

Chẳng phải có, chẳng là không có,

Chẳng phải nghiệp *nhơn quả* trả vay,

Chẳng phải đời đổi, đổi thay,

*Tâm vương, tâm sở* chẳng hai tâm nào,  
Chẳng nghĩ bàn, không sao bàn nghĩ,  
Không có *thức*, không ý biệt phân,  
Rời tâm cũng chẳng rời tâm,  
Có tâm *bình đẳng*, không tâm đẳng bình,  
Cũng không có diệt sinh, *sinh diệt*,  
Chẳng tan hoại, đoạn tuyệt chia ly,  
Cũng không có đến hay đi,  
Nhưng cũng có đến, có đi thường mà,  
Cũng không chủ cũng là làm chủ  
Cũng không phải chấp *hữu*, chấp *vô*,  
Chẳng phải *giác quán* vĩ mô,  
Chẳng phải *danh tự*, tự hồ tự danh,  
Chẳng phải định, định hành có vậy,  
Chẳng phải thấy mà thấy rành rành,  
Không tối, không sáng giới ranh,  
Không phải nơi chỗ, cũng thành chỗ nơi,  
Không *tịch tịnh* đồng thời *tịch tịnh*,  
Không vắng lặng *bản tánh* nghiêm trang,  
Là *Vô sở hữu* hoàn toàn,  
Chẳng có nhận lấy, chẳng ban cho đời,  
Luôn trong sạch không thời nhớ nhiễm,

Không tranh đua, dứt điểm đua tranh,  
Trụ nơi *vô trụ* vô sanh,  
Chẳng *chấp* lấy có, chẳng *danh* mắc vào,  
Chẳng phải *Pháp*, chẳng nào không pháp,  
Chẳng *phước* điền, mà có phước điền,  
*Vô tận*, bất tận, vô biên,  
Lìa tất cả tận, hiển nhiên không còn,  
Là rỗng không cũng không rời vậy,  
Chẳng *thường* trụ nhưng lại trụ thường,  
Chẳng phải *niệm* *niệm* vấn vương,  
Không có *cấu* *trước* *nhhiêm* nương tục đời,  
Không *danh* tự mà rời danh tự,  
Chẳng phải tiếng, chẳng nói năng gì,  
Chẳng phải *tu* *tập* hành trì,  
Chẳng phải tính toán, nghĩ suy cân lường,  
Cũng chẳng phải *tướng* thường *nhứt* *dị*  
Cũng chẳng phải tại bị tướng hình,  
Chẳng phải tướng mạo đẹp xinh,  
Mà đủ tướng tốt *Quang minh* khó lường,  
Cũng chẳng phải kiên cường dũng mãnh,  
Chẳng sợ sệt lo lắng não phiền,  
Không *tịch* mà tịch y nhiên,



Không nhiệt, chẳng nhiệt triền miên vĩnh hằng,  
 Cũng không thể nói rằng xem thấy,  
 Vì không có tướng ấy hiện bày.

**Như Lai độ thoát** muôn loài,  
 Vì không ai độ thoát rày cho đây.

**Đức Thế Tôn! Như Lai Ứng Cúng!**  
 Có thể làm Sanh chúng cõi này  
 Được hiểu biết *giác ngộ* ngay,  
 Vì không ai chịu ra tay dắt dìu.

**Như Lai** thấy muôn điều *lợi ích*,  
 Nên *thuyết pháp* giải thích thật đây.

Vì chỉ có một không hai,  
 Chẳng thể bàn nghĩ, không ai sánh bằng,  
*Bình đẳng* như hư không rộng lớn,  
 Thật chẳng có hình tướng sắc màu,  
 Đồng tánh *Vô sanh* như nhau,  
 Chẳng thường, chẳng đoạn, không nào thiếu dư,  
 Luôn luôn hành *nhứt thừa* như vậy,  
 Mà *Chúng sanh* lại thấy là ba,  
 Chẳng *thôi*, chẳng *chuyển* tâm ta,  
 Tất cả *kiết sử* lìa xa dứt lìa,  
 Cũng chẳng có gây nhân *tà hạnh*,

Chẳng phải tánh nơi tánh *trụ* an,  
 Chẳng phải hợp, chẳng phải tan,  
 Chẳng phải dài, ngắn, chẳng tròn, chẳng vuông,  
 Chẳng phải còn gá nương **Ngũ ấm**  
 Hay căn trần **Lục nhập** dính mang,  
**Mười tám pháp giới** phá tan  
**Ấm, nhập, giới** ấy rõ ràng đều không,  
 Chẳng bớt thêm, chẳng hòng hư hoại  
 Chẳng phải hơn, chẳng phải là thua.  
 Thân **Như Lai** từ ngàn xưa  
 Thành tựu *công đức* có thừa lành thay!  
 Không ai biết, không ai chẳng biết,  
 Không ai thấy, mà thiệt thấy nhìn,  
 Chẳng phải *hữu vi* tướng hình,  
*Vô vi* chẳng phải, chơn minh miến bản,  
 Không thời gian, không gian vô hạn,  
 Chẳng phải làm, nhưng hẳn không làm,  
 Chẳng phải nương ở cõi phàm,  
 Mà vì **độ** Chúng thế trần tạm nương,  
 Chẳng phải thân *Vô thường* **Tứ đại**,  
 Vẫn hiện ra *Tứ đại* đồng thân,  
 Chẳng phải *nhân*, chẳng không *nhân*,

Chẳng phải Sanh chúng, thành phần *Chúng sanh*,  
 Cũng chẳng phải *Sa môn Tôn giả*,  
*Bà La Môn* cao cả phi thường,  
 Là Sư tử, Sư tử vương,  
 Chẳng thể tuyên thuyết tận tường hết đâu,  
 Trừ một Pháp không sao đếm đặng,  
*Nhập Niết Bàn* chẳng nhập *Niết Bàn*.  
*Pháp thân Như Lai* nghiêm trang  
 Thành tựu *công đức* vô vàn diệu thâm.  
 Này **Ca Diếp!** Định tâm **tri** xét.  
 Chỉ **Như Lai** mới biết tướng này.  
 Chẳng phải hàng *Thanh Văn* đây  
 Hay là *Duyên Giác* không tày biết qua.  
 Những *công đức* sâu xa chơn thật  
 Thành được thân của **Phật Như Lai**,  
 Chẳng phải thân tạp thực này  
 Nuôi lớn thân mạng như ngày hôm nay.  
 Này **Ca Diếp!** **Ta** đây nói thật.  
 Chơn thân **Phật** *công đức* tạo thành  
 Đâu bị các bịnh hoành hành  
 Mỏng như đồ gốm chưa hầm kia ư !  
 Sở dĩ **Phật Đại từ** thị hiện

Có sự khổ theo *nguyện* của mình.

Vì muốn *điều phục* Chúng sinh  
Mang thân *huyễn* giả đẳng bình phàm nhân.

Nay ông phải biết thân của **Phật**  
Thân *kim cang* cứng chắc vững bền.

Ngay bây giờ, hãy chú chuyên  
Định tâm đạt nghĩa thường siêng thực hành,  
Nên vì người giảng rành sâu sắc  
Thân **Như Lai** chơn thật *Pháp thân*”.

**Ca Diếp Bồ Tát** thưa rằng:

**Thế Tôn** thành tựu đức năng khôn lường.

Từ hôm nay, con thường suy nghĩ  
Thân **Như Lai** thường trụ *Pháp thân*,

Là thân an lạc vĩnh hằng

Con nguyện giảng nói rộng phân rõ ràng  
Cho tất cả thế gian đều biết

**Đức Như Lai** không diệt, độ trần.

Vì **Thế Tôn** đấng *Pháp thân*

*Kim cang* bất hoại hiệu năng diệu huyền,  
Con chưa hiểu được nguyên nhân đó  
Bạch **Như Lai** giải rõ nghĩa này.

**Phật** bảo **Ca Diếp** nghe đây!

“Do *nhơn duyên* trước thường hay hộ trì  
*Chánh Pháp Phật* chẳng khi rời bỏ,  
 Thân *kim cang* được có nhiệm mầu.

Này **Ca Diếp**! Nếu người nào  
 Hộ trì *Chánh pháp* trước sau một lòng.  
 Chẳng bắt buộc *thọ* trong *Năm giới*,  
 Cũng chẳng tu tướng khởi *oai nghi*.

Phải cầm binh khí hộ trì  
*Tỳ Kheo* thanh tịnh, *Tam quy*, *giới gìn*”.

Ngài **Ca Diếp** bạch trình **Đức Phật**  
 “Bạch **Thế Tôn**! Sự thật như vậy.

Nếu có vị *Tỳ Kheo* đây  
 Là bỏ *thế tục* không ai hộ trì,  
 Thường ở nơi hiểm nguy vắng vẻ,  
 Dưới cội cây, bên khe suối nguồn,  
 Thời nên gọi bậc phi thường  
*Tỳ Kheo* Chơn chánh kiên cường đức tin.  
 Có người theo giữ gìn hầu hạ  
 Vị này là *Cư sĩ* trợ thời”.

**Phật** bảo **Ca Diếp** giữ lời  
 Chớ nói đầu trợ lỗi người khinh khi.  
 Nếu có *Tỳ Kheo* tùy chỗ ở

Nuôi thân mình vừa đủ ấm yên,  
 Đọc tụng *kinh điển* thường siêng,  
 Sớm chiều tịnh dưỡng tọa thiền *tư duy*.  
 Có ai đến hỏi thì đạo pháp,  
 Phải *tùy duyên* phù hợp giảng rành,  
***Phước đức, trì giới***, làm lành,  
***Bố thí, nhẫn nhục, lợi sanh*** cho người,  
 Lòng ít muốn sống đời biết đủ,  
 Đem giáo điều nhắc nhở nhủ khuyên.  
 Dầu hay giảng dạy như trên  
 Chưa đắc *trí huệ* thuyết tuyên *Đại thừa*,  
 Không đồ Chúng thích ưa học rộng,  
 Không hàng phục kẻ vọng tâm tà.  
 Tỳ Kheo này theo đạo **Ta**  
 Chẳng đem lợi ích *giác tha*, giác mình,  
 Tuy cũng giữ *giới* gìn *thanh tịnh*  
 Mà tâm chưa *quyết định* ly trần.  
 Nếu có Tỳ Kheo xả thân  
 Giữ gìn cấm *giới* siêng năng *thọ trì*,  
 Có thể giảng, phát huy ***giáo lý***  
 Nghĩa vi diệu y *chỉ* Đại thừa  
 Trong ***chín bộ kinh*** từ xưa

Làm thuyên cứu độ rước đưa muôn loài.

Xướng lên rằng: Tôi nay nói lại

**Kinh Niết Bàn Phật** dạy *Tỳ Kheo*

Chớ nuôi tôi tớ, bò, heo ...

Những vật phi pháp làm nghèo đức tu.

Nếu có vị *Tỳ kheo* ngoan cố,

Chẳng tuân lời, cứ chỗ trị răn.

**Đức Thế Tôn** mở lòng nhân!

Trong các kinh khác nhiều lần khuyên qua:

Cấm *Tỳ kheo xuất gia* nuôi dưỡng

Vật phi pháp lợi hưởng riêng mình.

Các vị *Quốc Vương* nghiêm minh

Bắt họ **hườn tục** luật hình khó dung.

Nếu có vị *Tỳ kheo* tuyên thuyết

Những lời như sự thiệt trên đây

Làm cho kẻ phá *giới trai*

Căm thù oán giận hại ngài **Pháp Sư**.

Dầu bị giết tâm như bất động,

Không bao giờ tham sống thiết tha,

Mà bỏ *Chánh Pháp Phật Đà*,

Là bực *trì giới, tự tha lợi* người.

Do *duyên* này **Phật** thời tuyên chỉ

Vua hay Quan, *Cư sĩ* tại gia  
 Hộ trì người *thuyết pháp* mà  
 Chớ để kẻ ác gian tà hại nguy.  
 Nếu muốn được phò trì *Chánh pháp*  
 Nhớ! Hãy nên học tập gương này.  
**Ca Diếp Bồ Tát** nghe đây!  
 Người nào *phá giới*, **Như Lai** ban truyền  
 Chẳng hộ trì y nguyên chơn lý  
 Đó gọi là “**Cư sĩ trọc**” thì.  
 Những người *giới luật thọ trì*  
 Danh từ ấy gọi chẳng gì hổ mang.  
 Nay **Ca Diếp!** Về đời quá khứ  
 Vô số kiếp ví tựa *Hằng sa*.  
 Ở nơi *thành Câu Thi Na*  
 Có **Phật** xuất hiện *Ta bà* độ sanh  
 Đủ tất cả *mười danh đức hiệu*  
**Phật Hoan Hỷ Tăng Ích Như Lai**.  
 Lúc ấy, cõi nước rộng dài  
 Tốt đẹp giàu hưởng dân đây đông đầy,  
 Được ấm no không ngày đói khát,  
 Cũng như cõi An lạc phương Tây.  
**Hoan Hỷ Tăng Ích Như Lai**



Trụ đời độ Chúng mạng dài thọ lâu,  
 Khi *cơ duyên* đạo mầu đã hết,  
 Rừng *Ta-la nhập diệt Niết Bàn*.  
*Chánh pháp* trụ ở thế gian  
 Vô số ước lượng muôn ngàn ức niên,  
 Lúc **Phật Pháp** lưu truyền còn lại  
 Bốn mươi năm tồn tại cuối cùng.

Bây giờ, có vị *Tỳ Kheo*  
 Hiệu là **Giác Đức** y theo *giới* hành,  
 Có đông đồ Chúng sanh tu học  
 Ngài ra công bảo bọc hộ trì.

*Tỳ Kheo Giác Đức* phát huy  
 Hay thuyết *chín bộ kinh* thì giảng khai.  
 Cấm *Tỳ kheo* không ai nuôi chứa  
 Nào tôi tớ, bò, ngựa, heo, dê,  
 Những vật phi pháp gồm ghê  
 Phải nên tuân thủ mọi bề hành theo.  
 Bây giờ, các *Tỳ kheo phá giới*  
 Oán ghét tìm cách hại đức Ngài.

*Quốc vương Hữu Đức* nước này  
 Nghe biết việc ấy phán ngay lệnh truyền,  
 Vì *hộ pháp* Vua liền dẹp loạn,

Đến chiến đấu với bọn ác *Tăng*,  
 Nhờ đó **Giác Đức** an thân  
 Khỏi nạn sát hại muôn phần trọng ơn.  
 Khấp mình Vua bị thương quá nặng,  
 Ngài đau lòng khen tặng Vua rằng:  
 “Lành thay! *Quốc Vương Thánh nhân!*  
 Xứng là *Hộ Pháp* Chánh chân trong đời,  
 Thân sau Vua tuyệt vời cao quý,  
*Đắc* khôn lường ***pháp khí*** vô song”.  
 Nghe qua Vua rất vui lòng,  
 Từ tạ trần thế tròn xong kiếp người.  
 Cõi **A-Súc** sanh nơi nước **Phật**  
 Làm *đệ tử* thứ nhất **Như Lai**.  
 Quân lính có công theo ngài  
 Chiến đấu còn, mất *phước* dày đức sâu  
 Hoặc tùy hỉ *Pháp* mâu chứng đạt  
***Bất thoái chuyển*** tâm phát *Bồ đề*,  
 Sau khi *mạng chung* sanh về  
 Nước **Phật A-Súc** chẳng hề đối ngoa.  
 Còn *Pháp sư* hiệu là **Giác Đức**  
*Chánh pháp* gìn *giới luật* sạch trong,  
 Khi mãn tuổi thọ vừa xong

Sanh về cõi ấy thong dong *Liên đài*.

Làm *đệ tử* thứ hai của **Phật**

Hiệu **A-Súc** đồng bậc *Thanh Văn*.

Này **Ca Diếp!** Ông biết chăng!

*Quốc vương* trước đó tiền thân hiện giờ

Của **Như Lai** *tùy cơ thị hiện*,

Còn *Tỳ Kheo Giác Đức* trước đây

Tiền thân **Ca Diếp Phật** Ngài

*Công đức thù thắng* không ai sánh bằng. (**Lạy**)

Lúc *Chánh pháp* sắp gần hoại diệt

Phải hộ trì không tiếc mạng thân,

Người *hộ pháp* tâm Chánh chân

Được hưởng *quả báo* vô ngần sâu xa.

Vì thế, nên **Phật Đà** có đủ

Nhiều tướng tốt để *tự trang nghiêm*

Thành tựu *Pháp thân* kim cang

Không hề biến hoại, thọ trường *vô biên*.

Ngài **Ca Diếp** tức liền bạch **Phật**:

“**Như Lai** đây *công đức* khôn lường

Chứng đắc *Pháp thân* chơn thường

Cũng như khắc chạm vào tượng đá kia”.

**Phật** lại bảo : Hỡi này **Ca Diếp!**  
 “Vì *nhơn duyên* Chánh pháp phò trì,  
 Nên *Tỳ kheo, Tỳ kheo ni,*  
*Ưu bà tắc, Ưu bà di* một lòng  
 Phải siêng năng tâm không *thối chuyển,*  
*Hộ pháp* là *Đại nguyện* lớn lao,  
 Đặng *quả báo* rộng trùm bao,  
*Hạnh* trên các *hạnh, hạnh* nào sánh hơn.  
 Nay **Ca Diếp!** Ta thường nhắc nhở.  
 Vì *Chánh pháp* muôn thuở bố ban  
 Cho hàng *Cư sĩ, vua, Quan ...*  
 Được cầm binh khí bảo toàn người tu.  
 Ủng hộ các *Tỳ kheo trì giới,*  
 Như *Pháp sư Giác Đức* rạng ngời.  
 Nếu chấp *Ngũ giới* cấm thời  
 Chẳng đặng gọi đó là người *thượng nhân.*  
 Làm *hộ pháp* muôn phần ích lợi,  
 Chẳng *thọ* gìn *Ngũ giới* cấm này.  
 Mới gọi là bậc *Pháp tài,*  
 Đại thừa *giác ngộ* tương lai **Phật** thành.  
 Người *hộ pháp* chánh danh qui nạp,  
 Luôn hầu người thuyết **Pháp Phật** đây”.

**Ca Diếp** bạch hỏi **Như Lai**:

“**Thế Tôn!** *Hoan hỉ* giải bày lòng *ngghi*.

Nếu có *Chư Tỳ kheo* làm bạn

*Ưu bà tặc* là hạng tục trần

Tay cầm binh khí hầu gần

Là có thầy dạy hay không có thầy?

Là *trì giới* hay là *phá giới*.

Xin **Thế Tôn** giảng nói rộng ra”.

**Phật** bảo : “**Ca Diếp** *Ma Ha!*

Ông chớ nói vậy thật là lầm sai,

Những người ấy chẳng rày *phá giới*,

Mà luôn làm ích lợi *giác tha*.

Này **Ca Diếp!** Sau khi **Ta**

**Niết Bàn** *nhập diệt* rời xa phàm trần,

Đời *trước ác*, nhân dân đói khổ,

Các cõi nước không chỗ nào an,

Đánh cướp giành xé hoang tàn,

Điều linh khổi lửa ách nản khốn nguy.

Bấy giờ, có người vì đói khát,

Nên *xuất gia* an lạc qua thời,

Gọi là kẻ **trọc** đối đời

Lợi dụng **Phật Pháp** gạt người nuôi thân.

Thấy *Tỳ kheo* giới răn *thanh tịnh*,  
Bèn xua đuổi, ý định giết mau”.

**Ca Diếp** bạch **Phật** làm sao!

“*Tỳ kheo* trì giới thế nào được yên,  
Vào thành ấp gieo duyên *giáo hóa*  
Cho Chúng sanh *đạo quả* gọi nhuần?”

**Đức Phật** giảng tiếp nói rằng:

**Như Lai** cho phép *Chư Tăng giới trì*

Được làm bạn cùng hàng *Cư sĩ*  
Những người có *Pháp khí* đức tài.

Trong trường hợp ở trên đây  
*Quốc vương, trưởng giả* hoặc hay *Đại thần*,

*Ưu bà tắc*, thường dân thứ hạng ...

Vì *hộ pháp* binh khí cầm tay,

**Như Lai** khen họ lành thay!

Là bậc *trì giới* sạch ngay trong đời.

Nhưng chẳng nên giết người đoạt mạng,

Nếu được vậy làm rạn **Phật gia**.

Cho nên người đó gọi là

*Trì giới* đệ nhất sâu xa vô cùng. (Lạy)

Này **Ca Diếp**! Người tu *Chánh kiến*

Có thể giảng *kinh điển* Đại thừa,  
 Trọn lòng chẳng có thích ưa  
 Nắm cầm tàng lọng kẻ đưa, người hầu,  
 Nào gạo thóc, bình dầu, hoa quả  
 Của những hàng Vương giả cúng dâng.  
 Chẳng vì *lợi dưỡng* riêng thân  
 Gần gũi Vua chúa, Đại thần, Tể công.  
 Đối *đàn việt* tâm không dua nịnh,  
 Phải đầy đủ Chơn chính *oai nghi*,  
 Hàng phục kẻ ác mê si,  
 Hạng người *phá giới* hiểm nguy sau này.  
 Đây gọi là bực thầy *trì giới*,  
 Là *hộ pháp* làm lợi *Chúng sanh*,  
 Là *thiện tri thức* căn lành  
 Tâm người này ví trời xanh biển ngàn.  
 Nay **Ca Diếp!** Những hàng tu đối  
 Vì cầu danh, cầu lợi cho mình,  
*Thuyết pháp* chẳng có y kinh,  
 Đồ Chúng thấy vậy mặc tình hùa theo,  
 Cũng bắt chước *Tỳ kheo* cầu lợi,  
 Đúng là bọn *phá giới* Chúng *Tăng*.  
 Nay **Ca Diếp!** Nay bày phân.

Gồm có ba hạng *Chư Tăng* hiện đời:

*Một, tạp Tăng* phạm nơi *giới hạnh*;

*Hai là, Tăng* tâm tánh **ngu si**;

*Ba, Tăng thanh tịnh* giới trì.

Hạng Tăng *phá giới* dễ thì hoại hư,

Tăng *trì giới* Chơn như *thanh tịnh*

Danh, lợi, tình chẳng dính nhiễm vào.

*Phá giới* tạp Tăng thế nào?

**Như Lai** giảng giải rộng sâu lược trình

Nếu *Tỳ kheo* giữ gìn *trai giới*,

Mà lòng còn cầu lợi lung tung,

Cùng người *phá giới* sống chung,

Tạo gây *ác nghiệp* đồng lòng với nhau,

Đây thật là *Tỳ kheo phá giới*,

Vì vậy nên mới gọi **tạp Tăng**.

**Ngu si Tăng** xin bày phân

Cho đời hiểu rõ ân cần biết qua.

Có *Tỳ kheo xuất gia* tại tự

*A Lan Nhã*, tâm trí độn đần,

*Tham dục khát thực* nuôi thân.

Đến ngày *thuyết giới* chẳng răn sửa lòng,

Bảo *đệ tử* mình không phạm giới



Nên **phát lồ sám hối** ăn năn.

Thấy người phạm luật giới răn  
Không phải *đệ tử* chẳng cần nủ khuyên

Gìn giới đức thường siêng *sám hối*,

Giới **tự tứ** bèn nói thuyết chung,

Đúng, sai không xét tột cùng,

**Ngu si Tăng** gọi do lòng bất minh.

Thế nào là **Thanh tịnh Tăng** vậy?

Hãy nghe qua lời giải rõ ràng.

Có *Tỳ kheo trì giới* hành

Tâm luôn  *tinh tấn*, lợi danh đoái màng,

Không bị *Chúng ma* loạn nhiễu hại,

Hay làm cho trở ngại nản tai.

*Đại chúng Bồ Tát* này đây

*Bốn tánh* thanh tịnh trong ngoài *huệ* khai,

Nên *điều phục* cả hai bộ *Chúng*

**Tăng phá giới** và **Ngu si Tăng**

Làm cho thức tỉnh ăn năn

Như **Tăng trì giới** đặc phần Chơn như.

Đây gọi là *Đại Sư Hộ Pháp*

Đấng Vô thượng *Chánh giác* sau này.

Người khéo *trì giới* luật đây

Vì muốn *lợi ích* muôn loài *Chúng sanh*,  
 Rõ biết hết cội ngành ***hành tướng***,  
 Hoặc khinh, trọng *giới luật* tế, thô.  
 Ví vàng trong cát bày phô,  
 Như người cầm sẵn bản đồ giao thông,  
 Không phải *luật* thời không chứng biết,  
 Còn phải *luật* chứng biết hiểu rành.  
 Thế nào *điều phục* Chúng sanh?  
 Nếu là **Bồ Tát** thật hành Pháp ban,  
 Thường đi vào xóm làng giảng thuyết,  
 Chẳng chọn lựa thời tiết hanh thông,  
 Đến nhà góa phụ mất chồng,  
 Hoặc nhà dâm nữ một lòng ***hóa duyên***.  
 Dầu có ở nhiều niên dài hạn  
 Mà tâm không vọng loạn tà dâm.  
 Đấy người *điều phục* Chúng sanh  
 Luôn đem *lợi ích phước* lành thi ân.  
 Nếu là hàng *Thanh Văn* nhận biết,  
 Không nên làm những việc như vậy.  
 Thế nào là giới trọng đây?  
 Cũng xin lược thuật **Ta** nay giải bày.  
 Nếu thấy **Đức Như Lai** *diệu dụng*

Vì nhơn sự chế *giới luật* này,  
Bắt đầu từ ngày hôm nay  
Ông phải cẩn thận chớ sai phạm vào,  
Như bốn giới nêu cao làm trọng,  
Người *xuất gia* chẳng **vọng niệm** sanh.  
Lại bèn cố ý chẳng hành,  
Không phải *Thích Tử* chân thành *Sa môn*.  
Thế nào là giới khinh xin hỏi?  
Nếu xét thấy phạm tội nhẹ hơn,  
Ba lần can gián nhẫn nhường  
Nếu hay bỏ được, gọi thường giới khinh.  
Chẳng phải *luật* chứng minh không biết,  
Khi có người không thiệt tâm lòng,  
Nói vật *bất tịnh* được dùng,  
Thời không nên ở với chung người này.  
Phải là *luật* thời hay chứng biết,  
Là khéo học *giới luật* tinh cần,  
Người *phá giới* không nên gần,  
Thấy ai *giới luật* Chánh chân thuận hành,  
Lòng vui mừng tâm sanh phần khởi,  
Hay giải thuyết ích lợi thế nào,  
Chỗ làm **Phật pháp** nâng cao,

Đây gọi là bực đứng đầu *luật sư*.

Hiểu *nhứt tự* Chơn như thâm nhiếp,  
Khéo viên thông kế hiệp chơn kinh,  
Cũng như giới luật giữ gìn,

Lợi mình, rồi lợi *Chúng sinh* hữu tình.

Này **Ca Diếp**! Hãy nên tin tưởng  
**Phật pháp** vốn *Vô lượng* nhiệm mầu  
Chẳng thể nghĩ bàn đặng đâu

**Như Lai** cũng vậy, nghĩa sâu nghĩ bàn”.

Ngài **Ca Diếp**! Nghiêm trang bạch **Phật**:  
“Bạch **Thế Tôn**! Đúng thật không hai.

Lời **Đức Phật** dạy xưa nay

**Phật pháp** *Vô thượng* sâu dày nghĩa chân.

**Đức Như Lai** *pháp thân* cũng vậy,  
Chẳng nghĩ bàn nhìn thấy bên ngoài.

Vì thế, nên biết **Như Lai**

*Thường trụ* bất biến không thay đổi đời.

Nay con *nguyện* học lời **Phật** dạy  
Sẽ giảng rộng nghĩa ấy hoằng khai.

**Phật** khen **Ca Diếp**! Lành thay!

Lành thay ! Thân của **Như Lai Phật Đà** !

Thân *kim cang* vốn là bất hoại.

Là **Bồ Tát** học phải thấm nhuần,  
Thấy Chân chánh, biết Chánh chân,  
Có thể thấy biết *Pháp thân* rõ ràng,  
Thời thấy thân *kim cang* bất hoại  
Của **Chư Phật** mãi mãi *Chơn thường*,  
Như thấy hình Sắc trong gương  
Chiếu soi muôn vật không vương nhiễm gì.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** (3 lần)





**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM**

**“DANH TỰ CÔNG ĐỨC”**

**Thứ Sáu**





# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



## PHẨM “DANH TỰ CÔNG ĐỨC” (Thứ Sáu)

**B**ấy giờ, Đức Như Lai lại bảo  
Ngài **Ca Diếp Bồ Tát Ma Ha** :  
“**Này Ca Diếp** hãy nghe qua  
Những lời giáo dạy sâu xa *thọ trì*.  
Để về sau phát huy đầy đủ  
Nghĩa *danh tự* chương cú giải bày,  
Cùng *công đức* bốn kinh này,  
Nếu ai có thể nghe rày tên kinh.  
Thời không còn chuyển sanh hạ kiếp,  
Vào *bốn đường ác nghiệp* khổ sâu.  
Vì Kinh này rất diệu mầu,  
Là chỗ *tu tập* từ lâu **Thánh hiền**,  
Của *vô lượng vô biên* **Đức Phật**.”

Nay **Ta** xin chu tất thuyết khai  
 Về chỗ đặng *công đức* này  
 Dem nhiều *lợi ích* muôn loài *Chúng sanh*.  
 Ngài **Ca Diếp** chân thành hỏi **Phật**:  
 “Bạch **Thế Tôn**! Sự thật Kinh này  
 Tên gì ? Mong **Đức Như Lai**  
 Nói ra danh hiệu con đây biết thì.  
**Đại Bồ Tát** phụng trì *hộ pháp*  
 Như thế nào phù hạp *nhơn duyên* ?”  
**Thế Tôn** lại tiếp lời truyền  
 Kinh này **Phật** đặt có tên gọi là  
 “*Đại Bát Niết Bàn*” *vi diệu* nghĩa,  
 Tất cả lời thượng, hạ hoặc trung.  
 Nghĩa vị thâm thúy tột cùng,  
 Văn ngôn tuyệt diệu chứa trong Kinh này,  
 Tinh khiết thuần đủ đầy *phạm hạnh*,  
*Thanh tịnh* tâm, *chơn tánh* tịch viên,  
*Bửu tạng* kim cang chắc bền,  
 Không dư, không thiếu Chơn nguyên rạng ngời.  
 Nay ông khéo nghe lời học hỏi,  
**Đức Như Lai** sẽ nói tận tường.  
 Nay **Ca Diếp**! “**Đại**” là *thường*

Như tám sông lớn chảy về đại dương.  
*Kinh Niết Bàn* luôn luôn hàng phục  
 Các *phiền não*, *kiết sử* buộc ràng,  
 Những tánh *ma* đều phá tan,  
 Do *ngộ* “**Đại Bát Niết Bàn**” tôn Kinh.  
 Nên chẳng tiếc hy sinh thân mạng,  
 Nào có còn mê mảng thế gian.  
 Vì thế **Phật** mới truyền ban  
 Đặt tên “**Đại Bát Niết Bàn**” hiệu kinh. (Lạy)

Như y sư thông minh giỏi dược,  
 Lại có một phương thuốc *bí truyền*  
 Điều trị các bệnh lành yên  
 Những phương thuốc khác diệu huyền nhiếp thâu.  
 Cũng vậy, bao nhiệm mầu **Phật Giáo**,  
 Các bí mật thâm áo hàm tàng  
 Tụ nơi “**Đại Bát Niết Bàn**”  
 Dung chứa hết cả chu toàn thật chân.  
 Ví như người nông dân cần mẫn  
 Chọn mùa xuân đúng vận gieo trồng,  
 Được kết quả như ước mong  
 Vụ mùa gặt hái vừa xong thỏa lòng.

Cũng vậy, *Chúng sanh* đồng tất cả,  
 Các thứ kinh học đã lâu xa,  
 Hy vọng *pháp vị* ngửi qua  
 Đạt đắc yếu chỉ mới là hân hoan,  
 Nếu nghe **kinh Niết Bàn** thâm thúy,  
 Thời ngửi được *pháp vị* cao hơn,  
 Xem các *kinh* kia bình thường,  
 Thấy đều dứt hẳn vấn vương tâm hồn.  
**Đại Niết Bàn, Thế Tôn** giảng giải  
 Có thể làm muôn loại an vui,  
 Vượt ra *Tam giới* trần đời  
 Dứt dòng *hữu lậu* xa rời *trâm luân*.  
 Đây **Ca Diếp!** Dấu chân Đại tượng  
 Lớn hơn cả động vật trong rừng.  
 Kinh này đệ nhất *Chơn thường*  
 Trên các *tam muội* khó lường sánh qua.  
 Như cây ruộng người ta phải chọn  
 Mùa thu là quên dọn tốt hơn.  
 Cũng vậy trong các Kinh thường,  
 Kinh này *vô thượng* diệu phương **Niết Bàn**.  
 Các thảo dược, *đề hồ* thứ nhất  
 Hay trị bệnh não nhiệt loạn tâm,

Kinh này **Đại Bát Niết Bàn**

Là vị đệ nhất cứu an cõi đời.

Như bơ ngọt tám mùi thơm diệu

**Kinh Niết Bàn bát vị** đủ đầy.

Những gì là tám vị đây?

**Ta** nay định nghĩa giải bày tỏ phân

*Một* là, “Thường”; *Hai*, “Hằng” tồn tại ;

*Ba* là, “An”; *Bốn* là, “**Thanh Lương**”;

*Năm* là, “Chẳng già” vô cương ;

*Sáu* là, “Chẳng Chết” miên trường thiên thu ;

*Bảy*, vốn là “Không nhớ” nhiễm ác ;

*Tám* là, luôn “Khoái lạc” tự nhiên.

Vì đầy đủ tám vị trên

Gọi là “**Đại Bát Niết Bàn**” Tôn Kinh.

**Chư Bồ Tát** chơn minh an trụ

Trong đây thời đầy đủ hoàn toàn.

Có thể *thị hiện Niết Bàn*

Ở nhiều nơi cõi thế gian *Ta bà*.

Vì thế nên gọi là danh hiệu

**Đại Niết Bàn** viên liễu tối cao.

Này **Ca Diếp**! Nếu người nào

An trụ **Đại Bát Niết Bàn** nơi đây.

Nhập *Niết Bàn* thì nay phải học  
**Như Lai** là *thường trụ* không hai,  
*Pháp* và *Tăng* chẳng đổi thay,  
 Bất sanh bất diệt **Như Lai** vĩnh hằng.  
 Ngài **Ca Diếp** bạch rằng với **Phật**:  
 “Bạch **Thế Tôn!** *Công đức Như Lai!*  
 Không thể nghĩ bàn luận đây  
*Pháp, Tăng* cũng vậy chẳng hay nghĩ bàn.  
**Đại Niết Bàn Kinh** này cũng vậy,  
 Không nghĩ bàn nhìn thấy tướng ngoài.  
 Nếu có người trong đời này  
*Tu theo kinh điển Như Lai Niết Bàn.*  
 Thời đặng liệt vào hàng chơn chánh,  
 Chứng bí phương tác hạnh lương y.  
 Nếu là chưa học *thọ trì*  
 Nên biết người đó khác gì mù đui,  
 Không đặng có con người *trí huệ*  
 Bị *vô minh* che đậy tối tăm”.

• **Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** (3 lần)



**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM**

**“TỨ TƯỚNG-GIẢI THOÁT”**

**Thứ Bảy**





# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



PHẨM

“TỨ TƯỚNG – GIẢI THOÁT”

(Thứ Bảy)

**Đức Phật** lại bảo Ngài **Ca Diếp**:

“Là **Bồ Tát** *phân biệt* rõ ràng.

*Khai thị* **Đại Bát Niết Bàn**,

Có bốn tướng nhớ bày phân giải rành:

*Một* , “**Tự Chánh**” *tu hành* tự độ ;

*Hai*, “**Chánh Tha**” *giác ngộ* cho đời ;

*Ba*, “**Tùy Vấn Đáp**” của người ;

*Bốn* là, “**Khéo Hiểu Nghĩa**” *thời nhân duyên*.

- Thế nào là tu hành “**Tự chánh**” ?

Xin lược bày tánh hạnh dưới đây:

Nếu **Thế Tôn!** **Đức Như Lai!**

Thấy các tự sự sâu dày *nhơn duyên*.

Mà có chỗ đáng tuyên dạy bảo,

**Phật** từ bi chu đáo giải bày.

Như có vị *Tỳ kheo* này,

Thấy cụm lửa lớn thốt ngay lời rằng:

“Thà tự ôm mất thân mạng nhỏ,

Trọn lòng nguyên chẳng có nói sai”

Ở nơi chỗ **Đức Như Lai**

*Giáo hóa* giảng thuyết mười hai kinh truyền.

Và *tạng pháp* vô biên bí mật,

Mà hủy báng sai trật lý chân;

Cho là của *ma Ba Tuần*

Giảng nói không phải lý chân **Phật** truyền.

Thà lấy dao tự mình cắt lưỡi,

Không bao giờ nói dối điều sai;

Cho là **Thế Tôn Như Lai**,

*Pháp, Tạng* đều cũng đổi thay vô thường.

Hoặc nghe người khác đương nói vậy,

Cũng không tin trái lại xót thương;

**Như Lai** và *Pháp* cùng *Tạng*,

Chẳng thể bàn nghĩ luận phân cách nào.

Tự xem mình như vào cụm lửa,

Đây gọi là “**Tự Chánh**” lành thay!

- Thế nào là “**Chánh Tha**” đây ?

**Phật** vì Sanh chúng giải bày như sau:  
Lúc nọ, **Phật** đang ngồi *thuyết pháp*,  
Có người nữ tâm thật hiền hòa;  
Chấp tay lễ bái **Phật Đà**,  
Xong rồi người nữ ngồi mà một bên.  
**Thế Tôn** nhìn biết liền căn cội,  
Nhưng cố ý **Phật** hỏi lời rằng:  
Có phải vì thương con chẳng!  
*Tín nữ* mới mớm thức ăn con mình.  
Nhiều chất bơ rồi sinh lòng sợ,  
Có tiêu hóa hay ngộ không tiêu?  
Người nữ trong dạ ngạc nhiên,  
Sao **Phật** lại biết nào phiền tâm ta.  
Người nữ liền thiết tha bạch **Phật**:  
“Lạ lòng thay! Sao **Đức Thế Tôn**!  
Biết được *tâm niệm* của con,  
Phiền muộn lo lắng, héo von trong lòng.  
Sớm mai này con hòng chẳng biết,  
Cho con trẻ ăn thiệt nhiều bơ;  
Lòng tiện nữ nghĩ vu vơ,  
Rất là sợ chuyện bất ngờ xảy ra.  
Rằng thức ăn có mà tiêu hóa,

Hay không tiêu con trẻ bịnh đây;  
 Ngưỡng mong oai đức **Như Lai**,  
*Từ bi* chỉ dạy con nay khẩn cầu.”  
**Đức Thế Tôn!** Ngõ hầu chỉ dạy:  
 “ Con tín nữ hiện tại không sao;  
 Thức ăn tiêu hóa tốt mau,  
 Nó lại khỏe mạnh chẳng đau bịnh gì”.  
 Người nữ nghe **Phật** từ nói vậy,  
 Dạ an ổn tâm thấy hân hoan;  
 “Vì **Phật** đây xét rõ ràng  
 Nói đúng như thật con đang vui mừng”.  
**Đức Thế Tôn** đã từng *diệu dụng*,  
 Muốn *điều phục* các *Chúng sanh* này;  
 Nên khéo *phân biệt* đúng sai,  
 Tiêu hóa hay chẳng, an bày nhân gian.  
 Cũng nói *Pháp vô thường, Vô ngã*,  
 Bất toại nguyện, **thọ giả** trần ai;  
 Nếu **Phật** nói “*Thường*” trước khai,  
 Thì các *đệ tử* không ai tin dùng.  
 Sẽ cho rằng *pháp* đồng với *pháp*,  
 Của *ngoại đạo* không khác gì hơn;  
 Vì hàng *Thanh Văn* chưa tường,

Chẳng thể tiêu hóa *Pháp thường trụ* đây.  
 Nên **Như Lai** trước bày Pháp “*Khổ*”,  
 Pháp “*Vô Thường*” chỉ chỗ tạm danh;  
 Khi hàng *Thanh Văn* tu hành  
 Đã dày *công đức* trưởng thành trí sâu,  
*Pháp Đại Thừa* nhiệm mầu truyền chỉ,  
 Như kinh này *sáu vị* phân qua:  
     *Một* là, “*Khổ*” vị chua mà;  
 “*Vô Thường*” vị mặn nên là gọi *hai* ;  
     *Ba*, “*Vô Ngã*” thật đây vị đắng ;  
     *Bốn* là, “*Lạc*” vị ngọt ngon thay ;  
     *Năm* là, “*Ngã*” vốn vị cay;  
*Sáu*, “*Thường*” vị lạt như rày nước trong.  
 Cõi thế gian có đồng ba vị:  
 Là *vô thường, vô ngã, khổ* đau!  
     *Phiền não* làm củi để vào,  
*Trí huệ* làm lửa sẽ mau cháy liền,  
 Do vì bởi các *duyên* xúc tác  
 Mà thành cơm **Đại Bát Niết Bàn**.  
     Tức “*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*” toàn,  
 Làm cho *đệ tử* trong hàng **Phật gia**  
 Đều nếm mùi thiệt là ngon ngọt,

Được thỏa nguyện không sót một ai.  
Ví dụ câu chuyện dưới đây,  
**Phật** bảo người nữ lời này xét tri:  
“Vì *duyên* sự muốn đi xứ khác,  
Phải đuổi con trai ác khỏi nhà,  
Rồi đem sự nghiệp của bà,  
Giao cho con thảo hiền hòa nghĩa nhân”.  
Người nữ bạch **Phật** rằng: “Thiệt đúng!  
Lời **Như Lai** *diệu dụng* dạy truyền,  
Gia nghiệp giao đưa con hiền,  
Chẳng giao đưa dữ, tử phiền về sau”.  
**Phật** nói: **Như Lai** nào có khác.  
Lúc viên tịch **Phật** nhập *Niết Bàn*,  
Đem *Pháp vô thượng* bố ban,  
**Phó chúc Bồ Tát** thuộc hàng *thượng căn*,  
Không giao hàng *Thanh Văn* đức mỏng  
Vì *Thanh Văn* ảo vọng tưởng là  
**Phật** thiệt *diệt độ* *Ta bà*.  
Còn các **Bồ Tát** *Ma Ha* nhận rằng  
**Đức Như Lai** *thường hằng* trụ mãi  
Không bao giờ biến hoại đổi thay.  
Mà quả thật **Đức Như Lai**

Không có *diệt độ* trần ai *Ta bà*.  
Như người nữ vắng xa nhà cửa  
Đã bao năm chưa trở về thăm,  
Đứa con bất hiếu ác tâm  
Nói mẹ mình mất xa xăm trần miền,  
Còn đứa con thảo hiền tin tưởng  
Mẹ mình sống vui hưởng phương xa.  
Mà chính thiệt, *tri* xét ra  
Người nữ còn sống dù là xa quê.  
Nếu có *Chúng sanh* nào nhận thức  
Rằng **Phật** là *thường trụ* mãi hoài  
Phải biết nhà kẻ ấy đây  
Luôn luôn có **Phật** hằng ngày trong gia.  
Đây gọi là “**Chánh Tha**” *tha giác*.  
Trong tương lai *giải thoát* khổ đau.  
- Hỏi “**Tùy vấn đáp**” thế nào ?  
**Như Lai** vì Chúng rộng sâu giảng bày.  
Nếu có người đời nay hỏi **Phật**:  
Làm thế nào khỏi mất của tiền  
Mà được vô lượng *phước điền*,  
Gọi là *đàn việt* đại duyên *cúng dường* ?  
**Đức Thế Tôn** tỏ tường khuyên dạy:

“Đem tôi tớ trai gái trong nhà  
     *Bố thí* cho bực *xuất gia*  
 Tỳ kheo trì giới hay Bà la môn,  
     Tâm *thiểu dục* giữ lòng *tri túc*,  
     Vật *bất tịnh* chẳng nhận chứa nuôi.  
     Đem người nữ *thí* cho thời  
 Vị tu *phạm hạnh* xa rời tà *dâm*.  
     Đem rượu thịt thật tâm *bố thí*  
     Cho người dứt rượu thịt đã lâu.  
     Đem đồ trang sức báu châu  
 Thí cho người chẳng mưu cầu riêng thân.  
     Đem thực phẩm *phi thời* dâng cúng  
     Cho người không thọ dụng phi thời.  
     *Bố thí* như vậy trong đời  
 Rất có danh tiếng rạng ngời tuổi tên,  
     Mà chẳng mất của tiền phi lý”  
     “**Tùy Vấn Đáp**” ý chỉ giải ra. (lạy)

### Ca Diếp Bồ Tát Ma Ha!

“Bạch **Phật!** Con hiểu sâu xa lời vàng!  
     Đối với người hiện đang ăn thịt  
     Cũng chẳng nên đem thịt cúng dâng.



Vì con xét thấy chánh chân  
Người không ăn thịt đắc phần thanh cao.  
Được *công đức* lớn lao khó kể,  
Lòng *từ bi* sánh thể cao dày.  
**Phật** khen: “Lành thay! Lành thay!  
Nay ông khéo biết ý này **Như Lai**.  
Là **Bồ Tát** thường hay *hộ pháp*  
Phải như vậy thấu nạp muôn loài.  
Này **Ca Diếp**! Ông nghe đây.  
**Phật** không cho phép các ngài *Thanh Văn*  
Từ ngày nay phải răn giới thịt,  
Nếu *đàn việt* không biết cúng dâng,  
Phải xem như thịt người thân  
Con mình chẳng khác, như ăn thịt người.  
Ngài **Ca Diếp** bây giờ bạch **Phật**:  
“Bạch **Thế Tôn**! Sự thật giải bày.  
Tại vì sao **Đức Như Lai**  
Không cho ăn thịt các loài *sinh linh* ?  
**Đức Phật** dạy tận tình chí lý:  
“**Ca Diếp** nên suy nghĩ thế này!  
Luận về người ăn thịt đây  
Thời mất hạt giống **Như Lai đại từ**”.

Ngài **Ca Diếp** tiếp lời hỏi **Phật**:

“Duyên cố gì ngày trước **Như Lai**

Cho phép hàng *Tỳ kheo* này

Dùng *tam tịnh nhục* chẳng hay thế nào?”

**Phật** lại dạy âm hao cặn kẽ

“Này **Ca Diếp** ông sẽ hiểu ngay.

Ba thứ *tịnh nhục* trước đây

Chỉ là theo việc tạm rày chế thôi”.

Ngài **Ca Diếp** tức thời bạch **Phật**:

“Thưa **Thế Tôn!** Con thật chưa tường.

Duyên cố gì đáng *Pháp vương!*

*Mười thứ bất tịnh* không cho phép dùng,

Và nhẫn đến chín thứ thanh tịnh

Cũng không cho cất chứa nuôi thân?”

**Phật** lại nói: “Bởi nguyên nhân

Nơi sự lần lượt giới phần cao hơn.

Ông phải nên tận tường chăm chút

Chính là nghĩa *đoạn nhục* hiện nay”.

**Ca Diếp** lại bạch **Như Lai**:

“Cớ sao **Đức Phật** trước đây khen rằng:

“Ngư nhục là món ăn bổ dưỡng

Xin **Thế Tôn** rộng lượng giải bày?”

**Phật** bảo: “**Ca Diếp** nghe đây!  
**Thế Tôn!** Cũng chẳng nói loài thịt ngư  
Là món ăn bấy chừ ngon bổ,  
Mà **Như Lai** vẫn nói mía đường,  
Gạo, lúa, bắp, sữa, bơ, dầu,  
Là những thực phẩm dồi dào rất ngon.  
Dầu rằng **Phật** nói còn giữ cất,  
Nhưng y phục hoại sắc thô sơ,  
Huống là lòng lại tham ưa  
Nơi vị ngư nhục phải chừa hẳn ngay”.

Ngài **Ca Diếp** trình bày với **Phật**  
“**Đức Như Lai** chế đặt giới phần  
Ngư nhục cấm không được ăn,  
Thời những bơ, sữa, dầu, đường v...v...  
Các thứ *kiêu xa da* y phục  
Đồ bằng loại da thú, ngọc ngà,  
Bồn chậu bằng vàng bạc mà  
Làm nhiều đủ cách chế qua chẳng dùng”.

**Phật** dạy: “**Này Ca Diếp Bồ Tát!**  
Không nên có kiến chấp đồng nhau  
Với bọn *ngoại đạo* kia nào.  
Bao nhiêu cấm giới truyền trao *Tăng già*

Của **Như Lai** ban ra tuân chỉ  
 Cũng đều có dị ý sở nhân.

Vì dị ý cho phép rằng  
 Ba thứ tịnh nhục được ăn buổi đầu.  
 Vì dị ý về sau cấm hẳn  
 Mười thứ thịt không được phép ăn.  
 Vì dị ý nên khuyên răn  
 Nói chung loài thịt không ăn bao giờ,  
 Dầu là thịt của con vật chết  
 Huống mưu cầu chém giết sinh nhai.

**Ca Diếp Bồ Tát** nghe này !

Người mà ăn thịt các loài *Súc sanh*,  
 Hoặc đi, đứng, ngồi, nằm cũng vậy,  
*Chúng sanh* nào nghe thấy mùi hơi  
 Thảy đều kinh sợ tức thời  
 Giống như Sư tử sống nơi rừng già,  
 Đi đến đâu người xa, kẻ tránh,  
 Các muôn thú chạy lánh thật nhanh,  
 Do bởi mùi thịt hôi tanh  
 Nên có quan niệm chẳng lành hại ta.  
 Vì thế, bực *xuất gia* kiêng hẳn  
 Các thứ thịt không đặng phép ăn.

**Bồ Tát** *thị hiện* độ trần  
 Tuy ăn mà chẳng *chấp* ăn tham cầu.  
 Hàng **Bồ Tát** gieo sâu *công đức*  
 Còn không *tham* vật thực tịnh thanh,  
 Huống lại ăn thịt *Chúng sanh*  
 Vì muốn nhen loại hạnh lành treo gương.  
 Khi **Đức Phật Niết Bàn** nhập trước  
**Tứ quả Thánh** lần lượt theo chân.  
*Chánh pháp* từ đó diệt lần  
 Trong thời *tượng pháp* giảm dần giới môn,  
 Các *Tỳ kheo* in tuồng *trì luật*,  
 Ít đọc tụng Kinh **Phật** thấm nhuần,  
 Tham ưa ăn uống vật trần,  
 Cứ lo bồi bổ xác thân tục phàm,  
 Y phục mặc nhuộm chàm xấu xí,  
 Hình dung thì tiêu tụy khó coi,  
 Không có oai đức hẵn hòi,  
 Quanh năm cặm cụi chăn nuôi dê, bò,  
 Ngày tháng cứ toan lo gánh cỏ,  
 râu tóc không cạo bỏ dài ra,  
 Dầu thân khoác áo *cà sa*  
 Nhìn qua thật giống như là thợ săn,

Đi ngó xuống bước chân chậm rãi  
 Giống như mèo rình chuột khác nào.  
 Thường tự xưng *công đức* cao  
*La Hán* chứng quả đạo mầu huyền thâm,  
 Mang nhiều bịnh khổ nằm trên phần,  
 Ngoài hiện ra tướng nhĩn thiện chân,  
 Trong thì đầy lòng tham sân.  
 Lại còn lập dị pháp cam nín lời,  
 Thật chẳng phải là người *Thích Tử*  
 Mà hiện bày *thiên lữ Sa môn*,  
*Tà kiến*, xí thanh trong lòng,  
 Chê bai *Chánh pháp*, a tòng ngoại lai.  
 Những người *tu* như vậy sai trật,  
 Luôn phá hoại giới luật *Tăng già*  
 Của **Đức Như Lai** chế ra  
 Và quả *giải thoát Phật Đà* hoằng khai.  
 Họ xa rời **Như Lai Chánh pháp**,  
 Làm mất đi *mật tạng* thậm thâm.  
 Theo ý riêng chỗ mê lầm  
 Nói ngược *kinh luật* cho rằng **Như Lai**  
 Cho phép Chúng được rày ăn thịt,  
 Nên mặc tình thỏa thích tác oai.

**Ca Diếp Bồ Tát** nghe đây!

Bấy giờ, lại có các ngài *Sa môn*  
Tâm tham lam chứa độn gạo thóc,  
Nhận lấy nhiều thịt cá cất dành,  
Tự tay nấu ăn riêng mình  
Cầm xách thực phẩm hoặc bình dầu ăn,  
Đi giày dép làm bằng da thú  
Và lọng báu gắn đủ ngọc ngà,  
Thân cận *Quốc vương* lại qua  
Với cùng quan lớn hay nhà giàu sang,  
Xem tướng số để bàn **mạng vận**,  
Coi sao đoán suy luận kết, hung,  
Siêng học nghề thuốc cổ phương,  
Chứa nuôi tôi tớ **thiên đường** đầy đông,  
Lại thâu tóm vàng ròng bảy báu  
Cất tiêu xài, sắm tạo riêng tư,  
Các thứ dưa trái ăn dư  
Dem ra bán lãi, thú hươu đồ bữa,  
Còn học tập bùa thư **chú thuật**,  
Nào nghề vẽ nắn **Phật** tạo hình,  
Làm sách dạy học thế tình,  
Chế thuốc cải tử hoàn sinh gạt đời,

Thích đàn ca cùng thời hát xướng,  
 Dừng hương hoa trang điểm vóc hình,  
 Học các nghề thợ mưu sinh,  
 Mê mẩn cờ bạc, trường đình ham vui.  
 Nếu có *Tỳ kheo* nào *tà hạnh*  
 Các việc trên xa tránh từ nay.  
 Nhẫn tu *thọ trì* giới trai  
 Xứng danh *Thích Tử Như Lai Phật Đà*. (lay)

Ngài **Ca Diếp** trình qua cùng **Phật**:  
 “**Bạch Thế Tôn!** Con thật còn nghi.  
 Các *Tỳ kheo*, *Tỳ kheo ni*,  
*Ưu bà tặc*, *Ưu bà di*, *Tăng già*,  
 Nhờ *thí chủ* giúp mà sự sống.  
 Lúc *khất thực* thịt trộn thức ăn  
 Làm cách nào để trừ ngăn  
 Ăn đúng với pháp trọn phần tịnh thanh?”  
**Phật** dạy: “**Này Ca Diếp Bồ Tát!**  
 Nên lựa hết những lát thịt ra  
 Xong rồi lấy nước rửa qua  
 Sau đó dùng đũa chẳng là lỗi chi.  
 Nếu đồ đựng dính thì mỡ bần



Chỉ làm sao hết hẳn vị mùi.

Nếu trong thức ăn thịt nhiều

Thời không được nhận nuôi chiu nhờn gian.

Tất cả trong các hàng *đệ tử*,

Người ăn thịt phạm giới cấm răn.

**Đức Như Lai** nay xưng rằng:

Điều chế *đoạn nhục* phải cần hiểu thông.

Nếu giảng rộng thời không thể hết.

Giờ **Niết Bàn** *tịch diệt* gần kề,

Chỉ nói sơ lược chủ đề

Hay “**Tùy Vấn Đáp**” mọi bề vừa xong.

Này **Ca Diếp**! Nay ông khéo hiểu

Nghĩa *nhơn duyên* đạt liễu thế nào?

Như *bốn bộ Chúng* cùng nhau

Đồng đến vấn **Phật** đối trao lời rằng:

Có những nghĩa diệu năng hiệu quả,

Lúc **Phật** mới chuyển hóa ra đời.

Vì Vua **Ba Tư Nặc** thời

**Phật** không nói pháp tuyệt vời tối cao,

Hoặc có lúc nói sâu, nói thiển,

Hoặc nói là không phạm, phạm mà.

- Thế nào gọi là *đọa sa* ?

- Thế nào gọi **luật Phật Đà** chế ra ?

**Ba La Đề Mộc Xoa** chưa hiểu

Xin **Phật** từ chỉ biểu rõ ràng?

**Phật** dạy: “*Đại chúng* bốn ban  
Lắng nghe cho kỹ lời vàng của **Ta**.

*Ba La Đề Mộc Xoa* gọi đủ.

Là *tri túc*, thành tựu oai nghi,

Không cất chứa những vật gì.

Gọi là **tịnh mạng xuất ly** *Ta bà*.

“**Đọa**” cũng được gọi là *sa đọa*

Bốn ác thú vay trả xiết chi,

Và lại *đọa* chốn *A Tỳ*

Nhẫn đến **vô gián** khổ nguy không lường.

Nếu luận về *Vô thường* mau chậm,

Như mưa to chẳng thấm ướt đầu.

Người nghe sợ hãi lo âu,

Bền giữ cấm giới có nào phạm qua,

Luôn *tu tập* sâu xa *giới* định

Chẳng thọ vật **bất tịnh** tục trần.

Và lại *đọa* thêm lớn tăng

*Súc sanh*, *ngạ quỷ* trong tầng ngục môn.

Vì nghĩa ấy, **Thế Tôn** gọi “*đọa*”,

Nay phân rành giải tỏa hoài nghi.  
*Tứ chúng* hãy nhớ khắc ghi  
Thực hành y pháp *từ bi* **Phật Đà**.  
*Ba La Đề Mộc Xoa* hoán chuyển  
Là lìa *ngiệp bất thiện* của mình  
Thân, khẩu, ý không vọng sinh  
Làm điều trái đạo *vô minh* vạy tà.  
*Luật* của **Phật** chế ra các giới,  
Chỗ oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm.  
Nghĩa hay trong kinh diệu thâm,  
Xả vật *bất tịnh*, đoạn mầm tham lam,  
Và *nhơn duyên* thế phàm *bất tịnh*,  
Cũng ngăn *bốn trọng tội* khỏi mang,  
Mười ba tội của *Tăng tàng*,  
*Hai tội bất định* hoàn toàn trừ xong,  
Ba mươi tội ở trong *xả đọa*,  
*Chín mươi tội đơn* đã liệt kê,  
Bốn pháp *hối quá* giác mê,  
Những các pháp học chẳng hề bỏ qua,  
Cùng *bảy pháp* gọi là *diệt tránh*,  
Vì vậy nên *giới hạnh* viên thông.  
Hoặc có người tu mê lòng

Phá hoại các *giới* đoạn dòng **Như Lai**,  
 Bốn pháp trọng lìa ngay đức hạnh,  
 Nhẫn *bả pháp diệt tránh* chẳng gìn.  
 Hoặc có người lại lờn khinh,  
 Khoe khoang mình được thông minh lạ kỳ,  
 Như rùa giấu sáu chi rất kín,  
 Vì che giấu tội tánh mãi hoài,  
 Không chịu *sám hối* sửa sai,  
 Tội lỗi càng lớn, càng dày thêm hơn.  
**Như Lai** biết tận tường lợi hại  
 Nên lần lượt chế *giới* cạn sâu,  
 Chẳng đồng thời, chế hết đâu.  
 Do đó mới có buổi đầu, về sau.  
 Bấy giờ, có người *câu đạo* hỏi:  
 “Bạch **Thế Tôn**! Trí giỏi rộng sâu.  
 Những sự ấy biết đã lâu  
 Sao không chế trước, về sau mới bày,  
 Phải chẳng **Đức Như Lai** lại để  
 Cho *Chúng sanh* cỡi thế *đọa* ư ?  
 Ví như có một nhóm người  
 Muốn đến xứ khác quên thời đường đi,  
 Nên lạc vào hiểm nguy rừng thẳm

Không gặp ai chỉ dẫn lối ra.  
 Cũng vậy, Chúng sanh *Ta bà*,  
 Tâm tánh mê tối mù lòa thiệt hơn,  
 Chẳng thấy được con đường **Chánh đạo**.  
 Đáng lẽ **Phật** dạy bảo trước tiên.  
 Tỳ kheo phạm *giới* răn kiêng,  
 Nay là *trì giới*, cần chuyên thực hành.  
 Phải chế *giới* trọn lành chân thật.  
 Vì **Như Lai** là bậc trí sâu  
 Thấy rõ Chơn chánh lâu lâu.  
 Là trời trên các trời cao khó bì,  
 Hay nói *Pháp hữu vi thập thiện*  
 Khuyến *Chúng sanh* sớm chuyển *ngiệp* lành.  
*Công đức tăng thượng* đắc thành,  
*Nghĩa vị* thâm thúy lợi sanh thỉnh cầu.  
**Đức Thế Tôn!** Pháp mầu ban rải.  
 Chế *giới* trước hối cải lầm sai.  
 Kế đến **Đức Phật** giảng bày:  
 “Hỡi *Thiện nam tử* nghe đây lời này,  
 Nếu đã nói **Như Lai** vì Chúng  
*Pháp thập thiện* ứng dụng giáo truyền  
*Công đức tăng thượng vô biên*

Thế là **Phật** đã gieo duyên *Ta bà*.  
Xem bốn loại như là con một  
**La Hầu La** không khác ruột thân,  
Sao ông vẫn nạn cho rằng:  
“**Như Lai** lại muốn người trần *đọa* sao?”  
**Phật** quán thấy ai vào *địa ngục*,  
Vì người ấy, không phút nào yên  
Tìm phương cứu giúp rộng nguyên  
An trụ một kiếp làm thuyền độ dân,  
Đâu cứ gì đem tâm phỉn gạt,  
Xem kẻ ấy lại khác con mình,  
Nữ nào để vướng tội tình  
Nơi *A-Tỳ* chịu điều linh *thức thân*.  
Thiện nam tử ! Nên cần hiểu đúng.  
Đức *từ bi* quyền dụng độ sanh,  
Vì thấy áo rách vá lành  
Chế *giới* cho bậc *tu hành* làm gương.  
Như *Chuyển Luân Thánh Vương* cũng vậy,  
Trước dạy dân học lấy nghĩa nhân,  
*Mười điều thiện* vẹn đạo hằng,  
Về sau nếu có người dân vô nghì.  
Vua bèn theo *tùy nghi* mỗi sự,

Luật pháp ban thứ tự trị đời,  
Khi sự ác đã dứt rồi  
**Pháp luật** từ đó, người người hành y.  
Cũng thế, **Phật** từ bi ứng dụng.  
Dầu *thuyết pháp* độ Chúng trước tiên,  
Tuy chưa được chế luật riêng,  
Sau thấy bốn chúng chẳng siêng năng hành.  
Do *Tỳ kheo* bỏ lành, làm ác,  
Mới theo sự chế tác *giới* răn.  
Những ai nung nấu tinh thần  
Yêu thích **Phật pháp** Chánh chân *tu hành*,  
Hạng người này đặc thành *đạo quả*,  
Thấy **Như Lai** Chơn ngã *Pháp thân*.  
Như xe báu Vua *Chuyển Luân*  
Không thể suy luận nghĩ bàn đặng đâu.  
*Pháp* và *Tăng* cao sâu cũng vậy,  
Chẳng thế nào nhìn thấy nghĩ bàn.  
Người hay *thuyết pháp* diễn đàn  
Và người nghe *pháp* lại càng khó tri.  
Đây gọi là *tùy nghi* bí mật  
“Khéo hiểu nghĩa chơn thật *nhơn duyên*”.  
**Bồ Tát khai thị** nghĩa trên

Bốn điều phân biệt liễu viên rõ ràng,  
 Đây là nghĩa **Niết Bàn** tối thượng  
 Trong *Đại Thừa* vô lượng **Phật** khai.  
 Lại còn có nghĩa thế này:  
 “**Tự Chánh**” là đặng *chứng* ngay hoàn toàn  
 Vào **Đại Bát Niết Bàn** chân thật  
 “**Chánh Tha**” là **Chư Phật** tùy nhân.  
 Vì *Tỳ kheo* mà nói rằng:  
**Như Lai** thường trụ *Pháp thân* thọ dài.  
 “**Tùy Vấn Đáp**” là, này **Ca Diếp!**  
 Nhưn ông hỏi được dịp giảng tuyên  
 Vì *Đại chúng Phật* giáo truyền  
 Nghĩa lý *vi mật* diệu huyền mở mang.  
 - “**Nghĩa nhưn duyên**” là hàng *Duyên giác*  
 Hay *Thanh Văn* không đạt nghĩa sâu  
 Chẳng nghe chữ **Y** (.:) diệu mầu  
 Do ba điểm đó *sở cầu* thành công,  
*Giải thoát* ra khỏi vòng *Tam giới*,  
 Trí **Bát Nhã** thẳng tới *Niết Bàn*.  
 Nay **Như Lai** đức từ ban  
 Ở nơi đại hội pháp đàn xiển dương.  
 Khai *huệ nhãn* mở đường đạo cả,



Bực *tu hành* đắc quả *Thanh Văn*.

Giả sử có người nói rằng:

Bốn sự là một, biệt phân làm gì,

- Thế nào chẳng phải thì *hư vọng*?

Thời hãy nên gạn lóng trước sau:

Rằng *hư không* lớn trùm bao,

Không chỗ có thấy, không nào ngại ngăn,

Không động niệm, không lẫn ranh giới,

Bốn sự trên ích lợi rộng sâu,

Gọi là *hư vọng* đặng sao?

Bình tâm suy xét sớm mau dứt trừ.

Ngài **Ca Diếp** bấy giờ bạch **Phật**:

“Bạch **Thế Tôn**! Sự thật không sai.

Các câu như vậy trên đây

Chính là một nghĩa, nghĩa bày đều không.

Dù “**Tự Chánh**”, “**Chánh Tha**” hay hoặc

“**Tùy Vấn Đáp**”, “**Liễu Nghĩa Như Duyên**”

Nói chung tất cả đồng nguyên

Đều là *đại ngộ* liễu viên **Niết Bàn**.

**Đức Phật** bảo thế gian *mê chấp*

Mà xưa nay thường gặp trong đời.

Này **Ca Diếp** ông nhớ lời

**Như Lai** căn dặn hạng người sau đây:  
 Luận biện nói thế này sai trật,  
 Cho **Thế Tôn**, **Chư Phật** vô thường,  
 Vì không đạt nghĩa am tường  
 Vướng vào tà kiến lầm đường lạc sai,  
 Chấp lời dạy **Như Lai** chẳng rõ  
 Diệt *phiền não* gọi đó **Niết Bàn**,  
 Cũng như lửa tắt tro tàn  
 Thời không chỗ có hoàn toàn trống trơn,  
 Sao gọi là *Pháp thường trụ* vậy,  
 Không biến đổi hư hoại được ư ?  
 Lại như **Phật** dạy trời, người  
 Các cõi *hữu lậu* xa rời thế gian,  
 Bèn gọi là **Niết Bàn viên mãn**.  
 Trong **Niết Bàn** không vướng Sáu đường,  
 Các cõi *hữu lậu* nhiễm vương,  
 Thế sao **Phật** là *Pháp thường trụ* ư ?  
 Ví cái áo cũ hư rách nát,  
 Có còn gọi món vật được chăng?  
 Cũng vậy, **Niết Bàn** thật chân  
 Dứt các *phiền não vi trần* đều ly,  
 Chẳng gọi là vật gì nữa cả.

“Thế sao **Phật** *thường trụ* được ư?”

**Đức Phật** thường dạy khuyên đời

*Ly dục tịch diệt* vào nơi **Niết Bàn**,

Ví dụ như người đang bị chém

Đứt đầu rồi thân chẳng còn đầu,

Cũng vậy, *ly dục* đoạn sâu

*Tịch diệt* trống rỗng không đâu có gì,

Gọi **Niết Bàn** chẳng chi là khác.

“Sao **Như Lai** *thường trụ* được chẳng?”

**Đức Phật** đã từng dạy rằng:

Như sắt nung đỏ, đập văng lửa liền,

Trong giây lát tự nhiên vụt tắt,

Chẳng biết là lửa ắt ở đâu!

Được **Chánh giải thoát** cao sâu,

Cũng lại như vậy, khó âu nghĩ bàn.

Đã lìa hẳn ôm mang dâm dục,

Nơi ba cõi *hữu lậu* xa rời.

Đặng quả **vô động** tuyệt vời

Không rõ hay biết đến thời nơi đâu!

*Pháp* *thường trụ* nhiệm mầu **Đức Phật**

Không biến đổi sự thật lạ thay?

Này **Ca Diếp** ông nghe đây!

Nếu ai gạn hỏi lời này vừa qua,  
 Gọi là lời gạn tà không trí.  
 Ông cũng chẳng suy nghĩ cho rằng;  
 Tánh **Đức Phật** như tục trần  
 Là pháp *diệt tận* muôn phần đều sai.  
 Nay **Ca Diếp ! Như Lai** chỉ bảo.  
 Dứt lìa hết *phiền não*, xả ly,  
 Không còn gọi là vật gì,  
 Đã trọn rốt ráo tức thì hiển nhiên  
 Thế nên gọi là “*Thường*” Chơn chính,  
 Câu này đây *tịch tịnh* không sai.  
 Dứt hết các *tướng* trong ngoài  
 Không có thừa sót hay rày giảm tăng,  
 Tâm trong sạch *Pháp* chân *thường trụ*,  
*Không thối chuyển* ví dụ *hư không*.  
**Niết Bàn** *tịch tịnh* viên đồng  
**Như Lai** *thường trụ* cũng không khác gì.  
 Mạt lửa dụ cho thì *phiền não*  
 Đập văng ra liền tất một khi,  
 Không biết ở đâu mà tri  
 Để chỉ **Chư Phật** đoạn ly *não phiền*.  
 Chẳng ở trong buộc *triền* sanh tử

Nên **Như Lai** *thường trụ* hiển nhiên.  
 Nay **Ca Diếp!** Nghe **Ta** khuyên.  
*Chánh Pháp* mãi mãi lưu truyền xưa nay.  
 Chỗ tôn thờ của rày **Chư Phật**  
 Nên **Như Lai** hết mực *cúng dường*.  
 Vì *Pháp thường trụ* không lường,  
 Mười phương **Chư Phật** cũng *thường trụ* thay!  
 Ngài **Ca Diếp** hỏi ngay **Đức Phật**:  
 “Lửa *phiền não* nếu tắt hẳn rồi  
**Như Lai** cũng tắt theo thôi,  
 Không có chỗ **Phật**, *trụ* nơi *Chơn thường*,  
 Như mặt sắt kia dường cũng thế  
 Mất ánh lửa chẳng biết vãng đâu.  
**Như Lai** cũng vậy khác nào  
 Diệt rồi lìa bỏ trần lao *vô thường*.  
 Ví thanh sắt nung vào lửa đỏ,  
 Lửa tắt rồi không có còn gì,  
**Như Lai** cũng vậy diệt ly  
*Phiền não*, bèn nhập **Vô vi Niết Bàn**.  
 Theo con biết rõ ràng không khác  
 Nên **Như Lai** là *Pháp vô thường*”.  
 Nghe qua **Phật** giải tận tường:

“Này ông **Ca Diếp** ! Suy lường trí, ngu !  
Thanh sắt dụ *phàm phu* không biết.  
Người đời nay dầu diệt não phiền,  
Diệt rồi *sanh* lại y nguyên  
Cho nên mới gọi luân phiên *vô thường*.  
**Như Lai** chẳng vào đường như vậy,  
Diệt rồi không còn thấy tái sanh  
Nên gọi là *thường* trọn lành  
Như mặt trời huệ tinh anh sáng ngời”.

Ngài **Ca Diếp** gạn lời bạch **Phật**:  
“Cũng ví như thanh sắt nguội tan,  
Nếu đem nung vào lửa than  
Tức nhiên thanh sắt nóng càng đỏ ra.  
Ví dụ trên, thời là có lẽ,  
*Phiền não Phật* cũng sẽ lại sanh,  
Nếu *phiền não* kết cấu thành  
*Vô thường* thay đổi đành rành chẳng sai”.

**Đức Phật** bảo khuyên ngài **Ca Diếp** !  
“Ông không nên nói **Phật** *vô thường*,  
Vì **Chư Phật** trong mười phương  
Vốn là *thường trụ* khôn lường nghĩ suy.  
Như đốt gỗ, đến khi gỗ hết,

Lửa sẽ tắt đọng kết còn tro,  
     *Phiền não* diệt dứt buồn lo,  
**Niết Bàn** còn lại như tro nguội tàn.  
 Các điều dụ tỉnh hàng ngu trí,  
 Như áo hư, như bị chém đầu,  
     Như lọ gốm chẳng bền lâu  
 Thế gian *huyễn* giả khổ sâu ưu tư.  
 Nay **Ca Diếp** cũng như sắt nguội,  
 Có thể làm nóng lại rất mau.  
     **Như Lai** không phải vậy đâu,  
 Dứt các *phiền não* đạo mâu *thanh lương*,  
     Chẳng còn sanh Sáu đường trở lại.  
 Nên *thường trụ* mãi mãi vĩnh hằng.  
     Vô lượng *Chúng sanh* cõi trần,  
 Như thanh sắt nọ phải cần rèn trui.  
 Dùng lửa mạnh ở nơi *trí huệ*,  
 Sắt *phiền não* *kiết sử* đốt tan,  
     *Nghiệp* Chúng sanh trong thế gian  
 Không còn *luân chuyển* ôm mang khổ sâu”.  
 Ngài **Ca Diếp** cúi đầu bạch **Phật**:  
 “Thốt nên lời chân thật lành thay!  
     Lành thay! **Ca Diếp** tôi đây.

Thiệt biết **Đức Phật Như Lai Chơn thường**”.

**Phật** nói : Như *Thánh Vương* trị quốc

Vốn ở trong cung nội thường xuyên,

Hoặc có lúc dạo hoa viên,

Thị sát bách tính bao niên vắng triều,

Chẳng nên cho là Vua đã chết

Rồi bịa chuyện sai lệch kỷ cương.

Cũng vậy, **Chư Phật** mười phương

**Niết Bàn** dầu nhập chi đường cách xa,

Không hiện nơi *Ta bà* bể khổ,

Chẳng gọi **Phật** là chỗ *vô thường*.

**Như Lai** ra khỏi Sáu đường,

Vô lượng *phiền não* xem dường như không,

Vào **Niết Bàn** thông dong *tự tại*,

Dạo vườn hoa *vô ngại* an vui”.

**Ca Diếp Bồ Tát** hỏi thời:

Như **Phật** đã dạy trời, người nói chung.

Từ lâu **Phật** thoát vòng *tục lụy*,

Duyên cố gì Long Phụng giao hòa

Với cùng **Da Du Đà La**,

Rồi sanh trưởng tử **Hầu La** xuất thân,

Do cố ấy, biết rằng **Đức Phật**



Chưa vượt qua biển cả *dục trần*.  
Cúi xin **Như Lai** ban ân  
Thứ tha rộng nói nguyên nhân đó rày”.  
**Đức Phật** bảo khuyên ngài **Ca Diếp!**  
Ông chẳng nên chất vấn **Như Lai**  
Những điều *thế tục* thô bày,  
Cớ gì **Phật** lại trần ai hiệp hòa,  
Cùng **Da Du Đà La** ân ái,  
Mới sanh ra con **La Hầu La**,  
Do đó nên biết **Phật Đà**  
Từ lâu chưa vượt thoát ra biển phàm.  
Này **Ca Diếp ! Niết Bàn** của **Phật**  
Hay *kiến lập* nghĩa thật lớn lao.  
Nay các ông *phước huệ* cao  
*Chí tâm* nghe rõ giới trau thực hành,  
Vì người và Chúng sanh *giảng thuyết*  
Chớ nghi ngờ hối tiếc về sau.  
Nếu có **Đại Bồ Tát** nào  
**Niết Bàn** ưng trụ chứng vào *sở tri*,  
Có thể đem *Tu-Di* núi lớn  
Đổ vào hột đĩnh lịch một khi,  
Các loài ở núi *Tu-Di*

Không bị chật hẹp, vẫn y như thường,  
 Cũng chẳng có suy lường gì khác,  
 Giống như người đạo đạt *thần thông*,  
 Kể được *độ* mới nhìn trông

Vị **Bồ Tát** ấy dụng công cách nào  
 Núi *Tu-Di* để vào đình lịch  
 Rồi đem đặt chỗ cũ như y.

Này **Ca Diếp** ! Lại nhớ ghi.

Có **Đại Bồ Tát** trụ quy **Niết Bàn**.

Có thể đem *ba ngàn thế giới*  
 Để vào hột đình lịch mảy may,  
 Chỉ có người đã *độ* đây

Là thấy được việc làm này thành công,  
 Tất cả Chúng đều không hay biết,  
 Cũng chẳng thấy chật hẹp, y nguyên.

Cho đến đem cõi **Đại Thiên**

Để vào ở lỗ chân lông của người.

Cũng như vậy, không hề hư dối,  
 Việc làm này ai cũng nghi nan.

Có **Bồ Tát** trụ **Niết Bàn**

*Tịch tịnh* vắng lặng vào hàng *vô sinh*,  
 Ngắt lấy nhiều muôn nghìn thế giới

Để ở nơi đầu mũi cây kim,  
Tợ như lá táo xỏ ghim  
Ném đến thế giới khác liền phút giây.  
Những Chúng sanh cõi này bị ném  
Cũng không hay, không biết vì sao.  
Chỉ có người được *độ* nào  
Là thấy rất rõ âm hao việc này,  
Và cũng thấy tự tay **Bồ Tát**  
Đem các thế giới khác đã quăng  
Để lại chỗ cũ y chẳng  
Không hề xáo trộn *vi trần* nhỏ thay.  
Lại cũng có vị **Đại Bồ Tát**  
Ứng trụ nơi **Đại Bát Niết Bàn**,  
Bứt lấy thế giới mười phương  
Để bàn tay mặt khó lường nghĩ ra,  
Rồi ném quăng thật xa tận tới  
*Vô lượng* các thế giới khác phương.  
Lại có **Bồ Tát** phi thường  
Nhập trụ *viên tịch* vào trong **Niết Bàn**  
Đem vô lượng mười phương thế giới  
Để vào trong gói gọn *Pháp thân*  
Hoặc gom vào một *vi trần*

Vẫn không chật hẹp khó khăn chút nào.  
 Những *Chúng sanh* sống vào cõi ấy  
 Không bị điều bức ngộp buộc ràng,  
 Cũng chẳng hay biết nghi nan,  
 Chỉ người được *độ* hoàn toàn thấy qua,  
 Và cũng thấy *Ma Ha Bồ Tát*  
 Đem những các thế giới đã quăng  
 Để lại chỗ cũ y chẳng  
 Không hề hao tổn *vi trần* hoại hư.  
 Nay **Ca Diếp** ! Vị **Đại Bồ Tát**  
 Nhập trụ vào trong **Đại Niết Bàn**  
 Có thể *thị hiện* hoàn toàn  
*Thần thông* biến hóa vô vàn vô biên,  
 Hay kiến lập *tùy duyên* cơ tác  
 Nên gọi là **Đại Bát Niết Bàn** .  
 Tất cả *Chúng sanh* thế gian  
 Không thể suy nghĩ luận bàn đặng đâu.  
 Nay ông làm thế nào biết được  
**Như Lai** gần *ái*, *trước* Ta bà  
 Cùng nàng **Da Du Đà La**  
 Sanh đặng con một **Hầu La** nổi truyền.  
 Nay **Ca Diếp** ! *Vô biên* quá khứ

**Đức Như Lai trụ Đại Niết Bàn**

*Thị hiện* trong khắp nhân gian  
 Thần thông vô lượng ức ngàn hóa thân  
 Ở trong cõi *Đại Thiên thế giới*  
 Như trăm ức mặt trời, mặt trăng,  
 Trăm ức *Diêm Phù* cõi trần  
 Cũng vì độ Chúng *phân thân* nhiều loài.  
*Thủ Lăng Nghiêm Kinh* này đã nói.  
 Ta hiện ra nơi cõi thế gian,  
*Thị hiện* rồi nhập **Niết Bàn**,  
 Nhưng chẳng rớt ráo hoàn toàn hết đâu.  
 Hoặc có khi chuyển vào thai mẹ  
 Tưởng con trai mình đẻ sinh ra,  
 Thân của **Như Lai Phật Đà**  
 Chẳng từ *ái dục* hiệp hòa mà sinh.  
**Như Lai** đã ly tình *thế tục*,  
 Vô lượng kiếp lửa dục dập tan.  
 Thân **Phật bất hoại kim cang**,  
*Pháp thân* chứng đắc muôn ngàn kiếp qua,  
 Vì *tùy duyên* Ta bà *thị hiện*  
 Vào thai mẹ *luân chuyển* mà ra.  
**Lâm Tỳ Ni** nơi vườn hoa,

Từ hông phải mẹ **Ma Gia** chào đời,  
Vừa sinh ra đi thời bảy bước,  
Tay chỉ trời, chỉ đất xưng rằng:  
“Ở trong thiên, nhơn, quỷ, thần  
**Ta** là Tôn thượng ai bằng hơn **Ta**.”  
Trời và người, mẹ cha thấy vậy,  
Vừa lo sợ, vừa lại vui mừng,  
Cho rằng *hy hữu* nhứt trần,  
Nói là đứa nhỏ tướng thân hơn người.  
Nhưng xét kỹ thiệt thời *sắc tướng*,  
**Phật** lìa xa vô lượng kiếp trần.  
Thân **Phật** chính là *Pháp thân*  
Chẳng phải máu, thịt, xương, gân hiệp thành.  
Vì *tùy thuận* cách sanh *thế tục*  
Mà có lúc làm trẻ sơ sanh.  
Hướng Nam bảy bước đi hành  
Vô thượng độ Chúng phước lành thực thi.  
Qua hướng Tây cũng đi bảy bước  
Là *thị hiện* thân *trước* cuối cùng,  
*Luân hồi* sanh tử không còn,  
*Bồ Đề* chứng đắc hoàn toàn liễu viên.  
Sang hướng Bắc đi liền bảy bước

Là *thị hiện* đã vượt biển phiền  
 Của các cõi chốn *Đại Thiên*  
 Ra ngoài *Tam giới* an nhiên thanh nhàn.  
 Qua hướng Đông bước chân cũng vậy,  
 Làm **Đạo Sư** chỉ dạy trời, người.  
 Bốn hướng phụ cũng y thời,  
**Tứ ma** diệt dứt trong đời không hai.  
 Nên thành đấng **Như Lai Ứng Cúng!**  
*Chánh Biến Tri* truyền tụng xưa nay.  
 Bảy bước **hướng thượng** hiện bày  
 Chẳng bị **ô nhiễm** như rày *hư không*.  
 Đi bảy bước thông dong *tự tại*,  
 Xuống hạ giới cứu lấy **quần sanh**,  
 Rưới mưa pháp ban ân lành,  
 Xông vào *địa ngục* phá thành **u minh** .  
*Diêm Phù Đề* đản sinh thất nhật,  
 Lại *thị hiện* cạo tóc sạch thân,  
 Mọi người thấy vậy cho rằng:  
**Phật** là đứa trẻ trong trần giống nhau.  
 Xét kỹ ra, ai nào *quán* thật,  
 Dầu trời, thần hay bậc tiên gia,  
 Không một ai thấy đặng mà

***Đảnh tướng*** của **Phật** thiệt là cao sâu.

Trong *vô lượng* từ lâu trước đó

**Như Lai** đã xả bỏ tóc râu,

Phải đầu chỉ mới lần đầu,

*Tùy thuận thế pháp* ngõ hầu khác đầu.

Cha mẹ đem **Ta** vào Thái miếu

Để ra mắt *Đại Tự Tại Thiên*,

Vua Trời nhìn thấy **Ta** liền

Chấp tay ***đảnh lễ*** lòng thiền nghiêm trang.

Vì *tùy thuận thế gian thị hiện*

Việc làm này là chuyện thường bày.

Ở cõi *Ta bà*, **Như Lai**

*Thị hiện* cũng xỏ lỗ tai như đời.

Nhẫn cho các Vua trời cõi *Phạm*

Huống *Chúng sanh* nào dám xỏ tai

*Pháp thân* của **Đức Như Lai**

Vì thuận theo thế hiện bày vậy thôi!

Lấy châu báu trong đời quý giá,

Làm bông tai Sư tử đeo vào.

Kỳ thiệt vô lượng kiếp lâu

Những đồ trang điểm **Phật** đâu có dùng,

Nhưng vì bởi *quyền tùy thế pháp*



Việc làm trên cho hạp phạm gian.  
Vào học đường để mở mang  
Chữ nghĩa, võ nghệ thông toàn các môn.  
Vô lượng kiếp **Thế Tôn** rành rẽ,  
Đã lắm tường lý lẽ *kinh luân*,  
Xem khắp ba cõi tục trần  
Không một ai có khả năng đức tài.  
Đáng làm thầy **Như Lai** cho đặng,  
Nhưng vì muốn *tùy thuận* kỷ cương,  
Mà *thị hiện* vào học đường  
Như người cõi tục bình thường khác chi.  
Làm Thái tử chẳng vì ham muốn  
Hưởng sự vui sung sướng thân ta,  
Trong vô lượng kiếp trải qua,  
**Như Lai** *Ngũ dục* lìa xa hẳn rồi.  
Nhà tướng số đoán coi *mạng vận*,  
Ở triều ca làm đặng *Thánh Vương*  
Cai trị thế giới hùng cường  
Năm châu thanh thới an khang đời đời.  
Mọi người đều tin lời đoán ấy.  
Nhưng thật ra chẳng phải vậy đâu.  
Từ vô lượng kiếp xưa lâu

*Chuyển Luân Vương* vị **Ta** nào thích ham,  
 Ngồi *Pháp Vương* nguyện làm ngọn đuốc  
 Để đưa người sớm vượt rừng *mê*.  
 Thị hiện **dục lạc** chán chê,  
 Đạo thành thấy cảnh nảo nề đau thương,  
 Nào già, bệnh *vô thường* giả tạo,  
 Quyết du phương tầm đạo *Ma Ha*,  
 Mọi người đồn **Sĩ Đạt Đa**  
 Thái tử lìa bỏ cha già *xuất gia*.  
 Kỳ thiệt ra *cà sa* khoác áo  
 Vô lượng kiếp **hành đạo** lâu rồi.  
 Thọ **giới Cụ túc** hiện đời,  
*Tinh tấn chánh định* như thời *Sa môn*,  
**Tu Đà Hoàn Thế Tôn** chứng đắc,  
**Tư Đà Hàm** hay bậc **Bát Lai**,  
*A La Hán* thoát trần ai  
*Sinh diệt* đoạn tận ra ngoài *Tam thiên*.  
 Mọi người thấy việc trên đều tưởng  
*A La Hán* tu chứng dễ mà.  
 Nhưng từ vô lượng kiếp qua  
*A La Hán* quả **Phật Đà** liễu viên.  
 Vì lập chí **đại nguyên độ thế**

Cho mọi loài khỏi bể *ái hà*.

*Thị hiện* trải cỏ làm tòa

Bồ Đề *khổ hạnh* rừng già gian truân,

Đắc *thiền định* ma quân thu phục,

*Thuyết pháp* khai không lúc nghỉ dừng.

Từ vô lượng kiếp khôn lường

**Phật** đã hàng phục *Ma Vương* ngộ rồi.

Vì muốn Chúng ác đời tỉnh thức,

Nên *thị hiện* làm bực *tu hành*.

Lại thọ thực phẩm *Chúng sanh*

Của người dâng cúng phước lành cầu mong,

Nhưng thiệt là **Phật** không đói khát

Như người phạm *dục lạc* thích ưa.

Từ vô lượng kiếp xa xưa

**Phật** đầy đủ trí dư thừa *thậm thâm*,

Lìa tất cả ngồi, nằm, đi, đứng,

Hay đau đầu, đau bụng, đau lưng,

Đại tiểu tiện khác người trần,

Rửa tay, súc miệng .v.v... không cần,

Mọi người đều cho rằng **Đức Phật**

Các *oi nghi* có thật thường ngày.

Thiệt ra *Pháp thân* **Như Lai**

Đều không có sự việc bày như trên,  
 Tay và chơn mịn mềm trong sạch,  
 Chẳng ố như tợ đóa *Liên hoa*,  
 Hơi miệng luôn luôn tỏa ra  
 Ví như hoa **Ưu Bát La** thơm ngần.  
 Cả *Đại chúng* cho rằng **Đức Phật**  
 Đồng chủng loại nhưn vật sanh ra,  
 Mà thiệt thời **Như Lai, Ta**  
 Không phải nhưn loại giống là *phàm phu*.  
 Lại *thị hiện* lấy **y phấn tảo**  
 Làm *cà sa* khoác áo che thân,  
 Giặt giũ, may nhuộm nhọc nhằn,  
 Khác nào Tăng lữ tục trần thế gian.  
 Dầu **Như Lai Niết Bàn tịch diệt**  
 Rồi *Ta bà* chẳng thiệt vậy đâu.  
*Chúng sanh* hiện tại về sau  
 Cho **Phật diệt độ** nhập vào *hư vô*.  
 Kỳ thật ra ít ai hiểu biết  
*Diệt độ* mà chẳng *diệt độ* nào,  
 Phải biết *tánh Phật* nhiệm mầu  
 Thiệt chẳng diệt hẳn cao sâu khó lường,  
**Phật là Pháp** hằng *thường trụ* mãi

Không bao giờ biến hoại đổi thay.  
 Nay **Ca Diếp** ! Ông nghe đây.  
 Phải nên hiểu rõ lời này của **Ta**.  
*Đại Niết Bàn* vốn là *pháp giới*  
 Của **Chư Phật** ích lợi vô ngần.  
**Như Lai** thị hiện giáng trần,  
 Ra đời thành **Phật** độ dân thoát nạn,  
*Chúng sanh* lầm tưởng rằng họ **Thích**  
 Chỉ mới thành *quả Phật* kiếp này.  
 Nhưng thiệt ra **Đức Như Lai**  
 Chỗ làm hiệu quả trải dài kiếp qua.  
 Vì *tùy thuận Ta* bà thế giới  
 Mà *thị hiện* như vậy chẳng sai.  
*Diêm Phù Đề* ở cõi này!  
*Thị hiện giới cấm* **Như Lai** chẳng gìn,  
*Tứ trọng tội* in hình mắc phải,  
 Nhưng xét ra nghĩ lại từ lâu  
 Vô lượng kiếp đức cao sâu  
*Giới luật* chẳng có phạm vào mảy may.  
 Cũng có lúc **Như Lai** thị hiện  
**Nhứt Xiển Đề** bày chuyện vạy mê,  
 Làm gì có *Nhứt Xiển Đề*

Thành bực *vô thượng* chẳng hề nghe qua.  
Lúc thị hiện *Tăng già* phò trợ,  
Khi làm người phá hoại *Chúng Tăng*,  
Có lúc hiện *ma Ba-Tuần*,  
Nhưng từ vô lượng kiếp trần *Hằng sa*,  
**Như Lai** đã lìa xa *ma sự*,  
Không *niêm ô* ví tợ hoa sen.  
Hiện thân nữ giới thấp hèn,  
Tu thành **Phật quả** đáng khen trong trần,  
Mọi người đều nói rằng lạ thật,  
Người nữ mà tu *đắc Phật* sao?  
Phải biết **Như Lai** từ lâu  
Thân gái không thọ sanh vào thai mang,  
Vì *điều phục* độ an bốn loại,  
Nên hiện làm thân gái đó mà,  
Hoặc *Nga quý*, *A tu la*,  
Cho đến *Địa ngục* vào ra *A-Tỳ*.  
Lại *thị hiện* làm vị *Thiên Đế*  
Để cho người phàm thế phụng thờ.  
Nhấn đến hiện các thân trời  
Cũng vì mục đích độ người mê say.  
Nhưng thiệt ra **Như Lai** không phải

*Phạm Thiên Vương, hay gái, Dạ Xoa ...*

Có lúc *thị hiện* vào nhà

Thanh y, tửu điểm hoặc là gái dâm.

Nhưng **Phật** đây dục tâm không có,

Như hoa sen mọc ở đầm lầy

Nhụy gương chẳng bị nhiễm lây

Vào đấy để *thuyết pháp* khai độ đời,

Cho hạng người *si mê sắc dục*,

Đặng trụ nơi *Chánh pháp Phật Đà*.

Có lúc *thị hiện* làm nhà

Bác sĩ đức độ tài ba giúp đời,

Khi *thị hiện* làm người đánh bạc,

Để độ hạng đồ bát ăn năn.

**Như Lai** *thị hiện* nhiều thân,

Vì muốn *giác* chúng, khó khăn không nài.

Hiện chim Thấu độ loài chim Thấu,

Hiện Vua, quan cứu độ Vua, quan,

Hiện thân *Trưởng giả* giàu sang,

Giúp người đói khổ rải ban *phước* lành,

Rồi dìu dắt tu hành *giải thoát*,

Quả vô thượng *Chánh giác Phật Đà*.

Lại *thị hiện* cõi *Ta bà*

Bệnh dịch truyền khắp nhà nhà lây lan,  
 Trước *bố thí* được thang chữa trị,  
 Sau giảng dạy *đạo lý giác* người.  
 Lại *thị hiện* thiên tai thời,  
 Trước chia cơm áo giúp đời bình an,  
 Sau tuyên thuyết mở mang *điều pháp*  
 Chỉ cho người *tu tập* huệ khai.  
 Lại *thị hiện* đao binh tai,  
 Dập tắt thù hận từ nay không còn,  
*Giác* mọi người tiêu mòn oán hại,  
 Bằng cách là gieo rải tình thương.  
*Thị hiện* vì hạng *chấp* Thường,  
 Giảng *Vô thường pháp* dứt đường lầm sai.  
 Hạng *chấp Lạc* giáo bày *pháp Khổ*,  
**Phật** dùng phương *hóa độ* mỗi người.  
 Vì hạng *chấp Ngã* trong đời,  
**Phật** dạy *Vô ngã* xa rời *thân căn*.  
 Vì hạng *chấp* cõi trần thường *tịnh*,  
*Pháp bất tịnh* Chơn chính **Phật** khai.  
 Vì người tham *chấp mê* say,  
*Luân hồi* Tam giới **Phật** đây chỉ bày,  
 Phải tu sao ra ngoài ba cõi



Mới thông dong tự tại **tâm linh**.  
 Vì thị hiện độ **Chúng sinh**  
 Dụng pháp **Vô thượng** đẳng bình cao sâu.  
 Trồng cây **pháp dược** mầu gieo đạo  
 Để thay cây **phiền não trần lao**,  
 Diễn nói **Chánh pháp** lâu lâu  
 Cứu bọn **ngoại đạo** sa vào **tà ma**,  
 Dầu làm Thầy trời và nhơn loại,  
**Phật** không muốn làm Thầy thế gian.  
**Như Lai Chánh giác** hoàn toàn  
 An trụ **Đại Bát Niết Bàn** không hai.  
 Nên gọi là **Như Lai** thường trụ,  
 Không hư hoại biến đổi bao giờ.  
 Có lúc ở **Nam Diêm Phù**  
**Hóa thân** đủ loại **vân du** địa cầu.  
 Ở **Đông Thắng Thần Châu** giáo đạo,  
 Sang **Tây Ngưu Hóa Châu** pháp tuyên,  
**Bắc Cu Lô Châu** phổ truyền,  
 Nhấn đến khắp cõi **Đại Thiên Hằng hà**,  
**Phật** thị hiện cũng là như vậy,  
**Thủ Lăng Nghiêm kinh** giải rộng hàm.  
 Vì lẽ ấy, **Phật** mười phương

Gọi là **Đại Bát Niết Bàn** dĩ nhiên.

Nếu có vị *Thánh hiền* **Bồ Tát**

An trụ nơi **Đại Bát Niết Bàn**

Như vậy, *thị hiện* vô vàn

*Thần thông biến hóa* hoàn toàn như **Ta**,

Mà trọn không xảy ra *chương ngại*,

Chẳng có chút sợ hãi trong lòng.

Này **Ca Diếp** ! Phải rõ thông:

“Do *nhơn duyên* đó thiệt không nghĩ bàn.

Ông chớ nên nói rằng sự thật

**La Hâu La** con **Phật** hiện nay,

Từ vô lượng kiếp **Như Lai**

Lìa hẳn dục vọng trần ai *Ta bà*.

Nên **Như Lai** gọi là *thường trụ*

Chẳng biến đổi ví dụ *hư không*”.

**Ca Diếp Bồ Tát** nghe xong!

“Bạch trình **Đức Phật** trong lòng hoài *nghi*.

Lời **Phật** nói đó thì chẳng khác

Như ngọn đèn dầu tắt đương nhiên

Không còn *phương sở* căn nguyên.

Cũng vậy, khi **Phật** liễu viên đạo tròn,

*Diệt độ* rồi không còn *phương sở*,

Thế nào **Phật** *thường trụ* được chăng?”.

**Đức Phật** liền nói tiếp rằng:

“**Ca Diếp Bồ Tát!** Nguyên nhân thế này.

Như người đời thắp cây đèn nọ,

Theo số dầu tuy có ít, nhiều,

Dầu còn đèn cháy tự nhiên,

Khi dầu cạn hết đèn liền tắt theo,

Ngọn đèn tắt dụ cho *phiền não*,

Đã dứt rồi ẩn náo nơi đâu ?

Đèn tắt do bởi hết dầu,

Bình đèn còn lại xài lâu kéo dài,

*Phiền não* dầu hôm nay đã dứt

Mà *Pháp thân* của **Phật** thường còn”.

Này **Ca Diếp!** **Phật** hỏi ông!

Ngọn đèn cùng với bình đèn hợp chung

Cũng đều tắt hay không chỉ một,

Mong **Ca Diếp Bồ Tát** giải bày ?

**Ca Diếp** thành thật đáp ngay:

“Đèn, bình *thể dụng* cả hai chung đồng

Ngọn đèn tắt, bình không thể tắt

Nhưng cũng là sự vật *Vô thường*.

Nếu đem *Pháp thân* so lường

Với bình đèn nọ *Vô thường* giống nhau”.

**Phật** lại nói: Ông sao vấn nạn!

Phải bình tâm xét gạn tận tường.

Đồ vật *huyễn* giả *Vô thường*,

*Pháp thân* của **Phật** miên trường dài lâu.

Trong tất cả *Pháp* mâu đầy đủ

**Đại Niết Bàn** *thường trụ* vĩnh hằng.

**Như Lai** tức là *Pháp thân*

Phải nên gọi đó là Chân thường còn.

Này **Ca Diếp** ! Mong ông hiểu rõ

Nói đèn tắt, là nói **Niết Bàn**

Của bậc *La Hán* tu thành

Đoạn hẳn *tham ái* vọng sanh không còn.

Dầu *phiền não* cạn mòn đèn tắt,

*A Na Hàm* là bậc *ly tham*,

Còn *tham* gọi là *Na Hàm*

Chẳng đồng đèn tắt, biện bàn này sai.

Do vậy, nên trước đây **Ta** nói,

Dụ đèn tắt nghĩa mới ban đầu,

Chớ chẳng phải **Đại Niết Bàn**

Đồng với đèn tắt ông đang hiểu lầm.

*A Na Hàm* Chơn tâm tỏ rạng

Chẳng *Sanh diệt* thọ mạng trong đời,  
 Nói chung ba cõi *luân hồi*  
 Các thân *tạp nhiễm* xa rời từ đây,  
 A Na Hàm- *bất lai* danh gọi,  
 Còn Na Hàm vì bởi thọ thân,  
 Không còn thọ thân cõi trần  
 A Na Hàm đáng *Thánh nhân* siêu phàm,  
 Còn khứ lai Na Hàm mới gọi,  
 Không khứ lai thật A Na Hàm”.

Bây giờ, **Ca Diếp** luận đàm !

**Bồ Tát** bạch **Phật** rộng hàm nghĩa sâu:

“Bạch **Thế Tôn** ! Từ lâu **Phật** dạy  
 Thời quá khứ, hiện tại, sau này.

“**Chư Phật Thế Tôn Như Lai**

Có *tạng* bí mật không tài thấu tri”

Theo nghĩa này xét suy không phải.

Vì **Chư Phật** hết thảy mười phương

Chỉ có *mật ngữ* khó lường

Không có *mật tạng* chi dường sâu xa.

Ví như nhà ảo gia hiện đại

Điều khiển rành người máy đứng đi,

Mọi người dầu thấy tường tri,

Nhưng chẳng biết được những gì bên trong.

**Phật Pháp** vốn là không phải vậy,

**Phật Pháp** làm nhưn loại *Chúng sanh*

Đều hiểu, đều biết rõ ràng,

*Giác, mê, ma, Phật*, dữ, lành, gốc căn.

Thế sao lại bảo rằng **Chư Phật**

Luôn có *tạng* bí mật ở đây ?”.

**Phật** khen: Lành thay ! Lành thay !

Đúng như lời nói ông đây vừa bày.

**Phật** không có *Tạng* đây bí mật.

Như trăng tròn vắng vặc đêm thu,

Trời trong không áng mây mù,

Vằng trăng cùng thấy đều như cả mà.

Lời **Đức Phật** thuyết ra cũng vậy,

Tất cả đồng nghe thấy rõ ràng,

Kẻ ngu không hiểu luận bàn

Cho là *bí tạng* của hàng **Như Lai**.

Người *tri thức* thấu ngay tự nghĩ

Không gọi là *tạng* bí mật thời.

Ví dụ như có một người

Để dành vàng bạc số mười triệu muôn,

Nào có chịu ban ơn *bố thí*

Cho kẻ nghèo đang bị đói đau,  
Keo kiệt, bõn xẻn làm sao  
Gọi là giấu kín sợ hao của tài.  
**Như Lai** thời vốn không phải thế,  
Vô lượng kiếp chứa để thâm sâu  
*Diệu pháp* vô biên nhiệm mầu  
Lòng không bõn xẻn gom thâu cất dành,  
Thường ban bố *Chúng sanh* tai khổ,  
Rải *pháp* lành cứu độ muôn loài,  
Đâu có thể gọi **Như Lai**  
Là *tạng* bí mật xưa nay không truyền.  
Như có người tật nguyên thân thể  
Vì hổ thẹn chẳng để ai nhìn  
Luôn che đậy với chính mình  
Gọi là núp kín thân hình giấu che.  
**Đức Như Lai** không hề làm vậy,  
Sự tốt, xấu chỉ dạy phô bày,  
Bao nhiêu *Chánh pháp* đủ đầy  
Ban cho người thấy hằng ngày soi gương,  
Nên *diệu pháp* *Chơn thường* của **Phật**  
Không gọi là *tạng mật* được chăng?  
Như kẻ nghèo thiếu nợ nần

Vì không trả được liều thân bỏ nhà.  
Người như vậy gọi là trốn kín.  
Còn **Như Lai** *quyết định* thật hành,  
**Phật** không có nợ *Chúng sanh*,  
Pháp *thế tục* bỏ báu thành vàng son.  
Dầu *xuất thế* **Phật** còn có nợ,  
Vì *Chúng sanh* chưa độ hết thay!  
Nhưng cũng chẳng ẩn mặt mày,  
**Phật** luôn xem *Chúng* muôn loài như con,  
Thường *diễn thuyết* dù còn hơi thở,  
Không bao giờ **Phật** nỡ chối từ.  
Dắt dìu đến chỗ *Chơn như*,  
Qua bờ *giác ngộ Vô dư Niết Bàn*.  
Như *Trường giả* giàu sang nhiều cửa,  
Chỉ duy nhất có đứa con trai,  
Bao nhiêu châu báu gia tài  
Đều cho con biết không rày giấu đi.  
**Đức Như Lai** *từ bi* cao tột,  
Xem *Chúng sanh* con một của mình.  
Như người đời lúc khai sinh,  
Bộ căn nam, nữ thân hình có chung,  
Bởi xấu xí nên dùng y phục,



Để che đậy mới gọi *phục tàng*.

**Phật** không như người thế gian,  
 Đã lìa dứt hẳn thứ căn ấy rồi,  
 Vì không căn nên thời không có  
 Chỗ *phục tàng* gọi đó là sai.

Như dòng *Bà La Môn* đây  
 Có những điều luận không bày nói ra,  
 Trọn không muốn gần xa ngoại tộc  
***Sát Đế Lợi, Tỳ Xá, Thủ Đà***

Sợ họ khi biết hiểu qua  
 Trong các điều luận rất là lỗi sai.

*Chánh pháp* của **Như Lai** lại khác  
 Muốn mọi người *Đạo* đạt như **Ta**,  
 Vì thế, nên chẳng gọi là  
*Bí tạng*, giấu kín che qua mắt đời.

Như *Trưởng giả* thương người con nhỏ  
 Dắt đến trường cho nó học hành,

Sau vì sợ con không thành  
 Nên đưa đưa trẻ phải đành về gia.

Ông ân cần rất là chăm chú  
 Dạy con mình *bán tự* học qua,  
 Không dạy *luận Tỳ Già La*,

Vì nó còn nhỏ khó mà thấu tri,  
Chưa đủ sức học thì kinh ấy  
Nên ông không chỉ dạy đó thôi.

Này **Ca Diếp!**

Giả sử *Trưởng giả* dạy rồi  
Về *kinh bán tự* cũng thời vừa xong,  
Đứa con trai của ông *Trưởng giả*  
Có hiểu biết *luận Tỳ Già* không?”.

**Ca Diếp Bồ Tát** nghe xong.

“Trả lời với **Phật**: Thiệt không hiểu gì”.

**Phật** hỏi: “Như vậy thì *Trưởng giả*  
Có *bí tàng* đối với con không?”

**Ca Diếp** bạch **Phật**: Là không!

Vì con *Trưởng giả* thơ đồng dại ngây,  
Cho nên ông hiện nay chưa dạy,  
Chớ chẳng phải ông lại *bí tàng*.

Thay vì lẫn tiếc ôm mang  
Mà không dạy dỗ con ngoan thành tài.  
Nếu ai có lòng đây tậ đố,  
Mới gọi là giấu chỗ thâm sâu.

**Như Lai** không phải vậy đâu!

Sao gọi **Phật** có *Pháp* mâu không khai.

**Đức Phật** khen: Lành thay **Ca Diếp!**

Đúng như lời *phân biệt* thiệt hơn.

Nếu người có lòng giận hờn,

Lẫn tiếc, tạt đổ tâm thường nghi nan,

Mới gọi là *bí tàng* che đậy.

**Phật** không có lòng quấy *xan tham*,

Sao gọi **Phật** là *bí tàng*

Hãy nên nhận định rõ ràng đúng, sai.

Này **Ca Diếp!**

Nay **Ta** đây giải bày đầy đủ.

Ông *Trưởng giả* là dụ **Như Lai**,

Đứa con trai một của Ngài

Chỉ cho tất cả muôn loài *Chúng sanh*.

**Như Lai** đem *Pháp* lành ban phát

Xem *Chúng sanh* chẳng khác con mình.

**Phật** nào có sự trọng, khinh,

Đức như biển cả chân tình chứa chan.

Dạy con trai chỉ hàng *đệ tử*

Bậc *Thanh văn* **chấp sự** độ sinh,

Còn *bán tự* dạy con mình,

Đó là nói *Chín bộ kinh tiểu thừa*,  
*Tỳ Già La* tuy chưa luận giải,  
 Con còn nhỏ khờ dại thơ ngây  
 Khó hiểu *Phương đẳng* sâu dày  
*Đại Thừa Giáo Pháp Như Lai* cao vời.  
 Hàng *Thanh Văn* khó thời đủ sức  
 Thiếu *trí huệ* nghị lực vượt qua  
*Đại Thừa Phương Đẳng* sâu xa,  
 Nên dạy *bán tự* trước mà đó thôi.  
 Nay **Ca Diếp!** Như người con nhỏ,  
 Tuổi trưởng thành đã có trí khôn  
 Đủ sức học tập luyện ôn  
 Mà ông không dạy *Phương môn Tỳ Già*,  
 Mới có thể gọi là *Trưởng giả*  
 Chỗ *bí tàng* ông đã *chấp* riêng.  
 Nếu hàng *Thanh Văn* cần chuyên  
 Đủ sức lãnh thọ *Pháp* tuyên *Đại thừa*  
 Mà **Như Lai** lọc lừa lẫn tiếc  
 Không giáo truyền thấu biết rộng xa.  
 Do đó mới gọi **Phật Đà**  
 Có *tạng* bí mật đúng là *chẳng* sai.  
 Kỳ thật ra **Như Lai** không phải

Như vậy, nên không gọi *bí tàng*.  
 Ông *Trường Giả* đã chu toàn  
 Dạy xong *bán tự* mở đàn *tuệ* khai,  
 Kế vì con, diễn bày câu luận  
*Tỳ Già La* đồng thuận tánh căn.  
 Cũng vậy, **Như Lai** Chánh nhân  
 Vì các đệ tử *Thanh Văn* ân cần  
 Nói *bán tự*, Chín phần kinh trước,  
 Sau lần hồi giảng lược *Tỳ Già*  
*Phương Đẳng Đại Thừa* rộng ra,  
 Chính là diệu lý **Phật Đà Như Lai**,  
 Luôn thường còn xưa nay *y chỉ*,  
 Không biến đổi *Pháp vị* bao giờ.  
 Này **Ca Diếp!** Phải *tùy cơ*.  
 Như người làm ruộng đợi chờ sa mưa,  
 Tháng mùa hạ ngày giờ tốt nhất  
 Nên cày cấy, xới đất gieo trồng,  
 Trúng mùa chẳng phí sức công,  
 Kẻ nào lười biếng ngồi không được gì.  
 Chẳng đổ lỗi bất kì ai cả  
 Đều do mình *phước*, họa tự gây.  
*Long Vương* vận chuyển gió mây

Làm mưa giúp thế chẳng nài gian nguy.

**Như Lai** đây *từ bi* cũng vậy,

Rưới mưa *Pháp*: **Kinh Đại Niết Bàn**.

Nếu *Chúng sanh* khắp thế gian

Gieo hột lành tốt mùa màng bội thu

Đặng quả thơm chơn như *trí huệ*.

Bằng ngược lại chẳng thể được gì.

Đây không phải lỗi *từ bi*

**Thế Tôn Chư Phật** không chi *bí tàng*.

**Ca Diếp** nghe lời vàng **Phật** dạy.

Liên bạch **Phật** cúi lạy **Thế Tôn!**

Nay con quyết định một lòng

Rõ biết **Đức Phật** thiệt không *bí tàng*.

Như lời **Phật** hiện đang diễn thuyết

*Luận Tỳ Già* của thiệt **Như Lai**

Thường còn không biến đổi thay.

Nghĩa đây không phải ? **Phật** nay giải bày.

Vì sao? Vì ngày trước **Như Lai** có nói

Kệ khuyển rằng! Ba cõi *Chúng sanh!*

“**Chư Phật** và *Duyên Giác Thánh Tăng*

Nhân cùng *đệ tử* bực *Thanh Văn*

Vô thường *huyễn* giả thân đều bỏ  
Huống hạng *phàm phu* cõi tục trần.”

Nay **Phật** nói lời này ngược lại,  
Là *Thường* còn không hoại *Pháp thân*  
Nghĩa đây như thế nào chẳng  
Xin **Phật** chỉ dạy con cần hiểu qua ?.

**Phật** dạy : Này **Ca Diếp** !

Ta vì hàng *Thanh Văn* đệ tử  
Mà dạy về *bán tự* tiện phương.  
Nên nói bài kệ *Vô thường*  
Có Sinh, có Diệt là đường chia ly.  
Này **Ca Diếp** ! Xưa vì mẹ mất.  
**Ba-Tư-Nặc** Vua rất đau buồn  
Thương nhớ ngấn lệ trào tuôn  
Đến thăm viếng **Phật** lòng vương vấn sầu.  
**Như Lai** hỏi: Cớ sao Vương Đế!  
Lại quá buồn Long thể không vui?  
Vua bạch **Phật**, dạ bùi ngùi  
Hôm nay Thái Hậu lìa đời qui tiên.  
Giả sử như có người nào đó  
Làm mẹ tôi sống lại dương gian,

*Nguyện nhường ngôi báu cung vàng,  
Dem thân hầu hạ chẳng màng tiếc chi.*

**Như Lai** nghe Vua thì than thở,  
Lòng *từ bi* nhắc nhở nhủ khuyên:

“Này Đại vương bớt ưu phiền,  
*Vô thường* sanh tử không riêng ai mà,  
*Thọ mạng* hết trẻ, già đều thác.

**Chư Phật** hay *Duyên Giác*, *Thanh Văn*  
Cuối cùng cũng bỏ xác thân,  
Huống là Vua chúa, quan dân phàm trần.

Này **Ca Diếp** ! Có cần nhắc lại.

Vì dạy Vua **Ta** phải *tùy phương*,  
Dùng *bán tự* giác *Quốc vương*,  
Nên nói bài kệ *Vô thường* đồ an.

Nay **Như Lai** vì hàng *đệ tử*  
Mà giảng thuyết *luận Tỳ Già La*

Tức là **Như Lai Phật Đà**

*Thường* còn bất biến chẳng mà đổi thay”.

**Ca Diếp** liền chấp tay bạch **Phật**:

“Hỏi bài kệ chơn thật dưới đây:

*Không chỗ chứa thân, trí đạo sâu.*

*Nơi ăn biết đủ chẳng mong cầu*



*Như chim bay liệng trời cao thẳm  
Không dấu khó tìm biết ở đâu ?*

**Bạch Thế Tôn ! Như Lai** chỉ dạy  
Những nghĩa trên bày giải thế nào ?  
Trong hội lăm bậc đức cao  
Ai không thấu chứa, làm sao phân rành ?  
Ai được gọi nơi ăn biết đủ ?  
Ai đi vào *vũ trụ hư vô*,  
Chẳng thể tìm dấu chân mô ?  
Mà sự đi đó đến nơi phương nào !”.

**Đức Phật** dạy luận về chứa nhóm  
Là nói về của báu không sai.

Này **Ca Diếp** ! Hãy nghe đây  
Chứa nhóm phân biệt có hai thứ mà:  
*Một, hữu vi* tức là *chấp có* ;  
*Hai, vô vi* lìa bỏ có không.  
Chứa nhóm *hữu, vô* chẳng đồng,  
*Hữu vi* chứa nhóm là dòng *Thanh Văn*,  
Còn chứa nhóm *vô vi* hạnh **Phật**  
**Đức Thế Tôn** hay bậc **Như Lai**.  
Này **Ca Diếp** ! *Tăng* có hai.

*Hữu*, vô sở lược giải bày định phân,  
**Hữu vi Tăng** đắc phần *Thánh quả*  
 Gọi *Thanh Văn Tứ Đế* tu thành,  
 Không có chứa nhóm lợi danh,  
 Những vật phi pháp cất dành, giấu che:  
 Kho đụn gạo, muối mè, đậu bắp,  
 Nuôi tôi tớ sai vặt hằng ngày.  
 Hàng *Thanh Văn* đệ tử đây!  
 Không có chứa nhóm tiền tài *phi nhân*.  
 Đó gọi là nơi ăn biết đủ,  
 Còn *tham* ăn sao gọi vừa lòng.  
 Người khó tìm dấu chân không,  
 Là bậc gần *Đạo* lão thông *Pháp* mầu,  
 Quả *Vô thượng* tối cao *chứng đắc*,  
 Ất tương lai thành **Phật** độ đời.  
**Ta** xin nói đó là người,  
 Dầu đi mà chẳng đến nơi chỗ nào”.  
 Ngài **Ca Diếp** ! Cúi đầu bạch **Phật**.  
 Với tâm lòng chơn thật thưa qua:  
 “Hàng **Hữu Vi Tăng** đó mà  
 Còn không chứa nhóm huống là *Vô vi*.  
**Vô Vi Tăng** chính thì **Đức Phật**

Đã từ lâu cách vật trí tri.  
 Chẳng còn chứa nhóm trần ni,  
 Vả lại chứa nhóm khác gì *hữu vi*.  
 Theo con hiểu *từ bi* **Đức Phật**  
 Phàm nói ra sự thật phô bày  
 Đều không lẫn tiếc một ai  
 Hay là giấu cất, **Như Lai** đã lìa.  
 Không thể tìm cho ra dấu vết,  
 Là **Niết Bàn** tịch diệt *vô vi*.  
 Trong **Niết Bàn** không có gì ...  
 Trời, trăng, tinh tú, hay thì *trần sa* ...  
 Cũng không có sanh, già, bệnh, tử,  
*Hai mươi lăm cõi dục* không nào,  
 Lìa các *phiền não* khổ lao,  
**Niết Bàn Chư Phật** không sao kể bày.  
 Chỗ **Phật** ở chẳng thay biến đổi.  
 Vì *nhơn duyên* độ cõi *Ta bà*,  
**Phật** đến trong rừng *Ta La*  
 Cũng là nơi các **Phật Đà** trước đây,  
**Đại Niết Bàn Như Lai nhập diệt**".  
**Phật** bảo : "Này **Ca Diếp** biết không !  
 Chữ **Đại** tánh ấy mênh mông

Bao la rộng lớn mà không đuôi đầu.  
 Ví như người sống lâu muôn tuổi  
 Thời gọi là bực **Đại Trượng Phu**.  
 Người này nếu chịu công tu  
 Có thể an trụ *Chơn như* tuệ mầu,  
 Thuyết *Chánh Pháp* cao sâu của **Phật**,  
 Gọi là bực siêu xuất hơn loài.  
 Như tám điều *giác ngộ* đây  
 Của bực **Đại Sĩ. Như Lai** giáo truyền.  
 Một là người *nhơn duyên* đầy đủ,  
 Hay nhiều người có đủ *nhơn duyên*.  
 Trọn vẹn tám điều **Phật** khuyên  
 Thời là người đó siêu nhiên xuất phàm”.  
 Nói rằng **Phật Niết Bàn** tịch diệt,  
 Là không có tỳ vết lành thay !  
 Nay **Ca Diếp** ! Ông nghe đây !  
**Như Lai** ví dụ điều này đả thông:  
 Có một người bị xuyên tên độc,  
 Thân vô cùng đau nhức rên la,  
 Gặp được lương y tài ba  
 Nhổ lấy tên độc đem ra khỏi mình,  
 Rồi truyền cho thuốc linh chữa trị,

Không bao lâu dưỡng nghỉ hết đau,  
 Bình thường thân thể ngày nào.  
 Lương y từ già đi vào làng xa,  
 Hễ chỗ nào người ta có bệnh  
 Ông vui mừng liền đến chữa ngay.  
 Cũng vậy, **Thế Tôn Như Lai** !  
 Thành bực *đẳng giác* chẳng ai so bì.  
 Làm một vị **Đại Y Vương** đạo,  
 Thấy *Chúng sanh* khổ não trăm bề.  
 Ở nơi cõi *Diêm Phù Đề*  
 Từ *Vô lượng* kiếp say mê *dục trần*.  
 Bị *Tam độc* thấm dần *tâm thức*,  
*Dâm, nộ, si* đau nhức lâu đời,  
**Ta** bèn thuyết *kinh Đại thừa*  
*Cam lộ pháp* được trị trừ bệnh căn.  
*Hóa độ* nơi cõi trần an lạc,  
 Xong rồi đến xứ khác phương xa,  
 Chỗ nào *phiền não* thậm đa  
*Thị hiện* làm **Phật** để mà độ an.  
 Gọi **Đại Bát Niết Bàn** là vậy,  
 Chẳng có gì người lại *nghi nan*.  
 Thật ra **Đại Bát Niết Bàn**

Là chỗ *giải thoát* của hàng **Như Lai**.

Chốn nào có nàn tai bệnh tật,

**Ta thị hiện** làm **Phật** độ an.

Vì nghĩa chơn thiệt vô vàn

Nên gọi **Đại Bát Niết Bàn Chánh chân**”.

Ngài **Ca Diếp** ! Thưa rằng: “Bạch **Phật**!

Mong **Thế Tôn** sự thật tỏ tường:

Như làm vị *Đại Y Vương*

Có thể trị hết đau thương bệnh tình

Cho tất cả *Chúng sinh* nhơn loại

Đều lành an hết thảy được chăng?”.

**Đức Phật** lại dạy tiếp rằng:

“Này ông **Ca Diếp** ? Nguyên nhân như vậy ...

Bệnh người đời có hai thứ loại,

Hạng *phàm phu* mắc phải đa đoan:

*Một*, bệnh có thể trị an .

*Hai*, bệnh bất trị khó khăn ngoại trừ ...

Bệnh trị được, y sư trị được.

Bệnh bất trị từ trước đến nay,

Dẫu cho **Thế Tôn** ! **Như Lai** !

Cũng không chữa khỏi lành ngay hiện đời”.

Ngài **Ca Diếp** ! Bấy giờ bạch **Phật** :  
 Cứ như lời của **Phật** dạy qua,  
 Thời **Như Lai** ! **Đức Phật Đà**  
 Đã trị dứt bệnh cho mà *Chúng sanh*  
*Diêm Phù Đề* đạt thành rồi vậy,  
 Con xin hỏi có phải hay không ?  
 Nếu nói đã điều trị xong  
 Sao nơi cõi tục vướng vòng *nghiệp* oan,  
 Có *Chúng sanh Niết Bàn* chưa được,  
 Nếu chưa được cần *dược pháp* ban.  
**Phật** chưa *điều phục* thế gian  
 Muốn đến xứ khác thuyền sang sao đành?  
**Phật** lại bảo: rõ ràng **Ca Diếp** !  
 Những *Chúng sanh* trong cõi *Ta bà*  
 Có hai hạng người phân ra:  
*Một*, hạng tin tưởng Pháp **Ta** tu hành ;  
 Và một hạng bất lành, bất tín,  
 Chẳng chịu tin *nhân quả* luân hồi.  
 Hạng có lòng tin đây thời  
 Gọi là trị đặng dứt nơi bệnh tình,  
 Vì hạng này ít sinh *phiền não*,  
*Quyết định* chắc thành đạo *Niết Bàn*,

Thế nên, **Phật** tuyên bố rằng :  
 Nói là trị hết bệnh nhân xong rồi.  
 Hạng không tin trong đời có **Phật**,  
*Nhứt Xiển Đề* đánh mất *thiện căn*,  
 Hủy báng phá **Phật, Pháp, Tăng**  
 Hạng này hột giống dần dần hoại hư.  
 Dầu có gặp y sư như **Phật**  
 Khó điều trị bệnh tật lành đây,  
 Trừ hạng *Nhứt Xiển Đề* này  
 Ngoài ra đều được **Như Lai** độ rồi,  
 Nên **Niết Bàn** không lời diễn tả,  
 Chẳng thương tích, đạo cả làm xong.  
**Ca Diếp** ! Chẳng vừa ý ông  
 Hỏi điều thắc mắc trong lòng nghi nan :  
 “Bạch **Thế Tôn** ! **Niết Bàn** đó gọi  
 Ẩn chứa gì? **Phật** nói giảng bày”.  
**Thế Tôn** bảo: “**Ca Diếp** này !  
**Niết bàn**, *Giải thoát* cả hai nghĩa đồng”.  
 Bạch **Thế Tôn** ! ở trong *giải thoát*,  
 Là có *Sắc* hay chẳng *Sắc* thời?”.  
**Ca Diếp** ! Nghe **Ta** tiếp lời .  
 Hoặc là có *Sắc*, hoặc thời *Sắc* không.



Hàng *Thanh Văn* hay dòng *Duyên Giác*,  
*Giải thoát* là không phải *Sắc* rày.

**Chư Phật Thế Tôn ! Như Lai !**

*Giải thoát* là *Sắc*, rộng bày nghĩa trên.

Này **Ca Diếp !** Thế nên *giải thoát*,  
 Cũng *Sắc* mà cũng chẳng *Sắc* đây.

Vì hàng *Thanh Văn*, **Như Lai**

Nói rằng *giải thoát* chẳng hay *Sắc* nào.

Bạch **Thế Tôn !** Liệt vào *Duyên Giác*  
 Chẳng phải *Sắc* ứng trụ làm sao?

Này **Ca Diếp !** Đạo trùm bao

Lời nói của **Phật** thấp cao khó lường.

Như trời *Phi Tướng Phi Phi Tướng*  
 Cũng là *Sắc*, cũng chẳng *Sắc* mà,

**Như Lai ! Ứng Cúng ! Phật Đà !**

Nói chẳng phải *Sắc*, đó là không sai.

Như có người đời nay vấn nạn.

*Phi Tướng Phi Phi Tướng* trời cao

Nếu chẳng phải *Sắc* thế nào

Được trụ, cử động, ra vào, vào ra ?

Những nghĩa này vốn là *cảnh giới*

Của **Chư Phật** nghĩ tới khó khăn.

Chẳng phải *Duyên Giác*, *Thanh Văn*  
 Suy nghĩ biết đặng cội căn gốc nguồn,  
*Giải thoát* hay *Niết Bàn* cũng vậy,  
 Là *Sắc* chẳng phải *Sắc* nói chung.  
**Như Lai** khẳng định cuối cùng,  
 Là chẳng phải *Sắc*, thiệt không dối lời.  
 Cũng là *tướng* chẳng phải là *tướng*,  
 Nói rớt thời chẳng phải *tướng* đâu.  
 Những nghĩa như vậy cao sâu  
*Cảnh giới Phật* nhiệm mầu khó tri,  
 Hàng *Thanh Văn* làm gì biết đặng,  
 Bậc *Duyên Giác* cũng chẳng hiểu thông”.  
 Bấy giờ, **Ca Diếp** cầu mong.  
**Thế Tôn** hoan hỷ mở lòng xót thương.  
 Nói rộng nghĩa *Chơn thường giải thoát*  
**Đại Niết Bàn** của **Phật Như Lai** .  
**Phật** khen: Lành thay! Lành thay!  
 Hỡi này **Ca Diếp** ! **Như Lai** khai lời.  
*Chơn giải thoát* là người *ly dục*  
 Những *hệ phược thế tục* đoạn trừ.  
 Người *chơn giải thoát* lìa đời,

Không có *Sanh Tử* giống như loài người,  
Chẳng **hòa hiệp** ở nơi cha mẹ  
Mà có chỗ sanh đẻ ra con.

Người *chơn giải thoát* không còn  
Luân hồi *quả báo*, tiêu mòn tội căn.

Thế nên gọi là *chơn giải thoát*  
Chẳng *sanh diệt*, đạo đạt qui mô.

Này **Ca Diếp** ! Như *đề hồ*  
Tánh nó trong sạch không hề nhiễm nhơ.

**Như Lai** chẳng nương nhờ cha mẹ  
*Hòa hiệp* chỗ sanh đẻ mà ra.

Tánh *thanh tịnh* như *liên hoa*,  
Sở dĩ *thị hiện* có cha mẹ là:

Vì muốn độ *Ta bà* muôn loại,  
Nên **Như Lai** đây phải *tùy duyên*.

Người *chơn giải thoát* an nhiên  
**Như Lai** y *chỉ* bốn nguyên không hai.

Ví dụ như tháng hai trời mát,  
Vào mùa xuân gieo hạt, gây nhân,  
Đặng cây non nảy ra mầm.

Người *chơn giải thoát* dụng tâm xa lìa.

Lại *giải thoát* tức là mở trói,  
 Đã ra ngoài Ba cõi, Sáu đường.  
*Hư không* bao phủ mười phương  
 Không nhìn thấy được, khó tường rõ thông.  
*Giải thoát* như *hư không* chẳng khác,  
*Hư không* cùng *giải thoát* viên đồng.  
**Như Lai** tức là *hư không*,  
 Chẳng phải ***năng sở*** mà trông thấy nhìn.  
 Phàm ***tác giả*** in hình thành quách,  
 Hay lầu nhà, tường vách, thông hào,  
 Để ngăn kẻ địch phạm vào.  
 Là *chơn giải thoát* không nào khác xa.  
 Thế nên mới gọi là *giải thoát*,  
 Cũng tức đồng tâm **Phật** không hai.  
  
 Lại *giải thoát* tức **Như Lai**,  
 Là *Pháp* không có trong ngoài bày phô.  
 Như thợ gốm làm đồ rồi bể,  
*Giải thoát* không như thế vậy đâu.  
*Chơn thiệt giải thoát* rộng sâu,  
 Chẳng sanh, chẳng diệt, không đầu, không đuôi.  
 Nên *giải thoát* tức thời là **Phật**,

**Phật** cũng vậy, *vô khứ vô lai*,

Không *sinh diệt*, không đổi thay,  
Chẳng già, chẳng chết, không ngày lo âu,  
Không hư hoại, còn đâu hối tiếc,  
Chẳng phải là *pháp thiệt hữu vi*.

Do những nghĩa này khó tri  
Nên gọi **Phật** nhập *vô vi Niết Bàn*.

Già là lão tóc xanh đổi bạc,  
Mặt nhăn nheo, gối mỗi, da dùn,

Chết là thân hoại *mạng chung*,  
Trong *chơn giải thoát* không cùng cả hai.

Không già, chết là đây *giải thoát*,  
**Đức Như Lai** không khác gì hơn.

*Pháp hữu vi* vốn *Vô thường*  
Sanh ly tử biệt khổ dường bi ai.

Vì thế nên, **Như Lai** thấu biết  
Lẽ sống chết sự thiệt xem thường.

Lại *giải thoát*, không bệnh ương.  
Bệnh là thân bị nhiễm vương phong tà ...

Do *Tứ đại* sanh ra nguy khốn,  
Có *bốn trăm lẻ bốn bệnh* căn,

Ở ngoài xâm nhập vào thân,  
Hay trong Ngũ tạng dần dần hoại hư.  
Không tật bệnh, *Chơn như giải thoát,*  
*Giải thoát là tức **Phật Như Lai.***  
Không sanh tử, không bi ai,  
*Pháp thân* thường trụ **Như Lai** vĩnh hằng.  
Chết nghĩa là mạng thân hoại diệt.  
Ở nơi đây không chết gọi là:  
*Cam lộ diệu dụng Ma Ha,*  
*Chơn thiệt giải thoát* tức là **Như Lai.**  
**Phật** thành tựu sâu dày *công đức*  
Như vậy, đã vô lượng kiếp qua.  
Thế sao lại nói **Phật Đà**  
*Vô thường* sanh diệt như là người đây?  
Không nên nói **Như Lai** vậy được,  
**Phật** từ lâu đã vượt thế gian,  
*Chứng đắc Pháp thân Kim Cang,*  
Không gọi là chết hoại tan thế thường.  
**Như Lai** không nhiễm vương cấu trước,  
*Hằng thanh tịnh vô trước,* vô cầu,  
Chẳng bị nhơ nhớp thai bào,  
Như hoa sen trắng một màu sạch trong.

**Như Lai** *giải thoát* vòng **Ngũ trước**,  
 Không còn sợ *hệ phược* buộc ràng,  
**Như Lai** *Chánh giác* hoàn toàn,  
*Giải thoát* chơn thiệt **Niết Bàn** viên dung.

Lại *giải thoát* trọn không thừa sót.  
 Những lầm lỗi trót lọt vượt qua.  
 Cũng vậy, **Như Lai** thật là ...  
 Không còn *phiền não* sanh ra lỗi lầm.

Lại *giải thoát* là tâm an tịnh.  
 Người *phàm phu* thấy định vội truyền  
 Cho là *Đại Tự Tại Thiên*  
 Đó là lời nói hảo huyền sai ngoa.  
 Chơn an tịnh mới là rốt ráo,  
*Giải thoát* là Lục đạo *Ta bà*,  
 Rốt ráo *giải thoát* tức là:  
**Như Lai! Ứng Cúng! Phật Đà! Thế Tôn.**

Lại *giải thoát* tâm thường an ổn.  
 Như chỗ nào hỗn độn chiến tranh  
 Hoặc là giặc cướp hoành hành  
 Chẳng gọi an ổn, bất lành xảy ra.

Nơi thanh bình mới là an ổn.  
Trong *giải thoát* nguy khốn không còn,  
Gọi là *thường lạc* tâm lòng  
An vui *tự tại*, khỏi vòng tởa cương.  
Nên an ổn là *chơn giải thoát*,  
*Chơn giải thoát* tức **Phật** không hai.  
**Như Lai** cũng là *Pháp* đây,  
Giáo truyền *Tam giới* muôn loài thành công.

Lại *giải thoát* cũng không có bạn,  
Bạn đồng hàng như hạng *Quốc Vương*,  
Có các lân quốc trợ nường,  
Dựa vào thế lực phô trương mạnh giàu.  
Không có bạn đồng hàng ví dụ:  
Cũng như bậc *Chuyển Luân Thánh Vương*,  
Không có Vua nào tự xưng  
Ngang hàng với bậc *Chuyển Luân Vương* này.  
*Chơn giải thoát* cũng rày như vậy,  
**Đức Phật** hay *Chuyển Pháp Luân Vương*.  
**Như Lai** không bạn đồng hàng  
Thế nên *giải thoát* không ràng buộc chi.  
Lại *giải thoát* không gì sâu khổ.



Có sầu khổ như chỗ *Quốc Vương*.  
 Sợ nước khác lấn biên cương,  
 Binh hùng thế mạnh phú cường hơn ta.  
*Chơn giải thoát* không là như vậy,  
 Đã phá tan oán địch trong lòng,  
 Không còn lo sợ viễn vong.  
 Cũng vậy, *giải thoát* tâm không sợ gì.  
 Không sợ gì tức thì là **Phật**,  
**Đức Như Lai** hay bậc **Thế Tôn**.

*Lại giải thoát* không vui, buồn.  
 Ví như người mẹ yêu thương con mình,  
 Dầu xa nhà tâm tình lo lắng,  
 Bỗng nghe con tai nạn lia đời  
 Trong lòng sầu khổ rối bời,  
 Sau hay còn sống tức thời mừng vui.  
 Trong *giải thoát* xa rời mọi chỗ,  
 Không còn sự vui, khổ lo lường.  
*Chơn giải thoát* không vui, buồn,  
 Vui buồn đã dứt. *Chơn thường* **Như Lai**.  
 Như minh châu ngọc cài búi tóc  
 Của *Thánh Vương* không có bụi trần.

Tánh *giải thoát* mãi thường Chân  
 Không dính nhớ bợn, trong ngần *lưu ly*.

Không nhớ bợn tức thì *giải thoát*,  
 Chơn *giải thoát* là **Phật Như Lai**.

Ví như bản chất vàng đây  
 Không lộn cát đá hiện bày sáng tinh,  
 Ai được vàng biết mình có của,  
 Tánh *giải thoát* như chất vàng ròng,  
 Cả hai *thể dụng* viên đồng.

**Thế Tôn!** *Giải thoát* cũng không khác gì.

Như bình sành có chi bền chắc  
 Bởi chế tạo bằng đất dễ tan,

Còn bình bằng báu *Kim Cang*  
 Khó làm tan vỡ, nên càng bền lâu.

*Chơn giải thoát* không nào tiếc bể,  
 Bình *Kim Cang* dụ để chứng minh.

*Chơn giải thoát* trọn niềm tin,  
 Thân **Phật** không có chỗ sanh, diệt này.

Như người kia nợ vay chồng chất,  
 Bị kiện thưa ngục thất lưu đày.

Trong *giải thoát* không việc này.  
 Ví như *Trưởng giả* ông đây sang giàu,

Có vô số biết bao của cải,  
Thế lực nhiều *tự tại* hằng ngày,  
Nên ông chẳng mang nợ ai.  
*Giải thoát* cũng vậy, không vay mượn gì,  
Chứa không lường *vô vi pháp bảo*,  
Tâm *tự tại* dụng đạo *giác* đời.  
Không có thiếu nợ của người.  
Dụ *chơn giải thoát* tức thời **Như Lai**.

Lại *giải thoát* không rày bức ngặt.  
Như mùa hạ nóng gắt khô cằn,  
Mùa đông rét lạnh giá băng.  
Trong *chơn giải thoát* không *phân biệt* nào,  
Có những sự chẳng sao vừa ý.  
Không bức ngặt như ví dụ là:  
*Giải thoát* bức ngặt lìa xa.  
*Chơn thiệt giải thoát* tức là **Như Lai**.

Lại ví như người đây ăn cá  
Đã no rồi, uống cả sữa tươi.  
Do đó, bị trúng thực thời  
Nếu không cứu kịp cuộc đời tiêu ma.  
Trong *giải thoát* không là như vậy.

Người này may gặp phải thuốc hay  
Nước *Cam lộ* uống lành ngay  
Dứt trừ chứng bệnh thân nay bình thường.  
Thuốc, *Cam lộ* dụ *chơn giải thoát*.  
*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai** .  
Thế nào là bức ngặt đây,  
Và không bức ngặt ? **Ta** nay giải bày:  
Như người phạm, tánh hay *Ngã mạn*  
Cho rằng không ai dám hại mình,  
Bèn sống chung với Xà tinh,  
Độc trùng, cạp dữ, trư linh, sói cầy,  
Nên biết chắc người này **hoạnh tử**,  
Đây gọi là bức ngặt không sai.  
Trong *chơn giải thoát* ở đây  
Không có những việc thế này xảy ra.  
Không bức ngặt mới là ứng biến  
Như **thần chú** của *Chuyển Luân Vương*  
Trừ đặng mọi bệnh tai ương,  
**Chín mươi sáu thứ** độc trùng hại thân.  
Ai nghe được **chú thần** sự thiệt  
Các thứ độc tiêu diệt liền mau.  
*Chơn giải thoát* cũng vậy nào,

*Hai mươi lăm cõi* trần lao xa rời.

Tiêu độc dụ cho *chơn giải thoát*,

*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai**.

Lại không bức ngặt thế này.

Như *hư không* nọ rộng dày bao la.

*Chơn giải thoát* cũng là như vậy,

*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai**.

Lại bức ngặt dụ như vậy:

Cỏ khô gần lửa có ngày cháy lan.

Trong *giải thoát* hoàn toàn không có

Như đốt lửa gần cỏ khô thời.

Không bức ngặt như mặt trời

Ngày soi, đêm sáng rạng ngời trắng thanh,

Luôn lợi ích *Chúng sanh* muôn loại

*Chơn giải thoát* cũng vậy chẳng sai.

Không bức ngặt ví dụ đây

Là *chơn giải thoát* **Như Lai** tánh đồng.

Lại *giải thoát* Pháp *Không*, **Vô động**.

*Vô động* là không oán hận sân.

Cũng ví như Vua *Chuyển Luân*,

Không có Vua khác kết bằng hữu giao.

*Chơn giải thoát* trước, sau chẳng khác,  
 Như *Thánh Vương* không bạn hữu đây.

*Chơn giải thoát* tức **Như Lai**

**Như Lai** là *Pháp* hiện bày từ lâu.

Áo vải trắng nhuộm màu quá dễ,  
*Giải thoát* không như thế vậy đâu,  
*Chơn giải thoát* chẳng nhuộm màu.

Là *Pháp vô động* diệu mầu sâu xa.

*Bà Sư Ca* loài hoa cao quý,  
 Muốn ngửi chút mùi vị thối hôi,  
 Và màu xanh biến đổi thời,

Chắc chắn không được đời đời chẳng thay!

Trong *giải thoát* mùi hôi không có,  
 Và các màu xanh, đỏ trộn pha.

Nên *giải thoát* đã lìa xa,

Là *Pháp vô động* tức là **Như Lai**.

Lại nghe này! **Ta** nay ví dụ.  
*Giải thoát* là *hi hữu* nhìn qua.

Như trong nước mọc *Liên hoa*

Đó là câu chuyện xảy ra hằng ngày,

Ở trong lửa *Liên đài* lại trở,

Đó mới là *hi hữu* lạ thường,

Ai nhìn thấy cũng vui mừng  
Cho rằng sự thể chưa từng thấy qua.  
*Chơn giải thoát* cũng là như vậy,  
Người đại *duyên* mới thấy việc này.  
*Hi hữu* dụ *giải thoát* đây,  
Thiệt *chơn giải thoát* **Như Lai** tánh đồng.  
Trẻ mới sinh răng không mọc đặng  
Khôn lớn dần chắc chắn mọc răng.  
*Giải thoát* chẳng như thế trần,  
Không có sanh trưởng và cùng bất sanh.  
  
Lại *giải thoát* gọi rằng *hư tịch*.  
Chẳng *hữu vô*, *bất định* muội mê.  
*Bất định* là *nhứt xiển đề*,  
Không phải rớt ráo, chẳng xê dịch nào.  
Như người kia phạm vào tội trọng  
Bị tù đầy cửa đóng, then cài,  
Làm gì thông thả ra ngoài,  
Muốn thành **Phật đạo** một ngày dễ sao!  
Nếu có lòng tin vào *Chánh pháp*,  
Thường siêng năng *tu tập* tỉnh tâm,  
Hoặc được làm *Cận sự nam*  
Phò trợ **Phật Pháp**, *Già Lam* sửa mình.

*Nhứt xiển đề* tự sinh, tự diệt.  
 Như người phạm tội lỗi trước đây,  
     *Sám hối, giác ngộ* ngày ngày,  
 Khi tội diệt hết **Như Lai** quả thành.  
 Nếu nói là không sanh rốt ráo,  
 Mà bất thành **Phật Đạo** là sai.  
     Trong *chơn giải thoát* ở đây  
 Không có diệt tận bốn loài *Chúng sinh*.  
     Lại *hư tịch* thuộc về *pháp giới*,  
     *Pháp giới* tánh, *giải thoát* chẳng hai.  
     *Giải thoát* tức là **Như Lai**  
 Không có *phân biệt* trong, ngoài rỗng rang.  
     *Nhứt xiển đề* nếu như *diệt tận*,  
     Thời chẳng gọi là *nhứt xiển đề*.  
     *Nhứt xiển đề* tâm *si mê*,  
 Cắn lành đoạn diệt chẳng hề ăn năn.  
     Họ không tin có **nhân**, có *quả*,  
     Nhấn đến không một *niệm* pháp lành,  
     Trong *chơn giải thoát* viên thành,  
 Đều không có **Sự** ấy sanh bao giờ.  
     Không **Sự** ấy là *chơn giải thoát*,  
     *Chơn giải thoát* tức là **Như Lai**.



Lại *giải thoát* chẳng thể lường.  
Ví như đồng thóc chứa thường trong kho,  
Có thể biết đong đo cân lượng.  
*Giải thoát* chẳng nghĩ tưởng vậy đâu!  
Cũng như nước biển rộng sâu,  
Đong cân, đo đạt khó âu lăm tưởng.  
*Chơn giải thoát* đo lường không được,  
Không đo lường *giải thoát* thiệt chơn.  
**Như Lai** chẳng khác gì hơn,  
*Công đức* vô lượng khó lường, khó tri.  
  
Lại *giải thoát* là vô lượng *Pháp*.  
Như một người nghiệp báo dày sâu.  
*Giải thoát* không khác gì đâu,  
Có vô lượng quả báo mâu thiệt hơn.  
Vô lượng quả là *Chơn giải thoát*.  
*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai**.  
Lại *giải thoát* đức sâu dày.  
Ví như biển cả không ai sánh bằng.  
Không sánh bằng, là *Chơn giải thoát*.  
*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai**.  
  
Lại *giải thoát* không có hai.

Gọi là tối thượng tợ rày *hư không*.

*Chơn giải thoát* cũng đồng như thế,

Chẳng vật gì có thể sánh hơn.

Không gì sánh *giải thoát chơn*.

*Giải thoát chơn* thiệt tức là **Như Lai**.

Lại *giải thoát* không gì qua khỏi.

Như chỗ nào Sư tử làm nhà,

Các loài thú khó đi qua.

Cũng vậy, *giải thoát* chính là như trên.

Không gì qua là *Chơn giải thoát*.

*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai**.

Lại *giải thoát vô thượng* đây

Ví như phương Bắc các phương không bằng.

*Chơn giải thoát* gọi rằng như thế,

Trong các phương trên hết các phương.

*Giải thoát* như vậy thiệt chơn.

Thiệt *Chơn giải thoát* tức thường **Như Lai**.

Lại *giải thoát* là **vô thượng thượng**.

Như Bắc phương sang hướng Đông phương,

Đông Phương lại trên Bắc Phương.

Cũng vậy, *giải thoát* cao hơn phi thường,

*Vô thượng thượng là Chơn giải thoát.*  
*Chơn giải thoát tức đấng **Phật** chân.*

*Lại giải thoát gọi **Pháp** hằng.*  
Trời, người mang lấy xác thân sanh già,  
Còn sanh già, còn là bệnh chết.  
Nên tạm gọi sanh, diệt là hằng,  
Mà cũng chẳng phải không hằng,  
Cũng vậy, *giải thoát* thiệt chân khác thường.  
Chẳng phải không hằng, *Chơn giải thoát.*  
*Chơn giải thoát tức **Phật Như Lai**.*

*Lại giải thoát vượt ra ngoài*  
***Ba đường sáu nẻo** trần ai **Ta bà**.*

*Lại giải thoát gọi là cứng chắc.*  
***Khư Đà La**, **trâm thủy**, **Chiên đàn**,*  
Tánh nó khó thể hoại tan,  
Cũng vậy, *giải thoát* liễu viên vững vàng.  
Tánh cứng chắc là *Chơn giải thoát.*  
*Chơn giải thoát tức **Phật Như Lai**.*

*Lại giải thoát nghĩa không hai*  
Nghe qua ví dụ này đây tỏ bày:

“*Giải thoát* không như cây rỗng bọng,  
Giống tre lau ruột trống bên trong.”

*Giải thoát* chẳng phải ngoạn không,  
Nên biết *giải thoát* tức đồng **Như Lai**.

Lại *giải thoát* gọi không ở được:  
Như tường vách sơn phết chưa xong.

Muỗi ruồi bám đậu đầy đông,  
Đến khi hoàn tất côn trùng bay tan.

Nghe mùi sơn lại càng không ở,  
Không ở đây ví dụ rõ ràng.

Thiệt *Chơn giải thoát* hoàn toàn,  
Tức là **Chư Phật Niết Bàn** tịch viên.

Lại *giải thoát* vô biên cùng tận.

Ví cũng như *tụ lạc* Quốc gia,

Đều có biên giới phân chia

*Giải thoát* không phải như là thế ư !

Không *biên tế* như *hư không* vậy,

Luôn bủa trùm vạn vật bao la.

*Giải thoát* cũng vậy, tức là:

**Thế Tôn! Ứng Cúng! Phật Đà! Như Lai!**

Lại *giải thoát* là không thể thấy.  
 Ví cũng như tìm dấu chim bay  
 Ở trên không thật khó thay!  
 Cũng vậy, *giải thoát* xưa nay khó tìm.  
 Không thể thấy là *Chơn giải thoát*.  
*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai**.  
  
 Lại *giải thoát* thậm thâm vi diệu.  
 Hàng **Nhị Thừa** khó hiểu biết qua,  
 Không thể chứng được sâu xa.  
*Giải thoát* chơn thiệt tức là **Như Lai**.  
 Nghĩa *thậm thâm* vô cùng bí mật,  
 Đó là chỗ của **Phật Như Lai**  
 Và **Chư Bồ Tát** các Ngài  
 Luôn luôn cung kính tâm đây *Chơn thường*.  
 Ví hiếu tử *cúng dường* Phụ Mẫu,  
 Công đức sâu khó thấu đo lường.  
 Công đức dụ *giải thoát chơn*,  
*Giải thoát chơn* thiệt con đường **Như Lai**.  
  
 Lại *giải thoát* là không nhà cửa.  
 Như *hư* không đâu có cửa nhà,  
 Nói nhà cửa ví dụ là:

*Hai mươi lăm cỡi thật ra vô thường,*  
Không nhà cửa dụ *Chơn giải thoát.*  
*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai.**

*Lại giải thoát* trọn lành thay!  
Chẳng thể nắm lấy trong tay được gì.  
Không nắm lấy tức thì *giải thoát.*  
*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai.**

*Lại giải thoát* như thế này!  
Không có thân thể như loài *Chúng sanh.*  
Các thứ ghẻ khắp mình đau đớn,  
Tâm điên cuồng hao tổn ốm gầy...  
Ở trong *Chơn giải thoát* đây.  
Không có những bệnh nhiễm lây tục trần.  
Không bệnh dụ cho *Chơn giải thoát.*  
*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai.**

*Lại giải thoát* gọi là một vị.  
Như sữa bò một vị chẳng hai,  
Một vị như sữa bò này.  
Là *Chơn giải thoát* **Như Lai Phật Đà .**

*Lại giải thoát* gọi là *thanh tịnh.*

Như *liu ly* không dính bọt trần,  
Ví như nước lọc nhiều lần,  
Không còn cặn cáu, trong ngần trắng tinh .  
Trong sạch là *Chơn minh giải thoát* .  
*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai** .

Lại *giải thoát* gọi là trừ dẹp.  
Như trời sáng phá vệt mây mù,  
Vệt mây mù hết ám u.  
Cũng vậy, *giải thoát* trăng thu sáng ngời.  
Không mây mù là *Chơn giải thoát*.  
*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai**.

Lại *giải thoát* gọi là *tịch tịnh*.  
Ví như người mang bệnh nóng sanh,  
Sau khi trị hết mạnh lành  
Thời thân *tịch tịnh*, không hành bệnh căn.  
Thân *tịch tịnh* tức *Chơn giải thoát*.  
*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai**.

Lại *giải thoát* gọi là *bình đẳng*.  
Như rừng hoang, cọp, rắn, sói lang,  
Có tâm sát hại nhân gian.

*Giải thoát* không phải sói lang, độc xà.  
 Không có tâm sanh ra sát hại,  
 Hay ruộng đồng cỏ dại mọc hoang.  
 Tâm không sát hại hoàn toàn,  
 Là *Chơn giải thoát* của hàng **Như Lai**.  
 Lại *bình đẳng* như tình cha mẹ  
 Luôn yêu thương con đẻ của mình,  
 Nuôi dưỡng dạy dỗ chân tình.  
*Giải thoát* cũng vậy, *đẳng bình* Chúng nơn.  
 Tâm *bình đẳng* tức *Chơn giải thoát*.  
*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai**.  
  
 Lại *giải thoát* là không chỗ khác.  
 Như chỗ ở tọa lạc cao sang,  
 Đẹp đẽ, sạch sẽ, trang hoàng,  
 Không có chỗ khác sống an vừa lòng.  
 Tâm *giải thoát* cũng đồng như vậy,  
 Không có chỗ nào thấy khác hơn.  
 Không chỗ khác, *giải thoát chơn*,  
 Thiệt *Chơn giải thoát* hằng thường **Như Lai**.  
  
 Lại *giải thoát* gọi là *tri túc*.  
 Như người đói gặp lúc được ăn,



Tha hồ để đặng no thân.  
*Giải thoát* không phải thiết cần như trên.  
Tâm *tri túc* kiên bền chí vững,  
Chỗ biết no chịu đựng qua ngày,  
Chỉ cần sữa, nước tịnh trai.  
Dụ cho *giải thoát* không say nhiệm đời.  
*Chơn giải thoát* là người *tri túc*,  
*Tri túc* là tức **Phật Như Lai**.

Lại *giải thoát* gọi là đoạn tuyệt.  
Ví như người bị trói vào cây.  
May thay mở đặng gút dây,  
Thoát khỏi trói buộc lòng đầy hân hoan.  
*Giải thoát* dứt buộc ràng tất cả,  
Chỗ nghi ngờ cũng đã xóa tan,  
*Vô minh* vệt phá hoàn toàn,  
Là *Chơn giải thoát* của hàng **Như Lai**.

Lại *giải thoát* bờ kia đã đến .  
Như con sông nằm giữa hai bờ.  
*Giải thoát* không phải đợi chờ,  
Như người khách đợi thuyền đò sang sông.  
*Chơn giải thoát* cũng không bờ bến,

Không bờ bến mà đến bờ kia.

Đến bờ kia đó gọi là:

Thiệt *Chơn giải thoát* **Phật Đà Như Lai**.

Lại *giải thoát* gọi là im lặng.

Không phải như biển động thét gào,

Thủy triều sóng vỗ ồn ào

*Giải thoát* im lặng không sao diễn bày.

Lại *giải thoát* lành thay mỹ diệu.

Ví như các thứ thuốc trộn hòa

Với trái **A-lê-lặc** mà.

Liếm vào khó liếm vì là đắng môi.

*Chơn giải thoát* không thời như vậy.

Là *Cam lồ* vị ngọt mát thay!

*Cam lồ* dụ *giải thoát* đây,

Thiệt *Chơn giải thoát* **Như lai** tánh đồng.

Lại *giải thoát* diệt lòng *phiền não*.

Như thầy thuốc rành giỏi *y phương*,

*Hòa hiệp* các vị dược lương,

Trị lành tật bệnh tai ương cho đời.

*Chơn giải thoát* đồng thời cũng vậy,

Đem *Pháp* mầu cứu lấy muôn loài,  
 Trừ bệnh *phiền não* lành ngay.  
*Chơn thiệt giải thoát Như Lai Phật Đà.*

Lại *giải thoát* gọi là không hẹp.  
 Như nhà nhỏ chẳng chứa nhiều người.  
*Giải thoát* không phải vậy thời,  
 Dung chứa được hết cõi đời thế gian.  
 Dung chứa nhiều là *Chơn giải thoát*,  
*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai** .

Lại *giải thoát* diệt trừ *tham ái*.  
 Chẳng xen tạp dâm dục khởi sinh.  
 Ví như người nữ đa tình,  
 Có nhiều ham muốn bất minh vậy tà.  
 Trong *giải thoát* không là như vậy,  
*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai**.

**Như Lai** không có nghĩ sai,  
*Tham dục, sân hận, hay rày si mê.*

Lại *giải thoát* không hề *ái nhiễm*.  
*Ái* có hai quan niệm phân bày:  
 Một là, *ngạ quỷ ái* đây ;

Hai là, **pháp ái** tỉnh say trời, người.  
 Chơn giải thoát là nơi **quỉ ái**.  
 Vì thương xót nhơn loại thế gian,  
 Mà có **pháp ái** mở mang  
 Để làm *phương tiện* rừng hoang khai đường.  
 Nên **pháp ái** là Chơn giải thoát,  
 Chơn giải thoát tức **Phật Như Lai**.

Lại giải thoát hiểu như vậy:  
 Ngã và Ngã sở cả hai xa lìa.  
 Chơn giải thoát tâm kia chẳng khác  
 Tức **Thế Tôn ! Chư Phật Như Lai**.  
**Như Lai** là *Pháp* không hai  
 Thường trụ bất hoại chẳng thay đổi dời.

Lại giải thoát tức thời diệt tận.  
 Là sự *tham, sân* hận, mê si.  
 Ở trong ba cõi, **dục ly**  
 Giải thoát như vậy tức thì **Như Lai**.

Lại giải thoát, gọi là cứu hộ.  
 Luôn vớt người biển khổ tai qua,  
 Không *phân biệt* chỗ gần xa.

*Giải thoát* như vậy tức là **Như Lai**.

**Như Lai** đây tức là *Pháp* vậy,  
Thường ban vui hết thảy *Chúng sanh*.

Lại *giải thoát*, tức là trở lại  
Tìm chỗ về tồn tại vĩnh hằng.

Nướng nơi *giải thoát* thiết chân  
Chẳng cầu chỗ khác, lựa lần lao đao.

Như có người nướng vào Vua chúa,  
Chẳng mong cầu chỗ dựa khác hơn.

Dầu cho nướng tựa đế vương  
Tâm không **động** chuyển xem thường gian nguy.

Nướng *giải thoát* không gì động chuyển,  
**Không động** chuyển *giải thoát* thiết chơn.

**Như Lai** tức là *Chân thường*,  
Là *Pháp* cứu cánh miên trường từ lâu.

Lại *giải thoát*, có lâu nhà trú.  
Không như người rừng rú lạc vào,  
Chắc chắn nguy hiểm dường bao.

*Giải thoát* không có nạn nào xảy ra.  
Chẳng hiểm nạn mới là *giải thoát*.  
*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai**.

Lại *giải thoát*, là **Vô Sở Úy**.

Ví cũng như Sư tử chúa đây

Không sợ muôn thú bao vây.

Cũng vậy, *giải thoát* chẳng lay động gì.

Các loài *ma* đều qui phục cả.

*Chơn giải thoát* vì đã đạt thành.

*Giải thoát* trong sự an lành,

**Như Lai** là *pháp* độ sanh đời đời.

Lại *giải thoát* là đường rộng lớn.

Không có chỗ hẹp lượng giới ranh,

Mọi loài đều được thực hành

Con đường *giải thoát* sẵn dành từ lâu.

Không có sự lo âu sầu muộn,

Không có người té xuống vực sâu.

Con đường *giải thoát* sáng lâu

**Như Lai** là *Pháp* diệu mầu cao siêu.

Lại *giải thoát* không điều nguy biến,

Như du thuyền vượt biển bình an.

Lòng vui mừng thấy nhẹ nhàng.

*Giải thoát* cũng vậy, gian nan không còn.

Sự vui mừng là *Chơn giải thoát*,

*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai**.

Lại *giải thoát*, *duyên* sanh lìa hẳn.

Như nhơn *sữa* có *đặng lạc* sanh,

*Thực* tô nhơn *lạc* mà thành,

Nhơn *tô* do đó mới sanh *đề hồ*.

Trong *giải thoát* không nhờ nhơn ấy,

Không nhơn ấy, tức *giải thoát* đây.

*Giải thoát* như vậy không hai,

Thiệt *Chơn giải thoát* **Như Lai Phật Đà**.

Lại *giải thoát*, lìa xa *kiêu mạn*.

Như Đại Vương vấn nạn Tiểu Vương.

Như người lớn lại xem thường

Trẻ nhỏ ít học là phường tiểu nhơn.

Trong *giải thoát* thua hơn chấm dứt.

*Chơn giải thoát* là **Phật Như Lai**.

**Như Lai** tức là *Pháp* đây.

*Điều phục kiêu mạn* từ nay không còn.

Lại *giải thoát*, hay trừ *tăm tối*.

Như bình minh soi rọi muôn nơi.

Như *sanh* *tô* lọc cặn rồi,

*Đề Hồ Cam Lộ* tức thời hiện ra.

Trong *giải thoát* cũng là như vậy,  
Sạch *Vô minh* hiện thấy Chơn minh,  
*Giải thoát* trọn với niềm tin,  
Chẳng còn mang lấy sự sinh, bệnh, già.

Lại *giải thoát*, gọi là vắng lặng.  
Chỉ thuần một mà chẳng có hai.  
Như Voi đờn độc hằng ngày,  
Nơi đồng hoang vắng không ai kết bầy.  
*Chơn giải thoát* như vậy mới thật,  
*Giải thoát* là tức **Phật Như Lai**.

Lại *giải thoát*; gọi là cứng đặc.  
Như thân sen chẳng chắc bền dai,  
Hạt thời vỏ cứng thịt dày,  
Làm vị thuốc quý rất hay cho đời  
Trừ **Phật** ra, trời người vạn vật,  
Không có ai cứng đặc như **Ta**.  
*Chơn giải thoát* đã lìa xa  
*Vô minh*, các lậu, trần sa không còn.  
Trong *giải thoát* viên tròn chân thật  
Tức **Như Lai** là **Phật Thế Tôn**!



Lại *giải thoát*; gọi là từ bỏ.

Những ý nghĩ còn có *tham, sân ...*

Ví như người ói thức ăn,

Các chất nhơ nhiễm trong thân đã lìa.

Trong *giải thoát* cũng là như vậy,

Nên *giải thoát* tức **Phật Như Lai**.

Lại *giải thoát*; gọi là *quyết định*,

Như mùi thơm bông **Bà Sư Ca**,

Không có trong **Thất điệp hoa**.

*Giải thoát* như vậy tức là **Như Lai**.

Lại *giải thoát* gọi là *thủy đại*,

Vì *thủy đại* hơn các Đại đây ,

Làm nhuận tất cả cỏ cây.

Cũng vậy, *giải thoát* thường hay lợi chiu.

Cho muôn loại được nhiều sự sống,

Thiệt *giải thoát* nền móng **Như Lai**.

Lại *giải thoát*; gọi là vào.

Như nhà có cửa trước sau thông đồng,

Như hãm vàng mà không có cửa,

Thời làm sao lấy được vàng dào.

Cũng vậy, *giải thoát* khác nào  
 Người tu *Vô ngã* được vào nhà **Ta**.  
*Chơn giải thoát* tức là **Phật** đó  
 Từ xưa nay không có khác gì.

Lại *giải thoát*; gọi là khá giỏi.  
 Như học trò nghèo khó theo thầy  
 Siêng năng học hỏi điều hay,  
 Vâng theo lời dạy có ngày thành công.  
*Chơn giải thoát* thật lòng cũng vậy,  
 Thiệt *giải thoát* là **Phật Như Lai**.

Lại *giải thoát* nghĩa thế này.  
 Là **Pháp xuất thế** ra ngoài phạm gian,  
 Hơn các **Pháp** của hàng *ngoại đạo*.  
 Tất cả vị, vị sữa đứng đầu.  
*Giải thoát* như vậy diệu mầu  
 Tức **Như Lai Phật** không nào khác hơn.

Lại *giải thoát*; là không sóng dợn,  
 Như biển cả gió lặng nước trong,  
 Vạn vật in bóng soi lòng  
 Cũng vậy, *giải thoát* tâm không **niệm trần**.  
 Không **niệm trần** là *Chơn giải thoát*,

*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai**.

Lại *giải thoát*; gọi là **bất động**.

Thấy sắc đẹp chẳng vọng lòng sanh,

Thấy tiền tài, thấy lợi danh

Mà không ham muốn khởi sanh vạy tà.

*Chơn giải thoát* cũng là như vậy.

Là **Thế Tôn** tức **Phật Như Lai**.

Lại *giải thoát*; đồng nghĩa này.

Ví như kim loại người nay thích dùng

Được *lợi ích* nói chung mọi thứ,

Như giao dịch, trang sức trên người,

Không ai chê vàng xấu thời.

Cũng vậy, *giải thoát* sáng ngời **huệ tâm**.

Nên *giải thoát* là mầm cao quý,

Thiệt *giải thoát* tức vị **Như Lai**.

Lại *giải thoát*; bỏ **Anh Nhi Hạnh**.

Như người lớn bỏ tánh trẻ con.

Cũng vậy, *giải thoát* không còn,

Trừ bỏ Ngũ ấm viên tròn **đạo tâm**.

Bỏ Năm ấm là *Chơn giải thoát*,

*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai**.

Lại *giải thoát* gọi là rốt ráo,  
 Như bị trói được tháo thả ra,  
 Ung dung nhẹ bước về nhà,  
 Tùy ý đi lại gần xa mặc tình.  
 Tâm *thanh tịnh quang minh* rốt ráo.  
 Là *giải thoát* đã tháo mở ra,  
 Rốt ráo *thanh tịnh* tức là:  
**Thế Tôn! Ứng Cúng! Phật Đà! Như Lai.**

Lại *giải thoát*; sự vui *vô tác*.  
 Vì đã ói sạch các *dục trần*,  
*Tham lam, si muội, hận sân ...*  
 Không còn chất chứa dứt dần trong tâm.  
 Cũng như người uống nhầm thuốc độc  
 Phải kịp thời cấp tốc giải trừ  
 Chất độc ra khỏi thân người  
 Mạnh lành trở lại vui cười hẳn ra.  
*Chơn giải thoát* cũng là như vậy,  
 Mọi *phiền não* buộc lấy loại trừ,  
 Thân được khỏe mạnh vui cười.  
 Gọi là *vô tác* có thời như không.  
 Sự vui ấy, ở trong *giải thoát*,

Là *vô tác* của **Phật Như Lai**.

Lại *giải thoát*; gọi là đoạn tận.

Tất cả *pháp hữu lậu* phàm thường.

Xuất sanh *vô lậu pháp* chơn

Đoạn bít ngổ ngách các đường phân qua:

Hoặc là *Ngã* hoặc là *Vô ngã*,

Hoặc *phi ngã* hay *phi phi ngã*,

Chỉ đoạn sự *chấp* lấy mà,

Không đoạn *ngã kiến* thuộc là tâm ta.

*Ngã kiến* đó gọi là **Phật tánh**,

**Phật tánh** tức *giải thoát thiệt chơn*.

Thiệt *Chơn giải thoát* hoàn toàn

Con đường chân lý dành hàng **Như Lai**.

Lại *giải thoát*; chẳng hai chỉ một.

Không mà không nghĩa tột vô cùng.

Phàm *phu* hay gọi *không không*,

Là *Vô sở hữu* chẳng đồng nghĩa trên,

*Vô sở hữu* nghe liền *vọng chấp*,

Sự *giải thoát* bất cập thường xuyên

Của các *ngoại đạo Ni Kiên*,

Họ hay *thuyết pháp* giáo khuyên đạo đồng.

Mà thật ra họ không *giải thoát*,  
Không *giải thoát* nên gọi *không không*.  
Thiệt *Chơn giải thoát* chẳng đồng  
Khác hơn *ngoại đạo*, không mà vốn không.  
Chẳng không mà không, *Chơn giải thoát*.  
*Chơn giải thoát* tức **Phật Như Lai**.  
Không mà chẳng không thế này:  
Ví như bình nọ đựng đầy nước đây,  
Cũng có bình thường hay đựng sữa,  
Dầu không có sữa, nước đó mà,  
Nhưng vẫn được gọi đó là:  
Bình sữa, bình nước thật ra cũng đồng.  
Các thứ bình đây không thể gọi  
Là không hay chẳng không dạng nào.  
Nếu nói là không, thời sao  
Bình có xúc, vị, hương màu sắc kia.  
Nói chẳng không thời không thể được,  
Vậy là không có sữa, nước sao ?  
*Giải thoát* cũng vậy khác nào.  
Không nói là *Sắc* với cùng *Sắc* không,  
Và chẳng nói là không chẳng được  
Cùng chẳng không sau trước đều sai.

Nếu nói là không vậy ai  
Thọ *Thường, Lạc, Ngã, Tịnh* này đặng ư !  
Vì những nghĩa thiệt hư sâu rộng,  
Không thể nói không cùng ***bất không***.  
Để cho *Đại chúng* rõ thông  
Chẳng còn thắc mắc trong lòng nghi nan.  
Không là nói *hai mươi lăm cõi*,  
Các *phiền não* không trói buộc ràng,  
Tất cả sự khổ phá tan,  
Tất cả hình tướng chẳng màng đến chi,  
Tất cả hạnh *hữu vi* xả bỏ.  
Như bình không sữa nước gọi không.  
Chẳng không, là nói ***Chơn không***,  
***Diệu hữu*** thiện *Sắc* bên trong hàm tàng:  
Nên *Thường, Lạc*, hay là *Ngã, Tịnh*  
Không biến hoại, *hư vọng*, đổi thay.  
Như *Sắc, Hương, Vị, Xúc* này  
Của cái bình đó gọi là chẳng không.  
Vì vậy, nên ở trong *giải thoát*,  
Ví dụ như một cái bình nguyên.  
Cái bình nguyên khi gặp *duyên*  
Thời là bị bể tức nhiên lẽ thường.

*Giải thoát như kim cương bất hoại*  
 Đời đời luôn tồn tại đó mà.

Không thể hư hoại tức là:

*Thiệt Chơn giải thoát* **Phật Đà Như Lai.**

Lại *giải thoát*; là lìa ham muốn.

Như có người tham chuộng lợi danh,

Có người cố gắng *tu hành*

Muốn thành *Thiên Đế* cao thanh hơn người.

*Giải thoát* không phải thời như vậy,

Khi đã thành *Chánh giác* **Như Lai.**

Không ai nghi ngờ gì sai

Là *Chơn giải thoát* **Như Lai Phật Đà.**

Lại *giải thoát*; rời xa *Tam giới*,

*Đoạn* tất cả các tướng trời, người,

Tất cả *hệ phược* cắt rời,

Tất cả *phiền não* chứa nơi tâm mình.

*Đoạn* tất cả tử sinh, sinh tử,

*Đoạn* *nhơn duyên* thế sự *Ta bà*,

Tất cả *quả báo* lìa xa,

*Giải thoát* như vậy tức là **Như Lai.**

**Như Lai** là không hai duy nhất.



Tức **Niết Bàn** nhập xuất liễu viên.

Tất cả *Chúng sanh* đảo điên

Lo sợ *Sanh tử* nã phiền ai bi.

Nên *thọ mạng Quy y Tam Bảo*.

Như bầy nai sợ bọn thợ săn,

Nhảy khỏi một nhảy thoát thân,

Dụ cho đã *thọ* một phần *Quy y*,

Nhảy ba nhảy dụ thì đã được

**Tam Quy Y** hưởng phước lành an.

Cũng vậy , *Chúng sanh* thế gian

*Chuyển luân* ba cõi, Sáu đường khổ nguy

Cầu **phát nguyện** quy y Tam Bảo

Được an vui rốt ráo đời đời.

*Bốn Ma* trừ khử hẳn rồi,

Cho nên *Ba cõi luân hồi* lìa xa.

Được an vui tức là *giải thoát*,

Chơn *giải thoát* tức **Phật Như Lai**.

**Như Lai**, *Niết Bàn* không hai.

Diệt mà chẳng diệt an bày tự nhiên.

Vô tận giới vô biên sanh chúng

Đều có chung **Phật Tánh** như nhau.

**Phật Tánh** không có trước, sau,

*Quyết định* thành tựu chậm, mau do mình.

*Quyết định* tức là thành *Chánh giác*

*Đạo Vô thượng* chứng đắc **Như Lai**.”

**Ca Diếp Bồ Tát** chấp tay!

Bạch **Phật**! Xin hỏi **Như Lai** thế này:

Nếu **Niết Bàn**, **Như Lai**, **Phật Tánh**,

Nghĩa *quyết định* là một không hai,

Cớ sao **Thế Tôn** hôm nay

Chỉ dạy sanh chúng muôn loài *Tam Quy* ?”.

**Đức Phật** dạy: “Hỡi này **Ca Diếp**!

Ông lóng nghe thấu nhiếp lời **Ta**.

Tất cả *Chúng sanh Ta bà*

Lo sợ sanh tử mới là cầu mong

*Tam Quy* Y tự lòng *giác ngộ*,

Nhờ *Tam Quy* thoát khổ tử sinh

Và biết **Phật Tánh** của mình

Tự do *quyết định* viên minh **Niết Bàn**.

Này **Ca Diếp**! Rõ ràng có *Pháp*,

Tên thời một nhưng nghĩa khác xa.

Cũng vậy, có *Pháp* như là ...

Tên cùng với nghĩa đều mà khác sai.

Tên cùng một nghĩa đây lại khác

Như: **Phật** thường, **Pháp** thường, **Tăng** thường,  
**Niết Bàn tịch tịnh** cũng thường,  
*Hư không* rộng lớn hằng thường không thay.  
 Tên cùng nghĩa cả hai đều khác  
 Như: **Phật** gọi là *Giác* trọn lành,  
**Pháp** là **Bất Giác** không sanh,  
**Tăng** là *hòa hiệp* kết thành *Chư Tăng*,  
**Niết Bàn** gọi nghĩa rằng *giải thoát*,  
*Hư không* gọi phi thiện vô ngăn.  
 Nay **Ca Diếp!** Nên hiểu rằng:  
*Tam Quy* danh nghĩa công năng khác bày.  
 Vì thế, nên **Như Lai** dạy bảo  
**Kiều Đàm Di** chu đáo như vậy...  
 Chớ nên *cúng dường Như Lai*  
 Mà hãy dâng cúng các ngài *Chư Tăng*,  
*Cúng dường Tăng* trọn phần quả Đạo  
 Như *cúng dường Tam Bảo* đủ đầy.  
 Bà **Kiều Đàm Di** hỏi ngay.  
 Vì sao ? **Phật** dạy con nay thế này !  
 Không có **Phật** sao đây có *Pháp*,  
 Không **Phật Pháp** ai kết nạp *Tăng*.  
 Mà nay **Như Lai** cho rằng

*Cúng dường Tăng Chúng* trọn phần *Tam Quy*.

**Phật** dạy: Bà hành y tuân thủ

Là *cúng dường* đầy đủ **Phật** rồi.

Vì *giải thoát* chớ buông trôi,

Là *cúng dường Pháp* tuyệt vời cao thẳng.

*Chư Tăng* chỉ được phần thọ lãnh,

*Cúng dường Tăng* trọn hạnh *Tam Quy* .

Này **Ca Diếp!** Phải xét tri.

*Tam Quy* chẳng được cho thì một đây.

Cũng có lúc **Như Lai** giáo dạy

Nói chỉ một mà lại thành ba,

Nói ba thành một thật ra ...

Nghĩa ấy, *cảnh giới Phật Đà* tối năng,

Chẳng phải hàng *Thanh Văn, Duyên Giác*

*Bậc Nhị thừa* thấu đạt được chẳng”.

**Ca Diếp Bồ Tát** bạch rằng:

“Như lời **Phật** dạy khuyên răn vừa rồi.

Chỗ tốt ráo an vui *giải thoát*,

Là **Niết Bàn** chứng đạt cao sâu,

Nghĩa này hiểu như thế nào?

Cầu xin **Phật** dạy âm hao rõ ràng.

Luận về chỗ **Niết Bàn** con nghĩ,

Phải bỏ thân, bỏ trí cắt rời.

Nếu bỏ thân, bỏ trí thời

Vậy ai sẽ thọ sự vui trên đời ?”.

**Phật** dạy “**Này Ca Diếp Bồ Tát!**”

Nghe cho tường *diệu pháp* sau đây:

Ví như có một người này

Ăn xong bỗng thấy bụng đầy buồn nôn,

Đi ra ngoài ói xong người nhẹ,

Chúng bạn thấy hỏi khỏe chưa anh!

Người này trả lời mạnh mẽ,

An vui mọi chuyện chẳng sanh việc gì.

**Đức Như Lai** từ *bi* cũng vậy,

Là *hai mươi lăm cõi* hoàn toàn,

Trọn vẹn an vui **Niết Bàn**,

Không thể động chuyển, vững vàng trời cao.

Mặc phong vũ không chao nghiêng ngã,

Mọi *thọ* vui tất cả xa rời,

Chẳng vui sướng như loài người.

Gọi là không *thọ* của thời **Như Lai**.

Không *thọ* vui như vậy đầy đủ,

Là sự vui *thường trụ* đời đời.

Nếu nói **Như Lai** *thọ* vui

Đó là không đúng lời người luận phân.

Thế nên nói **Niết Bàn** rất ráo,

Là sự vui triệt đáo vô cùng .

**Niết Bàn** *giải thoát* nói chung,

Thiệt *Chơn* *giải thoát* tức đồng **Như Lai**.

Ngài **Ca Diếp** chấp tay lễ **Phật**:

“Bạch **Thế Tôn**! Sự thật như vậy:

Bất sanh, bất diệt nghĩa này.

Phải là *giải thoát* **Như Lai** giảng bày?”

**Đức Phật** nói: Phải ! Đây **Ca Diếp**.

Chỗ bất sanh, bất diệt nghĩa này

Tức là *giải thoát* không sai,

*Giải thoát* như vậy, **Như Lai** chính là”.

Ông **Ca Diếp** thưa qua cùng **Phật**:

“Nếu bất sanh, bất diệt tức là

*Giải thoát* như lời dạy qua,

Chỗ con thấy biết thật ra chẳng đồng.

Vì tánh của *hư không* cũng vậy,

Không *sanh diệt* đồng với **Như Lai**.

Như tánh **Phật** đây không sai

Tức là *giải thoát* chẳng hai khác nào”

**Phật** dạy: “Ông cố sao nói vậy,

Việc nói trên chưa phải thật chân.  
 Như tiếng hót rất thanh ngân  
 Của loài chim quý **Ca Lăng Tần Già**,  
 Hay **Mạng Mạng** hót ra êm dịu  
 Như nhạc trời âm điệu du dương,  
 Có đồng với chim bình thường  
 Chim quạ, chim khách so lường được chăng?”  
 Ông **Ca Diếp** bạch rằng: Thật đúng!  
 Trăm ngàn lần tiếng hót quạ đen  
 Hay là chim khách nhỏ nhen  
 Không bằng tiếng hót **Ca Lăng Tần Già**,  
 Cùng **Mạng Mạng** cũng là đáo đẽ,  
 Chim quạ, khách, khó thể sánh bằng.  
 Bạch **Thế Tôn ! Đại Thánh Nhân !**  
 Như tiếng chim hót **Ca Lăng Tần Già**  
 Rất thanh diệu, thân mà cũng khác,  
 Sao **Phật** đem so sánh với loài  
 Chim quạ, chim khách này đây,  
 Khác nào *đình lịch* sánh rày *Tu Di*.  
 Theo ý con nghĩ suy chẳng phải  
**Phật** ví đồng với lại *hư không*.  
 Tiếng chim **Tần Già** thanh trong,

Dụ cho tiếng nói *viên thông* **Phật Đà**,  
 Chẳng thể ví như là chim khách,  
 Cùng chim quạ tiếng hót không hay.  
**Phật** khen: Lành thay! Lành thay!  
**Ca Diếp** ông đã rộng khai trí mầu.  
 Khéo ngộ *Pháp* rất sâu khó hiểu  
 Của **Như Lai** đặc liểu *bốn nguyên*.  
 Có lúc vì một *nhơn duyên*  
 Mà **Phật** dẫn dụ *giáo quyền* thiệt hơn.  
 Lấy *hư* không dụ *Chơn giải thoát*,  
*Chơn giải thoát* chỉ **Phật Như Lai**.  
 Thiệt *Chơn giải thoát* quả này,  
 Trời, người *Ba cõi* không ai sánh bằng.  
*Hư* không thật chẳng cần dẫn dụ.  
*Chơn giải thoát* thành tựu trọn lành.  
 Nhưng vì *giáo hóa Chúng sanh*  
 Dem sự chẳng phải phân rành đục trong,  
 Có ví dụ; nghĩa không đồng nhất.  
 Như *giải thoát* tức **Phật Như Lai**.  
 Tánh **Phật** tức *giải thoát* đây.  
*Giải thoát* cùng **Phật** không hai khác gì.  
 Nay **Ca Diếp**! Có khi **Phật** lại



Không cần phải ví dụ biệt phân  
 Như một vật trên cõi trần  
 Không gì so sánh cân phân cách nào,  
 Nên chẳng thể làm sao dẫn dụ  
 Nói cho tròn nghĩa đủ được chẳng.  
 Nếu vì *nhơn duyên* thiết cần  
 Có thể ví dụ sánh bằng tương ứng.  
 Trong *Khế Kinh Như Lai* có nói:  
 Diện mạo thật đoan chánh *quang minh*,  
 Dường như mặt trăng tròn vìn.  
 Nhưng mà chẳng giống tướng hình khác nhau.  
 Như bạch Tượng một màu trắng toát,  
 Tợ núi Tuyết đỉnh đạc uy nghi,  
 Núi Tuyết chẳng được so bì  
 Cùng với Voi trắng vậy thì giống nhau,  
 Này **Ca Diếp!**  
 Chẳng thể đem dụ nào dẫn chứng  
*Chơn giải thoát* tương xứng tánh danh.  
 Chỉ vì *giác ngộ* *Chúng sanh*  
 Vận dụng ví dụ phân rành vậy thôi!  
 Do ví dụ để rồi thấy biết  
 Các *Pháp tánh* chơn thiệt đúng sai”.

**Ca Diếp !** Lại *nghi* hỏi ngay.  
 Cớ sao **Đức Phật** hôm nay giảng bày.  
 Nói hai thuyết này đây như thế ?  
 Trí thấp hèn khó thể hiểu qua.  
 Bây giờ, **Thế Tôn Phật Đà**  
 Bảo này **Ca Diếp Ma Ha** như vậy:  
 Ví có người lòng đầy tức giận,  
 Tay cầm dao muốn hại **Thế Tôn**.  
**Thế Tôn** nhẫn chịu hòa ôn,  
 Trong tâm vui vẻ không hờn trách nhau.  
 Người ấy có thể nào hại được  
**Đức Thế Tôn**, thành tội nghịch chăng?”.  
**Ca Diếp Bồ Tát** bạch rằng:  
 Người ấy không thể hại thân **Phật Đà**.  
 Vì thân **Phật** khó mà sát hại,  
 Bởi thân **Phật** vốn dĩ không thân,  
 Chỉ có *Pháp tánh* thật chân.  
 Tánh của *Pháp tánh* tợ bằng hư không,  
*Hư không* thời đừng hòng phá hoại,  
 Người ấy đâu hại được **Phật** thân,  
 Nhưng vì khởi tâm ác sân,  
 Thành tội *vô gián* thức thần *đọa sa*.

Do *duyên* này **Phật Đà** ví dụ:

Để được biết đầy đủ *Pháp* chơn”.

**Phật** khen: Hay thay! Hay thay!

Lời ông vừa nói chính ngay nghĩa này,

Mà **Như Lai** ở đây muốn nói.

Thật xứng danh trí giải đức dày.

Này **Ca Diếp** ! Lại như vậy.

Có người con ác nữ gây tội tình.

Muốn mưu hại mẹ mình tự kỷ,

Tâm muội mê lý trí che mờ.

Ngồi bên đồng thóc đợi chờ

Mẹ mang cơm đến ngó lơ chẳng chào.

Liền đi vào mài dao thật bén,

Ý luôn nghĩ hành động kịp giờ,

Chớ có dụ dự chân chờ

Nếu mẹ chạy thoát lỗ cơ hội này.

Biết ý con mẹ đây tức tốc

Bèn chui vào đồng thóc trốn thời.

Con cầm dao, kiếm khắp nơi.

Chém vào đồng thóc tươi bởi xót xa,

Đứa con đó nghĩ là mẹ chết

Nên vừa lòng vì giết được bà.

Không lâu mẹ nó chui ra  
 Khỏi nơi đồng thóc về nhà bình an.  
 Ông nghĩ sao luận bàn cho biết,  
 Đứa con đó có thiệt tội chăng?  
*Đọa vào vô gián* đóng chặn  
 Muôn đời trả quả kiếp trần khó ra.  
 Ngài **Ca Diếp** nghe qua bạch **Phật**:  
 “Bạch **Thế Tôn**! Sự thật thế này.  
 Tội giết mẹ chưa đủ đây,  
 Không có chứng cứ do đây miễn bàn.  
 Vì mẹ nó hiện đang chưa chết,  
 Không cấu thành tội giết đặng nào.  
 Nếu nói là không tội sao  
 Chính nó tự nhận cầm dao bén này  
 Giết được mẹ mình đây vừa dạ,  
 Tuy chưa giết, nhưng đã giết rồi,  
 Dầu chẳng đầy đủ tội thời,  
 Nhưng đã phạm thượng tội người con gậy.  
 Do *duyên* này **Phật** bày ví dụ.  
 Nhờ ví dụ biết đủ *pháp* chơn”.  
**Phật** khen: Lành thay! Lành thay!  
 “**Ca Diếp Bồ Tát** *biện tài* rất hay.

Vì *duyên* ấy, **Như Lai** rộng thuyết  
 Các ví dụ *phương tiện* thường thường,  
 Để chỉ *giải thoát* thiệt chơn.

Dầu nói ví dụ khôn lường vô biên,  
 Mà thật không thể đem ví dụ  
 Sánh *giải thoát* thành tựu thật chân.

Hoặc có lúc do nguyên nhân

**Phật** nói ví dụ cân phân đủ đầy.

Có *nhân duyên* chẳng bày ví dụ  
 Nên *giải thoát* thành tựu liễu viên,  
 Công đức vô lượng vô biên,

Như vậy, thẳng đến **Niết Bàn** không hai.

**Niết Bàn** của **Như Lai Chư Phật**  
*Hằng hà sa* công đức hiển nhiên.

Do vì thành tựu mãn nguyên

Nên gọi là **Đại Niết Bàn Như Lai**".

Ngài **Ca Diếp** chấp tay lễ **Phật**:

“Bạch **Thế Tôn!** Sự thật hôm nay

Con mới biết rõ thế này

Chỗ đến của **Đức Như Lai** thật là

Không cùng tận sâu xa vô hạn.

Vì thế nên *thọ mạng* **Phật Đà**

Cũng vô cùng tận sâu xa  
Không thể suy nghĩ bàn ra dạng nào”.  
**Phật** nói: “Hay thay! Nay **Ca Diếp!**  
Nay ông khéo thấu nhiếp *thọ trì*  
*Chánh pháp* của đấng *Từ Bi*  
Đời đời nối tiếp phát huy rộng dầy.  
Nếu có người nào đây muốn được  
Trừ *phiền não kiết phược* không còn,  
Phải nên *thọ trì* vuông tròn  
*Chánh Pháp* như vậy...thành công đạo mẫu” (lay)

- **Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)**



**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM “TỨ Y”**

**Thứ Tám**





# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



## PHẨM “TỨ Y”

### (Thứ Tám)

**Phật** dạy : “**Này Ca Diếp Bồ Tát!**

Ở trong **Kinh Đại Bát Niết Bàn**

*Vi diệu* một nghĩa hàm tàng

Thường có bốn hạng người đang hộ trì

*Chánh Pháp Phật* phát huy thực hiện,

*Kiến lập* thành *luân chuyển* độ sanh,

*Ưc niệm Chánh Pháp* lợi hành.

Thương xót, ban bố *phước* lành lợi an

Cho khắp cả thế gian muôn loại

Và là chỗ tồn tại tựa nương:

*Một*, bậc *xuất thế* phàm thường

Đủ tánh *phiền não* chỉ đường người nay.

**Tu Đà Hoàn** trí khai nhập đạo.

**Tư Đà Hàm** đồng hạng *thứ hai*.

*Ba*, **A Na Hàm** bậc *bất lai*

Không còn trở lại sanh thai như người.

**A La Hán** bực thời *thứ bốn*,

Thoát sanh tử nơi chốn trần ai.

Bốn hạng người kể trên đây

Là bực *Hộ Pháp* thường hay hiện đời.

Lòng *từ bi* thương người, mến vật,

Làm nhiều điều âm chất *phước điền*

Cho loài người, cho *Chư thiên*

Là chỗ *y chỉ* đại *duyên* nương nhờ.

- Thế nào là đủ tánh *phiền não* ?

Nay **Như Lai** chỉ giáo chỗ *nghi* :

Nếu có người hay phụng trì

*Giới* cấm đầy đủ, *oai nghi Sáu thời*

Và *kiến lập* ở nơi *Chánh pháp*.

Nghe hiểu nhiều nghĩa hẹp rộng sâu

Rồi đem **Phật Pháp** nhiệm mầu

Chỉ cho kẻ khác vui cầu, xét tri.

Chỗ gọi rằng: dục ly thường đạo,

Còn đa dục khổ não tục trần.

Rộng thuyết *Tám điều chánh chân*

Của đấng vĩ đại *Thánh Nhân* trời người.

Ai phạm tội đồng thời chỉ lối,

Cho *phát lồ sám hối* ăn năn,  
 Để trừ *lỗi khẩu, ý, thân*  
 Không còn tái phạm dần dần đoạn ly.  
 Khéo biết *Pháp vô vi* bí mật  
 Của **Bồ Tát, Chư Phật** rải ban  
*Phương tiện* để *độ* thế gian.  
 Hạng người này gọi là hàng *phàm phu*  
 Không phải chỗ Chơn tu chứng đạt  
 Bạc thứ tám **Bồ Tát** vậy mà.  
 Bạc thứ tám chỉ gọi là:  
**Bồ Tát**, không gọi **Phật Đà Như Lai**.  
 - **Tu Đà Hoàn** thứ hai cùng với  
**Tư Đà Hàm** thường gọi *Nhất Lai*.  
 Hạng thứ hai này ở đây:  
 Nếu được *Chánh Pháp* lòng hay *thọ trì*  
 Và thực hành như y *Chánh Pháp*,  
*Thân tâm* đều phù hợp *bốn nguyên*,  
 Nghe *Pháp* nơi **Phật** thuyết tuyên  
 Đúng theo chỗ đã nghe liền chép biên,  
 Hoặc *thọ trì*, thường xuyên đọc tụng,  
 Nói lại cho sanh chúng nghe hay.  
 Không bao giờ hạng người này

Nghe *Pháp* mà chẳng giải bày chép biên,  
 Hoặc không *thọ* y nguyên đọc tụng,  
 Hay không luận sự đúng, điều sai,  
 Cũng không hề nói **Như Lai**  
 Cho phép *Tăng chúng* được rày chứa nuôi  
 Vật *bất tịnh* hay thời tôi tớ ...  
 Cửa Thập phương cất giấu, tiêu xài.  
 Hạng thứ hai kể trên đây  
 Chưa đặng hoàn thiện bậc này thứ ba.  
 - Trụ nơi bậc thứ ba chứng đạt  
 Mới nên gọi **Bồ Tát Ma Ha**  
 Đã được *thọ* ký **Phật Đà**  
 Đương lai *đắc đạo* *Ta bà Thế Tôn*.  
 Hạng thứ ba này còn danh hiệu  
**A Na Hàm** hay gọi **Bất Lai**.  
 Hạng này không có nghĩ sai  
 Những việc phỉ báng mặc ai tuyên truyền.  
 Cho *Tăng chúng* có quyền nuôi chứa  
 Vật *bất tịnh*, tôi tớ riêng mình,  
 Sách luận *ngoại đạo* bất minh  
 Chẳng hề chú ý nghe nhìn bặt tâm,  
 Không bị chủ, *khách trần* *phiền não*;

Làm *chương ngại* trí đạo che ngăn;  
 Cũng không giấu giếm thật chân  
**Mâu Ni Xá Lợi** ngọc thần **Như Lai** ;  
 Cũng không bị bệnh ngoài não hại,  
 Bốn thứ độc **Tứ đại** nhập xâm,  
 Làm cho mê muội tánh tâm,  
 Luận nói là *Ngã*, lạc lằm *Vô minh*,  
 Thường am hiểu thuyết trình *Vô ngã*,  
 Không luận bàn nói họa phước ư !  
 Tham luyến **Thế Pháp** tục chừa,  
 Mà thường nói *Pháp Đại Thừa* không hai.  
 Thân thể của vị này trong sáng,  
 Cũng không có tám vạn hộ trùng,  
 Là hẳn dâm dục nói chung  
 Nhấn đến giấc mộng chẳng hòng xuất tinh.  
 Lúc sắp chết hãi kinh không có,  
 Tâm *giải thoát* chẳng sợ lo chi.  
**A Na Hàm** nghĩa là gì ?  
 Không còn trở lại sanh thì *vọng tham*,  
 Những *thọ ái* không làm nhớ nhớp,  
 Tâm của người cõi lớp hôi tanh,  
 Là bực **Bồ Tát** xứng danh

Đã được *thọ ký* sắp thành **Phật** đây  
 Quả *Vô Thượng Như Lai Chánh Giác*  
 Đây gọi là hạng bậc thứ ba.

- Hạng người thứ tư gọi là

Bực **A La Hán** trải qua *tu hành*  
 Dứt *phiền não* không sanh, lão, tử,  
 Đã làm tròn **Phật sự** xong rồi.

Là **Bồ Tát** trụ thứ mười

Đặng trí *tự tại* rạng ngời *quang minh*,  
 Có thể hiện tướng hình *lợi ích*  
 Mà mọi người ưa thích ngắm nhìn.

Muốn thành **Phật** liền được thành  
*Phương tiện hóa độ Chúng sanh Ta bà.*

*Công đức* thiệt *Hằng sa* vô hạn

Nên gọi là **A La Hán** thời.

Trên đây là bốn hạng người  
 Luôn luôn xuất hiện nơi đời khổ tai.

Vì xót thương muôn loài mê muội

Quyết đem nhiều ích lợi an vui

Cho *Chúng sanh*, cho trời người  
 Làm chỗ nương tựa không nơi nào bằng,  
 Đó là bậc *Thánh Nhân* kiệt xuất

Không khác gì là **Đức Như Lai**.

**Ca Diếp Bồ Tát** chấp tay!

Bạch **Phật**: xin đấng **Như Lai** thứ lời!

Nay con không nương nơi bốn hạng

Những người ấy, có đáng lòng tin?

Vì trong **Cù Sư La Kinh**,

**Đức Phật** từng bảo **Xà Sư Lê** là:

Nếu như có *Thiên Ma* hỗn tạp

Muốn phá hoại *Chánh Pháp* của **Ta**

Mà biến ra hình **Phật Đà**,

Đủ cả tướng tốt rất là oai nghiêm,

Cũng *viên quang*, cũng điềm quý lạ,

Cũng *bạch hào* ví tợ **Tu-Di**,

Ông phải kiểm giảo xét tri

Là giả hay thật, vàng thì hay thau.

Nếu là *ma* hãy mau hàng phục,

Nhớ tĩnh tâm, hết sức định thân.

Bạch **Thế Tôn** ! *Đại Thánh Nhân* !

Bọn *ma* còn biến được thân **Phật Đà**.

Hướng hồ chi đây là bốn hạng,

Thân người dễ đổi dạng thay lòng,

Đây đủ biến hóa *thần thông*

Nằm, ngồi, ở giữa *hư không* khó gì.  
 Nách bên tả tuôn thì ra nước,  
 Nách bên hữu phun lửa cháy rần,  
 Khói lửa mù mịt cả thân  
 Những chuyện như vậy .v.v... rất nhiều .  
 Vì lẽ ấy, nên lời tuyên nói  
 Của hạng người tài giỏi trên đây  
 Thật con chẳng biết tin ai  
 Nên không quan niệm lòng nay nương nhờ.  
**Đức Phật** dạy: “ Hay cơ **Ca Diếp!**  
 Nhẫn cho đến lời thiệt **Như Lai**  
 Có lòng nghi ngờ ở đây  
 Còn không chấp nhận tin ngay *thọ trì*  
 Huống là lời không tri thấu rõ  
 Của những hạng người đó hay sao !  
 Vì thế nên cần đổi trao,  
 Khéo léo *phân biệt* vàng thau, dữ lành,  
 Có nên theo hay đành xa lánh  
 Được như vậy, mới tránh lầm sai,  
 Kết quả an lạc lâu dài,  
 Hay là đau khổ chẳng ai xúi mình.  
 Lòng lành với niềm tin Chơn chánh,



Đọa hay siêu quyết định do ta.  
Hỡi này **Ca Diếp** *Ma Ha* !  
Sau đây dẫn dụ nghe qua rõ ràng.  
Ví như con chó gian cắp trộm  
Chờ đêm tối lén trốn nhà người,  
Người trong nhà hay biết thời  
Dùng gậy đuổi chó cồng đuôi chạy quàng,  
Từ đó không dám mang xác đến,  
Sợ què chơn khập khểnh khổ thay!  
Cũng thế, các ông từ nay  
Dụng theo cách ấy trị loài **Thiên ma**.  
Bảo *Thiên ma* rằng ta khuyên nhủ:  
“Này **Ba Tuần** làm chủ loài *ma*,  
Nhà người không được hiện ra  
Các thân hình **Phật**, gạt mà *Chúng sinh*,  
Nếu còn hiện cố tình phá rối.  
**Ta** sẽ dùng năm món xích thừng  
Để trói nhà người khổ thân.  
*Ma* nghe tỉnh ngộ rần rần bỏ đi,  
Không trở lại phá thì nữa vậy”.  
Lời **Như Lai** chỉ dạy sâu xa. (lạ)

Ngài **Ca Diếp** ! Lại thưa qua !

“**Phật** vì ông **Cù Sư La** dạy rằng:

Nếu ai đó lấy nhân hàng phục

Được *Thiên ma* đại phúc vô vàn

Có thể gần **Đại Niết Bàn**

Lời **Phật** đã dạy rõ ràng không sai.

*Trí huệ Đức Như Lai* soi sáng

Cần gì nói bốn hạng người trên

Là chỗ *quy y* vững bền

Mọi người nương tựa đều viên mãn nguyên,

Lời bốn hạng người trên chưa chắc

Đáng tin cậy như **Đức Phật** đây”.

**Phật** dạy: “**Ca Diếp** như vậy...

**Thế Tôn** *quyền* biến tỏ bày cân phân.

Bởi vì bậc *Thanh Văn nhục nhãn*,

Mà dạy cho hàng phục *Thiên ma*.

Chớ chẳng phải ý **Phật Đà**

Giáo dạy cho bậc học qua *Đại Thừa*.

Hàng *Thanh Văn* tuy chưa thành **Phật**,

Nhưng *thiên nhãn* chứng đắc hẳn rồi.

**Phật** gọi *nhục nhãn* giống người

Vì chưa trọn vẹn đắc thời *lục thông*.

Người tu học nằm lòng **Phương Đẳng**  
 Dầu còn mang *nhục nhĩn* thế gian  
 Nhưng mắt trí sáng hoàn toàn  
 Gọi là **Phật nhĩn** của hàng **Như Lai**.  
*Kinh Đại Thừa* không hai chỉ một  
 Gọi **Phật Thừa** cao tột trời người . (lạy)

Đây **Ca Diếp** ! Ví dụ thời !  
 Có Đại kiện sĩ khuyên người nhất gan  
 Rằng : Các người gian nan học hỏi  
 Tập kiếm cung muốn giỏi như ta,  
 Phải nên dạn dĩ mạnh ra  
 Đừng có khiếp sợ dầu là mặc ai.  
 Thắng đặng lòng ta đây trước nhưt,  
 Không yếu hèn bởi sức mạnh nào.  
 Mặc cho kẻ đó hùng hào  
 Giả danh nhất khỉ làm mào rung cây,  
 Kẻ giả dối này đây nhìn thấy  
 Người bình thản tâm lại vững an  
 Tự động rút lui nhẹ nhàng,  
 Cũng như con chó trộm gian vào nhà.  
 Đây **Ca Diếp**! **Phật Đà** cũng thế  
**Ta** hằng khuyên bảo *đệ tử* mình

Là hàng *Thanh Văn* quang minh  
 Chớ có khiếp sợ yêu tinh *Ba Tuần*.

Nếu *Ma vương* hiện thân hình **Phật**  
 Đến đối diện trước mặt các ông,  
 Thời các ông phải định lòng  
 Tinh tấn *Chánh niệm* như không có gì,  
*Ma* kia tất bỏ đi chẳng phá  
 Còn hổ thẹn vì đã quấy đời.

Như Đại Kiện Sĩ là người  
 Bạc cao quý nhất rạng ngời uy danh.  
 Không bắt chước *Chúng sanh* nào cả.  
 Người tu học ứng dạ *Đại thừa*

Nghe *Pháp* thâm mật thích ưa  
 Không hề kinh sợ ngăn ngừa *tà ma*.  
 Vì người đó trải qua từ trước  
 Từng *cúng dường* tạo *phước* sâu dày  
 Vô lượng muôn ức **Như Lai**.

Dầu cho vô số các loài yêu tinh  
 Muốn đến phá mặc tình quấy phá,  
 Không chút nào chống trả quân ma.

Ví như thuốc **A Già Đà**  
 Nếu ai có được rất là quý thay!

Không sợ gì các loài rắn, độc,  
 Vì thuốc này trừ nọc đại tài.

*Kinh điển Đại Thừa Như Lai*

Cũng vậy, thâm mật rất hay vô cùng,  
 Không sợ loài ác hung tinh độc,  
 Lại có thể hàng phục yêu ma,  
 Không cho nó quấy nhiễu ta  
 Đồng thời *giác ngộ* bỏ tà *quy y*.

Này **Ca Diếp** ! Nghe thì ví dụ !

*Pháp* chơn thiết đầy đủ rõ thông.

Ví như có loài *độc long*

Muốn hại ai đó đừng hòng thoát thân,  
 Lấy mắt độc nhìn chăm chẳng nháy,  
 Hoặc hà hơi miệng thả y độc ra.

Tất cả muôn thú cạp, xà,

Sư tử, chó sói ... đều là hoảng kinh,

Ai bị sưng vào mình hơi độc

Thời không lâu phút chốc bỏ thân,

Nếu người đây giỏi *chú thân*

Có thể *điều phục* độc long, mãng xà,

Các ác thú để mà làm vật

Cỡi dạo chơi chẳng mất nhọc công.

Cũng vậy, người học tinh thông  
 Đại Thừa Phương Đẳng thật không ai bì.  
 Thấy Thanh Văn yếu thì **đạo lực**  
 Sợ Ba-Tuần áp bức **sanh linh**,  
 Pháp Đại thừa đức rộng thinh  
 Dầu là của **Phật** không tin *thọ trì*  
 Người ấy mới thị uy một lúc  
 Dụng **thần thông** hàng phục loài *ma*,  
 Nhon sau đó rộng thuyết ra  
 Các môn *Diệu Pháp Đà La Tổng Trì*.  
 Hàng Thanh Văn thấy uy lực lớn  
 Của người tu vô lượng Đại Thừa,  
 Nên trong lòng thâm thích ưa,  
 Từ đó hết sợ ngăn ngừa tinh ma.  
 Nương Chánh Pháp **Phật Đà Vô thượng**  
*Kinh Đại Thừa* được hưởng an vui,  
 Và bảo nhau với mọi người  
 Đại Thừa **Pháp Phật** nghĩa thời khó tri.  
 Rằng: Từ nay trở đi bốn bộ  
 Chúng ta đồng bảo hộ pháp mầu  
 Đại Thừa *vi diệu* tối cao  
 Chớ làm *chướng ngại* đào sâu tội tình.

Đây **Ca Diếp** ! *Chúng sinh* sợ quả,  
 Hàng **Thanh Văn** thời lại sợ nhân,  
 Bởi *nhân phiền não* khách trần  
 Làm mờ *trí huệ* tinh thần **đảo điên**.  
 Người tu học *Đại thừa* thông thạo  
 Điều không sợ *phiền não* trần lao.  
 Vì người *ngộ* chỗ thâm sâu  
*Đại Thừa* rộng chứa biết bao phép mầu,  
 Có oai lực không đâu lường được,  
 Nên lời **Ta** thuở trước giảng khai  
 Khuyến khích hàng **Thanh Văn** đây  
 Cùng bậc **Duyên Giác** khéo hay an bày  
 Để *điều phục* các loài **ma chướng**.  
 Chẳng nói người quy hướng *Đại thừa*. (lạy)

**Kinh Điển Đại Bát Niết Bàn**  
 Là *Pháp* siêu việt thuộc hàng tối ưu,  
 Rất kỳ lạ đặc thù **Chư Phật**.  
 Nếu có người Chơn thật nghe qua  
 Kính tin đầy lòng thiết tha  
*Thọ trì y chỉ* ắt là thành công.  
**Như Lai** là *Pháp* không cùng tận,  
 Lòng tin này chắc chắn vững vàng.

Thiệt là *hy hữu* thế gian,  
 Khác nào như đóa **Ưu Đàm** ngàn năm,  
 Mới nở ra một lần tại thế  
 Người gặp được không dễ chút nào.  
**Như Lai diệt độ** về sau  
 Kinh này trì thọ dưỡng bao *phước điền*.  
 Trăm ngàn kiếp đại *duyên* kiến **Phật**,  
 Chẳng sa vào ngục thất cùm gông.  
 Nay **Ca Diếp !** Ông biết không !  
 Sau khi **Phật** đã vào trong **Niết Bàn**,  
 Sẽ có vô số hàng Sanh chúng  
 Mất lòng tin sử dụng Kinh này,  
 Lại còn ngạo mạn chê bai  
 Phỉ báng *Kinh Điển Như Lai Niết Bàn*.  
 Ngài **Ca Diếp !** Buồn than bạch **Phật** :  
 “Thưa **Thế Tôn!** con thật lo rầu.  
**Phật diệt độ** chừng bao lâu ?  
 Có người ngạo báng *Pháp* mầu chê bai  
 Kinh **Niết Bàn** không hai tối thượng  
 Và những ai *tín ngưỡng* thực hành,  
 Thuần thiện *giáo hóa* Chúng sanh  
 Cứu vớt bao kẻ căn lành hoại hư.       **(lạy)**



**Phật** dạy : “**Này Ca Diếp Bồ Tát!**

Sau khi **Ta nhập diệt Niết Bàn.**

Kinh này truyền khắp nhơn gian  
Độ khoảng trong bốn mươi năm lưu hành,  
Rồi sau đó ẩn danh mất dạng,  
Như mặt trời bị áng mây mù.

Này **Ca Diếp !** Cũng ví như !  
Xứ nào có đủ : Gạo thơm, mía đường,  
Sữa, *đề hồ*, cao lương dư dả,  
Người xứ ấy tất cả nói chung.

Cho các thực phẩm mình dùng  
Món ăn ngon bổ nhất trong trần đời.

Nếu chốn nào mà người bốn xứ  
Chỉ ăn rỗng những thứ sau đây :

Gạo hẩm, bo bo, bắp khoai ...

Tất họ cũng nói ngon thay tuyệt vời,  
Vì đây là những người bạc *phước*  
Bởi cũng do **nghiệp** trước trả vay.

Nếu là người có *phước* dày

Đời này an hưởng thường ngày ấm thân

Đủ thực phẩm đồ ăn cao quý

Ít khi nào nếm vị cơm thiu.

(**lay**)

Cũng vậy, đối với Chơn Kinh  
**Niết Bàn** *vi diệu* độ sinh muôn loài.  
 Hàng **Nhị Thừa** ở đây thiếu *phước*  
 Chẳng tin dùng không được thích ưa,  
 Chớ người tu học **Đại Thừa**  
 Vui mừng trân trọng khi vừa nghe qua.  
 Nay **Ca Diếp ! Phật Đà** dẫn dụ !  
 Ví như có Vương Chủ nước nghèo.  
 Ở nơi núi hiểm cheo leo,  
 Dân sinh thì ít, cạp beo thì nhiều,  
 Cuộc sống luôn lắm điều khổ khó,  
 Sữa, đường, muối, lúa gạo hiếm khan  
 Nên Vua cùng các dân làng  
 Cất dành dự trữ, ít mang ra dùng;  
 Chỉ ăn những rau rừng cỏ dại.  
 Vua lắng giếng nghe thấy đáng thương.  
 Bèn cho xe chở muối, đường,  
 Gạo, sữa mọi thứ làm *phương tiện* xài.  
**Quốc Vương** nghèo được đây tặng phẩm  
 Truyền phân phát cho đám thần dân.  
 Từ đó nhờ có miếng ăn  
 Bớt đi đói khát Vua dân vui mừng.

Và bảo nhau chưa từng thưởng thức  
Món ăn ngon do đức Vua ban.

Này **Ca Diếp** ! Thật rõ ràng.

Bốn hạng người đó hiện đang thực hành

*Y chỉ* theo *Pháp* lành của **Phật**

*Kinh Đại thừa* đệ nhất không hai.

Ở trong bốn hạng người này,

Hoặc có một vị thấy rày xứ kia

Vô số lượng toàn là **Bồ Tát**

Dầu học *kinh giải thoát Đại thừa*,

Tự biên chép hoặc khuyên người

Ra công bỏ sức đồng thời chép biên,

Nhưng cầu lợi chức quyền danh vị

Hay tự độ, *y chỉ* riêng mình

Mới đem đổi các Chơn Kinh

Mà không đem *Pháp quang minh Đại thừa*

Giáo dạy cho mọi người học lấy,

Nên vị đó thấy vậy tặng ban

*Diệu Pháp Kinh Đại Niết Bàn*

Cho các **Bồ Tát** thuộc hàng kể trên,

Để thức tỉnh lòng bền tin tưởng

Và phát tâm *Vô Thượng Bồ Đề*. (lạy)

Các **Bồ Tát** được Kinh này  
 Liền đem truyền dạy như loài *Chúng sanh*,  
 Đồng lãnh thọ *Pháp* lành *Phương Đẳng*  
**Kinh Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn**,  
 Mọi người nhờ sự bố ban  
 Một trong bốn vị hiện đang trụ đời.  
 Như nhân dân ở thời nước nhỏ  
 Đặng thức ăn ngon lạ Vua ban.  
 “Này **Ca Diếp** ! Trong thế gian !  
 Nơi nào có **Đại Niết Bàn** mở mang,  
 Chốn ấy là *Kim Cang* bất hoại,  
 Người chốn ấy cũng lại như nhau.  
 Được nghe Kinh này dôi trau  
 Thời *bất thối chuyển* Đạo mau viên thành.  
 Ngôi *Vô Thượng* lưu danh muôn thuở,  
 Không còn sự sanh tử ngại nghi.  
 Những lời dạy *Đấng Từ Bi*  
*Chư Tỳ Kheo* phải thọ trì hành y.  
*Chúng sanh* nào ít khi nghe được  
*Kinh Điển* này thiếu *phước* đáng thương.  
 Vì không ai chỉ lối đường,  
 Nghĩa lý sâu rộng diệu phương **Niết Bàn**”.

Ngài **Ca Diếp** hỏi rằng **Đức Phật** !

“**Khi Như Lai** đã nhập **Niết Bàn**.

Bốn mươi năm tại nhơn gian

Lưu truyền **Kinh Đại Niết Bàn** mà thôi.

Qua thời gian thế rồi ẩn mất.

Vậy chừng nào sự thật Kinh này

Sẽ lại xuất hiện trên ai

Mong **Phật** *hoan hỷ* chỉ bày tường tri ?”

**Phật** dạy : “**Này Ca Diếp Bồ Tát** !

Lúc *Chánh Pháp* của **Phật** thăng trầm

Còn thừa đến tám mươi năm

Buổi đầu một nửa thanh hành truyền lưu.

Về sau thời ví như trăng sáng

Bị mây đen che áng ánh trăng.

**Ca Diếp** bạch **Phật** thưa rằng:

*Chánh Pháp* khi đó dần dần mất đi,

Chánh giới hư, **Tăng** phi pháp thanh,

*Chúng sanh* thì *tâm tánh* ác tham,

Ai là người ở thế gian

Có thể nghe hiểu **Niết Bàn Chơn Kinh**

Và *thọ trì*, tự mình học thuộc,

Cùng *cúng dường* lần lượt chép biên,  
 Giảng nói thật nghĩa vô biên,  
 Hoằng hóa *Chánh Pháp* phổ truyền bốn phương.  
 Xin **Như Lai** xót thương dạy bảo  
 Cho các hàng mộ đạo sau này  
 Tâm không *thối chuyển* đổi thay  
 Vô Thượng Chánh Giác đương lai đắc thành”.(lay)

**Phật** khen : “Lành thay ! Lành thay !  
 Hỡi này **Ca Diếp** ! **Ta** nay chỉ bày:

*Chúng sanh* nào sâu dày *phước* chướng  
 Từng phát tâm Vô Thượng Bồ Đề  
 Ở chỗ **Chư Phật** nguyện *thê*  
 Nhiều bằng số cát *sông Ni Liên* thời  
 Mới có thể ở nơi đời ác  
 Thọ trì **Kinh Đại Bát Niết Bàn**  
 Không bị kẻ quấy làm càng  
 Khinh khi phỉ báng ngang tàn chê bai.

*Chúng sanh* nào sâu dày *phước* chướng,  
 Từng phát tâm Vô Thượng Bồ Đề  
 Ở chỗ **Chư Phật** nguyện *thê*  
 Bằng như số cát một con *sông Hằng*,

Mới có thể ở trong đời ác  
 Lòng thường ưa thích *Pháp Đại Thừa*,  
 Nhưng không giảng giải được thời  
 Nghĩa Kinh sâu rộng mọi người cùng nghe.

*Chúng sanh* nào sâu dày *phước* chướng  
 Từng *phát tâm Vô Thượng Bồ Đề*  
 Ở trước **Chư Phật** *nguyện* thể  
 Bằng như số cát hai con sông *Hằng*,  
 Mới có thể ở trong đời ác  
 Chẳng phỉ báng **Đại Bát Niết Bàn**,  
 Tin hiểu *Chánh Pháp* rõ ràng  
*Thọ trì*, đọc tụng lại càng siêng năng.  
 Nhưng chẳng thể giảng cho người biết  
 Nghĩa sâu rộng chơn thiệt **Niết Bàn**.

Người nào ở trong thế gian  
 Đã từng *phát nguyện* độ hàng *Chúng sanh*  
 Nơi **Chư Phật** tâm thành kiên cố  
 Bằng số cát ba con sông *Hằng*,  
 Mới có thể *trụ* cõi trần  
 Tin sâu, đọc tụng siêng năng *thọ hành*  
 Và giảng nói luận rành văn tự,

Nhưng chưa hiểu *mật ngữ* nghĩa sâu.

Nếu như có *Chúng sanh* nào  
 Đã từng tâm phát gieo sâu *Bồ Đề*  
 Trước **Chư Phật** *nguyện thê* không đổi  
 Bằng số cát bốn con sông *Hằng*,  
 Mới có thể nơi ác trần  
 Tin nguyện đợc tụng thường hằng siêng năng  
 Và giảng nói một phần nghĩa lý  
 Trong Mười sáu hương vị **Niết Bàn**.

*Chúng sanh* nào nơi thế gian  
 Đã từng *phát nguyện* trước hàng **Như Lai**  
*Tâm Bồ đề* không thay chuyển đổi  
 Bằng số cát năm con sông *Hằng*,  
 Mới có thể *trụ* cõi trần  
 Giảng thuyết nghĩa lý Tám phần chơn Kinh.

*Chúng sanh* nào tự mình *phát nguyện*  
*Tâm Bồ Đề* không chuyển đổi thay.  
 Ở trước **Chư Phật Như Lai**  
 Bằng như số cát sáu con sông *Hằng*,  
 Mới *trụ* vững cõi trần *Ngũ trước*  
 Tùy *cơ duyên* lần lượt giảng bày



Mười hai phần trong kinh này  
Không thể nói tột nghĩa dày *thậm thâm*.

*Chúng sanh* nào phát tâm Vô Thượng  
Nơi **Chư Phật** tin tưởng Chánh chân.

Bằng số cát bảy sông *Hằng*,  
Có thể *trụ* ở cõi trần tu thân,  
Đạt nghĩa Mười bốn phần *Kinh điển*  
**Đại Niết Bàn** thuyết diễn *giác* người.

Và *Chúng sanh* trong cõi đời  
Đã từng phát nguyện *Bồ Đề* rộng sâu  
Trước **Chư Phật** từ lâu như vậy,  
Bằng số cát tám con sông *Hằng*,  
Khi đời ác trước càng tăng,  
Tự tâm thấu hiểu **Niết Bàn Chơn Kinh**  
Và khuyến khích *Chúng sinh* muôn loại  
Có lòng tin đối với Kinh này.

*Thọ trì*, đọc tụng đêm ngày  
Hoặc là biên chép giải bày rộng ra,  
Chơn *nghĩa vị* sâu xa thâm thúy.  
Tức **Như Lai** thường *trụ* chẳng dời,  
Rốt ráo an vui đời đời

*Giải thoát chơn thiệt, xa rời Tam Thiên.*

Lời **Thế Tôn** nhủ khuyên *Cứu cánh*

*Chúng sanh* có **Phật tánh** không sai,

Người này khéo biết lành thay!

Các *Pháp Tạng* của **Như Lai mật truyền**.

Thường *cúng dường* vô biên **Chư Phật**,

Hằng *kiến lập Chánh Pháp* xiển dương,

*Thọ trì*, ủng hộ thường thường

Không để ngăn lấp con đường **Như Lai**.

Như có người hiện nay *phát nguyện*

*Tâm Bồ Đề* thực hiện không thay,

Phải biết rằng đời *vị lai*

Người này *kiến lập* hoằng khai Đạo mầu

Và ủng hộ dài lâu không tưởng

*Chánh Pháp Phật Vô Thượng* tối cao.

Này **Ca Diếp** ! Càng về sau.

Các *Tỳ Kheo* ác làm màu thế gian,

Nghe **Như Lai Niết Bàn diệt độ**

Chẳng những không buồn khổ tủi thân,

Ngược lại mừng rỡ nói rằng:

Từ nay chẳng có ai ngăn nữa rồi,

Nào chế *giới*, nào thời kèm thúc,  
 Nào không cho chứa vật dưỡng thân ...

Nay **Thế Tôn** đã từ trần!

Giải bỏ tất cả *giới* răn xa lìa,

*Cà Sa* vốn chỉ là *Pháp* thức

Như lá *phan* phơi phất trên cây.

Hạng *Tỳ Kheo* ác chê bai

Chống cự phản bác Kinh đây *Đại Thừa*.

Này **Ca Diếp** ! Ông nên ghi nhớ !

Những điều trên tâm chớ lãng xao.

Nếu như có *Chúng sanh* nào

Trọn lành đầy đủ trí sâu đức dày.

Mới có thể Kinh này tin tưởng

Rồi *thọ trì* chấp chưởng thực hành.

Những *Chúng sanh* chứa căn lành

Ưu thích nghe đến phương danh **Niết Bàn**,

Nên vì họ đăng đàn giảng thuyết,

Làm *lợi ích* chẳng tiếc công lao.

Người nghe Kinh này dôi trau

Bao nhiêu *nghiệp* ác mòn hao tiêu trừ.

Nếu kẻ nào tâm tư bất kính

**Kinh Niết Bàn** lấy thỉnh bỏ lẩn,

Thời gặp *quả báo* hiện thân  
Bệnh khổ não hại muôn phần gồm ghê,  
Phần nhiều bị người chê trách mắng  
Sau khi chết nếu đặng đầu thai,  
Xấu xí chẳng vẹn hình hài,  
Cơ hàn, đói khát nạn tai không lường  
Hoặc sanh vào gia đường bần tiện,  
Mẹ cha đều *tà kiến* si mê,  
Oán thù vay trả đủ bề,  
Bạn lành không gặp đỡ đèo khuyên răn.  
Chẳng chịu nghe lời Chân chánh dạy  
Những kẻ ấy tâm mãi bất minh  
Không bao giờ được hiển vinh  
Đến nơi nước **Phật** hay sinh cõi trời,  
Như chim nọ gãy thời đôi cánh  
Làm sao bay tới cảnh non xanh.  
Nếu người nào có tâm thành  
Một lòng *tín ngưỡng* **Niết Bàn Chơn Kinh**,  
Dầu có mang thân hình thô kệch,  
Nhưng thật ra tốt đẹp trong lòng,  
Do trì Kinh được đức công  
Đời sau tướng hảo thiệt không ai bằng.

Hiện tại đặng các *thần* trợ lực  
 Ngày càng tăng *oai đức* thêm hơn.  
 Trời người lui tới kính nhường  
*Chúng sanh* muôn loại yêu thương trọng vì.  
 Có nói ra lời chi *lợi ích*  
 Ai nghe đến đều thích cả tin.  
 Trong hàng **Thanh Văn** nhận nhìn  
*Đệ tử* của **Phật** chứng minh điều này.  
 Muốn thi hành việc đây *hy hữu*  
 Thời phải là đầy đủ quyết tâm  
 Rộng nói *Kinh điển thậm thâm*  
**Niết Bàn Diệu Pháp** Chơn tâm trụ thường.  
 Nay **Ca Diếp** ! Như sương mù vậy !  
 Chỉ có thể nhìn thấy không bền.  
 Đến khi mặt trời mọc lên  
 Ánh nắng soi chiếu tức liền biến tan.  
 Bao nhiêu *nghiệp* ác gian Sanh chúng  
 Mạnh thế nào đều cũng tiêu tan.  
 Khi thấy mặt trời *tuệ* quang  
**Đại Thừa Kinh Điển Niết Bàn Như Lai.**  
 Nay **Ca Diếp** ! Nghe đây ví dụ :  
 Như có người mới được *xuất gia*,

Cạo tóc khoác áo *Cà sa*,  
Nhưng chưa **thọ giới Tăng Già Sa Di**,  
Bỗng một hôm có vị *Trưởng Giả*  
Thỉnh *Chúng Tăng* cùng cả vị này  
Đến nhà xốt bát **thọ trai**,  
Dầu chưa *thọ giới*, **Tăng** đây nhập vào.  
Cũng vậy, có người nào sơ khởi  
Vì cầu *Đạo* nên mới *phát tâm*  
Học **Kinh Đại Thừa Niết Bàn**,  
Biên chép, đọc tụng siêng năng hằng ngày,  
Người này tuy chưa dày *công đức*  
Như **Thập Địa Bồ Tát** sánh bằng,  
Nhưng đã được dự trong phần  
**Thập trụ Bồ Tát** kiếp trần về sau.  
Nếu có *Chúng sanh* nào bất kể,  
Hoặc *đệ tử* của **Thế Tôn** đây,  
Không phải *đệ tử Như Lai*,  
Hoặc vì tham, sợ hoặc hay tủi sâu,  
Hoặc vì bởi mưu cầu *lợi dưỡng*  
Mà nghe qua *qui ngưỡng thọ trì*  
**Kinh Đại Niết Bàn** thực thi  
Nhận một bài *kệ* thuộc ghi nằm lòng,

Luôn kính tin tâm không chán nản  
Phải biết rằng là hạng sắp gần  
    *Vô thượng Bồ Đề* giác chân  
Không lâu *quả vị* đắc phần **Như Lai**.

Này **Ca Diếp** ! Ông nay đã rõ.  
Vì *nhơn duyên* bày tỏ ra đây,  
    **Phật** nói bốn hạng người này  
Là chỗ nương tựa muôn loài nhơn gian.  
Bốn hạng người trên đang *trụ* thế  
Chắc chắn là không thể lầm sai.

Sợ e rằng đời sau này  
Nói là không phải **Như Lai** chỉ bày.  
Vì thế nên **Ta** đây tuyên bố:  
Bốn hạng đấy là chỗ tựa nương  
    Của thế gian chốn *Vô thường*.  
Như vậy, ông phải *cúng dường* chớ quên  
Bốn hạng người trước tiên **Ta** nói :  
“Lời **Như Lai** gắng giải tuân hành”.

**Ca Diếp Bồ Tát** tâm thành!  
Bạch **Phật** chỉ dạy phân rành trước sau.  
Cho con biết thế nào sai, đúng

Ai là người được *cúng dường* đây?

**Phật** dạy: **Ca Diếp** nghe này !

**Thế Tôn** tóm tắt chỉ bày như sau:

Nếu ông thấy người nào *kiến lập*

Hộ trì nơi *Chánh Pháp Như Lai*,

Thời ông phải thỉnh hỏi ngay

Xả thân ứng cúng người này đúng thôi.

**Như Lai** từng thuyết nơi *Đại chúng*

*Kinh Đại Thừa diệu dụng Niết Bàn*.

Có ai biết *Chánh Pháp Như Lai* !

Không luận trẻ già hay gái trai

Đều phải *cúng dường* nên trọn vẹn

Nghiêm trang lễ lạy một lòng đây

Như hàng *Bà La Môn* kia vậy

Tôn kính phụng thờ thần lửa này.

Và các *Thiên Thần* trong *cõi Phạm*

Kính tôn *Đế Thích* nhất không hai.

**Ca Diếp Bồ Tát** bạch rằng:

“**Thế Tôn** dạy bảo con bằng lòng ứng!

Như **Phật** dạy *cúng dường* Sư trưởng

Chính phải là phụng dưỡng trọn nghì.



Nay con có chỗ hoài nghi  
Cúi xin **Đức Phật** từ bi giải bày.

Nếu vị **Trưởng Túc** này giới hạnh  
Luôn tinh nghiêm Chơn tánh tịnh thanh  
Đến học với người đầu xanh  
Có phải lễ kính tâm thành hay chẳng ?  
Nếu lễ kính e rằng không phải  
Đâu gọi là **trì giới** tinh anh,  
Hoặc người trẻ tuổi đầu xanh  
Tinh nghiêm **giới luật** tâm thanh sáng ngời,  
Đến học hỏi với người **Trưởng Túc**  
Vị này đây **phá giới** cấm răn,  
Vậy có nên lễ kính chẳng  
Hay là chẳng kính, khó **phân biệt** là ?  
Hoặc có bực **xuất gia ly dục**  
Đến học người tại tục cư trần  
Thời có nên lễ kính chẳng  
Hay là chẳng kính cân phân khó mà ?  
Nhưng là người **xuất gia** không thể  
Lễ kính người tục thế tại gia.

Và trong **Giáo Pháp Phật Đà**  
Dạy người trẻ tuổi thật thà cung nghiêm

Kính *Trưởng Túc* cao niên thọ phúc  
 Vì thụ **giới Cự Túc** trước thì,  
 Thành tựu tất cả *oai nghi*  
*Phước điền* sâu rộng không chi sánh bằng.  
**Như Lai** từng bảo rằng *Đại chúng*  
 Người *phá giới* không dung nạp vào  
 Ở trong **Phật Pháp** dài lâu  
 Như đám cỏ mọc ruộng màu tốt tươi.  
**Thế Tôn** lại nói lời *kệ tụng*:  
 “Có ai biết *Chánh Pháp Như Lai*  
 Không luận già trẻ ở đây  
 Phải nên lễ kính bằng nay *cúng dường*.  
 Như *Thiên Thần* kính nhường **Đế Thích**,  
 Như Thần lửa *Bà La Môn* thờ”.  
 Các lời dạy bảo trên cơ  
 Có chỗ trái ngược, tỏ mờ khác nhau.  
 Xin **Thế Tôn** hãy mau *phân biệt*  
 Cho chúng con rõ biết đúng sai.  
**Đức Phật** từng nói như vậy:  
 “*Tỳ Kheo trì giới* thường hay xét mình  
 Cũng có lỗi vô tình phạm phải,  
 Hoặc cố tình làm trái *giới trai*.

Duyên cố gì **Đức Như Lai**

Nói lời ấy vậy, chẳng hay thế nào ?

Trong các Kinh khác nhau có nói

Cho trị tội kẻ phá *giới trai*,

Những lời **Phật** dạy trước đây

Chưa đặng trọn nghĩa con nay trình bày”. (**lay**)

**Phật** dạy : Này **Ca Diếp Bồ Tát** !

Ông hãy mau thấu đạt lời **Ta**.

Bài *kệ* vừa rồi đó là

**Phật** vì *Đại chúng* thật ra tuyên bày

Cho **Bồ Tát** sau này tu học

*Kinh Đại Thừa* chí dốc thấm nhuần,

Chớ chẳng nói hàng *Thanh Văn*

*Đệ tử* của **Phật**, định phân rõ ràng.

Này **Ca Diếp** ! Ông càng nên biết.

Lời **Như Lai** nói thiệt không sai,

Lúc *Chánh Pháp* diệt rồi đây,

Thời kỳ *Chánh giới* ít ai *thọ trì*.

Bị hủy hoại do vì *lợi dưỡng*,

Sự *phá giới* xu hướng tăng nhanh,

Chớ chẳng phải lúc thịnh hành

*Chánh Pháp* chưa diệt, người lành thiệt chơn.

Khi **Mạt pháp** *Thánh Nhơn* không hiện

Hàng *xuất gia* bày chuyện chứa thâu

Tôi trai, tớ gái theo hầu,

Chứa vật *bất tịnh*, gồm thâu bạc tiền.

Trong bốn hạng người trên sẽ có

Một người hiện ra ở *Ta bà*.

Cạo bỏ râu tóc *xuất gia*

Nhập vào vô số *Tăng Già* học tu,

Lại thấy *Chư Tỳ Kheo* không *định*,

Vật *tịnh* cùng *bất tịnh* đó là,

Luật hay phi luật giới mà

Bởi do chẳng hiểu sanh ra mê lầm,

Muốn *điều phục* Chơn tâm họ lại

Nên cùng họ vị ấy hòa quang,

Nhưng không hành lỗi hoàn toàn

Như đầm lầy mọc sen vàng nhô cao.

Người này khéo trước sau ***phân biệt***

Chỗ việc làm mình thiệt đúng sai

Cùng chỗ làm của **Phật** đây

Như vậy, có phải chẳng sai khác gì?

Dầu thấy các ***Tăng, Ni*** đa số

Đồng tòng phạm tội **Ba La Di**.  
 Vẫn im lặng chẳng nói chi  
 Và không cử tội lỗi nghi đã gây.  
 Nay **Ca Diếp** ! Vị này hòa hợp  
 Vì hộ trì *Chánh Pháp Như Lai*  
 Mặc dầu có phạm luật sai  
 Không gọi phá giới cấm trai **Phật đường**.  
 Ví như vị *Quốc Vương* bình chết  
 Thái tử còn chưa dứt thôi nôi  
 Làm sao có thể nối ngôi  
 Ngai vàng bỏ trống để rồi xảy ra.  
 Có người **Chiên Đà La** giàu của  
*Quyển thuộc* đông, đầy đủ kho lương  
 Thừa dịp soán ngôi xưng Vương  
 Tự mình bỉnh trị triều cương quần thần.  
 Ở trong nước các hàng *Cư Sĩ*,  
*Bà La Môn* dân trí phần đông  
 Trốn sang nước khác lưu vong  
 Người còn ở lại vẫn không phục tùng.  
 Chẳng muốn đến Cửu Trùng yết kiến  
 Nhìn thấy qua cung điện Long nhan.  
 Hay tin Vua mới ác gian

Nhiều người trong nước bỏ sang nước ngoài,  
Vua truyền lệnh nếu ai giúp Trẫm,  
*Bà La Môn* quý phẩm cao cường,  
Làm Thầy chủ lễ tôn Vương,  
Giang san Trẫm hứa cắt nhường chia đôi.  
Mọi người khát bao giờ mới có  
*Bà La Môn* dòng dõi đường đường  
Mà làm chủ lễ tôn Vương  
Cho gã cướp vị tâm thường đó sao.  
Vua thấy không người nào ra mặt,  
Bèn hạ lệnh rao gắt tin đồn.  
Nếu trong hàng *Bà La Môn*  
Không ai lộ diện khiêm tôn nhận mời.  
Nhà Vua buộc mọi người tất cả  
*Bà La Môn* chung chạ với thời  
*Chiên Đà La* suốt cuộc đời  
Lệnh Vua là lệnh của trời khó tha.  
Còn nếu ai chịu ra đầu thú  
Để làm Thầy đàn chủ tôn Vương  
Nguyện đem Xã Tắc Giang San  
Chia đôi cùng hưởng, vinh quang cả đời,  
Cho đến thuốc *cam lồ* bất tử

**Cửa cõi *trời Đạo Lợi Phạm Thiên***

Do sức thần nghiệm vô biên  
Cầu chi toại ý như nguyện ước mong.  
Nhà Vua hứa thuận lòng chia đủ  
Cho người nào Thầy Chủ tôn Vương.  
Bấy giờ, có *Bà La Môn*  
Vị này tuổi trẻ khéo khôn mọi bề,  
*Hạnh* thanh tịnh giỏi về ***chú thuật***  
*Nguyện* ra làm Thầy Chủ tôn Vương.  
Nhà Vua y lời cắt nhường  
Chia đôi đất nước phú cường giàu sang.  
*Bà La Môn* họ hàng thấy vậy  
Đều giận mắng người ấy vô cùng.  
“Người là dòng *Bà La Môn*  
Sao lại quy phục kính tôn gã này”.  
Ít lâu sau, tháng ngày qua lệ  
*Bà La Môn* trai trẻ bạch trình:  
“Tôi bỏ dòng họ của mình  
Bị người chửi mắng, miệt khinh đủ điều.  
Để làm Thầy vương triều Bệ hạ,  
Quyết một lòng, một dạ không thay  
Dạy Vua *Chú thuật* bao nài

Mà Vua chẳng tưởng công dày gian nan”.

Nhà Vua hỏi: “Thầy mang tâm trạng  
Có điều gì mặt dạng mày buồn.

*Bà La Môn* trẻ đáng thương !

Đáp rằng : Vì bởi *Quốc Vương* thất lời  
Chưa ban cho thuốc thời *Cam lộ*  
Của *Tiên Vương* để lại hiện nay”.

Vua bảo : “Phải lắm, Trẫm sai.

Quả nhờn quên mất ông đây nhắc dùm,  
Nếu *Đại Sư* cần dùng thuốc ấy ...  
Truyền cận thân vào lấy tặng ban”.

*Bà La Môn* trẻ hân hoan

Vội vàng quày bước lòng càng vui sao.  
Mời *Đại Thần* chia nhau cùng uống  
Vua hay tin kiệu đến nhà *Thầy*

Quở trách *Bà La Môn* này:

“*Đại Sư* xử sự không hay chút nào.

Thuốc *Cam lộ* nhiệm mầu quý hiếm  
*Thầy* đem chia các vị *Đại Thần*

Chẳng nghĩ tình đến *Quả Nhân*

Để dành một ít kính dâng *Cửu Trùng*”

*Bà La Môn* liền dùng mưu trí



Tráo thuốc mê phải *thí* Vua ngay.  
Nhà Vua uống xong ngủ say  
Như người sắp chết không hay biết gì.  
Bấy giờ, *Bà La Môn* sáng suốt  
Truất phế Vua *Chiên Đà La* này,  
Lập Thái Tử tức vị thay  
Con của Tiên Đế lên ngai Cửu Trùng.  
*Bà La Môn* vô cùng toại nguyện  
Trước quần thần Ngài xưng lên rằng:  
“Xưa nay theo phép hoàng ân  
Ngai vàng không thể trao dân đổi đời.  
*Chiên Đà La* hạng người kém trí  
Chưa từng nghe bĩnh trị Giang San”.

Sau khi sắp đặt hoàn toàn  
Sửa sang triều chính vững an xong rồi,  
*Bà La Môn* tức thời giải độc  
*Chiên Đà La*, đuổi hẳn phương xa.  
Dẫu hành động ấy, xét ra  
*Bà La Môn* trẻ chẳng là tội chi  
Không mất *Pháp Từ Bi* đó vậy.  
Người trong nước nghe thấy ngợi khen  
Việc làm Chân chánh chẳng hèn

Tấm gương đạo đức sách đèn còn ghi. (**lay**)

Này **Ca Diếp** ! Sau khi viên nguyện.

**Đức Như Lai** thị hiện **Niết Bàn**,

Chư vị **Bồ Tát** bảo ban

Hộ trì *Chánh Pháp* phát quang hài hòa,

*Phương tiện* giả như là đồng sự

Các *Tỳ Kheo* phá giới cấm răn.

Nếu thấy có người tu thân

Dầu phạm nhiều giới, lòng hăng sáng treo,

Có thể trị *Tỳ Kheo* ác thế,

**Bồ Tát** đến thủ lễ hành y

*Cúng dường* người ấy thực thi

Nhờ đó mà đặng phát huy pháp mầu.

Việc *cúng dường* phải cầu **đàn việt**

Và cất chứa vật *bất tịnh* đây.

Mặc dầu vị **Bồ Tát** này

*Cúng dường* người ấy chẳng bày lỗi thô

Và cất chứa những đồ *bất tịnh*

Nhưng không hề toan tính tham lam,

Vì là *phương tiện* phải làm

Để tấn trị các *Tỳ Kheo* ác đời,

Giúp *Tăng chúng* được thời yên ổn  
 Tâm *thanh tịnh* nơi chốn *tu hành*  
 Và lưu bố *Đại Thừa Kinh*  
 Làm cho *lợi ích Chúng sinh* trời người.

Này **Ca Diếp** ! Do nơi *duyên* ấy!  
**Phật** nói hai bài *kệ* trước đây  
 Để bảo các **Bồ Tát** này  
 Nhớ mà khen ngợi những ai trong đời  
 Là *Hộ Pháp* rạng ngời tánh trí.  
 Cũng như hàng *Cư Sĩ* tại gia,  
 Dòng *Bà La Môn* ngợi ca  
*Bà La Môn* trẻ thật là đức cao.  
 Nếu ai thấy người nào *hộ pháp*  
 Mà đồng sự với ác *Tỳ Kheo*,  
 Cho là có tội ăn theo,  
 Phải biết kẻ ấy tự treo cổ mình.  
 Người *hộ pháp* quang minh chính đại  
 Không có tội làm hại một ai. (**lạy**)

**Ca Diếp** ! Nếu có *Tỳ kheo* !  
 Phạm vào cấm *giới* tự **kiêu mạn** là:  
 Tôi không tội sao mà *Sám hối*,

Đó là người *phá giới* thiệt đây.

**Bồ Tát** vì *Hộ Pháp* này  
Mặc dầu có chỗ phạm sai lỗi lầm,  
Chẳng *kiêu mạn* tự tâm *sám hối*,  
Nên không gọi *phá giới* cấm đây.

Vì cố ấy, nên **Như Lai**

Trong Kinh này nói *kệ* bày xướng ngôn:

*Có ai biết Chánh Pháp Như Lai*  
*Không luận trẻ già hay gái trai*  
*Đều phải cúng dường nên trọn vẹn*  
*Nghiêm trang lễ lạy một lòng đây*  
*Như hàng Bà La Môn kia vậy*  
*Tôn kính phụng thờ thân lửa này.*  
*Và các Thiên Thần trong cõi Phạm*  
*Kính tôn Đế Thích nhất không hai.*

Lời *kệ* trên đây chỉ là:

Vì các **Bồ Tát Phật Đà** mở mang,  
Chớ chẳng phải nói hạng người học  
*Pháp Thanh Văn, Duyên Giác* nhị thừa.

**Ca Diếp Bồ Tát** trình thưa:

“**Thế Tôn** *giáo hóa* con chưa hiểu rành.

Các vị là *hạnh* lành **Bồ Tát**  
 Sao *giới* còn **giải đãi** buông lơi.  
*Giới* của các vị ấy thời  
 Đã *thọ* như vậy, trọn đời đủ chăng?”

**Phật** dạy : “Này **Ca Diếp Bồ Tát** !  
 Ông không nên nói như vậy nào.  
 Vì *giới* các vị *thọ* lâu  
 Vẫn đủ như thể đào sâu đất dày.  
 Giả sử nếu có sai *giới* phạm,  
 Biết được thời phải *sám hối* liền.  
*Sám hối* xong rồi an nhiên  
 Tâm đặng trong sạch, não phiền tiêu tan.

Này **Ca Diếp** ! Như bờ đê cũ  
 Nước chảy rịn theo lỗ mọi ra.  
 Vì không có người kiểm tra  
 Nếu được gia cố thật là chắc hơn.  
 Cũng thế, như các vị **Bồ Tát**  
 Dầu đồng sự với ác *Tăng, Ni*  
 Nhưng nơi *giới* đã **thọ trì**  
 Vẫn không hư mất như *lưu ly* thời.  
 Vả lại, không có người *trì giới*

Phước *Tăng chúng* tổn hoại giảm đi.  
 Có người *thanh tịnh* giới trì,  
 Thời *giới* đã *thọ* chẳng gì mất đâu.  
  
 Nay **Ca Diếp** ! Ông hầu nghe rõ.  
 Đối với “*Thừa*” tâm có biếng lười  
 Tức là *giải đãi* vậy thời,  
 Không gọi *giải đãi* ở nơi *giới* trì.  
 Các **Bồ Tát** ít khi bê trễ  
 Nơi *Đại Thừa* không nệ tham cầu,  
 Là *giới* căn bản *thọ* lâu.  
 Tuy rằng *giải đãi* mặc dầu phạm qui  
 Nhưng vì phải hộ trì *Chánh Pháp*  
 Mà đồng sự cho hạp thời lai.  
 Nên dùng nước *Đại Thừa* đây  
 Tự mình tắm gội sạch thay bụi phàm.  
 Vì thế nên các hàng **Bồ Tát**  
 Dầu hiện ra sự *phá giới* này,  
 Nhưng không có lòng hại ai.  
 Sao gọi *giải đãi* nghĩ sai đó mà”.  
 Ngài **Ca Diếp** thưa qua khiêm tốn.  
 Trong *Chúng Tăng* có bốn hạng người,  
 Như trái *Am La* sống tươi

Hay là lúc chín nhìn thời khó phân.  
 Làm thế nào biết người *trì giới*,  
 Người *phá giới* cùng lúc đặng chẳng?  
**Phật** dạy : **Ca Diếp** nghe rằng :  
 Nợn nơi **Kinh Đại Niết Bàn** hiểu thông.  
 Ví như một người nông phu vậy ;  
 Trước cày đất đốt sạch cỏ hoang,  
 Sau gieo mạ cấy thẳng hàng  
 Nhìn qua đều thấy rõ ràng khỏi phân,  
 Thửa ruộng tốt không cần phải nói.  
 Khi đến mùa gặt hái thâu vào,  
 Hộ lúa, bông cỏ khác nhau,  
 Hộ lúa sử dụng, cỏ bông loại trừ.  
*Tám bất tịnh* cũng như đó vậy,  
 Thường làm cho hư hoại Chúng *Tăng*,  
 Chỉ dùng bằng mắt thịt trần  
 Trong sạch, ượ́ *trước* định phân tức thời.  
 Người *trì giới* hay người *phá giới*  
 Khó biện biệt, hãy đợi sau này.  
 Lúc việc ác lộ phơi bày,  
 Thời dễ thấy biết đúng sai, chánh tà.  
 Như lúa, cỏ nhìn qua nhận được,

Còn giả chơn, thanh trước khó phân.  
 Cũng vậy, ở trong Chúng *Tăng*  
*Tám pháp bất tịnh* phải cần lìa xa,  
 Mới xứng đáng gọi là ***Thánh Chúng***,  
 Ruộng ***phước điền*** ích dụng cho đời,  
 Nhận *cúng dường* của trời, người,  
*Quả báo* thanh tịnh khó thời biện phân.  
 Nay **Ca Diếp** ! Ông từng nhìn thấy  
**Ca La Ca** rừng ấy nhiều cây  
 Rất là rậm rạp phủ dày.  
 Trong rừng chỉ có một cây tên là:  
**Trần Đầu Ca** người ta thường gọi.  
 Trái *Trần Đầu* rất giống *Ca La*  
 Nếu để hai thứ chung mà  
 Người không kinh nghiệm khó là biệt phân.  
 Khi đến mùa trái gần chín đỏ,  
 Có thiếu nữ mang giỏ vào rừng  
 Lượm hai thứ trái để chung  
 Dem ra chợ bán cuối cùng xảy ra :  
 Trẻ dại mua *Ca La* ăn lấy  
 Trúng phải độc trái ấy mạng lìa.  
 Hàng thức giả nghe việc kia



Liền hỏi thiếu nữ : Ở kia cô ơi !  
 Lượm trái này ở nơi nào vậy ?  
 Thiếu nữ nói : Lượm lấy rất xa  
 Ở tận trong rừng *Ca La*  
 Gian nan mới được vượt qua đó thời.  
 Người thức giả bảo nơi rừng ấy  
 Toàn *Ca La*, ít cây *Trấn Đầu*.  
 Thiếu nữ nghe nói buồn rầu !  
 Mọi người biết rõ ngựa đầu cười rân.  
 Nay **Ca Diếp** ! Chúng *Tăng* cũng vậy,  
 Phần đông đều ai nấy *thọ* dùng  
*Tám thứ bất tịnh* nói chung,  
 Duy nhất chỉ một người không phạm vào.  
 Tâm trì giới thanh cao *thiền định*,  
 Nên *tám thứ bất tịnh* xa rời,  
 Và biết *Tăng* Chúng mọi người  
 Thọ dụng phi pháp của đời cầu mong,  
 Nhưng đồng sự vì không xa tránh.  
 Ví cũng như cây *Trấn Đầu Ca*  
 Đứng giữa rừng *Ca La Ca*  
 Mà không nhiễm độc, rất là sạch trong.  
 Cư sĩ thấy phần đông phi pháp,

Tăng Chúng đây thu nạp vật phạm.

Cho nên những **Cận Sự Nam**

Chẳng còn lui tới **già lam cúng dường**

Vị **Tăng Sĩ** dù đương đắc giới

Vì đồng sự do bởi ở gần.

Nếu muốn **cúng dường Chư Tăng**

Trước tiên **thí chủ** phải cần hỏi qua :

Bạch **Đại Đức** ! Bực **xuất gia** !

**Tám pháp bất tịnh** đều là **giới răn**,

Có nhận chứa hay không nhận chứa?

**Như Lai** có cho phép hay không?

Đây là lời hỏi gạn trong

Với người **phá giới** đầy lòng bợn nhơ

Sẽ trả lời **Phật** cho nhận chứa;

Thời người nhận và chứa có đồng

**Bố Tát, Yết Ma** hay không

Hoặc là **Tự Tử** đặng cùng chung chắng ?

Nếu **Đại chúng** nói rằng : “Là có”.

Vì **Như Lai** thương xót Chúng **Tăng**

Cho phép nhận chứa vật trần

**Tám pháp bất tịnh** không cần tinh nghiêm.

**Cận Sự Nam** điềm nhiên lại nói:

Lúc ở trong *Tịnh Xá Kỳ Hoàn*,  
 Hoặc có *Tỳ Kheo* nói rằng,  
**Như Lai** cho phép bạc vàng chứa thâu,  
 Hoặc lại có *Tỳ Kheo* nói **Phật**  
 Không cho phép dấu cất bạc vàng.  
 Người nói khôn, kẻ nói càn  
 Chẳng chịu chung chỗ, cùng đàng đi chung,  
 Vì vậy nên, chẳng đồng *thuyết giới*,  
 Nào *Bố Tát, Tụ Tứ, Yết Ma*  
 Nhẫn đến không chịu hợp hòa  
 Uống cùng dòng nước dù là chung sông,  
 Vật *bất tịnh* chẳng đồng *lợi dưỡng*.  
 Sao các ngài nói bướng thế này !  
 Bảo rằng : **Thế Tôn Như Lai** !  
 Cho phép *Tăng* Chúng tiền tài chứa thâu?  
**Phật** là đáng tối cao *Vô thượng*  
 Trên các trời không tưởng sánh bằng,  
 Dầu nhận những thứ vật trần  
 Nhưng không cho phép **Chư Tăng** cất gìn  
 Nếu vị nào tự mình nhận chứa  
 Thời không nên đồng sự với mà  
 Những bực *thuyết giới Tăng* già

*Bố Tát, Tự Tứ* hay là *Yết Ma*.

Nếu chung cùng gọi là *phá giới*,

Sau khi chết dẫn tới A Tỳ,

Như trẻ nhỏ chẳng biết gì

Ăn nhầm trái độc cây thì *Ca La*.

Này **Ca Diếp** ! Như là chợ thuốc

Có bán đủ loại dược *Tuyết Sơn*

Cùng nhiều thuốc giả dược lương

Mùi vị đều giống bình thường khó phân.

Người mua vì không rành mặt thuốc,

Lầm thuốc giả ngỡ dược *Tuyết Sơn*.

Thật ra khó nhận giả, chơn

Mất tiền còn chịu gặp cơn phiền hà.

Này **Ca Diếp** ! Trong nhà *Tăng* Chúng.

Dẫn dụ trên cũng đúng khác nào.

*Thanh Văn* thật, giả giống nhau

Mất phàm khó nhận, dễ nào định phân,

Cũng có vị là Chơn *Tăng* thiệt,

Cũng có vị *hòa hiệp* Chúng *Tăng*,

Hoặc *trì giới* thật siêng năng,

Hoặc là *phá giới* cấm răn **Phật Đà**.

Đối với trong *Tăng* già Đại chúng,  
 Phải ***bình đẳng*** theo đúng *Pháp* hành,  
     *Cúng dường* kính lễ tâm thành,  
 Vì với mắt thịt dữ, lành nan phân.  
 Vị nào là Chánh chân *trì giới*,  
 Vị nào là *phá giới* phạm quy.  
     Hàng tại gia khó thấu tri  
*Thanh Văn Tăng* thật, **Tăng** thì giả danh.  
 Như người mua không rành mặt thuốc  
 Nhận thuốc giả ngỡ được *Tuyệt Sơn*.  
     Người có ***thiên nhãn*** mới tường  
**Tăng** tu chơn chánh, ai phường giả **Tăng**. (lạy)  
  
 Nay **Ca Diếp** ! Khi *phân biệt* đặng.  
 Hàng tại gia kiên nhẫn khước từ  
     Với hạng *Tỳ Kheo* đối đời  
 Chẳng nên cung cấp dâng thời thức ăn.  
 Nếu biết được vị *Tăng* nhận chứa  
     *Tám thứ vật bất tịnh* cấm răn,  
     Cũng lại, ý thức rõ rằng  
 Không nên dâng cúng vật trần dưỡng nuôi.  
 Nếu trong *Tăng*, có người phá đạo,  
 Không vì chỗ khoác áo *Cà sa*

Cung kính lễ bái vì là  
 “Chẳng phải *đệ tử Phật Đà Như Lai*”.

Ngài **Ca Diếp** chấp tay thưa **Phật** :

“Bạch **Thế Tôn** ! Sự thật lành thay !

Lành thay ! Lời của **Như Lai**

*Giáo hóa* chơn thiết không sai chút nào,

Con trân trọng tin sâu lời **Phật**

Xem còn hơn bảo vật *kim cang*.

Như lời **Phật** dạy rõ ràng !

Các *Tỳ Kheo* phải cứu mang bốn điều :

1. **Y** theo **Pháp** tin lời **Phật** dạy.

Không y theo **Tướng** ngoại người đây,

2. **Y** theo **thiết nghĩa** giảng bày,

Không theo **lời nói** bề ngoài của ai.

3. **Y** theo **trí huệ** này chứng đạt,

Không theo **thức** cảm giác đại ngậy.

4. **Y Kinh** liễu nghĩa **Như Lai**,

Không theo **Kinh sách** của loài bần môn.

*Bốn Pháp Y Thế Tôn* truyền dạy.

Vậy Chúng *Tăng* cần phải thực hành

*Chứng* biết chơn giả, trước thanh,

Không phải bốn hạng người lành ở trên”. (lay)

**Phật** dạy : Này **Ca Diếp Bồ Tát** !

- Nhớ hành **Y** theo **Pháp Phật** ban

“**Như Lai Đại Bát Niết Bàn**”

Tất cả **Phật Pháp** hoàn toàn chẳng sai.

Đó tức là **Như Lai Pháp tánh**,

*Pháp tánh* ấy, tức **Phật** không hai.

Nên **Phật** bất biến xưa nay,

**Như Lai** *thường trụ* chẳng thay đổi dời.

Nếu có ai đây thời nói **Phật**

Là *Vô thường* tâm thật đảo điên.

Người này không biết căn nguyên,

Chẳng thấy *Pháp tánh* không nên nương về.

Lời **Phật** dạy mọi bề suy cạn.

Như đã nói bốn hạng người trên.

Hiện ra nơi đời trụ yên

Hộ trì *Chánh Pháp* phổ truyền gần xa,

Phải chứng biết để mà *y chỉ*.

Vì các vị Thượng trí này đây

Khéo biết *Pháp Tạng Như Lai*

Thâm áo *vi mật* xưa nay sâu dày.

Tâm thấu rõ **Như Lai thường trụ**,  
 Chẳng biến đổi ví tợ *hư không*.

Bốn hạng người này lão thông,  
 Đức độ cao cả nổi dòng **Như Lai**

Giỏi *mật ngữ* thuyết bày lý lẽ.

Trong thế gian có kẻ nào đây

Hiểu được *Pháp Tạng Như Lai*

Biết **Phật thường trụ** không thay đổi dời.

Người này chẳng *tham* nơi vật chất,

Không bao giờ nói **Phật Vô thường**.

Phải nên *y chỉ cúng dường*

Với người đó vậy, nhẫn nhường dưới trên.

Huống bốn bực đầu tiên **Ta** nói

Chẳng *y chỉ* có lỗi vô cùng.

*Y chỉ* nơi *Pháp thí chung*

Tức là *Pháp Tánh* viên đồng **Như Lai**,

**Không y chỉ Tướng** người hình thức.

Tức là hàng **Đại Đức Thanh Văn**.

*Pháp Tánh vô vi* thường hằng,

*Thanh Văn* chấp tướng gọi rằng *hữu vi*.

Nên **Như Lai** tức thì *thường trụ*,

Còn *hữu vi* sanh diệt *Vô thường*.



Này **Ca Diếp** ! Phải am tường !  
 Là người *phá giới* kỷ cương không gìn.  
 Vì danh vọng mưu vinh cầu lợi,  
 Nói **Như Lai** biến đổi *Vô thường*,  
 Không nên đến để tựa nương  
 Với người như vậy chung đường *từ bi*.  
 Trên đã giải rõ thì thật nghĩa:  
 “*Y theo Pháp không Y theo người*”.

- **Y theo nghĩa không Y lời.**

Thế nào ? **Ca Diếp**, Ông thời nghe qua !  
 Nghĩa ở đây gọi là *giác liễu*,  
 Nghĩa *giác liễu* không thiếu sót là  
 Tức nghĩa đầy đủ sâu xa.  
 Thiệt nghĩa *giác liễu* tức là **Như Lai**,  
*Pháp* và *Tăng* cả hai *thường trụ*,  
 Chẳng diệt hoại ví dụ *hư không*,  
 Đó là **Y nghĩa viên thông**.

Còn lời tà vạy chẳng hòng y theo.  
 Tức là các sách nghèo giáo dục,  
 Các bộ luận trau chuốt lời văn.

Như **Phật** cũng từng bảo rằng  
 Có nhiều *Kinh điển* tục trần cầu *tham*,

Không biết nhàm, dối gian đua bợ,  
 Bày đủ cách xoay trở lợi giàu,  
 Làm việc dưới trướng quan cao,  
 Lại nói : **Phật** biết gian lao đói nghèo,  
 Nên cho phép *Tỳ Kheo* thâu chứa  
 Nào tôi trai, tớ gái nhận nuôi,  
 Các vật *bất tịnh* trong đời :  
 Vàng, bạc, châu báu, ngựa, voi, dê, bò,  
 Thâu lúa gạo vào kho vô hạn,  
 Cùng hành nghề buôn bán kiếm lời.  
 Cho rằng cơ cần tùy đời  
**Phật** thương *đệ tử* bớt nơi *giới* phần.  
 Nên cho phép đồ ăn cất giữ  
 Để cách đem dự trữ qua ngày,  
 Tự làm nấu nướng sinh nhai,  
 Bất cần thọ lãnh, mặc ai lo lường.  
 Không y theo lời phưởng tục thế,  
 Những đồn nhảm ngạo chế ác bày.  
 “*Y theo nghĩa Đức Như Lai.*  
*Không theo lời nói lầm sai của người*”.  
 - **Y theo Trí không thời theo Thức**  
 Như thế nào ? Chớ thật giảng bày.

Này **Ca Diếp** ! Hãy nghe đây :

“**Trí**” tức là **Đức Như Lai Phật Đà**.

Hàng *Thanh Văn* chẳng mà rõ biết  
 Những *công đức* Chơn thật **Như Lai**,  
 Do đó nhận “**Thức**” lầm sai  
 Không nên theo vậy, từ nay đoạn lìa.  
 Nếu thấu biết **Phật** là *thường trụ*  
 Là *Pháp thân* không có hoại hư.  
 Đó là *trí huệ* Chơn như.

Phải y theo **Trí** loại trừ **Thức** căn.  
 Nếu thấy **Phật** dụng thân *phương tiện*  
 Vì độ sanh *thị hiện* Ta bà  
 Mà nói **Thế Tôn Phật Đà**  
 Thuộc *âm, giới, nhập* như là *Chúng sanh*.  
 Do thức ăn trưởng thành mau lớn,  
 Nhận xét này “**Thức**” tưởng nghĩ sai.  
 Cũng chẳng theo *ý thức* này  
 Người cùng học đạo nhớ rày việc trên  
 Hãy bác bỏ không nên theo vậy,  
 “*Phải y Trí nhìn thấy rộng xa*”.

Tiếp theo lời dạy **Phật Đà**:  
 - **Y Kinh liễu nghĩa** thật ra thế nào ?

**Bất y kinh** không sâu *liễu nghĩa*

Hàng *Thanh Văn* cần phải nghĩ suy.

*Pháp Tạng* của đấng *Từ Bi*

Thâm mật *vi diệu* khó tri vô cùng

Chưa hiểu hết nên lòng ngỡ vực,

*Pháp* này đây thiết thực hay không ?

Đại dương bao la mênh mông

So lường trí **Phật** chẳng hòng sánh qua.

Chẳng khác nào như là trẻ dại

Nhìn đại dương tuy thấy bao la

Mà không thấu tận sâu xa

Đây chẳng liễu nghĩa gọi là ngu si.

Còn như bậc các vị **Bồ Tát**

Đủ trí huệ *giải thoát thiết chơn*,

Tâm *tự tại* chốn *Vô thường*,

Ví như người lớn biết đường đúng sai.

Nên mới gọi là đây *liễu nghĩa*,

Phải nương theo *y chỉ* người xưa.

Lại cũng như *Thanh Văn thừa*

Là không *liễu nghĩa* vì chưa đủ đầy.

*Pháp Đại Thừa* không hai *vi diệu*

Mới gọi là nghĩa liễu thiết chơn.

Nếu nói **Như Lai Vô thường**  
 Là không *liễu nghĩa*, chỗ nương tựa vào.  
 Còn nếu nói **Như Lai thường trụ**  
 Không biến đổi ví tợ *hư không*  
 Gọi là *liễu nghĩa* viên thông  
 Nên y theo đó huệ lòng thêm tăng.  
 Lời của hàng *Thanh Văn* chứng biết,  
 Chẳng gọi là nghĩa thiệt sâu xa.  
 Lời của **Bồ Tát Ma Ha!**  
 Nên khi chứng biết nghĩa là liễu viên.  
 Nếu nói **Phật** đồng duyên *Ngũ trước*,  
 Nhờ sự ăn mà được trưởng thành.  
 Đó là lời của *Chúng sanh*  
 Thật không *liễu nghĩa* bất lành vọng sai.  
 Nếu nói là **Như Lai thị hiện**  
 Nhập *Pháp Tánh* luân chuyển thế gian,  
 Đấy lời *liễu nghĩa* hoàn toàn  
 Là chỗ nương tựa vững vàng an tâm.  
*Giáo Pháp* của *Thanh Văn* thừa đó,  
 Nếu nương về chẳng có trọn lành.  
 Vì **Phật** muốn độ *Chúng sanh*  
 Lập ra *phương tiện Pháp Thanh Văn* thừa,

Cũng như là ngày xưa *Trưởng giả*  
 Dem *bán tự giáo hóa* con mình  
 Biết con tuổi nhỏ đầu xanh  
 Trí chưa phát triển thông minh nên người.  
 Nay **Ca Diếp** ! Đồng thời chẳng khác.  
*Thanh Văn thừa* như đất mới cày  
 Chưa có bông hột trái đây  
 Gọi chẳng *liễu nghĩa* không sai chút nào.  
 Cho nên chớ nường vào chẳng hạp  
 Phải nường theo *Chánh Pháp Đại thừa*.  
**Phật** muốn tất cả thích ưa  
*Đại Thừa* vận dụng thuyền đưa giác bờ.  
*Phương tiện* lập *Đại Thừa tế độ*  
*Thiệt liễu nghĩa*, nơi chỗ đáng nường.  
 Trên đây giảng giải tận tường  
 Bốn điều *y chỉ* là phương dược mầu  
 Cần *chứng* biết làm giàu *trí tuệ*  
 Thật là chỗ tục thế nường về. (lay)  
 Lại nữa, “Nghĩa” đáng y theo  
 Gọi là *chất trực* , trong veo rạng ngời.  
 Chỗ sáng suốt không thời kém thiếu,  
 Không kém thiếu tức là **Như Lai**.

Sáng suốt, *trí huệ* không hai  
 Cũng là *thường trụ* chẳng thay đổi đời.  
**Như Lai** vốn đời đời *thường trụ*  
 Cũng gọi là y theo “**Pháp**” lành,  
*Pháp* ấy không diệt, không sanh.  
 Gọi là *thường trụ*, tựu thành *vô biên*,  
 Cũng không thể luận bàn suy nghĩ,  
 Chẳng có thể thực thi chấp trì,  
 Không thể trói buộc được thì,  
 Mà cũng có thể chứng tri “*Pháp*” mâu.  
 Nếu như có kẻ nào ngu dại  
 Nói là “*không chứng thấy Pháp*” đây.  
 Thời không y theo kẻ này  
 Là chỗ nguy hiểm, nản tai khổ nghèo.  
 Vì thế nên y theo Chánh “*Pháp*”  
 Mà không y theo *tướng* của người.  
 Nếu có ai chuyên dùng lời  
 Luận điệu tuyên nói sự đời thế gian,  
 Nào *Vô thường*, sầu than, khổ lụy.  
 Không nên theo y *chỉ* lời này.  
 Y theo thật “**Nghĩa**” **Như Lai**  
 Không theo “*Lời*” nói người đây tục trần.

Còn nhận biết **Thánh Tăng** thường trụ,  
 Là Vô vi không biến đổi thay,  
 Chẳng có *tham dục* đắm say  
*Tám vật bất tịnh* trần ai cất gìn.  
 Đây gọi là y minh “Trí” sáng.  
 Không y theo “Thức” cảm xúc tình  
 Nếu có người giải thuyết trình:  
**Thức** làm, **Thức** thọ, **Thức** nhìn biệt phân,  
 Nên không có **Chúng Tăng hòa hiệp**.  
 Tại vì sao ? Xin tiếp giải bày:  
 Luận về *hòa hiệp* ở đây  
 Là **Vô sở hữu** không ai có gì.  
 Vô sở hữu chẳng chi lãnh thụ  
 Sao gọi là *thường trụ* được ư ?  
 Đây là tình thức loài người  
 Không y theo đó sớm rời cách xa.  
 Còn *liễu nghĩa* gọi là **tri túc**  
 Trọn không nên đối biện chính mình.  
**Oai nghi** thanh bạch *quang minh*,  
 Lòng không **kiêu mạn**, tự khinh ngạo đời,  
 Chẳng *tham* cầu của người thâu nạp  
 Và đối với *giáo Pháp tùy nghi*



*Phương tiện của đấng Từ Bi*

Không lòng *chấp trước*, chẳng gì nghi nan.

Nếu vị nào mà an trụ được

Trong những điều sơ lược kể trên,

Phải biết người ấy liễu viên

Nơi **đệ nhất nghĩa** vô biên khôn lường.

Như trong Kinh **Phật** thường chỉ dạy:

“*Tất cả đều phùng cháy rụi tàn,*

*Tất cả đều khổ sâu than,*

*Tất cả không có thể gian Ta bà,*

*Và tất cả đều là vô ngã”*

Những điều trên *liễu nghĩa* là sai.

Tại vì sao ? **Ta** giải bày :

Vì không hiểu rõ nghĩa này rộng sâu

Hay làm cho Chúng sanh *đọa lạc*

Vào *A tỳ địa ngục* điêu linh.

Do vì *chấp trước* vọng sinh

Nên không hiểu rõ ý Kinh nghĩa bày.

Như với câu sau đây **Phật** nói:

“*Tất cả đều phùng cháy*” rụi tàn,

Cho rằng **Phật** nói **Niết Bàn**

Cũng là phùng cháy thế gian chung đường.

Tất cả đều *vô thường* biến đổi,  
 Thời **Niết Bàn** cũng gọi *vô thường*.  
*Khổ, không*, ai chịu đau thương,  
 Nếu là *vô ngã* chẳng vương bận lòng.  
 Đây gọi là *Kinh không liễu nghĩa*  
 Chẳng y theo nên nhớ xa rời.  
 Nay **Ca Diếp** ! Nếu có người.  
 Nói **Phật** thương xót cõi đời khổ nguy  
 Thường khéo biết thời nguy muôn loại,  
 Nên có lúc **Phật** dạy *Pháp* tuyên:  
 Nói nhẹ là nặng *thật quyền*,  
 Nói nặng là nhẹ *tùy duyên* giác đời.  
**Như Lai** xét biết thời *đệ tử*  
 Nhờ các nhà *thí chủ* giàu sang  
 Cung cấp đồ dùng *cúng dường*  
 Không thiếu gì hết cho hàng *Chư Tăng*,  
 Nên **Phật** đây cấm răn nhận chứa  
 Nay tôi tớ, của báu bạc, vàng,  
 Không cho buôn bán cửa hàng  
 Những vật *bất tịnh* đổi sang kiếm lời.  
 Nếu có khi không người cung cấp  
 Hoặc thời kì mà gặp thiên tai

Mất mùa thiếu hụt sinh nhai  
 Nhân dân đồ thán ít ai *cúng dường*.  
 Vì hộ trì hoàng dương *Chánh Pháp*  
 Nên **Phật** cho thâu nạp bạc, vàng,  
 Xe cộ, nhà cửa, ruộng vườn ...  
 Để mà đổi lấy khô lương đồ dùng.  
 Dầu nhận chứa nói chung các thứ,  
 Nhưng trái tâm *tịnh thí* sạch trong  
 Cho nhà *đàn việt* thật lòng  
 Tin sâu *Chánh Pháp* gieo trồng thiện duyên.  
 Bốn *Pháp* trên y nguyên chơn thật  
 Nếu có các *Kinh, Luật, Luận* nào  
 Chẳng trái bốn *Pháp* truyền trao  
 Nên y theo đó. Sớm mau thực hành.  
 Nếu có người bảo rằng **Phật** dạy:  
 Phải thời *nghi*, không phải thời *nghi*,  
 Có phải *Chánh Pháp* hộ trì,  
 Hay không phải *Hộ Pháp* thì tùy theo,  
**Phật** cho phép *Tỳ Kheo* nhận chứa  
 Vật *bất tịnh* châu báu bạc vàng ...  
 Đây là những lời hổ mang  
 Không nên y *chỉ* theo hàng giả *Tăng*.

Nếu có *kinh luận* nào bày biện  
 Đồng với thuyết vừa diễn tả trên.  
 Hãy nhớ y theo không nên  
 Bởi chẳng thiệt nghĩa liễu viên đúng lời.  
**Như Lai** vì mắt người *nhục nhãn*  
 Thuyết bốn điều phải rón y hành,  
 Không phải nói bực Đạo thành  
*Chứng đắc huệ nhãn* trí lành mở khai.  
 Thế nên nay **Như Lai Pháp thí**  
 Dem bốn điều y *chỉ* tuyên bày:  
 Y “*Pháp*” là *Pháp tánh* đây.  
 Y “*Nghĩa*” *thường trụ Như Lai Niết Bàn*.  
 Y theo “*Trí*” mở mang rõ biết  
 Các *Chúng sanh* vốn thiệt khác nào  
 Đều có **Phật Tánh** như nhau.  
 “*Liễu Nghĩa*” là thấu lâu lâu chẳng sai.  
 Tất cả *Kinh Đại Thừa Phương Đẳng*  
 Là rốt ráo *thù thắng* không hai. (lạy)

• **Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)**



**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM “TÀ CHÁNH”**

**Thứ Chín**



# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



## PHẨM “TÀ CHÁNH” (Thứ Chín)

**B**ấy giờ, ngài **Ca Diếp Bồ Tát** !

“**Bạch Thế Tôn**” ban phát *Pháp* lành

Cho nhơn loài lẫn *Chúng sanh*

Những điều *giáo hóa* thực hành đừng quên.

Bốn hạng người như trên đã dạy

Cần *y chỉ* có phải hay chẳng?”

**Đức Phật** ôn tồn dạy rằng:

“**Chính thế** ! Phải nhớ ân cần hồi ông!

Nên y theo một lòng kính cẩn

Lời **Như Lai** không đặng trái sai.

Sao lại tin **bốn bực** này

Là chỗ nương tựa muôn loài hậu lai ?

Vì bởi rằng sau này xuất hiện.

*Bốn thứ ma* tinh luyện hại đời” .

**Ca Diếp Bồ Tát** thưa thời:

“Bạch **Phật**! Đã dạy bao lời thiết tha.  
 Sẽ có *bốn thứ ma* xuất hiện  
 Làm hại người xao xuyên lao đao.  
 Nay con biết làm cách nào.  
 Để mà *phân biệt* vàng thau, chánh tà,  
 Lời của **Phật**, lời *ma* sai đúng  
 Bởi cũng có những *Chúng sanh* đây  
 Chạy theo hạnh *ma* đông vầy,  
 Nhiều người tin **Phật** ít ai thật lòng.  
 Phải làm sao khởi trong gạn đục  
 Rành hai hạng: Tội, phúc ; **Phật**, ma ?”

**Phật** dạy:

Hỡi này, **Ca Diếp** nghe qua !  
 Sau khi **Phật** đã rời xa *Ta bà*.  
 Bảy trăm năm sau, **Ta diệt độ**  
**Ma Ba-Tuần** làm khổ *Chúng sanh*  
 Ngăn trở những bậc *tu hành*  
 Và làm hư hại *Pháp* lành Chánh chân.  
 Ví cũng như thợ săn bắt thú  
 Mặc *Pháp y* dễ dụ con mồi,  
 Cũng vậy, *ma vương* hiện đời  
 Giả hình đủ hạng ... giống thời *Tỳ kheo*,



Tỳ kheo ni hay là *Cư sĩ*,  
 Hoặc hóa làm thân **Tu Đà Hoàn**,  
**Tư Đà Hàm**, **A Na Hàm**,  
 Hoặc **A La Hán** xuất phàm *Thánh nhân*  
 Và có thể hóa thân **Bồ Tát**  
 Hoặc là hình **Chư Phật** như in.  
*Ma vương* tài phép rất linh  
 Dem thân *hữu lậu* chính mình hóa ra  
 Thân *vô lậu* cốt mà phá hại  
*Chánh Pháp Phật* giáo dạy dương trần,  
 Nó tà biện sẽ nói rằng  
 Xưa kia **Bồ Tát** bỏ thân *tu hành*  
*Trời Đâu Suất* chết, sanh hạ giới  
 Nơi cung vua **Bạch Tịnh Ma Da**  
**Ca Tỳ La Vệ** gấm hoa  
 Nương sự *ái dục* mẹ cha trưởng thành.  
 Không có người nào sanh cõi *trước*  
 Trong thế gian mà được tôn vinh  
 Trời, người hay cả *Chúng sinh*  
 Làm gì ứng nguyện kính tin phụng thờ.  
 Và lại nói xưa nhờ *khổ hạnh*  
 Thường *bố thí* đầu, mắt, tay, chân...

Vợ, con nếu ai thiết cần  
 Đều đem cho hết, bản thân chẳng màng.  
 Nào Quốc thành, cung vàng điện ngọc  
 Nay mới đặt thành **Phật Như Lai**.  
 Vì thế mới được hơn loài  
**Chư Thiên** cung kính thường hay lễ cầu.  
 Nếu có *kinh luật* nào nói vậy,  
 Phải biết là lời đày của *ma*.  
 Nay **Ca Diếp** ! Sự chánh, tà !  
 Ông nên suy xét nhận ra thấy liền.  
 Nếu *kinh luật* nào tuyên nói **Phật**  
 Thành *Chánh Đẳng Chánh Giác* từ lâu,  
 Vì *nguyện độ* Chúng khổ sâu  
*Thị hiện* thành **Phật**, *Pháp* mầu rải ban,  
 Và *tùy thuận* thế gian phàm tục  
 Cũng hiện thân dưỡng dục mẹ cha,  
 Từ nơi *hòa hiệp* sanh ra.  
 Phải biết *kinh luật* này là không sai,  
 Vốn của **Đức Như Lai** giảng thuyết  
*Chánh pháp* truyền chơn, thiệt sâu xa.  
 Nếu ai tin theo pháp tà  
 Thời là *quyến thuộc* của *Ma Ba Tuần*.

Bằng người nào *ngộ* chân lý **Phật**  
 Người đó là **Bồ Tát Ma Ha**.  
 Nếu có chỗ nào đồn ra  
 Không tin rằng lúc **Phật Đà** mới sanh,  
 Cả bốn phương thân hành bảy bước  
 Đó là lời xác xược của *ma*.  
 Ai thuận theo lời vạy tà  
 Thời là *quyến thuộc* **Thiên Ma Ba-Tuần**.  
 Nếu nói lúc lâm trần giáng hạ  
 Cõi *Ta bà* **Phật** hóa thị uy,  
 Bốn phương đều bảy bước đi  
 Đó là mách bảo **Từ Bi** độ đời,  
 Phải nên biết chính lời **Phật** thuyết.  
 Nếu người nào chơn thiết tín nguyên,  
*Tùy thuận* lời **Phật** dạy khuyên,  
 Là bậc **Bồ Tát Thánh Hiền** đức cao.  
 Nếu như có chỗ nào thuyết diễn,  
 Khi **Bồ Tát** *thị hiện* giáng sanh  
 Phụ vương nhã ý tâm thành  
 Dem vào Thái Miếu phước lành cầu xin.  
*Chư thiên* thấy giựt mình cúi lạy,  
**Đại Phạm Thiên, Đại Tự Tại Thiên,**

**Đế Thích Đề Hoàn ...** ngạc nhiên

**Bồ Tát** nay đã lâm miền trần gian.

Đều chấp tay lễ chân **Bồ Tát**.

Đây là lời của **Đức Như Lai!**

Người nào thuận theo lời này

Là bậc **Bồ Tát** tương lai **Phật** thành.

Nếu như có *Chúng sanh* gạn nói:

Trời sanh trước, **Phật** mới sanh sau,

*Chư Thiên* không thể lẽ nào

Lễ kính **Đức Phật**, chuyện đâu ai bày?

Phải biết lời gạn này chẳng đúng

Đó là lời của *Chúng ma vương*.

Nếu chỗ nào giảng nói thường

Lúc làm thái tử, vấn vương dục trần,

Nên **Bồ Tát** cầu thân cưới vợ

Hưởng khoái lạc nường ở cung vàng

Phải biết lời trên hoàn toàn

Của *Chúng ma* phá hại đàng *Từ Bi*

Người thuận theo tức thì *quyến thuộc*

Của *ma vương* trói buộc đời đời.

Nếu nói là : Từ lâu rồi,

**Bồ Tát** đã bỏ vị ngôi Vương triều.

Tâm trong sạch đoạn lìa **Sắc dục**,  
 Bận bịu chi thẳng thúc thê nhi,  
 Cho đến sự vui diệu kỳ  
 Cõi trời *thù thắng* chẳng gì đắm say,  
 Như hỉ đờm ra ngoài lỗ mũi,  
 Huống sự vui ở cõi đời này.  
**Bồ Tát** phủi sạch trần ai  
 Cạo bỏ râu tóc thân này *xuất gia*.  
 Đấy lời của **Phật Đà** giảng thuyết,  
 Người thuận theo, **Bồ Tát** Chánh nhân.  
 Nếu có chỗ nào nói rằng:  
 Xưa **Phật** thường đến nghĩ chân **Kỳ Hoàn**  
 Là **Tịnh Xá** thuộc *thành Xá Vệ*  
 Vì thương xót đệ tử ban ân  
 Nên **Phật** cho phép *Chư Tăng*  
 Nhận nuôi tôi tớ, thức ăn đồ dùng,  
 Nào gia súc nói chung lúa gạo,  
 Chứa bạc vàng, châu báu ngọc ngà,  
 Cho qua lại các thương gia,  
 Gieo trồng thủy sản hoặc là trái bông..  
 Lời *ma vương* đầy lòng ác ý  
 Phá *giới luật*, lại hủy *Pháp, Tăng*.

Ai thuận theo tin chắc rằng  
 Đây là thuộc hạ, quyến thân *Ba Tuần*.  
 Nếu nói là, tại *Thành Xá Vệ*,  
 Nơi *Tịnh Xá Kỳ Hoàn Viên* này,  
 Trước vua **Ba Tư Nặc** đây  
 Và **Cổ Chi Đức** dòng *Bà La Môn*,  
 Trong đại hội, **Thế Tôn** cấm hẳn  
 Các *Tỳ Kheo* không đặng chứa nuôi  
 Và làm các điều trên thời.  
 Người nào phạm tội, rời nơi *Tăng Già*,  
 Cho *hoàn tục* hồi gia trở lại,  
 “Cỏ trong lúa cần phải nhổ ngay”.

Đây là *Kinh Luật Như Lai*  
 Người thuận theo **Phật** có ngày thành công.  
 Là **Bồ Tát** hiện trong cõi thế  
*Đắc trí tuệ bản thể Chơn như*.  
 Nếu nói là : **Phật Đại từ** !  
 Thái tử *thị hiện* vào nơi miếu trời  
 Ở trong *Pháp* của thời *ngoại đạo*  
 Mà *xuất gia* khoác áo *Cà sa*  
*Tu hành* thành đấng **Phật Đà**  
 Thật là *hy hữu* *Ta bà Thế Tôn* !

Khéo hiểu biết các môn kỹ nghệ,  
**Tứ oai nghi** tiết lễ, văn chương  
 Làm bực tôn quý Hoàng vương  
 Đứng đầu giai cấp hiện đương bây giờ,  
 Dầu vậy, chẳng có lòng ái luyến  
 Như hoa sen không nhiễm bùn nhơ.  
 Vì độ *Chúng sanh* muôn loài  
**Bồ Tát** *thị hiện* không ngoài thế gian.  
 Những lời trên hoàn toàn của **Phật**  
 Người thuận theo **Bồ Tát** hiện nay.  
 Nếu nói trái lại lời này  
 Là hàng *quyến thuộc* của loài *ma vương*.  
 Nếu có người thường thường cố *chấp*  
*Chín bộ Kinh, Luật, Luận Tiểu Thừa*  
 Mà không tin chịu thích ưa  
*Kinh Điển Phương Đẳng Đại Thừa* sâu xa,  
 Cho rằng đây vốn là không phải  
 Của **Đức Phật** giáo dạy *Chúng sinh*,  
 Trong đường tu học của mình  
 Không có nói đến Chơn Kinh như vậy.  
 Phải biết là người này có tội,  
 Cũng không phải *đệ tử* của **Ta**.

Nếu có người đặng nghe qua  
 Đại Thừa Phương Đẳng thật là kính tin  
 Rằng : **Phật** vì *Chúng sinh* thuyết độ,  
 Kinh Đại Thừa cứu khổ mọi loài.  
 Lời nói này thật lành thay!  
 Chính là *đệ tử Như Lai* lâu đời.  
 Nếu có chỗ nói lời sai trật.  
**Đức Như Lai** chưa thật đủ đầy,  
 Kết quả *công đức* chẳng dày,  
 Là chỗ *Sanh diệt* đổi thay *Vô thường*,  
 Do *chứng ngộ Pháp Không* tuyên thuyết  
 Lý *Vô ngã* chẳng thuận thế gian.  
 Đây là lời của *ma* loạn  
 Người tin theo đó, họ hàng *Thiên ma*.  
 Nếu nói rằng: **Phật** là *Chánh Giác*  
 Bậc *Vô Thượng giải thoát* hoàn toàn.  
 Kết quả *công đức* vô vàn,  
**Như Lai** thường trụ, nghĩ bàn được đâu.  
 Đây là lời cao sâu của **Phật**,  
 Ai thuận theo tin thật lời này.  
 Là bậc **Bồ Tát** huệ khai,  
 Quả vị *Chánh Giác* tương lai đạo thành.



Nếu có ai *tu hành* không thật,  
 Khoác *Cà sa* bịa đặt **Thánh Tăng**.  
 Chỗ không được, lại dối rằng  
 Hiện tướng đã được, nói năng hơn người,  
**Ba La Di** tội thời chồng chất,  
*Pháp* làm người đánh mất từ nay,  
 Như viên đá bể làm hai  
 Không còn liền lại được ngay bao giờ.  
 Nếu như có *Tỳ kheo* giới đức,  
 Tâm **thanh tịnh** hết sức sạch trong,  
 Ít muốn, biết đủ với lòng,  
 Ở nơi vắng vẻ thong dong *tu hành*.  
 Bỗng một hôm Vua lành du ngoạn,  
 Gặp *Tỳ Kheo* hình dạng khác thường,  
 Độc hành **khất thực** bốn phương  
 Bánh, cơm **bố thí** bên đường đi qua.  
 Vua cho là bực **A La Hán**,  
 Liền chấp tay **tán thán** khen thay!  
**Đại Sư** khi bỏ thân này  
**Chứng quả Vô Thượng Như Lai** trên đời.  
 Vị *Tỳ Kheo* nghe lời khen tặng  
 Vội đĩnh chính nào đặng vậy đâu.

Là mình chưa đắc Đạo mầu,  
*Quả A La Hán* còn lâu mới thành.  
 Lời đức Vua khen dành cao quý,  
 Chớ nhận lầm khổ lụy *Tăng* sinh.  
 Nhà vua vẫn cố kính tin  
 Loan truyền trong nước dân mình từ nay.  
 Phải *cúng dường* vị này hết mực,  
 Thiệt *Tỳ Kheo* giới đức sạch trong,  
 Làm chỗ mọi người vun trồng  
*Thiện căn* thêm lớn, *phước* hồng thêm cao.  
*Tỳ Kheo* này có nào phạm giới  
*Ba La Di* định tội là sai.  
 Vì tự mọi người ở đây  
 Sanh lòng cung kính bằng nay *cúng dường*.  
 Nếu nói *Tỳ Kheo* này mắc tội,  
 Phải biết là lời nói *ma vương*.  
 Lại có *Tỳ Kheo* hay thường  
 Giảng tuyên giáo điển rộng đường độ sanh,  
*Kinh Đại Thừa* phân rành nghĩa lý  
 Của **Chư Phật** truyền chỉ lâu xa  
 “Tất cả *Chúng sanh Ta bà*  
 Đều có **Phật tánh** như **Ta** khác nào.

Vì **Phật tánh** tối cao *Vô thượng*  
 Sẽ dứt trừ *vô lượng* não phiền  
 Thành bực *Chánh Đẳng Giác viên*  
 Trừ hạng là *Nhứt xiển đề* đó ra”.

Nếu như người hỏi qua *đạo hạnh*.  
 “Nhà Thầy có **Phật tánh** ư chăng?  
 Sẽ được làm **Phật** độ dân,  
 Mong Thầy thành thật cặn phân trả lời.  
 Tỳ Kheo đáp: Chính tôi *quyết định*  
 Có **Phật tánh** trong chính tôi đây.  
 Còn làm **Phật** việc sau này,  
 Tôi chưa thẩm định tương lai trả lời !  
 Người kia nói : Hay thời *Đại Đức*  
 Không phải là hạng *Nhứt Xiển đề*  
 Tất được *quả vị Bồ Đề*  
 Thành **Phật** chắc chắn không hề hoài nghi.  
 Tỳ kheo đáp : Vâng! Thì đúng vậy.  
 Như lời người nói phải không sai”.

Mặc dầu vị Tỳ Kheo này  
*Quyết định Phật tánh* có ngay chính mình  
 Mà vẫn không cố tình phạm tội.  
 Đây đúng là lời nói **Như Lai**.

Lại có vị *Tỳ Kheo* đây!  
 Vì **ngộ** sanh tử cõi này *xuất gia*  
 Tự nghĩ rằng : Nay ta *quyết định*  
*Nguyện* tu hành Chơn chính không thay,  
 Thành bực *Vô Thượng Như Lai*  
**Chánh Đẳng Chánh Giác** một mai độ đời.  
*Tỳ Kheo* này dầu chưa thành **Phật**,  
 Nhưng đã đặng *phước đức* vô biên.  
 Vì xưa kia, phát *Đại nguyện*  
**Tám mươi ức kiếp** thiện duyên gieo trồng,  
 Thường giữ *giới* sạch trong tinh khiết,  
 Tâm ít muốn, lòng biết đủ vừa,  
 Khéo tu *Chánh Pháp Đại Thừa*  
 Của **Chư Phật Tổ** ngàn xưa lưu truyền,  
 Thuở ấy, **Ta** cũng nguyện *quyết định*  
 Rằng mình có **Phật tánh** không sai,  
 Nhờ đó cho đến hôm nay  
**Ta** được thành **Phật**, đủ oai đức từ.  
 Những điều trên là lời **Phật** thuyết  
 Ai thuận theo chơn thiệt tín nguyện,  
 Là bực **Bồ Tát** hiện tiền  
 Còn ai không thuận tức liền theo *ma*.

Ma lại bảo rằng là : Không có  
**Bốn tội trọng** xin chớ hoang mang,  
 Và Mười ba tội **Tăng tàng**,  
 Hai tội **bất định** buộc ràng người tu,  
 Ba mươi tội gọi là **Xả đọa**,  
 Chín mươi tội **đọa** khổ vô cùng,  
 Bốn **Pháp** phải **Sám hối** chung,  
 Các **Pháp** gắng học tinh thông lâu lâu  
**Bảy** điều nhớ hãy mau **diệt tránh**,  
 Nhẫn đến không có **hạnh** nghịch, thô,  
**Nhứt Xiển Đề** tội mơ hồ,  
 Làm gì có chuyện bày phô luật này.  
 Nếu như ai phạm vào các tội  
 Đã kể trên phải chịu **đọa sa**.  
 Thời hàng **ngoại đạo** lẽ ra  
 Tất cả đều đặng sanh qua nước trời,  
 Vì **ngoại đạo** không người **thọ giới**,  
 Tất không có **giới** gì phạm đây.  
 Đó là luật của **Như Lai**  
 Vì muốn **khủng bố** nhơn loài **Chúng sanh**.  
 Nên chế tác lập thành **giới hạnh**,  
 Sợ người nay bỏ chánh, theo tà.

Dầu **Như Lai** có nói là  
 Người phạm tội **Đột Kiết La**, thế nào.  
 Cũng phải bị *đọa* vào *địa ngục*  
 Cho mãi đến tám trăm muôn niên  
 Như cõi Trời **Đạo Lợi Thiên**  
 Mới là mãn tội nơi miền **Diêm La**,  
 Việc trên đó cũng là *thị hiện*  
 Để *khủng bố* người thiện, kẻ tà.  
*Ba La Di ... Đột Kiết La*  
 Tội nặng, tội nhẹ đều là không sai.  
 Đây là sự biện bày *nguy* tạo  
 Của các nhà *ngoại đạo luận sư*  
 Nói là lời của **Phật Từ**  
 Chế ra ngăn cản sợ người theo *ma*.  
 Kỳ thiệt không phải là **Phật** chế  
**Giới luật** đâu như thế lầm sai  
 Tất cả những lời trên đây  
 Là từ điển của các loài *tà ma*.  
 Có chỗ nói rằng là : **Phật** dạy !  
 Ở trong các điều *giới* cấm răn,  
 Nếu phạm một *giới* nhỏ chẳng  
 Ất bị khổ báo thời gian lâu dài

Nếu nhận thức thường ngày như vậy,  
 Tự thân gìn *giới luật* khó gì  
 Như rùa giấu kín sáu chi  
 Không bao giờ sợ trước thì sói lang.  
 Nếu như có người bàn luận nói  
 Hay *luận sư* tài giỏi bảo rằng:  
 “Phàm chỗ phạm *giới* cấm răn  
 Đều không *tội báo*, chẳng *nhân quả* bày”.  
 Hãy xa lánh, những ai gần gũi  
*Luận Sư* này mang tội vào thân.  
**Chư Phật** đã từng dạy rằng:

*Nếu nói quá một Pháp*  
*Đây gọi là vọng ngữ,*  
*Chẳng nhận thấy đời sau*  
*Không ác nào chẳng tạo.*

Do đây, chẳng có nên thân cận  
 Với những người phủ nhận *quả, nhân*.  
 Trong *Chánh pháp* luật giới răn  
 Của **Phật** trong sạch như trăng sáng ngời,  
 Huống hồ nói có người phạm tội  
*Du Lan Giá* hoặc phạm *Tăng tàng*,

*Ba La Di* thật rõ ràng  
 Mà chẳng phải tội hoàn toàn được ư!  
 Thế nên, ngay bây chừ gìn giữ  
 Những *giới pháp* y cứ sạch trong.  
 Bằng không giữ *giới* trọn lòng  
 Tức là phải chịu mắc vòng khổ lao.  
 Đời phạm luật vương vào tù tội,  
 Đạo lỗi lầm *Sám hối* tự thân,  
 Nếu không có *Pháp* gì chẳng  
 Sao gọi cấm *giới* ? Sửa răn trị người.  
 Trong các *Kinh*, **Phật** thời cũng nói  
 Nếu người đây phạm lỗi điều gì,  
 Như bốn tội *Ba La Di*  
 Cho đến phạm tội nhỏ thì như sau:  
*Đột Kiết La* phải mau *Sám hối*  
 Hoặc *y luật* trị tội tức thời.  
 Nếu *Chúng sanh* trong cõi đời  
 Chẳng trì cấm *giới* còn người *mê si*,  
 Làm sao thấy được thì **Phật tánh**  
 Để thoát ra khỏi cảnh *Vô minh*. (lay)

Dầu cho tất cả *Chúng sanh*  
 Đều có **Phật tánh** sẵn dành từ lâu,



Nhưng vì bởi đào sâu **nghiệp chướng**,  
 Bao tội lỗi **tâm tưởng** tạo ra,  
 Nổi chìm trong bể **ái hà**,  
 Xuống lên Sáu nẻo **Ta bà** trầm luân.  
 Mây **Vô minh** che dần **Phật tánh**  
 Nên nhiều đời chịu cảnh **đọa** đày.  
 Muốn chóng ra, **trì giới** ngay  
 Không lâu **Phật tánh** lộ bày hiển nhiên.  
 Lại thành tựu **phước điền** vô lượng  
 Quả **Chánh Giác** tối thượng viên minh.  
 Tuy rằng trong **Chín Bộ Kinh**  
**Phật** không nói đến **Chúng sinh** bốn loài  
 Có **Phật tánh Như Lai** đồng nhất.  
**Kinh Đại Thừa** nghĩa thật đủ đầy.  
 Mặc dầu không nói, nhưng đây  
 Tin có **Phật tánh** trong loài **Chúng sanh**.  
 Người nói đó thật hành **Chánh ngữ**  
 Xứng đáng là **đệ tử Như Lai**.  
**Ca Diếp Bồ Tát** chấp tay!  
 Bạch cùng **Đức Phật**: Hỏi ngay điều này!  
 Con vừa nghe **Như Lai** chỉ dạy  
 Rằng : **Chúng sanh** bốn loại đều là

Có **Phật tánh** cũng như **Ta**  
 Lời dạy như vậy có là khác sai ?  
 Trong *Chín Bộ Kinh* đây xét lại  
 Chưa từng nghe **Phật** dạy điều này.  
 Như người nói có, là sai  
 Sao lại không phạm *giới* này cố chi?  
**Đức Thế Tôn !** *Từ bi* thương Chúng.  
 Nên dạy rằng : **Ca Diếp** nghe đây!  
 Người đó nói có là sai  
 Thiệt chẳng phạm tội *Ba La Di* này.  
 Như có người thường hay luận biện  
 Nói ở trong đáy biển thật sâu  
 Chỉ có bảy thứ báu châu  
 Chẳng còn có loại báu nào nữa đâu.  
 Do không biết lường sâu mọi việc  
 Nên người đó chẳng thiệt lỗi tình.  
 Cũng vậy, trong *Chín Bộ Kinh*  
**Phật** không hề nói *Chúng sinh* bốn loài  
 Có **Phật tánh** như đây **Chư Phật**,  
 Người nói không, sự thật đúng thôi.  
 Do đó nào lỗi của người  
 Chưa thấy **Phật tánh** nói thời là không.

Vì **Như Lai** ở trong biển lớn  
 Đắc *trí huệ* vô lượng *Đại thừa*  
 Nói có **Phật tánh** từ xưa  
*Chúng sanh* mê muội nên chưa lẫm tường.  
 Hàng **nhị thừa** không lường thấy biết  
 Nói là không, chẳng thiệt lỗi gì.  
**Cảnh giới** mầu nhiệm *vô vi*  
 Là chỗ *chứng đắc* của thì **Như Lai**,  
 Chẳng phải hàng *Thanh Văn, Duyên Giác*  
 Mà thấy biết chứng đạt đặng đâu.  
 Nay **Ca Diếp** ! Đạo nhiệm mầu!  
 Người không nghe *Pháp* cao sâu diệu huyền.  
 Của **Như Lai** liễu viên từ trước  
 Thời làm sao biết được chứng minh  
 Có **Phật tánh** trong *Chúng sinh*  
 Và chưa *quyết định* chính mình có, không.  
 Những *Pháp* gì chứa trong bí mật  
 Mà xưa nay **Chư Phật** thích ưa  
 Chính là *Kinh điển Đại Thừa*.  
 Làm thuyền **Bát Nhã** rước đưa muôn loài.  
 Nay **Ca Diếp** ! Ông nay nghe rõ  
 Có các nhà *ngoại đạo* luận rằng:

Hoặc nói *Ngã* là *thường hằng*,  
 Hoặc là nói *Ngã* diệt dần hoại hư.  
**Thế Tôn** chẳng nói như *ngoại pháp*  
 Nói có *Ngã*; *Thường trụ Niết Bàn*.  
 Nói không *Ngã*; chỉ hợp tan,  
 Đây là *trung đạo* con đường phải đi.  
 Nếu có người cho thì **Đức Phật**  
 Nói *trung đạo* sự thật không sai.  
 Tất cả *Chúng sanh* bốn loài  
 Đều có **Phật tánh Như Lai** vẫn đồng,  
 Vì *phiền não* che trong *tâm hạnh*,  
 Nên không thấy **Phật tánh** *thường hằng*,  
 Vì thế, ta phải siêng năng  
*Tu tập* để sớm dứt lần muội mê.  
 Ai nói được những lời như vậy,  
 Thời là không phạm phải lỗi gì.  
 Bốn tội trọng *Ba La Di*  
 Bằng không nói được tức thì tội mang.  
 Nếu có người thế gian nói khoác  
 Rằng: “Tôi đã thành **Phật Như Lai**,  
 Vì tôi có **Phật tánh** đây”  
 Người nói lời đó quả nay lỗi nghi

Phạm tội *Ba La Di* nghiêm trọng  
 Chịu khổ lao trong chốn *đọa* đầy.

Mặc dầu có **Phật tánh** đây,  
 Nhưng chưa kết quả triển khai *Pháp* lành,  
 Nên chẳng thấy rõ ràng **Phật tánh**  
 Thì làm sao thành **Phật** được chẳng?

Này **Ca Diếp** ! Ông biết rằng :  
 Những nghĩa trên đó người trần khó tri.  
 Chỗ **Phật Pháp** vô vi sâu rộng  
 Không mé ngàn trống rỗng bao la.

**Ca Diếp** ! Bạch Đức **Phật Đà**!

Có vị Vua nọ hỏi là như sau:

Làm gì biết *Tỳ Kheo* mắc phải  
*Đại vọng ngữ* ? **Phật** thấy giải bày.

**Phật** dạy : **Ca Diếp** nghe đây!

**Ta** vì ông hỏi giảng khai pháp mầu.

Nếu có *Tỳ Kheo* cầu danh vọng,  
 Vì uống ăn sự sống riêng mình.

Chẳng màng sĩ diện nhục, vinh,  
*Giới* răn không giữ, mặc tình buông lung  
 Làm những cách vô cùng hèn hạ,  
 Nào dua nịnh, dối trá, ngụy trang,

Che mắt người đời thế gian  
 Ta là *khất sĩ* thuộc hàng Chơn tu,  
 Để có đặng danh thu lợi lớn,  
 Tỳ Kheo này **vọng tưởng** ngu si,  
 Giáo Pháp của đấng Từ Bi  
 Học qua trưng dụng đặng đi gạt đời,  
 Tự biết mình là người chưa chứng  
*Bốn quả Thánh*, dối nhận đã thành,  
 Gạt lường kẻ có tâm lành  
 Mới vào đường đạo tập tành *giới trai*.  
 Trong lòng luôn đêm ngày suy nghĩ  
 Giả dạng sao đúng vị *Thánh nhân*,  
 Đứng đi như bực thoát trần,  
 Nằm ngồi sửa tướng tập dần *oai nghi*,  
 Phải đoan nghiêm, chấp trì y bát,  
 Ở riêng nơi gió mát trăng thanh,  
 Như **A La Hán** quả thành  
 Người thấy đều bảo *hạnh* lành ít khi :  
 Tỳ Kheo này hành y theo **Phật**  
 Thiệt xứng danh đáng bậc **Đầu đà**  
 Tu pháp **tịch diệt** sâu xa.  
 Thâu tóm *đệ tử* khắp mà bốn phương,

Cũng sẽ được *cúng dường* hậu hĩnh  
 Hàng phụ nữ cung kính ngợi khen.  
 Nếu có *Tỳ Kheo* thấp hèn  
 Làm những sự việc trái bèn đường *tu*,  
 Trước gây tội mất đi phẩm hạnh  
 “*Đại vọng ngữ*, thọ lãnh về sau”  
 Lại như có *Tỳ Kheo* nào!  
 Vì muốn *kiến lập* nâng cao *Pháp* lành.  
 Nên ở nơi rừng xanh núi thẳm,  
 Tránh phồn hoa sợ đắm dục tình,  
 Tự tâm quán xét chính mình,  
 Quả **A La Hán** chứng minh chưa thành.  
 Nhưng vì muốn *Chúng sanh* tin tưởng,  
**A La Hán** thần tượng đáng theo,  
 Nghĩ như vậy vị *Tỳ Kheo*  
 Đêm ngày cố gắng *giác* treo gương lành,  
*Tu các Pháp kinh hành, thiên định ...*  
 Không lâu sau bá tính nường về,  
 Từ đó khai *ngộ*, trừ *mê*,  
 Những người *phá giới* nguyện thể *quy y*.  
 Do đây mà duy trì *Chánh Pháp*,  
 Đặng *kiến lập* phù hạp nhơn gian,

Làm rạng rỡ ánh đạo vàng  
 Đại Thừa Phương Đẳng ngày càng triển khai  
**Độ thoát** số muôn loài vô hạn,  
 Khéo hiểu biết *Pháp Tạng Như Lai*.  
 Tỳ Kheo này lại tuyên bày:  
 Nay ta cũng có **Như Lai bốn nguyên**  
 Là **Phật tánh** không riêng ai cả  
 Khắp *Chúng sanh* thượng, hạ không phân ?  
 Nay ta đây *quyết định* rằng:  
 Đặng thành **Phật Đạo** tối năng **Đại thiên**  
 Trừ dứt sạch vô biên *phiền não*,  
 Mọi thức **phước** tự tháo thoát ra.  
 Vì vậy, các người tại gia  
 Đều có **Phật tánh** như ta khác nào.  
 Sớm thức tỉnh cùng nhau *tu tập*,  
 An trụ nơi vô lượng **Như Lai**.  
 Nguyên thành *Chánh giác* tương lai,  
 Không còn sanh tử, đổi thay kiếp đời.  
 Tỳ Kheo nói những lời như vậy  
 Không gọi là phạm **Đại vọng ngôn**.  
 Chính thật **Bồ Tát** khéo khôn  
 Kiến lập *Chánh Pháp* bảo tồn **Đạo Ta**. (lay)



Như nói : Người phạm vào các tội  
*Đột Kiết La* là giới cấm răn  
 Phải chịu tám trăm muôn năm  
*Đọa* trong địa ngục trầm luân khổ dài  
 Thời gian tính theo ngày, năm, tháng  
 Ở cõi Trời *Đạo Lợi Thiên Vương*.  
 Huống là cố phạm xem thường  
 Tội ***Du Lan Giá*** đáng thương kẻ này.  
*Kinh Đại Thừa Như Lai* có nói  
 Nếu *Tỳ Kheo* phạm tội vướng vào  
*Du Lan Giá*, thời hãy mau  
 Không nên thân cận vì sao? Rõ ràng.  
 Nếu như có một đàn *thí chủ*  
 Tạo lập nên tháp tự ***Phật đường***,  
 Đem các tràng hoa *cúng dường*  
**Chư Phật, Bồ Tát** dân hương tháp này.  
 Có *Tỳ Kheo* lấy dây chỉ nọ  
 Trong xâu hoa không có hỏi ai  
 Phạm tội *Du Lan Giá* đây  
 Hoặc biết, chẳng biết tội này đồng nhau.  
 Bằng động lòng *tham* cầu vật chất  
 Mà phá hoại tháp **Phật** hiện nay

Phạm tội *Du Lan Giá* đây  
 Không nên thân cận người này ác tâm.  
 Nếu đàn tín viếng thăm Tháp Tự  
 Bỗng thấy hư quá cũ lâu năm.  
 Kẻ góp của, người góp công  
 Cùng nhau chung sự đồng lòng dựng xây  
 Để cúng dường **Như Lai xá lợi**,  
 Bỗng nhật được châu báu trong này  
 Bèn đem gởi cho Sư Thầy!  
 Vị Thầy tự ý dùng xài của riêng.  
 Tỳ Kheo này bất thiện, *bất tịnh*,  
 Sanh nhiều sự toan tính đấu tranh.  
 Các *Ưu Bà Tắc* nghe rành,  
 Người tu như vậy quáng manh chớ gần.  
 Tỳ Kheo này *vô căn* tánh mất,  
 Hoặc *hai căn*, hoặc bất định căn.  
 Kẻ bất định căn; khả năng  
 Có thể làm nữ biến thân nữ liền,  
 Muốn làm nam hiện nguyên thân tướng  
 Giống như nam khó *tưởng* biệt phân.  
 Tỳ Kheo như vậy ác căn,  
 Không nam, không nữ bất nhân hại người,

Không *xuất gia*, không thời tại tục,  
Là chỗ không có *phúc điền* gì.

Chẳng nên *cúng dường quy y*,  
Làm sao nường tựa phát huy **Bồ Đề**.

Trong **Phật Giáo**, luận về phép tắc  
Hàng **Sa môn** hướng **Phật tu hành**,

Có lòng từ thương *Chúng sanh*  
Luôn làm *lợi ích* dữ, lành bao dung,  
Cho đến loài vi trùng, bọ kiến  
Cũng phải ban tâm nguyện sinh tồn,  
Đây là *Pháp* của *Sa môn*.

Không nên gửi nếm rượu cồn lìa ngay.  
Chẳng được nói điều sai **hư vọng**,  
Cho đến trong giấc mộng cũng không,  
Đây là *Pháp* của *Sa môn*.

Không sanh lòng dục, dưỡng tồn khí tinh,  
Đến giấc mộng không sinh lòng dục  
Đây là *Pháp* của bậc *Sa môn*”.

**Ca Diếp ! “Bạch Đức Thế Tôn!**

Con xin hỏi *Pháp Sa môn* như vậy...

Trong chiêm bao vị này **dâm dục**  
Có bị phạm **giới luật** hay chăng?”.

**Phật** dạy: “Không phạm *giới* răn!  
 Vì tâm sinh lý bản năng bình thường.  
 Ở nơi sự yêu thương *dâm dục*  
 Phải *quán* thân như **trước** hôi tanh,  
 Nhẫn đến không một *niệm* sanh,  
 Dầu là ý tưởng tốt lành về thân.  
 Tránh suy nghĩ ái ân vọng khởi,  
 Hàng phụ nữ bất lợi định tâm.  
 Nếu chiêm bao biết hành *dâm*,  
 Đến lúc thức dậy nhủ thầm ăn năn  
 Và hổ thẹn thẹn rằng từ bỏ,  
 Như hình phạt lấy đó thường răn.  
 Khi đi *khất thực* nuôi thân,  
 Nhận của **cúng thí**, như ăn con mình.  
 Trong thời kỳ *Chúng sinh* đói khát,  
**Ta** làm sao an lạc qua ngày.  
*Pháp môn* vừa nói trên đây  
 Đó là **Kinh Phật Như Lai** giáo truyền  
 Người thuận theo **Thánh Hiền Bồ Tát**  
 Quả *Vô Thượng* chứng đạt sắp gần.  
 Nếu như kẻ nào nói rằng:  
**Đức Phật** cho phép *Chư Tăng* làm xằng,

Luôn đứng co một chân chẳng mỗi,  
 Tâm nín lặng không nói lời gì,  
 Nhảy vào lửa chẳng sợ chi,  
 Hoặc phóng vực thăm có gì gồm ghê,  
 Uống độc dược không hề mất mạng,  
 Hoặc tuyệt thực một tháng, trăm ngày,  
 Nằm trên tro đất lăn dài,  
 Cho người trói chặt chân tay nhục hình,  
 Hoặc giết hại *Chúng sinh* thú vật,  
 Hoặc học qua **chú thuật** bàng môn,  
 Con nhà hàng thịt bán buôn,  
*Không căn* nam, nữ, bất thường *hai căn*,  
 Bất định căn, giác quan không đủ.  
**Đức Như Lai** khuyến dụ ban truyền  
 Cho phép những người kể trên  
 Đều được tự ý có quyền *xuất gia*.  
 Đây là lời của *ma* nói dối,  
 Không phải là lời nói **Phật Đà**.  
 Nếu có chỗ thuyết bày ra  
 Nói rằng cho mặc **Ma ha lãng già**,  
 Lại chứa dẫu cát mà hột giống,  
 Loài cỏ cây mạng sống như người.

**Thế Tôn** nói lời này rồi  
 Bèn liền *tịch diệt* vào nơi **Niết Bàn**.  
 Đó là lời của hàng *ngoại đạo*,  
 Mượn oai **Phật** nói láo hại đời.  
 Trước kia **Đức Phật** tùy thời  
 Cho ăn năm thứ chế nơi sữa bò  
 Với dầu, mật và cho phép mặc  
**Kiều xa gia Pháp phục** vải thường,  
 Dép da, giày cỏ ... đi đường  
 Những vật *ngoại đạo* khác hơn không dùng.  
**Như Lai** cũng cấm chung *đệ tử*  
 Không cho đứng chống giữ một chân,  
 Theo đúng *Chánh Pháp* chuyên cần  
 Tùy ý đi, đứng, ngồi, nằm tự nhiên.  
**Thế Tôn** chẳng loan truyền thất thiệt,  
 Uống thuốc độc hay tuyệt thức ăn,  
 Hoặc năm thứ nóng đốt thân,  
 Hay là cột trói tay chân của mình,  
 Hoặc giết hại *Chúng sinh* muôn thú,  
 Chế dép giày, bằng đủ ngọc, ngà...  
 Cấm mặc **Ma ha lãng già**,  
 Chứa cát hột giống trong nhà chùa đây,

Chẳng nên nói cỏ cây *thọ mạng*  
 Đó là lời ngạo báng **Như Lai**  
 Và nói những điều trên đây  
 Phải biết kẻ ấy, là loài *yêu ma*,  
 Thường bịa chuyện bày ra huyền hoặc  
 Cốt mong sao phá **Phật, Pháp, Tăng.** (lay)

**Như Lai** cho phép các trò  
 Được ăn năm thứ sữa bò chế ra  
 Và dầu, mật, dếp da sử dụng  
*Kiều xa gia* mặc đúng y thời.

**Thế Tôn !** Đã thuyết nhiều rồi  
*Tứ đại thọ mạng* vốn thời *giai không*.  
*Kinh luật* nào giải thông nghĩa thật  
 Chính là lời của **Phật** nói ra.

Thuận theo làm *đệ tử Ta*  
 Còn không tin nhận tức là theo *ma*.  
 Nếu có người nào mà *tùy thuận*  
 Y theo *kinh, luật, luận* **Như Lai**.

Phải biết người đó hiện nay  
 Là bực **Bồ Tát** đức tài *viên dung*.  
 Nay **Ca Diếp !** Nay ông thấu rõ.  
 Thế nào là lời nói của *ma*,

Lời nào của **Phật** nói ra.

Hôm nay **Ta** đã phân qua cũng nhiều.

Cho ông biết những điều tà, chánh

Nhớ khuyên đời so sánh kẻ lầm.

**Ca Diếp Bồ Tát** vui thầm !

Chấp tay lễ **Phật** trong tâm hài hòa.

Nay con biết chánh, tà sai biệt,

Lời nói nào giả, thiệt, **Phật**, *ma*,

Nhơn đây *ngộ nhập* sâu xa

*Liễu nghĩa Phật pháp* rất là uyên thâm.

**Đức Phật** khen **Ca Diếp Bồ Tát**:

“Nay ông đây thấu đạt rõ ràng

Chánh tà, *ma Phật*, trước thanh,

Đáng gọi người trí thông minh trên đời.” (lạy)

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** (3 lần)





**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM “TỨ ĐẾ”**

**Thứ Mười**



# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



## PHẨM “TỨ ĐẾ”

### (Thứ Mười)

**Phật** dạy: Này **Ca Diếp Bồ Tát** !

Phàm thế gian chưa đạt nghĩa sâu

Nói là “*Khổ*” đó là sâu,

Chẳng gọi **Thánh Đế**. Tại sao vậy là ?

Vì nói “*Khổ*” là **Khổ Thánh Đế**,

Thời tất cả trâu, dê, ngựa, lừa

Cùng người *Địa ngục* lẽ ra

Phải có **Thánh Đế** đều là như nhau.

Này **Ca Diếp** ! Người nào chẳng biết.

Thấy *cảnh giới* chơn thiệt rộng sâu

Của **Đức Như Lai** nhiệm mầu

*Pháp thân* vi mật từ lâu vĩnh hằng

*Thường trụ* mãi không tăng, giảm đổi,

Chẳng giống như nơi cõi tục trần,

Cho là **Thế Tôn** thực thân,

*Pháp thân* không có khác hơn thế thường,

Họ chẳng biết con đường đạo đức  
 Của **Như Lai** oai lực lớn lao,  
 Đây mới gọi là “*Khô*” sâu  
 Xuống lên *Tam giới* vướng vào *Vô minh*.  
 Do vì bởi chính mình chẳng biết  
 Ở nơi “*Pháp*” chơn thiệt lầm sai  
 Thấy là “*Phi Pháp*” nơi đây,  
 Còn nơi “*Phi Pháp*” thấy rày “*Pháp chân*”.  
 Nên phải biết người này lãnh thọ  
*Đọa* vào nơi ác thú mang thân  
 Trong vòng sanh tử trôi lăn,  
 Thêm lớn *nghiệp chướng* khó khăn khổ nần.  
 Nếu có người giác quan hay biết.  
**Đức Như Lai** chơn thiệt *Pháp thân*  
*Thường trụ* bất biến giảm tăng,  
 Hoặc nghe hai chữ lòng hằng không quên  
 Tiếng “*Thường trụ*” vang lên như vậy,  
 Chỉ một lần nghe thấy bên tai  
 Chắc chắn phước lợi người này  
*Chung mạng* sẽ được sanh thai cõi trời.  
 Về sau, đặng tu nơi *giải thoát*,  
 Mới chứng biết thấu đạt nghĩa mầu:

“**Như Lai** *thường trụ* từ lâu  
 Không có biến đổi, cao sâu nghĩ bàn”  
 Khi đã chứng biết bèn tự nói:  
 “Vì ngày trước, tôi đã từng nghe  
     Nghĩa *thường trụ* này lâu rồi  
 Nay được *giải thoát* tức thời hiểu ra.  
 Đối bốn tế sâu xa chơn thiệt,  
 Vì xưa không rõ biết nghĩa thời  
     Nên tôi phải chịu *luân hồi*  
*Sanh tử* xoay chuyển nhả nhồi khổ đau.  
 Ngày nay mới bắt đầu chứng biết  
 Nghĩa *thường trụ* chơn thiệt liễu viên.”  
 Nếu người nào biết như trên.  
 Thật tu “**Khổ Đế**” vững bền tâm đây,  
 Được *lợi ích* hơn loài rất lớn,  
 Tương lai độ *vô lượng* Chúng sanh.  
 Nếu người không biết rõ rành.  
 Dầu cho cố gắng *tu hành* ích chi,  
 Đây gọi là “**Khổ**” vì không biết,  
 Cũng gọi “**Khổ Thánh Đế**” như nhau.  
 Nếu như có một người nào  
 Không tu “**Khổ Đế**” dôi trau thường ngày

Gọi là “*Khổ*” vì đây chưa biết,  
 Chẳng phải “*Khổ Thánh Đế*” đó mà.  
 “*Khổ Tập Đế*” định nghĩa là:  
 Trong “*Chơn Pháp Tánh*” nơi ta thường bày.  
 Mà chẳng sanh mở khai *chơn trí*,  
 Bị *Vô minh* thống trị *Ngu si*,  
 Không thể vật *bất tịnh* ly  
 Chịu làm một kẻ nô tỳ *bản tâm*  
 Hay nói là nhận lầm phi pháp  
 Rồi cho rằng *Chánh Pháp* thường hằng.  
 Vì đó, *Chánh Pháp* diệt lần  
 Chẳng còn *trụ* vững cõi trần dài lâu.  
 Do *nhơn duyên* đào sâu tà hạnh,  
 Nên không biết *pháp tánh* của mình.  
 Vì không biết chỗ nhận nhìn  
*Luân hồi* sanh tử, tử sanh hoài hoài.  
 Chịu nhiều sự bi ai khổ não,  
 Chẳng được sanh *Thiên đạo* cõi trời,  
*Chánh giải thoát* cũng xa rời  
 Như thuyền không bến trùng khơi giữa dòng.  
 Nếu người tu định lòng khai trí  
*Chánh Pháp* không hề bị mờ lu,

Do *nhơn duyên* chứng *công phu*  
 Cõi trời lai vãng đặc như **Phật Đà**.  
*Chánh giải thoát* thật là tôn quý  
 Như mặt trời vị trí không thay.  
 Nếu như có người đời nay  
 Không biết “*Khổ Tập Đế*” này ra sao,  
 Mà luận suông có nào *Chánh pháp*  
 Không *thường trụ* chẳng hạp thế gian.  
 Đây là diệt pháp hoàn toàn,  
 Ví như đuốc tắt trên đường đi đêm.  
 Cũng vì bởi *nhơn duyên* như vậy,  
 Vô lượng kiếp không thấy mặt trời,  
*Tam đồ* lưu chuyển khó rời,  
 Chịu sự thống khổ do người gây ra.  
 Nếu có thể biết qua trí giác,  
 Pháp *thường trụ* chẳng khác gì hơn.  
 Đây mới là sự “Tập” thường  
 Hay “*Tập Thánh Đế*” con đường đang đi.  
 Nếu người không thể gì *tu tập*  
 Được như vậy, phổ cập ở trên.  
 Gọi là “Tập” còn đảo điên,  
 Nơi “*Tập Thánh Đế*” khó viên đặng mà.  
 “*Khổ Diệt Đế*” nghĩa là diệt Khổ,

Nếu người *tu* còn chỗ *vọng* sai.

Học nhiều “**Pháp Không**” ở đây

Thời là chẳng tốt, triển khai trí mình.

Bởi tại sao ? **Ta** xin bày giải.

Vì đoạn dứt hết thấy “*Pháp*” này,

Hư hoại *Pháp Tạng Như Lai*

Tu học như vậy trên đây gọi là:

“*Tu Pháp Không*” khó mà chứng đạo,

Lại còn bị ngoại giáo chê cười”.

Người tu “*Khổ Diệt Đế*” thời

Ngược lại tất cả của nơi *Pháp* tà.

Nếu nói rằng ta tu đúng thế

“**Pháp Không**” là “**Diệt Đế**” đó sao,

Thì tất cả *ngoại đạo* nào

“*Pháp Không*” của họ cũng đâu khác gì,

Đáng lẽ họ có thì “*Diệt Đế*”

Thời cả hai vai vế đồng nhau.

Nếu như có người dôi trau

*Tu tập* khổ luyện sớm mau đạo thành.

**Như Lai Tạng**: Thật hành *Vô ngã*,

Pháp không tịch cũng đã làm xong,

Người này đạo chẳng thành công



Vô lượng kiếp chuyển trong vòng *phàm phu*.

Nếu có người chẳng tu như vậy,

Dù *phiền não huân tập* vô dư.

Nhưng chóng có thể diệt trừ,

Vì người này biết Chân như trí mầu,

*Tạng* bí mật cao sâu của **Phật**.

Thường độ an nhơn vật cõi trần.

Nếu như có người nói rằng:

Có *tạng* bí mật *pháp* chân **Phật Đà**,

Dẫu chẳng thấy, chưa mà nghe thuyết,

Nhưng tin có thể diệt não phiền.

Nếu *phát tâm* đủ *nhơn duyên*,

Chỉ trong một *niệm* định thiền quán thông.

Đặng *tự tại* ngộ trong các pháp.

Mặt trời lên tan lớp sương mù.

Nếu người nào có thể tu

Hành “**Tập, Diệt Đế**” *công phu* trọn đời,

Là *đệ tử* của thời **Chư Phật**,

Bằng trái lại, sự thật gọi là:

Tu “*Pháp Không*” giống ngoại tà

Chẳng phải “**Diệt Thánh Đế**” của **Ta** giáo truyền.

“**Đạo Thánh Đế**” tức là **Phật Bảo**,

Và **Pháp Bảo, Tăng Bảo** ba ngôi.

*Chánh giải thoát* hiện trong đời

“**Như Lai Thường Trụ**” không hề đổi thay.

Có những hạng người đầy *điên đảo*

Cho rằng không có **Phật, Pháp, Tăng,**

Không *Chánh giải thoát* thiệt chân,

Sanh tử *thế tục* cõi trần xuống lên,

Do kiến *chấp* này nên tâm tối

Chịu khổ đau ba cõi lạc lăm.

Nếu người *phát tâm* thấy rằng

“**Như Lai Thường Trụ**”, **Pháp, Tăng** chung đồng.

*Chánh giải thoát* cũng không biến đổi

Mãi *thường trụ* trong cõi *Ta bà*.

Nhờ một *niệm* này khởi ra

Trong vô lượng kiếp *Hằng hà* vô biên

Đặng *quả báo* an nhiên *tự tại*

Hưởng phước lành đến mãi về sau.

Như **Ta** thưở trước khác nào,

Vì *bốn điên đảo* buộc vào tà tâm,

Chẳng phải *Pháp chấp* lăm thiệt *Pháp,*

Nên mắc lấy quả ác *nghiệp* mang.

Ngày nay diệt hết hoàn toàn

Những kiến *chấp* ấy không còn *niệm* sanh,  
 Đặng *Vô Thượng* đắc thành quả **Phật**.  
 “*Đạo Thánh Đế*” chơn thiệt tỏ phân.  
 Nếu có người lại cho rằng:  
*Tam Bảo* là **Phật, Pháp, Tăng** vô thường,  
 Đây lối tu hoang đường *hư vọng*,  
 Chẳng phải “*Đạo Thánh Đế*” **Như Lai**.  
 Nếu người *tu tập* hằng ngày  
 Kính tin *Tam Bảo* tâm đây phụng thờ  
 Là *thường trụ* trọn đời gìn giữ,  
 Người này là *đệ tử* của **Ta**,  
 Chơn chánh *tu tập* sâu xa  
**Bốn Pháp Thánh Đế** nghĩa là hành y.  
 Ngài **Ca Diếp** chơn quỳ bạch **Phật**:  
**Đức Thế Tôn** ! Sự thật hôm nay.  
 Mới biết *tu tập* như vậy,  
**Bốn Pháp Thánh Đế** nghĩa này rất sâu. ( *lay* ).

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)





**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM “TỨ ĐẢO”**

**Thứ Mười Một**



# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



## PHẨM “TỨ ĐẢO”

### (Thứ Mười Một)

**Đức Phật** bảo **Ca Diếp Bồ Tát**:

Ông hãy nên ghi tạc lời **Ta** !

*Bốn thứ điên đảo* nghĩa là:

**Phật** vì **Sanh** chúng phân qua tận tướng.

- Nơi chẳng khổ tưởng chừng là khổ,  
Nên mới gọi là chỗ *đảo điên*.

Chẳng phải khổ, có căn nguyên,

Đó là **Chư Phật** không *phiền não* sanh.

Không *phiền não* sao rằng gọi khổ!

Chỉ **Như Lai** diệt độ *Ta Bà*.

*Tưởng* cho là *khổ* nghĩa là:

Tức nói rằng **Đức Phật Đà** hiện nay,

Là *Vô thường* luôn thay đổi mãi,

Như *Chúng sanh* nhơn loại thế gian.

Lời nói trên thiếu giác quan,

Là tội khổ lớn thọ mang lâu dài.  
Nếu nói là **Như Lai** xả bỏ  
Thân khổ này diệt độ **Niết Bàn**,  
Như củi hết lửa tro tàn.  
Đây chẳng phải khổ hoàn toàn đúng thôi,  
Mà nghĩ tưởng cho thời là khổ  
Chính đó là *điên đảo* không sai.  
Nếu ai nói rằng **Như Lai**.  
Là *Thường*, chấp *Ngã* cả hai khác nào.  
Vì chấp *Ngã* buộc vào *tâm tưởng*,  
Nên mới có *vô lượng* tội bày,  
Thế nên phải nói **Như Lai**  
*Vô thường*, như vậy lòng này mới vui.  
Nếu **Như Lai** đổi thay, thay đổi  
Là *Vô thường* khổ nổi đảo điên.  
Nếu trong *khổ tưởng* triền miên  
Làm gì có chỗ vui, nguyên khởi sanh.  
Nơi vui lại cho rằng là khổ,  
Đây gọi là thiệt chỗ đảo điên.  
Vui tức **Như Lai** *bổn nguyên*,  
Không còn ràng buộc nào phiền nơi đây.  
Khổ tức là **Như Lai** thay đổi,



Như *vô thường* trong cõi thế gian.  
 Nếu nói **Như Lai** hoại tan,  
 Nơi vui tưởng khổ buộc ràng thức mê.  
**Như Lai** vốn chẳng hề biến đổi  
 Là *thường trụ*, đây gọi là vui.  
 Nếu nói **Như Lai** là *thường*,  
 Tại sao? Lại nhập **Niết Bàn** ở đây.  
 Còn nếu nói **Như Lai** chẳng khổ,  
 Sao bỏ thân *diệt độ* Ta bà.  
 Bởi ở trong vui tưởng là  
 Khổ, nên mới gọi tâm mà đảo điên.  
 Các điều tưởng lầm trên, **Phật** bảo:  
 Sự thứ nhứt điên đảo vừa qua.  
 - “*Vô thường* tưởng *Thường* còn mà,  
*Thường* tưởng cho đó *Vô thường*”, đảo điên.  
 Vô thường *chỉ quán* thiền thấu biết  
 Tu “*Pháp Không*” sanh diệt dứt trừ,  
 Chẳng tu “*Pháp Không*” Chơn như,  
 Nên *thọ mạng* ngắn sống nơi cõi trần.  
 Nếu có người không cần sở thích  
 Chẳng tu “*Pháp Không Tịch*” như trên,  
 Vẫn sống trường thọ bách niên.

Quan niệm đó gọi đảo điên, thứ nhì.

- “*Không có Ngã*, tưởng thì có *Ngã*,  
Có *Ngã* tưởng *Vô ngã*”, đảo điên.

Người này lập luận **kiến biên**

Có *Ngã* hiện diện gắn liền tâm ta,

Dầu cho nói rằng là có *Ngã*,

Nhưng không thấy **Phật tánh** hiện ra.

Vì vậy, không có *Ngã* mà

Lại cho có *Ngã*, gọi là đảo điên.

**Phật Pháp** thường phổ truyền có *Ngã*.

Tức **Phật tánh** tất cả bốn loài.

Người đời lại nói như vậy ...

**Phật pháp** không *Ngã*, nản tai mặt người.

Đây gọi là ở nơi có *Ngã*,

Mà tưởng là *Vô ngã* thật đây.

Nếu nói **Phật Pháp Như Lai** !

Quyết định *Vô ngã* là sai rõ ràng.

Nên **Như Lai** dạy hàng *đệ tử*

*Tu tập* Pháp *Vô ngã* thường ngày.

Lời nói đó ở trên đây.

Gọi là *điên đảo*, giải bày thứ ba.

- “*Chỗ Tĩnh* lại tưởng là *Không tịnh*,

*Không tịnh lại tưởng Tịnh”, đảo điên.*  
*Tịnh là trong sạch chơn nguyên*  
**Như Lai** *thường trụ* bốn nguyên không hai.  
 Chẳng phải thân như loài tạp thực,  
 Chẳng phải thân áp bức não phiền,  
 Chẳng thân già bệnh liên miên,  
 Hay thân sanh tử luân phiên đổi đời.  
 Nếu có người nói lời bạo biện  
 Cho **Như Lai** thân *huyễn* Vô thường,  
 Là thân ràng rịt gân xương,  
*Pháp, Tăng* cũng vậy chung đường khác chi,  
*Chánh giải thoát* đều thì *diệt tận*,  
 Đó gọi là quan niệm vạy tà.  
 Vì *tịnh* cho *bất tịnh* mà  
*Bất tịnh* tưởng *tịnh*, gọi là đảo điên.  
 Nếu có người tuyên truyền ngu dốt,  
 Trong thân ta không một *pháp* nào  
 Gọi là *bất tịnh* trước sau,  
 Bởi không *bất tịnh*, hơi đâu *tu hành*,  
 Nên *quyết định* đặng thành *thanh tịnh*.  
 Thuyết *tu quán bất tịnh* **Như Lai**,  
 Là thuyết *hư vọng* lầm sai.

Để dụ Sanh chúng như loài thế gian.

Quan niệm trên rõ ràng luận xảo.

Đó là điều “*điên đảo* thứ tư”.

**Ca Diếp Bồ Tát** bây giờ,

Hiểu sâu *Chánh kiến* nguồn cơ **Phật** bày

Bạch **Thế Tôn** ! Trước đây mới biết

Chúng con đều “*tà kiến si mê*”.

- **Nam mô Bốn sư Thích ca Mâu Ni Phật. (3 lần)**



**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

**PHẨM “NHƯ LẠI TÁNH”**

**Thứ Mười Hai**



# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



## PHẨM “NHƯ LAI TÁNH”

### (Thứ Mười Hai)

**B**ấy giờ, ngài **Ca Diếp Bồ Tát**

“**Bạch Thế Tôn!** Mong **Phật** thứ tha.

Cho con mạn phép hỏi qua

*Hai mươi lăm cõi có là Ngã chăng?”*

**Đức Phật** liền ân cần giáo dạy:

“**Thiện nam tử !** Ông hãy nghe đây.

*Ngã* tức là thiệt nghĩa này

*Như Lai Tạng* tánh sâu dày khó tri.

Cả **Sanh** chúng hay thì bốn loại

Có **Phật Tánh** đồng thấy không hai,

Tức là nghĩa của *Ngã* này

Thiệt nghĩa của *Ngã* như vậy từ lâu.

Cho đến giờ không sao hư hoại,

Nhưng thường bị *chướng ngại* che ngăn.

Vì thế *Chúng sanh* phạm trần

Chẳng nhận thấy được dần dần mờ lu.

Như cô gái nhà nghèo xơ xác,

Trong nhà có chứa cất kho tàng

Ngọc ngà, châu báu, bạc vàng...

Mà không ai biết lấy mang ra xài.

Bỗng một hôm cơ may xui khiến

Có vị khách điêu luyện khéo tài

Đến nhờ cô gái nghèo này:

“Mong cô dọn cỏ sạch rày nhà tôi”.

Cô gái đáp: “Được rồi đồng ý !

Nếu ông có thể chỉ kho tàng

Cho tôi thoát cảnh nghèo nàn

Nguyện hứa dọn cỏ hoàn toàn nhà ông”

Vị khách nói: “Chẳng hòng gì khó ?

Tôi chỉ cô sẽ có kho tàng

Nhiều thứ châu báu bạc vàng

Để cô thoát khổ cơ hàn gian nan” .

Cô gái nói: “Ông đang đùa giỡn!

Cả nhà tôi, nhỏ, lớn, trẻ, già

Không ai biết được chỗ là ...

Hướng ông người lạ biết mà hay sao!”

Vị khách nói: “Tôi nào giỡn cợt



Chắc chắn tôi lấy được cấp kỳ” .

Cô gái nói: “Ông chỉ đi!

Thật tôi muốn thấy vàng thì hiện ra”.

Người khách liền vào nhà cô gái

Không bao lâu đào tới kho tàng

Cô gái nhìn thấy thật vàng

Trong lòng kinh ngạc hân hoan vui mừng,

Từ trước giờ chưa từng thơm sạch,

Nên kính trọng vị khách vô cùng.

Này *Thiện nam tử* biết không!

**Phật tánh** của *Chúng sanh* đồng như trên,

Vì tối tăm cho nên chẳng thấy

Như cô gái được lấy kho vàng

Mà không biết ai tặng ban

Xưa nay dấu cất ẩn tàng nơi đây.

Bây giờ, **Đức Như Lai** chỉ dạy.

**Phật tánh** của muôn loại *Chúng sanh*

Hiện bị các thứ mê tình,

*Phiền não* che đậy tánh linh lạc loài.

Như cô gái nghèo đây chẳng biết

Trong nhà mình có thiệt kho vàng

Nhưng không thấy đặng hoàn toàn.

Hôm nay nhờ **Phật** khai đường mở mang,  
 Chỉ bày chỗ kho tàng *giác tánh*  
 Để *Chúng sanh* thoát cảnh khổ nài  
 Chính là “**Phật tánh**” rõ ràng.  
 Muôn loài thấy được hân hoan vui mừng.  
 Tâm kính trọng thừa vâng lời **Phật**,  
 Đồng *quy ngưỡng* ân đức **Như Lai**.  
 Vị khách biết *phương tiện* này  
 Ví dụ cho **Đức Như Lai Phật Đà**.  
 Cô gái nghèo dụ là Sanh chúng.  
 Kho vàng dụ **Phật Tánh** muôn loài.  
 Nay *Thiện nam tử* nghe đây!  
 Như có thiếu phụ sanh rày một trai.  
 Không bao lâu trẻ này mắc bệnh  
 Bà mẹ liền bồng đến lương y.  
 Lương y chẩn đoán cấp kỳ  
 Thấy bé nóng nhẹ, không gì xảy ra,  
 Nên chỉ định dùng ba thứ dược:  
 Sữa, đường phèn, bơ hợp hòa chung.  
 Sau khi cho bé nó dùng  
 Nhớ kiêng bú mớm ghi lòng đừng quên,  
 Phải chờ khi thuốc trên tiêu hóa,

Rồi mới được cho bú mà.  
Người mẹ dùng chất đắng thoa  
Trên đầu núm nhũ bảo là con ơi!  
“Vú của mẹ đã bôi thuốc độc,  
Con nhớ đừng đòi bú nghe không”.  
Đứa bé đói khát trong lòng  
Nhưng nghe mùi đắng nó không dám gần.  
Thời gian thuốc thấm dần tiêu hóa,  
Người mẹ mới rửa sạch nhũ mình,  
Gọi con đến bú thỏa tình.  
Mặc dầu rất đói nó nhìn ngó lơ,  
Vì mùi đắng trước cơ nó nhớ  
Đứa bé nọ vẫn ngỡ là còn.  
Người mẹ bảo: Lại đây con!  
Lúc con uống thuốc, thuốc còn chưa tan,  
Mẹ muốn con lành an khỏi bệnh  
Dùng chất đắng thoa lên nhũ thời.  
Giờ con tiêu hóa hẳn rồi  
Mẹ cũng rửa sạch hết mùi còn đầu.  
Con có thể uống bầu sữa mẹ,  
Không hại gì ! Có mẹ bảo toàn.  
Đứa trẻ nghe mẹ ân cần

Hết lời khuyên nhủ lần lần tự nhiên.  
Thiện nam tử ! Dụ trên cho thấy,  
**Đức Như Lai** cũng vậy khác nào.  
Vì dạy *Chúng sanh* trần lao  
Truyền pháp *Vô ngã* đôi trau chuyên cần.  
Nhờ đó dứt lần tâm chấp *Ngã*,  
Nên đường tu tiến hóa không ngừng.  
Nhập vào **Niết Bàn** mới ứng,  
Chẳng còn sanh tử *trầm luân* Sáu đường.  
Và muốn trừ thói thường *vọng* kiến  
Trong đời, nên *thị hiện* đó là  
Pháp *xuất thế gian* bày ra  
Chỉ rõ quan niệm *chấp* ta của người.  
Là *hư vọng* chẳng thời chơn thật,  
Nên **Thế Tôn ! Đức Phật** chỉ bày  
Dạy tu *Pháp Vô ngã* này,  
Được tâm *thanh tịnh* vượt ngoài thế gian.  
Như người mẹ giúp con dứt bệnh  
Dùng chất đắng thoa trên nhũ hoa.  
Cũng vậy, **Như Lai Phật Đà !**  
Dạy *Pháp Vô ngã* thật ra khác gì.  
Muốn *Chúng sanh* dứt đi *bản ngã*

Nên nói rằng tất cả *pháp trần*  
 Đều là không có thật chân  
 Như người thiếu phụ rửa phần nữ hoa.  
 Mới cho con nếm qua vị sữa  
 Chẳng còn mùi hơi đáng trước đây.  
 Cũng vậy, **Đức Phật** hôm nay  
 Thuyết *Như Lai Tạng* nghĩa bày rộng sâu.  
 Vì thế, các *Tỳ Kheo* chớ có  
 Sanh lòng mà kinh sợ hoang mang.  
 Như đứa trẻ thơ hiền ngoan  
 Nghe lời mẹ dạy nó càng tự tin.  
 Cũng vậy, các *Tỳ Kheo* chớ chịn thiệt  
 Nên tự mình *phân biệt* đúng sai.  
*Như Lai Tạng*, **Pháp Phật** đây,  
 Chẳng được, chớ có *Ngã* này *chấp* riêng.  
 Bấy giờ, **Ca Diếp** liền bạch **Phật**:  
 “Bạch **Thế Tôn** ! Sự thật thừa qua !  
 Thiệt không có *Ngã* đó là  
 Vì nếu có *Ngã* sanh ra biết rành.  
 Do không *Ngã* mới sanh chẳng biết,  
 Chắc chắn là không thiệt *Ngã* đây.  
 Nếu *quyết định* có *Ngã* này,

Sau khi *thọ mạng* sống dài khá lâu,  
Đáng lẽ ra thân đâu có chết,  
Không *Ngã* nên sanh diệt đổi thay.  
Nếu như *Chúng sinh* bốn loài  
Đều có **Phật tánh** không sai khác nào.  
Là *thường trụ* từ lâu còn mãi,  
Thời làm gì hư hoại được chẳng?  
Nếu không hư hoại sao rằng,  
Lại có nhiều hạng thứ dân trên đời:  
*Sát Đế Lợi* con trời cao cả,  
*Bà La Môn* danh giá hoàng gia,  
*Tỳ Xá* giàu có, *Thủ Đà*,  
Bản cùng nô lệ *Chiên Đà La* đây  
Và lại có các loài súc vật ...  
Đều sai biệt sự thật bất đồng.  
Kẻ nghèo khổ long đong,  
Còn người quyền thế ngồi không sang giàu,  
Các thứ *nghiệp* chẳng sao kể hết,  
Mỗi chủng loài riêng biệt khác sai.  
Nếu *quyết định* có *Ngã* này,  
Thời là tất cả muôn loài thế gian,  
Lẽ ra không hèn, sang giai cấp,

Như đói đau bắt gặp hằng ngày.

Do đó những nghĩa trên đây

Phải biết **Phật Tánh Pháp** này là không,

Chẳng *thường trụ* ở trong Sanh chúng,

Lời **Phật** nói có đúng hay chẳng?

Nếu đây *quyết định* cho rằng

**Phật tánh** là Pháp *thường hằng* không thay.

Thời cố gì **Như Lai** lại bảo:

- *Có sát sanh, trộm đạo, tà dâm,*

*Đó là ba nghiệp của thân.*

- *Bốn nghiệp của miệng* nói năng thường ngày:

Nào *lưỡng thiệt, nói sai, y ngữ,*

Hay *ác khẩu* mắng rủa, chửi thề.

- Ba nghiệp của ý nặng nề.

*Tham lam, sân hận, si mê* vạy tà.

Nếu *Ngã tánh* vốn là *thường trụ,*

Cớ gì khi uống rượu lại say.

Nếu *Ngã tánh thường trụ* đây

Đáng lẽ kẻ điếc nghe rày âm thanh,

Người mù được thấy nhìn ngoài cảnh,

Đứa câm sẽ nói đặng ra lời,

Kẻ tàn tật được đi thời.

Nói chung tất cả mọi người như nhau.  
Nếu *Ngã tánh* trước, sau *thường trụ*,  
Chẳng còn lo nước lũ hại thân,  
Thuốc độc, đao gươm, ác thần,  
Lửa cháy, thú dữ, tránh hầm hố sâu.  
Nếu *Ngã* là từ lâu *thường trụ*,  
Thời những việc mới cũ chẳng quên.  
Chẳng quên tâm trí tự nhiên,  
Thấy người bạn cũ tức liền nhận ngay,  
Nhưng khi thấy người này lại nói  
Không biết gặp ở chỗ nào đây ?  
Nếu *Ngã* là *thường* không thay,  
Lẽ ra chẳng có người này, người kia,  
Không trẻ, già, không là mạnh, yếu,  
Không thanh, suy, kẻ thiếu, người thừa.  
Nếu *Ngã* là *thường trụ* ư !  
Thời *Ngã* ẩn trú bây chừ nơi đâu ?  
Là nước mũi hoặc là nước miếng,  
Ở trong, ngoài chỉ hiện sắc màu  
Xanh, vàng, hoặc đỏ, trắng phau,  
Thượng, hạ, lớn nhỏ làm sao chỉ bày ?  
Nếu có *Ngã tánh* này *thường trụ*,



Lẽ ra phải đầy đủ trong thân.  
Như dầu mè chất nấu ăn  
Không chỗ hở trống đặc phần vị nguyên.  
Nếu như vậy, ta liền chặt đứt  
Thân thể này tức khắc lìa đời,  
*Ngã tánh* cũng sẽ rã rời  
Còn đâu *thường trụ*, đổi dời phút giây.  
Bấy giờ, **Phật** dạy ngài **Ca Diếp**:  
“Thiện nam tử ! Nghe tiếp lời này.  
Ví dụ như nhà Vua đây  
Có Đại lực sĩ anh tài oai nghiêm,  
Trên trán người gắn viên châu báu.  
Một hôm nọ quân thảo đánh nhau  
Bị đầu kẻ địch húc vào  
Viên châu báu nọ lún sâu độ dày  
Thành vết thương lâu ngày chẳng khỏi.  
Nhờ y sĩ tài giỏi xem qua.  
Do hột châu đâm vào da  
Cho nên thương tích xảy ra thế này.”  
Y sĩ hỏi: “Ngài đây có biết  
Viên châu báu sự thiệt đâu rồi ?”  
Lực sĩ kinh hãi trả lời:

Hột châu trên trán đánh rơi hả nào !  
Tôi không biết do đâu mà mất ?  
Đáp lời xong hết sức buồn phiền.  
Y sĩ an ủi nhủ khuyên:  
“Nay ngài chớ có buồn riêng tủi sầu.  
Vì trong lúc cùng nhau đấu vật  
Bị kẻ địch lao thẳng vào đầu  
Làm cho rách da lún sâu  
Viên châu nằm đó, có nào mất đâu  
Ngài chẳng biết, tôi hầu thấy rõ  
Ánh sáng nó chiếu tỏ ra ngoài”.  
Lực sĩ chẳng tin lời này  
Nghĩ rằng y sĩ người đây gạt mình  
Nếu viên châu nằm in trong đó  
Máu chảy tuôn sẽ lộ trời ra,  
Còn nếu sâu tận gân ta  
Lẽ nào thấy được ông lừa dối tôi ?  
Bấy giờ, y sĩ cầm gương soi trên mặt  
Đại lực sĩ thấy rất lạ thường  
Ánh sáng châu, hiện trong gương  
Mới tin viên ngọc còn nường thân mình.  
Thiện nam tử ! *Chúng sinh* cũng vậy.

Vì không đặng nhìn thấy **Như Lai**,  
 Hay gần gũi gặp hằng ngày  
 Vị *Thiện tri thức* chỉ bày *huệ* khai.  
 Dầu **Phật tánh** mình đây có thiết  
 Đều không nhận thấy biết chu toàn.  
 Bị *tham, sân, si* quáng quàng  
 Lấp che **Phật tánh** Sáu đường vào ra  
 Chốn *Địa ngục*, hay là *Súc vật*,  
 Hoặc *Nga quỷ*, hoặc *A tu la*,  
 Nghèo hèn như *Chiên Đà la*,  
 Dòng *Sát Đế Lợi* hay *Bà La Môn*  
 Thường làm bực quý tôn Vương Đế,  
 Hạng trung lưu *Tỳ Xá*, *Thủ đà ...*  
 Sanh vào các dòng trên là,  
 Rồi nhờn tâm tưởng gây ra lỗi lầm,  
 Các thứ *nghiệp* duyên trần cấu tạo.  
 Được thân người *quả báo* thọ mang  
 Điếc, đui, câm, ngọng, hèn, sang ...  
*Hai mươi lăm* cõi khổ than vô cùng.  
*Tham, sân, si* nói chung che đậy  
**Bổn tâm** mình chẳng thấy *Ngã* chân.  
 Như Đại lực sĩ ngu đần

Ngọc còn mà lại cho rằng mất đi.  
Cũng vậy, *Chúng sanh* vì *mê* muội  
Nào có thấy ích lợi *tu hành*,  
Gần người *Thiện trí* cao thanh  
Học hỏi **Bảo tạng** Pháp lành **Như Lai**,  
Nếu có *tu*, *chấp* đây *Vô ngã*  
Nên trọn đời **Đạo quả** không thành.  
Những hạng chẳng phải *Thánh nhân*,  
Dẫu có nói *Ngã* thiệt *Chân pháp* này,  
Nhưng chẳng biết **Như Lai** *thường trụ*  
Nghĩa *Chơn tánh* đầy đủ *Ngã* này.  
Hàng *đệ tử* của **Như Lai**  
Cũng giống như vậy, chẳng sai khác nào,  
Vì chẳng biết nương vào gần gũi  
**Thiện trí thức** tìm hiểu sâu xa,  
Nên tu *Vô ngã* thật ra  
Chẳng thấy chơn thiệt của là “*Pháp Không*”.  
Thì làm sao biết trong *Chơn tánh*  
Của *Vô ngã* nghĩa hạnh thế nào,  
Huống lại thấu đạt *đặng* sao  
*Chơn tánh* của *Ngã* nhiệm mầu cao siêu.  
Thiện nam tử ! Là điều **Phật** nói

Các *Chúng sanh* muôn loại *Ta bà*  
Đều có **Phật tánh** như **Ta**  
Đồng tu, đồng chứng **Phật Đà** liễu viên,  
Như y sĩ biết nguyên nhân đó,  
Chỉ hột châu còn có trong người  
Của Đại lực sĩ đây thời  
Vẫn còn ẩn khuất ở nơi thân mình,  
Cũng tại vì, *Chúng sinh* vô đạo.  
Bị vô lượng *phiền não* che ngăn,  
Chẳng rõ **Phật tánh** *thường hằng*  
Như viên châu báu trong thân của mình.  
Nếu vệt mây *vô minh* tan hết  
Bấy giờ mới chứng biết rõ ràng.  
Như Lực sĩ tỉnh mộng vàng  
Thấy viên châu sáng hiện lặn trong gương.  
“*Tạng Như Lai* nghĩa chơn vô lượng  
Chẳng thể nào nghĩ tưởng vạy sai”.  
Thiện nam tử ! Hãy nghe đây.  
Ví như núi Tuyết phủ đầy hằng niên  
Có một loại thuốc tên “Dược vị”  
Tánh thơm ngọt rất quý vô vàn,  
Mọc dưới lùm bụi rậm tàng,

Người không thấy được, gian nan tìm hoài.

Nếu nghe mùi hương bay liền biết

Nơi chỗ đó chắc thiệt thuốc thần.

Thuở trước có Vua *Chuyển Luân*

Ở nơi núi Tuyết nhọc nhằn công lao.

Đặt những bọng cây vào trong đó

Tiếp lấy thuốc chẳng có dễ mà.

Lúc “Dược Vị” đã chín già

Thời từ lòng đất chảy ra chứa vào

Trong bọng cây đục đào đặt sẵn.

Mùi vị thuốc thượng thặng ngọt ngon.

Sau khi Vua Thánh không còn.

“Dược Vị” biến dạng hoàn toàn đổi thay,

Chỗ thì mặn, chua, cay hoặc đắng,

Hay lạt, ngọt khác hẳn trước kia.

Tùy địa phương thuốc sanh ra

Mùi vị cũng giống như là địa phương.

Nhưng “Dược Vị” đọng thường núi Tuyết,

Như trăng tròn vốn thiệt sáng trong.

Người *phàm phu* ít *phước* hồng

Dầu có đào xối cũng không được thời.

Lúc *Thánh vương* trong đời xuất hiện,

Vì *phước* lớn *Đại nguyện* độ dân.  
 Liên đặng “*Dược vị*” thuốc thần  
*Cam lộ* thánh thủy bệnh căn tiêu trừ.  
 Thiện nam tử ! Cũng như trên vậy.  
 Mùi vị Pháp chơn **Tạng Như Lai**  
 Bị các rừng bụi gốc gai,  
 Chỉ cho *phiền não* phủ đầy che ngăn.  
*Chúng sanh* dùng mắt trần khó thấy  
 Như “*Dược Vị*” lấy đặng mấy ai.  
 “*Dược Vị*” chỉ **Phật Tánh** đây,  
 Bởi các *ngiệp chướng* khác sai vị lành.  
 Như *Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ*  
 Trời hay người, nam, nữ ... chẳng đồng,  
*Sát Đế Lợi, Bà La Môn,*  
*Tỳ Xá,* hay hoặc *Thủ Đà* v. v...  
**Phật Tánh** vốn *thường hằng* tồn tại  
 Không thể gì sát hại được đâu.  
**Phật Tánh** hùng mãnh nhiệm mầu  
 Đời đời *thường trụ* không nào đổi thay.  
 Ví dụ nước chẳng ai chặt đứt  
 Trong *Chúng sanh* không mất xưa nay.  
 Cũng vậy, như tánh *Ngã* này

Tức là Chơn **Tạng Như Lai** đó mà,  
 Chẳng thể đốt cháy ra hư hoại.  
 Nhưng **kiến tánh** cần phải *tu hành*  
 Chứng đặng **Vô thượng đạo** thành  
**Phật tánh** hiển hiện rõ ràng bày ra” .  
 Ngài **Ca Diếp** nghe qua bạch **Phật**  
 “Thưa **Thế Tôn** ! Sự thật như vậy:  
**Phật tánh** có trong bốn loài  
 Không thể sát hại được đây tánh này,  
 Đáng lẽ ra chẳng ai gây tạo  
*Nghiệp* ác gian hung bạo bất lành ? ”  
**Phật** nói : Thật có *Sát sanh*.  
 Thời là *quyết định* cấu thành tội danh.  
 Vì **Phật tánh** *Chúng sanh* đầy đủ,  
 Đã có trong thân *Ngũ ấm* này,  
 Nếu giết hại *Ngũ ấm* đây,  
 Sanh làm ác thú *đọa* đày trả vay.  
 Do *nhơn duyên* mỏng dày của *nghiệp*  
*Sát Để Lợi* hay *Bà La Môn*,  
*Tỳ Xá, Thủ Đà* ... nói chung  
 Hoặc là nam, nữ ... do dòng *nghiệp* gây  
*Hai mươi lăm cõi* này khác biệt



*Lưu chuyển* trong *Sanh diệt* không ngừng.  
 Người chẳng phải bực *Thánh Nhân*  
**Vọng chấp** tướng *Ngã* định phân sai lầm,  
 Lớn hay nhỏ, hoặc bằng hột cỏ,  
 Hoặc hột gạo, hoặc hột đậu đây,  
 Nhấn đến bằng một ngón tay ...  
 Họ lại sinh **vọng tưởng** này nhiều hơn.  
 Tướng *vọng tưởng* không *thường* chơn thiệt,  
 Thoạt nghĩ rồi biến mất tiêu tan.  
 Tướng *Ngã* của *xuất thế gian*,  
 Gọi là **Phật tánh** ẩn tàng *Chúng sanh*.  
 Nhận lấy *Ngã* này hành thực dụng,  
 Kết quả lành thiệt đúng *Pháp tu*.  
 Thiện nam tử ! Cũng ví như.  
 Có Nhà địa chất thăm dò biết qua  
 Dưới lòng đất có mà kho báu  
 Liên cùng nhau phác thảo bởi đào  
 Vượt qua đá sỏi chẳng sao,  
 Chừng khi đến lớp **kim cương** độ dày  
 Dùng khoan sắt không tày xuyên thủng,  
 Dầu cố sức rồi cũng uống công.  
 Luận về tính chất *kim cương*

Tất cả dao búa cứng dường đến đâu  
 Cũng không làm *kim cương* hư bể.  
**Phật tánh** đây cũng thế khác nào,  
 Các nhà biện luận tài cao,  
 Trời, rồng, thần, quỷ, phép mầu *thần thông*,  
 Khó mà đặng thấy trong **Phật tánh**.  
 Huống hồ lại phá hoại được thì.  
 Tướng *Ngũ ấm*, là *hữu vi*,  
 Ví như đá sỏi phá đi dễ dàng.  
**Phật tánh** tựa *kim cương* cứng đặc,  
 Không vật nào chặt đứt bể hư.  
 Do nghĩa này, nếu là người  
 Giết thân *Ngũ ấm* gọi thời *Sát sanh*.  
 Thiện nam tử ! Thật hành trọng yếu  
 Rằng **Phật pháp** muốn hiểu dễ đâu,  
 Nghĩa *vi diệu*, lý rộng sâu.  
 Lên non nhìn thấy trời cao hơn nhiều.  
 Thiện nam tử ! Những điều lý luận  
*Kinh Đại Thừa Phương Đẳng Như Lai*  
 Là chất *Cam lồ* đại tài,  
 Cũng là thuốc độc thường hay hại người.  
 Ngài **Ca Diếp** hỏi thời **Đức Phật**:

“Do *duyên* gì mà **Đức Như Lai** !

Nói *Kinh Đại Thừa* không hai,  
Như chất *Cam lộ* thường hay độ đời,  
Rồi lại nói như thời thuốc độc.  
Lời **Phật** dạy gạn lọc khó khăn”.

“Thiện nam tử ! Muốn biết chẳng  
*Như Lai tạng* tánh thiệt chơn nghĩa này ?”

Ngài **Ca Diếp** chấp tay bạch **Phật** :

“Con hôm nay vững chắc một lòng  
Muốn biết thiệt nghĩa Chơn không  
*Như Lai tạng* tánh liễu thông sâu dày” .

Bấy giờ, **Đức Như Lai** kệ rằng:

Có người khi uống *Cam lộ* này  
Hại mất *mạng căn* uống lấm thay.  
Trái lại có người uống *Cam lộ*  
Tăng thêm tuổi thọ sống lâu dài.  
Hoặc người uống thuốc độc mà sống.  
Hoặc kẻ độc dùng ắt chết ngay.  
Trí *vô ngại* như *Cam lộ* vậy,  
*Đại Thừa Phương Đẳng* chính là đây.

*Kinh Điển Đại Thừa Phương Đẳng* này

Cũng là chất thuốc độc hại gây  
Làm cho mất mạng thường không biết  
Như *lạc*, *đề hồ* đã đổi thay  
Nhấn đến đường phèn, bơ, sữa hợp  
Uống vào tiêu hóa rất là hay  
Chẳng tiêu hóa được thời thành độc  
*Phương Đẳng Đại Thừa* không khác sai.

*Cam lộ* ví như **Phật tánh** đây  
Kẻ ngu chẳng biết *Chơn ngã* này  
Nơi người trí thấy là *Cam lộ*  
Nghe *Pháp Đại thừa* thuốc rất hay.

Với bậc *Thanh Văn*, *Duyên Giác* đây  
*Đại Thừa Cam lộ* nghĩa không hai  
Cũng như trong các thứ mùi vị  
Chất sữa là hơn, bổ nhứt thay!

Những người *ting tấn* lại siêng năng  
Nương *Pháp Đại Thừa* giải thoát thân  
Đặng đến bờ kia vui *tự tại*  
Đắc thành Vua Chúa chốn phàm nhân.

*Chúng sanh* có **Phật tánh** thường hằng

Được chất *Cam lồ vô thượng* tăng  
 Thời chẳng có *Sanh*, không có *Diệt*  
 Như là **Ca Diếp** trí toàn năng.

**Ca Diếp !** Ông nên phải thấu tri  
 Khéo hay *phân biệt* pháp *Tam quy*,  
 Thường hành thật tánh không sai khác  
 Thấy tận *Ngã* chơn chẳng khó gì.

Gẫm suy xét kỹ tại tâm ta  
 Tánh của *Ngã* có **Phật tánh** mà  
 Nên biết những người hành đúng *Pháp*  
**Như Lai tạng** chứng nhập sâu xa.

*Ngã, Ngã* sở cùng hiểu thấu qua  
 Người này *xuất thế* chơn *Ta bà*  
 Tánh chơn **Phật, Pháp, Tăng** đồng một  
 Là bậc Thượng Tôn đệ nhất mà.

Bài kệ trên **Như Lai** giảng nói  
*Chúng sanh Phật tánh* có như ta.  
 Do vì *phiền não* che mờ lấp  
 Tan hết mây đen trắng sáng ra.

Nghe qua **Thế Tôn** kệ khai

**Ca Diếp** vẫn hỏi kệ bài sau đây:

*Con nay chẳng biết chỗ quy y  
Tam Bảo làm sao chứng **sở tri**  
Vô Thượng đắc thành Vô Sở Úy  
Sẽ về đến chỗ chẳng hoài nghi ?*

*Chẳng biết chỗ nơi Tam Bảo này  
Thế nào Vô ngã, Pháp không đây ?  
Quy y với **Phật** sao cho đúng  
Mà được an vui với thán ngày ?  
Quy pháp, pháp nào viên liễu nghĩa  
Để không hối tiếc chỗ làm sai  
Từ bi độ lượng vì muôn loại  
Ban rải pháp mâu kho báu khai.*

*Thế nào tự tại đặng an nhiên ?  
Không mất, cũng không chuốc nã phiền ?  
**Tăng bảo** quy y mong trọn vẹn  
Chúng Vô thượng quả lợi vô biên ?*

*Giảng thuyết thế nào thiệt nghĩa đây  
Đời sau thành **Phật đạo Như Lai** ?  
Quy y Tam Bảo nơi viên nguyện ?  
Kiếp kiếp bốn nguyên chẳng đổi thay*

*Nay chính tâm con không tự biết  
Quy y tuân tự có gì sai.  
Mong nhờ mặt **Nhật Như Lai** rọi  
Vệt phá tối tăm **tri huệ** khai.*

*Thế nào chưa biết dạ mang thai ?  
Mà tưởng sanh con chuyện lạ này  
Nếu biết có mang thời mới gọi  
Là con thiệt đúng chẳng gì sai,  
Còn nếu ở trong đã thọ thai  
Sẽ sanh chắc chắn không lâu dài  
Gọi đây là nghĩa con mới thật  
Nghiệp của Chúng sanh cũng vậy rày.*

*Như lời **Phật** đã nói trước đây  
Kẻ đại khó tri **Phật tánh** này  
Do bởi lỗi, vì tâm chẳng biết  
Luân hồi sanh tử chịu bi ai  
Giả danh mang lớp Ưu Bà Tắc  
Không thấu nghĩa chơn thật Ngã bày.  
Mong **Đức Thế Tôn** xin nói rõ  
Dứt trừ nghi hoặc hết mê say.*

*Trí huệ Như Lai thật khó lường*  
*Đức Từ Bi rộng khắp muôn phương*  
*Xót thương bốn loại còn mê muội*  
**Phật pháp** khai thông mọi nẻo đường. (lay)

**Ca Diếp** từ lâu giác ngộ lòng  
 Hôm nay **Đức Phật** sẽ vì ông  
 Mở khai tạng bí mật này vậy  
 Sớm dứt *nghi* tình chỗ đục trong  
*Định* lắng tâm nghe **Ta** chỉ dạy:  
 Thuộc hàng **Bồ Tát** đạo viên thông  
 Thời như một hiệu danh không khác  
 So với **Phật** kia *thứ bảy* đồng.

*Quy y* nơi **Phật** nguyện không thay  
 Mới thiết là *Ưu Bà Tắc* đây  
 Trọn chẳng *quy y* nương chỗ khác  
 Đời đời ra khỏi chốn trần ai.

*Quy y* nơi **Pháp** phải tu hành  
 Thời nhớ xa lìa sự *sát sanh*.  
*Quy* với **Thánh Tăng** tâm cũng vậy  
 Chẳng cầu *ngoại đạo* hưởng công danh.



*Quy y Tam Bảo* ba là một  
Chứng đặng tâm không sợ bất thành.  
Dụng *đạo* làm thuyền sang *bến giác*  
Gieo *nhân* thiện tốt, *quả* cho lành.

**Ca Diếp** chấp tay bạch **Phật** rằng :  
*Quy y Tam Bảo* nguyện *thường hằng*  
Đây là đường chánh *Chơn giải thoát*  
*Cảnh giới Như Lai* chẳng nghĩ bàn.  
Tướng **Phật, Pháp, Tăng** không biến đổi  
Thường sanh *trí huệ* hiện minh chân  
Tánh ta, tánh **Phật** không sai khác  
Như một mặt trời bất biệt phân.

*Như Lai* tặng tánh **Phật** khen thay!  
Thẳng đến chỗ nơi an lạc đây  
Là *Chánh Biến Tri* hay *Ứng Cúng*  
**Phật** thường *tán thán* từ xưa nay.

Tôi cũng đến nơi *Phật đạo* này  
*Hằng sa Đức Phật* ngợi khen thay  
*Cam lồ* tối thượng là *Phương Đẳng*  
Các cõi thiệt không có chỗ này.

**Đức Phật** bảo **Ca Diếp Bồ Tát**:

“Nay ông cầu *Tạng Pháp* thật chân  
 Không nên như hàng *Thanh Văn*,  
 Hay hạng *thế tục* phàm nhân trong đời  
 Mà *phân biệt* ba ngôi *Tam Bảo*  
 Như vậy là trái đạo *từ bi*  
*Kinh Đại Thừa* chỉ dạy thì  
 Không có phân biệt *Tam quy* tướng hình,  
 Vì **Phật tánh** *Chúng sanh* có sẵn  
**Pháp** và **Tăng** đều đặn trong thân  
 Như *hóa độ* hàng *Thanh Văn*  
 Và hạng *thế tục* phàm nhân *Ta bà*,  
 Chỗ *Tam quy* nói ba tướng khác  
 Để *tùy thuận* theo *Pháp* thế gian.  
 Thật ra *Tam Bảo* hoàn toàn  
 Ba ngôi đồng nhất rõ ràng không hai.  
 Thiện nam tử ! Ông đây chánh kỹ.  
**Bồ Tát** nên suy nghĩ thế này  
 Nay thân mạng của ta đây  
*Quy y* nơi **Phật** không rày đổi thay,  
 Nếu chính nơi thân này rớt ráo  
 Đặng thành tựu **Phật đạo** đương lai,

Thành **Phật** rồi, chẳng thường hay  
 Cung kính lễ bái lòng nay *cúng dường*  
 Vì **Đức Phật** mười phương thế giới  
 Tâm hằng luôn sanh khởi đẳng bình,  
*Từ bi* ban khắp *Chúng sanh*  
 Để làm điểm tựa cội lành *quy y*.  
 Muốn tôn trọng kính vì *Xá Lợi*  
 Thời hãy nên đi tới tháp đường  
 Lễ kính **Chư Phật** mười phương  
 Tăng thêm *đức hạnh* làm gương cho đời.  
 Vì *hóa độ* trời, người muôn loại,  
 Tin rằng **Phật** còn mãi hằng *thường*,  
*Pháp thân* ta, tưởng **Phật đường**  
 Do đó, lễ bái *cúng dường quy y*.  
 Những *Chúng sanh* nào tuy *Vô trí*  
 Nương theo pháp tà *nguy* vạy *ngây*  
**Ta** sẽ tuần tự chuyển xây  
 Nói *Pháp* chơn thật giảng bày cao thanh.  
 Nếu lại có *Chúng sanh* ngu dại  
 Nương theo pháp chẳng phải Chơn *Tăng*,  
**Ta** sẽ vì *Chúng* khuyên răn  
 Chỉ chỗ chơn chánh ăn năn quay về.

Nếu có người *chấp* mê tạp nhạp  
Lại *phân biệt* ba pháp *quy y*,  
**Ta** sẽ vì họ phát huy  
Dạy rõ duy nhất *Tam quy* thực hành.  
Đối với hạng *sanh manh* tâm tối,  
**Ta** vì họ chỉ lối dắt lần.  
**Ta** lại vì hàng *Thanh Văn*  
Hay là *Duyên Giác* không *phân biệt* gì,  
Mà làm chỗ Chơn quy cho họ,  
Kể từ đó sáng tỏ *Đạo* khai.  
Thiện nam tử ! Lại như vậy,  
**Bồ Tát** nguyện độ muôn loài thế gian  
Và người trí mà làm *Phật sự*,  
Chẳng mỗi một, do dự, chần chừ.  
Thiện nam tử ! Cũng ví như  
Người lính ra trận tâm tư nghĩ rằng  
Trong đội ngũ quân nhân tất cả  
Ta là người gan dạ nhất đây,  
Nếu cần, dầu bất cứ ai  
Tình nguyện giúp đỡ không nài hiểm nguy.  
Cũng như có một vị Vương tử  
Trong lòng luôn suy nghĩ tính toan

Muốn *điều phục* các đại quan  
Đứng đầu triều nội và hàng Vương gia  
Sớm bình trị san hà vững chắc  
Giữ cơ nghiệp xả tắc Tiên Vương,  
Dỗ dành trăm họ kỷ cương,  
Khiến cho Quốc thổ an khang thái bình.  
Vì thế, chớ cho mình hạ liệt  
Mà hãy mau tự *quyết định* mình.  
    Này Vua, Quan các *Chúng sinh*  
    Chỗ làm như vậy đình ninh đạt thành.  
    Thiện nam tử ! **Sở hành Bồ Tát**  
    Cùng suy nghĩ chẳng khác như trên.  
    Thế nào ba sự liễu viên  
Cùng ta đồng một thể nguyên không hai ?  
    Thiện nam tử ! **Như Lai** đã nói  
    Ba sự tức là gọi **Niết Bàn**.  
    **Như Lai** đó, chứng đạo vàng  
Gọi *Vô Thượng Sĩ* hoàn toàn sai đâu.  
    Ví như thân người, đầu trên hết  
    Chẳng đồng với hạ liệt tay chơn.  
    **Phật** cũng vậy, nói khác hơn  
Là bậc Tôn thượng thiên, hơn phàm trần,

Không phải *Pháp* cùng *Tăng* như vậy.  
 Vì *hóa độ* hết thấy muôn loài  
     Nên *thị hiện* tướng khác sai  
 Như bậc thang nọ ngắn, dài tiện phương.  
 Vì thế, này **Ca Diếp Bồ Tát** !  
 Ông chẳng nên như hạng *ngu si*  
     Nhận biết ba pháp *quy y*  
*Tướng* không đồng nhất, vì tùy *Chúng sanh*.  
 Đối *Đại Thừa* thực hành quyết đoán  
 Ông phải như dao bén đã mài. (lạ)

**Ca Diếp Bồ Tát** hiểu ngay  
 Những điều dạy của **Như Lai** giảng bày.  
 Bạch **Thế Tôn** ! Con đây vẫn biết,  
 Nhưng cố ý sự thiệt hỏi qua,  
     Vì các **Bồ Tát** *Hằng sa*  
 Bực *Đại đồng* mãnh rất là trí sâu,  
 Mà bạch hỏi pháp mầu *thanh tịnh*  
 Chỗ thực hành không dính *trước* như,  
     Muốn **Đức Như Lai** hiện giờ,  
 Giảng nói những việc nguồn cơ mới vừa.  
 Tuyên dương *Kinh Đại Thừa Phương Đẳng*

**Đức Bi Tôn** hiểu đặng thuyết bày.

Con cũng an trụ *Pháp* này  
Thực hành *thanh tịnh* không sai *bổn nguyên*  
Như lời **Phật** giáo khuyên **Bồ Tát**  
Tức tuyên thuyết **Đại Bát Niết Bàn**.

**Thế Tôn** ! Con đã sẵn sàng  
Thệ hứa rộng *nguyện* vì hàng *Chúng sanh*  
Xiển dương *Tạng* *Pháp* lành bí mật,  
Cùng chứng biết chơn thật *Tam quy*.

Nếu có *Chúng sanh* giác tri  
Một lòng kính ngưỡng thực thi *thọ trì*

**Đại Niết Bàn** phát huy trọng hậu  
Thời người đó rõ thấu tự nhiên

Ba *Pháp quy y* hiện tiền.

Tin có **Phật tánh** thường xuyên tâm mình.

Người nói *Đại Thừa Kinh* chơn thật  
Rằng trong thân có **Phật tánh** đây.

Lời nói như vậy không sai

*Tam quy* trọn đủ chính ngay tâm người,  
Chẳng nhọc cầu ở nơi nào khác  
Bởi ba *Pháp* in tạc lòng này.

Vì đời vị lai sau đây:

Thân ta thành tựu **Như Lai** tại trần.

Thế nên hàng *Thanh Văn, Duyên Giác*

Và những *Chúng sanh* khác đều nương

Nơi **Ta** lễ bái cúng dường,

Do thiệt nghĩa đó phải thường khéo tu

*Kinh Đại Thừa* công phu chu đáo,

Ắt viên thành **Phật đạo** hoàn toàn.

**Phật tánh** như vậy nghĩ bàn,

*Ba mươi hai tướng* tự trang nghiêm mình,

*Tám mươi thứ đẹp* xinh hoàn bị

Cũng chẳng thể bàn nghĩ được rày.

**Phật** khen **Ca Diếp** : “Lành thay !

*Trí huệ* ông đã sâu dày lão thông.

Nay **Ta** lại vì Ông nói *Pháp*

**Chứng nhập** tạng bí mật **Như Lai**.

Nếu *Ngã* là có ở đây,

Thời gọi là *Pháp* thường hay chẳng rời

*Khổ* thế gian, tìm nơi an lạc.

Vậy ai người độ các *Chúng sanh*.

Nếu không có *Ngã*, tu hành

Nương chỗ *thanh tịnh*, tịnh thanh ích gì.

Nếu cho rằng xét tri các *Pháp*



Đều là không có, thật *Ngã* này,  
Đó là *đoạn kiến* lầm sai  
Người tu như thế lấy dây trói mình,  
Nếu cho rằng *Chúng sinh* có *Ngã*,  
Thời là *chấp thường kiến* đó mà.  
Nếu cho là ở nơi ta  
Tất cả hành *Pháp* nhận ra *Vô thường*,  
Đó là *chấp* con đường *đoạn kiến*  
Của người *tu* trí thiếu so lường.  
Nếu các *Pháp* hành là *thường*  
Lại *chấp thường kiến* buộc vương tâm mình.  
Nói là *khổ* phát sinh *đoạn kiến*,  
Cho là *vui*, *thường kiến* gá nương.  
Nếu *tu* tất cả pháp *thường*  
Sa vào *đoạn kiến* lấp đường Chơn minh,  
Tu *Pháp đoạn* khổ sanh bày hiện  
Thời sa nơi *thường kiến* chấp mang.  
Như bước đi phải nhịp nhàng  
Cần cho chân trước vững vàng trụ yên,  
Chân sau mới bước lên đồng bộ.  
Người tu *Pháp thường*, *đoạn* nghe đây.  
Cũng lại như vậy không sai,

*Đoạn, thường* phải hiểu cả hai dung hòa.

Do nghĩa này chắc là không hạp

Nên người *tu* các *Pháp* khổ sanh

Đều gọi là chẳng trọn lành,

Cho nên **Phật đạo** khó thành mai sau.

Tu các *Pháp* hành trau an lạc,

Thời gọi là chứng đạt chỗ lành.

Người tu *Vô ngã* pháp hành

Thường bị *chướng ngại*, vọng sanh não phiền,

Người tu các *Pháp* thường chơn thật

Thời gọi là *tạng* mật **Như Lai**.

**Niết Bàn**, không chỗ hiện bày

Nơi chốn nào chỉ tìm hoài uổng công.

Tu *Vô thường* tâm lòng thay đổi,

Còn *tham* muốn tài lợi riêng thân,

Nếu *tu* những *Pháp* thường chơn,

Gọi là **Phật, Pháp** và **Tăng** *trụ* thường,

*Chánh giải thoát* là đường duy nhất,

Từ xưa nay **Chư Phật** nủ khuyên.

Nên biết **Phật pháp** *tùy duyên*

Thường dụng **Trung Đạo** làm thuyền sang sông.

Lìa hai bên có, không, thường, đoạn

Mà nói Pháp *bí tạng* **Như Lai**,  
 Người phàm nghe *đôi pháp* này  
 Không còn nghi ngại thảng ngày âu lo,  
 Như người gầy cần cho thuốc bổ,  
 Khí lực tăng cường độ khỏe ra.  
 Những *pháp hữu*, vô xét qua  
*Thế tánh* nhứt định đều là khác sai.  
 Như *Tứ đại* đổi thay đến nỗi,  
 Đều trái nhau ngoại, nội bất đồng.  
 Lương y khéo biết rõ thông  
**Đại** nào phát bệnh mới hòng trừ căn.  
 Thiện nam tử ! Ông cần thấu đạt,  
**Đức Như Lai** đối các *Chúng sanh*  
 Giống vị lương y hiểu rành  
*Thế tướng* sai khác diệt, sanh, não phiền  
 Mà trừ dứt căn nguyên bệnh tật,  
 Khai thị *tạng* bí mật **Như Lai**,  
**Phật tánh** *thanh tịnh* Pháp này  
*Thường trụ* bất biến, khác đây tục trần.  
 Nếu cho rằng có *Chân ngã* hẳn,  
 Thời lẽ ra trí chẳng nhiễm lây  
 Ở trong *Ngũ trước* thế này,

*Trầm luân sáu nẻo đọa đầy kiếp tai.*  
 Nếu nói là *tánh* này không có  
 Thời thành ra *Vọng ngữ* nói sai.  
 Nếu nói là có *tánh* đây  
 Không nên nín lặng, tỏ bày vàng thau.  
 Lại cũng chẳng cùng nhau ***hý luận***,  
 Chỉ nên cầu sớm chứng thật tâm,  
 Rõ biết *Chơn tánh* ***thậm thâm***  
 Của các **Pháp Phật** rộng tâm giáo khuyên.  
 Kẻ *phàm phu* thường siêng cãi cọ,  
 Mãi luận tranh chẳng rõ mình đây,  
 Không hiểu *tạng* mật **Như Lai**.  
 Nếu nói *Pháp khổ* chấp ngay cho rằng,  
 Thân *Vô thường* là thân hư hoại,  
 Nào nhận biết hiện tại nơi thân  
 Có *tánh* *thường, lạc, ngã, chân*  
 Ít ai thức tỉnh định phân tận tường.  
 Nếu nói là *Vô thường* biến đổi,  
 Người *ngu si* nông nổi *chấp* rằng,  
 Cho tất cả các *mạng* thân  
 Đều là *huyễn* giả của nhân *Vô thường*.  
 Như ngôi chửa lửa nung hầm chín

Dễ vỡ tan chẳng dính chắc bền.

Nếu là người trí phải nên

*Quán sát* thật kỹ biết liền thân ta

Có Chủng tử đó là **Phật tánh**,

Như ngọc còn ẩn đá chưa mài.

Nếu nói *Vô ngã* phô bày,

Người *phàm phu* nghĩ thế này luận phân

Cho rằng **Phật, Pháp, Tăng** tất cả

Đều là không có *Ngã* như nhau.

Nếu người đủ *trí huệ* trau

Phải nên *quán sát* cạn sâu, cội ngành.

*Pháp Vô ngã* giả danh đối trị

Bệnh *Ngã mạn*, tự kỷ, mê say.

Nếu nói là *tạng Như Lai*

Vốn tánh *không tịch* xưa nay *thường hằng*,

Người *phàm phu* cho rằng dứt hết

Sanh kiến chấp đoạn diệt ôm mang.

Người trí *quán sát* rõ ràng

**Như Lai** *thường trụ Niết Bàn* vô dư.

Nói *giải thoát* dụ như *huyễn hóa*,

Người *phàm phu* tâm dạ cho rằng,

Chứng đặng *giải thoát* thiệt chân

Tức là dứt mất **căn trần** đoạn *duyên*.  
 Người trí sáng phải nên *quán sát*  
**Đức Như Lai** *giải thoát* tục ly,  
 Mặc dầu có đến hay đi  
 Nhưng vẫn *thường trụ* bất di dịch thời.  
 Nói *Vô minh* *duyên* nơi *hành pháp*,  
 Người *phàm phu* hiểu khác liền ngay  
*Phân biệt* tưởng rằng có hai:  
 “Minh” là sáng suốt phá rày “*Vô minh*”  
 Người trí thức **quán** nhìn tường tận  
 Biết *tánh* đó vốn chẳng có hai.  
*Tánh* không hai, tức **bản lai**  
*Thanh tịnh* thật *tánh* xưa nay *thường hằng*.  
 Nói các **hành** làm nhân ra **thức**,  
 Kẻ *phàm phu* ngỡ vực cho là  
 Có hai “*Hành*”, “*Thức*” sanh ra.  
 Người trí biết *tánh* đó là không hai,  
*Tánh* không hai *bản lai thanh tịnh*  
 Tức **Thật tánh** không dính bụi phiền.  
 Nếu nói thiện, ác do *duyên*  
 Có thể tạo tác dữ, hiền nơi tâm  
*Phàm phu* nghe vội *phân* sai khác

*Chấp* dữ, lành, thiện, ác có hai,  
 Người trí *quán sát* biết ngay  
*Tánh* đó thật sự chẳng rày có hai,  
*Tánh* không hai xưa nay không đổi  
 Tức **Phật tánh** trong mỗi *Chúng sanh*.  
 Nếu nói là nên *tu hành*  
 Tất cả *Pháp Khổ*, vui lành hiện ra  
 Người *phàm phu* nghe qua nghĩ khác  
*Chấp* rằng có hai pháp khổ, vui,  
 Người trí *quán sát* tận nơi  
 Rõ biết *tánh* đó chẳng thời có hai,  
*Tánh* không hai muôn loài có sẵn  
 Tức **Phật tánh** bình đẳng *Chúng sanh*.  
 Nếu nói tất cả pháp *hành*  
 Vô thường biến đổi diệt *sanh luân hồi*,  
**Tạng Như Lai** cũng thời như vậy,  
 Kẻ *phàm phu* nghe lấy *chấp* hai.  
 Người trí *quán sát* hiểu ngay  
 Rõ biết *tánh* đó không hai đâu mà,  
*Tánh* không hai tức là **Phật tánh**  
 Người *ngộ tri đức hạnh* sâu dày.  
 Nếu nói tất cả *Pháp* bày

Đều là *Vô ngã* không ai nói cười,  
*Tạng Như Lai* cũng thời *Vô ngã*.  
Phàm nghe *chấp* rằng đã có hai,  
Người trí *quán sát* nhận ngay  
Rõ biết *tánh* đó không hai, một mà.  
*Tánh* không hai tức là **Phật tánh**.  
“*Ngã, Vô ngã* nơi *tánh* không hai”.

Vì vậy, *mật tạng Như Lai*  
Nghĩa tánh vô lượng, hiện bày vô biên,  
Là chỗ mà *Thánh Hiền Chư Phật*  
Đồng *tán thán* hết mực tuyên bày.

Hôm nay ở trong Kinh này  
Tất cả *công đức Ta* đây nói rồi.  
Thiện nam tử ! *Ngã* thời *Vô ngã*  
*Tánh* và *tướng* như đã giảng bày.

Thật ra là không có hai,  
Ông phải thận trọng từ đây *thọ trì*,  
Và mãi mãi khắc ghi gìn giữ  
*Kinh điển* này lưu trữ phổ truyền.

Giống như **Ta**, thuở đầu tiên  
**Kinh Đại Bát Nhã** đã tuyên như vậy:  
“Cũng nói *Ngã* và đây *Vô ngã*



Không có hai, đồng hóa tự danh”.  
Thiện nam tử ! Phải hiểu rành.  
Nhơn do từ “Sữa” tạo thành “Lạc” sanh,  
Do “Lạc” thành “Sanh Tô” mới có,  
Do “Sanh Tô” thành đó “Thục Tô”,  
Do “Thục Tô” đặng “Đề Hồ”.  
Nói chung năm thứ đều do Bò thành.  
Chất lạc có Sữa sanh mới có  
Hay cho rằng tự nó biến sanh  
Hoặc do cái khác mà thành  
Đề hồ nhĩn đến ... phải rành nguyên nhân.  
Nếu từ cái khác sanh Chất lạc  
Thì chẳng do nơi Sữa cấu thành.  
Nếu không phải từ Sữa sanh,  
Đối với Chất lạc Sữa thành vô công,  
Bởi vì Sữa vốn không có Lạc.  
Nếu Chất lạc tự tác, tự sanh,  
Đâu cần từ Sữa biến thành,  
Sữa là *bản thể*, dụng sanh Lạc này.  
Nếu lần lần Lạc đây chuyển đổi  
Thời là Lạc chẳng có sanh chung.  
Nếu chẳng sanh chung một dòng

Thì cả năm thứ không đồng thời gian.  
Dầu chẳng đồng thời gian đi nữa  
Nhưng *quyết định* từ Sữa cấu thành.  
Không phải từ chỗ khác sanh  
Mà có Chất lạc rõ ràng chẳng sai.  
Phải nên biết trong đây Chất sữa  
Đã có tướng Chất lạc biến sanh.  
Vì rất nhiều vị ngọt thanh  
Chẳng thể tự biến Lạc thành được mô!  
Nhẫn đến Chất *đề hồ* cũng thế,  
*Duyên* nơi Sữa mới chế biến qua.  
Sữa từ Bò cái sinh ra  
Người nuôi chăm sóc rất là tốn công,  
Ăn cỏ tốt, uống dòng nước sạch,  
Bò khỏe mạnh, huyết mạch lưu thông,  
Tạo ra dòng Sữa trắng trong.  
Cho ăn cỏ ngọt, Sữa hòng ngọt thay,  
Ăn cỏ đắng, Sữa đây vị đắng,  
Sữa *tùy duyên* vị chẳng giống nhau.  
Ở trên núi Tuyết độ cao  
Có thứ loại cỏ đặc màu xanh tươi  
Tên "*Phì Nhị*" ít người nghe thấy

Được cỏ này Bò cái ăn vào  
 Cho *đề hồ* tốt dưỡng bao  
 Không có xanh, đỏ, trắng màu vàng, đen.  
 Do cỏ, lúa làm *duyên* nuôi dưỡng  
 Mà Sữa bò sanh trưởng khác nhau,  
 Xanh, đỏ, vàng, trắng, đen màu  
 Vị thời chua, đắng, ngọt ngào .v.v...  
 Các *Chúng sanh* phàm trần cũng vậy,  
 Do tại “Minh” cùng với “*Vô minh*”,  
 Vì *nghiệp* làm *nhơn duyên* sinh  
 Nên có hai tướng thấy nhìn bày ra.  
 Nếu “*Vô minh*” tâm ta chuyển biến,  
 “Minh” thời pháp ác, thiện không còn.  
 Như người mù lọt lớp mây  
 Tức là đồng sáng không hai tướng bày.  
**Ca Diếp** liền chấp tay bạch **Phật**:  
 “**Thế Tôn** ! Như lời **Phật** phân qua,  
 Trong Sữa có tướng Lạc mà  
 Nghĩa đó có đúng, thật ra thế nào ?  
**Thế Tôn** ! Như nói rằng trong Sữa  
*Quyết định* có tướng Lạc đó mà,  
 Do vì *vi tế* sâu xa

Nhìn từ mắt thịt thật ra khó lường.  
Thế sao **Đại Y Vương** ! lại nói  
Từ nơi Sữa, Lạc mới được thành.  
Trước không, sau nay lại sanh.  
Như Lạc vốn đã có thành tức nhiên,  
Sao lại nói Sữa *duyên* sanh Lạc  
Nên nghĩa này có khác hay chẳng?  
Nếu trong Sữa *quyết định* rằng  
Đã có tướng Lạc dần dần tự sanh,  
Như vậy thì ở trong cỏ lúa  
Lẽ ra cũng có Sữa vậy mà,  
Và ở trong Sữa lẽ ra  
Cũng có cỏ lúa chẳng là khác sai.  
Nếu nói trong Sữa đây *quyết định*  
Không có Lạc kết dính chút nào,  
Nói như vậy, thế tại sao ?  
Nhơn Sữa thành Lạc lẽ đâu lạ lùng.  
Nếu trước kia vốn không có Lạc,  
Sau mới sanh ra Chất lạc này,  
Thời có gì trong Sữa đây  
Chẳng sanh mầm lúa hoặc hay cỏ **Phi** ?  
Thiện nam tử ! Không nên *quyết định*

Rằng trong Sữa có Chất lạc sanh  
Hay trong Sữa không cấu thành  
Chất lạc do đó chẳng sanh đặng thời  
Và chớ nói từ nơi chỗ khác  
Mà sanh ra được Chất lạc này.  
Nếu trong Sữa có Lạc đây  
Cả hai chất vị sao rày khác nhau.  
Vì thế, cũng chẳng nên *quyết định*  
Trong Sữa có Chất lạc tạo sanh.  
Lại nói trong Sữa ngọt thanh  
Làm gì mà có Lạc sanh ra nào.  
Sữa sanh Lạc, cớ sao Sữa chẳng  
Sanh vật khác, chắc hẳn được mà.  
Ví dụ đem chất độc pha  
Vào trong Chất sữa hợp hòa đặng chăng?  
Lúc Sữa nọ biến thành ra Lạc  
Thời Chất lạc giết thác mạng nhân,  
Vì thế không nên nói rằng  
Trong Sữa không có Lạc sanh ra thời.  
Còn nếu nói từ nơi chỗ khác  
Mà sanh ra Chất lạc này thành,  
Cớ gì nước lã chẳng sanh

Tạo ra Chất lạc thơm lành tự nhiên.  
Phải nói từ căn nguyên trong Sữa  
Sanh Chất lạc không khác nào hơn.  
Thiện nam tử ! Phải am tường.  
Do con bò cái ăn thường cỏ xanh,  
Khi tiêu hóa biến thành bạch huyết,  
Huyết tốt sinh Sữa thật ngon thay,  
Cỏ, huyết làm như Sữa đây  
Chẳng gọi hai thứ khác sai bất đồng.  
Đủ *như duyên* sanh dòng Sữa tốt  
Rồi sau có Chất lạc, *đề hồ*.  
Ủ đông Sữa đặc đọng khô,  
Hâm nóng thành Lạc không còn Sữa nguyên,  
Vì thế, chẳng có nên phủ quyết  
Rằng trong Sữa, Lạc thật không sanh.  
Nếu nói từ nơi khác thành,  
Ngoài Sữa sanh Lạc chẳng *duyên* chỗ nào.  
Thiện nam tử ! Như nhau chẳng khác  
“Minh”, “*Vô minh*” tương tác hiện bày.  
Nếu chung với *phiền não* đây  
Thời gọi tâm bị phủ đầy “*Vô minh*”  
Nếu chung với pháp lành *thanh tịnh*

Thời gọi là tâm định trí “Minh”.  
Do đó **Như Lai** nhận nhìn  
Không có hai tướng “Minh” cùng “*Vô minh*”.  
Nên trước kia thật tình **Ta** nói  
Như bò cái ăn cỏ “*Phì Nhị*” ,  
Sữa khác không thể so bì,  
*Đề hồ* thượng thặng chẳng gì sánh hơn.  
**Phật tánh** vốn *Chơn thường* bất diệt  
Tại tối tăm không biết nhận ra.  
*Phiền não* ngăn lấp sâu xa  
Khuất che **Phật tánh** của ta lu mờ.  
Cũng như người nuôi bò thiếu nước,  
Cỏ *Phì Nhị* chẳng được ăn qua.  
Như trong biển lớn bao la  
Đồng một vị mặn chan hòa khắp nơi,  
Nhưng trong đó có thời nước ngọt  
Nếu không nói, thiếu sót điều này.  
Vị mặn đồng như Sữa đây,  
Nước ngọt như Chất lặc này Sữa sanh.  
Trên núi Tuyết, mọc nhiều loại thuốc,  
Nhưng cũng có thuốc độc lắm thay !  
Thân của *Chúng sanh* muôn loài

Cũng lại như vậy, chẳng sai khác gì .  
 Dầu có rắn độc nguy *Tứ đại*,  
 Nhưng trong thân có loại được linh,  
 Đó là **Phật tánh** *Chúng sinh*,  
*Tánh* này chẳng phải tướng hình tạo ra.  
 Vì sóng phiền đầy ba chưa lặn,  
 Nếu *Chúng sanh* dứt đặng sóng phiền  
 Tức thấy **Phật tánh** hiện tiền  
 Thành đạo *vô thượng, phước điền* minh mông.  
 Ví như giữa *hư không* cao thẳm  
 Giăng mây đen nổi Sấm vang trời,  
 Trên ngà của các loài voi  
 Đều sanh bông trở trên đời lạ thay !  
 Nếu không có vang đầy Sấm nổ  
 Thời bông không sanh trở ngà voi.  
**Phật tánh** *chúng tử* muôn loài  
 Cũng lại như vậy, chẳng sai khác gì,  
 Thường bị mây *tham si* che khuất  
 Nên chẳng thấy đặng **Phật tánh** này.  
 Vì thế, nên *Chúng sanh* đây  
 Nói không có *Ngã* hiện nay tạm thời.  
 Bằng được nghe những lời **Phật** thuyết



Trong **Kinh Điển Đại Niết Bàn** này  
 Chắc đặng thấy **Phật tánh** ngay  
 Như bông hiện ở trên ngà voi kia.  
 Dầu có được nghe qua *Tam muội*,  
 Tất cả trong nhiều loại *Khế Kinh*  
 Mà chẳng nghe giảng thuyết trình.  
 Hoặc là đọc tụng diệu **Kinh Niết Bàn**,  
 Thời chẳng biết rõ ràng am hiểu  
 Tướng **Như Lai vi diệu** hoàn toàn,  
 Như lúc không có Sấm vang,  
 Thời chẳng thấy đặng bông vàng ngà voi.  
 Được nghe *Kinh* này rồi trí sáng  
 Liên liễu chứng Chơn tạng tánh này  
 Của các **Đức Phật Như Lai**  
*Diễn thuyết* bất khả xưa nay nghĩ bàn.  
 Như trời nọ nổi vang tiếng Sấm  
 Thấy bông trở trên các ngà voi.  
 Được nghe *Kinh* này hẳn hỏi  
 Liên biết tất cả muôn loài *Chúng sanh*  
 Đều có sẵn *Pháp* lành **Phật tánh**  
 Nếu *tu hành* chuyển *Thánh* thoát phàm.  
 Do nghĩa trên đây bao hàm

Rộng nói **Kinh Đại Niết Bàn** hoằng khai  
 Là *tạng* mật **Như Lai** *Chơn tánh*  
 Thêm lớn tăng công hạnh *Pháp thân*.  
 Như lúc trời Sấm vang rân  
 Bông ngà voi đó được phần sinh thêm.  
 Nếu như có *Thiện nam, Tín nữ*  
 Hoặc *thọ trì*, gìn giữ bảo toàn,  
*Tu tập Kinh Đại Niết Bàn*,  
 Nên biết người đó thuộc hàng *Thánh nhân*,  
 Có thể báo được ân **Chư Phật**,  
 Là *đệ tử* Chơn thật **Như Lai**.  
**Ca Diếp Bồ Tát** Đức Ngài !  
 “Bạch **Phật** ! Đã nói rộng bày Tánh chơn,  
 Rất sâu kín, khó lường thấu đạt  
 Hàng *Thanh Văn, Duyên Giác Nhị thừa*  
 Không thể đến được bến bờ  
**Phật tánh** dầu thấy lờ mờ khó tin”  
**Đức Phật** nói : Này *Thiện nam tử* !  
 Đúng như lời ông vừa khen qua.  
 Chẳng trái lời nói của **Ta**  
 Đáng *Thiện tri thức* thật là xứng danh.  
 Ngài **Ca Diếp** chân thành bạch **Phật**:

“Thưa **Thế Tôn** ! Con thật hỏi qua  
**Phật tánh** ấy rất sâu xa  
 Khó lường thấy biết thiệt ra thế nào ?”  
**Đức Phật** nói : “Này *Thiện nam tử* !  
 Như trăm người bệnh mắt mù lòa  
 Tìm đến thầy thuốc nhãn khoa  
 Để trị bệnh mắt thoát qua khổ nản.  
 Thầy thuốc dùng kim vàng phẫu thuật  
 Lấy hạt cườm khỏi mắt liền ngay,  
 Xong rồi đưa một ngón tay  
 Hỏi rằng : Có thấy hiện nay vật gì ?  
 Người bệnh đáp : Tôi thì chưa thấy.  
 Thầy thuốc đưa hai, ba ngón tay;  
 Kế lại hỏi người bệnh này;  
 Người bệnh nói thấy nhưng chưa rõ ràng.  
 Thiện nam tử ! **Niết Bàn** chơn thiệt.  
 Lúc **Thế Tôn** chưa thuyết Kinh này,  
 Như người mù chẳng khác đây  
 Không thể nhìn thấy ngón tay của người.  
 Có Vô lượng số thời **Bồ Tát**  
 Dầu thật hành đủ các diệu phương,  
**Sáu Ba-la-mật** tinh tường,

Nhãn bậc **Thập trụ** cao cường tuệ minh,  
**Phật tánh** ấy thấy nhìn chưa rõ,  
 Như người mù lột bỏ lớp mây.

Khi **Thế Tôn** thuyết giảng bày  
 Mới thấy chút ít tánh này thiệt chân.

Các **Bồ Tát** nói rằng : “Bạch **Phật** !

Lạ lòng thay, sự thật Chúng tôi

*Lưu chuyển* sanh tử lâu đời

Thường bị *Vô ngã* chấp thời thọ mang.

Thiện nam tử ! Các hàng **Bồ Tát**

Đều là bậc **Thập Địa** hoàn toàn

**Phật tánh** thấy chưa rõ ràng

Huống là *Duyên Giác* hoặc hàng *Thanh Văn*.

Mà thấy được trọn phần **Phật tánh**,

Lại *phàm phu* so sánh xa vời.

Thiện nam tử ! Như có người

Ngước mặt nhìn thấy bầu trời bao la.

Đàn chim Nhạn bay qua trong đó

Nhưng nhìn kỹ thấy rõ đôi phần.

*Thập trụ* **Bồ Tát** khả năng

Thấy nơi **Phật tánh** so bằng người kia.

Huống là hàng *Thanh Văn*, *Duyên Giác*

Thấy **Phật tánh** thấu đạt hết đây?

Thiện nam tử ! Như người say  
Nhìn thấy đường xá lộn quay lằng quằng  
Không nhận định được rằng chính xác  
Bởi vì chưa tỉnh hẳn cơn say.

Bậc *Thập Trụ* **Bồ Tát** này

Đối với **Phật tánh Như Lai** thuyết bày  
Chỉ thấy biết được vài đôi chút  
Cũng chẳng khác, như lúc người say.

Thiện nam tử ! Lại như vậy.

Có người khác nước đứng ngay giữa đồng.

Đi khắp nơi cầu mong tìm nước,

Thấy lùm cây ở trước mặt mình

Trên đậu Bạch hạc trắng tinh,

Bị cơn khát ngặt nên nhìn trông qua

Chẳng *phân biệt* đâu là cây, nước.

Khi đến gần biết được lùm cây

Và lông Bạch hạc trắng bày

Tưởng rằng là nước thật đây sai lầm.

Bậc *Thập Trụ* cao thâm **Bồ Tát**

Đối **Phật tánh** rộng hoát sâu xa

Phần ít thấy biết đôi ba

Không thể trọn vẹn hết là đặng đâu.  
Thiện nam tử ! Biển sâu rộng lớn  
Đến trăm ngàn ước lượng *do tuần*.  
Có người khách đến dừng chân  
Ngắm nhìn biển cả trong ngàn bao la.  
Bất chợt thấy xa xa ẩn hiện  
Chiếc thuyền lớn di chuyển ngoài khơi.  
Người khách đó liền nghĩ thời  
Là thuyền hay chỉ mây trời khoảng không.  
Nhìn thật lâu trong lòng *quyết định*  
Đẩy thuyền lớn chắc chắn không sai.  
Bực *Thập Trụ Bồ Tát* này  
Tự thân *quán chiếu* thấy ngay hiện bày  
Chơn **Phật tánh Như Lai** *thường trụ*  
Như thuyền lớn ẩn dụ biển khơi.  
Thiện nam tử ! Như có người  
Thân hình yếu đuối dạo chơi suốt ngày  
Qua một đêm không tay gối dậy  
Đôi mắt mờ chẳng thấy rõ ai.  
Bực *Thập Trụ Bồ Tát* này  
Mặc dầu tự biết thân đây của mình  
Có **Phật tánh** tối linh *vô thượng*,

Nhưng thấy nhìn chưa được rõ ràng.  
 Thiện nam tử ! Như vị quan  
 Vì bận công sự đi tuần suốt đêm,  
 Thân mệt mỏi lại thêm mất kém  
 Nhìn bầy Trâu mà tưởng dãy nhà,  
 Chừng khi nhận định thì ra  
 Trông Cuốc lầm tưởng hóa Gà là sai,  
 Biết bầy Trâu nhưng đây chưa chắc.  
 Bạc *Thập Trụ* **Bồ Tát** thấy nhìn  
**Phật tánh** ở trong thân mình  
 Nhưng chưa *tự chứng* định ninh hoàn toàn.  
 Thiện nam tử ! *Tỳ Kheo* trì giới,  
 Nhìn bát nước không có vi trùng,  
 Mà thấy tướng trùng ở trong  
 Tâm liền suy nghĩ có, không chẳng là !  
 Hay bụi đất hiện ra bát nước,  
 Nhìn thật lâu thấy được bụi trần,  
 Nhưng chưa *phân biệt* thiệt chân.  
**Bồ Tát** *Thập Trụ* biết thân của mình  
 Có **Phật tánh** Chơn minh *thường trụ*  
 Nhưng nhìn thấy chưa rõ ràng thời.  
 Thiện nam tử ! Như có người

Đứng trong đêm vắng tối trời không trăng.

Thấy đứa bé tưởng rằng con vật !

Hay cội cây giả, thật chưa phân,

Nhìn lâu mới dám chắc rằng.

Đứa bé, nhưng lại trong tâm còn ngờ.

Bậc *Thập Trụ* bây giờ cũng vậy,

*Quán* nơi thân nhìn thấy tánh này

Nhưng chưa rõ ràng lắm thay !

Thấy người nghi ngại cho đây vật gì.

Thiện nam tử ! Có một người nọ,

Trong đêm tối nhìn rõ được đâu.

Thấy tượng **Bồ Tát** đẹp bao

Mà tưởng Thiên Tướng vị nào hiện ra,

Nhìn lâu mới chắc là bức tượng

Của **Bồ Tát**, tâm lượng hoài *nghi*.

Bậc *Thập Trụ* cũng vậy thì,

*Quán* thân mình biết *sở tri* tánh này,

Nhưng nhìn thấy ở đây chưa rõ,

Tượng **Bồ Tát** mà ngỡ *Thiên thần*.

Thiện nam tử ! **Phật tánh** Chân

Rất là sâu rộng vô ngần, vô biên.

Khó thấy biết căn nguyên *bản thể*



Chỉ **Chư Phật** và **Thế Tôn** đây

Mới biết rõ **Phật tánh** này,

*Thanh Văn, Duyên Giác* không tà thấu tri.

Người trí phải nghĩ suy *quán sát*

Cũng như vậy, tỉnh giấc thường ngày,

Để rõ biết **Phật tánh** này

Vốn là *thường trụ* không thay đổi dời.

Ngài **Ca Diếp** tức thời bạch **Phật**:

“Bạch **Thế Tôn ! Phật tánh** tinh tường,

*Vi tế* sâu nhiệm khó lường

Làm sao *nhục nhãn* người thường thấy qua” .

**Phật** lại bảo, nghe **Ta** nói tiếp :

“Này **Bồ Tát Ca Diếp** như vậy:

*Trời phi tướng phi phi tướng* đây,

*Nhị Thừa* khó đặng ít ai thấy nhìn,

Chỉ tin theo *Khế Kinh* mà biết

Rồi *tu chứng* thấy thiệt tánh chân.

Thiện nam tử ! Hàng *Thanh Văn*,

Hay là *Duyên Giác* ân cần kính tin

**Đại Niết Bàn** chơn kinh một mực,

Tự biết thân có **Phật tánh** này.

Thiện nam tử ! Phải thường ngày

Tinh tấn *tu tập* sâu dày nguyên tin

**Đại Niết Bàn Tôn Kinh** Chân thật.

**Phật** tánh đó chỉ **Phật** biết thôi,

Hàng *Nhị thừa* chẳng trau dồi

Không thể đến được vào nơi tánh này” .

Ngài **Ca Diếp** chấp tay bạch **Phật**:

“Hàng *Chúng sanh* nhưn vật *phàm phu*

Chẳng phải bực *Thánh* chứng tu

Đều nói có *Ngã* thật hư thế nào ?.”

**Đức Phật** dạy : Sau đây ví dụ,

Có hai người làm bạn thân nhau

Một người Vương tử quyền cao,

Một người dân giả kết giao thâm tình,

Bạn nghèo thấy trong mình Vương tử

Lúc nào cũng cất giữ đoản đao

Rất là báu quý dường bao,

Trong lòng thích muốn chạm vào thử coi.

Thời gian sau, cuộc đời nguy khốn

Wương tử kia lẫn trốn nước ngoài.

Một hôm, người bạn nghèo đây

Trên đường lưu lạc tháng ngày mưu sinh,

Trong giấc mộng giật mình hoảng hốt

Miệng la lớn: Đao tốt đâu rồi !  
Chủ nhà trọ nghe rõ lời  
Bắt người dân giả giao thời quan quân.  
Vua truyền lệnh hỏi rằng : Có biết,  
Đoản đao kia nay thiệt ở đâu?  
Người dân giả thuật đuôi đầu  
Trước sau tường tận chẳng nào dối gian,  
Dầu Đức Vua có ban tội chết  
Thần cũng không hề biết đoản đao  
Hiện thời giấu cất nơi nào,  
Tuy cùng Vương tử nặng sâu nghĩa tình.  
Chỉ một lần trộm nhìn trông thấy,  
Nhưng chưa từng cầm lấy đoản đao,  
Huống lại đánh cắp được sao.  
Ngưỡng trông xét lại ớn sâu biển trời.  
Nhà Vua hỏi : “Lúc người trông thấy  
Hình dạng đao đó giống thứ gì ?”  
Người dân giả bèn thưa thì :  
“Thần thấy nó giống như sừng dê đen”.  
Vua nghe xong, cả khen mừng rỡ,  
Rằng: “Nhà người chớ sợ buồn lo,  
Ta tha cho người tự do

Bởi vì xét kỹ trong kho tàng này  
Của ta chẳng có thứ đao ấy,  
Huống là người trông thấy đoản đao  
Vị Vương tử trước kia nào,  
Chắc người nhầm lẫn không sao tội tình”.  
Vua gạn hỏi triều đình trên dưới  
Có ai thấy đoản đao đó chẳng ?  
Chưa có lời đáp Vua băng.  
Triều thần *quyết định* lập Tân vương liền.  
Vị vua mới phán truyền cũng vậy.  
“Trong các khanh ai thấy đoản đao  
Hình dáng nó như thế nào  
Thuật lại cho rõ đuôi đầu đúng không ?”  
Các quan đồng một lòng trình bạch:  
“Chúng thần từng nhìn thấy đoản đao  
Hình dáng giống sừng dê đen  
Sự thật là vậy chẳng thêm bớt gì”.  
Vua mới bảo: “Vậy thì không đúng !  
Trong kho tàng Vương quốc của ta  
Chẳng có thứ đao đó mà  
Hình dáng như vậy thiệt là khác sai ?”  
Lần lượt ngai vàng thay bốn bận,

Mãi truy tìm chẳng đặng đoản đao.  
Sau đó, Vương tử bôn đào  
Trở về Cố quốc quần thần tấn phong  
Tôn làm vua đẹp lòng bách tính  
Việc triều chính chấn chỉnh đặng an.  
Tân vương phán hỏi các quan:  
“Ai người đã thấy rõ ràng bảo đao  
Hình dáng nó thế nào thuật lại  
Để Trẫm nghe có phải vậy không ?”  
Các quan tâu trình một lòng :  
“Chúng tôi đều thấy”. Nhưng không đồng đều,  
Rồi đua nhau dệt thêu ngụy tạo.  
Người thì nói sắc đao sáng ngời  
Như hoa sen xanh tuyệt vời.  
Người lại nói giống như thời sừng dê.  
Có người nói đao màu hồng đỏ.  
Người lại nói đao đó đen tuyền.  
Nhà Vua cả cười bảo khuyển:  
“Các khanh đều chẳng có *duyên* thấy nhìn  
Hình dạng thật đao linh của Trẫm  
Chỉ đoán mò suy gẫm mà thôi”.  
Thiện nam tử ! Cũng vậy thời,

**Bồ Tát** xuất hiện nơi đời mê tân  
 Giảng thuyết tướng thiết chân của *Ngã*.  
 Thuyết xong rồi vội vã bỏ đi.  
 Như Vương tử kia khác gì  
 Mang đao báu tốt cách ly quê nhà.  
 Người *phàm phu* chẳng qua tối dạ  
 Cho rằng là có *Ngã* giống nhau.  
 Như người dân giả kia nào!  
 Trong mơ lại mở con đao ! Của người.  
 Hàng *Thanh Văn* và thời *Duyên Giác*  
 Thường hay hỏi đến các *Chúng sanh*  
 Tướng của *Ngã* có thấy rành  
 Thế nào ? Giải đáp ngọn ngành phân qua.  
 Có người đáp: “Thật ra tôi thấy  
 Tướng của *Ngã* lớn cỡ ngón tay.  
 Có kẻ lại nói như vậy,  
 Giống là hạt gạo hoặc rày cỏ hoa,  
 Cũng có kẻ nói là tướng *Ngã*  
 Ở trong tâm sáng tự mặt trời ”.  
 Những *Chúng sanh* nơi phàm đời  
 Đều chẳng biết tướng của thời *Ngã* đây.  
 Như các quan không ai thấy biết

Hình dáng đao sự thiệt của vua.

**Bồ Tát** muốn độ nhơn loài

Giảng thuyết tướng trạng *Ngã* này mở khai,

Hàng *phàm phu* chẳng ai biết được,

*Vọng tưởng* ra hình tướng luận bàn.

Cũng như các vị lão quan

Diễn tả đao nọ giống sừng dê đen.

Hạng *phàm phu* nhỏ nhen tăm tối

Cứ tuần tự tiếp nối với nhau

Sanh ra *tà kiến* càng sâu.

**Phật tử** *thị hiện* đao mâu hoằng khai

Pháp *Vô ngã* trừ ngay *tà kiến*,

Bệnh trầm kha cần kiếm được thang.

Như Vương tử bảo các quan:

“Đao đó không có kho tàng của ta”.

Thiện nam tử ! Cũng là như vậy.

Hôm nay, **Đức Như Lai** nói ra

*Ngã* Chơn thật đó gọi là

**Phật tánh** sẵn có *Hằng sa* muôn loài.

**Phật tánh** ấy, không hai chỉ một

Trong **Phật pháp** siêu tột sâu xa.

Như đoản đao báu kia mà

Của vị Vương tử mang ra nước ngoài.

Thiện nam tử ! Có ai nói đúng,

Đó chính là *quyền dụng cơ duyên*.

**Phật pháp** *vô thượng vô biên*

Nếu người *tùy thuận* thuyết tuyên thế này

Phải nên biết người đây chính thức

Là **Bồ Tát** xứng bực *Ma ha*.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** ( 3 lần)





## LỄ XÁ-LỢI BẢO THÁP ĐẠI THỌ BỒ ĐỀ



Con xin lễ bái các phần

**Bảo Tháp, Xá Lợi, Kim Thân Phật Đà**

Bồ đề khắp cõi Sa bà

Nhất tâm thành kính hương hoa cúng dường

*(Đọc ba lần, một lạy)*

Trước **Xá Lợi** ân lành cao cả,

Trên bửu đài rạng tỏa linh vân.

Đèn hoa tinh khiết hương trầm

Đê đầu chiêm bái Pháp thân Cha lành,

**Đức Thích Tôn** viên thành **Phật** quả.

Bốn lăm năm hoằng hóa đạo mầu,

Nắng mưa hạ lạp dãi dầu,

Từ bi quảng đại sá đâu dậm trình.

Thương ba cõi hữu tình khổ nạn,

Ngàn năm sau còn cảm hồng ân.

Nghiêm tôn *Thượng Sĩ* xuất trần,

Đàm hoa ái truyết diệu âm thường còn.

Xét huyễn thể hơi mòn sức kiệt,

Lẽ hoại thành sinh diệt tự nhiên.  
 Đạo vàng tương tục giáo truyền,  
 Thánh như bốn quả nhân thiên đã nhiều.  
 Bạc hữu học giới điều nghiêm cẩn,  
 Hàng tại gia sung mãn tín tâm.  
 Ngàn sau dòng pháp chuyển luân,  
**Tam Bảo** trụ thế viên âm bảo tồn.  
 Vườn Sa La **Từ Tôn** viên tịch,  
 Ngọc **Xá Lợi** di tích thế gian.  
 Bảy đoạn xương lớn rở rang,  
 Xương trán, răng nhọn, thêm phần xương vai.  
 Lửa Tam muội hỏa đài tự cháy,  
 Không hoại tan quả thấy nhiệm mầu.  
 Uy linh **Xá Lợi** đủ màu,  
 Chia ra ba cỡ khác nhau cân lường.  
 Chừng năm cân lớn bằng hạt đậu,  
 Ánh chiếu ngời huỳnh ngọc kim cương.  
 Cỡ hai đồng dạng lạ thường,  
 Lớn bằng hạt thóc ước chừng sáu cân.  
 Pha lê sắc trong ngần tôn quý,  
 Dầu đem so phẩm thúy nào bằng.  
 Cỡ ba hột cải trắng ngần,

Tựa như ngọc điệp năm cân đong lường.  
 Kể từ đó bốn phương pháp hội,  
 Tháp bảo đặng khắp cõi Diêm Phù.  
 Thánh tích tôn trí bốn châu,  
 Chư Thiên nhân loại ngưỡng cầu cung nghinh.  
 Cõi Phạm Đế nghiêm minh sùng bái,  
 Chúa Long Cung quỳ lạy dâng hương.  
 Trân châu, mã não thiết đường,  
 Kim ngân châu báu diệu trần Hằng sa.  
 Ánh Đạo vàng bảo tòa bất diệt,  
 Đèn vô dư mật độ chiếu soi.  
 Công Vua **A Dục** rạng ngời,  
 Tạo muôn tôn tháp vạn đời di lưu.  
 Ngọc **Xá Lợi** nhiệm mầu pháp tánh,  
 Xương **Phật Đà** hiển thánh uy linh.  
 Xót thương khổ hải hữu tình,  
 Hóa thuyền cứu độ chúng sinh quay về.  
 Gieo hạt giống Bồ đề ưu việt,  
 Quả mai sau thanh khiết trần tâm.  
 Tuệ tri thấy rõ mê lầm,  
 Ba đào sóng lặng tham, sân xả lìa.  
 Hương tịnh giới Ta bà nghi ngút,

Trầm tín tu thơm ngát mười phương.  
Chúng con chiêm bái cúng dường,  
Trăng sao phạm hạnh tứ vương chứng hầu.  
Thờ **Xá Lợi** ngưỡng cầu công đức,  
Xin vô ngôn chân thực hiển bày.  
Pháp thân **Từ Phụ Như Lai**,  
Hộ trì đệ tử đủ đầy phước duyên.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)**



# MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH



Trí vô thượng thình thình rộng lớn  
Sáng trong ngần, chẳng bợn mảy trần,  
Làu làu một tánh Thiên chân  
Bao trùm muôn loại chẳng phân Thánh phàm,  
Chân tâm vốn lặng trang sáng suốt,  
Cõi bờ kia một bước đến ngay,  
Trọn lòng đầy đủ xưa nay,  
Công thành quả chứng tỏ bày đích đang,  
Hàng **Bồ Tát** danh **Quán Tự Tại**,  
Khi tham thiền vô ngại ngoài trong,  
Thẳng vào trí huệ mở thông,  
Soi thấy năm uẩn đều không có gì,  
Nên tất cả không chi khổ ách,  
Trong thức tâm hiện cảnh sắc ra,  
Sắc không chung ở một nhà,  
Không chẳng khác sắc, sắc nào khác không.  
Sắc tướng đây cũng đồng không tướng,

Không tướng y như tướng sắc kia;  
Thọ, tưởng, hành, thức phân chia  
Cũng lại như vậy qui về chơn không  
Bởi thiệt tướng Như Ông sẵn có,  
Các pháp kia thấy rõ trống trơn,  
Chẳng sanh, chẳng diệt thường chơn,  
Chẳng thanh, chẳng trước, chẳng tăng, giảm nào.  
Do nghĩa đó trùm bao tam giới,  
Sáng tột cùng không ngại, không ngăn,  
Vốn không Ngũ uẩn ấm thân  
Sáu căn chẳng có, Sáu trần cũng không,  
Thấy rỗng không ngoài trong Pháp giới,  
Biết hoàn toàn thấu tới Pháp không,  
Tánh không sáng suốt viên thông  
Vô minh chẳng có, huệ lòng sáng ra,  
Vẫn không có sanh, già, bệnh, tử,  
Nên chẳng còn gìn giữ chấp câu.  
**Tứ đế** cũng chẳng có đâu,  
Chỉ là phương tiện khác nào lối đi.  
Vô sở đắc đoạn ly tất cả,  
Tánh pháp kia đều xả Nhị nguyên

Tịnh lòng trí huệ hiển nhiên,  
Bờ kia mau đến Tam thiên ngại gì  
Vô quái ngại sợ chi não chướng,  
Tức xa lìa mộng tưởng đảo điên,  
Tâm chơn rốt ráo liễu viên  
Niết bàn chứng đắc, chơn nguyên hoàn toàn.

**Tam Thế Phật**, y đàn **Bát Nhã**,  
Đáo Bồ Đề chứng quả chánh chơn,  
Cho hay **Bát Nhã** là hơn,  
Pháp môn tối thắng, cỡi chơn mau về.  
Thiệt thân chú phá mê hiệu lực,  
Thiệt thân chú đúng mực quang minh,  
Ấy Chú tối thượng oai linh,  
Ấy Chú vô đẳng tinh tinh oai thần,  
Trừ tất cả nguyên nhân các khổ,  
Thức tỉnh lòng giác ngộ vô sư,  
Thiên nhiên chơn thiệt bất hư,  
Ấn lam Thần Chú chơn như thuyết rằng:

• **Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế,  
bồ đề tát bà ha (3 lần)**



## NGUYỄN VÃNG SANH



Con nay xin phát lòng lành  
Quy y theo **Phật**, tử sanh chẳng màng  
Cầu nguyện về cõi Lạc Bang  
Nghiệp duyên trần thế trái oan không còn  
Một đời tròn giữ sắt son  
Thủy chung chặt dạ làm con Di Đà  
Lời thề **Đức Phật** sâu xa  
Nguyện tu để sớm thoát ra Tam đồ  
Hạnh tin con quyết điểm tô  
Sớm chiều Lục Tự, Nam Mô thường hằng  
Mòn tiêu lỗi ý, khẩu, thân  
Không còn vọng móng lăng xăng Sáu đường  
Thấu nơi các pháp chơn thường  
Qui về giác tánh chẳng vương nhiễm trần  
Trong thì hàng phục Lục Căn  
Ngoài nường thế tục đoạn lần sắc thính  
Bản thể soi chiếu quang minh  
Dụng chơn trí huệ, mê tình xua tan



Mong cầu **Vô Lượng Thọ Quang**  
Nhiếp Tâm **Thọ Ký Tây Phương** chóng vào  
Lời thề như một trước sau  
Dù cho biển cạn không xao xuyên lòng  
Sắc không, không sắc, sắc không  
Xưa nay **Phật**, Chúng vẫn đồng như nhau  
Đây đàng **Tịnh Độ** nêu cao  
Tín tin như nhứt, nguyện vào An Cư .

• **Nam Mô A Di Đà Phật** (3 lần)



**Vãng Sanh Quyết Định Chơn Ngôn**



Nam mô a di đa bà dạ,  
Đa tha dà đa dạ, đa diệt dạ tha,  
A di rị đô bà tỳ,  
A di rị đa tất đam bà tỳ,  
A di rị đa tỳ ca lan đế,  
A di rị đa tỳ ca lan đa,  
Dà di nị dà dà na,  
Chỉ đa ca lệ Ta bà ha. (3 lần)

## Phục Nguyên

*Nhân ngày Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Niết Bàn*

*15 tháng 02 âm lịch theo Phật giáo Bắc truyền.*

Chúng con là những **Phật Tử** tại gia, giác ngộ qua giáo điều **Đức Phật** chỉ dạy. Hằng ngày nguyện vun trồng cội phúc, gội rửa tâm lòng bớt lần những thói hư tật xấu đã tiêm nhiễm trong cõi đời không ít.

Hôm nay chúng con qui ngưỡng **Tam Bảo** ứng nguyện thiết lễ cúng dường **Chư Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng, Tổ Thầy**. Nhân ngày **Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** thường trụ **Đại Niết Bàn**.

Trong phạm vi gia đình **Phật Tử** cúi mong **Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** cùng mười phương **Chư Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng** nhủ lòng hoan hỷ chứng minh.

Chúng con nguyện trọn đời tu học noi theo đại nguyện của **Đức Phật** vì lợi ích tha nhân không ngại đường sanh tử .

Kính lay **Đức Phật Thích Ca Mâu Ni** nhiếp tâm thọ ký cho chúng con kiếp này được viên mãn thành tựu như nguyện.

Tất cả mọi công đức chúng con đã thể hiện nguyện hồi hướng Pháp giới chúng sanh chư tai tiêu ách, xa rời bát nạn lục đạo luân hồi, nhất tâm niệm **Phật** siêu sanh **Cực Lạc**.

Đồng cầu nguyện chư hương linh Cửu Huyền Thất Tổ, ông bà, cha mẹ, lục thân quyến thuộc của chúng con trong nhiều đời kiếp hoặc hiện kiếp đã quá vãng ... Nhờ ân **Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** phóng Đại Quang Minh cứu độ các thức thần thoát chốn mê đồ vãng sanh **Tịnh Độ**.

Đồng cầu nguyện cho gia đình Phật Tử hiện có mặt trong buổi lễ cúng dường nhân ngày **Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** thường trụ **Đại Niết Bàn**. Ngưỡng cầu hồng ân **Chư Phật** mười phương cùng oai thần lực **Đức Từ Phụ Bốn Sư** nhủ lòng lân mẫn **Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả** ban bố phước lành thân không tật bệnh, tâm thường an lạc, giác ngộ tu hành trong thời Mạt pháp vượt qua mọi chướng ngại sớm được **Đức Phật** khai ngộ chân tánh dắt dìu đến bờ an lạc giải thoát.

Đồng cầu nguyện đất nước Việt Nam thanh bình cọng lạc, năm châu dứt hẳn binh biến, giảm

bớt thiên tai, người người sống trong niềm vui hạnh phúc giác ngộ.

Chúng con đồng kính lạy!

- **Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. (3 lần)**
- **Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, Đại Từ, Đại Bi A Di Đà Phật. (3 lần)**
- **Nam Mô Long Hoa Giáo Chủ Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật. (3 lần)**
- **Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.**
- **Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát.**
- **Nam Mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.**
- **Nam Mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát.**
- **Nam Mô Chuẩn Đề Vương Bồ Tát.**
- **Nam Mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát.**
- **Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.**
- **Nam Mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo .**



# HỒI HƯỚNG



Con xin hồi hướng đức công  
Cửu Huyền Thất Tổ thoát vòng trầm luân  
Vây Lạc Quốc pháp thân an hưởng  
Chốn Liên Hoa đức chưởng cao dày  
Mẹ Cha hiện thế ngày ngày  
Thọ hành Lục Tự nần tai không còn  
Sống thiện phúc mót bồn công quả  
Thác đồng cư thai hoá sen vàng  
Dự ngôi Bất Thối Từ Hàng  
Xứng danh Bồ Tát Đạo Tràng trang nghiêm  
Cầu bốn loại giác tìm **Tịnh Độ**  
Sớm xa lìa nạn khổ thế gian  
Nướng vào ánh sáng hào quang  
**Di Đà** oai lực chẳng bàn ngại ngại  
Mười phương nhiếp thọ trì tâm lực  
**Vô Lượng Thọ** uy đức khôn bì

Vững lòng như đá tu trì  
Trọn đời chánh niệm phản qui **Liên Đài**  
Niềm tin giữ không thay đổi nguyện  
Hạnh tròn gìn tâm tiến chẳng phai  
Mong rằng bá tánh đời nay  
Phát tâm dũng mãnh giới trai thuần lòng  
Niệm **Phật** đấng **Nhơn Ông** Tự Tánh  
Chỉ một đời cứu cánh **Niết Bàn**  
Hướng về nơi cõi Lạc Bang  
**A Di** thọ nhiếp đồng vang niệm cầu .

• **Nam Mô A Di Đà Phật** (3 lần)



## TAM QUY Y



**Tự qui y Phật: Lấy tâm làm chủ  
Phá não phiền hội đủ kế cơ  
Nường theo Tâm Định phụng thờ  
Huệ lòng khai mở qua bờ giác sang .**

o0o

**Tự qui y Pháp: Dụng trí làm đầu  
Trí là vô thượng nhiệm mầu cao siêu  
Nường trí huệ thấu điều Phật dạy  
Rành lý chơn diễn giải rõ ràng .**

o0o

**Tự qui y Tăng: Lấy thân tịnh giới  
Luôn luôn làm ích lợi chúng sinh  
Tự mình kiểm soát lấy mình  
Xa rời thế tục quang minh Tăng già .**

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)**





# THÍCH NGHĨA

(QUYỂN 1 : Từ PHẨM “TỰ”, thứ nhất đến PHẨM “NHU LAI TÁNH”, thứ 12)

- Chú thích:

1/. Các hình thức chữ in trong phần Chánh Kinh.

\* Từ in **đậm**: dùng Tôn xưng Phật, Bồ Tát, tên các bộ kinh điển Đại thừa, các danh từ riêng và các danh hiệu Phật.

\* Từ in **đậm, nghiêng**: Từ mới, được thích nghĩa trong quyển này.

\* Từ in *nghiêng*: Từ đã được thích nghĩa trong các phần trước.

2/. Phụ lục A,B,C ... trong phần Thích Nghĩa.

• Vần **A** trang **594**

• Vần **B** trang **602**

• Vần **C** trang **626**

• Vần **D** trang **651**

• Vần **Đ** trang **660**

• Vần **G** trang **689**

• Vần **H** trang **698**

• Vần **K** trang **720**

• Vần **L** trang **734**

• Vần **M** trang **748**

• Vần **N** trang **756**

• Vần **O** trang **782**

• Vần **Ô** trang **782**

• Vần **P** trang **783**

• Vần **Q** trang **810**

• Vần **S** trang **816**

• Vần **T** trang **827**

• Vần **U** trang **919**

• Vần **U** trang **920**

• Vần **V** trang **922**

• Vần **X** trang **939**

• Vần **Y** trang **945**

# A

\* **A-Già-Đà (A-Dà-Đà)** : Agada. Cũng gọi là A-yết-Đà, tên một thứ thuốc phòng ngừa và trị mọi thứ bệnh, mọi thứ độc, dịch là Phổ khứ, Vô giá, Vô bệnh, hoặc là Bất tử dược, Hoàn dược (thuốc viên) *trích Huyền ứng âm nghĩa (q.24) và Tuệ uyển âm nghĩa (q.Thượng)*. Trong Kinh Niết Bàn có nói: “*Bồ tát nguyện cho chúng sinh được món thuốc A-già-đà, nhờ sức thuốc ấy họ trừ được tất cả vô số thứ độc hại*”.

\* **A-Hàm**: Âm theo Phạn: *Āgama*. Hán dịch: *Pháp qui, Pháp bản, Pháp tạng, Giáo pháp, Giáo phần, Chung chủng thuyết, Vô tử pháp, Truyền giáo, Tịnh giáo, Thú vô, Giáo, Truyền, Qui, Lai, Tạng, Lai trước, Thú qui, Tri thức, Thánh ngôn, Thánh huấn tập, Kinh điển .v.v...* Còn gọi: *A-cấp-ma, A-già-ma, A-hàm, A-hàm-mộ*. Đây gọi chung là Kinh A-Hàm. Đó là tên kêu chung các Kinh Tiểu thừa vậy. Dịch là Pháp-quy là nghĩa muôn pháp đều theo về nơi vô lậu. Lại dịch là Vô tử pháp, nghĩa là pháp mẫu nhiệm không chỉ ví dụ được. Hoặc dịch là Thú vô, nghĩa là cái ý thuyết ra rồi cuộc không theo về đâu hết.

Phật thuyết Kinh A-Hàm tất cả là 4 bộ:

1. Trường A-Hàm (*Dirghagama*)
2. Trung A-Hàm (*Mabhyamagama*)
3. Tạp A-Hàm (*Ekottaragama*)
4. Tăng nhưt A-Hàm (*Samyuktagama*)

Bốn bộ kinh A-Hàm chuyên giải về giáo pháp Tiểu thừa, giảng nhận rằng các Pháp đều có, cho nên người ta gọi là Tứ-hữu.

Sau khi thành Đạo, Phật bèn xuống thành Ba-La-Nại mà thuyết Pháp độ thế, trụ tại Vườn Lộc trong khoảng mười hai năm. Cho nên người ta gọi thời kỳ giáo hóa ấy là A-Hàm thời, hoặc Lộc-Uyển thời.

Các Kinh A-Hàm đều gom vào Tứ-Diệu-Đế và Thập nhị nhưn-duyên. Ai thọ trì, khéo thi hành Tứ-Diệu-Đế và quán tưởng mà diệt tận Thập nhị nhưn-duyên thì được đắc Đạo, thành La-Hán hoặc Duyên-giác.

\* **A-La-Hán** : Gọi tắt : *La-Hán* . Xem **La Hán** .

\* **A-Lan-Nhã**: Phạn âm : *Aranya*. Hán dịch là: *Sơn lâm, Hoang dã, Viễn ly xứ, Tịch tĩnh xứ, Tối nhàn xứ, Vô tránh xứ*. Tên gọi khác là: *A-luyện-như, A-luyện-nhã, A-lan-na, A-lan-nhưỡng, A-lan-noa*. Tên gọi tắt là: *Lan-nhã, Luyện-nhã*.

Đó là nơi tĩnh mịch thích hợp với người tu hành, tức nơi vắng vẻ cách làng xóm khoảng 2,5 km. Theo *Huệ Uyển Âm Nghĩa, thượng*, có 3 loại A-lan-nhã:

1. *Đạt-ma A-lan-nhã* (Phạn: *Dharma-āraṇya*), là đạo tràng tu cầu Bồ-đề.
2. *Ma-dăng-già A-lan-nhã* (Phạn: *Mātanga-āraṇya*), là gò mả hoặc chỗ cách xa làng xóm 2,5 km, nơi không thể nghe tiếng rống của con bò lớn.
3. *Đàn-đà-già A-lan-nhã* (Phạn: *Dandaka-āraṇya*), là cồn cát không có người un khói.

Đến đời sau, tất cả Tự viện, Tịnh xá cũng gọi là A-lan-nhã, vì phần nhiều các nơi đó đều tọa lạc ở đồng ruộng, vùng ngoại ô vắng vẻ, cách xa thành thị ồn náo, lại tiện cho người xuất gia, tại gia lui tới. Ngoài ra, Tỳ kheo chọn hành đạo A-lan-nhã thì gọi là A-lan-nhã hạnh, thuộc về 1 trong 12 hạnh Đầu-đà. Còn nơi cư trú của người tu hành, gọi là A-lan-nhã-ca.

\* **A-Na-Hàm**: *Anāgāmin ānagāmi*. Dịch là *Bất hoàn, Bất lai*. Tên gọi bậc Thánh đã cắt đứt hết phiền não của cõi Dục giới. Sau khi đã đắc quả Tu-đà-hoàn và quả Tư-đà-hàm thì đắc quả A-na-hàm dưới quả A-la-hán. Vị Thánh này sau này sẽ sinh ở Sắc giới và tiến thẳng lên đắc quả A-la-hán luôn chứ không sinh vào cõi Dục Giới nữa, cho nên gọi là Bất hoàn. Có người khi đã đắc quả A-na-hàm rồi thì tu rất tinh tấn mà đắc quả A-la-hán luôn, khi tịch thì nhập Niết Bàn. Có nghĩa khi đã đắc quả A-na-hàm rồi thì còn phải sinh lên cõi Thượng thiên rồi mới nhập Niết Bàn.

\* **A-Nan-Đà**: *Ānanda* (Người) gọi tắt là *A-Nan*. Dịch là *Hoan Hỷ, Khánh Hỷ*. Ngài là con vua Học Phạn, em ngài Đề-Bà-Đạt-Đa, em thúc bá của đức Phật Thích-Ca, là một trong 10 đại đệ tử. Ngài sinh vào đêm Phật thành đạo, xuất gia năm 25 tuổi. Lúc đó, đức Phật đã thọ được 55 tuổi. Ngài A-Nan được vinh dự theo hầu bên đức Phật suốt 25 năm liền. Nhờ

vậy, ngài đã được thụ trì tất cả Phật pháp. Trong Hội kết tập lần thứ nhất, chính ngài A-Nan là người soạn ra Tạng kinh do Phật thuyết. Sau khi Tổ Ca-Điếp tịch, Ngài A-Nan lên làm tổ đời thứ hai. Ngài tịch giữa dòng sông Hằng và xá-lị của ngài được phân ra để thờ ở Tỳ-xá-ly (Vaisâli) và Hoa thị (Patalipu-tra). Đức Phật có thụ ký cho A-Nan và phán rằng về sau sẽ thành Phật hiệu là Sơn Hải Tự Tại Thông Vương (Sâga-ravara-dhara-buddhi-vikridi-tâbhid-jina), cõi thế giới của Đức Phật này tên là Thường Lập Thắng Phan (Anavanâmi-tavaid yanta). Kiếp của Đức Phật này tên là Diệu Âm Biến Mãn (manô-djinaca-bdâbhi-gardjita).

\* **A-Nậu Trì** (Ao A-Nậu): Gọi đầy đủ : **A-Nậu-Đạt trì** . Âm theo Phạn: *Anavatapta* ; Hán dịch: *Thanh Lương trì, Vô Nhiệt Nảo trì*.

A-Nậu-Đạt trì (**A-Nậu-Đạt ao**) còn gọi: *A-nậu đại tuyên, A-na-đạt trì, A-na-bà-đáp-đa trì, A-na-bà-đạt trì*. Gọi tắt: *A-nậu ao*.

Ao này ở phía Bắc núi Đại Tuyết, phía Nam núi Hương Túy (Phạn: *Gandhamadana*) có lẽ là núi Kailana hiện nay, chu vi 400 km, bờ ao trang trí bằng 4 loại báu: Vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Đáy ao, nơi trú ngụ của vua Rồng A-nậu-đạt, cát vàng đầy dẫy, mặt nước lặng yên, sáng như gương sáng, luôn chảy trong mát. Tương truyền ao này là nơi bắt nguồn của 4 con sông lớn ở Thiên Trúc (Ấn-Độ) cõi Diêm-phù-đề (địa cầu ngày nay).

Phía Đông của ao là cửa sông Hằng (Phạn: *Ganga*); phía Nam là sông Tín-độ (Phạn: *Sindhu*); phía Tây là sông Phạ-xô (Phạn: *Vaksa*); phía Bắc là sông Tỉ-đa (Phạn: *Sita*).

\* **A-Súc Phật** : Phạn âm : *Aksobhya-buddha*. Hán dịch: *Bất Động Phật, Vô Động Phật, Vô Nộ Phật, Vô Sân Nhuế Phật*. Còn gọi: *A-súc-bệ Phật, A-sô-bệ-da Phật, Ác-khất-sô-tì-dã Phật*. Gọi tắt: *A-Súc. A-Súc Phật* là Đức Phật trụ tại cõi Vô Động ở Phương Đông.

Theo *phẩm Phát Ý Thụ Huệ* và *phẩm Thiện Khoái trong kinh A-Súc Phật Quốc, thượng*, cách thế giới Ta bà này 1000 cõi Phật về phương Đông, có thế giới *A-tì-la-đề* (*Abhinati*). *Đại Mục Như Lai* xuất hiện nơi thế giới đó để nói hạnh *Lục độ vô cực* (*Lục Ba-la-mật*) cho các Bồ Tát nghe. Lúc ấy, có một vị Bồ Tát, sau khi nghe pháp liền phát Vô thượng chính chân đạo ý, nguyện đoạn sân nhuế, đoạn dâm dục, tu tập cho đến

thành bậc Tối Chính giác, *Đại Mục Như Lai* hoan hỷ ban tặng ngài hiệu *A-Súc*. Về sau, Bồ Tát *A-Súc* thành Phật nơi thế giới *A-tì-la-đề* ở phương Đông; hiện nay Ngài vẫn còn thuyết pháp ở cõi ấy.

Theo *phẩm Hóa Thành Dụ* trong *kinh Pháp Hoa 3*, khi Đức Phật *Đại Thông Trí Thắng* chưa xuất gia, có 16 vương tử. Về sau, 16 vị này đều xuất gia làm Sa-di, vị thứ nhất tên *Trí Tích*, tức *A-Súc*, thành Phật ở nước *Hoan Hỷ phương Đông*.

Theo *kinh Bi Hoa 4*, Phật *A-di-đà* trong đời quá khứ, lúc còn làm vua tên là *Vô Trách Niệm*, có 1000 người con, người con thứ chín là *Mật Tô*, tức *A-Súc*, thành Phật ở phương Đông, tên nước là *Diệu Lạc*.

\* **A-Tăng-Kỳ**: Còn gọi: *A-tăng-già*, *A-tăng-xí-da*, *A-tăng*, *Tăng-kì*; Phạn âm: *Asamkhyā*; Hán dịch: *Bất khả toán kế*, *Vô lượng số*, *Vô ương số*.

*A-tăng-kỳ* là một đơn vị số lượng của Ấn-Độ, là số cực lớn chẳng thể tính đếm được. Theo cách đọc thì 1 *A-tăng-kỳ* có 1 nghìn vạn vạn vạn vạn vạn vạn triệu (1.000.000 bằng vạn ức, 1 ức bằng vạn vạn, 1 vạn bằng 10 lũy thừa 4) tức là 10 lũy thừa 47 ( $10^{47}$ ). Trong 60 đơn vị số mục ở Ấn-Độ thì *A-tăng-kỳ* số thứ 52.

Theo *Luận Đại Tì-bà-sa 177*, có 3 loại *A-tăng-xí-da*:

1/. *Kiếp A-tăng-xí-da*: Lấy đại kiếp làm một, nhân lên đến lạc-xoa-câu-chi, lần lượt đến bà-yết-la.

2/. *Sinh A-tăng-xí-da*: Chỉ cho mỗi mỗi kiếp trải qua vô số đời.

3/. *Diệu hạnh A-tăng-xí-da*: Mỗi mỗi kiếp tu vô số diệu hạnh.

Trải qua 3 *A-tăng-xí-da* này thì chứng Vô thượng giác.

\* **A-Tu-La**: Asura (Dị loại), cách gọi cũ là *A-tu-la*, *A-tu-luân*, *A-tô-la*, *A-tố-la*, dịch là *Vô đoan*, nghĩa là dung mạo xấu xí. Còn gọi *Vô Tửu*, nghĩa là quả báu *Vô-tửu*. Cách gọi mới là *A-Tố-lạc*, dịch là *Phi thiên*, là hạng chúng sanh có thần lực và cung điện nhưng hình thể không được như chư thiên. Là vị thần thường đánh nhau với Đế-Thích. Là một trong Thập loại chúng sanh, là một trong lục đạo, là một trong Thiên long bát bộ. Trong hạng *A-tu-la*, đàn ông thì hình tướng xấu xí, nhưng đàn bà thì rất đẹp.

\* **A-Tỳ (Địa ngục):** A-tỳ theo âm Phạn là *Avichi*, thông dụng thành chữ Hán. A-tỳ dịch nghĩa là Vô-gián (không lúc nào ngừng). A-tỳ Địa ngục hay Vô-gián Địa ngục là cảnh trừng trị, nơi ấy tội nhân bị hành hạ mãi mãi không lúc nào ngừng, từ năm này kiếp kia họ chịu khổ mãi mãi, muốn thoát ra không bao giờ được, A-tỳ Địa ngục là cảnh Địa ngục thấp hơn hết, nguy hơn hết, khổ độc hơn hết trong tám cảnh địa ngục lớn (*Bát Đại địa ngục, Bát nhiệt địa ngục*). Những kẻ ở đời phạm tội ngũ nghịch và hủy báng Tam Bảo, chánh Pháp thì khi thác sa xuống A-tỳ địa ngục. Trừ Bồ Tát, vì lòng từ bi, vào ở A-tỳ địa ngục, nhưng không thấy khổ.

\* **A-Xà-Thế:** Cũng viết là *A-Chất*; trước làm Thái tử, sau làm vua, nhằm đời đức Phật Thích-Tôn, mẹ là *Vi-đề-hy*. Thái tử *A-Xà-Thế* có 3 tên:

1. *A-Xà-Thế:* Vị-sanh-oán, có mối oán thù từ khi chưa sanh ra: Khi vua *Tần-Bà-Sa-La* sanh ra thái tử, mấy vị tướng-sư cho là *Vị-Sanh-Oán*, trẻ ấy có mối thù sẵn với cha, sẽ hại mạng cha. Như đó, người ngoài đều gọi là *A-Xà-Thế (Vị-sanh-oán)*.

2. *Thiện kiến:* Biết số mạng của *A-Xà-Thế* sẽ hại cha, nhưng bà con cô, bác muốn hồi hộ cái tâm lành cho Thái tử, nên thấy đều gọi là *Thiện kiến*.

3. *Bà-Ca-Lưu-Chi.* Khi sanh Thái tử ra rồi, Bà mẹ là *Vi-đề-Hy*, đương đứng trên lầu cao, bỗng Thái tử, bà nghe việc Thái tử sẽ hại mạng cha, vì có mối thù từ khi chưa sanh. Nghe vậy, bà bủn rủn tay chân, liền đó Thái tử rớt xuống đất, hư hết một ngón tay. Vì vậy người ta gọi Thái tử là *Bà-ca-lưu-chi* (người hư hết một ngón tay).

\* **Am-La thụ (Cây Am-la):** Một thứ cây mọc ở Thiên-Trước (Am-la là tiếng Ấn-Độ). Am-la quả là trái của cây Am-la, trái ấy ngon ngọt; mà hạt nó rất đắng, ăn chẳng được. Am-la dịch nghĩa: nan phân biệt; tức là trái Am-la từ lúc sống cho đến lúc chín, cái vỏ nó chỉ có một màu xanh mà thôi, khó mà phân biệt trái nào sống trái nào chín; Vì vậy nên gọi là Am-la (nan phân biệt).

Hạng tu hành xuất gia và tại gia tử như Am-la quả, là vì người đời khó mà phân biệt ai là người trì giới và ai là người phá giới.

Lại tử như Am-la quả, là trái mà người ta khó mà phân biệt trái nào sống trái nào chín, có bốn hạng tu hành mà người ta khó phân biệt:

1. Có người hạnh tinh tế mà tâm chẳng chánh thật.
2. Có người tâm tinh tế mà hạnh chẳng chánh thật.
3. Có người tâm tinh tế và hạnh chánh thật.
4. Có người tâm chẳng tinh tế và hạnh chẳng chánh thật.

*Niết-Bàn Kinh*: Như cây Am-la, hoa thì nhiều, nhưng thành trái thì ít. Cũng như thế, chúng sanh phát tâm tu cho thành Phật thì vô lượng, nhưng số người thành tựu thì chẳng đáng kể.

\* **Anh Nhi hạnh (hạnh Anh Nhi)**: Một trong 5 hạnh tu của Bồ Tát mà *Kinh Niết Bàn* nêu ra, phần nhiều được *Tông Thiên Thai* sử dụng. Theo *Đại Thừa Nghĩa Chương 12*, Anh Nhi hạnh có 2 nghĩa: Tự lợi và Lợi tha. Đứng về mặt Tự lợi thì bất cứ việc làm nào của Bồ Tát cũng đều thuộc về đại hạnh, xa lìa mọi phân biệt, giống như việc làm của trẻ con, nên gọi là *Anh Nhi hạnh*.

Đứng về mặt Lợi tha thì Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa giống như trẻ con, Bồ Tát khởi tâm đại bi để hóa độ họ, nên gọi là *Anh Nhi hạnh*.

Ngoài ra, *Kinh Niết Bàn* 18 nêu ra 5 tướng trạng trẻ con để dụ cho 5 đức của Như Lai:

1. Bất năng khởi: Như Lai không khởi tướng các pháp.
2. Bất năng trụ: Như Lai không dính mắc tất cả pháp.
3. Bất năng lai: Thân Như Lai đi không dao động
4. Bất năng khứ: Như Lai đã đến Đại Bát Niết Bàn.
5. Bất năng ngữ: Tuy Như Lai diễn nói các pháp cho chúng sinh nghe, nhưng thật ra không nói gì cả.

\* **Ác đạo** : Còn gọi: *Ác thú* ; Đối lại: *Thiện đạo*.

*Ác đạo* là nơi đầy dẫy khổ não và xấu ác mà chúng sinh tạo ác ở thế gian sinh về.

Quan niệm thông thường cho địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh là 3 đường ác và A-tu-la, cõi người, cõi trời là 3 đường thiện trong 6 đường.

Ngoài ra, cũng có quan niệm cho 4 ác đạo là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la hoặc cho 5 ác đạo là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cõi người, cõi trời.

\* **Ác khẩu** : Tạm dịch: *Thô ác ngữ*. Miệng nói lời thô ác, chửi rủa người khác, là 1 trong 10 tội ác. Theo *Đại Thừa Nghĩa Chương* 7, lời nói thô tục, lỗ mãng bị xem là lời ác, ác ấy từ miệng phát sinh, nên gọi là ác khẩu.

*Pháp Giới Thứ Đệ Sơ Môn*, thượng ghi : “Nói lời khiến người khác phiền não, gọi là ác khẩu”. Theo *Phẩm Bồ Tát Thường Bất Khinh*, *Kinh Pháp Hoa*, nếu dùng lời thô ác để chửi mắng, chê bai kẻ khác thì sẽ chịu tội báo rất lớn.

\* **Ác nghiệp** : Đối lại : Thiện nghiệp . Là hành vi của thân , khẩu, ý trái với đạo lý ; tức là thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý ôm ấp điều ác, sẽ chiêu cảm quả khổ ở hiện tại và trong tương lai . Thông thường là chỉ cho nghiệp ngũ nghịch, thập ác .

*Kinh Hoa Nghiêm* 40 : “Những ác nghiệp mà ta gây tạo xưa kia đều do vô thủy tham, sân, si”.

\* **Ái** : Âm theo Phạn là *Trsna, tosayati*; Còn gọi là *Ái chi*; Ái tức là tham luyến chấp trước tất cả sự vật, là 1 trong 12 nhân duyên.

*Kinh Tăng Chi Bộ* ghi: “Ái có thể sinh ái (thương), cũng có thể sinh tắng (ghét). Tắng có thể sinh ái, cũng có thể sinh tắng”.

*Phật giáo* nói: “Ái, tắng”, giống như lòng bàn tay và lưng bàn tay, cùng một thể mà có 2 mặt. Ái càng sâu thì oán tắng càng lớn.

\* **Ái dục** : Còn gọi : *Sắc dục, Dâm dục* . Ái dục là ham muốn hành dâm .

Theo *Kinh Viên Giác*, tất cả các loài không luận noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh đều do dâm dục mà có thân mạng. Vì dâm dục trói buộc thân tâm người tu hành, cho nên Đức Phật chế ra giới cấm . *Kinh luận* dụ dâm dục như lửa thiêu đốt tâm, nên gọi là lửa dâm dục . Sự dâm dục làm tổn hại thân thể, như bệnh tật, nên gọi là Bệnh dâm dục .

\* **Ái hà** : Dòng sông ái . Ý nói ái dục bao la như sông biển, có thể làm đắm chìm người . Ngoài ra, tâm tham ái chấp trước các pháp, giống như nước ngấm dần vào vật, nên lấy dòng sông để ví dụ cho tình ái . *Kinh*



*Hoa Nghiêm 26 (bản 80 quyển)* có câu : “Theo dòng sinh tử, vào sông ái dục”. *Kinh Lăng Nghiêm* có câu : “Sông ái dục khô cạn, nên ông được giải thoát”.

\* **Ái nhiễm** : Tham ái các sự vật mà khơi dậy tâm chấp trước nhiễm ô. “Ái nhiễm” đồng nghĩa với “Ái dục”, là tên gọi khác của phiền não .

*Luận Đại Trí Độ 1*, ghi : “Vì pháp mình là ái nhiễm nên chê bai pháp người khác”.

\* **Ái tham** : đảo từ . Xem **Tham ái** .

\* **Ấm, nhập, giới** : Ba khoa nơi con người, nơi chúng sanh. Ấm là Ngũ ấm, ngũ uẩn. Nhập là thập nhị nhập. Giới là thập bát giới. Ấm, nhập, giới tức là thân tâm của chúng sanh .

*Niết Bàn Kinh* : Người ta không thể nói quyết rằng cái tâm trụ tại Ấm ,Nhập, Giới hoặc chẳng trụ tại đó.



# B

\* **Ba-Dật-Đề**: Âm theo Phạn là *Pāyattika*; Dịch là **Đọa**, *Linh đọa*, *Năng thiêu nhiệt*, *Ứng đối trị*, *Ứng sám hối*. Đó là một trong 5 thiên, 1 trong 6 tụ, 1 trong 7 tụ, 1 bộ phận trong 250 giới hoặc 348 giới mà tỳ kheo, Tỳ kheo ni thụ trì.

Đây là một thứ **tội khinh**, nghĩa là điều đã phạm, nếu sám hối thì diệt được tội, nếu không sám hối các lỗi lầm thì bị đọa vào đường ác (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh). Có 2 loại: *Xả Đọa* (Naihsargika-prāyascittika) và *Đơn Đọa* (Suddha-prayascittika).

- *Xả đọa*: Tội đọa phải xả tài vật và sám hối.

- *Đơn đọa*: Tội đọa chỉ cần ở trước người khác mà sám hối liền được thanh tịnh.

Theo Kinh Tỳ-ni-mâu 7, tội đã phạm này nhẹ nhỏ, chẳng cắt đứt cành nhánh của gốc lành, ít làm thương tổn những điều thiện, nên gọi là Ba-dật-đề.

\* **Ba Đường Sáu Nẻo** : Theo *Phẩm Tứ Tướng Giải Thoát*, kinh *Đại bát Niết Bàn* dùng để chỉ Tam tụ: Hoặc đạo, Nghiệp đạo, Khổ đạo là nhân quả của sự sinh tử lưu chuyển và Lục thú: Địa ngục đạo, Ngạ quỷ đạo, Súc sinh đạo, Tu-la đạo, Nhân gian đạo, Thiên đạo là sáu đường thụ sinh tùy theo nghiệp lực của chúng sinh .

\* **Ba-La-Di** : Phạn âm : *Pārājika*. Hán dịch : *Tha thắng*, *Cực ác*, *Trọng cấm*, **Đọa**, *Đọa bất như*, *Đoạn đầu (chặt đầu)*, *Vô dư (không sót)*, *Khí (bỏ đi)*, *Biên tội*. Còn gọi: *Ba-la-xà-dĩ-ca*, *Ba-la-thị-ca*.

*Ba-la-di* là giới căn bản về tội cực ác mà Tỳ kheo, Tỳ kheo ni phải giữ gìn sau khi thọ giới Cụ túc, 1 trong 5 thiên, 1 trong 6 tụ, 1 trong 7 tụ. Người tu hành nếu phạm giới này thì :

1. Mất tư cách Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, không có phần trong đạo quả.
2. Bị trục xuất khỏi giáo đoàn, không được ở chung với Tăng.
3. Sau khi chết rơi vào địa ngục.

Tội ấy như hình phạt chặt đầu, không thể sống lại, vĩnh viễn bị đuổi ra ngoài cửa Phật, cho nên gọi là Cực ác. Hơn nữa, tội ấy hay phá giới thể của Sa-môn khiến bị đọa lạc, quân ma đắc thắng, cho nên gọi là Tha thắng. *Thiện pháp* gọi là Tự, **Ác pháp** gọi là Tha, để *ác pháp* thắng *thiện pháp*, cho nên người phạm gọi là Tha thắng tội.

*Ba-la-di* của Tỳ kheo là 4 tội : **Dâm, Đạo, Sát, Vọng**. Tỳ kheo ni có tới 8 *Ba-la-di*, nghĩa là ngoài 4 tội trên, còn thêm 4 thứ nữa: Ma xúc, Bát sự thành trọng, che giấu trọng tội của Tỳ kheo ni khác, tùy thuận theo Tỳ kheo bị cử tội (cấm tiếp xúc) mà không chịu từ bỏ sau 3 lần được can gián. Bốn tội *Ba-la-di* của Tỳ kheo và 8 tội *Ba-la-di* của Tỳ kheo ni gọi chung là *Tứ trọng bát trọng*.

\* **Ba-la-đề-mộc-xoa** : Phạn âm: *Prātimoksa, pratimoksa*. Hán dịch: *Tùy thuận giải thoát, Xứ xứ giải thoát, Biệt biệt giải thoát, Biệt giải thoát, Tối thắng, Vô đẳng học*. Còn gọi: *Ba-la-đề-tì-mộc-xoa, Ban-la-đề-mộc-xoa, Bát-lạt-đề-mộc-xoa*.

- Giới luật của 7 chúng thọ trì, mục đích ngăn ngừa 3 lỗi của thân, 4 lỗi của miệng, xa lìa mọi *phiền não, hoặc nghiệp* mà được giải thoát. Giới pháp này là cửa đầu tiên để đi vào các thiện pháp (Phạn: *Pramukha*), cho nên gọi là *Ba-la-đề-mộc-xoa*. Nếu giữ giới thì có thể xa rời mọi sự trói buộc của *hoặc nghiệp*, được trí thanh tịnh vô lậu ; vì là môn học cao hơn mọi môn học của thế gian, nên gọi là *Vô đẳng học*.

- *Thiện Kiến Luật Tì-bà-sa 7 (Đại 24, 719 thượng)* ghi: “Đối với mọi thứ ánh sáng thì ánh sáng mặt trời là chúa. So với tất cả núi thì Tu-di là cao nhất. Đối với mọi môn học thế gian thì *Ba-la-đề-mộc-xoa* là hơn hết” (...)

- Hơn nữa, giới luật này lại có thể tùy thuận theo 2 thứ quả là *Giải thoát hữu vi* và *Giải thoát vô vi*, cho nên cũng gọi là “Tùy thuận giải thoát”.

Giới này gồm có 8 loại: *Ba-la-di, Tăng tàn, Bất định, Xả đọa, Đơn đọa, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Chúng học, Diệt tránh*.

Ngoài ra, giới bản là những giới điều chỉnh do tóm lược các đề mục của các giới pháp mà thành. Nửa tháng, vào ngày sám hối bố tát, vị thượng tọa Tỳ-kheo đem giới bản ra đọc tụng, ai phạm thì đối trước tăng chúng mà phát lồ sám hối.

\* **Ba-la-mật**: Âm theo Phạn: *Paramita*. Hán âm: **Ba-la-mật-đa**. Dịch nghĩa: Cứu cánh đáo bỉ ngạn; độ vô cực. Tức là đại hạnh của bậc Bồ tát. Đại hạnh của Bồ tát có thể làm cho trót các hạnh để giáo hóa người, qua đến mé bên kia (bỉ ngạn). *Niết Bàn*: Lại như cái đại hạnh ấy, độ hết các pháp rộng ra, nên gọi là độ vô cực.

Ba-la-mật của Bồ tát hiệp lại là sáu nền đại hạnh:

1. Đàn Ba-la-mật (Bố thí).
2. Trì Ba-la-mật (Trì giới).
3. Sẵn đề Ba-la-mật (Nhẫn nhục).
4. Tỳ-lê Ba-la-mật (Tinh tấn).
5. Thiên-na Ba-la-mật (Thiền định).
6. Bát-nhã Ba-la-mật (Trí huệ).

Một vị Bồ tát có khi cả muôn kiếp làm một nền đại hạnh cũng chưa thấy tròn, rồi cả muôn kiếp mới làm xong một nền hạnh khác. Lần lượt như vậy cho đến hành xong sáu Ba-la-mật thì thành Phật. Đó là Lục Ba-la-mật hay Lục độ; Ba-la-mật lại là bốn đức *Thường, Lạc, Ngã, Tịnh* của chư Phật, chư Bồ tát. Bốn đức này thi hành dũng mãnh thì đưa nhà học đạo Đại thừa đến bờ bên kia, tức là Niết Bàn của bậc Phật.

Trong “*Quán Di-Lặc Thượng Sanh Đâu Suất Thiên Kinh*” có chép: Ở Cõi Đâu-Suất, tự nhiên có gió thổi động những cây bầy sáu. Cây khua động với nhau thành ra tiếng diễn thuyết những Ba-la-mật: Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã. Lại có mười Ba-la-mật của Bồ tát:

1. Bố thí. 2. Trì giới. 3. Nhẫn nhục. 4. Tinh tấn. 5. Thiền định. 6. Trí huệ.
7. Phương tiện. 8. Nguyện. 9. Lực. 10. Trí.

\* **Ba-La-Xa thụ**: Gọi tắt : **Ba-La** . Phạn âm : *Palasa*. Hán dịch : *Xích hoa thụ*. *Ba-la-xa* là một loại cây có hoa đỏ, được Bà-la-môn giáo Ấn-Độ xem như là một cây Thánh.

Thân cây này có thể chế tạo nhiều món đồ dùng để cúng tế. Mủ cây màu đỏ thẫm có thể chế thuốc hoặc làm phẩm nhuộm. Lá lớn màu xanh.

*Theo Niết Bàn Kinh*, trước khi mặt trời mọc hoa ấy màu đen, khi mặt trời mọc hoa đổi thành màu đỏ, sau khi mặt trời lặn hoa đổi thành màu vàng.

Hoặc có thuyết cho rằng cây Ba-la-xa là cây Ca-na-ca (Phạn : *Kanaka*), *Mesua ferrea* hoặc *Buteafrondosa*.

Theo *Huyền Ứng Âm Nghĩa* 25, cây Ba-la-xa cũng là cây Chân-Thúc-ca, nhưng theo *Kinh Đại Bát Niết Bàn* thì 2 loại cây này khác nhau.

\* **Ba-tuần**: Âm theo Phạn là: *Pāpiyas, Pāpman*; Hán dịch là: *Sát giả, Ác vật, Á trung ác, Ác ái*. Tên gọi khác là: *Ba-duyên, Ba-duyên, Ba-bỉ, Pha-tuần, Bá-bì*; Tên thường gọi là: **Ma Ba-tuần**.

Ma Ba-tuần là Ma vương quấy phá Đức Thích Tôn khi Ngài sắp thành đạo, cũng chỉ cho loài ác ma làm tổn hại sinh mạng và căn lành của người. Kinh điển cũng thường gọi là ma Ba-tuần (Phạn: *Māra-pāpman*).

Theo *Kinh Thái Tử Thủy Ứng Bản Khởi thượng*, thì Ba-tuần là vị chúa tể tầng trời thứ sáu ở cõi Dục .

Theo *Luận Đại Trí Độ* 56, thì Ma này tên là Tự Tại Thiên Vương. Ma vương này thường theo Phật và các đệ tử của Ngài, tìm cơ hội để nhiễu loạn. Vì tội trái nghịch Phật và nhiễu loạn chúng Tăng là tội lớn nhất trong các tội, nên loài ma này còn được gọi là Cực ác.

\* **Ba-Tư-Nặc**: Vua nước Câu-Tát-La (Kosala), ở thành Xá-Vệ (Sravasti), ngài sanh ra cùng một ngày với Đức Phật Thích Ca. Trong đời làm vua của ngài, ngài từng cúng dường, phụng sự đức Phật và bao bọc chở che cho giáo-hội Tăng-già. Ngài có đến chầu Phật, khen tán Phật và bạch hỏi Phật về nhiều vấn đề: Về bốn chủng phái bên Ấn-Độ, về việc thần tiên. Ngài từng giao hảo thân thiện với vua Tịnh-Phạn từ lúc đức Thích-Ca chưa thành Đạo cho đến khi đắc Đạo. Vua có đến bái yết Phật và hỏi coi ngài có phải là đức Phật mà người ta gọi chằng. Vua có đàn giá trống kèn kị-nhạc đặng đến viếng Phật. Đức Thích-Tôn có giảng Đạo chỗ giải thoát cuối cùng cho vua nghe, chỉ cách và khuyên vua những phương- thế đặng trị dân cho đúng đạo.

\* **Bán tự Mãn tự** : Nửa chữ và trọn chữ. Có 4 nghĩa :

1/. *Về chữ mà nói*. Chỉ cho cội gốc sinh ra chữ của chương *Tất-đàm Phạn ngữ*, như Ma-đa (nguyên âm) 12 chữ, Thể văn (phụ âm) có 35 chữ với vị trí biệt lập, chưa thành từ; vì nghĩa chưa đủ cho nên gọi là *Bán tự*.

Theo *Luận Tì-già-la* (Phạn: *Vyakarana*, sách nói về văn pháp), khi ráp nguyên âm và phụ âm lại để thành một từ trọn vẹn có đầy đủ nghĩa lý thì gọi là *Mãn tự*. *Phẩm Tứ Tướng Giải Thoát – Kinh Đại Bát Niết Bàn* nêu : Như chỉ có một đứa con, ông Trưởng giả muốn con mình học mau thành tài, nhưng vì tuổi nó hãy còn nhỏ, ông chỉ dạy cho nó *bán tự*, không dạy cho nó *mãn tự* Tì-già-la luận. *Bán tự* trong ví dụ này chỉ cho 9 bộ kinh của Tiểu thừa. *Mãn tự* chỉ cho kinh điển Phương đẳng Đại thừa.

Theo *kinh Niết Bàn 8*, ban đầu thuyết pháp, Đức Phật nói *bán tự*, cho là căn bản các pháp, như: kí luận, chú thuật, văn chương, các ám đều thuộc về thật pháp, phàm phu học lấy cho là căn bản, sau đó mới biết được pháp ấy chẳng phải là *Thật pháp*.

2/. *Pháp được thuyết* . Thế pháp là *bán tự*, xuất thế pháp là *mãn tự*. Hơn nữa, trong xuất thế pháp nói Tiểu thừa là *bán*, Đại thừa là *mãn*.

3/. *Chỗ sinh ra* . Pháp sinh phiền não là *bán*, pháp sinh thiện là *mãn*. Trong việc sinh thiện thì pháp thiện thế gian là *bán*, pháp thiện xuất thế gian là *mãn*. Trong điều thiện xuất thế gian thì pháp sinh ra hành giả Tiểu thừa là *bán*, pháp sinh ra hành giả Đại thừa là *mãn*.

Theo *kinh Niết Bàn 8 (bản Bắc)*, *bán tự* là gốc của ngôn thuyết phiền não, *mãn tự* là gốc của ngôn thuyết hết tẩy thiện pháp. Thí như ở đời, kẻ làm ác được gọi là *Bán nhân*, người làm thiện gọi là *Mãn nhân*.

4/. *Phương diện phán giáo*. Trước kia, các vị *Đàm Vô Sám, Huệ Viễn, Bồ-đề-lưu-chi, Trí Khải, Khuy Cơ, Trạng Nhiên* đều dựa vào nghĩa của *bán tự, mãn tự* để phán giáo.

\* **Bát Bất Tịnh vật (Tám Thứ Bất Tịnh)** : Tám sự vật mà giới luật không cho phép Tỳ kheo, Tỳ kheo ni cất chứa hoặc chọn làm kế sinh nhai : Vàng, bạc, nô tì, trâu, dê, kho vựa, mua bán và trồng trọt.

Một thuyết khác cho 8 vật bất tịnh là: Ruộng vườn, trồng trọt; chất chứa tơ lụa, lương thực; người giúp việc; cầm thú; tiền của báu vật; nơi chõ; giường nằm được trang sức bằng bạc và các vật liệu quý.

\* **Bát Bộ**: hay Bát Bộ Chúng, theo thuyết Xá-Lợi-Phất vấn kinh thì tám bộ chúng gồm có: 1. Thiên chúng; 2. Long chúng; 3. Dạ-Xoa; 4. Càn-Thát-Bà; 5. A-Tu-La, xưa dịch nghĩa là Vô tửu, nay dịch là Phi thiên, còn gọi là Vô đoan chính; 6. Ca-Lâu-La, dịch là Kim xí điểu; 7. Khẩn-Na-La,

dịch là Phi nhân, mới dịch là Ca thân; 8. Ma-Hầu-La-Già, dịch là Đại mãng thân, Đại phúc hành địa long.

\* **Bát Nạn (Tám nạn)** : Âm theo Phạn: *Astavaksanah*. Còn gọi: *Bát nạn xứ, Bát nạn giải pháp, Bát vô hạ, Bát bất nhàn, Bát phi thời, Bát ác, Bát bất văn thời tiết*.

Bát nạn là tám nơi khổ nạn, chướng ngại chúng sinh đến với pháp đạo. Theo kinh *Thập Thượng, Trường A-Hàm 9; Kinh Bát Nạn, Trung A-Hàm 29* thì 8 nạn là:

1/. *Nạn địa ngục*: Chúng sinh do tạo nghiệp ác chiêu cảm quả báo đọa vào địa ngục, chịu khổ không ngừng suốt đêm trường tăm tối, không được thấy Phật, nghe Pháp.

2/. *Nạn nga quỷ*: Quỷ đói có 3 loại:

a. Nga quỷ nghiệp nặng nhất, nhiều kiếp không được nghe đến tên nước uống.

b. Nga quỷ nghiệp nặng vừa, chỉ ở nhân gian rình tìm nơi tẩy rửa máu mủ dơ uế để ăn.

c. Nga quỷ nghiệp nhẹ, loài này có khi được một bữa no thì lại bị dao gậy rượt đuổi bức bách không có chỗ trốn, chịu khổ vô lượng.

3/. *Nạn súc sinh*: Súc sinh có nhiều loại, mỗi loại đều tùy theo nhân gây tạo mà chịu quả báo hoặc có loài được người nuôi dưỡng hoặc có loài ở núi rừng, sông, biển thường bị đánh đập, sát hại, có loài ăn nuốt lẫn nhau, chịu khổ vô cùng.

4/. *Nạn sinh lên cõi trời Trường Thọ*: Cõi trời này thọ 500 kiếp, tức trời Vô Tướng trong đệ tứ thiên thuộc cõi Sắc. Vô Tướng là do tâm tướng không vận hành, giống như cá, trùng, sâu bị ướp lạnh. Ngoại đạo tu hành phần nhiều sinh vào cõi trời này, bị chướng ngại không được thấy Phật, nghe pháp.

5/. *Nạn sinh ở cõi Uất-đan-việt*: Uất-đan-việt, Hán dịch: *Thắng xứ*. Người sinh vào chỗ này thọ đúng 1000 tuổi, không chết nửa chừng, do đó tham đắm hưởng lạc không chịu nghe giáo hóa, cõi này lại không được thấy Phật, nghe pháp, thế nên không có Thánh nhân xuất hiện.

6/. *Nạn điếc, đui, câm, ngọng*: Những người tuy sinh trong vùng trung tâm (không phải biên địa), nhưng nghiệp chướng rất nặng, các căn không đủ:

điếc, đui, câm, ngọng, tuy có Phật ra đời mà họ không được thấy Phật, nghe pháp.

7/. *Nạn thế trí biện thông*: Người tuy thông minh lanh lợi, nhưng chỉ ưa học kinh sách ngoại đạo, không tin chính pháp xuất thế.

8/. *Nạn sinh trước Phật và sau Phật*: Người do nghiệp nặng duyên mỏng, sinh trước hoặc sau Phật, không được thấy Phật, nghe pháp.

Theo *Kinh Tăng Nhất A-Hàm 16*, phụng trì pháp bát quan trai có thể đối trị 8 nạn này.

Theo *Luận Thành Thật 2* thì dùng Tứ Luân để đối trị bát nạn, tức là:

1. *Ở chỗ lành*: Được sống ở đô thị.
2. *Nương người thiện*: Sinh ra đời gặp Phật.
3. *Tự phát chính nguyện*: Đây đủ chính kiến.
4. *Gieo sẵn căn lành*: Các căn đầy đủ.

\* **Bát Nhã**: Âm theo Phạn: *Bát-nhã*, Hán âm: *Ban-nhã, Ba-nhã, Bát-nhã, Bát-la-nhã*. Hán dịch: *Huệ, Trí, Trí huệ, Minh*. Bát-nhã là danh từ đặc biệt về Phật Pháp và bao hàm nhiều nghĩa, cho nên người ta thích dùng danh từ bằng chữ Phạn hơn là dịch nghĩa. Những chữ dưới đây, mỗi chữ đưa ra một phần nghĩa của Bát-nhã.

*Trí*: Cái trí minh đạt, trong sạch, khác với cái trí của thế-tục.

*Trí-huệ*: Cái trí sáng về đạo lý.

*Huệ*: Sự sáng suốt của bực thoát trần.

*Thanh-tịnh*: Trong sạch, không nhiễm trước như kẻ thế gian.

*Minh*: Sự sáng suốt, không mê muội, không lầm lạc.

*Viễn-ly*: Ra khỏi các mối phiền não, thoát khỏi những sự trói buộc ở đời.

Bát-nhã là cái tâm trí thoát ra ngoài tham, sân, si, dứt các mối lằm, tự mình thông đạt, minh liễu. Bát-nhã có ba thứ:

1. *Thật tướng Bát-nhã*: Cái linh tri tự nhiên mà mỗi người sẵn có, cái trí sáng thường tồn ở nơi mỗi chúng sanh.

2. *Quán chiếu Bát-nhã*: Cái trí sáng quan sát chiếu liễu, phân biệt các Pháp, nhà đạo nhờ tịnh-lự mà mở thông.

3. *Vấn tự Bát-nhã*: Sự sáng suốt, lý cao siêu chứa trong các Kinh điển đạo Phật.

\* **Bát-Niết-Bàn** : Chỉ sự nhập diệt của Đức Thế Tôn ; Xem **Niết-Bàn**.



\* **Bát Thánh Đạo** : Là tám điều chánh chân nói trong *Phẩm Tứ Y, kinh Đại Bát Niết Bàn*.

Âm theo Phạn : *Ayāstangila-mārga* ; Tên khác: **Bát Chính Đạo**, *Bát chi thánh đạo, Bát thánh đạo phần, Bát đạo hạnh, Bát trực hạnh, Bát Chính, Bát Đạo, Bát Chi, Bát Pháp, Bát Lộ*. Theo *Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Trung A-Hàm 7; Luận Tứ Đế 4; Luận Đại Tì-Bà-Sa 9* thì Bát Thánh Đạo Là 8 thứ chính đạo cầu Niết Bàn. Đây là pháp môn thực tiễn đại biểu nhất trong 37 phẩm trợ đạo của Phật giáo, tức là 8 phương pháp hoặc 8 đường tắt chính xác hướng thẳng đến Niết Bàn giải thoát. Lúc Chuyển Pháp Luân, Đức Thế Tôn thuyết về việc xa lìa 2 bên dục lạc và khổ hạnh, đi theo con đường Trung đạo, tức chỉ cho Bát Chính Đạo này.

1. **Chính kiến (còn gọi: Đế kiến)**: Thấy khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác; có đời này đời sau, có cha mẹ; trong thế gian có bậc chân nhân đi đến cõi lành, đi theo đường lành, hướng về điều lành thì ở đời này đời sau sẽ thành tựu được tự giác, tự chứng.

2. **Chính tư duy (Còn gọi: Chính Chí, Chính phân biệt, Chính giác, Đế niệm)**: Không có Dục giác, Sân giác và Hại giác.

3. **Chính ngữ (còn gọi: Chính ngôn, Đế ngữ)**: Xa lìa nói dối, nói đâm thọc 2 chiều, nói ác, nói thêu dệt ...

4. **Chính nghiệp (còn gọi: Chính hạnh, Đế hạnh)**: Lìa sát sinh, trộm cắp ...

5. **Chính mạng (còn gọi: Đế thụ)**: Rời bỏ tà mạng như: chú thuật, bói toán ... là cầu y phục, ăn uống, giường chõng, thuốc men, các đồ dùng sinh sống một cách đúng pháp (hành nghề chân chính).

6. **Chính tinh tấn (còn gọi: Chính phương tiện, Chính trị, Đế pháp, Đế trị)**: Phát nguyện và phấn đấu thực hiện mỹ mãn nội dung phát nguyện: quyết dứt ác pháp đã sinh, quyết ngừa ác pháp chưa sinh, làm phát sinh thiện pháp, làm tăng trưởng đầy đủ thiện pháp đã sinh, nghĩa là siêng năng làm việc thiện.

7. **Chính niệm (còn gọi: Đế y)**: Lấy biệt tướng hoặc tổng tướng mà quán về Tứ Niệm Xứ: Quán thân bất tịnh, Quán thọ thị khổ, Quán tâm vô thường, Quán pháp vô ngã.

8. **Chính định (còn gọi: Đế định)**: Xa lìa pháp ác ở cõi Dục, thành tựu sơ thiền cho đến tứ thiền.

Bát chính đạo dụ như thuyền bè có năng lực giúp đưa chúng sinh từ bên bờ này là cõi mê, đến bờ bên kia là cõi giác ngộ, nên còn có tên là Bát đạo thuyền, Bát phiệt. Lại như cãm, đùm, vành xe tương trợ lẫn nhau để cho xe chuyển động, Bát chính đạo cũng ví gọi là Bát Luân. Hơn nữa, Đây là chỗ dạo chơi của bậc Thánh, nên còn gọi là Bát du hành, Bát do hành. Ngược lại; tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định gọi là Bát tà, Bát tà hạnh.

\* **Bát Thập tiểu tướng (80 tướng phụ)** : Âm theo Phạn: *Asity-anuvyājanāni* ; Còn gọi: *Bát thập tùy hình hảo, Bát thập tùy hảo, Bát thập vi diệu chủng hảo, Bát thập chủng hảo, Chủng hảo bát thập chương*. Đây chỉ cho 80 vẻ đẹp của thân Phật , Bồ Tát.

Hình tướng dung mạo của Phật, Bồ Tát có đầy đủ, 32 thứ hiển lộ dễ thấy , gọi là 32 tướng và 80 thứ vi tế ẩn kín khó thấy gọi là 80 vẻ đẹp. Cả 2 gọi chung là tướng hảo. Riêng Chuyển Luân Thánh Vương thì chỉ có 32 tướng tốt.

\* **Bát Thập Úc Kiếp (Tám Mười Úc Kiếp)** : Tức số kiếp lâu dài biểu thị cho chúng sinh tùy theo tội nghiệp của mình mà lưu chuyển trong sinh tử.

An Lập Tập, thượng ghi : “Nếu chính xưng niệm A-di-đà Phật một lần liền trừ sạch tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Một niệm đã vậy, huống là tu thường niệm ?”.

\* **Bát Vị** : Tám pháp vị của Đại Niết Bàn mà Đức Như Lai đã chứng đắc

1. *Thường trụ* (Thường): Lý Niết-bàn này suốt 3 đời thường còn, khắp mười phương thường trụ.
2. *Tịch diệt* (Hằng) : Lý Niết-bàn tịch diệt vô vi, các khổ lớn đều dứt sạch
3. *Bất động* (An) :Lý Niết-bàn vắng lặng bất động, tuyệt diệu vô vi.
4. *Thanh tịnh* (Thanh lương) : Lý Niết-bàn an trụ thanh lương, các chướng đều sạch .
5. *Bất lão* (Chẳng già) : Lý Niết-bàn không đời, không đổi, không tăng, không giảm .
6. *Bất tử* (Chẳng chết) : Lý Niết-bàn từ xưa không sinh, nay cũng không diệt .

7. *Hư thông* (Không nhớ) : Lý Niết-bàn rộng suốt (hư triệt), linh thông, viên dung vô ngại .

8. *Chân lạc* (Khoái lạc) : Lý Niết-bàn không có cái khổ sinh tử bức bách, có cái vui chân thường tịch diệt .

\* **Bà-La-Môn**: *Bràhmana* (Tập danh). Một trong 4 dòng họ ở Thiên Trúc, nói đầy đủ là: *Bà-la-hạ-ma-nô*, còn gọi là: *Một-la-cảm-ma*, dịch là: Ngoại ý, Tịnh hạnh, Tịnh chí, Tĩnh chí.v.v... là một dòng họ phụng thờ vị Đại Phạm Thiên và tu tịnh hạnh.

*Theo Huyền úng âm nghĩa* (q.18): “Ba-la-môn, gọi thế là nói tắt và sai. Phải gọi là: Bà-la-hạ-ma-nô, có nghĩa là người tu tập theo phép Phạm Thiên. Họ cho rằng họ được sinh ra từ miệng Phạm Thiên, do vậy họ là hơn nhất trong 4 dòng họ, duy nhất được lấy tên Phạm, chỉ có ở trong năm nước ở Thiên-Trúc, các nước khác không có. Trong kinh nói Phạm Chí cũng là tên này. Nói đúng hơn (...) là dòng dõi của Phạm Thiên”.

Theo *Câu-xá quang ký* (q.1): “Theo phép Bà-la-môn, 7 tuổi trở lên học hành ở nhà, 15 tuổi học phép Bà-la-môn, đi các nơi học hỏi. Đến năm 40 tuổi, sợ dòng dõi gia đình tuyệt diệt, mới về nhà lấy vợ sinh con nối dõi. Đến năm 50 tuổi thì vào núi tu đạo”.

\* **Bà Sư Ca** (hoa) : Còn gọi: **Bà-lợi-sư-ca hoa**, Bà-sư hoa, Mạt-sư-ca hoa, Mạt-lật-sa-ca hoa, Bà-lật-sử-ca hoa, Bà-lợi-sử-ca-la hoa. Tên khoa học: *Jasminum sambac*. Là loài hoa thuộc họ Một tề, hoa màu trắng, thường mọc ở Ấn Độ, có hương thơm thanh thoát, người ta hái hoa ấy mà nấu ra dầu thơm để thắp đèn chong lên bàn thờ Phật . Vì hoa này trở vào mùa mưa hoặc mùa hạ nên mới có tên này.

\* **Bản Lai** : Cựu dịch : **Bổn Lai**. Từ đồng nghĩa: Vô thủ dĩ lai. Bản lai là từ xưa đến nay.

*Nhiếp Đại Thừa Luận Thích* 5, ghi : “Tự tính thanh tịnh, nghĩa là tự tính này xưa nay vốn thanh tịnh, tức là tự tính chân như”.

*Kinh Pháp Hoa* 1, ghi : “Các pháp từ xưa đến nay, tướng thường tự vắng lặng”.

\* **Bản Ngã** : Còn gọi: **Nhân Ngã**. Là cái *bản ngã* của người. Đó là nói kẻ phàm phu cố chấp rằng thân con người thường có một cái bản ngã làm chủ tể, chấp cho cái ngã đó là có thật. Có ý kiến sai lầm như vậy gọi là *Nhân ngã kiến*. Lại còn một hạng phàm phu chấp rằng các pháp, các sự vật là có cái thực thể. Có kiến thức lầm lạc này gọi là *Pháp ngã kiến*.

Người tu học cần thoát khỏi hai ý kiến cố chấp *nhân ngã* và *Pháp ngã* vì con người là do ngũ uẩn giả hợp, chớ chẳng thật, chẳng bền. Các pháp vốn tánh không, do nhân duyên hòa hiệp mà mình tạm thấy là có mà thôi.

\* **Bản tâm (Bổn tâm)**: Còn gọi: *Bản thân*. Bản tâm tức bản tính, là tâm tính chân như xưa nay của mình.

*Lục Tổ Đàn Kinh*, ghi : “Ngũ Tổ biết Huệ Năng đã ngộ bản tính, mới bảo rằng: Không ngộ bản tâm, học pháp vô ích”.

*Luận Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*, *thượng* ghi : “Hỏi: Tâm ấy giống cái gì ? Đáp: Tâm ấy không sanh, không vàng, không đỏ, không trắng, không dài, không ngắn, chẳng đến, chẳng đi, chẳng dơ, chẳng sạch, không sinh, không diệt, lặng lẽ thường tịch, đó là hình tướng của Bản tâm, cũng gọi là Bản thân. Bản thân tức là thân Phật vậy”.

\* **Bản thể** : Tự thể hay tự thân của sự vật, tồn tại một cách độc lập và chân thật, khác với trạng thái đang tồn tại của các hiện tượng. Trong Phật giáo, thông thường dùng thuật ngữ *Pháp thể* để diễn tả ý nghĩa tương đương, tức ý chỉ cho *Thể tính* của các pháp hoặc lấy các dụng ngữ : bản chất, bản tính, pháp tính, chân như (các pháp) để diễn tả.

Trước Phật giáo, người Ấn Độ thời Cổ đại cho rằng bản thể của vũ trụ là Phạm, bản thể của cá nhân là Ngã và chủ trương Phạm, Ngã đồng nhất với nhau (Phạm ngã nhất như).

Nói về cái ngã Bản thể của cá nhân, Phật giáo lập ra thuyết Vô ngã, chủ trương tất cả các pháp đều nhờ quan hệ duyên khởi nương nhau mà tồn tại. Tư tưởng này, đến thời Phật giáo Đại thừa lại càng phát triển triệt để, từ đó, phát sinh ra tư tưởng Không (Phạn: Sunya).

\* **Bản tính** : Cựu dịch: **Bản tánh (Bổn tánh)**. *Bản tính* là tính đức sẵn có, tức là tính chân thật tuyệt đối thường còn không thay đổi. *Kinh Viên*

*Giác (Đại 17, 919 trung)* ghi : “Nếu bản tính của giác tâm thanh tịnh thì do đâu mà nhiễm ô”.

\* **Bảo tạng** : Kho tàng chứa trân bảo. Có 2 nghĩa:

1/. *Pháp tạng*: Kho tàng pháp vi diệu, có thể cứu chúng sinh thoát khổ. Kinh Vô Lượng Thọ ghi : “Vô lượng bảo tạng tư nhiên phát khởi ứng theo căn cơ, giáo hóa an lập vô số chúng sinh”.

2/. *Tự tính bản lai*: Cũng tức là Phật tánh. *Cảnh Đức Truyền Đăng Lục 28* ghi : “Các ông có đầy đủ kho tàng quý báu trong nhà mình, có thể dùng tự tại, không cần tìm cầu vay mượn bên ngoài”.

\* **Bạc-Câu-La**: Phạn âm : *Vakkula, Bakkula, Bakula, Vakula*. Hán dịch : *Trọng Tính, Mại Tính, Thiện Dung*. Tên gọi khác : *Bà-câu-la, Ba-câu-lô, Pha-củ-la, Bạc-la*.

Bạc-câu-la là một vị đệ tử của Đức Phật. Thuở nhỏ, Ngài Bạc-câu-la bị kẻ mẫu sát hại 5 lần mà không chết. Từ khi xuất gia cho đến khi viên tịch, Ngài luôn khỏe mạnh không hề đau ốm, hưởng thọ 160 tuổi, được người đời tôn xưng là Trưởng Thọ bạc nhất.

\* **Bạch hào** : Gọi đầy đủ: *Bạch hào tướng*. Phạn âm: *Urna-laksana*. Còn gọi: *Hào tướng, Hào mi, Bạch hào tướng, Mi gian bạch hào tướng, Bạch hào trang nghiêm diện tướng ...*

Tướng bạch hào, 1 trong 32 tướng của Như Lai. Ở khoảng giữa hai đầu lông mày của Đức Thế Tôn có 1 sợi lông trắng mềm mịn, kéo ra dài 1 tấc (có chỗ cho rằng khi sơ sinh dài 1,6 mét, khi thành đạo dài 4,8 mét), khi thả ra xoắn vòng về bên phải, sáng lóng lánh như trân châu, ánh sáng chói chan như mặt trời đứng ngọ, gọi là Bạch hào quang. Chúng sinh nếu gặp ánh sáng đó, liền tiêu trừ được tội chướng, thân tâm an lạc.

Theo *Phẩm Quán Tướng trong kinh Quán Phật Tam Muội Hải 2*, Như Lai có vô lượng tướng hảo, tướng bạch hào thù thắng nhất trong các tướng. Tất cả chư Phật và Đẳng giác Bồ Tát đều có tướng này.

Người đời sau khi đúc tượng, thường dùng bạch ngọc, thủy tinh gắn vào khoảng giữa 2 lông mày của các tượng Phật , Bồ Tát để biểu thị tướng này.

\* **Bạt-Nan-Đà** : Một trong 8 vị Long vương. Xem **Long Vương**.

\* **Bất định** : Phạn âm : *Aniyata* . Còn gọi : *Bất định pháp*; *Nhị bất định* (*dvāvaniyatau*). Là hai giới của giới Cụ Túc mà Tỳ kheo phải thọ trì. *Bất định* nghĩa là chưa xét bắt được rõ là có phạm giới hay không và phạm giới nào. Có 2 thứ: *Bình xứ bất định giới* và *Lộ xứ bất định giới*.

1. *Bình xứ bất định giới* : Tỳ kheo cùng với một người nữ ở chỗ khuất (chỗ không thể thấy nghe), chỗ kín đáo, nơi có thể làm việc dâm hoặc nói lời phi pháp.

2. *Lộ xứ bất định giới* : Tỳ kheo cùng ngồi với người nữ ở chỗ trống, nói lời thô tục.

Hai giới *Bất định* này trong *Ngũ thiên lục tụ*, *Bách chúng học*, *Thất diệt tránh*, đều được xếp vào nhóm tội Đột-kiết-la.

\* **Bất động**: là một đức tính của người giải thoát, chứng lẽ không thân tâm, chẳng xúc động, nhứt là không còn thấy khổ .

\* **Bất Giác** : Đối lại : *Giác* . *Bất giác* là không có trí huệ thấu rõ tướng chân thật của vạn hữu . *Bất giác* còn có nghĩa khác là vô minh chột khởi.

*Luận Đại Thừa Khởi Tín* chia thức A-lại-da ra làm 2 phần : Giác và Bất giác . Bất giác lại có 2 thứ :

1. *Căn bản bất giác* : Vì vô minh che mờ chân tính nên chúng sinh hoàn toàn không biết nhất vị bình đẳng của pháp Chân như .

2. *Chi mạng bất giác* : Do căn bản bất giác sinh khởi mà chúng sinh vọng chấp các pháp, kể đến mới sinh 3 tướng tế và 6 tướng thô như : Nghiệp tướng, Chuyển tướng .v.v...

Như vậy từ *Căn bản bất giác* sinh ra *Chi mạng bất giác* và nương *Chi mạng bất giác* khởi lên Hoặc nghiệp, chiêu khổ lụy lưu chuyển sinh tử .

\* **Bất hoại**: Gọi đầy đủ: **Bất hoại pháp** (Phẩm Tứ Tướng Giải Thoát, Kinh Đại Bát Niết Bàn), tức chỉ Niết Bàn, là pháp không sự vật nào có thể phá hoại được .

\* **Bất hoại kim cương** : Tân dịch : **Bất hoại kim cương** . Chất báu kim cương kiên cố, không một sức lực bên ngoài nào phá hoại được .

\* **Bất Khả Tư Nghị (Bất Khả Nghĩ Bàn)**: Phạn âm: *A-cintya*. Còn gọi: *Bất tư nghị, Nan tư nghị*. *Bất khả tư nghị* là không thể nghĩ bàn, chủ yếu dùng để nói về cảnh giới giác ngộ cùng với sự nhiệm mầu của trí huệ và sức thần thông của chư Phật và Bồ Tát. Thông thường người ta dùng từ *Bất khả tư nghị* dẫn từ trong kinh điển Phật giáo để giúp hình dung sự thâm diệu thần kỳ như *kinh Tăng Nhất A-Hàm 18* cho rằng : *vũ trụ, cõi chúng sinh, cõi rồng và cõi Phật* là 4 cảnh giới *bất khả tư nghị*. Còn *kinh Đại Bảo Tích 86* lại cho : *nghiệp, rồng, thiên, Phật* là 4 cảnh giới *bất khả tư nghị*.

\* **Bất không** : tức không không . *Xem Không không* .

\* **Bất Lai** : Từ đồng nghĩa . *Xem A-Na-Hàm* .

\* **Bất Sanh, Bất Diệt** : Đối lại : *Sinh diệt* . Các pháp thường trụ, không sinh không diệt, như Niết-bàn . Theo *Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh*, thể tính của các pháp vốn bất sinh bất diệt . Tư tưởng này manh nha vào thời xã hội Ấn Độ chưa có Phật giáo, sau thành một trong những giáo nghĩa căn bản của Phật giáo .

\* **Bất Thiện** : Phạn âm : *Akúsala* . Còn gọi : *Ác* . *Bất thiện* là chỉ các pháp xấu ác hay làm tổn hại đời này và đời sau, có tính chất khiến người ta không an ổn. Đây là 1 trong 3 tính .

Theo *Luận Đại Tì-bà-sa 51, Luận Câu-Xá 13*, Bất thiện có 4 thứ :

1. *Tự tính bất thiện* : Vô tâm (tự hổ thẹn), vô quý (hổ thẹn với người), tham, sân và si, là năm pháp hữu lậu ; tự thể của chúng bất thiện, giống như thuốc độc .

2. *Tương ứng bất thiện* : Tất cả tâm và tâm sở cùng một lúc sinh ra, tương ứng với vô tâm, vô quý, tham, sân và si. Do sự tương ứng ấy mà chúng có tính chất bất thiện .

3. *Đẳng khởi bất thiện* : Chỉ cho thân nghiệp, ngữ nghiệp và bất tương ứng hành pháp (sở khởi) được dẫn khởi bởi tự tính bất thiện và tương ứng bất thiện (năng khởi) cùng một lúc, như ý nghĩ ác thì thân, miệng liền làm ác .

4. *Thắng nghĩa bất thiện* : Chỉ cho pháp sinh tử. Các pháp trong sinh tử tuy có thiện, có bất thiện, nhưng bản chất của nó đều là khổ. Định nghĩa theo thật nghĩa của Chân đế thì các pháp sinh tử đều là bất thiện, nên gọi là *Thắng nghĩa bất thiện*.

Nếu luận theo sự phân biệt thì *si* là *Tự tính bất thiện*, thức là *Tương ưng bất thiện*, thân ngữ nghiệp là *Đẳng khởi bất thiện*, sinh tử là *Thắng nghĩa bất thiện*.

*Luận Đại Thừa A-tì-đạt-ma Tập Tập 4* lập ra 12 thứ bất thiện, đó là : Tự tính, Tương thuộc, Tùy trực, Phát khởi, Đệ nhất nghĩa, Sinh đắc, Phương tiện, Hiện tiền cúng dường, Tổn hại, Dẫn nhiếp, Sở trị, Chương ngại.

\* **Bất Thoái Chuyển** : Tân dịch: **Bất Thoái Chuyển**. Phạn : Avinivartaniya. Hán âm: A-duy-việt-trí, A-tì-bạt-trí, A-bệ-bạt-trí. Còn gọi: **Bất thoái**, *Vô thoái*, *Tất định*. Đối lại: *Thoái chuyển*.

*Bất thoái chuyển* tức không thoái chuyển. Chỉ sự tu hành không lui sụt cho đến khi thành Phật. Còn *thoái chuyển*, chỉ cho sự lui sụt rơi vào đường ác hoặc *Nhị thừa địa* (hàng Thanh văn, Duyên giác).

*Bất thoái vị* còn gọi là *Bất thoái chuyển địa*. Trong giai vị *Tứ thiện căn* của *Hữu Bộ*, đến *Nhãn vị* thì không còn rơi vào đường ác, được xếp vào *Bất thoái vị*.

Theo kinh *Đại Bát Nhã 49*, vào giai vị *Kiến đạo*, được *Vô sinh pháp nhãn*, ắt không còn rơi vào *Nhị thừa địa* nên được gọi là *Bất thoái*. Hơn nữa, trong giai vị *Bồ Tát*, *Đệ nhất trụ* trong *Thập trụ* gọi là *Bất thoái chuyển trụ*.

\* **Bất Tịnh**: Sự ô uế, tính chất hèn mọn, xấu xa, tội lỗi. Trong *Ngũ Đình Tâm Quán* có pháp tu quán tưởng thân mình và thân người bất tịnh, gọi là *Bất tịnh quán*.

\* **Bắc Cu Lô Châu** : Phạm âm : *Uttara-kuru* . Còn gọi : *Bắc Câu lô châu*, *Bắc châu*, *Bắc-đơn-việt*, *Uất-đơn-việt*, *Bắc-uất-đơn-việt*, *Uất-đa-la-cửu-lưu*, *Ôn-đát-la câu-lô* . Hán dịch : *Thắng xứ*, *Thắng sinh*, *Cao thượng* . *Bắc Cu Lô Châu* là một trong 4 châu quanh núi Tu-Di .



Theo *Luận Câu-Xá 11* và *phẩm Uất-đơn-việt* trong kinh *Đại Lâu Thán 1*, *Bắc Cu lô châu* nằm trong biển mặn ở phía Bắc núi Tu-di, hình vuông, mỗi cạnh dài 2000 do-tuần, giống như nắp hộp, bao quanh có núi Thất Kim, núi Đại Thiết Vi, đất bằng vàng ròng, ngày đêm chói sáng. Đất đó có đủ 4 tính chất : Bằng phẳng, vắng lặng, sạch sẽ, thoải mái. Nhân dân ở châu này có gương mặt chữ điền giống như hình thếp cuộc đất họ sống, ai nấy sắc diện giống nhau và đều cao 1 trượng tư (4,8 m). Họ sống bình đẳng, an lạc, không có điều gì trói buộc . Trong 4 đại châu, 3 đại châu kia đều có địa ngục, chỉ riêng châu này là không có .

\* **Biên kiến** : Gọi đầy đủ : *Biên chấp kiến*. Phạn âm : *Anta-grāha-drsti*.

*Biên kiến* là kiến giải cực đoạn, hoặc *chấp thường* hoặc *chấp đoạn*, đây là 1 trong 100 tùy miên, 1 trong 5 kiến. Hai thứ kiến chấp sai lầm này thuộc về *Chấp thủ Đoạn* và *Thường nhất biên* trong *thủ uẩn*.

*Biên chấp kiến* duyên theo *ngã* và *ngã sở* của *Tát-ca-da kiến* (kiến chấp có thân) mà phát khởi cái *biên kiến* chấp đoạn hoặc thường, làm chướng ngại Đạo đế và Diệt đế. *Biên chấp kiến* này tăng giảm tùy theo kiến chấp có thân nặng hay nhẹ.

Theo *Luận Thành Duy-Thức 6*, *Biên chấp kiến* có 47 thứ. Trong đó, có 7 thứ chấp đoạn diệt thuộc về *đoạn kiến*, 40 thứ còn lại thuộc về *thường kiến*.

*Biên chấp kiến* này được xếp vào *hoặc* của *biến hành*, đồng với *hữu thân kiến*, lấy cảnh giới của chính mình làm đối tượng để duyên. Hai thứ kiến chấp này đều lấy *Huệ* trong *Đại địa pháp* làm thể , đó là thứ phiền não mà người tu đến giai vị kiến lý *Khổ đế* có thể đoạn trừ.

\* **Biên tế** : Biên nghĩa là không vượt qua, ý nói Định thù thắng không có Định nào vượt qua được . Tế nghĩa là loại cao tốt.

*Luận Câu-Xá 27*, ghi : “Tất cả địa này, vì tùy thuận khắp cả, vì lên đến cứu cánh, nên được gọi là *Biên tế*”, cũng như “Giải thoát” trong *Kinh Đại Bát Niết Bàn* là cởi bỏ sự trói buộc của Hoặc nghiệp cao tốt như hư không, không gì có thể vượt qua.

\* **Biến** : Có 2 nghĩa :

**I/. Biến** : Phạm âm : *Parināma*. Biến là từ vật A biến đổi thành vật B. Biến trong *Phẩm Tựa Thứ Nhất, kinh Đại Bát Niết Bàn* gọi là *Biến thành, Biến hóa, Biến hiện* .

*Tông Duy Thức* cho rằng tất cả hiện tượng tồn tại đều do thức sinh, do thức hiện, nên các pháp được gọi là Duy Thức sở biến . Theo *Thành Duy Thức Luận Thuật Ký 3, phần đầu*, biến có 2 thứ : Sinh biến và Duyên biến .

1. Sinh biến, tức Nhân năng biến (Phạm: *Hetu-parināma*). Tức là tập khí của hai nhân Đẳng lưu và Dị thực trong thức A-lại-da thứ tám có thể chuyển biến sinh ra các pháp . Đây là nghĩa chuyển biến .

2. Duyên biến, chỉ Quả năng biến (Phạm: *phala-parināma*). Nghĩa là do hai thứ tập khí của Đẳng lưu và Dị thực trong thức thứ tám biến hiện ra các thức, đây là nghĩa biến hiện .

**II/. Biến** : tức Biến tướng . Đây là các bức họa căn cứ vào sự mô tả của các kinh, vẽ lại các sự tích tiền thân của Phật, các tịnh độ trang nghiêm cũng như các tướng trạng địa ngục ...

\* **Biến dị tướng** : Là pháp quán tưởng phát sinh khi người thân của mình bị chết mất hoặc vật mà mình yêu thích bị hư hoại .

\* **Biến hiện** : từ đồng nghĩa . Xem **Biến hóa** .

\* **Biến hóa** : Âm theo Phạm : *Nirmāna*. Còn gọi: **Biến hiện, Hóa tác, Hóa hiện, Hóa**.

Sự biến hóa có các nghĩa sau đây:

1/. *Biến hóa của các thứ hình tướng*. Phật, Bồ Tát vì giáo hóa chúng sinh mà dùng sức thần thông biến hóa thành các thứ hình tướng. Trong đó, nếu Phật vì việc lợi ích cho phàm phu địa tiền (Tam hiền) mà *biến hiện ra thân Phật* hoặc *thân Bồ Tát* thì gọi là *Biến hóa thân, Ứng hóa thân* hay *Ứng hóa Phật*. Còn nếu vì chúng sinh trong 5 đường mà Đức Phật *thị hiện thụ thân quỷ, súc sinh .v.v...* thì gọi là *Hóa thân*. Trường hợp không có thụ thân mà bỗng nhiên có hình Phật, hình Bồ Tát, hình người, hình chim thì gọi *Hóa Phật, Hóa Bồ Tát, Hóa nhân, Hóa điều*.

Phật vì giáo hóa phàm phu mà ứng cơ biến hiện quốc độ tịnh uế, thì gọi là *Biến hóa độ* hay *Hóa độ*. Tâm năng biến hóa gọi là Hóa tâm, sự việc được biến hóa gọi là Hóa sự.

**2/.** *Biến hóa của Định căn bản.* Phàm phu hoặc Thánh giả tu tập từ Sơ thiên đến Tứ thiên, được *Thần túc thông* (*Thần cảnh thông*), lấy đó làm pháp sở y mà biến hóa ra các việc (hiện tượng) ở cõi Dục và cõi Sắc. Tâm biến hóa này chỉ phát sinh tác dụng ở trong địa vị của mình và địa vị thấp hơn. Tất cả các biến hóa tâm còn gọi là *Hóa tâm*.

**3/.** Các loài yêu tinh, quỷ quái, tức những loài ma quỷ ở trong 5 đường, 6 đường chúng sinh, có oai lực biến hóa tự tại và hình tướng đáng sợ.

\* **Biện Tài** : Còn gọi : *Tứ Vô ngại giải, Tứ vô ngại trí*. Gọi tắt là *Biện*.

Biện tài là khả năng khéo giảng nói nghĩa lý của các pháp. Phật, Bồ Tát trong nhiều kiếp, do công đức trang nghiêm khẩu nghiệp mà có đủ các loại biện tài, như *Tứ vô ngại biện, Thất biện, Bát biện, Cửu biện*.

- *Tứ vô ngại biện*: Trí giải biện tài vô ngại tự tại, gồm : Pháp vô ngại biện, Nghĩa vô ngại biện, Từ vô ngại biện, Biện vô ngại biện (trí huệ vô ngại tự tại, biện luận chính xác).

- *Biện vô ngại biện* có 7 thứ (*Thất biện*) như sau:

1/ *Tiếp tạt biện (Tiếp biện)*: Giảng nói tất cả pháp một cách tự tại vô ngại.

2/ *Lợi biện (Tán biện)*: Có khả năng thâm nhập thông đạt thấu suốt.

3/ *Bất tận biện (Ứng biện)*: Giảng nói về thật tướng các pháp, không cùng tận.

4/ *Bất khả đoạn biện (Vô sở mậu biện)*: Không vì vấn nạn mà bít lối.

5/ *Tùy ứng biện (Vô đoạn tận biện)*: Tùy theo yêu cầu của chúng sinh mà nói pháp.

6/ *Nghĩa biện (Phàm sở diễn thuyết phong nghĩa vị biện)*: Có khả năng nói các thứ lợi ích để đạt tới Niết Bàn.

7/ *Nhất thiết thế gian tối thượng biện (Nhất thiết thế gian tối thượng diệu biện)*: Có khả năng giảng nói pháp Đại thừa là hơn hết trong các pháp thế gian.

- *Bát biện*: Chỉ cho khả năng biện tài có 8 tính chất sau đây: Không lấp bấp, rõ ràng, mạch lạc, tâm không sợ sệt, tâm không cao mạn, lời nói

đầy đủ ý nghĩa, lời nói đầy đủ ý vị, cách diễn đạt không vụng về khố khan, tùy theo lúc mà khéo giảng nói nghĩa lý các pháp.

- *Cửu biện*: Chỉ loại biện tài có đủ 9 tính chất: Vô trước, vô tận, tương tục, bất đoạn, bất khiếm nhược, bất khinh bố, bất cộng, thiên nhân sở trọng, vô biên biện tài.

\* **Bí Tạng** : Cũng gọi : **Bí tàng** . Là kho bí mật. Giấu kín không truyền cho người gọi là Bí ; chứa đựng bên trong gọi là Tạng. Bí tạng nghĩa là diệu pháp của chư Phật do chư Phật khéo giữ gìn, không tuyên thuyết bừa bãi.

\* **Bí Truyền** : Còn gọi : *Bí sự, Bí thuyết*. Là sự khẩu truyền và thừa kế bí mật giữa thầy và trò. Từ ngữ này chủ yếu dùng cho sự tương của *Mật giáo*. Toàn bộ “Nghệ tôn pháp” (đến làm phép tôn kính) đều thiết lập theo bí sự. Từng bộ phận “Nghệ tôn pháp” như chủng tử, tam hình, tôn hình, ấn tướng, chân ngôn, quán hạnh .v.v... cũng đều thiết lập theo bí sự.

\* **Bình đẳng** (đảo từ: **Đẳng bình**) : Âm theo Phạn: *Sama*; Đối lại: *Sai biệt*.

Bình đẳng là ngang bằng đồng đều, không cao thấp cạn sâu. Chỉ tất cả hiện tượng đều cùng một tính: Không tính, Duy Thức tính hay Chân như tính .v.v... *Trong các kinh luận*, những tư tưởng và thuật ngữ về bình đẳng có rất nhiều, như cho rằng Tam bảo Phật, Pháp, Tăng và tâm, Phật, chúng sinh trên bản thể đều không có sai khác; nếu hiển thị về mặt Bản thể giới thì gọi là Không bình đẳng, Chân như bình đẳng.

*Kinh Đại Bát Nhã 409* giảng rõ về tính bình đẳng của 3 thứ: Bát nhã Ba-la-mật, Tam-ma-địa, Bồ Tát. *Luận Đại Trí Độ 100* nói rõ về Lý Pháp bình đẳng và Chúng sinh bình đẳng. *Kinh Đại Nhật 1*, nêu ra tam mật: Thân mật, ngữ mật và ý mật bình đẳng. *Vãng Sinh Luận Chú, thượng* thì nêu ra Trí bình đẳng và Chúng sinh bình đẳng.

Phật được gọi là *Bình đẳng giác*. Tự tính pháp thân gọi là *Bình đẳng pháp thân*. Nhất thừa pháp là biểu thị đại huệ bình đẳng với trí huệ của Phật, gọi là *Bình đẳng đại huệ*. Yêu thương khắp tất cả không sai khác, gọi là *Bình đẳng đại bi*. Liễu ngộ chân lý mà không khởi kiến giải sai khác gọi là *Bình đẳng tâm*.

Trong 3 quán: *Không, Giả, Trung*; từ Không nhập Giả quán gọi là *Bình đẳng quán*. Quán tam mật: Thân, khẩu, ý bình đẳng không sai khác, gọi là *Tam bình đẳng quán*. Chẳng luận oán, thân sai khác, tất cả đều xem như người thân, gọi là *Oán thân bình đẳng*.

\* **Bỉ ngạn**: Âm theo Phạn: *Pāra*; Từ đối lại : *Thử ngạn*.

Theo Thích Thiên Ba-La-Mật Thứ Đệ Pháp Môn 1, thượng thì bỉ ngạn là bờ bên kia. Bờ bên này (cõi mê), gọi là Thử ngạn; bờ bên kia (cõi ngộ), gọi là Bỉ ngạn. Lấy nghiệp và phiền não làm giữa dòng, cảnh giới sinh tử là bờ bên này, Niết-Bàn là bờ bên kia.

Nếu xét theo nghĩa Phạn: *Pāramitā*, âm Hán-Việt: Ba-la-mật-đa thì Bỉ ngạn gọi đầy đủ là **Đáo bỉ ngạn** ; tức là việc tu đạo cũng như đi từ cõi mê bờ bên này đến cõi ngộ bờ bên kia

\* **Bố tát** : Âm theo Phạn : *Posadha, Upavasatha, Uposadha, Upavāsa*. Hán dịch: *Thuyết giới, Trưởng tịnh, Trưởng dưỡng, Tăng trưởng, Thiện túc, Tịnh trụ, Trưởng trụ, Cận trụ, Cộng trụ, Đoạn, Xả, Trai, Đoạn tăng trưởng*. Còn gọi: *Ưu-ba-bà-tố-đà, Ưu-bà-sa, Bố-tát-đà-bà, Bố-sái-tha, Bố-sa-tha, Ô-ba-bà-sa, Bô-sa-đà, Bao-sái-đà, Ô-bô-sa-tha*.

Bố tát là tụng giới, tức các Tỳ kheo ở chung, cứ mỗi nửa tháng nhóm họp lại một chỗ hoặc tụ họp ở nhà bố tát (Phạn : *Uposathāgāra*, tức là nhà thuyết giới), thỉnh vị Tỳ-kheo tinh thông giới luật nói cho nghe giới bản *Ba-la-đề-mộc-xoa*, để xét lại hành vi của mình trong nửa tháng qua. Nếu xét thấy có phạm giới thì phải sám hối trước chúng tăng. Pháp này giúp các Tỳ-kheo đều an trụ lâu dài trong tịnh giới, nuôi lớn pháp lành, thêm nhiều công đức.

Còn tín đồ tại gia trong 6 ngày chay thụ trì bát quan trai giới cũng gọi là bố tát, vì cũng được tăng trưởng pháp lành.

Lệ thường bố tát và trì trai xưa nay rất phổ biến ở Trung Quốc và Nhật Bản.

\* **Bố thí** : Phạn âm : *Dāna*. Hán âm : *Đàn-na*. Gọi tắt : **Thí**. Một nền hạnh lớn, đứng đầu trong lục độ: *Bố-thí, Trì-giới, Nhẫn-nhục, Tinh-tấn, Thiền-định, Trí-huệ*. Chính nhờ bố thí trong những đời đã qua, mà đức

Thích-Ca mau lên quả Phật, lòng nhân từ bố-thí rất có công hiệu để trừ lòng khan tham, keo lặn, duy kỷ.

Sự Bố-thí có 3 đường: 1. Tài thí: Thí tiền bạc của cải; 2. Pháp thí: Thí pháp lý; 3. Vô úy thí: thí cho chẳng sợ.

Hễ đứng ra Bố-thí thì không cần sự báo đáp của người được bố thí, mà cũng không cần cái phước báo của việc bố thí.

*Theo Kinh Kim cang*: Phật có dạy rằng Bồ tát có bố thí thì đừng có kể chi là Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Tức là đừng có chấp tướng ...

*Theo Địa-Tạng Kinh*: Về sự so sánh công đức bố thí, đức Phật thuyết cho ngài Địa-Tạng rằng: Như có hạng vua, quan, Sát-ly, Bà-la-môn, trưởng giả đối với người hèn hạ, ốm yếu, tàn tật, câm, ngọng, điếc, ngậy, đui mà muốn bố thí, nếu có lòng đại từ bi, đoái xuống mỉm cười, tự mình bố thí hoặc sai người bố thí, dùng lời dịu ngọt mà an ủi khuyến dụ, thì phần phước rất lớn, chẳng khác nào bố thí cho chư Phật đồng bằng số cát sông Hằng ...

\* **Bố thí Ba-la-mật** : Còn gọi: *Thí Ba-la-mật* . Phạn âm: *Dāna-pāramitā*. Bố thí một cách rốt ráo viên mãn về tiền tài, giáo pháp và sự vô úy; một trong 6 Ba-la-mật, một trong 10 Ba-la-mật. Thí ba-la-mật của Bồ Tát có 9 tướng là: Tự tính thí, Nhất thiết thí, Nan hành thí, Nhất thiết môn thí, Thiện sĩ thí, Nhất thiết chủng thí và Thanh tịnh thí.

\* **Bồ Đề**: Hán dịch là: *Đạo, Giác, Tri*. Trí thông đạo lý, giác ngộ đạo lý, hiểu rõ hai cảnh của pháp: Lý và Sự. Đắc Bồ-đề thì diệt hết phiền não, chứng Niết Bàn. Đắc Bồ-Đề đầy đủ thì thành Phật Như Lai. Ấy là Đại Bồ-Đề, Vô thượng Bồ-đề, Vô thượng trí huệ, Chánh giác vô thượng.

\* **Bồ đề thụ** : Âm theo Phạn: *Bodhi-druma, Bodhi-taru, Bodhi-vrksa, Bodhi*. Còn gọi: *Giác thụ, Đạo thụ, Đạo tràng thụ, Tư duy thụ, Phật thụ*. Tên khoa học: *Ficus religiosa*.

Cây Bồ-đề ở phía Nam thành Già-da, nước *Ma-Kiệt-Đà*, Trung Ấn-Độ. Đức Thích Tôn đã chứng đắc quả vị Phật ở dưới cội cây này.

Cây Bồ-đề thuộc họ cây dâu, vốn sinh trưởng ở Đông Ấn-Độ, là loại cây thường xanh, cao từ 3m trở lên, lá hình trái tim, đuôi nhọn dài, hoa ẩn trong túi hoa hình cầu, khi túi hoa chín thì có màu cam sậm, trong

có quả nhỏ. Trung Quốc gọi là *Bát-đa* (Phạn : *Ásvattha*), *Bối-đa*, *A-thuyết-tha*, *A-phái-đa*; Hán dịch: *Cát tường*, *Nguyên cát*. Quả của nó gọi là *Tát-bát-la* (Phạn : *Pippala*), nên còn được gọi là *Tát-bát-la thụ*.

Cây Bồ-đề nơi Phật thành đạo, trải qua các thời đại, tuy đã nhiều lần bị vua *A-Dục*, vương phi *Đê-xá-la-hi-đa*, vua *Thiết-Thưởng-ca* .v.v... đốn chặt nhưng vẫn đâm chồi rậm rạp tươi tốt.

Trong kinh có nói rõ tên của 7 cây Bồ-đề của 7 đức Phật thời quá khứ, như cây *Ba-ha-la* (*Pātalī*) của **Đức Phật Tỳ-Bà-Thi**, cây *Phân-đà-lợi* (*Pundarīka*) của **Đức Phật Thi-Khí**, cây *Sa-la* (*Sāla*) của **Đức Phật Tỳ-Xá-Bà**, cây *Thi-lị-xa* (*Sirīsa*) của **Đức Phật Câu-Lâu-Tôn**, cây *Ô-tam-bà-la* (*Udumbara*) của **Đức Phật Câu-Na-Hàm**, cây *Ni-câu-luật* (*Nigrodha*) của **Đức Phật Ca-Điếp**, cây *Bát-đa* (*Ásvattha*) của **Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni**, và đời vị lai, khi **Bồ-Tát Di-Lặc hạ sinh thành Phật**, thì tên cây Bồ-đề của ngài sẽ là cây *Na-già* (*Nāgapurpa*) tức cây *Long-Hoa*.

\* **Bồ Tát** : Gọi đầy đủ : Bồ-đề-tát-đóa. Bồ-đề (Bodhi) : Chánh giác; Tát-đóa (Sattva): Chúng sanh. Bực đắc quả Phật, song còn làm chúng sanh để độ đời. Bực đã được tự giác, đắc quả Bồ-đề, song còn chờ lúc lên quả Phật Thế Tôn, bèn chuyển phương tiện ra đi cứu độ chúng sanh. Như đức Phật Thích-Ca trải qua những đời trước làm Bồ Tát, đến đời sau rốt, ngồi nơi cội Bồ đề mà lên bực Phật. Từ xưa đến nay và hiện thời trong các cõi, có vô số Bồ-tát.

Có hạng Bồ Tát mới phát tâm , mới vừa thành Bồ tát.”*Tân-phát-ý-Bồ-tát*”. Và có hạng Bồ-Tát mạnh mẽ mà tấn tới ngôi chánh giác, chẳng hề lui bước, “*Bất-thối-chuyển-Bồ-Tát*”.

Có Bồ-Tát xuất gia, tức là chư vị Đại Đức, Tổ sư truyền đạo và thuyết pháp giúp đời. Có Bồ-Tát tại gia, tức là các nhà Đại từ thiện đứng ra bố thí giúp chúng sanh và thường hộ trợ ngôi Tam Bảo.

Cũng có Bồ Tát tại thế, sanh lên cõi này giúp ích cho chúng sanh, theo hầu đức Phật lúc sanh tiền, như là những vị Bồ-Tát tỳ kheo, tuy làm Tỳ kheo mà có đủ hạnh Bồ-tát. Và cũng có Bồ-Tát du hành, tức là chư Bồ-Tát ở các cõi Phật, ở thượng thiên, thường du hành các nơi và đến viếng chư Phật trong các cõi. Hồi Phật thành đạo, có rất nhiều Bồ-Tát tại

thế xuất gia và tại gia theo hầu ngài và cũng có nhiều Bồ-Tát du hành đến viếng ngài.

Lại cũng có bậc Bồ-Tát có thể thành Phật, như muốn làm Phật thì đã ở ngôi vị ấy lâu đời rồi, song vì lòng từ bi, vì sức đại nguyện, nên còn ở trong hàng Bồ Tát mà độ chúng sanh. Ấy là chư Bồ-Tát Ma-ha-tát (Bodhisattva-Mahāsattva), như các ngài: Văn-Thù, Quan-Thế-Âm, Phổ-Hiền. Địa-Tạng .v.v...

Và cũng có những vị *Bồ-tát nhứt bồ Phật xứ*, tức là những vị Bồ-tát thường du hành đến các cõi Phật, chừng giáng thế đến cõi nào thì làm Phật Như-Lai ở cõi đó. Như ở cõi Cực-Lạc của đức Phật A-Di-Đà, có rất nhiều vị *Bồ-tát Nhứt bồ Phật xứ*.

Bồ-tát cũng là tiếng tôn kính để xưng người có đại hiệu đại hạnh, dấu người ấy đương thời chưa tu hành. Như trong Địa-Tạng Kinh, quý Vô-Độc xưng Bà-La-Môn nữ đi tìm mẹ ở Địa ngục là Bồ tát.

Bồ tát cũng là tiếng gọi người tu học có thọ trì Bồ-tát giới. Ấy là tiếng nói tắt để gọi Bồ tát tỳ kheo, Bồ tát Ưu-Bà-Tắc .v.v... Trong các bài thuyết pháp của đức Phật Thích-Ca, ngài thường nhắc lại những đời trước của ngài, hồi ngài còn làm Bồ tát, hễ sanh ra nơi nào thì cũng tận tâm mà giúp người giúp đời, hằng thi hành các độ Bố-thí, Trì-giới, Nhẫn-nhục, Tinh-tấn, Thiền-định, Trí-huệ, Phương-tiện. Đó tức là Bồ tát hạnh.

\* **Bồ Tát Đạo** : bao hàm hai khái niệm:

1/. *Bồ Tát Đạo* (Phạn: *Bodhisattva-carya*) là con đường tu hành lực độ muôn hạnh tự lợi, lợi tha của Bồ Tát để thành tựu Phật quả. Cho nên, Bồ Tát Đạo là cái nhân chính thành Phật.

2/. *Bồ Tát Đạo* là giáo lý Phật giáo Đại Thừa, tức là giáo pháp trên cầu thành Phật, dưới độ chúng sinh.

\* **Bổn nguyện** hay **Bổn nguyện** : Cựu dịch: **Bản nguyện** (**Bản nguyện**). Là điều thệ nguyện cõi rã . Tâm lượng của Bồ tát quảng đại, thệ nguyện cũng vô lượng. Chỉ về cái nguyện lực vốn sẵn có ấy, cho nên gọi là Bổn nguyện như 48 nguyện của Đức A-Di-Đà Phật, 12 nguyện của đức Dược Sư Như Lai vậy .



\* **Bửu tạng** : Tân dịch : **Bảo tạng** . Là kho tàng chứa trân bảo. Có 2 nghĩa :

1/. *Pháp tạng*, tức kho tàng pháp vi diệu, có thể cứu chúng sinh thoát khổ. *Kinh Vô Lượng Thọ (đại 12, 269 hạ)* ghi : “Vô lượng bảo tạng tự nhiên phát khởi ứng theo căn cơ, giáo hóa an lập vô số chúng sinh”.

2/. *Tự tính bản lai* cũng tức là Phật tính . *Cảnh Đức Truyền Đăng Lục 28 (đại 51, 440 hạ)* ghi : “Các ông có đầy đủ kho tàng quý báu trong nhà mình, có thể dùng tự tại, không cần tìm cầu vay mượn bên ngoài”.

\* **Bửu tòa** : Tân dịch : **Bảo tòa**. Tòa ngồi được trang trí bằng ngọc báu. Thông thường gọi tòa của chư Phật là Tòa sen. Tòa này phần nhiều dùng 7 báu để trang trí cho nên gọi là Bảo liên hoa tòa hoặc Bảo tòa.

Theo *kinh Văn Thù Bồ Tát Phật Sát Trang Nghiêm, thượng*, Như Lai dùng sức thần thông ấn chân xuống, theo chỗ ấn chân này, hoa sen quý lớn như bánh xe vọt lên, cọng sen bằng bạc, lá vàng, nhụy lưu ly, trên đài hoa sen có Hóa Bồ Tát ngồi kiết già.

Ở các tượng Phật, người ta thường điêu khắc hoặc vẽ các cánh hoa của tòa sen bằng chất liệu biểu hiện hình tượng châu báu, như tòa của Đại Nhật Như Lai, tòa của Bồ Tát Địa Tạng.



## C

\* **Ca-Chiên-Diên**: Phạn âm : *Mahakatyayana*; Tên gọi khác là: *Ma-ha-ca-đa-diễn-na*, *Ma-ha-ca-để-na-dạ-na*, *Đại Ca-Chiên-Diên*, **Ma-ha Ca-Chiên-Diên** . Hán dịch : *Đại Tiễn Dịch Chúng Nam*. Đây là vị A-la-hán, 1 trong 10 đệ tử lớn của Đức Phật, người nước A-Bàn-Đề (Phạn: Avanti) Tây Ấn-Độ. Về dòng họ và nhân duyên xuất gia qui y của Ngài có nhiều thuyết

*Theo Phẩm Na-la-đà Xuất Gia trong Phật Bản Hạnh Tập Kinh 37*, thì Ngài là người con thứ hai của Bà-la-môn Đại Ca-Chiên-Diên ở tụ lạc Di Hưu Thực, tên là Na-la-đà (Phạn: Nalaka, còn gọi: Na-la-ca Na-la-ma-nạp). Lúc đầu, Ngài vào núi Tân-đà, gần thành Ưu-thiên-da-ni ở kinh đô học tập giáo pháp Phệ-đà với cậu là tiên nhân A-Tư-Đà. Sau, Tiên nhân A-Tư-Đà thấy tướng hảo trang nghiêm của Đức Thế Tôn khi mới sanh, tiên đoán rằng trong tương lai chắc chắn Ngài sẽ thành Phật, nên khi lâm chung ông căn dặn Na-la-đà thờ Đức Thích Tôn làm thầy. Sau khi Na-la-đà xuất gia qui y Phật, căn cứ vào dòng họ của Ngài mà gọi là Đại Ca-Chiên-Diên, Ngài siêng năng tu hành không lười mỗi, nên đã chứng đắc quả A-la-hán. Sau khi Đức Phật diệt độ Ngài vẫn còn sống, giáo hóa chúng sinh, thường luận chiến với ngoại đạo. Ngài được tôn là luận nghị đệ nhất trong các đệ tử của Đức Phật.

*Theo Câu-Xá Luận Quang Ký 1, A-tì-đạt-ma Thi Thiết luận trong Lục Túc Luận* là do Ngài soạn.

*Trong Mật giáo*, Ngài được xếp vào ngôi thứ 6, hàng phía trên, bên trái Phật Thích-Ca Mâu-Ni trong Hiện đồ Mạn-đồ-la Thai Tạng giới. Hình tượng của Ngài: Ngồi trên tòa lá sen, lòng bàn tay phải dựng đứng, co ngón vô danh và ngón út; tay trái cầm 1 góc Ca-sa đặt trước ngực.

\* **Ca-Diếp**: Gọi đầy đủ: **Ma Ha Ca Diếp**. *Ca-Diếp* là âm theo Phạn , đọc trọn: *Ca-Diếp-ba*, dịch nghĩa: *Ấm quang* (uống hào quang), Ca-Diếp là tên người; trong kinh điển đạo Phật, có nhiều vị tên Ca-Diếp. Ca-Diếp trong kinh Đại Bát Niết Bàn là **Ma-Ha Ca-Diếp**, hay Đại Ca-Diếp là một vị Đại đệ tử của Phật, được Phật khen là Đầu Đà đệ nhất (tu thượng

hạnh, khổ hạnh đệ nhất), được Phật truyền Y Bát làm Sơ Tổ, tức là vị tổ thứ nhất trong 28 đời tổ ở Thiên Trúc.

\* **Ca-La-Ca & Trấn-Đầu-Ca** (quả): Trái của cây Ca-La-Ca bên Thiên-Trúc. Cũng viết: Ca-lưu-ca. Kêu tắt: Ca-la quả. Trái Ca-La-Ca tương tự với trái Trấn-Đầu-Ca; nhưng cây Ca-La-Ca và trái Ca-La-Ca thì rất nhiều. Còn cây Trấn-Đầu-Ca và trái rất ít. Trái Ca-La-Ca thì độc, ai ăn nhầm thì chết, còn trái Trấn-Đầu-Ca thì lành, ăn bổ khỏe. Vì hai thứ trái ấy giống nhau, nhưng một thứ thì độc, một thứ thì hiền, cho nên Phật so sánh những thầy tu phá giới, số này rất đông như trái Ca-la-ca độc hại; còn những thầy tu trì giới hộ Pháp như trái Trấn-đầu-ca ngon lành. Cho nên hai tiếng Ca-La, Trấn-Đầu là dùng chỉ thầy tu phá giới và trì giới.

\* **Ca-Lâu-La**: Garuda, còn gọi là Ca-lưu-la, Yết-lộ-đồ, Ca-lâu-dồ, Già-lâu-la, Ngã-lỗ-noa, Bá-lỗ-noa.v.v... cách dịch cũ là chim cánh vàng, (**Kim sí điểu**). Cách dịch mới là chim cánh lạ (Diệu xí điểu), chim Đỉnh anh. Là một loài chim giống như chim Đại Bàng có tính cực kỳ mãnh liệt trong thần thoại cổ đại Ấn-Độ, từng là vật cưỡi của trời Tỳ-thấp-nô; Khi sinh, thân thể rực rỡ, chừ thiên ngã là Hỏa thiên bèn cúi lạy. Chúng ăn thịt các loài rồng. Khi ăn phát ra tiếng kêu bi khổ, sống ở cây đại thụ trong tứ thiên hạ. Đó là một trong Bát bộ chúng.

\* **Ca-Lăng-Tần-Già điểu** : Phạn âm: *Kalavinka* . Hán dịch : *Hảo thanh điểu, Mĩ âm điểu, Diệu thanh điểu* . Còn gọi: *Ca-la-tần-già điểu, Yết-la-tần-ca điểu, Ca-lan-tần-già điểu, Ca-lăng-tì-già điểu* . Gọi tắt: *Ca-lăng-tần điểu, Ca-lâu-tần điểu, Ca-lăng điểu, Yết-tì điểu, Tần-già điểu* .

*Ca-lăng-tần-già điểu* là loài chim sống trong hang núi và đồng nội ở Ấn Độ, gốc ở Tuyết sơn. lông chim màu đen, giống như chim sẻ, rất đẹp, mỏ màu đỏ, khi còn trong trứng đã biết hót ; tiếng hót trong trẻo, êm ái, véo von hơn cả tiếng trời, người, khản-na-la (thần âm nhạc) và tất cả các loài chim . *Kinh điển Phật giáo* thường dùng tiếng hót của loài chim này để dụ cho pháp âm nhiệm mầu của Phật, Bồ tát . Có kinh điển cho đây là một loài chim ở Tịnh Độ Cực Lạc. Trong *Mạn-đồ-la Tịnh độ*, hình tượng chim Ca-lăng-tần có đầu người mình chim .

\* **Ca-Tỳ-La-Vệ** : Phạn âm: *Kapila-vastu*. Hán dịch: *Hoàng Xích thành, Trụ Xứ Hoàng Phát Tiên Nhân thành, Diệu Đức thành*. Còn gọi: *Ca-tử-la Bà-tốt-đổ, Ca-tỳ-la Bà-tô-đô, Kiếp-tỷ-la Phật-tốt-đổ, Bà-đâu Thích-sítu, Ca-duy-la-vệ*. Gọi tắt: **Ca-tỳ-la, Ca-duy**.

*Ca-tỳ-la-vệ* là đô thành nơi đức Phật đản sinh và cũng là vương quốc của dòng họ Thích-Ca, nay là Tilorakot, Ta-rai, Népal. Theo truyền thuyết, Thủy tổ của phái Số Luận là Tiên nhân Ca-tỳ-la cũng ở xứ này nên lấy tên ông mà đặt tên nước. Thành Ca-tỳ-la-vệ bị vua Tỳ-lưu-ly nước Kiền-tát-la phá hủy nên điêu tàn. Năm 1895, các nhà khảo cổ tìm thấy phế tích thành Ca-tỳ-la-vệ gần làng Ruminidei.

Lúc ngài Pháp Hiển đời Tấn, Trung Quốc đi qua xứ này thì nền cũ thành xưa chỉ còn dấu hoang du; trong thành chỉ có mấy mươi nóc gia. Khi ngài Huyền Trang đời Đường, Trung Quốc, sang Ấn Độ thì nơi đây vẫn còn chùa, tháp và các trụ đá do vua A-Dục tạo dựng. Hiện nay di tích không còn gì, ngoài cây trụ đá to bị vùi sâu trong lòng đất đào được vào năm 1897.

\* **Cam-lộ (lô)**: Âm theo Phạn là *Amṛta*. Hán âm: *A-mật-ri-đa*. Hán dịch là *cam-lộ* (nước mót ngọt). Cũng dịch là *Bát tử tửu* (Thuốc rượu uống chẳng chết), *Trường sanh tửu* (Thuốc rượu uống vào sống mãi), *Thiên tửu* (Thuốc rượu của chư thiên). Ấy là thứ thuốc nước ngon ngọt, thơm tho, linh diệu, để làm đồ uống của Chư thiên, chư thần. Cam-lộ có 4 màu: xanh, vàng, đỏ, trắng. Cam-lộ là chất thuốc Tiên, thuốc Phật, ngon ngọt và linh diệu hơn các thứ thuốc phàm, hễ rưới lên mình ai thì người ấy dứt hết bệnh tật, dầu sắp chết cũng được sống lại, vì thế so sánh, nên người ta gọi Pháp Phật, Niết Bàn là Cam-lộ.

\* **Cam-lộ pháp** : Pháp vị thanh tịnh của Như Lai, nuôi lớn thân tâm chúng sinh. *Phẩm Dược Thảo Dụ, kinh Pháp Hoa* ghi :

Ta là bậc Thế Tôn  
Thế gian không ai bằng  
Vì an ổn chúng sinh  
Cho nên hiện ở đời  
Diễn bày cho đại chúng  
**Pháp Cam lộ** thanh tịnh

Pháp ấy thuần một vị  
Là giải thoát Niết-bàn .

\* **Cà sa** : Còn gọi: *Ca-sa-dã*, *Ca-la-sa-duệ*, *Gia-sa*. Âm theo Phạn: *Kasāya*. Hán dịch: *Hoại sắc*, *Bất chính sắc*, *Xích sắc*, *Nhiễm sắc*. Ca-sa là pháp y của chúng tăng.

1/. *Về màu sắc*. Các bộ luật tuy nói khác nhau, nhưng phần lớn đều tán đồng thuyết dùng 3 màu hoại sắc: màu xanh dương đậm, màu bùn (đà+đen) hoặc màu mộc lan (vỏ cây).

*Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Bản Số 3* của Ngài *Pháp Tạng* giải thích: Màu của “Ca-sa do hòa lẫn 5 thứ màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen nhuộm thành 1 màu không phải là màu chính”

2/. *Loại vải*. *Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa 14* đưa ra 6 thứ vải: Khu-ma, Cổ-bối, Cú-xa-da, Khâm-bà-la, Sa-na, Bà-hưng-già. Theo *Luật Ma-ha Tăng Kỳ 28*, chúng Tăng không được mặc những loại y có màu sắc tươi đẹp mà người đời thường dùng như màu khâu-khư, ca-di-giá, xanh, sắc hoa .v.v...

3/. *Cách may y*. Trước hết cắt vải đứt thành từng miếng và sau đó may nối lại, để có tướng ruộng phước gọi là *Cát tiệt y*. Từ ngữ này về sau trở thành tên gọi khác của Ca-sa. Vải may y bị cắt đứt nên không thể đem dùng vào việc buôn bán hay đổi chác gì khác, đồng thời giúp cho các đệ tử xả bỏ lòng tham muốn đối với quần áo và trừ bỏ được ý niệm trộm cắp.

4/. *Cách đắp mặc*. Khoác lên cả hai vai hoặc để lộ vai phải, che khuất vai trái. Lúc cúng dường thì Phật và chư tăng trích áo bày vai phải. Khi đi du hành hoặc vào nhà thế tục thì khoác y kín vai. *Tam Thiên Oai Nghi*, thượng nêu 4 trường hợp không khoác Ca-sa: *Không có chùa tháp, Không có Tỳ-kheo tăng, Có trộm cắp, Vua không thích đạo*.

5/. *Sự biến đổi hình thức*. Ngày xưa Phật qui định về Ca-sa gồm có 3 loại: An-đà-hội (y 5 điều), Uất-đa-la-tăng (y 7 điều), Tăng-già-lê (đại y 9 điều), gọi là 3 y.

\* **Càn-Thát-Bà**: *Gandhārva* (Trời). Còn gọi là *Kiên-đạt-bà*, *Kiên-đạt-phọc*, *Càn-đạp-hòa*, *Cán-đạp-bà*, *Ngạn-đạt-phoc*, *Kiên-đà-la* .v.v... dịch là: *Hương thần*, *Xú hương*, *Hương âm*, *Tầm hương hành*, tên gọi nhạc

nhân (thần nhạc). Còn chỉ một trong tám bộ chúng, tên gọi nhạc thần, không ăn thịt, không uống rượu, chỉ tìm mùi thơm, do vậy có tên gọi Hương Thần và Tâm Hương Hành. Đứng đầu Đế-Thích ở cung trời là 2 loại thần lo về âm nhạc. Khẩn-na-la lo về pháp nhạc, Càn-thát-bà lo việc sửa nhạc.

\* **Cảnh giới:** Âm theo Phạm: *Visaya, Artha, Gocara*; Còn gọi: *Cảnh, Trần*. Một phạm vi có giới hạn. Vì sự nhận thức khác nhau nên có cảnh giới khác nhau, như Phật và chúng sinh, phàm và Thánh, giữa người này và người khác, loài này và loài khác. *Kinh Vô Lượng Thọ, thượng ghi*: “Nghĩa này sâu rộng, chẳng phải cảnh giới của ta”.

\* **Cận sự nam, Cận sự nữ** : Từ đồng nghĩa. *Xem Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di* .

\* **Câu Thi Na:** Âm theo Phạm : *Kusinagara* (Đất). Cũng phiên là *Câu-di-na-kiệt, Cừu-thi, Câu-thi -na-kiệt, Câu-thu-yết-la*. Dịch nghĩa là *Giác Thành, Mao Thành .v.v...* nơi đức Phật Thích-Ca nhập Niết Bàn.

\* **Cấu nhiễm** : Lấy sự nhơ bẩn của thân nhiễm ô để dụ cho phiền não của tâm . *Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ, hạ (Đại 12, 274 thượng)* ghi : “Trí huệ giống như nước sạch, rửa hết các cấu nhiễm trần lao”.

\* **Căn** : Âm theo Phạm: *Indriya*. Căn chỉ cho cơ quan và năng lực của cơ quan đó. Như rễ của cây cỏ (căn) không chỉ là cơ quan duy trì sự sống cho cây mà còn giúp cho cành, lá, hoa, quả của cây tăng trưởng. Cũng thế mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của con người không chỉ là cơ quan nhận thức mà còn giúp cho sự tăng trưởng tín, tấn, niệm, định, huệ.

Trong *kinh điển*, chữ căn có 2 nghĩa chính:

1/. Cơ quan và năng lực của cơ quan có **22** căn, bao gồm: **6** căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. **5** thụ căn: Lạc, khổ, ưu, xả, sự cảm nhận do tác dụng của ngoại giới. **5** vô lậu căn: Tín, tấn, niệm, định, huệ có năng lực diệt trừ phiền não đưa đến Thánh đạo. **3** vô lậu căn: Vị tri đương tri căn (giai vị kiến đạo), Dĩ tri căn (giai vị tu đạo), Cụ tri căn (giai vị vô học đạo). **3** chuyển căn: Nữ căn, nam căn và mạng căn. Do tính chất bị thay đổi, từ nam chuyển thành nữ và ngược lại nên gọi là chuyển căn.

Trong sáu căn, năm căn trước thuộc về cơ quan cảm giác do sắc chất tạo nên gọi là năm sắc căn. Đứng về tác dụng nhận biết gọi là Thắng nghĩa căn, còn đứng về tác dụng cơ quan máu thịt gọi là Phù trần căn.

Phái *Nhất Thiết Hữu Bộ* cho Thắng nghĩa căn mới thật là năm căn. Ngoài ra, phái *Số Luận* còn lập ra thuyết 11 căn gồm 5 căn, 5 tác nghiệp căn (tay, chân, miệng, chỗ đại tiện, tiểu tiện) và ý căn. Học phái *Phệ-đàn-na* lập ra thuyết 14 căn.

2/. Căn cơ, căn tính, nghĩa là trình độ nhận lĩnh giáo pháp của mọi người. Do trình độ có hơn kém khác nhau nên phát sinh các từ: lợi căn, trung căn, độn căn. Nếu người tu chuyển từ hạ căn (Thanh văn) lên thượng căn (Bồ Tát) thì gọi là Luyện căn hoặc Chuyển căn.

\* **Căn Trần** : Còn gọi: **Căn cảnh**. Năm căn và 5 trần hoặc 6 căn và 6 trần. Năm căn là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân; thêm ý vào gọi là 6 căn. Năm trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc; thêm pháp vào thì là 6 trần, chúng là cảnh của 6 thức. *Luận Câu-Xá 10*, ghi: “*Tuy căn cảnh không phát khởi bởi thức, nhưng không có thức nào không nương gá căn cảnh*”.

\* **Cha Già** : Từ dùng để tôn xưng lòng thương mến của Đức Phật Thích Ca đối với chúng sinh.

\* **Chánh-Biến-Tri**: Âm Hán: *Tam miệu Tam-Phật-Đà*, Hán dịch là *Chánh biến giác, Chánh biến tri, Chánh biến trí*. (Tam-miệu: Chánh, chơn thật hoàn toàn; Tam: Biến, khắp cả; Phật-Đà: Giác, tri, trí, sáng suốt, có trí biết). Nghĩa là: Bực sáng suốt chánh cứu chơn lý, hiểu biết đúng khắp tất cả các pháp. Đây là một trong mười danh hiệu của Phật.

\* **Chánh Đạo** : Tân dịch : **Chính đạo** . Còn gọi : *Chính chân đạo* . Đối lại : *Tà đạo* .

*Chánh đạo* là đạo vô lậu chân chính tiến thẳng đến Niết bàn . Nói theo nghĩa rộng thì đạo Phật trái ngược (đối lập) với tà đạo và ác đạo,

nên gọi là *Chánh đạo*. Đạo của hàng Tam thừa tu hành cũng gọi là *Chánh đạo*. Nói theo nghĩa hẹp, *Chánh đạo* chỉ cho *Bát Chánh Đạo*.

Theo *Nhiếp Đại Thừa Luận Thích 15*, bản dịch đời Lương, Chánh đạo tức là Trí vô phân biệt.

\* **Chánh Đẳng-Chánh Giác:** Âm theo Phạn là *Samyaksambodhi*; Âm Hán: *Tam-Miệu Tam-Bồ-Đề*; Hán dịch: *Chánh đẳng chánh giác*. Ấy là quả vị đáng bậc chơn chánh, giác ngộ chơn chánh. Có khác với Chánh Biến Tri (Chánh Biến Giác: Tam-Miệu Tam-Phật-Đà) ở chỗ: Chánh Biến Tri chỉ về người thành Phật, cũng là 1 trong 10 danh hiệu của Đức Phật; còn Chánh đẳng Chánh giác chỉ về quả vị Phật, cũng viết là Đẳng Chánh Giác. Cái quả Chánh đẳng Chánh giác hiện đến cho Đức Thế Tôn (Thích-Ca) hồi Ngài nhập định nơi cội cây Bồ-Đề. Cũng viết: Cực quả.

\* **Chánh Định:** Âm theo Phạn là *Samādhi*; còn gọi Tam muội, Tam ma địa, Tam ma đề, tam ma đế; Hán dịch là: *Đẳng trì, Chánh định, Chính ý, Điều trực định, Chính tâm hành xứ*.

Chánh định là tâm chuyên chú vào cảnh, an trụ tâm vào một chỗ, không hôn trầm, diêu cử chỉ cho trạng thái thiền định, là một trong 75 pháp của Câu-Xá, một trong 100 pháp của Duy Thức. Ngữ nghĩa của chánh định rất nhiều, theo *Thuyết Nhất Thiết Thủ Bộ* thì chánh định là một trong 10 đại địa pháp, tương ứng với tất cả tâm, tâm sở pháp, thông cả định và tấn, cũng thông cả 3 tính thiện, ác và vô ký mà không có thể tự phân biệt. Theo *Kinh Lượng Bộ* thì cảnh của tâm biến chuyển một cách liên tục, gọi là Tam ma địa, quán tưởng sự bất động chiếu soi, trí huệ sáng tỏ, sẽ đoạn trừ được tất cả phiền não và chứng đắc chân lý.

\* **Chánh giác:** Âm theo Phạn: *Samyaksambouddha*. Âm Hán: *Tam-miệu Tam-Phật-Đà*. Hán dịch: *Chánh biến giác*, gọi tắt: *Chánh giác*. Bực giác ngộ hoàn toàn, hiểu biết tất cả, tức là Phật Thế tôn, Phật Như Lai.

Trong “*Vô-Lượng-Thọ Kinh*”, ngài Pháp Tạng Tỳ kheo khi phát Bồ đề tâm, có lập 48 điều nguyện. Trong 48 điều nguyện đó, nếu có điều nào không thành tựu thì ngài thề chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. “*Di-Lặc hạ sanh thành Phật kinh*”: Phụ chiêm sát pháp; Tri tử hữu nhị tướng: Xử tục tác Luân Vương, Xuất gia thành chánh giác. (Khi Bồ tát Di-Lặc sẽ hạ



sanh, cha ngài chiêm quẻ, biết rằng con mình sẽ có hai địa vị mà lựa lấy: nếu ở tại thế thì làm bậc Chuyển Luân Vương, bằng xuất gia tu hành thì thành Chánh giác (Phật).

Chữ Chánh giác lại cũng có nghĩa là: Trí huệ sáng suốt hoàn toàn. Phạn : Tam bồ đề (*Sambodhi*) trong chữ tam-miệu tam bồ đề (Chánh đẳng Chánh giác-*Samyaksambouddhi*). Ấy là cái trí chứng ngộ chơn thật hoàn toàn của đức Như Lai. Ấy là quả vị rốt ráo của đức Thế Tôn như chứng Chánh giác, thành Chánh giác.

\* **Chánh giáo** : Giáo pháp chính thống, tôn giáo chính thức. Trái với Tà giáo. Như đạo Phật là đạo chung của quốc dân, được Nhà nước, Chính phủ thừa nhận chính thức nên gọi là Chánh giáo . Lại như chỗ tu học đúng theo những phép của Phật thánh đã chỉ dạy trong kinh điển, lời nói thích hợp với chân lý, không ngụy biện, không tà kiến, không thiên kiến, đó là Chánh giáo.

\* **Chánh kiến**: Âm theo Phạn là *Samyag-drsti* . Tân dịch : Chính kiến, tức Kiến giải đúng về lý Tứ đế, xa lìa 2 thứ tà kiến Hữu, Vô. Đây là 1 trong Bát Chánh Đạo.

*Theo Luận Đại Tì-bà-sa 97*, Chánh kiến có thể chia làm 2 loại:

1. *Chánh kiến hữu lậu*: còn gọi Chánh kiến thế tục, tức là thiện huệ hữu lậu tương ứng với ý thức, thuộc về hữu lậu hữu thủ, cho nên chuyển hướng về con đường lành, chiêu lấy quả đáng ưa vừa ý trong tương lai.
2. *Chánh kiến vô lậu*: còn gọi Chánh kiến xuất thế gian, tức là thiện huệ tương ứng với ý thức, cả trí vô sinh cũng không nhiếp được, như 8 thứ vô lậu nhãn, 8 trí hữu học, Chánh kiến vô học.

\* **Chánh niệm**: (hay còn gọi *Để ý*); Âm theo Phạn là *Samyak-smviti*; là nhớ tưởng chân chính, tức nhớ nghĩ đúng đắn về tính tướng của các Pháp mà không quên mất. Có thể chia làm hai:

1. *Chánh niệm hữu lậu thế tục*: Thiện niệm tương ứng với tác ý hữu lậu.
  2. *Chánh niệm vô lậu xuất thế gian*: Niệm nhớ rõ không quên, dựa theo chính kiến vô lậu có thể tư duy thật cảnh và tương ứng với tác ý vô lậu.
- Tông Tịnh Độ* cho rằng: Đối với mọi hoàn cảnh, tâm không tán loạn điên đảo mà nhất tâm niệm Phật thì gọi là chánh niệm.

\* **Chánh ngữ**: Âm theo Phạn là *Samyag-vāc*. Tên gọi khác là: *Chánh ngôn, Đế ngữ, Thuận lý ngữ*. Cũ dịch là Chánh ngữ, mới dịch là **Chính ngữ** tức lời nói chân chính, hợp đạo, lý xa lìa tất cả hư vọng, là 1 trong Bát Chánh Đạo.

\* **Chánh pháp**: Tân dịch là **Chính pháp**. Âm theo Phạn: *Sad-dharma*. Còn gọi: *Bạch pháp, Tịnh pháp, Diệu pháp*. Đạo pháp chơn chánh, cao trổi, trong sạch. Chánh pháp có 2 phần: Lý và Thể.

1. *Lý*: là ý nghĩa không sai chạy, không tà, nguy, đạo lý từ lúc ban sơ đến lúc cuối cùng đều có tính cách trong sạch. Vì vậy nên gọi là Chánh.

2. *Thể*: pháp, tức là nền pháp bảo ở trong Tam Bảo (*Phật-Pháp-Tăng*). Thể của Chánh pháp lại cũng gom vào trong bốn pháp (tứ pháp):

a. *Giáo*: Tiếng nói câu văn của chư Phật, Thánh có tính cách phá vô minh, trừ phiền não.

b. *Lý*: Nghĩa lý trong giáo pháp.

c. *Hạnh*: Y theo nghĩa lý trong giáo pháp mà thi hành Giới, Định, Huệ.

d. *Quả*: Nhờ thực hành Giới, Định, Huệ mà chứng đắc những quả hữu vi và vô vi.

\* **Chánh Trí** : (Tân dịch: **Chính trí**). Âm theo Phạn: *Samyag-jñāna*. Đối lại: Tà trí.

Chánh trí được hiểu như sau :

1/. Trí huệ khế hợp với chính lý trung đạo, tức là lìa tà chấp phân biệt của phàm phu ngoại đạo và thiên chấp của hàng Nhị thừa.

Theo *Nhân Minh Nhập Chính Lý Luận*, Chính trí là chân hiện lượng và chân tử lượng biết đúng như thật tự tính sai biệt của các pháp, đó là trí huệ lìa duyên nhiễm để đạt đến Niết Bàn.

2/. Trí lậu tận và Trí vô sinh mà quả vị vô học đã thành tựu: đây là 1 trong 10 chi vô học.

3/. Căn bản vô lậu trí và Hậu đắc trí. Theo *Luận Du-Già Sư Địa* 72, Chính trí có 2 loại:

a/ Chính trí xuất thế gian là Căn bản trí.

b/ Chính trí thế gian và xuất thế gian là Hậu đắc trí.

\* **Chân Lý** (đảo ngữ: **Lý Chân**), Cự dịch: **Chơn lý (Lý chơn)**: là lý tính chân thật tuyệt đối. Nguyên ngữ của từ chân lý là chữ “Tại”, một danh từ trừu tượng, có nghĩa là đầy đủ, tức ngay nơi hiện thực tồn tại mà giác ngộ, gọi là Chân lý. Ngoài hiện thực ra thì không có Chân lý.

Thuyết này kế thừa lập trường *Phạm Ngã Nhất Như* (Phạn: *Brahmā-ātma-aikyam*) trong *Áo Nghĩa Thư. Phật giáo Đại thừa* thì dùng Chân Như (Phạn: *Tathatā*) để biểu thị chân lý.

*Tathatā*, trên mặt ngữ ngôn thì *Tatha* là danh từ trừu tượng, có nghĩa là Có như ... Như đồng với ... Trung Quốc trước kia dịch âm Tathà là Chi ma, là nghĩa Chính thể ấy (Như thế đó).

Theo *Luận Đại Trí Độ 32*, Như, Pháp tính, Thật tế. Cả 3 từ ngữ đó là tên khác của Chư Pháp thật tướng. Cho nên biết: Chân như, Pháp tính (Phạn: *Dharmatā*), Thật tế (Phạn: *Bhūta-koti*), Chư pháp thật tướng (Phạn: *Tattvasyalaksana, dharmatā*) đều là tên gọi khác nhau của Chân lý. Ngoài ra, cũng có từ đồng nghĩa với chân lý là Duyên khởi (Phạn: *Pratitya-samutpāda*). Trong Phật giáo Nhật Bản, các sư Pháp Nhiên, Thân Loan còn dùng danh từ Tự nhiên, Pháp nhĩ để chỉ cho Chân lý.

\* **Chân vọng** : Theo *Đại Thừa Khởi Tín Luận Nghĩa Sớ, thượng, phần cuối; Đại Thừa Nghĩa Chương 3, phần cuối* thì Chân vọng là hai pháp Chân và Vọng. Pháp nào theo nhiễm duyên vô minh mà sinh khởi là Vọng ; Pháp nào theo tịnh duyên Tam học (*Giới học, Định học, Huệ học*) mà sinh khởi là Chân. Ngoài ra, các pháp do nhân duyên sinh đều chẳng phải thật, nên gọi là Pháp vọng ; còn chân như bất sinh bất diệt thì chân thật, nên gọi là Pháp chân.

\* **Chấp** : Âm theo Phạn: *Adhinivésá*. Còn gọi: **Mê chấp, Chấp trước, Kế chấp, Trước**.

Chấp tức là tâm hư vọng phân biệt, giữ chặt sự thấy biết sai lầm của mình về sự vật.

\* **Chấp Sự** : Phạn âm : *Vaiyāvṛtyakara* . *Chấp sự* là người trông nom công việc trong tự viện .

Theo *Trường A-Hàm 1*, ngài A-Nan thường theo hầu Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nên được gọi là *đệ tử chấp sự* .

Theo *Luận Đại Trí Độ 6*, *Tỳ kheo chấp sự* chỉ cho Duy-na . Trong Thiên tông, *Chấp sự* là tên gọi khác của *Tri sự* .

\* **Chất Trực** : Tâm ngay thẳng. Người tu hành cần phải có tâm ngay thẳng để đạt đến thật tướng các pháp; tâm này vốn là gốc của muôn hạnh. Theo *Phẩm Phật Quốc trong Kinh Duy-Ma*, Trực tâm là Tịnh độ của Bồ Tát; Khi Bồ Tát thành Phật thì những chúng sinh không có tâm tà vạy đều sinh về Quốc độ của Ngài.

\* **Chiên Đà La** : Phạn âm: *Candala*. Hán âm: *Chiên-đồ-la*. Hán dịch: *Nghiêm xí, Bao lệ, Chấp ác, Hiểm ác nhân, Chấp bạo ác nhân, Chủ sát nhân, Trị cứu nhân*.

Chiên đà la là giai cấp thấp nhất trong xã hội Ấn Độ, chuyên làm những nghề hạ tiện nhất. Theo bộ luật *Manu* (Ma nô), dòng máu Chiên-đà-la được kết hợp giữa cha là Thủ-đà-la và mẹ là Bà-la-môn.

\* **Chiên Đàn**: *Candana*, gọi đầy đủ là *Chiên-đàn-na*, tên một loại cây thơm, dịch là *Dữ-lạc*, lấy ở núi Ma-la-na miền Nam Ấn-Độ. Ngọn núi này hình đầu bò, nên gọi là Chiên-đàn đầu bò.

*Tuệ uyển âm nghĩa*, (q.Thượng): “Chiên-đàn gọi là dữ lạc, nói về cây bạch đàn chữa được bệnh nhiệt, loại xích đàn chữa được bệnh phong thũng, đều là vị thuốc chữa khỏi bệnh giúp thân yên ổn, nên gọi là dữ lạc”.

\* **Chí Tâm** : Lòng chí thành, chuyên tâm, nhất tâm, 1 trong 3 tín thuộc giáo nghĩa của Tịnh Độ Chân tông Nhật Bản . Tông này cho rằng lòng tín ngưỡng Đức Phật A-di-đà thực tế là do Đức Phật ban cho .

\* **Chỉ Quán** : Còn gọi: *Tịch chiếu, Minh tịnh*. Ngừng dứt các vọng hoặc và phát sinh trí huệ, đây là một trong nhiều pháp môn tu hành trọng yếu của Phật giáo. Về ý nghĩa của Chỉ Quán, các kinh luận giải thích như sau:

1/. *Pháp môn thực hành của tông Thiên Thai*:

**Chỉ** (Phạn: *Samatha*, Hán âm: *Xa-ma-tha*): Ngừng dứt tất cả ngoại cảnh và vọng niệm, tập trung tinh thần vào một đối tượng cố định (Định).

**Quán** (Phạn: Vipasyana, Hán âm: Tì-bà-xá-na): Sinh khởi chính trí để quán đối tượng (Huệ).

Chỉ và Quán hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành Phật đạo. Cả hai đều có mối quan hệ không thể tách rời nhau.

2/. Theo *Luận Đại Thừa Khởi Tín*: **Chỉ**: Ngăn dứt tất cả các tướng của cảnh giới rối loạn. **Quán**: Phân biệt các tướng nhân duyên sinh diệt. Chỉ Quán song tu sẽ được thành tựu Phật đạo.

3/. *Phẩm Chỉ Quán* trong *luận Thành Thật 15*, có nói về hành tướng của Chỉ Quán:

**Chỉ** là định, **Quán** là tuệ. **Chỉ** có khả năng ngăn buộc, **Quán** có khả năng đoạn diệt. Chúng sinh ở thế gian đều mắc kẹt ở hai bên nên hoặc khổ hoặc vui; **Chỉ** có khả năng xả vui, **Quán** có khả năng lìa khổ. Còn *Giới tịnh, tâm tịnh* trong 7 tịnh là **Chỉ**, 5 tịnh còn lại là **Quán**. Trong 8 *điều giác ngộ* của bậc đại nhân, 6 giác là **Chỉ**, 2 giác là **Quán**. Trong 4 *niệm xứ*, 3 xứ là **Chỉ**, xứ thứ 4 là **Quán**. *Tứ Như ý túc* là **Chỉ**; *Tứ chánh cần* là **Quán**. Trong 5 *căn*, 4 căn là **Chỉ**, huệ căn là **Quán**. Trong 7 *giác phần*, 3 giác phần đầu là **Chỉ**, 3 giác phần kế là **Quán**, *Niệm giác phần* có đủ **Chỉ Quán**. Trong 8 *đạo phần*, 2 phần là **Giới**, 3 phần là **Chỉ**, 3 phần là **Quán**. Trong đó, **Giới** cũng thuộc về **Chỉ**. **Chỉ** có năng lực đoạn tham, **Quán** thì trừ vô minh.

\* **Chơn** (Tân dịch là **Chân**) : Đối lại là: *Tục, Giả, Ngụy*. Chân (Chơn) là chân thật, không hư vọng, tức là cứu cánh. Về thân Phật thì có Chân thân, đối lại với Ứng thân. Về pháp môn thì có Chân đế, đối lại với Tục đế.

\* **Chơn đế**: Tân dịch: **Chân đế**. Là nghĩa lý học thuyết chơn thật, không sai chạy, đối nghĩa là Tục đế. Như nói: Thế gian pháp là Tục đế; Xuất thế gian pháp là Chơn đế, cũng viết **Thật đế**.

\* **Chơn giải thoát** : Tân dịch: **Chân giải thoát, Chánh giải thoát**. Còn gọi: *Vô trụ Niết bàn*.

*Chân giải thoát* là cảnh giới giải thoát chân thật, tức là Niết-bàn của chư Phật. “Giải” là lìa sự trói buộc, “Thoát” là được tự tại. Hàng Nhị thừa chấp cảnh giới Niết-bàn là chỗ giải thoát cứu cánh nên an trụ trong

đó. Chư Phật vì lòng đại bi nên chẳng trụ Niết-bàn, vì có đại trí nên chẳng trụ sinh tử, tự tại đối với tất cả; đây mới thực sự là *Chân giải thoát*.

Theo kinh *Niết-bàn 5*, bất sinh bất diệt là *Chân giải thoát*. *Chân giải thoát* tức là Như Lai.

\* **Chơn Không** : Tân dịch : **Chân Không** . Lý thể chân như vượt ra ngoài mọi đối đãi Không Hữu, xa lìa tất cả các tướng do kiến chấp tạo ra. Chẳng hạn như Không trong *luận Đại Thừa Khởi Tín*, Nhị Không Chân Như trong *Duy Thức*, Chân Không Quán trong 3 pháp quán của *Hoa Nghiêm*. Ngoài ra, Đại thừa cho rằng Hữu chẳng phải Hữu gọi là *Diệu Hữu*, Không chẳng phải Không gọi là *Chân Không*.

\* **Chơn ngã** : Tân dịch là **Chân ngã**. Là Ngã chân thật, đối lại với cái Ngã hư dối của ngoại đạo, phàm phu thì Ngã đức của Niết Bàn là chân ngã, vì có đủ 8 pháp tự tại. Ngoài ra, ngài *Pháp Tạng* chia Ngã thành 6 loại: *Chấp ngã, Ngã mạn, Tập khí ngã, Tùy thế lưu bố ngã, Tự tại ngã, Chân ngã* và cho rằng Chân ngã có Ngã đức trong *Thường, Lạc, Ngã, Tịnh* của Chân như.

\* **Chơn như** (Tân dịch: **Chân như**): Âm theo Phạn là: *Bhuta-tathata, Tathata*. Tên gọi khác là: *Như như, Như thật, Pháp giới, Pháp tính, Thật tế, Thật tướng, Như Lai tạng, Pháp thân, Phật tính, Tự tính thanh tịnh thân, Nhất tâm, Bất tư nghị giới*.

Đó là bản thể chân thật trùm khắp cả vũ trụ, nguồn gốc của tất cả vạn hữu. Thời xưa khi dịch Kinh Phật ra tiếng Hán, người ta dịch từ *Bhuta-tathata* là Bản Vô. Chân là chân thật không hư vọng, Như là tính thể bất biến, tức bản thể của vạn hữu theo Đại thừa Phật giáo. Nhưng xét cho tường tận thì Chân như, theo sự dẫn giải của các tông, đều là chân lý vĩnh viễn bất biến.

\* **Chơn tánh**: Tân dịch : **Chân tính** , là bản chất chân thật, không hư vọng, là tâm thể vốn có của chúng sinh. Phật giáo chủ trương chân tính của chúng sinh đồng như chân tính của Phật, Bồ Tát, không hai không khác.

\* **Chơn tâm**: Tân dịch : **Chân tâm** , là lòng chơn thật, trong sạch, không nhiễm dơ bởi cảnh xấu, bởi tư tưởng xấu. Đối nghĩa: Vọng tâm, Vọng tưởng.

Tánh tông (Pháp Tánh tông) có lập ra cửu thức (chín thức): trong đó cái thức thứ chín, An-ma-la thức thì tự tánh nó hoàn toàn trong sạch, nên gọi là Chơn tâm. Còn tám cái thức trước do vô minh khởi ra, nên gọi là Vọng tâm.

Trong *Lăng già kinh* có tỷ dụ sóng biển với Vọng tâm, nước biển với Chơn tâm. Nước biển thường trụ, chẳng thay đổi, lúc nào cũng thế: cái Chơn tâm của chúng sanh cũng như vậy, nó vẫn trong sạch, thường trụ từ vô thủy đến nay. Còn sóng biển thì có khởi, có diệt, lúc có lúc không, tức là vô thường; Cái Vọng tâm của chúng sanh cũng như vậy.

Trong *Thủ-Lăng-Nghiêm Kinh* (q.1), Phật dạy: Các người nên biết rằng tất cả chúng sanh, từ vô thủy đến nay, cứ chết đi sống lại mãi, là tại họ chẳng biết cái chơn tâm thường trụ, cái thể tánh nó vẫn trong sạch, sáng suốt. Họ dùng các Vọng tưởng, những tư tưởng ấy chẳng phải là Chơn như, cho nên mới có sự luân chuyển mãi mãi trong sáu nẻo.

\* **Chơn thường** : Tân dịch là **Chân thường**, là Pháp chân thật thường trụ mà Như Lai chứng đắc. *Kinh Lăng Nghiêm 4 (Đại 19, 121 trung)* ghi: “Thế Tôn hoàn toàn dứt hết các mê vọng, độc diệu chân thường”.

\* **Chơn trí** (đảo từ: **Trí chơn**) : Tân dịch: **Chân trí**. Còn gọi: *Thánh trí*. Chơn trí là trí thuận theo Chân như thật tướng. Do đối tượng của Chân trí là cái duyên vô duyên, nên cũng gọi là Vô trí.

\* **Chuyển Hóa** : Còn gọi : **Thiên hóa** .

Đời sang giáo hóa ở cõi khác hoặc khi mạng chung chuyển sinh về Tịnh độ .

*Kinh Vô Lượng Thọ, hạ (đại 12, 273 trung)* ghi : “Hai vị Bồ Tát ấy ở cõi nước này tu hạnh Bồ tát, khi mạng chung chuyển hóa về cõi nước của Đức Phật kia”.

\* **Chuyển-Luân-Thánh-Vương** : Phạn âm : *Cakra-varti-rājan* . Hán âm : *Chước-ca-la-phạt-lạt-đề-át-la-xà, Giá-ca-la-bạt-đế, Giá-gia-việt* . Hán

dịch : **Chuyển Luân Vương**, *Chuyển Luân Thánh Đế*, *Luân Vương*, *Phi Hành Chuyển Luân Đế*, *Phi Hành Hoàng Đế* . Vị vua làm cho Chánh pháp ngự trị ở thế gian, cai trị bốn châu chung quanh núi Tu Di . Cõi nước vị vua này trị vì giàu đẹp, nhân dân an lạc . Vua đi xe báu và có đầy đủ 7 báu : Xe, voi, ngựa, minh châu, ngọc nữ, cư sĩ, binh đội và 4 đức : Sống lâu, không bệnh tật, dung mạo đẹp đẽ, kho báu dồi dào

Chuyển luân vương có nhiều bậc: Có vị cai trị một cõi thiên hạ, ngự trên xe bánh sắt, kêu là Thiết luân vương. Có vị cai trị hai cõi thiên hạ, ngự trên xe bánh đồng, kêu là Đồng luân vương. Có vị cai trị ba cõi thiên hạ, ngự trên xe bánh bạc, kêu là Ngân luân vương. Cao hơn hết là vị cai trị bốn cõi thiên hạ, ngự trên xe bánh vàng, tức là vị Chuyển Luân Thánh Vương.

Theo kinh Tạp A-Hàm 27, Luận Đại Trí Độ 25 thì 7 báu và sự cai trị, giáo hóa của Chuyển Luân Thánh vương giống như Thất giác chi của Đức Phật . Có chỗ gọi Đức Phật thuyết pháp là chuyển pháp luân để so sánh với sự chuyển bánh xe báu của vị vua này.

\* **Chuyển-Pháp-Luân**: *Dharma-cakra-praratana*. Giáo pháp của đức Phật gọi là Pháp Luân. Giảng thuyết giáo pháp gọi là *Chuyển pháp luân*. Luân là Luân bảo của *Chuyển Thánh luân vương* có hai nghĩa là: Hồi chuyển và Nghiền nát. Hồi chuyển cả 4 thiên hạ, nghiền nát hết mọi thù địch. Giáo pháp của đức Phật nhằm hồi chuyển khắp chúng sinh, nghiền nát hết mọi phiền não, như ví với bánh xe pháp. Chuyển là để ví với pháp. Phép chuyển tự tâm mà dời sang tâm khác giống như chuyển bánh xe vậy. *Chỉ quán phụng hành* (q.1): “Luân có 2 nghĩa, một là chuyển, hai là phá hủy. Dùng bánh xe *Tứ Đế* chuyển độ cho chúng sanh và phá phiền não, giống như Luân Bảo của *Chuyển luân Thánh vương* có thể hủy hoại, có thể ổn định”.

\* **Chú** : Còn gọi : **Thần chú** (đảo ngữ: *Chú thần*), *Mật chú*, *Cấm chú*, *Chân ngôn*.

Chú là lời bí mật rất linh diệu, không thể giải thích bằng ngôn ngữ, được xướng lên khi cầu nguyện. Chú, nguyên là Chúc (cầu nguyện), là mật ngữ cầu đảo trước thần linh khiến cho kẻ oán địch bị tai họa hoặc trừ khử ách nạn và cầu lợi ích.



Trong hệ Phệ-đà của Ấn-Độ ngày xưa đã có chú thuật. Theo *Kinh Trường A-Hàm 14*, Đức Thế Tôn từng bài xích chú thuật. Nhưng theo *Kinh Tạp A-Hàm 9*, Đức Thế Tôn từng nói *Chú Độc xà hộ thân*. Cho nên Chú thuật đã phổ biến ở Ấn-Độ rất sớm và được Phật giáo sử dụng. Các kinh điển *Hiển giáo* thuộc phái Đại thừa như *Pháp Hoa, Bát Nhã, Bảo Tích, Đại Tập, Kim Quang Minh, và Lăng Già* đều có chép phẩm *Chú Đà-La-Ni*. Mật tông lại càng xem trọng mật chú, công nhận Chú là biểu thị Pháp nhĩ thường nhiên, người nào tụng đọc quán tưởng có thể được lợi ích trong việc tu thành Phật.

Trong kinh điển có chép rất nhiều Chú Thuật như:

- Chú Thủy Hỏa, phù chú An Trạch, chú Sát-Lợi trong *kinh A-Ma-Trú, Trường A-Hàm 13, Kinh Phạm Động, Trường A-Hàm 14*.

- Chú trị bệnh trùng trong bụng, chú Thế tục hàng phục ngoại đạo trong *Luật Thập tụng 46, Luật Tứ Phần 27*.

- Chú Bà-la-môn, chú Thủ-đà-thần, chú Đại Phạm Thiên Vương Bà-tì-la trong *phẩm Chúng Tương Vấn, kinh Ma-đăng-già, thượng*.

- Phù chú Cổ tuyển trạch trong *phẩm Chư Thiên Thán, kinh Trì Tâm Phạm Thiên Số Vấn ...*

Chú thì có chú thiện, chú ác khác nhau :

1/. *Chú thiện*, như chú trị bệnh hoặc chú hộ thân.

2/. *Chú ác*, như chú trừ ếm để hại người.

Đức Thế Tôn cấm các đệ tử tập luyện chú thuật, lấy chú thuật để mưu sinh. Ngài chỉ cho phép dùng chú thuật để trị bệnh hoặc hộ thân. Ngoài ra, Mật giáo và Tu Nghiệm Đạo ở Nhật Bản cũng thường hay sử dụng thần chú.

\* **Chú thuật** : Diệu thuật của thần chú . Xem **Chú** .

\* **Chúng sinh**: Cựu dịch : **Chúng sanh** . Phạn âm : *Bahu-jana, Jantu, Jagat, Sattva*, Hán âm : *Bộc-hô-thiện-na, Thiên-đầu, Xả-già, Tát-đỏa*; Hán dịch : *Hữu tình, Hàm thức, Hàm sinh, Hàm tình, Hàm linh, Quân sinh, Quân manh, Quân loại*.

Chúng sinh là từ thường dùng để chỉ cho tất cả loài hữu tình ở cõi mê. Theo *Kinh Tạp A-Hàm 6*, “*Những loài hữu tình đấm nhiễm sắc, thọ, tưởng, hành, thức gọi là chúng sinh*”.

*Theo Phẩm Thế Bản Duyên trong Kinh Trường A-Hàm 22*, không luận nam nữ, sang hèn, cao thấp hay các loài khác, hễ cùng sống trên thế gian này thì đều gọi là Chúng sinh.

*Câu-Xá Luận Quang Ký 1* giải thích: Vì chịu nhiều sinh tử nên gọi là chúng sinh.

*Theo Luận Đại Trí Độ 31, Kinh Đại Thừa Đồng Tính, thượng*, chúng sinh là do các duyên 5 uẩn giả hợp mà sinh.

*Theo kinh Bát Tạng Bất Giảm*, pháp thân bị phiền não trói buộc, qua lại sinh tử, nên gọi là Chúng sinh. Thông thường những loài bị vô minh phiền não che đậy, lưu chuyển trong sinh tử là Chúng sinh.

Nếu nói rộng chúng sinh bao gồm Phật và Bồ Tát. *Ma-ha Chỉ Quán 5, thượng*, ghi: “Hễ có 5 ấm thì gọi là chúng sinh. Chúng sinh chẳng đồng: Năm ấm tam đồ là chúng sinh tội khổ. Năm ấm nhân thiên là chúng sinh được vui. Năm ấm vô lậu là chúng sinh chân thánh. Năm ấm từ bi là chúng sinh Đại sĩ. Năm ấm thường trụ là chúng sinh Tôn Cực”.

\* **Chủng tử** : Âm theo Phạn : *Bija*. Chủng tử là công năng sinh ra tất cả pháp hữu lậu, vô lậu và các pháp hữu vi, giống như hạt giống của cây cỏ. Đó là nhân chính của pháp hữu vi, thực thể của Nhân duyên.

Hạt giống của loại ngũ cốc gọi là Ngoại chủng tử. Còn Nội chủng tử , theo *tông Duy-Thức*, đó là chủng tử chứa trong thức A-Lại-Da. Thuyết về chủng tử nguyên là một loại thí dụ xuất hiện sớm nhất trong *Kinh Tạp A-Hàm. Hóa Địa Bộ* trong *Phật giáo Bộ phái* cũng cho rằng trong thức của *Cùng sinh tử uẩn* chứa đựng chủng tử của sắc pháp và tâm pháp. Trái lại, *Kinh Luận Bộ* cho rằng sắc pháp và tâm pháp làm chủng tử lẫn cho nhau và có tính chất huân tập lẫn cho nhau, cho nên chủ trương thuyết *Sắc Tâm Hồ Huân*.

*Luận Du-Già Sư Địa* lập thức A-Lại-Da làm Chủng tử thức và cho rằng thức này chứa tất cả chủng tử mà sinh ra tất cả các pháp: Sắc, tâm, thiện, ác .v.v...

Danh từ Chủng tử sau đó trở thành thuật ngữ quan trọng của *Đại thừa Duy-Thức học*.

Theo *Luận Thành Duy Thức 2*, thức A-lại-da có thể đồng thời sinh khởi quả hiện hành của bảy chuyển thức trước, lại có công năng khiến chủng tử của chính nó nối tiếp không dứt.

Chúng tử có 2 loại: Chúng tử hữu lậu (sinh ra các hiện tượng, cõi mê của chúng sinh) và Chúng tử vô lậu (Nhân sinh ra Bồ-đề).

\* **Chư Thiên (Cõi):** Còn gọi: Phổ Thế Thiên; *Theo Cổ Kim Trứ Văn Tập* 2 thì Chư thiên là các vị trời ở cõi Dục, Sắc, Vô sắc và các thiên thần khác như: Nhật thiên, Nguyệt thiên, Vi-đà-thiên .v.v... *Theo Kinh Phổ Diệu* 6, khi Đức Thích Tôn thành Đạo dưới cội bồ đề, Chư thiên đều đến chúc mừng.

*Theo Mật giáo* thì Chư thiên là 20 vị trời của Ngoại Kim Cương bộ Mạn-đồ-la Kim cương giới và Thiên Long quỷ thần ở ngoại viện thuộc Mạn-đồ-la Thai Tạng giới.

*Theo Luận Đại Trí Độ* 2 thì Chư thiên là 1 trong 5 hạng người có khả năng giảng nói kinh điển Phật giáo. Như trời Đế Thích thường giảng nói Kinh Đại Bát-Nhã cho Chư Thiên trời Đạo-Lợi nghe tại Thiện Pháp Đường

\* **Chướng ngại :** Phạm âm : *Āvaraṇa* . Gọi tắt : **Chướng** . Còn gọi : **Ngại**  
*Chướng ngại* là ngăn che . *Phiền não* ngăn che Niết-bàn, Bồ-đề, làm tổn hại chí xuất ly .

Trong các kinh luận có chia ra nhiều loại như :

1/. *Nhi chướng* : Do *Luận Câu-Xá* lập gồm có *Phiền não chướng* và *Giải thoát chướng* . *Phiền não chướng* ngăn che trí huệ, không được Huệ giả thoát . *Giải thoát chướng* ngăn ngại thiền định không được cầu giải thoát .

*Tông Đại Thừa Duy Thức* thì lập ra *Phiền não chướng* và *Sở tri chướng*, 2 thứ này ở trong sinh tử tương tục, trợ duyên cho nghiệp. *Phiền não chướng* lấy *ngã chấp* làm căn bản mà sinh ra *phiền não*, *chướng ngại* sự chứng ngộ của chúng sinh. *Sở tri chướng* lấy *pháp chấp* làm căn bản mà sinh ra các hoặc, che lấp cảnh sở tri, khiến trí huệ không sinh được.

2/. *Tam chướng* :

- *Phẩm Phân Biệt Tam Thân*, trong kinh *Kim Quang Minh Tối Thắng Vương* 2 liệt kê 3 chướng : *Hoặc chướng*, *Nghiệp chướng*, *Trí chướng* . Nếu *Hoặc chướng* thanh tịnh thì hiện *Ứng thân*, *Nghiệp chướng* thanh tịnh thì hiện *Hóa thân*, *Trí chướng* thanh tịnh thì hiện *Pháp thân* .

- *Phẩm Phân Biệt Du Già trong kinh Giải Thâm mật 3, 3 chương là: Sa-ma-tha chương, Tỳ-bát-xá-na chương và Câu chương* . Trong Ngũ cái :

\* Điều cử ố tác cái thuộc Sa-ma-tha chương .

\* Hôn trầm cái và Nghi cái thuộc Tỳ-bát-xá-na chương .

\* Tham dục cái và Sân nhuế cái thuộc Câu chương ...

**3/.** *Tứ chương* : Trong *Phẩm Bồ đề trong kinh Vô Thượng Y, thượng*, nêu 4 chương ngăn ngại sự chứng ngộ Vô thượng Bồ đề : Xiển-đề chương, Ngoại đạo chương, Thanh văn chương và Duyên giác chương .

**4/.** *Ngũ chương* :

- *Kinh Cù-dàm-di trong Trung A Hàm 28; phẩm Đề-bà-đạt-đa trong kinh Pháp Hoa 4*, đều cho rằng thân người nữ có 5 chương : Không thể làm Phạm thiên vương, Đế thích, Ma vương, Chuyển Luân Thánh Vương và Phật .

- *Đại nhật Kinh Sớ 1* nêu ra 5 chương làm ngăn ngại sự chứng đắc trừ nhất thiết cái chương tam muội là: Phiền não chương, Nghiệp chương, Sinh chương, Pháp chương và Sở tri chương .

Ngoài ra, các loại quỷ thần chuyên đoạt lấy mạng sống con người và các thế lực của ác ma cũng gọi là chương ngại .

\* **Chứng đắc** : Phạn âm : *Adhigama* . Còn gọi: *Hiện chứng* . *Chứng đắc* là chứng ngộ chân lý, thể đạt quả vị trí huệ, giải thoát và công đức. *Luận Du-Già Sư Địa 64* có nêu lên 4 loại *chứng đắc* :

**1/** Chư hữu tình nghiệp quả chứng đắc .

**2/** Thanh văn thừa chứng đắc, chia làm 5 loại : Địa chứng đắc, Trí chứng đắc, Tịnh chứng đắc, Quả chứng đắc và Công đức chứng đắc .

**3/** Độc giác thừa chứng đắc, chia làm 3 loại : Tiên dĩ đắc thuận quyết trạch phần thiện căn chứng đắc, Tiên dĩ đắc chứng đắc chứng đắc, Tiên vị đắc chứng đắc chứng đắc .

**4/** Đại thừa chứng đắc, gồm có : Phát tâm chứng đắc, Đại bi chứng đắc, Ba-la-mật chứng đắc, Nhiếp sự chứng đắc, Địa chứng đắc, U ngũ vô lượng tùy chí chân như chứng đắc, Bất cộng tư nghị oai đức tín giải chứng đắc, Bất cộng Phật pháp chứng đắc .

\* **Chứng Ngộ** : Phạn: *Pravista*. Còn gọi: **Ngộ nhập, Đắc nhập, Chứng nhập**. Dùng chính trí như thật mà chứng đắc chân lý. Chia làm Phần và

Mãn : Quả cùng tốt của Nhị thừa và quả vị từ Sơ địa trở lên cho đến Thập địa, Đẳng giác là Phần; Diệu giác là Mãn.

\* **Chứng quả** : Chứng nhập quả vị, tức là dùng chính khí khế hợp chân lý mà tiến vào các quả vị: Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật. Như hàng Tam thừa đoạn hoặc chứng lý, theo thứ tự đạt đến cực quả. Bậc Đại thừa chứng được các phần quả: Từ Sơ địa Bồ tát đến Đẳng giác Bồ tát và mãn quả Phật. Hàng Tiểu thừa chứng được 4 quả: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. *Nhiếp Đại Thừa Luận Thích 17 (Lương dịch) Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương 3* nói về việc đoạn hoặc chứng quả của Bồ Tát, ghi : “*Hoặc tận nghĩa là sở tri chướng tận, nhưng vì lưu lại phiền não chướng để khởi thắng hạnh nên đến đây mới chứng được Phật quả*”.

\* **Công Đức**: Âm Phạn : *Guna*. Hán dịch là **Câu-na**, *Cụ-nang*, *Ngu-nang*. Công đức là công năng phước đức có được do làm các hạnh lành. *Đại Thừa Nghĩa Chương 9*, ghi: “Nói đến công đức thì công là công năng, làm tăng trưởng phước lợi, công ở đây là đức của người tu hạnh lành, nên gọi là công đức”. *Thắng Man Bảo Quật thượng, phần đầu*, ghi: “Hết sạch điều ác gọi là Công, điều thiện tràn đầy gọi là Đức. Ngoài ra, đức còn có nghĩa là được, do công tu mà được nên gọi là công đức”.

\* **Công Năng** : Phạn âm : *Samartha* . *Công năng* là năng lực dụng công, tức là sức dụng công sinh ra quả pháp hữu vi, đại khái giống như Công dụng ; nhưng Công dụng giới hạn ở hiện tại, vị lai ; còn *Công năng* thì thông suốt cả 3 đời quá khứ, hiện tại, vị lai.

Theo *kinh Bộ và Duy Thức*, lực dụng của chủng tử sinh quả gọi là *Công năng*. Về vấn đề này, *Hữu Bộ* chủ trương đại để giống nhau, nhưng *luận Đại Tì-bà-sa* không có thuyết **Chủng tử** mà cho rằng công dụng hoặc tác dụng là lực lượng trực tiếp, còn *công năng* là lực lượng gián tiếp. Theo *luận A-tì-đạt-ma Thuận Chính Lý 14*, Lực dụng làm nhân mà sinh ra kết quả hữu vi, gọi là Tác dụng. Thế lực làm duyên mà thành tựu quả pháp gọi là *Công năng* .

*Duy Thức Diển Bí 2* ghi : “Hay sinh quả pháp gọi là *Công năng* (...). *Công năng* là tên khác của chủng tử”.

\* **Công phu** : Dụng ngữ thiên, có 2 nghĩa:

1/. *Mức độ hoặc cảnh giới của sự tu hành. Đại Huệ Thư, thượng*, ghi : “Tâm này dầu chưa từng có một niệm lui sụt, vẫn tự biết công trình tu hành chưa hoàn toàn thuần nhất”.

2/. *Thời gian. Triệu Châu Lục, trung*, ghi : “Hỏi: Thế nào là tướng đại nhân ?. Đáp: Lão tăng không rảnh như người nhàn hạ”.

\* **Cơ** : là khả năng phát động khi gặp duyên, cũng tức là năng lực vốn có để thụ nhận giáo pháp của Phật hoặc chỉ cho đối tượng thuyết pháp của Phật. Cơ hợp với pháp hoặc với giáo, gọi chung là Cơ pháp hoặc Cơ giáo. Đức Phật tùy theo căn cơ, chủng loại mà thuyết giáo, gọi là Đối cơ thuyết pháp; giáo pháp khế hợp căn cơ gọi là Đâu cơ. Cơ trở thành duyên để thuyết giáo gọi là Cơ duyên. Cơ cảm ứng giáo pháp gọi là Cơ cảm; Đức Phật ứng cơ gọi là Phật ứng. Cơ cảm và Phật ứng gọi chung là Cảm ứng, cơ và ứng gọi chung là Cơ ứng. Đức Phật tùy thời ứng cơ mà lập ra giáo pháp thích nghi để làm lợi ích cho chúng sinh, gọi là *Đương cơ ích vật*, đây là 4 thời pháp trước thời Pháp-Hoa trong 5 thời pháp giáo của *Tông Thiên Thai*, tức giai đoạn làm cho căn cơ chúng sanh thành thực để thụ nhận Viên giáo. Ngoài ra, nước dụ cho căn cơ chúng sinh gọi là Cơ thủy.

*Thiền Tông* cho Cơ là tác dụng của tâm người dạy, vì cơ là cái dứt bật ngôn ngữ, tư lý. Tác dụng này làm ảnh hưởng đến tâm người học, cho nên người học tiếp nhận sự chỉ dạy thì cần phải tương ứng với tâm người dạy, đó gọi là Đâu cơ.

*Pháp Hoa Huyền Nghĩa 6, thượng* chia Cơ ra làm 3 loại:

1/. *Vi* : Nhờ sự giáo hóa của Đức Phật nên trong tâm chúng sinh khởi lên chút ý niệm thiện.

2/. *Quan* : Đức Phật thuyết pháp tùy theo năng lực sẵn có của chúng sinh. Đó là mối liên quan giữa sự tùy ứng của Đức Phật và căn cơ của chúng sinh.

3/. *Nghi*: Cơ chúng sinh khế hợp với sự giáo hóa của Đức Phật.

\* **Cơ duyên** : Căn cơ chúng sinh có đủ nhân duyên tiếp nhận sự giáo hóa của chư Phật, Bồ Tát. Phạm thuyết pháp giáo hóa đều lấy căn cơ thuần thực làm duyên mà phát khởi.

Ngoài ra, các Thiền sư khi giáo hóa đệ tử, thuận theo các loại cơ duyên mà ban bố giáo pháp. *Trấn Châu Lâm Tế Huệ Chiếu Thiền Sư Ngữ Lục (Đại 47, 500 trung)* ghi : “Ông hãy xem lông mày, hễ có bao nhiêu sợi thì có đủ bấy nhiêu cơ duyên, nếu ông không rõ, tức là kẻ cuồng tâm”.

\* **Cúng dường**: Âm theo Phạn: *Pūjanā*, còn gọi: *Cúng*, **Cúng thí**, *Cung cấp*, *Đả cúng*.

Cúng dường là cúng những vật thực y phục cho Tam bảo, Sư trưởng, cha mẹ, người chết. Cúng dường có 2 cách: *Thân cúng dường* và *Tâm cúng dường*. Theo *Di Giáo Kinh Luận*, thức ăn uống, y phục, thuốc men .v.v... thuộc thân cúng dường, còn Bất cộng tâm cúng dường, Vô yểm túc tâm cúng dường, Đẳng phần tâm cúng dường .v.v... thuộc Tâm cúng dường.

Trong những vật cúng dường mà giáo đoàn thọ nhận vào thời kỳ đầu thì y phục, thức ăn uống, ngọa cụ và thuốc thang là chính, gọi là 4 món cúng dường (Tứ sự cúng dường). Về sau phòng xá và đất đai cúng cho Tam bảo là nguồn kinh tế quan trọng đối với Tăng đoàn.

\* **Cù Sư La** : Phạn âm: *Ghosila*. Còn gọi: *Cù-tư-la*, *Cù-sử-la*, *Cụ-sử-la*. Hán dịch: *Mỹ Âm*, *Diệu âm thanh*. *Cù-sư-la* là trưởng giả của nước Kiều-thưởng-di thuộc Trung Ấn Độ cổ đại, 1 trong 3 đại thần của vua Ưu-Điền. Vì thân ông cao chỉ 0,9 m, Đức Thích Tôn cũng hiện thân cao 0,9 m để hoá độ, giúp ông quy y chính pháp. Ông nổi tiếng do nhờ dâng cúng khu vườn cho Đức Thích Tôn. *Kinh Trung Bản Khởi hạ*, ghi : Tâm niệm của Mỹ Âm muốn thỉnh Đức Thế Tôn, Phật biết ý ông nên bảo ông rằng : “Chỗ ấy không có Tịnh Xá, nguyện của ông không thành”. Mỹ Âm hiểu ý Phật, hoan hỷ bạch: “Con có một ngôi nhà khác xin cúng làm Tịnh xá”.

Theo *kinh Hiền Ngu 5*, Thuở xưa Cù-sư-la làm thân chó, có lần dùng tiếng sủa dẫn vị Bích-Chi Phật đến nhà cúng dường, cho nên đời đời được phước báu có âm thanh tốt.

\* **Cụ Túc Giới** : Gọi tắt là: *Cụ giới* ; Tên gọi khác: *Cận viên giới*, *Cận cụ giới*, *Đại giới* ; Âm theo Phạn: *Upasampanna*, *Upasampadā*; Âm Hán-Việt: *Ổ-ba-tam-bát-na* ; Hán dịch: *Cận viên*.

Cụ Túc giới là giới luật đầy đủ mà Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phải thụ trì. Theo giới pháp qui định, người thụ trì giới Cụ túc thì chính thức đạt được tư cách của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni. Giới Tỳ-kheo có 250 giới ; Tỳ-kheo-ni có 348 giới.

*Luật Tứ Phần* ghi, Giới đại khái có thể chia làm 8 loại:

- Ba-la-di : Tỳ-kheo 4 ; Tỳ-kheo-ni 8.
- Tăng tàn : Tỳ-kheo 13 ; Tỳ-kheo-ni 17.
- Bất định : Tỳ-kheo 2.
- Xả đọa : Tỳ-kheo 30 ; Tỳ-kheo-ni 30.
- Đơn đọa : Tỳ-kheo 90 ; Tỳ-kheo-ni 178.
- Hối quá : Tỳ-kheo 4 ; Tỳ-kheo-ni 8.
- Chúng học : Tỳ-kheo 100 ; Tỳ-kheo-ni 100.
- Diệt tránh : Tỳ-kheo 7 ; Tỳ-kheo-ni 7.

Ngoài ra, về giới Cụ túc, các bộ *luật Thập tụng, luật Ngũ Phần, Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa, Giới Bản Pàli, Giới Bản Tây Tạng* đều ghi chép khác nhau.

Khi thụ giới này, tác pháp thụ giới phải có đủ các điều kiện: *Tam sut thốt chúng, Bạch tứ Yết-ma*, người thụ giới Cụ túc không được phạm 13 nạn và 10 già.

*Cụ túc phương tiện*: Từ trong giới Cụ túc tùy theo căn cơ rút ra 5 giới, 8 giới .v.v... theo thứ lớp để dạy cho họ.

Trung Quốc từ đời Tùy, Đường về sau Tăng Ni đều y theo *Luật Tứ Phần* mà thụ giới. Đặc biệt ngoài việc thụ trì giới Cụ túc, Tăng Ni còn thụ thêm giới Bồ-Tát gồm 10 giới trọng, 48 giới khinh. Ngoài ra, người muốn thụ giới Cụ túc này phải có thân thể khỏe mạnh, các căn đầy đủ, không có các tật như đui điếc .v.v... Thân tâm phải thanh tịnh, không có các lỗi: Biên tội, phạm Tỳ-kheo-ni, Tặc trụ .v.v... phải cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, đã thụ giới Sa-di (hoặc Sa-di-ni) đủ 20 tuổi và không quá 70 tuổi.

Giới Cụ túc cũng chỉ nêu bày các giới luật chủ yếu, giúp cho người trì giới nhờ đó mà xa lìa được tội ác, trí đức tròn đủ. Nếu căn cứ vào số giới mà nói thì thật là vô lượng vô biên, phải siêng năng tu trì trong mọi hoàn cảnh, giữ việc lành, bỏ việc ác.

\* **Cư sĩ** : Âm theo Phạn là *Grha-pati*; Âm Hán: *Ca-la-việt, Già-la-việt*.



Cư sĩ là chỉ các hàng Trưởng giả, gia chủ, gia trưởng thuộc dòng họ Phệ-xá (Phạn: Vaisya) 1 trong bốn họ giàu có ở Ấn-Độ hoặc chỉ người tại gia tu theo đạo Phật hoặc chỉ những kẻ sĩ ở ẩn tu hành .

*Luận Đại Trí Độ* 98 thì gọi người tại gia có đạo là Cư sĩ. Trong Phật giáo, chữ Cư sĩ và Trưởng giả xưa nay thường gọi lẫn lộn . Như *Duy-ma Nghĩa Ký 1*, hạ phần cuối của ngài Huệ Viễn ghi : “Cư sĩ có hai : một là người giàu có, hai là người tại gia tu hành”. Trong Phật giáo, người tu Bồ Tát tại gia được gọi là Cư sĩ. Như ở Ấn Độ có ngài Duy-Ma, Hiền Hộ. Ở Trung Quốc, đời Lương có ông Phó Đại sĩ ; đời Bắc Ngụy có ông Lưu Khiêm Chi, đời Đường có ông Lý Thông Huyền .v.v...

Ngày nay chỉ chung giới nam nữ tu tại gia là Cư sĩ. Ở Trung Quốc, chữ cư sĩ vốn xuất xứ từ thiên Ngọc Tảo (sách Lễ ký của ông Hàn-Phi-Tử) để chỉ những ẩn sĩ có đạo, tức có tài mà không cầu quan tước như ông Nhâm Duật Hoa Sĩ.

\* **Cứu Cánh** : Phạn: *Uttara*. Hán âm: *Uất-đa-la*. Mục đích cuối cùng. Cứu cánh của Phật giáo là một cảnh giới tối cao vô thượng. Như chân lý mà Đức Phật chứng đắc, gọi là *Cứu cánh Pháp thân*. Còn Niết Bàn được chứng đắc thì gọi là *Cứu cánh Niết Bàn*.

Ngoài ra, chỗ tốt cùng của một sự việc, như đem tâm nguyện không lui sụt mà thành tựu thế nguyện, gọi là *Cứu cánh nguyện*.

\* **Cửu Bộ Kinh (Chín Bộ Kinh)**: là chín thể loại kinh của Tiểu Thừa. Xem *Thập Nhị Bộ Kinh* .

\* **Cửu Thập Lục Chung Ngoại Đạo ( Chín Mười Sáu Phái Ngoại Đạo)** : Còn gọi: *Cửu Thập Lục Thuật*, *Cửu Thập Lục Kinh*, *Cửu Thập Lục Đạo*, *Cửu Thập Lục Chung Dị Đạo* .

*Chín mươi sáu phái ngoại đạo*, xuất hiện ở Ấn Độ trước và sau khi Phật tại thế. Về số lượng phái ngoại đạo, tuy có nhiều thuyết khác nhau nhưng chỉ có 2 thuyết nêu lên 96 phái hay 95 phái là được đề cập đến nhiều nhất. Trong các kinh luận có một số thuyết nói :

- *Lục sư ngoại đạo* : Phú-lan-na-ca-diếp, Mạt-già-lê-câu-xa-lê-tử, San-xà-dạ-tì-la-chi-tử, A-kỳ-đa-sí-xá-khâm-bà-la, Ca-la-cưu-đà-ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà-nhã-đề-tử . Mỗi vị có 15 đệ tử, cộng chung là 96

người. Lục sư ngoại đạo có 16 pháp Sở học; trong đó một pháp tự học còn 15 pháp kia mỗi pháp dạy cho 1 đệ tử, thầy trò cộng lại là 96 pháp.

- *Năm ngoại đạo lớn* : Số Luận, Thắng Luận, Li Hệ, Thú Xuất và Biến Xuất . Mỗi chi phái có 18 bộ, tổng cộng là 95 phái .

Ngoài ra, sự quan hệ giữa 95 và 96 có một số thuyết như sau :

1. Trong 96 phái đều là ngoại đạo .
2. Trong 96 phái có một phái gia nhập Phật giáo là Độc Tử bộ, còn lại 95 phái ngoại đạo .
3. Trong 96 phái ngoại đạo, giáo nghĩa của ngoại đạo Ni-kiền-tử gần giống Phật giáo nên trừ ra còn 95 phái .
4. Trong 96 phái ngoại đạo, có 1 phái thuộc Tiểu thừa Phật giáo, nên trừ ra còn 95 phái .

Trong *Phẩm Tứ Tướng Giải Thoát, Kinh Đại Bát Niết Bàn* nêu : “*Chín mươi sáu thứ độc trùng hại thân*” là dụ cho chín mươi sáu phái ngoại đạo nêu trên .

\* **Cực Lạc**: Vui sướng hơn hết, không hề có khổ. Như những sự vui sướng vô cùng của những người sanh lên Thiên cung Đâu-suất, Cực Lạc, Cực Lạc quốc là cõi thế giới sung sướng của đức Phật A-Di-Đà.



# D

\* **Da Du Đà La** : Phạn âm : *Yasodhara* . Hán dịch : *Trì Dục, Trì Xưng, Hoa sắc* . Còn gọi: *La-hầu-la mẫu* (Phạn : *Rahula-matr*); *Da-du-đa-la, Da-duy-đàn* .

*Da Du Đà La* là con gái của Chấp Trưởng (Phạn : *Dandapani*), dòng họ Thích, thành Ca-tì-la Trung Ấn Độ, chính hậu của thái tử Tất-đạt-đa, mẹ ruột của La-hầu-la.

Có thuyết cho *Da Du Đà La* là con gái của Đại thần Ma-ha-ma-na (Phạn: *Mahamana*) thuộc chủng tộc Bà-tư-tra (Phạn: *Vasistha*) dòng họ Thích . Có thuyết cho *Da Du Đà La* là em gái của Đề-bà, con gái của vua Thiện Giác (Phạn : *Suprabuddha*) ở thành Thiên Tí (Phạn : *Devadaha*). Bà đoan trang, xinh đẹp bậc nhất, hội đủ các đức tướng tốt. Sau khi Đức Thích Tôn thành đạo 5 năm, bà và di mẫu của Đức Thích Tôn là Ma-ha Ba-xà-ba-đề (Phạn : *Maha-prajapati*) đều xuất gia thụ giới cụ túc làm Tỳ-kheo-ni .

\* **Danh** : Phạn âm : *Naman*. Hán âm: *Na-ma*. *Danh* thông thường chỉ cho tên gọi, nhưng theo *Phật học* thì tùy theo âm thanh kêu gọi vật thể mà người nghe danh, tưởng đến tướng của vật thể. Vậy nên *Danh* là 1 trong 24 món *tâm bất tương ưng hành pháp*, 1 trong 75 pháp của *tông Câu-Xá*, 1 trong 100 pháp của *tông Duy Thức*.

Theo *Câu-Xá Luận Quang Ký 5*, *Danh* có 3 thứ: *Danh*, *Danh thân* và *Đa danh thân*. Như chữ “sắc”, chữ “hương” ... đều là từ đơn, gọi là *Danh* ; ghép hai chữ “sắc”, “hương” lại với nhau thành từ ghép thì gọi là *Danh thân* ; ghép lại từ 3 chữ trở lên với nhau như sắc, hương, vị hoặc sắc, hương, vị, xúc gọi là *Đa danh thân*. Đây là luận theo *Nhất tự sinh*. Nếu luận theo *Nhị tự sinh* thì ghép 2 chữ lại với nhau gọi là *Danh* ; ghép 4 chữ lại với nhau gọi là *Danh thân* ; ghép từ 6 chữ trở lên gọi là *Đa danh thân*, “*Đa tự sinh*”.

\* **Danh tự** : Từ gọi chung của “Danh” và “Tự”. Hai từ này được dùng với nhiều nghĩa:

1/. Tên gọi của sự vật.

2/. Để giải thích rõ nghĩa sự vật, cũng đồng nghĩa với chữ “Danh”. “Danh tự” trong kinh điển Phật giáo phần nhiều dùng theo nghĩa này.

3/. Chỉ tên và tự hiệu của người.

Phật giáo cho *Danh tự* là pháp giả lập không thật, dùng để tạm giải thích nghĩa của các pháp, không phải là bản thể của các pháp. Do đó, *kinh luận* thường dùng từ ngữ này để gọi những người, vật chỉ có hư danh, như : “Danh tự Tỳ-kheo”, “Danh tự Sa-di”, “Danh tự A-la-hán”, “Danh tự Bồ Tát”, “Danh tự tướng” .v.v...

\* **Dạ Xoa** : Phạn âm : *Yaksa* . Còn gọi : *Dược-xoa, Duyệt-xoa, Dã-xoa* . Hán dịch : *Khinh Tiệp, Dũng Kiện, Năng Đạm, Qú Nhân, Oai Đức, Từ Tế Quỷ, Tiệp Tật Quỷ* .

*Dạ-xoa* là loài quỷ ở trên mặt đất hoặc trong hư không, dùng oai thế nào hại người, hoặc giữ gìn Chính pháp. Đây là một trong *Thiên Long Bát Bộ* (8 bộ chúng).

Theo *kinh Đại Hội trong Trường A-Hàm 12, Luận Đại Tì-bà-sa 133, Luận Thuận Chính Lý 31* .v.v... *Dạ-xoa* chịu sự thống lãnh của Tì-sa-môn Thiên Vương, bảo vệ chư Thiên cõi trời như Đao-Lợi .v.v... hưởng được các sự vui sướng và có oai thế . Về chủng loại *Dạ-xoa, Luận Đại Trí Độ 12* có nêu ra 3 thứ :

1. *Địa hành Dạ-xoa*, có phước báu hưởng thụ âm nhạc, thức uống ăn và các sự vui sướng khác .
2. *Hư không Dạ-xoa*, có sức mạnh và đi nhanh như gió .
3. *Cung điện phi hành Dạ-xoa*, nơi ăn ở đầy đủ tiện nghi và hưởng được mọi sự sung sướng .

Kinh thường nói đến những vị thần *Dạ-xoa* giữ gìn Chính pháp, như *kinh Dược Sư Như Lai Bản Nguyện* : 12 vị Đại tướng *Dạ-xoa* : *Cung-tì-la, Bạt-chiết-la* .v.v... thệ nguyện che chở, giữ gìn người thụ trì *kinh Dược Sư Như Lai Bản Nguyện* . Nhưng, trong kinh cũng có nói các loại *Dạ-xoa* làm hại chúng sinh, như *Kinh Đại Cát Nghĩa Thần Chú 3* ghi : Các thứ quỷ *Dạ-xoa, La-sát*, thường biến ra các hình sư tử, voi, cọp, nai, ngựa, trâu, lừa, lạc-đà, dê .v.v... hoặc đầu to mà thân nhỏ hoặc bụng lớn có 1 đầu mà 2 mặt, 3 mặt .v.v... tay cầm đao, giáo, kiếm .v.v... tướng trạng đáng sợ, khiến người kinh hãi, có năng lực làm cho người trông thấy bị mất vía rồi hút lấy tinh khí .

\* **Dâm Dục** : Từ đồng nghĩa. Xem **Ái dục** .

\* **Dâm Nộ Si** : từ đồng nghĩa . Xem **Tam độc** .

\* **Di Đà** : là tên gọi tắt của Giáo chủ thế giới Cực lạc ở phương Tây **A-Di-Đà-Phật**; còn gọi: *A-nhị-da Phật, A-nhị-đả Phật*; Âm theo Phạn là *Amita-buddha*.

“A-Di-Đà”; Phạn âm: *Amita*; Hán dịch: *Vô lượng*. Ngoài ra, *Amitayus*, Hán âm: *A-di-đa-hữu*, Hán dịch: *Vô lượng thọ*; *Amitabha*, Hán âm: *A-di-đà-bà, A-di-đả-bà*, Hán dịch: *Vô lượng quang*. Kinh *A-di-đà* do ngài *Cưu-ma-la-thập* dịch: “Đức Phật kia có ánh sáng vô lượng, nên gọi là Phật A-di-đà”. Nhưng theo kinh *A-di-đà bản tiếng Phạn* và kinh *Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ* thì Đức Phật kia sống lâu vô lượng, ánh sáng nhiệm mầu vô biên, nên gọi là *Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Quang*.

Trong các kinh phiên dịch vào thời kỳ đầu như: *Bát-Chu Tam-muội, Đại A-di-đà, Duy-ma-cật* cũng chỉ có danh hiệu *A-di-đà*. Do đó, nên biết danh hiệu *Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang* là do đời sau căn cứ vào nghĩa gốc của danh từ ấy mà lập ra.

\* **Di Lặc** hay **Di-Lặc Bồ Tát**: Từ Phạn: *Maitreya*; âm Hán-Việt: *Mai-đát-lê-da Bồ Tát, Mạt-đát-lợi-da Bồ Tát, Mê-để-lũ Bồ Tát, Di-đế-lễ Bồ Tát*; Hán dịch là: *Từ Thị*.

*Di Lặc Bồ Tát* là vị *Bồ Tát Nhất sinh bổ xứ* được Đức Phật thọ ký thành chính giác ở tương lai. Theo *Kinh Di Lặc thượng sinh, kinh Di Lặc hạ sinh*: *Di Lặc* xuất thân từ gia đình *Bà-la-môn*, sau làm đệ tử Phật, nhập diệt trước Phật, dùng thân *Bồ Tát* trụ ở cõi trời *Đâu-Suất* thuyết pháp giáo hóa các vị trời cõi này. Theo truyền thuyết, *Bồ Tát* vì muốn giáo hóa chúng sinh, nên không ăn thịt từ lúc mới phát tâm, do nhân duyên ấy mà có tên là *Từ Thị*.

Theo *Đại Nhật Kinh Số 1*, *Bồ Tát Từ Thị* ấy là lấy chữ *Từ* trong *Tứ vô lượng tâm* của Phật làm đầu. Lòng từ đó sinh ra từ chủng tính *Như Lai*, khiến hết thấy thế gian không mất Phật tính. Đức Thích Tôn từng thọ ký: Hết thời kỳ tuổi thọ con người là 4.000 tuổi, ước vào khoảng 57 tỉ

60 triệu năm nữa, lúc ấy Bồ Tát hạ sinh xuống cõi này thành Phật dưới cội Long Hoa, chia làm 3 hội thuyết pháp.

Do ý nghĩa Ngài thay Phật Thích-Ca thuyết giáo nên gọi là Bồ Tát Nhất sinh bổ xứ, Bồ Tát bổ xứ, Bổ xứ Tát đỏa. Khi Ngài thành Phật thì gọi là Di Lạc Như Lai, Phật Di Lạc.

Ở Trung Quốc, phần lớn các chùa thờ phụng tượng Di-Lạc miệng cười, bụng phơi ra, đó là chân dung hòa thượng Khế Thử (Bồ Đại) đời Ngũ Đại vì theo truyền thuyết, vị Bồ Tát này là hóa thân của Bồ Tát Di Lạc. Tín ngưỡng vãng sinh cõi trời Đâu-Suất cũng như tín ngưỡng A-Di-Đà từ xưa đều được tín đồ Phật giáo coi trọng.

\* **Diêm La** : Gọi đầy đủ: *Diêm-la vương*. Còn gọi: *Diêm-ma vương, Diêm vương ma, Diêm ma vương, Diêm-ma-la vương, Diêm-ma-la-xà, Diêm-ma-la-xà*. Gọi tắt: *Diêm-la, Diêm-la, Diêm vương, Diêm vương, Tử vương*.

Vua của thế giới ma quỷ, vị tổng quản cõi U minh và vị chủ thần địa ngục. Diêm-ma vương nguyên là thần Dạ-ma (Yama), vào thời đại Phệ-Đà ở Ấn Độ, là con của thần mặt trời (Vivasvat) và Sa-lang-vưu (Saranyu), là vị thần sinh ra đồng thời với em gái của mình là Diêm-Mỹ (Yami), nên gọi là Song vương.

Theo Lê-câu-phệ-đà chỗ ở của Dạ-ma vào thời đại này là cõi trời, là cõi vui vẻ thường tấu âm nhạc. Nhưng A-thát-bà-phệ-đà thì cho rằng cõi của Dạ-ma là ở hạ giới, gọi là thành Dạ-ma (Yama-pura). Vị thần này có 2 loại là Tử vương (chuyên đoạt sinh mạng người) và Tử giả chi vương (còn gọi là Pháp vương, điều khiển thế giới Tổ Tiên).

Sau khi tư tưởng Dạ-ma được đưa vào Phật giáo, do ảnh hưởng đó vị thần này vừa được tôn xưng là trời Dạ-ma ở tầng trời thứ 3 trong sáu tầng trời cõi Dục, vừa là người cai quản cõi U minh (Diêm-ma), chuyên xét xử hành vi của loài người.

\* **Diêm Phù Đề**: Phạn âm : *Jambu-dvīpa*. Còn gọi : *Diêm-phù-lợi, Thiệm-bộ-đề, Diêm-phù-châu, Diêm-phù-đề-bì-ba, Thắng-kim-châu, Hảo kim thổ, Nam Diêm-phù châu, Thiệm-bộ-châu, Nam Thiệm-bộ châu, Chiêm-phù châu*. Gọi tắt : **Diêm phù**.

Ở phía Nam núi Tu-Di, có một đại châu là nơi ở của chúng ta, trồng nhiều cây *Diêm-phù* và sản xuất ra vàng *Diêm-phù-đàn*. Đề là gọi tắt

của từ *Đề-tì-ba*, dịch là châu. Ở trung tâm của châu này có rừng cây *Diêm-phù*, nên đặt tên châu như vậy. Châu đó thuộc phương Nam, nên gọi là *Nam phù-đề* (trích *Luận Trí Độ-q.35* và *Luận Câu-Xá-q.11*).

\* **Diễn thuyết** : từ đồng nghĩa . Xem *Thuyết pháp* .

\* **Diệt** : Âm theo Phạn: *Nirdha*. *Diệt* nghĩa là *Dứt*, *Tiêu mất*, *Tắt mất*. *Diệt* đối với *Sinh khởi*. *Diệt* cũng đồng nghĩa với: *Đoạn*, *Duyệt*, *Trừ*, *Tịch*, *Hoại*.

*Thành Duy Thức Luận* có chép: Từ cái có (hữu) trở về với cái không (vô) và trong thời gian *không* đó tức là *diệt*.

*Diệt* là một tướng trong bốn tướng hữu vi (*Tứ hữu vi tướng*): *Sanh*, *trụ*, *dị*, *diệt*. *Diệt* là 1 chân lý trong 4 chân lý (*Tứ diệu đế*): *Khổ*, *Tập*, *Diệt*, *Đạo*. *Diệt* cũng là từ gọi tắt của *Tịch diệt*, tức là *Niết Bàn*.

\* **Diệt Đế** : Gọi đầy đủ: **Diệt thánh đế**. Xem **Khổ diệt đế**.

\* **Diệt Độ** : Phạn âm : *Nirvāna*. Còn gọi : *Niết-Bàn*, *Viên tịch*, *Thiên hóa*.

Mạng chung chứng quả, diệt trừ *Hoặc* chướng, thoát khỏi nạn khổ. Vĩnh viễn diệt hết *Phần đoạn sinh tử* và *Biến dịch sinh tử*, vượt qua được bốn dòng thác : *Vô minh*, *Dục*, *Hữu*, *Kiến* mà đạt đến *Niết-Bàn* .

\* **Diệt Tận** : Còn gọi: *Diệt tướng*, *Vô thường*. Là tướng hoại diệt của các pháp hữu vi trong khoảng sát-na mà trở về quá khứ. Một trong 4 tướng hữu vi, 1 trong 3 tướng Chân như, 1 trong 75 pháp của tông Câu-Xá, 1 trong 100 pháp của tông Duy-Thức. *Diệt tướng* còn là pháp Chân như tịch diệt không có *Biến dịch sinh tử* và *Phần đoạn sinh tử*.

*Phẩm Dược Thảo Dụ* trong kinh *Pháp-Hoa 3(Đ5i 9, 19 trung)* ghi: “Đức Như Lai thuyết pháp chỉ có một tướng, một vị. Đó là tướng giải thoát, tướng xa lìa, tướng tịch diệt”.

Ngoài ra, sự chết của loài hữu tình cũng gọi là *Diệt*.

Theo *Phẩm Bát Tương Ứng Hành* trong *luận Thành Thật*, trong một thời kỳ nối tiếp của loài hữu tình (*sinh*, *trụ*, *dị*, *diệt*) thì sự chết của nó gọi là *Diệt*.

\* **Diệt tránh** : Phạn âm : Adhikarana-samatha. Còn gọi : Chỉ tránh . Diệt tránh là pháp dứt trừ sự tranh cãi của tăng ni, một phần trong giới Cụ túc mà hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni thụ trì .

Do có 7 loại nên còn gọi là Thất diệt tránh .

\* **Diệu Dụng** : Công năng không thể nghĩ bàn, hiển hiện từ tự tính thanh tịnh tâm của hàng Bồ Tát Bát địa trở lên. Nhưng Bồ Tát Bát địa đến Đẳng giác vẫn còn phần chứng pháp thân, nên công năng này còn hạn lượng, chỉ đến khi đạt đến quả Diệu giác thì công năng này mới được vô lượng vô biên.

Thiền tông cho rằng những động dụng trong sinh hoạt hàng ngày như mặc áo, ăn cơm, gánh nước, bữa cử hay nói, nín, động, tịnh đều lưu xuất từ tự tâm thanh tịnh gọi là Diệu Dụng.

\* **Diệu Hữu** : Cái hữu phi hữu (cái có mà không phải là có) gọi là *Diệu hữu*, để đối với cái không phi không (cái không mà không phải là không) gọi là *Chân không* .

Theo *Nghiệp Sở Tế Duyên ký, Q.1* : “Biết đó là cái diệu hữu thì một sợi lông tơ cũng chẳng lập, còn cái chân không là do nhân quả dẫn tới như vậy”

\* **Diệu Lạc** : Còn gọi: *Diệu thích, Diệu trụ*; Âm theo Phạn: *Surata*; Âm Hán-Việt: *Tô-la-đa, Tô-lạt-đa*. Diệu lạc chỉ cho lý thú đại lạc đại tham nhiệm trong nội chứng của Kim Cương Tát-đỏa. *Đại Nhật Kinh Sở 17* giải thích Tô-la-đa bằng 5 nghĩa:

1/. *Đắm trước*: Tâm chuyển thức thành trí đắm trước vào pháp chữ A vi diệu pháp giới bất sinh.

2/. *Cộng trụ an lạc*: Cùng ở chung với diệu lý chữ A tự nhiên chứng đắc, được sự an lạc của hiện pháp.

3/. *Lạc trước*: Vui thích với sự nghiệp vi diệu tính đức bản hữu, tịch diệt bất sinh.

4/. *Bỏ tà theo chính*: Dùng chữ A làm thanh tịnh thế lực tâm bồ-đề, xả bỏ việc tà vạy, thú nhập chính nghĩa Đại Không bất sinh.

5/. *Dục cầu*: Vì chữ A trùm khắp pháp giới nên mong thượng cầu Bồ-đề, hạ hóa chúng sinh.



*Lý Thú Thích, thượng (Đại 19, 608 trung)* ghi: “Tô-la-đa, như sự vui thích của Na-la-na-lí ở thế gian. Kim Cương Tát-đỏa cũng là Tô-la-đa, dùng tâm đại từ vô duyên duyên khắp thế giới chúng sinh vô tận, nguyện được an lạc lợi ích, tâm không hề dừng nghỉ, mình và người bình đẳng không hai, nên gọi là Tô-la-đa”.

\* **Diệu Pháp** : Pháp đệ nhất, tối thắng, không thể suy xét bàn luận cho cùng. Phạn: *Saddharma* (Hán dịch: *Tát-đạt-ma*). Như bộ kinh vi diệu nhất mà Phật thuyết gọi là *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh* (Phạn: *Saddharma-pundarika-sūtra*). Diệu pháp của Phật ví như chiếc thuyền, cứu vớt Chúng sinh ra khỏi biển sinh tử, gọi là *Diệu Pháp thuyền*.

Diệu Pháp của Phật soi tỏ cho thế gian khỏi bị hắc ám, cũng như ánh đèn, gọi là *Diệu Pháp đăng*.

\* **Di** : Phạn âm : Jarā. Di là sự thay đổi, biến hoại của sự vật, một trong các tâm bất tương ưng hành pháp, 1 trong 4 tướng (sinh, trụ, di, diệt) do Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ của Tiểu thừa lập ra .

\* **Di Tướng** : Pháp quán tưởng những sự thay đổi, biến hoại của sự vật.

\* **Do-tuần**: Âm theo Phạn là *Yojana*; Âm Hán : *Du-xà-na, Du-thiện-na, Du-tuần, Do-diên*. Hán dịch: *Hợp, Hòa hợp, Ứng, Hạn lượng, Nhất trình, Dịch*.

Do-tuần là đơn vị đo độ dài thời xưa ở Ấn-Độ. Tiếng Phạn: *Yojana*, có nghĩa là mang ách, phát xuất từ chữ gốc “yuj” chỉ đoạn đường con bò mang ách đi một ngày.

*Theo Đại Đường Tây Vực Ký 2*, thì 1 do tuần chỉ lộ trình 1 ngày hành quân của nhà vua.

Có nhiều thuyết khác nhau về cách tính do tuần:

**1/. Đối ra Câu-lô-xá**: Theo phong tục Ấn-Độ cũng như phẩm Hiện Nghệ trong *kinh Phương Quảng Đại Trang Nghiêm 4, phẩm Minh Thời Phân Biệt trong kinh Ma-dăng-ca*, hạ đều cho rằng 4 câu-lô-xá là 1 do-tuần. Nhưng theo các kinh điển của Phật như *Hữu Bộ Tỳ-nại-da 21; Luận Đại Tỳ-bà-sa 136, Luận Câu-Xá 12* lại tính 8 câu-lô-xá là 1 do-tuần.

2/. Tính theo số đo của Trung Quốc cũng có nhiều thuyết khác nhau: *Theo Đại Đường Tây Vực Ký 2*, 1 do-tuần xưa được tính là 20 km, theo Ấn-Độ là 15 km, trong Phật giáo tính là 8 km; *theo Huệ Uyển Âm Nghĩa*, hạ là 8 hay 8,5 km. *Theo phần Giáp Chú trong Hữu Bộ Bách Nhất Yết Ma 3 của Nghĩa Tịnh* thì quốc tục Ấn-Độ tính là 16 km, Phật giáo tính là 6 km ...

\* **Du Lan Giá** : dịch nghĩa: Bất định tội. Xem **Bất định** .

\* **Dung Thông**: Là bao hàm thông suốt hoàn toàn không chướng ngại, đồng nghĩa với tương tức tương nhập.

*Viên Ngộ Phật Quả Thiền Sư Ngữ Lục 14* , ghi: “Đức Sơn đánh, Lâm Tế hét, đều là những thủ đoạn đưa hành giả đến cực điểm hiển lộ chân tướng, chứng ngộ vô sinh, dung thông tự tại”.

\* **Duyên** : Âm theo Phạn: *Pratyaya*. Có 2 nghĩa:

**I. Duyên**: Nguyên nhân gián tiếp dẫn tới kết quả. Nhưng theo nghĩa rộng, duyên là tên gọi chung cho nhân và duyên. Duyên được chia làm 4 loại:

1/ **Nhân duyên**: Nhân tức là duyên, chỉ cho nguyên nhân nội tại trực tiếp sinh ra quả báo, nhân ở đây được hiểu theo nghĩa hẹp là tương đương với 5 nhân (*Câu hữu nhân, Đồng loại nhân, Tương ưng nhân, Biến hành nhân, Di thực nhân*) ngoài *Năng tác nhân* (1 trong 6 nhân).

2/ **Đẳng vô gián duyên**: Nguyên nhân để 1 sát-na trước dẫn đường cho 1 sát-na sau sinh trưởng trong sự tương tục của tâm và tâm sở.

3/ **Sở duyên duyên (duyên duyên)**: Sở duyên chỉ cho ngoại cảnh, lúc tâm duyên theo ngoại cảnh thì phải nhờ ngoại cảnh làm trợ duyên. Theo thuyết của *tông Duy Thức* thì có thể phân làm 2 loại: sơ và thân.

4/ **Tăng thượng duyên**: Chỉ chung tất cả pháp không sinh ra sự chướng ngại đối với một pháp nào. Đồng với *Năng tác nhân* trong 6 nhân. Theo thuyết của tông Tịnh Độ thì 48 nguyện của Phật A-Di-Đà là Tăng thượng duyên của phàm phu vãng sanh Tịnh Độ.

**II. Duyên**: Phan duyên, duyên lự. Tâm thức của con người duyên theo tất cả cảnh giới, dính mắc vào đó mà không buông ra. Như nhãn thức duyên

theo sắc cảnh mà thấy, cho để thân thức duyên theo xúc cảnh mà có cảm giác. Cho nên tâm thức gọi là Năng duyên, còn cảnh giới gọi là Sở duyên

\* **Duyên Giác**: cũng viết Độc Giác. Duyên-giác, Độc-giác là bậc tự giác ngộ, tự giải thoát lấy mình, ưa sự êm lặng, ngời thiền nơi vắng vẻ, chớ không ra đi hoằng pháp, độ sanh như Phật Như Lai. Bậc Duyên-giác có thể xuất hiện ngay hồi Phật Như Lai còn tại thế. Còn bậc Độc-giác thì ra đời và đắc đạo nhằm khi không có đức Phật Thế Tôn.

Duyên-giác có hai nghĩa:

1. Quán tưởng lý *Thập Nhị Nhân Duyên* bèn giác ngộ, đoạn diệt mê hoặc, chứng đắc chơn lý.
2. Như xem cái duyên ngoài: hoa bay tan tác, lá rụng rơi bởi, bèn giác ngộ đối với vô thường, đoạn diệt mê hoặc, chứng đắc chơn lý.

\* **Dục giới (cõi Dục)** : Phạm: Kàma-dhātu (Cõi). Một trong 3 cõi. Nơi ở của những loài hữu tình mạnh về hai thứ dục vọng là Sắc dục (lòng ham muốn về trai gái) và Thực dục (lòng ham muốn về ăn uống) thì gọi là Dục giới. Cõi này trên thì bắt đầu từ Lục dục Thiên, giữa là 4 đại châu của cõi người, dưới tới 8 địa ngục lớn. *Luận Câu-Xá* (q.8): “Bốn địa ngục và 6 Dục giới cùng khí thế gian, gọi là Dục giới”.

\* **Dục Lạc**: Còn gọi Lạc dục . Dục lạc là lòng ham muốn thú vui ngũ dục (Sắc dục, Thanh dục, Hương dục, Vị dục, Xúc dục), là nguồn gốc của tất cả phiền não.

*Kinh Tối Thắng Vương 1 (Đại 16, 407 thượng) ghi*: “Tất cả phiền não lấy dục lạc làm gốc, đều từ dục lạc sinh, Chư Phật Thế Tôn vì đoạn trừ dục lạc nên chứng đắc Niết-Bàn”.

\* **Dục Ly** : đảo từ . Xem **Ly dục** .

\* **Dục Trần** : là năm *dục* làm bẩn thân tâm như bụi trần, nên gọi là *trần* . *Dục* là 6 dục : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; *Trần* là 5 trần : Sắc, thanh, hương, vị, xúc.

\* **Dược Pháp** : Đảo từ. Xem **Pháp Dược**.

## Đ

\* **Đa La (thụ)** : Âm theo Phạn: *Tāla*; Hán dịch: *Ngạn thụ, Cao Tủng thụ*. Là loại cây miền nhiệt đới, thuộc họ Cọ, cao chừng 20 m, là dài rộng, bằng phẳng cứng chắc, trôn láng, từ thuở xưa được dùng để chếp kinh, gọi là *Bối-đa-la-diệp (lá bối)*. Quả chín màu đỏ như quả thạch lựu, ăn được; mọc nhiều ở vùng đất cát ven biển các nước Ấn-Độ, Miến-Điện, Tích-Lan, Madras ...

Cây này nếu bị đốn ngang thân thì không mọc lại được, cho nên trong các kinh thường lấy cây này để dụ cho các Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di.

\* **Đà La Tổng Trì** : Còn gọi : *Đà-la-ni, Đà-lân-ni*. Phạn âm: *Dharani*. Hán dịch: *Tổng trì, Năng trì, Năng giá*. *Đà-la-ni* là năng lực của trí tuệ tóm thâu, gìn giữ vô lượng Phật pháp không để cho quên sót.

Theo *Luận Đại Trí Độ 5, Luận Phật Địa Kinh 5*, *Đà-la-ni* là một phương pháp ghi nhớ, tức là trong một pháp có tất cả pháp, trong một lời có tất cả lời, trong một nghĩa có tất cả nghĩa, thâu tóm gìn giữ vô lượng Phật pháp. Ngoài ra, *Đà-la-ni* còn có năng lực giữ gìn các pháp lành, ngăn chặn các pháp ác. Vì Bồ Tát lấy hạnh lợi tha làm đầu để giáo hoá người khác, nên cần phải chứng đắc *Đà-la-ni*, chứng đắc *Đà-la-ni* thì không quên mất vô lượng Phật pháp, từ đó ở giữa đông người không e sợ mà còn có khả năng thuyết pháp giáo hoá một cách tự tại.

Về *Đà-la-ni*, các kinh luận nói đến rất nhiều. Đời sau, vì hình thức *Đà-la-ni* giống như chú tụng, nên thường lẫn lộn chú là *Đà-la-ni*. Căn cứ vào câu: câu dài là *Đà-la-ni*, câu ngắn là chân ngôn, 1 hoặc 2 chữ là chủng tử.

\* **Đà-Na-Bà** : còn gọi **Đàn-Việt**, *Đà-na-bát-để*, *Bố thí gia* ; Âm theo Phạn: *Đàn-việt thí chủ*, **Đàn-na chủ**, **Đàn chủ**, **Thí chủ** (Phạn: *Dāna-pati*).

*Đà-na-bà* hay *Thí chủ* là người cúng dường bốn món cần dùng cho chúng Tăng hoặc xuất tiền của để tổ chức pháp hội.

Bài kinh *Thiện Sinh*, *Trường A-Hàm 11 (Đại 1, 72 thượng)* ghi: “Đàn-việt nên dùng 5 pháp cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn (...), một là *thân hành từ*, hai là *khẩu hành từ*, ba là *ý hành từ*, bốn là *bố thí đúng thời*, năm là *cửa luôn mở rộng*. Này Thiện Sinh ! nếu đàn-việt dùng 5 pháp này cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn thì Sa-môn, Bà-la-môn phải trao lại 6 pháp (...), một là *ngăn ngừa, giữ gìn không cho họ làm điều ác*, hai là *truyền dạy điều lành*, ba là *dạy giữ tâm lành*, bốn là *nói cho họ nghe những điều chưa được nghe*, năm là *những điều đã nghe khiến cho họ khéo hiểu*, sáu là *chỉ bày con đường sinh thiên*”.

*Kinh Tăng Nhất A-Hàm 24* cho rằng, *Thí chủ* bố thí cúng dường được 5 công đức:

- 1/. Tiếng tăm vang khắp bốn phương, mọi người khen ngợi.
- 2/. Nếu vào trong chúng hội, tâm không hổ thẹn, cũng không sợ hãi.
- 3/. Được mọi người kính trọng, ai thấy cũng sinh tâm hoan hỷ.
- 4/. Sau khi mạng chung hoặc sinh lên cõi trời, được chư thiên kính ngưỡng hoặc sinh trong cõi người, được mọi người tôn quý.
- 5/. Trí huệ hơn người, hiện đời hết phiền não, không còn thụ thân đời sau.

\* **Đàn Ba-La-Mật**: *Dānaparamita*: Kêu trọn theo Phạn: *Đàn-na Ba-La-mật*. Dịch nghĩa: *Bố thí đáo Bỉ-ngạn*, *Bố thí độ*, *Thí độ*. Ấy là đức đầu tay trong sáu đức cả Lục độ của Bồ Tát, của người tu Đại thừa. Đàn và Đàn Ba-La-Mật khác nhau như thế nào ?

*Theo Niết Bàn Kinh (q.22):* Thấy có người xin, rồi sau mới cho, đó kêu là Đản (Thí). Như chưa có ai xin, tự mình mở lòng mà thí, đó mới kêu là Đản Ba-La-Mật. Như thỉnh thoảng mới thí, thì kêu là Đản (Thí), còn thường hay bố thí thì kêu là Đản Ba-La-Mật. Thí cho người ta rồi sanh lòng hối tiếc, đó kêu là Đản (Thí); Thí rồi chẳng hối tiếc, mới kêu là Đản Ba-La-Mật. Thí mà mong sự báo, đó là Đản (Thí). Thí mà chẳng cầu báo, mới đáng gọi Đản Ba-La-Mật.

Nếu vì sợ sệt, vì danh tiếng, vì lợi dưỡng, vì việc gia đạo, vì mong hưởng cảnh Tiên, vì kiêu mạn, vì muốn hơn người, vì kẻ quen thân, vì cầu báo mà bố thí, như vậy chẳng qua như cách đổi chác ở chợ mà thôi.

\* **Đàn Việt** : Từ đồng nghĩa . Xem *Đà-na-bà*.

\* **Đảnh Lễ** : Phạn âm : Sīrasābhivandate . Còn gọi : Đầu đảnh lễ kính, Đầu diện lễ túc, Đầu diện lễ. Đồng nghĩa : Ngũ thể đầu địa, Tiếp túc lễ.

Lạy theo cách 5 phần của thân thể (2 đầu gối, 2 cùi chỏ, trán) sát đất để biểu thị sự cung kính cùng tột .

\* **Đảnh Tượng** : Nhục kế trên đảnh đầu Như Lai . Tất cả trời, người không thể thấy được, nên còn gọi là “Vô kiến đảnh tượng”.

Về sau, đảnh tượng được dùng để chỉ tranh vẽ chân dung các Tổ sư và Tiên đức Thiên tông. Phần nhiều là tượng bán thân, cũng có khi là tượng toàn thân ngồi trên chiếc ghế dựa và có phụ thêm lời tán .

Việc lưu hành “Đảnh tượng” bắt đầu từ Trung Quốc và phổ biến ở Nhật Bản vào thời đại Liêm Thương, Thất Đinh . Hình tượng nhân vật phần nhiều được vẽ theo lối tả thực, đôi lúc có vị tự làm lời tán để làm tín vật phó pháp cho đệ tử .

\* **Đảo tưởng** : Còn gọi là *Điên đảo tưởng*. Đó là những tư tưởng điên đảo, không đứng vững, trái ngược đối với Chánh đạo. Như đối với Ngũ uẩn, từ cái Sắc tới cái Thức, mà tưởng là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, đó là *Đảo tưởng* mà tất cả các phàm phu đều mắc phải. Tiến lên một bậc, những hàng tu học Nhị thừa (Thanh văn, Duyên giác) cho rằng tất cả đều là Vô thường, Vô lạc, Vô ngã, Bất tịnh. Cho nên đối với Niết bàn, Phật tánh, Như lai, Tam bảo cũng cho là như thế, đó cũng là *Đảo tưởng*. Đối với những pháp Không, họ tưởng là Ngã. Đối với những thứ chẳng phải là nam, nữ, lớn, nhỏ, ngày, đêm, năm, tháng, y phục, phòng xá, giường gối mà họ tưởng là nam, nữ .v.v... Tư tưởng chấp trước, cũng gọi là *Đảo tưởng*.

**Đảo tưởng vọng sanh**, tức tâm khởi sanh lên những tư tưởng điên đảo.

\* **Đại** : Từ “Đại” trong *Kinh Đại Bát Niết Bàn* bao hàm nhiều ý nghĩa:

1/ Đại (Maha) là tự thể rộng lớn bao trùm cùng khắp hoặc hàm các nghĩa đa (nhiều), thắng (hơn), diệu (tốt đẹp), bất khả tư nghị (không thể nghĩ bàn). *Kinh Thủ Lăng Nghiêm Nghĩa Sớ Chú 3 phần 2 (đại 39, 867 thượng)* ghi : “Bao trùm tất cả, thể cùng khắp mọi nơi. Chữ Đại này không phải đối với nhỏ, ngay nơi thể mà đặt tên, nên gọi là Đại”.

2/ Đại là các nguyên tố có tác dụng lớn như bốn đại : đất, nước, gió, lửa và không đại. (Phẩm Như Lai Tánh, kinh Đại Bát Niết Bàn).

3/ Đại là *Đại thừa giáo*. Theo môn *Quán Nhân Duyên* trong *Luận Thập Nhị Môn*, sáu Ba-la-mật là pháp 4 hành của chư Phật, có năng lực diệt trừ đau khổ và đem lại lợi ích lớn cho chúng sinh, đạt đến chỗ tận cùng của tất cả các pháp, nên gọi là Đại. Phát tâm bồ-đề rộng lớn, tu hạnh tự lợi, lợi tha ; tinh tấn khổ hạnh 3 A-tăng-kỳ kiếp ; đầy đủ phước trí trang nghiêm ; chứng được quả vị Phật, kiến lập Phật sự rộng lớn, nên gọi là Đại thừa .

4/ Đại (Mahat) là pháp biểu hiện đầu tiên trong muôn vật ; tức là Đại đế. Đế thứ 2 trong 25 đế do học phái *Số Luận* ở Ấn Độ lập ra. *Luận Kim Thất Thập*, thượng ghi : “Từ nơi Tính đầu tiên sinh ra Đại, Đại gọi là Giác, hoặc gọi là Tưởng, hoặc gọi là Biến mãn, hoặc gọi là Trí, hoặc gọi là Huệ. Vì đại này ở nơi Trí, nên Đại được gọi là Trí”.

\* **Đại Bát Nhã kinh** : Gọi đầy đủ: *Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh*.  
Phạn: *Maha-prajnaparamita-sutra*.

Kinh, 600 quyển, do ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính Tạng, từ tập 5 đến tập 7. *Bát-nhã Ba-la-mật-đa* nghĩa là trí tuệ đạt đến bờ giải thoát. Tôn chỉ bộ kinh thuyết minh rằng tất cả các pháp đều do nhân duyên hòa hợp, giả dối không thật. Phải nhận thức được chân tướng các pháp bằng trí tuệ Bát-nhã mới có thể nắm bắt được chân lý tuyệt đối, đạt đến cảnh giới giác ngộ giải thoát.

Kinh này là cơ sở lý luận của Phật Giáo Đại thừa và là bộ tập đại thành chiếm ¾ bộ Bát-nhã. Trong qua trình thành lập và phát triển kinh điển Đại thừa thuộc hệ Bát-nhã thì Đạo Hành Bát-nhã, Tiểu Phẩm Bát-nhã có sớm nhất, kế đến là Đại Phẩm Bát-nhã, Kim Cương Bát-nhã .v.v... rồi sau mới có kinh Đại Bát Nhã. Toàn bộ kinh có 600 quyển chia làm 16 hội, do Đức Phật tuyên thuyết tại 4 nơi: Núi Linh-Thứ ở thành Vương-xá, Vườn Cấp-Cô-Độc, Cung vua trời Tha Hóa Tự Tại, Tịnh xá Trúc-Lâm ở thành Vương-xá.

\* **Đại Bát Niết Bàn** : Phạn âm : *Mahā-parinirvāna* . Hán âm : *Ma-ha Bát-niết-bàn-na* . Còn gọi : *Đại diệt độ*, *Đại viên tịch* . Gọi tắt : *Niết Bàn* .

*Đại Bát Niết bàn* là cảnh giới giải thoát hoàn toàn của chư Phật . Bồ Tát Ma-ha-tát tu Đại Niết Bàn đối với tất cả pháp đều không có sở kiến, nếu có sở kiến thì không thấy được Phật tính, không thể tu tập Bát-nhã Ba-la-mật, không vào được cảnh giới *Đại Niết Bàn* . Theo *Thiên Thai Tứ*



*Giáo Nghi Tập Chú, thượng*, “Đại” là Pháp thân, “Diệt” là giải thoát, “Độ” là Bát-nhã, là ba đức của chư Phật .

\* **Đại Bát Niết Bàn Kinh** : Có 2 loại: là Niết Bàn của Đại thừa và Niết Bàn của Tiểu thừa.

**I/. Đại Bát Niết Bàn Kinh** của Đại thừa: Còn gọi : *Đại Niết-bàn Kinh, Niết-bàn Kinh, Đại Kinh* . Có 40 quyển, do ngài Đàm-vô-sấm dịch vào năm 421 đời Bắc Lương, Trung Quốc, xếp vào Đại Chính Tạng, tập 12.

Nội dung kinh này giảng nói về giáo nghĩa *Như Lai thường trụ, Chúng sinh đều có Phật tính, hạng xiển-đê thành Phật* ... thuộc kinh Đại thừa Niết bàn, gồm 13 phẩm :

1. Phẩm Thọ Mạng .
2. Phẩm Kim Cang Thân .
3. Phẩm Danh Tự Công Đức .
4. Phẩm Như Lai Tính .
5. Phẩm Nhất Thiết Đại Chúng Sở Vấn .
6. Phẩm Hiện Bệnh .
7. Phẩm Thánh Hạnh .
8. Phẩm Phạm Hạnh .
9. Phẩm Anh Nhi Hạnh .
10. Phẩm Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát.
11. Phẩm Sư Tử Hống Bồ Tát .
12. Phẩm Ca-Diếp Bồ Tát .
13. Phẩm Kiều Trần Như .

Kinh này chịu ảnh hưởng kinh Bát-Nhã và lấy kinh A-Hàm, kinh Pháp Cú làm khởi đầu, đồng thời có trích dẫn kinh Thủ-Lãng-Nghiêm, kinh Cù-sư-la, kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, kinh Pháp Hoa, Thành kinh, Tạp Hoa kinh .

**II/. Đại Bát Niết Bàn Kinh** của Tiểu thừa: Còn gọi : *Phương Đẳng Nê-Hoàn Kinh* . Có 3 quyển, do ngài Pháp Hiển dịch vào đời Đông Tấn, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính Tạng, tập 1 . Nội dung trình bày về sự kiện trước và sau khi Phật nhập diệt, là Kinh Niết-bàn của Tiểu thừa. Kinh này thiếu phần nói về “Phật thân thường trụ”, “Chúng sinh đều có Phật tính”, “Xiển-đề thành Phật”.

\* **Đại Bi** : Kârunika. Đức Đại Bi. Tiếng tôn xưng Phật, Bi là thương xót, là nghĩa nguyện cứu sự khổ cho kẻ khác. Lòng thương xót của Phật và của Bồ-tát đối với chúng sinh rất rộng lớn, cho nên gọi là đại bi. Đại bi là một mối lòng lớn trong bốn mối lòng của Phật và của Bồ tát: *Đại từ, Đại bi, Đại hỷ, Đại xả*. Bốn mối lòng quảng đại, vô cùng, vô tận, vô lượng ấy gọi là *Tứ vô lượng, Tứ vô lượng tâm*.

Chư Phật và chư Bồ tát có cả hai đức: *Đại bi* và *Đại trí*. Hai đức ấy gọi là: *Phước Huệ song tu* hoặc gọi: *Bi trí nhị môn*.

Vì lòng *Đại bi*, nên các ngài chẳng nỡ trụ ở cảnh Niết Bàn. Mà bởi sức *Đại trí* nên các ngài không ở trong vòng sanh tử, luân hồi.

\* **Đại Chúng** : Âm theo Phạn: *Mahā-samgha, Sabhā, Mahā-sabha*.

Theo *Phẩm Biện tài, Kinh Đại Phẩm Bát-Nhã 4; Phẩm Tựa, Kinh Pháp-Hoa 1; Kinh Xá-Lợi-Phất Vấn Luận Đại Tỳ-bà-sa 99* thì Đại chúng là Chúng số đông. Thông thường chỉ cho nhiều vị Tỳ-kheo cùng tập hội một nơi. Ngoài ra, đối với bậc Trưởng lão thì những vị tuổi hạ còn nhỏ được gọi riêng là Đại chúng.

\* **Đại Địa** : có 2 nghĩa:

1/. Bồ Tát Thập địa : xem *Thập địa*.

2/. Đất. Đại địa trong *Phẩm Tựa thứ nhất, Kinh Đại Bát Niết Bàn* dùng chỉ quả đất mà mọi loài nương ở, một trong bốn đại (đất, nước, gió, lửa).

\* **Đại Đức** : (Âm theo Phạn: *Bhadanta*), âm Hán là *Bà-đàn-đà*.

Đại đức là từ tôn xưng Phật, Bồ Tát hoặc cao Tăng ở Ấn-Độ. Trong các bộ luật thì từ “Đại đức” và “Đại tử” dùng để chỉ cho chúng Tì-kheo và Tì-kheo-ni hiện tiền.

Ở Trung Quốc từ “Đại đức” dùng tôn xưng các vị cao Tăng để tỏ sự cung kính. Nhưng vào thời đại Tùy, Đường, những người làm công tác phiên dịch, đặc biệt được gọi là Đại đức.

Theo *Đại Từ Ân Tự Tam Tạng Pháp Sư Truyện 6*, năm 645, trong Ban phiên dịch Kinh của ngài Huyền Trang ở Hoàng Phước, có: 12 vị Đại đức chứng nghĩa, 9 vị Đại đức nhuận sắc văn, 1 vị Đại đức nghiên cứu văn tự, 1 vị Đại đức chứng Phạn ngữ, Phạn văn .v.v...

Ngoài ra, vị Tăng thống lãnh tăng, ni, cũng gọi là Đại đức. Theo *Truyện Cát Tạng* trong *Tục Cao Tăng Truyện 11*, đời Đường, năm 618, vì Tăng chúng quá đông nên cử ra 10 Đại đức để duy trì Pháp vụ. Sau này, từ “Đại đức” được sử dụng rộng rãi, hễ là người có đức hạnh, chẳng kể xuất gia hay tại gia cũng đều tôn xưng là Đại đức hoặc chẳng hạn cuộc ở chỗ đầy đủ đức hạnh hay không mà đã trở thành một lối xưng hô tôn kính, lễ phép phổ thông trong giới Phật giáo.

\* **Đại giác**: còn gọi: *Chính Giác Đại Ngộ*, là từ tôn xưng Đức Thích Tôn. Đức Thích Tôn là bậc đã ngộ được thật tướng của vũ trụ (tự giác), giúp cho người được giác ngộ (giác tha), cả 2 đầy đủ (giác hạnh viên mãn).

Đại giác cũng là từ tôn xưng đức hiệu Phật hoặc Bồ Tát Văn-Thù.

\* **Đại Ngộ** : Phá trừ những mê vọng từ vô thỉ, đạt được sự thấy biết chân thật . *Kinh Quán Vô Lượng Thọ*, ghi : “Hoát nhiên đại ngộ, được vô sinh nhẫn”.

\* **Đại Nguyên** hay **Đại Nguyên** : là tâm nguyện rộng lớn sâu nặng của Phật và Bồ Tát mong cho chúng sinh sớm thành Phật. *Phẩm Vấn Tăng Na* trong *kinh Phóng Quang Bát-nhã 3*, ghi : “Bồ Tát vì chúng sinh nên phát lời thệ nguyện rằng : Ta có đầy đủ 6 Ba-la-mật, đem giáo hóa người khác khiến họ cũng đầy đủ 6 Ba-la-mật”.

\* **Đại Niết Bàn** : Còn gọi : *Đại tịch định, Đại tịch tịnh diệu Tam-ma-địa, Đại tịch thất tam-muội, Đại diệt độ* . *Đại Niết Bàn* là trạng thái tâm chuyên chú vào một cảnh, an trụ vào nơi tịch diệt . *Đại* nghĩa là thể lượng bao trùm khắp hư không .

Theo *Phẩm Vô Lượng Thọ Như Lai kinh Đại Bảo Tích*, khi Đức Thích Tôn giảng nói *kinh Vô Lượng Thọ* thì Ngài nhập định này.

\* **Đại Phạm Thiên Vương**: Vị vua trời ở tầng thứ 3 thuộc Sơ thiên ở cõi Sắc; Âm theo Phạn là: *Mahābrahmādeva*; Phiên âm Hán-Việt là: *Ma-ha-phạm, Ma-ha-tam-bát*; Tên gọi khác là *Phạm Thiên Vương, Phạm thiên, Phạm Vương, Đại phạm, Phạm đồng tử* .

Theo quan điểm của Ấn-Độ thời cổ, Đại Phạm Thiên Vương cho mình tồn tại độc lập, tự nhiên mà có, không do người tạo ra, là cha của chúng sinh, tất cả những chúng sinh ở đời sau đều do mình biến hóa, tự cho mình biết rõ hết cả nghĩa lý trong sách vở, thống lãnh Đại thiên thế giới. Từ thời đại Phạn thư đến nay Đại Phạm Thiên được tôn là thần. Sau đó, Bà-la-môn tôn Đại Phạm Thiên là một vị Chủ thần tối tôn tối kính của họ.

Trong các bộ A-Hàm và kinh điển Đại thừa thường nói vị trời này rất kính tin Phật pháp, giúp Phật giáo hóa, mỗi lần gặp Phật xuất thế thì Đại Phạm Thiên vương tay cầm cây phất tử màu trắng thỉnh Phật chuyển pháp luân. Về sau vị trời này và trời Đế Thích, được Phật phó chúc hộ trì Phật pháp, nên được Hiến giáo và Mật giáo tôn sùng.

\* **Đại Sĩ :**

**I.** Âm theo Phạn: *Mahāpurusa*; Từ đồng nghĩa: **Vô thượng sĩ** ; **Đại sĩ** là từ tôn xưng Phật.

Theo *Kinh Tạp A-Hàm 18*, trong 8 vị Thiên thần từng khen ngợi Samôn Cù Đàm. Vị Thiên thần thứ hai (Đại 2, 355 trung) khen rằng: “*Đãi sĩ là rồng lớn, Đại sĩ là nguỵ vương*”.

**III.** Âm theo Phạn: *Mahāsattva*; âm Hán-Việt: *Ma-ha-tát-đỏa*; Còn gọi :*Ma-ha-tát*; Từ đồng nghĩa: Bồ tát nên Đại sĩ cũng là từ tôn xưng Bồ Tát, vì Bồ Tát là bậc có đại hạnh, đại nguyện cứu độ chúng sanh.

\* **Đại Sư :** Phạn âm : *Sāstr*. *Đại sư* là từ tôn xưng những bậc tu chứng từ Sơ quả cho đến quả vị Phật, Bồ tát, xứng đáng làm gương mẫu cho chúng sinh. Theo *kinh Bản Sư*, *Đại sư* có 3 bậc:

**1. Như Lai :** *Đức Như Lai* ra đời, xiển dương đại pháp giáo hóa chúng sinh ra khỏi sinh tử, khiến được vô lượng lợi ích an lạc.

**2. A-la-hán :** Bậc *A-la-hán* các lậu đã hết, đầy đủ phạm hạnh, xuất hiện ở đời, mở bày *Tứ đế*, khiến chúng sinh thoát khỏi sinh tử, được vô lượng lợi ích an lạc.

**3. Đệ tử hữu học, Sơ quả Tu-đà-hoàn, Nhị quả Tư-đà-hàm, Tam quả A-na-hàm :** Chuyên tu phạm hạnh, đa văn, thông suốt nghĩa lý kinh điển, xuất hiện ở đời mở bày *Tứ đế*, khiến cho chúng sinh ra khỏi sinh tử, được vô lượng lợi ích an lạc.

- Theo *Luận Du-Già Sư Địa*, bậc khéo răn dạy đệ tử Thanh văn những việc nên làm và không nên làm, khiến cho họ dứt khổ, gọi là *Đại sư*.

Sau này tại Trung Quốc, từ *Đại sư* được dùng để tôn xưng các bậc cao tăng thực đức như đại sư Nhiếp Sơn (ngài Tăng Lăng), đại sư Thiên Thai (ngài Trí Khải), đại sư Nam Nhạc (ngài Huệ Tư), đại sư Gia Tường (ngài Cát Tạng), đại sư Hiền Thủ (ngài Pháp Tạng), thời cận đại có đại sư Thái Hư, đại sư Ấn Quang ...

\* **Đại Thánh** : Phạn âm : *Maha-muni*. Còn gọi : **Đại Thánh Nhân** . Lời tôn xưng Đức Phật, Bồ Tát và Đại Thanh văn để phân biệt với Thánh nhân thế tục. Như Đại Thánh Phổ Hiền Bồ-Tát, Đại Thánh Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát, Đại Thánh Quán Tự Tại Bồ-Tát, Đại Thánh Bất Động Minh Vương, Đại Thánh Hoan Hỷ Thiên .v.v...

\* **Đại thiên thế giới**: tức Tam thiên Đại thiên thế giới. Kinh nói: Thế giới chia ra làm Tiểu thiên, Trung thiên và Đại thiên, ba loại khác nhau. Gộp bốn đại châu, mặt trăng, mặt trời, chư thiên lại thì thành một thế giới. Một ngàn thế giới thì gọi là Tiểu thiên thế giới. Một ngàn Tiểu thiên thì gọi là Trung thiên thế giới. Một ngàn Trung thiên thì gọi là Đại thiên thế giới.

\* **Đại thiên** : Gọi đầy đủ: *Đại thiên Phật*. Là từ tôn xưng những thiên sư đã đạt ngộ, xuất sắc trong tông môn. Ngoài ra, Đại thiên Phật còn là biệt hiệu của 2 thiên sư là Cảnh Thông nối pháp ngài Ngưỡng Sơn, thiên sư Trí Thông nối pháp ngài Qui Tông.

\* **Đại thừa**: Phạn âm : *Mahà-yàna* . Hán âm là *Ma-ha-diễn*. Hán dịch là *Đại thừa*. Đại là đối với Tiểu mà nói. Thừa (xe) có nghĩa là phương tiện để vận tải. Dùng để gọi giáo pháp, đó tức là Đại giáo vậy. Giáo pháp khiến người ta cầu Niết Bàn không tịch, quên mình hết trí, đó gọi là Tiểu thừa. Trong đó có sự phân biệt giữa Thanh Văn và Duyên Giác. Giáo pháp khiến người tu được mở mang Nhứt thiết trí, gọi là Đại thừa, trong đó có sự phân biệt nhất thừa, tam thừa.

Theo *Phẩm Thí Dụ – Kinh Pháp Hoa*: “Nếu có chúng sinh nào theo đức Phật Thế Tôn, nghe pháp tín thụ, siêng tu tinh tiến, cầu nhất thiết trí, Phật trí, Vô sư trí, Cầu tri kiến, Lực, Vô sở úy của Như Lai, xót

thương làm cho vô lượng chúng sanh được an lạc, làm lợi ích cho Trời, Người độ thoát hết thấy thì đó gọi là Ma-ha-Tát”.

\* **Đại Trượng Phu** : Đại: lớn . Trượng Phu : người trai tráng hàng nam tử . *Đại Trượng Phu* là bậc nam tử cao trổi hơn người thường về sức hùng dũng, phước đức trí huệ. Đó là từ dùng tôn xưng Phật, Bồ Tát, cũng gọi là Đại Sĩ .

\* **Đại Từ**: Đức từ lớn, lòng từ lớn. Từ là lòng thương tất cả chúng sanh, sẵn lòng giúp cho họ được vui sướng và lợi ích. Từ là cái đức mà các nhà học Phật nên tu. Đại từ là cái lòng, cái đức sẵn có của chư Phật và chư Bồ tát, cái đức ấy thành tựu trọn vẹn là nhờ các ngài đã tu tập nó, bồi bổ nó trong vô lượng đời, vô lượng kiếp. Đại từ cũng có nghĩa là: đấng đại từ, tiếng dùng để tôn xưng Phật, Bồ Tát.

\* **Đại Tự Tại Thiên**: Âm theo Phạn là: *Mahésvara*; Phiên âm Hán-Việt là: *Ma-hê-thủ-la, Mạc-hê-y-thấp-phạt-la*; Tên gọi khác là: **Tự tại thiên, Tự tại thiên vương, Thiên chủ**.

- *Đại Tự Tại Thiên* là thần thủ hộ của Phật giáo, trụ ở tầng trời Đệ tứ thiên, cũng là Chủ thần Thấp-bà, 1 trong 3 vị Chủ thần của Bà-la-môn giáo.

- Theo truyền thuyết, trời Đại Tự Tại là thân phần nộ của trời Lỗ-Nại-Đa (Phạn: Rudra), vị này còn có các tên khác như: Thương-yết-la (Phạn: Samkara), Y-xá-na (Phạn: Ísana) .v.v... Ban đầu, vị trời này và trời Na-La-Diên đều được xếp ở dưới Phạm Thiên. Về sau, địa vị của vị trời này dần dần được đưa lên và trở thành vị thần tối cao. Trong Bà-la-môn giáo, vị trời này được xem là “Bản thể thường trụ, đầy khắp vũ trụ” và có thần cách Phiếm Thần Luận “lấy hư không làm đầu, lấy đất làm thân”. Hình tượng vị này có 3 mắt, 8 tay, cưỡi trâu trắng, tay cầm phát trần trắng. Mật giáo xem vị trời này đồng với trời Y-xá-na, là 1 trong 12 vị trời.

- Theo *phẩm Cúng Dường Thập Nhị Đại Oai Đức Thiên Báo Ân* (Đại 21, 384 thượng) ghi: “Khi trời Y-xá-na (Ma-hê-thủ-la) hoan hỷ thì Chư Thiên cũng hoan hỷ, chúng ma không nào loạn. Phật nói cúng dường Ma-hê-thủ-la là cúng dường tất cả Chư Thiên. Khi vị trời này nổi giận thì chúng ma đều hiện, đất nước hỗn loạn”.

\* **Đại Y Vương** : Là người thầy thuốc giỏi . Danh từ này dùng để chỉ Chư Phật và Bồ Tát .

Theo *kinh Tạp A-Hàm 15*, Đại Y Vương thành tựu bốn pháp : **1/** Khám bệnh giỏi ; **2/** Biết được căn nguyên của bệnh ; **3/** Biết phương pháp trị bệnh ; **4/** Trị dứt căn bệnh, không còn tái phát . Ngoài ra, danh từ Đại Y Vương còn đặc biệt dùng để tôn xưng Dược Sư Như Lai.

*Kinh Đại Thừa Bốn Sinh Tâm Địa Quán 8* ghi : “Đại Y Vương tùy bệnh cho thuốc, Bồ Tát tùy căn cơ hóa độ chúng sanh”

\* **Đạo** : Âm theo Phạn là *Mārga*. Hán dịch là *Mạt-Già*. Nghĩa Đạo là con đường thông suốt đưa đến mục đích, hoặc chỉ cho đường đi.

Theo *Luận Câu-Xá 25*, Đạo là con đường đưa đến sự giải thoát (Bồ-đề), là chỗ nương tựa để cầu quả Niết Bàn. Căn cứ theo đây thì Đạo là phép tắc tu hành để đạt đến mục đích cuối cùng của Phật giáo.

Theo *Luận Đại Trí Độ 84*, có 4 con đường: Nhân thiên, Thanh văn, Duyên giác và Bồ Tát. Nhân thiên thì dùng Pháp Thập thiện, bố thí để cầu phước báo thế gian. Hàng Nhị thừa dùng 37 phẩm trợ đạo để cầu Niết Bàn. Hàng Bồ Tát cũng dùng 37 phẩm trợ đạo và 6 pháp Ba-la-mật làm phương tiện để cầu quả Phật.

Hoặc, Nghiệp, Khổ cũng gọi là 3 đường. Ngoài ra, theo nghiệp thiện ác đã tạo trong 6 đường mà chúng sinh phải chịu các quả báo luân chuyển ở cõi trời, người, địa ngục. Muốn dịch *Bồ-đề* là đạo thì phải gọi riêng *Bồ-đề* là *Quả đạo*, còn gọi các đường khác là *Nhân đạo*. Còn trên đường chế phục phiền não đến Niết Bàn, có 2 loại “Hữu lậu đạo” và “Vô lậu đạo”.



\* **Đạo Hạnh** : là tu hành Phật đạo, còn gọi là Đạo nghiệp. *Phẩm Chúc Luy trong Kinh Duy-Ma-Cật, hạ (đại 14, 557 thượng)* ghi: “Như lời dạy mà tu tập, nên biết người này tu đạo hạnh đã lâu”.

\* **Đạo-Lợi Thiên (Trời Đạo-Lợi)** : còn gọi Tam thập tam thiên (33 cảnh trời), là cõi trời thứ hai trong sáu tầng trời của cõi trời Dục giới, ở chót núi Tu-Di, nơi tám muôn do-tuần trên cõi Diêm-phù-đề, bốn phía đều có 8 cảnh trời ( $4 \times 8 = 32$ ), thêm vào cảnh trời Hỷ-kiến-thành của Vị Trung ương Đế-Thích Ngài ở, cộng là 33 cảnh trời.

\* **Đạo Lực** : Lực dụng vô úy do đạo thể phát sinh .

- Kinh Lăng Nghiêm 1 ghi : “Tôn giả A-Nan đến trước Phật, đánh lễ, buồn khóc giận mình từ vô thủy đến nay chuyên đa văn, chưa tròn đạo lực”  
- Luận Đại Trí Độ 2 ghi : “A-Nan nghe việc này, trong tâm tỉnh ngộ cho nên được niệm đạo lực trợ giúp”.

\* **Đạo Lý** : Phạm âm : *Yukti* . Gọi tắt : *Lý* . *Đạo lý* tức lẽ ngay thật, là phép tắc chuẩn xác về sự biến hóa và tồn tại của sự vật . *Luận Du-Già Sư Địa 30, trung* có nêu ra 4 loại đạo lý :

1. *Quán đãi đạo lý* (Phạn: *Apeksā-yukti*), còn gọi: *Tương đãi đạo lý* : tức đạo lý chân đế và tục đế đối đãi nhau .

2. *Tác dụng đạo lý* (Phạn: *Kārya-kāraṇa-yukti*) : Đạo lý có tác dụng quan hệ nhân quả .

3. *Chứng thành đạo lý* (Phạn: *Upapatti-sādhana-yukti*), còn gọi: *Thành tựu đạo lý* : tức đạo lý xác nhận phương pháp .

4. *Pháp nhĩ đạo lý* (Phạn: *Dharmatā-yukti*), còn gọi: *Pháp nhiên đạo lý* : là đạo lý có bản tính xưa nay không đổi, như lửa có tính nóng, nước có tính ướt .

\* **Đạo quả**: Quả vị Niết Bàn, đạt được do phát tâm tu hành đạo Bồ đề. Đạo là Bồ đề ; Quả là Niết bàn. *Phẩm Dược Thảo Dụ, kinh Pháp Hoa*, ghi : “Lần lượt tu hành, đều được đạo quả”.

\* **Đạo Sư:** Âm theo Phạn là *Nāyaka*; còn gọi là *Đạo thủ*. Đạo sư là bậc Thánh dẫn dắt chúng sanh vào Phật đạo; chỉ riêng cho Đức Thích-Ca hoặc là từ dùng tôn xưng Phật và Bồ Tát.

*Theo Kinh Thập Trụ Đoạn Kết ghi trong Thích Thị Yếu Lãm, thượng thì người chỉ dạy chính đạo cho chúng sinh gọi là Đạo sư.*

*Theo Kinh Hoa Thủ, người có thể giảng nói đạo thoát ly sinh tử cho chúng sinh gọi là Đạo sư.*

*Theo phẩm Tùng Địa Dũng Xuất, Kinh Pháp Hoa 5, trong hàng Bồ Tát có 4 vị Đạo sư là Thượng hạnh, Vô biên hạnh, Tịnh hạnh và An Lập hạnh. Bốn vị Bồ Tát này được xem là bậc thầy xướng đạo (dạy bảo dẫn dắt) tối thượng thủ trong đại chúng. Sau này, từ ngữ “Đạo sư” còn chỉ cho nhân vật chính trong Pháp hội, là người đọc nguyện văn hoặc biểu bạch và hướng dẫn nghi thức cho đại chúng.*

\* **Đạo Tâm:** còn gọi là **Đạo niệm**. Từ đồng nghĩa là *Bồ-đề tâm*. Đó là tâm tu hành Phật đạo. Tâm của người mới tham học Phật đạo từ 13 tuổi hoặc 15 tuổi trở lên gọi là “Kim đạo tâm”.

\* **Đạo Thánh Đế** : Phạn: *Mārgārya-satya* ; Còn gọi : **Đạo Đế** (*Mārga-satya*), Thú khổ diệt đạo thánh đế, Khổ diệt đạo thánh đế, Khổ xuất yếu đế.

Đạo đế là con đường chân thật đưa đến cảnh giới diệt khổ, tức là giáo thuyết lý luận và phương pháp tu tập để vượt qua sự quan hệ nhân quả thế gian “khổ”, “tập” mà đạt được Niết Bàn tịch tĩnh xuất thế gian, là 1 trong 4 Thánh đế thuộc giáo nghĩa cơ bản của Phật giáo.

Về nội dung của Đạo đế, các kinh luận nói khác nhau, nhưng tựu trung có 2 thuyết:

1. *Theo Kinh A-Hàm Thánh điển của Phật giáo Nguyên thủy*, cho rằng Đạo đế tức là Bát Chính Đạo: Chính kiến, Chính chí, Chính ngữ, Chính nghiệp, Chính mạng, Chính phương tiện, Chính niệm, Chính định.

2. *Luận Đại Trí Độ 19, Luận Thành Thật 2, Luận Tứ Đế 4* cho rằng Đạo đế bao gồm cả 37 phẩm trợ đạo: Tứ niệm trụ, Tứ chân đoạn, Tứ thần túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi và Bát Thánh đạo chi.

\* **Đạo Tràng:** Âm theo Phạn : *Bodhi-manda*; Tên gọi khác: *Bồ-đề đạo tràng, Bồ-đề tràng*. Đạo tràng được hiểu theo các nghĩa sau:

- Là nơi đức Phật thành đạo, tức nơi cội Bồ-đề ở Bồ-đề-già-đa (Phạn: *Buddha गया*) Trung Ấn Độ.

- Là nơi tu hành Phật đạo. *Phẩm Như Lai Thần Lực, Kinh Pháp-Hoa 6 (Đại 9, 52 thượng)* ghi: “Nơi cội nước đang ở, nếu có người thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, như lời dạy tu hành hoặc trong vườn, trong rừng, dưới cội cây hoặc nơi tảng phướng, nhà bạch y, điện đường, nơi núi hang đồng trống mà có quyền kinh thì nên xây tháp cúng dường. Vì sao? Vì chỗ đó tức là Đạo tràng”.

- *Sư An Nhiên thuộc tông Thiên Thai* gọi nơi thọ giới là Đạo tràng.

- Là sự phát tâm và tu hành thành tựu Bồ-đề. *Theo Phẩm Bồ Tát, Kinh Duy-Ma, thượng*, thì Trực tâm là đạo tràng, thâm tâm là đạo tràng, Bồ-đề tâm là đạo tràng, bố thí là đạo tràng, tam minh là đạo tràng, một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng.

- Ngoài ra, Đạo tràng còn là phạm vi đã được kết giới để thành lập Đạo tràng Bản tôn, tu Đạo tràng quán của hành Giả Mật Giáo.

\* **Đâu-Suất thiên** : Âm theo Phạn: *Tusita*. Còn gọi: *Đô-suất Thiên, Đâu-thuật Thiên, Đâu-suất-đa Thiên, Đâu-sư-đa Thiên, Đô-sử-đa Thiên, Đâu-sử-đa Thiên*. Hán dịch: *Tri Túc Thiên, Diệu Túc Thiên, Hỷ Túc Thiên, Hỷ Lạc Thiên*.

Đâu-suất Thiên là cõi trời thứ 4 trong 6 tầng trời cõi Dục, rộng 8 vạn do-tuần, vị trí ở giữa trời Dạ-Ma và trời Lạc Biến Hóa, cách trời Dạ-ma 16 vạn do-tuần.

Về tên gọi cõi trời này, theo *Luận Lập Thế A-Tì-Đàm 6*, vì chư Thiên ở cõi trời này luôn hỷ lạc, vật chất sung mãn, tinh tấn tu tập Bát Chính Đạo, cho nên gọi là Đâu-suất-đa Thiên.

Theo *Phật Địa Kinh Luận 5*, hậu thân Bồ Tát giáo hóa cõi trời này, phần đông tu Hỷ túc cho nên gọi Hỷ Túc Thiên.

Cõi trời này có 2 viện:

1. *Đâu-suất nội viện*: Trụ xứ của Bồ Tát sắp thành Phật (Bồ Tát bổ xứ), nay là Tịnh-độ của Bồ Tát Di-Lặc. Ngài Di-Lặc đang thuyết pháp ở cõi trời này và đủ 4000 năm sẽ hạ sinh vào nhân gian, thành Phật dưới

cội Long Hoa. Đức Phật Thích-Ca trước khi hạ sanh vào nhân gian cũng là một vị Bồ Tát ở cõi trời này.

**2/. Đâu-suất ngoại viện:** thuộc cõi Dục, là nơi cư trú của thiên chúng hưởng thụ nhiều dục lạc, nhưng ít được nghe pháp. Tuổi thọ của chư Thiên ở cõi này khoảng 4000 năm, một ngày một đêm ở đây tương đương 400 năm ở cõi nhân gian. Ngoài ra, chúng sinh ở cõi này, khi khởi dục tình, chỉ cần nắm tay nhau liền thụ thai. Trẻ sơ sinh ở cõi trời Đâu-suất bằng trẻ 8 tuổi ở cõi nhân gian, 7 ngày thành người, thân cao 4 do-tuần, nặng 1 thù rưỡi.

\* **Đầu Đà:** Âm theo Phạn là *Dhuta-guna*; đồng dịch là *Đầu Đà hạnh*, *Đầu đà sự*, *Đầu đà công đức* nghĩa là Khổ hạnh tu tập để dứt bỏ sự tham trước y phục, uống ăn, chỗ ở .v.v... ngõ hầu điều phục thân tâm. Người tu hạnh Đầu đà phải tuân thủ 12 hạnh sau đây:

1. *Ở A Lan Nhã:* Xa lìa chỗ đông đảo, chọn nơi yên tĩnh.
2. *Thường hành khát thực:* Thường đi khát thực.
3. *Thứ đệ khát thực:* Theo thứ tự đi từng nhà khát thực, không phân biệt giàu nghèo.
4. *Thụ pháp nhất thực:* Ngày ăn một bữa.
5. *Tiết lượng thực:* Không ăn quá nhiều, chỉ thụ một nắm cơm trong bát.
6. *Trung hậu bất đắc ẩm tương:* Sau buổi ngộ trai không được uống nước trái cây.
7. *Trước tỳ nạp y:* Đắp ca-sa được chấp vá bằng những vải vụn bỏ.
8. *Đã tam y:* Chỉ có 3 y.
9. *Trùng gian trụ:* Ở trong nghĩa địa.
10. *Thụ hạ chỉ:* Ngủ dưới gốc cây.
11. *Lộ địa tọa:* Ngồi ở chỗ đất trống.
12. *Đã tọa bất ngoạ:* Thường ngồi không nằm.

\* **Đắc Đạo :** Chứng đắc đạo quả. Như hàng Thanh văn đắc thánh đạo vô lậu, Bồ Tát đắc vô sinh pháp nhẫn, Phật đắc vô thượng Bồ đề.

*Luận Đại Trí Độ 27*, vào pháp vị này, không còn đọa vào hàng phàm phu, gọi là người đắc đạo; các pháp thế gian muốn phá hoại tâm này, nhưng không thể được, vì đã đóng cửa 3 đường ác, vào hàng Bồ Tát.

*Luận Đại Trí Độ 34*, có nhiều nhân duyên đắc đạo hoặc nhờ Phật thuyết pháp mà đắc đạo hoặc thấy Phật phóng vô lượng ánh sáng mà đắc đạo hoặc từ lỗ chân lông khắp thân Phật phát ra các diệu hương khiến cho chúng sinh nghe mùi mà đắc đạo. Tóm lại, đều theo nhân duyên khác nhau của chúng sinh mà phương thức có riêng biệt.

Ngoài ra, nhờ vào sắc thân mới dễ đắc đạo, cho nên trong 3 cõi thì chúng sinh trong cõi Dục có đầy đủ nhân duyên đắc đạo; cõi Vô Sắc vì không có sắc thân nên không được nghe chính pháp, chúng sinh ở cõi Sắc thì chấp trước niềm vui thắng định, không có khổ thụ, không có tâm nhàm chán, nên cũng khó đắc đạo .

\* **Đẳng bình** : đảo tử ; *Xem Bình đẳng*.

\* **Đẳng giác** : Còn gọi : *Đẳng Chính Giác* . Là tôn hiệu của chư Phật, chỉ cho sự giác ngộ bình đẳng chân chính, tức giác ngộ chân lý hoàn toàn . Theo *Vãng Sinh Luận Chú, hạ* ; vì các pháp bình đẳng nên các Như Lai bình đẳng, do đó, Chư Phật được gọi là *Đẳng giác* .

Ngoài ra, *Đẳng giác* còn dùng để chỉ giai vị cùng tột của hành giả tu hạnh Bồ Tát sau khi trải qua 3 A-tăng-kỳ kiếp nên còn gọi là *Đẳng chính giác, Hữu thượng Sĩ, Nhất sinh bổ xứ, Kim cương tâm, Lâm cực* . Hàng *Bồ Tát Biệt giáo* đoạn 11 phẩm vô minh, *Bồ Tát Viên giáo* đoạn 41 phẩm vô minh thì sắp được Phật quả Diệu giác. Trí tuệ và công đức của các Ngài gần giống diệu giác, cho nên gọi là *Đẳng giác* . *Bồ Tát Đẳng giác* khi chưa thành Phật, theo chân lý tu hành thì gọi là “Nhập trùng huyền môn”.

\* **Đế-Thích Đề-Hoàn**: (*Sakra Devànàṃ indra*). Vị chủ của cõi trời Đạo-Lợi, ở Hỷ-Kiến thành trên đỉnh núi Tu-Di, thống lĩnh cõi Tam thập tam thiên trời Đạo-Lợi dịch là Tam thập tam thiên thuộc thượng tầng cõi Trung giới, cao hơn trời Tứ-thiên vương và thấp hơn trời Dạ-Ma. Tên theo Phạn là *Thích-Ca đề-hoàn nhân-đà-la*, gọi tắt là Thích-đề-hoàn-nhân, cách dịch mới là Thích-ca-đề-bà-nhân-đạt-la. *Thích-Ca* dịch là Năng, họ của Thiên đế, *Đề-hoàn* là Thiên (trời), *nhân-đà-la* là Đế, tức là Năng Thiên Đế. Cách dịch ngược của tiếng Phạn ngày nay, gọi là **ĐẾ-**

**Thích.** Đế-Thích là một loại chúng trong Thích-Ca viện thuộc Mạn-đồ-la Thai Tạng giới.

*Pháp Hoa Nghĩa Sớ, q.2:* “Thích-Ca đề-hoàn nhân-đà-la là chủ, vì ngài giáo hóa ở Thiên-Pháp đường, được chư thiên hài lòng, nên gọi là Năng Thiên Chủ”. Khi đức Thích-Ca giáng sinh, ngài Đế-Thích có ngự xuống đón mừng. Ngài khuyến khích Đức Thích-Ca xuất gia và đến thọ trì giáo lý ở Đức Phật. Khi đức Phật sắp tịch, ngài cùng với 4 vị Đại Thiên vương ngự đến buồn rầu. Vừa theo đạo Bà-La-môn, vừa theo đạo Phật, ngài Đế-Thích nguyện với Phật rằng sẽ thường xuyên hỗ trợ Tam Bảo. Trong các tiền thân của đức Thích-Ca làm Bồ Tát độ đời, chuyển thân trong các hạng chúng sinh thì ngài Đế Thích vẫn thường hiện ra thử hạnh Bồ Tát của đức Thích-Ca và thường hỗ trợ các vị Bồ Tát.

\* **ĐỀ HỒ:** Âm theo Phạn là *Sarpir-manda*; còn gọi Đề-hồ vị; Là chất dinh dưỡng đặc chế từ sữa bò có mùi vị thơm ngon tuyệt hảo, là một trong 5 vị bổ dưỡng nhất: **sữa, lạc, sinh tô, thực tô, đề hồ**. Trong Kinh hay dùng Đề-hồ để dụ cho Niết Bàn, Phật tính, Chân thật giáo.

*Kinh Đại thừa Lí Thú Lục Ba-la-mật-đa 1 (Đại 8, 868 hạ)* ghi: *Khế kinh như sữa, Luật như lạc, Luận như sinh tô, Đại thừa Bát Nhã như thực tô, Môn tổng trì như đề hồ*. Vị đề hồ ngon quý nhất trong các vị sữa, lạc, tô, trừ được các bệnh, làm cho loài hữu tình được an lạc. Còn môn Tổng trì là đứng đầu trong Khế kinh, có năng lực diệt trừ tội nặng, giúp chúng sinh chứng được Niết Bàn.

\* **Đệ Nhất Nghĩa Đế:** Phạn âm: *Paramartha-satya*; Gọi tắt là: **Đệ Nhất Nghĩa**; Tên gọi khác là: *Thắng nghĩa đế, Chân đế, Thánh đế, Niết-Bàn, Chân như, Thật tướng, Trung đạo, Pháp giới*; Từ đối: *Thế tục đế*.

Đệ nhất nghĩa đế là chân lý sâu xa huyền diệu, vượt hơn tất cả pháp; là 1 trong 2 đế của Nhị đế. Các tông phái Phật giáo định nghĩa “Đệ nhất nghĩa đế” khác nhau. Như *Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ của Tiểu thừa* thì cho sự nhận thức tồn tại trên đối tượng đơn nhất không còn phân giải được nữa là “Thắng nghĩa đế”. *Học phái Trung Quán* thì cho rằng các bậc Thánh hiền hiểu rõ lý duyên khởi “Tính Không” và thấu suốt cả sự nhận thức điên đảo của thế tục là Chân đế. *Kinh Bộ của Tiểu thừa và Du-Già* dựa trên trí tuệ để lý giải đối tượng gọi là “Thắng nghĩa đế”.

Theo tư tưởng Đại thừa thì “Đệ nhất nghĩa đế” (Trung đạo) là dung hợp cả Chân đế lẫn Tục đế. Còn *Thiền Tông* thì cho “Đệ nhất nghĩa đế” là cảnh giới dứt bật mọi đối đãi, ly ngôn tuyệt tướng.

\* **Đệ Nhất Nghĩa Không:** Gọi tắt : **Đệ Nhất Không** . Âm theo Phạn: *Paramartha-sunyata*; Còn gọi: *Thắng nghĩa không, Chân thật không*. Đây là nghĩa Không tột cùng của các Pháp, là 1 trong 8 Không.

Niết Bàn Đại Thừa và Thật tướng các pháp là vô thượng đệ nhất nghĩa, chẳng thường chẳng diệt, không thụ, không chấp trước, chẳng phải xưa không mà nay có, tạm nói trả về không, vì hoàn toàn không như thế nên gọi là đệ nhất nghĩa không. Niết Bàn của Tiểu thừa tuy cũng nói là không, nhưng là Niết Bàn thiên chân đản không.

Niết Bàn của Đại Thừa là cái Không của Thật tướng trung đạo, là cái Không của Đệ nhất nghĩa, cũng là thật nghĩa của chữ “A” trong chân ngôn. Diệu lý của Đệ nhất nghĩa không này, được gọi là *Pháp Đệ nhất Không*.

*Kinh Tạp A-Hàm 13 (Đại 2, 92 hạ)* ghi: “Nay ta sẽ nói pháp cho các ông, ban đầu, giữa, cuối cùng đều rất ráo, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất, mãn tịnh, phạm hạnh trong sạch, đó là Đệ nhất nghĩa không”.

*Luận Đại Trí Độ 31 (Đại 25, 288 trung)* ghi: “Trong Niết Bàn cũng không có tướng Niết Bàn, đó là Đệ nhất nghĩa không (...) hay khiến thật tướng các pháp đều không, đó là Đệ nhất nghĩa không”.

\* **Đệ Tử** : Phạn âm : *Sisya, Antevāsin* . Hán âm : *Thất sai* . Hán dịch : *Sở giáo* .

*Đệ tử* là người theo thầy học đạo. Tức chỉ cho các vị Thanh văn từ thời Phật còn tại thế cho đến các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di sau khi Đức Phật nhập diệt.

Về ý nghĩa của từ “Đệ tử”, theo *Duy-ma Kinh Nghĩa Ký 2, phần đầu* của ngài Huệ Viễn thì theo học với Phật nên gọi là Đệ ; nghe Phật giáo hóa mà sinh hiểu biết nên gọi là Tử. Đối với Đức Phật thì Thanh văn, Bồ Tát tuy đều là đệ tử, nhưng do hình tướng và oai nghi của hàng Thanh văn rất giống Đức Phật và thường gần gũi Ngài nên gọi là *Đệ tử* .

Ngoài ra, trong *Kinh Pháp Hoa* do ngài Cưu-ma-la-thập dịch thì từ *Đệ tử*, tiếng Phạn là *Sisya* (dịch nghĩa: *Sở giáo*) hoặc là *Antevāsin* (dịch

nghĩa: *Đứng bên cạnh*) hoặc là *Bhiksu* (dịch âm: *Tỳ-kheo*), *Srāvaka* (dịch ý: *Thanh văn*).

\* **Điên đảo** (đảo từ: **Đảo điên**) : Phạm âm : *Viparita, Viparyāsa*. Gọi tắt: **Đảo**. **Điên đảo** là vọng kiến do vô minh gây ra, trái ngược với sự lý vốn chân thật, như cho vô thường là thường, lấy khổ làm vui. Về việc phân loại Vọng kiến điên đảo, các kinh luận nói khác nhau:

**1.** Theo kinh *Thủ Lăng Nghiêm 7, Đại Minh Tam Tạng Pháp số 8 ...* điên đảo có 2 loại :

**a/** *Chúng sinh điên đảo*: Chúng sinh không rõ chân lý, bị phiền não làm mê hoặc.

**b/** *Thế giới điên đảo*: Chúng sinh mê lầm, hư vọng bỏ mất chân tính, khởi kiến chấp điên đảo.

**2.** Theo kinh *Ám Trì Nhập, thượng; kinh Đại Tập Pháp Môn, hạ; kinh Đại Phẩm Bát Nhã 11; kinh Thất Xứ Tam Quán*, điên đảo có 3 loại:

**a/** *Tưởng điên đảo*: Nhận thức sai lầm đối với cảnh tượng .

**b/** *Kiến điên đảo*: Kiến giải sai lầm .

**c/** *Tâm điên đảo*: Nhận thức sự vật bằng vọng tâm .

**3.** Theo kinh *Niết Bàn, Luận Đại Tì-bà-sa 31, Đại Thừa Nghĩa Chương 5, phần cuối*; điên đảo có 4 loại thuộc hữu vi và 4 loại thuộc vô vi .

**a/** *Bốn điên đảo hữu vi*: Phạm phu không rõ tướng chân thật thế gian nên cho vô thường là thường, cho khổ là vui, cho bất tịnh là tịnh, cho vô ngã là ngã .

**b/** *Bốn điên đảo vô vi*: Hàng Thanh văn, Duyên giác tuy đối với 4 điên đảo hữu vi đã có chính kiến, nhưng lại lầm cho cảnh giới ngộ là thế giới diệt tận, nên không biết Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh. Tám thứ vọng kiến hữu vi và vô vi nói trên, gọi chung là 8 điên đảo hoặc 8 đảo.

**4.** Theo *Luận Du Già Sư Địa 8; Du Già Sư Địa Lược Toản 3 ...* điên đảo có 7 loại: Tưởng đảo, Kiến đảo, Tâm đảo, Ư vô thường thường đảo, Ư khổ lạc đảo, Ư bất tịnh tịnh đảo, Ư vô ngã ngã đảo.

**5.** Theo kinh *Đại Tập Pháp Môn, thượng*; Trong bốn điên đảo hữu vi thì mỗi loại điên đảo lại có 3 điên đảo: Tưởng, Tâm, Kiến, tất cả là 12 điên đảo.



\* **Điều Ngự Trượng Phu** (đảo ngữ **Trượng Phu Điều Ngự**) : Âm theo Phạn : *Purusa damyasārathi*; Hán âm: *Phú-lâu-sa-dàm-miêu-sa-la-đề*.

*Điều Ngự Trượng Phu* là đấng *Điều Ngự Sư* có thể hóa đạo tất cả trượng phu, 1 trong 10 tôn hiệu của Phật.

*Luận Đại Trí Độ 2 (Đại 25, 72 trung)* ghi: “Phú-lâu-sa là trượng phu, Đàm-miêu là khả hóa (có thể hóa độ), Sa-la-đề là Điều ngự sư, cho nên gọi là Khả hóa trượng phu Điều ngự sư. Đức Phật có lúc dùng đại từ, đại bi, đại trí hoặc có lúc thì dùng lời nói êm dịu, có lúc dùng lời quở trách, có lúc dùng cả 2 để điều phục chúng sinh, khiến họ chẳng mất đạo tâm (...) Trượng phu là từ gọi chung tất cả. Không luận là nhị căn, vô căn và người nữ”.

\* **Điều Phục** : Có 2 nghĩa:

1/. *Điều phục* trong *Phẩm Tựa Thứ Nhất, kinh Đại Bát Niết Bàn* chỉ việc điều hòa nội tại, chế phục 3 nghiệp: *thân, khẩu, ý*. Nghĩa là chúng sinh tự điều phục thân tâm xa lìa tội lỗi, thuận theo chính pháp, cứu cánh xuất ly 3 cõi.

*Kinh Vô Lượng Thọ, hạ (Đại 12, 274 trung)* ghi : “Sức điều phục của chúng sinh đúng như pháp”.

2/. Giáo hóa khiến cho những kẻ oán địch, ác ma, ngoại đạo đều được hàng phục, xa lìa tội lỗi. Nghĩa là dùng pháp để điều phục những kẻ mềm yếu, dùng thế lực hàng phục những người cương cứng.

*Phẩm Phật Quốc trong kinh Duy-Ma (Đại 14, 537 thượng)* ghi : “Tiếp nối và làm rạn vỡ Tam Bảo, không để đoạn dứt, hàng phục ma oán, chế ngự các ngoại đạo”.

Ngoài ra, trong *Mật giáo* có 5 vị *Đại Minh Vương* hiện tướng hung dữ là: *Bất Động, Hàng Tam Thế, Quân-đồ-lợi, Đại Oai Đức* và *Kim Cương Dạ-Xoa*. Nếu dùng 5 vị này làm Bản tôn để tu pháp trừ oán địch và ác ma thì gọi là *Điều phục pháp*.

\* **Địa động** : Đất bị chấn động.

*Kinh Bát Nê-Hoàn* có nêu ra 3 nguyên nhân làm cho mặt đất bị chấn động:

1/. Khi gió thổi mạnh (bão) làm cho nước dậy sóng, đất chấn động. Đây là do đất nương nước, nước nương gió, gió nương hư không.

2/. Khi Sa-môn đắc đạo và Chư Thiên thị hiện.

3/. Khi Phật thành đạo.

Theo *Hoa-Nghiêm Kinh Sớ 6*, khi Đức Phật sắp thuyết pháp có 7 nguyên nhân làm cho mặt đất bị chấn động:

1. Làm cho các ma sợ hãi.
2. Làm cho tâm chúng sinh không tán loạn.
3. Làm cho người buông lung nhiếp niệm lại.
4. Làm cho chúng sinh thức tỉnh, rõ biết pháp tướng vi diệu.
5. Làm cho chúng sinh quán lời thuyết pháp của Phật là từ Nhất thiết trí lưu xuất.
6. Làm cho chúng sinh có căn cơ thuận thực được giải thoát.
7. Làm cho chúng sinh tùy thuận mà thưa hỏi yếu nghĩa của Phật pháp.

Ngoài ra, *kinh Tăng Nhất A-Hàm 37* cũng nêu lên 8 nguyên nhân làm cho đất bị chấn động:

- 1/. Khi phong luân và thủy luân chấn động.
- 2/. Khi Bồ-Tát từ cõi trời Đâu-Suất giáng thần vào thai mẹ.
- 3/. Khi Bồ Tát ra khỏi thai mẹ.
- 4/. Khi Bồ-Tát thành đạo.
- 5/. Khi Phật nhập Niết Bàn.
- 6/. Khi Tỳ-kheo hiện thần thông.
- 7/. Khi đến chỗ Phật, chư thiên hiện hình Phạm vương hoặc Đế Thích.
- 8/. Khi nghèo đói, chiến tranh sắp xảy ra.

\* **Địa ngục:** Phạn âm : *Naraka, Niraya* (Cõi). Hán âm : *Nại-lạc-ca, Na-lạc-ca, Nại-lạc, Nê-lê-da, Nê-lê*. Hán dịch : *Địa ngục, Bất lạc, Khả yếm, Khổ cụ, Khổ khí, Vô-hữu* ;

*Địa ngục* là nơi thọ khổ của chúng sinh tạo ác nghiệp như ngũ nghịch thập ác . Tùy theo các ác nghiệp của chúng sinh mà địa ngục có tên gọi khác nhau Bát đại địa ngục, Bát nhiệt địa ngục, Bát hàn địa ngục, Vô gián địa ngục . Về vị trí địa ngục, có 3 thuyết :

1. Theo *kinh Trường A-Hàm 19, phẩm Nê-lê trong kinh Đại Lưu Thán 2 .v.v...* Địa ngục ở chung quanh biển lớn, nằm giữa núi Đại Kim Cương thứ nhất và núi Kim Cương thứ hai .

2. Theo *Phẩm Địa Động trong luận Lập Thế A-Tỳ-Đàm 1* : Địa ngục ở ngoài núi Thiết Vi, chỗ hẹp nhất là 8 vạn do-tuần, chỗ rộng nhất là 16 vạn do-tuần .

3. Theo *Luận Đại Tỳ-bà-sa 172, luận Câu-Xá 11*, Đại địa ngục Vô Gián ở phía dưới Nam Thiệm-Bộ châu, cách 2 vạn do-tuần, 7 địa ngục còn lại theo thứ lớp chồng chất lên trên hoặc nằm ở bên cạnh .

Ngoài ra, còn có Cô địa ngục và Biên địa ngục không lệ thuộc vào các địa ngục lớn, nhỏ nói trên hoặc là ở trong 4 châu, ven sông bên núi hoặc ở dưới đất, trong hư không .v.v... Có chỗ cho Cô địa ngục tức Biên địa ngục. Thật ra 2 địa ngục này là một, nhưng tên gọi khác nhau .

\* **Định** : Âm theo Phạn là *Samādhi*; Tâm chuyên chú vào một đối tượng, đạt đến tác dụng tinh thần không tán loạn hoặc chỉ cho trạng thái vắng lặng của tâm thức, 1 trong tam học, 1 trong 5 căn 5 lực, 1 trong 6 Ba-La-Mật, 1 trong 8 Chánh Đạo.

*Tông Câu-Xá* cho Định là 1 trong 10 Đại địa pháp, *Tông Duy Thức* cho Định là 1 trong 5 Biệt cảnh. Do Chỉ và Quán song hành hay không song hành, hữu tâm hay vô tâm mà sinh ra Tứ Thiền, Tứ Vô Sắc hoặc gọi chung là Thiền Định. Hoặc theo ý nghĩa, trạng thái trụ tâm mà gọi là Tam-ma-địa, Tam-muội. Về ý nghĩa của Định có nhiều thuyết khác nhau:

*Theo Luận Đại Trí Độ 28*, thiền định và Tứ thiền cả hai đều là Định, Tam muội.

*Theo Luận Thập Trụ Tỳ-Bà-Sa 11*, Thiền chỉ cho Tứ thiền; Định chỉ cho Tứ Vô Sắc định, Tứ vô lượng tâm.

*Theo Thành Duy Thức Luận Liễu Nghĩa Đẳng 5, phần đầu*, Định có tên: Tam-ma-hí-đa, Tam-ma-địa (Tam muội), Tam-ma-bát-đề, Đa-na-diễn-na, Chất-đa-ế-ca-a-yết, Xa-ma-tha, Hiện-pháp-lạc-trú.

Định có hai loại: Sinh đắc định và Tu đắc định

1. *Sinh đắc định*. Định có được nhờ sức thiện nghiệp đời trước, khi sinh vào cõi Sắc và cõi Vô Sắc.

2. *Tu đắc định*. Định có được nhờ nỗ lực tu hành khi sinh vào cõi Dục.

Hai Định trên ở trong cõi Sắc thì gọi là Sinh tĩnh lự, Định tĩnh lự ; Ở trong cõi Vô Sắc thì gọi là Sinh Vô Sắc và Định Vô Sắc.

*Tông Câu-Xá* theo cảnh giới của Định và giai đoạn tu hành mà chia Định ra làm 2 loại: Hữu tâm định và Vô tâm định.

\* **Đoạn** : Chặt đi, dứt đi, như *đoạn khổ*. Đoạn tức là *phi thường, vô thường*. Trái với *thường, phi đoạn*, như *đoạn kiến* đối với *thường kiến*.

- **Đoạn diệt** : Chặt đứt. Tức là ý kiến chặt đứt đi cái nhân quả nối tiếp nhau. Đó là *Đoạn diệt kiến*, tức *Đoạn kiến*.

- **Đoạn kiến** : Âm theo Phạn: *Uccheda-drsti*. Còn gọi: *Đoạn diệt luận*. Đối lại: *Thường kiến*.

Đoạn kiến là loại kiến chấp các pháp thế gian và ngã đều phải đoạn diệt. Những người chủ trương Đoạn kiến như *Phú-lan-ca Ca-Diếp* thì cho rằng không có quả báo thiện, quả báo ác hay vừa thiện vừa ác, được xem là Đoạn kiến ngoại đạo. Người theo Hư vô chủ nghĩa cũng thuộc vào loại Đoạn kiến.

Theo *Luận Đại Trí Độ 26*, Đoạn kiến có 2 loại:

1/. Không có quả báo, tội phước, khổ vui, đời sau.

2/. Tất cả các pháp đều không.

Cả 2 kiến chấp này đều rơi vào không kiến.

Theo *Luận Đại Tì-bà-sa 200*, ác kiến có nhiều loại, nhưng không ngoài Hữu kiến và Vô kiến. Hữu kiến là Thường kiến còn Vô kiến là Đoạn kiến. Hai kiến chấp này đều thuộc về Biên kiến. Vì thế Đức Phật dạy phải liả cả Thường lẫn Đoạn mà giữ lấy Trung đạo.

\* **Đoạn kiến thường** : tức Đoạn kiến Thường kiến . Xem **Đoạn kiến , Thường kiến** .

\* **Đoạn nhục** : Phạn âm : *Māmsa-Bhaksana-vinivrtta*. Đoạn nhục là cấm hẳn việc ăn thịt.

Theo *luật của Tiểu thừa*, Tỳ kheo có thể ăn 3 thứ tịnh nhục : không thấy, không nghe và không nghi. Nhưng trong các kinh điển Đại thừa như *kinh Phạm Võng*, *kinh Niết-bàn* hay *kinh Lăng-già*, đều lấy tâm đại bi làm cứu cánh nên nghiêm cấm tất cả việc ăn thịt.

\* **Đọa** : Còn gọi: **Đọa sa, Đọa lạc**, Suy lụn. Từ cảnh cao mà rơi xuống cảnh thấp, từ cảnh sang mà rơi xuống cảnh hèn. Như từ cảnh người, cảnh

Tiên (Thiên) mà sanh ra trong các cảnh Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, gọi là Đọa, tức Đọa Tam đồ.

Theo *Niết Bàn kinh*, Đọa tức là Tứ ác thú (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, A-tu-la). Đọa ở Địa ngục thường cho tới Đọa ở A-tỳ địa ngục. Người ta sợ dĩ Đọa, vì trước đã phạm tội bởi thân, ngữ, ý. Đọa thường có nghĩa là sa lạc nơi địa ngục, chịu các sự hành hạ.

\* **Đông Thắng Thân Châu** : Còn gọi : *Tỳ-đê-ha châu* (Phạn : *Videha*), *Đông Tỳ-đê-ha châu* , *Bô-lợi-bà Tỳ-đê-hạ châu*, *Phất-tỳ-đế-ha châu*, *Phất-bà-đê châu*, *Phất-vu-đãi châu* . Hán dịch : *Đông Thắng Thân châu*, *Đông chủng chủng thân châu*, *Đông chủng chủng dự châu* .

*Đông Thắng Thân châu* là châu nằm trong biển nước mặn ở phía Đông núi Tu-Di ; vì thân người ở châu này xinh đẹp nên gọi là *Thân Thắng* .

*Phẩm Diêm-phù-đê châu*, *kinh Trường A-Hàm 18 (đại 1, 115 trung)* ghi : “Ở phía đông núi Tu-di có một châu tên là *Phất-vu-đãi*. Châu này hình tròn, chu vi 9000 do-tuần . Mặt người ở đây cũng tròn, giống như địa hình ở châu này”. Nhưng *luận Câu-Xá 11*, *luận A-tỳ-đạt-ma Tạng Hiển Tông 16* ... thì cho rằng địa hình châu *Tỳ-đê-ha* có hình bán nguyệt, phía Đông hẹp, phía tây rộng, phía Đông chỉ dài 350 du-thiện-na, còn 3 chiều Tây, Nam, Bắc đều dài đến 2000 du-thiện-na . Khuôn mặt người dân cõi này cũng có hình bán nguyệt, thân cao 8 khuỷu tay, sống lâu 250 tuổi, nhưng cũng có người bị chết yếu .

\* **Đối pháp** : Còn gọi: *Đại pháp*, *Vô tử pháp*, *Hướng pháp*, *Thắng pháp*, *Luận*. Hán âm: *A-tỳ-đạt-ma* (Phạn: *Abhidharma*), *A-tỳ-đàm*, *Tỳ-đàm*.

Đối có nghĩa là đối quán, đối hướng. Pháp là pháp trong Tứ đế Niết-bàn. Dùng trí tuệ của bậc Thánh đạo vô lậu đối quán cái lý của Tứ đế, hướng tới quả của Niết-bàn nên gọi là Đối pháp. Cho nên, đối pháp là tên của trí tuệ. Ngoài ra, Luận tạng trong Tam tạng (Kinh, Luật, Luận) là phần phân tích phán quyết về tính tướng của chư pháp, do đấy mà sinh ra loại kinh văn trí tuệ vô lậu, vì thế Luận tạng ấy cũng gọi là Đối pháp.

\* **Độ** : Vượt qua. Ý nói vượt qua được biển lớn sinh tử mê lầm, đến được bờ bên kia giác ngộ như :

- **Độ Thoát** : Vượt lên nỗi khổ sinh tử, thoát ly phiền não, tức là xa lìa cảnh giới lưu chuyển trong 3 cõi, đạt đến bờ Niết Bàn.

- **Độ thế** : Vượt khỏi cõi mê trong 3 đời. Độ là qua sông, là ra khỏi, như nói: xuất thế, xuất thế gian, ly thế gian. Như *Phẩm Ly Thế Gian* trong *Kinh Hoa Nghiêm* còn được gọi là *Độ Thế Phẩm Kinh*.

- **Độ Tăng** : Chỉ vị tăng vượt thoát thế tục, xuất ly sinh tử sau khi được làm lễ xuất gia theo một nghi thức nhất định. Ngoài ra còn có nghĩa là tổ chức xuất gia cho một số người.

- **Độ khoa** : Khoa thi tuyển Tăng. Năm 707, đời Đường vua Trung Tông xuống chiếu cho nhân dân trong nước thi về giáo lý kinh điển để được tuyển làm tăng. Ngài Đồng Đại Nghĩa ở phía Bắc núi Linh Ẩn được hạnh nhất về thi tụng *Kinh Pháp Hoa*. Đây là độ khoa lần đầu tiên ở Trung Quốc.

\* **Độc Long** : Rong dừ, là tiền thân Phật Thích Ca khi ngài còn tu hạnh Bồ Tát vào đời quá khứ. Theo *Luận Đại Trí Độ 14*, Rong này sau khi phát nguyện thụ giới, tu hành cầu đạo thanh tịnh, nên vào giữa rừng cây tư duy, nhân mỗi một ngũ quên, lúc ấy có người thợ săn thấy thân rong có màu sắc 7 báu rất vi diệu, liền khởi lòng tham muốn chặt đầu lột da.

Rong tự nghĩ mình có sức mạnh, nếu muốn làm nghiêng ngửa một nước như trở bàn tay, huống gì chỉ một gã thợ săn. Nhưng do từ giới nên rong không tiếc thân mạng, bèn nhắm mắt nín hơi, để người thợ ăn lột lấy da mà không hề có ý oán giận. Sau khi bị lột da, rong xuống nước, thấy các côn trùng nhỏ đến ăn thịt mình. Rong lại xả thân bố thí cho các côn trùng đó, đồng thời phát nguyện rằng đến ngày nào ta thành Phật, ta sẽ đem Phật pháp hoá độ những chúng sinh này trước. Sau khi phát thệ nguyện này, Rong liền mạng chung sanh lên cõi trời Đao-Lợi.

\* **Động, Bất động** : tức *Động Không động* trong *Phẩm Tứ Tướng Giải Thoát, Kinh Đại Bát Niết Bàn* . Gọi đầy đủ : *Động Bất động pháp*. Là *Pháp động* và *Pháp bất động*.

1/. *Pháp động*: Chỉ các pháp cõi Dục, các pháp này vô thường, hay khiến cho chúng sinh khởi vọng tưởng ngũ dục.

**2/.** *Pháp bất động*: Chỉ cho các pháp thuộc Sắc giới định và Vô sắc giới định, các pháp này tuy cố định, nhưng cũng không thoát khỏi vô thường.

\* **Đột-Kiết-la** hay *Đột-cát-la, Đột-tất-cát-lật-đa, Đột-sát-kỉ-lí-đa, Đột-kha-đa*; dịch là *Ác tác, Tiểu quá, Khỉnh cấu, Việt từ-ni*. Phạm ngữ là *Duskṛta*. Tên tội trong giới luật, tức những tội nhẹ như ác tác, ác thuyết. Là 1 trong 5 thiên, 1 trong 6 tụ giới. Trong 250 giới Tỳ kheo, tội này bao gồm 2 giới bất định, 100 giới chúng học, 7 giới diệt tránh. Ngoài ra, Thức xoa-xa-ca-la-ni (Siksakar aniya) cũng là tên khác của Đột-cát-la, nghĩa là học, nên học, cần phải học.

Theo *Tứ phần luật số 6*, phần đầu của Ngài Pháp Lệ đời Đường, thì Đột-cát-la là căn cứ theo nghĩa phòng ngừa tai vạ mà đặt tên. Thức xoa-xa-ca-la-ni thì theo nghĩa đối trị trường hợp đã phạm giới mà đặt tên, 2 tên gọi này tuy khác nhưng thực chỉ là một. Tội này rất nhẹ, chỉ cần đối trước một người hoặc tự tâm mình ăn năn tự trách là được.

\* **Đơn Đọa** : Phạm âm : *Suddha-prāyāscittika*. Còn gọi: *Đơn đề* . Đối lại : *Xả đọa* . Tên một loại tội nhẹ của Tỳ kheo, nếu phạm thì lúc bố-tát chỉ cần đối trước chúng như pháp phát lồ sám hối, thì được thanh tịnh. Thứ tự và giới điều của tội này, các bộ luật đều nói khác nhau . Đây chỉ đơn cử theo *Luật Tứ Phần*, Tỳ kheo có 90 pháp đơn đề, cho nên thông thường gọi *Đơn đọa* là “90 pháp đơn đề”. *Tứ Phần Luật Số 9* của ngài Trí Thủ, *Luật Thập Tụng* cũng kể ra 90 điều, nhưng không có điều “*Không nhận sự khuyên can*” trong *Luật Tứ Phần* mà chỉ có điều “*Không kính người giáo giới*”.

\* **Đức** : Là điều đạt được do sự tu hành chính đạo. Công đức của quả vị Phật có 2 loại: **1/.** *Trí đức* . Bồ-đề, tức là trí huệ viên mãn.

**2/.** *Đoạn đức* . Niết-bàn, tức đã dứt hết phiền não.

Hoặc gồm có 3 đức : *Trí, Đoạn, Ân* (y theo nguyện lực, cứu độ chúng sinh).

Tính đức của Phật và Bồ Tát có *Bi đức* (lợi tha) và *Trí đức* (tự lợi). *Tính đức* là bản tính chân thật vốn có. Còn *Tu đức* đạt được do tu hành. Cả hai gọi là Nhị đức.

*Đại Niết-Bàn* thì có đủ 3 đức là: *Pháp thân*, *Bát-nhã* và *Giải thoát*.

Học phái *Thắng Luận*, Một trong 6 phái Triết học của Ấn-Độ cổ đại có lập ra *Thập Cú Nghĩa*, trong đó “*Đức cú nghĩa*” là một trong 24 đức. Học phái *Số Luận* cũng có đưa ra thuyết về 3 đức.

\* **Đức công** : đảo từ . Xem **Công đức** .

\* **Đức hạnh** : Âm theo Phạn: *Guna*. Điều thiện đã thành tựu gọi là Đức ; đạo quả chứng được gọi là Hạnh. Đức hạnh có 2 nghĩa:

1/. Công đức và hành pháp. *Luận Kim Cương Châm* (Đại 32, 171 trung) ghi: “Người có giới hạnh cần phải tu đức nghiệp mới gọi là Bà-la-môn, cho đến hạng Thủ-đà-la nếu tu đức hạnh thì cũng trở thành Bà-la-môn”

2/. Các pháp tu có đầy đủ công đức như Tam học và Lục độ. *Kinh Nhân Vương, thượng* (Đại 8, 825 thượng) ghi: “Có hàng trăm nghìn cư sĩ ở địa vị Thất hiền đầy đủ đức hạnh”.

\* **Đức Phật thứ bảy**: còn gọi Quá khứ thất Phật; Theo *Kinh Quán Đảnh 8*, *Kinh Phật Danh 1*, *Pháp Uyển Châu Lâm 8* thì Quá khứ thất Phật là bảy vị Phật ở quá khứ như sau:

1. Phật Tỳ-Bà-Thi (Vipásyin) ;
2. Phật Thi-Khí (Sikhin) ;
3. Phật Tỳ-Xá-Phù (Vísabhū) ;
4. Phật Câu-Lưu-Tôn (Krakucchanda) ;
5. Phật Câu-Na-Hàm-Mâu-Ni (Kanakamuni) ;
6. Phật Ca-Diếp (Kāsyapa) ;
7. Phật Thích-Ca Mâu-Ni (Sākya muni).

Trong các *Kinh Tạp A-Hàm 34*, *Trường A-Hàm 1*, *Kinh Đại Bản*, *Kinh Tăng Nhất A-Hàm 45*, *Kinh Hiền Kiếp 7*, *Kinh Thất Phật Phụ Mẫu Tính tự*, *Kinh Thất Phật ...* đều ghi chép rõ về sự ra đời, dòng họ, cha, mẹ, con, đệ tử, thị giả, nơi ở, đạo tràng, chúng hội thuyết pháp đầu tiên của 7 vị Phật này.





# G

\* **Gia Hộ** : là thêm sức hộ trợ. Tức là chư Phật và Bồ Tát dùng sức mình để gia bị hộ trì cho chúng sinh. *Kinh Hoa-Nghiêm 27 (80 quyển) (Đại 10, 147 hạ)* ghi: “*Thường được tất cả chư Phật gia hộ*”.

\* **Giai Không** : Còn gọi: *Giải Không*. Hiểu rõ tướng không của các pháp. Trong hàng đệ tử Phật, ngài Tu-bồ-đề là người giải không đệ nhất.

*Kinh A-la-hán Cự Đức*, ghi: “*Tỳ kheo Tu-bồ-đề là bậc giải không đệ nhất trong hàng Thanh văn thường thực hành bố thí*”.

\* **Giác**: \* *Âm theo Phạn: Bodhi (âm Hán: Bồ-đề)*, Cựu dịch là **Đạo**, Tân dịch là **Giác**, là trí huệ chứng ngộ Niết Bàn. Để phân biệt “*Pháp*” và “*Người*”, nên Hán dịch Bodhi là Giác.

\* *Âm theo Phạn: Buddha (âm Hán: Phật, Phật Đà)*, dịch là **Giác giả**. *Theo Quán Kinh Nghĩa Sở quyển đầu của Ngài Huệ Viễn* thì Giác có 2 nghĩa:

1. *Giác sát*: Nhận biết phiền não trói buộc.

2. *Giác ngộ*: Soi sáng sự tối tăm của vô minh như vừa tỉnh thức sau cơn ngủ mê.

Phàm phu hoàn toàn không có giác, hàng Nhị Thừa Thanh văn Duyên giác chỉ có tự giác, còn Bồ Tát tuy có khả năng tự giác, giác tha nhưng giác hạnh chưa viên mãn, chỉ có Phật là bậc tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn mà thôi.

\* *Giác còn được xem là Tuệ giác chính xác*, đối lại là Bất giác. *Theo Luận Đại Thừa Khởi Tính thì Thức A-lại-da (bản thể của vạn hữu)* có 2 nghĩa: Giác và Bất giác, Giác lại có Bản giác và Thỉ giác. Trong đó, bản thể của vạn hữu vốn là giác thể thanh tịnh (Bản giác) nhưng từ vô thỉ đến nay bị vô minh che lấp, nên gọi là Bất giác; nếu y theo quán trí tu hành thì thấu rõ được nguồn tâm, gọi là Thỉ giác. Thỉ giác có 4 giai đoạn:

**a/ Cứu cánh giác**: tách rời phân biệt mà hội nhập tâm thể. Đây là sự giác ngộ của Phật địa.

**b/ Tỳ phân giác**: Sự giác ngộ của Bồ Tát trong 10 địa.

**c/ Tương tự giác:** Sự giác ngộ của hàng Bồ Tát Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hương và Nhị thừa.

**d/ Bất giác:** Đây là sự tự giác của phàm phu từ Thập Tín trở xuống, cái giác này chưa thật là tuệ giác, chỉ mới là cái biết của sự phân biệt nhân quả thiện ác.

\* *Nghĩa theo chữ Phạn: Vitarka*, mới dịch là Tâm, là tên của loại tâm sở, tâm sở này chỉ có ở cõi Dục và Sơ thiên của cõi Sắc, tính chất của tâm sở này là tính toán tư duy về sự lý. Trong các kinh luận, căn cứ vào tính chất thiện, ác của tâm sở này mà chia thành Ác giác và Thiện giác.

- *Ác giác:* Dục giác (tham giác), Sân giác (nhuế giác), Hại giác (não giác) gọi là 3 ác giác hoặc 3 bất thiện giác. Nếu thêm Thân lí giác, Quốc độ giác, Bất tử giác, Tộc tính giác (lợi tha giác) và Khinh tha giác (khinh vũ giác) thành ra 8 ác giác.

- *Thiện giác:* Ly dục giác (viễn ly giác, xuất ly giác, xuất giác), Vô sân giác (Vô nhuế giác) và Vô hại giác (Vô não giác).

Ngoài ra 8 điều giác ngộ của bậc Đại nhân cũng thuộc về Thiện giác.

\* Giác còn là tên chung của tâm và tâm sở. Đây là cái biết của Tâm và tâm sở khi đối cảnh. *Luận Thành Duy Thức 2 (Đại 31, 6 hạ)* ghi: ‘Nếu giữ được cái giác kia thì tâm và tâm sở là Năng thủ; còn nếu duyên với cái giác thì các tâm và tâm sở là y tha khởi’.

\* **Giác Đức** : Vị Tỳ kheo trì giới nổi tiếng trong kiếp quá khứ. Theo *Phẩm Kim Cang Thân, kinh Đại Bát Niết Bàn*, sau khi Đức Hoan Hỷ Tăng Ích Như Lai nhập Niết Bàn, chính pháp còn ở đời vô lượng ức năm, lúc còn 40 năm cuối cùng, bấy giờ có một vị Tỳ kheo trì giới hiệu là *Giác Đức*, có đồng đồ chúng, thường tuyên thuyết 9 thể loại kinh điển và cấm các Tỳ kheo khác không được nuôi các tội tử, trâu, dê và cất chứa các vật phi pháp.

\* **Giác Liễu** : Thấu suốt chân lý, chứng ngộ Phật đạo.

\* **Giác ngạn** : Bờ giác, tức là Niết Bàn. Còn gọi: **Bỉ ngạn, Đáo bỉ ngạn**. Xem **Bỉ ngạn**.

\* **Giác ngộ** : Là tỉnh giác, liễu ngộ. Tức thể hội chân lý, khai mở chân trí.

Theo *kinh Lăng-Già A-bạt-đa-la Bảo 2*: Giác ngộ chính là không, vô sinh, vô nhị, ly tướng.

Theo *kinh Hoa Nghiêm 7* (60 quyển), người giác ngộ, khi sắp mạng chung, niệm Phật tam-muội ắt sẽ được thấy Phật, sau khi mạng chung được sinh vào nước Phật.

*Đại Thừa Khởi Tín Luận Nghĩa Ký*, trung ghi: “Trụ tướng thô niệm mà được giác ngộ, cũng như trong mộng thấy các tướng thì giác đạo chưa viên mãn”.

Như thế, có thể biết giác ngộ có tự lực giác ngộ và nhờ tha lực mà giác ngộ và tùy trình độ tu chứng mà sự giác ngộ có khác nhau.

\* **Giác Quán**: Theo *Luận Đại trí độ 23*; *Vãng sanh Yếu Tập*, trung, phần đầu thì cách dịch mới của Giác quán là tầm tư. Giác là tìm cầu suy tính, tức là suy nghĩ về sự lý. Quán tức tư duy tưởng tượng tận danh nghĩa của các pháp. Giác quán làm trở ngại sự định tâm từ Nhị thiền trở lên, nếu giữ liên tục trạng thái này thì thân tâm mỗi mảy, chánh định sai lạc, cho nên giác quán là một trong các tùy phiền não. Căn cứ vào giác quán mà biết được sự sâu cạn của Định.

*Kinh Thập A-hàm 21* (*Đại 2, 150 thượng*) ghi: “Có giác, có quán, gọi là khẩu hành. Hơn nữa, giác và quán là nhân để phát sinh ngôn ngữ, lia tâm giác quán này thì không có ngôn ngữ”.

*Phẩm đệ tử trong Kinh Duy-Ma* (*Đại 14, 540 thượng*) ghi: “Pháp không có danh tự, vì dứt bật ngôn ngữ; pháp không có luận bàn, vì lia giác quán”.

\* **Giác Tâm**: Là bản giác diệu tâm, tức là chân tâm, Phật tính thường hằng vốn đầy đủ sự giác ngộ. *Kinh Viên Giác* (*Đại 17, 914 thượng*) ghi: “Tất cả chúng sinh huyễn hóa, đều sinh ra từ Diệu tâm viên giác của Như Lai, giống như hoa đốm sinh ra trong hư không, rồi cũng diệt trong hư không, huyễn hóa kia tuy diệt, nhưng tính hư không vẫn thường trụ. Tâm huyễn hóa của chúng sinh cũng như thế, cũng hoại diệt theo huyễn, các huyễn tuy đoạn dứt, nhưng giác tâm bất động”.

\* **Giác tha:** Giác ngộ cho người khác; đối lập với Tự giác (giác ngộ cho chính mình). Sau khi tự mình đã giác ngộ lại thuyết pháp để giác ngộ cho người khác, khiến cho họ được giác ngộ và giúp cho họ rời bỏ được mọi mê lầm, khổ não trong vòng luân hồi, Giác tha là một trong hai thứ Giác ngộ (nhị giác) và là hạnh chủ chốt của Bồ Tát khai ngộ chúng sanh.

\* **Giác tính (Giác tánh) :** từ đồng nghĩa. Xem **Phật Tánh (Phật Tính)**.

\* **Giác viên:** đảo từ . Xem **Viên giác**.

\* **Giáo hóa :** (Âm Phạn: *Pari-pac*); Từ đồng nghĩa: *Khai hóa, Nhiếp hóa, Thí hóa, Khuyển hóa, Dạy dỗ, Cảm hóa*.

Giáo hóa tức là dùng thiện pháp để dẫn dắt chúng sanh (giáo), khiến cho họ cảm hóa mà xa lìa các pháp ác (hóa). *Kinh nói:* Chuyển Pháp Luân vô thượng, giáo hóa các Bồ Tát và vô số chúng sanh, làm cho họ trụ trong đạo Vô thượng chính chân.

(*Giáo hóa còn là dụng ngữ Phật giáo Nhật Bản. Một loại Tán ca được xướng tụng trước Phật khi cử hành Pháp hội.*)

\* **Giáo lý :** Còn gọi: *Giáo nghĩa*. Hy Lạp gọi là *Dogma*. Là giáo thuyết có đầy đủ quyền uy và tính quyết định, nhưng không phải là loại ý kiến riêng. Cụ thể hơn, đó chính là những ngôn luận của Giáo tổ tôn giáo hoặc của Thủ tổ các học phái Triết học.

Đối với tín đồ thì những loại ngôn luận này mang đậm tính quyền uy và có giá trị tín ngưỡng sâu sắc. Nếu giản lược hóa, những lời dạy này sẽ trở thành kinh điển hoặc là những tín điều. Cho nên nhìn từ bên ngoài, loại giáo lý này thường mang tính chất độc đoán và bị phê phán. Trong *Phật giáo*, từ “Giáo lý” thường được các học giả ngoại quốc gọi là *Doctrine* (E), tức chỉ cho lời dạy của Đức Phật, vì từ những lời dạy này, chân lý được hiển bày; nhưng Đức Thích Tôn thì hoàn toàn không xem giáo lý đó như một mô hình nhất định mang tính uy quyền mà Ngài chỉ mong rằng tín chúng và đệ tử nên nương theo đó tu hành. Đó là điều sai biệt với các tôn giáo khác, chủ trương tín đồ phải xem tư tưởng của vị Giáo Tổ là cốt lõi và phải tuyệt đối tuân theo.

\* **Giáo Pháp** : Từ Hán dịch, nghĩa là A-Hàm . Xem **A-Hàm** .

\* **Giáo Quyền** : *đạo từ của Quyền giáo* . Xem **Quyền Thật** .

\* **Già Lam**: còn gọi là Tăng-già-lam, dịch là Chúng viện, Tăng viện, nghĩa là khu vườn nơi chúng tăng cư trú, thường gọi là Tự viện. Đến đời sau, muốn xây dựng một ngôi già lam hoàn chỉnh phải có đủ 7 kiến trúc gọi là *Thất đường già lam*. Tên gọi và việc phối trí “*Thất đường*” tùy theo thời đại và tông phái mà khác nhau. Thông thường các già lam được kiến trúc xoay mặt về hướng Nam. Nếu một ngôi Tự viện chuyên nghiên cứu học vấn thì phải có đủ 7 kiến trúc là: *Tháp* (thờ Xá Lợi Phất), *Kim đường* (hay Phật điện, thờ tượng Phật Bốn tôn ; Phật điện và Tháp đều là kiến trúc chính của già lam), *Giảng đường* (nhà giảng), *Chung lâu* (lầu chuông), *Tàng kinh lâu* (hay Kinh đường là phòng chứa Kinh), *Tăng phòng* (hay tăng phường, là nơi chúng tăng ở, được phân bố ở 3 hướng Đông, Tây, Bắc của giảng đường) và *Thực đường* (hay trai đường, là nhà ăn).

\* **Giải đãi** : Phạn âm: Kausidya. Còn gọi: Đãi. Đối lại: Càn. Giải đãi là lười biếng. Đây là 1 trong 75 pháp của Câu-Xá, 1 trong 100 pháp của Duy Thức. Ngoài ý nghĩa không chịu siêng năng tu thiện hạnh, giải đãi còn bao gồm cả nghĩa làm ác.

- Theo Luận Thành Duy Thức 6, lười biếng làm chướng ngại sự tinh tấn.

Theo kinh Bồ Tát Bản Hạnh, lười biếng thì việc làm bị ngưng trệ. Người tại gia mà lười biếng thì áo cơm bị thiếu thốn, sản nghiệp không phát triển; kẻ xuất gia mà biếng nhác thì không thể thoát ly sinh tử.

Tông Câu-Xá xem giải đãi là một trong các loại Tâm sở (Đại phiền não địa pháp) do tâm ô nhiễm (tâm bất thiện và tâm hữu phú vô ký) sinh khởi. Tông Duy Thức thì cho Tâm sở này là 1 trong 20 Tuỳ phiền não. Cả 2 tông đều cho rằng tâm giải đãi đều có tự thể riêng biệt của nó, nên dùng tinh tấn để đối trị.

\* **Giải thoát**: Phạn âm : *Moksa, Mutti*. Hán âm : *Mộc-đề, Mộc-xoa*. Hán dịch : *giải thoát*, có nghĩa là lìa bỏ mọi trói buộc mà được tự tại. Cởi bỏ sự trói buộc của hoặc nghiệp, thoát ra khỏi khổ quả của tam giới. Còn chỉ

tên gọi khác của Thiền định, như Tam giải thoát, Bát giải thoát, Bất tư nghị giải thoát. Thoát ràng buộc và được tự tại là đức tính của Thiền định. Còn chỉ một trong Ngũ phần pháp thân là Nhị giải thoát và Tam giải thoát.

\* **Giảng thuyết** : Còn gọi : *Diễn giảng* . Gọi tắt : *Giảng* .

*Giảng thuyết* là giảng nói hoặc giải thích kinh luận cho mọi người nghe . Căn cứ vào nội dung giảng thuyết, có thể chia làm 3 loại chính : *Giảng kinh, giảng luật* và *giảng luận* .

Ở Ấn Độ, thời vua A-Dục đã có việc giảng kinh thuyết pháp của các vị tăng truyền đạo .

Ở Trung Quốc, việc giảng kinh bắt đầu vào cuối đời Hậu Hán . Theo *Thích Thị Yếu Lâm* , hạ, thời Tào Ngụy, ngài Chu Sĩ Hành giảng *kinh Đạo Hành Bát Nhã*, đây là lần đầu tiên do vị tăng *giảng kinh*. Thời Đông Tấn, Ni sư Đạo Hình khai *giảng kinh Pháp Hoa* và *kinh Duy-ma*, là lần đầu tiên do 1 vị Ni Trung Quốc giảng kinh . Thời Nguyên Ngụy, ngài Pháp Thông giảng *luật Tứ Phần* là lần đầu tiên *giảng luật* . Thời Dao Tần, ngài Cưu-ma-la-thập truyền dạy *luận Thành Thật* cho pháp sư Tăng Tung, là lần đầu tiên *giảng luận* .

Người giảng thuyết gọi là : *Giảng sư, Giảng tăng* hoặc *Giảng chủ, Giảng sĩ, Giảng tượng* .

Chỗ giảng thuyết gọi là : *Giảng đường, Giảng tịch, Giảng điền, Giảng tú, Giảng tòa* . Còn chỗ mọi người nhóm họp để nghe giảng thuyết gọi là *Giảng hội* .

Theo *Thích Thị Yếu Lâm* , hạ; Giảng thuyết có 3 lợi ích : *Văn thời ích, Tu hành thời ích* và *Chuyển sinh thời ích* . Người giảng thuyết được 5 thứ phước báu : *Hiện đời sống lâu, Được giàu có, Tướng mạo khôi ngô xinh đẹp, Được tiếng khen* và *Thông minh* .

Nghi thức nói về đức hạnh của Phật, Bồ Tát hoặc các sách theo thứ tự ghi chép nghi thức này thì gọi là *Giảng thức* như *Vãng Sinh Giảng thức* . *Tông Lâm Tế* gọi bữa trai điền của thí chủ cúng dường, gọi là *Giảng trung trai* .

\* **Giới** : Âm theo Phạn là *Sila*; Hán âm là *Thi-la*. Những điều răn cấm do đức Phật chế định cho hàng xuất gia và tại gia để ngăn ngừa tội lỗi của

ba nghiệp. Theo *Luận Bồ đề Tư lương 1*, giới gồm 10 nghĩa: Tập cận, bản tính, thanh lương, an ổn, an tĩnh, tịch diệt, đoan nghiêm, tinh khiết, đầu thủ, tán thán. Tùy theo bản chất, giới được chia 2 loại:

- *Tính giới* (còn gọi Cựu giới, Chủ giới, Tính trọng giới). Giới này bản chất là tội ác (tức tính tội) như bốn giới trọng: Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ.

- *Già giới* (còn gọi Tân giới, Khách giới, Tứ thế cơ hiềm giới, Ly ác giới, Ly giới). Giới này bản chất chẳng phải là tội ác. Phật chế giới này mục đích là để ngăn chặn sự phỉ báng của thế gian, thông thường chỉ cho các giới ngoài 4 giới trọng.

\* **Giới cấm** : Phạn âm: *Sila-Pratimoksha*. Hán âm: *Thi-la, Ba-la-đề-mộc-xoa*. Còn gọi: *Cấm giới*. *Giới cấm* là Giới ác cấm phi, tức răn chuyện dữ, cấm điều bậy. Đó là những điều cấm trong luật, mà người tu hành không được phạm. Giới và Cấm là 2 chữ đồng nghĩa, nói và viết chung cho rõ nghĩa vậy thôi.

\* **Giới đàn**: là nơi để cử hành nghi thức truyền giới và thuyết giới. Đàn là khoảng đất được đắp hơi cao hơn mặt đất trong giới trường. Giới đàn vốn không cần xây cất nhà cửa, chỉ cần kiết giới, làm dấu ở bất cứ chỗ trống nào là được, nhưng để đề phòng gió mưa, lúc hành pháp sự có thể kiết giới, thụ giới trong chùa. Ấn-Độ thời xưa thường tác pháp ngoài trời mà không lập đàn riêng.

Theo *Thích Thị Yếu Lãm, thượng*; Bồ Tát Lô-Chí xin đức Phật được xây dựng một giới đàn ở phía Đông Nam ngoại viện Tịnh xá Kỳ-Viên để truyền giới cho Tỳ-kheo. Về hình thức giới đàn, căn cứ vào giới đàn chùa Na-Lan-đà ở Ấn-Độ được miêu tả trong *Đại Đường Tây Vực Cầu Pháp Cao Tăng Truyện, thượng* của ngài Nghĩa Tịnh thì giới đàn này “Vuông vức mỗi bề hơn 3m”, chung quanh được xây một bức tường gạch, cao khoảng 0,6 m, chỗ ngồi trong tường cao khoảng 0,15 m. Sau này, tại nhiều quốc gia, hình thức giới đàn có nhiều thay đổi, không thống nhất.

\* **Giới Định Huệ** : Còn gọi: *Tam học, Tam vô lậu học*. *Giới Định Huệ* tức Giới Luật, Thiền định và Trí huệ.

Theo *Phiên Dịch Danh Nghĩa tập 4*, “*Giới*” là ngăn ngừa điều sai trái, đình chỉ việc xấu ác; “*Định*” là dứt ưu lự, lắng các duyên; “*Huệ*” là phá ác chứng chân. Tu học được 3 pháp này có thể đạt được vô thượng Niết bàn, chứng thánh quả Vô lậu.

1/. *Giới học*: Tiểu thừa gồm có 5 giới, 8 giới, 250 giới; Đại thừa có tam tụ tịnh giới, 10 giới trọng 48 giới khinh.

2/. *Định học*: Tiểu thừa có Thiền định, Tứ vô sắc định, Cửu tưởng, Bát bối xả .v.v... Đại thừa lại thêm Cửu chủng Đại thiền, Bách bát tam-muội, Bách nhị thập tam-muội ...

3/. *Huệ học*: Tiểu thừa quán Tứ đế, Thập nhị nhân duyên; Đại thừa quán Chân như, Thật tướng.

Ngoài ra, Giới, Định, Huệ có thêm 2 chữ “Tăng thượng”, nghĩa là thù thắng, như: Tăng thượng giới (Phạn: *Adhísila*), Tăng thượng định (Phạn: *Adhicitta* tức định học) và Tăng thượng huệ (Phạn: *Adhiprajñā*).

\* **Giới hạnh**: là hành trì những giới luật mà đức Phật đã chế, khiến cho thân, khẩu, ý được thanh tịnh. Một trong giới tứ biệt của phái *Nam Sơn Luật Tông*.

*Tứ Phần Luật San Phồn Bồ Khuyết Hành Sự Sao, trung, phần 1 (Đại 40, 50 thượng)* ghi: “Giới hạnh là phương tiện tu hành, tùy thuận bản tính mà thụ trì Giới thể”.

\* **Giới Luật** : Là giới pháp, qui luật để ngăn ngừa những điều tà quấy của đệ tử Phật. Ở Trung Quốc, theo *Lương Cao Tăng Truyện 1*, ngài Đàm-kha-ca-la dịch *Tăng-kì Giới Tăng Đồ* và thỉnh các vị Tăng Ấn-Độ làm pháp Yết-Ma truyền giới. Đây là hình thức áp dụng giới luật đầu tiên ở nước này.

Trong quyển *Nguồn Gốc và Bản Chất của Đạo Phật ở Ấn-Độ* thời Cổ Đại, K.T.S Sarao căn cứ vào *Đảo Sử* (kệ 95 và 96) nêu lên rằng: Upali thừa kế giáo pháp về phương diện giới luật suốt cả cuộc đời. Như vậy, Upali là Tổ của Luật tạng từ khi Phật Niết Bàn đến khi thị tịch. Upali vốn là con của một người thợ cắt tóc có tay nghề thuần thực, được đưa vào phục vụ cho hoàng tộc. Khi các hoàng tử xuống tóc xuất gia, ông cũng cùng với họ gia nhập tăng đoàn. Sau khi xuất gia Upali tỏ rõ



khuyñh hướng nghiêñm trì giới luật và đượç chính Đức Phật tán thán là vị trì luật đệ nhất.

Phạm vi của giới hạn hẹp, còn luật bao hàm tất cả luật nghi. Nói theo nghĩa rộng thì giới luật bao gồm Giới và Luật nghi.

\* **Giới Pháp** : Là những giới luật do Đức Phật chế định, như 5 giới, 8 giới, 10 giới, giới Cụ túc, tam tụ tịnh giới, 10 giới trọng, 48 giới khinh. Một trong giới Tứ biệt. Giới là cội gốc của giải thoát; người trì giới thanh tịnh thì trí tuệ thiền định phát sinh, khổ não đượç diệt trừ.

\* **Giới trai**: đảo từ của Trai giới . *Xem Trai giới*.

\* **Giới trì** : đảo từ của Trì giới. *Xem Trì giới* .



# H

\* **Hàm Linh** : từ đồng nghĩa . *Xem Chúng sinh.*

\* **Hành** : Âm theo Phạn là: *Samskāra*. Phiên âm Hán-Việt là: *San-ca-la, Tăng-sa-ca-la.*

Nguyên nghĩa là tạo tác, về sau chuyển thành nghĩa thiên lưu biến hóa.

a. *Tạo tác* : cùng nghĩa với Hành, chi thứ 2 trong 12 duyên khởi. Đó là 3 nghiệp: Thân, khẩu, ý đời quá khứ chiêu cảm quả báo hiện tại. Cũng là tất cả hành động của thân và tâm.

b. *Thiên lưu biến hóa*: tức là pháp hữu vi, bởi vì pháp hữu vi là do nhân duyên tạo thành nên tất cả pháp vô thường cùng nghĩa với chữ **Hành** trong “Chư hành vô thường” và **Hành uẩn** trong Ngũ uẩn.

\* **Hành Đạo** : Tu hành Phật đạo .

\* **Hành Pháp** : Còn gọi: *Tu pháp, Mật pháp, Bí pháp*. Hành pháp là phương pháp tu hành của Mật giáo. Trong Mật giáo, Hành pháp chỉ cho Tứ độ gia hạnh, tức là: *Hành pháp Thập bát đạo, Hành pháp Thai tạng giới, Hành pháp Kim Cương giới và Hành pháp Hộ-ma*. Bốn pháp này được thực hành trước khi truyền pháp Quán đảnh.

\* **Hành Tướng** : Còn gọi : *Hành giải*. Chỉ tác dụng nhận thức hoặc trạng thái ảnh tượng sẵn có trong tâm và tâm sở. Từ ngữ “*Hành tướng*”, *tông Câu-Xá* và *Duy Thức* giải thích khác nhau.

Theo *tông Câu-Xá*, tâm có thể duyên trực tiếp cảnh ngoài tâm nên lấy *tâm, tâm sở làm năng duyên*, lấy cảnh ngoài tâm làm *sở duyên*. Khi đối cảnh, cảnh hiện lên nơi *tâm* và *tâm sở* tức *hành tướng*. *Câu-Xá Luận Ký 1, phần cuối (Đại 41, 26 hạ)* ghi : “*Hành tướng*” nghĩa là thể của *tâm* và *tâm sở* thanh tịnh, khi đối với cảnh không có tác ý, nhậm vận như thế mà hiện ra ảnh tượng, giống như ao nước trong, tấm gương sáng, các ảnh tượng đều hiện rõ. Theo *Luận Câu-Xá 4*, “*Hành*” nghĩa là hành giải, như

tác dụng liễu biệt. “*Tướng*” là tướng mạo như ảnh tượng, cho nên lấy tướng mạo hành giải sự vật làm *hành tướng*.

Theo *tông Duy-Thức*, tâm không trực tiếp duyên với cảnh bên ngoài, nhưng tất cả ảnh tượng đều ánh hiện trong tâm, tâm lấy đó làm cảnh *sở duyên*, rồi sinh khởi tướng *năng duyên*. Như vậy trong tâm có 2 tướng *năng duyên* và *sở duyên*, Tướng *năng duyên* gọi là *kiến phần*, tướng *sở duyên* gọi là *tướng phần*, *Kiến phần* chính là *hành tướng* thuộc về tác dụng nhận thức của tâm, chẳng phải là bóng dáng sự vật.

\* **Hải Đức: I/** Chỉ danh hiệu của vị Phật xuất hiện ở vô số kiếp về thời quá khứ. Phật Hải Đức từng là thầy của các Đức Phật ra đời sớm nhất.

*Theo Phẩm Di Hành trong Luận Thập Trụ Tì-bà-sa 5 của Ngài Long Thọ*, vô số kiếp thời quá khứ có Đức Phật hiệu là Hải Đức, thọ mạng vô lượng, hào quang chiếu sáng vô cùng, quốc độ rất thanh tịnh, chư Phật trong hiện tại đều phát nguyện từ nơi Ngài, người nghe danh hiệu của Ngài nhất định sẽ thành Phật, đức tướng đầy đủ giống như đức tướng của Phật A-Di-Đà. Xưa nay các học giả đều cho *Đức Phật Bảo Sinh được nói trong Kinh Đại Thừa Bảo Nguyệt Đồng Tử Vấn Pháp là Phật Hải Đức*. Còn *Tịnh Độ Chân Tông của Nhật Bản* thì cho *Đức Phật này và bản tích của Phật A-Di-Đà là một*.

**II/** Chỉ tám đặc tính của biển được nói đến trong *kinh Hải Bát Đức*, đó là:

1. Mênh mông không bờ mé.
2. Nước thủy triều không sai kỳ hạn.
3. Không chứa thân ma.
4. Có 7 báu trên châu.
5. Năm sông đều chảy vào mà không giữ tên sông cũ.
6. Mưa tầm tã mà nước biển cũng không thêm bớt.
7. Có các loài cá to lớn.
8. Giữa biển và ven bờ cũng đều cùng 1 vị mặn.

Ngoài ra, *Kinh Niết Bàn* cũng có nói 8 thứ bất tư nghì của biển, *Kinh Pháp-Hoa 42 (bản tân dịch)* cũng có liệt kê 10 đức của biển, đại khái đều giống nhau.

\* **Hải Ý Bồ Tát**: Vị Bồ Tát ở thế giới Bảo Trang Nghiêm. Vị Bồ Tát này là người phát khởi của *Kinh Hải Ý*. *Kinh Hải Ý* gọi đủ là *Kinh Hải Ý Bồ Tát Sở Vấn Tịnh Ấn Pháp Môn*, gồm 18 quyển, do Ngài Duy Tịnh dịch vào đời Bắc Tống. Đây là Kinh biệt dịch (Biệt sinh) từ phẩm Hải Huệ Bồ Tát trong *Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh phần 5*.

\* **Hạnh**: Phạn âm : *Carya, Carita*; Hạnh là động tác, hành vi, hoặc chỉ cho sự tu hành hoặc hành pháp, như chữ Hạnh trong *Hạnh giải tương ứng, Hạnh thuyết nhất trí, Giáo hạnh chứng, Giáo lý hạnh quả*, nghĩa là sự thực hành thực tiễn đối với những kiến giải ngôn thuyết để đạt đến cảnh giới giác ngộ. Tịnh Độ Chân tông của Nhật Bản xem niệm Phật là một “Đại hạnh”.

\* **Hạnh đức** : đảo từ . Xem **Đức hạnh** .

\* **Hạnh nghiệp** : Việc tạo tác sự nghiệp. Như Bồ Tát tùy căn tánh của chúng sinh mà làm những *hạnh nghiệp*, hoặc thuyết pháp giáo hóa, hoặc soạn tập kinh điển mà truyền đạo, hoặc bố thí, hoặc cứu nạn, cứu khổ .v.v...

\* **Hầu La** : Gọi đầy đủ: La Hầu La . Xem **La Hầu La**.

\* **Hằng** : tức là Thường . Hằng hay phi hằng nghĩa là Thường hay vô thường. Xem *Thường* .

\* **Hằng hà** : tức sông Hằng. Phạn âm : *Ganga*. Còn gọi: *Hằng-ca hà, Hằng-già hà, Khắc-già hà*. Sông Hằng là 1 trong 3 sông lớn ở Ấn Độ. Sông này bắt nguồn từ dãy Hy-mã-lạp sơn chảy theo hướng Đông-Nam 800 km đến miền Đông Bengale, hợp với dòng sông Brahmaputra (Bồ-lạp-mã-phổ-đắc-lạp) rồi chảy vào Ấn Độ Dương. Sông dài khoảng 2700 km, khu vực hai bên bờ có vô số chùa miếu.

Ấn Độ giáo cho sông Hằng là sông thiêng, nước sông Hằng từ dưới chân của thần Visnu trên trời chảy xuống. Phật giáo cũng xem sông này là sông phước, khi đức Phật còn tại thế cũng thường đến đây tuyên thuyết diệu pháp. Thời kỳ Đức Phật, 2 bên bờ sông Hằng trở thành khu vực giáo

hoá trọng yếu của Ngài và đệ tử. Vùng này dân cư đông đúc, kinh tế phát triển, giao thông tiện lợi, sản vật phong phú, cho nên người Ấn xem nơi đây là vùng Thánh địa.

Theo *Huyền Ứng Âm Nghĩa 24*, cát sông Hằng rất mịn, lẫn lộn theo dòng nước. Kinh điển Phật giáo thường lấy cát sông Hằng để tỉ dụ cho số lượng không thể tính kể.

*Luận Đại Trí Độ 7*, ghi : “Sông Hằng là sông phước lành, nếu ai tắm trong đó, bao nhiêu tội lỗi đều trừ sạch”.

\* **Hằng sa** : Âm theo Phạn: *Gangā-nadi-vāluka*; Tên gọi khác: **Hằng hà sa**, *Hằng biên sa*, *Hằng thủy biên lưu sa*, *Giang hà sa*, *Khắc-già sa*, *Hằng hà sa số*.

Hằng sa là cát sông Hằng. Cát này rất mịn, số lượng nhiều không thể đếm được.

*Phẩm Tụ, kinh Đại Phẩm Bát Nhã 1* ghi: “Các cõi Phật ở phương Đông nhiều như số cát sông Hằng”.

\* **Hệ Phược** : Phạn âm : *Bandhana*. Còn gọi : *Kiết phược*. *Hệ phược* là sự trói buộc. Thân tâm của chúng sinh bị phiền não vọng tưởng hoặc những sự vật của thế giới bên ngoài ràng buộc mà không được tự do, mãi trôi lăn trong sinh tử luân hồi.

Theo *kinh Chúng Tập, Trường A-Hàm 8*, có 4 thứ phiền não trói buộc thân tâm của chúng sinh là tham dục, sân khuể, giới đạo và ngã kiến. Ngoài ra, *học phái Số Luận* của Ấn Độ có lập ra 3 thứ Hệ phược : Tự tính phược, Bồ thí phược và Biến dị phược .

\* **Hiển Giáo** : Đối lại là Mật giáo. Hiển giáo có tính cách liễu nghĩa, còn Mật giáo là bất liễu nghĩa. Hiển giáo là đạo lý truyền bá một cách thông thường, mà người ta từng gặp trên cửa miệng của các nhà đạo và trong các kinh điển của Phật Thánh rao truyền. Còn Mật giáo là giáo lý tâm truyền, bí truyền giữa Tôn sư và đệ tử, giữa Phật và Thánh chúng. Tuy nhiên, Hiển giáo là trình độ dưới để dùng đó mà bước lên Mật giáo.

\* **Hiện Tiền** : Còn gọi: Hiện tại tiền. Âm theo Phạn: *Pratyaksa*. Hiện tiền là hiển hiện , hoặc tồn tại trước mắt. Theo *Luận Thành Duy Thức 9*,

cõi Dục đối với giai vị Kiến đạo là cõi hiện tiền, còn 2 cõi Sắc và Vô Sắc không phải là cõi hiện tiền.

\* **Hoan Hỉ** : Âm theo Phạn : *Pramudita*, âm Hán : *Ba-mân-đề-đà*. Chỉ tâm trạng vui mừng khi tiếp xúc với cảnh vừa ý.

*Kinh Giáo Hóa Bệnh trong Trung A-Hàm 6 (Đại 1, 460 trung)* ghi: “Đức Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe, khuyên phát tâm khát ngưỡng, thành tựu hoan hỉ”.

Trong quá trình tu hành, có nhiều tầng bậc hoan hỉ khác nhau. Trong đó, tu chứng đến quả vị Sơ địa là hoan hỉ chân chính, cho nên Bồ Tát Sơ địa gọi là Bồ Tát Hoan Hỉ địa. Nhưng phàm phu dưới Sơ địa cũng có thể do nghe Phật pháp hoặc cảm niệm công đức hi hữu của Phật, Bồ Tát mà sinh khởi tâm hoan hỉ, đó thật là do kết quả tín thụ, có thể nói là sự thể nghiệm tôn giáo quý giá.

*Theo Thập Địa Kinh Luận 2 của ngài Thiên Thân*, sự hoan hỉ của Bồ Tát Hoan Hỉ địa là chỉ cho “*tâm hỉ, thế hỉ, căn hỉ*”. Hoan hỉ này có 9 thứ : Kính tín, Ái niệm, Khánh duyệt, Điều nhu, Dũng được, Kham thụ, Bất hoại tha ý, Bất não chúng sinh, Bất sân hận.

\* **Hoàn tục** : Còn gọi: *Quy tục*. Tức là trở về với thế tục. Người xuất gia làm tăng, có 3 nguyên nhân để hoàn tục :

1/. *Tự thân không muốn làm tăng* mà bỏ pháp phục hoặc vì giáo pháp của đức Thế Tôn quá sâu xa, việc học đạo quá khó khăn nên hoàn tục.

2/. *Vi phạm tội* nên bị trục xuất ra khỏi tăng đoàn.

3/. *Vi vâng lệnh triều đình* mà phải hoàn tục như trường hợp Pháp nạn Vũ Xương.

Theo sự qui định của Giới luật, tăng ni có thể tự do xả giới hoàn tục, nhưng Tỳ kheo ni sau khi hoàn tục không được xuất gia trở lại. Ngoài ra, ý nghĩa của hoàn tục và qui tục cũng khác nhau:

- *Qui tục*: Người xuất gia tự trở về thế tục.

- *Hoàn tục*: Người xuất gia vì phạm tội nên bị trục xuất khỏi tăng đoàn.

\* **Hoạnh Tử** : Còn gọi : *Phi thời tử, Bất lự tử, Sự cố tử* .

Chết bất ngờ do gặp phải tai họa. *Hoạnh tử* gồm có 9 thứ : 1/ Bệnh mà không có thầy thuốc rồi chết. 2/ Bị luật vua xử tử . 3/ Phi nhân đoạt

ting khí . 4/ Lửa cháy . 5/ Nước nhận chìm . 6/ Ác thú ăn thịt . 7/ Té từ cao xuống . 8/ Bị thuốc độc, bùa chú trừ ếm . 9/ Đối khát .

\* **Hóa Duyên** : Có 3 nghĩa:

1/. *Nhân duyên giáo hóa*. Vì chúng sinh có *nhân duyên* lãnh thụ giáo pháp, nên Đức Phật, Bồ Tát mới thị hiện ra đời để thuyết pháp. Khi *nhân duyên* hết, Phật và Bồ tát liền nhập diệt.

2/. Căn cơ của chúng sinh lãnh thụ giáo pháp của chư Phật và Bồ tát đạt được lợi ích, tạo thành *nhân duyên thuyết pháp*.

3/. Khuyến hóa, mộ hóa. Là tên gọi khác của *Nhai phướng hóa chủ*.

\* **Hóa Độ**: Âm theo Phạn là *Nirmānaksetra*. Tên gọi khác là: *Biển hóa độ, Ứng hóa độ, Phương tiện hóa độ*.

Hóa độ là cõi nước mà Đức Phật vì hàng Bồ Tát Địa tiền, Nhị thừa và phàm phu mà phương tiện thị hiện ra. Cõi này tùy theo căn cơ của chúng sinh mà có tịnh, uế khác nhau. Quốc độ do tâm thanh tịnh chiêu cảm, gọi là Tịnh Độ, như Tịnh Độ của Đức Di-Lặc; quốc độ do tâm nhiễm ô chiêu cảm, gọi là Uế độ; Như thế giới Ta-bà Tịnh độ và Uế độ này đều là Hóa độ biến hiện ra trong thời gian dài, khác với hóa độ nhất thời tạm biến hiện được nói trong Kinh Duy-Ma. Còn Tây Phương Tịnh độ là do Đức Phật A-Di-Đà phương tiện quyền xảo hóa hiện như Nghi Thành, Thai cung, Giải mạn giới, Biên địa... nói trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ.

\* **Hóa Sanh** : Tân dịch : **Hóa sinh**. Phạn âm: *Upapāduka*. *Hóa sinh* chỉ cho các loài không do cha mẹ sinh mà chỉ do nghiệp lực sinh như chúng sinh ở địa ngục, chư thiên, thân trung hữu, loài người trong kiếp sơ, rỗng, kim sí điểu. Các loài *Hóa sinh* tuy đầy đủ thân căn nhưng khi chết không để lại xác. Cho nên trong *Tứ sinh* loài này cao hơn hết.

Theo *Luận Câu-Xá 9*, các loài *Hóa sinh* tùy ưa thích chỗ nào mà thụ sinh chỗ ấy. Theo *tông Tịnh-Độ*, chúng sinh sinh về *Cực Lạc* cũng gọi là *Hóa sinh*.

\* **Hóa Thân** : Âm theo Phạn : *Nirmāna-kāya*. Đức Phật vì lợi ích chúng sinh mà hiện ra các loại hình tướng, gọi là Hóa thân:

1/. Theo kinh *Pháp Thân* ; *Luận Đại Trí Độ* 30 thì sinh thân của Đức Phật đầy đủ 32 tướng, cùng *Pháp thân* hoặc *Chân thân* gọi chung là *Nhị thân*.

2/. Theo *Phẩm Tam Thân Phân Biệt*, *Kinh Hiệp Bộ Kim Quang Minh 1* : *Luận Đại Thừa Khởi Tín*, thượng (bản Tân dịch) thì các thứ thân hình rồng, quỷ .v.v... do Đức Phật vì độ chúng sinh trong lục đạo mà hóa hiện ra, cùng với *Ứng thân* và *Pháp thân* gọi chung là *Tam thân*.

3/. Theo *Đại Thừa Nghĩa Chương 19* thì chỉ phân thân *Hóa Phật* nương *Ứng thân* mà hóa hiện, cùng với *Ứng thân* và *Chân thân* gọi chung là *Tam thân*.

4/. *Hóa thân*, gọi đầy đủ là *Biến hóa thân*, là thân Phật thị hiện 8 tướng thành đạo để hóa độ Bồ-Tát địa tiền, hàng Nhị thừa và phàm phu ; cùng với *Tự tính thân* và *Thụ dụng thân* gọi chung là *Tam thân*.

\* **Hòa hiệp** : Gọi đầy đủ : *Hòa hiệp tính*. Tân dịch: **Hòa hợp tính**. Gọi tắt: **Hòa hợp**. Phạn âm : *Sāmagri*. Là tính hòa hợp khi hình thành các pháp hữu vi, 1 trong 24 pháp Bát tướng ứng hành theo thuyết của *tông Duy Thức*.

Trong 6 cú nghĩa của *học phái Thắng Luận* ở Ấn Độ, cú nghĩa thứ 6 là “Hòa hợp cú nghĩa”, học phái này chỉ tính hòa hợp này là Thật pháp. Nhưng *tông Câu-xá* của Tiểu thừa thì lập riêng *thuyết Hòa hợp tính*. *Phật giáo Đại thừa* thì cho đó chỉ là **phân vị giả lập**.

\* **Hòa-Tu-Kiết** : cũng gọi *Hòa-Tu-Cát*, 1 trong 8 vị Long vương. Xem **Long Vương**.

\* **Hối Quá** : Sám hối tội lỗi, nghĩa là tự trình bày trước Phật, Sư trưởng hoặc đại chúng những sai lầm mà 3 nghiệp thân, khẩu, ý đã phạm, để cầu cho tội lỗi được giảm nhẹ hoặc tiêu trừ, gồm có bốn pháp : Khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng và phát nguyện trong ngũ hối.

Văn chép trình tự nghi thức hối quá này gọi là Sám nghi hay Sám văn, như *Pháp Hoa sám Văn*, *Kim Quang Minh Sám Văn*. Theo *Quảng Hoằng Minh Tập 28*, có 10 thiên hối quá của các đời Lương, Trần căn cứ vào kinh *Sám Hối* để soạn ra như: *Ma-ha Bát-nhã Sám Văn*, *Kim Cương Bát-nhã Sám Văn*, *Thắng Thiên Vương Bát-nhã Sám Văn* .v.v...



Ở Nhật Bản, căn cứ vào các tôn tượng được thờ phụng có : *Dược Sư Hồi Quá, Cát Tường Hồi Quá, A-di-đà Phật Hồi Quá*. Ngoài ra, trong *Kinh Xá-Lợi-Phất Hồi Quá, Kinh Văn Thù Hồi Quá .v.v...* có nói về công đức hồi quá này.

\* **Hồi hướng** : Phạn âm : *Parināma*. Còn gọi: *Chuyển hướng, Thí hướng*.

*Hồi hướng* là dùng thiện căn công đức tu hành của chính mình để hướng về mục đích hoặc *tự lợi* hoặc *lợi tha*.

Theo *thuyết “Tĩnh không” của hệ Bát Nhã*, nếu hồi hướng mà liễu ngộ được, không có người hồi hướng, không có pháp hồi hướng, không nơi hồi hướng mới được gọi là Hồi hướng chân thật.

*Phẩm Hồi hướng, kinh Tiểu Phẩm Bát Nhã* do ngài *Ci-tu-ma-la-thập dịch (Đại 8, 548 trung)* ghi: “Không một pháp nào có thể gọi là pháp hồi hướng, mới gọi là chính hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam-muội Tam Bồ-đề (...)* Vì Chư Phật dạy hồi hướng không được chấp tướng (...), hồi hướng mà còn chấp tướng, gọi là Tạp đức” ...

\* **Hộ Niệm** : *Phật, Bồ Tát, chư Thiên* và các vị *Thiên thần* thường nghĩ nhớ hoặc che chở người tin Tam Bảo, làm cho tất cả không bị các thứ chướng nạn.

Sự nhớ nghĩ che chở của các ngài như bóng theo hình, không bao giờ tách rời, làm cho các ác quỷ .v.v... không thể đến gần hãm hại, cho nên gọi là Để chứng minh giáo pháp Phật nói ra là chân thật, nên chư Phật, Bồ Tát lập thế nguyện, nếu chúng sinh tín thụ phụng hành giáo pháp này sẽ được lợi ích vô cùng, đó gọi là Chứng minh hộ niệm.

\* **Hộ Pháp**: Hộ là giúp đỡ, che chở, giữ gìn ; Pháp là đạo lý của Phật. Hộ Pháp là Hộ trì thiện pháp mà mình đã đạt được. Nếu không được sự ủng hộ của các bậc có lực lượng lớn thì đạo ấy sẽ bị diệt. Cho nên trên thì từ Phạm Thiên, Đế Thích, Bát bộ, quỷ thần, dưới thì từ vua chúa cho tới các đàn việt ở thế gian đều là người bảo hộ Phật Pháp được gọi là Hộ pháp.

\* **Huân Tập** : Phạn: *Vasana, Pravrti, Abhyasa*. Gọi tắt: *Huân*. Huân tập là thu thập gom chứa những hành vi của thân, ngữ, ý vào trong tâm thức.

*Kinh Lượng Bộ của Phật giáo Tiểu thừa* chủ trương **Sắc** (vật chất) và **Tâm** huân tập lẫn nhau, cho nên có thuyết *Sắc Tâm Hỗ Huân*. Nhưng hoàn thành thuyết huân tập này thì thuộc về *tông Duy Thức* của Đại thừa. Theo thuyết ấy thì pháp Năng huân (là cái do thân, ngữ, ý của người hiện ra) là “Hiện hành”, pháp Sở huân là “Tâm”, tác dụng huân tập lưu lại các chủng tử: Tàn khí, tập quán, dư tập (tập khí) .v.v... trong tâm sở huân.

*Tông Duy Thức* cho rằng sự hiện hành của 7 thức là pháp Năng huân và thức A-lại-da thứ tám là nơi Sở huân chứa các chủng tử. Sự quan hệ giữa Sở huân và Năng huân này là lý nhân quả tương tục của thức A-lại-da.

\* **Huệ**: 1/ Huệ (Phạn: *Prajñā*; Hán âm: *Bát Nhã*) là trí phán đoán sự vật, một loại tâm sở. Một trong 75 pháp của *Luận Câu-Xá*, 1 trong 100 pháp của *tông Duy Thức*. Huệ thông cả 3 tính là Thiện, Bất thiện và Vô Ký. Huệ có 2 loại: Ác huệ và Thiện huệ. Ác huệ gọi là Ác kiến, Thiện huệ còn gọi là Chính kiến, Chính huệ.

- *Tông Duy Thức* cho Huệ là 1 trong 5 món Biệt cảnh tâm sở. Ngoài ra, Huệ và Trí thường được gọi chung, nhưng thật ra 2 từ này khác nhau; Thông đạt sự tướng hữu vi gọi là Trí, thông đạt đến lý Không, Vô vi gọi là Huệ.

- Theo *Luận Câu-Xá*, tác dụng của bất cứ một tâm nào cũng có quan hệ đến Huệ, là một trong Đại địa pháp và cho rằng Huệ có 2 loại: Huệ hữu lậu và Huệ vô lậu. Huệ hữu lậu và phiền não có quan hệ mật thiết lẫn nhau, thuộc về tính chất của “Trí”; Huệ vô lậu còn gọi là “Thánh huệ”. Huệ do nghe pháp phát sinh, gọi là “*Văn huệ*”, do suy nghĩ nghiên cứu phát sinh, gọi là “*Tư huệ*”, do tu hành phát sinh gọi là “*Tu huệ*”. Ba huệ này cùng với “*Sinh đắc huệ*” (sinh ra đã có đầy đủ huệ) gọi là *Tứ huệ*.

- Theo *kinh Bồ Tát Anh Lạc Bản Nghiệp, thượng*, Bồ Tát có 6 Huệ: *Văn huệ, Tư huệ, Tu huệ, Vô tướng huệ* (đã chứng ngộ lý Không vô tự tính), *Chiếu tịch huệ* (dùng Huệ quán Trung đạo để chiếu rõ lý Trung đạo) và

*Tịch chiếu Huệ* (Tịch chiếu bát nhị, định huệ bình đẳng). Sáu huệ trên theo thứ tự phối hợp với 6 vị: *Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác* và *Diệu giác*. Ngoài ra, tông Thiên Thai cũng có nêu lên *Liệt huệ* (Huệ yếu kém).

**2/ Huệ** (Phạn: Adhiprajñā) cũng là trí huệ quán xét chân lý để đoạn trừ vọng hoặc. Một trong Tam học.

\* **Huệ Nhãn** : Phạn âm : Prajñā-caksus . Huệ nhãn là mắt trí huệ mà hàng Nhị thừa chứng được, cũng tức là trí huệ rõ suốt được các pháp bình đẳng, tính không, chiếu rõ được chân tướng của các pháp, cứu độ chúng sinh đến bờ giác .

*Luận Đại Trí Độ 33*, ghi : “Vì thật tướng cho nên cầu Huệ nhãn Bồ Tát, đắc huệ nhãn chẳng thấy có chúng sinh, diệt hết các tướng nhất hay dị, xa lìa các chấp trước, chẳng thụ tất cả pháp, trí huệ tận diệt bên trong cho nên gọi là Huệ nhãn”.

\* **Huệ Tâm** : tức tâm trí huệ . Tâm thể sáng lạn, trong sạch, thông lợi, thấu rõ lẽ Không của mọi vật, chẳng chấp trước, chẳng vướng phiền não ; quán đạt lý và sự .

\* **Huần tục** : Tân dịch: **Hoàn tục** . Còn gọi: *Qui tục*. Tức trở về với *Thế tục*. Người xuất gia làm Tăng, có 3 nguyên nhân để *hoàn tục* :

1. *Tự thân không muốn làm Tăng* mà bỏ pháp phục hoặc vì giáo pháp của *Đức Thế Tôn* quá sâu xa, việc học đạo quá khó khăn nên *hoàn tục*.
2. Vì phạm tội nên bị trục xuất ra khỏi *Tăng đoàn*.
3. Vì vâng lệnh Triều đình mà phải *hoàn tục*, như trường hợp pháp nạn *Vũ Xương*.

Theo sự qui định của Giới luật, *Tăng Ni* có thể tự do xả giới *hoàn tục*, nhưng *Tỳ-kheo-ni* sau khi *hoàn tục* không được xuất gia trở lại. Ngoài

ra, ý nghĩa của hoàn tục và qui tục cũng khác nhau: *Qui tục* là người xuất gia tự trở về thế tục, còn *Hoàn tục* là người xuất gia vì phạm tội nên bị trục xuất khỏi *Tăng đoàn*.

\* **Huyễn**: Âm theo Phạn: *Maya*. Huyễn là giả tướng. Tất cả sự vật, hiện tượng trên thế gian này đều không có thật thể mà chỉ là những giả tướng huyễn hiện.

\* **Huyễn hóa** : Những người, vật do nhà ảo thuật biến hóa ra. Trong kinh điển Phật giáo thường dùng từ ngữ này để dụ cho các pháp không tự tính, đều do nhân duyên giả hợp mà sinh.

Theo *Luận Đại Trí Độ 6 (Đại 25, 101 hạ)* ghi: “Ví như voi ngựa và các vật huyễn hóa khác, tuy biết là không thật, nhưng cũng có thể thấy, có thể nghe, đối với lục thức không có lẫn lộn. Các pháp cũng như thế ...”

\* **Hư Không**: Gọi đầy đủ là *Hư Không Vô Vi* ; Phạn âm : *Akāsa* ; Hán âm: *A-ca-xá* .

*Hư Không Vô Vi* là khoảng không bao la trùm khắp muôn vật. Trong kinh thường dùng “Hư không” để dụ cho pháp tính.

*Theo Kinh Niết Bàn*, Hư Không có 5 nghĩa: Rộng lớn, thường hằng, vô ngại, vô phân biệt, hàm chứa.

*Theo Tông Cảnh Lục 6*, Hư Không có 10 nghĩa: Không chướng ngại, cùng khắp, bình đẳng, rộng lớn, vô tướng, thanh tịnh, bất động, hữu không, không không, vô ngại.

Ngoài ra, Hư không còn là tên khác của Không giới, tức là khoảng không gian, nơi tồn tại tất cả các pháp, 1 trong 6 giới. Hư không cũng được hiểu là Pháp vô vi không nhiễm ô, không bị ngăn ngại.

\* **Hư ngụy** : từ đồng nghĩa. Xem **Vọng ngôn**.

\* **Hư Tịch** : Chỉ sự tịch diệt vào hư không, tức là giải thoát .

\* **Hư Vọng**: gọi tắt là **Vọng**.

Hư vọng là hư giả, chẳng phải chân thật. Nếu phân biệt thì hư vọng có 3 nghĩa:

1. Không thật sự tồn tại (Phạn: Asanta-bhāva) như : vọng pháp, vọng cảnh, vọng hữu.

2. Mê chấp 1 cách phi lý (Phạn: Vitatha) như : vọng thức, vọng tâm, vọng niệm, vọng chấp, vọng tình, vọng phân biệt .v.v...

3. Hư dối (Phạn: Mrsā) như : vọng ngữ, vọng ngôn.

\* **Hư Vô** : Trống lỗng không không. Cũng như *Hư không*. *Hư vô* là thuyết sở trường của *Lão giáo*. Cảnh *Hư vô* tức là cõi Đạo của *Lão giáo*. Người thành đạo thì nhập cảnh *Hư vô*. Đối với bậc Chơn nhơn, Tánh hiệp với Đạo, tuy là có mà như không có, tuy là thật mà như không thật nên gọi là *Hư vô*.

*Phật giáo* cũng có dùng chữ *Hư vô* (*Hư không*), ấy là cảnh giới mầu nhiệm, mà chẳng mấy ai thấu đạt cho cùng; Cảnh giới ấy không có hình chất, nhưng từ trong ấy sinh ra mọi pháp có hình chất; Không không, nhưng từ trong ấy hiện ra vô số những cái có. Đó là *Hư vô* của *Phật giáo Đại thừa*. Như nói *Hư vô* (*Hư không*) tức là Như Lai. Trái với *Hư vô* của thuyết *Hư vô chủ nghĩa*, thuyết này chỉ nhận hiểu rằng *Hư vô* là không có gì hết.

\* **Hướng thượng** : Đối lại : *Hướng hạ*. Còn gọi : *Hướng thượng môn*, *Nghịch vạn tự* . Đây là dụng ngữ Thiền . Từ cảnh giới mê vọng nỗ lực tham thiền hướng đến cảnh giới giác ngộ giải thoát, thuộc về môn tự lợi .

Từ ngữ này thấy rải rác trong sách vở của Thiên tông và tùy theo ý nghĩa mà được ghép chung với những từ khác như :

-*Hướng thượng nhất lộ, Hướng thượng đạo*: Chỉ cho chỗ chí cực của đại đạo và cảnh giới đại ngộ - *Hướng thượng cực tặc sự, Hướng thượng quan lộ tử, Hướng thượng sự* : Chỉ cho việc truy tìm lý sâu xa cùng tột của Phật đạo .

- *Hướng thượng nhất lộ, thiên thánh bất truyền* : Chỉ cho cảnh giới giác ngộ chân thật tuyệt đối, là cảnh giới mà chư Phật và tổ sư nhiều đời không hề nói đến, chỉ có người tu thiền tự tham cứu mới thể nhận được .

- *Hướng thượng chuyển khứ* : Từ cảnh giới sai biệt của phàm phu mà hướng về cảnh giới tuyệt đối của chư Phật .

- *Hướng thượng cánh đạo* : Khi vị thầy bảo đệ tử đưa ra kiến giải triệt để thì thường dùng từ này để biểu thị .

- *Hướng thượng kiểm chùy* : Tức là đệ nhất nghĩa đế mà vị thầy dùng để tiếp dẫn và rèn luyện người học .

- *Hướng thượng nhất cơ* : Chỉ cho phương tiện hoặc cơ dụng khéo léo mà người học có thể nương cậy, để tiến thẳng vào cảnh giới cứu cánh của chư Phật .

- *Hướng thượng nhân, Hướng thượng cơ* : Chỉ cho người có khả năng thể nhận cảnh giới của chư Phật một cách triệt để .

- *Hướng thượng tông thừa* : Tức là yếu chỉ huyền diệu cùng tột của Thiên tông .

\* **Hữu** : Âm theo Phạn là *Bhava*. Hữu nghĩa là tồn tại, sinh tồn. Trong kinh điển Phật giáo, phạm vi sử dụng từ “Hữu” rất rộng, về ý nghĩa và sự phân loại của nó cũng có nhiều thuyết khác nhau.

Theo Luận Đại Tì-bà-sa 60, “Hữu” có rất nhiều nghĩa, nhưng chủ yếu chỉ quả thể dị thực của chúng sanh hữu tình và các nghiệp có khả năng chiêu cảm quả thể dị thực này, cũng là nghiệp nhân thiện ác chiêu

cảm quả báo khổ vui. Vì loại nhân quả báo ứng này nối tiếp không mất nên gọi là “Hữu”.

*Theo Luận Câu-Xá 9, Luận Thành Duy Thức 8*, nghiệp có khả năng đưa đến quả báo vị lai nên gọi là “Hữu”, hữu này chỉ cho chi “Hữu” trong 12 nhân duyên.

“Hữu” biểu thị cho sự tồn tại của các pháp, đối lại với “Vô”, không tồn tại. *Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* thì cho rằng các pháp tồn tại, 3 đời thật có; nhưng *tông Duy Thức* thì cho rằng các pháp *Y tha khởi tính* là “Giả hữu”, *Viên thành thật tính* là “Thật hữu”, nhưng ý nghĩa của “Thật hữu” này không giống với ý nghĩa “3 đời thật có” của *Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* mà chỉ cho *Thật tính* (chân như) của các pháp là thường tồn, cùng khắp. Vì thật tính ấy không sinh diệt, cho nên *tông Duy Thức* đặc biệt gọi “Hữu” này là *Diệu hữu, Chân hữu*.

Ngoài ra, vì phàm phu chấp trước cõi Sắc và cõi Vô Sắc là cảnh giới giải thoát nên thường khởi ý niệm vọng cầu sinh về 2 cõi này, Phật pháp vì muốn ngăn dứt tình chấp này cho nên lập ra các “Hữu”, để nói lên rằng 2 cõi này chẳng phải là cảnh giới giải thoát chân thật, như gọi “Tham” của cõi Sắc và cõi Vô Sắc là “Hữu tham”, gọi phiền não là “Hữu lậu” hoặc gọi ái của cõi Vô sắc là “Hữu ái”.v.v... Về chủng loại, “Hữu” gồm có:

**1. Ba hữu:** Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu.

**2. Bảy hữu:** Địa ngục hữu, ngạ quỷ hữu, bàng sinh hữu, thiện hữu, nhân hữu, nghiệp hữu, trung hữu.

**3. Hai mươi lăm hữu:**

- 4 *ác thú:* Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và A-tu-la.

- 4 *châu:* Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu và Bắc Câu Lô Châu.

- 6 *tầng trời cõi Dục:* Trời Tứ Thiên Vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc và trời Tha hóa tự tại.

- *Các tầng trời cõi Sắc*: Trời Sơ thiên, trời Đại Phạm, trời Nhị thiên, trời Tam thiên, trời Tứ thiên, trời Vô Tưởng và trời Ngũ tịnh cư.

- *Các tầng trời cõi Vô sắc*: Trời Không vô biên xứ, trời Thức vô biên xứ, trời Vô sở hữu xứ và trời Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

**4. Hai mươi chín hữu**: tức là 24 Hữu trên cộng với 5 tầng trời của Ngũ Tịnh Cư: Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện, Sắc cứu cánh.

Ngoài ra, bậc Thánh Sơ quả còn phải qua lại 7 lần trong nhân gian và cõi trời, cộng lại thành 14 lần sinh, mỗi lần sinh lại chia làm sinh hữu và trung hữu, nên tổng cộng 28 hữu, còn gọi 28 sinh. Đây là số lần thụ sinh cao nhất của bậc Thánh Sơ quả, cho nên không bao giờ có cái hữu thứ 29. Do trạng thái tồn tại của tất cả vạn hữu khác nhau mà có chia làm nhiều Hữu, được gọi chung là “Chư hữu”, chư hữu này rộng lớn vô biên giống như biển cả nên còn được gọi là “Chư hữu hải”.

*Luận Đại Trí Độ 12* chia các pháp tồn tại ra làm 3 hữu:

1. *Tương đãi hữu*: tức là sự tồn tại (hữu) có đối đãi, như: lớn nhỏ, dài ngắn .v.v...
2. *Giả danh hữu*: tức là hữu do nhiều nhân duyên tập hợp mà thành, như thân người do 4 đại giả hợp, là Hữu giả danh mà không có thật thể.
3. *Pháp hữu*: Pháp do nhân duyên sinh ra, tuy không có tự tính nhưng chẳng phải hữu danh vô thật như sừng thỏ, lông rùa .v.v...

\* **Hữu Đảnh thiên**: Từ Phạn : *Akanisatha*; Hán âm: *A-ca-ni-tra*; Còn gọi : **Sắc Cứu Cánh Thiên**. Theo *Phẩm Tự, Kinh Pháp-Hoa 1*; *Luận Đại Tỳ-bà-sa 74*; *Luận Câu-Xá 24*; *Pháp-Hoa Nghĩa Số 2 (Cát Tạng)* thì *Hữu Đảnh Thiên* là tầng trời thứ 9 thuộc Tứ Thiên Thiên của cõi Sắc, là đỉnh cao nhất của thế giới hữu hình.

Ngoài ra, *Hữu đảnh thiên* cũng chỉ cho tầng trời thứ 4 của cõi Vô Sắc, tức là cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, vì tầng trời này là đỉnh cao nhất của 3 cõi, vẫn Trường hàng, Trùng tụng của Kinh Pháp-Hoa bản



tiếng Phạn hiện còn, đều dùng từ Bhavāgra (Hữu Đảnh) chứ không dùng từ Akanistha.

\* **Hữu Lộ:** Phạn âm : *Sāsrava* (Đổi lại: Vô lộ). Phiền não sinh ra làm cho con người trôi lăn không dừng trong thế giới mê vọng, khó có thể ra khỏi biển khổ sinh tử.

Trong 4 Thánh đế: Khổ đế và Tập đế thuộc về quả và nhân mê vọng, là pháp hữu lộ; còn Diệt đế và Đạo đế là quả và nhân giác ngộ, thuộc về pháp vô lộ. Pháp hữu lộ, vô lộ có vị trí rất quan trọng trong nhân và quả của sự tu hành.

Hữu lộ có nhiều tên gọi khác như: Thủ uẩn, Hữu tránh, Khổ, Tập, Thế gian, Kiến xứ, Tam hữu, Hữu nhiễm, Hữu nhiễm ô, Hữu phú, Trần cấu .v.v...

Theo *Đại thừa A-tì-đạt-ma Tạp Tập Luận 3*, Hữu lộ có 6 loại: Lộ tự tính, Lộ tương thuộc, Lộ sở phược, Lộ sở tùy, Lộ Tùy thuận, Lộ chủng loại.

Theo *Luận Câu-Xá 20*, thì Hữu lộ còn là 52 loại phiền não ở cõi Sắc và Vô Sắc.

\* **Hữu Lộ pháp** : Đổi lại : *Vô lộ pháp* . *Hữu lộ pháp* là pháp mà các lộ (phiền não) tùy thuận tăng trưởng lẫn nhau . Chỉ pháp Khổ đế và Tập đế trong Tứ đế. Các phiền não này đối với pháp tương ứng là Khổ đế, Tập đế và cảnh sở duyên của nó, tùy thuận, tăng trưởng lẫn nhau, nên gọi là pháp Khổ đế, Tập đế là Hữu lộ .

Theo *Câu-Xá Luận Quang Ký 1*, sau khi Đức Phật nhập diệt 500 năm, ở nước Viêm-la-phước-chúc có luận sư Pháp Thắng soạn *A-tỳ-đàm Tâm Luận*, dùng “Tùy sinh” để giải thích Hữu lộ. Về sau, luận sư Pháp Cứu soạn *Tạp A-tỳ-đàm Tâm Luận* để bổ túc thêm luận thuyết của ngài Pháp Thắng. Theo ngài Pháp Cứu, Diệt đế và Đạo đế tuy cũng có thể sanh ra các lộ nhưng lộ này chẳng phải hữu lộ, nên cho rằng nghĩa

“Sinh” trong “Tùy sinh” là không đúng, nên đổi “Tùy sinh” thành “Tùy tăng”. Có thể chia Tùy tăng thành 2 loại :

1. *Tương ứng tùy tăng*: tức phiền não và tâm sở mà nó tương ứng tùy thuận tăng trưởng lẫn nhau.
2. *Sở duyên tùy tăng* : tức phiền não và cảnh sở duyên của nó tùy thuận tăng trưởng lẫn nhau .

Ngoài ra, theo *Luận Câu-Xá 1*, Hữu lậu có nhiều tên gọi khác nhau như : *Thủ uẩn, Hữu tránh, Khổ, Tập, Thế gian, Kiến xứ, Tam hữu* .v.v... Còn *Pháp hữu lậu* là tên gọi chung về nhân quả Khổ, Tập (Tập là nhân, Khổ là quả) trong 3 cõi thế gian . Cũng trong *luận Câu- Xá 2*, cho rằng 15 giới (5 căn, 5 trần, 5 thức) trong 18 giới là hữu lậu, 3 giới còn lại (ý căn, pháp trần và ý thức) thì chung cho cả hữu lậu và vô lậu .

\* **Hữu Tình** : Phạn âm : *Sattva*. Hán âm : *Tát-đa-bà, Tát-đỏa-phạ, Tát-đỏa*. Còn gọi : *Hữu thức, Hữu linh* . Hữu tình là loài có tình thức và có sự sinh tồn.

Về quan hệ giữa “Hữu tình” và “Chúng sinh” có nhiều thuyết khác nhau. Có thuyết cho rằng *Hữu tình* là chỉ riêng cho các sinh vật có tình thức như loài người, chư thiên, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la .v.v... Còn vật không có tình thức như cây cỏ, ngói đá là vô tình. Còn *Chúng sinh* thì bao gồm cả 2 loại *Hữu tình* và *Vô tình* . Nhưng có thuyết cho rằng *Hữu tình* tức là tên khác của *Chúng sinh*, cả hai cùng một thể nhưng khác tên .

\* **Hữu Tướng** : là có hình tướng. Âm theo Phạn: *Sakara*. Đối lại là *Vô tướng*. Theo *Luận Đại Thừa Khởi Tín, kinh Đại Nhật 7*, hữu tướng chỉ cho tướng trạng sai biệt của các pháp hữu hình. Phạm có tướng sinh diệt đối đời gọi là Hữu tướng hay Hữu vi pháp.

Theo *Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa 10, thượng*; Nếu dùng lý “Hữu” để đặc đạo mà chia Hữu thành các thứ bậc khác nhau như Thập địa .v.v...

để tiến tu hầu hiển bày công đức hình tướng của nó thì gọi là Hữu tướng. Nếu một pháp nào căn cứ vào nguyên lý tương đối sai biệt mà thành lập, thì đó cũng là Hữu tướng.

Ngoài ra, quán sự tướng sai biệt của thế tục gọi là *Hữu tướng quán*, tu muôn hạnh thiện gọi là *Hữu tướng thiện*; chỉ rõ vị trí, thiết lập Tịnh độ bằng hình tượng thanh tịnh gọi là *Hữu tướng độ*, đó là căn cứ vào sự tướng sai biệt, đối với vô tướng bình đẳng mà gọi là Hữu tướng. Còn nói theo thân tướng của Chư Phật thì thân 32 tướng 80 vẻ đẹp là Hữu tướng. **Ứng thân, báo thân là Hữu tướng. Pháp thân là vô tướng.** *Thiền tông* gọi giáo môn là Hữu tướng, Thiền là vô tướng. Các thuyết thường cho Hữu tướng là nói theo nghĩa hẹp, Vô tướng là nói theo nghĩa sâu xa, nhưng trong Mật giáo thì cho rằng Hữu tướng gồm có 2 nghĩa: Cận hẹp và sâu kính.

\* **Hữu Vi** : Còn gọi là: **Hữu vi pháp**; Âm theo Phạn là: *Samskrta*. Pháp do tạo tác mà có, tức chỉ chung cho các hiện tượng do nhân duyên hòa hợp mà sinh khởi. Cũng là tất cả hiện tượng nằm trong quan hệ hổ tương, sinh diệt biến hóa, lấy 4 tướng hữu vi: *Sinh, trụ, di, diệt* làm đặc trưng. Trái lại, pháp nào vĩnh viễn bất biến và tuyệt đối tồn tại thì gọi là Vô vi pháp.

*Theo Câu-Xá Luận Quang Ký 5*, nhân duyên tạo tác gọi là “Vi”. Các pháp Sắc, Tâm từ nhân duyên sinh, vì có sự tạo tác của nhân duyên nên gọi là Hữu vi, do đó Hữu vi cũng là tên khác của pháp duyên khởi. Tiểu thừa chú trọng việc dùng Hữu vi để nói về sự vô thường của con người, còn Đại thừa thì chú trọng đến việc phân tích các hiện tượng vật chất và tinh thần trong thế giới, để thuyết minh lý Tính Không, duy tâm.

Thông thường, cho 5 uẩn là pháp Hữu vi; còn trong 75 pháp của *Tông Câu-Xá* thì pháp Hữu vi chiếm hết 72 món. Trong 100 pháp của *tông Duy Thức*, pháp Hữu vi chiếm 94 món. Nói chung, pháp Hữu vi có

thể chia làm 3 loại, gọi là Tam Hữu vi. Đó là *Sắc pháp* (vật chất), *Tâm pháp* (tâm), *Phi sắc phi tâm pháp* (Bất tương ứng pháp).

Pháp Hữu vi là pháp vô thường, chuyển biến dời đổi trong từng sát-na, nên còn gọi là *Hữu vi chuyển biến*. Sinh, trụ, dị, diệt (tứ tướng Hữu vi) là đặc trưng căn bản của pháp Hữu vi, cũng có thuyết hợp 2 tướng *Trụ, Dị* thành 1 mà lập Tam tướng Hữu vi.

*Luận Câu-Xá* có nêu 4 tên khác của pháp hữu vi: *Thế Lộ, Ngôn y, Hữu ly, Hữu sự*.

\* **Hữu Vô** : Âm theo Phạn: *Bhava-abhava*. Sự tồn tại (hữu) và không tồn tại (vô).

Trong Phật giáo, nếu cho rằng tất cả vật tồn tại đều là giả tướng thì gọi là Giả có (giả hữu); vì chúng tùy nhân duyên mà sinh diệt, không có thật thể thường trụ (ngã, tự tính), cho nên nói vô ngã, vô tự tính. Trái lại, nếu chấp tất cả là thường trụ (thật có) bất biến và tồn tại vĩnh cửu thì gọi là Hữu kiến, Ngã kiến. Nếu siêu việt được loại Hữu kiến, Ngã kiến này thì hiểu rõ được lý vô thường, vô ngã, không .v.v... Nhưng tuyệt đối không được xem vô ngã, vô thường, không .v.v... này là một loại tư tưởng hư vô mà phải thấu triệt chân nghĩa của nó.

Tư tưởng hư vô bị Phật giáo phê bình là “Hư vô không kiến”, tư tưởng này và ngã kiến, hữu kiến đều là chấp trước nên phải phá trừ. Đức Thích Tôn chủ trương lý Trung Đạo có năng lực phá trừ chấp trước Hữu, Vô mà liễu ngộ lý Thật tướng. Do đó, chữ “Vô” trong Phật giáo là chỉ cho cái “Không” siêu việt Hữu, Vô. *Trung Luận của ngài Long-Thụ* (Phạn: *Nāgārjuna* 150-250) đã phá tư tưởng “Hữu”, đồng thời nói rõ chân nghĩa “Không”, làm cho người không còn quan niệm “Không” là hư vô mà rơi vào Không kiến.

Hữu và Vô vốn là 2 nghĩa của 1 pháp tức các pháp do nhân duyên mà sinh, có tồn tại đó là “Hữu” và cũng vì do duyên sinh nên không tự tính, đó là “Vô”. Nếu chấp trước bất cứ một nghĩa nào trong 2 nghĩa đó

đều dễ rơi vào kiến giải thiên lệch hạn hẹp, cho nên Phật giáo chủ trương thuyết Trung đạo, để phá trừ kiến giải trên mà thể ngộ nghĩa chân thật của các pháp.

\* **Hy Hữu** : Phạn âm : *Áscarya* . *Hy hữu* là việc hiếm có và rất khó gặp. Sự thị hiện của Đức Phật cũng như giáo pháp của Ngài rất hy hữu, cho nên gọi Ngài là *Hy Hữu Đại Pháp Vương* và gọi giáo pháp của Ngài là *Hy pháp* .

*Kim Cương Kinh Toản Yếu San Định Ký 3* cho rằng, Đức Phật có 4 thứ hy hữu :

1. *Thời hy hữu* : Sự xuất thế của Đức Phật chẳng phải là việc thường có ở thế gian .
2. *Xứ hy hữu* : Trong Tam thiên thế giới, Đức Phật đã không xuất hiện ở nơi khác mà chỉ giáng sinh ở thành Ca-tỳ-la .
3. *Đức hy hữu* : Đức Phật là bậc có vô lượng phước đức, trí tuệ, là bậc tối tôn không ai sánh bằng .
4. *Sự hy hữu* : Việc làm trong một đời của Đức Phật là dùng chính pháp để giáo hóa, đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh .

Nếu người nào liễu tri được diệu pháp của chư Phật, sinh tâm tôn trọng chẳng thể nghĩ bàn, thì cũng được gọi là người *hy hữu* . *Luận Kim Cương Tiên 10* ghi : “Thấu rõ được nghĩa lý và yếu chỉ sâu xa của Bát-nhã, chỉ có chư Phật mà thôi. Hàng phàm phu, nhị thừa, tiểu căn, tiểu hạnh không thể thụ dụng được . Vì khó có người tin nhận nên gọi là *Hy hữu*”.

Theo *Quán Kinh Sơ Tán Thiện Nghĩa* của ngài Thiện Đạo, nếu người nào niệm Phật liên tục không gián đoạn thì người đó là người hy hữu trong thế gian , giống như hoa Phân-đà-lợi .

\* **Hý luận** : Phạn: Prapanca. Hý luận là lời nói hay luận thuyết trái với chân lý, không thể làm cho các thiện pháp được tăng trưởng.

*Luận Du-Già Sư Địa 91*, ghi : “Những lời nói dẫn đến sự tư duy phân biệt gọi là hý luận. Vì sao ? Vì những lời nói ấy không thể làm tăng thêm chút pháp lành nào và cũng không thể làm giảm đi pháp ác”. Theo *Luận Phật Tánh 3*, Hý luận có 3: Tham ái, ngã mạn và kiến chấp.

\* **Hỷ** : Phạn âm : *Su-manas*. Hỷ là sự vui vẻ trong tâm. Một trong 5 thụ, gọi là Hỷ thụ . Một trong 22 căn, gọi là Hỷ căn .

Theo *Luận Câu-Xá 3*, hành tướng hoan hỷ của tâm ở Sơ tĩnh lự, Đệ nhị tĩnh lự và cõi Dục, thô động, có tính chất hỷ tham, gọi là “Hỷ” ; còn hành tướng hoan hỷ của tâm ở Đệ tam tĩnh lự thì an tĩnh, đã lìa hỷ tham, nên gọi là “Lạc”.

Theo *Luận Thành Duy Thức 5*, sự vui vẻ của tâm ở cõi Dục và Cận phần định của Sơ tĩnh lự, Đệ nhị tĩnh lự gọi là “Hỷ”; còn sự hoan hỷ của tâm căn bản ở Sơ tĩnh lự, Đệ nhị tĩnh lự thì gọi là “Hỷ” hoặc “Lạc”.

Từ ngữ “Dũng dước hoan hỷ” (hớn hở vui mừng .v.v...) nói trong kinh là biểu thị trạng thái vui mừng lúc nghe Phật thuyết pháp.

Theo *Thập Địa Kinh Luận* của ngài Thế Thân, đầu tiên chia Hỷ làm 3 loại: Hữu tâm hỷ, Thế hỷ, Căn hỷ. Kế đó là nêu 9 loại :

1. *Kính hoan hỷ* : Vui vẻ cung kính Tam Bảo .
2. *Ái hoan hỷ* : Vui vẻ ưa thích quán pháp chân như .
3. *Khánh hoan hỷ* : Vui mừng tự biết sở ngộ thù thắng.
4. *Điều nhu hoan hỷ* : Niềm vui do thân, tâm điều hoà tăng trưởng.
5. *Dũng dước hoan hỷ* : Niềm vui đầy đủ, khắp cả thân tâm .
6. *Kham thụ hoan hỷ*: Vui vẻ khi thấy mình tiếp cận sự giác ngộ.
7. *Bất hoại hoan hỷ*: Vui khi được điều phục, giải thoát, bàn luận mà tâm không dao động.

8. *Bất não hoan hỷ*: Niềm vui vì lòng từ bi nhu hoà, giáo hoá nhiếp thụ chúng sinh .

9. *Bất sân hoan hỷ*: Niềm vui khi thấy chúng sinh oai nghi bất chính mà không sinh tâm giận dữ.

\* **Hỷ Xả**: Âm theo Phạn : *vyavasarga-rata*; Còn gọi: *Tịnh xả, tịnh thí*.

Theo *Kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán 4* thì Hỷ xả là hoan hỷ dùng tiền bạc, của báu để cúng dường Tam Bảo.

Theo *Luận Đại Trí Độ 20* thì Hỷ vô lượng tâm và Xả vô lượng tâm nằm trong 4 vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả). Tư duy quán xét vô lượng chúng sinh lia khổ được vui mà nhập vào Hỷ đẳng chí (Đẳng chí là một trong nhiều tên của Định), gọi là Hỷ vô lượng tâm. Tư duy quán xét chính mình đối với vô lượng chúng sinh, không thương cũng không ghét, nhập vào Xả đẳng chí, gọi là Xả vô lượng tâm.



**K**

\* **Khai thị ngộ nhập** : Từ ngữ đặc biệt của *kinh Pháp Hoa* nói về mục đích của Đức Phật khi xuất hiện ở thế gian . *Khai* là khai mở Như Lai tạng ; *Thị* là hiển thị hoặc chỉ bày ; *Ngộ* là liễu ngộ, giác ngộ ; *Nhập* là thể nhập vào tri kiến Phật .

Theo *Phẩm Phương Tiện*, *kinh Pháp Hoa 1*, Chư Phật xuất hiện ở thế gian là vì một đại sự nhân duyên, tức khai mở chỉ bày cho chúng sinh liễu ngộ và chứng nhập vào tri kiến Phật .

*Pháp Hoa Văn Cú 4*, *phần đầu*, đã căn cứ theo *Tứ trí*, *Tứ vị*, *Tứ môn* và *Quán tâm* để giải thích sự phối hợp từng loại :

1. Phối hợp với *Tứ vị* của Bồ Tát : “Khai” phối hợp với *Thập trụ* ; “Thị” phối hợp với *Thập hạnh* ; “Ngộ” phối hợp với *Thập hồi hướng* ; “Nhập” phối hợp với *Thập địa* .

2. Phối hợp với *Tứ trí* : “Khai” phối hợp với *Đạo huệ* ; “Thị” phối hợp với *Đạo chủng huệ* ; “Ngộ” phối hợp với *Nhất thiết trí* ; “Nhập” phối hợp với *Nhất thiết chủng trí* .

3. Phối hợp với *Tứ môn* : “Khai” phối hợp với *Không môn* ; “Thị” phối hợp với *Hữu môn* ; “Ngộ” phối hợp với *Diệc không diệc hữu môn* ; “Nhập” phối hợp với *Phi không phi hữu môn*.

4. Phối hợp với *Quán tâm* : Dùng “Nhất tâm tam quán” của *tông Thiên Thai* để trực tiếp giải thích lý *Khai thị ngộ nhập* . *Tam quán* là *quán không*, *quán Giả* và *quán Trung* .

a. Quán thấu suốt được lý “Tâm tính tam đế” chẳng thể nghĩ bàn, pháp quán này trong sáng không nghi ngại, cho nên gọi là **Khai** .

b. Cảnh quán này tuy không thể nghĩ bàn, nhưng tâm có thể quán *Không*, *Giả*, *Trung* phân biệt rõ ràng không xen tạp, nên gọi là **Thị** .

c. Tam quán *Không*, *Giả*, *Trung* tức 3 mà 1, tức 1 mà 3 cho nên gọi là **Ngộ** .

d. Tam quán *Không*, *Giả*, *Trung* không phải là 3 quán riêng biệt mà là quán chiếu *Không*, *Giả*, *Trung* ở trong cùng một tâm, nên gọi là **Nhập** .



\* **Kham nhẫn** : Âm theo Phạn: *Ksama*. Nhẫn nại chịu đựng sự áp bức thống khổ của thân và tâm. *Kinh Đại Bát Niết Bàn 26* ghi “Chẳng tiếc thân mạng, kham nhẫn các nạn”. Ngoài ra, Saha (Hán âm: Ta-bà), cũng được dịch là Kham nhẫn.

Chúng sinh trong thế giới Ta-bà nhẫn chịu 3 độc tham, sân, si và các khổ não, hơn nữa các vị Bồ Tát vì giáo hóa chúng sanh mà nhẫn chịu một nhọc, nên thế giới Ta-bà còn gọi là thế giới Kham nhẫn.

\* **Khách trần** : Phạn âm : *Akasmāt-klesa*. Còn gọi: **Khách trần phiền não**. Đối lại: *Tự tính thanh tịnh*. Khách trần là chỉ phiền não. Phiền não vốn chẳng phải là vật sẵn có của tâm tính, do mê lý mà khởi lên , cho nên gọi là Khách, làm dơ bẩn tâm tính giống như bụi bặm làm dơ muôn vật, cho nên gọi là Trần. Bản tính chúng sinh vốn thanh tịnh, nhưng do nhiều hiện tượng ngoại cảnh hợp nhau, dẫn đến việc đối cảnh sinh mê mà tâm khởi phiền não.

Theo *Chú Duy-ma Kinh*, Tâm gặp ngoại duyên, phiền não nổi dậy, cho nên gọi là khách trần. Ngoài ra, chữ Trần (bụi) vốn là mảnh rất nhỏ của sắc thể , cho nên lấy nó để dụ cho phiền não, như hạt bụi nhỏ không chỗ nào là không có, cùng khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, người tu tập cần phải trừ bỏ khách trần này mới có thể thành Thánh quả.

*Kinh Thủ Lăng Nghiêm 1*, ghi : “Tất cả chúng sinh không thể thành Phật được là do bị khách trần phiền não làm mê hoặc”.

Theo *Luận Phật Tính 4*, Khách trần phiền não gồm có 9 thứ: Tuỳ miên tham dục, Tuỳ miên sân, Tuỳ miên si, Tham sân si đẳng cực trọng thượng tâm hoặc (Tâm do tham sân si làm mê hoặc nặng nề), Vô minh trụ địa, Kiến đế sở diệt, Tu tập sở diệt, Bất tịnh địa, Tịnh địa hoặc.

\* **Khả úy** : Tên gọi của quỷ La-sát; *xem La-sát*.

\* **Khất Sĩ** : Phạn âm: Bhikṣu. Hán âm: Tỳ kheo. Khất sĩ là những vị sống đời sống thanh tịnh, khất thực để duy trì sắc thân.

\* **Khất thực** : Âm theo Phạn: *Paindapātika*. Còn gọi: *Đoàn đọa, Phần vẹ, Thác bát, Hành khất .v.v...* Khất thực là đi xin thức ăn của mọi nhà để

nuôi dưỡng sắc thân, là 1 trong 12 hạnh đầu đà. Khất thực vốn có 2 ý nghĩa:

**1/. Tự Lợi** . Dứt bỏ mọi việc thế tục, làm phương tiện tu đạo.

**2/. Lợi Tha** . Tạo phước điền cho chúng sanh.

Khất thực thuộc về chính mạng thanh tịnh của tăng sĩ, nếu tự làm những việc sinh kế để nuôi thân, đó là tà mạng.

Theo *Kinh An Lạc*, sự khất thực của Phật đem lại 10 lợi ích cho chúng sinh:

**1/. Dứt khổ**. Nhờ Phật đi khất thực, gặp những kẻ tật bệnh, khổ não như: mù, què, câm, điếc thì Ngài dùng sức thần mà trị cho lành mạnh, hết khổ.

**2/. Đặng vui**. Thấy Phật ra đi khất thực, chúng sanh lấy làm kính mến, nhờ vậy mà họ được vui sướng, phước hậu.

**3/. Dứt kiêu ngạo**. Chính mình là bậc tôn quý mà ra đi khất thực, Phật làm cho chúng sinh tôn trọng, dứt lòng kiêu ngạo.

**4/. Nguyện đầy bát**. Trong khi Phật đi trì bình, nhà giàu thì cúng đầy bát chớ không hơn nữa, mà năm ba nhà nghèo thì cũng dâng đầy bát. Vậy nhà giàu chẳng thí hơn, mà nhà nghèo chẳng thí kém.

**5/. Cúng thí phân phát**. Phật và chư Tăng khất thực đem về, phân ra làm bốn phần:

a. Chia sót cho người đồng tu và cúng thí cho quỷ thần.

b. Thí cho người nghèo khổ, tật bệnh và kẻ ăn xin.

c. Thí cho loài súc-sanh ở dưới nước và ở trên đất liền.

d. Phần thứ tư là về mình thọ dụng.

**6/. Những chúng sinh bị ngăn ngại thì đồng gặp Phật** . Có nhiều kẻ tật bệnh, già cả hoặc đàn bà, trẻ nhỏ chẳng có dịp đến Tịnh-xá, như thấy Phật đi khất thực mà đặng gặp Phật và đặng khai tỏ thiện tâm.

**7/. Năng trì bát**. Cái bát của Phật cầm đi khất thực là do Chư Thiên vì tôn kính mà cúng dường.

**8/. Làm nghi thức cho chúng sinh**. Mỗi ngày Phật đi khất thực là để cho chư Tỳ-kheo các đời sau làm theo như Phật.

**9/. Dứt sự chê bai**. Chính Phật còn đi khất thực, sự ấy làm cho ngoại đạo và kẻ thế đem lòng kính trọng, chớ chẳng dám chê.

**10/. Trừ sự tham ái**. Phương pháp khất thực của Phật khiến cho các nhà tu hành noi theo, tránh khỏi sự thâu trữ vật thực và tiền của, diệt lòng tham.

\* **Khẩn-Na-La**: nửa giống người, nửa giống thần. Người không phải người. Một hạng chúng sanh có tài tấu nhạc, thường tấu nhạc Pháp; tấu những bài nhạc về đạo lý. Khẩn-Na-La là một trong Tám bộ chúng sanh, Thiên Long Bát bộ thường hầu theo nghe Pháp một cách cung kính mỗi khi Phật giảng kinh Đại Thừa. Hồi đức Phật Thích Ca giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa, có bốn vị vua Khẩn-Na-La đến châu nghe Pháp, có dắt theo cả trăm ngàn quyến thuộc trong loài Khẩn-Na-La. Bốn vị vua ấy là: Pháp Khẩn-na-la vương, Diệu Pháp Khẩn-na-la vương, Đại Pháp Khẩn-na-la vương, trì Pháp Khẩn-na-la vương.

\* **Khế kinh** : Hán âm: *Tô-đát-la*; Còn gọi: **Kinh**, *Diên kinh*.

Khế kinh là từ gọi chung kinh điển, là giáo pháp mà Đức Phật diễn nói được ghi chép giữ gìn và truyền bá cho đời sau. Một trong 3 tạng Thánh điển Phật giáo, là 1 trong 9, hoặc 12 thể loại kinh. Kinh điển có công năng xuyên suốt văn nghĩa khiến cho không bị tán thất, lại có công năng nhiếp trì chúng sinh, làm cho chúng sinh không rơi vào đường ác, cho nên theo nghĩa dụ mà gọi là Tô-đát-la.

\* **Không** : Âm theo Phạn: *Sūnya*; Âm Hán-Việt: *Thuấn-Nhã*; Hán dịch: *Không vô, Không hư, không tịch, Không tịnh, Phi hữu* ; Đối lại với “Không” là “Hữu”.

“Không” là sự hư huyền không thật của sự vật hoặc sự rỗng lặng trong sáng của lý thể. Quan niệm cho tất cả sự vật tồn tại đều không có tự thể, thật ngã .v.v... được gọi là tư tưởng “Không”. Tư tưởng này có từ thời Phật còn tại thế, rõ ràng nhất là trong Phật giáo Đại thừa, tư tưởng “Không” còn là tư tưởng căn bản của hệ thống Kinh Bát-Nhã.

### 1. Nhi Không:

*a/ Theo Phẩm Quán Tà Kiến, Trung Luận 4, Luận Thành Duy Thức 1* thì “Không” gồm có 2 loại: *Nhân không* và *Pháp không*. *Nhân không* nghĩa là trong cá thể của hữu tình không có sự tồn tại của thật ngã, cho nên *Nhân không* còn gọi là *Ngã không, Chúng sinh không, Sinh không, Nhân vô ngã* .v.v... *Pháp không* nghĩa là tất cả pháp do nhân duyên sinh đều không có thật thể tồn tại, nên còn gọi là *Pháp Vô Ngã*. Tiểu thừa chỉ

nói *Nhân không* mà không nói *Pháp không*, còn đại thừa thì chủ trương **Nhân-Pháp nhị không**.

b/ Theo *Phẩm Thân Kiến, Luận Thành Thật 10*, “Không” được chia làm 2 loại: *Tích không* và *Thể không*. *Tích không* tức là phân tích sự vật tồn tại đến khi không còn phân tích được nữa thì gọi là Không, còn *Thể không* nghĩa là ngay nơi bản thân của tất cả sự vật tồn tại là Không, đương thể tức là Không. *Tiểu thừa và Tông Thành Thật* chủ trương *Tích không*, còn *Đại thừa* thì chủ trương *Thể không*.

c/ Theo *Tam Luận Huyền Nghĩa*, “Không” có 2 loại: *Đản không* và *Bất đản không*. *Đản không* nghĩa là chấp Không mà không biết Chân không và Diệu hữu; *Bất đản không* chính là *Trung đạo không*, nghĩa là biết rõ Chân không và thừa nhận Diệu hữu.

## 2. Tam Không:

a/ Theo *Luận Biện Trung Biên, trung; Luận Hiển Dương Thánh Giáo 15* thì ba tính: *Biến kế sở chấp, Y tha khởi* và *Viên thành thật* đều có nghĩa “Không”, cho nên gọi đó là *Tam Không*. Cảnh mà phạm phu vọng chấp thuộc về tính *Biến kế sở chấp*, tính này xưa nay là Không, cho nên gọi là *Vô tính không*; *Pháp do nhân duyên sinh* thuộc về tính *Y tha khởi*, khác với tính *Biến kế sở chấp*, nhưng chẳng phải hoàn toàn Vô mà cũng chẳng phải là Hữu. Nhưng do chúng sinh chấp trước cho nên gọi đó là *Dị tính không*; còn *Chân như* là tính *Viên thành thật*, là tự tính do quán nhân và pháp đều không mà hiển hiện, đó là tự tính không.

b/ Theo *Kim Cương Kinh Toản Yếu San Định Ký 1*, “Không” có 3 thứ: *Nhân không, Pháp không* và *Câu không*.

3. **Tứ Không**: Theo *Kinh Đại tập 54; Kinh Đại Phẩm Bát-Nhã 5*, “Không” có 4 loại: *Pháp pháp tướng không, Vô pháp vô pháp tướng không, Tự pháp tự pháp tướng không* và *Tha pháp tha pháp tướng không*.

4. **Lục Không**: Theo *Luận Xá-Lợi-Phất A-tì-dàm 16*, “Không” có 6 loại:

a/ *Nội không*: còn gọi *Thụ giả không, Năng thực không*, nghĩa là 6 nội xứ (6 căn) đều là Không.

b/ *Ngoại không*: còn gọi *Sở thụ không, Sở thực không*, nghĩa là 6 ngoại xứ (6 cảnh) đều là Không.

c/ *Nội ngoại không*: còn gọi *Thân không, Tự thân không*.

d/ **Không không**: Không sở quán cũng Không, cho nên còn gọi là *Năng chiếu không*.

e/ *Đại không*: còn gọi *Thân sở trụ xứ không*, nghĩa là các thế giới trong 10 phương đều là Không

g/ *Đệ nhất nghĩa không*: còn gọi *Thắng nghĩa không*, *Chân thật không*, *Chân cảnh không*, nghĩa là ngoài các pháp thì không có gì gọi là Tự tính thật tướng.

**5. Thất Không**: Theo Kinh Lăng-Già 1 (bản 4 quyển), “Không” có 7 thứ:

a/ *Tướng không* (hay *Tự tướng không*): là *Tự tướng* và *Cộng tướng* của các pháp đều Không.

b/ *Tính tự tính không* (còn gọi: *Tự tính không*): nghĩa là tự tính các pháp là Không.

c/ *Hành không*: Năm uẩn xa lìa ngã và ngã sở, vì do nhân duyên sinh.

d/ *Vô hành không* (còn gọi: *Bất hành không*): Trong 5 uẩn không hề có Niết Bàn.

e/ *Nhất thiết pháp lý ngôn thuyết không*: Tất cả pháp Không, không thể diễn tả bằng ngôn ngữ

g/ *Đệ nhất nghĩa thánh trí đại không*: “*Đệ nhất nghĩa không*” thấy được từ quả vị Thánh trí.

h/ *Bỉ bỉ không*: Minh, người, kia, đây, đều Không, là Không theo nghĩa hẹp.

**6. Thập Không**: Theo Luận Đại Tì-bà-sa 8, “Không” có 10 loại: *Nội không*, *Ngoại không*, *Nội ngoại không*, *Hữu vi không*, *Vô vi không*, *Tán hoại không*, *Bản tính không*, *Vô tế không*, *Thắng nghĩa không* và **Không không**.

**7. Thập nhất không**: Theo Kinh Niết Bàn “Không” có 11 loại: *Nội không*, *Ngoại không*, *Nội ngoại không*, *Hữu vi không*, *Vô vi không*, *Vô thủ không*, *Tính không*, *Vô sở hữu không*, *Đệ nhất nghĩa không*, **Không không** và *Đại không*. Trong đó, *Vô sở hữu không* còn gọi là *Bất khả đắc không*.

**8. Thập lục không**: Theo Luận Biện Trung Biên, thượng, “Không” có 16 loại: *Nội không*, *Ngoại không*, *Nội ngoại không*, *Đại không*, **Không không**, *Thắng nghĩa không*, *Hữu vi không*, *Vô vi không*, *Tất cánh không*, *Vô tế không*, *Vô tán không*, *Bản tính không*, *Tướng không*, *Nhất thiết pháp không*, *Vô tính không* và *Vô tính tự tính không*. Trong đó, *Tất cánh không* là cái Không cùng cực nhất. *Vô tính không* còn gọi là *Bất xả ly không*, *Bất xả không*.

**9. Thập bát không:** Theo Kinh Đại Phẩm Bát Nhã 3, Kinh Đại Tập 54, Luận Đại Trí Độ 31, “Không” có 18 loại: Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Đại không, **Không không**, Đệ nhất nghĩa không, Hữu vi không, Vô vi không, Tất cánh không, Vô thủ không, Tán không, Tính không, Tự tướng không, Chư pháp không, Bất khả đắc không, Vô pháp không, Hữu pháp không và Vô pháp hữu pháp không.

\* **Không Giới** : Còn gọi: *Không Đại*. Không giới tức Hư không, là một trong 5 đại, 6 đại.

Năm đại gồm: Đất, nước, lửa, gió, không (thuộc sắc pháp), nếu thêm Thức đại (thuộc tâm pháp) thì thành 6 đại. Đây là những nguyên tố cơ bản tạo thành hữu tình hoặc thể giới vô tình. Vì thể tính của chúng rộng lớn, trùm khắp tất cả mọi nơi nên gọi là Đại. Không giới bao hàm hư không và tất cả những kẽ hở, lỗ hổng trong và ngoài thân như khe cửa, những khoảng trống trong miệng, mũi .v.v...

\* **Không Không** : Một trong Lục Không, trong Thập Không, trong Thập nhất Không, trong Thập lục Không, trong Thập bát Không . Tất cả pháp là Không ; Không và không, cũng là không ; trống không. Là có là không, đó gọi là Không Không .

\* **Không Tịch**: Đó là trạng thái vắng lặng xa lìa hình tướng các pháp.  
 - Theo *Phẩm Tín Giải, Kinh Pháp Hoa 2*: tất cả các Pháp đều vắng lặng, không sinh cũng không diệt, không lớn cũng không nhỏ, vô lậu vô vi.  
 - *Phẩm Phật Quốc, Kinh Duy-ma, thượng (Đại 14, 538 thượng)* ghi: “Không nhiễm thế gian như hoa sen, thường khéo nhập vào hạnh Không tịch”.

Ngoài ra, từ ngữ “*Không tịch, linh tri tâm*” được Thiền tông dùng để chỉ cho tâm linh diệu hiển hiện, khi đã bật dứt mọi đối đãi.

\* **Khổ** : Âm theo Phạn: *Dukha*, Hán âm: Đâu-khư, Nhạ-khư, Nạp-khư. Chỉ trạng thái khổ não bức bách thân tâm. Khổ và Vui là sự tồn tại có tính đối nhau. Tâm duyên vào đối tượng vừa ý thì cảm thấy vui, duyên vào đối tượng không vừa ý thì cảm thấy khổ. *Kinh Phật Địa (q.5)*: “*Cái làm cho thân tâm buồn phiền gọi là khổ*”.

\* **Khổ Diệt Đế** : Còn gọi: Khổ tận đế, Khổ diệt thánh đế, Thụ diệt khổ diệt Thánh đế, Diệt đế (Phạn: *Nirodha-satya*; gọi đầy đủ: *Thánh diệt đế*).

Khổ diệt đế (Diệt đế) là Chân đế về sự diệt tận Khổ và Tập; tức chân lý về giải thoát, 1 trong 4 Thánh đế, giáo nghĩa căn bản của Phật Giáo. Loài người nếu dứt trừ được nguồn gốc của khổ đau (ái dục) thì có thể từ trong khổ đau triền miên đó mà chứng được sự giải thoát, hiểu biết chắc chắn đúng như thật giáo nghĩa mà không mảy may lầm lạc, đó là Diệt đế.

*Các kinh luận giải thích* Diệt đế đều khác nhau nhưng giáo nghĩa cơ bản đều xét rõ sự thật và đoạn trừ cội gốc các khổ cùng ái dục thì được khổ diệt, nhập vào cảnh giới Niết Bàn.

\* **Khổ Đế** : Âm theo Phạn là *Dukkha-satya*; Còn gọi là **Khổ Thánh Đế** (*Dukkharya-satya*).

Khổ đế là sự thật về các khổ hữu lậu trong 3 cõi, như tam khổ, bát khổ .v.v... *Thuyết Nhất thiết Hữu Bộ* cho Lạc khổ là thật có và lấy *khổ nhiều vui ít* làm nghĩa của Khổ đế. Nhưng *Kinh Bộ* thì cho rằng, trong các Uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) hoàn toàn không có Lạc thụ.

*Luận Đại Thừa A-Tì-đạt-ma Tập Tập 6 (Đại 31, 719 trung)* ghi: “Từ sinh khổ đến Oán tắng hội khổ thuộc về khổ khổ, vì đó là pháp Thuận khổ thụ, là nghĩa tự tướng của khổ; Ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ thuộc Hoại khổ, vì đã được lại mất, mong cầu thì chưa được, là pháp Thuận lạc thụ, là tự tướng của Hoại. Tất cả những khổ thuộc về năm thủ uẩn thì thuộc hai vô thường. Từ sinh khổ đến cầu bất đắc khổ là khổ thuộc về Thế tục đế, vì đó là cảnh giới trí thế gian; Tất cả các khổ về năm thủ uẩn là khổ thuộc về Thắng nghĩa đế”.

\* **Khổ Tập Đế** : Còn gọi: *Khổ tập thánh đế*, **Tập đế** (Phạn: *Samudaya-satya*). Gọi đầy đủ: *Tập thánh đế* (Phạn: *Samudayarya-satya*). Chân đế là nguyên nhân sinh khởi các khổ, một trong 4 thánh đế, giáo nghĩa căn bản của Phật giáo.

“Tập” nghĩa là gom nhóm. Nếu tâm tương ứng với kết nghiệp thì vị lai nhất định sẽ gom nhóm các khổ sinh tử, nên gọi là Tập. “Đế” nghĩa là chắc thật, không hư dối. Xét kỹ tất cả phiền não, hoặc nghiệp ta thấy

chúng có năng lực gom nhóm quả khổ sinh tử trong 3 cõi ở đời vị lai, nên gọi là Tập đế; tức chân đế về sự sinh khởi và nguồn gốc các khổ của con người. Nguồn gốc của khổ là khát ái, do khát ái nên hình thành “đời sau” và “thân sau”. Trọng tâm của khát ái là ngã kiến hư vọng, sinh khởi từ vô minh, nếu có khát ái thì sẽ có sinh tử luân hồi; muốn dứt từ sinh tử thì phải dùng trí huệ chiếu soi chân lý, thật tướng, chứng đắc Niết Bàn, đoạn trừ khát ái, vượt thoát khổ luân hồi.

\* **Khổ Tưởng** : Còn gọi: *Khổ tư tưởng*. Khổ tưởng là pháp quán tưởng về khổ. Thân 5 ấm thường bị các khổ bức bách, nếu quán sự vô thường của tất cả các pháp hữu vi thì trí huệ phát sinh, tất cả khổ đều diệt, gọi là khổ tưởng.

\* **Khu khiển** : Còn gọi: *Tẫn xuất* (Phạn âm: *Pravrājana, nāsana*), *Diệt tận, Khu tận, Tẫn phát, Khu xuất, Tẫn trị khu khiển, Tẫn*.

*Khu khiển* là trục xuất khỏi giáo đoàn, không cho sống chung với Tăng chúng. Đây là một trong các hình thức xử phạt đối với các chúng xuất gia phạm giới. Phương pháp này tương đương với việc thu hồi tăng tịch, nên còn gọi là *Tẫn tịch*.

Về nguyên nhân bị *Tẫn xuất*, *Luật Thập tụng 21* ghi: Đối với người phạm tội Ba-la-di thì

Không cho họ xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu đã xuất gia thọ giới Cụ túc thì phải *Diệt tận*. *Điều Tỳ Tẫn Sa-di Giới* trong *Luật Tứ Phần 17* ghi : Nếu vị Sa-di bị chúng Tăng quở trách mà không chịu bỏ ác kiến thì phải *Diệt tận*. *Kiên-độ Thọ Giới* trong *Luật Tứ Phần 34, 45* nêu người phạm 13 điều như: *Phạm Tỳ-kheo-ni, tặc tâm nhập đạo ...* thì không cho xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu đã cho xuất gia thọ giới Cụ túc thì phải *Diệt tận*. Do đó, ta biết rằng sự trừng phạt bằng hình thức *Tẫn xuất* chính là bảo hộ các Tỳ-kheo khác và bảo toàn oai đức của Tăng già.

\* **Khủng Bố** : Phạn: *Bhaya*. Khủng bố là sợ hãi. Nguyên nhân của sự sợ hãi sinh khởi từ tâm ngu si, chấp có thật ngã, thật pháp, nên lúc nào cũng sợ hãi và hoang mang. *Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa Tâm Kinh*, ghi: “*Bồ-đề Tát-đỏa y vào Bát-nhã Ba-la-mật-đa nên tâm không có quái ngại, vì*



không quái ngại, nên không có khủng bố, xa lìa điên đảo mộng tưởng, đạt đến cứu cánh Niết Bàn”.

\* **Khư-Đà-La** : Phạn âm : *Khadira*. Hán dịch: *Tử Khương, Diêm mộc, Cương nghạnh mộc, Ngoạn thụ, Không phá mộc*. Còn gọi: *Khư-đạt-la, Kiếp-đà-la, Kiếp-địa-la, Kiết-đạt-la, Khả-địa-la, Kiết-địa-lại-ca, Khư-đề-la-ca, Ha-khiết-la, Kha-khế-la*. Gọi tắt: *Khư-đà* .

*Khư-đà-la* là một loại cây, gỗ rất cứng nên thường được dùng làm cây hộ-ma hoặc cọc kim cương trong pháp tu của Mật giáo. Trong các kinh luận như : *Trường A-Hàm 18* và *Câu-Xá Luận Quang Ký 11*, đều có nói đến núi *Khư-đà-la*, vì trên núi này có rất nhiều cây *Khư-đà-la*, nên lấy tên cây đặt tên núi .

\* **Kiêu mạn**: hay kiêu mạn là tự cao, ngạo, xác, khinh khi. Một mối phiền não, một điều thất buộc con người vào vòng luân hồi khổ não. Một phần trong *Ngũ thượng phân kết*.

*Phật di giáo kinh*: Tỳ kheo các người! Nên xoa lấy đầu mình (vì là đầu trọc), hãy bỏ những đồ sửa soạn làm tốt đi, mặc áo bằng màu tồi tệ, ôm bình bát, nương việc xin ăn mà nuôi sống lấy mình. Tự thấy mình như vậy, nếu khởi ra lòng kiêu mạn, thì mau nên đập tắt nó đi. Nuôi lớn lòng kiêu mạn, kẻ bạch y thế tục còn chẳng nên thay, huống chi là người xuất gia nhập đạo vì cầu sự giải thoát nên hạ thân mình mà đi xin ăn ?

*Tỳ ni mâu luận*: Sở dĩ thế phát (cạo tóc) là để từ bỏ tấm lòng kiêu mạn tự thị vậy.

*Trí độ luận*: Cạo đầu, mặc áo nhuộm, ôm bát khát thực, đó là cái pháp để phá lòng kiêu mạn.

*Niết Bàn Kinh*,(q.31): Có nhiều nguyên cơ làm cho nhà tu hành sanh lòng kiêu mạn:

1. Hoặc vì thọ hưởng sự vui sướng.
2. Hoặc vì thuyết pháp.
3. Hoặc vì tinh cần trong việc tu học.
4. Hoặc vì hiểu nghĩa lý, có tài vấn đáp.
5. Hoặc vì gần gũi với bạn xấu.
6. Hoặc vì bố thí vật đáng giá.
7. Hoặc vì có công làm những việc phước thiện thế gian.

8. Hoặc vì mình là nhà sang cả, được người ta cung kính.

Trong khi còn vương lòng kiêu mạn, khoan tu trí huệ, hãy tu thiền định trước đã.

\* **Kiến** : Âm theo Phạn là *Drsti, Darsána*. Hán dịch là *Đạt-lị-sắc-trí*. Đó là sự nhận biết nhất định đối với một sự vật nào đó mà mắt nhìn thấy. Kiến có chính kiến, tà kiến

- Theo *Luận Đại Tì-bà-sa 95*; Kiến có 4 nghĩa: Quán xét, suy lường chọn lựa, chấp chặt và thâm nhập hoặc 2 nghĩa: ngắm soi, tìm tòi.

- Theo *Luận Câu-Xá 2, 26*; Kiến được chia làm 8 loại: Năm loại Kiến nhiễm ô (Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ kiến, Giới cấm thủ kiến) thuộc Bất chính kiến; Chính kiến thế gian, Chính kiến hữu học, Chính kiến vô học thuộc Chính kiến.

- *Luận Sư Thế Hữu của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* cho rằng Kiến là tác dụng quán chiếu của nhãn căn.

- Theo *Đại Chúng bộ và Luận Thành Thật 4* thì Kiến là tác dụng của nhãn thức. Còn Đại thừa cho rằng Kiến là do căn và thức hòa hợp mà sinh.

- Theo *Tông Duy-Thức*, 8 thức Tâm vương và hành tướng năng duyên của Tâm sở là Kiến phần hoặc tương đương với Kiến.

Trong kinh luận phần nhiều căn cứ theo nghĩa suy lường mà chia Kiến ra làm nhiều loại khác nhau như 2 kiến, 7 kiến, 10 kiến ...

\* **Kiến biên** : đảo từ. Xem **Biên kiến**.

\* **Kiến Đắc** : Còn gọi: *Kiến đáo, Kiến chí*. Âm theo Phạn: *Drsti-prapta*.

Hành giả dùng trí huệ thù thắng mà đạt đến chân lý gọi là Kiến đắc. Đó là một trong 7 bậc Thánh, 1 trong 18 bậc Hữu học, 1 trong 27 bậc Hiền thánh.

Theo *Luận Câu-Xá*, người lợi căn ở giai vị tu đạo thấy Pháp đạt được Lý mà chứng quả, gọi là Kiến đắc. Trái lại, người độn căn thì do nơi lòng tin mà hiểu được chân lý.

\* **Kiến Lập**: Thiết lập pháp môn, xây tháp đắp tượng.

\* **Kiến Tánh** : Tân dịch: **Kiến tính**. Thấy được Phật tánh ở tự tâm. *Hoàng Bá Đoạn Tế Thiên Sư Uyển Lăng Lục* ghi : “Tức tâm là Phật. Trên đến chư Phật, dưới đến tất cả các loài hàm linh nhỏ nhít đều có Phật tánh, đồng một tâm thể. Do đó, ngài Đạt-ma từ Tây Thiên sang chỉ truyền một pháp, chỉ thẳng tất cả chúng sinh xưa nay là Phật, chẳng cần tu hành, chỉ cầu hôm nay thấy rõ tâm tính của chính mình, chớ tìm cầu gì khác”.

\* **Kiết Phước** : từ đồng nghĩa . Xem **Hệ Phước** .

\* **Kiết Sử** : Tên khác của phiền não. Theo *Luận Đại Trí Độ 5; Đại Thừa Nghĩa Chương 5*, phần đầu thì “Kiết” là các phiền não trói buộc chúng sinh làm cho không thể ra khỏi sinh tử; “Sử” là các phiền não sai khiến làm não loạn chúng sinh. Kiết có 9 loại (Ái, Khuể, Mạn, Vô minh, Kiến, Thủ, Nghi, Tật, San); Sử có 10 loại (Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Hữu thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ kiến, Giới cấm thủ kiến), gọi là 9 kiết 10 sử. *Luận Đại Trí Độ 1 (Đại 25, 58 hạ)* ghi: “Tất cả chúng sanh bị kiết sử làm cho phiền não, từ vô thủy sinh tử cho đến nay không ai có thể trị được bệnh này”.

\* **Kiều Đàm Di** : Phạn âm : *Gautami*. Còn gọi : *Kiều-đáp-di, Câu-đàm-di, Cù-đàm-di, Cù-di, Câu-di*. **Kiều Đàm Di** là bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề, dì của Đức Phật.

*Pháp Hoa Huyền Tán 9* ghi : “Tiếng Phạn là Kiêu-đáp-di, Hán dịch là Nhật Chích chủng, còn gọi là Cam Giá chủng . “Di” là Dì, tức Di mẫu của Đức Phật”.

\* **Kiều xa da (Kiều xa gia)**: Phạn âm : *Káuseya*. Còn gọi : *Cao-thế-da y, Kiêu-thi-da y, Kiêu-xá-day, Câu-xá y*. Hán dịch : *Trùng y, Tàm* .

*Kiều xa da* là loại y được dệt bằng tơ tầm hoang dã, tức là y bằng lụa. Trong *kinh Thất Phật* gọi là *Kiều-thi y*. Trong các bộ luật, giới pháp Xả đọa thứ 11 trong 30 pháp Xả đọa là may y bằng *Kiều-xa-da*.

*Luật Thập tụng 7*, có nói về nhân duyên Đức Phật chế giới này như sau: Các Tỳ kheo ở nước Câu-diêm-di làm y mới bằng *Kiều-xa-da*, muốn xin bông, sợi, vải, tơ ... Nhưng bông, sợi giá đắt vì phải giết nhiều tầm

mới có. Các Tỳ kheo này thường đến nhà cư sĩ chán ghét chê trách rằng (đại 23, 47 hạ) : “ Các Tỳ kheo xin bông, xin sợi, xin vải, xin tơ, đem về làm phụ cụ, bận rộn nhiều, bỏ bê việc tụng kinh, tọa thiền, hành đạo, cúng dường những vị ấy thật là không ích lợi gì, họ là những người không biết đủ”. Đức Phật nghe việc ấy liền chế giới không được dùng *Kiêu-xa-da* làm y mới. Nếu sử dụng thì phạm tội *Ni-tát-ki ba-dật-đề*.

\* **Kim cang** : Tân dịch: **Kim Cương**, có hai nghĩa:

1. Đọc theo Phạn: *Phạt-chiết-la*, tức là điểm chấn, lưỡi tầm sét, như nói: Kim cang bát nhã ba la mật, Kim cang lực sĩ.

2. Bảo châu kiên cố, ánh triệt, tức là chất hột thủy xoàn, như nói: Kim cang châu, hễ là kim cang thì dao búa chém chẳng hư.

Người Tây-Thiên hiểu chữ Kim cang theo nghĩa điểm chấn; người Đông Độ thường hiểu theo nghĩa hột thủy xoàn (Diamant). Kim cang gồm bốn nghĩa này: 1. Kiên cố, không sức nào phá nổi, 2. Quý báu khó kiếm, 3. Có công dụng tiện lợi và sức tự tại, lại có sức phá hoại các vật, 4. Có hình chất trong sạch, ánh triệt.

*Niết Bàn Kinh*: Tỷ như Kim cang (thủy xoàn), không vật nào phá hoại được nó, mà nó có thể phá hoại tất cả mọi vật, chỉ trừ ra hai món này mà thôi: mu rùa và sừng con dê trắng. Tất cả những vật mà loài Kim xí điểu nuốt vào bụng như rồng, cá, vàng, bạc cùng các châu báu, thấy đều tiêu hóa hết; chỉ trừ chất Kim cang (thủy xoàn) thì chẳng hề tiêu.

\* **Kim Sí Điểu**: từ đồng nghĩa . Xem **Ca-lâu-La**.

\* **Kinh** : Phạn âm : *Sūtra*. Hán âm: *Tu-đa-la, Tố-đát-lãm, Tô-đát-la*. Hán dịch : *Khế kinh, Chính kinh, Quán kinh* . Kinh là giáo pháp mà Đức Thế Tôn diễn nói được ghi chép giữ gìn và truyền bá cho đời sau. Một trong 3 tạng Thánh điển Phật giáo (Kinh, Luật, Luận), là 1 trong 9 hoặc 12 thể loại kinh . Giáo lý do Đức Thích Tôn giảng nói vốn gọi là Pháp (Đạt-ma), nghĩa là giáo pháp, đời sau ghi chép lại làm sách giáo lý cương yếu mà gọi là Kinh (Tu-đa-la). Tu-đa-la vốn là dụng ngữ của Bà-la-môn giáo, về sau được Phật giáo sử dụng và thường được chỉ cho loại văn trường hàng, hàm ý “văn nghĩa được nối kết nhau không rời rạc”.

\* **Kinh điển** : Từ gọi chung cho giáo pháp Đức Phật đã tuyên thuyết được ngài A-Nan kiết tập, gồm những bài pháp truyền khẩu lúc đầu và sách vở ghi chép sau này.

*Phẩm Tựa trong kinh Pháp Hoa 1 (Đại 9, 2 hạ)* ghi : “Thánh chúa như sư tử, diễn nói các kinh điển, thật vi diệu đệ nhất”.

\* **Kinh hành** : Phạn âm: *Cankramana*. Kinh hành là đi quanh theo một chiều ở nơi nhất định một cách thong thả nhàn hạ để giữ cho thân tâm an tĩnh. Kinh hành thường được thực hiện sau khi ăn cơm, ngồi thiền bị hôn trầm hay lúc mỗi mệt.

Theo kinh *Đại Tỳ Kheo Tam Thiên Oai Nghi thượng*, có 5 chỗ thích hợp để kinh hành: Nơi vắng vẻ, trước sân nhà, trước giảng đường, quanh tháp, dưới gác.

*Luật Tứ Phần 59* ghi, kinh hành được điều lợi ích:

1. Có sức chịu đựng lúc đi xa.
2. Có thể yên lặng tư duy.
3. Ít bệnh hoạn .
4. Tiêu thực .
5. Trụ lâu trong thiền định.

\* **Kinh Niết Bàn** : Gọi đầy đủ: *Bắc Bản Niết Bàn Kinh* ; Còn gọi: *Kinh Đại Bát Niết Bàn* .

Kinh, 40 quyển, do ngài Đàm Vô Sấm dịch vào đời Bắc Lương, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính Tạng tập 12. Để phân biệt với kinh Niết Bàn bản Nam, nên gọi riêng kinh này là kinh Niết Bàn bản Bắc. Nội dung kinh này tuyên nói về tư tưởng Đại thừa như thân Phật thường tại và hết thảy chúng sinh đều có Phật tánh .

\* **Kỳ Hoàn Tịnh Xá** : Tịnh Xá ở vườn ông Cấp Cô Độc, rừng cây của thái tử Kỳ Đà.



**L**

\* **La Hán** : Gọi đầy đủ : **A-La-Hán** . Danh vị cao nhất của Tiểu thừa đã giác ngộ. Có 3 nghĩa: **1.** Sát tặc: giết giặc phiền não; **2.** Ứng Cúng: xứng đáng được nhận sự cúng dường của trời và người; **3.** Bất sinh: mãi mãi vào Niết Bàn, không phải chịu quả báo sống chết lần thứ hai. Đắc quả A-La-Hán thì có đủ 6 phép huyền diệu. Các bậc Bồ Tát khi giáng sinh xuống cõi trần vẫn phải thiền định lại mới đắc quả A-La-Hán. Bậc A-La-Hán đã thoát khỏi phiền não, được tự do tự tại, hoàn mỹ về mặt đạo lý, làm chủ được tư tưởng của mình, biết hết tất cả.

\* **La Hưu La**: Người con đầu lòng của đức Phật Thích Ca, ở trong thai 6 năm, sinh ra trong đêm đức Phật thành đạo (Ngày 8 tháng Chạp Âm Lịch), 15 tuổi xuất gia, khi ngài Xá Lợi Phất là hòa thượng thì La Hưu La làm Sa-di, rồi chứng quả A-La-Hán. Ngài là người tu mật hạnh đệ nhất trong 10 đại đệ tử của đức Phật. Về sau trong Hội Pháp Hoa, ngài theo về Đại thừa, được đức Phật thọ ký thành vị Phật hiệu là: “Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai”.

\* **La-Sát**: *Ràksava* (Dị loại). Còn gọi là *La-sát-sa*, *La-xoa-sa*, *La-khất-sát-sa*, *A-lạc-sát-sa*. Hán dịch: **Khả úy**, *Tóc tật quỷ*, *Hộ già*. Nếu là nữ giới thì gọi là *La-xoa-tư*. Tên chỉ chung các loài ác quỷ trong thần thoại Ấn-Độ, dịch là hung bạo khả úy (hung ác đáng sợ) được thấy ghi đầu tiên trong bộ Lê-Câu-Phệ-Đà. Xét, La-Sát vốn là tên gọi của một dân tộc thời cổ của Ấn-Độ, đến người A-ni-an (Nhã-lị-an) mới trở thành danh từ có nghĩa xấu. Lại nữa, La-sát nam là người mình đen, tóc đỏ, mắt xanh; còn La-sát nữ là người đàn bà tuyệt đẹp.

\* **Lạc**: Sukha. Gặp cảnh tốt, duyên tốt, thân tâm được vui vẻ thì gọi là Lạc. *Luận Phật Đại*, (q.5): “*Thân tâm vui vẻ thì gọi là Lạc*”.

\* **Lạc Thọ** : Còn gọi: **Lạc Thọ**. Âm theo Phạn là *Sukha-vedanā*. Lạc thọ là nhận lãnh cảnh vừa ý, khiến cho thân tâm được vui vẻ ưa thích, là 1 trong 3 thọ, 1 trong 5 thọ.

Trong 3 thọ: Khổ thọ, Lạc thọ, Xả thọ thì Lạc thọ là cảm nhận vui thích của thân và tâm. Trong 5 thọ: Khổ thọ, Lạc thọ, Ưu thọ, Hỷ thọ, Xả thọ thì thân cảm nhận vui thích, gọi là Lạc thọ, còn tâm cảm thụ vui thích gọi là Hỷ thọ.

- Nhưng *Luận Câu-Xá* 3 lại cho rằng: Tịnh lự thứ ba (Tam thiền) không có thân thụ, chỉ có tâm thụ, an tịnh mà không có phân biệt, vì sự cảm thụ vui thích ấy rất nhẹ nhàng, nên gọi là Lạc thụ mà không gọi là Hỷ Thọ.

\* **Lâm Tỳ Ni** : Phạn âm : *Lumbini* . Còn gọi : *Lâm-tỳ-ni viên, Lạp-phạt-ni viên, Lâm-nhi viên, Lâm-vi-ni viên, Lâm-bể viên, Lâu-tỳ viên, Long-di-nễ viên, Long-tần viên, Luận-dân viên, Lưu-di-ni viên* . Hán dịch : *Hoa quả đẳng thắng diệu sự cụ túc, Lạc thắng viên quang giải thoát xứ, Khả ái, Hoa hương, Đoạn, Diệt, Diêm* .

*Lâm-tỳ-ni* là khu vườn hoa nằm khoảng giữa vùng Câu-lợi và Ca-tỳ-la-vệ thuộc Trung Ấn Độ thời xưa, do Hoàng hậu *Lâm-tỳ-ni* của vua Thiện Giác (Phạn : *Suprabuddha*) thiết lập, cũng là nơi Đức Phật đản sinh . Vườn này có một thời bị bỏ hoang, mãi cho đến khi phát hiện trụ đá của vua A-Dục, mới biết đây là Thánh địa nơi Đức Phật đản sinh, do đó mọi người dốc lòng gìn giữ .

Vườn *Lâm-tỳ-ni* ở địa phận nước Népal ngày nay. Di tích của vườn hiện còn một khu đất có chiều dài từ Đông sang Tây khoảng 30 mét, chiều rộng từ Nam đến Bắc khoảng 20 mét, có ao tắm hình vuông và ngôi nhà bằng gạch, gọi là nhà thờ Lỗ-mục-mễ-diệt, vách bên trong chính điện có khắc tượng phu nhân Ma-da bằng đá, là tác phẩm vào thời đại Vương triều Cấp-đa hoặc sau đó .

\* **Lậu** : Âm theo Phạn: *Āsrava*. Lậu tức rỉ chảy hoặc tiết ra bên ngoài, là tên gọi khác của *phiền não*. Chúng sinh ở trong 3 cõi phiền não, cho nên từ 6 căn như: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiết ra những lỗ lấm, khiến cho lưu chuyển sinh tử trong 3 cõi, do đó phiền não gọi là Lậu.

Theo *Luận Đại Tì-bà-sa* 47, Lậu có 6 nghĩa:

1/. *Lưu trụ*: Có thể khiến cho hữu tình ở mãi trong tam giới.

2/. *Yếm trữ*: Chúng tử nghiệp bị lưu giữ ở trong phiền não, để dẫn sinh thân đời sau.

3/. *Lưu phái*: Phiền não từ 6 giác quan rỉ chảy ra.

4/. *Cấm trì*: Chúng sinh bị phiền não giam giữ mà trôi lăn trong các cõi, không có khả năng tự tại hướng đến Niết Bàn.

5/. *Mị hoặc*: Bị phiền não làm mê hoặc mà khởi ra 3 ác nghiệp.

6/. *Túy loạn*: Giống như uống rượu say sưa, không biết hổ thẹn, điên đảo, buông lung.

Bởi vì chữ Lưu, tiếng Phạn: āsrava có nghĩa là “lưu”, cho nên dẫn sinh ra nghĩa là rỉ chảy, lại còn có nghĩa “tọa”, cho nên dẫn sinh ra nghĩa “lưu trụ yếm trữ”.

Về phân loại các lậu, *Kinh Đại Bát Niết Bàn* nêu ra 7 lậu:

1/. *Kiến lậu*.

2/. *Tu lậu*.

3/. *Căn lậu* : Từ 6 căn tiết ra lỗi lầm.

4/. *Ác lậu* : Những phiền não do vua ác, nước hỗn loạn, tri thức ác mà sinh ra.

5/. *Thân cận lậu*: Những phiền não do những thứ gần gũi như: Y phục, phòng xá ... mà sinh ra.

6/. *Thụ lậu*: Phiền não do các thụ mà sinh ra.

7/. *Niệm lậu*: Phiền não do tà niệm mà sinh ra.

\* **Lậu Tận Thông** : Còn gọi: *Lậu tận thân thông, Lậu tận thông chứng, Lậu tận trí chứng thông*. Phạn âm : *Āsrava-ksaya-jnāna-sāksātkriyābhijyā*.

*Lậu tận thông* là thân thông đoạn hết tất cả phiền não hoặc nghiệp, xa lìa sanh tử luân hồi. Tức là chứng được lậu tận trí, đoạn hết tất cả phiền não hữu lậu, trụ trong thiền định mà thị hiện đầy đủ oai đức, một trong 6 thứ thân thông.

*Luận Xá-lợi-phất A-tì-dàm 10 (Đại 28, 597 trung)* ghi : “Như trí huệ sinh, hữu lậu đã hết đạt được vô lậu, tâm giải thoát, huệ giải thoát, hiện đời tự chứng biết, công hạnh đã thành tựu; sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau. Đó gọi là **Lậu tận trí chứng thông**”.



Ngoài ra, theo *Luận Câu-Xá*, trong Lục thông thì 5 loại thân thông trước, hàng phàm phu, dị sinh cũng có thể chứng được, còn *Lậu tận thông* chỉ có bậc Thánh mới có thể chứng được.

Theo *Luận Đại Trí Độ 28*, *Lậu tận thông* có thể chia làm 2 loại:

1. Lậu tập đều dứt. Chỉ cho sở chứng của Đức Phật.
2. Lậu dứt mà tập chưa dứt. Chỉ cho sở chứng của Bồ Tát.

\* **Liên Đài** : Còn gọi: *Liên Hoa đài*, *Hoa đài*, *Liên Hoa tòa*, *Hoa tòa*.

*Liên đài* chỉ đài tòa hoa sen của Đức Phật và Bồ Tát hoặc riêng chỉ đài sen của Đức Phật A-di-đà. Bởi vì đặc điểm của hoa sen là mọc từ bùn nhơ mà không nhiễm bùn. Cho nên đài sen của Phật, Bồ tát biểu thị ý ở cõi nhơ bản mà xa lìa trần cấu, được thanh tịnh, thần lực tự tại.

Theo *Luận Đại Trí Độ 8*, Đức Phật và Bồ tát không ngồi trên giường mà ngồi trên hoa sen vì các lý do sau :

1. Vì giường là chỗ ngồi của hàng Bạch y.
2. Đức Phật và Bồ tát thị hiện thần lực, ngồi trên hoa sen mềm mại trong sạch mà không làm hư hại hoa.
3. Khéo trang nghiêm tòa diệu pháp.
4. Các hoa đều nhỏ, riêng hoa này to lớn có mùi thơm tinh khiết.

Luận này cho rằng, các loại hoa sen lớn khác nhau, như hoa sen ở cõi người lớn không quá 1 thước mà hoa sen ở ao *Mạn-đà Cát-ni* và *A-na-bà-đạt-đa* lớn như lọng dù ; hoa sen báu trên trời càng lớn hơn, có thể ngồi kiết-già trên đó. So với các hoa sen nói trên thì tòa sen của Đức Phật là trang nghiêm thanh tịnh và to lớn hơn gấp trăm nghìn lần.

\* **Liên Hoa** : là hoa sen có tên khoa học: *Nelumbo Nucifera*, thuộc loài tước căn thảo (một loại cỏ nảy mầm từ rễ củ của năm trước). Hoa có hương thơm và màu sắc đẹp đẽ, thường nở vào mùa hạ, cây mọc trong bùn lầy, nhưng hoa rất tinh khiết. Ngày xưa, người dân Ấn-Độ rất quý hoa này.

Theo *đại sử thi Mahabharata* của Ấn-Độ, khi trời đất mới khai mở, ngay rốn của *Tỳ-thấp-nô* (Phạn: *Visnu*) mọc lên một hoa sen, giữa hoa có *Phạm thiên* ngồi kiết già, sáng tạo ra vạn vật. *Tỳ-thấp-nô* và vị thần phối ngẫu của ngài đều dùng hoa này để làm biểu trưng cho mình; có thuyết cho hoa sen là 1 trong 7 món báu của trời *Đa Văn* (Phạn: *Kubera*). Phật

giáo cũng quý trọng hoa sen, phần nhiều Phật và Bồ Tát đều dùng hoa sen làm tòa, Bồ Tát thập địa sinh nơi cung trời *Ma-hê-thủ-la*, ngồi trên tòa *Bảo liên hoa vương* mà thành Phật.

Ngoài ra, hoa sen còn dụ cho trái tim của con người (Phạn âm: *Hrd*, Hán âm: *Hãn-lật-đa*; Hán dịch: *Nhục đoàn tâm*) và cũng biểu thị tâm trong sạch như hoa sen vốn có của chúng sinh.

\* **Liễu Nghĩa** : Phạn âm: Nitartha. Liễu nghĩa là nghĩa chân thật rõ ràng của các pháp được trực tiếp giải thích rõ ràng. Giáo pháp trình bày trực tiếp, rõ ràng, tường tận nghĩa lý chân thật của Phật đạo được gọi là Liễu nghĩa giáo. Như các kinh Đại thừa nói sinh tử Niết Bàn không khác. Kinh điển thuyết minh đạo lý này gọi là Kinh liễu nghĩa, do Phật nói.

Còn như thuận theo trình độ chúng sanh mà dùng phương tiện, giáo tướng dẫn dắt, gọi là Bất liễu nghĩa giáo (Vị liễu nghĩa giáo). Như các kinh tuyên nói khiến cho chán lìa sinh tử, ham thích Niết Bàn, kinh nói giáo bất liễu này được gọi là kinh bất liễu nghĩa (Kinh vị liễu nghĩa), do Bồ Tát nói ra.

Liễu nghĩa giáo và Bất liễu nghĩa giáo được gọi chung là Nhị liễu. “Y liễu nghĩa kinh, bất y bất liễu nghĩa kinh” là một trong Tứ Y. Ngoài ra, Đại thừa giáo gọi Tiểu thừa giáo là bất liễu nghĩa; còn theo chủ trương của Tiểu thừa Đại Chúng bộ thì thuyết của ngoại đạo thuộc Bất liễu nghĩa. *Luận Thành Thật* cho rằng sự giải thích không rõ ý của kinh điển mà lại câu nệ vào văn tự, tức là Bất liễu nghĩa.

Theo *Luận Du-Già Sư Địa* 54, Thế Tôn lược nói Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt .v.v... nghĩa kia chưa phải là cứu cánh cho nên gọi là Bất liễu nghĩa giáo. Trái lại gọi là liễu nghĩa giáo .

\* **Long Vương** : Âm theo Phạn: *Nāgāraja* ; Âm Hán: *Na-già-la-nhạ*.

Theo *Kinh Hoa-Nghiêm* 43 (bản Tân dịch); *Phần Tu-Di Tạng*, *Kinh Đại Tập* 58 thì Long Vương là Vua Rồng. Tương truyền, khi đức Thích Tôn đản sinh, có 2 vua rồng là *Nan-đà* và *Bạt-nan-đà* phun nước tắm gội cho Ngài.

Theo *Phẩm Tự*, *Kinh Pháp-Hoa* 1, 8 vị đại Long Vương là : *Nan-đà*, *Bạt-nan-đà*, *Ta-già-la*, *Hòa-tu-cát*, *Đức-xoa-ca*, *A-na-bà-đạt-đa*, *Ma-na-tư*

và *Ưu-bát-la* ; còn *Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương 1*, thì có 7 vị Long vương.

Ngoài ra, theo *Kinh Tăng Hộ*, Hải Long Vương biến thành hình người, xuất gia tu hành, nhưng trong khi ngũ quên, nên lộ thân rồng ra, vì thế Phật dạy: *Khi mới sinh, lâm chung, giao cấu, sân nộ, ngũ .v.v... thì rồng sẽ trở lại thân rồng, không thể hóa thành thân loài khác.*

\* **Long Tượng** : Nguyên chỉ cho những con voi mạnh khỏe nhất trong loài voi. Từ này được dùng để tỉ dụ cho người có năng lực mạnh mẽ.

Theo *Duy-Ma Kinh Nghĩa Số 4* của ngài Cát-Tạng, gọi long tượng chẳng phải là 2 con vật, như ngựa hay thì gọi là long mã, voi giỏi thì gọi là long tượng.

Theo *kinh Niết Bàn 2 (bản Bắc)*, Bồ Tát dứt trừ các kiết lậu, gọi là *Đại long tượng Bồ tát Ma-ha-tát*.

Theo *Kinh Hoa-Nghiêm 7 (bản Cựu dịch)*, Long tượng dụ cho uy nghi của Bồ Tát đẹp không gì sánh bằng.

Ngoài ra, tiếng Phạn của Long là *Naga*, còn dịch là Tượng, ý nói rằng long, tượng đều là những loài vật có uy lực lớn trên biển, trên đất liền. Về sau, từ Long tượng này được dùng để chỉ cho bậc Cao tăng có đầy đủ đức độ và thiền định.

\* **Lợi dưỡng** : là những món lợi để nuôi thân. Tiếng chẳng tốt để gọi những thức ăn, vật uống, quần áo, thuốc thang, đồ vật mà người tín thí cung cấp cho những thầy tu chẳng giữ tịnh hạnh, chẳng trì Giới, Định, Huệ ; Là những món ăn, vật uống và đồ đạc thuộc về *thường trụ* mà người ta nương vào đó cốt để nuôi thân hơn là để tu hành.

Có những người vì lợi dưỡng, vì danh tiếng, vì muốn đời sau làm Tiên trên trời hoặc làm người quý phái ở nhân gian, nên xuất gia vào ở chùa, chiến hoặc ở trong núi, rừng. Chớ chẳng phải vì mục đích diệt phiền não, độ chúng sinh .

\* **Lợi ích** : Phạn âm: *Upakara*. Còn gọi: *Nhiều ích*. Gọi tắt: *Lợi, ích* .

Tuỳ thuận Phật pháp sẽ được lợi lạc và hạnh phúc. Lợi ích có 2 loại: Tự lợi và Lợi tha. Tự lợi được gọi là công đức, lợi tha gọi là lợi ích. Lợi ích có được ở hiện đời gọi là “Hiện ích”; Lợi ích có được ở đời sau

gọi là “Đương ích”. Phần đông cho rằng những sự lợi ích như trị lành bệnh, tăng tuổi thọ, được tiền của ... là lợi ích hiện đời.

*Tịnh Độ Chân Tông Nhật Bản* chủ trương, lúc sống ở thế gian có được lòng tin chân thật có thể đạt đến cảnh giới Phật, gọi là Hiện ích, sau khi chết được vãng sinh Tịnh Độ gọi là Đương ích.

\* **Lợi Lạc** : Theo *Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã-ba-la-mật-đa, thượng*; *Thành Duy Thức Luận Thuật Ký 1*, phân đầu thì Lợi lạc là Lợi ích và an lạc, có ích đời sau là lợi, có ích đời này là lạc.

\* **Lợi Sanh** : Tân dịch : **Lợi Sinh**. Gọi đầy đủ: *Lợi ích chúng sinh*. Còn gọi: *Lợi vật*.

Lợi sinh là làm lợi ích cho chúng sinh. *Câu-Xá Luận Thật Nghĩa Sớ 1* ghi : “Đức Phật tu tập phước trí thú hưởng đến Bồ-đề, vì lợi sinh chứ chẳng phải cho chính mình”.

*Vãng Sinh Yếu Tập, thượng* ghi : “Một vạn năm sau, vào thời mạt pháp, các kinh điển đều bị hoại diệt, chỉ còn một câu A-di-đà là làm lợi ích cho chúng sinh”.

\* **Luân Chuyển** : từ đồng nghĩa . Xem **Luân hồi** .

\* **Luân Hồi** : Phạn âm : *Samsāra*; Hán âm : *Tăng-sa-lạc*; Còn gọi : *Sinh tử, Sinh tử luân hồi, Sinh tử tương tục, Luân hồi chuyển sinh, Lưu chuyển, Luân chuyển*.

Chúng sinh tạo nghiệp chết ở kiếp này, rồi lại sinh vào kiếp khác, cứ quay vòng như vậy mãi mãi trong 3 cõi. Đây là giáo nghĩa của Bà-la-môn, Ấn-Độ cổ đại, Phật giáo dùng từ này và phát triển thêm trở thành giáo nghĩa Phật giáo. Bà-la-môn giáo cho rằng 4 giai cấp và tiện dân trong sự luân hồi vẫn y theo giai cấp ấy, không hề thay đổi. Còn Phật giáo chủ trương rằng: Trước khi có nghiệp báo thì chúng sinh bình đẳng, nếu ở hạ đẳng mà kiếp này tu thiện đức thì kiếp tới có thể sinh lên thượng đẳng, thậm chí có thể sinh lên cõi trời. Còn hạng thượng đẳng mà kiếp này làm ác thì kiếp sau có thể sinh vào hạ đẳng. Và nếu muốn diệt sự khổ của luân hồi lục đạo thì trước phải dứt nhân tham, sân, si; vì đây là nguyên nhân khiến cho chúng sinh luân hồi trong tam hữu mãi mãi.

Nếu cắt đứt được ngã chấp và tham, sân, si thì cái khổ luân hồi cũng chấm dứt.

\* **Luận Sư** : Phạn âm: *Adhidharmikacarya*. Hán âm: *A-tì-đạt-ma sư*. Luận sư là chỉ những bậc thông đạt Tạng luận trong 3 tạng. Trong *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da 13*, có nêu ra sự khác biệt giữa Kinh sư, Luật sư và Luận sư.

Theo điều *Mạt-thố-la Quốc, Đại Đường Tây Vực Ký 4*, chúng A-tỳ-đạt-ma cúng dường ngài Xá-lợi-tử. Ở đây ý nói trong 3 tạng đặc biệt chú trọng đến Luận tạng. Người thuyết giải Luận tạng được gọi là Luận sư hay A-tỳ-đạt-ma chúng.

Về sau, từ này cũng dùng để gọi những người tạo luận để xiển dương Phật pháp, chủ yếu chỉ cho các hành giả đại thừa như 10 Đại Luận sư tạo Thành Duy Thức Luận Sở.

\* **Luật** : Còn gọi: *Tì-ni, Tỉ-ni* . Phạn âm: *Vinaya*. Hán âm: *Tỳ-nại-da, Tì-na da, Tỉ nại da*. Hán dịch: *Điều phục, diệt, ly hạnh, thiện tri*.

*Luật* là pháp luật, pháp cấm chế. Là những qui định do Đức Phật chế ra cho Tỳ kheo, Tỳ kheo ni. *Luật* cũng như pháp luật, tùy theo chỗ phạm giới nặng hay nhẹ mà trị phạt.

*Luật* hay *Giới* tuy tên có khác nhau, nhưng cùng chung một thể, vì thế nên có tên ghép là *Giới Luật*.

\* **Luật Sư** : Phạn âm : *Vinaya-dhara*. Còn gọi: *Trì luật sư, Luật giả*. Có 2 nghĩa:

1/. *Luật sư* là vị thông hiểu và giỏi giải thích giới luật của Phật giáo. Như các *luật sư* : Huệ Quang đời Bắc Ngụy, Pháp Lệ, Đạo Tuyên, Hoài Tố đời Đường .v.v...

Theo kinh *Bảo Vân 5 (đại 16, 233 hạ)* : “Bồ tát hội đủ 10 pháp được gọi là *Luật sư* :

- Thông hiểu nhân duyên sinh khởi Tỳ-ni.
- Thông hiểu chỗ sâu xa của Tỳ-ni.
- Thông hiểu sự vi tế của Tỳ-ni.
- Thông hiểu Tỳ-ni việc này được, việc kia không được.
- Thông hiểu các giới tính trọng của Tỳ-ni.

- Thông hiểu các giới chế trọng của Tỳ-ni.
- Thông hiểu nhân duyên chế Tỳ-ni.
- Thông hiểu Tỳ-ni của Thanh văn .
- Thông hiểu Tỳ-ni của Bích Chi Phật.
- Thông hiểu Tỳ-ni Bồ tát” .

2/. *Luật sư* là chức tăng quan thống lãnh *tăng ni*. Về sau chức này được bãi bỏ và thiết lập “*Quyền Luật Sư*”, một trong các vị *Tăng Cương* của Nhật Bản.

*Luật sư* và *Tăng chính, Tăng đô* gọi chung là *Tam cương*. Năm 1285, Luật sư được tôn là “*Ngũ vị điện thượng nhân*”, sau thời Minh Trị Duy Tân thì bãi bỏ.

\* **Lục Ba-la-mật (Sáu pháp Ba-la-mật)**: Phạn âm : *Sad-pāramitā, sat pāramitā*; Gọi đầy đủ là: *Lục Ba-la-mật-đa*; Hán dịch là: **Lục độ, Lục độ vô cực, Lục đạo bỉ ngạn**. Đây là sáu hạnh rất ráo mà Bồ tát Đại thừa cần phải thực hiện để đạt đến Phật quả. Sáu hạnh là:

1. *Bố thí Ba-la-mật*: (âm theo Phạn : *Dāna-pāramitā*), còn gọi: *Đàn-na Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật, Bố thí độ vô cực*. Nghĩa là: bố thí một cách rất ráo viên mãn, gồm có tài thí, pháp thí và vô úy thí. Hạnh này dùng để đối trị với tham lam bôn xển, tiêu trừ được bản cùng.

2. *Trì giới Ba-la-mật*: (âm theo Phạn : *Sila-pāramitā*), còn gọi: *Thi-la Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Giới độ vô cực*. Nghĩa là: Giữ gìn giới luật một cách trọn vẹn, để đối trị với nghiệp ác, khiến cho thân tâm được an lạc.

3. *Nhẫn nhục Ba-la-mật*: (âm theo Phạn : *Ksānti-pāramitā*), còn gọi: *Sần-đề Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Nhẫn nhục độ vô cực*. Nghĩa là: Nhẫn nhục mà không trụ tướng, để đối trị với sân hận, khiến cho tâm được an trụ.

4. *Tinh tấn Ba-la-mật*: (âm theo Phạn : *Vīrya-pāramitā*), còn gọi: *Tì-lê-da Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Tinh tấn độ vô cực*. Nghĩa là: Tự khuyến thân tâm thực hành không gián đoạn 5 Ba-la-mật kia, để đối trị với lười biếng, làm tăng trưởng pháp lành.

5. *Thiền định Ba-la-mật*: (âm theo Phạn : *Dhyāna-pāramitā*), còn gọi: *Thiền-na Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Thiền độ vô cực*. Nghĩa là: Thiền định thù thắng nhất, Bồ Tát tu tập thiền định này có thể đến cảnh giới cứu cánh.

**6. Trí huệ Ba-la-mật:** (âm theo Phạn : Prajnā-pāramitā), còn gọi: *Bát-nhã Ba-la-mật, Huệ Ba-la-mật, Minh độ vô cực*. Nghĩa là: Trí huệ vô phân biệt, nương vào trí huệ này có thể thành tựu 5 Ba-la-mật kia.

Nếu phối hợp 6 Ba-la-mật này với Tam học là *Giới, Định, Huệ* thì *Thí, Giới, Nhân* thuộc về *Tăng thượng giới học, Thiền Ba-la-mật* thuộc về *Tăng thượng tâm học, Bát-nhã Ba-la-mật* thuộc về *Tăng thượng huệ học* còn *Tinh tấn Ba-la-mật* thì thông cả *Tam học*.

*Tông Pháp Tướng* lại chia Trí huệ Ba-la-mật thành 4 loại: Phương tiện, Nguyện, Lực, Trí cùng với 6 Ba-la-mật thành 10 Ba-la-mật cũng là thắng hạnh của Bồ Tát.

\* **Lục Căn (Sáu Căn):** Phạn âm : *Sad indriyāni*; Còn gọi : *Lục tình* .

Theo *Luận Câu-Xá 1 đến 3; Luận Thành Duy Thức 1; Luận Thuần Chính Lý 6; Đại Thừa A-Tì-Đạt-Ma Tập Tập Luận 1* thì Lục căn là sáu cơ quan cảm giác, 6 xứ trong 12 xứ, 6 căn giới trong 18 giới. Sáu căn là:

1. Nhãn căn: Cơ quan thị giác và năng lực thấy sắc của nó.
2. Nhĩ căn: Cơ quan thính giác và năng lực nghe biết của nó.
3. Tỷ căn: Cơ quan khứu giác và năng lực ngửi mùi của nó.
4. Thiệt căn: Cơ quan vị giác và năng lực nếm vị của nó.
5. Thân căn: Cơ quan xúc giác và năng lực xúc chạm của nó.
6. Ý căn: Cơ quan tư duy và năng lực tư duy của nó.

- Năm căn trước còn gọi là Ngũ căn thuộc về sắc pháp (tồn tại về mặt vật chất), cho nên gọi là Sắc căn. Có 2 loại:

1. Phù trần căn: Cơ quan sinh lý, lấy tứ đại làm thể, khi đối cảnh thì sinh ra thức, nhưng chỉ có tác dụng phụ trợ khi căn đối cảnh sinh ra thức.

2. Thắng nghĩa căn: lấy tịnh sắc do tứ đại sinh ra làm tính, có tác dụng chính trong việc căn đối cảnh sinh ra thức.

- Trái lại, ý căn thuộc tâm pháp, là sở y của tâm để sinh khởi tác dụng tâm lý, tức Vô sắc căn.

\* **Lục Chủng Chấn Động (Sáu diệu chấn động) :** Còn gọi: *Lục biến chấn động, Lục phản chấn động*. Gọi tắt: *Lục chấn, Lục động*.

Lục chủng chấn động là Sáu tướng chấn động của mặt đất.

Theo *Phẩm Tự, Kinh Đại Phẩm Bát Nhã 1*, sự chấn động của mặt đất tùy theo phương hướng mà có 6 tướng: Đông trời Tây sụt, Tây trời

Đông sục, Nam trời Bắc sục, Bắc trời Nam sục, bên trời giữa sục và giữa trời bên sục.

Theo kinh *Hoa Nghiêm 16* (bản Tân dịch), kinh *Quảng Bác Nghiêm Tịnh Bất Thoái Chuyển Luân 1* .v.v..., 6 tướng là: Động, khởi, dũng, chấn, hống và kích (điều). “Động” là lay động không yên, “Khởi” là từ thấp dần dần lên cao, “Dũng” là bỗng nhiên vọt lên, 3 thứ này chỉ cho hình thức địa chấn. “Chấn” là phát ra tiếng động âm ỉ, “Hống” là tiếng rống mạnh mẽ của loài thú, “Kích” là phát ra tiếng dội âm âm, 3 thứ này chỉ cho âm thanh địa chấn. “Hình” (hình thức) và “Thanh” (âm thanh) mỗi thứ đều có một loại, gọi là chấn động. Sáu thứ này mỗi thứ đều có 3 tướng: tiểu (độc), trung (biến), và đại (phổ biến, đẳng biến) cho nên cộng chung có 18 tướng là: *Động, biến động, đẳng biến động ; khởi, biến khởi, đẳng biến khởi ; dũng, biến dũng, đẳng biến dũng ; chấn, biến chấn, đẳng biến chấn ; hống, biến hống, đẳng biến hống ; kích, biến kích, đẳng biến kích*. Biến là 4 phía đều lay động, còn Phổ biến là 8 phía đều lay động .

\* **Lục Dục Thiên (Sáu cõi Dục giới)** : *Lục Dục Thiên* là 6 tầng trời cõi Dục bao gồm:

1/. *Tứ Thiên Vương Thiên* (Phạn: *Cāturmahārājakāyika-deva*), (còn gọi: *Đại Vương Thiên, Tứ Vương Thiên*). Có 4 thiên tử: *Trì Quốc, Tăng Trưởng, Quảng Mục, Đa Văn* và các thiên chúng phụ thuộc.

2/. *Tam Thập Tam Thiên* (Phạn: *Trayastrīmsa*), (còn gọi: *Đao-Lợi Thiên*). Gồm có 33 cõi: Trời Đế Thích ở giữa, 4 phương mỗi phương đều có 8 cõi trời.

3/. *Diêm-Ma Thiên* (Phạn: *yāma*), (còn gọi: *Dạ-ma Thiên, Viêm-ma Thiên, Thời Phần Thiên*). Đứng đầu cõi trời này là *Tu-dạ-ma Thiên* (Phạn: *Suñama-devarāja*).

4/. *Đâu-Suất Thiên* (Phạn: *Tusita*), (còn gọi: *Đổ-sử-đa Thiên, Đâu-suất-đa Thiên, Hỉ túc Thiên*). Đứng đầu cõi trời này là *Sa-đâu-suất-đa Thiên* (Phạn: *Samtusita-devarāja*).

5/. *Hóa Tự Tại Thiên* (Phạn: *Nirmāna-rati*), (còn gọi: *Lạc Biến Hóa Thiên, Vô Kiêu Lạc, Vô Cống Cao Thiên, Ni-ma-la Thiên*). Đứng đầu cõi trời này là vua trời *Thiện Hóa Thiên* (Phạn: *Sunirmita-devarāja*).

6/. *Tha Hóa Tự Tại Thiên* (Phạn: *Paranirmita-vāsa-vartin*), (còn gọi: *Tha Hóa Tự Chuyển Thiên, Tha Hóa Lạc Thiên, Hóa Ứng Thinh Thiên*,



*Ba-la-ni-mật Thiên*). Đứng đầu cõi trời này là *Tự Tại Thiên* (Phạn: *Vásavartti-devarāja*).

Trong đó, trời *Tứ Thiên Vương* ở lưng chừng núi Tu-di, trời *Đao-Lợi* ở trên đỉnh núi Tu-di, nên gọi 2 tầng trời này là *Địa cư Thiên* (trời ở trên mặt đất); bốn tầng trời từ trời *Dạ-ma* trở lên và các tầng trời cõi Sắc đều trụ giữa hư không, nên gọi là *Không cư Thiên* (trời ở trên hư không). Sáu tầng trời cõi Dục này tuy đối với thế gian có 3 thứ thụ dụng khác nhau nhưng vẫn thuộc về loại thụ dục, nên gọi là *Dục sinh* (Phạn: *Kāmotpatti*).

\* **Lục Đạo (Sáu đường)** : còn gọi Lục thú; Theo *Kinh Pháp Hoa 1*, *Kinh Đại Bát Niết Bàn*, *Luận Đại trí độ 30*, *Câu-Xá Luận Quang ký 8*, *Vãng Sinh yếu Tập (thượng)* thì Lục Đạo là 6 đường thụ sinh tùy theo nghiệp lực của chúng sanh : 1. Địa ngục đạo (Naraka-gati) ; 2. Ngạ quỷ đạo (Preta-gati) ; 3. Súc sinh đạo (Tiryagyoni-gati) ; 4. Tu-La đạo (Asuva-gati) ; 5. Nhân gian đạo (Manusya-gati) ; 6. Thiên đạo (Deva-gati). Trong đó, 3 đường trước gọi là 3 ác đạo, 3 đường sau gọi là 3 Thiện đạo.

Theo *Luận Đại Tì-bà-sa 172*, *Luận đại trí độ 10*, *Thuyết Nhất thiết Hữu Bộ*, không nói đến A-Tu-La đạo, chỉ nói Ngũ đạo; còn *Độc Tử Bộ* thì lập Lục đạo.

\* **Lục Nhập** : Còn gọi: Lục xứ. Lục nhập tức 6 căn hoặc 6 trần . Trong đó 6 căn là Nội lục nhập, 6 trần là Ngoại lục nhập. Sáu căn và 6 trần duyên nhau mà sinh ra 6 thức, nên gọi là nhập ; 6 căn và 6 trần là chỗ nương của 6 thức, nên gọi là Xứ.

\* **Lục Thông** : Còn gọi: *Lục thân thông*. Phạn âm : *Sad-abhijnah*. *Lục thông* là sáu diệu dụng vô ngại tự tại của Phật, Bồ Tát do nương sức định huệ mà thị hiện. Đó là: Thần túc thông, Thiên nhĩ thông, Tha tam thông, Túc mạng thông, Thiên nhãn thông và Lưu tận trí chứng thông.

\* **Lục Thời (Sáu thời)** : Sáu thời trong một ngày đêm . Sáng sớm, từ 6 giờ đến 10 giờ (Mẹo, Thìn, Ty) ; Giữa ngày, từ 10 giờ đến 14 giờ (Ty, Ngọ, Mùi) ; Cuối ngày, từ 14 giờ đến 18 giờ (Mùi, Thân, Dậu) ; Đầu đêm, từ 18 giờ đến 22 giờ (Dậu, Tuất, Hợi) ; Giữa đêm, từ 22 giờ đến 2 giờ (Hợi, Tý, Sửu) ; Cuối đêm, từ 2 giờ đến 6 giờ (Sửu, Dần, Mẹo) .

Ở Ấn Độ, thời gian nhỏ nhất gọi là sát-na. 120 sát-na là 1 đất sát-na, 60 đất sát-na là 1 lap-phạ, 30 lap-phạ là 1 mâu-hô-lật-đa, 5 mâu-hô-lật-đa là 1 thời, 6 thời là 1 ngày đêm. Ngày đêm 6 thời là cách chia thời gian thông dụng của Ấn Độ xưa nay.

Ở Trung Quốc, vào thời Đông Tấn, ngài Huệ Viễn ở Lô Sơn làm *Thủy thời kế* (còn gọi: *Liên hoa lậu*), rồi theo 6 thời mà hành đạo. Đời Tùy, ngài Tín Hành soạn *Trú dạ lục thời phát nguyện văn*; ngài Thiệu Đạo làm *Vãng sinh lễ tán (Lục thời lễ Tán)*, chủ trương 6 thời phải lạy Phật sám hối.

\* **Lục Trần (Sáu cảnh):** còn gọi **Ngoại trần**, Lục tặc. Lục trần hay Lục cảnh là sáu trần cảnh: Sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Sáu trần này như bụi làm mờ mờ chân tính. Vì nó là cảnh bên ngoài, nên gọi là Ngoại trần. Nó giống như bọn trộm cướp, cướp đoạt tất cả pháp lành, nên gọi là Lục tặc.

\* **Lục Vị :** là sáu vị : đắng, chua, ngọt, cay, mặn và lạt.

Theo *Đại Minh Tam Tạng Pháp số 28*, 6 vị là :

1. Đắng (Phạn : *Tikta*) : Tính của vị này lạnh, có công năng giải nhiệt tạng phủ .
2. Chua (Phạn : *Amla*): Tính của vị này mát, có công năng giải các vị độc.
3. Ngọt (Phạn : *Madhura*): Tính ôn hòa, có công năng điều hòa từ vị .
4. Cay (Phạn : *Katuka*): Tính nóng, có công năng trừ hàn tạng phủ .
5. Mặn (Phạn : *Lavana*): Tính tươi nhuận, có công năng làm tươi nhuận da.
6. Lạt (Phạn : *Kāsāya*) : Là thể để thụ nhận các vị .

Theo *Kinh Đại Bát Niết Bàn (Phẩm Tứ tướng-giải thoát)*, 6 vị dụ cho pháp nghĩa của kinh này, “khổ” là vị chua, “vô thường” là vị mặn, “vô ngã” là vị đắng, “vui” là vị ngọt, “ngã” là vị cay, “thường” là vị lạt.

\* **Lưu chuyển :** từ đồng nghĩa. Xem **Luân hồi** .

\* **Lưu ly:** Một thứ đá quý, màu xanh da trời, rất mịn và trông rất đẹp. Một bảo vật trong Tứ bảo: Kim, Ngân, Lưu ly, Pha lê.

\* **Lưỡng thiệt:** Phạn: *Paisunya*. Còn gọi: *Ly gián ngữ, Lưỡng thiệt ngữ*. Nói hai chiều, gây sự ly gián, là 1 trong 10 nghiệp ác.

Theo *Luật Tứ Phần 11*, Lưỡng thiệt là giới thứ 3 trong thiên Ba-dật-đề. *Bồ Tát Giới Nghĩa Sớ*, hạ của ngài Trí Khải đem giới lưỡng thiệt phối hợp với giới 19 trong 48 giới khinh của *kinh Phạm Võng*.

Theo *Phẩm Ngũ Giới, luận Thành Thật 8*, Lưỡng thiệt thuộc lỗi nhỏ nhất rất khó giữ, nhưng lưỡng thiệt thuộc về vọng ngữ, nếu nói vọng ngữ thì đã bao gồm lưỡng thiệt trong đó, nên không cho lưỡng thiệt là giới.

Tội lưỡng thiệt khiến chúng sinh đọa trong 3 đường ác, khi được thân người lại gặp quyến thuộc xấu ác và bất hòa.

\* **Lực :** Phạn âm : *Bala, Balāna* ; Phiên âm Hán -Việt: *Ba-la, Mạt-lê-nang*. Lực chỉ sức mạnh thể chất hoặc sức mạnh tinh thần.

\* **Ly Dục :** Còn gọi **Ly tham, Ly nhiễm** (Phạn: *Virāga*). Tức xa lìa tham nhiễm.

Theo *Luận Đại Tì-bà-sa 28*, nếu nói theo nghĩa hẹp thì ly nhiễm là lìa tham dục ; còn nói theo nghĩa rộng là chỉ cho sự xa lìa phiền não, tức là dùng ly nhiễm thu tóm tất cả thiện pháp hữu vi.

\* **Ly Tham :** từ đồng nghĩa . *Xem Ly dục* .

\* **Lý Chân :** đảo từ . *Xem Chân Lý* .



# M

\* **Ma** : Gọi đầy đủ là *Ma-la* ; Âm theo Phạn: *Māra* ; Còn gọi là *Ác ma* ; Hán dịch: *Sát giả, Đoạt mạng, Năng đoạt mạng giả, Chướng ngại*.

Ma là các loại ác quỷ thần chuyên đoạt lấy mạng sống con người và làm chướng ngại các việc lành. Theo *Phẩm Hàng Ma, Kinh Phổ Diệu* 6, khi Đức Phật thành đạo, *Ma vương Ba-Tuần* sai 4 ma nữ là *Dục Phi, Duyệt Bỉ, Khoái Quan* và *Kiến Tùng* đến nhiễu loạn Đức Phật.

- Theo *nội quán* thì tất cả những gì làm nhiễu loạn chúng sinh như phiền não, nghi hoặc, mê luyến đều gọi là Ma; chướng ngại sinh ra từ thâm tâm của mình gọi là nội ma, chướng ngại từ bên ngoài đến, gọi là ngoại ma, cả hai gọi chung là nhị ma.

- *Luận Đại Trí Độ* 5 cho rằng: ngoài Thật tướng các pháp, còn tất cả đều là ma.

- *Luận Du-Già Sư Địa* 29 nêu ra 4 loại ma: Uẩn ma, Phiền não ma, Tử ma và Thiên ma (xem Tứ Ma). Tứ ma thêm “Tội ma” thành Ngũ ma ; Tứ ma thêm 4 điên đảo (vô thường, vô lạc, vô ngã, bất tịnh) thành Bát ma.

Về phương pháp đối trị Ma, ta có thể niệm Tam qui, ngũ giới hoặc niệm chú trừ ma hoặc niệm Phật.

\* **Ma Chướng** : Ma làm trở ngại Phật đạo và việc tu tập các pháp lành; vì muốn nhấn mạnh ý nghĩa chướng ngại, nên gồm chung Phạn và Hán mà gọi là Ma chướng. Phiền não làm trở ngại sự thành tựu Phật đạo nên cũng gọi là Ma chướng.

*Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoàng Quyết* 5, phần 1 dùng ví dụ về sáng tối, cho rằng ma chướng làm ngăn ngại chỉ quán.

\* **Ma-Gia Phu Nhân** : Phạn âm : *Mahāmayā* . Còn gọi : *Ma-ha ma-da* . Hán dịch : *Đại huyễn hóa, Đại Thuật, Diệu* . *Ma-Gia phu nhân* là mẹ của Đức Thích Tôn, vợ của vua Tịnh Phạn (Phạn : *Suddhodana*) thành Ca-Tỳ-la-vệ (Phạn : *Kapilavastu*) ở Ấn Độ thời xưa. Bà là con của vua Tu-bồ-đề (Phạn : *Subhūti*) thành Thiên Tý (Phạn : *Devadana*), bà qua đời sau khi hạ sinh Đức Thích Tôn được 7 ngày. Theo truyền thuyết, bà được sinh

lên cõi trời Đao Lợi (Phạn : *Trāyastimsá*, tầng trời thứ 2 trong 6 tầng trời cõi Dục). Sau khi thành đạo, có lần Đức Thích Tôn lên cung trời này thuyết pháp hóa độ bà .

\* **Ma-Già, Ma-La:** Gọi đầy đủ: **Ma-hâu-la-già** (Dị loại). Còn gọi là *Ma-hộ-la-nga, Ma-hô-lạc-già, Hưu-Lặc* là một trong tám Bộ chúng, là một loài đại mãng thân (thần rắn lớn), một vị tôn ở viện thứ ba thuộc Thai tạng giới, cũng là quyến thuộc của đức Thích-Ca Như Lai. Đó cũng là một pháp môn *thân thị hiện* của đức Đại Nhật Như Lai. Một loại chúng sinh nhờ có pháp đó mà được toại nguyện tới cõi nhất thiết trí địa.

Theo *Kinh Đại Nhật* (q.1) và *Tuệ Lâm Âm Nghĩa* (q.11) nói: “*Ma-hưu-Lặc sách cũ dịch là chất phác, cũng gọi là Ma-Hâu-La-Già, cũng là một loại nhạc thần. Hoặc gọi là phi nhơn, hoặc gọi là Đại mãng thân. Đó là vị thần mình người đầu rắn*”

\* **Ma-Ha:** Còn gọi : Mạc-Ha, thường dịch là Đại (lớn), cũng dịch là Đa (nhiều), Thắng (trổi). Tiếng Ma-Ha đứng trước tên người, đứng trước Pháp hiệu để tôn xưng những vị có Huệ đức lớn trên đường đạo. Nhất là để tôn xưng những vị Đại Thánh như: Ma Ha Ca-Diếp, Ma ha Ca-Chiên-Diên, Ma ha Mục-Kiền-Liên .v.v...

Trong *Pháp Bảo Đàn Kinh*, phẩm thứ hai, đức Lục Tổ có giảng rằng: Sao gọi là Ma-ha? Ma ha tức là lớn (Đại), tâm lượng quảng đại dường như hư không, không có bờ lề; cũng không vuông tròn, lớn, nhỏ; cũng không xanh, đỏ, trắng ,vàng; cũng không trên, dưới, vẫn, dài; cũng không giận, không mừng, không phải, không quấy, không lành, không dữ, không có đầu, đuôi; cho đến các cõi đất nơi ấy chư Phật hóa độ đều là hư không. Như tiếng Ma ha Bát nhã ba la mật đa (Trí huệ rộng lớn) bao gồm hết các đức tánh trên ấy.

\* **Ma Sự :** là những tư tưởng hành vi làm chướng ngại sự tu hành và xa lìa chính đạo . *Kinh Ma Nghịch* (đại 15, 112 trung) ghi : “Do khởi nghiệp mà có tạo tác, đó là *Ma sự* . Nếu để cho chí nguyện bị chướng ngại, bị cướp đoạt thì đó là *Ma sự* . Nếu khiến tư tưởng tham dục, các thứ niệm chấp trước sinh khởi sự mong cầu thì đó là *Ma sự* ”.

\* **Ma-Vương** : là vua trong các thiên ma, tức là chủ cõi trời *Tha Hóa Tự Tại* của cõi Dục, tên là **Ba-tuần**, thường thống lĩnh quyền thuộc làm chướng ngại người tu hành Phật đạo.

*Kinh Lăng Nghiêm 6*, nếu không trừ dâm ất rơi vào ma đạo, bậc cao thì làm Ma vương, trung bình thì làm Ma dân, thấp kém thì làm Ma nữ.

Nhưng nói theo *pháp môn Đại thừa* thì Ma vương thật ra do bậc Bồ Tát ở giai vị cao dùng phương tiện khéo léo thị hiện ra, nhằm mục đích giáo hóa chúng sinh.

Có thuyết cho rằng, trên tầng trời thứ 6, còn có cung điện của thiên ma khác, Ma vương ở đó, chẳng phải *Tha Hóa Tự Tại Thiên* chủ.

\* **Mã não (Bảo Châu)**: Phạn: *A-thấp-phược-yết-bà*; dịch là Ngọc mã não, Bảo Châu. Một thứ ngọc thạch trong thất bảo. Ngọc mã não màu đỏ như lửa, hoặc đỏ hồng, mới trông như cái não (óc) của con người. Vì vậy nên kêu là mã não.

\* **Mạng Căn**: Phạn: *Jivitendriya*. Thọ mạng của loài hữu tình, cũng thuộc về tâm Bất tương ứng hành pháp, một trong 75 pháp của Câu-Xá, một trong 100 pháp của Duy Thức.

Do sự dẫn sinh của nghiệp ở quá khứ, thân tâm của hữu tình duy trì hơi ấm (hơi ấm của thân) và thức liên tục trong một thời gian (từ khi thụ sinh thân này đến khi chết), thân ấy là mạng. Tóm lại, cái nường hơi ấm và thức để duy trì trong một thời gian gọi là mạng căn.

Mạng căn là giả hay thật thì các Tông phái Phật giáo không đồng quan điểm. *Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ* cho rằng mạng căn là thật có, còn *Kinh Bộ* và *Phật giáo đại thừa* thì cho mạng căn là giả pháp. Như *Luận Thành Duy Thức 1* ghi: Nướng vào “Danh ngôn chủng tử” của Thức thứ 8, cùng với sự dẫn khởi của nghiệp quá khứ mà chấp trì, giữ gìn thân mạng ở đời này, công năng ấy quyết định sự dài ngắn khác nhau về thời gian tồn tại của sắc, tâm vì thế nên giả lập là mạng căn.

\* **Mạng Chung** : Mạng hết, chết. Theo *Tịnh Độ tông*, người ta lúc mạng chung mà tâm chẳng tán loạn, niệm Phật A-Di-Đà đủ mười lần, liền được vãng sinh cõi Cực Lạc.

Theo bộ *Tập Luận, quyển 4* ; Lúc mạng chung, người tu hành thanh tịnh thì nơi thân bắt từ dưới chân mà lạnh dần lên; còn người chẳng tu hành thanh tịnh thì thấy từ trên đầu lạnh xuống, lạnh hết thân thì chết .

\* **Mạng Mạng điều** : Phạn âm : *Jivam-jivaka* . Hán âm : *Kì-bà kì-bà, Kì-bà kì-bà-ca, Thời-bà thời-bà-ca* . Còn gọi: **Cộng mạng điều**, *Sinh sinh điều* .

*Mạng mạng điều* là loài chim Phượng sống ở Bắc Ấn Độ, được người đời đặt tên theo tiếng hót . Loài chim này có hình dáng kỳ lạ, gồm 1 thân 2 đầu, mặt người hình chim, bay nhanh, tiếng hót rất hay, được ví với tiếng chim Ca-lăng-tần-già. Vì 2 đầu chung 1 thân cùng sống chết, nên còn gọi là **Cộng mạng điều** .

\* **Mạng Vận** : Vận số nhất định của con người. *Phật giáo* vốn không nói đến “Mạng vận” (vận mạng) mà chỉ nói về nghiệp quá khứ (Túc nghiệp).

Tức là do *nhân* đã tạo tác ở quá khứ dẫn đến *quả* được hưởng hay phải chịu ở hiện tại, sự nối tiếp (nhân duyên) lẫn nhau giữa *nhân* và *quả* này được gọi là *Nghiệp*. Từ quá khứ đến hiện tại cho đến vị lai đều chịu một sức mạnh chi phối, mỗi người tùy theo sức mạnh này mà lưu chuyển, không thể chống lại. Hơn nữa, *nghiệp nhân* có khi tuy nhỏ nhưng cũng có thể bị rơi vào dòng nghiệp tương đối lớn. Kiến giải này gần giống với “mạng vận” nhưng cũng có điểm khác nhau là nếu cá nhân có ý chí mạnh mẽ thì có thể nương vào ý chí này mà xoay chuyển dòng nghiệp của chính mình, thậm chí có thể thoát khỏi quả báo của nghiệp.

\* **Mạt Pháp** : Phạn âm: *Saddharma-vipralopa*. Còn gọi: *Mạt thế, Mạt đại*.

Mạt pháp là thời đại Phật pháp suy đồi, 1 trong 3 thời kỳ: Chính, Tượng và Mạt.

*Đại Thừa Pháp uyển Nghĩa Lâm Chương 6, phần đầu* căn cứ vào việc đầy đủ hay không đầy đủ giáo (giáo pháp), hạnh (tu hành), chứng (chứng quả) để luận về 3 thời Chính, Tượng, Mạt. Trong đó, thời kỳ có nhiều người lãnh thụ giáo pháp tu hành, nhưng không thể chứng ngộ gọi là thời Mạt pháp; lúc bấy giờ Phật pháp suy đồi, tăng chúng trước loạn.

Trong *Ngũ Trược Bộ của Pháp Uyển Châu Lâm 98*, ghi: Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, sẽ có 5 thứ loạn:

1. Tỳ kheo đời vị lai học pháp với hàng bạch y.
2. Kẻ bạch y ngồi trên toà, hàng Tỳ kheo ngồi ở dưới.
3. Tỳ kheo thuyết pháp, người nghe không tuân hành vâng thụ, còn kẻ bạch y thuyết pháp lại cho là vô thượng.
4. Tỳ kheo sinh điên đảo, cho pháp thế gian là chân đạo để mà không thấu hiểu chính pháp của Phật giáo, lấy sự trá ngụy làm tin.
5. Các Tỳ kheo đời vị lai nuôi dưỡng vợ con, tôi tớ, chỉ thích tranh cãi với nhau mà không vâng theo lời Phật dạy.

Về thời hạn của 3 thời kỳ, có nhiều thuyết khác nhau. Có thuyết cho rằng sau khi đức Phật diệt độ, chính pháp trụ thế 500 năm, tượng pháp 1.000 năm; có thuyết cho rằng chính pháp và tượng pháp đều trụ thế 1000 năm, rồi mới đến thời kỳ mạt pháp, thời kỳ này trải qua 10.000 năm, sau đó thì Phật pháp diệt tận; có thuyết cho rằng chính pháp 1.000 năm, tượng pháp và mạt pháp mỗi thời kỳ 10.000 năm. Nhưng nhìn chung các kinh luận đều cho thời kỳ mạt pháp là 10.000 năm.

\* **Mâu Ni** : Phạn âm : *Muni*. Còn gọi: *Văn-ni*, *Mậu-nê*. Hán dịch: *Tịch mặc*, *Tịch*, *Hiền nhân*, *Nhân*, *Tiên*. Mâu ni dùng chỉ bậc Thánh hoặc Tiên nhân tôn quý thù thắng.

Vào thời hậu kỳ của Ấn Độ cổ đại từ “Mâu Ni” đã có trong Lê-câu Phệ-đà, nghĩa là lãnh thụ linh cảm hoặc chỉ cho người đi vào trạng thái giác ngộ hoặc chỉ cho bậc Thánh, người ở ẩn, tiên nhân, hành giả tu hành vắng lặng ... Đến thời đại *Áo Nghĩa Thư* thì từ “Mâu Ni” được chỉ cho người tu hành ở thời kỳ lâm thế (ẩn tu ở núi rừng) thứ 3 và đặc biệt là chỉ cho bậc Thánh đã khai ngộ ở thời kỳ du hành khát thực thứ 4 trong 4 trụ kỳ (Phạn: *Asrama*) của Bà-la-môn giáo. Trong Phật giáo, từ ngữ “Mâu Ni” cũng có các nghĩa: Bậc Thánh, Tiên nhân, người tu hành vắng lặng.

Theo *Huyền Ứng Âm Nghĩa 18*, Mâu Ni là người tu tâm học đạo, đã thông đạt nội ngoại, ẩn cư lâu ngày trong rừng núi. Trong Pháp sắc vua A-Dục có khuyên người xuất gia, tại gia đọc tụng 7 kinh, trong đó Mâu Ni kệ (Phạn: *Muni-gatha*) có lẽ là Mâu Ni kinh (*Muni-sutta*) trong “Kinh Tập” bản Pali, cho rằng Mâu-ni nghĩa là Tỳ kheo chân thật. *Kinh Pháp Cú* thứ 268, 269 bản Pali gọi hành thiện bỏ ác là Mâu-ni. *Tiểu Bộ Kinh*



*Nghĩa Thích* bản Pali cho rằng người trí có huệ, tri giải, là Mâu-ni, đồng thời nêu 6 bậc Mâu-ni : Tại gia mầu-ni, Phi gia mầu-ni, Hữu học mầu-ni, Vô học mầu-ni, Bích chi mầu-ni và Mâu-ni mầu-ni.

\* **Mật** : Sâu kín, ẩn vi, huyền ảo, tức là bí mật, vi mật. Ấy là nói những pháp môn, những cách hành đạo thâm áo mà người ngoài chẳng biết, kẻ khác phái chẳng rõ, chỉ hiểu nhau giữa thầy với trò, giữa Phật Thánh với mình mà thôi. Mật đối với hiển. Mật có nhiều nghĩa như : *mật ấn, mật cơ, mật chú, mật giáo, mật hạnh, mật nghĩa, mật pháp, mật tạng, mật tông*.

\* **Mật Ngữ** : là ngôn ngữ và lời dạy của Phật có hàm chứa chân nghĩa bí mật . Ví dụ như câu : “Như Lai Niết-bàn” là lời nói ẩn chứa ý nghĩa Như Lai thường trụ .

*Mật ngữ* còn là Đà-la-ni chân ngôn của Mật giáo, tức năng lực của trí tuệ tóm thâu, giữ gìn vô lượng Phật Pháp.

\* **Mật Tạng** : Là giáo pháp bí mật, tức là giáo pháp mà chư Phật nói thẳng vào “Pháp nhĩ tự nhiên”, vượt ngoài giáo pháp do Phật nhục thân (sinh thân Phật) tuyên thuyết.

*Luận Nhị Giáo* ghi : “Pháp mà đức Phật nói là Mật tạng, tức giáo thuyết chân thật sâu kín”.

\* **Mật Tích Thần** hay **Mật Tích Lực Sĩ** : Âm theo Phạn : *Guhyapāda Vajra, Sanda*. Hán âm: *Tán-na*. Còn gọi: *Chấp Kim Cương thần, Mật Tích Kim Cương, Kim Cương Mật Tích, Kim Cương Lực Sĩ, Mật Tích Sĩ, Mật Tích, Kim Cương thần, Kim Cương Thủ, Chấp Kim Cương*.

*Mật Tích Lực Sĩ* là vị thần Dạ-Xoa tay cầm chày kim cương bảo vệ Phật pháp.

Theo *Đại Nhật Kinh Sớ 1*, Mật Tích lực sĩ là vua Dạ-Xoa, thân, khẩu, ý rất lạnh lợi và bí ẩn khó biết được, cho nên gọi là Mật Tích. Và lại, do thân cận Đức Phật và mong được nghe những sự tích bí mật của Đức Phật nên gọi là Mật Tích.

Thông thường Mật Tích lực sĩ là 1 trong 2 Tôn vị được thờ 2 bên cửa chùa.

\* **Mật Truyền** : Còn gọi: *Mật phó, Mật phụ, Mật thụ*. Bậc Thầy bí mật (mật) truyền trao (phó) Phật pháp cho đệ tử. Cũng tức là pháp “Dĩ tâm truyền tâm” của Thiền Tông .

Khi người học liễu ngộ mà y mũi chân thật xưa nay của chính mình và được thầy chứng minh, ẩn khả thì gọi là Mật truyền, Mật phó.

\* **Mê** : Phạn âm : *Bhrāuti* . Đối lại : *Ngộ* . *Mê* tức là chấp vào sự lý sai lầm mà không nhận biết như thật được chân tính của sự vật . Trái lại, từ trong mê tỉnh giác, thấu đạt được lẽ chân thật gọi là *Ngộ* . *Nhiếp Đại Thừa Luận Thích 2 (bản dịch đời Lương)* nêu : Trong mê có 3 Hoặc tức Vô tri, Nghi tri, Điên đảo tri ; nếu khởi 3 Hoặc này thì sẽ sinh 2 thứ tà kiến : Hoặc chấp vào nhân bất bình đẳng, Hoặc chấp vào vô nhân . Đây là do mê sự lý mà khởi vọng chấp điên đảo.

\* **Mê Chấp** : Mê hoặc chấp trước, tức là không thấu rõ được lý chân thật của các pháp mà nhìn nhận lầm lẫn sự lý. Luận Đại Tì-bà-sa 139 (đại 27, 718 trung) ghi : “Đây là lời của ngoại đạo vì họ có mê chấp trong pháp này”.

\* **Mê Ngộ** : *Mê* và *Ngộ*. *Mê* tức là bị hoặc nghiệp trói buộc. *Ngộ* là thoát khỏi hoặc nghiệp, biết được chân lý. Yếu chỉ của Phật giáo là dẫn dắt chúng sinh chuyển mê về ngộ, chuyển phàm thành Thánh. *Mê* thì sanh tử luân hồi. *Ngộ* thì được Niết bàn giải thoát. *Mê* và *Ngộ* thật ra chỉ là 2 mặt của 1 thể, chẳng phải khác, chẳng phải một. Như thấy sợi dây trên đường đi, tưởng lầm cho là rắn, đó là *Mê*. Sau biết vật đó chẳng phải rắn mà là sợi dây, tức là *Ngộ*. Sợi dây trước sau không khác, chỉ vì sự mê ngộ của người thấy mà có khác biệt. Thiền gia gọi đây là Lý mê ngộ không hai.

\* **Minh** : Phạn âm: *Vidya*. Hán âm: *Phí-đà, Bật-đà*. Minh là sự thấy biết sáng tỏ, thông suốt. Chỉ cho trí huệ siêu việt, có khả năng chiếu phá những mê muội ngu si mà tỏ ngộ chân lý .

Theo *Phật Địa Kinh Luận 2*, “Minh” hay phá trừ được tối tăm, cho nên lấy huệ làm tự tính. Vì Minh trái với Vô minh cho nên lấy thiện căn Vô si làm tự tính.

Đối với bậc Thánh vô học, năng lực thù thắng căn bản của *Túc trụ thông*, *Sinh tử thông*, *Lậu tận thông* trong 6 thần thông có thể phá trừ si ám trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Đây gọi là Tam minh vô học.

\* **Minh Hạnh Túc** : Còn gọi: *Minh thiện hạnh*, *Minh hạnh thành*, *Minh hạnh viên mãn*, *Minh hạnh*. Âm theo Phạn: *Vidyā-carana-sampanna*. Hán âm: *Ti-xỉ-già la-na Tam-bát-na*.

Minh Hạnh túc là đầy đủ Minh và Hạnh, là một trong 10 danh hiệu của Phật.

Theo *Kinh Đại Bát Niết Bàn 18*, Minh tức là *A-nậu-đa-la tam-miêu tam-bồ-đề*; Hạnh túc tức là *giới, định, huệ*. Đức Phật nương theo *giới, định, huệ* mà đắc *A-nậu-đa-la tam-miêu tam-bồ-đề*, cho nên gọi là Minh Hạnh Túc.

Theo *Luận Đại trí Độ 2*, Minh tức là Tam minh: *Túc mạng minh*, *Thiên nhãn minh* và *Lậu tận minh* ; Hạnh tức là nghiệp thân, khẩu. Đức Phật thành tựu đầy đủ Tam minh, 2 nghiệp, nên gọi là Minh Hạnh Túc.



# N

\* **Na-do-tha**: Nayuta, còn gọi là Na-du-đa, Na-do-đa, Na-thuật. Tên số đếm, tương đương với một ức. Một ức có 3 cấp: 10 vạn, 100 vạn, 1000 vạn. Vì vậy, sự xác định số đếm của Na-do-tha cũng không giống nhau. *Kinh Bản Hạnh* (q.12): “*Na-do-tha, tiếng đời tùy nghĩa là mấy nghìn vạn*”. *Huyền ứng âm nghĩa* (q.3): “*Na-thuật cũng gọi là Na-do-tha, chính âm là Na-du-đa, tương đương với 10 vạn của Trung Quốc*”. *Kinh Quang Tán*: “*Ức là Na-thuật kiếp*”.

\* **Na-Hàm** : Từ gọi tắt của A-Na-Hàm . *Xem A-Na-Hàm* .

\* **Nam Diêm-Phù** : từ đồng nghĩa . *Xem Diêm-Phù-Đê* .

\* **Nan-Đà** :

*II. Trong Phẩm Tự Thứ nhất*: Nan-Đà là một trong 8 vị Long Vương; *Xem Long Vương*.

*III. Trong Phẩm thứ hai-Thuần Đà*, thì Nan-Đà là tên một người chăn trâu vào thời Đức Phật tại thế. Vua *Tần-bà-sa-la* từng thỉnh Đức Phật và chúng Tăng an cư 3 tháng, bấy giờ Nan-đà ở gần đó, hằng ngày đem sữa đến cúng dường, liên tiếp 3 tháng mà chưa hề xao lãng, vua hết sức khen ngợi và bảo ông nên đến bái kiến Đức Phật. Phật dạy ông 11 điều về nghệ thuật chăn trâu giỏi được áp dụng vào đời sống tu học của người xuất gia. Ngài sử dụng những danh từ như Lục căn, Lục trần, Tứ đế, Tứ niệm xứ ... qua cách chăn trâu. Nếu biết làm đúng theo 11 điều đó thì hành giả sẽ đạt đến quả vị A-la-hán trong vòng 6 năm tu học. Nan-đà nghe xong liền phát tâm xuất gia làm đệ tử Phật.

\* **Năng sở**: Năng sở là từ chỉ chung cho *chủ thể của động tác* (Năng) và *khách thể (đối tượng) của động tác* (Sở). Vật là đối tượng của con mắt, nên gọi là *Sở kiến*; con mắt có khả năng thấy vật, nên gọi là *Năng kiến*. Ngoài ra, người được nương tựa gọi là *Sở y*; người nương tựa vào kẻ khác gọi là *Năng y*. Người tu hành là *Năng hành*, pháp môn tu hành là *Sở*

hành; người quy y gọi là Năng quy, chỗ quy y gọi là Sở quy; Người hay giáo hóa gọi là Năng hóa, người chịu sự giáo hóa gọi là Sở hóa; Chủ thể nhận thức gọi là Năng duyên, khách thể bị nhận thức gọi là Sở duyên. Người dùng ngữ cú, văn chương, giáo pháp ... để biểu thị ý nghĩa gọi là Năng thuyên, nội dung được biểu thị ra gọi là Sở thuyên.

Tóm lại, Năng và Sở có đầy đủ quan hệ tương tác chẳng lìa nhau giữa thể và dụng, nhân và quả ... nên gọi là *Năng sở nhất thể*.

\* **Ngã**: Phạn âm : *Ātman*. Ta, tôi (Cái thân của ta, có một vị chủ thể, thường trụ). Những người ngoại đạo cho rằng Ngã (Ta) chính là cái bản thân của họ, còn đạo Phật thì phủ nhận điều đó. *Luận Duy Thức* (q.1): “*Ngã là chủ thể*” Phật giáo chỉ ra rằng: Ngũ uẩn hòa hợp làm nên cái Giả ngã (cái Ta giả) chứ không có cái thực thể của cái Ta.

\* **Ngã kiến** : Phạn âm : *Ātma-drsti*. *Ngã kiến* là vọng kiến, chấp trước có thật ngã.

Theo *Luận Đại Thừa Khởi Tín*, Ngã kiến có 2 loại:

1. *Nhân ngã kiến* : Chấp trước thân tâm do 5 uẩn giả hợp là thật ngã.

2. *Pháp ngã kiến* : Vọng chấp tất cả pháp đều có thể tính thực tại.

*Tông Duy Thức* cho rằng *ngã kiến* là 1 trong 4 phiền não căn bản, tương ứng với thức Mạt-na. Thức Mạt-na này do sức huân tập hư vọng từ vô thủy đến nay, duyên với kiến phần của thức A-lại-da mà có kiến chấp thật ngã, thật pháp.

\* **Ngã mạn**: Âm theo Phạn: *Ātma-māna*. Tâm kiêu mạn do chấp ngã là trung tâm, cậy vào cái Ta mà kiêu ngạo, khinh mạn người khác, là 1 trong 7 thứ Mạn, 1 trong 9 thứ Mạn.

- *Luận Thành Duy Thức 4 (Đại 31, 22 trung)* ghi: “*Ngã mạn* tức là tâm cao ngạo do nương tựa vào *Ngã sở* chấp mà sinh”.

- *Ngoại đạo Số Luận* lập Ngã mạn làm 1 trong 25 đế gọi là *Ngã mạn đế*.

\* **Ngã Sở** : Âm theo Phạn: *Mama-kāra*. Gọi đầy đủ là *Ngã sở hữu*.

Quan niệm cho rằng các vật ngoài tự thân (ngã) đều là của ta. Trong *Phật giáo*, *Ngã* và *Ngã sở* bị xem là cội gốc phân biệt của tất cả phân biệt thế tục, cho nên *Ngã* và *Ngã sở* là đối tượng cần phải phá trừ.

*Ngã sở* chia làm 3 thứ là: *Tương ưng ngã sở*, *Tùy chuyển ngã sở* và *Bất ly ngã sở*; Nếu chấp trước *Ngã sở* thì gọi là *Ngã sở kiến*. Pháp ngữ thủ uẩn do *Ngã sở kiến* chấp trước đều bắt nguồn từ quan niệm “*Ngã sở*” này, cho nên *Tập Di Môn Túc Luận 12 (Đại 26, 419 hạ)* ghi: “Đối với ngữ thủ uẩn, tùy theo quan niệm kiến chấp về *Ngã* hoặc *Ngã sở* mà từ đó khởi lên các quan niệm kiến chấp về nhân, dục, huệ”.

\* **Ngã tánh**: Tánh ta. Cái tánh tự nhiên trong sạch ở nơi ta, cái tánh ấy vốn lành. Người tu học đại thừa, thấy rằng *Ngã* tánh tức là Phật tánh.

Trong Niết Bàn Kinh, có lời kệ Ca-Diếp bạch Phật:

Ngã tánh cập Phật tánh,

Vô nhị vô sai biệt

(Tức là: Tánh ta cùng tánh Phật

Không hai và không khác)

\* **Ngạ quỷ**: Cũng gọi *Ngã quỷ* – Preta (Dị loại) Âm Phạn là: Tiết-Lê-đa, dịch là *Ngã quỷ* hay cũng gọi là *Ngạ quỷ*, một trong 3 đường (tam đồ); Đó là loài *ngã quỷ* mà *Kinh Pháp Hoa* nói là “*chịu cái khổ của súc sinh, ngạ quỷ nơi địa ngục*”. Còn là 1 trong 6 thú (lục thú). Cõi *ngã quỷ* thường chịu nỗi khổ bị đói khát. Do chịu quả báo khác nhau mà thành ra hơn kém khác nhau. Người có phúc đức thì làm thần ở chốn núi rừng, miếu mã. Dưới nữa thì ở nơi hoang vắng, không được ăn uống, lại thường bị đánh bằng dao gậy rất khổ sở. Các sách *Luận Bà-Sa* (q.172), *Đại thừa Nghĩa Chương* (q.8) luận giải trong loài *quỷ* này có hạng đại uy đức như *Dược-Xoa*, *La-Sát*, được dịch là *quỷ* chứ không nói là *ngã* (đói), nhưng kinh luận dịch trước kia phần nhiều gọi là *ngã quỷ*, vì *ngạ quỷ* là loài đồng nhất trong các loài *quỷ*.

Theo *Chính Lý Luận* (q.31) thì *ngạ quỷ* có 9 loài *quỷ* (Cửu *Quỷ*).

Theo *Chính Pháp Niệm Kinh* (q.16) thì *Ngạ quỷ* có 36 loài *quỷ* (Tam Thập Lục *Quỷ*).

\* **Ngạ quỷ ái** : Gọi tắt: **Quỷ ái** . Tên khác của *Dục ái*, là 1 trong 2 thứ *ái*. Bởi chúng sinh yêu mến vợ con, tham nhiễm 5 dục (Sắc dục, Thanh dục, Hương dục, Vị dục, Xúc dục) không khác gì loài *Ngạ quỷ*, cho nên gọi là *Ngạ quỷ ái* .

*Phẩm Tứ Tướng Giải Thoát, Kinh Đại Bát Niết Bàn* ghi : “Ái có 2 thứ : Ngạ quỷ ái và Pháp ái, người chơn giải thoát xa lìa Ngạ quỷ ái, thương xót chúng sinh nên có Pháp ái”.

\* **Nghiệp** : Âm theo Phạn là *Karman*; Nghiệp là sự tạo tác, tức những hoạt động của thân tâm như hành vi, ý chí hoặc chỉ cho những sinh hoạt của thân tâm do ý chí sinh ra. Nếu kết hợp với quan hệ nhân quả thì Nghiệp là năng lực được hình thành do những hành vi đời quá khứ kéo dài đến hiện tại hoặc tương lai. Ngoài ra, “Nghiệp” còn bao hàm tư tưởng nhân quả báo ứng về mặt hành vi thiện ác như khổ vui và tư tưởng luân hồi trong 3 đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Nghiệp vốn là tư tưởng của Ấn-Độ, Phật giáo sử dụng tư tưởng này để làm căn cứ giúp cho con người nỗ lực hướng tới vị lai.

Trong Phật học, hàm ý và giới thuyết của Nghiệp được chia thành ba loại: *Thân nghiệp, Khẩu nghiệp (ngữ nghiệp) và Ý nghiệp*.

\* **Nghiệp chướng**: Sự ngăn trở của nghiệp. Cái nghiệp tức là chướng ngại, cái nghiệp nó che lấp. Do đời trước đã phạm tội trọng, hoặc có hủy báng chánh pháp, kết thành nghiệp. Cái nghiệp ấy chưa tiêu trừ, nên đời này vướng phải cái tai nạn, lận đận lao đao mãi, còn như có quy y thọ giới thì cũng không đắc nhập Phật pháp.

Hoặc ai trước đã phạm Ngũ nghịch, Thập ác, thì sự phạm đó cũng kêu là Nghiệp chướng. Vì những tội ấy che lấp tâm mình, khiến cho mình chẳng biết phân biệt việc thiện, ác khiến cho mình mê điều tà ma xa điều chánh, khiến cho mình vướng phải các tai nạn, tật, bệnh.

Đối với bậc có tâm tu hành mà phải sanh vào cõi người, chịu các đường oan trái, ấy cũng vì nghiệp chướng, sự ngăn trở của nghiệp.

\* **Nghiệp duyên** : Nghiệp là nhân duyên sinh quả báo, một trong 24 duyên. Nghiệp thiện là nhân duyên chiêu cảm lấy quả vui; nghiệp ác là nhân duyên chiêu cảm lấy quả khổ. Tất cả loài hữu tình đều do nghiệp duyên mà sinh ra.

*Phẩm Phương Tiện, kinh Duy-ma* ghi : “Thân này như bóng, tùy nghiệp duyên mà sinh ra”.

*Phẩm Tự, kinh Pháp Hoa 1* ghi : “Chỗ đến của sinh tử, tùy nghiệp duyên thiện ác”.

\* **Nghiệp nhân** : Cựu dịch: **Nghiệp nhân**. Âm theo Phạn : *Karma-hetu*.

Nghiệp nhân là nhân của nghiệp ; Có 2 nghĩa :

1/. Nghiệp tức nhân, còn gọi là Nhân nghiệp. Nghiệp làm nhân chiêu cảm quả báo đời sau. *Thành Duy Thức Luận Thuật Ký 8 (Đại 43, 521 trung)* ghi : “Nghiệp là gốc khổ, chính là nhân vậy”.

2/. Nhân của nghiệp. Nhân khiến nghiệp sinh trưởng. *Kinh Đại Bát Niết Bàn* ghi : “*Nghiệp nhân* tức là *Vô minh, Xúc*. Do *Vô minh, Xúc* mà chúng sinh mong cầu *Hữu*. Nhân duyên mong cầu *Hữu* tức là *Ái* vậy”. Từ nhân duyên *Ái* mà tạo ra nghiệp *thân, khẩu, ý*.

Theo *Luận Du-Già Sư Địa 8*, nghiệp nhân ác có 12 thứ :

1. Tham ; 2. Sân ; 3. Si ; 4. Do sức mình tạo ; 5. Do sức người khác tạo ; 6. Bị sức ép của vua chúa, quan quân ; 7. Yêu thích vật sở hữu sinh tham dục ; 8. Do sợ sệt mà tạo nghiệp sát ... ; 9. Vì sợ bị thương tổn mà tạo nghiệp sát ; 10. Vì muốn vui mà sát sinh ... ; 11. Cho sát sinh là chính pháp, nên tạo nghiệp sát ; 12. Chấp không nhân quả mà sát sinh .

\* **Nghĩa vị** : Dùng vị của thức ăn để dụ cho pháp nghĩa . Tức là lời văn phát sinh ý nghĩa, giống như mùi vị của thức ăn .

\* **Ngoại đạo**: Âm theo Phạn: *Tirthaka* hoặc *Tirthika*; Âm Hán-Việt: *Đề-thể-ca*; Tên gọi khác: *Ngoại giáo, Ngoại pháp, Ngoại học*.

Ngoại đạo là chỉ tất cả các tôn giáo không phải Phật giáo. Tương đương với từ “dị đoan” của Nho giáo.

Nghĩa gốc của từ *Tirthaka* là chỉ thần thánh hoặc người ở ẩn đáng được tôn kính. Lúc đầu là từ ngữ mà Phật giáo dùng để gọi các giáo phái khác, nghĩa là Chính thuyết giả, Khổ hạnh giả. Phật giáo tự xưng là Nội đạo và gọi kinh điển Phật giáo là Nội điển, kinh điển ngoài Phật giáo là Ngoại điển. Đến đời sau, dần dần phát minh thêm các nghĩa dị kiến, tà thuyết, cho nên từ ngữ ngoại đạo trở thành danh từ có tính cách khinh thường, chê bai với ý nghĩa là tà pháp không đúng chân lý.

Trong các kinh luận có nêu lên nhiều phái ngoại đạo, thông thường chỉ nhóm Lục sư ngoại đạo: *Phú-lan-na Ca-Diếp, Mạt-ca-lợi-cù-lê-tử,*



*San-xà-da-tì-la-chi-tử, A-kì-đa-chỉ-xá-khâm-bà-la, Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên, Ni-càn-đà Nhã-đề-tử* và 6 phái triết học: *Số Luận, Du-Già, Thắng Luận, Chính Lý, Thanh Luận, Phệ-đàn-đa*.

Ngoài ra còn có sự phân biệt: Ngoại đạo tứ chấp, Sáu phái ngoại đạo khổ hạnh, Ngoại đạo thập lục tông, Chín mươi sáu phái ngoại đạo ...

\* **Ngoại Pháp** : Còn gọi: *Ngoại thuật*. Giáo pháp, tu pháp không phải của Phật giáo hoặc chỉ cho các chú thuật của ngoại đạo, như pháp *A-vĩ-xa* (Phạn: *Āvéśa*), dùng pháp thuật triệu thỉnh quỷ thần nhập vào thân của đồng nam hoặc đồng nữ làm cho các đồng nam, đồng nữ này đoán trước được những việc kết hung, thành bại.

Ở Nhật Bản, *Ngoại pháp* chỉ cho một loại yêu thuật nhận được từ quỷ mị. Vị tăng tu hành pháp này gọi là Ngoại Pháp tăng. Phong khí này thịnh hành vào giữa thời đại Bình An đến cuối thời kỳ Liêm Thương.

\* **Ngoại Trần** : Sáu trần cảnh: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là đối tượng sở duyên của 6 căn. Phạm phủ cho rằng 6 trần đều ở ngoài tâm, nên gọi là Ngoại trần.

*Lục Tổ Đàn Kinh*, ghi: “Phân biệt tất cả pháp là tướng ngoại trần”.

\* **Ngộ** : Từ đối lại: Mê. Ngộ là thấu suốt được thật tướng các Pháp, sinh khởi chân trí xoay chuyển mê lầm.

Do sâu cạn khác nhau về giáo pháp mà đức Phật đã dạy, nên cảnh giới ngộ cũng khác nhau: Tiểu thừa đoạn phiền não của 3 cõi chứng được *lý trạch diệt; tông Duy Thức* cho rằng ngộ nhập tính duy thức, *tông Tam Luận* cho rằng đến được cảnh không bất khả đắc, *tông Hoa-Nghiêm* cho rằng chứng nhập được tự cảnh giới của chư Phật, *tông Thiên Thai* gọi rằng chứng ngộ thật tướng các pháp, *Thiền tông* lại cho rằng ngộ tính thành Phật.

Tóm lại chứng ngộ trong Đại thừa là thấu được chân lý, dứt hết phiền não, đầy đủ vô lượng phước đức, tùy theo các cảnh hiện ra diệu dụng tự tại. Nếu phân biệt mê ngộ trong 10 cõi (Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A-tu-la, trời, người, Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật) thì 6 cõi trước là mê, 4 cõi sau là ngộ; nếu căn cứ theo 1, 9 đối đãi thì 9 cõi trước là nhân, 1 cõi sau là quả, chỉ có quả Phật là cảnh giới ngộ viên mãn. Nếu

luận theo mức độ chứng ngộ thì ngộ 1 phần là *Tĩnh ngộ*, ngộ toàn phần là *Đại ngộ*. Nếu luận theo thời gian nhanh chậm thì có *Tiệm ngộ* và *Đốn ngộ*. Nếu luận theo tri giải thì có *Giải ngộ* tức biết rõ về lý, *Chứng ngộ* là do tu tập mà đạt được lý.

\* **Ngộ nhập** : Thấu suốt lý thật tướng. Theo phẩm Phương Tiện, kinh Pháp Hoa, Đức Phật vì muốn cho chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến, nên xuất hiện ở đời.

\* **Nguyện** : Phạn âm : *Pranidhana* . Trong lòng quyết ý mong muốn thành tựu được mục đích .

Theo phẩm Vấn Tăng-na, kinh Phóng Quang Bát-nhã 3 ; kinh Vô Lượng Thọ, hạ; điều đầu tiên mà chư Phật và Bồ Tát đều phát tâm là nguyện cầu quả vô thượng Bồ đề, và độ tất cả chúng sinh .

\* **Nguyện lực**: Gọi đầy đủ: **Bản nguyện lực**. Còn gọi: *Túc nguyện lực*, *Đại nguyện nghiệp lực*.

*Bản nguyện lực* là lực dụng của bản nguyện do Bồ Tát phát thệ khi còn ở giai vị tu nhân vào đời quá khứ lúc chưa thành Phật.

Theo *Luận Vãng Sanh* của *Bồ Tát Thiên Thân* thì sức bản nguyện của chư Phật có năng lực thành tựu một cách nhanh chóng và đầy đủ vô lượng công đức thù thắng như biển bấu lớn.

Theo *Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ 1* của *đại sư Thiện Đạo* đời Đường thì tất cả phàm phu thiện ác, không ai mà chẳng nhờ vào sức đại nguyện của Phật A-di-đà làm tăng thượng duyên để được vãng sinh Tịnh-độ. Có người còn chia Bản nguyện lực ra làm 2 phần: *Bản nguyện* và *Lực*, cho rằng *Bản nguyện* là thệ nguyện ở nhân vị, còn *Lực* là thần lực ở quả vị.

Ngài Đàm-Loan trong *Vãng Sanh Luận Chú*, giải thích câu *Bản nguyện lực* của Phật (Đại 40, 840 thượng): “Nhờ 48 lời nguyện của Bồ-Tát Pháp Tạng khi xưa mà ngày nay A-di-đà Như Lai có thần lực tự tại. *Nguyện* làm cho thành tựu *Lực*, *Lực* làm cho thành tựu *Nguyện*; *Lực* không lống uống, *Nguyện* chẳng lập sông; *Lực Nguyện* rất ráo phù hợp nhau, nên gọi là thành tựu”.

\* **Ngũ Ẩm (Năm ẩm)** : Âm theo Phạn là *Pānca Skandha*; còn gọi *Ngũ uẩn*, *Ngũ chúng*, *Ngũ tụ*. Cách dịch mới là *Uẩn*, cũ dịch là *Ẩm*. Ẩm có hai nghĩa. *Ẩm phú* (che rợp, che cộm) và *Ẩm tích* (tích tụ nguồn). Năm sự tích tụ theo từng loại tất cả pháp hữu vi:

1. *Sắc uẩn* (Rūpa-Skandha): Sự tích tụ theo từng loại tất cả sắc pháp.
2. *Thọ uẩn* (Vedand4-Skandha): Các cảm thụ do khổ, vui, xả, do xúc ... mà sinh ra.
3. *Tưởng uẩn* (Samjñā-Skandha): Các thứ tưởng do nhãn xúc mà sinh ra.
4. *Hành uẩn* (Samkhāra-Skandha): Chỉ cho tất cả pháp hữu vi trừ sắc, thọ, tưởng, thức. Tức là tác dụng của ý chí và tâm.
5. *Thức uẩn* (Vijnāna-Skandha): tức sự tích tụ của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt và thân thức.

\* **Ngũ ẩm ma** : Còn gọi: *Ngũ uẩn ma*, *Uẩn ma* (Phạn: *Skandha-māra*), *Ẩm ma*, *Ngũ chúng ma*, *Thân ma*.

Năm uẩn trong thân đều hình thành các nhân duyên đoạt huệ mạng cho nên được ví dụ là ma, gọi là Ma ngũ uẩn. Tức là do 5 uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức chứa nhóm mà thành khổ quả sinh tử, pháp sinh tử này có khả năng làm cho chúng sinh hữu tình chịu nhiều thứ chướng ngại, đoạt mạng trí huệ nên gọi là Uẩn ma.

\* **Ngũ căn**: Âm theo Phạn: *Pāncandriyāni*; Tức là năm căn, mang 2 phạm trù:

**I. Ngũ sắc căn**: Năm sắc căn, sở y của 5 thức: Nhãn căn (Phạn: Caksurindriya), Nhĩ căn (Phạn: Srotrendriya), Tỷ căn (Phạn: Ghrānendriya), Thiệt căn (Phạn: Jihvendriya), Thân căn (Phạn: Kayendriya). Cũng là 5 quan năng chủ về: Thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác và xúc giác.

Năm căn này ngoài khả năng tiếp nhận đối tượng ngoại giới, còn có khả năng dẫn khởi tác dụng nhận biết của 5 thức bên trong, vì có tác dụng thù thắng này nên gọi là Căn. Vì 5 căn do sắc chất tạo thành, nên gọi Ngũ sắc căn. *Phái Số Luận có thuyết Ngũ tri căn*, trong đó Thân căn còn gọi là Bì căn.

Nói về thể của 5 căn, *Tát-bà-đa bộ (Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ)* chia làm 2 thứ: *Phù trần căn và Thắng nghĩa căn*:

- *Phù trần căn*, còn gọi Phù căn tức các căn thô phù bên ngoài, tự nó không có khả năng nhận biết được sự vật, phải nhờ vào Thắng nghĩa căn theo bên cạnh giúp sức mà sinh ra thức, thông thường gọi đó là 5 giác quan.

- *Thắng nghĩa căn*: Bộ phận bên trong của nhục thể mắt, thật ra chẳng thể thấy được, nhưng có tác dụng nắm bắt cảnh và sinh ra thức.

**III. Năm căn vô lậu trong 37 phẩm trợ đạo.** Năm căn này là cội gốc sinh ra các pháp lành có tác dụng tăng thượng đối với việc dẹp trừ phiền não, dẫn vào Thánh đạo nên gọi chúng là Căn. Năm căn gồm có:

1. *Tín căn* (Phạn: Sraddhendriya): Tin lý Tứ Đế, tin Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng) ...
2. *Tấn căn* (Phạn: Viryendriya), còn gọi Tinh tấn căn, Cần căn: Dững mãnh tu tập pháp lành .
3. *Niệm căn* (Phạn: Smrtindriya): Nhớ nghĩ chính pháp.
4. *Định căn* (Phạn: Samādhindriya): Làm cho tâm dừng trụ ở một cảnh, không cho loạn động.
5. *Huệ căn* (Phạn: Prajnēndriya): Ở trong định khởi trí quán, biết rõ chân lý như thật.

\* **Ngũ Dục** : hay còn gọi Ngũ diệu dục, Diệu ngũ dục, Ngũ diệu sắc; Âm theo Phạn là *Pānca Kāmāh* ; Theo *Kinh Phật Di Giáo, Luận Đại trí độ 17, 37 và Ma-Ha Chỉ Quán 4* thì Ngũ dục là năm thứ ham muốn sinh ra từ sự nhiễm trước 5 trần cảnh: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, tức là:

1. *Sắc dục* (Rūpa Kama): Ham muốn sắc đẹp của thế gian.
2. *Thanh dục* (Sabda Kama): Ham muốn âm thanh.
3. *Hương dục* (Gandha Kama): Ham muốn mùi hương thơm.
4. *Vị dục* ((Rasa Kama): Ham muốn những thức ăn ngon.
5. *Xúc dục* (Sprastavya Kama): Ham muốn sự xúc chạm.

Trái với Ngũ dục thô tệ của cõi Dục này là 5 dục của cõi Sắc và Vô sắc, được gọi là thanh khiết ngũ dục (5 dục trong sạch).

Theo *Hoa Nghiêm Kinh Tùy Sở Diễn Nghĩa Sao 27 và Đại Minh Tam Tạng Pháp Số 24* thì Ngũ dục gồm: Tài dục, Sắc dục, Ẩm thực dục, Danh dục và Thụỵ miên dục.

1. *Tài dục* : Ham muốn của cải.
2. *Sắc dục* : Ham muốn sắc đẹp thế gian.

3. *Ẩm thực dục*: Ham muốn sự ăn uống.
4. *Danh dục*: Ham thích tiếng tăm.
5. *Thụy miên dục*: Ham muốn sự ngủ nghỉ.

\* **Ngũ giới**: Âm theo Phạn: *Panca Silani*. Còn gọi: *Ngũ giới Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-tắc giới*.

Năm giới cấm của hàng nam nữ tại gia thụ trì, đó là: 1. *Sát sinh*, 2. *trộm cắp*, 3. *tà dâm*, 4. *vọng ngữ*, 5. *uống rượu*.

Theo *Kinh Lượng Bộ* của Tiểu thừa, thọ Tam qui thì trở thành *Ưu-bà-tắc*, cho phép trong 5 giới hễ giữ được giới nào thì thụ trì giới đó. *Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ* thì phải trước thọ Tam qui y, sau thọ đủ 5 giới mới gọi là *Ưu-bà-tắc*, nên phải thọ trì đủ cả 5 giới.

Trong 5 giới, 4 giới trước thuộc về *tính giới*, giới sau thuộc về *già giới*. Lại, 3 giới trước để ngăn ngừa *thân*, giới thứ 4 ngăn ngừa *miệng*, giới thứ 5 ngừa chung *thân* và *miệng*, để giữ gìn 4 giới trước.

Trung Quốc xưa nay lấy 5 giới phối hợp với 5 thường (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín). *Ngũ giới* phối hợp với *Ngũ phương*, như : Không giết hại phối với phía Đông, không trộm cắp phối với phía Bắc, không tà dâm phối với phía Tây, không uống rượu phối với phía Nam và không nói dối phối với Trung ương.

\* **Ngũ nghịch (Năm Tội Vô Giá)**: Năm tội bội phản. Thay vì báo ân, trả nghĩa, bồi bổ phước điền, lại đi làm phản nghịch, cho nên kể là tội.

Trong *A-Xà-Thế vấn ngũ nghịch kinh*, có ghi năm tội này: **1.** Sát phụ, **2.** Sát mẫu, **3.** hại A-La-Hán, **4.** đấu loạn chúng Tăng, **5.** khởi ác ý đối với sở hành của đức Như Lai. Kẻ nam, người nữ nào phạm 5 tội lớn ấy, không thể cứu thì phải đọa vào địa ngục vô giá (Ngũ vô giá địa ngục), tức là sẽ bị hành hạ mãi mãi ở địa ngục, không biết đến kỳ hạn nào mới được ra. Vì vậy, nên ngũ nghịch tội cũng kêu là Ngũ vô giá tội.

Thường thì năm tội nghịch là: **1.** giết cha, **2.** giết mẹ, **3.** giết A-La-Hán, **4.** phá hòa hiệp Tăng, **5.** đâm chém Phật chảy máu. Ai phạm một tội trong ngũ nghịch tội ấy, chẳng được nhận vào Giáo hội Tăng già, chẳng được làm Tỳ Kheo. Trong Tứ thập Bát nguyện của đức A-Di-Đà, điều nguyện thứ 18 có nói rằng: Nếu tôi được làm Phật, thì Chúng sanh mười phương chí tâm tín lạc, muốn sanh về nước tôi, cho đến mười niệm

mà chẳng sanh đó, xin chẳng giữ lấy ngôi Chánh giác. Chỉ trừ ra kẻ phạm ngũ nghịch, gièm pha Chánh Pháp.

Các Kinh điển nhà Phật thường dạy rằng kẻ phạm ngũ nghịch tội, thì hoặc chẳng được vãng sanh về cõi Tịnh-độ của Phật, hoặc bị đọa mãi mãi ở địa ngục. Nhưng có khi kẻ phạm được vãng sanh, khỏi bị đọa. Như cảnh vua A-Xà-Thế giết cha và ông ĐỀ-Bà-Đạt-Đa hại Phật. Ấy là nhờ hai duyên cơ:

1. Kẻ phạm tội bội nghịch từ trước kia đã có phát tâm Đại thừa, vì gặp duyên mà tạo ra tội nghịch, hoặc vì nghiệp chướng đời xưa phải trả, nhưng rồi hối ngộ rất thâm trọng, phát tâm cầu ra khỏi cảnh đời ác nghịch, diệt được tội trọng nên được vãng sanh Tịnh-độ.

2. Kẻ phạm tội bội nghịch trước kia đã từng tu hành, tuy nay lỡ phạm, mà rồi ăn năn, quán tưởng đạo lý, thiện căn cùng là quán tưởng sâu xa phước đức của Phật, nên trừ diệt tội trọng, khỏi bị đọa lạc, lại được vãng sanh, tấn lên đường lành.

Như trong “*Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh*” về bậc Hạ Phẩm Hạ sanh, có chép: Như có ai làm các nghiệp chẳng lành: Ngũ nghịch, Thập ác, đáng đọa ác đạo, nhưng lúc lâm chung được bậc Thiện Tri Thức an thủy, thuyết Pháp cho nghe và dạy niệm Phật. Người ấy dẫu khổ bức, nhưng cũng ráng xưng được mười lần “*Nam Mô A Di Đà Phật*”, trừ được các tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử, liền được vãng sanh Cực Lạc thế giới, dự bậc Hạ Phẩm hạ sanh.

Lại trong “*Niết Bàn Kinh*”, Phật có dạy: Dẫu ai có phạm Tứ trọng tội, Ngũ nghịch tội mà phát lộ ăn năn, hộ trì Chánh Pháp, thì cũng nhận sự cung kính cúng dường, cùng đặng độ thoát.

\* **Ngũ Sắc** : Phạn âm : Pāñca Varna. Còn gọi : Ngũ chính sắc, Ngũ đại sắc. Ngũ sắc là 5 màu căn bản : Xanh (Phạn: Nila), vàng (Phạn: Pita), đỏ (Phạn:Lohita), trắng (Phạn: Avadātu) và đen (Phạn: Krsna). Ở Ấn Độ, chư Tăng trong giáo đoàn không được dùng 5 màu này làm màu pháp y vì cho rằng 5 màu này lòe loẹt, hoa mỹ. Nhưng màu sắc trang nghiêm Tịnh độ Cực Lạc, mây ngũ sắc và vật cầm tay của Đức Quán Âm nghìn tay, đều có 5 màu này . Trong Mật giáo, thường phối hợp 5 màu với 5 trí, 5 Phật, 5 chữ, 5 đại, 5 căn, 5 phương, 5 chuyển, 5 hình ...

✳ **Ngũ thông** : Có 2 nghĩa:

**I. Ngũ thông** là 5 năng lực siêu việt tự nhiên đạt được do tu 4 tĩnh lực căn bản, còn gọi là *Ngũ thần thông* (Âm theo Phạn : *Pancābhijnā*). *Thần* nghĩa là không thể nghĩ bàn ; *Thông* nghĩa là tự do tự tại. Năm thần thông là:

1. *Thần cảnh trí chứng thông* (Phạn : *Rddhi Visaya jñāna sāksatkriyābhijnā*) còn gọi: *Thần cảnh thông, Thần túc thông*. Có thể tự tại đi đến bất cứ nơi nào.
2. *Thiên nhãn trí chứng thông* (Phạn : *Divyacaksur jñāna sāksatkriyābhijnā*) còn gọi: *Thiên nhãn trí thông, Thiên nhãn thông*. Có thể thấy những cái mà mắt người thường không thể thấy được.
3. *Thiên nhĩ trí chứng thông* (Phạn : *Divya srotra jñāna sāksatkriyābhijnā*) còn gọi: *Thiên nhĩ trí thông, Thiên nhĩ thông*. Có thể nghe được những âm thanh mà người thường không thể nghe được .
4. *Tha tâm trí chứng thông* (Phạn : *Cetah paryāyā jñāna sāksatkriyābhijnā*) còn gọi: *Tha tâm trí thông, Tri tha tâm thông, Tha tâm thông*. Có thể thấu rõ ý nghĩ trong tâm người khác.
5. *Túc trụ tùy niệm trí chứng thông* (Phạn : *Pūrve nivāsānumsmṛti jñānā-sāksatkriyābhijnā*) còn gọi: *Túc trụ trí thông, Thức túc mạng thông, Túc mạng thông*. Có thể biết rõ việc quá khứ.

Trong 5 thông, 4 thông trước chỉ chung cho hữu lậu, thuộc về trí thế tục. Còn *Tha tâm trí thông* thì chung cho cả vô lậu, thuộc về 5 trí: *Pháp trí, loại trí, đạo trí, thế tục trí* và *tha tâm trí*.

*Ngũ thông* sinh khởi từ 4 tĩnh lực căn bản nên không những ở bậc Thánh mà ngoại đạo nà phạm phu dị sinh cũng có thể đạt được. Tiên nhân đạt được 5 thứ thần thông này gọi là *Ngũ Thông tiên* .

**III. Ngũ thông** còn chỉ 5 lực dụng của thần thông.

1. *Đạo thông*. Sau khi chứng lý trung đạo có thể khởi đại dụng, trong vô tâm ứng hợp muôn vật, tùy duyên biến hóa muôn hình, không có định thể giống như trăng đáy nước, hoa đốm hư không.
2. *Thần thông*. Trong tâm vắng lặng có thể chiếu rõ được muôn vật tùy theo sức định, có thể nhớ kỹ và phân biệt được những việc đời trước.
3. *Y thông*. Biết tất cả những pháp thuật mà ứng dụng nơi thân, cho nên có thể đến đi ứng hợp hoặc nhờ vào sức thuốc mà phát sinh sự linh biến.

4. *Báo thông*. Tức sức thần thông do nương vào quả báo mà có, đoán được những việc của quỷ thần, biến hóa thành hình chư thiên, đồng thời có thể ẩn hiện như thần long.

5. *Yêu thông*. Sự biến hóa của loài hồ ly (chồn tinh), cây, đá có thể gá vào người, đồng thời có sức thông huệ kỳ lạ.

\* **Ngũ trước**: Năm thứ dơ ở cõi Ta bà này: *Kiếp trước*, *kiến trước*, *phiền não trước*, *chúng sanh trước*, *mạng trước*. Đức Phật Thích-Ca thường gọi Ta bà này là một cõi ác lụy, choán đầy năm thứ trước, kỳ kiếp trước, sở kiến trước, sự mê dục trước, chúng sanh trước, mạng sống trước. Song ngài vì nguyện lực, vì lòng từ bi, chẳng nê cõi ác lụy ấy và ngũ trước ấy, nên giáng sanh mà giáo hóa chúng sanh, thuyết pháp cho họ biết cõi Tịnh độ của đức Phật A-Di-Đà đặng cho nguyện sanh về đó.

1. *Kiếp trước* (Kỳ *kiếp trước*) : Vào thời gian giảm kiếp, con người ta tuổi thọ giảm dần, cho đến khi số thọ còn mười tuổi thì hết cái giảm kiếp. Trong thời kỳ ấy, con người có đủ bốn thứ ô trước là: Kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước.

2. *Kiến trước* (Ý kiến, sự thấy biết ô trước). Con người có cái kiến thức tà vạy, chấp quấy bỏ phải, theo tà bỏ chánh, điên đảo, thiên lệch.

3. *Phiền não trước* (Các mối mê dục ô trước) : Con người trong tâm chứa đầy những sự tham lam, hờn giận, mê muội, ngu si.

4. *Chúng sanh trước*: Con người ta và vạn vật sinh ra ở cõi ô trước này, hằng bị khổ não, tai nạn, không mấy lúc được sung sướng thanh nhàn.

5. *Mạng trước* (Đời sống ô trước): Bởi đời sống con người giảm dần, cho nên trong đời họ phạm rất nhiều tội lỗi, họ lo tầm hưởng các điều thỏa thích về vật chất, chớ chẳng lo tu hành.

\* **Ngũ Vị** : Phạn : Pānca rasah. Ngũ vị tức năm vị: Nhũ (Phạn: Ksira), Lạc (Dadhi), Sinh tô (Navanita), Thục tô (Ghrta) và Đề hồ (Sarpinmanda), theo thứ tự được đặc chế từ sữa bò.

Các kinh luận thường dùng 5 vị để dụ cho thứ bậc căn cơ (người) hoặc giáo pháp (pháp).

Theo kinh Đại Bát Niết Bàn, Phẩm Tà Chánh; Thanh văn như Nhũ (sữa), Duyên giác như Lạc (sữa đặc), Bồ Tát như Sinh tô và Thục tô, chư Phật Thế Tôn như Đề hồ.



Phẩm Thánh hạnh, kinh Đại Bát Niết Bàn ghi : “*Ví như từ bò vắt ra Nhũ (sữa), từ Nhũ có Lạc (sữa đặc), từ Lạc có Sinh tô, từ Sinh tô có Thục tô, từ Thục tô có Đề hồ. Đề hồ là thức ăn ngon nhất, rất nhiều dinh dưỡng, có thể trị lành các bệnh. Đây các thiện nam tử ! Phật cũng như thế, từ Phật có 12 thể loại kinh, từ 12 thể loại kinh có Tu-đa-la, từ Tu-đa-la có kinh Phương Đẳng, từ kinh Phương Đẳng có Bát Nhã Ba-la-mật, từ Bát Nhã Ba-la-mật có Đại Niết Bàn ; Cũng như Đề hồ, nói Đề hồ là dụ cho Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai”.*

Đoạn văn kinh này, từ đời ngài Huệ Quán thời Lưu Tống, ngài Lưu Cầu thời Tiêu Tề Trung Quốc về sau đều dùng để thí dụ cho thứ tự một đời thuyết giáo của Đức Phật.

\* **Ngụy** : Đối lại của Chơn (Chân). Xem **Chơn (Chân)**.

\* **Ngưu Đầu**: Gọi đầy đủ là **Ngưu Đầu Chiên Đàn** ; Âm theo Phạn : *Gosirsa-candana*.

Ngưu đầu chiên đàn là loại chiên-đàn có mùi thơm nhất trong các loại chiên-đàn, sinh trưởng ở Ấn-Độ. Thân cây thường màu xanh, cao khoảng 9m, gỗ chiên-đàn rất thơm, màu vàng xám hoặc màu đồng đỏ, có thể dùng để điêu khắc, rễ của cây xay thành bột để làm nhang hoặc chế thành dầu thơm.

*Theo Kinh Hoa-Nghiêm 67 (bản Tân dịch)*, Ngưu đầu chiên-đàn là thổ sản ở vùng Malaya (Ma-la-da) Nam Ấn-Độ, cho nên gọi là Ma-la-da sản (Phạn: Malaya-ja).

Nhưng *theo Kinh Chính Pháp Niệm Xứ 69*, Uất-Đơn-Việt có 10 núi lớn, núi thứ 5 là Cao Tụ Sơn, núi này có 5 ngọn núi lớn, ngọn thứ 2 tên là Ngân Phong, có nhiều Chiên-đàn và hình dạng giống như đầu trâu, cho nên gọi là Ngưu đầu Chiên-đàn.

\* **Nhân** : Cựu dịch: **Nhơn**. Phạn âm: Hetu. Nhân (Nhơn) tức nguyên nhân dẫn sinh ra kết quả.

Theo nghĩa hẹp thì nguyên nhân bên trong trực tiếp dẫn sinh kết quả gọi là Nhân (Nội nhân); còn nguyên nhân bên ngoài gián tiếp giúp đỡ thì gọi là Duyên (Ngoại duyên).

Theo nghĩa rộng, hễ nhân tố nào tham dự vào việc tạo Quả, bao gồm tất cả các điều kiện khiến sự vật được sinh tồn và biến hóa đều gọi là Nhân. Vậy theo nghĩa này thì Nhân bao hàm cả Nội nhân và Ngoại duyên .

\* **Nhân quả** : Cự dịch: **Nhơn quả**. Phạn âm : *Hetu-phala*. *Nhân Quả* là Nguyên nhân và Kết quả; cũng chỉ *Luật Nhân Quả*.

Trong hệ thống giáo nghĩa của Phật giáo, đây là lý luận cơ bản để thuyết minh tất cả mối liên hệ trong thế giới. Trong sự hình thành của tất cả các pháp thì *Nhân* là năng sinh, còn *Quả* là sở sinh. Tức là pháp nào có khả năng sinh ra kết quả là *Nhân*, còn pháp nào từ *Nhân* sinh ra là *Quả*. Về mặt quan hệ nhân quả theo thời gian thì *Nhân* trước *Quả* sau, đó là *Nhân Quả khác thời*. Nhưng về mặt không gian thì giống như bó sậy nương tựa nhau, đó là mối quan hệ nhân quả theo nghĩa rộng, gọi là *Nhân Quả đồng thời*.

\* **Nhất dị** : Cự dịch: **Nhứt dị**, Là một và khác ; tức giống nhau và khác nhau. Bất cứ thiên về một bên nào cũng đều sai lầm. *Phật giáo* chủ trương *Trung đạo* để phá trừ sự thiên chấp sai lầm này, nên nói “Bất nhất bất dị”.

\* **Nhất nguyên** : Một nguồn, dụ cho các pháp bắt nguồn từ một nguyên lý, nhất là chỉ cội nguồn Nhất thừa cứu cánh thành Phật. *Kinh Đại Tập* 8, ghi: “Các pháp không hai, không sai biệt; 1 vị, 1 thừa, 1 đạo, 1 nguồn (Nhất nguyên)”.

\* **Nhất tâm** (hay **Nhứt tâm**) : Âm theo Phạn: *Eka-citta*. *Nhất tâm* là Chân như, Như Lai tạng tâm. Luận về Nhất tâm có 3 thứ :

**I.** *Nhất tâm* là nguyên lý căn bản của vũ trụ vạn hữu, tức là tâm tính tuyệt đối không hai.

*Kinh Nhập Lăng-Già 1 (Đại 16, 519 thượng)* ghi: “Tịch diệt được gọi là nhất tâm, nhất tâm được gọi là Như Lai tạng”.

**III.** *Nhất tâm* là tâm năng biến vạn hữu, tức thức A-lại-da, do tông Duy-Thức lấy thức căn bản duy nhất làm nhất tâm.

*Luận Thành Duy-Thức 2 (Đại 31, 10 hạ)* ghi: “Do tự tâm chấp trước, tâm dường như bị ngoại cảnh chuyển, chỗ thấy kia chẳng phải có, nên nói là duy tâm, như vậy khắp mọi nơi, đều nói là nhất tâm”.

**III. Nhất tâm** là tâm chuyên chú vào một đối tượng nào đó mà không khởi vọng niệm. Vì thế chuyên tâm niệm Phật gọi là Nhất tâm chuyên niệm.

Theo *thuyết của kinh Vô Lượng Thọ*, nhất tâm có 3 điều tịnh tín là: *Chí tâm* (hết lòng), *tín nhạo* (tin ưa) và *dục sinh ngã quốc* (muốn sinh về cõi nước Phật A-di-đà). Còn *kinh Quán Vô Lượng Thọ* cho nhất tâm bao hàm 3 tâm là *Chí thành tâm*, *Thâm tâm* và *Hồi hướng phát nguyện tâm*; đồng nghĩa với kinh A-di-đà gọi là Nhất tâm bất loạn.

\* **Nhất-thiết-Trí**: Cự dịch: **Nhứt thiết trí** . Gọi đầy đủ: **Nhất thiết chủng trí** hay **Nhứt thiết chủng trí** . Cái Trí biết tất cả. Cái trí của hàng Thánh giả biết tất cả các cõi thế giới, biết tất cả các chúng sanh, biết tất cả các pháp hữu vi và vô vi, biết tất cả những việc từ quá khứ, hiện tại cho tới vị lai. Bực có cái Trí hiểu biết những việc từ quá khứ, hiện tại cho tới vị lai. Bực có cái Trí hiểu biết tất cả pháp. Bồ Tát Ma ha tát, khi đạt địa vị thứ mười là Pháp vân Địa, được vô lậu giới đầy đủ, thường tịnh giải thoát thân, tịch diệt bất tư nghị thì thành *Nhứt Thiết Trí*.

\* **Nhẫn** : Sự nhẫn nhục, nhẫn nại, kham nhẫn, nhẫn hứa (bằng lòng), nhẫn khả (gắng nhịn), an nhẫn ... Tức là bị người hỷ nhục, bức hại ... mà không sinh tâm tức giận hoặc tự thân bị khổ mà không động, tâm hay chứng ngộ chân lý, tâm được an trụ.

*Theo các kinh luận* thì tùy theo giai vị tu hành, trạng thái hay tính chất của tâm mà Nhẫn có nhiều loại như: *Nhị nhẫn*, *Tam nhẫn*, *Tứ nhẫn*, *Ngũ nhẫn*, *Thập nhẫn*.

Các công đức lợi ích của Nhẫn cũng nhiều vô cùng: Nhẫn là gốc của 10 điều lợi, là nguồn thân thông của Chư Phật, hàng phục được các điều ác, vượt qua sinh tử đến Niết Bàn ...

\* **Nhẫn nhục** : Phạn âm : *Ksānti*. Hán âm: *Sản-đề*, *Khất-xoa-đề*. Hán dịch: *An nhẫn*, *Nhẫn* .

Tâm vẫn luôn an tịnh, dù có bất cứ một sự hủy nhục, não hại nào từ ngoài đem đến, 1 trong 6 Ba-la-mật, 10 Ba-la-mật.

Theo *Luận Du-Già Sư Địa* 57, *nhẫn nhục* bao hàm 3 hành tướng: *Không sân hận, không kết oán thù, tâm không khởi niệm ác*. Phật giáo đặc biệt xem trọng *nhẫn nhục*, nhất là Phật giáo Đại thừa, cho *nhẫn nhục* là 1 trong 6 Ba-la-mật, là đức mục mà Bồ Tát cần phải tu hành.

Theo *Phẩm Sẵn-đề Ba-la-mật* trong kinh *Ưu-bà-tắc Giới* 7, hạnh *nhẫn nhục* mà hàng Nhị thừa thực hành chẳng phải Ba-la-mật, *nhẫn nhục* mà hàng Bồ Tát thực hành mới là *nhẫn nhục Ba-la-mật* (Phạn: *Ksanti-paramita*, Hán dịch: *Nhẫn độ*). Phẩm *An Nhẫn Ba-la-mật-đa* trong kinh *Đại Thừa Lý Thú Lục Ba-la-mật-đa* 6 cũng cho rằng chỉ có sự an nhẫn thực hành pháp quán “*tất cả pháp đều không*” mới được gọi là *An nhẫn Ba-la-mật*, còn tất cả đều chỉ gọi là *An nhẫn*. Phẩm *Địa Ba-la-mật-đa* trong kinh *Giải Thâm Mật* 4 chia *Nhẫn nhục Ba-la-mật* thành 3 pháp : Nại oán hại nhẫn, An thụ khổ nhẫn và Đế sát pháp nhẫn.

\* **Nhập diệt** : Phạn âm : *Parinirvāti, Parinirvāyati*. Gọi đầy đủ : *Nhập diệt độ, Nhập tịch diệt*. Hán dịch : *Nhập Niết-bàn, Thủ tịch diệt độ, Thị tịch ...*

- Nhập diệt có 2 nghĩa : **1.** Xa lìa những phiền não chấp trước của thế gian mà vào vô lậu giải thoát. **2.** Nhập vào cõi vô dư y Niết-bàn, tức là người đã tận trừ các lậu, xả bỏ nhục thân mà vào cõi Vô dư.

Từ này về sau không những chỉ sự nhập diệt của Đức Phật mà các vị Cao tăng viên tịch cũng gọi là *nhập diệt*.

- *Nhập diệt* còn là 1 trong 8 tướng (Bát tướng) của Đức Phật Thích Ca .

\* **Nhiếp thủ**: Phạn: *Parigraha*; Còn gọi: *Nhiếp thủ bất xả, Nhiếp thủ chiếu hộ, Nhiếp hộ, Nhiếp thọ*. Đức Phật A-di-đà nhiếp thụ và hộ niệm không sót một chúng sinh nào đã niệm Phật. Theo kinh *Quán Vô Lượng Thọ*, ánh sáng của Đức Phật A-di-đà chiếu khắp các thế giới ở 10 phương để nhiếp thọ, hộ niệm, không bỏ sót một chúng sinh nào đã niệm Phật. Cho nên gọi là *Nhiếp thủ bất xả*. Sự lợi ích của ánh sáng Đức Phật gọi là *Nhiếp thủ quang ích*.

*Quán Kinh Sơ Định Tán Nghĩa*, của ngài Thiện Đạo có nêu 3 duyên, khiến cho chúng sinh niệm Phật được sự lợi ích của *Nhiếp thủ*, gọi là *Nhiếp thủ tam duyên*:

1. *Thân duyên*: Ý chí, việc làm (tức 3 nghiệp) của Đức Phật và chúng sinh ứng hợp nhau.
2. *Cận duyên*: Chúng sinh muốn gặp Phật thì Phật tùy theo niệm mà hiện ra trước mắt.
3. *Tăng thượng duyên*: Chúng sinh nhờ niệm Phật mà tội chướng được tiêu trừ, đến lúc lâm chung, Phật và Thánh chúng đến rước về Tịnh Độ.

\* **Nhiễm Ô** : Âm theo Phạn: *Klista*; Còn gọi: **Tạp nhiễm, Nhiễm**.

Nhiễm ô là tên khác của phiền não, là những pháp hữu lậu làm trở ngại cho sự ngộ đạo, tức các pháp bất thiện và hữu phú vô ký.

Theo *Thành Duy Thức Luận Thuật Ký 2, phần cuối*; Tạp nhiễm, không chỉ giới hạn ở nhiễm pháp (*bất thiện và hữu phú vô ký*) mà hệ pháp nào là hữu lậu đều thuộc về tạp nhiễm.

Theo *Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận 3* thì nhiễm ô có 3 thứ:

- 1/. *Phiền não nhiễm ô* (còn gọi: *Phiền não tạp nhiễm*): tức các lậu hoặc.
- 2/. *Nghiệp nhiễm ô* (còn gọi: *Nghiệp tạp nhiễm*): là các ác hạnh.
- 3/. *Sinh nhiễm ô* (còn gọi: *Sinh tạp nhiễm*): tức sinh, lão, tử.

*Luận Biện Trung Biên, hạ (Đại 31, 476 trung)* ghi: “*Phiền não tạp nhiễm* lại có 3 thứ : Các kiến chấp, tham sân si và hậu hữu nguyện; được đối trị bằng: Không trí, Vô tướng trí và Vô nguyện trí.

*Nghiệp tạp nhiễm* là các nghiệp thiện ác đã tạo, được đối trị bằng bất tác trí.

*Sinh tạp nhiễm* có 3 thứ : Hậu hữu sinh, Sinh dĩ tâm tâm sở niệm niệm khởi và Hậu hữu tương tục, được đối trị bằng: Vô sinh trí, Vô Khởi trí và Vô tự tính trí”.

\* **Nhĩ thức**: Âm theo Phạn: *Srotra-vijnānā*. Âm Hán-Việt: *Thú lũ-da-tì-nhĩ-nam*.

Nhĩ thức là thức nương nhĩ căn phân biệt tiếng. Một trong 6 thức, một trong 18 giới. Trong 18 giới, thức này được gọi là Nhĩ thức giới.

\* **Nhị Căn (Hai Căn)** : gồm các khái niệm sau:

1. Lợi căn và Độn căn.
2. Chính căn và Phù căn.
3. Nam căn và Nữ căn. (Phẩm Tà Chánh, kinh Đại bát Niết Bàn).

※ **Nhị không** : tức hai thứ không. Có nhiều thuyết.

1/. *Nhân không và pháp không*: Gọi chung là *Nhân pháp nhị không*, *Sinh pháp nhị không*. Nhân không còn gọi là Ngã không, Sinh không, tức chân lý nhân ngã không vô. Hàng phàm phu vọng chấp 5 uẩn là ngã, cho là chủ thể, sinh ra phiền não, gây ra các nghiệp. Vì để phá trừ vọng chấp này nên Phật nói lý 5 uẩn vô ngã, cho rằng ngã chỉ là sự hòa hợp giả tạm của 5 uẩn và không có chủ thể thường nhất, hàng Nhị thừa Thanh văn, Duyên giác nghe được lời dạy ấy và nhập vào lý vô ngã, gọi là *Nhân không*.

Pháp không, tức chân lý các pháp không vô. Khi chưa đạt lý pháp không, hàng Nhị thừa vẫn chấp pháp 5 uẩn là thật có, vì phá trừ vọng chấp này nên Phật nói Bát-nhã thâm huệ, giúp cho hàng Nhị thừa thấy suốt tự tính 5 uẩn đều không, Bồ Tát nghe được lời dạy ấy mà nhập vào lý các pháp đều không, gọi là *Pháp không*.

2/. *Đãn không và Bất đãn không*: Chấp trước hoặc chỉ hiểu về lý “Không” mà không biết về lý “Bất không” của vạn hữu. Ngài *Cát Tạng thuộc tông Tam Luận* dùng Đãn không và Bất đãn không để phân loại giáo nghĩa Đại thừa và Tiểu thừa. *Tông Thiên Thai* cho “Đãn không” là Tạng giáo và “Bất đãn không” là Thông giáo. Về Không quán thì chia làm: “Đãn không quán” và “Bất đãn không quán”.

3/. *Tính không và Tướng không*: Gọi chung là *Tính tướng nhị không*. Các pháp không có thật tính, gọi là *Tính không*; Các pháp đã không có thật tính, chỉ có tướng giả danh, nhưng tướng này cũng chẳng thật có, nên gọi là *Tướng không*.

4/. *Như thật không và Như thật bất không*: Trong thể Chân như không có tất cả vọng nhiễm nhưng cứu cánh hiển thật, gọi là *Như thật không*; Trong thể Chân như có đủ tất cả công đức vô lậu, gọi là *Như thật bất không*.

5/. *Quyền không và Thật không*: Gọi chung là *Quyền thật nhị không*. *Sinh không* mà hàng Nhị thừa ngộ nhập là *Quyền không*, còn *Sinh pháp nhị không* mà Bồ Tát ngộ nhập là *Thật không*.

Ngoài ra, trong Mật giáo, khi kiết ấn khế, gọi địa là ngón út, thủy là ngón vô danh, hỏa là ngón giữa, phong là ngón trở và không là ngón cái, cho nên khi nói Nhị không tức là chỉ cho 2 ngón cái.

\* **Nhị Thập Ngũ Hữu (Hai mươi lăm cõi)** : Thế giới mê vọng sanh tử luân hồi được chia thành 25 cõi; vì có nhân thì chắc chắn có quả, nhân quả không mất, nên gọi là Hữu; tức 25 quả thể dị thực của hữu tình trong 3 cõi, đó là: 1. Địa ngục hữu ; 2. Súc sinh hữu ; 3. Ngạ quỷ hữu ; 4. A-Tu-La hữu ; 5. Phát-bà-đề hữu ; 6. Cù-đà-di hữu ; 7. Uất-đơn-việt hữu ; 8. Diêm-phù-đề hữu ; 9. Tứ thiên xứ hữu ; 10. Tam thập tam thiên xứ hữu (Đao Lợi Thiên); 11. Diêm-ma thiên hữu ; 12. Đâu-suất thiên hữu ; 13. Hóa-Lạc thiên hữu ; 14. Tha Hóa Tự Tại thiên hữu ; 15. Sơ thiên hữu ; 16. Đại Phạm thiên hữu ; 17. Nhị thiên hữu ; 18. Tam thiên hữu ; 19. Tứ thiên hữu ; 20. Vô tưởng hữu ; 21. Tịnh Cư A-Na-Hàm hữu ; 22. Không xứ hữu ; 23. Thức xứ hữu ; 24. Bất dụng xứ hữu ; 25. Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu.

Trong đường trời, 6 cõi trời thuộc Dục giới; 4 thiên và 4 vô sắc, mỗi cõi là một hữu. Mỗi riêng cõi Đại Phạm thuộc Sơ thiên, cõi Vô Tưởng, Tịnh cư thuộc Tứ thiên, mỗi cõi là một hữu. Tổng cộng cõi Dục có 14 hữu, cõi Sắc có 7 hữu, cõi Vô Sắc có 4 hữu. Nếu phá 25 hữu này thì được 25 tam muội.

\* **Nhị Thừa**: là hai loại giáo pháp của Đức Phật được ví như 2 cỗ xe chở người đến quả vị giải thoát. Việc phân định *Nhị thừa* được căn cứ theo các luận lý sau:

1. Theo *Phẩm Thánh Hạnh, Kinh Đại Bát Niết Bàn ; Luận Nhiếp Đại Thừa, thượng (bản dịch đời Lương)* thì Nhị thừa gồm: *Đại thừa* và *Tiểu thừa*. Giáo pháp đức Phật nói trong một đời được chia thành Đại thừa và Tiểu thừa khác nhau. *Tiểu thừa* là pháp Phật nói cho hàng Thanh văn, Duyên giác; *Đại thừa* là pháp thành Phật, Phật nói cho hàng Bồ Tát.

2. Theo *Kinh Đại Bảo Tích 28; Kinh Đại Bát Niết Bàn ; Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương 1* thì Nhị thừa gồm: *Thanh văn thừa* và *Duyên giác thừa*.

**a/ Thanh văn thừa**: Trực tiếp nghe giáo thuyết của đức Phật, nương theo lý Tứ Đế mà giác ngộ.

**b/ Duyên giác thừa:** Không cần đích thân nghe giáo thuyết của đức Phật, chỉ tự mình quán xét lý 12 nhân duyên mà được giác ngộ.

**3. Theo Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương 1** thì Nhị thừa gồm: *Nhất thừa* và *Tam thừa*.

**a/ Nhất thừa:** Trong hội Pháp-Hoa, Phật gom 3 thừa (Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát) qui về Nhất Phật thừa.

**b/ Tam thừa:** Trước thời Pháp-Hoa, sự chứng đạo của 3 thừa Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát khác nhau.

\* **Nhơn duyên** : Tân dịch : **Nhân duyên** ; Âm theo Phạm : *Hetupratyaya* .

Nhân và duyên. Nhân là nguyên nhân bên trong trực tiếp dẫn sinh ra kết quả; Duyên là nguyên nhân gián tiếp trợ giúp bên ngoài. Tất cả vạn hữu đều do sự tụ tán của nhân duyên mà sinh diệt, gọi là *Nhân duyên sinh, Duyên sinh, Duyên thành, Duyên khởi*. Do đó, tất cả pháp do nhân duyên sinh diệt gọi là pháp Nhân duyên sinh diệt; còn kết quả do nhân và duyên hòa hợp sinh ra, gọi là Nhân duyên hòa hợp. Tất cả vạn hữu đều do nhân duyên hòa hợp mà giả sinh ra chứ không có tự tính, đó là lý Nhân duyên tức không. Nếu lấy phiền não làm nhân, lấy nghiệp làm duyên thì chiêu cảm quả của cõi mê. Nếu lấy trí làm nhân, lấy định làm duyên thì chiêu cảm quả của cõi ngộ.

Ngoài ra, *Luận Câu-Xá 6,7* ... có nêu ra thuyết *Lục Nhân Tứ Duyên*. Lục Nhân là: *Năng tác nhân, Câu hữu nhân, Tương ưng nhân, Đồng loại nhân, Biến hành nhân và Di thực nhân* ; Tứ Duyên là: *Nhân duyên, Sở duyên duyên, Đẳng vô gián duyên và Tăng thượng duyên*. Trong đó, Năng tác nhân trong 6 nhân là Tăng thượng duyên trong 4 duyên ; 5 nhân còn lại là Nhân duyên trong 4 duyên. Nhưng tông *Duy Thức* thì cho Đồng loại nhân trong 6 nhân là chung cho cả Nhân duyên và Tăng thượng duyên và cho 5 nhân còn lại là Tăng thượng duyên.

\* **Nhục Nhãn** : Âm theo Phạm: *Māmsa-caksua*. Nhục nhãn là mắt thịt của con người. Phàm phu nhờ nhục nhãn này nhìn thấy sắc cảnh một cách rõ ràng.

*Kinh Vô Lượng Thọ, hạ (Đại 12, 274 thượng)* ghi: “Nhục nhãn trong suốt, nhìn thấy rõ ràng tất cả”. Nhưng nhục nhãn có nhiều chướng ngại, theo *Luận Đại Trí Độ 33* thì nhục nhãn có khả năng nhìn thấy rõ ràng các



cảnh vật ở chỗ gần, còn ở chỗ xa thì không; khi nhìn thấy những cảnh vật ở trước mắt thì không thể nào đồng thời nhìn thấy những cảnh vật ở sau lưng; mắt có khả năng nhìn thấy cảnh vật bên ngoài chứ không thể nhìn thấy những vật bên trong thân, ban ngày thì nhìn thấy các vật còn đêm tối thì không. Trái lại, do công đức tu hành, mắt của Phật và Bồ Tát có khả năng nhìn thấy tất cả các pháp và thật tướng của nó.

\* **Nhục Thân** : Thân xác. Thân thể bằng xác thịt do cha mẹ sinh ra, gọi là nhục thân.

\* **Như Lai**: Âm theo Phạn: *Tathāgatha*. Âm Hán-Việt: *Đa-đà-a-già-đà*, *Đa-đà-a-già-độ* (Tathāgatha). Nướng theo cái thật tánh của Chơn như mà đến, mà thành Chánh Giác, thành đạo. Như Lai là một trong thập hiệu của Phật.

Kinh Kim Cang có nói rằng: Đức Phật vốn không do đâu lại, mà cũng không đi đâu, nên gọi là Như Lai. Phật Như Lai tức là Phật Thế Tôn, như đức Thích Ca Mâu Ni. Người ta cũng gọi Như Lai là: Thường trụ, vô biên thân. Đức Như Lai có 10 cái Sức về Trí.

Đức Như Lai lại chứng được năm đức rất sâu xa vi diệu.

Như Lai chẳng phải là bực đoạn diệt phiền não, mà là bực chẳng hề phát sanh phiền não. Như vậy, Như Lai tức là Niết Bàn.

Như Lai chẳng phải là phạm phu, cũng chẳng phải là Thanh Văn, Duyên giác, Bồ tát. Như vậy, Như Lai tức là Phật tánh.

Như Lai là bậc mà thân, tâm và trí huệ của khắp vô lượng, vô số thế giới, không hề bị chướng ngại. Như vậy, Như Lai tức là Hư không.

Như Lai là thường trụ, chẳng hề biến đổi. Như vậy, Như Lai tức là thật tướng. Xét theo nghĩa trên, Như Lai thật chẳng có nhập Niết Bàn.

Đức Phật phán với Tu-Bồ-Đề rằng: “*Chớ thấy cái thân tướng của ngài, chớ thấy 32 tướng Chánh với 80 tướng phụ của ngài mà cho đó là Như Lai. Là vì hề có thân tướng, tức là có hư vọng, giả hiệp có thể tan rã. Bằng thấy các tướng là không phải tướng, tức thấy Như Lai vậy.*”

*Niết Bàn Kinh* (q.17): Tại sao gọi là Như Lai? Như chư Phật quá khứ thuyết diễn thế nào, thì ngài cũng thuyết giảng thế ấy. Chư Phật quá khứ, vì độ chúng sanh, nên thuyết diễn Mười hai bộ kinh (*Thập Nhị Bộ kinh*), đức Như Lai cũng làm như vậy, nên gọi ngài là Như Lai.

Chư Phật Thế Tôn thấy đều do Lục Ba-la-mật, Tam thập thất phẩm, Thập nhứt không mà tới cảnh Đại Niết Bàn. Đức Như Lai cũng làm như vậy, nên gọi ngài là Như Lai.

Chư Phật Thế Tôn, vì chúng sanh nên tùy nghi phương tiện, khai thị Ba thừa. Đời sống của các ngài dài vô lượng, kể không xiết. Đức Như Lai cũng như vậy, nên gọi ngài là Như Lai.

\* **Như Lai tánh (Như Lai tính)** : từ đồng nghĩa. Xem **Phật Tánh (Phật tính)**.

\* **Như Lai tạng** : Phạn: *Tathagata-garbha*. Pháp thân Như lai xưa nay thanh tịnh (tức tự tính thanh tịnh) ẩn tàng trong thân phiền não của tất cả chúng sinh, nhưng không bị phiền não làm ô nhiễm, bản tính xưa nay tuyệt đối thanh tịnh, vĩnh viễn bất biến.

Ngoài ra, giáo pháp nói về tất cả hiện tượng nhiễm ô và thanh tịnh đều duyên theo Như Lai tạng mà khởi, gọi là Như Lai tạng duyên khởi. Trong kinh luận thường dùng tư tưởng này để nói về ý nghĩa mê ngộ đối lập của con người như trong *Phẩm Tứ Đế, kinh Đại Bát Niết Bàn*.

Như Lai tạng cũng còn có nghĩa chỉ tất cả kinh tạng do Đức Phật nói ra. *Kinh Tăng Nhất A Hàm 1*, ghi : “Người nào chuyên tâm trì tụng Tăng Nhất tức là Tổng trì Như Lai tạng”.

\* **Như Như** : Âm theo Phạn: *Tathā* ; Còn gọi: *Như, Chân như, Như thật*.

Bản tính chân thật bất biến của tất cả muôn vật. Bởi tất cả pháp (mọi sự vật, hiện tượng) đều có thuộc tính riêng bất đồng nhau, như đất có tính cứng, nước có tính ướt ... Nhưng các thuộc tính riêng này chẳng phải thật có mà thật thể tất cả đều là không, cho nên thật tính được gọi là Như. Mặt khác, Như còn là bản tính của các pháp, nên còn được gọi là Pháp tính mà Pháp tính là biên tế chí cực của cứu cánh chân thật, nên Như còn gọi là Thật tế. Từ đó, ta nhận thức được rằng 3 tên gọi: Như, Pháp tính, Thật tế, đều là tên khác của thật tướng các pháp.

Mặc dù các pháp đều sai biệt nhau, nhưng về mặt lý thể của chúng thì bình đẳng không khác. Lý thể bình đẳng của các pháp này vốn đồng nhau, cũng gọi là Như. Do đó, ta biết rằng Như cũng là tên khác của Lý. Vì Lý này chân thật nên gọi là Chân như ; vì lý này là một nên gọi là

Nhất như. Nếu nói về mặt lý thể của Như thì do giáo môn chẳng đồng, nên việc đặt tên cho lý thể của Như cũng khác, *kinh Bát-Nhã* gọi Như là Không; *kinh Pháp-Hoa* gọi Như là Trung. Ngoài ra, *tông Thiên Thai* lại căn cứ vào thuyết *Thập Như thị* (Thập Như) của *Phẩm Phương Tiện* trong *kinh Pháp-Hoa*, công nhận trong 10 giới, mỗi giới đều có đủ 9 giới kia, nên thành Bách giới (100 giới), mà trong Bách giới, mỗi giới đều có Thập như (10 như), hợp thành Thiên Như (1000 Như).

\* **Nhứt thừa** : Tân dịch : **Nhất thừa**. Giáo pháp duy nhất để thành Phật. Thừa là cỗ xe, ví với giáo pháp của đức Phật. Giáo pháp có thể chở người đến bờ Niết Bàn, nên gọi là thừa. *Kinh Pháp Hoa* chuyên thuyết lý *nhất thừa* này. *Kinh Pháp Hoa-Phẩm Phương Tiện*: “Trong mười phương cõi Phật chỉ có pháp một thừa (nhất thừa pháp) không có hai cũng không có ba, trừ Phật phương tiện thuyết”.

\* **Nhứt tự** : Tân dịch: **Nhất tự**. Có 2 nghĩa :

1/. *Một chữ*, tức chữ A mà Mật giáo dùng để tượng trưng nguồn gốc vạn hữu.

2/. *Chữ nhất*. *Chương Ngũ Tổ Hoàng Nhãn, Lăng Già Sư Tư Ký* (đại 85, 1289 hạ) ghi : “Khi ông ngồi thì thân phải ngay thẳng, mặt hướng về phía trước, buông xả thân tâm vào tận cõi hư không, trước hết khán chữ “nhất” (-) rồi tự mình khán chiếu tiếp tục”.

\* **Nhứt Xiển Đề** (Tân dịch: **Nhất xiển đề**) : Âm theo Phạn, có những nghĩa này: kẻ bất tín triệt để, kẻ ác tâm, kẻ làm việc tội lỗi mà chẳng biết hổ thẹn, chẳng chịu cải hối, không tin luân hồi, nhờn giả, kẻ chẳng gần với Thiện hữu, kẻ chẳng có Phật tánh, chẳng bao giờ thành Phật. Cũng viết: *A xiển đề ca*, *A xiển đề*, *Xiển đề*.

\* **Ni** : Gọi đầy đủ: **Bí sô ni**. Phạn âm: *Bhiksuni*. Hán dịch: *Trừ nữ*, *Huân nữ*, , *Sa môn ni*. Còn gọi: *Bật-sô-ni*, *Phức-sô-ni*, *Bị-sô-ni*, *Tì-hô-ni*. Ni là người nữ xuất gia vào đạo thọ giới Cụ Túc.

\* **Ni-kiền-Tử**:Gọi tắt: **Ni-kiền**.Tức là hàng ngoại đạo Ni-Kiền-Đà, phải thầy tu chẳng mặc áo.

\* **Ni-Liên-Thiên hà** : Phạn âm: *Nairanjana*. Gọi tắt : **sông Ni-Liên** . Còn gọi: *Hi-liên-thiên hà, Ni-liên-thiên-na hà, Ni-liên-nhiên hà, Hi-liên hà, Ni-liên giang thủy*. Hán dịch: *Bát Nhạo Trước*.

Sông Ni-Liên-Thiên, một nhánh của sông Hằng, ở phía Đông thành Đà-Gia, nước Ma-Kiệt-Đà thuộc miền Trung Ấn Độ, từ phía Nam chảy về phía Bắc.

Theo kinh *Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả 3,4* ; Sau khi đức Thích Tôn xuất gia, Ngài ngồi tĩnh tọa tư duy, tu khổ hạnh 6 năm bên bờ sông Ni-liên-thiên. Về sau, Ngài bỏ lối tu khổ hạnh, xuống tắm dưới sông này, tắm xong, Ngài nhận bát sữa của cô gái chăn bò Nan-đà-ba-la rồi đến bên bờ sông, dưới cây Tát-ba-la phát nguyện mà thành đạo. Vì thế, ven bờ sông này còn lại rất nhiều di tích thành đạo của đức Thích Tôn.

Sông Ni-liên-thiên bắt nguồn từ Simeria, thuộc vùng Hazaribagh của Bengal, rồi chảy đến hướng Bắc của Phạt-đà Già-da, chảy đến phía Đông của Patna rồi chảy vào sông Hằng.

\* **Niết Bàn**: Âm theo Phạn là *Nirvāna*; Còn gọi: *Nê hoàn, Niết Bàn Na, Nê Viết, Niết-lê-bàn-na, Nê-phạ-nam, Nặc-phạ-nam*; Từ đồng nghĩa là *Trạch diệt, Li hệ, Giải thoát*; Hán dịch là *Diệt, Tịch diệt, Diệt độ, Tịch, Vô danh*.

Niết-Bàn nguyên nghĩa là chỉ cho sự thối tắt hoặc biểu thị trạng thái thối tắt. Về sau từ ngữ này được dùng để chỉ cho sự diệt tận lửa phiền não, đạt đến cảnh giới giác ngộ. Cảnh giới giác ngộ này là mục đích thực tiễn nhất của Phật giáo, cho nên được xếp vào 1 trong 3 pháp ấn, gọi là Niết-Bàn tịch tĩnh. Ngoại đạo tuy cũng có nói Niết bàn nhưng hoàn toàn khác với Phật giáo. *Niết-Bàn* hay *Đại Bát Niết-Bàn, Bát-Niết-Bàn* đều chỉ sự nhập diệt của Đức Thế Tôn.

\* **Niệm** được hiểu theo các khái niệm sau:

**1/. Niệm** (Phạn: Smrti, Smriti) tức ghi nhớ, tên của một tâm sở. Tâm sở này ghi nhớ cảnh duyên một cách rõ ràng không để quên mất. Tông Câu-Xá cho “Niệm” là 1 trong 10 đại địa pháp, tông Duy Thức xếp làm 1 trong 5 biệt cảnh.

**2/. Niệm** là quán niệm, khẩu niệm, tâm niệm. Quán niệm là quán tưởng Phật thể, Phật pháp; Khẩu niệm là dùng miệng xưng danh hiệu Phật; Tâm niệm là buộc tâm vào câu niệm Phật.

**3/. Niệm** là một trong Hành Ngũ Pháp. Nhớ thế gian hư dối không thật, chớ nên quyến luyến mà biết quý trọng pháp thiền định trí huệ.

**4/. Niệm** là khoảng thời gian rất ngắn. Theo các kinh luận, 1 niệm bằng 1 sát-na, hoặc 60 sát-na hay 90 sát-na.

\* **Niệm Niệm**: Niệm niệm là khoảng thời gian rất ngắn trong một sát-na. Trong Kinh điển thường dùng từ “niệm niệm” để hình dung sự đổi dời biến hóa trong thế giới hiện tượng.

*Phẩm Phương tiện, Kinh Duy-Ma*, ghi: “Thân như điện chớp, niệm niệm không dừng”.

\* **Niệm Trần** : Niệm là dùng trí mà tưởng nhớ, quan sát ; Trần là cảnh trần cấu mà mình tưởng nhớ, quan sát . Dùng trí của mình mà tưởng nhớ, quan sát trần cấu .



# O

\* **Oai nghi** : Thái độ oai nghiêm. Nghĩa là mọi động tác đi, đứng, nằm, ngồi đều có oai đức, có phép tắc. Trong *Phật giáo*, hàng xuất gia *Tỳ-kheo*, *Tỳ-kheo-ni* tuân giữ rất nhiều giới luật, khác với chúng tại gia, nên có thuyết ba nghìn oai nghi, tám vạn tế hạnh. *Tăng* có ba nghìn oai nghi, sáu vạn tế hạnh ; *Ni* có tám vạn oai nghi, mười hai vạn tế hạnh. Thông thường cho rằng giới nặng, oai nghi nhẹ, nếu hiểu theo nghĩa rộng thì giới của chế giáo cũng có nghĩa là oai nghi, như trong 250 giới, chỉ có 4 giới trọng là thuộc về giới, các giới còn lại như giới Tăng tàn ... đều thuộc về oai nghi. Lại như lìa Tỉn tội gọi là giới Cụ túc, các Già giới còn lại đều thuộc về oai nghi.



# Ô

\* **Ô nhiễm** : đảo từ . *Xem Nhiễm ô* .



# P

\* **Phan** : Âm theo Phạn là *Patākā*, Ketu ; Âm Hán là *Ba-đa-ca*, *Kế-đô*.

Phan là từ gọi chung các loại cờ xí. Phật giáo dùng Phan để hiển bày uy đức hàng ma của Phật, Bồ Tát. Theo Kinh Quán Đảnh 12, tạo *phan ngũ sắc* sẽ thoát ly được bệnh khổ, mạng sống lâu dài. Vào đời Tùy ở Trung Quốc, phan thường được sử dụng trong các Phật sự.

Hình dạng của phan như sau: Trên đầu phan là hình tam giác, thân phan hình chữ nhật dài, phần dưới tua gọi là chân phan. Vật liệu dùng để may phan có nhiều thứ: Gấm, lụa, sa tanh, đồng dát mỏng, ngọc báu, gỗ ... Về màu sắc, có loại phan chỉ có một màu như trắng, đỏ, vàng, xanh, vàng nhạt, hồng. Mật giáo thường dùng phan 5 màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, đen để phối hợp với ngũ hành và ngũ tạng trong thân thể. Ngoài ra còn có phan 8 màu, phan 9 màu, phan tạp sắc ...

] Tùy theo nơi treo mà phan có tên gọi khác nhau như Kim đường phan (Trung đường phan, Phật điện phan), Giảng đường phan, Di-Lặc đường phan, Đình phan. Các loại phan này thường được làm bằng vải.

Tùy theo pháp sự mà phan cũng có các tên gọi khác nhau, như: Quán đảnh phan, Tục mạng phan, Thọ mạng phan, Tiến vong phan, Mạng quá phan, Tống táng phan, Thí nạ quỷ phan. Các loại phan này thường được làm bằng giấy.

\* **Phá giới** : Âm theo Phạn: *Duhsila*. Còn gọi: *Phạm giới*. Đối lại: *Trì giới*.

Phá giới là hủy phá giới luật đã thụ trì. Do vi phạm giới pháp có sự bất đồng, nên việc trị phạt cũng có khác. Luận Đại Trí Độ 91 nêu ra 2 loại phá giới :

1/. *Nhân duyên bất cù túc giới*. Hạng người nghèo cùng, vì chẳng đủ cơm áo, nên sinh tâm trộm cắp mà phá giới.

2/. *Nhân duyên cù túc giới*. Tuy đầy đủ cơm áo, nhưng do tâm thích theo thói xấu, ưa làm điều ác đến nỗi phải hủy phạm giới cấm.

- Theo Luật Tứ Phần 59, phá giới có 5 lỗi: Tự hại, bị người trí quả trách, tiếng xấu lan rộng, hối hận lúc lâm chung và chết đọa vào đường ác.

- Kinh Tì-ni Mẫu 3 (Đại 24, 812 trung) ghi : “ Phạm giới có 7 thứ: Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ni-tát-kì Ba-dật-đề, Ba-dật-đề, Thân-lan-giá, Ba-la-đề Đề-xá-ni và Đột-cát-la”.

\* **Pháp** : Âm theo Phạn là: *Dharma*; Phiên âm Hán-Việt là: *Đạt-ma, Đa-ma, Đam-ma, Đàm-vô, Đàm*.

Pháp là từ ngữ chỉ chung tất cả mọi hiện tượng, sự vật có thể duy trì được tự tính của chúng, khiến cho ý thức và giác quan của con người cảm nhận thì có thể hiểu được.

Phật giáo định nghĩa Pháp là “*Nhậm trì tự tính, quĩ sinh vật giải*”, có thể phân biệt ý trên thành 2 nghĩa:

1. *Nhậm trì tự tính*: Luôn duy trì tính riêng của nó như hình dáng, màu sắc, tính chất riêng biệt, khái niệm ...

2. *Quĩ sinh vật giải*: Tính chất riêng biệt của nó khiến người ta có thể lấy đó làm căn cứ để hiểu được một sự vật nhất định.

Nói theo nghĩa *Nhậm trì tự tính* thì Pháp là chỉ cho tất cả sự tồn tại có đủ tự tính; nói theo nghĩa *Quĩ sinh vật giải* thì Pháp chỉ cho tất cả những phạm trù của sự nhận thức, như tiêu chuẩn, qui phạm, pháp tắc, đạo lý, giáo lý, giáo thuyết, chân lý, thiện hạnh ... gồm 5 vị, 75 pháp của tông Câu-Xá; 5 vị, 100 pháp của tông Duy Thức.

\* **Pháp ái** : được hiểu theo 2 nghĩa:

1/ Người đắc pháp do tâm sinh hoan hỷ nên thương xót người mê chưa đắc pháp hoặc chỉ cho lòng từ bi thương xót chúng sinh của Chư Phật, Bồ Tát .

2/ *Pháp ái* là chấp trước các thiện pháp mà mình đã chứng ngộ .

\* **Pháp âm**: Âm thanh thuyết pháp. Kinh *Vô Lượng Thọ* (q.Thượng): “Thường lấy âm để giác ngộ cho thế gian”. Kinh *Pháp Hoa, Phẩm Thí Dụ*: “Nghe pháp âm này tấm lòng như nhảy múa”.

\* **Pháp bảo**: Giáo pháp của Đức Phật nói trong Tam Tạng Kinh Điển, một trong Tam Bảo.



\* **Pháp Dược** : tức Thuốc pháp, dụ cho giáo pháp của Đức Phật có công năng dứt trừ bệnh khổ của tất cả chúng sinh .

*Kinh Quán Đảnh 12 (đại 21, 532 hạ)* ghi : “Ta khiến cho thế giới trong 10 phương ở đời vị lai, nếu có những người bị các khổ não không ai cứu hộ, ta sẽ trao cho *pháp dược*, khiến cho các bệnh đều được trừ diệt, không còn các khổ hoạn, đến được Phật đạo”

*Vãng Sanh Yếu Tập, trung (đại 84, 63 thượng)* ghi : “Phật như bậc Y vương, pháp như lương dược (...). Bày ra *pháp dược* mà không giữ gìn giới cấm thì các bệnh khổ phiền não càng không thể trừ được”.

\* **Pháp Giới** : Phạn âm : *Dharma-Dhātu* . Hán âm : *Đạt-ma Đà-đồ* .

*Pháp giới* là tất cả các cảnh sở duyên của ý thức, một trong 18 giới . Theo *Luận Câu-Xá 1* ; Ba uẩn Thụ, Tướng, Hành cùng với Vô Biểu Sắc, Vô vi pháp được gọi chung là *Pháp giới* ; trong 12 xứ thì Pháp xứ chính là *Pháp giới*. Nhưng trong 18 giới thì 17 giới kia cũng được gọi là *Pháp giới*. Theo nghĩa rộng thì *Pháp giới* chỉ chung cho tất cả các pháp hữu vi và vô vi.

Theo *Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký 18*, Pháp giới có 3 nghĩa : Nhân sinh ra Thánh pháp ; Thể tính chân thật của các pháp ; Các pháp đều có phần hạn của mình, nhờ đó có thể phân biệt tướng trạng .

- *Pháp giới* còn chỉ cho Chân như hoặc chỉ cho tất cả các pháp, gồm 5 môn : Hữu vi pháp giới, Vô vi pháp giới, Hữu vi vô vi pháp giới, Phi hữu vi phi vô vi pháp giới và Vô chướng ngại pháp giới ; từ 5 môn này còn lập ra 5 lớp khác nhau : Pháp pháp giới, Nhân pháp giới, Nhân pháp câu dung pháp giới, Nhân pháp câu dẫn pháp giới, Vô chướng ngại pháp giới.

Chủng loại của *Pháp giới* thật phức tạp, nhưng tất cả đều qui về Nhất Chân pháp giới, đây chính là tâm thanh tịnh bản nguyên của Chư Phật và Chúng sinh, cũng gọi là Nhất tâm pháp giới, Nhất chân vô ngại pháp giới .

Nếu nhìn từ hiện tượng và bản thể thì *pháp giới* được chia làm 4 nghĩa, gọi là Tứ pháp giới : Sự pháp giới, Lý pháp giới, Lý sự vô ngại pháp giới và Sự sự vô ngại pháp giới .

\* **Pháp Hữu Lộ** : đảo từ . Xem **Hữu Lộ pháp** .

\* **Pháp Khí** : Có 2 nghĩa:

1/. Chỉ người có khả năng tu hành Phật đạo như *Quốc Vương Hữu Đức* trong *Phẩm Kim Cang Thân*, kinh *Đại Bát Niết Bàn*. *Phẩm Đề-bà-đạt-đa*, kinh *Pháp-Hoa* (Đại 9, 35 hạ) ghi : “Thân người nữ như uest, không phải là Pháp khí”. Trong *Sơn Đường Tứ Khảo* cũng ghi : “Nhị tổ Huệ-Khả hầu tổ Đạt-Ma đã lâu nhưng không được nghe dạy bảo, Sư liền tự chặt cánh tay cầu pháp, ngài Đạt-Ma biết là bậc pháp khí nên truyền y bát cho”.

2/. Pháp khí còn gọi: *Phật khí, Phật cụ, Đạo cụ*. Tức chỉ cho các đồ vật được dùng trong các tự viện.

\* **Pháp Không** : Còn gọi *Pháp Vô Ngã* (Phạn: *Dharma-nairātmya*).

Tự tính các pháp là không. *Pháp không* nghĩa là tất cả các pháp Vô ngã và Nhân duyên sinh.

*Luận Đại Tì-bà-sa 9* (Đại 27, 45 trung) ghi : “*Tôn giả Thế Hữu* nói: Ta không nhất định nói các pháp đều không mà nhất định nói tất cả các pháp đều Vô ngã”.

Theo *Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ*, vì pháp thể hằng hữu nên không thể nói tất cả pháp đều không mà chỉ quán tất cả pháp vô ngã để đối trị ngã kiến. Nhưng theo *Phẩm Diệt Pháp Tâm*, *Luận Thành Thật 12*, *luận Du-Già Sư Địa 93* thì cho pháp 5 uẩn là Vô ngã, không có tự tính, thực tại bất biến nên nói là “không”.

Ngoài ra, *Đại Thừa Nghĩa Chương 1*, căn cứ vào 4 tông để phân biệt nghĩa “Không”.

1/. *Tông Tì-dàm lập tính*: Chỉ nói về sinh không mà không nói về Pháp không.

2/. *Tông Thành Thật phá tính*: Nói đủ “Nhị không” (Sinh không và Pháp không), cho rằng các pháp được tập thành bởi Khổ, Không, Vô thường ... gọi là Pháp hòa hợp. Trong Pháp hòa hợp, “Không” không có định tính, nên gọi là Pháp không.

3/. *Tông Bát-Nhã phá tướng*: cũng nói “Nhị không”, cho rằng không cần chờ các pháp Khổ, Không, Vô thường ... tan rã hoại diệt mà tất cả các pháp giả danh chính là “Không”.

4/. *Tông Hiển Thật*: cũng nói “Nhị không” chia làm 2 môn:

**a. Y trì môn :** Pháp vọng tưởng vốn “Không” nên gọi là “Chúng sinh không”; Sở y chân thật tịch diệt, gọi là “Pháp không”.

**b. Duyên khởi môn:** Thể của Chân như vắng lặng gọi là “Pháp không”; Duyên dụng tịch diệt gọi là Chúng sinh không.

Trong đó, “Không” của tông Pháp Tính là “Tịch không”, còn “Không” của tông Pháp Tướng là “Thể không”. “Nhị không” thuộc Y Trì Môn của tông Hiển Thật, là “Tam tính tam vô tính”. “Nhị không” thuộc Duyên khởi môn, là “Thể dụng của chân như”.

\* **Pháp Luật :** Những qui chế, giới luật hoặc thanh qui trong giáo đoàn Phật giáo.

*Tăng Yết-Ma, hạ (đại 40, 536) ghi :* “Tìm tòi nghiên cứu *Tu-đa-la-tì-ni* pháp luật, phải thực hành theo các pháp luật này mà không được trái nghịch”.

\* **Pháp Lực :** Âm theo Phạn: *Dharmabala*. Tức sức mạnh của Chánh pháp, của Pháp Phật. Sức mạnh này hoặc ở nơi bậc hành giả đắc Đạo, hoặc ở trong kinh điển, trong Chơn ngôn mà vị hành giả đọc tụng. Pháp lực có thể trừ tai ách, hàng phục sự ác độc, phá tan các sự ô trược.

\* **Pháp Môn :** Âm theo Phạn: *Dharmaparyāyā*. Pháp môn là những phương pháp tu hành mà Đức Phật đã dạy. Ngoài ra, pháp môn còn chỉ cho pháp giới trùng trùng vô tận.

*Đại Thừa Khởi Tín Luận Nghĩa Ký, trung, phần đầu (Đại 44, 252 trung) ghi:* “**Pháp** nghĩa là những khuôn mẫu giúp người khác có thể hiểu được sự vật. **Môn** nghĩa là cửa ngõ qua lại của hàng Thánh trí”.

\* **Pháp Nhĩ :** Còn gọi: *Pháp nhiên, Tự nhiên, Thiên nhiên, Tự nhĩ, Pháp nhĩ tự nhiên, Tự nhiên pháp nhĩ*.

Mọi hiện tượng tự nhiên, thiên nhiên của các pháp, không trải qua bất kỳ một trạng thái tạo tác nào. Tức chỉ cho tướng trạng xưa nay của sự vật.

Theo *Hoa-Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký 3*, Pháp nhĩ có thể xét theo 2 phương diện :

1/. Theo sự tồn tại của tất cả các hiện tượng: Tất cả các pháp đều do nhân duyên hòa hợp mà thành, bất luận là nước chảy xuống thấp, lửa bốc lên cao, đều là việc tự nhiên như vậy.

2/. Theo lý chân như của các pháp: Các pháp vốn tùy duyên mà sinh khởi, xưa nay bình đẳng thường nhiên.

Theo *Luận Du-Già Sư Địa* 88, Pháp nhĩ là lý thứ tư trong bốn đạo lý, lý này nói về tính chất thiên nhiên, về tướng trạng nguyên sơ của mỗi sự vật, như tính của lửa là nóng, tính của nước là ướt.

*Tịnh Độ Chân tông của Nhật Bản* cho rằng: Nhờ vào nguyện lực của Phật A-Di-Đà mà tự nhiên vãng sinh Tịnh Độ, gọi là pháp nhĩ vãng sinh. Pháp nhĩ lúc ấy chính là ý nghĩa của tự nhiên và tha lực.

\* **Pháp Phật** : Từ đồng nghĩa. Xem **Pháp Thân** .

\* **Pháp Sư** : Phạn âm: *Dharma-bhāṅka*. Còn gọi: *Thuyết Pháp sư*, **Đại Pháp sư**.

*Pháp sư* là những người thông hiểu Phật pháp và có năng lực dẫn dắt chúng sinh tu hành. Chư Phật, Bồ Tát và các vị Đại đệ tử, đều biết pháp sâu xa vi diệu, lại biết cả căn cơ lợi độn của chúng sinh mà diễn thuyết cho họ nghe, nên gọi là *Pháp sư*.

Nói về tư cách *Pháp sư*, theo *Luận Du-Già Sư Địa* 81, *Luận Trụ Tỳ-bà-sa* 7, *Hoa Nghiêm Kinh Sớ* 43 của ngài *Trình Quán*, *Pháp sư* phải đầy đủ 10 đức, học rộng hiểu nhiều, nắm chắc tất cả ngôn từ chương cú, khéo biết tướng sinh diệt của thế gian và xuất thế gian, phải có định lực để liễu thông và tùy thuận các pháp mà không gây tranh cãi, lời nói phải đi đôi với việc làm. Theo *Phẩm Pháp Sư Công Đức*, kinh *Pháp-Hoa* 4, *Pháp sư* có 5 hạng: Thụ trì, đọc kinh, tụng kinh, giảng nói và biên chép.

Ngoài ra, ở Trung Quốc tôn xưng những bậc có học vấn và đức hạnh cao sâu như ngài *Đạo An*, *Huệ Viễn* ... là *Pháp sư*, nhưng đối với ngài *Cưu-ma-la-thập* và *Huyền Trang* là những nhà dịch kinh lớn đã có những cống hiến vĩ đại trong việc phiên dịch *Kinh Tạng* thì được tôn xưng là *Tam Tạng Pháp Sư*, để phân biệt với cách xưng hô *Thiền sư* và *Luật sư*.

\* **Pháp Tài:** Đối lại: Thế Tài. Pháp tài cũng như Phật pháp, giáo pháp ... Vì giáo pháp có thể tưới tắm tinh thần của chúng sinh, giống như của báu thế gian, nên dụ là Pháp tài.

*Phẩm Phật Quốc, Kinh Duy-Ma (Đại 14, 537 hạ)* ghi: “Pháp vương, pháp lực vượt quần sinh, thường đem pháp tài để bố thí”.

\* **Pháp Tánh** : Tân dịch : **Pháp tính**. Còn gọi: *Chân như pháp tính, Chân pháp tính*. Âm theo Phạn: *Dharmatā*.

Pháp tánh là thể tính chân thật của các pháp. Pháp tánh cũng là tên khác của Chân như.

Theo *Luận Đại Trí Độ 32*, tổng tướng của tất cả pháp đồng qui về pháp tánh. Nói theo tướng sai biệt thì tự tính của các pháp là “không” cho nên gọi đó là “Như”. Tất cả tướng đồng qui về “không” cho nên gọi “không” là “pháp tính”.

Theo *kinh Đại Bảo Tích 52*, Đức Thế Tôn khai thị về nghĩa thật tính của các pháp, cho rằng pháp tính không biến đổi, không tăng thêm, không làm nhưng không điều gì chẳng làm . Đối với các pháp đều thông suốt bình đẳng, ở trong các bình đẳng khéo trụ bình đẳng, trong bất bình đẳng khéo trụ bình đẳng, trong bất bình đẳng bất bình đẳng khéo trụ bình đẳng. Lại cho rằng pháp tính không phân biệt, không sở duyên, đối với tất cả pháp có khả năng chứng được thể tướng cứu cánh. Thông thường người ta phân biệt Tánh và Như lai tạng, tức chỉ chung thật tướng của tất cả pháp là pháp tính, nhưng cũng có thuyết chủ trương pháp tánh đồng nghĩa với Như Lai tạng.

\* **Pháp Tạng** : Từ nhiều nghĩa. Đây chỉ cho giáo pháp Đức Phật đã nói. Vì giáo pháp bao gồm nhiều nghĩa, nên gọi là Pháp tạng. Hoặc chỉ cho sự hàm chứa những giáo thuyết của kinh điển, nên gọi là Pháp tạng.

\* **Pháp Thân:** Phạn âm : *Dharma-Kāya* . Còn gọi: **Pháp Phật**, *Lý Phật, Pháp Thân Phật, Tự Tính Phật, Pháp Tính Thân, Như Như Phật, Thật Phật, Đệ Nhất Thân* .

Chính pháp Đức Phật đã thuyết, Pháp Vô lậu Đức Phật đã chứng và Tự tính chân như, Như Lai Tạng. Theo *Đại Thừa Nghĩa Chương, thượng, Phật Địa Kinh Luận 7*, Tiểu thừa cho rằng giáo pháp Đức Phật đã nói,

*pháp Bồ-đề phần* mà Ngài đã giảng và *Pháp công đức vô lậu* mà Ngài đã chứng đều là *Pháp thân*. Ngoài ra, Đại thừa còn cho rằng *Tự tính chân như* thanh tịnh pháp giới, vô lậu, vô vi, vô sinh, vô diệt, cũng chính là *Pháp thân*.

*Pháp thân* có đủ 5 phần (Ngũ phần pháp thân): 1. *Giới*, 2. *Định*, 3. *Huệ*, 4. *Giải thoát*, 5. *Giải thoát tri kiến*. Đó là năm thứ công đức, hiệp thành *Pháp thân* của Phật, Thánh.

*Pháp thân* có năm thứ (Ngũ chủng pháp thân): 1. *Pháp tánh sanh thân*, 2. *Công đức pháp thân*, 3. *Biến hóa pháp thân*, 4. *Hư không pháp thân*, 5. *Thật tướng pháp thân*. Đức Phật có cả năm thứ *Pháp thân* ấy.

*Kim quang minh Kinh* có biên hai *Pháp thân* (*Nhị pháp thân*): *Lý pháp thân* và *Trí pháp thân*. *Lý pháp thân* là cái lý tánh đã sẵn giác ngộ, Phật và chúng sanh đều có đủ. Nhưng ở chúng sanh, cái *Pháp thân* ấy còn bị màn vô minh che khuất, nên chưa hiển hiện ra.

*Trí Pháp thân* là cái *Pháp thân* nhờ sự tu trì mà được viên mãn, khế hiệp với cái *Lý pháp thân*.

\* **Pháp Thí:** Âm theo Phạn: *Dharma-désanā*; còn gọi: *Thuyết giáo*, *Thuyết pháp*, *Thuyết kinh*, *Đàm nghĩa*, *Khuyến hóa*; Từ đồng nghĩa là: *Xướng đạo*.

Pháp thí là giảng nói giáo pháp làm lợi ích cho chúng sanh, một trong hai pháp thí, một trong ba pháp thí.

\* **Pháp Thực :** Dùng pháp làm thức ăn để nuôi dưỡng huệ mạng, ngoài ra còn chỉ cho việc ăn uống đúng pháp. Theo *Tăng Nhất A-hàm*, y của Như Lai gọi là Ca-sa, thức ăn của Như Lai gọi là Pháp thực.

Theo *Kinh Tì-la Tam-muội*, Phật nói *Tứ thực thời* cho Bồ Tát Pháp Huệ nghe : Chư Thiên thọ thực vào lúc sáng sớm, Chư Phật thọ thực vào giờ Ngọ gọi là Pháp thực.

\* **Pháp Tòa:** Là chỗ ngồi của Phật khi thuyết pháp. *Phẩm Tự, kinh Pháp-Hoa*, ghi: “Trên pháp tòa, ngồi kiết già tam-muội”. Pháp tòa còn là một cái tòa cao thường dùng khi Phật thuyết pháp, cũng gọi là *Pháp tòa* hoặc *Tu-di tòa*. Về sau từ ngữ này được dùng đồng nghĩa với *Pháp điện*, *pháp tịch*.

\* **Pháp Trần** : là Pháp đối tượng sở duyên của ý thức. Trong kinh thường ví dụ phiền não là bụi bặm, vì phiền não có thể làm nhiễm ô tình thức.

*Kinh Lăng-Nghiêm 1*, ghi: “Mặc dầu diệt tất cả kiến, văn, giác, tri (thấy, nghe, hiểu, biết) mà bên trong vẫn giữ sự vắng lặng, đó cũng là bóng dáng phân biệt của pháp trần”. Pháp trần tương đương với pháp xứ trong 12 xứ, pháp giới trong 18 giới hoặc chỉ cho hiện tượng khiến người ta khởi tâm chấp trước.

Ngoài ra, người tu hành chấp trước Phật pháp sinh khởi tâm mê vọng, Phật pháp này đối với người ấy cũng gọi là Pháp trần. *Tức 83, Bích Nham Lục 83 (Đại 48, 209 thượng)* ghi: “Trái lại chẳng biết lời nói của Tông Sư là dứt tuyệt ý thức, tình lượng, sinh tử, pháp trần mà thể nhập vào chính vị, không còn một pháp”.

\* **Pháp Tướng**: Là tướng của các pháp. *Tông Duy Thức* chủ trương phân tích, phân loại và thuyết minh tướng của các pháp, cho nên gọi là tông Pháp Tướng.

- Pháp Tướng còn có nghĩa là giới hạn, phạm vi và cương yếu của giáo nghĩa.

- Pháp Tướng cũng được xem là vị đại tướng của Phật pháp. Bồ Tát hoặc các vị cao Tăng Đại Đức đối với đệ tử, giống như vị Đại tướng trong quân đội. Ngoài ra, các vị này còn tinh thông nghĩa môn, cùng với người khác tranh luận đều đạt thắng lợi nên gọi là Pháp tướng, như Ngài Huyền Trang ở Ấn-Độ từng được tôn là Pháp tướng. *Luận Đại trí Độ 7 (Đại 25, 109 thượng)* ghi: “Đức Phật là Pháp vương, Bồ Tát là Pháp tướng”.

- Từ đối lại với Pháp tướng là Pháp tính tức là Chân như thật tướng.

\* **Pháp vị**: Có 2 nghĩa :

1/. *Pháp vị* là tên khác của Chân như. Chân như là nơi các pháp an trụ, nên gọi là *Pháp vị*. *Tông Cảnh Lục 7 (đại 48, 455 thượng)* ghi : “Pháp vị tức chính vị Chân như”.

2/. *Pháp vị* còn gọi là *Phật pháp vị*, *Pháp trí vị* ; Là mùi vị của diệu pháp. Pháp môn Đức Phật dạy, nghĩa thú rất sâu xa, phải nghiền ngẫm

trình tế mới thể nhận được và sinh ra niềm vui, cho nên được thí dụ bằng vị ngon, gọi là *Pháp vị*.

*Luận Tịnh-Độ của ngài Thiên Thân*, ghi: “Ưu thích Pháp vị của Phật, thiền Tam-muội là thức ăn”.

*Kinh Hoa-Nghiêm 25 (bản Tân dịch)*, ghi: “Nguyện cho tất cả chúng sinh được vô lượng pháp vị, liêu đạt pháp giới (...)”.

\* **Pháp Vương** : Âm theo Phạn: *Dharma-rāja* ; Là từ dùng để tôn xưng Phật và Bồ Tát.

1/. “*Pháp vương*” là từ tôn xưng Đức Phật. Vương có nghĩa tối thắng, tự tại, Phật là chủ các pháp môn, có khả năng tự tại giáo hóa chúng sinh, cho nên gọi là Pháp vương.

*Kinh Vô Lượng Thọ, hạ (Đại 12, 275 trung)* ghi: “Phật là bậc Pháp vương tôn quý nhất trong hàng Thánh chúng, là bậc thầy của tất cả trời, người.”

*Thích-Ca Phương Chí, thượng (Đại 51, 950 thượng)* ghi: “Địa vị cao nhất của loài người là Luân vương, địa vị cao nhất của hàng Thánh là Pháp vương”.

2/. “*Pháp vương*” cũng là từ tôn xưng Bồ Tát.

Theo *kinh Hoa-Nghiêm 27*, khi nhận ngôi vị, Bồ Tát này được chư Phật dùng nước trí huệ tưới lên đỉnh, nên được gọi là *Quản Đảnh Pháp Vương*.

Theo *Hội Mật Tích Lục Sĩ, kinh Đại Bảo Tích 9*, vì có đủ 4 việc, nên Bồ Tát được tôn xưng là Pháp vương. Bốn việc đó là:

- Không bỏ đạo tâm.
- Khuyến hóa người phát tâm.
- Lấy đức làm gốc khuyến đạo khiến tâm ý người nghe được mở thông.
- Khiến cho tất cả Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương, các vị Thanh văn, Duyên giác đạt đến thiện nghiệp vô cùng, vô hoại, vô cực.

\* **Pháp xuất thế** : đảo từ . Xem **Xuất thế pḥp** .

\* **Pháp Y** : Còn gọi: **Pháp phục**, *Tăng phục*, *Tăng y*. *Pháp y* là y phục đúng pháp của tăng ni.

Đức Phật qui định Tỳ kheo có 3 y :



1/. *Tăng-già-lê* (còn gọi: *Chúng tụ thời y*): Y khoác lúc đại chúng thụ giới, thuyết giới ...

2/. *Uất-đa-la-tăng* (*Thượng y*): Y khoác trên y An-đà-hội.

3/. *An-đà-hội* (*Trung trước y*): Y khoác trong mình. An-đà-hội có 5 điều, Uất-đa-la-tăng có 7 điều, Tăng-già-lê có từ 9 đến 25 điều, thường gọi là Ngũ y, Thất y và Đại y. Ngoài 3 y ra còn có Man y hay Man điều, không có điều tương nào cả, là tấm vải trơn, để Sa-di và Sa-di-ni đắp. Ngoài ra, còn có *Nê-hoàn-tăng* (nivasana, quần) của Tỳ kheo, *Quyết-tu-la* (kusala, thuyên) của Tỳ kheo ni, *Tăng-kỳ-chi* (shangat, áo lót).

\* **Phát Lô** (hay **Phát Lộ**) : Trình bày hết những lỗi lầm mình đã phạm trước bậc thầy của mình. *Thiên Thai Tứ Giáo Nghi* (Đại 46, 779 thượng) ghi : “Như vậy, tội ngũ nghịch, thập ác và tất cả các tội khác đều phát lộ ra hết, không được che giấu, dứt tội cũ, không tạo tội mới; nếu được như thế thì ngoại chướng dần dần tiêu trừ, nội quán thêm sáng”.

\* **Phát Nguyện (Phát Nguyên)** : Còn gọi : *Phát đại nguyện, Phát nguyện tâm, Phát chí nguyện, Phát vô thượng nguyện* . *Phát nguyện* là phát khởi thế nguyện . Chỉ chung cho tâm *phát nguyện* mong cầu Phật quả Bồ-đề (tâm Bồ-đề) ; chỉ riêng cho tâm hoàn thành tịnh độ để cứu giúp chúng sinh (tức thế nguyện) . Nguyện mà Bồ Tát phát ra có rất nhiều loại như : *Tổng nguyện, Biệt nguyện, Tịnh Độ thành Phật nguyện, Uế độ thành Phật nguyện* ... Trong tông *Tịnh Độ*, người thế nguyện vãng sinh Tịnh độ khuyến khích tự mình tu thiện. Tâm phát nguyện vãng sinh này gọi là Hồi hướng phát nguyện tâm . Theo *Quán Kinh Sơ Huyền Nghĩa Phần* của ngài Thiện Đạo, 6 chữ Nam-mô A-di-đà Phật thì Nam-mô có nghĩa là phát nguyện hồi hướng .

\* **Phát Tâm** : (đảo ngữ: **Tâm phát**). Còn gọi: *Sơ phát ý, Tân phát ý, Tân phát tâm, Sơ tâm, Phát ý*. Gọi đầy đủ: *Phát Bồ-đề tâm*.

Phát tâm là tâm phát nguyện cầu Vô thượng Bồ-đề. Tức là phát khởi tâm cầu giải thoát khổ nạn để được vãng sinh Tịnh độ hoặc cầu mong được thành Phật.

Tâm Bồ-đề là chủng tử của tất cả chư Phật, là thừa ruộng tốt nuôi lớn pháp thanh tịnh. Phát tâm này, phải tinh tấn tu tập để mau chứng Vô thượng Bồ-đề.

Theo *Phiên Dịch danh Nghĩa Tập 12*, có 3 loại phát tâm:

1/. *Phát tâm đại trí*: Muốn đem trí huệ rộng lớn cầu được tất cả pháp Phật để độ tất cả chúng sinh đều được Pháp hỷ.

2/. *Phát tâm đại bi*: Tâm thương xót tất cả chúng sinh đang luân hồi sinh tử, chịu các khổ báo, nên thệ nguyện cứu khổ cho họ.

3/. *Phát tâm đại nguyện*: Nương theo Tứ hoàng thệ nguyện, phát tâm Vô thượng Bồ-đề, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh.

Theo *Thích Thị Yếu Lãm*, có 3 loại phát tâm:

1/. *Phát tâm nhằm chán xa lìa hữu vi*: Pháp thế gian chỉ là pháp hữu vi, vì nó chiêu cảm khổ báo sinh tử trong 3 cõi. Muốn cầu thoát khỏi khổ này, phải phát tâm tu hành, nhằm chán pháp hữu vi.

2/. *Phát tâm cầu Bồ-đề*: Vốn có thiện tâm và chính tri kiến, muốn cầu đạo xuất thế nhiệm mầu phải phát tâm tu hành.

3/. *Phát tâm làm lợi ích cho hữu tình*: thường khởi tâm từ bi, nghĩ đến tất cả chúng sinh ở thế gian đang chịu khổ sinh tử, nên phát tâm tu hành, nguyện cứu khổ ban vui cho chúng sinh.

\* **Phàm Phu** : Âm theo Phạn : *Prthag-jana*. Hán âm : *Tát-lật-thác Ngật-na*. Hán dịch : *Dị sinh*. Gọi tắt : **Phàm**. Nói theo giai vị tu hành thì phàm phu là những người tầm thường, có sự hiểu biết nông cạn, chưa thấy lý *Tứ đế*.

Theo *Đại Nhật Kinh Sớ 1*, vì vô minh nên phàm phu phải chịu quả báo tùy theo nghiệp, không được tự tại, đọa vào các đường, từ đó sinh ra các loài chúng sanh khác nhau, cho nên đúng ra phải dịch là *Dị sinh*. Nhưng ngài *Bồ-đề-lưu-chi* dịch là *Mao đạo phàm phu*, ngài *Chân-Đế* dịch là *Anh nhi phàm phu* và ngài *Cấp-đa* dịch là *Tiểu nhi phàm phu*. *Anh nhi phàm phu* và *Tiểu nhi phàm phu* bắt nguồn từ tiếng Phạn *Bala-prthag-jana* (Hán âm: *Bà-la Tát-lật-thác Ngật-na*), *Bà-la* nghĩa là ngu.

Ngoại trừ những bậc thánh Tứ hướng, Tứ quả, những vị chưa kiến đạo đều gọi là phàm phu. Trong đó, *tông Câu-Xá* cho rằng *Tứ thiện căn* là *Nội phàm*, *Tam Hiền* là *Ngoại phàm*; từ *Tam Hiền* trở xuống đều là *phàm phu*; *Đại thừa* thì cho rằng dưới *Sơ địa* là *phàm phu*; *Thập trụ*, *Thập*

*hạnh, Thập hồi hướng (Tam Hiền) là Nội phàm; Thập tín là Ngoại phàm. Từ Ngoại phàm trở xuống gọi là phàm phu. Đối lại với Tứ thánh thì hệ chúng sinh nào còn trôi lăn trong 6 đường sinh tử đều gọi là Lục phàm, tức loài hữu tình ở địa ngục cho đến chúng sanh ở cõi trời đều là phàm phu.*

\* **Phàm Tánh** : Tân dịch: **Phàm tính**. Còn gọi: *Phàm phu tính, Dị sinh tính*.

*Phàm tính* là tính của phàm phu, còn những kiến chấp mê lầm, chưa thấy được lý *Tứ đế*, là 1 trong 24 pháp *Bất tương ứng hành* của *tông Pháp Tướng*.

\* **Phạm Hạnh**: Âm theo Phạm là *Brahma-carya*; dịch nghĩa là *Tịnh hạnh*; là hạnh thanh tịnh mà người xuất gia, tại gia tu tập. Bà-la-môn giáo chia một đời người ra làm 4 thời kỳ; trong đó, thời kỳ thứ nhất gọi là Phạm hạnh kỳ (Phạm: *Brahma-carin*), trong thời kỳ này phải giữ giới bất dâm và học Phệ Đà, Nghi thức cúng tế ... Phẩm Phạm hạnh – Kinh Đại Bát Niết Bàn cho rằng 4 vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) là Phạm hạnh, trụ trong 7 thiện pháp ... thì gọi là Phạm hạnh cụ túc. Những sự giải thích này không những nói về Từ, bi, hỷ, xả mà còn nhấn mạnh đến ly dục Niết Bàn, nghĩa là gồm đủ tất cả Phạm hạnh nói trên.

\* **Phạm Thiên** : Chư thiên cõi sắc. Vì chư thiên cõi này đã lìa dục, sống thanh tịnh, gọi chung là Phạm thiên. *Luận Đại Trí Độ 35* : “Cõi Sắc đều là Phạm”.

\* **Phạm Vương**: Gọi đầy đủ : *Phạm Thiên Vương, Đại Phạm Thiên Vương* . Vị chúa tể Ta bà thế giới này. Cung điện, chỗ thường trụ của ngài Phạm vương, kêu là Phạm vương cung.

\* **Phân Biệt** (hay **Biệt phân**) : Âm theo Phạm: *Vikalpa*. Còn gọi: *Tư duy, Kế đạc*. Có 2 nghĩa:

I/. Phân biệt là sự suy lường, tính toán của ý thức.

Theo *Luận Câu-Xá 2*, phân biệt có 3 thứ:

**1/. Tự tính phân biệt:** Sự trực giác do tâm sở Tầm hoặc Tứ làm thể, trực tiếp nhận thức cảnh đối diện.

**2/. Kế đặc phân biệt:** Sự phán đoán, suy lý do huệ tâm sở làm thể.

**3/. Tùy niệm phân biệt:** Sự ghi nhớ, hồi tưởng những việc đã qua do niệm tâm sở làm thể.

Trong 6 thức, ý thức có đủ 3 thứ phân biệt nói trên, nên gọi là *Hữu phân biệt* (Phạn: *Savikalpa*), 5 thức trước chỉ có *Tự tính phân biệt*, không có 2 thứ phân biệt kia nên gọi là *Vô phân biệt* (Phạn: *Avikalpa*).

Theo *Luận A-tì-đạt-ma Tạp Tập 2*, ba thứ phân biệt này là tác dụng của ý thức, cho nên *Tự tính phân biệt* thuộc về hiện tại, *Tùy niệm phân biệt* thuộc về quá khứ và *Kế đặc phân biệt* thuộc về quá khứ lẫn vị lai.

Theo *Luận Nhiếp Đại Thừa*, sự phân biệt của phàm phu là do mê vọng sinh ra, không thể nào chứng ngộ lý *Chân như* một cách đúng như thật, cho nên gọi là *Hư vọng phân biệt* (gọi tắt: *Vọng phân biệt*). Bồ Tát từ Sơ địa nhập kiến đạo, duyên với *Chân như* của tất cả pháp, vượt ngoài sự đối lập giữa *Năng tri* và *Sở tri*, mới chứng được *Vô phân biệt trí bình đẳng*. Trí *vô phân biệt* này trải qua 3 giai đoạn : *Gia hạnh* (giai đoạn chuẩn bị), *Căn bản* và *Hậu đắc*, gọi là *Gia hạnh trí*, *Căn bản trí* và *Hậu đắc trí*.

**III.** Phân biệt còn là sự phân tích chia chẻ các pháp (Phạn: *Vibhanga, Vibhajya*).

\* **Phân thân** : Hóa hiện ra nhiều thân để độ chúng sinh . Do lòng từ bi, chư Phật, Bồ Tát dùng mọi phương tiện hóa hiện các loại thân đến các nơi để giáo hóa chúng sinh .

\* **Phật** : Phạn âm: *Buddha*; Gọi đầy đủ: *Phật-dà, Hưu-đồ, Phù-dà, Phù-đồ, Phù-dầu, Một-dà, Bộ-dà, Bộ-tha*. Hán dịch: *Giác giả, Tri giả, Giác*.

Phật là bậc đã giác ngộ chân lý, đã đầy đủ *tự giác, giác tha* và *giác hạnh viên mãn*, thấy biết tính tướng của tất cả pháp một cách đúng như thật, thành tựu *Đẳng Chính Giác*; là quả vị cao nhất củ Phật giáo.

Danh hiệu Phật xuất xứ từ kinh *Tam Kiếp Tam Thiên Phật Danh*. Phật có 3 nghĩa: *Tự giác, Giác tha* và *Giác hạnh viên mãn*, phàm phu hoàn toàn không có, hàng *Nhị thừa Thanh văn, Duyên giác* thì chỉ có *Tự giác*; *Bồ Tát* có *Tự giác* và *Giác tha*, do đó càng thấy rõ sự tôn quý của

Phật. Về sự chứng ngộ của Phật, các kinh luận đều nói khác nhau. Nhưng Đại thừa thì cho đạt đến quả vị Phật là mục đích cuối cùng của Phật giáo.

Xưng tán công đức Phật có nhiều danh hiệu như: *Nhất Thiết Trí Giả, Nhất Thiết Kiến Giả, hoặc Thế Tôn (hoặc Đại Giác Thế Tôn), Giác Vương, Pháp Vương, Đại Đạo Sư, Đại Thánh Nhân, Đại Sa-Môn, Đại Tiên, Đại Y-Vương, Phật Thiên, Phật Nhật, Lưỡng Túc Tôn, Nhị Túc Tôn, Lưỡng Túc Tiên, Nhị Túc Tiên, Thiên Trung Thiên, Nhân Trung Ngưu Vương, Nhân Hùng Sư Tử.*

Phật là bậc có khả năng giáo hóa dẫn dắt chúng sinh, nên gọi Ngài là *Năng Nhân*, Phật A-Di-Đà được gọi là *An Lạc Năng Nhân*. Năng Nhân là dịch ý của từ ngữ *Thích-Ca*, cho nên Phật Thích-Ca còn được dùng chung cho các Đức Phật thù thắng. Đức tính thù thắng của Phật có đầy đủ trên thân Ngài là 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, ngoài ra còn có 10 lực, 4 vô sở úy và 18 pháp bất cộng.

Phật còn 7 công đức thù thắng vượt hơn người thường, gọi là *Thất thắng sự*, đó là: *Thân thắng, Như pháp trụ thắng, Trí thắng, Cụ túc thắng, Hành xứ thắng, Bất khả tư nghị thắng và Giải thoát thắng. Định, Trí, Bi* của Phật đều tối thắng, nên gọi là *Đại định, Đại trí, Đại bi* phối hợp với 3 đức: *Đoạn đức, Trí đức và Ân đức*, gọi chung là *Đại Định Trí Bi*.

\* **Phật Đà:** Còn gọi là *Phù-Đà, Phù-dầu, Một-dà, Bộ-tha, Bội-dà, Phục-đâu, Phù-dồ*; Âm theo Phạn là *Buddha*; Hán dịch là *Giác giả, tri giả*.

*Theo Tục Cao Tăng Truyện 16; Thích Lão Chí, Ngụy Thư* thì Phật Đà là từ để chỉ Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni và cũng để gọi chung 3 đời 10 phương chư Phật. Như quá khứ có các Đức Phật Nhiên Đăng ... , vị lai có Phật Di-Lặc. Thập phương chư Phật như: Phật A-Súc ở phương Đông, Phật A-Di-Đà ở phương Tây ...

*Theo Niếp Đại Thừa Luận Thích 15*, thì chư Phật đồng một pháp thân, ba đời mười phương chư Phật cũng tức một đại pháp thân.

\* **Phật Đạo:** Phạn âm: *Bodhi*; Hán âm: *Bồ-đề*; Hán dịch: *Đạo*.

Phật đạo là Đạo mà Đức Phật giáo hóa chúng sinh, tức Phật giáo; là con đường thành Phật, tức con đường đưa hành giả đến Phật quả Vô thượng Bồ-đề; *Đại Thừa Nghĩa Chương 18*, ghi: “Có công năng đưa hành giả đến Niết Bàn, nhân đó gọi là Thông, vì thông nên gọi là Đạo”

*Phẩm Tự, Kinh Pháp-Hoa (Đại 9, 3 thượng)* ghi: “Ta thấy hàng sa Bồ Tát ở cõi kia, dùng nhiều nhân duyên để mong cầu Phật đạo”.

\* **Phật Đường (Phật Đàng)**: Còn gọi: *Phật điện, Đại Hùng Bảo điện, Đại điện*.

Phật đường là Điện đường thờ tượng Phật, Bồ Tát. Ở Ấn Độ, Phật đường được gọi là Kiện-đà-câu-chi (Phạn: *Gandhakuti*), nghĩa là hương thốt, hương đài, hương điện.

Ở Trung Quốc ngày xưa trong thiền môn phần lớn không xây Phật điện, chỉ dựng Pháp đường của ngài Bách Trượng Hoài Hải. Ở Nhật Bản, các kiến trúc của Thiền tông phần lớn phỏng theo kiểu mẫu đời Tống, Trung Quốc, tức là xây Phật điện trước Pháp đường và hai điện đường này được nối nhau bằng một nhà cầu.

\* **Phật Gia** : Chư tăng . Tất cả đạo tràng tu hành của Phật giáo, trụ xứ của Đức Phật, các cảnh giới từ Sơ địa trở lên, cũng gọi là Phật gia.

\* **Phật Giáo** : Phạn âm : *Buddha-Sāsana, Buddhānu-sāsana*. Là tôn giáo do Đức Thích-Ca Mâu-Ni sáng lập vào khoảng thế kỷ thứ VII trước công nguyên, thịnh hành ở Đông Nam và Trung bộ Châu Á.

*Phật giáo* lấy Phật, Pháp, Tăng làm trọng tâm nên còn có các từ ngữ tương đồng như *Phật pháp, Phật đạo, Thánh giáo, Thích giáo* ... Thời Đức Phật còn tại thế, *Phật giáo* chỉ là những giáo thuyết do Đức Phật truyền dạy, chưa hình thành một tôn giáo với đầy đủ tính chất của nó. Sau khi Đức Thích Tôn nhập diệt, giáo pháp của Ngài được đệ tử kết lập lại và truyền trì. Đến thế kỷ thứ III trước Tây Lịch, vua A-Dục qui y Phật giáo, dùng hết sức mình truyền bá *Phật giáo* đến toàn xứ Ấn-Độ và các nước lân cận, rồi phát triển thành tôn giáo có tính cách thế giới, hình thành các giáo phái đặc sắc của các dân tộc. Sau đó hưng khởi và phân lập thành các bộ phái như Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ, Đại Chúng bộ, Thượng Tọa bộ và *Phật giáo Đại thừa* khoảng 600 năm sau này. Sau khi Đức Phật nhập diệt, trải qua thời gian hình thành và phát triển, *Phật giáo* đã hoàn toàn chiếm vị trí quan trọng trong khu vực, phổ cập đến các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam, Miến Điện, Tích-Lan, Lào, Cam-pu-chia, Sumatra, Java ...

Các tông phái cũng nở rộ cùng với sự phát triển của *Phật giáo*. Bộ phái *Phật giáo* ở Ấn-Độ chia ra nhiều học phái như *Kinh Lượng bộ*, *Độc tử bộ*, *Ám Quang bộ* ... *Đại thừa* thì chia ra 2 học phái lớn là *Trung Quán* và *Du-Già*. Sau đó, các giáo phái lắng xuống nhường chỗ cho *Mật giáo* phát triển mạnh mẽ. Từ Ấn-Độ, các ngài *Tịch Hộ*, *Liên Hoa Sinh*, *A-đề sa* ... cùng nhau lần lượt truyền *Mật giáo* vào Tây Tạng. Tây tạng trở thành thánh địa của *Mật giáo*.

\* **Phật Huệ** : Còn gọi: *Phật trí*, *Phật trí kiến*, *Phật trí huệ*. Phạn âm: Tathāgata-jñāna-darsāna.

Trí huệ của Phật, tức chỉ cho trí huệ bình đẳng và tối cao mà Phật đã chứng được và truyền đạt lại cho chúng sinh.

*Kinh Pháp-Hoa 1 (Đại 9, 8 thượng)* ghi: “Vì chúng sinh bị các khổ nạn nên ta nói Niết Bàn; ta thiết lập phương tiện khiến chúng sinh nhập Phật huệ”.

\* **Phật Lực** : Phật lực là lực dụng của Phật. *Phẩm Phương Tiện*, *kinh Pháp-Hoa (Đại 9, 5 hạ)* ghi: “Phật lực vô sở úy, các tam-muội giải thoát và các pháp khác của Phật, không gì so lường được”.

\* **Phật Nhãn** : Âm theo Phạn: *Buddha-caksus*. Phật nhãn tức mắt Phật, có năng lực thấu rõ thật tướng các pháp, một trong 5 loại mắt (*Nhục nhãn*, *Thiên nhãn*, *Huệ nhãn*, *Pháp nhãn*, *Phật nhãn*).

*Pháp Hoa Văn Cú 4, hạ (Đại 34, 60 thượng)* ghi: “Phật nhãn viên thông, có đủ các căn thắng và liệt. Lại nữa, khi 4 nhãn kia qui về Phật nhãn thì đều gọi là Phật nhãn”.

*Phẩm Phương Tiện*, *kinh Pháp-Hoa (Đại 9, 9 trung)* ghi: “Xá-Lợi-Phất nên biết ! Ta dùng Phật nhãn quán sát thấy chúng sinh trong 6 đường nghèo cùng, không phước huệ”

\* **Phật Pháp** : Giáo pháp do Đức Phật nói ra, bao gồm các thứ giáo nghĩa và chân lý Phật giáo do giáo nghĩa ấy biểu đạt.

Ngoài ra, Phật pháp là pháp xuất thế gian, đối lại với Vương pháp là pháp do Quốc vương đặt ra để cai trị thiên hạ.

\* **Phật Sự** : Còn gọi: *Lập địa*. *Phật sự* là những việc làm nhằm phát huy và xiển dương tinh thần thượng cầu hạ hoá của Phật giáo. Theo *kinh Duy-Ma, hạ* ; Đức Phật đối với tất cả việc đều xem là Phật sự, đây là biểu thị đức tính của Phật.

*Thiền tông* dùng từ ngữ này để chỉ cho các việc làm nhằm xiển dương Phật pháp như : Khai nhãn, an toà (an trí tượng Phật), niêm hương, thượng đường, nhập thất, phổ thuyết, dạy chúng ... Nói chung, các nghi thức cử hành trước Phật đều gọi là Phật sự.

\* **Phật Tánh (Phật tính)**: Tánh Phật, tánh giác ngộ, cái bản tánh lành, mầm lương thiện ở mọi người, mọi vật, cũng gọi là **Như Lai tánh**, đối nghĩa là *Chúng sanh tánh*. Theo *Phạm Võng kinh*: Tất cả chúng sanh đều có sẵn cái tánh giác ngộ nơi mình (*Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh*). Nhờ cái tánh giác ngộ ấy, cái bản tánh lành ấy, chúng sanh công nhận và thấu đạt lý Nhơn – quả, hiểu cái Thể tự nhiên của mình đồng với Phật.

Theo *kinh Niết Bàn*, tất cả chúng sinh đều có Phật tính, phàm phu do phiền não che đậy nên chẳng hiển lộ, nếu đoạn hết phiền não thì Phật tính hiển bày.

\* **Phật Thừa**: Phạn âm: *Buddha-yāna*; Tên gọi khác là: *Bồ tát thừa*, *Đại thừa*, *Như Lai thừa*.

Theo *Kinh Tăng Nhất A-Hàm 45*; *Phẩm Thí dụ*, *Kinh Pháp-Hoa 2* thì Phật thừa lấy việc thành Phật làm cứu cánh, nên đối lại với 2 thừa Thanh văn và Duyên giác mà gọi Bồ Tát thừa là Phật thừa.

Ngoài ra, Phật thừa cũng gọi cho *Kinh Hoa Nghiêm* và *Kinh Pháp Hoa*. Giáo pháp của kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa nói tất cả chúng sinh đều có khả năng thành Phật, nên gọi những kinh này là Phật thừa. Pháp này không phân Nhị thừa, Tam thừa ... mà chỉ nói 1 pháp thành Phật nên gọi là Nhất thừa. *Phẩm Phương tiện*, *kinh Pháp Hoa (Đại 9, 140 thượng)* ghi: “Như Lai chỉ dùng Nhất Phật thừa để nói pháp cho tất cả chúng sinh”.

\* **Phật Tổ** : tức Phật và Tổ Sư. Nhưng theo *Thiền tông* thì Đức Phật tức Tổ sư, Tổ sư tức Cổ Phật, cả 2 đều không khác nhau. Thông thường từ



ngữ Phật Tổ dùng để chỉ các vị Tổ sư đại ngộ triệt để, đạt đến cảnh giới của Phật. Phần *Bình Xướng* trong *Bích Nham Lục* ghi : “Hạ một chuyển ngữ, còn ước mong báo ân Phật Tổ, truyền Phật tâm ấn”.

\* **Phật Trí** : tức Trí huệ Phật. Phiên âm tiếng Phạn: *Buddha-jñāna*.

- Theo *Luận Đại Trí Độ 46*, trí huệ Phật có 2: *Chính trí vô thượng* tức là Trí vô thượng chính đẳng chính giác và *Nhất thiết chủng trí* tức Trí Bát Nhã. Chỉ có trí huệ Phật mới gọi là A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề.

- Theo *Tông Cảnh Lục 33*, Phật trí tức *Trí vô chướng ngại giải thoát*. Đây là quả trí, tức là căn cứ theo sự quyết đoán rõ ràng chắc chắn mà gọi.

- Theo *Tông Duy Thức*, Phật trí có 4: Đại Viên Cảnh Trí, Bình Đẳng Tính Trí, Diệu Quán Sát Trí và Thành Sở Tác Trí. *Mật giáo* thêm *Pháp Giới Thể Tính Trí* thành 5 trí.

\* **Phi Ngã** : từ đồng nghĩa . *Xem Vô Ngã* .

\* **Phi Nhân (Phi nhân)** : Phạn âm : *Amanusya*. *Phi nhân* là từ gọi chung các loại : Trời, rồng, dạ-xoa, ác quỷ, tu-la, địa ngục ... không thuộc loài người, mắt người không thể thấy được .

Theo *Tỳ kheo Lục Vật Đồ Thư Sao*, hạ ; trong luật điển nói có 3 cõi là: Cõi người, cõi phi nhân và cõi súc sinh . Trong đó, cõi phi nhân chỉ cho 4 cõi : Trời, Tu-la, địa ngục và ngạ quỷ. Bậc Sa-môn xuất gia lánh tục cũng tự khiêm xưng mình là Phi nhân .

\* **Phi Phi Ngã** : dịch nghĩa là Bất phi ngã, tức là Ngã . *Xem Ngã* .

\* **Phi Sắc pháp**: Đối lại của Sắc pháp, tức Pháp không do Tứ đại hợp thành. Pháp được tạo thành và được sinh ra bởi Tứ đại: Đất, nước, gió, lửa gọi là Sắc. Pháp không phải như vậy thì là Phi sắc pháp. Trong 5 uẩn, ngoài các pháp thuộc về Sắc uẩn, các pháp thuộc về 4 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành, Thức) đều gọi là Phi sắc pháp. Đồng nghĩa với Tâm.

\* **Phi thời** : Không đúng thời. Phật giáo qui định từ sáng sớm đến lúc mặt đứng bóng gọi là Thời (đúng thời). Từ mặt trời đứng bóng đến hết đêm là Phi thời.

\* **Phi tưởng Phi Phi tưởng xứ thiên** : Phạn âm: *Naisvasamjñānasamjñāyatana*. Còn gọi: **Phi tưởng phi phi tưởng xứ**; tức Cảnh trời chẳng phải tưởng chẳng phải không tưởng. Cũng có tên gọi là *Hữu Đảnh thiên*, vì là cảnh trời cao hơn hết trong cõi *Vô Sắc giới* (*Arūpadhātu*), tức là cao hơn hết trong *Tam giới*. Phi tưởng phi phi tưởng là gọi theo tên thiên định của tầng trời này. Chư vị tu hành khi thiên định đắc pháp *Phi tưởng phi phi tưởng xứ định*, có thể sanh lên đây, hưởng tuổi thọ lâu dài tám vạn Kiếp (mỗi Kiếp cả trăm vạn năm). Song vẫn còn khổ, chẳng bằng đắc quả *Phật Như Lai*, siêu thoát ra ngoài *Tam giới*.

Theo *Niết Bàn kinh* : Ai đắc pháp “*Ngã tam-muôi*” thì đoạn tuyệt cảnh *Phi tưởng phi phi tưởng xứ*, chẳng còn mắc vào cảnh Tiên ấy; đối với cảnh ấy, tự mình muốn vào hay ra lúc nào cũng được tự tại.

\* **Phiền não** : (Đảo từ : **Não phiền**) . Phạn âm : *Kléśa*; Hán âm : *Kiết-lê-xá* ; Còn gọi : *Hoặc*. Phiền não là những trạng thái lo buồn, sầu khổ, não loạn thân tâm chúng sinh. Nhưng đối với Phật giáo thì tất cả những tác dụng tinh thần gây chướng ngại cho sự giác ngộ đều gọi là phiền não.

*Theo Duy Thức Thuật Ký 1*, “Phiền” là lo buồn. “Não” là tán loạn. Nghĩa là làm cho thân tâm loài hữu tình lo buồn, loạn động gọi là Phiền não.

*Theo Luận Đại Trí Độ 27*, “Phiền não” chỉ cho 3 độc (tham, sân, si). Phiền não có nhiều tên gọi như: Thùy miên (Phạn: *Anúsaya*), Triền (Phạn: *Pa-yavasthāna*), Cái (Phạn: *Nīvarana*), Kiết (Phạn: *Samyojana*), Phược (Phạn: *Bandhana*), Lậu (Phạn: *Āsrava*), Thủ (Phạn: *Upādāna*), Hê (Phạn: *Grantha*), Sử, Cấu-bộc-lưu, Ách, Trần cấu, Khách trần ...

*Trong kinh luận nêu lên nhiều loại Phiền não như:*

1. *Nhị phiền não*, gồm: Căn bản phiền não và Tùy phiền não; Phân biệt khởi phiền não và Câu sinh khởi phiền não; Đại phiền não địa pháp và Tiểu phiền não địa pháp; Sử hành phiền não và Mãnh lợi phiền não.
2. *Tam phiền não*: Kiến tư hoặc, Trần sa hoặc và Vô minh hoặc.
3. *Tứ phiền não*: Ngã si, Ngã kiến, Ngã mạn, Ngã ái.
4. *Lục phiền não*: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác, Kiến.
5. *Thập phiền não*: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi kiến, Thân kiến, Pháp kiến, Tà kiến, Kiến thủ kiến, Giới cấm thủ kiến.

Ngoài ra, còn có Tam lậu, Tam kiết, Tứ bộc lưu, Tứ Thủ, Ngũ cái, Ngũ kiết, Lục cấu, Thất lưu, Cửu kiết, Thập triển ... hoặc 108 phiền não. Do cách tính khác nhau mà có các thuyết khác nhau, chẳng hạn như 84.000 phiền não.

\* **Phiền não ma** : Còn gọi: **Ma phiền não**. Các phiền não đều là tà ma. Chúng có sức dữ phá hoại công đức của nhà tu hành, có thể che bít pháp lành, cản đường tu học, có thể làm rối loạn trí huệ, khiến cho người ta khó bề tấn tới, bỏ phước giữa đường, nên gọi là phiền não ma. Ấy là một trong Tứ ma (Uẩn ma, Phiền não ma, Tử ma, Thiên ma), Bát ma (Uẩn ma, Phiền não ma, Tử ma, Thiên ma, Vô thường, Vô lạc, Vô ngã, Bất tịnh).

\* **Phiền trước** : Gọi đầy đủ : *Phiền não trước* . Chỉ sự dơ dáy, ô trước của các phiền não . Một trong Ngũ trước . Con người ở đời có rất nhiều mối trước, như : ái dục, khan tham, tranh tụng, siểm khúc, hư cuống, chấp giữ tà kiến . Các mối làm cho dơ dáy, nhiễm ô thân thể và tâm thần của họ, cho nên gọi là *phiền não trước* . Cõi Ta bà thế giới này có đủ năm thứ trước : *Kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước*. Vì vậy, cho nên chúng sinh ở cõi này rất khó mà tu hành cho đắc đạo .

\* **Phì Nhị** : Phạn: pindi, Pinodhni. Một loại cỏ sống trên núi Tuyết (Hy-mã-lạp sơn) ở Ấn Độ.

Theo Phẩm Như Lai Tánh, kinh Đại Bát Niết Bàn, bò ăn cỏ Phì Nhị thì sẽ cho sữa có đề hồ, dụ cho chúng sinh nhờ giác ngộ Phật tánh mà được Phật quả.

\* **Phó Chúc** : Còn gọi : *Phụ chúc, Chúc lụy*. Tức dùng ngôn ngữ để dặn dò gửi gắm một việc gì . Từ này thường biểu thị ý nghĩa Đức Phật phó thác việc hoằng truyền giáo pháp hoặc chỉ việc bậc thầy truyền trao yếu nghĩa Phật pháp hoặc trao lại y bát ... cho đệ tử để làm biểu tín .

*Kinh Vô Lượng Thọ, hạ* : Đức Thích Tôn phó chúc cho Bồ Tát Di-Lặc hoằng truyền bản nguyện niệm Phật.

Theo *Phẩm Như Lai Thần Lực*, kinh *Pháp Hoa* : Đức Thích Tôn phó chúc 5 chữ “**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh**” quan trọng nhất của kinh này cho các *Bản hóa Bồ Tát* như Bồ Tát Thượng Hạnh ... Do đó, *tông Nhật Liên* ở Nhật Bản cho rằng sự phó chúc kinh *Pháp Hoa* (đề mục) là yếu pháp đặc biệt đối với các chúng sinh tối hạ đẳng thời mạt pháp, vì đặc biệt chỉ chọn các *Bản hóa Bồ Tát* phó chúc ; Còn trong *Phẩm Chúc Lụy*, kinh *Pháp Hoa*, Phật phó chúc kinh này cho tất cả Bồ Tát, nên gọi là *Tổng phó chúc*. Ở *Phẩm Thần Lực*, Phật Thích-Ca cùng ngồi với Phật Đa-Bảo trong tháp Đa Bảo mà phó chúc, nên gọi là *Tháp nội phó chúc*; còn *Phẩm Chúc Lụy*, Phật Thích-Ca ra khỏi tháp Đa-Bảo mới phó chúc, nên gọi là *Tháp ngoại phó chúc*.

\* **Phóng Dật**: Buông lung lắm lối; lòng dạ biến đổi theo cảnh ngộ thế tục; chạy theo các sự vui sướng xác thịt (ngũ dục); chẳng chuyên chú tu tập các thiện pháp. Đối với: Bất phóng dật.

Theo *Niết Bàn Kinh*: Bồ tát Ma-ha-tát, trong khi làm hạnh Bát Nhã Ba-La-Mật (Huệ độ), khuyên các chúng sanh chẳng nên phóng dật đối với các thiện pháp. Chúng sanh nhờ làm theo đó mà được thọ mạng dài vô lượng.

Kẻ phóng dật sẽ gặp năm việc quả báo:

1. Chẳng được tự tại về tài lợi.
2. Tiếng xấu lưu bố ra xa.
3. Chẳng ư làm ơn cho những kẻ nghèo khổ.
4. Chẳng thích gặp hàng tứ chúng (Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di) .

\* **Phù Đàn** : Gọi đầy đủ: *Diêm Phù Đàn Kim*. Phạn: *Jambūnada-suvarna*. Còn gọi: *Nhiễm-bộ-nại-đà kim*, *Thiệm-bộ-nại-đà kim*, *Diêm-phù-na-tha kim*, *Diêm-phù-na-đà kim*, *Thắng kim*.

Loại vàng từ dòng sông chảy qua rừng cây Diêm-phù có màu vàng đỏ ánh lên như tia lửa. Loại này quý nhất trong các loại vàng.

Ở giữa núi Hương Túy (Phạn: *Gandhamadana*) và dãy Hy-mã-lạp-sơn có dòng sông chảy qua rừng cây Diêm-phù, vàng nhạt ra từ sông này gọi là Diêm-phù-đàn kim.

Theo thần thoại Ấn Độ, sông Diêm Phù (Phạn: *Jambū*) là một trong 7 nhánh của sông Hằng, sông này không có thật, cho nên *Diêm-Phù-Đàn kim* và *Diêm-Phù đại thụ vương* có thể là những vật tưởng tượng để phụ họa cho thuyết Tu-Di 4 châu.

\* **Phù Vân** : tức mây nổi trong hư không; là một trong 10 thí dụ của *Phẩm Phương Tiện*, *Kinh Duy-Ma*. Mây nổi tụ tan bất định, biến chuyển chẳng lường, dụ cho thân người thoát còn thoát mất, chốc lát bỗng tan.

\* **Phục tàng** : là nơi cất giữ báu vật hoặc kinh điển được thiết lập trong lòng đất . Từ xưa những tự viện lớn ở Ấn Độ, Nhật Bản đều có lập phục tàng để cất giữ vàng bạc, trân bảo và kinh điển. Ở Tây Tạng, vào khoảng thế kỷ thứ VIII, IX cũng có đào được một số kinh sách của Phật giáo . Ngài Liên Hoa Sinh ... đã chôn các kinh điển Phật giáo chếp tay vào lòng đất hoặc trong hang động. Về sau có 2 vị sư là Nương-ni-mã-nga-sắc (1124-?) và Cổ-như-khuyết-cát-vượng-thu (1212-1273) lần lượt hai lượt được 2 nơi gọi là Thượng hạ lưỡng đại phục tàng. Đến thế kỷ XV, ông Thục-đặc-na-lâm-ba gom góp khắc in gọi là Nam Bộ Phục Tàng. Thế kỷ XVI, ông Nhân-tăng-khuếch-cát-đăng-khúc-kiên đào được một số kinh sách khác và cũng khắc in gọi là Bắc Bộ Phục Tàng . Trong đó gồm có Ngũ Bộ Di Giáo, Liên Hoa Sinh Di Giáo và Ý Minh Yếu Tịch ... Ngoài ra, kinh Di-Lặc Hạ Sinh Thành Phật ghi : Trong tương lai, khi Phật Di-Lặc hạ sinh có 4 đại tàng từ lòng đất tự nhiên vọt ra, đó là đại tàng Y-lặc-bát ở nước Kiền-đà-la, đại tàng Ban-trục ở nước Di-đề-la, đại tàng Tân-già-la ở nước Tu-la-tra, đại tàng Như-đăng-khư ở nước Ba-la-nại .

Do nghĩa trên nên phục tàng dụ cho *Phật tính* trong câu chuyện cô gái nghèo không biết trong nhà mình có chôn giấu của báu, đến khi được bậc trí chỉ bảo mới biết được, dụ cho chúng sinh không biết tự thân mình có *Phật tính*, đợi đến lúc Phật thuyết pháp chỉ dạy mới giác ngộ .

\* **Phụng hành** : Cung kính vâng theo giáo pháp của Đức Phật mà tu hành. Từ này thường thấy ghi ở phần cuối các bản kinh, như các câu “Hoan hỷ phụng hành”, hay “Tín thụ phụng hành”.

*Vãng Sinh Luận Chú, hạ*: “Đầu kinh ghi lời “Như thị” là để hiển bày tín là năng nhập ; cuối kinh có câu “Phụng hành” biểu thị việc thụ nhận đã xong”.

\* **Phương Đẳng** (Kinh): Đọc trọn chữ là: *Phương đẳng Đại thừa Kinh điển*. Còn gọi: **Phương Quảng** (Kinh).

Các kinh điển của đạo Phật Đại thừa đều chứa đủ nghĩa lý rộng rãi và bao quát như nhau, cho nên kêu là Phương Đẳng. Phương: phương quảng, tức là vuông vức và rộng rãi, chứa đủ các pháp, từ nhỏ tới lớn, từ thấp đến cao. Đẳng: bình đẳng, như nhau. Những *Kinh Đại thừa như Hoa Nghiêm, Viên Giác, Pháp Hoa, Niết Bàn v.v...* đều như nhau cả, chứa đủ Diệu lý, Thật tướng. Bất cứ ai tu cho triệt để một Kinh điển nào về Đại thừa, cũng có thể thành Phật.

*Phương đẳng Đại thừa Kinh điển* là tạng bí mật của Đức Như Lai, đại ý các kinh ấy, đều trưng ra thuyết “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”.

“*Niết Bàn kinh*”: Như ai chẳng nghe được tạng thậm thâm bí mật của Như Lai, thì làm sao biết mình có Phật tánh ? Cái tạng bí mật ấy là chi? Ấy là các *Phương đẳng Đại thừa Kinh điển*.

Kinh ấy lại nói: Phương đẳng Kinh, tử như món Cam lộ, lại cũng tử như món độc dược. Uống mà tiêu thì bổ, uống mà chẳng tiêu thành độc. Người trí dùng làm Cam lộ; kẻ ngu chẳng biết Phật tánh, uống vào thành độc.

\* **Phương Sở** : Phương hướng và nơi chốn . *Luận Câu-Xá 8 (đại 29, 41 thượng)* ghi : “Pháp vô sắc không có *phương sở* ; Pháp vô biểu vô sắc ở quá khứ, vị lai không trụ *phương sở*, lý nhất định như thế”.

\* **Phương Tiện**: Phạn âm : *Upāya* ; Hán âm : *Âu-ba-da*; Tên gọi khác : *Thiện quyền, Biến mutu*. Dịch nghĩa: *Phương tiện* là phương pháp khéo léo để phát triển hướng thượng. Từ *Phương tiện* được sử dụng trong các kinh luận có ý nghĩa rất rộng, ta có thể gom vào 3 ý sau:

1. *Luận theo pháp chân thật* thì phương tiện là pháp môn tạm lập bày, dùng để dắt dẫn chúng sanh vào pháp chân thật. Tức là Phật Bồ Tát tùy theo căn cơ chúng sanh mà tạm lập ra nhiều phương pháp khéo léo để giáo hóa làm lợi ích cho họ.

2. Theo thật trí Bát Nhã: Căn cứ Vãng Sanh Luận Chú, hạ của Ngài Đàm Loan: “Bát-nhã là Huệ đạt Như, Phương tiện là Trí thông Quyền, đạt Như thì tâm hành vắng lặng, thông Quyền thì thấu rõ căn cơ”.

3. Là gia hạnh tu tập chứng ngộ chân lý: Theo Thập Nhị Xảo Phương Tiện Nghĩa trong Đại Thừa Nghĩa Chương 15 của Ngài Huệ Viễn, Pháp-Hoa Huyền Tán 3 của Ngài Khuy Cơ ... có nêu bốn loại Phương tiện là:

a/ Tiến thú phương tiện: tức là gia tu hạnh đạo, phương tiện đạo.

b/ Quyền xảo phương tiện: Phật dùng Trí phương tiện để lập bày pháp môn Tam thừa.

c/ Thi tạo phương tiện (Thi vi phương tiện): tức Phương tiện Ba-la-mật trong 10 Ba-la-mật.

d/ Tập tành phương tiện: Các pháp đồng thể tập thành lẫn nhau một cách khéo léo, tức bản chất của các pháp đều đồng nhau, trong một có tất cả, trong tất cả cũng có tất cả, kia đây tập thành và kiến lập lẫn nhau một cách khéo léo.

\* **Phước điền** : Âm theo Phạn: *Punya-ksetra*. Phước điền là mảnh ruộng có khả năng sinh trưởng phước đức, dụ cho Phật, Tăng, Cha mẹ ... Vì kính thờ Phật, chư Tăng, cha mẹ hoặc thương xót người nghèo khổ thì được phước đức, giống như người nông phu gieo cấy trên ruộng thì có thu hoạch.

*Kinh Chính Pháp Niệm Xứ 15, Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân 3* ... ghi: Phật là đại phước điền, tối thắng phước điền, còn cha mẹ là tối thắng phước điền trong 3 cõi.

*Phẩm Cúng Đường Tam Bảo trong Kinh Ưu-Bà-Tắc Giới 3, Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi, Luận Đại Trí Độ 12, Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký 8* ... có nêu lên 3 loại phước điền:

1/. Kính điền (còn gọi: *Cung kính phước điền, Công đức phước điền*) : tức Tam bảo Phật Pháp Tăng được chúng sinh cung kính.

2/. Ân điền (còn gọi: *Báo ân phước điền*) : tức cha mẹ, sư trưởng được báo đáp.

3/. Bi điền (còn gọi: *Lân mẫn phước điền, Bần cùng phước điền*) : tức chỉ cho kẻ nghèo khổ, bệnh tật cần được sự thương xót giúp đỡ.

\* **Phước đức**: được hiểu theo các luận lý sau:

1. Tất cả thiện hạnh đã thực hành ở đời quá khứ, đời hiện tại và phước lợi có được do thực hành thiện hạnh. Theo kinh *Kim Cương Bát Nhã Ba-La-Mật*, Bồ Tát đối với các pháp nên vô sở trụ, phải thực hành bố thí chẳng trụ sắc, bố thí chẳng trụ thanh, cho đến bố thí chẳng trụ pháp ... nhờ sự bố thí chẳng trụ tướng ấy mà phước đức không thể nghĩ lường.

2. *Phước đức* cũng là Pháp thiện. Theo *Phẩm Phương Tiện, Kinh Pháp Hoa*; Nếu Tỳ kheo, Tỳ kheo ni có tâm tăng thượng mạn, Ưu-bà-tắc có tâm ngã mạn, Ưu-bà-di có tâm bất tín thì không thể tự thấy lỗi mình, khuyết phạm giới luật. Những hạng người ít có pháp thiện, không thể thọ trì pháp Nhất Phật thừa.

3. Ngoài ra, *Phước đức* còn là 5 độ trước trong 6 độ. Đây là luận theo nghĩa đối đãi với trí huệ.

\* **Phước huệ** : Còn gọi : *Phước quán* . *Phước huệ* là hai món trang nghiêm : *Phước đức* và *Trí huệ* . *Phước* là tu các thiện nghiệp : Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn và thiền định trong 6 độ, thuộc về lợi tha ; *Huệ* là trí huệ, tức quán niệm chân lý, thuộc về tự lợi .

*Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương 2 (đại 45, 490 hạ)* ghi : “Trong Chung giáo, nói về thực hành thì từ sơ phát tâm đã phước huệ song tu, cho đến khi thành Phật không cần tu pháp môn khác”.

\* **Phước**: Âm Phạn: *Bandhana*. Phước tức trói buộc. Tên khác của *phiền não*. Gồm nhiều loại:

1/. Hai loại *phước*, gồm:

a/ *Tương ứng phước* và *Sở duyên phước*: *Phiền não*, kiến hoặc, tư hoặc trói buộc tâm, tâm sở đồng thời tương ứng với nó, làm cho không được tự tại đối với cảnh sở duyên, gọi là *Tương ứng phước*. *Phiền não* trói buộc các pháp sở duyên là *Sở duyên phước*.

b/ *Tướng phước* và *Thô trọng phước*:

- *Tướng phước* (còn gọi: *Tướng hoặc*): Tướng phần sở duyên trói buộc kiến phần. Tức tính phân biệt vọng chấp tự tính của Biến kế sở chấp, “hoặc” của tính phân biệt này chỉ là duyên của “hoặc”.

- *Thô trọng phước* (còn gọi: *Thô trọng hoặc*): Hoặc nghiệp có công năng trói buộc chúng sinh và chiêu cảm quả báo. Tức tính y tha vọng



chấp tự tính y tha khởi, “hoặc” của tính y tha này là Thể của “hoặc”, có năng lực trói buộc chúng sinh.

*c/ Tử phược và Quả phược*: Bị phiền não trói buộc gọi là *Tử phược*, bị khổ quả trói buộc gọi là *Quả phược*.

**2/ Ba loại phược** : Tức *tham, sân, si* trói buộc tâm chúng sinh làm cho không được tự tại.

**3/ Bốn loại phược**, gồm:

*a/ Tham dục thân phược*: Ngũ dục trói buộc thân làm cho không được tự tại.

*b/ Sân nhuế thân phược*: Giận dữ trói buộc chúng sinh làm cho không được giải thoát.

*c/ Giới đạo thân phược*: Các hoặc nghiệp do chấp tà giới tăng trưởng trói buộc thân chúng sinh, như chấp giới gà, giới chó ... của ngoại đạo.

*d/ Ngã kiến thân phược*: Các hoặc nghiệp do ngã kiến làm tăng trưởng, trói buộc thân chúng sinh, làm cho không được giải thoát. Như đối với pháp chẳng phải Niết Bàn mà vọng phân biệt cho là Niết Bàn, tâm sinh chấp trước.



# Q

\* **Quang minh** : Phạn âm : *Atapa-Aloka*. Có 2 nghĩa :

**I.** *Quang minh* là ánh sáng mặt trời và ánh sáng của các vật khác, tức 2 sắc trong 12 hiển sắc. Theo *Luận Câu-Xá 1*, ánh sáng mặt trời phát ra gọi là *Quang*, còn ánh sáng của trăng, sao, điện, thuốc pháo phát ra gọi là *Minh* ; *Quang* có 2 màu vàng, đỏ ; *Minh* có 4 màu xanh, vàng, đỏ, trắng.

**II.** *Quang minh* là sự phát quang của *Phật, Bồ Tát*. Ánh sáng từ thân Phật, Bồ Tát phát ra thì gọi là *Quang*, ánh sáng chiếu rọi vào vật thể thì gọi là *Minh*. Tác dụng của *quang minh* là phá trừ sự tối tăm, làm sáng tỏ chân lý. Đó là ánh sáng phát xuất từ thân Phật, Bồ Tát nên gọi là *Sắc quang, Thân quang* hay *Ngoại quang*. Trái lại, tác dụng của *trí huệ* soi thấy chân tướng của sự vật thì gọi là *Tâm quang, Trí quang, Trí huệ quang* hoặc *Nội quang*.

*Quang minh* của Phật được chia làm 2 loại : *Thường quang* (hay *Viên quang*) và *Hiện khởi quang* (*Thần thông quang, Phóng quang*). *Thường quang* là ánh sáng tròn, rộng chừng 1 tầm, 1 trượng, tỏa ra từ thân Phật, vĩnh cửu không diệt ; còn *Hiện khởi quang* là ánh sáng chỉ ứng theo lúc giáo hóa mà phát ra.

\* **Quán** : Tức là quán sát. Buộc niệm khi đối cảnh, dùng trí huệ soi xét, chính niệm quán cảnh, tu hành đúng như thật.

*Vãng Sanh Luận Chú, hạ (Đại 40, 836 thượng)* ghi: “Tâm duyên việc ấy gọi là Quán, quán tâm rõ ràng gọi là Sát”.

*Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký 10* cho rằng quán sát có 2 nghĩa: Dùng mắt để nhìn kỹ và dùng tâm để soi xét.

\* **Quán Chiếu** : Quán chiếu là dùng trí huệ quán các pháp sự, lý và soi thấy rõ ràng ; còn Trí huệ quán chiếu lý Thật tướng của các pháp sự, lý ... thì gọi là Quán chiếu Bát-nhã.

\* **Quán Đảnh** : Âm theo Phạn: *Abhisecana, Abhiseka*. Quán đảnh là nghi thức dùng nước rưới lên đầu ở Ấn-Độ thời xưa. Khi vua lên ngôi và lập Thái tử, Quốc sư dùng nước 4 biển rưới lên đảnh để chúc phúc.

Theo *Phẩm Thập Địa, Kinh Hoa-Nghiêm 27 (bản Cật dịch)* thì khi Bồ Tát địa thứ 9 nhập vào địa thứ 10 là Pháp Vân địa, chư Phật dùng nước trí rưới lên đầu vị ấy để chứng minh vị ấy nhận chức Pháp vương, gọi là Thụ chức quán đảnh (trao chức quán đảnh).

Theo *Phẩm Bồ Tát Thập Trụ, Kinh Hoa-Nghiêm (bản Cật dịch); Phẩm Hiền Thánh Văn Tự, Kinh Bồ Tát Anh Lạc Bản Nghiệp, thượng*, thì địa vị thứ 10 của Thập trụ được gọi là Quán đảnh trụ. Hoặc theo thuyết trong *Đại Sứ (Phạn: Mahavastu)* nói về sự tích và bản sinh của Đức Thế Tôn thì Bồ Tát địa thứ 10 trong Thập địa được gọi là Quán đảnh địa, còn Quán đảnh vị thì đặc biệt chỉ cho địa vị Đẳng giác, trên Thập địa.

Quán đảnh mà Mật giáo thực hành gọi chung là Bí mật quán đảnh (gọi tắt: Mật quán); Trong các tông phái Phật giáo thì Mật giáo đặc biệt xem trọng pháp Quán đảnh. Tác pháp này do vị Thượng sư dùng 5 bình nước (tượng trưng cho 5 trí của Như Lai) rưới lên đầu đệ tử, để nói lên ý nghĩa tiếp nối ngôi Phật. Có rất nhiều loại tác pháp Quán đảnh, nhưng chủ yếu có 3 loại: Kết duyên quán đảnh, Học pháp quán đảnh, truyền pháp quán đảnh.

\* **Quán Pháp** : Là phương pháp quán tưởng chân lý, là pháp môn thực hành thông thường của Phật giáo. Dụng ngữ đồng loại có: *Quán, tu quán, quán niệm, quán tưởng, quán hành, quán sát, quán môn ...* gọi chung là *Quán pháp*. Quán (Phạn: *Vipasyana*, Hán âm: *Tì-bát-xá-na*) nghĩa là dùng trí huệ chuyên tâm quán tưởng một đối tượng đặc biệt nhất định như Phật

hoặc Pháp ... và tận lực đối với việc chứng ngộ. Chẳng hạn như: *Nhật tướng quán, Nguyệt luân quán, Cửu tướng quán* đều là trong tâm có một đối tượng cụ thể để tác quán, đây là quán pháp bước đầu. Sau đó lại tiến thêm một bước nữa là thông qua đối tượng cụ thể này để quán tưởng giáo nghĩa sâu xa hoặc triết lý của Phật giáo. Các kinh luận nói rất nhiều về Quán, ở đây liệt kê các quán pháp tương đối có tính đại biểu như sau:

- 1/. Quán pháp thuộc về Tứ đế, Thập nhị nhân duyên mà Phật giáo Nguyên Thủy chủ trương.
- 2/. Quán pháp phân tích các pháp sắc, tâm thành không.
- 3/. Quán pháp nói về Tam đế Không, Giả, Trung của tông Thiên Thai.
- 4/. Quán pháp nói về thật tướng các pháp của tông Hoa Nghiêm.
- 5/. Quán pháp nói về Tam giới duy tâm của tông Pháp Tướng.
- 6/. Quán pháp quan trọng của tông Tam Luận.
- 7/. Quán pháp quan trọng của tông Chân Ngôn.
- 8/. Quán pháp quan trọng của tông Tịnh Độ.

*Quán* đối lại với *Chỉ* (Phạn: *Samatha*, Hán âm: *Xa-ma-tha*, tức là tâm chuyên chú vào một đối tượng, ngăn dứt vọng niệm), *Trung đạo quán* tuy cũng gọi là quán nhưng là *Chỉ-Quán song tu*, nghĩa là *Quán* hợp với *Xả* (Phạn: *upeksa*); cho nên tuy các loại quán nói trên được gọi chung là *Tì-bát-xá-na*, nhưng *Trung đạo quán* thì có ý nghĩa khác.

Đối tượng bị quán gọi là *Quán cảnh*, trí huệ tác quán gọi là *Quán trí* hoặc *Quán huệ*, tư duy chân lý và hiểu rõ chân lý gọi là *Quán giải*, quán các pháp vô ngại và thể đạt diệu lý Tam đế viên dung bất tư nghị gọi là *Quán đạt*.

Quán bản tính của tâm mình gọi là *Quán tâm*. Quán làm con đường để đi vào cảnh giới giác ngộ, gọi là *Quán đạo*.

\* **Quán Sát** : Còn gọi: **Quán** . Tức buộc niệm khi đối cảnh, dùng trí huệ soi xét, chính niệm quán cảnh, tu hành đúng như thật.

*Vãng Sanh Luận Chú*, hạ ghi: “Tâm duyên việc ấy gọi là Quán, quán tâm rõ ràng gọi là Sát”.

*Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký 10* cho rằng quán sát có 2 nghĩa: Dùng mắt để nhìn kỹ và dùng tâm để soi xét.

\* **Quán Tưởng** : Gọi tắt: *Tưởng*. Tập trung tâm niệm vào một đối tượng nào đó để đối trị các vọng niệm như tham dục ... hoặc là một loại phương tiện quán cần phải tu để đi vào chính quán.

*Kinh Tọa Thiên Tam Muội*, hạ ghi : “Người thực hành đạo Bồ Tát, trong 3 độ nếu nghiêng nặng về dâm dục thì trước phải quán 36 thứ nơi tự thân: Xương, thịt, da dày, da mỏng, gân, mạch, mồ hôi, máu, gan, phổi, ruột, dạ dày, phần, tiểu, nước mắt, nước miếng ... đều là bất tịnh, thực hành Cửu tưởng quán, chuyên tâm nội quán, không nhớ nghĩ bên ngoài, nếu nhớ nghĩ các duyên bên ngoài thì nhiếp các duyên trở về”. Đó là tu Cửu tưởng quán có công năng đoạn trừ dâm dục. Theo *kinh Quán Vô Lượng Thọ*, tu quán mặt trời ... là phương tiện để nhập vào chân quán y báo, chính báo của thế giới Cực Lạc.

\* **Quả** : Phạn âm : *Phala*. Hán âm: *Pha-la*. Quả vốn chỉ cho trái cây; sau chuyển qua dùng chỉ cho kết quả sinh ra do Nhân. Tất cả pháp hữu vi là do trước sau tiếp nhau, nên đối lại với Nhân ở trước thì pháp sinh sau gọi là Quả. Lại, Trạch diệt tuy là pháp vô vi, nhưng do đạo lực mà chứng ngộ, nên gọi là Quả.

\* **Quần sanh** : Tân dịch : *Quần sinh* . Từ đồng nghĩa . Xem **Chúng sinh** .

\* **Quốc Vương** : Còn gọi: Quốc Chủ, Nhân Vương.

Theo *kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương 3*; *Kinh Nhân Vương Bát Nhã Ba-la-mật*, thượng thì Quốc Vương là vị vua cai trị một nước. Nói

theo nhân quả thì vua này do đời trước thụ trì giới Thập thiện, cho nên đời này thống lãnh cả nước, làm vua cai trị mọi người, lại được sự bảo hộ của chư Thiên, cho nên gọi là Thiên tử.

\* **Quy Ngưỡng** : Phạn âm: *Adhigamaniya*. Qui ngưỡng là biểu thị ý nghĩa qui mạng kính ngưỡng, tức là quy y kính lễ chư Phật, Bồ Tát. *Chương Quy Kinh, Pháp Uyển Nghĩa Lâm Chương 4*, ghi : “Khởi lòng rất trong sạch, mưu cầu nghiệp thù thắng, bày tỏ lòng chân thành quy ngưỡng cho nên gọi là kính lễ”.

\* **Quy-Y**: Âm theo Phạn: *Namah* . Nướng theo. Phục tùng người cao cả hơn. *Đại thừa nghĩa chương* (q.10): “Nướng theo, phục tùng nên gọi là quy y. Hình dáng qui theo như đứa con đi theo người cha; với nghĩa là nhờ cậy, như người dân nướng theo nhà vua, như người nhát gan nướng theo người can đảm” Trong *Phật giáo*, quy y tức là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng (quy y Tam Bảo). Đó là lời nguyện của người thọ Tam quy.

\* **Quyền** : Tạm. Việc tạm thay, tạm dùng trong lúc gấp rút, việc tùy tiện mà hành động trong cơn hữu sự ; phương pháp dùng đỡ để chờ phương pháp vĩnh viễn . Đồng nghĩa : *Phương tiện* .

Theo *Nho giáo*, *Quyền* đối với *Kinh* . *Kinh* là đạo dùng khi thường, *Quyền* là đạo dùng khi biến, nhưng chẳng trái lẽ. Theo *Phật giáo*, *Quyền* đối với *Thật* . *Quyền* là phương pháp dùng đỡ để đạt đến phương pháp *Thật* mà chẳng trái với đạo lý .

Dụ như qua sông thì thường cần dùng ghe. Nhưng lúc gấp, người ta tạm dùng cây chuối cũng qua được . Đó là *Quyền* . Lại dụ như có cảnh nhà đang cháy. Trong nhà có một đám trẻ mê chơi. Trước nhà, cửa thì hẹp. Muốn cho chúng nó khỏi sợ hoảng, gia trưởng hoặc người cha kêu

lên rằng : “Này các con, ra đây cha cho đồ chơi”. Đó là *Quyền*, tức *Phương tiện* trong *Pháp Hoa Kinh* .

\* **Quyền Thật** : tức Quyền và Thật. **Quyền** : Giả lập tạm mượn, không thật. **Thật** : Như thật bền chắc, rốt ráo.

**Thật giáo** là giáo pháp tự nội chứng của Đức Phật, căn cứ vào sự thật mà nói ra, là giáo pháp rốt ráo căn bản; **Quyền giáo** là pháp phương tiện được lập ra để dẫn dắt người vào Thật giáo, sau khi đến cảnh giới Thật giáo rồi thì phải phế bỏ Quyền giáo.

**Thật trí** còn gọi là Chân thật trí, Như thật trí, là trí như thật sáng suốt; **Quyền trí** còn gọi là Phương tiện trí , là trí huệ khởi lên để dẫn dắt hóa độ người khác. **Thật nhân** chỉ cho hạnh viên đốn; **Quyền nhân** là chỉ các hạnh của Tam giáo (Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo). **Thật quả** chỉ cho *Đại Niết Bàn* bí tàng 3 đức; **Quyền quả** là chỉ cho sự hóa hiện thân vàng 1 tướng 6.

**Thật nhân** chỉ cho người hiện thực, **Quyền nhân** chỉ cho người do quyền hóa mà có, là các tướng mạo người hoặc chư thiên do Phật, Bồ Tát giả hiện ra để dẫn dắt chúng sinh. **Thật hóa** là sự giáo hóa bằng cách phế bỏ 3 thừa qui về Nhất thừa của Phật, **Quyền hóa** là sự giáo hóa bằng cách chia Nhất thừa thành Tam thừa. *Tông Thiên Thai* cho rằng *Viên giáo* nói trong *Kinh Pháp Hoa* là *Thật giáo* ; còn Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo nói trong các kinh khác là *Quyền giáo* , cho nên gọi là *Tam quyền Nhất thật*.



# S

\* **Sa Di** : Phạn âm: *Sramaneraka, Sramanera*. Còn gọi: *Thất-la-na-noa*. Gọi đầy đủ: *Thất-la-ma-noa-lạc-ca, Thất-la-mạt-ni-la*. Hán dịch: *Câu tịch, Pháp công, Túc từ, Cần sách*.

Sa-di là người nam xuất gia trong tăng đoàn của Phật giáo, đã thọ 10 giới, chưa thọ giới Cụ túc. Sa-di, cụ dịch là **Túc từ** ; “Túc” là chấm dứt, quyết tâm chấm dứt kiếp số hệ lụy và khổ đau. ‘Từ’ là thương yêu mọi người và mọi loài bằng trái tim của mọi vị Bồ Tát, không vướng mắc, không phân biệt. Tân dịch là **Cần sách**, nghĩa là chuyên cần và luôn luôn được nhắc nhở. Sa-di cũng có nghĩa là **Câu tịch** (theo ngài Nghĩa Tịnh), nghĩa là mong cầu đạt đến quả vị Niết Bàn, chấm dứt mọi vọng tưởng phiền não.

Theo *Luật Ma-ha Tăng Kỳ 29*, căn cứ vào tuổi tác thì Sa-di được chia làm 3 loại :

1. *Khu Ô Sa-di* : Từ 7 tuổi đến 13 tuổi, đã có thể đuổi chim quạ trên sân khi phơi lúa gạo.
2. *Ứng pháp Sa-di* : Từ 14 tuổi đến 19 tuổi, có khả năng làm những việc khó nhọc, hầu thầy và có khả năng tu tập, ngồi thiền, tụng kinh.
3. *Danh tự Sa-di* : Tuổi đã quá 20 nhưng chưa thọ giới Cụ túc, vẫn còn Sa-di.

Trong Tăng đoàn Phật giáo, vị Sa-di đầu tiên là La-Hầu-La. Đến đời sau, gọi vị Sa-di thụ trì 10 giới là *Pháp đồng Sa-di*, còn người cạo tóc nhưng chưa thọ 10 giới thì gọi là *Hình đồng Sa-di*. Ngoài ra, Nhật Bản có danh từ “Tại gia Sa-di” là chỉ cho người xuất gia tu hành mà có vợ con.

\* **Sa-La Thụ** : Hán dịch : *Kiên cố, Cao viên* . Còn gọi : *Ta-la thụ, Tát-la thụ, Tô-liên thụ* . Tên khoa học : *Shorea robusta* .



*Sa-la thụ* là một loại cây cao lớn thuộc họ Long não, sống ở các vùng nhiệt đới như Ấn Độ. Loại cây này, thân cao khoảng 32 m, lá dài hình bầu dục, đầu lá nhọn, dài khoảng 16 đến 25 cm, rộng khoảng 10 đến 16 cm; hoa nhỏ màu vàng nhạt, gỗ rất cứng, có thể dùng làm vật liệu xây dựng, mủ có thể thay thế cho nhựa đường, hạt để ép dầu. Theo truyền thuyết, cây Sa-la là đạo tràng của Đức Phật Tỳ-Xá-Bà, 1 trong 7 Đức Phật quá khứ. *Kinh Đại Bản, Trường A-Hàm 1 (Đại 1, 2 trung)* ghi: “Đức Phật Tỳ-Xá-Bà ngồi dưới cội Sa-la, thành Tối Chính Giác”.

Rừng cây Sa-la ở ngoài thành Câu-thi-na-yết-la, trung Ấn Độ là nơi Đức Thích Tôn nhập Niết bàn. Theo sự ghi chép của các kinh, khi Đức Thích Tôn sắp nhập Niết bàn ở ngoài thành Câu-thi-na-yết-la thì bốn phía giường Ngài nằm, mỗi phía đều có 1 cây Sa-la, gồm 2 nhánh cùng gốc, vì đau thương sâu thẳm nên một nhánh mỗi bên của cây Sa-la này bỗng biến thành màu trắng; cành lá, hoa quả, vỏ cây đều nứt ra rơi xuống đất, dần dần khô héo; còn 1 nhánh bên kia thì vẫn sống, nên song thụ này cũng được gọi là *Tứ khô tứ vinh* thụ hoặc *Phi khô phi vinh* thụ. Do đó mà có các thí dụ: Song thụ ở phương Đông là **Thường** và **Vô thường**, Song thụ ở phương Tây là **Ngã** và **Vô ngã**, ở phương Nam là **Lạc** và **Vô lạc**, ở phương Bắc là **Tịnh** và **Bất tịnh**. Vì rừng cây Sa-la khô héo có màu trắng như chim hạc nên cũng gọi là Hạc lâm.

\* **Sa-Môn**: *Srmana*, còn gọi là *Ta-môn*, *Tăng-môn*, *Sa-môn-na*, dịch ý là: *Tức*, *Tức tâm* (người dứt bỏ việc ác), *Tĩnh chí*, *Tịnh chí*, *Phạp đạo*, *Bần đạo* .v.v... Cách dịch mới là: *Thất-ma-na-noa*, *Xá-la-ma-noa*, *Thất-la-ma-noa*, *Sa-ca-mãn-nang* dịch ý là: *Công lao*, *Cần tức* (siêng năng làm việc thiện, dứt bỏ việc ác), người cần cù tu hành đạo Phật, người siêng năng tu hành dứt bỏ phiền não .v.v... Nguyên nghĩa không phân biệt môn đồ đạo Phật hay ngoại đạo, mà dùng chung để chỉ xuất gia. Có bốn hạng Sa-môn (Tứ chủng Sa-môn): **1. Thắng đạo Sa-môn**: Phật cùng bậc Độc giác,

tự mình giác ngộ; **2. Thị đạo Sa-môn**: như ngài Xá-Lợi-Phất thuyết Pháp thị đạo; **3. Mệnh đạo Sa-môn**: Như ngài A-Nan lấy giới, định, tuệ làm mệnh sống; **4. Ô đạo Sa-môn**: Các vị tỳ kheo thích ăn trộm đồ vật của người khác.

\* **Sanh** : Tân dịch : **Sinh** . Đối lại : Diệt . Sanh trong *Phẩm Tứ Tướng-Giải Thoát, Kinh Đại Bát Niết Bàn* là một trong Bát kế (đối lại với Bát bất) . Bát kế là : Sinh, diệt, thường, đoạn, nhất, dị, lai, khứ.

\* **Sanh manh** : Tân dịch: **Sinh manh**. Tức chỉ người mù bẩm sinh (*Phẩm Như Lai Tánh, kinh Đại Bát Niết Bàn*). *Kinh Quán Vô Lượng Thọ*, ghi : “Tất cả chúng sinh trừ người sinh manh, đều thấy mặt trời lặn”.

\* **Sám hối** : Hối hận tội lỗi, mong được tha thứ. “Sám” nói đủ là sám-ma (Phạn: *ksama*), nghĩa là “*Nhẫn*”, tức mong được người khác tha tội ; “*Hối*” nghĩa là truy hối, hối quá, tức hối hận tội ở quá khứ. Tỏ bày lỗi lầm của mình trước Phật, Bồ Tát, Sư trưởng hay đại chúng với mục đích mong được diệt tội, gọi là *Sám hối*.

Trong giáo đoàn *Phật giáo Nguyên thủy* thì ngay lúc Tỳ-kheo phạm tội, Đức Phật bảo vị ấy thực hành sám hối, bố-tát mỗi nửa tháng, đồng thời chọn ngày cuối cùng của Hạ an cư làm ngày tự tứ.

Phương pháp và tính chất của Sám hối được chia thành nhiều loại :

**1/. Hai loại sám hối** là: Chế giáo sám và Hóa giáo sám.

**2/. Ba loại sám hối** (gọi tắt là *Tam sám*) là: Tác pháp sám hối, Thủ tướng sám hối và Vô sinh sám hối.

**3/. Năm loại sám hối** là pháp sám hối của người tại gia, có 5 việc: Không phỉ báng Tam bảo, cho đến tu lục niệm ; Hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính Sư trưởng ; Dùng chính pháp trị nước, làm cho tâm ý mọi người ngay

thắng ; Vào 6 ngày trai không sát sinh ; Tin nhân quả, tin Nhất Thật đạo, tin Phật bất diệt.

4/. *Lục căn sám hối*, còn gọi là *Pháp Hoa sám hối*, tức là sám hối tội chướng của 6 căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, thực hành theo *Pháp Hoa Tam-muội Sám Pháp* của ngài Trí Khải.

\* **Sát-Đế-Lợi**: Phạn âm: *Ksatriya*; gọi tắt là *Sát-Lợi*; Hán dịch là *Địa chủ, Vương chủng*;

Là giai cấp thứ 2 trong 4 giai cấp của Ấn-Độ, là giai cấp vương tộc, quý tộc, sĩ tộc (trí thức), nắm giữ việc quân sự, chính trị. Đức Thích Tôn xuất thân từ giai cấp này.

\* **Sát giới** : tức **Sát sinh giới**. Còn gọi: *Đoạn nhân mạng học xứ, Sát nhân giới, Sát giới*.

Sát giới là giới cấm sát sinh, là một trong 4 tội Ba-la-di, một trong 5 giới, một trong 8 giới, một trong 10 giới. Phạm chính tay mình giết người hoặc cầm dao trao cho người rồi khuyên người tự sát, đều phạm tội Ba-la-di.

Theo *Luật Tứ Phần 2*, Đức Phật ở thành *Tì-xá-li* nói pháp quán bất tịnh, các thầy Tỳ kheo vì chán ghét thân mạng, liền nhờ *Vật-lực-già-nan-đề* đến giết mình giùm. Đức Phật biết việc ấy liền quở trách và chế giới này.

Giới Thanh văn căn cứ điều đã phạm mà kết tội, nhưng dâm dục dễ khởi, cho nên trong các Luật xếp theo thứ tự là: *Dâm, đạo, sát, vọng*. Người tại gia phần nhiều cầu phước đức, còn hàng Bồ Tát Đại thừa lấy tâm đại bi làm căn bản và sát hại là tính tội, cho nên trong 5 giới hoặc 10 giới, *sát sinh* được liệt vào vị trí thứ nhất.

Về tướng phạm của giới sát, được chia làm 5 tướng: Có tâm giết, có chúng sinh để giết, khởi ý tưởng về đối tượng muốn giết, dùng phương tiện để giết và cuối cùng là giết chết thân mạng chúng sinh ấy.

\* **Sát Sinh** : Cựu dịch: **Sát sanh**. Phạn: *Prānātipāta*. Sát sinh là giết hại sinh mạng tất cả loài hữu tình như người, súc vật ...

Theo *Luận Đại Trí Độ 30*, trong các tội, tội Sát là nặng nhất ; trong các công đức, không sát sinh là công đức lớn nhất. Người thế gian tham tiếc mạng sống cũng là bậc nhất, cắt đứt mạng sống người và súc vật, tự tay mình giết hoặc dạy người giết, tội cũng như nhau. *Thầy Tỳ-kheo giết người phạm 1 trong 4 tội Ba-la-di; tự sát thì kết tội Thâu-lan-giá; tự làm tổn thương thân thể, phạm tội Đột-kiết-la; giết hại loài súc sinh, mắc tội Ba-dật-đê*. Người phạm giới sát, sau khi chết sẽ đọa vào 3 đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh ; Khi sinh lên làm người cũng không tránh khỏi nhiều bệnh hoạn và chết sớm.

\* **Sân Khuể, Sân Hận** (đảo từ: **Hận sân**) : Từ *khuể* tục còn được đọc là Nhuế, Hủy; là sự tức giận, nóng nảy do khổ và khổ gây ra. Nó khiến cho thân tâm phiền não nóng nảy, khởi lên các ác nghiệp; đó là một trong ba độc: tham, sân, si. *Kinh Quyết Định Tì-Ni*: “Thà móng lên trăm nghìn lòng tham, chứ đừng khởi lên một sự sân khuể (Tức giận, nóng nảy). Làm hại tới lòng đại từ đại bi không gì hơn thế”.

\* **Sắc** : Âm theo Phạn : *Rūpa*. Còn gọi là *Sắc cảnh, Sắc xứ, Sắc giới*.

Sắc là từ gọi chung tất cả vật chất tồn tại; theo nghĩa hẹp thì Sắc là chỉ riêng những đối tượng của nhãn căn. Ngũ căn của động từ rūpa là rū (tạo hình), nên rūpa nghĩa là “có hình dạng”. Có thuyết lại cho rằng ngũ căn của động từ rūpa là rū (hoại), nên có nghĩa là biến hoại, biến hóa.

Sắc được hiểu theo các nghĩa:

1. Tên gọi chung tất cả vật chất tồn tại, là sắc uẩn trong 5 uẩn, sắc pháp trong 5 vị. Sắc có tính chất ngại và biến hoại. *Theo Luận Câu-Xá 1*, Sắc bao gồm 11 thứ là: 5 căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân), 5 cảnh (sắc, thanh, hương, vị, xúc) và Vô biểu sắc.

2. Cảnh đối tượng của nhãn căn, như cảnh chất ngại, màu sắc xanh, vàng ... là 1 trong 6 cảnh, 12 xứ, 18 giới.

\* **Sắc ấm** : Còn gọi: **Sắc uẩn**, **Sắc thụ ấm**. Phạn âm: *Rūpa-skandha*.

*Sắc uẩn* là sự tụ họp các pháp có tính chất ngại và biến hoại, một trong 5 uẩn (*sắc, thọ, tưởng, hành, thức*). Theo *Luận Hiển Dương Thánh Giáo 5*, **sắc uẩn** có 5 tướng :

1. *Tự tướng* : Các sắc pháp đều riêng có tự tướng chẳng đồng, như cứng là tướng của đất, ướt là tướng của nước, nóng là tướng của lửa, động là tướng của gió.
2. *Cộng tướng* : Tướng hòa hợp của các sắc pháp, nghĩa là tất cả sắc thân đều từ đất, nước, gió, lửa hòa hợp thành tướng.
3. *Sở y năng y tương thuộc tướng* : Sắc thân 4 đại là tướng sở y, 4 đại tạo sắc là tướng năng y.
4. *Thụ dụng tướng* : Các căn có sức tăng thượng nên các cảnh giới được sinh ra đều có tướng thụ dụng khổ vui, nghịch thuận.
5. *Nghiệp tướng* : Sắc thân hay tạo tác những tướng nghiệp hành, vì vậy tất cả nghiệp hành đều nương nhờ sắc thân nhiếp thụ mà tăng trưởng.

\* **Sắc dục** : Phạn âm : *Rūpa-kāma* . *Sắc dục* là ái trước đối với những sắc cảnh như xanh, vàng, dài, ngắn ..., rung động đối với sắc tình nam, nữ ... là một trong 5 dục .

*Ma-ha Chỉ Quán 4, phần cuối (đại 46, 43 hạ)* ghi : “Như trong thiên môn thường nói, sắc tai hại vô cùng, khiến người cuồng say, gốc rễ sinh tử đều do nơi sắc mà ra”.

\* **Sắc giới** : Phạn âm: *Rūpa-dhātu*. Còn gọi : *Sắc thiên*, *Sắc hành thiên*.

*Sắc giới* là từ gọi chung thể giới và chúng sinh có hình thể tốt đẹp, là chỗ ở của chư thiên, một trong 3 cõi. Chúng sinh cõi này tuy không

còn dâm dục, không dính mắc sắc pháp, nhưng còn bị ràng buộc bởi các sắc pháp thanh tịnh vi tế, nên ở giữa cõi Dục và cõi Vô Sắc. Chư thiên cõi này không phân biệt nam nữ, áo quần tự nhiên hiện ra, lấy ánh sáng làm thức ăn và ngôn ngữ. Ở cõi này y cứ vào sự nhập định sâu cạn mà chia ra làm 4 địa (tức Tứ thiền thiên, Tứ tịnh lự xứ); Sơ thiên gọi là Ly sinh hỷ lạc địa, Nhị thiên gọi là Định sinh hỷ lạc địa, Tam thiên gọi là Ly hỷ diệu lạc địa, Tứ thiên gọi là Xả niệm thanh tịnh địa.

Theo *Luận Câu-Xá* 8, Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên đều riêng có 3 tầng trời, Tứ thiên có 8 tầng trời, cộng chung là 17 tầng trời.

**A. Ba tầng trời của Sơ thiên :**

1. Phạm Chúng thiên (*Brahma-pārisadya*).
2. Phạm Phụ thiên (*Brahma-purohita*).
3. Đại Phạm Thiên (*Mahā-brahman*).

**B. Ba tầng trời của Nhị thiên:**

1. Thiểu Quang thiên (*Parīttabha*).
2. Vô Lượng Quang thiên (*Apramānābhā*).
3. Cực Quang Tịnh thiên (*Ābhāsvara*).

**C. Ba tầng trời của Tam thiên :**

1. Thiểu Tịnh thiên (*Parītta-sabha*).
2. Vô Lượng Tịnh thiên (*Apramāna-subha*).
3. Biến Tịnh thiên (*Subha-krtsna*).

**D. Tám tầng trời của Tứ thiên:**

1. Vô Vân Thiên (*Anabhraka*).
2. Phước Sinh thiên (*Punya-Prasava*).
3. Quảng Quả thiên (*Brhat-phala*).
4. Vô Phiền thiên (*Avrha*).
5. Vô Nhiệt thiên (*Atapa*).
6. Thiện Hiện thiên (*Sudrsá*).
7. Thiện Kiến thiên (*Sudarsána*).

8. Sắc Cứu Cánh thiên (*Akanistha*).

Mười bảy tầng trời này gồm khí thể gian và những hữu tình, gọi chung là cõi Sắc.

\* **Sắc thân:** Âm theo Phạn: *Rūpa-kāya*. Theo Luận Thập Trụ Tì-bà-sa 12; Đại Thừa Nghĩa Chương 19 thì Sắc thân tức là Nhục thân như Nhục thân Đức Phật, có đầy đủ 32 sắc tướng. Đối lại với Sắc thân là Pháp thân, Trí thân.

\* **Sắc tướng** : Có 2 nghĩa :

I/. Hình dáng và tướng trạng, là một trong các bản chất của Sắc pháp . Bất luận là sinh mạng hữu tình hay khí thể gian đều có hình dáng, tướng trạng sắc pháp khác nhau . *Kinh Lăng Nghiêm 3*, ghi : “Sắc tướng đã không có, ai biết được bản chất của Không ?”.

II/. Tướng mạo của sắc thân hiện ra bên ngoài mà mắt thường có thể thấy được. Như chư Phật, Bồ Tát vì nhiếp hóa chúng sinh mà phương tiện giả hiện ra sắc thân, tướng mạo . *Kinh Hoa Nghiêm 1*, ghi : “Vô biên sắc tướng, ánh sáng tròn đầy”.

\* **Si Mê** : Tâm ngu muội vô tri, không rõ sự lý, chỉ chấp vào sự lý sai lầm mà không nhận biết như thật được chân tính của sự vật .

\* **Sinh Diệt:** Cự dịch: **Sanh diệt**. Đồng nghĩa với *Sinh tử*. Tên gọi khác là *Khởi diệt*.

Sinh diệt tức Sinh khởi và diệt tận, có sinh ắt có diệt. Sinh tử dùng cho hữu tình, còn Sinh diệt dùng cho cả hữu tình và phi tình. Do nhân duyên hòa hợp nên tất cả pháp hữu vi được thành lập, vì có tính chất biến đổi (vô thường) nên phải có sinh diệt. Nếu lìa nhân duyên mà tồn tại bất biến thì gọi là bất sinh bất diệt. Nói theo chính kiến của Trung đạo Đại

thừa thì sự sinh diệt của pháp hữu vi là giả sinh giả diệt, chẳng phải thật sinh thật diệt. Nói *theo nhân sinh quan của Phật giáo* thì tất cả vạn pháp đều vận hành liên tục, sinh diệt từng sát-na.

*Đại Thừa Khởi Tín Luận Nghĩa Ký*, trung, phần đầu có nói: Như Lai Tâm tùy tâm khởi diệt, có nhiễm tịnh sai khác, gọi là Tâm sinh diệt, tức chỉ cho pháp hữu vi. Nếu lấy đơn vị thời gian nhỏ nhất (sát-na) để luận sinh diệt thì cũng có sự sinh diệt trong từng sát-na, gọi là sát-na sinh diệt (Sát-na diệt). Ngược lại chúng sinh hữu tình từ sinh đến tử, sinh diệt trong một giai đoạn gọi là Nhất kỳ sinh diệt. Sát-na sinh diệt cùng Nhất kỳ sinh diệt gọi chung là Nhị chủng sinh diệt.

\* **Sinh linh** : Cựu dịch: **Sanh linh** . Từ để chỉ thân thức người sống.

\* **Sĩ Đạt Đa** : là từ gọi tên của Đức Thích Tôn khi còn là Thái tử Tất-Đạt-Đa, đọc theo âm Phạn *Siddhārtha* . Xem **Tất Đạt Đa** .

\* **Song Thụ Ta-La**: hay **Ta-La Song Thọ** là tên cặp cây (Ta-la: Kiên cố) làm trụ để cho đệ tử Phật giảng võng cho Phật nằm trước khi ngài nhập Niết Bàn. Hai cây này mọc ngang nhau trong một cảnh rừng nhỏ toàn là cây Ta-la, bên sông Ê-Lan-Nhã, gần thành Câu-Thi-Na. Phật Thích Ca nhập Niết Bàn tại cặp cây Ta-la ấy nhằm ngày rằm tháng hai.

\* **Sơ Tâm** : Âm theo Phạn: *Nava- yāna-samprasthita*. Còn gọi: *Sơ phát ý*, *Sơ phát tâm*, *Tân phát ý*, *Tân phát tâm*.

Sơ tâm là chỉ người mới phát tâm cầu đạo Bồ-đề, nhưng chưa tu hành nhiều.

*Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm 1 (Đại 19, 106 trung)* ghi: “Lại có vô lượng Bích-Chi vô học và mới phát tâm đồng đến chỗ Phật”.



\* **Sở Cầu** : Chỗ mong cầu. Đối với *Tịnh-Độ giáo* thì chỗ mong cầu là *Tịnh Độ* ở Tây phương. Trong *Thập Nhất Nghĩa Môn* của phần *Tán Thiện Nghĩa* trong *Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ*, ngài Thiện Đạo chủ trương hồi hướng các công đức mà mình tu hành được, nguyện sinh về cõi Phật A-Di-Đà; trong phần *Thượng phẩm hạ sinh* thì cho rằng nơi hồi hướng công đức chính là sở cầu. Trong *Quán Kinh Tán Thiện Yếu Nghĩa Thích Quán Môn Nghĩa Sao 3*, ngài Chứng Không, vị Tăng người Nhật cho rằng sở cầu nghĩa là hân cầu; chỉ cho cõi Cực Lạc y theo hạnh sở ái mà cầu.

\* **Sở hành**: Theo *Kinh Na-Tiên Tỳ kheo, thượng (bản 2 quyển)* thì sở hành là tất cả hành vi, hành sự, hành pháp mà ta tạo ra; còn nói theo nghĩa hẹp thì chỉ riêng cho tất cả pháp mà ta tu hành, tất cả sự mà ta thực hành ... trong quá trình cầu chứng Bồ-đề. Đối lại Sở hành là Năng hành.

Như trong việc niệm Phật thì danh hiệu Phật là sở hành; ý chí, năng lực ... chủ quan của chúng sinh xưng niệm danh hiệu Phật là năng hành. Trong Kinh Phật thường dùng sự đối lập “Năng”, “Sở” để biểu hiện mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể hoặc chủ động và bị động; trong đó, “Năng” là chủ thể có năng lực chủ động tự phát, “Sở” là đối cảnh, đối cơ bị động hoặc là các loại tác nghiệp được hình thành, được tạo tác. Thường thấy nhất là các cặp từ Năng tạo sở tạo, Năng y sở y, Năng hóa sở hóa, Năng lập sở lập, Năng tu sở tu, Năng thuyên sở thuyên, Năng thủ sở thủ ...

\* **Sở Tri** : Còn gọi : *Cảnh giới, Trí mẫu, Trí cảnh* . Âm theo Phạn : *Jneya* . Hán âm : *Nhĩ diễm, Nhĩ viêm, Nhĩ diệm* .

*Sở tri* là Pháp ngũ minh (*Thanh minh, Công xảo minh, Y phương minh, Nhân minh và Nội minh*) là các cảnh giới có năng lực sinh ra trí huệ. *Thắng Man Bảo Quật, thượng, phần cuối (đại 37, 16 trung)* ghi : “*Nhĩ viêm* nghĩa là *trí mẫu*, vì có năng lực sinh ra trí huệ; vì pháp Ngũ minh có

khả năng phát sinh ra trí hiểu biết, cho nên *trí mẫu* là trí soi chiếu, còn gọi là *Trí cảnh*” .

\* **Súc sanh** (hay **Súc sinh**) : Âm theo Phạn là *Tiryagyori*. Hán âm: *Đề-lật-xa*. Súc sanh, dịch mới là Bàng sinh. Là loài sinh vật nuôi dưỡng nên gọi là súc sinh. Sinh là chúng sinh có nghĩa là loài thú vật mà người thế gian nuôi để ăn thịt, và để sai bảo. Bàng sinh là nói loài sinh vật bò đi, di chuyển bằng nhiều chân.

\* **Sự** : Âm theo Phạn : *Artha*. Đối lại : *Lý*. Tất cả pháp hữu vi do nhân duyên sanh, tức muôn nghìn hiện tượng sai biệt trong vũ trụ. *Luận Bảo Tạng* của ngài *Tăng Triệu* (*Đại 45, 143 hạ*) ghi:

“Lý hợp muôn đức  
 Sự có nghìn thứ  
 Sự tuy vô cùng  
 Lý chỉ một đường”.



# T

\* **Ta-bà thế giới (Sa-bà thế giới)**: dịch là *Nhẫn độ (Nhẫn thổ)* là cõi thế nơi ấy nhà tu hành phải *Kham nhẫn*, phải chịu nổi sự Nhẫn nhục, vì nơi cõi này có đủ các sự trược, ác mà chúng sanh phải chịu. Ta- bà Thế giới cũng gọi là *Đại nhẫn thế giới*, vì ở cõi này, các nhà tu học phải nhẫn nhịn đối với mọi sự khổ não mới có thể tu học.

\* **Ta-La thụ** : từ đồng nghĩa . Xem *Sa-la thụ* .

\* **Ta-La-Ta điều** : Còn gọi *Sa-la-sa điều* ; Âm theo Phạn: *Sārasa*. Là một loài chim ở Ấn-Độ.

Theo *Đại Nhật Kinh Sớ 3*, hình dáng chim này giống như chim uyên ương nhưng hơi lớn hơn, tiếng hót của nó rất thanh nhã, ở Trung Quốc không có loại chim này cho nên dịch ý là Nhạn, *Huệ Lâm Âm Nghĩa* dịch là Cộng hành điều hoặc Bạch hạc.

\* **Tam Bảo**: Âm theo Phạn: *Tri-ratna, ratna-traya*; Còn gọi: *Tam Tôn*.

*Tam Bảo* đó là ba ngôi báu: **Phật bảo, Pháp bảo** và **Tăng bảo** được tín đồ Phật giáo tôn kính, cúng dường. *Phật* (Phạn: *Buddha*) là bậc đã giác ngộ và có năng lực giáo hóa chúng sinh ; *Pháp* (Phạn: *Dharma*) là giáo pháp của Đức Phật; *Tăng* (Phạn: *Sangha*) là tập đoàn đệ tử Phật tu học theo giáo pháp. Ba ngôi báu trên có oai đức cao tột, có khả năng đem lại lợi ích an vui vĩnh viễn cho chúng sinh như cửa báu của thế gian, nên gọi là Tam bảo.

- Theo *Luận Cúu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh 2*, Tam bảo có 6 nghĩa:

**1. Hi hữu**: Ba ngôi báu này trải qua trăm nghìn vạn kiếp mới có, cũng như trân bảo ở thế gian rất khó có được.

**2. Minh tịnh:** Ba ngôi báu này xa lìa tất cả pháp hữu lậu, thanh tịnh sáng suốt.

**3. Thế lực:** Ba ngôi báu này có đầy đủ oai đức tự tại không thể nghĩ bàn.

**4. Trang nghiêm:** Ba ngôi báu này có công năng trang nghiêm xuất thế gian, cũng như của báu ở thế gian có công năng trang nghiêm thế gian.

**5. Tối thắng:** Ba ngôi báu này thù thắng vi diệu hơn hết trong các pháp xuất thế gian.

**6. Bất biến:** Ba ngôi báu này là pháp vô lậu, không bị 8 pháp thế gian làm lay động, biến đổi.

- Theo Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm Chương 6, phần đầu, có 4 nghĩa thành lập Tam bảo:

**1.** Vì đối trị tà Tam bảo của ngoại đạo, nên có nghĩa là bỏ tà về chính.

**2.** Phật là bậc Điều Ngự Sư, Pháp là giáo pháp do Phật giảng nói, Tăng là đồ chúng của Phật. Sở chứng của 3 ngôi báu này vô lượng, chủng loại giống nhau, cho nên lập chung thành một pháp, nhưng do nhân quả của năng chứng khác nhau nên có thầy trò.

**3.** Vì bậc Thượng căn muốn chứng được quả Phật Bồ-đề mà nói Phật bảo, vì người Trung căn mong cầu trí tự nhiên và biết rõ pháp nhân duyên mà nói Pháp bảo, vì kẻ Hạ căn nương theo thầy để lãnh thọ giáo pháp, lý sự không trái mà nói Tăng bảo.

**4.** Phật như thầy thuốc giỏi, Pháp như vị thuốc hay, Tăng như người săn sóc. Đối với người bệnh thì thầy giỏi, thuốc hay và người săn sóc bệnh đều không thể thiếu được.

- Theo Luận Du-Già Sư Địa 64, Tam bảo có 6 nghĩa khác nhau là: Tướng khác nhau, Việc khác nhau, Tin hiểu khác nhau, Tu hành khác nhau, Tùy niệm khác nhau và Sinh phước khác nhau.

- Theo các Luận thì Tam bảo có nhiều loại khác nhau, thông thường có 3 loại là: Biệt tướng Tam bảo, Nhất thể Tam bảo và Trụ trì Tam bảo.

- Về hình thức tượng trưng cho Tam bảo, Trung Quốc và Nhật Bản xưa nay tương đối ít dùng phù hiệu hoặc hình vẽ để biểu thị Tam bảo; Còn Ấn-Độ thì dùng hình tháp biểu thị cho Phật, dùng bánh xe báu biểu thị cho Pháp và dùng tòa Bồ-đề hoặc tòa Sư tử biểu thị cho Tăng hoặc dùng một thứ hình tượng biểu thị chung cho Tam bảo, như dấu hiệu hình cái xẻng (cái mai) do kích Tam-xoa biến hóa thành. Lạt-ma giáo của Tây Tạng cũng dùng hạt bảo châu có 3 cánh biểu thị cho Tam bảo.

\* **Tam đạo (Ba đường)** : Còn gọi: *Tam tụ* . Tam đạo trong *Phẩm Tứ Tướng Giải Thoát*, kinh *Đại Bát Niết Bàn* dùng để chỉ Hoặc đạo, Nghiệp đạo và Khổ đạo; ba đạo này là nhân quả của sự sinh tử lưu chuyển.

1. *Hoặc đạo* (Còn gọi: *Phiền não đạo*) : Vọng tâm mê hoặc, náo loạn sự lý các pháp.

2. *Nghiệp đạo* : Những tạo tác của 3 nghiệp thân, khẩu, ý do vọng tâm phát ra.

3. *Khổ đạo* : Lấy hoặc nghiệp làm Nhân, chiêu cảm Quả trong 3 cõi 6 đường.

Đạo có nghĩa là năng thông, 3 đạo này là từ Hoặc khởi Nghiệp, từ Nghiệp cảm Khổ, đối với Khổ lại khởi Hoặc, xoay vần lẫn nhau, sinh tử không dứt, nên gọi là Tam đạo; có thuyết giải thích Đạo nghĩa là xoay vòng, 3 đạo xoay vòng không dứt, nên gọi là Tam đạo.

Theo *Kim Quang Minh Huyền Nghĩa*, thượng ; nếu phối hợp 12 nhân duyên với Tam đạo thì Vô minh ở quá khứ . Ái, Thủ ở hiện tại thuộc về Phiền não đạo ; Hành ở quá khứ . Hữu ở hiện tại thuộc về Nghiệp đạo ; Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ ở hiện tại và Sinh, Lão tử ở vị lai thuộc về Khổ đạo .

\* **Tam đồ** : là Hỏa đồ, đao đồ và huyết đồ, đồng nghĩa với tam ác đạo (**Ba đường ác đạo**): địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, là nơi do ác nghiệp của thân, khẩu, ý dẫn sinh.

1/. *Hỏa đồ*: tức địa ngục đạo. Chúng sinh thọ khổ ở đây thường bị khổ nóng đốt bởi nước sôi, lò than, hoặc vì ở đây có rất nhiều đồng lửa lớn, nên gọi là Hỏa đồ.

2/. *Đao đồ*: tức ngạ quỷ đạo. Chúng sinh ở đây bị khổ đao gây đánh đập nên gọi Đao đồ.

3/. *Huyết đồ*: tức súc sinh đạo. Vì chúng sinh thọ khổ ở đây mạnh ăn hiếp yếu, ăn nuốt lẫn nhau, uống máu ăn thịt, nên gọi là Huyết đồ.

Chữ “Đồ” có 2 nghĩa: Một là tàn hại, như đồ thán; hai là nơi đến, tức apaya-gati (Hán dịch: Ác thú đạo) nói trong kinh *Vô lượng Thọ* bản Phạn.

\* **Tam độc** : Còn gọi: *Tam hỏa, Tam cấu*.

Tam độc là ba thứ phiền não : *Tham dục, sân khuể, ngu si* (còn gọi: **Tham sân si, Dâm nộ si, Dục sân vô minh**). Tất cả phiền não gọi chung là Độc, nhưng 3 thứ phiền não này có mặt khắp 3 cõi, là thứ độc hại nhất trong thiện tâm xuất thế của chúng sinh, khiến cho hữu tình phải chịu khổ nhiều kiếp và không ra khỏi được, nên đặc biệt gọi là Tam độc. Tam độc này còn là nguồn gốc của 3 ác hạnh *thân, khẩu, ý*, nên cũng gọi là Tam bất thiện căn, đứng đầu trong các phiền não căn bản.

Theo *Luận Đại Trí Độ 34*, Tam độc có 2 loại là *Chính tam độc* và *Tà tam độc*, vì Tà tam độc khó trừ, Chính tam độc dễ trừ nên Tịnh độ của chư Phật có Chính tam độc mà không có Tà tam độc.

Theo *Ma-Ha Chỉ Quán 6, thượng* ; tham, sân, si về mặt Tư hoặc là Chính tam độc và tham, sân, si về mặt Kiến hoặc là Tà tam độc.

Theo *Đại Tạng Pháp Số 15* ; Nhị thừa và Bồ Tát đều có tam độc. Hàng Nhị thừa thích cầu Niết Bàn là tham dục, chán lìa sinh tử là sân khuể, mê lầm đối với Trung đạo là ngu si. Bồ Tát muốn rộng cầu Phật pháp là tham dục, quở trách Nhị thừa là sân khuể, chưa liễu ngộ Phật tính là ngu si.

\* **Tam giới** :(**Ba cõi**) . Thế giới mà hạng phàm phu sinh tử vãng lai chia ra làm ba:

1. *Dục giới*: là nơi ở của loài hữu tình có hai dục: dâm dục và thực dục. Trên từ Lục dục thiên, giữa từ bốn đại châu của nhân giới, dưới tới địa ngục, đó gọi là Dục giới.

2. *Sắc giới*: Sắc nghĩa là chất ngại, là vật chất hữu hình. Giới này ở bên trên Dục giới lia chốn ở của loài hữu tình hai dục Dâm, Thực. Có nghĩa là thân thể, cung điện, các vật bằng vật chất đều đặc biệt đẹp đẽ tinh túy, cho nên gọi là Sắc giới. Sắc giới này do mức độ thiền định nông sâu thô diệu mà chia làm bốn cấp, gọi là Tứ thiền thiên. Mới thì gọi là Tĩnh Lự. Trong đây hoặc lập 16 thiên, hoặc lập 17 thiên, hoặc lập 18 thiên;

3. *Vô Sắc giới*: Giới này không có một sắc nào, không có một vật bằng vật chất nào, không có thân thể, cũng không có cung điện, đất nước, chỉ dùng tam thức mà trụ ở thiền định thâm diệu. Cho nên gọi là vô sắc giới. Đã là thế giới không vật chất thì phương sở cũng chẳng thể xác định được. Song nếu căn cứ vào ý nghĩa của quả báo tốt hơn thì nói là ở bên trên Sắc giới. Giới này có bốn cảnh trời, gọi là Tứ vô sắc. Còn gọi là Tứ không xứ. Thuyết trên có xuất xứ từ *Luận Câu-Xá, phẩm Thế phân biệt* (q.3).

\* **Tam-muội**: Âm theo Phạn: *Samàdhi*. Âm Hán-Việt: *Tam-muội, Tam-ma-đề, Tam-ma-đế*. Hán dịch: *Định, Chính thụ, Điều trực định, Chính tâm hành xứ, Tức lự ngưng tâm*. Tâm định ở một chốn mà chẳng động, nên gọi là Định; Chính thụ pháp sở quán, nên gọi là Thụ; Điều hóa cái tâm thô bạo, làm thẳng cái tâm cong vẹo, ổn định cái tâm tán loạn, nên gọi là Điều trực định; Làm cho hành động của Tâm được chính đĩnh, hợp với y xứ của Pháp, nên gọi là Chính tâm hành xứ; Dẹp ngừng duyên lự, ngưng hết tâm niệm, nên gọi là Tức lự ngưng tâm.

*Theo Luận Trí độ* (q.5): “Thiền tâm trụ ở một chốn chẳng động, đó gọi là Tam-muội”.

*Cũng sách trên (q.23) viết: “Hết thấy Thiền định nhiếp tâm đều gọi là Tam-ma-đề. Tiếng Tần gọi là Chính tâm hành xứ. Tâm đó từ thế giới vô thủy tới nay thường quắt quéo chẳng ngay thẳng. Được Chính tâm hành xứ này thì ngay thẳng cũng như rắn bò thường ngoằn ngoèo quắt quéo, nếu vào trong ống tre thì sẽ thẳng”. Tam-muội vốn là pháp tu dưỡng của nhà Phật. Nay nói về các sự việc huyền diệu cũng gọi là Tam-muội.*

\* **Tam Quy:** Còn gọi là **Tam quy y**, *Tam quy giới*; bao gồm:

1. *Quy y Phật:* Quy y Phật Bảo, lấy đó làm Thầy;
2. *Quy y Pháp:* Quy y Pháp Bảo, lấy đó làm thuốc;
3. *Quy Y Tăng:* Quy y Tăng Bảo, lấy đó làm bạn.

Tam quy này do Thầy thụ cho thì gọi là Tam quy giới. Tam quy giới có 2 tên gọi:

1. *Phiên tà tam quy:* tức lật đổ tà tin từ trước đến nay mà sơ nhập Phật đạo thọ tam quy.
2. *Trùng thụ tam quy:* tức mỗi lần thọ Ngũ giới, Bát giới, trước tiên đều thọ tam quy.

Kẻ quy y Phật mới thật là hàng Ưu-Bà-Tắc, họ sẽ không quy y một thiên thần nào nữa;

Kẻ quy y Pháp tức là bỏ việc sát sanh;

Kẻ quy y Thánh Tăng thì không theo ngoại đạo.

Thực ra, Tam quy cũng chẳng nên cố chấp mà phân biệt. Đức Phật đã dạy rằng: “*Tự thân mình đã có Phật Tánh. Phật Tánh ấy đã có Tam quy. Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng ở nơi mình (tự mình nhận thức được và nương theo nơi tâm chân thật của mình) thì cũng là đã Tam quy*”.

\* **Tam Sự (Ba Sự) :** Còn gọi: *Tam niệm lực, Tam lực, Tam niệm nguyện lực*. Tam sự là ba lực dụng mà Phật A-di-đà nhớ nghĩ chúng sinh và khiến cho chúng sinh được thấy Phật.

1/. *Đại thế nguyện lực:* tức nguyện lực ở nhân vị của Phật, sức oai thần của Phật. Cũng tức là lực dụng về mặt quả; dùng lực dụng này gia hộ chúng sinh, chúng sinh được thấy Phật.



2/. *Tam muội định lực*: Phật thường an trụ trong tam muội, tâm ý không tán loạn, có khả năng hiển hiện lực dụng rộng lớn, lực dụng này gia hộ chúng sinh, chúng sinh được thấy Phật.

3/. *Bản công đức lực*: tức công đức lực mà hành giả sẵn có. Có 2 nghĩa: Tính bản và Túc bản. Tính bản chỉ cho Phật tánh bản hữu, Túc bản chỉ cho sức thiện căn ở đời trước.

\* **Tam Tạng** : Phạn: *Trini pitakani*. Còn gọi: *Tam pháp tạng*.

Tam tạng là ba tạng **Kinh, Luật, Luận**.

1/. **Kinh tạng** (Phạn: *Sutranta-pitaka*, Hán âm: *Tổ-đát-lãm tạng, Tu-đa-la tạng*, Hán dịch: *Khế kinh tạng*): Kinh điển do Phật nói, trên thì khế hợp với lý của chư Phật, dưới thì khế hợp với căn cơ của chúng sanh; các yếu nghĩa trong giáo thuyết của Đức Phật đều thuộc về Kinh bộ.

2/. **Luật tạng** (Phạn: *Vianaya-pitaka*, Hán âm: *Tỳ-nại-da tạng, Tỳ-ni tạng*, Hán dịch: *Điều phục tạng*): Luật nghi do Phật đặt ra có công năng sửa trị những điều xấu ác của chúng sinh; điều phục tâm tính của chúng sinh; các qui định về sinh hoạt của giáo đoàn do Phật đặt ra đều thuộc về loại Luật bộ.

3/. **Luận tạng** (Phạn: *Abhidharma-pitaka*, Hán âm: *A-tì-đạt-ma tạng, A-tì-đàm tạng*, Hán dịch: *Đối pháp tạng*): Luận nghị về ý nghĩa của kinh Phật, đơn giản những chỗ súc tích thành sáng sủa, để quyết trạch tính tướng các pháp; để phát triển giáo thuyết của đức Phật xa hơn nên người đời sau dùng trí huệ thù thắng giải thích, luận nghị giáo thuyết ấy bằng hình thức tổ chức hóa, hệ thống hóa. Luận tạng còn gọi Luận bộ, có quan hệ mật thiết với Ma-đát-ly-ca (hoặc Ma-đắc-lặc-già, Phạn: *Matrka*, Hán âm: Bản mẫu, Luận mẫu), Ưu-ba-đề-xá (Phạn: *Upadesa*, Hán dịch: Luận nghị).

\* **Tam Thập Nhị Tướng (Ba mươi hai tướng)**: Âm theo Phạn: *Dvātrimsan mahā-purusa-laksanāni*. Còn gọi: *Tam thập nhị đại nhân tướng, Tam thập nhị đại trượng phu tướng, Tam thập nhị đại sĩ tướng, Đại nhân tam thập nhị tướng*. Gọi tắt: *Đại nhân tướng, Tứ bát tướng, Đại sĩ tướng, Đại trượng phu tướng ...*

Tam thập nhị tướng là Ba mươi hai tướng thù thắng vi diệu của Chuyển Luân Thánh Vương và Ứng hóa thân của Phật. 32 tướng tốt của Đức Phật là:

- 1/. Bàn chân bằng phẳng.
- 2/. Chỉ dưới bàn chân có ngàn cái xoay tròn như hình cả ngàn cây cắm bánh xe.
- 3/. Ngón tay thon dài, trước đầu ngón tay nhỏ và nhọn.
- 4/. Tay chân đều dịu mềm.
- 5/. Trong kẽ tay, kẽ chân có da mỏng như giăng lưới.
- 6/. Gót chân đầy đặn.
- 7/. Mu bàn chân vun lên đầy đặn.
- 8/. Xương đùi tròn nhỏ như nai chúa.
- 9/. Khi đứng, hai tay dài quá đầu gối.
- 10/. Nam căn ẩn kín trong thân như mã âm (hoặc tượng âm).
- 11/. Thân hình cao lớn và cân phân.
- 12/. Mỗi lỗ chân lông có một cọng lông màu lưu ly xanh, tỏa ra mùi thơm vi diệu.
- 13/. Tất cả lông tóc từ đầu đến chân đều uốn về bên hữu, màu đen pha hồng, mềm mại.
- 14/. Thân thể sáng chói như vàng ròng như đài vàng vi diệu trang nghiêm.
- 15/. Quanh mình thường có hào quang chiếu ra một tầm.
- 16/. Da mỏng, mịn, trơn láng, tất cả bụi bặm không dính.
- 17/. Lòng 2 bàn chân, 2 bàn tay, 2 vai và cổ; bảy chỗ ấy đầy đặn, mềm mại.
- 18/. Xương thịt dưới hai nách đầy đặn, không lõm.
- 19/. Nửa thân trên rộng lớn oai nghi đi đứng nằm ngồi trang nghiêm như sư tử chúa.
- 20/. Thân thể vuông vắn ngay thẳng.
- 21/. Hai vai tròn trịa, đầy đặn, thù thắng vi diệu.
- 22/. Phật có 40 cái răng, mỗi mỗi đều bằng nhau, đầy đặn và trắng như tuyết.
- 23/. Các răng của Phật đều đặn không lớn không nhỏ, khít nhau không hở một mảy may.

- 24/. 4 răng nanh trắng trong, sáng sạch, bén nhọn như gương, cứng như kim cương.
- 25/. Hai má đầy đặn như má sư tử.
- 26/. Trong miệng có mùi vị tối thượng trong các mùi vị.
- 27/. Đầu lưỡi lớn rộng mềm mỏng, le ra phủ đến mí tóc.
- 28/. Phạm âm thanh tịnh viên mãn như tiếng trống trời và tiếng chim Ca-lăng-tần-già.
- 29/. Mắt xanh biếc như hoa sen xanh.
- 30/. Lông mi chỉnh tề, không tạp loạn.
- 31/. Trên đỉnh đầu có bươu thịt nổi lên như hình búi tóc.
- 32/. Giữa 2 đầu chân mày có sợi lông trắng, mềm mại, dài 1 trượng 5 thước, cuộn tròn lại theo chiều bên hữu, vì thường phóng ánh sáng nên gọi là Hào quang, Mi gian quang.

\* **Tam Thiên** : gọi tắt của **Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới (Ba nghìn Đại Thiên)** ; Lấy núi Tu-Di làm trung tâm, xung quanh có bảy núi tám biển, lại có núi Thiết-Vi làm bức thành bao quanh ở bên ngoài, đó gọi là một Tiểu thế giới. Gộp 1000 Tiểu thế giới lại thì thành một Tiểu thiên thế giới. Gộp 1000 Tiểu thiên thế giới lại thì thành một Trung thiên thế giới. Gộp 1000 Trung thiên thế giới lại thì thành một Đại Thiên thế giới. Tam thiên Đại thiên thế giới là chỉ Đại thiên giới đó được hình thành bởi ba loại thiên : Tiểu thiên, Trung thiên và Đại thiên như vậy (*Luận Trí độ-q.7* và *Luận Phật Địa-q.6*).

\* **Tam Thừa (Ba thừa)** : Âm theo Phạn: *Triyana*. Ba cỗ xe dùng để chở chuyên. Tức là ba khoa giáo. Mỗi khoa giáo có thể đưa nhà tu học đến Niết Bàn, Cõi thanh tịnh. Tam thừa là: *Thịnh văn thừa* (còn gọi là *Tiểu thừa*), *Duyên giác thừa* (*Bích Chi Phật thừa*) và *Bồ tát thừa* (tức là *Đại thừa*). *Tam thừa* đối lập với *Nhứt thừa*, *Phật thừa*. Những vị trong Thịnh văn thừa thì tuân theo lời dạy của đức Như Lai mà hành Tứ diệu đế, bèn đắc đạo, thành La-Hán và nhập Niết Bàn. Những vị trong Duyên giác thừa thì tuân theo lời dạy của đức Như Lai mà tu hành và diệt Thập Nhị nhơn duyên, bèn đắc quả Duyên giác và nhập Niết Bàn.

Những vị trong Bồ tát thừa thì tuân theo lời dạy của đức Như Lai mà cầu cái Toàn giác, cầu cái an lạc cho mình, vừa tế độ các chúng sanh

bằng Lục độ (Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí huệ) và quyết đưa họ đến Niết Bàn. Trong khi hành Lục độ, các vị ấy thành Bồ tát Ma-ha-tát.

Trong kinh Pháp Hoa, Phật Thích-Ca thuyết rằng ban đầu, ngài tạm dùng Tam thừa giáo mà độ chư đệ tử. Về sau, ngài thuyết giáo lý đầy đủ, dồn Tam thừa thành một thừa duy nhất tức Nhất thừa hay còn gọi là Phật thừa.

\* **Tam Tịnh Nhục** : Ba trường hợp mà thịt được xem là *tịnh*, Phật chế cho Tỳ kheo bị bệnh được phép ăn . Theo *luật Thập tụng* 37, ba trường hợp ấy là :

1. *Mắt không thấy giết* . Chính mắt mình không thấy sinh vật ấy vì mình mà bị giết .
2. *Tai không nghe giết* . Đối với người đáng tin, không nghe sinh vật ấy vì mình mà bị giết.
3. *Không nghi giết* . Biết chỗ ấy có nhà đồ tể hoặc có sinh vật tự chết, nên không nghi ngờ sinh vật ấy vì mình mà bị giết .

\* **Tác giá**: từ đối lập . Xem **Thọ giá**.

\* **Tán thán** : (Âm theo Phạn: *Varna*). Còn gọi: *Tán, Thán*.

1/. Theo *Luận Đại trí Độ* 30; *Vãng Sanh Luận Chú* thì Tán thán là tán dương, khen ngợi. Tức dùng hình thức kệ tụng để tán dương, khen ngợi oai đức, thần lực của Phật, Bồ Tát.

Theo *Pháp-Hoa Văn Cú* 3, hạ, dùng lời nói để biểu thị sự khen ngợi gọi là *Ký ngôn thán*, chỉ ngâm khen ngợi trong tâm chứ không thể nào biểu hiện bằng lời nói gọi là *Tuyệt ngôn thán*

Trong *Luận Tịnh-Độ* của ngài Thế Thân, Tán thán môn là một trong 5 môn; phần *Tán Thiện Nghĩa trong Quán Kinh Sớ* của ngài Thiện Đạo cũng cho rằng tán thán cúng dường là một trong 5 chính hạnh để vãng sanh Tịnh độ.

*Tịnh Độ Chân tông* ở Nhật Bản chủ trương xưng niệm danh hiệu Đức Phật A-Di-Đà được tín tâm tha lực mới là chân tán thán.

2/. Tán thán còn là 1 trong các loại tán ca của Phật giáo Nhật Bản, như các bài *Bách thạch tán thán*, *Xá-lợi tán thán*, *Pháp-Hoa tán thán*, thịnh hành ở thời kỳ đầu thời đại Bình An.

\* **Tánh Phật** : đảo từ . *Xem Phật tánh* .

\* **Tà dâm** : Âm theo Phạn : *Kāma-mithyācāra*. Còn gọi: *Dục tà hạnh*.

Tà dâm là hành vi dâm dục bất chính. Tức là hành dâm với những người không phải vợ hay chồng mình, hoặc vợ chồng hành dâm mà không đúng lúc, đúng nơi.

Theo *kinh Bồ-lợi-đa*, *Trung A-Hàm 50*, kẻ tà dâm chắc chắn phải chịu ác báo ở đời này và đời sau.

\* **Tà hạnh** : Là từ gọi chung các hành nghiệp sai lầm của *thân, khẩu, ý*, đó là: *Tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng* hoặc *thân tà hạnh, khẩu tà hạnh, ý tà hạnh*. Ba món trước là một trong 8 chi tà, thuộc về *sắc nghiệp* (tức *thân nghiệp, ngữ nghiệp*) nhưng riêng biệt, còn 3 món sau thuộc về hành vi của 3 nghiệp trái với chính đạo, bao gồm: Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, đánh đập, trói buộc, dối người, tham khuể, tà kiến ...

\* **Tà kiến**: Ý kiến tà khúc. Đối nghĩa: Chánh kiến. Điều thứ ba trong *Ngũ kiến*, Điều thứ tám trong *Thập sử*, Điều thứ mười trong *Thập ác*. Ấy là cái ý kiến tà khúc chẳng biết Đạo lý, Nhon quả. Lại chỉ vào những kẻ trái Chánh lý mà gọi là Tà kiến. Cũng gọi là Si.

*Theo Niết Bàn Kinh*: Bồ tát tu hành lý Kinh Đại Niết Bàn, vì quả Chánh giác, vì độ chúng sanh, tự mình rời xa tà kiến.

*Bồ Tát giới Kinh*, điều 24: Như Phật tử đã có pháp trong Kinh Luật Đại Thừa của Phật, tức là Chánh kiến, Chánh tánh, Chánh Pháp thân, mà chẳng chịu chuyên cần học và tu tập, bèn bỏ Thất bảo (Pháp quý), lại trở đi học tà kiến: hai thừa ngoại đạo, các điển tích thế tục, các bài A Tỳ Đàm, tạp luận và các thứ thơ truyện, ấy là đoạn cái Phật Tánh, lấp nhưn duyên Đạo, chớ chẳng phải hành đạo Bồ Tát.

\* **Tà ma** : tức Tà pháp, ác ma làm chướng ngại đạo Bồ đề ; như *Ma-la* (từ gọi chung ác quỷ thần) hóa thành hình Phật nào loạn chính định của

hành giả hoặc các bọn tà ác của ngoại đạo ở thế gian, hư dối nói về họa phước sai lầm để nhiều loạn chính kiến người tu hành, cho nên trong kinh điển thường gọi những loại này là *Tà ma ngoại đạo*.

*Kinh Vu-lan-bồn (đại 16, 779 trung)* ghi: “Thiên thần, Địa thần, tà ma ngoại đạo”.

Người tu tập Phật đạo nếu khởi các vọng kiến, vọng ngữ để mê hoặc chúng sinh cũng gọi là tà ma. *Kinh Đại Phật Đảnh Thủ-Lăng-Nghiêm 10 (đại 19, 154 trung)* ghi: “Tự cho đã đầy đủ vô thượng Bồ đề, tức là kẻ đại vọng ngữ, thành ngoại đạo *tà ma*, nghiệp chiêu cảm sẽ rơi vào địa ngục vô gián”.

Về sau, người đời y cứ nghĩa này mà cho rằng hễ sự vật nào có phương hại đều gọi là *Tà ma*.

\* **Tàm Quý:** còn gọi hữu tàm, hữu quý; Âm theo Phạn: Tàm là *Hri*, Quý là *Apatrāpya*; Tâm biết hổ thẹn bởi lỗi đã gây tạo, là một trong các đại thiện địa pháp của *Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ*, một trong các pháp thiện của *Tông Pháp tướng*.

*Kinh Đại Bát Niết Bàn* ghi: “Tàm” là tự mình không tạo tội, “Quý” là không bảo người khác tạo tội; “Tàm” là cảm thấy hổ thẹn trong tự tâm, “Quý” là cảm thấy hổ thẹn khi tỏ bày tội lỗi của mình với người khác; “Tàm” là tâm hổ thẹn đối với người, “Quý” là tâm hổ thẹn đối với trời.

\* **Tạng:** Âm theo Phạn: *Pitaka*. Hán âm: *Tất-đắc-gia, Tỉ-trích-gia, Tỉ-tra-ca*.

Tạng vốn chỉ cái hộp, cái rương sau chuyển thành nghĩa cái kho, học tập, cũng từ đó mà cho rằng “*gom giữ tất cả pháp mà Bồ Tát phải biết*” là Tạng. Còn theo *Phẩm Tự* trong *Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa 1* thì “Tạng” có bao hàm 2 nghĩa: Khí (Phạn: *Bhajana*) và Học (Phạn: *Pariyatti*), nhưng từ ngữ *Pariyatti* còn có nghĩa là thành tựu, đầy đủ. Do đó, từ ngữ *Pháp tạng* được nói ở đây là chỉ sự hoàn thành về Thánh điển hoặc chỉ Thánh điển.

Việc phân loại Pháp tạng, sơ lược có 5 loại:

1/. *Kinh, Luật, Luận* hợp thành **Tam tạng**.

2/. *Tam tạng của Đại thừa và Tiểu thừa* hợp chung là **Lục tạng**.

3/. Thanh văn tạng và Bồ tát tạng gọi chung là **Nhị tạng**.

4/. Ba tạng kinh, luật, luận thêm Tạp Tập tạng hoặc Chú tạng là **Tứ tạng**. Trong *Pháp Tạng bộ*, gọi 4 tạng Kinh, Luật, Luận, Chú, thêm *Bồ Tát tạng* là **Ngũ tạng**; Trong *Đại Chúng bộ*, gọi 5 tạng Kinh, Luật, Luận, Tạp, Chú là **Ngũ tạng**; Các *Luận sư* tông *Thành Thật* gọi Kinh, Luật, Luận, Tạp, *Bồ tát tạng* là **Ngũ tạng**; Kinh *Đại Thừa Lý Thú Lục Ba-La-Mật-Đa 1* gọi Kinh, Luật, Luận, *Bát-Nhã Ba-la-mật-đa tạng* và *Đà-la-ni tạng* là **Ngũ tạng**.

5/. Theo thuyết của *Kinh Bồ Tát Xử Thai 7* thì *Thai Hóa tạng*, *Trung Ấm tạng*, *Ma-ha-diễn Phương Đẳng tạng*, *Giới Luật tạng*, *Thập Trụ Bồ Tát giới tạng*, *Tạp tạng*, *Kim Cương tạng* và *Phật tạng* là **Bát tạng**. Ngoài ra, *Đại Chúng bộ* chia *Thanh văn tạng* và *Bồ Tát tạng* mỗi tạng thành 4 là Kinh, Luật, Luận, Tạp, cộng chung là **Bát tạng**.

\* **Tạng pháp** : đảo từ . Xem **Pháp tạng** .

\* **Tạp nhiễm** : Từ đồng nghĩa . Xem **Nhiễm Ô** .

\* **Tâm** : Phạn âm : *Citta* ; Hán âm : *Chất-đà* ; Tên gọi khác : *Tâm pháp*, *Tâm sự*.

Tâm hay Tâm pháp, là pháp mà khi xa rời đối tượng vẫn có tác dụng tư duy (duyên lự). Gồm nhiều nghĩa:

1. *Chỉ chung Tâm vương và Tâm sở pháp*, đối lại với Sắc (vật chất) thân (nhục thể); tương đương với 4 uẩn: Thọ, tưởng, hành, thức trong 5 uẩn.
2. *Chỉ riêng cho Tâm vương*, 1 trong 5 vị, tương đương với Thức uẩn trong 5 uẩn, là chủ thể của tâm thống nhất, tức thức thứ 6 hoặc thức thứ 8.
3. *Chỉ cho thức thứ 8 A-lại-da*, theo Tông Duy Thức. Vì thức này bao hàm nghĩa tích tập, là thể căn bản sinh ra các pháp, nên cũng gọi là Tập khởi tâm, nghĩa là thức A-lại-da chứa nhóm chủng tử và sinh khởi hiện hành.

Tùy theo tác dụng mà Tâm có thể được phân loại như sau:

- *Hai tâm*: Chân tâm và vọng tâm; Tương ứng tâm và Bất tương ứng tâm; Định tâm và Tán tâm
- *Ba tâm*: Tham, sân, si.
- *Bốn tâm*: Tham tâm, Sân tâm, Si tâm, Đẳng tâm; Nhục đoàn tâm, Duyên lự tâm, Tập khởi tâm, Kiên thật tâm.

- *Năm tâm*: Suất nhĩ tâm, Tầm cầu tâm, Quyết định tâm, Nhiễm tịnh tâm, Đăng lưu tâm, tức 5 tâm khởi lên theo thứ tự, khi ý thức tiếp xúc với cảnh vật bên ngoài.

\* **Tâm hạnh** : Tâm tánh và hành vi, sự động tác trong tâm và sự động tác bằng thân thể. Cũng như nói: *Tam tướng*.

Tỷ như *Am-la quả* là trái mà người ta khó phân biệt sống hay chín, có bốn hạng tu hành mà người ta khó phân biệt *tâm hạnh*:

- 1/. Có người *hạnh* tinh tế, mà *tâm* chẳng chánh thật.
- 2/. Có người *tâm* tinh tế, mà *hạnh* chẳng chánh thật.
- 3/. Có người *tâm* tinh tế và *hạnh* chánh thật.
- 4/. Có người *tâm* chẳng tinh tế và *hạnh* chẳng chánh thật.

\* **Tâm không** : có 2 nghĩa:

1/. Tâm tính rộng lớn giống như hư không. *Hồng Tự Nghĩa*, ghi: “Từ vô thỉ đến nay vốn trụ nơi hư không”.

2/. Tâm lìa hoặc chướng, vắng lặng vô tướng. *Kinh Nhân Vương Bát-Nhã Ba-La-Mật, thượng*, ghi: “Không huệ vắng lặng quán vô duyên, lại quán tâm không vô lượng báo”.

\* **Tâm Linh** : Là sự linh diệu của tâm thức. Xét về Triết học, tâm ấy biết cảm giác, có đủ các sự khởi tình, ý, các sở vọng nên gọi là *tâm linh*. Môn học nghiên cứu các hiện tượng của tâm, xưa gọi là Tâm Linh học, nay gọi là Tâm Lý học.

Xét về tôn giáo, tâm ấy rất linh hoạt, biến hiện vô ngại. *Tông Duy Thức* gọi tâm linh là *A-lại-da (Alaya) thức*, cao nhất trong tám thức. Trong khi tham thiền, hành giả có thể đưa tâm linh ấy đến các cảnh giới tùy theo ý muốn của mình.

\* **Tâm niệm** : Ý niệm nối tiếp nhau từng sát-na trong tâm thức. Tức trong tâm luôn luôn nhớ nghĩ đến một điều gì. *Luận Tịnh-Độ, thượng* của ngài Ca-Tài ghi: Thông thường, pháp niệm Phật có 2 loại, một trong 2 loại đó là tâm niệm. Tâm niệm niệm Phật lại chia làm 2 pháp:

1. *Niệm sắc thân Phật*: Tức nghĩ nhớ đến thân Phật A-di-đà có 84.000 tướng, mỗi tướng có 84.000 vẻ đẹp, mỗi vẻ đẹp có 84.000 tia sáng.



**2. Niệm trí thân Phật:** Tức quán niệm Phật A-di-đà có 5 phần pháp thân, có sức đại bi vô úy ...

\* **Tâm Phát** : đảo từ ; *Xem Phát tâm* .

\* **Tâm Sở:** Âm theo Phạn: *Caitta, Caitasika*. Tên gọi khác : *Tâm số, Tâm sở hữu pháp, Tâm sở pháp, Tâm số pháp*.

Tâm sở tức tác dụng của tâm, tương ứng và tồn tại đồng thời với tâm. Một trong ngũ vị. Về quan hệ tương ứng giữa tâm vương (tâm) và tâm sở thì gồm có 5 nghĩa bình đẳng (sở y bình đẳng, sở duyên bình đẳng, hành tướng bình đẳng, thời bình đẳng và sự bình đẳng), cho nên tâm sở còn gọi là Tương ứng pháp, Tâm tương ứng pháp. Là tâm vương thì tâm sở không có tự thể riêng; nhưng Hữu bộ chủ trương có tự thể riêng.

Về số lượng và cách phân loại Tâm Sở thì có rất nhiều thuyết khác nhau:

*Luận Câu-Xá lập 6 vị, 46 tâm sở:*

1. *Mười Đại địa pháp* (là tâm sở tương ứng với tất cả tâm): Thọ, tưởng, tư, xúc, dục, huệ, niệm, tác ý, thắng giải, tam-ma-địa.
2. *Mười Đại thiện địa pháp* (là tâm sở tương ứng với tất cả tâm thiện): Tín, bất phóng dật, khinh an, xả, tà, quý, vô tham, vô sân, vô hại, cần.
3. *Sáu Đại phiền não địa pháp* (những tâm sở tương ứng với tâm bất thiện, tâm hữu phú vô ký): Si, phóng dật, giải đãi, bất tín, hôn trầm, điều u cử.
4. *Hai Đại bất thiện địa pháp* (là tâm sở chỉ tương ứng với các tâm bất thiện): Vô tà, vô quý.
5. *Mười Tiểu phiền não địa pháp* (là tâm sở tương ứng với vô minh, nhưng không sinh khởi đồng thời 2 món trở lên): Phẫn, phú, san, tật, não, hại, sân, siểm, cuồng, kiêu.
6. *Tám Bất định địa pháp* (là tâm sở ngoài 5 loại trên): Ố tác, thù miên, tâm, tứ, tham, sân, mạn, nghi.

*Luận Đại Tì-bà-sa 42 thì liệt kê 7 vị, 49 tâm sở là:* Đại địa pháp, Đại thiện địa pháp, Đại phiền não địa pháp, Đại phiền não địa pháp, Tiểu phiền não địa pháp, đại hữu phú vô ký địa pháp và đại vô phú vô ký địa pháp.

*Luận Thành Duy Thức* thì chia tâm sở thành 6 vị: Biến hành (5 món: Tác ý, xúc, thọ, tưởng, tư); Biệt cảnh (5 món: Dục, thắng giải, niệm, định,

huệ), cộng chung cả hai thì tương đương với 10 đại địa pháp; Thiện (11 món: Tín, tâm, quý, vô tham, vô sân, vô si, cần, khinh an, bất phóng dật, hành xả, bất hại); Phiền não (6 món: Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến); Tùy phiền não (20 món: Phẫn, hận, phú, não, tật, san, cuồng, siểm, hại, kiêu, vô tâm, vô quý, điều cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất chính tri); Bất định (4 món: Hối (ố tác), thù miên, tâm, tứ).

\* **Tâm tánh:** Tân dịch: **Tâm tính;** Âm theo Phạn là *Citta-prakrti*; Tên gọi khác là *Tự tánh hay Tự tính*. Đó là bản tính của tâm.

Có rất nhiều thuyết xác định về bản tính của tâm, trong đó hoặc cho là thanh tịnh, nhiễm ô hoặc không phải thanh tịnh, không phải nhiễm ô hoặc cũng là thanh tịnh cũng là nhiễm ô. Nhưng về mặt lịch sử tư tưởng Phật giáo thì xưa nay thường lấy thuyết *tâm tính vốn thanh tịnh* làm chính.

Vào thời Phật giáo Nguyên Thủy thì lấy thuyết *tâm tính thanh tịnh* làm chính. Đến thời Phật giáo Bộ Phái thì Đại Chúng Bộ, Phân Biệt Luận Giả ... chủ trương *tâm tính vốn thanh tịnh*; Hữu Bộ ... thì bác bỏ thuyết ấy, lập ra thuyết *tâm tính tịnh, bất tịnh*. *Luận Dị Bộ Tông Luận* ghi: *Đại Chúng bộ* chủ trương *tâm tính vốn thanh tịnh*, cho rằng tuy tâm bị khách trần tùy phiền não làm tạp nhiễm, nhưng đó chẳng phải là bản thể của tâm.

Trong Phật giáo Đại thừa, *thuyết tâm tính* được phát triển từ *thuyết tâm tính vốn thanh tịnh* của Phật giáo Nguyên Thủy. Về sau trở thành điểm đặc sắc của Phật giáo Đại thừa, đồng thời có thể y cứ vào đây mà truy tìm nguồn gốc của tư tưởng Phật giáo Đại thừa. Nhưng *thuyết tâm tính vốn thanh tịnh* đã có đề cập trong các kinh luận Đại thừa vào sơ kỳ, trung kỳ và hậu kỳ, với nhiều tư tưởng về tâm tính bản tịnh khách trần phiền não; ngoài ra còn xen vào các tư tưởng về Như Lai tạng, Phật tính, Tâm Bồ-đề, Tâm chân như, Tâm pháp tính, Không tính, Tịnh thức, Thức A-ma-la, Thật tính duy thức, Tính Viên thành thật, Tâm thể ... hình thành sự phát triển tư tưởng Đại thừa. Cho nên điểm đặc sắc về “*Thuyết tâm tính*” của kinh luận Đại thừa khác với lý “*Bản thể của tâm là tịnh, là nhiễm*” nói trong các bộ luận của *Phật giáo Bộ phái* và đây trở thành tư tưởng y

cứ cho các vấn đề: Khả năng thành Phật, Tâm khai ngộ, Đặc chất về tinh thần của Đức Phật.

\* **Tâm Thành** : Có 2 nghĩa:

1/. Thành lũy của tâm, dụ cho thiền định, vì thiền định phòng giữ tâm, có công năng ức chế vọng động, giống như thành lũy có tác dụng phòng ngự. Dụ này đồng nghĩa với dụ bờ đê nói trong *kinh Di Giáo*.

2/. Tâm. Vì thân được dụ như bức tường thành bảo vệ bên ngoài, nên tâm được dụ như thành.

\* **Tâm Thức**: *Tiểu thừa Câu-Xá* cho rằng Tâm và Thức là cùng một thể mà khác tên gọi. *Đại thừa Duy thức* cho là khác thể, có một Thức cho tới vô lượng sai biệt.

\* **Tâm Tưởng** : Theo *Kinh Quán Vô Lượng Thọ*; *Vãng sanh Yếu Tập*, *trung* thì Tâm tưởng là sự tác dụng và tưởng nhớ của tâm. Còn theo *Tùy Văn Ký 2* thì Tâm tưởng là tâm và niệm tác dụng của tâm. Năng lực làm cho tâm tưởng vắng lặng là Thiền.

\* **Tâm Vương**: còn gọi là Tâm pháp. Tâm vương là *các thức chủ thể tạo thành tâm*. Vì đối lại với Tâm sở mà gọi tự thể của 6 thức (hoặc 8 thức) là Tâm vương. Đây là *chủ thể của các tác dụng tinh thần*. *Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ* cho rằng tự thể của 6 thức : Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý là một, nên nói tâm vương có một; *tông Pháp Tướng* thì cho rằng 8 thức, mỗi thức đều có tự thể riêng, nên nêu ra 8 thức Tâm vương.

\* **Tây Ngưu Hóa Châu** : Phạn âm : *Godana* . Còn gọi : *Cô đà ni, Cô da ni*. Một châu trong Tứ châu . Châu này vì ở về phương Tây đối với núi Tu-di, nên gọi là *Tây Ngưu Hóa Châu* . Ở Châu này sanh sản rất nhiều bò, người ta dùng bò trong việc đ犁, nên gọi là *Ngưu hóa châu* .

\* **Tất Đạt Đa** : Phạn âm : *Siddhārtha* . Còn gọi : *Tát-bà-tất-đạt-đa* (Phạn : *Sarvasiddhārtha*), *Tát-bà-hạt-thích-tha-tất-đa* (Phạn : *Sarvāthasiddha*), *Tát-bà-ngạch-tha-tất-đa*, *Tát-phạ-át-tha-tất-đạ*, *Tất-đạt-la-tha*, *Tất-đa-át-tha*, *Tất-đạt*, *Tất-đa*, *Tất-đa*. Hán dịch : *Nhất Thiết*

*Nghĩa Thành, Nhất Thiết Sự, Thành, Tài Cát, Cát Tài, Thành Lợi, Nghiệm Sự, Nghiệm Nghĩa .*

- *Tất-Đạt-Đa* là tên của Đức Thích Tôn khi còn là Thái tử con vua *Tịnh Phạn* . Khi Bồ Tát Thích Ca giáng hạ làm Trưởng tử của vua *Tịnh Phạn* thành Ca-tỳ-la-vệ, tiên nhân A-tư-đà đoán biết vị Vương tử này nhờ các thiện căn công đức đời trước, nên đầy đủ tướng tốt thù thắng, thành tựu tất cả việc lành . Nếu Vương tử tại gia chắc chắn sẽ làm *Chuyển Luân Thánh Vương*, nếu xuất gia sẽ thành tựu *Vô thượng Chính Giác*. Để biểu thị cho ý nghĩa nói trên , Thái tử được đặt tên là *Tất-Đạt-Đa* .

\* **Tần-Già điều** : từ đồng nghĩa. Xem **Ca-Lăng-Tần-Già điều** .

\* **Tập Thánh Đế** : Gọi tắt: **Tập đế**. Xem **Khổ tập đế**.

\* **Tăng Chúng** : Phạn âm : *Samgha* . Còn gọi : **Chúng tăng** .

*Tăng chúng* là đoàn thể Tỳ-kheo có từ 4 vị trở lên sống hòa hợp trong tinh thần giới luật.

\* **Tăng già**: Âm theo Phạn là: *Samgha*; Gọi tắt là: **Tăng** ; Phiên âm Hán-Việt: *Tăng chúng, Tăng Già, Tăng ngũ*; Hán dịch: *Hòa, Chúng, Hòa hợp chúng, Hòa hợp tăng, Hải chúng*.

Tăng già là những đệ tử của Đức Phật, xuất gia tu học đạt được đầy đủ giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, trụ trong giai vị Tứ hưởng, Tứ quả hoặc chỉ cho đoàn thể gồm 4 vị Tỳ kheo trở lên sống hòa hợp trong tinh thần của giới luật hoặc chỉ chung cho 7 chúng xuất gia và tại gia của giáo đoàn Phật giáo.

Tổ chức Tăng-già đầu tiên là tập thể 5 vị Tỳ kheo: A-nhã Kiều-Trần-Như... được Đức Phật độ tại Vườn Nai sau khi Ngài thành đạo.

Luận sư Đạo Tuyên, đời nhà Đường Trung Quốc cho rằng muốn tổ chức thành Tăng-già phải hội đủ 2 điều kiện:

1. *Lí hòa*: tức là tuân theo giáo nghĩa Phật giáo, lấy Niết Bàn giải thoát làm mục đích.

2. *Sự hòa*: gồm có Giới hòa đồng tu, Kiến hòa đồng giải, Thân hòa đồng trụ, Lợi hòa đồng quân, Khẩu hòa vô tranh và Ý hòa đồng duyệt.

Tăng vốn là từ gọi chung Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni. Nhưng đến đời sau thì không chỉ có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà Sa-di, Sa-di-ni cũng được gọi là Tăng hoặc Ni, các vị Tỳ-kheo thì gọi là Đại tăng, còn các Sa-di thì gọi là Tiểu tăng.

\* **Tăng tàng:** Phạn âm : *Samghadisesa* . Hán âm : *Tăng già bà thi sa* . Hán dịch : *Tăng sơ tàn, Tăng tàng* (Tổn hại thầy Tăng). Ấy là 13 điều giới trong 250 điều của Tỳ kheo, 17 điều giới trong 348 điều của Tỳ kheo ni. Giới bốn Tỳ kheo và Tỳ kheo ni có khoản Tăng tàng là những giới khá trọng. Kẻ phạm giới ấy cũng như người bị thương nơi cổ, chớ chưa đứt đầu, vì còn có thể trị lành nhờ sám hối. Nếu phạm giới Ba-la-di (Parajika) là giới lớn, nặng thì như kẻ bị đứt đầu, không còn có chân trong giáo hội nhà sư được nữa.

Theo luật Phật, nhà sư phạm giới Tăng tàng, sau khi xưng tội và sám hối, thì Biệt trụ và bị Cấm phòng, Biệt trụ là ở riêng đối với Chư Tăng; trước khi khai tội, đã phạm mấy ngày thì Biệt trụ mấy ngày. Kế đó, bị Cấm phòng thêm 6 ngày nữa. Trong thời kỳ Biệt trụ và Cấm phòng, vị sư phải ăn năn, để sau này khỏi phạm nữa.

\* **Tăng thượng :** Phạn âm : *Aupacajika, adhipati*. *Tăng thượng* là tăng trưởng hưởng thượng, tức là tăng cường năng lực để giúp cho các pháp tiến triển lớn mạnh .

Theo *Luận Đại Tỳ-bà-sa 1* ghi : Nếu luận theo *Tâm tăng thượng* thì đó là *Tổ-đát-lãm* (Kinh) ; Nếu luận theo *Giới tăng thượng* thì đó là *Tì-nại-da* (Luật) ; Nếu luận theo *Huệ tăng thượng* thì đó là *A-tì-đạt-ma* (Luận) . *Nhiếp Đại Thừa Luận Thích 1* (bản dịch đời Đường) ghi : *Huệ tăng thượng* là trí huệ hướng đến chứng đắc .

Các thuyết nói trên đều luận theo sự tăng thượng của Dụng .

\* **Tăng thượng mạn :** Một trong 7 mạn. *Câu-Xá Luận* (q19): “Ở vào địa vị chưa chứng được kết quả thù thắng mà đã nói là mình đã chứng được rồi thì gọi là tăng thượng mạn”. *Kinh Pháp Hoa-Phẩm Phương Tiện*: “Hạng người đó tội căn sâu nặng, lại thêm phần tăng thượng mạn, chưa đắc đã bảo là đắc, chưa chứng đã nói là chứng. Có lỗi lầm như vậy đấy”.

\* **Tế Hạnh** : là những động tác, hành vi, hoặc chỉ cho sự tu hành hoặc hành pháp một cách vi tế, tinh tế, nhu nhuyễn, trong sạch đối với những kiến giải ngôn thuyết để đạt đến cảnh giới giác ngộ.

\* **Tha giác** : đảo từ . Xem **giác tha** .

\* **Tham** : Phạn âm : *Abhidhyā* . Còn gọi: **Tham dục, Tham ái, Tham trước** . Gọi tắt : *Dục, Ái*.

*Tham* là sự ham muốn lợi dưỡng, tiếng tăm, tài vật ... không biết nhàm đủ, một trong 75 pháp của Câu-Xá, một trong 100 pháp của Duy Thức . Tức đối với vật mà mình yêu thích sinh khởi tâm ái trước ô nhiễm, đưa đến Ngũ thủ uẩn và sinh ra các khổ.

\* **Tham ái** : Tham trước, yêu thích cảnh Ngũ dục nên không thể ra khỏi sinh tử luân hồi. Tham và Ái khác tên nhưng đồng thể. Tham là sự mong muốn tình ái hoặc tài vật nhiễm ô, không biết nhàm đủ; Ái là một trong 12 nhân duyên hoặc 9 kiết, chỉ cho phiền não tham nhiễm trước cảnh .

Theo kinh *Thắng Thiên Vương Bát-Nhã 1*, Chúng sinh miệt mài trôi lăn trong 6 đường luân hồi không dừng, đều do Tham ái.

*Luận Đại Tỳ-bà-sa 50* ghi: Ái kiết là Tham trong 3 cõi, Tham trong 3 cõi được lập chung thành Ái kiết trong 9 kiết, lập thành 2 tùy miên trong 7 tùy miên . Đó là : *Tham ở cõi Dục*, gọi là Dục tham tùy miên và *Tham ở cõi Sắc, cõi Vô Sắc* gọi là Hữu tham tùy miên. Trong các kinh luận khác có lập Tam ái, đó là Dục ái, Sắc ái và Vô Sắc ái .

\* **Thanh Lương** : Trong trẻo và mát mẻ, tinh sạch và êm đềm . Thanh lương tức là tịch tĩnh . Ấy là các mối phiền não đã từng nung đốt người ta, các mối ấy bị diệt hết, người ta được trong sạch, mát mẻ, yên ổn trở lại. Các sự khổ từ nhân đến quả đã diệt tận, nhà tu hành trở nên thanh tịnh , an tĩnh . Thanh lương cũng tức là thiện, như : Thanh lương pháp.

\* **Thanh Tịnh**: Còn gọi khác : *Phạm-ma* (Phạn: *Brahma*) ; Phạn âm : *Suddha, Vísuddha, Parísuddha* ; Hán âm : *Tì-du-dà, Du-dà, Vĩ-thú-dà, Thú-dà*; Gọi tắt là **Tịnh**.

Thanh tịnh là xa lìa lỗi lầm phiền não do ác hạnh gây ra. Nói chung, thường dùng 3 thứ thanh tịnh là: Thân thanh tịnh, Ngữ thanh tịnh, Ý thanh tịnh.

Về chủng loại thanh tịnh, trong các kinh luận đều có nói rõ như sau:

1. *Nhiếp Đại Thừa Luận Thích 2 của Ngài Vô Tính*, y cứ vào sự chế ngự và cắt đứt phiền não mà nói về 2 thứ thanh tịnh là: *Thế gian thanh tịnh và Xuất thế gian thanh tịnh*.
2. *Luận Tịnh độ của Ngài Thế Thân* thì chia làm 2 thứ thanh tịnh : *Khí thế gian thanh tịnh và Chúng sinh thế gian thanh tịnh* .
3. *Luận Đại Trí Độ 73* thì liệt kê 3 thứ : *Tâm thanh tịnh , Thân thanh tịnh , Tướng thanh tịnh*.
4. *Luận Nhiếp Đại Thừa, trung (bản dịch đời Lương)* nêu 4 thứ thanh tịnh : *Bản lai tự tính thanh tịnh, Vô cấu thanh tịnh, Chí đặc đạo thanh tịnh và Đạo sinh cảnh giới thanh tịnh*.
5. *Luận Cửu Cảnh Nhất Thừa Bảo Tính 4* nêu 2 thứ thanh tịnh: *Tự tính thanh tịnh và Ly cấu thanh tịnh*.

\* **Thanh Văn**: dịch âm là *Xá-la-bà-ca* là hàng đệ tử Tiểu thừa của đức Phật nghe thanh giáo của đức Phật mà giác ngộ lý Tứ đế, dứt bỏ mê hoặc kiến tư mà nhập Niết Bàn. Đó là hạng hạ căn thấp nhất trong đạo Phật.

\* **Thanh Văn Thừa** : Pháp môn *Tứ đế* giúp cho thành tựu quả Thanh văn, một trong 2 thừa, một trong 3 thừa, một trong 5 thừa.

Thừa nghĩa là chuyên chở, chuyên chở chúng sinh đến bờ bên kia, tức chỉ giáo pháp của Đức Phật. Nhờ quán lý Tứ đế mà hàng Thanh văn thoát khỏi sinh tử, đạt đến Niết Bàn, nên gọi *pháp môn Tứ đế* là *Thanh Văn Thừa*. *Thanh văn thừa* còn chỉ căn cơ, chủng loại Thanh văn.

\* **Thánh Chúng** : chỉ Phật, Bồ Tát, Duyên giác, Thanh văn .Trong *kinh Tăng Nhất A-Hàm 45* có nêu 5 bậc: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích Chi Phật, gọi là Thánh chúng. *Tịnh Độ giáo* cho rằng khi người sắp mạng chung, Phật A-Di-Đà và Thánh chúng từ Tịnh độ đến rước, gọi là Thánh chúng lai nghinh. Bức vẽ miêu tả quang cảnh này được gọi là Thánh chúng lai nghinh đồ.

\* **Thánh đế**: xem **Đệ nhất nghĩa đế**.

\* **Thánh hạnh** : Hạnh tu của Phật, Bồ Tát; là một trong năm hạnh. Theo kinh *Đại Bát Niết Bàn* thì “Thánh hạnh là những điều mà Phật và Bồ Tát thực hành”. Nói theo nghĩa rộng thì Thánh hạnh là kính tin kinh *Đại Bát Niết Bàn*, bỏ tục xuất gia, giữ gìn tính trọng giới, Tức thế cơ hiêm giới; trụ trong Bất Động Địa; lại quán thân vô ngã, được Tứ Niệm Xứ, trụ trong Kham Nhẫn Địa; Lại quán Tứ Thánh Đế, hiểu suốt lý Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, trụ trong Vô sở úy địa gọi là Thánh hạnh.

*Đại Bát Niết Bàn* kinh chia Thánh hạnh ra làm 3 thứ là: *Giới, Định, Huệ*.

1. Giữ gìn giới luật, trụ trong bất động địa, gọi là *Giới Thánh Hạnh*.
2. Đắc Tứ Niệm Xứ, trụ trong Kham Nhẫn Địa, gọi là *Định Thánh Hạnh*
3. Quán Tứ Thánh Đế, trụ trong vô sở úy địa, gọi là *Huệ Thánh Hạnh*.

\* **Thánh hiền** : tức *Thánh nhân* và *Hiền nhân*. Người tu hành Phật đạo, đạt đến giai vị từ *Kiến đạo* trở lên gọi là *Thánh*, còn người chưa đạt đến địa vị *Kiến đạo*, chỉ lìa ác thì gọi là *Hiền*. Trong *Luận Câu-Xá* có nêu thuyết “Thất Hiền Thất Thánh”, *Thất Hiền* còn gọi *Thất Gia Hành*, đó là: *Ngũ đình tâm, Biệt tướng niệm trụ, Tổng tướng niệm trụ* (Tam Hiền), *Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất pháp* (Tứ Thiện căn). *Thất Thánh* là: *Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Tín giải, Kiến chí, Thân chứng, Huệ giải thoát, Cầu giải thoát*. Đại thừa có thuyết “*Tam Hiền, Thập Thánh*”, Tam Hiền chỉ cho *Thập Trụ, Thập Hạnh* và *Thập Hồi Hướng*, còn *Thập Thánh* chỉ cho Bồ Tát từ Sơ địa đến Đệ thập địa.

Ngoài ra, *Thập bát Hữu học* và *Cửu Vô học* gọi chung là *Nhị thập Thất Hiền Thánh*, nhưng đây là sự phân loại về bậc Thánh chứ không phải phân biệt Hiền và Thánh.

\* **Thánh Nhân** : Cựu dịch: **Thánh nhơn**. Phạn âm : *Ārya* . Còn gọi : *Thánh giả, Thánh* .

*Thánh nhân* là người chứng đắc thánh trí, từ địa vị *Kiến đạo* trở lên ; vì người đã chứng được địa vị *Kiến đạo* trở lên thì rốt cuộc sẽ hoàn thành Thánh trí vô lậu, nên gọi *Thánh nhân* .

Phật, Bồ Tát và người quyên hóa (phương tiện thị hiện làm người, nhưng đức hạnh cao hơn người) cũng gọi là *Thánh nhân* .



*Thánh nhân* cũng là từ tôn xưng vị Cao tăng hoặc người có đức hạnh rộng lớn . Người Ấn Độ tôn xưng các vị Luận sư là “Thánh giả”; Nhật Bản cũng tôn xưng các vị Cao tăng là “Thánh nhân”.

\* **Thánh Quả** : Là quả vị chứng được do tu theo Thánh đạo . Tức Bồ-đề Niết-bàn .

Ngoài ra, từ “Thánh quả” còn được dùng để chỉ quả A-La-Hán trong 4 quả Sa-Môn .

\* **Thánh Tăng** : Còn gọi: *Thượng tăng*. Vốn chỉ cho vị tăng đã khai ngộ và có đức cao vọng trọng, về sau chỉ cho tượng Thánh tăng được an trí trên tòa trong *Trai đường*. Thông thường, tự viện Tiểu thừa an trí tượng *Tân-đâu-lô*, còn tự viện Đại thừa an trí tượng *Văn-Thù*. Khi thọ thực thì lập một Không tọa (tức tòa để trống dành cho Thánh tăng) để cúng dường thức uống ăn, đây là phong tục tập quán thịnh hành ở Ấn-Độ xưa nay, đời sau thì thay thế bằng cách an trí một đồ tượng hoặc một tượng đắp. Trong *Thiền tông*, chính giữa Tăng đường an trí tượng *Bồ Tát Văn-Thù hoặc Bồ Tát Quán Âm, Tân-đâu-lô, Kiều-Trần-Như, Không Sinh, Đại Ca-Điếp hoặc Bồ Đại Hòa Thượng*. Tượng đối phổ biến là trong *Tăng đường* an trí tượng *Bồ Tát Văn-Thù* hình tượng vị tăng, gọi là *Thánh tăng Văn-Thù*, còn trong các *liêu đường* thì an trí tượng *Bồ Tát Quán Âm*. Tượng Thánh tăng đời sau thường an trí trong *Tăng đường* nên *Tăng đường* còn gọi là *Thánh tăng đường*. Trong *Tăng đường*, an trí Phật khám thờ thánh Tăng, gọi là *Thánh tăng khám*. Cơm cúng dường Thánh tăng gọi là *Thánh tăng phạn*. Người hầu hạ săn sóc Thánh tăng gọi là *Thánh tăng thị giả* (Còn gọi: *Thánh thị, Thị thánh*). Hạ gian ở phía trước Thánh tăng, tức bản đầu ở phía trái sau khi tiến vào *Tăng đường* là bản đầu của Thánh tăng thị giả, gọi là *Thánh Tăng bản đầu*, còn gọi *Tây đường Bản đầu*.

\* **Thánh Vương** : Vua Thánh. Cũng viết: *Thánh đế*. Bực vua có phước đức và trí huệ, tự mình ăn ở theo Thánh hiền, lại cai trị theo đạo lý của Thánh hiền, thường dạy dân làm lành. Thánh vương lại là tiếng nói tắt để gọi ngài Chuyển Luân Thánh Vương.

\* **Thành đạo** : Còn gọi: *Thành Phật, Đắc Phật, Đắc đạo, Thành Chính Giác*. Gọi đầy đủ: *Thành Phật đắc đạo*.

Thành đạo là hoàn thành Phật đạo, là một trong 8 tướng thành đạo của Bồ Tát. Tức là Bồ Tát hoàn thành sự tu hành, thành tựu Phật quả.

*Theo truyền thuyết*, Đức Thích Tôn sau khi trải qua 6 năm khổ hạnh thì Ngài thành đạo trên tòa Kim Cương bằng cỏ Cát tường dưới cội Bồ-đề, nơi này được gọi là nơi thành đạo. Nhưng trong các *kinh luận Đại thừa* thì cho rằng thành đạo dưới cội cây là thị hiện tướng ứng thân thành Phật và cho rằng báo thân của Phật là sự thành Phật ở Ma-hê-thủ-la trí xứ thuộc tầng trời Sắc Cứu Cánh.

Đối với *tông Thiên Thai* thì Bồ Tát Tam thừa giáo phải trải qua 4 giai đoạn tu hành là A-tăng-kỳ kiếp thứ 1, thứ 2, thứ 3 và 100 đại kiếp mới thành đạo, gọi là Tứ giai thành đạo. Nhưng đối với Tiểu thừa giáo như *Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ* thì cho rằng 4 giai đoạn tu hành phải là:

1/. 3 A-tăng-kỳ kiếp.

2/. 100 đại kiếp.

3/. Ở thân sau cùng, Bồ Tát phải đoạn trừ 8 địa phiền não dưới trong 9 địa.

4/. Đoạn trừ 34 tâm kiết sử mà thành đạo.

\* **Thân Căn** : Phạn âm : *Kāyendriya* . Gọi tắt : *Thân* . *Thân căn* là sở y của thân thức, tịnh sắc chấp lấy xúc cảnh vô kiến hữu đối ; ở đây chỉ cho *tịnh sắc căn* trong nhục thân chứ chẳng phải *phù trần căn* trong nhục thân ; một trong 5 căn, một trong 6 căn, một trong 12 xứ, một trong 18 giới, một trong 22 căn .

Về ý nghĩa của từ “Thân”, theo *Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm Chương 3*, thì *Thân căn* này dựa theo nghĩa tích tập, nghĩa y chỉ của tiếng Phạn *Kaya* (Hán âm : *Ca-da*), còn các đại chủng và tạo sắc khác như nhãn căn, tuy cũng đều là tích tập, nhưng thân căn là chỗ y chỉ của các căn và nhiều pháp, nhiều pháp đều tích tập trong thân căn, nên đặc biệt gọi là *Ca-da*.

Trong 12 xứ, *Thân căn* này gọi là *Thân xứ* (Phạn : *Kāyāyatana*), trong 18 giới gọi là *Thân giới* (Phạn : *Kāya-dhātu*). “Thân” mà ta thường nói đều chỉ chung cho *nhục thân*, khác với *Thân căn* . Trong các luận như *Bà-sa* thì gân, thịt được gọi là *Phù trần căn* đối với *thân căn* có tác dụng

năng xúc thì gọi là *Thắng nghĩa căn*. *Thân căn* chỉ có ở cõi Dục và cõi Sắc, cõi Vô Sắc không có. *Luận Đại Tì-bà-sa 90* ghi: *Thân căn* ở địa ngục khác với *thân căn* ở cõi người, nghĩa là trong địa ngục dù bị cắt chặt ra từng lóng đốt cho đến bị băm vằm nát nhừ cũng có *thân căn*.

\* **Thâu Lan Giá:** còn gọi: *Thâu-lan-già-da, Thâu-la-già, Tát-thâu-la, Thổ-la-già, Tót-thổ-la*; Phạn ngữ: *Sthulàtyaya*; Dịch là: *đại tội, trọng tội, thô tội, thô ác, thô quá, đại chướng thiện đạo*; Nghĩa bao gồm các tội: Các tội nếu phạm sẽ cấu thành Ba-la-di, tăng tâng nhưng chưa thành Ba-la-di, Tăng tâng. Các tội thuộc về ngũ thiên, ngoài tội Đột-kiết-la thì tất cả nhân tội, quả tội hoặc nặng hoặc nhẹ còn lại đều gọi chung là Thâu-lan-giá; 1 trong 6 tụ, 1 trong 7 tụ giới do Phật chế. Thâu-lan-giá được chia làm 2 loại chính phụ là *Độc đầu* và *phương tiện*.

1. *Độc đầu thâu lan* (còn gọi: Tự tính thâu lan, Căn bản thâu lan): tức đã thành tự tội lỗi, làm đoạn dứt thiện căn.

2. *Phương tiện thâu lan* (còn gọi: Tàng sinh thâu lan): Muốn phạm Ba-la-di hoặc Tăng tâng mà thực hành phương tiện, nhưng cuối cùng không thành tức là Nhân tội.

Lại có 2 loại: Thâu-lan-giá kế sau trọng tội Tăng tâng và Thâu-lan-giá kế sau khinh tội Đê-xá-ni.

\* **Thất bảo:** Còn gọi: **Thất Bửu**. Phạn: *Sapta ratnāni*. Đó là bảy thứ báu quý giá ở thế gian và cõi trời.

1. Bảy thứ ngọc báu quý giá ở thế gian (Thất trân). Các kinh nói về 7 thứ báu khác nhau, *Theo kinh A-Di-Đà* và *Luận Đại Trí Độ 10* thì 7 thứ báu là: *Vàng*; *Bạc*; *Lưu li* (còn gọi: Tì lưu li, Phê lưu li) thuộc loại ngọc xanh; *Pha-lê* (còn gọi: Pha-chi-ca, Hán dịch là Thủy tinh) chỉ thủy tinh màu đỏ, màu trắng ...; *Xa cừ*: thường được coi là mã não, nói chung thường chỉ các loại ngọc trai hoặc san hô trắng; *Xích châu* (còn gọi Xích chân châu); *Mã não*: loại ngọc có màu xanh đậm, khác với mã não mà đời sau thường gọi.

*Kinh Pháp-Hoa 4* thì cho rằng 7 thứ báu là *vàng, bạc, lưu li, xa cừ, mã não, trân châu* và *mai khôi*.

2. *Theo kinh Trường A-Hàm 3; Kinh Hoa-Nghiêm 43 (bản Cựu dịch)* thì Thất bảo còn là từ gọi chung cho 7 thứ báu của Chuyển Luân Thánh

Vương. Đó là *luân bảo, tượng bảo, mã bảo, châu bảo, nữ bảo, cư sĩ bảo* (chủ tạng bảo) và *chủ binh thần bảo* (tướng quân).

\* **Thất Diệp thụ** : Âm theo Phạn: *Sapta-parna*. Hán âm: *Tát-da bàn-la-na*. Thất Diệp thụ là loại cây cao, lá kép giống như bàn tay, hình thành bởi 7 lá nhỏ nên gọi là thất diệp.

Nơi kết tập kinh điển lần thứ nhất của Phật giáo được gọi là hang Thất Diệp vì trước hang này có cây Thất Diệp to lớn.

(Theo *Phiên Phạn Ngữ 9; Chỉ Quát Dị Thổ Tập 10*)

\* **Thất Diệt Trách (Bảy pháp diệt trách)** : Phạn âm: *Saptādhikarana-samathāh*. Còn gọi : *Thất diệt trách pháp, Thất chỉ trách pháp*. *Thất diệt trách* là bảy phương pháp được thiết lập để cắt đứt sự tranh luận trong Tăng, ni. Bảy pháp ấy là :

1. *Hiện tiền Tỳ-ni* (Phạn: *Sammukha-vinaya*; Còn gọi: *Diện tiền chỉ trách luật*) : Hai bên tranh chấp phải giáp mặt nhau để giải quyết sự việc, khi ấy hoặc hiện tiền dẫn chứng giáo pháp Tam tạng để giải quyết hoặc hiện tiền dẫn chứng các điều chế trong giới luật để giải quyết.

2. *Ức niệm Tỳ-ni* (Phạn: *Smṛti-vinaya*; Còn gọi: *Ức chỉ trách luật*) : Khi tranh luận xem có tội hay không thì nên hỏi phạm nhân có nhớ hay không, nếu không nhớ thì được miễn ; nhưng chỉ giới hạn đối với người trong đời sống bình thường họ là người tốt, làm bạn với thiện tri thức.

3. *Bất si Tỳ-ni* (Phạn: *Amūḍha-vinaya*; Còn gọi: *Bất si chỉ trách luật*) : Nếu người phạm giới tinh thần khác thường thì đợi họ trị lành bệnh, yết-ma khiến họ sám hối tội đã phạm .

4. *Tự ngôn Tỳ-ni* (Phạn: *Pratijnā-karaka*; Còn gọi: *Tự phát lộ chỉ trách luật*) : Khi Tỳ kheo phạm tội phải bảo họ tự bạch rồi mới trị tội .

5. *Mịch tội tướng Tỳ-ni* (Phạn: *Tát-svabhāvavaiṣiṣya*; Còn gọi: *Bản ngôn trị tội-ni, Cư chỉ trách luật*) : Khi người phạm tội không thú thật, trình bày mâu thuẫn thì nêu lên tội trạng của họ, khiến suốt đời phải tuân giữ 8 pháp, không được độ người hoặc nhận người y chỉ.

6. *Đa nhân mịch tội tướng Tỳ-ni* (Phạn: *Yad-bhūyāsikiya*; Còn gọi: *Đa mịch tội-ni, Triển chuyển chỉ trách luật*) : Khi tranh luận với nhau mà không dễ dàng giải quyết được thì nên nhóm họp các vị tăng có đức, y theo đa số mà quyết định đúng, sai .

7. Như thảo phủ địa Tì-ni (Phạn: *Trna-prastāraka*; Còn gọi: *Thảo phục địa, Như khí phần tảo chỉ tránh luật*) : Sau khi hai bên tranh luận đều đã biết lỗi lầm của mình, như cỏ che phủ mặt đất, cùng nhau chí tâm phát lộ, xin lỗi nhau và sám hối .

\* **Thần Chú** : từ đồng nghĩa . Xem **Chú** .

\* **Thần Lực** : (Âm theo Phạn: *Rddhi*) ; Tên gọi khác là: *Thần thông lực*. Tức là các năng lực thần biến không thể nghĩ bàn do Phật, Bồ Tát thị hiện. Trong các kinh có nhiều chỗ nói về thuyết Phật, Bồ Tát hiển hiện thần lực, như *Phẩm Như Lai Thần Lực trong Kinh Pháp-Hoa* 6 ghi: “Đức Thế Tôn ở trước trăm ức vạn chúng trời, người hiện đại thần lực, le lưỡi rộng dài đến tận cõi trời Phạm Thế, tất cả lỗ chân lông của Ngài đều phóng ra vô lượng vô số ánh sáng nhiều màu, thấy đều soi khắp các thế giới trong 10 phương”.

*Pháp-Hoa Văn Cú 29 của ngài Trí Khải (Đại 34, 141 hạ)* ghi: “Thần là bất trắc, Lực là cán dụng; Bất trắc thì Thể của thiên nhiên sâu xa, Cán dụng thì sức chuyển biến lớn”.

*Pháp-Hoa Kinh Huyền Nghĩa tán 10 của ngài Khuy-Cơ (Đại 34, 841 thượng)* ghi: “Diệu dụng vô phương gọi là Thần, oai thế có công năng phá dẹp gọi là Lực”.

\* **Thần Thông** : Âm theo Phạn: *Abhijnā*. Hán âm: *Tuần* . Còn gọi : *Thần thông lực, Thần lực, Thông lực*. *Thần thông* là sự tác dụng vô ngại tự tại, siêu việt nhân gian, không thể nghĩ bàn, do tu thiền định mà được. Thần thông gồm có 5 thứ (*Ngũ thông, Ngũ tuần, Ban-già-tuần*) là *Thần túc thông, Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông* và *Túc mạng thông (xem Ngũ thông)*, nếu thêm *Lậu tận thông* (tức năng lực giác ngộ đoạn hết phiền não, vĩnh viễn không còn tái sinh trong cõi mê) thành *Lục thần thông (Lục thông)*. Ngoài ra, *thần thông* còn đặc biệt chỉ cho *Thần túc thông*.

\* **Thần Thức** : Còn gọi : *Linh hồn* . Tâm thức linh diệu không thể nghĩ bàn của loài hữu tình . *Thần thức giới* không thể thấy được dưới dạng sắc

chất, cũng chẳng phải sắc thể, chỉ có thể dùng hành vi sở nhập để thể hiện sắc .

*Kinh Lăng Nghiêm*, ghi : “Lúc lâm chung, trước tiên thấy lửa dữ đầy khắp thế giới 10 phương, thần thức người chết bay đi, nường hơi khói rơi vào địa ngục Vô Gián”.

\* **Thần Tiên** : Âm theo Phạn: *Rsi*. Hán âm : *Lợi-su, Lý-thử*. Còn gọi : *Tiên nhân, Đại thiên, Tiên thánh*. Gọi tắt: *Tiên*.

*Thần tiên* là người trụ nơi núi rừng tu luyện, mong cầu giữ gìn mạng sống được dài lâu .

Theo *kinh Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương, hạ*; Các tiên nhân đều giữ gìn cấm giới, thường tu khổ hạnh, đầy đủ oai đức, thân có ánh sáng rực rỡ hoặc trụ ở núi sông hoặc trụ trong rừng rậm, uống nước suối, ăn trái cây, có 5 thứ thần thông, đi dạo trong hư không, làm tất cả mọi việc đều không chướng ngại. Phật là vị tiên nhân tôn quý nhất trong các tiên nhân, nên gọi là *Đại tiên*. Trong *kinh sách Phật giáo* có liệt kê rất nhiều chủng loại và tên gọi tiên nhân, như *kinh Giáo Đàm-di* trong *Trung A-Hàm 30* nêu tên 7 vị cổ tiên, *phẩm Vấn A-la-la* trong *Phật Bản Hạnh Tập Kinh 32* nêu tên 29 vị tiên nhân, *kinh Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương, hạ* nêu tên 68 vị Đại tiên, *kinh Đại Phật Đảnh Thủ-Lăng-Nghiêm* nêu tên 10 loại Tiên.

\* **Thâm Thâm** : Tính huyền diệu của Pháp thì gọi là Thâm (sâu). Sâu (thâm) đến mức cùng cực thì gọi là Thâm. *Thám Huyền Ký, q.10* : “Siêu tình gọi là thâm, thâm cực gọi là thâm”.

Theo *Pháp Hoa luận, thượng* ; Thâm thâm có 5 loại, gọi là Ngũ chủng thâm thâm :

**1/** Nghĩa thâm thâm. **2/** Thực thể thâm thâm. **3/** Nội chứng thâm thâm. **4/** Y chỉ thâm thâm. **5/** Vô thượng thâm thâm.

\* **Thập Bát Bất Cộng Pháp (Mười Tám Pháp Bất Cộng)** :

Phật có 18 món công đức, chẳng chung cùng với hai hàng Thanh văn, Duyên giác nên gọi là bất cộng pháp.

Lại cả ba hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát đều chẳng có đủ 18 công đức ấy, nên gọi là bất cộng. 18 pháp ấy là:

- 1/. Thân vô thất (Thân không lỗi).
- 2/. Khẩu vô thất (Miệng không lỗi).
- 3/. Niệm vô thất (Ý tưởng không lỗi, tâm không tán loạn).
- 4/. Vô dị tưởng (Không có tưởng khác, bình đẳng hóa độ chúng sinh).
- 5/. Vô bất định tâm (Tâm không phải không định, nhiếp tâm trụ trong thiện pháp).
- 6/. Vô bất tri dĩ xả tâm (Chẳng phải không biết chuyện đã bỏ).
- 7/. Dục vô giảm (Sự dục không giảm, luôn hóa độ chúng sinh, không bao giờ chán bỏ).
- 8/. Tinh tấn vô giảm (Tinh tấn không giảm, luôn hành các phương tiện, không dừng nghỉ).
- 9/. Niệm vô giảm (Ý tưởng không giảm, tức không thoái chuyển).
- 10/. Huệ vô giảm (Trí huệ vô ngại 3 đời, không khuyết giảm).
- 11/. Giải thoát vô giảm (Các tập khí phiền não dứt sạch, giải thoát không khuyết giảm).
- 12/. Giải thoát tri kiến vô giảm (Biết rõ các tướng giải thoát, không bị che chướng).
- 13/. Tất cả thân nghiệp tùy trí huệ mà thực hành (Hết thấy nghiệp của thân tùy theo trí huệ mà thực hành).
- 14/. Tất cả khẩu nghiệp tùy trí huệ mà nói năng (Hành thấy nghiệp của miệng tùy theo trí huệ mà nói năng).
- 15/. Tất cả ý nghiệp tùy trí huệ mà tư duy (Hết thấy nghiệp của ý tùy theo trí huệ mà tư duy).
- 16/. Trí huệ thấy biết quá khứ vô ngại, vô chướng.
- 17/. Trí huệ thấy biết vị lai vô ngại, vô chướng.
- 18/. Trí huệ thấy biết hiện tại vô ngại, vô chướng.

\* **Thập Bát Giới (Mười tám pháp giới)** : 18 Giới. Chỉ Lục căn: *Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý* (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý); Lục cảnh: *Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp* và Lục thức: *Nhãn thức (mắt biết chỗ sắc), Nhĩ thức (Tai nghe âm thanh), cùng với Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức, tổng cộng 18 giới.*

\* **Thập Bát Tịnh (Mười thứ bát tịnh)** : Phạm âm : *Dasá-ásubha*. Mười trạng thái của thi thể từ khi chết đến khi thành xương trắng. Đó là: Sinh

trưởng, bầm xanh, thối rữa, hư hoại, chim thú ăn còn thừa, tán loạn, cắt lia, huyết đờ, dồi tụ tập và hài cốt. Nếu thoát được sự chấp trước nhục thể, quán sát 10 thứ bất tịnh của nhục thân thì gọi là *Thập bất tịnh tướng*.

✱ **Thập-Địa:**

**A/ Thập Địa :** Còn gọi : *Thập-trụ* . Là mười giai vị trong quá trình tu hành của đệ tử Phật. “Địa” (Phạn: Bhumi), nghĩa là trụ xứ , trụ trì, sinh thành. Tức trụ ở giai vị ấy và lấy đó làm nhà, đồng thời giữ gìn pháp, trưởng dưỡng pháp, khiến cho sinh quả. Danh từ Thập địa mà các kinh luận nêu gồm có 4 loại như sau:

**I. Tam thừa cộng thập địa** hoặc *Cộng Thập Địa* hay *Cộng Địa*, tông *Thiên Thai* gọi là *Thông giáo thập địa*, tức là 10 địa chung cho 3 thừa ghi trong kinh Đại Phẩm Bát Nhã 6,17 gồm

1. Cần huệ địa, 2. Tính địa, 3. Bát Nhân địa, 4. Kiến địa, 5. Bạc địa, 6. Ly dục địa, 7. Dĩ tác địa, 8. Bích Chi Phật địa, 9. Bồ Tát địa, 10. Phật địa.

**II. Mười giai vị Bồ Tát** được nói trong kinh Hoa Nghiêm 23 (bản cựu dịch) , 34 (bản tân dịch). Đó là:

1. Hoan hỷ địa, 2. Ly cấu địa, 3. Minh địa, 4. Diệm địa, 5. Nan thắng địa, 6. Hiện tiền địa, 7. Viễn hành địa, 8. Bất động địa, 9. Thiện huệ địa, 10. Pháp vân địa.

**III. Mười giai vị tu hành của hàng Thanh văn.** Đó là :

1. Thọ tam qui địa, 2. Tín địa, 3. Tín pháp địa, 4. Nội phàm phu địa, 5. Học tín giới địa, 6. Bát nhân địa, 7. Tu đà hoàn địa, 8. Tư đà hàm địa, 9. A na hàm địa, 10. A la hán địa.

**IV. Bích Chi Phật Thập địa, Duyên giác Thập địa, Chi Phật thập địa, Độc giác thập địa ;** tức 10 giai vị tu hành của Bích Chi Phật . Đó là :

1. Tích hành Cụ túc địa, 2. Tự giác thâm thâm thập nhị nhơn duyên địa, 3. Giác liễu tứ thánh đế địa, 4. Thâm thâm lợi trí địa, 5. Bát thánh đạo địa, 6. Giác liễu pháp giới Hư không giới, Chúng sanh giới địa, 7. Chứng tịch diệt địa, 8. Lục thông địa, 9. Triệt bí mật địa, 10. Tập khí tiêm bạc địa.

**B/ Thập Địa :** Mười công đức của Phật địa. Đó là :

1. Thâm thâm nan tri quảng minh trí đức địa, 2. Thanh tịnh thân phần oai nghiêm bất tư nghị minh đức địa, 3. Thiện minh nguyệt tràng bảo tướng hải tạng địa, 4. Tinh diệu kim quang công đức thần thông trí đức địa, 5.



Hoả luân oai tạng minh đức địa, 6. Hư không nội thanh tịnh vô cấu Diệm quang khai tướng địa, 7. Quảng thắng pháp giải tạng minh giới địa, 8. Tối tịnh phổ giác trí tạng năng tịnh vô cấu biến vô ngại trí thông địa, 9. Vô biên ức trang nghiêm hồi hướng năng chiếu minh địa, 10. Tỳ lô giá na Trí hải tạng địa.

\* **Thập Hiệu (Mười danh đức hiệu)** : Còn gọi : *Như Lai thập hiệu, Thập chủng thông hiệu.*

Mười đại danh hiệu tôn xưng đức của chư Phật. Đó là:

**1/. Như Lai** (Phạn âm: *Tathāgata*, Hán âm: *Đa-đà-a-già-đà*) : Nương đạo như thật (Như) mà đến (Lai) và thành Chính giác.

**2/. Ứng Cúng** (Phạn âm: *Arhat*, Hán âm: *A-la-hán*) : Xứng đáng thụ nhận sự cúng dường của trời, người.

**3/. Chính Biến Tri** (Phạn âm: *Samyak-sambuddha*, Hán âm: *Tam-miêu Tam-phật-đà*) : Có khả năng rõ biết đúng (chính) và khắp (biến) tất cả pháp.

**4/. Minh Hành Túc** (Phạn âm: *Vidyā-carana-sampanna*) : tức Tam minh (*Thiên nhãn minh, Túc mạng minh, Lậu tận minh*) và hành nghiệp của thân khẩu đều viên mãn.

**5/. Thiện Thệ** (Phạn âm: *Sugata*) : Dùng *Nhất thiết trí* làm xe lớn, thực hành *Bát Chính đạo* mà nhập Niết Bàn.

**6/. Thế Gian Giải** (Phạn âm: *Loka-vid*) : Rõ biết 2 thứ thế gian : Chúng sinh và phi chúng sinh, cho nên biết thế gian diệt và đạo xuất thế gian.

**7/. Vô Thượng Sĩ** (Phạn âm: *Anuttara*) : Vô thượng trong tất cả chúng sinh.

**8/. Điều Ngự Trượng Phu** (Phạn âm: *Purusa-damyā-sārathi*) : Phật là bậc Đại Từ Đại Trí, có khi dùng lời nhu nhuuyến, có khi dùng lời bi thiết, dùng lời tạp ngữ ..., dùng các phương tiện điều phục, chế ngự người tu hành (trượng phu), khiến họ đến Niết Bàn.

**9/. Thiên Nhân Sư** (Phạn âm: *Sāstā deva-manusyānām*) : Thầy trời, người. Chỉ dạy chúng sinh điều nào nên làm, điều nào là thiện, điều nào là bất thiện, khiến họ giải thoát được phiền não.

**10/. Phật Thế Tôn** (Phạn âm: *Buddha Bhagavat*) : Tức tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, thấy biết tất cả các pháp trong 3 đời, được người thế gian tôn trọng cung kính.

Ngoài ra, trong các kinh luận cũng có khi hợp chung *Thế Gian Giải* và *Vô Thượng Sĩ* thành 1 hiệu hoặc hợp *Phật* và *Thế Tôn* thành 1 hiệu hoặc hợp *Vô Thượng Sĩ* và *Điều Ngự Trượng Phu* thành 1 hiệu ...

✳ **Thập Nhị Bộ Kinh (Mười hai bộ kinh):** Âm theo Phạn : *Dvādasāṅga-buddha-vacana*; Tên gọi khác: *Thập nhị phần giáo*, *Thập nhị phần thánh*, **Thập nhị phần kinh.**

Mười hai thể loại kinh được phân biệt theo hình thức trình bày và nội dung giáo pháp.

1. *Khế Kinh* (Phạn: *Sūtra*, âm Hán-Việt: *Tu-đa-la*), còn gọi: *Trường hàng*. Tức thể loại văn xuôi, trực tiếp ghi chép giáo thuyết của Phật.
2. *Ứng tụng* (Phạn: *Geya*, âm Hán-Việt: *Kì-dạ*), còn gọi *Trùng tụng*. Tức phần kệ tụng giải thích lại giáo thuyết mà Khế kinh đã nói.
3. *Kí biệt* (Phạn: *Vyākaraṇa*, âm Hán-Việt: *Hòa-già-la-na*), còn gọi: *Thụ ký*. Vốn là các đoạn văn giải thích về giáo nghĩa, đời sau đặc biệt chỉ cho lời ẩn chứng trước của Phật đối với việc làm ở vị lai của các đệ tử.
4. *Phúng tụng* (Phạn: *Gāthā*, âm Hán-Việt: *Già-đà*), còn gọi *Cô khởi*. Tức là phần kệ tụng độc lập, trực tiếp ghi chép giáo thuyết của Đức Phật mà không lập lại ý của văn *Trường hàng* trước đó.
5. *Tự thuyết* (Phạn: *Udāna*, âm Hán-Việt: *Ưu-đà-na*). Đức Phật không đợi có người hỏi pháp mà tự khai thị giáo thuyết.
6. *Nhân duyên* (Phạn: *Nidāna*, âm Hán-Việt: *Ni-đà-na*). Ghi chép nhân duyên thuyết pháp giáo hóa của Đức Phật, như *phẩm Tự của các Kinh*.
7. *Thí dụ* (Phạn: *Avadāna*, âm Hán-Việt: *A-bà-đà-na*). Dùng thí dụ để giảng nói pháp nghĩa.
8. *Bản sự* (Phạn: *Itivṛttaka*, âm Hán-Việt: *Y-đế-viết-đa-già*). Các bản kinh nói về hành nghi ở đời quá khứ của Phật và đệ tử, ngoài Bản sinh đàm. Hoặc những kinh mở đầu bằng câu : “*Phật như thị thuyết*” cũng thuộc loại *Bản sự*.
9. *Bản sinh* (Phạn: *Jātaka*, âm Hán-Việt: *Xà-đà-già*). Thể loại kinh nói về các hạnh đại bi mà Đức Phật tu hành vào thời quá khứ.
10. *Phương quảng* (Phạn: *Vaipulya*, âm Hán-Việt: *Tỳ-phật-lược*). Các kinh giảng nói giáo nghĩa rộng lớn sâu xa.

**11. Hi pháp** (Phạn: *Adbhuta-dharma*, âm Hán-Việt: *A-phù-đà-đạt-ma*), còn gọi: *Vị Tăng Hữu Pháp*. Nói về những việc ít có của Phật và các đệ tử.

**12. Luận nghị** (Phạn: *Upadesá*, âm Hán-Việt: *Ưu-ba-đê-xá*). Đức Phật luận nghị phân biệt thể tính các pháp, làm sáng tỏ ý nghĩa.

Mười hai thể loại này, Đại thừa và Tiểu thừa đều có. Nhưng có kinh cho rằng *Phương quảng* chỉ Đại thừa mới có hoặc cho rằng ngoài *Kí biệt*, *Tự thuyết* và *Phương quảng* thì 9 bộ còn lại đều thuộc về Tiểu thừa; có thuyết lại cho rằng ngoài *Nhân duyên*, *Thí dụ* và *Luận nghị* thì 9 bộ còn lại đều thuộc về Đại thừa. Có người nói 9 thể loại kinh không có *Thí dụ*, *Bản sinh* và *Luận nghị* hoặc không có *Tự thuyết*, *Thí dụ* và *Luận nghị*.

\* **Thập Nhị Phần Kinh** (Mười hai phần kinh) : từ đồng nghĩa . Xem **Thập Nhị Bộ Kinh**.

\* **Thập Thiện** : Mười điều lành. Còn gọi: *Thập thiện nghiệp*, *Thập thiện giới*, *Thập thiện pháp*. Người đạo Phật tại gia hay xuất gia đều phải giữ thân thể, lời nói và ý thức đừng cho phạm mười việc quấy ác :

**1.** Sát sanh ; **2.** Trộm cắp ; **3.** Tà dâm . Đó là *3 Thân nghiệp*.

**4.** Vọng ngữ ; **5.** Ý ngữ ; **6.** Lũng thiệt ; **7.** Ác khẩu . Đó là *4 Khẩu nghiệp*.

**8.** Tham dục ; **9.** Sân khuể ; **10.** Tà kiến . Đó là *3 Ý nghiệp*.

Nếu phạm mười việc ác ấy, gọi là hành **Thập ác**. Còn tránh được mười việc ác ấy và làm ngược lại gọi là hành **Thập Thiện** như :

*Với thân thể :*

**1/.** Chẳng những không giết hại sanh mạng mà còn phải tha thứ, phóng sanh.

**2/.** Chẳng những không ăn trộm, ăn cướp tài vật của người mà còn phải làm việc bố thí.

**3/.** Chẳng những không dâm bậy với vợ người, với người mà còn phải cung kính hàng phụ nữ.

*Với lời ăn tiếng nói:*

**4/.** Chẳng những không nói láo xược mà phải ăn nói thành thật, ngay thẳng.

5/. Chẳng những không nói trau chuốt, thô tục, sái đạo nghĩa mà cần phải nói việc có nhơn nghĩa, hữu ích cho người.

6/. Chẳng những không nói lời độc ác, làm cho người xa lìa nhau, thù hận nhau mà phải nói cho người hòa hiệp nhau, thương yêu nhau.

7/. Chẳng những không nói lời độc ác, nguyên rửa người, mắng chửi người mà phải nói lời ôn hậu, nhu thuận, hiền lành.

Với tâm ý :

8/. Chẳng những không tham lam, xảo quyết mà cần phải suy xét rằng mọi vật ở đời vốn chẳng tinh sạch, lục trần đều là giả dối, dơ dáy, vô thường.

9/. Chẳng những không giận hờn, không thù hận ai mà cần phải có lòng từ bi thương xót, nhẫn nhục đối với cảnh vật và đối với chúng sanh.

10/. Chẳng những không mê muội, không có ý kiến tà khúc mà cần phải có lòng chánh đạo, tâm sanh trí huệ. Bỏ Tà kiến, tức hành Chánh kiến.

*Quán Vô Lượng Thọ Kinh*: Muốn sanh về cõi Cực Lạc của Phật A-Di-Đà, phải tu 3 phước:

- *Phước thứ nhất*. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, có lòng lành chẳng giết sanh mạng, tu Thập thiện nghiệp.

- *Phước thứ hai*. Thọ trì Tam qui, đủ hết các giới, chẳng phạm oai nghi.

- *Phước thứ ba*. Phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhơn quả, đọc tụng kinh Đại thừa, khuyến tán các nhà tu hành.

\* **Thập trụ Bồ-Tát**: tức là Thập trụ Bồ-tát Ma-ha-tát, bậc Bồ tát chứng đắc Trụ vị thứ mười: Quán đỉnh Trụ, là Trụ vị cao hơn hết. Cũng viết: Hậu Thân Bồ-Tát.

Như khi đức Thích-Ca đắc quả Phật Như Lai, thì đức Di-Lặc ở hàng Thập Trụ Bồ-Tát hay Hậu Thân Bồ Tát.

\* **Thật Tánh** : Tánh tự nhiên chân thật, không giả dối, không tà ác, không có đối địch. Cũng gọi: *Chơn tánh*, *Chơn như bốn tánh*, *Chơn như Phật Tánh*.

\* **Thật Tướng (Thiệt Tướng)** : Âm theo Phạn: *Dharmatā*, *Bhūta-tathatā*.

Bản thể, thật thể, chân tướng, bản tính ... của sự vật, sau chuyển sang chỉ cho thể tướng chân thật bất hư của tất cả vạn pháp hoặc lý pháp chân thật, lý bất biến, chân như, pháp tính ... Tất cả các danh từ: *Nhất như, thật tính, thật tế, chân tính, niết-bàn, vô vi, vô tướng* ... đều là tên khác của *Thật tướng*. Vì tất cả hiện tượng mà thể tục nhận biết đều là giả tướng, chỉ có thoát khỏi sự nhận biết của thể tục mới hiển bày được tướng trạng chân thật thường trụ bất biến của các pháp, nên gọi là *Thật tướng*. Theo ý của *Kinh Đại Bát Niết Bàn 36 (bản Nam)*, *Luận Đại Trí Độ 32* thì tất cả tướng sai biệt (như tướng cứng của đất, tướng ướt của nước, tướng nóng của lửa) của các pháp đều là hư vọng, tất cả đều có thể phá hoại; trái lại, *Thật tướng* mà trí vô lậu chứng đắc thì xa lìa các tướng hư vọng và bình đẳng nhất như, nếu sống trong vọng tình thì không thể nào thấy được *Thật tướng*.

Trong sự *phiên dịch* của ngài *Cưu-ma-la-thập* thì “*Thật tướng cũng bao hàm ý nghĩa Không*”, từ ngài Long-Thụ về sau nhấn mạnh nội dung Chân đế của Phật giáo. Còn thuyết “*Chư pháp thật tướng*” là tiêu biểu (tức pháp ấn) của Phật giáo Đại thừa, cũng tức là đối lại với *Tam pháp ấn* (vô thường, vô ngã, niết-bàn) do Phật giáo Tiểu thừa lập ra, thuyết do Phật giáo Đại thừa lập gọi là *Thật tướng ấn*. Tướng trạng chân thật của tất cả các pháp gọi là *Chư pháp thật tướng*, tùy theo mỗi tông mà có nội dung khác nhau, nhưng phán đoán theo lập trường của mỗi tông thì đều được xem là tối hậu và cứu cánh, đều dùng từ “*Thật tướng*” này để biểu thị.

\* **Thế đế**: Âm theo Phạn là: *Samvrti-satya*; Tên gọi khác là: *Thế tục đế, Tục đế, Hữu đế*; Từ đối là: *Chân đế*. Thế đế là lý sinh diệt được thuyết minh tùy thuận theo sự hiểu biết của thế gian. Chữ “**Thế**” trong Thế tục đế, tiếng Phạn có nghĩa là hoại diệt, tức các pháp hữu vi đều có tướng hoại diệt. Chữ “**Tục**” có nhiều nghĩa:

1. *Nghĩa không biết hoặc không rõ*, tức không biết hoặc không rõ nghĩa chân thật của các pháp.
2. *Nghĩa che lấp*: Do năng lực của vô minh làm che lấp nghĩa chân thật của các pháp.
3. *Nghĩa hàng y*: Các pháp hữu vi đều nương tựa lẫn nhau mà tồn tại.

4. *Nghĩa thuyên biểu*: Danh ngôn của thế gian có công năng làm cho người ta hiểu được tính tướng các pháp.

Chữ “**Đế**” nghĩa là chân thật, do vô minh nhiễm ô nên phàm phu chấp trước các pháp là thật có. “Thế tục” chỉ cho tăng ích vô minh, vì đối với các pháp như: sắc, thanh ... vốn không tự có (tự tính hữu) mà lại chấp thêm là tự có, tức đối với các pháp chẳng phải thật có mà chấp là thật có. Còn các bậc Thánh đã đoạn vô minh nhiễm ô thì do không có “thật chấp thế tục” cho nên các pháp hữu vi không hiện thành chân thật mà thuộc về hư vọng.

Ngoài ra, Thế tục để hiển hiện Hữu tướng, che lấp chân lý nên gọi là *Phú tục đế*. *Phần chú thích trong Nam Hải Ký Qui Nội Pháp Truyện 4 (Đại 54, 228 trung)* ghi: “Phú tục đế, xưa gọi là Thế tục đế nghĩa chưa trọn vẹn; ý nói tục sự che lấp chân lý. Sắc vốn chẳng phải chiếc bình mà vọng cho là chiếc bình; âm thanh không phải là bài ca mà cứ cho là bài ca (...), do đó mà che lấp chân lý, gọi là Phú tục”.

\* **Thế độ** : đảo từ của Độ thế . Xem **Độ** .

\* **Thế Gian Giải** : còn gọi Tri Thế gian; Âm theo Phạn là: *Lokavid*. Phiên âm Hán-Việt là: *Lộ-ca-bị*.

Thế gian giải là từ tôn xưng đức Phật, là 1 trong *Thập nhất hiệu* của Ngài, vì đức Phật rõ biết chúng sinh thế gian và phi chúng sinh thế gian, chẳng những rõ biết Nhân của thế gian, Diệt của thế gian mà còn rõ biết Đạo xuất thế gian.

*Luận Đại Trí Độ 2 (Đại 25, 72 thượng)* ghi: “Lộ-ca-bị: thì Lộ-ca, Hán dịch là Thế; còn Bị là Tri, nên gọi là Tri Thế gian. (...) Tri 2 loại Thế gian: Một là chúng sinh, hai là phi chúng sinh”. *Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ (Đại 37, 101 trung)* ghi: “Thế gian giải là Trí hóa tha; hiểu rõ thế gian gọi là Thế gian giải”.

\* **Thế pháp**: Pháp thế gian, do nhân duyên sinh, dễ bị hủy hoại. *Kinh Thắng Man (Đại 22, 218 trung)* ghi: “Đại bi thương xót an ủi chúng sinh, là mẹ của thế pháp”. *Kinh Hoa-Nghiêm 2 (bản dịch đời Đường) (Đại 10, 6 trung)* ghi: “Phật xem thế pháp như ảnh tượng”.

Theo *phẩm Thánh Hạnh, kinh Đại Bát Niết Bàn*, Thế pháp có 5 thứ:

- 1/. **Danh thế** : Tên gọi vật thể thế gian.
- 2/. **Cú thế** : Là tất cả ngôn ngữ, động tác .v.v... để giải thích nghĩa lý của sự vật thế gian.
- 3/. **Phược thế** : Các phiền não trói buộc tâm chúng sinh ở thế gian.
- 4/. **Pháp thế** : là các thói quen, tập tục của thế gian.
- 5/. **Chấp trước thế** : Giữ chặt sự thấy biết sai lầm của mình về sự vật trong thế gian.

\* **Thế Tôn**: *Lokanàtha, bhagavat* (Thuật ngữ). Tôn hiệu của Đức Phật. Vì Phật có đủ muôn đức được thế gian tôn trọng. Hơn nữa, vì ngài là bậc độc tôn ở thế gian nên gọi là Thế Tôn. *Kinh A-Hàm và Thành thực luận* cho đó là danh hiệu thứ 10 trong các danh hiệu của Đức Phật, vì có đủ chín hiệu ở trên nên gọi là Thế Tôn. *Trí độ luận* thì đặt ra ngoài 10 danh hiệu, *Trí độ luận (q.2)*: “*Lô-ca-na-tha đời Tần gọi là Thế Tôn*”. *Tịnh Ảnh Đại kinh sơ*: “*Đức Phật đủ mọi đức thế gian khâm phục kính ngưỡng, nên hiệu là Thế Tôn. Nếu xét âm Hồ (chỉ tiếng Phạn) Lâu-già-dà-già thì gọi là Thế Tôn*”. *Thám huyền ký (q.9)*: “*Vì Phật đủ ba đức sát nghĩa, độc tôn ở đời, nên gọi là Thế Tôn, tức là Bà-già-bà trong tiếng Phạn*”.

\* **Thế Tục** : Âm theo Phạn: *Samvrti*. Gọi tắt: *Thế, Tục*. Đối lại: *Thắng nghĩa*. *Thế tục* là thế gian thông tục, là pháp hư vọng giả lập. “*Thế*” có nghĩa là che lấp chân lý, dễ bị hủy hoại, “*Tục*” nghĩa là hiển hiện ở đời, thuận theo tình người. *Thế sự* tức pháp *thế tục*, tất cả sự pháp trong 3 cõi đều có 2 nghĩa này.

*Luận Hiển Dương Thánh Giáo 6, 16 (Đại 31, 559 thượng)* ghi: “*Giảng nói dụng của ngã pháp, đều gọi là Thế tục*” và nêu 3 loại Thế tục được an lập, đó là:

1. *Thế gian tục* như : ruộng, nhà, cái bình ...
2. *Đạo lý tục* như : 5 ấm, 12 xứ, 18 giới.
3. *Chứng đắc tục* như : 4 quả Sa-môn: Dự-lưu, Nhất-lai ...

*Luận Thành Duy Thức 8, 1 (Đại 31, 1 trung)* ghi: “*Cảnh nương nội thức mà giả lập, nên chỉ có ở thế tục*” và cũng nêu 3 loại Thế tục, đó là:

1. *Giả thế tục*. Vọng hữu thuộc về *Biến kế sở chấp tính*.
2. *Hành thế tục*. Giả hữu thuộc về *Y tha khởi tính*.
3. *Hiển liễu thế tục*. Thật hữu thuộc về *Viên thành thật tính*.

Ở đây nói *Ngã pháp* ... chẳng phải là chân thật có, chỉ tùy theo thể tình mà giả lập tên gọi, nên gọi là *Thế tục*. Ngoài ra, trong các luận thường gọi *tâm hữu lậu* là *Thế tục tâm*, gọi *trí hữu lậu* duyên theo các cảnh thế tục mà sinh khởi là *Thế tục trí*, dùng trí thế tục đoạn trừ các nhiễm gọi là *Thế tục đạo*.

\* **Thế Dụng** : Thế tính và tác dụng của các pháp. *Thế* là thế tính, chân lý thật tướng bất biến, không phân biệt ; *Dụng* là tác dụng, là sự biểu hiện cụ thể của hiện tượng sai biệt .

*Luận Đốn Ngộ Yếu Môn, hạ (Vạn Tục 110, 430 thượng)* ghi : “Tịnh là bản thể, Danh là tích dụng. Từ bản thể khởi tích dụng, từ tích dụng qui bản thể, Thế Dụng không hai, Bản Tích chẳng khác”.

\* **Thế Tính** (hay **Thế Tánh**) còn gọi là Thật thể. Thực chất của sự vật là thể, không thay đổi gọi là tính (tánh), nên Thế tức Tính (Tánh). Nếu nói theo pháp môn về lý thì thế tính của Phật và chúng sanh là đồng nhất. Không sai khác.

\* **Thế Tướng** : Thế và Tướng. Bản chất bất biến, làm sở y cho hiện tượng sai biệt gọi là Thế; hiện tượng sai biệt nương vào Thế hiện ra bên ngoài gọi là Tướng. Thế là pháp tính có các tính chất: Nhất, tuyệt đối, vô hạn, chân thường; còn Tướng là pháp tướng có các tính chất: Phi nhất, tương đối, hữu hạn, phi thường.

*Tông Pháp Tướng* và *Tông Pháp Tính* có chủ trương khác nhau về Thế và Tướng. *Tông Pháp Tướng* cho rằng ngoài Tướng còn có Thế; tức ngoài tướng vạn hữu thuộc Y tha khởi, còn có Thế mà chân như là sở y thuộc Viên thành thật, như ngoài cỏ cây còn có sự tồn tại của đại địa. Còn *tông Pháp Tính* thì cho rằng Tướng tức Thế, mà tướng Y tha khởi, chính là chân thể Viên thành thật.

\* **Thệ** : Phạn âm : *Yatha-abhyupagamam* . Thệ là tự biểu đạt quyết tâm không bao giờ thay đổi hoặc trái lời; cũng có nghĩa là bó buộc. Tức là vì lập chí cầu đạt được một việc gì, một trạng thái nào đó mà hạ quyết tâm, gồm có 2 thứ : Tự mình phát thệ trong tâm và Phát ngôn ước thúc với sự



việc bên ngoài . Trong Phật giáo, hình thái căn bản nhất của “Thệ” là lời thệ quy y Tam Bảo được phát ra lúc thọ giới .

Lời thệ do Phật, Bồ Tát lập y cứ trên tâm đại từ bi cứu độ chúng sinh gọi là Thệ nguyện, Thệ ước . Thường thấy nhất là Tứ hoằng thệ nguyện :

1. Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ .
2. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn .
3. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học .
4. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành .

\* **Thiên Đạo** : Chư thiên trụ trong 3 cõi : Dục, Sắc và Vô Sắc, một trong 6 đạo, một trong 3 thiện đạo hoặc chỉ Đạo tự nhiên, vị thần chủ tế trời đất, nhật nguyệt tinh tú, thái dương ...

\* **Thiên Đế** : Gọi đầy đủ là *Thích-Ca đề-hoàn nhân-dà-la*. Xem **Đế Thích Đề Hoàn**.

\* **Thiên Đường** : Cự dịch: **Thiên đàng** ; Còn gọi *Thiên cung*. Đối lại: *Địa ngục*. *Thiên đường* là cung điện của thiên chúng, là nơi hưởng phước lạc mà người thiện sau khi chết sẽ sinh về.

\* **Thiên Long Bát Bộ** : Còn gọi: *Bát bộ chúng*. Thiên Long Bát Bộ là tám bộ chúng thủ hộ Phật pháp gồm : Thiên (Deva), Long (Nāga), Dạ-xoa (Yaksa), A-tu-la (Asura), Ca-lâu-la (Garuda), Càn-thát-bà (Gandharva), Khẩn-na-la (Kimnara) và Ma-hầu-la-già (Mahoraga). Trong 8 bộ chúng thì 2 chúng Thiên và Long là thượng thủ nên nêu tên 2 chúng này đại diện cho cả 8 bộ.

\* **Thiên Ma** : Còn gọi là *Thiên tử ma* ; Gọi đầy đủ là *Tha hóa Tự Tại Thiên Tử ma* ; Âm theo Phạn: *Deva-putra-māra*.

Theo *Luận Đại Trí Độ* 5, 56, 68 thì *Thiên tử ma* là hàng Ma vương và quyến thuộc trụ ở tầng trời thứ 6 cõi Dục. *Thiên tử ma* này làm chướng ngại pháp thiện của người, ghét pháp Thánh hiền, gây ra mọi việc nhiễu loạn khiến hành giả không thể thành tựu thiện căn xuất thế. Do nghiệp đời trước mà chiêu cảm quả báo làm loại ma này, nên còn gọi là *Thiên tử*

*Nghiệp ma*, là ngoại ma duy nhất trong tứ ma (*Uẩn ma, Phiền não ma, Tử ma, Thiên ma*).

\* **Thiên Nhãn** : Gọi đầy đủ là *Thiên nhãn minh*. Phạn âm: *Cyuty-apapada-jnana-saksat-kriya-vidya*. Còn gọi: *Sinh tử trí chứng minh, Tử sinh trí minh, Thiên nhãn trí. Thiên nhãn minh* là trí huệ rõ biết các tướng trạng của sinh tử, 1 trong Tam minh (Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lưu tận minh) mà vị A-la-hán chứng đắc.

Tức đối với khi tử khi sinh, thiện sắc ác sắc, thượng sắc hạ sắc của tất cả chúng sanh, Thiên nhãn minh này thấy đều rõ biết, đồng thời biết chúng sinh y cứ vào 3 nghiệp thân, khẩu, ý mà có thiện hạnh hay ác hạnh, do nhân duyên chính pháp hoặc tà pháp mà sau khi mạng chung sinh về đường lành hay đường ác. *Luận Đại Tì-bà-sa 102*, ghi : Thiên nhãn minh có công năng thấy suốt các việc vị lai, sinh tâm nhàm lìa, diệt trừ được đoạn kiến, sinh ra Vô nguyện giải thoát môn.

\* **Thiên Nhân Sư**: Còn gọi: *Thiên nhân giáo sư*; Phạn âm: *Sāstā deva-manusyānām*; Hán âm: *Xá-đa Đề-bà Ma-nâu-xá-nẫm*.

Theo *Luận Đại Trí Độ 2* thì Thiên nhân sư là thầy của Chư Thiên và loài người, là một trong 10 hiệu của Như Lai.

Đức Phật chỉ dạy cho trời và người những điều gì nên làm, điều gì là thiện, điều gì là bất thiện, nếu thực hành theo lời dạy của Ngài, không bỏ đạo pháp thì sẽ được quả báo là giải thoát phiền não, nên gọi là Thiên nhân sư. Vả lại, vì Đức Phật độ thiên đạo và nhân đạo thì nhiều, độ các đạo khác ít hơn nên gọi là Thiên nhân sư .

\* **Thiên Nữ** : Âm theo Phạn: *Devakanyā*. Âm Hán: *Nê-phạ-ca-nễ*.

Thiên nữ là người nữ ở các tầng trời cõi Dục. Thiên nhân từ cõi Sắc trở lên không có dâm dục nên không có tướng nam nữ.

\* **Thiên Thần** : Tiếng xưng Thần linh, Thánh linh trên thượng thiên mà người đời thờ kính, như các vị *Phạm Thiên, Đế Thích, và Chư Thiên khác*. Lại là tiếng gọi chư Thiên (*devas*) và chư Thần (*Āsuras*), chư quỷ. Theo thứ tự trong tam giới, chư thần và chư quỷ thì ở miền Địa cư (*Bhāuma*) và miền Hư không cư (*Antariksavāsina*); Trên nữa, từ trời Tứ Thiên Vương ở

cõi Dục giới cho đến trời Phi tướng phi phi tướng xứ ở cõi Vô sắc Giới là miền của chư Thiên.

\* **Thiên Thượng** : *Dêvakhan, Svarga*. Thế giới của Chư Thiên trong 3 cõi Dục, Sắc, Vô Sắc; tức là 6 cảnh trong cõi Dục giới, 20 cảnh trong cõi Sắc giới, 4 cảnh trong cõi Vô Sắc giới. Ngoài ra, còn chỉ thế giới của trời và thế giới của thần. Từ đối lại: Thiên hạ là thế giới loài người.

\* **Thiên Ý thụ** : Cây như ý trên cõi trời. Cây này chuyển biến tùy theo ý muốn của chư thiên, có mong cầu gì đều được toại ý.

\* **Thiền Định** hay **Thiền-na** : Âm theo Phạn: *Dhyàna*. Cựu dịch: Tư duy tu. Tân dịch : Tĩnh Lự. Khi thiền định, tâm chuyên chú vào một cảnh nhất định và chỉ suy nghĩ kỹ về cảnh đó. Đó là tính chất của cái tâm ở cõi Sắc giới, không phải cái tâm của cõi Dục giới. Xa lìa phiền não của cõi Dục giới thì mới đắc được thiền na., Tư duy tu là nói về cái nhân. Có cái nhân nhất tâm tư duy tu tập thì mới đắc được Định tâm. Nên gọi là Tư duy tu. Còn Tĩnh-Lự là nói về cái thể. Cái thể của Thiền na là tịch tĩnh mà cũng có cả cái Dụng Thẩm lự (suy xét kỹ càng) nên gọi là Tĩnh Lự. Tĩnh tức là Định. Lự tức là Tuệ, Cái diệu thể Định Tuệ quân bình gọi là Thiền na. Tu chứng được Thiền na này thì sau khi chết được sinh vào cõi Tứ thiền thiên thuộc cõi Sắc giới. Ngoại đạo vì muốn sinh lên cõi trời mà tu tập Thiền na. Nhà Phật thì y vào sự phát trí vô lậu đó mà tu tập thiền na. Muốn thành tựu thì phải xa lìa tán tâm vọng niệm của cõi Dục giới. Về mặt này, ngoại đạo và Phật pháp cũng giống nhau.

\* **Thiền Đường** : *Pháp đường* dùng để tọa thiền ở những tự viện không có *Tăng đường* hoặc *Thiền đường* riêng, cũng là nơi ở của chúng tăng từ vị Duy-na trở xuống.

\* **Thiền Lữ** : Bạn tu thiền, người đồng đạo tu thiền. Tiếng gọi những tăng đồ tu theo Thiền tông; cũng gọi những thầy tăng tu học nơi chùa, tức là tăng lữ.

\* **Thiếu Dục Tri Túc** : Còn gọi: *Hỷ túc thiếu dục, Vô dục tri túc.*

Giảm thiểu dục vọng và biết đủ. Nếu giải thích từng vế thì *Thiếu dục* (Phạn : *Alpeccha*) nghĩa là đối với vật chưa được không khởi tâm tham dục quá phần, còn *Tri túc* (Phạn : *Samtusta*) là đối với vật đã được không chê là ít, không sinh hối hận. *Thiếu dục tri túc* là nhân tố trọng yếu của việc tu đạo, *Luận Câu-Xá* coi đó là một trong 3 nhân làm *thanh tịnh thân* (tam tịnh nhân); *Bài kinh Bát Niệm* trong *Trung A-Hàm 18, kinh Bát Đại Nhân Giác* ... thì cho đó là 2 pháp đầu tiên trong 8 điều giác ngộ của bậc Đại nhân.

\* **Thiện Căn** : Âm theo Phạn là *Kúsala-māla*; Còn gọi là *Thiện bản, Đức bản*;

*Thiện căn* là cội gốc sinh ra các thiện pháp. *Bài Kinh Câu-hi-la trong A-Hàm 7* ghi: Tỳ kheo biết thiện, biết thiện căn, đó gọi là thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, nhập vào trong chính pháp. Ba món vô tham, vô sân, vô si là thể của thiện căn, gọi chung là Tam thiện căn. Còn Bát thiện căn (*Akúsala-mūla*) thì trái với thiện căn, 3 món tham, sân, si được gọi là Tam bất thiện căn hoặc gọi là Tam độc. Thiện pháp là căn bản để được thiện quả, nên cũng được gọi là *thiện căn*.

\* **Thiện Hiền (Tỳ kheo ni)**: Âm theo Phạn: *Sumagadhi*; Còn gọi: *Tam-ma-kiệt, Tu-ma-đê*; Hán dịch: *Thiện Hiền*; là con gái của trưởng giả Tu-Đạt ở thành Xá-Vệ, Ấn-Độ thời Đức Phật tại thế. Cô có nhan sắc xinh đẹp, được người đương thời khen ngợi. Cô và cha đều quy y Phật giáo, về sau cô lấy chồng là trưởng giả Mãn Tài trong thành Phước Tăng ở phía Đông. Người ở xứ ấy tín ngưỡng Lỗa hình ngoại đạo, hễ cô dâu nào lấy chồng đến xứ này thì phải cúng dường, lễ bái 6000 vị Lỗa hình ngoại đạo. Tu-ma-đê chẳng những cự tuyệt mà còn nhân cơ hội đó nói rộng

giáo nghĩa Phật giáo, khiến trưởng giả Mãn Tài phát tâm cúng dường Đức Thích Tôn và Tăng chúng. Ngay lúc đến thành này, vì muốn hóa độ người trong thành nên Đức Thích Tôn và các đệ tử hiện các thần biến, cuối cùng làm cho 6000 ngoại đạo ra khỏi thành ấy.

*Thiện Hiền* cũng là tên một vị Tỳ kheo, đệ tử cuối cùng của Phật. Âm theo Phạn: Tu-bạt-đà-la, Tô-bạt-đà-la (Subhadra). Ấy là một vị Phạm chí (thầy tu xuất gia đạo Bà-La-Môn) tuổi đến 120, ở gần thành Câu-Thi-Na, tu đắc pháp Ngũ Thông. Ông nghe tin Phật sắp vào cảnh Niết Bàn vô dư, bèn nhanh chân đến quy y thọ giới Cụ Túc. Ông liền đắc quả A-La-Hán và vào Niết Bàn trước Phật.

\* **Thiện Hữu:** còn gọi là **Thiện tri thức**. Từ đồng nghĩa là: *Thân hữu, Thắng hữu*.

Thiện hữu là người chính trực, có đức, cũng tức là người có khả năng dạy dỗ người khác theo chính đạo. *Theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ* ghi: Đức Thích-Ca Như-Lai gọi hành giả niệm Phật là hoa Phân-đà-lợi trong loài người, Bồ Tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí là Thắng hữu của người ấy.

\* **Thiện Kiến:** Còn gọi *Thiện Nghiệp, Thiện Cát, Thiện Hiện, Thiện Thật, Không Sinh*. Âm theo Phạn: **Tu-Bồ-Đề** (*Subhūti*), *Tu-phù-đề, Tu-phù-đế, Tâu-phù-đế-tu, Phù-đế, Tu-phong*.

*Thiện Kiến* là một vị A-la-hán, một trong 10 vị đại đệ tử của Đức Phật, con của 1 vị Bà-la-môn ở nước Xá-Vệ thuộc Ấn-Độ thời Đức Phật tại thế, trí huệ hơn người, nhưng tính tình lại hung dữ, sân hận nhiều, bị bạn bè chán ghét, nên bỏ nhà vào chốn núi rừng. Sơn thần dẫn Sư đến chỗ Phật, Phật giảng nói về lỗi lầm của sân khuể cho nghe, Ngài tự hối trách, ăn năn tội lỗi, sau chứng quả Tu-đà-hoàn, rồi chứng quả A-la-hán. Ngài là người hiểu rõ lý Không bậc nhất trong các đệ tử của Đức Phật nên được khen là “*Giải Không Đệ Nhất*”. Trong hội thuyết pháp của

Phật, Ngài thường là chúng đương cơ của Phật, thường thấy trong các kinh thuộc hệ Bát-Nhã.

\* **Thiện Nam Thiện Nữ** : Gọi đầy đủ: **Thiện nam tử** (Phạn : *Kula-putra*) **thiện nữ nhân** (Phạn : *Kula-duhitra, Kula-dhita*). Người nam, người nữ phát thiện tâm. Trong kinh điển thường dùng danh từ này để gọi chúng tại gia. “*Thiện*” là từ tôn xưng người tin Phật nghe pháp. Trong *kinh Thắng Man* cho rằng điều kiện để trở thành Thiện nam tử, Thiện nữ nhân là xa lìa ngã chấp, ngã ý, chí tâm qui mạng đức Phật. *A-Di-Đà Kinh Thông Tán* của ngài *Khuy Cơ* cho rằng Thiện nam tử, Thiện nữ nhân là *Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di* của tiếng Phạn, tức người nam, người nữ tại gia giữ Ngũ giới. Lại có thuyết khác, như *kinh Tạp A-Hàm 30* đối với Tỳ-kheo cũng gọi là Thiện nam tử. Trong *kinh điển Đại thừa*, đối với Bồ Tát gọi là “*Thiện nam tử*”, đối với Tỳ-kheo thì gọi Tỳ-kheo, nhưng có khi cũng gọi Tỳ-kheo là Thiện nam tử.

\* **Thiện Thệ**: Âm theo Phạn là *Tu-già-đà*, dịch là Thiện thệ. Còn gọi là Hảo khứ, là một trong 10 danh hiệu của Chư Phật. Danh hiệu thứ nhất của Chư Phật là Như Lai, thứ năm là Thiện Thệ. Như Lai có nghĩa là dựa vào đạo như thực mà khéo tới cõi Sa bà. Thiện thệ có nghĩa là như thực đi tới bờ bên kia mà không lưu chuyển trong bể sinh tử nữa. Hai danh hiệu này là để làm sánh tỏ cái đức lai vãng tự tại của Chư Phật.

\* **Thiện Tri Thức**: Từ đồng nghĩa. Xem **Thiện hữu** .

\* **Thiệt**: Từ chỉ chung cho **Thiệt căn, Thiệt thức và Thiệt tướng**. Đối lại với **Thiệt** là **Bất thiệt**.

1/. **Thiệt căn**: Âm theo Phạn: *Jihvendriya*; chỉ cái lưỡi, cơ quan dùng để nếm vị của thức ăn, dụng ngữ *Duy-Thức* gọi là thiệt căn, một

trong 5 căn, một trong 6 căn, một trong 12 xứ, một trong 18 giới, một trong 22 căn. *Thiệt căn* (Phạn: *Jihvā*) nguyên ý là ngọn lửa, nghĩa là nếm. Tức lúc tế thần bỏ vật cứng vào trong lửa, ngọn lửa chính là sự nếm của thần. Ở cõi Vô Sắc, Thiệt căn không thể thành tựu, chỉ có ở cõi Dục, cõi Sắc. Trong 12 xứ, thiệt căn gọi là *Thiệt xứ* (Phạn: *Jihvāyatana*); trong 18 giới thì gọi là *Thiệt giới* (Phạn: *Jihvā-dhātu*).

**2/. Thiệt thức:** Âm theo Phạn: *Jihvā-vijnānā*; chỉ cảm giác khi lưỡi nếm vị, một trong 5 thức, một trong 6 thức, một trong 8 thức. Thức này dựa vào thiệt căn làm cơ sở, lấy mùi vị làm sở duyên, sinh ra tác dụng nhận biết mùi vị nên gọi là *Thiệt thức*.

**3/. Thiệt tướng:** Theo Luận Đại Trí Độ 88 thì *Thiệt tướng* là tướng lưỡi rộng dài (Phạn: *Prabhūta-jihvatā*), tướng thứ 27 trong 32 tướng của Chư Phật và Chuyển Luân Thánh Vương. Lưỡi của Chư Phật và Chuyển Luân Thánh Vương dài rộng và mềm mại mỏng manh, le ra đến mí tóc, biểu trưng cho lời nói chân thật, biện thuyết vô cùng.

*Thiệt tướng* còn là *Tướng thuyết pháp*, chỉ cho trạng thái biện tài vô ngại lúc thuyết pháp.

\* **Thí Ba-La-Mật** : tức Bồ thí Ba-la-mật; Xem **Đàn Ba-la-mật**.

\* **Thí Chủ** : Từ đồng nghĩa . Xem **Đà-na-bà** .

\* **Thí Thực** : tức ban phát thức uống, thức ăn cho người khác. *Kinh Phật Vị Thủ Ca Trưởng Giả Thuyết Nghiệp Báo Sai Biệt* cho rằng bồ thí thức uống ăn được 10 công đức như sau: Được sống lâu, thân xinh đẹp, sức khỏe tốt, được an vui và biện tài vô ngại, không sợ hãi, không biếng nhác, được mọi người kính trọng và ưa thích, có phước báo lớn, chết được sinh lên cõi trời, mau chứng Niết bàn.

Các kinh luận khác như *Kinh Vị Tăng Hữu Nhân Duyên, thượng*; *Kinh Luật Di Tướng II* ... đều cho rằng thí thực được nhiều công đức. Trong *Chư Hội Hương Thanh Quy Thức 1*, ngoài thí nọ quả còn có các văn hồi hương như: *Vu-Lan-Bồn Kết Duyên Thí Thực*, *Vu-Lan-Bồn Vong*

*Giả Truy Tiến Thí Thực, Thí Thực, Thời Chính Thí Thực, Lâm Thời Thí Thực Lược Hồi Hương, Thí Thực Lược Hồi Hương, Thí Thực Lược Thông Hồi Hương ...*

Ngoài ra, Thí thực còn gọi là Xướng thực, tức xướng kệ chúc nguyện khi thụ thực trong Thiên Lâm.

\* **Thích Ca** : Phạn âm : *Sakya* . Hán dịch : *Năng Nhân* . *Thích Ca* là dòng họ của Đức Phật ; một trong các dòng họ ở Ấn Độ thời cổ, thuộc giai cấp võ sĩ, là con cháu của vua Cam Giá (Phạn: *Iksvaku*) thuộc hệ thống Nhật chủng (Phạn: *Suryaramsa*) trong chủng tộc Aryan . Đức Phật xuất thân từ dòng họ này, do đó mà gọi là Thích-Ca Mâu-Ni (Phạn: *Sakya-muni*, tức bậc Thánh dòng họ Thích-Ca) .

\* **Thích tử**: Còn gọi : *Thích chủng tử, Thích-Ca tử*. Đây là từ để gọi các vị đệ tử xuất gia của Đức Thích Tôn hoặc chỉ chung cho các tín đồ Phật giáo từ sau khi Đức Thích Tôn nhập diệt.

*Luận Tứ Phần 36 (Kiền-độ Già Thuyết giới thứ 9 trong Tiểu Phẩm Luật Tạng Pàli) (Đại 22, 824 hạ)* ghi: “Trong giáo pháp của ta, 4 chủng tính Sát-Lợi, Bà-la-môn, Tì-xá, Thủ-đà, những ai có lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, lìa bỏ tên cũ, thì đều được gọi là Sa-môn Thích Tử”. *Duy-ma Nghĩa Ký 2, phần cuối (Đại 38, 465 hạ)* của Ngài Huệ Viễn đời Tùy cũng ghi: “Người nữ hoặc cấu, nên gọi là phi pháp; Tì-kheo dứt ác, nên gọi là Sa-môn; từ Phật Thích Tôn giáo hóa mà sinh ra, nên gọi là Thích tử”.

\* **Thị hiện** : Phạn âm : *Pratiharya*. Thị hiện là hiển bày, biến hiện.

*Kinh Hoa Nghiêm 23 (bản cật dịch), Đại Thừa A-tì-đạt-ma Tạp Tập Luận 4* ghi: “Chư Phật, Bồ Tát vì giáo hóa chúng sinh mà biến hiện ra các thân hình, như 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của Đức Phật; 33 thân của Bồ Tát Quán Âm ...”. Ngoài ra, chữ Sắc của cõi Sắc, thông thường có nghĩa là vật chất, nhưng trong ngữ ý có bao hàm nghĩa biến ngại, thị hiện.

*Luận Câu-Xá 2 (Đại 29, 7 thượng)* ghi: “Trong 18 cõi, cõi Sắc có thấy, vì có thể thị hiện kia đây sai khác”. Các kinh có ghi chép rất nhiều về danh tướng của sự thị hiện và giải thích rõ về từ ngữ này, như tam thị hiện trong kinh *Thương-ca-la* thuộc Trung A-Hàm 35 là: *Như ý túc thị*



hiện, *Chiêm niệm thị hiện* và *Giáo huấn thị hiện*. Còn *Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm Chương 6*, phần cuối gọi 3 thứ thị hiện này là : *Thân biến luân, Ký tâm luân* và *Giáo giới luân*.

Ba thứ thị hiện này là đức dụng của 3 nghiệp thân, khẩu, ý của Như Lai; Trong đó *Tha Tâm Luân* là ý nghiệp của Như Lai, *Thân Thông Luân* là thân nghiệp của Như Lai, *Thuyết Pháp Luân* là khẩu nghiệp của Như Lai, nhờ đó mà khiến cho chúng sinh thoát khỏi phiền não ác nghiệp, hướng về chính đạo.

\* **Thị Tịch**: (thuật ngữ). Tịch là viên tịch, còn gọi là tịch diệt. Đó là từ dịch nghĩa của Niết Bàn. Thị tịch có nghĩa là Thị hiện Niết Bàn. Chỉ Phật, Bồ Tát và Cao tăng chết.

\* **Thoại tượng** : Hình tượng biểu hiện mang tính công án được hình thành của các bậc tông tượng, chỉ cho nhân duyên và cổ tặc công án ngộ đạo của người xưa.

\* **Thọ**: Còn gọi là **Thọ mạng**; Âm theo Phạn là: *Āyus*; Từ đồng nghĩa là: **Mạng** (Phạn: *Jīvita*), **Mạng căn**;

Thọ hay Thọ mạng là thời gian kéo dài liên tục do những hành vi (nghiệp lực) đã tạo tác trước kia mà sinh ở cõi này cho đến khi chết, có tác dụng chấp trì Noãn (hơi ấm của thân) và Thức (tâm thức) của thân thể con người.

*Tông Câu-Xá* và *tông Duy-Thức* cho rằng *Mạng căn* là một trong các pháp Bất tương ưng hành. Như thế thì Thọ chấp trì noãn, thức; Noãn, thức lại chấp trì Thọ, 2 thứ có quan hệ tương y, nhưng khi sắp chết thì 3 món Thọ, Noãn, Thức cuối cùng cũng rời nhục thân.

Về sự đồng, dị giữa “Thọ” và “Mạng” các luận đều nói khác nhau, *Luận Đại Tì-bà-sa 126* nêu tất cả 14 thuyết, *Luận Câu-Xá 3* chỉ lấy 3 thuyết chủ yếu trong đó.

\* **Thọ giả**: là từ đối của **Tác giả**.

Thọ giả là nghĩa nói về người chịu, người nhận. Trong việc tác *Nghiệp* và thọ *Báo*, kẻ làm gọi là Tác giả; người chịu gọi là Thọ giả. Trong việc bố thí, cúng dường, kẻ cho gọi là Thí giả hay Tác giả, người nhận gọi là Thọ giả. Nếu muốn tu vô lậu Đạo, muốn đắc Thánh đạo, thì phải quán tưởng lẽ *Không*: không có Tác giả, cũng không có Thọ giả (không có người cho cũng không có người nhận). Như vậy mới dứt Hữu lậu nghiệp, dứt luân hồi.

\* **Thọ giới** : Ban Tăng già tiếp truyền giới luật cho đệ tử. Thọ giới tại gia là truyền Tam quy ngũ giới, Bát giới. Thọ giới xuất gia là thọ Sa-di giới, Tỳ kheo giới về đàn ông ; Sa-di ni giới, Tỳ kheo ni giới về đàn bà. Ngoài ra, có sự thọ truyền Bồ Tát giới mà những bậc tâm tánh vững mạnh, từ bi đều được thọ lãnh, chẳng phân biệt hàng tại gia hay xuất gia.

Đã thọ lãnh giới thể thì phải ăn ở, giữ gìn cho nghiêm trang theo giới hạnh. Như vậy mới được công đức, giải thoát khỏi các nạn khổ.

Trong 3 sự tu học: Giới, Định, Huệ; bậc thọ giới phải trì Giới mới sanh Định, có Định mới phát Huệ. Ba sự tu học ấy đều có liên quan với nhau, mà sự thọ giới và trì giới là đứng đầu vậy.

\* **Thọ Trai** : Còn gọi: **Thụ trai, Thụ thỉnh, Phó thỉnh**. Tức Chư Tăng nhận lời thỉnh cầu của thí chủ mà thụ lãnh vật cúng dường của họ.

*Thiên Phó Thỉnh Thiết Tắc, Tứ Phần Luật San Phần Bồ Khuyết Hành Sự Sao*, hạ có ghi quy tắc Phó thỉnh và đưa ra 10 pháp: Pháp thụ thỉnh, Pháp đi đến nơi thỉnh, Pháp đến nhà người thỉnh, Pháp xếp khách vào chỗ ngồi, Pháp quán tịnh thực, Pháp ăn xong thu dọn, Pháp nhận của cúng dường, Pháp rời khỏi nhà người thỉnh. Trong đó, *Pháp thụ thỉnh* chia làm 2: *Biệt thỉnh* (thỉnh riêng 1 vị nào), và *Tăng thứ thỉnh* ( thỉnh Chúng Tăng cùng đến).

\* **Thọ trì** : Nhận lãnh và giữ lấy. Thọ là lãnh thọ (nhận lãnh), bởi có sức Tin. Trì là ức trì (nhớ mà giữ lấy), bởi có sức Niệm.

Thọ trì là một hạnh tu trong năm hạnh tu đối với kinh điển; là một hạng pháp sư trong năm hạng Pháp sư. Như trong *Pháp Hoa Kinh* có biên năm hạng Pháp sư: 1. *Thọ trì Pháp sư*, 2. *Đọc Pháp sư*, 3. *Tụng Pháp sư*, 4. *Giải thuyết Pháp sư*, 5. *Thơ tả Pháp sư* (bực Pháp sư chép kinh, dịch kinh và in thành quyển). Thọ trì là nhờ ở sự nghe. Như nghe Phật thuyết Pháp, nghe Thầy giảng kinh, bèn đem lòng tin mà thọ lấy; rồi niệm nhớ chẳng quên, cứ theo đó mà suy nghĩ, tu hành. Như Thọ trì Tam qui, Thọ trì Kinh Pháp, Thọ trì danh hiệu Phật. Thọ trì cũng kêu tắt là Trì. Đức Phật Thích-Ca có giảng rằng: Nếu ai thọ trì danh hiệu một đức Phật, thì ngay lúc ở đời, được mười thứ công đức.

\* **Thối chuyển** : Cũng gọi: **Thối Tâm**. Phạn âm : *Vaivarti*. Hán âm: *Tỳ-bạt-trí*. *Thối chuyển* là trở lui, quay trở lại, bỏ dở mục đích tu chứng của mình, làm cho chuyển biến địa vị của mình. Đối lại: **Bất thối chuyển** (Phạn âm: *Avaivarti*, Hán âm : *A-tỳ-bạt-trí*, *A-bệ-bạt-trí*).

Như có hai hạng Bồ Tát : Một là *thối chuyển*. Hai là *Bất thối chuyển*. *Thối chuyển* Bồ Tát là hạng Bồ Tát đã phát tâm tu hành quyết thành Phật, nhưng bị những nhân duyên làm trở ngại, bèn chán ngán mà bỏ dở, quay trở lại trong đường danh nẻo lợi, trong vòng ái dục, trong cam bẫy luân hồi.

\* **Thuần Đà**: Cũng phiên là *Chuẩn Đà*, *Chu-Na*, có nghĩa là *Diệu Nghĩa*, là con của vị thợ rèn ở thành Câu-Thi-La, đức Phật đã nhận sự cúng dường sau cùng ở ông này.

\* **Thuyết giới** : Giảng giải giới luật cho người thọ giới nghe. Có 2 nghĩa: Một là chỉ việc giải thích giới pháp hoặc là vào ngày bố-tát, khi có vị Tỳ kheo nào phạm giới thì phải ra trước chúng sám hối, cũng gọi là *Thuyết*

giới. Hai là tác pháp tụng giới trong ngày bố-tát gọi là *Thuyết giới*. Trong 20 điều-độ của *luật Tứ Phần* có lập điều-độ *Thuyết Giới*.

\* **Thuyết pháp** : Phạn âm : *Dharma-désanā*. Từ đồng nghĩa: *Thuyết giáo, Thuyết kinh, Diễn thuyết, Pháp thí, Pháp độ, Pháp đàm, Đàm nghĩa, Tán thán, Khuyển hóa, Xướng đạo*.

*Thuyết pháp* là giảng nói Phật pháp để hóa đạo, làm lợi ích chúng sinh. Sự *thuyết pháp của Phật* là ứng theo năng lực, căn cơ của chúng sinh, ban cho mỗi chúng sinh giáo pháp thích ứng với họ, để đạt được hiệu quả trọn vẹn.

Trong một hội *thuyết pháp*, Phật giảng nói giáo pháp bằng một âm thanh, người nghe tùy theo căn cơ mà hiểu sâu, cạn khác nhau. Theo *kinh Tư Ích Phạm Thiên Sở Vấn 2* thì nhờ có ngũ lực mà Phật có 5 trường hợp *thuyết pháp* như sau :

1. *Ngôn thuyết*. Phật dùng lời nói khéo hợp với chân lý để giảng nói các pháp 3 đời, pháp thế gian và xuất thế gian , pháp hữu tội vô tội, pháp hữu lậu vô lậu.

2. *Tùy nghi*. Tùy theo năng lực, tính chất của chúng sinh mà giảng nói các giáo pháp thiên, viên, đốn, tiệm.

3. *Phương tiện*. Tức phương tiện khéo léo, nói bố thí sẽ được phước lớn, trì giới sẽ được sinh lên cõi trời, khiến cho chúng sinh tu hành, được thoát ra biển khổ.

4. *Pháp môn*. Giảng nói các pháp thù thắng, hiển bày đạo Bồ-đề.

5. *Đại bi*. Dùng tâm đại bi dẫn dắt để cứu độ chúng sinh, nói “Hữu” để phá chấp “Vô”, nói *từ bi* để phá chấp *sân khuê*.

Có 5 hạng người giảng nói kinh luận, gọi là *Ngũ thuyết* hoặc *Ngũ chủng thuyết nhân*. Theo *Luận Đại Trí Độ 2*, *Ngũ chủng thuyết nhân* là Phật, đệ tử Phật, tiên nhân, chư thiên và hóa nhân (Phật, Bồ Tát hoặc A-la-hán ẩn đi bản tướng của mình, thị hiện các loại hình để thuyết pháp).

*Thuyết pháp* thuộc về *pháp thí*, là hành vi bố thí mà người xuất gia nên thực hành. Theo *Phẩm Pháp Sư* trong *kinh Pháp Hoa 4* thì người *thuyết pháp* nên vào nhà Như Lai (nghĩa là *tâm đại từ đại bi*), mặc áo Như Lai (nghĩa là lòng nhu hòa nhẫn nhục) và ngồi tòa Như Lai (nghĩa là các pháp Không).

\* **Thù Thắng** : Siêu tuyệt và hi hữu. Như chúng ta thường thường khen ngợi nhân duyên thù thắng của tịnh độ Cực Lạc, vì Phật A-di-đà phát 48 đại nguyện độ khắp chúng sinh nên hẳn có một thiện giả nào nhất niệm thì đều được vãng sinh Tịnh độ, hóa sinh trong hoa sen, thật là việc hi hữu.

\* **Thủ Đà** : Gọi đầy đủ : **Thủ-đà-la** . Phạn âm : *Sūdra* . Còn gọi : *Thủ-đạt-la* .

*Thủ đà* là giai cấp nô lệ có địa vị thấp nhất trong 4 giai cấp ở xã hội Ấn Độ . Họ làm những việc rất thấp hèn như khiêng xác chết, hốt phân, nuôi heo gà, đi săn bắn, làm đồ tể, bán rượu, đi lính ... Là người địa phương bị người Aryan chinh phục, lại có truyền thống bị giai cấp Bà-la-môn giáo áp bức khinh khi là thứ người hèn mọn không có đời sau nên gọi là *Nhất sinh tộc* . Đối với vấn đề này, Đức Thích Tôn chủ trương *Tứ tính bình đẳng*, cho phép giai cấp *Thủ-đà-la* xuất gia .

\* **Thủ-Lăng-Nghiêm kinh** : Phạn âm : *Sūramgama-mahā-sūtra* . Còn gọi : *Cựu Thủ Lăng Nghiêm kinh* . Gọi đầy đủ : *Thủ-Lăng-Nghiêm Tam Muội kinh*

Kinh, 2 quyển, do ngài *Cưu-ma-la-thập* dịch vào đời Hậu Tần, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính Tạng, tập 15 . Bản dịch khác là *Đại Phật Đảnh Thủ-Lăng-Nghiêm Kinh* (10 quyển, do ngài *Bát-thích-mật-đế* dịch, được xếp vào Đại Chính Tạng, tập 19). Nội dung kinh này nói về việc Bồ Tát Kiên Ý hỏi có thể mau chứng được Bồ-đề tam-muội chăng, Phật liền giảng cho nghe pháp *Thủ-Lăng-Nghiêm Tam-muội* (Dũng Phục định). Sau đó, ngài Xá-lợi-phất thưa hỏi Phật là tam-muội có xa lìa được ma cảnh hay không, Phật bèn phóng ánh sáng, hiện bày tất cả ma cảnh và dùng *Thủ-Lăng-Nghiêm tam-muội* để hàng phục. Trước kia có các bản dịch của ngài Chi-lâu-ca-sấm, Chi-khiêm, Bạch Diên, Trúc Pháp Hộ, Trúc Thúc Lan, Chi Thi Luân, nay đều thất truyền. Ngài Chi-Mẫn-Độ từng y cứ vào các bản biệt dịch nói trên, dựng tập 3 bản của ngài Chi-Khiêm, Trúc Pháp Hộ, Trúc Thúc Lan mà soạn thành *Hợp Thủ-Lăng-Nghiêm Kinh*, 8 quyển. Vào thời Lục Triều, kinh này rất được xem trọng, như *Pháp Hiển Truyện* (đại 51, 863 thượng) ghi : “Xưa, Phật ở tại đây giảng nói *Thủ-lăng-nghiêm*, ngài Pháp Hiển sinh ra đời không gặp Phật,

chỉ thấy xứ sở di tích mà thôi, liền ở trước hang đá tụng *Thủ-lãng-nghiêm*, rồi nghỉ lại một đêm”. Kinh này từ xưa đã thịnh hành ở Ấn-Độ, thời gian gần đây các nhà khảo cổ có tìm được các mảnh rời bằng tiếng Phạn của kinh này .

\* **Thủy Đại** : Phạn âm : *Ab-dhātu* . *Thủy đại* tức Nước, 1 trong 4 yếu tố cấu tạo thành tất cả sắc pháp. Tính của *thủy đại* là ướt, vì bị vật thu nhiếp nên gọi là Thủy ; Thể của *Thủy đại* rộng lớn, trùm khắp tất cả sắc pháp nên gọi là Đại .

\* **Thường**: Hằng, lâu dài; bình thường, tầm thường; lúc thường; đức hạnh mà người ta phải thường làm, chẳng đặng bỏ, như Ngũ thường trong Nho giáo: *Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín*.

Trong đạo Phật: *Thường, Thường trụ, Thường hằng* là một đức trong Tứ đức Ba-La-Mật: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Thường trái với: Vô thường, Đoạn. Thường nghĩa là: Pháp thân của Như Lai.

Như nói: Phật tánh vốn không sanh, không diệt, không đi tới đâu, không từ đâu mà tới, không quá khứ, không hiện tại, không vị lai, không do nhân duyên mà sinh ra, cho nên gọi là *Thường*. Còn các pháp hữu vi đều do nhân duyên hòa hợp mà sanh ra, có sanh, có diệt, cho nên gọi là *Vô thường*.

*Kinh Niết Bàn*: Vô thường mà kể là thường, thường mà kể là vô thường, đó là phép điên đảo. Thiệt Nam tử : Trong tất cả các Pháp, duy trừ Phật tánh và Niết Bàn, không có một pháp nào là *Thường*.

\* **Thường Kiến** : Âm theo Phạn: *Nityadrsti* hoặc *Sāsvatadrsti*. Còn gọi: *Thường tà kiến, Thường luận*. Đối lại: *Đoạn kiến*.

Kiến chấp chủ trương thế giới là thường trụ bất biến, tự ngã của con người là bất diệt, tự ngã này sau khi chết cũng không tiêu diệt, lại có khả năng tái sinh và tái diễn lại hiện trạng tương tục, tức nói ngã là thường trụ. *Đại Huệ Thư (Đại 47, 923 trung)* ghi: “Thường kiến, không ngộ nhất thiết pháp Không, chấp trước các pháp hữu vi thế gian cho là cứu cánh”. Ngoại đạo chủ trương Thường kiến này gọi là Thường kiến ngoại đạo.

Đức Thích Tôn chẳng những không thiên về Thường kiến (hữu kiến) mà cũng không thiên về Đoạn kiến (vô kiến). Còn như thuyết linh

hồn bất diệt thì thuộc một trong những trường hợp chấp Thường kiến; Hư vô chủ nghĩa thì thuộc một trong những trường hợp chấp Đoạn kiến (vô kiến). Đức Thích Tôn chủ trương xa lìa 2 bên Hữu, Vô và thực hành Trung đạo. Đoạn kiến, Thường kiến chẳng phải Trung đạo, đều là Biên kiến, là ác kiến thứ 2 trong 5 thứ ác kiến.

\* **Thường Lạc Ngã Tịnh** : gồm 2 phạm trù.

1/. *Thường Lạc Ngã Tịnh* còn gọi là *Niết-bàn tứ đức*, là bốn đức của Niết-bàn Đại thừa và pháp thân Như Lai. Sự giác ngộ của cảnh giới Niết-bàn là sự giác ngộ vĩnh viễn bất biến, được gọi là **Thường**; cảnh giới này không có khổ, chỉ có an vui, gọi là **Lạc**; tự do tự tại, không mảy may bị trói buộc, gọi là **Ngã**; không có phiền não nhiễm ô, gọi là **Tịnh**.

2/. Bốn kiến giải sai lầm do phàm phu không rõ biết chân tướng của chính mình và thế giới vốn là *vô thường, khổ, không, vô ngã* mà sinh ra. **Thường**, cho rằng con người sẽ tồn tại vĩnh viễn; **Lạc**, cho rằng cuộc sống con người là khoái lạc; **Ngã**, cho là cái “Ngã” có chủ thể tự do, tự chủ, có thể nắm bắt; **Tịnh**, cho rằng thân, tâm là thanh tịnh. Đây cũng tức là *Tứ điên đảo*. Cho nên Phật giáo thời kỳ đầu ở Ấn-Độ dạy tu tập **Tứ Niệm Xứ**: *Quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường và quán pháp vô ngã* để đối trị kiến chấp điên đảo này.

\* **Thường Trụ** : Phạm âm : *Nitya-sthita*. Gọi tắt : *Thường*. Đối lại: *Vô thường*. Kéo dài suốt 3 đời quá khứ, hiện tại, vị lai, tồn tại thường hằng, không bao giờ sinh diệt biến đổi. *Chương Tự Tính Thanh Tịnh* trong *kinh Thắng Man*, *kinh Niết-Bàn* đều nói *Pháp thân* Như Lai thường trụ bất biến. *Phẩm Bồ-đề* trong *Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận 3* thì nói chẳng những *Pháp thân* Như Lai mà *Báo thân* và *Ứng thân* cũng thường trụ bất biến, cho rằng *Pháp thân* là Bản tính thường (vĩnh viễn bất biến về mặt bản chất), *Báo thân* là Vô gián thường (thụ vui không dứt) và *Ứng thân* là Tương tục thường (vì giáo hóa chúng sinh mà biến hiện, sinh diệt nối nhau vô hạn). *Phẩm Vô Biến Di* trong *Luận Phật Tính 4* lại y cứ vào tam thân thường trụ mà chủ trương 10 loại nhân duyên, cho rằng 3 thân này thường sinh khởi những việc lợi ích cho thế gian cho nên nói *thường trụ*; đó là y cứ vào 10 loại nhân duyên.

\* **Thượng Căn** : Căn khí thượng đẳng, tức là người có các căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân rất bén nhạy hoặc người có năng lực tu hành Phật đạo một cách tốt đẹp đặc biệt. Thượng căn còn chỉ người tu đạo có 5 căn: Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ bén nhạy.

\* **Thượng Nhân** : Phạn : *Purusarsabha*. *Thượng nhân* là từ ngữ tôn xưng bậc cao tăng có trí đức hoàn toàn, xứng đáng làm thầy của chúng tăng và mọi người.

Theo *Thích Thị Yếu Lãm*, *thượng*, bên trong có trí đức, bên ngoài có hạnh thù thắng, là bậc *Thượng nhân* ở trong đại chúng. Theo *phẩm Kiên Cố* trong *kinh Đại Phẩm Bát-Nhã 17*, nếu vị đại Bồ tát nhất tâm thực hành được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, giữ tâm không tán loạn, gọi là *Thượng nhân*.

\* **Thượng Thủ**: Âm theo Phạn: *Pramukha*. Bao hàm các nghĩa sau:

Thượng thủ là người ở địa vị cao nhất trong đại chúng. Lúc Phật còn tại thế đã có tên gọi này, từ ngữ “Thượng thủ” thấy rải rác trong các kinh điển Hán dịch. Về sau, trong thiền lâm thỉnh thoảng dùng “Thủ tọa” thay cho Thượng thủ, nhưng ý tôn trọng vẫn không thay đổi.

Thượng thủ là pháp môn tối thượng trong các pháp môn. Như *Kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà-la-ni 2* gọi 15 loại tam-muội như “*Yêm li Nhất Thiết Pháp Tam Muội*” là Tam-muội thượng thủ trong tất cả Tam-muội và gọi 53 Đà-la-ni môn như “*Quán Chư Pháp Tính Đa-la-ni Môn, Phát Bồ Đề Tâm Đà-la-ni Môn*” là các Đà-la-ni môn thượng thủ trong tất cả Đà-la-ni môn. Kinh Đại Bát Niết Bàn là thượng thủ đối với các kinh của hàng Thanh văn.

Thượng thủ còn là từ dùng để chỉ Ngài Ưu-Ba-Ly (Phạn: *Upali*, Hán dịch: *Hóa sinh, Thượng thủ*); đệ tử Phật. Vì Ngài giữ luật bậc nhất, là kỷ cương cho đại chúng nên gọi là Thượng thủ. Sau khi Như Lai nhập diệt, Ngài cùng 500 vị Thánh tăng kết tập Tạng Luật trong hang Tất-Bát-La.

\* **Thức** : Âm theo Phạn là *Vijnāna*. Phiên âm Hán-Việt là: *Tì-xà-na, Tì-nhã-nam*. Thức là sự nhận biết, phân biệt. *Vijnāna* là từ ngữ được hợp thành bởi Vi (phân tích, chia cắt) và jñāna (trí), là tác dụng phân tích, phân loại đối tượng và sau đó là nhận biết. Tuy đến đời sau, 3 danh từ



Tâm (Citta), Ý (Mano) và Thức được sử dụng khác nhau, nhưng ở thời kỳ đầu chúng được sử dụng lẫn lộn. Theo sự giải thích của tông Duy Thức thì khả năng nhận biết, phân biệt rõ ngoại cảnh là do sự có mặt của tác dụng Thức đối với ngoại cảnh, cho nên Thức trong trạng thái này là Biểu thức, Ký thức (Vijnāpti; Tì-nhã-đế).

Phật giáo Đại thừa, Tiểu thừa đều có lập thuyết 6 thức theo thứ lớp lấy 6 căn: *Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý* làm sở y; đối với 6 cảnh: *Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp* sinh ra tác dụng phân biệt *thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết*; đó chính là 6 thứ tâm thức: *Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức*, thành ra thuyết 6 thức.

Ngoài 6 thức trên, tông Duy thức còn nêu thêm 2 thức là: *Thức Mạt-Na* và *thức A-Lại-Da* (tức thức A-lê-da), thành lập thuyết 8 thức.

\* **Thức Thân** : đảo từ . *Xem Thân Thức* .

\* **Thừa**: Âm theo Phạn là *Yāna*. Hán dịch là *Diễn-na*. Thừa là phương tiện chuyên chở, dụ cho giáo pháp của Đức Phật có khả năng chuyên chở chúng sinh đến bờ giải thoát. Thừa có Đại thừa, Tiểu thừa, Nhất thừa, Nhị thừa, Tam thừa, Ngũ thừa, Giáo pháp chân thật gọi là Chính thừa, giáo pháp phương tiện được giả lập để dắt dẫn chúng sanh đến giáo pháp chân thật gọi là Phương tiện thừa, giáo pháp làm cho chuyển Phương tiện thừa thành tu chính nghiệp gọi là Cứu tế thừa.

\* **Thừa pháp** : Chỉ Giáo pháp Đại thừa (*Phẩm Trường Thọ, thứ tư, kinh Đại bát Niết bàn*).

\* **Tiểu Thừa**: Phạn âm : *Hina-yana*. Cầu quả Phật là Đại thừa, cầu quả A-la-hán, quả Bích-Chi Phật là Tiểu thừa. Quả Phật chỉ sự chứng đắc khai ngộ Nhất Thiết chủng trí, giáo hóa làm lợi ích cho chúng sinh cho đến hết thời vị lai. Quả A-la-hán và quả Bích-Chi Phật tuy mức độ nông sâu có khác nhau, nhưng đều là sự chứng ngộ khô thân diệt trí qui về không tịch Niết Bàn. Thừa có nghĩa là vận tải chuyên chở giáo pháp, khiến người ta nhờ đó mà tới được bờ giác ngộ.

Tiểu thừa dùng **Tứ đế** làm giáo thể để tới quả A-la-hán, dùng **12 nhân duyên** làm giáo thể để tới quả Bích-Chi Phật. Như vậy, Tiểu thừa

có 2 đường, nên cũng gọi là Nhị thừa. Nhị thừa là những điều được thuyết minh ở 3 tạng **Kinh-Luật-Luận** trong vòng 12 năm sau khi đức Phật thành đạo, nên *Thiên Thai* gọi đó là *Tam tạng giáo*.

Sau khi Phật diệt độ, Tiểu thừa ở Ấn-Độ chia ra làm 20 lưu phái Tổng và Biệt. Sau khi truyền sang Trung Quốc mới lập ra 3 tông gọi là *Câu-Xá tông*, *Thành Thật tông* và *Luật tông*. Đó tức là Tiểu thừa và là pháp mà đức Phật tùy theo tha ý mà thuyết giảng để tạm thời điều phục hạng căn tánh thấp kém.

\* **Tinh Tấn:** Âm theo Phạn: *Virya*, Hán âm: *Tỳ-lê-da*, *Tỳ-li-da*. Đối nghĩa là *giải đãi*. Tinh tấn là dũng mãnh và bền chí mà tu tập các thiện pháp, trong tâm lo đoạn tuyệt những mối ác trược.

*Tinh tấn*, *Tinh tấn Ba-la-mật* (Phạn: *Tỳ-ly-da Ba-la-mật*, *Virya paramita*) là nền hạnh thứ tư trong Lục độ đại thừa để thành Phật.

*Chánh tinh tấn* (*Sammā Vàyàma*) là nẻo thứ sáu trong Bát Chánh đạo thuộc về Đạo đế (Đạo đế là đế thứ tư trong Tứ diệu đế).

Nhà đạo Tinh tấn thi hành Tứ diệu đế thì phải:

1. Tinh tấn mà lánh phiền não, tội lỗi, việc dữ khi chưa phát khởi.
  2. Tinh tấn mà lướt khỏi phiền não, tội lỗi, việc dữ khi đã phát khởi, đã lỡ phạm.
  3. Tinh tấn mà mở thông đức lành, việc lành mà mình chưa có.
  4. Tinh tấn mà duy trì, tăng trưởng đức lành, việc lành mà mình hiện có.
- Bốn hạnh ấy gọi là Tứ tinh tấn, Tứ chánh cần, Tứ ý đoạn, Tứ chánh đoạn, Tứ chánh thắng.

\* **Tín Ngưỡng** : Còn gọi: *Ngưỡng tín*. Tín ngưỡng tức Tín tâm kính ngưỡng. Tiếng Phạn tương đương với từ ngữ Tín ngưỡng là các từ *Sraddha* (Hán dịch: Tín tâm), *Prasada* (Chánh tín), *Adhimukti* (Tịnh tín), *Bhakti* (Tín giải). Nghĩa là kính tín, ngưỡng vọng Tam bảo Phật, Pháp, Tăng. Bước đầu tu hành Phật đạo cần phải lập Tín tâm vững chắc, không dao động, tiến tới cầu trí huệ để đạt đến cảnh giới khai ngộ.

\* **Tín Nữ** : Từ đồng nghĩa . Xem **Ưu-bà-tác**, **Ưu-bà-di** .

\* **Tín Tâm**: là Tâm tin nhận, không mảy may nghi ngờ, tức là Tâm thanh tịnh xa lìa sự hoài nghi. *Kinh Tap A-Hàm 26 (Đại 2, 188 thượng)* ghi: “Thế nào là Tín lực ? Nghĩa là đối với Như Lai sinh khởi tín tâm, sâu xa vững chắc”.

Tín tâm là bước đầu vào đạo, cho nên đặt ở đầu 5 căn “*Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ*”. *Kinh Hoa-Nghiêm 11* (loại 60 quyển), *Luận Đại Trí Độ 1* đều dụ Tín tâm là tay, cho rằng người đã hiểu biết Phật pháp mà không có tín tâm cũng giống như người không có tay, lên núi báu mà không lấy được một vật gì.

Tín tâm nói trong *Kinh Đại Bát Niết Bàn, Luận Đại Thừa Khởi Tín*: tức là tâm tin Tam bảo Phật, Pháp, Tăng và lý nhân quả. Nhưng pháp môn *Tịnh-Độ* thì đặc biệt nhấn mạnh tâm tin vào nguyện lực Phật A-Di-Đà, như *Vãng sanh Luận Chú, hạ* (Đàm Loan soạn) cho rằng xưng danh nhớ nghĩ mà không thỏa mãn sở nguyện là do 3 bất tương ứng (Đại 40, 835 trung): “*Một là Tín tâm không thuần, lúc còn lúc mất. Hai là tín tâm bất nhất, không quyết định. Ba là tín tâm không tương tục, vì có niệm khác xen lẫn*”.

\* **Tính** (hay **Tánh**) : Phạn âm : *Prakrti*. Đối lại: *Tướng, Tu*.

*Tính* tức tính chất vốn có xưa nay hoặc chỉ cho *thực thể* (*tự tính*) của các pháp, *tự thể* (*đối với tướng trạng*) của sự vật hoặc là *chủng tính* của chúng sinh. Từ này hàm nghĩa bất biến, tức là một bản chất, cho dù bị ảnh hưởng của thế giới bên ngoài vẫn không thay đổi.

*Tông Duy Thức* cho rằng *Tính* có chân vọng, chân tục khác nhau ; trong 3 tính do tông này lập là *Biến kế sở chấp tính, Y tha khởi tính* và *Viên thành thật tính*, thì *Viên thành thật tính* là *Thật tính* của *Duy Thức*. Ngoài ra, nói về *chủng tính* thì có 5 chủng tính : *Phật tính, Như Lai tính* ... nói theo bản chất của pháp thì có *Pháp tính, Lý tính* ... Tính chân thật gọi là *Thật tính*, công đức của thật tính gọi là *Tính đức* ; cái mà xưa nay sẵn có đủ gọi là *Tính cụ*, thể ấy tức duyên khởi gọi là *Tính khởi*.

\* **Tịch** : từ đồng nghĩa . *Xem Diệt, Tịch diệt* .

\* **Tịch Diệt**: Âm theo Phạn là *Vyupásama*; gọi tắt là *Diệt*. Tịch diệt là vượt thoát sinh tử, tiến vào cảnh giới vắng lặng vô vi. *Kinh Tăng Nhất A-*

Hàm 23 (Đại 2, 672 trung) ghi: “Các hành đều vô thường, có sinh phải có diệt; không sinh thì không diệt, Diệt này là an lạc nhất”.

✳ **Tịch Tĩnh** : (hay *Tịch tĩnh*) . Có 2 nghĩa :

**I/**. Là trạng thái bình đẳng an tĩnh khi tâm trụ vào một cảnh. Xa lìa tinh thần dao động do bản năng sinh khởi gọi là *Tịch*; đoạn trừ nguyên nhân của những cảm giác đau khổ, hiển bày trạng thái vắng lặng gọi là *Tĩnh*.

**II/**. Là sự tịch diệt vô tướng của Niết Bàn ; vì cảnh giới Niết Bàn xa lìa các khổ, vắng lặng thường trụ, vô sinh vô diệt.

*Luận Du-Già Sư Địa 50* nêu 4 thứ *Tịch tĩnh* của cõi *Hữu dư y* và *Vô dư y* :

**1/**. *Cõi Hữu dư y*, có :

**a.** *Khổ tịch tĩnh*: Dứt hẳn các lậu và đoạn trừ các khổ hậu hữu, khiến pháp đương lai chẳng sinh.

**b.** *Phiền não tịch tĩnh*: Đoạn trừ tất cả phiền não, khiến pháp rốt ráo chẳng sinh.

**c.** *Bất tổn não hữu tình tịch tĩnh*: Đoạn hẳn phiền não, không tạo các điều ác, tu tập các điều thiện.

**d.** *Xả tịch tĩnh*: Thường an trụ trong tính “Xả” và trong chính niệm chính tri, không vui không buồn.

**2/**. *Cõi Vô dư y*, có :

**a.** *Số giáo tịch tĩnh* : Không còn số lượng và ngôn giáo.

**b.** *Nhất thiết y tịch tĩnh*: Xa lìa 8 y (từ Thi thiết y cho đến Hậu biên y).

**c.** *Y y khổ tịch tĩnh*: Nướng vào 8 y nói trên mà diệt trừ hẳn các khổ cho chúng sinh.

**d.** *Y y khổ sinh nghi lự tịch tĩnh*: Nướng vào 8 y nói trên mà chẳng khởi các nghi về khổ.

✳ **Tịch**: Sự trong sạch hoàn toàn, dẫu ở trong đời ô trược cũng chẳng nhiễm. Tức là nền chánh pháp của chư Phật và chư Bồ tát. Đối nghĩa với *Tĩnh* là *Bất tịch*.

✳ **Tịch mạng** : Có 2 nghĩa :

**I/**. Tỳ kheo không sống theo 4 cách sống tà mạng mà sống một cách thanh tịnh, tức *Chánh mạng* trong Bát chính đạo.

*Phẩm Bồ tát, kinh Duy-ma-cật* ghi : Chân chính thực hành thiện pháp bắt đầu từ *Tịnh mạng* . Còn theo *Đại Ti-lô-giá-na Kinh Cúng Dường Thứ Đệ Pháp Số, thượng* thì *Tịnh mạng* là hạnh *thiểu dục tri túc*.

**III. Tịnh mạng** còn gọi là *Cụ thọ, Trưởng lão*. Phạn âm : *Āyusmat* . Từ để chỉ các vị Cao tăng Đại đức. Nghĩa là người có đủ huệ mạng xuất thế và trường mạng thế gian.

\* **Tịnh nhục** : Loại thịt mà Tỳ kheo được phép ăn, không phạm giới. Có 3 trường hợp:

1. *Kiến* : Loại thịt không thấy vì ta mà giết.
2. *Văn* : Loại thịt nghe từ người đáng tin nói chẳng phải vì ta mà giết.
3. *Nghi* : Loại thịt không nghi ngờ vì ta mà giết.

Loại thịt thuộc 3 trường hợp *kiến, văn, nghi* trên mới là *Tịnh nhục*, trái lại là *Bất tịnh nhục*. Ngoài 3 thứ *tịnh nhục* trên, nếu kể thêm thịt chim thú thọ mạng hết mà tự nhiên chết (*tự chết*) và thịt do thú dữ, chim dữ ... ăn còn dư (*điều tàn*) thì thành *Ngũ tịnh nhục*. *Ngũ tịnh nhục* nếu thêm 4 thứ : Thịt không phải vì mình mà giết, thịt loài vật tự nhiên chết trải qua lâu ngày tự khô, thịt không do hẹn trước, ngẫu nhiên gặp mà ăn và thịt chẳng phải bây giờ vì ta mà giết mà là đã giết trước đó thì thành *Cửu tịnh nhục*. Cho nên Tỳ kheo được phép ăn loại thịt có được khi khát thực hoặc khi thụ cúng dường, nhưng ngoài những trường hợp này thì chỉ Tỳ kheo có bệnh mới được phép ăn thịt, những trường hợp khác đều bị cấm.

Đối với Phật giáo Đại thừa, như *kinh Niết-bàn, kinh Lăng-già* thì cho rằng ăn thịt là trái với tinh thần đại từ bi, cho nên cấm ăn tất cả các thứ thịt và lập ra 10 lỗi của việc ăn thịt.

\* **Tịnh Thanh** : đảo từ . Xem **Thanh tịnh** .

\* **Tịnh Thí** : Phạn: *Viralpama*. Còn gọi: *Thuyết tịnh*. Là sự bố thí trong sạch. Vì lòng từ bi mà cúng dường, bố thí, tâm trong sạch, không mong cầu danh lợi thế gian, chỉ cầu vun trồng thiện căn, hướng về Niết Bàn.

\* **Tòa** : Phạn âm : *Asana* . Hán âm : *A-tát-năng* . *Tòa* là chỗ ngồi hoặc vật để ngồi của Phật, Bồ Tát, chư Thiên, Tỳ-kheo . Theo các kinh thì Đức Thích-Ca Mâu-Ni khai ngộ dưới cội Bồ-đề, Ngài ngồi trên tòa Kim

cương được lót bằng cỏ cát tường . Người đời sau mô phỏng theo đó, nên gọi chiếc tọa cụ của vị Trưởng lão trong pháp hội là *Thảo tòa*. Vật để ngồi mà hành giả dùng khi tu pháp cũng là *Thảo tòa*.

Đài tòa để an trí tượng Phật, Bồ Tát được gọi là *Sư tử tòa*, *Liên Hoa tòa*, *Tu-di tòa* ... Vì ở nhân gian Phật là đáng thù thắng nhất, nên được dụ là sư tử, vua của muôn loài thú, đài tòa Phật ngồi gọi là “*Sư tử tòa*”. *Liên Hoa tòa* là đài tòa hình hoa sen, cũng gọi là *Hoa tòa*, *Hoa đài*. Trong *kinh Quán Vô Lượng Thọ* có nói Phật A-di-đà và 2 vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí đều ngồi trên hoa sen báu, và những người được vãng sinh thuộc 9 phẩm cũng ở trên tòa sen nơi Tịnh Độ . Ngoài ra, trong *Mật Giáo*, *Đại Nhật Như Lai* thuộc Kim Cương giới ngồi trên *tòa Sư tử*, *A-Súc Như Lai* ngồi trên *tòa voi*, *Bảo Sinh Như Lai* ngồi trên *tòa ngựa*, *Phật A-di-đà* ngồi trên *tòa Khổng tước*, *Bất Không Thành Tựu Như Lai* ngồi trên *tòa Ca-lâu-la*. Thông thường cho rằng Bồ Tát Phổ Hiền ngồi trên voi trắng, Bồ Tát Văn Thù ngồi trên sư tử, chư Thiên thường ngồi trên tòa hình lá sen . *Tu-di tòa* là đài tòa mô phỏng núi Tu-di, nếu đài tòa lớn gọi là *Tu-di đàn* . Lúc thuyết pháp bước lên tòa cao, Thiên tông gọi là *Thăng tòa* ... Chia nửa chỗ cho người khác ngồi gọi là *Phân tòa* như *kinh Trung Bản Khởi*, *hạ* có thuyết Đức Thích Tôn nhường nửa chỗ ngồi cho ngài Ca-Điếp ; *kinh Pháp Hoa 4* cũng ghi Phật Đa Bảo nhường nửa chỗ ngồi cho Đức Thích Tôn .

\* **Tọa** : Phạn âm : *Nisadyā* . Ngồi với y phục chỉnh tề, vẻ mặt trang nghiêm. Có nhiều cách ngồi như : Kiết-già phu tọa (còn gọi: Già phu tọa, Phu tọa), Cự tọa, Trường qui, Hồ qui .

1. *Kiết-già phu tọa* : Cách ngồi chân phải đặt trên bắp đùi trái, chân trái đặt trên bắp đùi phải, thông thường gọi là *Kiết-già*, *Như Lai tọa*. Còn cách ngồi chỉ đặt chân phải lên bắp đùi trái gọi là *Bán già phu tọa* (còn gọi: *Hiền tọa*), đối lại với *Kiết-già phu tọa* của *Như Lai* thì *Bán già phu tọa* cũng gọi là *Bồ-tát tọa*. Hai cách ngồi toàn già và bán già này mỗi cách lại chia làm 2 loại là *Cát tường tọa* và *Hàng ma tọa*.

2. *Cự tọa* : tức *Tồn tọa*, nghĩa là ngồi xổm. Theo *kinh Đại Tỳ-Kheo Tam Thiên Oai Nghi*, *hạ*, có nêu ra 5 điều nói về *Cự tọa*, như không được tréo chân, không để chân cao chân thấp.

3. *Trường qui* : Hai đầu gối chấm đất, 2 ống chân cách mặt đất, đầu 10 ngón chân chống đất, thân thẳng, là cách lễ của Tỳ-kheo ni.

4. *Hỗ qui* : Hai đầu gối thay nhau chấm đất, thân hơi cúi về trước, là cách lễ của Tỳ-kheo.

Trường qui và Hỗ qui thường được thực hành khi lễ bái.

\* **Tọa Thiền**: Gọi đủ: *Thiền-na*. Âm theo Phạn: *Dhyāna*. Hán dịch: *Tĩnh lự* ; Xem **Thiền định**.

\* **Tối thắng** : Từ đồng nghĩa . Xem **Vô thượng thượng**.

\* **Tội Báo** : Quả báo phải chịu ở đời hiện tại, hoặc đời vị lai do tội nghiệp đã gây ra. Điển hình như do nghiệp ở đời quá khứ nên Đức Phật cũng từng chịu khổ báo, đó là 9 thứ tội báo nói trong *Luận Đại Trí Độ 9*:

1/. Bị cô gái Phạm chí Tôn-đà-lợi vu báng, 500 vị A-la-hán cũng bị vu báng.

2/. Bị cô gái Bà-la-môn Chiên già độn khúc gỗ vào bụng vu báng.

3/. Bị Đề-bà-đạt-đa xô đá trên núi đề chân Phật chảy máu.

4/. Bị cây văng đâm vào chân.

5/. Vua Tỳ-lưu-ly dấy binh giết hại những người dòng họ Thích, Phật bị nhục đầu.

6/. Nhận lời thỉnh của Bà-la-môn A-kỳ-đạt-đa và bị ăn lúa ngựa.

7/. Gió lạnh thổi thì Phật bị đau lưng.

8/. Khổ hạnh 6 năm.

9/. Vào tù lạc Bà-la-môn khát thực không được, mang bát không trở về.

Nếu y cứ theo lý nhân quả thuận nhau thì sẽ gây tạo những tội ác hạ phẩm thì đời vị lai sẽ chịu quả báo trong đường súc sinh, tạo những tội ác trung phẩm thì chịu quả báo trong đường ngạ quỷ, còn thượng phẩm thì chịu quả báo trong địa ngục. Ngoài ra, nếu phạm tội ngũ nghịch báng pháp thì sẽ bị đọa trong ngục A-Tỳ; dấu cho cùng sinh làm người nhưng cũng có quả báo khác nhau như nghèo cùng, xấu xí, các căn không đủ.

\* **Tôn Giả**: Hán dịch là *Cụ thọ, Hiền giả, Thánh giả, Tịnh mạng, Trưởng lão, Huệ mạng*. Âm Hán-Việt là *A-du-suất- mãn*. Phạn âm là *Āyusmat*.

- Theo Hữu Bộ Tỳ Nại Da Tạp Sứ 19, 38 thì Tôn giả là bậc đầy đủ trí huệ và đức hạnh được mọi người tôn kính. Trước đây từ này được dùng để tôn xưng đệ tử Phật, A-la-hán, về sau còn được dùng để chỉ cho các bậc Tiên đức. Tiếng Phạn Ayusmat nghĩa là thọ mạng của thế gian và pháp thân huệ mạng của Xuất thế gian. Xưa, nhìn trên phương diện pháp thân huệ mạng nên Āyusmat được dịch là huệ mạng, nghĩa là Tỳ kheo khác với thế tục, ngoài việc thích sống lâu còn lấy mạng sống trí huệ làm quý.

- *Pháp Hoa Huyền Tán 6 (Đại 34, 771 thượng)* ghi: “Huệ mạng, dịch là Cụ thọ. Người thế tục đều thích được sống lâu; trái lại, các bậc Thánh đều coi mạng sống trí huệ là của báu. Do ước nguyện đầy đủ nên dịch là Cụ Thọ. Nếu dịch là huệ mạng thì ý nghĩa còn thiếu sót”.

Các bậc Trưởng lão cũng dùng từ Cụ Thọ để gọi vị Tỳ kheo trẻ tuổi.

\* **Tôn Sư** : Lời xưng những bậc thầy dạy đạo, lời đệ tử học đạo xưng thầy mình. Kinh sách nhà Đường thường dùng chữ tôn sư.

\* **Trai Giới** : Âm theo Phạn: *Uposadha*; âm Hán-Việt: *Ô-bô-sa-pha, Bồ-tát-đà-bà*; gọi tắt : *Bồ-tát*; Hán dịch là *Trưởng tịnh*. Tức giữ gìn thanh tịnh thân tâm và cẩn thận ngăn ngừa sự buông lung hoặc chỉ cho Bát Quan Trai giới hay riêng chỉ cho giới quá Ngọ không ăn.

Vốn là pháp cúng tế của người Ấn-Độ xưa, cứ cách 15 ngày thì tổ chức một lần nhóm họp, mỗi người tự sám hối tội lỗi, làm thanh tịnh thân tâm; vào ngày này vị Tế chủ còn thực hành đoạn thực và trụ trong giới thanh tịnh, các ngoại đạo như Ni-kiền-tử ... cũng thực hành theo phong tục này, nhóm họp một nơi và giữ bốn giới như đoạn thực ..., Đức Phật cũng cho phép tăng đoàn thực hành việc làm này, đó là nguyên nhân của pháp bồ-tát trong tăng đoàn.

\* **Trang nghiêm** : Phạn: *Vyūha*. *Trang nghiêm* là trang hoàng bày biện các thứ báu, các thứ hoa, lọng, cờ, phướn, anh lạc để đạo tràng hoặc quốc độ được *trang nghiêm* thanh tịnh.

*Kinh Hoa Nghiêm 1* (bản cựu dịch), *kinh Đại Phẩm Bát-Nhã 1* ghi : Khi Phật nói *kinh Hoa Nghiêm, Bát-nhã* thì nơi nói kinh được trang nghiêm bằng nhiều màu sắc vi diệu xen nhau. Vì nghinh tiếp các Bồ tát



ở các phương, khiến chúng sinh sanh tâm hoan hỷ mà Phật dùng thần lực biến hiện ra.

Theo *Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-ba-đê-xá Nguyên Sinh Kệ* của ngài *Thế Thân* thì *Tịnh-độ* của Phật A-di-đà có 3 thứ trang nghiêm là quốc độ, Phật và Bồ tát ; trong đó *quốc độ* trang nghiêm có 17 thứ, *Phật* trang nghiêm có 8 thứ, *Bồ tát* trang nghiêm có 4 thứ, cộng chung là 29 thứ trang nghiêm công đức thành tựu.

\* **Trầm Luân**: Chìm đắm nơi biển khổ.

\* **Trầm thủy hương**: cũng đọc là hương trầm thủy, gọi tắt là **trầm hương**; Sách *Bản Thảo chú* nói: “Lý Thời Trân nói: Lấy một khúc lõi của loại cây này thả xuống nước thì nó chìm, cho nên gọi tên là trầm thủy, cũng gọi là thủy trầm, chìm một nửa thì gọi là Sạn hương, loại không chìm thì gọi là Hoàng thực hương”.

\* **Trần cấu** : Phiền não; vì phiền não làm nhiễm ô tâm, giống như bụi trần làm nhiễm ô vật .

*Phẩm Phật Quốc, Duy-ma Kinh Chú* ghi : “Xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh”; lại chú rằng : “Ngài Tăng Triệu nói: Trần cấu gồm 88 kiết”.

*Kinh Bất Động* ghi : “Dùng lửa trí huệ thiêu đốt các chướng ngại, cũng dùng nước pháp rửa sạch các trần cấu”.

\* **Trần lao** : Tên khác của phiền não. Vì phiền não làm nhiễm ô tâm, giống như trần cấu làm cho thân tâm mệt mỏi.

\* **Trần Sa** : Là cát bụi, dụ cho số lượng rất nhiều .

Ngoài ra, *trần sa* còn có nghĩa là *trần sa hoặc* . Bất nhiễm ô vô tri làm chướng ngại Sự trí tục đế khiến cho việc hóa đạo của Bồ Tát không được tự tại ; 1 trong 3 Hoặc (*Kiến tư hoặc, Trần sa hoặc* và *Vô minh hoặc*) do *tông Thiên Thai* lập ra . Hoặc này có mặt khắp trong ngoài 3 cõi, muốn phá trừ phải dùng “Giả quán” trong 3 quán . Vì Hoặc này nhiều vô số vô lượng, vượt xa số cát sông Hằng nên gọi là *Trần sa hoặc*. Vì Hoặc

này làm chướng ngại Bồ Tát tự do tự tại giáo hóa chúng sinh nên còn gọi là *Hóa đạo chướng hoặc* .

\* **Tri** : Nhận biết, hiểu rõ nhờ đã kinh nghiệm hoặc bằng sự xét nét, bằng ý thức như : *Tri thức*: biết rõ mà phân biệt ra; *Tri biệt*: nhận biết 5 cảm giác mắt, tay, mũi, lưỡi, tứ chi; *Tri giác*: trí, trí thức, trí huệ; *Tri khách*, *Tri sự*: Chủ một cơ sở, quán lãnh một trách nhiệm hoặc giao thiệp với nhau.

\* **Tri kiến**: Sự hiểu biết có được từ tư duy, phân biệt của chính mình. Tri kiến khác với trí huệ, trí huệ là trí bát-nhã vô phân biệt. Nhưng khi nói Phật tri kiến, Tri kiến Ba-la-mật thì tri kiến đồng nghĩa với trí huệ.

\* **Tri Thức** : là tên khác của bằng hữu . Từ ngữ *Tri nhân* mà bình thường chúng ta hay nói là chỉ cho tâm thức biết người khác, ở đây chuyển thành người được biết, chứ chẳng phải nghĩa biết nhiều hiểu rộng . Cho nên nói theo người, nếu người ấy là thiện thì là *Thiện hữu*, *Thiện tri thức* ; còn ác thì là *Ác hữu*, *Ác tri thức* . Người thuyết pháp dẫn dắt ta đến chỗ thiện, đó là *thiện hữu*, nên gọi là *Thiện tri thức*, gọi tắt là *Tri thức* . Nếu *thiện hữu* khuyến khích, khiến cho người hoan hỷ đối với Tam Bảo thì gọi là *Khuyến tri thức*, *Xướng tri thức* .

\* **Tri Túc**: tức *Tự tri mãn túc*, tự biết mình vừa đủ, không mong cầu thái quá. *Thiểu dục*, *tri túc* là hai đức hạnh mật thiết với nhau. *Thiểu dục* : ít ham muốn ; *Tri túc* : có bao nhiêu cũng coi là đủ ; dẫu được ít, lòng cũng chẳng hối hận .

\* **Triền** : Phạn âm : *Paryavasthāna* . *Triền* là sự ràng buộc tâm, làm chướng ngại tu thiện, là tên khác của phiền não (chỉ cho *tùy phiền não*) . Tám *tùy phiền não* là : *Vô tâm*, *vô quý*, *tật*, *san*, *hối*, *thụy miên*, *điều cử* và *hôn trầm* được gọi là Bát triền . Bát triền thêm *phẫn* và *phú* thành Thập triền . Kinh bộ gọi chúng tử phiền não (ở giai đoạn tiềm ẩn) là *Tùy miên* ; trái lại, gọi sự hiện hành của phiền não (ở giai đoạn hiển lộ) là *Triền* .

\* **Trí Huệ** : Còn gọi: **Trí tuệ**. Từ đồng nghĩa . *Xem Bát-Nhã*.

\* **Trì giới** : Giữ gìn giới pháp do Phật chế, không huỷ phạm; 1 trong 6 Ba-la-mật. Đối lại: Phá giới. *Kinh Phật Thủy Bát-Niết-Bàn Lược Thuyết Giáo Giới* ghi : “Người trì tịnh giới, không được mua bán trao đổi, khai khẩn ruộng vườn, nuôi dưỡng nhân dân, nô tì, súc sinh (...), phải tự lóng tâm, chính niệm mong cầu giải thoát, không được che dấu tội lỗi, hiển bày những việc kỳ lạ để mê hoặc mọi người. Đối với tứ cúng dường, biết lượng biết đủ, được vật cúng dường không nên cất chứa. Đây là lược nói về tướng trì giới. Giới là cội gốc chân chính, thuận theo giải thoát nên gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa. Nhờ giới này mà sinh ra các thiền định và trí huệ diệt khổ, cho nên Tỳ kheo phải trì tịnh giới, đừng huỷ phạm”.

Nhưng hộ trì giới pháp rất khó, cho nên các luật vì nghiêm răn việc phạm giới mà lập ra các chế giới như Ba-la-di, Tăng tàn. Giới chung cho Đại, Tiểu thừa, đứng đầu trong Tam học (Giới học, Định học, Huệ học); Đại thừa xếp Giới vào Ba-la-mật thứ 2 trong 6 Ba-la-mật và 10 Ba-la-mật. Giới phẩm phải trì của người tại gia, xuất gia và Thanh văn, Bồ Tát đều khác nhau, theo *Luật Tứ Phần* thì Tỳ kheo có 250 giới, Tỳ kheo ni có 348 giới. Chúng tại gia trong 1 ngày đêm giữ 8 trai giới, gọi là Trì trai.

\* **Trì Luật** : Phạm âm : *Vinaya-dhara*. Còn gọi: *Trì tì-ni*.

*Trì luật* là giữ gìn giới luật không phạm. *Chú Duy-ma-cật Kinh* 3 ghi : “Ưu-ba-ly, Trung Quốc dịch là Thượng thủ, là bậc *Trì luật* đệ nhất trong các đệ tử Phật”.

*Luật Ma-ha Tăng* kỳ 25 cho rằng Tỳ kheo Ưu-ba-ly là người *biết có tội, biết vô tội, biết nặng, biết nhẹ, biết che giấu, biết không che giấu, biết trị được, biết không trị được, biết thanh tịnh, biết không thanh tịnh*, được công đức Tứ thiên, trụ trong hiện pháp lạc, được *thiên nhãn, thiên nhĩ, túc mạng thông, hết hữu lậu* được vô lậu. Vì thành tựu 14 pháp này, nên gọi là *Trì luật đệ nhất*. Trong các luật có nói rất nhiều về công đức *trì luật*, như *Luật Tứ Phần* 55 cho rằng người *trì luật* có 5 công đức :

1. Giới phẩm vững chắc .
2. Thắng các oán địch.
3. Ở trong chúng quyết đoán mọi việc không sợ.
4. Có khả năng khai mở các nghi ngờ hối hận của người.
5. Giữ gìn tì-ni khiến chính pháp trụ thế lâu dài.

*Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa 16* ghi : Nếu trì luật thì thành tựu 5 đức, 6 đức, 7 đức, 8 đức, 9 đức, 10 đức, 11 đức ...

\* **Trung Đạo** : Phạn âm : *Madhyamā-pratipad* . Còn gọi : *Trung lộ* . Gọi tắt : *Trung* .

*Trung đạo* tức con đường trung chính, lia bỏ cực đoan, không thiên về bất cứ một bên nào hoặc một quan điểm, một phương thức nào. *Trung đạo* là lập trường căn bản của Phật giáo, được Đại thừa lẫn Tiểu thừa xem trọng, cho nên ý nghĩa của *Trung đạo* tuy có sâu cạn khác nhau, nhưng các tông đều dùng từ ngữ này để biểu thị cho trung tâm giáo lý của mình. Ý nghĩa của *Trung đạo* gọi là *Trung đạo nghĩa*, chân lý *Trung đạo* gọi là *Trung đạo lý*. Vì *Trung đạo* biểu thị cho tướng chân thật của vũ trụ vạn hữu, *Trung đạo* tức *Thật tướng* nên gọi là *Trung đạo Thật Tướng*.

1. Theo *Thuyết A-Hàm*. Thực hành *Bát Thánh Đạo* là xa lia trạng thái sinh hoạt thiên lệch giữa chủ nghĩa khoái lạc và chủ nghĩa khổ hạnh, nhờ đó mà hoàn thành trí huệ, nhập Bồ đề Niết bàn, nên gọi *Bát Thánh đạo* là *Trung đạo*. Nếu lý giải chính xác chân lý 12 duyên khởi thì xa lia Thường kiến và Đoạn kiến hoặc Hữu kiến và Vô kiến, cho nên chính quán 12 duyên khởi là an trụ trong chính kiến *Trung đạo*. Loại *Trung đạo* trước được đức Phật nói ra khi Chuyển pháp luân lần đầu là *Trung đạo* hành, còn loại *Trung đạo* sau là *Trung đạo lý*.

2. Theo *Phật giáo Bộ Phái*. *Luận Đại Tỳ-bà-sa 49*, *Luận Thành Thật 11* kế thừa lập trường của giáo thuyết A-hàm, cho rằng *Trung đạo* xa lia Đoạn kiến và Thường kiến.

3. Theo chủ trương của *phái Đại thừa Trung Quán* thì *Bát-nhã Ba-la-mật* là lập trường căn bản, xa lia tất cả chấp trước, phân biệt, thành tựu vô sở đắc, đó là *Trung đạo*. *Phẩm Quán Nhân Duyên trong Trung Luận 1* ghi : Lý pháp của nhân duyên là đả phá 8 tà kiến sinh, diệt, đoạn, thường, nhất, dị, khứ, lai và nói rõ về chân lý Không. Vạn hữu do thuận với đạo lý duyên khởi mà tồn tại, cho nên lia tám tà ; vốn không thật thể, nên không phải là đối tượng chấp trước. Như thế, lia tám tà và trụ nơi chính quán vô đắc gọi là *Trung đạo*, đây chính là *Bát bất trung đạo*, *Bát bất chính quán*, *Vô đắc trung đạo*, *Bát bất trung quán* ...

Ngoài ra, từ ngữ Trung đạo cũng dùng để chỉ cho Trí năng quán hoặc Lý sở quán .

\* **Trụ** : Động từ : *Ở yên, đứng, đứng lại, nương tựa vào*. Danh từ : *Chỗ ở, trụ vị* (địa vị ở trên) như: Lúc ấy, đức Phật trụ (ở yên) tại trong núi Kỳ Xà Quật, gần thành Vương Xá (*Vô Lượng Thọ Kinh*). Xét theo danh từ, *Trụ* có bốn chỗ ở (*Tứ trụ*):

1. *Thiên trụ*, là cảnh Dục giới; ấy nhờ Bồ thí, Trì giới và Thiện tâm.
2. *Phạm trụ*, là cảnh Sắc giới, Vô Sắc giới ; ấy nhờ tu từ bi hỷ xả.
3. *Thánh trụ*, là chỗ ở của các hàng Tam thừa ; ấy nhờ tu Tam Tam muội.
4. *Phật trụ*, chỗ ở của Chư Phật ; ấy nhờ tu Vô lượng Tam muội.

Xét theo động từ, *Trụ* (đứng) là một tướng trong Tứ tướng: *Hành, Trụ, Tọa, Ngọa*. Nhà tu hành chẳng những là khi nhập thiền, mà mỗi lúc: khi đi, lúc đứng, khi ngồi, lúc nằm, bao giờ cũng nhiếp tâm, không cho tán loạn. Trong *Kim Cang Kinh*, Phật thuyết: “Bồ Tát, nếu chẳng trụ (nương dựa vào) tướng mà Bồ thí, thì phước đức cũng như hư không vô biên, chẳng có thể suy nghĩ độ lượng”.

Theo *Niết Bàn Kinh*, q.30, *Trụ* nghĩa là: nương dựa, mắc, vướng. Đối lại : *Vô trụ, Bất trụ*.

- *Trụ* tức là vướng vào sắc, vướng vào Ngũ uẩn (*sắc, thọ, tưởng, hành, thức*), bị trói buộc.
- *Trụ* tức là kiêu mạn; vì kiêu mạn cho nên chẳng được giải thoát.
- *Trụ* tức là Pháp hữu vi.
- *Trụ* tức là Không, nghịch với bốn đức *Thường, Lạc, Ngã, Tịnh* của Như Lai.
- *Trụ* tức là 25 cảnh luân hồi trong Tam giới.
- *Trụ* là phàm phu, còn chư Thánh thì vô khứ, vô lai, vô trụ (chẳng đi, chẳng lại, chẳng ở).

\* **Trưởng Giả** : Âm theo Phạn: *Sresthin* (Âm Hán: *Thất-lệ-sất-đà*) ; *Grha-pati* (Âm Hán: *Nghi-lặc-hạ-bát-đề*).

*Trưởng giả* dùng chỉ những người giàu có hoặc những người tuổi cao, đức lớn.

*Kinh Tạp A-Hàm 5* ghi: Trưởng giả *Na-câu-la* đã 120 tuổi, nhưng các căn lại thuần thực. *Phẩm Thanh Tín Sĩ* trong *kinh Tăng Nhất A-Hàm 3*

có nêu Trưởng giả *Chất-đa* trí huệ bậc nhất, Trưởng giả *Quật-đa* hàng phục ngoại đạo, Trưởng giả *Ưu-ba-quật* có khả năng giảng nói các pháp sâu xa, Trưởng giả *Xà-lợi* phước đức đầy đủ, Trưởng giả *Tu-đạt* đứng đầu trong các đại đàn việt, Trưởng giả *Mãn-Thố* thành tựu môn tộc. Nhưng theo thiên Trưởng giả trong *Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập 2* thì người Ấn-Độ gọi những nhà hào tộc, các thương gia buôn bán giàu có là Trưởng giả, ở đây khác với thuyết trong *kinh A-Hàm* đã nói trước, cũng rất khác với phong tục tập quán vốn gọi những vị tuổi cao, đức lớn là Trưởng giả ở Trung Quốc. Danh từ Trưởng giả của Nhật Bản cũng bao hàm ý nghĩa Trưởng giả kỳ túc, như *Đằng Nguyên Thị Trưởng giả*, *Nguyên Thị Trưởng giả*.

*Pháp-Hoa Kinh Văn Cú 5*, thượng có nêu 3 hạng Trưởng giả:

1/. *Thế gian Trưởng giả*: Chỉ người có 10 đức: Dòng họ tôn quý, địa vị cao, giàu có, uy mãnh, trí sâu, tuổi cao, hạnh tịnh, biết lễ nghĩa, người trên thân phục, kẻ dưới qui hướng.

2/. *Xuất thế Trưởng giả*: Chỉ Phật. Phật sống trong chân như thật tế, công đức thành tựu, đạo quả sáng ngời, đầy đủ 10 hiệu tôn quý, pháp tài muôn đức đều đầy đủ, 10 lực hùng mãnh và có khả năng hàng phục các ma, ngoại đạo, đối với nhất tâm tam trí đều thông đạt, nên cũng gọi là *Xuất Thế Phật Đại Trưởng giả*.

3/. *Quán tâm Trưởng giả*: tức bậc đại trí có trí quán tâm, trí quán tâm này từ thật tướng sinh ra, rõ biết trong tam đế có hàm tàng tất cả công đức, khéo dùng huệ chính quán để hàng phục tâm nhiễm trước, mỗi mỗi thấy suốt Trung đạo và các pháp sự lý quyền thật.

\* **Trưởng Túc** : Còn gọi: **Trưởng lão** (Phạn âm: *Sthavira*, Hán âm: *Tất-tha-tiết-la*), *Thượng tọa*, *Thượng thủ*, *Thủ tọa*, *Kỳ niên*, *Kỳ túc*, *Kỳ cụu*, *Lão túc*, *Trụ vị*.

Trưởng lão là vị Đại Tỳ kheo tuổi cao hạ lớn, trí huệ và đức hạnh đều hơn người. Bài *Kinh Chúng Tập trong Trường A Hàm 8* nêu 3 loại Trưởng lão:

1. *Niên kỳ Trưởng lão* (Pali: *Jati-thera*): chỉ vị tăng nhập Phật đạo đã lâu.
2. *Pháp Trưởng lão* (Pali: *Dhamma-thera*): chỉ vị Cao tăng tinh thông giáo pháp.

**3. Tác Trưởng lão** (Pali: *Sammuti-thera*): Vị trưởng lão giả danh của thế tục.

*Tập Dị Môn Túc Luận 4* thì nêu 3 loại Thượng toạ:

1. *Sinh niên Thượng toạ*: chỉ bậc kỳ cựu tương đối lớn tuổi.
2. *Pháp tính Thượng toạ*: chỉ người biết pháp đã thụ giới Cụ túc, tuy tuổi mới 20 hoặc 25 cũng được tôn xưng là Pháp tính Thượng toạ.
3. *Thế tục Thượng toạ*: chỉ vị Trưởng lão có tài sản và thế lực, tại gia hộ pháp.

Y cứ vào 3 hạng Trưởng lão và 3 hạng Thượng toạ, ta biết rằng, Tuy Trưởng lão là từ ngữ kính gọi những vị tuổi cao, hạ lớn, nhưng không hẳn là những vị tuổi già.

\* **Trước** : chỉ sự dơ dáy, nhơ nhớp, cặn đục, xấu xa, lộn xộn như ước trước, ác trước. Đối nghĩa là **Thanh** (trong), Tịnh (sạch). Trước có hai tính cách: một là tự mình dơ dáy, nhơ nhớp, xấu xa, hèn hạ; hai là hay nhiễm (lây), làm cho vật khác, người khác cùng trở nên dơ dáy, nhơ nhớp, xấu xa, hèn hạ như mình. Trước được phân chia theo nghiệp cảm gồm Tam trước và Ngũ trước.

- *Tam trước* là: Thân trước, ngữ trước và ý trước

Thân làm chuyện xấu xa, độc ác, nhơ nhớp như sát hại, trộm cướp, tà dâm, phóng túng cho nên trước; Ngôn ngữ thốt ra những điều chẳng thật, nhơ nhớp, đâm thọc, độc ác cho nên trước; Ý tham lam, oán giận, mê say, lầm lạc cho nên trước.

- *Ngũ trước* là: Kiếp trước, Kiến trước, Phiền não trước, Chúng sanh trước, Mạng trước (*xem Ngũ trước*).

\* **Trước ác** : là *Ngũ trước* và *Thập ác* . *Ngũ trước* là kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước . *Thập ác* là sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, ỷ ngữ, tham, sân và tà kiến.

*Phẩm Phương Tiện, kinh Pháp Hoa 1*, ghi : “Sinh vào đời trước ác, như lời chư Phật nói, ta cũng thuận làm theo”.

\* **Tu** : Gọi đầy đủ : **Tu tập**. Âm theo Phạn : *Bhāvanā*. Tu là thường hằng huân tập. Tức thực hiện các hành pháp nhiều lần, để mong đạt đến mục đích thành Phật.

Theo *Nhiếp Đại Thừa Luận Thích 8* (bản dịch đời Lương) hoặc *Luận Câu-Xá 27* thì sự tu hành của Phật giáo gồm có 4 loại:

- 1/. *Trường thời tu*. Tu hành trong thời gian dài.
- 2/. *Vô gián tu*. Tu hành không dừng nghỉ.
- 3/. *Cung kính tu*. Tu hành với tâm chí thành cung kính.
- 4/. *Vô dư tu*. Tu hành hoàn toàn không thiếu sót.

*Đại sư Thiện Đạo* đời Đường dùng các pháp tu này làm phép tắc tu hành cho tông *Tịnh-Độ*

\* **Tu Chứng** : Tu hành và chứng ngộ. Tu hành và chứng ngộ vốn không hai, hỗ trợ nhau mà thành tựu; tất cả chúng sinh vốn là Phật; chỉ vì mê chấp điên đảo nên trôi lăn trong sinh tử, nếu nương vào công đức tu hành và chứng ngộ thì chúng sinh cũng có thể xa lìa nhiễm ô, thú hưởng Phật đạo.

\* **Tu Di Sơn** : Phạn âm: *Sumeru*. Còn gọi: *Tô-mê-lô sơn, Tu-di-lô sơn, Tu-di-lưu sơn, Tu-mê-lâu sơn* . Gọi tắt: *Di-lâu sơn*. Hán dịch: *Diệu cao sơn, Hảo quang sơn, Hảo cao sơn, Thiện cao sơn, Thiện tích sơn, Diệu quang sơn, An minh Do sơn*.

Vốn là ngọn núi trong thần thoại Ấn Độ, được Phật giáo sử dụng, cho rằng đây là ngọn núi cao đứng sừng sững ở chính giữa một tiểu thế giới. Lấy núi này làm trung tâm, có 8 lớp núi, 8 lớp biển bao bọc chung quanh, hình thành một thế giới (Tu di thế giới).

Theo *Phẩm Diêm Phù Đề Châu, kinh Trường A-Hàm 18*, núi Tu Di cao cách mặt nước biển 84.000 do tuần, dưới mặt nước cũng sâu đến 84.000 do tuần. Núi này cao thẳng lên, không hề khúc khuỷu, trong núi mọc nhiều cây thơm, 4 phía núi có 4 gò đất nhô lên, có cung điện của 4 vị Đại Thiên Vương, chân núi là cát thuần vàng. Núi này có “Thất bảo giai đạo” gồm 3 bậc thượng, trung, hạ; 2 bên đường của giai đạo có 7 lớp tường báu, 7 lớp lan can, 7 lớp màn lưới, 7 lớp hàng cây; các thứ như cửa lớn, tường, cửa sổ, lan can, cây đều cấu tạo bằng vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Hoa trái um tùm tươi tốt, gió thơm man mác khắp nơi, vô số



loài chim lạ lùng hót với nhau, các quỷ thần ở trong đó. Đỉnh núi Tu Di có 33 cung trời, là nơi cư trú của trời Đế Thích.

\* **Tu-Đà-Hoàn**: *Srota-apanna*. Tên đầy đủ là *Tu-dà-ban-na, Tót-lộ-đa A-Bán-na, Tót-lộ-đà A-bát-nang*. Dịch cũ là **Nhập lưu**, *Chí lưu, Nghịch lưu, Câu cảng* .v.v... Cách gọi mới là Dự lưu. Đây là tên gọi Sơ quả trong 4 quả Thanh văn. Nhập lưu nghĩa là bắt đầu đi vào thánh đạo. Nghịch lưu là đi ngược dòng sanh tử. Cắt đứt *Kiến hoặc* của 3 cõi, tức là đắc được quả này.

\* **Tu hành** : Sự tu tập, thực hành hoặc tu dưỡng . Trong sinh hoạt tôn giáo, muốn thực hiện các pháp tu, qui định về mặt sinh hoạt thì phải mượn sự tu hành để hoàn thành các việc ấy. Tôn giáo vốn coi trọng cả 2 mặt tín ngưỡng và tu hành . Theo *Phật giáo* thì tự thân hành giả vì muốn thực hiện cảnh giới mà Phật thể nghiệm nên chuyên tâm tinh nghiêm tu dưỡng, vì thế đặc biệt coi trọng phương diện *tu hành*, cũng nhờ đó mà phát triển thành các điều răn giới luật tử mỉ về qui phạm sinh hoạt và phương pháp tu dưỡng tinh thần như *Tam vô lậu học, Bát chính đạo, Tứ đế*. Ngoài ra, các giai đoạn *tu hành* như *Tứ thiên thiên, Tứ Niệm xứ* ... cũng rất phát triển . *Phật giáo* có danh từ “Bát vạn pháp môn”, nhưng chủ yếu vẫn là các đức mục tu hành được phân loại nói trên . *Phật giáo Đại thừa* tuy đặc biệt chú trọng phương diện tín ngưỡng, nhưng cũng lấy thiên định, quán pháp và các pháp tu khác của Mật giáo làm nền tảng cho giáo nghĩa và tổ chức . Người thực hiện công phu tu hành thông thường gọi là *Hành giả*. Thời gian tu hành đến quả vị cuối cùng của Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát đều khác nhau : Thanh văn phải 3 đời 60 kiếp, Duyên giác phải 4 đời 100 kiếp, Bồ tát phải 3 A-tăng-kỳ 100 kiếp (*tam kỳ bách kiếp*).

\* **Tu hoại** : Tức là tu luyện sai phép mà chìm trong chỗ lầm lạc.

\* **Tu-La** : viết tắt của từ A-Tu-La ; Xem **A-Tu-La**.

\* **Tu Tâm** : Là điều phục cái tâm.

\* **Tu Tập** : Từ gọi đầy đủ . Xem **Tu** .

\* **Tuệ** : tức Trí tuệ . Còn gọi: *Huệ* . Phạn âm : *Prajnâ, Vibhâshana, Djnâ*.

\* **Tuyết Sơn**: Ở nơi biên cảnh phía Bắc Ấn Độ có một ngọn núi lớn cao ngất tuyết phủ trên đỉnh đã hàng ngàn vạn năm, tên gọi là Tuyết Sơn (núi Tuyết). Đó chính là núi Hy-Ma-Lay-a. Ngoại quốc sử lược: “Phía Bắc Ấn Độ, núi non trùng điệp, phủ tuyết quanh năm, đó là dãy Hy-Ma-Lay-a, giáp giới núi Tây Tạng. Núi Hy-Ma-Lay-a cao hơn mặt biển 2 vạn ngàn thước”.

\* **Túc Duyên** : là nhân duyên đã kết giao ở đời quá khứ. Bài *kinh Tôn-đà-lợi Túc Duyên* trong *Kinh Hưng Khởi Hành, thượng*; *Kinh Đồng Cốt Tiết Phiền Đổng Nhân Duyên* cho rằng ác duyên đời trước là Túc duyên; *phẩm Hiền Thủ* trong *Kinh Hoa-Nghiêm 15 (bản Tân dịch)*, truyện ngài Cầu-na-bạt-đà-la trong *Cao Tăng Truyện 3* và *Pháp Kinh Lục 7* thì y cứ vào thiện duyên đời trước để nói về Túc duyên.

\* **Túc Thông** : Viết đầy đủ: *Túc mạng thông*. Còn gọi: *Túc trụ thông, Túc trụ tùy niệm trí thông, Túc trụ tùy niệm trí chứng thông*. Âm theo Phạn: *Pūrvā-nivāsānumṛti-jñāna*. Là sức thần thông có khả năng tùy ý biết được sự sinh tử, họ tên, thọ mạng, khổ vui trong nhiều đời trước của mình; một trong *Ngũ thông, Lục thông*.

Trí này lấy huệ làm tự tính, tùy theo thế lực của sự nhớ nghĩ mà biết được 5 ấm hữu lậu của mình và người trong cõi Dục, cõi Sắc ở các đời quá khứ, nên gọi là *Túc trụ tùy niệm trí*. Vì trí này nương nơi Sắc mà dẫn phát nên chỉ hạn cuộc trong *cõi Dục, cõi Sắc*, không có ở *cõi Vô sắc*. Số kiếp mà trí này nhớ được, theo *Luận Đại Tì-bà sa 100* thì ngoài đạo nhớ từ 20.000 kiếp đến 80.000 kiếp, theo *Luận Đại Trí Độ 5* thì bậc Đại A-la-Hán, Bích Chi Phật có thể nhớ đến 80.000 đại kiếp.

Theo *Luận Câu-Xá 27*, về gia hạnh tu hành sức thần thông này, trước phải xem xét tâm đã diệt trước đó, dần dần nghịch quán từ sự sai biệt về trước của phần vị đời này cho đến tâm lúc kết thúc mạng sống, nhằm đến trong sự nhớ nghĩ có 1 niệm trước.

\* **Tùy Cơ** : Đức Phật *tùy căn cơ* chúng sinh mà phương tiện đặt ra giáo pháp để làm lợi ích chúng sinh . *Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương 2 (đại 16, 411 trung)* ghi : “*Tùy cơ* thuyết pháp lợi quần sinh, có công năng dứt trừ các khổ phiền não”.

\* **Tùy Duyên**: Là thuận theo nhân duyên mà quyết định thực hành hay đình chỉ.

*Phẩm Tì-xá-na, Kinh Hoa Nghiêm, ghi:*

“Nghe ba đời chư Phật.

Đủ danh hiệu tôn quý.

Tùy duyên hiện cõi Phật.

Âm thanh không cùng tận”.

Ngoài ra, Tùy duyên còn chỉ cho lý thể của chân như tuy tịch nhiên chẳng động, nhưng nương vào ngoại duyên mà biến hóa hiển hiện.

\* **Tùy Hỷ** : Phạn âm : *Anumodana*. *Tùy hỷ* là thấy người làm việc thiện mà sinh lòng hoan hỷ.

Theo *Phẩm Tùy Hỷ Công Đức, kinh Pháp Hoa*, lắng nghe kinh điển mà vui mừng theo, tích lũy dần dần, công đức rất lớn. *Luận Đại Trí Độ 61* cho rằng công đức người tùy hỷ nhiều hơn của chính người làm việc thiện. Từ ngữ *Tùy hỷ* cũng còn được xem như một từ chỉ cho người đến tham dự một nghi thức nào đó trong Phật giáo. Trong *tông Thiên Thai*, *Tùy hỷ* là một trong 5 pháp sám hối, *Tùy hỷ* cũng là phẩm thứ nhất trong Ngũ phẩm đệ tử vị.

Theo *Pháp Hoa Huyền Luận 10*, *Tùy hỷ* có 2 thứ :

1. *Thông tùy hỷ*: Hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc biết kẻ khác tạo phước mà theo đó hoan hỷ.

2. *Biệt tùy hỷ*: Dựa vào thuyết 50 công đức, chỉ riêng cho việc nghe kinh Pháp Hoa theo đó hoan hỷ.

Có thuyết cho rằng *Tùy hỷ* là tùy theo sự hoan hỷ của mình, như lấy việc bố thí làm thí dụ, người giàu cho tiền bạc, vải vóc, kẻ nghèo cho bó cỏ, thùng nước, đều có sự hoan hỷ riêng của người ấy.

\* **Tùy Nghi** : Tùy thuận những điều kiện thích hợp đối với chúng sinh . Như tùy theo người, thời gian, nơi chốn mà tuyên nói giáo pháp, gọi là *Tùy nghi sở thuyết, Tùy nghi thuyết pháp*.

*Phẩm Phương Tiện, kinh Pháp Hoa (Đại 9, 5 trung)* ghi : “Đức Phật đã từng gần gũi trăm nghìn muôn ức vô số chư Phật (...) thành tựu pháp thân chưa từng có, tùy nghi tuyên nói, ý nghĩa khó hiểu”.

\* **Tùy Phương** : Gọi đầy đủ : *Tùy phương tì ni* . Tức giới luật tùy thuận mỗi địa phương, tùy theo phong tục của dân chúng mỗi nơi mà giới luật có thể châm chước lấy hay bỏ ; tức là những việc Đức Phật chưa ngăn cấm, chưa cho phép trong giới luật, có thể tùy thuận theo phong thổ, khí hậu địa phương mà cho phép hay ngăn cấm .

*Luật Ngũ Phần 22 (đại 22, 153 thượng)* ghi : “*Tuy do Ta đặt ra, song nơi nào chẳng cho là hợp thì không nên dùng ; tuy không phải do Ta đặt ra, nhưng nơi đó đều thực hành thì nên làm theo*”. Bởi tuy là pháp do Đức Phật chế ra, nhưng nếu không thích nghi với tập tục địa phương đó thì không nên ứng dụng . Như ở Ấn Độ có tập tục dùng tay bốc thức ăn, để ngực trần, đi chân đất, nếu ứng dụng vào Trung Quốc sẽ không hợp. Lại nữa, những pháp mà Đức Phật chưa từng chế định, nhưng vì tập tục địa phương thì phải tuân hành, như ở Trung Quốc ăn bằng đũa, đi giày. Những điều ghi trên chỉ có thể áp dụng vào *giới khinh*, còn trong *giới trọng* thì không thể thay đổi .

\* **Tùy Thuận** : Thuận theo ý người khác mà không trái nghịch .

*Phẩm Tự, kinh Pháp Hoa* nói về việc cúng dường chư Phật, tùy thuận (Phạn : *Anulomikī*) hành đại đạo, đủ 6 món Ba-la-mật . Từ ngữ *Tùy thuận* có thể dùng cho Đức Phật, chúng sinh hoặc giáo pháp . *Luận Du-Già Sư Địa 28* nêu 10 học pháp tùy thuận, tức : *Bất tịnh tướng, Vô thường tướng, Vô thường khổ tướng, Khổ vô ngã tướng, Yếm nghịch thực tướng, Nhất thiết thế gian bất khả lạc tướng, Quang minh tướng, Ly dục tướng, Diệt tướng và Tử tướng* ; đồng thời nói rằng muốn tu tập 10 pháp tướng này phải cắt đứt 10 học pháp chướng ngại và trái nghịch . Lại còn nêu 10 pháp học tùy thuận : *Túc nhân, Tùy thuận giáo, Như Lý gia hạnh, Vô gián ân trọng sở tác, Mãnh lợi lạc dục, Trì Du-Già lực, Chỉ tức thân tâm thô trọng, Sác sác quán sát, Vô hữu khiếp nhược và Ly tăng thượng mạn* .

\* **Tụ Lạc** : Phạn âm : *Grāma*. Hán âm : *Già-lạt-ma* . Còn gọi : *Thôn lạc, Thôn* .

*Tụ lạc* là nơi mọi người tụ tập sinh sống . *Luật Ngũ Phần 1* ghi : “Hoặc hào thành hoặc rào giậu bao bọc xung quanh 3 do-tuần, dù chỉ có 1 căn nhà trong đó cũng gọi là *Tụ lạc*” .

Tăng chúng của giáo đoàn Phật giáo thường sống nơi A-lan nhả, nếu ngoài việc khát thực, thuyết pháp mà vào *tụ lạc* phi thời thì phạm tội Ba-dật-đề.

\* **Tục đế** : Từ đồng nghĩa . *Xem Thế đế* .

\* **Tục luy** : Công việc ràng buộc ở đời. Nói về những kẻ bận bịu theo việc nhà cửa vợ con, đeo đuổi theo đường tham dục, mà chẳng có kiến thức cao rộng, chẳng để tâm vào sự mở mang trí thức, đạo lý .

\* **Tư-Đà-Hàm**: Âm theo Phạn là *Sakrd-āgāmin*. Tên gọi khác là *Sa-yết-lợi-đà-già-di*. Hán dịch là: **Nhất Lai, Nhất Vãng Lai**. Đây là quả thứ 2 trong 4 quả Sa-môn.

Tư-đà-hàm gồm có 2 bậc: Tư-đà-hàm hương và Tư-đà-hàm quả. Tư-đà-hàm hương (Nhất Lai hương), chỉ những bậc Thánh đã chứng quả Dự-Lưu (Sơ quả), tiếp tục đoạn trừ 6 phẩm Tu Hoặc của cõi Dục, còn phải chịu 1 lần thụ sinh từ cõi trời xuống nhân gian mới nhập Niết Bàn; Khi đạt đến quả vị này rồi, hành giả không còn thụ sinh lại nữa, nên gọi là Tư-đà-hàm quả (Nhất Lai quả). Giai vị này chỉ các phiền não hạ phẩm tham, sân, si nên còn gọi là Bạc tham sân si, Bạc địa.

\* **Tướng** : Phạn âm : *Laksana*. Đối lại : *Tính thể* . *Tướng* là chỉ hình tướng hoặc trạng thái của các pháp. *Phẩm Sát-na, kinh Đại Thừa Nhập Lăng-Già 5 (đại 16, 620 hạ)* ghi : “*Tướng* là chỉ cho các hình trạng mỗi mỗi khác nhau mà thấy được như sắc ...”

Còn theo *Luận Đại Trí Độ 31* thì tất cả pháp có 2 loại : *Tổng tướng* và *Biệt tướng* . *Tổng tướng* là tướng chung của các pháp, như vô thường. *Biệt tướng* là tướng riêng của mỗi pháp như tướng cứng của đất, tướng nóng của lửa, cho đến các hình trạng như sắc ... đều khác nhau. Lại cho

rằng *Tính* là bản thể của vật, còn *Tướng* là tướng trạng mà ta biết được, thấy được.

\* **Tướng**: Âm theo Phạn là: *Samjñā*. Phiên âm Hán-Việt là: *Tăng-nhã*.

“Tướng” là một trạng thái tinh thần khi hình ảnh của đối cảnh hiện khởi trong tâm; là tác dụng của **tâm sở** khởi lên sau thọ; một trong 5 uẩn. Do động từ *jnā* (tri) và tiếp đầu ngữ *sa-* (nhất thiết) liên kết mà thành, tương đương với từ “Khái niệm” trong từ ngữ hiện đại.

*Tông Câu-Xá* cho *Tướng* là một trong 10 Đại địa pháp, còn *tông Duy Thức* thì cho là một trong 5 món Biến hành. Căn sở y của *Tướng* gồm có 6 thứ là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; còn *Tướng* do *nhãn xúc* sinh ra cho đến *Tướng* do *ý xúc* sinh ra thì gồm có 6 tướng (cũng gọi Lục tướng thân, Thân biểu thị cho số phức). Kế đó là tùy theo sự khác nhau về tính chất lớn, nhỏ, vô lượng của cảnh sở duyên mà có 3 *Tướng*: *Đại tướng*, *Tiểu tướng*, *Vô Lượng tướng*. Tam tướng: *Dục tướng* (*tham dục tướng*), *sân tướng* (*sân khuể tướng*), *hại tướng* (*sát hại tướng*) được gọi là Tam bất thiện tướng hoặc Tam ác tướng, là “Tướng” sinh ra khi tương ứng với 3 phiên nã: *Tham*, *sân* (*phát nộ*) và *hại* (*gia hại người*). Ba tướng: *Xuất ly tướng*, *bất khuể tướng*, *bất hại tướng* được gọi là Tam thiện tướng, đối lại với Tam bất thiện tướng.

Ngoài ra, tướng còn có nghĩa là **quán tướng**. *Kinh Đại Phẩm Bát-Nhã 1* có thuyết 10 tướng như: Vô thường tướng ... *Vãng sanh Yếu Tập*, *trung* cũng cho rằng khi tu niệm Phật tức là trụ trong 3 tướng: *Qui mạng tướng* (*Nhất tâm qui Phật*), *Dẫn nhiếp tướng* (*được Phật dắt dẫn*) và *Vãng sanh tướng* (*vãng sinh Tịnh độ*).

\* **Tượng pháp** : Phạn âm : *Saddharma-pratirūpaka*. Gọi đầy đủ: *Tượng pháp thời*.

Thời kỳ mà giáo pháp tương tự với thời Chính pháp. Thời thứ 2 trong 3 thời. Sau khi Phật nhập diệt, y cứ vào sự vận hành của giáo pháp mà chia làm 3 thời: Chính pháp, Tượng pháp và Mạt pháp. Thời kỳ này chỉ có giáo thuyết và người tu hành, ít người chứng quả.

Về thời hạn của 3 thời Chính, Tượng, Mạt có nhiều thuyết khác nhau : *Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập 56*, *Kinh Ma-ha Ma-da*, *hạ* cho

rằng Tượng pháp là 1000 năm; *Kinh Hiền Kiếp 3, 7, Kinh Đại Thừa Tam Tụ Sám Hối, Kinh Bi Hoa 7, Kinh Đại Từ Bi Phân-đà-lợi* cho là 500 năm.

\* **Tứ Ác Đạo (Bốn đường ác nghiệp)** : Còn gọi : *Tứ ác thú*. Gọi tắt : *Tứ ác*. Tức bốn đường ác: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và A-tu-la. *Ác đạo* là nơi khổ sở xấu xa mà chúng sinh sẽ sinh về sau khi tạo ác nghiệp.

Theo *Phẩm Thọ Ký, kinh Pháp-Hoa 3*, Quốc độ mà đời đương lai ngài Đại Ca-chiên-diên thành Phật sẽ không có *Tứ ác đạo* mà có rất nhiều trời, người. Còn theo *Phẩm Thọ Ký, kinh Pháp-Hoa (bản Phạn)* thì không có địa ngục (*niraya*), súc sinh (*tiryagyoni*), thế giới Dạ-ma (*yama-loka*), thân A-tu-la (*Asura-kāya*) mà có rất nhiều trời, người.

\* **Tứ Bách Tứ bệnh (Bốn Trăm Lẻ Bốn bệnh)** : Bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh. Đây là từ ngữ gọi chung tất cả các thứ bệnh tật của con người.

Theo *kinh Tu Hành Bản Khởi, hạ; kinh Phật Y*, trong 4 yếu tố (4 đại) đất, nước, lửa, gió cấu tạo thành thân thể con người thì “phong bệnh” do sự vận chuyển của phong đại mà sinh ra có 101 thứ, “hoàng bệnh” do sự tăng trưởng của địa đại mà sinh ra có 101 thứ, “nhiệt bệnh” do sự thịnh vượng của hỏa đại mà sinh ra có 101 thứ, “đàm bệnh” do sự tích tụ thủy đại mà sinh ra có 101 thứ, cộng chung là 404 bệnh. Nếu các thứ bệnh này xoay vần dựa vào nhau, 404 bệnh đồng thời khởi lên thì người ấy sẽ quá lạnh, quá nóng, quá đói, quá no, quá khát, thời tiết không chừng, ngồi nằm bất thường.

- Có thuyết gọi phong bệnh là khí phát, hỏa bệnh là hoàng, nhiệt hoàng, thủy bệnh là đàm ẩm, địa bệnh là trầm trọng, tạp bệnh, tổng tập bệnh .

- *Luật Ma-ha Tăng Kỳ 10* có nói về cách đối trị các chứng bệnh này: Đối trị 101 phong bệnh thì dùng dầu mỡ, 101 nhiệt bệnh thì dùng sữa, 101 thủy bệnh thì dùng mật và 101 tạp bệnh thì dùng cả 3 thứ thuốc nói trên.

\* **Tứ Bộ chúng (Bốn bộ chúng)** : Từ đồng nghĩa. *Xem Tứ Chúng*.

\* **Tứ Chúng (Bốn chúng, Bốn Ban)** : Âm theo Phạn là *Catasrah parsadah*; Tên gọi khác là: *Tứ bối, Tứ bộ chúng, Tứ bộ đệ tử*. Đó là bốn chúng: Người, trời, rồng và quỷ.

Theo *Kinh Uế Phẩm, Trung A-Hàm 22; Kinh Pháp-Hoa 1; Kinh Tứ Bối* thì Tứ chúng còn chỉ bốn chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di hoặc chỉ cho 4 chúng xuất gia tức Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di và Sa-di-ni.

Theo *Pháp-Hoa Văn Cú 2, hạ; Đại Minh Tam Tạng Pháp số 15* thì Tứ chúng chỉ bốn đại chúng thính pháp trong hội thuyết pháp của Đức Phật gồm các loại:

**1/. Phát khởi chúng:** Những người có khả năng xem biết thời cơ, phát khởi tập hội hoặc phát khởi thụy tướng, vấn đáp để mở đầu cho thời thuyết pháp của Đức Phật. Như *Phẩm Phương Tiện, kinh Pháp-Hoa 1* ghi: Xá-Lợi-Phất từng 3 lần thỉnh Phật thuyết pháp.

**2/. Đương cơ chúng:** Người túc duyên thuần thực, thích nghe chính giáo, được hóa độ ngay trong pháp hội, là người nghe kinh pháp liền được lợi ích chứng ngộ.

**3/. Ảnh hưởng chúng:** Chư Phật, Bồ Tát đời quá khứ từ cõi Phật phương khác đến để trợ giúp cho sự giáo hóa của Đức Phật, các vị này ẩn đi quả vị viên cực của mình mà thị hiện hình tướng chúng đương cơ, như bóng theo hình, như vang theo tiếng, để trợ giúp đấng Pháp vương, trang nghiêm pháp tòa.

**4/. Kết duyên chúng:** Những người vốn có phước lành mỏng manh, căn cơ hạ liệt, tuy chưa được lợi ích lập tức chứng ngộ nhưng nhờ thấy Phật nghe pháp nên đã kết nhân duyên đắc độ ở tương lai.

**\* Tứ Chúng Nhân (Bốn hạng người):** Từ nhiều nghĩa như :

**1/.** Theo *Phẩm Tứ Y, kinh Đại Bát Niết Bàn* thì Tứ Chúng Nhân chỉ bốn bậc Thánh: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán .

**2/.** *Tứ Chúng Tử Sinh* là khái niệm dùng chỉ bốn hạng người còn ở trong sinh tử: Từ tối vào tối, từ tối ra sáng, từ sáng vào tối và từ sáng ra sáng.

**3/.** *Tứ Chúng Nhân* còn có khái niệm là Thô nhân, Trước nhân, Trung gian nhân và Thượng nhân.

**4/.** Theo *Luận Thành Thật 2*, thì “Tứ Chúng Nhân gồm : Có người thuận dòng, có người ngược dòng, có người trung trụ và có người đắc độ. Nếu người nhất tâm lắng nghe Phật pháp tức là người này diệt trừ ngũ cái, tu thất giác ý, vì thế người này cắt đứt dòng sinh tử, gọi là người ngược dòng, cũng gọi là Trụ, cũng gọi là Đắc độ”.



5/. Theo *Đại Minh Tam Tạng Pháp số 16*, thì Tứ Chủng Nhân gồm bốn hạng người: Thường một, tạm xuất hoàn một, xuất quán và đặc độ.

5.1.*Thường một*: Người không có khả năng tu tập pháp Niết Bàn, nên thường đắm chìm trong sự trôi lăn, không ra khỏi biển lớn sinh tử.

5.2.*Tạm xuất hoàn một*: Người sinh ở thế gian tâm không bền vững đối với 5 thiện căn Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ nên bị lui sụt. Tuy tạm thời được ra khỏi rồi lại bị đắm chìm và trôi lăn trong sinh tử.

5.3.*Xuất quán*: Người tuy bị chìm đắm trong biển lớn sinh tử, nhưng có khả năng tùy thuận pháp Niết Bàn, mong cầu xuất ly.

5.4.*Đặc độ*: Người tu tập đầy đủ pháp Niết Bàn, nên có khả năng ra khỏi sinh tử, đến bờ Niết bàn.

\* **Tứ Chủng Tăng (Bốn hạng Tăng)**: Từ nhiều nghĩa.

Theo *Phẩm Tứ Y*, kinh *Đại Bát Niết Bàn* thì *Tứ Chủng Tăng* được phân biệt theo phẩm hạnh gồm: **1. Hữu tu tăng** (Còn gọi: *Tàm quý tăng*): Chỉ hạng tăng có tâm hổ thẹn, có tâm tàm quý, trì giới không phá giới, thân khẩu thanh tịnh, phân biệt được tốt, xấu.

**2. Vô tu tăng** (Còn gọi: *Phá giới tăng*): Chỉ loại tăng không có tâm hổ thẹn, phá giới, thân khẩu bất tịnh, không điều ác nào không làm.

**3. Á dương tăng** (Còn gọi: *Ngu si tăng*): Chỉ loại tăng ngu si vô trí, như loài dê câm.

**4. Thật tăng** (Còn gọi: *Chân thật tăng*): Tức những vị tăng chân thật, chỉ bậc Thánh Hữu học, Vô học.

\* **Tứ Diệu Đế**: *Aryasatyâni* hay *Catvariaryasatyânu*. Bốn chân lý mẫu nhiệm, cũng gọi là: *Tứ Thánh Đế*, **Tứ Đế**, *Tứ Chơn Đế*, *Tứ Thánh Thật* gồm: **1. Khổ đế** (*Dukkha aryasatya*); **2. Tập đế** (*Samudya*); **3. Diệt đế** (*Nirdha*); **4. Đạo đế** (*Marga*).

Trong *Niết Bàn Kinh*, hiểu *Tứ diệu đế (Tứ Thánh đế)*, có hai hạng: hạng Trung trí và hạng Thượng trí. Hạng trung trí là Thanh văn (La hán) và Duyên giác, hạng Thượng trí là Phật và Bồ Tát. Hạng Trung trí hiểu đó là chơn lý, là Thánh đế và thi hành. Còn hạng Thượng trí thì phân biệt Bốn chân lý mẫu nhiệm, Bốn Thánh đế ấy ra vô lượng thể tướng.

\* **Tứ Đại:** Mahabhtas: Maha: lớn; Bhtas: vật. Bốn chất lớn trong thế gian tạm hiệp làm con người và vạn vật gồm: 1. Địa (Đất, Prithin), 2. Thủy (Nước, Apas), 3. Hỏa (Lửa, Tjas), 4. Phong (Gió, Không khí, Vayu). Ở con người.

1. *Về chất Đất:* tóc, răng, móng, da, thịt, gân, xương, thận, tim, gan, nây bụng, lá lách, phổi, bao tử, ruột non, ruột già, phân và bao nhiêu món khác có chất cứng.

2. *Về chất Nước:* đàm gan, đàm khạc, mủ, máu, mồ hôi, chất nước trong mạch máu, nước mắt, chất nước trong máu, mũi dãi, chất nước trong sọ, nước bọt, nước tiểu và bao nhiêu món khác có chất lỏng.

3. *Về chất Lửa:* những món cho sức nóng để làm ấm áp trong thân và làm tiêu hóa những vật mà ta ăn và uống vào.

4. *Về chất Khí:* Những món thường lay chuyển và có hơi, những luồng khí chạy lên và chạy xuống, những hơi trong bao tử và trong ruột, hơi thở vô và hơi thở ra, với những món thường lay chuyển và có hơi.

*Theo Niết Bàn Kinh (q.8):* Tỷ như Tứ đại (ở nơi người), tánh chúng nó chẳng như nhau, hằng trái ngược nhau. Vị lương y giỏi bèn do nơi chất nào phát lộ thái quá mà làm cho nó yếu giảm đi. Thiệt nam tử! Như Lai cũng thế, đối với chúng sanh, ngài dưỡng như một vị lương y, ngài biết thể tướng khác nhau của phiền não, bèn dứt trừ cho họ, khai thị cho họ cái tạng bí mật Như Lai, cái Phật tánh thanh tịnh, thường trụ chẳng biến đổi.

\* **Tứ Đế:** Từ đồng nghĩa. Xem **Tứ Diệu Đế**.

\* **Tứ Diên Đảo (Bốn diên đảo):** Âm theo Phạn: *Viparyāsa*. Gọi tắt: *Tứ đảo*. *Tứ diên đảo* là bốn vọng kiến diên đảo, được chia làm 2 loại:

1/. *Tứ diên đảo hữu vi.* Bốn kiến chấp sai lầm của phàm phu đối với pháp sinh tử hữu vi, đó là *Thường diên đảo* (Phạn: *Nitya-viparyāsa*), *Lạc diên đảo* (Phạn: *Sukha-viparyāsa*), *Ngã diên đảo* (Phạn: *Ātma-viparyāsa*) và *Tịnh diên đảo* (Phạn: *Suci-viparyāsa*). Tức là phàm phu không biết tướng chân thật của cõi mê này nên đối với sự *vô thường* của thế gian chấp là *thường*, đối với các *khổ* chấp là *vui*, đối với *vô ngã* chấp là *ngã* và đối với *bất tịnh* chấp là *tịnh*.

2/. *Tứ điền đảo vô vi*. Hàng Nhị thừa Thanh văn, Duyên giác tuy đối với tứ điền đảo hữu vi đã có chính kiến, nhưng lại lầm cho rằng Niết-bàn là thế giới tịch diệt hư vô khởi 4 thứ vọng kiến. Tức đối với tính chất “*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*” của Niết-bàn vọng chấp là “*Vô thường, vô lạc, vô ngã, bất tịnh*”.

Trong 2 loại điền đảo trên, đoạn được Tứ điền đảo hữu vi là Nhị thừa, còn đoạn được Bát điền đảo hữu vi, vô vi thì là Bồ Tát.

\* **Tứ Độc Xà (Bốn Thứ Độc Tứ Đại)** : Còn gọi: *Tứ ngoan xà, Tứ xà (Bốn rắn độc)*.

*Tứ độc xà* là bốn con rắn độc. Phật giáo dùng hình ảnh này để dụ cho bốn loại đất, nước, gió, lửa trong thân người. Theo *kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương 5*; Tứ đại trong thân người giống như bốn con rắn độc cùng ở trong một cái thùng, tính của 4 con rắn này đều khác nhau, tính của 2 con rắn đất và nước thì thường rúc xuống, còn tính của 2 con rắn gió và lửa thì thường ngoi lên, nếu 4 con rắn này chống chọi lẫn nhau thì sinh các bệnh .

Theo *Luận Đại Trí Độ 22*; Tứ đại trong thân thường làm hại nhau, giống như người cầm cái thùng rắn độc.

\* **Tứ Ma (Bốn Ma)**: Âm theo Phạn: *Catvāro mārāh*.

**II. Bốn thứ ma** cướp đi sinh mạng và huệ mạng của con người, gồm có:

1/. *Uẩn ma* (Phạn: *Skandha-māra*, còn gọi: *Ấm ma, Ngũ ấm ma, Ngũ uẩn ma, Ngũ chúng ma, Thân ma*) : tức 5 *uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức* chứa nhóm thành quả khổ sinh tử, pháp sinh tử này có công năng cướp đi huệ mạng.

2/. *Phiền não ma* (Phạn: *Kléśa-māra*, còn gọi: *Dục ma*) : tức 108 phiền não trong thân làm não loạn tâm thần chúng sinh, cướp đi huệ mạng, làm cho không thành tựu được bồ-đề.

3/. *Tử ma* (Phạn: *Mrtyu-māra*): làm phân tán thân tứ đại của chúng sinh, gây ra sự chết chóc, làm cho người tu hành không thể kéo dài huệ mạng.

4/. *Thiên tử ma* (Phạn: *Deva-putra-māra*, còn gọi: *Tha hóa tự tại thiên Tử ma, Thiên ma*): Ma vương ở tầng trời thứ 6 của cõi Dục, thường làm hại việc thiện của người, ganh ghét pháp hiền thánh, gây ra những việc

hiều loạn, làm cho người tu hành không thành tựu được thiện căn xuất thế.

Trong 4 loại ma trên, 3 loại ma trước thuộc Nội ma, loại ma thứ 4 thuộc Ngoại ma.

**III. Bốn tâm điên đảo** làm não hại chúng sinh là *vô thường, vô lạc, vô ngã và bất tịnh*. Bốn tâm điên đảo này đối lại với 4 đức “*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*” của Niết Bàn. Bốn ma : *Uẩn ma, Phiền não ma, Tử ma, Thiên tử ma* và bốn ma : *vô thường, vô lạc, vô ngã, bất tịnh* gọi chung là **Bát ma**.

\* **Tứ Nhiếp Pháp** : Phạn âm : *Catvāri samgraha-vastūni* . Còn gọi : *Tứ nhiếp sự, Tứ sự nhiếp pháp, Tứ tập vật* . Gọi tắt : *Tứ nhiếp, Tứ pháp, Tứ sự (Bốn sự)* .

Bốn phương pháp mà Bồ Tát dùng để nhiếp thụ chúng sinh, khiến họ sinh khởi tâm thân ái mà dẫn dắt họ vào Phật đạo để đạt đến khai ngộ. Nếu dịch sát theo nguyên ngữ thì phải dịch là “*Tứ chủng xả ác pháp*”.

**1. Bố thí nhiếp** (Phạn : *Dāna-samgraha*. Còn gọi: *Bố thí nhiếp sự, Bố thí tùy nhiếp phương tiện*) : Tức dùng tâm vô sở thí để truyền đạt chân lý (pháp thí) và thí xả tài vật (tài thí). Nghĩa là nếu có chúng sinh thích tài thí thì bố thí tài, nếu thích pháp thì bố thí pháp, khiến họ khởi tâm thân ái và học đạo với Bồ Tát.

**2. Ái ngữ nhiếp** (Phạn : *Priya-vāḍita-samgraha*. Còn gọi: *Năng nhiếp phương tiện ái ngữ nhiếp sự, Ái ngữ nhiếp phương tiện, Ái ngôn, Ái ngữ*) : Tùy theo căn tính của chúng sinh mà khéo dùng lời an ủi, dẫn dắt, khiến họ khởi tâm mến mộ mà theo học đạo với Bồ Tát .

**3. Lợi hành nhiếp** (Phạn : *Artha-caryā-samgraha*. Còn gọi: *Lợi hành nhiếp sự, Lợi ích nhiếp, Linh nhập phương tiện, Độ phương tiện, Lợi nhân, Lợi ích*) : Nghĩa là thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ việc lành, lợi ích chúng sanh, khiến họ sinh tâm mến mộ mà học đạo .

**4. Đồng sự nhiếp** (Phạn: *Samānāṛthata-samgraha*. Còn gọi: *Đồng sự nhiếp sự, Đồng sự tùy thuận phương tiện, Tùy chuyển phương tiện, Tùy thuận phương tiện, Đồng lợi, Đồng hành, Đẳng lợi, Đẳng dĩ*) : Nghĩa là gần gũi chúng sinh, cùng khổ, cùng vui với họ, đồng thời quán sát căn tính chúng sinh bằng pháp nhãn và phân thân thị hiện tùy theo sở thích của họ, khiến họ cùng được hưởng lợi ích, nhờ đó mà nhập đạo .

\* **Tứ Oai Nghi:** Âm theo Phạn là *Catur-vidhā iryā-pathāh*. Chỉ bốn oai nghi: **Đi** (Phạn: **Gamana**), **đứng** (Phạn: *Sthāna*), **nằm** (Phạn: *Saya, sayana*), **ngồi** (Phạn: *Nisadyā*).

Đây là phép tắc mà tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni phải tuân giữ, tức là những động tác đi, đứng, nằm, ngồi hằng ngày phải nghiêm cẩn, không được buông lung và giải đãi để giữ gìn sự nghiêm túc và trang trọng. Ba nghìn oai nghi, 8 muôn tế hạnh trong Phật giáo đều không ngoài 4 động tác đi, đứng, nằm, ngồi; Nói chung cho rằng 4 oai nghi: *Đi nhẹ nhàng như gió, ngồi vững vàng như chuông, đứng thẳng như tùng bách và nằm khoan thai như cung là quan trọng nhất*. Về sự chế định ra pháp qui Tứ Oai Nghi trong các kinh luận và các nhà thường có giới chế, ở đây y cứ vào 4 việc đi, đứng, nằm, ngồi mà luận.

**1/. Đi:** Theo Giáo Giới Luật Nghi của ngài Đạo Tuyên thì lúc đi không được buông lỏng hai tay và liếc nhìn 2 bên, phải nhìn thẳng về phía trước độ 7 thước để tránh đạp trùng kiến và không được đi mau, cũng không được đi chung với người nữ, người say rượu.

*Đại Minh Tam Tạng Pháp số 18* ghi: Người tu tập đối với cử chỉ bước đi, tâm không rong ruổi, không thô tháo, thường an trụ trong chánh niệm để thành tựu tam-muội, thực hành đúng như pháp. Ngoài ra, đi qua đi lại nhiều lần trong một khu vực nhất định gọi là kinh hành, được thực hành sau khi thụ thực để tu dưỡng thân tâm.

**2/. Đứng:** Theo điều tại sư tiên lập pháp trong Giáo Giới Luật Nghi thì không được đứng ngay ở phía trước và phía sau thầy, không được đứng quá xa hoặc quá gần, không được đứng ở chỗ cao, chỗ trên gió, phải đứng hai bên thầy cách chừng 7 thước (khoảng 2m).

*Đại Minh Tam Tạng Pháp số 18* ghi: Người tu đạo không đứng phi thời, hễ đứng chỗ nào thường nhớ nghĩ cúng dường Tam Bảo, khen ngợi kinh pháp, nói mọi người nghe, tư duy nghĩa kinh, đó là trụ đúng pháp.

*Đại Tỳ-kheo Tam Thiên Oai Nghi, thượng* có nêu ra 7 chỗ: Chỗ ồn náo, Chỗ sát sinh, chỗ cúng tế, dưới cầu, đầu cầu, chỗ biên giới và chỗ vắng vẻ là chỗ trụ của ác quỷ, Tỳ-kheo không nên trụ (đứng) ở những chỗ ấy.

**3/. Ngồi:** Theo *Giáo Giới Luật Nghi*, chưa được mời ngồi không được ngồi, không được ngồi chung giường, nếu khi ngồi mà chân không chấm đất thì không được ngồi.

Theo *Đại Minh Tam Tạng Pháp số 18* thì người tu tập phải ngồi kiết già, quán kỹ thật tướng, dứt hẳn duyên lự, lóng lạng rỗng rang, nghiêm túc oai nghi, đó là ngồi đúng như pháp.

*Đại Tỳ-kheo Tam Thiên Oai Nghi, thượng ghi:* không được ngồi kế người nữ, khi ngồi trên giường không được nhớ nghĩ, khen ngợi việc thế gian. Trong Phật giáo, khi ngồi phải trải tọa cụ, thông thường đều ngồi kiết già, bán già, nếu khi mệt mỏi thì được duỗi một chân nhưng không được duỗi cả hai chân.

**4/. Nằm:** Theo *Giáo Giới Luật Nghi, Đại Tỳ-kheo Tam Thiên Oai Nghi, thượng*, khi nằm phải trải ngọa cụ, đồng thời dùng tay phải làm gối, hông phải phía dưới, tay trái để trên đầu gối, hai chân chồng lên nhau, mặt hướng ra ngoài, không được nhìn vách, không được ở trần, nhớ nghĩ việc ác ...

Theo *Đại Minh Tam Tạng Pháp số 18* thì người tu đạo không nằm phi thời, vì điều nhiếp thân tâm mà tạm nằm, khi nằm phải nằm nghiêng hông bên phải và nằm cho khoan thai, không quên chính niệm, tâm không mê loạn, đó là nằm đúng như pháp.

*Tứ Oai Nghi đi, đứng, ngồi, nằm nói trên nếu thêm hai việc nói, nín thì thành “Lục tác”.*

Ngoài ra, theo *Quán Kinh Sớ Tán Thiện Nghĩ của ngài Thiện Đạo*, khi đi, đứng, ngồi, nằm nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà, niệm niệm không bỏ, gọi là *Chính định nghiệp*.

\* **Tứ Quả (thánh):** Chỉ bốn loại Thánh quả khác nhau của Thanh văn thừa. Các nhà phiên dịch cũ dùng tên Phạn gọi bốn quả đó là: 1. Tu-đà-hoàn, 2. Tư-đà-hàm, 3. A-na-hàm, 4. A-la-hán. Các nhà phiên dịch mới gọi bốn quả đó là: 1. Dự-lưu, 2. Nhất-lai, 3. Bất-hoàn, 4. A-la-hán.

\* **Tứ Thiên Vương :** Âm theo Phạn: *Caturmahārājika-deva* ; Còn gọi: *Tứ Đại Vương Chúng Thiên, Tứ Thiên Vương Thiên, Tứ Đại Thiên Vương Chúng Thiên*.

Là tầng trời thứ nhất trong 6 tầng trời cõi Dục, tầng trời đầu tiên trong các thiên xứ. Trong thế giới quan của Phật giáo, ở tầng thứ 4 của núi Tu-Di có 1 ngọn núi tên là *Do-kiền-đà-la*, núi có 4 đỉnh, Tứ Thiên Vương và bộ chúng của mỗi vị đều ở 1 trong 4 ngọn và đều trấn hộ 1 cõi nước, 1 châu, nên gọi là *Hộ Thế Tứ Thiên Vương, Tứ Trấn*, chỗ ở của 4 vị này gọi là "*Tứ Vương thiên*". Tứ Thiên Vương gồm: *Trì Quốc Thiên* (Phạn: *Dhrtarāstra*) ở phía Đông, *Tăng Trưởng Thiên* (Phạn: *Virūdhaka*) ở phía Nam, *Quảng Mục Thiên* (Phạn: *Virūpākṣa*) ở phía Tây và *Đa Văn Thiên* (Phạn: *Dhanada* hoặc *Váisravana*) ở phía Bắc. *Tứ Vương Thiên* và *Đao-Lợi Thiên* gọi chung là *Tứ Vương Đao-Lợi*.

Tuổi thọ của Tứ Thiên Vương và thiên chúng là 500 tuổi, 1 ngày đêm ở cõi này tương đương với 50 năm ở nhân gian. Thân các vị này cao nửa do-tuần, thiên y dài 1 do-tuần, rộng nửa do-tuần, nặng nửa lượng; lúc mới sinh đã tương đương với đứa trẻ 5 tuổi ở nhân gian, sắc tướng viên mãn và có mặc y phục. Trong 6 tầng trời cõi Dục, phạm vi cõi trời này rất rộng.

Sự tích *Tứ Thiên Vương* này và *Phạm Thiên* cùng thủ hộ Phật pháp thấy rải rác trong các kinh, cho nên xưa nay tín ngưỡng đối với *Tứ Thiên Vương* rất hưng thịnh nhất là Nhật Bản.

✱ **Tứ trọng tội (Bốn tội nặng):**

1. Còn gọi: Tứ trọng cấm, **Tứ trọng giới**; Tức là 4 tội Ba-La-Di: **Dâm, đạo, sát, vọng**.

2. Thêm nữa, Mật-giáo còn có riêng Tứ trọng cấm của Tam-muội da-giáo, gồm có: 1. Xả chính Pháp, 2. Xả Bồ-Đề tâm, 3. Khan lận thảng Pháp, 4. Nã hại chúng sanh. Đó cũng là bốn tội ba-la-di.

✱ **Tứ tướng giải thoát** : là bốn tướng nghĩa của Kinh Đại Bát Niết Bàn.

- 1/. Tự chánh :Tu hành tự độ theo chánh pháp.
- 2/. Chánh tha: Giác ngộ cho đời.
- 3/. Hay Tùy Vấn đáp: Thể hiện năng lực trả lời mọi nghi vấn của người khác.
- 4/. Khéo hiểu nghĩa nhưn duyên các pháp.

\* **Tứ Y** : Phạn âm: *Catvari pratisaranani*. Tứ Y là bốn điều y chỉ. Gồm có 5 loại :

**I/. Pháp Tứ Y (Bốn Pháp Y)** : Theo *Phẩm Tứ Y, kinh Đại Bát Niết Bàn* thì Bốn Pháp Y là bốn thứ Chính pháp mà người tu đạo y chỉ, bao gồm Tứ y và Tứ bất y.

**1. Y pháp bất y nhân** (Phạn: *Dharma-pratisaranenabhavitavyam na pudgala- pratisaranena*; Còn gọi: *Tùy pháp bất tùy nhân, Quy út pháp bất thủ nhân*) : Người tu đạo nên lấy giáo pháp làm sở y, không nên lấy người làm sở y. Nếu người ấy tuy là phạm phu hoặc ngoại đạo nhưng đạo lý do người ấy nói ra khế hợp với chính pháp thì cũng có thể tin nhận vâng làm; Trái lại, nếu người ấy tuy hiện thân Phật đầy đủ tướng hảo nhưng những lời do người ấy nói ra không khế hợp với chính pháp thì phải tự xa lìa, không nên y chỉ vào đó.

**2. Y liễu nghĩa kinh bất y bất liễu nghĩa kinh** (Phạn: *Nitartha-sutra-pratisaranenabhavitavyam na neyārtha-sutra-pratisaranena*; Còn gọi: *Tùy liễu nghĩa kinh bất tùy bất liễu nghĩa kinh, Quy út yếu kinh bất mê hoặc*) : Trong Tam tạng có kinh liễu nghĩa, kinh bất liễu nghĩa, người tu đạo phải lấy quyết định liễu nghĩa kinh chỉ bày nghĩa Trung đạo thật tướng làm sở y, không nên lấy kinh bất liễu nghĩa làm sở y.

**3. Y nghĩa bất y ngữ** (Phạn: *Artha- pratisaranenabhavitavyam na vyanjana-pratisaranena*; Còn gọi: *Tùy nghĩa bất tùy tự, Thủ nghĩa bất thủ ngữ*) : Người tu đạo nên lấy Trung đạo đệ nhất nghĩa làm sở y; không nên lấy sự biểu hiện của văn tự, ngữ ngôn làm sở y.

**4. Y trí bất y thức** (Phạn: *Jnana- pratisaranenabhavitavyam na vijñāna- pratisaranena*; Còn gọi: *Tùy trí bất tùy thức, Quy huệ bất thủ sở thức*) : Người tu đạo nên lấy chân trí huệ làm sở y, không nên lấy tình thức nhân gian làm sở y.

\* **Từ Bi** : Phạn âm : **Từ** là *Maitrya, Maitru* ; **Bi** là *Karuna*. Dịch nghĩa là thương yêu và cứu giúp. Đây là tinh thần cơ bản nhất của Phật giáo.

Từ là thương yêu chúng sinh và ban cho họ sự an lạc (dỡ lặc), Bi là đồng cảm với sự đau khổ của chúng sinh, thương xót chúng sinh và đoạn trừ sự đau khổ (bạt khổ) của họ; gọi chung là Từ Bi. Lòng Từ Bi của Phật là trạng thái đồng tâm đồng cảm, lấy nỗi khổ của chúng sinh làm nỗi khổ



của mình, nên gọi là Đồng thể đại bi. Tâm bi này rộng lớn vô tận, nên gọi là Vô Cái đại bi (không có gì rộng hơn, lớn hơn, cao hơn tâm bi này).

*Luận Đại trí độ* 29 xếp Từ và Bi vào Tứ Vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả), theo thứ lớp gọi là Từ vô lượng và Bi vô lượng. Còn theo *Luận Đại trí độ* 40, *Kinh Đại Bát Niết Bàn 15 (bản Bắc)* ... thì Từ Bi có 3 loại:

1. *Sinh duyên từ bi*: còn gọi Hữu tình duyên từ, Chúng sanh duyên từ; Tức xem tất cả chúng sinh như con đở mà ban vui cứu khổ cho họ, đây là từ bi của phàm phu. Nhưng tâm từ bi lúc đầu tiên của Tam thừa (Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát) cũng thuộc loại sinh duyên từ bi, nên cũng gọi là *Tiểu Từ*.

2. *Pháp duyên từ bi*: Tâm từ bi khởi lên do khai ngộ được chân lý các pháp là vô ngã; là tâm từ bi của Nhị thừa vô học (A-La-Hán) và hàng Bồ Tát từ Sơ địa trở lên, nên gọi là *Trung Từ*.

3. *Vô duyên từ bi*: Tâm từ bi bình đẳng tuyệt đối khởi lên do xa lìa các kiến giải sai biệt, không có tâm phân biệt. Đây là tâm đại bi chỉ riêng Phật mới có, hàng phàm phu và Nhị thừa không thể phát khởi, nên đặc biệt gọi là Đại Từ Đại Bi (Mahā-maitri-mahā-karunā), Đại Từ Bi. Ba loại từ bi nói trên được gọi chung là Tam duyên Từ Bi, Tam chủng duyên từ hoặc Tam từ.

\* **Từ Phụ** : *Cha lành*. Tiếng tôn xưng Phật. Đối với chúng sinh trong Tam giới và Lục đạo, Phật là *Cha lành*.

*Niết Bàn Kinh* có nói: Phật nhớ tưởng các chúng sinh như *Cha lành* thương con đở.

*Phẩm An Lạc Hạnh 14, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa* nói: Bực Bồ Tát thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết kinh Pháp Hoa, đối với chúng sinh, nên khởi lòng đại bi; đối với chư Phật Như Lai, nên tưởng là *Cha lành (Từ phụ)*; đối với chư Bồ Tát, nên tưởng là bực Đại sư.

\* **Tử Ma** : Âm theo Phạn: *Mrtyu-māra* ; Từ đồng nghĩa: **Tử thân**.

Tử ma là ma đoạn dứt mạng sống của con người; một trong bốn ma (*Uẩn ma, Phiền não ma, Tử ma, Thiên ma*).

Theo *Luận Đại Trí Độ* 5, nếu chúng được pháp tính thân thì phá trừ được Tử ma.

\* **Tự Chứng** : là nhờ tự lực mà chứng ngộ chân lý đệ nhất nghĩa.

*Đại Nhật Kinh Nghĩa Thích Diễn Mật Sao 2*, ghi : Chỉ chư Phật mới có khả năng tự chứng, không từ người khác mà được; trí sâu xa mà Phật tự chứng, dù có thần lực gia trì cũng không thể nào truyền trao cho người khác.

\* **Tự Tại**: Âm theo Phạn là *Isvara, Vāsītā*; Hán-Việt gọi là *Y-Thấp-Phạt-La*; Còn gọi *Vô ngại, Túng nhậm*. Tự tại là tự do tự tại, tùy thuận tâm ý, làm bất cứ việc gì đều không chướng ngại. Đây là công đức mà chư Phật và Bồ Tát ở giai vị cao mới đạt được.

*Kinh Niết bàn* nêu 8 tự tại của Pháp thân Như Lai như sau:

1. Thị hiện một thân thành nhiều thân ;
2. Thị hiện thân như hạt bụi nhỏ đầy khắp thế giới Đại thiên ;
3. Thân lớn nhưng nhẹ bay đến nơi xa ;
4. Trong một cõi nước mà hóa hiện vô số thân khác nhau ;
5. Mỗi một căn đều có công dụng của năm căn (Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân), tức 5 căn hỗ dụng ;
6. Đắc tất cả pháp mà không khởi tưởng là đắc pháp ;
7. Giảng nói ý nghĩa 1 bài kệ trải qua vô lượng kiếp ;
8. Thân trùm khắp mọi nơi giống như hư không.

\* **Tự Tại Thiên** : Từ đồng nghĩa . Xem **Đại Tự Tại thiên** .

\* **Tự tha lợi** : Phạn âm: *Sva-parārtha*. Còn gọi: *Tự ích ích tha, Tự lợi lợi nhân, Tự hành hóa tha, Tự lợi tha lợi, Tự tha nhị lợi, Tự lợi lợi tha*. Đối nghĩa: *Tự giác giác tha, Tự tín giáo nhân tín ... Tự tha lợi* là làm lợi ích cho mình và giúp đỡ khiến cho người cũng được lợi ích.

*Tự lợi* là vì công đức của tự thân mà nỗ lực tu hành, nhờ quả lành do sự tu hành này mà tự được lợi ích; *Lợi tha* là làm lợi ích cho người khác, tức vì cứu giúp các hữu tình mà tận lực hành thiện. Tự lợi và *Lợi tha* nói trên gọi chung là *Nhị lợi*, chung cho 2 pháp thế gian và xuất thế gian, thành tựu 2 lợi ích này là mục đích của *Phật giáo Đại thừa*.

*Luận Thành Duy Thức 9* ghi : Năng lực của *Thắng hạnh*, tùy ý lạc mà Bồ Tát tu hành là chung cho tất cả hạnh *tự lợi, lợi tha*. Nếu nói riêng

thì 6 độ, Bồ đề Phần ... thuộc về hạnh *Tự Lợi*; Tứ nhiếp sự, Tứ vô lượng ... thuộc về hạnh *Lợi tha*.

\* **Tự tứ** : Phạn âm: *Pravāranā*. Hán âm: *Bát-lợi-bà-thích-noa, Bát-hòa-la*. Hán dịch: *Mãn túc, Hỷ duyệt, Tùy ý sự*.

*Tự tứ* là tùy thuận theo ý người khác mà tự mình nêu lên những lỗi lầm đã phạm. Ngày cuối cùng của Hạ an cư, mỗi vị Tỳ kheo tự nêu lên các tội mình đã phạm trong 3 việc thấy, nghe, nghĩ, đối trước các Tỳ kheo khác mà sám hối; sám hối thì được thanh tịnh, tự sinh vui mừng, nên gọi là *Tự tứ*. Ngày này được gọi là *Tăng tự tứ nhật, Tăng thụ tuế nhật*. *Thiên Tự Tứ Tông Yếu* trong *Tứ Phần Luật San Phồn Bồ Khuyết Hành Sự Sao, thượng, phần 4* ghi: Phật chế Hạ an cư 90 ngày, khiến tăng chúng nhóm họp một chỗ tinh luyện thân tâm, bền giữ giới hạnh, làm cho đạo hạnh thêm trong sáng. Nhưng phần nhiều không nhận thức được việc làm của mình, không tự thấy những lỗi lầm đã phạm, nên phải nhờ đại chúng từ bi chỉ bảo, vì thế đến ngày *Tự tứ* phải hết lòng bày tỏ tội lỗi của mình, thỉnh đại chúng dạy răn, bấy giờ mới hiển bày được những lỗi bên trong, lầm bên ngoài. Nhờ sự phát lồ sám hối này mà được thanh tịnh.

*Luật Ma-ha Tăng kỳ 27* có nói rõ về nghi qui *Tự tứ*. Lại cho rằng Hạ an cư bắt đầu vào ngày 16 tháng 4, thì ngày *Tự tứ* là 15 tháng 7; nếu bắt đầu vào ngày 16 tháng 5 thì ngày *Tự tứ* là 15 tháng 8. *Kiên-độ Tự tứ* trong *luật Thập tụng 23* ghi : Phật không cho phép tăng chúng thực hành phi pháp biệt Tự tứ, phi pháp hòa hợp Tự tứ, hữu pháp biệt Tự tứ, chỉ cho phép thực hành *hữu pháp hòa hợp Tự tứ*.

\* **Tỳ Gia** : là từ viết tắt của thành **Tỳ-xá-li** (mới viết là **Tì-xá-li**) còn có tên gọi khác là *Phệ-xá-li, Tì-da-li, Tiết-xá-li, Tì-quán-đa, Duy-la, Duy-tà*; Hán dịch: *Quảng Bác, Quảng Nghiêm*; Từ Phạn: *Vaisāli*. Đây là tên một nước miền trung Ấn-Độ, một trong 16 nước lớn của Ấn-Độ, là chỗ ở của dân tộc *Li-xa* (Phạn: *Licchavi*).

*Theo kinh Đại Du Hành, Trường A-Hàm 3*, lúc đức Phật còn tại thế, dân chúng Li-xa ở nước này rất phồn vinh, Đức Phật nhiều lần du hành thuyết pháp, dân chúng đều kính tin Phật giáo. *Theo Đại Đường Tây Vực Ký 7*, nước này rộng hơn 5000 dặm, đất đai màu mỡ, phong tục thuần mỹ, có hơn vài mươi đền thờ trời, có nhiều đạo khác nhau, cách phía Tây Bắc

của đô thành chừng 5, 6 dặm có 1 ngôi Già-lam, chư Tăng ở đây học theo pháp *Chính Lượng Bộ*; phía Đông của thành có tháp kỷ niệm những di tích chứng quả của ngài *Xá-Lợi-Phất*; cách phía Đông Bắc của thành 3 dặm có tháp của Đại Sĩ *Duy-Ma-Cật*, gần đó là chỗ hiện bệnh nói pháp của Cư sĩ *Duy-Ma* và tháp kỷ niệm nhà cũ của nàng *Am-Một-La*, phía Tây Bắc của thành là tháp kỷ niệm chỗ ở sau cùng của Đức Phật, Phật từng ở đây nói *kinh Duy-Ma, kinh Dục Sư*. Sau khi đức Phật nhập diệt 100 năm, 700 vị hiền Thánh kết tập kinh điển lần thứ 2 tại nơi đây. Vị trí của thành này hiện nay tương đương vùng Besar thuộc bờ đông sông Gandak, bờ Bắc sông Hằng ở Ấn-Độ.

\* **Tỳ Già La luận (Tỳ-Dà-La luận):** Phạn âm : *Vyākaraṇa*. Còn gọi: *Tỳ-già-la luận, Tỳ-da-yết-thích-nam luận, Tỳ-hà-yết-thích-noa luận*. Gọi tắt : **Tỳ Già**. Hán dịch : *Phân giải, Phân biệt*. Cựu dịch : *Tự Bản luận, Thanh Minh Ký luận*.

*Tỳ-Già-La luận* là bộ luận giải thích âm vận và ngữ pháp của văn tự Ấn Độ; một trong 6 bộ luận của ngoại đạo ở Ấn Độ. Theo *Đại Từ Ân Tự Tam Tạng Pháp Sư Truyện 3* thì *Tỳ-Già-La luận* do Phạm Vương nói, vốn có 100 vạn bài tụng, trời Đế Thích lược thành 10 vạn bài tụng, về sau lại có một vị Bà-la-môn người nước Kiện-đà-la là Ba-ni-ni tiên lược lại còn 8 vạn bài tụng, 8 thiên, 32 chương, 3976 tắc.

\* **Tỳ-Kheo** : Âm theo Phạn: *Bhikṣu*. Tên gọi khác: *Bí-sô, Bức-sô, Bệ-sô, Tỳ-hộ*. Hán dịch: *Khất sĩ, Khất sĩ nam, Trì sĩ, Huân sĩ, Phá phiền não, Trì căn, Bố ma*.

*Tỳ-kheo*, chỉ người nam được độ xuất gia, thụ giới Cụ túc; một trong 5 chúng, một trong 7 chúng của giáo đoàn Phật giáo. *Luận Đại Trí Độ* ghi: *Tỳ-kheo* có 5 nghĩa:

- 1/. Khất sĩ ( người tự khất thực để nuôi sống một cách thanh tịnh).
- 2/. Phá phiền não (phá ác).
- 3/. Xuất gia.
- 4/. Trì giới thanh tịnh.
- 5/. Làm ma sợ hãi (bố ma).

Trong đó, *phá ác (phá phiền não), bố ma* và *khất sĩ* được gọi là *Tỳ-kheo tam nghĩa*, cùng 3 nghĩa *sát tặc, ứng cúng, vô sinh* trong ngũ nghĩa

của từ “A-la-hán” được gọi chung là “*Nhân quả lục nghĩa*” (Tỳ-kheo là *nhân*, A-la-hán là *quả*).

Về chủng loại Tỳ-kheo, *Luật Thập tụng 1* và *Luận Câu-Xá 15* có nêu 4 loại: Danh tự Tỳ-kheo (còn gọi: *Danh tướng Tỳ-kheo*: Tỳ-kheo hữu danh vô thực), Tự ngôn Tỳ-kheo (còn gọi: *Tự xưng Tỳ-kheo*: Người tự xưng mình là Tỳ-kheo), Vị khát Tỳ-kheo (còn gọi: *Khất cái Tỳ-kheo*: Người đi khất thực để sinh sống) và Phá phiền não Tỳ-kheo (còn gọi: *Phá ác Tỳ-kheo*; Tỳ-kheo chân thật). *Luật Tứ Phần 1* thì nêu 7 loại Tỳ-kheo: Danh tự, Tương tự, Tự xưng, Thiện lai, Khất cầu, Trước cát tiệt y và Phá kiết sử.

Về số giới điều mà Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni giữ gìn tùy theo luật mà có khác nhau. Tứ phần Giới Bản có thuyết Tỳ-kheo 250 giới, Tỳ-kheo-ni 348 giới.

\* **Tỳ-Kheo-Ni**: Âm theo Phạn là *Bhiksuni* ; Gọi tắt là *Ni* ; Tên gọi khác là: *Bí-sô-ni, Tì-hô-ni, Bức-xơ-ni* ; Hán dịch là: *Khất sĩ nữ, Trừ nữ, Huân nữ*.

Tỳ-kheo-ni là tên gọi cho người nữ được độ xuất gia, thọ giới Cụ túc (348 giới điều). Tỳ-kheo-ni ở Ấn-Độ bắt đầu có từ khi Đức Thích Tôn cho phép Di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề xuất gia, thọ giới Cụ túc.

\* **Tỳ-Sa-Môn** : Phạn: *Vaisravana*. Hán âm: *Tì-sa-môn*, Còn gọi: *Tì-xá-la-bà-noa thiên, Tì-xá-la-môn thiên, Tì-thất-la-muôn-nang thiên, Phệ-thất-na-mạt-noa thiên, Câu-phệ-la* (Phạn: *Kubera, Kwera*) *thiên*. Hán dịch là *Đa Văn thiên, Biến Văn thiên, Phổ Văn thiên, Chủng Chủng Văn thiên*.

*Đa Văn Thiên Vương* là vị trời thủ hộ Phật pháp, trụ ở phía Bắc núi Tu-Di, giữ gìn phía Bắc cõi Diêm-phù-đề. Là một trong bốn vị Thiên Vương nói trong kinh Phật. Vị Thiên Vương này thống lãnh La-sát, Dạ-xoa, có năng lực oai đức rộng lớn, được Phật phó chúc hộ trì chính pháp, giữ gìn quốc gia. Vì trong tay vị Thiên Vương này có cầm tháp *Xá-Lợi Cổ Phật* nên thường gọi là *Thác Tháp Thiên Vương*. Đời Đường, Tống, vua có ban sắc cho quân đội ở các châu phủ xây dựng *Thiên Vương đường* để thờ phụng vị Thiên Vương này. Đời Nguyên thường vẽ hình tượng vị Thiên Vương này trên cờ, được xếp vào Sổ Diêm Bà.

\* **Tỳ-Xá** : Phạn âm : *Váisya* . Còn gọi : *Phệ-xa, Phệ-xá, Tỳ-xa, Bệ-xa* .  
Hán dịch : *Cư sỹ, Điền gia, Thương cổ* . *Tỳ xá* là giai cấp bình dân, đứng thứ 3 trong 4 giai cấp ở xã hội Ấn Độ, tức chỉ chung những người sống bằng nghề làm ruộng, chăn nuôi, công nghiệp, buôn bán .

\* **Tỳ-Xá-Khư** : Còn gọi : **Lộc Tử Mẫu** (Phạn âm: *Mrgāra-mātr*, Hán âm: *Mật-lợi-già-la-ma-đa*, Hán dịch: *Lộc mẫu, Lộc mẫu phu nhân*).

*Tỳ-xá-khư* là vị Ưu-bà-di đắc sơ quả, sống vào thời Đức Phật còn tại thế, là con gái của Trưởng giả nước Ưng-già. *Lộc Tử Mẫu* từng phát 8 nguyện lớn trước Đức Phật :

- Cúng dường thức ăn cho Tỳ-kheo từ ngoài đến .
- Cúng dường thức ăn cho những Tỳ-kheo đi xa.
- Cúng dường thức ăn cho Tỳ-kheo đang bệnh .
- Cúng dường thuốc men và những vật dụng khác cho những Tỳ-kheo bị bệnh .
- Cúng dường thức ăn cho người nuôi bệnh .
- Cúng dường cháo cho Tỳ-kheo .
- Cúng dường áo mưa .
- Cúng dường áo tắm .

Ngoài ra, bà còn cúng dường tài vật để xây dựng giảng đường Đông Viên Lộc Mẫu cho Phật và các đệ tử của Ngài ở .

\* **Tỳ-Xá-Ly**: *xem Tỳ-Gia*.



# U

\* **U Minh** : Nơi sâu kín tối tăm, chốn u u minh minh, chốn u đồ, miền âm cảnh, nơi địa ngục, ngạ quỷ . Cũng gọi : *U minh giới*. Như trong “*Địa Tạng Kinh*” gọi ngài Địa Tạng Bồ Tát là U minh Giáo chủ . *Vô Lượng Thọ kinh* ghi : Làm dữ mang tội, chịu tai vạ, cầu trong giải thoát, khó được ra khỏi. Đời sau khi thác càng sâu, càng dữ, vô chốn u minh, chuyển cái thân này mà chịu cái thân khác .Cho nên có 3 nẻo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) bán đổi cái mình, thay hình đổi nẻo .



# Ủ

\* **Ưu-Ba-Nan-Đà:** Phạn âm : *Upananda*; Tên gọi khác: *Bà-nan-đà long vương*, *Bạt-nan-đà long vương*; Hán dịch: *Trùng Hỷ long vương*, *Diên Hỷ long vương*, *Đại Hỷ long vương*, *Hiền Hỷ long vương*. Ưu-ba-nan-đà là một trong 8 vị Đại long vương, huynh đệ với Nan-đà long vương; cho nên thường gọi ghép tên 2 vị long vương này là Nan-đà Bạt-nan-đà. Ưu-ba-nan-đà khéo thuận ứng theo tâm người, điều hòa gió mưa, được bách tính hoan hỉ, nên được gọi là Đại Hỷ.

Theo Kinh Tăng Nhất A-Hàm 28, thuở xưa, khi Đức Phật lên cõi trời Tam Thập Tam thuyết pháp độ mẹ thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà long vương thấy các Sa-môn đệ tử Phật bay lên cõi trời bèn khởi tâm sân khuể, muốn phun lửa, gió dữ để ngăn lại. Sau, được Ngài Mục-Kiền-Liên hàng phục bèn theo đại chúng đến chỗ Phật nghe Pháp. Trong các kinh Đại Thừa, các Long Vương được coi là Long Thần Hộ Pháp, thường được liệt vào trong các hội thuyết pháp của Phật, như *Phẩm Tự trong Kinh Pháp-Hoa 1*, *Phẩm Thọ Mạng trong Kinh Niết-Bàn 1 (bản Bắc)*. Kinh *Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả 1* cũng ghi: Khi Đức Phật giáng sinh, từ trên hư không, 2 vị long vương này đã phun nước sạch, một ấm một lạnh để tắm thân Thái Tử.

Trong Mật giáo, Ưu-ba-nan-đà và Nan-đà đều được xếp vào bên trái trong 3 cửa Nam, Tây và Bắc ở Ngoại Kim Cương Bộ thuộc *Mạn-đồ-la Thai Tạng giới*. Đại Nhật Kinh Sớ 5 (Đại 39, 635 thượng) ghi: “Trong lớp chái nhà cong thứ 2 có an trí 2 vị long vương, bên phải là Nan-đà, bên trái là Bạt-nan-đà. Trên đầu các tôn vị này đều có 7 đầu rồng, tay trái cầm đao, tay phải cầm dây tơ, đứng trên mây”.

\* **Ưu Bát La:** Phạn âm : *Utpala*. Gọi tắt là *utu-bát*, còn gọi *Ô-bát-la*, *Âu-bát-la*, *Ưu-bát-lạt*, là tên một loại hoa, dịch là Thanh liên hoa (hoa sen xanh), Đại hoa, Hồng liên hoa (hoa sen đỏ).

Theo *Tuệ yển Âm nghĩa* (q.thượng): “Ưu bát la, nói đầy đủ là Ni-la-ô-bát-la. Ni-la có nghĩa là xanh. Ô-bát-la là tên hoa. Lá của nó dẹt



dài, gần cuống thì hơi tròn, phía đầu nhỏ dần, giống như mắt Phật, trong kinh thường hay dẫn dụ, cành hoa như ngó sen, có gai”.

\* **Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di**: Còn gọi : Cận sự nam (Phạn: *Upāsaka*), Cận sự nữ (Phạn: *Upāsikā*). Là các Thiện nam, Tín nữ tu tại gia, thọ trì 5 giới. Tuy cái thân thì ở xa Tam Bảo, nhưng cái tâm chẳng lìa Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng).

Theo Phật Bản Hạnh Tập Kinh 32, hai thương nhân *Trapusa* và *Bhallika* là 2 cận sự nam đầu tiên.

\* **Ưu-Đàm hoa** : Còn gọi: *Thụy Ứng hoa*; Âm theo Phạn: *Udumbara*; Âm Hán-Việt: *Ưu-đàm-ba-la*; Là một loại hoa, khi xuất hiện báo hiệu cho điềm lành ít có.

*Pháp Hoa Văn Cú 4, thượng (Đại 34, 49 trung)* ghi: “Ưu-đàm hoa, Hán dịch là Linh Thụy, 3000 năm mới xuất hiện một lần, hoa này xuất hiện thì có Kim Luân Vương ra đời”.

\* **Ưuc** : Ghi nhớ chuyện quá khứ, chỉ tâm ghi nhớ một đối tượng nào đó không quên . *Đại Thừa Nghĩa Chương 2* ghi : “Thường nhớ giữ một việc nào đó, không thể lìa bỏ, gặp duyên liền nhớ lại gọi là Ưuc”.

\* **Ưuc Niệm** : Phạn âm : *Smṛti*. Ghi nhớ và gìn giữ không quên. Thông thường chỉ cho niệm niệm không quên Đức Phật hoặc công đức của Chư Phật. Tịnh Độ Chân Tông ở Nhật Bản có khi cho rằng Ưuc niệm là tên khác của Tín tâm .

\* **Ứng Cúng**: Âm theo Phạn là *Arhat, Arhant*. Hán dịch là *A-la-hán, A-la-ha*. Tên gọi khác là *Ứng chân, Ứng*; Đó là một trong mười danh hiệu của đức Phật. Chỉ bậc đã đoạn kết tất cả phiền não, trí đức tròn đầy, xứng đáng được trời, người cúng dường, tôn kính.

*Thiền Uyển Thanh Quy 8 (Vạn Tục 111, 460 hạ)* ghi: “Tăng là đệ tử Phật, không khác với bậc Ứng Cúng, chư thiên và loài người đều cung kính”. Ngoài ra, trong Phật giáo Tiểu thừa, Ứng Cúng chỉ bậc Thánh đã chứng quả vô học.



# V

\* **Vân du** : Hành giả đến các nơi tham học, hành cước, như mây trôi theo gió, không đứng ở một nơi nào . Có khi dùng “*vân du bình ký*” (*mây trôi bèo nổi*) để dụ cho người học đạo không có nơi cư trú nhất định, giống như mây trôi bèo nổi .

\* **Vân Thù Sư Lợi**: Cũ gọi là *Vân-Thù-Sư-Lợi*, *Mãn-Thù-Thất-Lợi*. Mới gọi là *Mạn-Thù-Thất-Lợi*. *Vân-Thù* hoặc *Mạn-Thù* có nghĩa là Diệu. *Sư-Lợi* hoặc *Thất-Lợi* có nghĩa là Thủ (đầu), có nghĩa là Đức, là Cát tường. Vị Bồ Tát này là một đôi với ngài Phổ Hiền, thường đứng hầu ở bên trái đức Thích Ca Như Lai, coi về trí tuệ còn có hiệu là *Pháp Vương Tử* (Phổ Hiền ở bên phải, coi về Lí).

\* **Vi diệu** : Huyền bí và tinh tế. Cái pháp thể sâu kín, ẩn nệm, thanh tịnh, ấy là vi. Tinh thông, khéo léo, đẹp đẽ tuyệt trần, không có thể dùng ý mà xét, dùng lời mà bàn, ấy là diệu.

Như : Pháp Phật là Pháp vi diệu. Cảnh Cực lạc thế giới là cảnh vi diệu. Phép thiền định (Tam muội) của Chư Thánh là phép vi diệu.

\* **Vi mật** : Vi diệu và bí mật. Những pháp kín đáo huyền bí không có thể truyền cho kẻ phàm tục, không để cho kẻ ngoại đạo biết, vì họ không hiểu nổi, không thi hành được mà thành ra có hại cho họ. Có những phép vi mật mà giữa Phật với Phật biết với nhau, Bồ Tát với Bồ Tát hiểu với nhau, thầy trò đồng môn phái truyền thọ cho nhau.

\* **Vi Tế**: Nhỏ mà mịn, khó mà phân tích ra. Vi tế đối lập với thô trọng. Như phiền não có vi tế, có thô trọng. Những kẻ ngu đần, chậm lụt thì vướng các mối phiền não thô trọng. Còn những bậc khôn lanh, sắc sảo thì còn nhiễm những mối phiền não vi tế. Cho nên các hàng Tiên ở cõi Sắc Giới và cõi Vô Sắc Giới cũng còn phiền não vi tế.

\* **Vi trần:** Âm theo Phạn: *Anu-rāja*. Sắc thể cực nhỏ không thể phân chia được là cực vi (*Paramanu*). Lớn hơn vi trần 7 lần là Kim trần. Kim trần là vật thể có khả năng qua lại trong các kẽ hở của kim loại.

\* **Viên dung:** *Viên dung* nghĩa là *viên mãn dung thông*, không hề chướng ngại. Tức mỗi sự mỗi vật đều có khả năng bảo trì lập trường vốn có của nó, viên mãn không thiếu khuyết, lại là một thể hoàn chỉnh, có khả năng dung nhiếp giao xen nhau, không mâu thuẫn, xung đột mảy may. Chúng cách ly lẫn nhau, mỗi pháp đều độc lập, gọi là “*Cách lịch*”; *Viên dung* và *Cách lịch* có mối quan hệ đối lập, vừa tuyệt đối vừa tương đối. Cái gọi là “*Hàng bố môn*” của *tông Hoa Nghiêm* là một loại pháp tu từ cạn đến sâu, theo thứ lớp tiến lên dần; “*Viên dung môn*” đối lập với “*Hàng bố môn*”, cho rằng dù ở phẩm vị thấp nhất cũng có thể hoàn thành sự giác ngộ cứu cánh cùng cực. Ngoài ra, *tông Thiên Thai* y cứ vào Thật tướng nhất lý nói trong *Kinh Pháp-Hoa* lập ra các giáo nghĩa: *Viên dung tam đế*, *Viên dung tam quán*, còn *tông Hoa Nghiêm* thì y thuyết Pháp giới vô tận duyên khởi nói trong *Kinh Hoa Nghiêm*, lập ra các giáo nghĩa: *Sự sự vô ngại*, *Lục tướng viên dung*.

\* **Viên giác:** Tất cả loài hữu tình đều có bản giác, có chân tâm, từ vô thủy đến nay, thường trụ thanh tịnh, sáng sủa không tối, rõ ràng thường biết. Về mặt *thể* gọi là nhất tâm; Về mặt *nhân* gọi là Như Lai tạng; Về mặt *quả* gọi là Viên giác. Viên giác có nghĩa là cái linh giác viên mãn. Kinh *Viên Giác*: “*Này Thiện nam tử ! Đức Vô Thượng Pháp Vương có pháp môn Đại Đà-La-Ni gọi là Viên giác, nó có đủ hết cả: Thanh tịnh, Chân như, Bồ đề, Niết bàn và Ba-la-mật, nay giảng dạy truyền cho các vị Bồ Tát*”. Đức Phật muốn cho các Bồ Tát chứng được pháp môn Viên giác này, nên giảng thuyết Kinh *Đại Phương Quảng Viên Giác Tu-Đa-La* liễu nghĩa.

\* **Viên mãn :** Phạn âm : *Paripūrṇa* . Viên mãn là tròn khắp đầy đủ, không hề thiếu sót . Nếu chỉ cho 18 thứ viên mãn thì gọi là *Thập bát viên mãn* hoặc *Thập bát cụ túc*. Nghĩa là quốc độ mà chư Phật (báo thân Phật) thụ dụng đầy đủ 18 việc công đức, đó là *Hiển sắc viên mãn, Hình sắc viên mãn, Phần lượng viên mãn, Phương sở viên mãn, Nhân viên mãn, Quả viên mãn, Phụ đức viên mãn, Quyển thuộc viên mãn, Trụ trì viên*

*mãn, Sự nghiệp viên mãn, Nhiếp ích viên mãn, Vô úy viên mãn, Trụ sứ viên mãn, Lộ viên mãn, Thừa viên mãn, Môn viên mãn và Y trì viên mãn. Luận Du Già Sư Địa 85 nêu Thiện thuyết pháp Tì-nại-da có 3 thứ viên mãn là Hạnh viên mãn, Quả viên mãn và Sự viên mãn. Ngoài ra, như **Tướng hảo viên mãn, Vạn đức viên mãn, Công đức viên mãn, Sở nguyện viên mãn** đều biểu thị cho ý nghĩa mỗi thứ viên mãn đều tròn khắp đầy đủ, không hề thiếu sót .*

\* **Viên quang** : Vầng ánh sáng hình tròn phóng ra từ đỉnh của Phật, Bồ Tát. *Kinh Quán Vô Lượng Thọ*, ghi :”Viên quang của đức Phật kia ví như trăm ức Tam thiên Đại thiên thế giới, trong viên quang có trăm vạn ức na-do-tha hằng hà sa Hoá Phật”.

\* **Viên thông**: Tròn khắp tất cả, viên thông vô ngại. Tức chỉ lý thật tướng mà bậc Thánh có diệu trí chứng được. Chân như do trí huệ chứng ngộ, bản chất tồn tại của nó tròn đầy tròn khắp, tác dụng của nó tự tại, có mặt trong tất cả Pháp, nên gọi là Viên thông. Lại nữa, dùng trí huệ thông đạt đạo lý hoặc thực tiễn của chân như cũng được gọi là Viên thông. *Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm 5* cho rằng 25 vị Bồ Tát mỗi vị đều có viên thông, tất cả gồm 25 viên thông: 6 trần (*sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*), 6 căn (*nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn*), 6 thức (*nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức*), 7 đại (*Địa đại, Thủy đại, Phong đại, Hỏa đại, Không đại, Kiến đại, Thức đại*). Ngoài ra, trong 25 vị Thánh trong hội Lăng Nghiêm thì Nhĩ căn viên thông của Quán Thế Âm là tối thượng, nên Ngài được gọi là Viên Thông Tôn, Viên Thông Đại Sĩ.

\* **Viên tịch** : (Đảo từ : **Tịch viên**) . Phạn âm : *Parinirvāna*. Hán âm: *Bát Niết Bàn*. Cựu dịch: *Diệt độ, Nhập diệt*. Còn gọi: *Qui tịch, Thị tịch, Nhập tịch*. Từ đồng nghĩa: *Niết-bàn, Thiên hóa, Thuận thế, Qui chân*.

Đầy đủ (viên) các công đức, vắng lặng (tịch) các điều ác. Sự nhập diệt của Đức Phật là thâm nhiếp hóa dụng ở thế giới mê vào cảnh giới giác ngộ, chẳng những viên mãn các công đức mà còn tịch diệt các điều ác nên gọi là Viên tịch. Đời sau lại dùng từ ngữ này chỉ sự qua đời của các vị tăng, tức xả bỏ cảnh hữu lậu tạp nhiễm, trở về với cảnh giới vô lậu

tịch tịnh Niết Bàn. Viên tịch cũng chỉ sự lìa khổ sinh tử, được niềm vui tĩnh diệu, cùng tận quả đức chí cực. Trong đó, nói về lìa khổ sanh tử thì bậc Hiền Thánh mạng chung liền nhập Niết Bàn, đó là Viên tịch.

\* **Vọng** : từ đồng nghĩa. Xem **Hư vọng** .

\* **Vọng chấp**: là sự chấp trước mê vọng, tức trái với lý duyên khởi, vọng chấp thật ngã, thật pháp hoặc giả danh ngôn tướng. Nói cách khác, vọng chấp chính là ngã chấp và pháp chấp.

*Luận Đại Thừa Khởi Tính (Đại 32, 577 thượng)* ghi: “Kế danh tự tướng nghĩa là nương theo vọng chấp, phân biệt giả danh ngôn tướng”.

Theo *tông Duy Thức* thì ngã chấp, pháp chấp có 2 loại là *Phân biệt khởi* và *Câu sinh khởi*:

1. *Ngã chấp và pháp chấp của Phân biệt khởi*: chịu ảnh hưởng luận thuyết của các tà giáo và tà sư, do hậu thiên sinh khởi, là sự phân biệt của ý thức dựa trên những kinh nghiệm về hiện tượng, cho nên loại vọng chấp này dễ đoạn trừ.

2. *Ngã chấp và pháp chấp của Câu sinh khởi*: thứ vọng chấp xưa nay vốn có trước khi con người sinh khởi ý thức phân biệt, tức từ vô thủy đến nay, vì chấp trước chỗ huân tập của 2 thứ hư vọng là Ngã và Pháp nên có mặt đồng thời khi mới sinh ra, đây mới thật là vọng chấp.

\* **Vọng ngôn**: còn gọi là: **Vọng ngữ**, *Cố vọng ngữ*, *Hư vọng ngữ*, *Hư cuống ngữ*, *Vọng thiệt*, *Hư ngụy*, *Khi*.

Vọng ngôn chính là nói dối. Đặc biệt chỉ sự nói dối có mục đích lừa người. Giới vọng ngữ là 1 trong 5 giới, 1 trong 10 giới.

Theo *Luật Tứ Phần 11*, Vọng ngữ thuộc về **Ba-dật-đề** (là tội cần phải hướng về chúng tăng sám hối), đây là tiểu vọng ngữ (hư ngụy bất thật). Theo *Luật Tứ phần 2*, nếu chưa được quả Bồ-đề mà nói dối được quả Bồ-đề (tức vọng xưng chứng đắc Phật đạo) thì phạm **Ba-la-di** (là tội nặng, bị giáo đoàn đuổi ra khỏi chúng tăng). Đây thuộc về Đại vọng ngữ (chưa được nói được, chưa chứng nói chứng). Ngoài ra, theo *Luận Đại Trí Độ 13*, nếu phạm giới vọng ngữ mà không có tâm sám hối thì tự đoạn mất con đường đến Niết Bàn và sinh lên cõi trời, đồng thời có 10 tội lỗi như: Miệng có mùi hôi, Thiên thần xa lìa.

\* **Vọng ngữ** : từ đồng nghĩa . Xem **Vọng ngôn**.

\* **Vọng niệm** : Tâm niệm hư vọng, tức là niệm chấp mê vọng thuộc *Vô minh hoặc*. Đây là tâm mê vọng của phàm phu không rõ biết nghĩa chân thật của tất cả pháp, cho nên chấp mọi thứ và vẽ vời ra các cảnh trạng điên đảo, sinh ra tư duy sai lầm. Theo *Luận Đại Thừa Khởi Tín*, *vọng niệm* này có công năng khuấy động biển *chân như* bình đẳng, hiện ra sóng vạn tượng sai biệt, nếu xa lìa được *vọng niệm* thì vào được cảnh giới giác ngộ.

\* **Vọng tâm** : Tâm hư vọng phân biệt, tạp nhiễm hư giả, sinh diệt chuyển biến. Tức chỉ cho vọng thức có công năng sinh khởi các nghiệp thiện ác.

Trong 4 thứ huân tập nói trong *Luận Đại thừa Khởi Tín* có thuyết “Vọng tâm huân tập”. Cảnh giới vọng tâm sinh khởi gọi là *vọng cảnh giới*; bản thể của các pháp xưa nay vô tự tính và bất khả đắc, nhưng do vọng duyên nên cho là thật có, vì thế *vọng cảnh giới* còn gọi là *vọng pháp*, *vọng cảnh*, *vọng hữu*. Sáu trần *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp* từ vọng duyên hư giả hiển hiện là đối tượng cho phàm phu hữu tình phiến não chấp trước, gọi là *vọng trần*. Ngoài ra, dùng vọng tâm phân biệt, so lường sự vật gọi là *vọng chấp*.

\* **Vọng tưởng**: Âm theo Phạn là: *Vikalpa*; Từ đồng nghĩa là: Vọng niệm, Vọng chấp; Tên gọi khác là: Phân biệt, Vọng tưởng phân biệt, Hư vọng phân biệt, Vọng tưởng điên đảo.

Vọng tưởng là dùng tâm hư vọng điên đảo phân biệt tưởng các pháp. Cũng tức là do tâm chấp trước nên không thể nào thấy biết sự vật đúng như thật, từ đó sinh ra phân biệt sai lầm.

*Kinh Lăng Già 2 (bản dịch đời Tống)* nêu 12 thứ vọng tưởng: Ngôn thuyết vọng tưởng, Sở thuyết sự vọng tưởng, Tướng vọng tưởng, Lợi vọng tưởng, Tự tính vọng tưởng, Nhân vọng tưởng, Kiến vọng tưởng, Thành vọng tưởng, Sinh vọng tưởng, Bất sinh vọng tưởng, Tương tục vọng tưởng, Phục bất phục vọng tưởng.

*Phẩm Chân Thật Nghĩa trong Kinh Bồ Tát Địa Trì 2* thì nêu 8 thứ vọng tưởng là: Tự tính, sai biệt, nhiếp thụ tích tụ, ngã, ngã sở, niệm, bất niệm và câu tương vi.

*Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm 10* thì nêu 5 thứ vọng tưởng: Kiên cố, hư minh, dung không, u ẩn và vọng tượng hư vô.

\* **Vô** : Phạn âm : A. Vô tức là không tồn tại. Phật giáo cho rằng cái gọi là Nhị biên *Hữu* hoặc *Vô* (tức một bề “thiên về Hữu” hoặc “thiên về Vô”) đều là sai lầm; chỉ có vượt qua tính đối đãi giữa *Hữu* và *Vô* mới thuộc về Chân như tuyệt đối. Trong *kinh điển Phật giáo Nguyên thủy*, thì quan niệm về “Vô” là cái “Vô” đối lại với “Hữu”, cũng tức là “phi tồn tại” đối lại với “tồn tại”. *Kinh Luận Phật Giáo Đại Thừa* càng nêu rõ nghĩa này hơn nữa, như *phẩm Quán Lục Chung, Trung luận 1* nói rằng tất cả *Hữu* và *Vô* vốn là không tồn tại; nếu có tướng thấy *Hữu*, thấy *Vô* tức là cái thấy của thiển trí. *Trung Luận 4* và *Luận Đại Trí Độ 6* ... thì dùng *Hữu*, *Vô* siêu việt tính tương đối để dứt hẳn giả thật, đoạn thương của các pháp và dùng “Vô” làm từ đồng nghĩa với “Nhất thiết giai không”. Vì các pháp đều do nhân duyên hòa hợp mà sinh nên bản tính Vô (không, vô tự tính); lại do có nghĩa “không” nên được thành Nhất thiết trí.

\* **Vô Biên** : Phạn âm : *Anantat*. Nghĩa là: to, lớn, sâu, rộng, nhiều cho đến không có bờ bến. Tức là *vô biên tế*. Đồng nghĩa với: *vô cùng, vô tận, vô lượng*.

Như: Hư không là *vô biên*, là vì ở đâu cũng có hư không, mọi vật đều ở trong hư không, không gian; nó không có bờ cõi chi cả.

Lại, Pháp giới (cõi Pháp) là *vô biên*, cõi Pháp mênh mông, quảng đại không có bờ bến. Các pháp (chư Pháp) là vô cùng ; cho nên cõi Pháp (Pháp giới) chức lấy các Pháp, cũng là *vô biên tế*.

Lại, chúng sinh cũng là *vô biên*. Là vì ở khắp nơi, trong các cõi thế giới, trải qua thời gian và không gian, đều có *chúng sinh*, nhiều không cùng, không tận. Nhưng lòng từ bi của Bồ Tát quyết độ cho tất cả. Trong *Tứ Hoàng Thệ Nguyện* có câu: *Chúng sinh vô biên, thệ nguyện độ*.

\* **Vô Căn** : Hán âm: *Bà-đa-ha-di-thi*. Vô căn là không có 5 căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. *Luận Thích Ma Ha Diễn 10*, ghi: “*Tâm chuyên nhất*,

không phân biệt nên làm hay không nên làm, giống như người Bà-đ-ha-di-thi (vô căn)”.

\* **Vô Chứng** : tức không chấp trước vào quả vị mà mình đã chứng.

*Tứ Thập Nhị Chương Kinh Chỉ Nam (Vạn Tục 59, 173 hạ)* ghi: “Cúng dường trai phạn cho trăm ức vị Bích Chi Phật không bằng cúng dường chư Phật 3 đời; cúng dường trai phạn cho nghìn ức chư Phật 3 đời không bằng cúng dường một vị Vô Niệm Vô Trụ Vô Tu Vô Chứng”.

\* **Vô Dư** : Gọi đầy đủ là **Vô dư y**. Âm theo Phạn là *Niravásesa*. Từ đối lại là Hữu dư.

*Theo Luận Đại Trí Độ 23, 31*: Vô dư là đạt đến sự cùng tận hoàn toàn, không còn sót chút gì. Y là y chỉ, còn gọi y thân, tức chỉ cho nhục thân. *Trạng thái phiền não và nhục thân hoàn toàn diệt hết, gọi là Vô dư y Niết Bàn, Vô dư Niết Bàn*. Phật đối với cõi nước, kiếp số và danh hiệu thành Phật sau này của các đệ tử, Ngài thấy biết rõ ràng và thọ ký, gọi là Vô dư ký.

\* **Vô Dư Niết Bàn** hay **Niết Bàn Vô Dư** : Phạn: *Nirupadhisesa-nirvana*. Đối lại: *Hữu dư Niết Bàn*. Tân dịch: **Vô dư y Niết bàn**. Niết bàn hoàn toàn không có chỗ nương trụ, đoạn hết Phiền não chướng, diệt hết quả khổ Dị thực do thân Ngũ uẩn tạo thành; 1 trong 4 loại Niết Bàn, 1 trong Cửu đế.

\* **Vô Động hạnh** : Còn gọi : *Bất động nghiệp* . *Vô động hạnh* là hạnh tu bất động . Nghĩa là tu thiền định hữu lậu nên được quả báu sinh lên cõi Sắc, cõi Vô Sắc ; 1 trong 3 hạnh {Phước hạnh, Tội hạnh (còn gọi: Phi phước hạnh), Bất động hạnh (còn gọi: Bất động nghiệp)}.

Vì thiền định là sự tán động của tâm nên gọi là *Vô động*, lại vì quả báu sinh lên cõi trời là nhất định không dời đổi nên gọi là *Vô động*. Nghĩa trước là nói theo Nhân, nghĩa sau là nói theo Quả .

\* **Vô Gián**: hay **Vô-gián Địa ngục** đồng nghĩa như A-tỳ Địa ngục (xem A-tỳ).



\* **Vô Hữu** : từ đồng nghĩa . Xem **Địa ngục** .

\* **Vô Khứ Vô Lai** : Còn gọi : *Vô Khứ Lai* .

*Khứ Lai* là dụng ngữ Phật giáo thường dùng để chỉ quá trình biến hóa sinh diệt của các pháp hữu vi trong ba thời gian quá khứ, hiện tại, vị lai. *Vô Khứ Lai* (Vô khứ, Vô lai) dùng để chỉ sự thường hằng của Phật tánh .

\* **Vô Lộ**: đọc theo Phạn là *Anasvara*, là không lậu tiết, không lậu lạc; tức là không có các mối phiền não. Trái với Lộ, Hữu lậu.

Con người ta vì phiền não do tham, sân, si cho nên ngày đêm để cho 6 cơ quan: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cứ lậu tiết, chảy ra, lưu thông mãi không ngừng. Ấy là Lộ. Lại nữa, những mối phiền não tham, sân, si khiến cho người ta lậu lạc, sa ngã vào trong 3 nẻo ác lụy (tam ác đạo) và sáu đường luân hồi (lục đạo). Ấy là Hữu lậu.

Cho nên nói Hữu lậu là những phàm phu chưa dứt phiền não, còn lưu luyến, còn sa ngã trong vòng luân hồi khổ nạn.

Còn Vô lậu là bậc Thánh đã dứt phiền não, thoát ra ngoài vòng luân hồi.

\* **Vô Lộ pháp** : Phạn âm : *Anāsrava-dharma*. Đối lại : *Hữu lậu pháp*.

*Vô lậu pháp* là pháp thanh tịnh xa lìa phiền não cấu nhiễm. Ba pháp vô vi : Hư không, Trạch diệt, Phi trạch diệt và các pháp Đạo Thánh để như Thất giác phần, Bát chính đạo đều không có phiền não “Tùy tăng” nên gọi là Vô lậu pháp. Trong đó, Trạch diệt vô vi là đạo quả của Niết-bàn Diệt đế, lấy ly phược (xa lìa sự trói buộc của phiền não) làm tính ; Phi trạch diệt vô vi, do duyên thiếu nên vĩnh viễn là chướng ngại sự sinh khởi của pháp vị lai ; Hư không vô vi chỉ lấy vô ngại làm tính, đều không có tác dụng, chẳng phải là chỗ nương cho các lậu “Tùy tăng”, nên đều thuộc về pháp Vô lậu . Đây chính là pháp Vô lậu vô vi. Ba mươi bảy phẩm Đạo đế là pháp Hữu vi, trong đó, chỉ có Thất giác phần, Bát chính đạo thuộc về *pháp Vô lậu*, các pháp còn lại như Tứ niệm xứ đều thuộc về *pháp Hữu lậu* .

\* **Vô Lượng** : Không thể tính lường. Chỉ sự vô hạn của không gian, thời gian, số lượng, cũng chỉ sự vô hạn của công đức Phật.

*Pháp Hoa Nghĩa Sớ 10 (Đại 34, 596 trung)* ghi : “Sáu tình không thể lường, nên gọi là *Vô lượng* ; không rơi vào 3 đời nên gọi là *Vô lượng* ; lại nói không có lượng *Không, Hữu* nên gọi là *Vô lượng*”.

\* **Vô Minh**: Phạn âm : *Avidya* . Hán âm : *A vĩ di* . Không sáng. Tâm tánh ám độn; Không hiểu rõ những pháp về Sự và về Lý. Cũng gọi là Si; Vô minh tức là tất cả phiền não. *Đại thừa nghĩa chương* có nói: Vô minh nghĩa là tâm si ám, không có cái huệ minh.

Trong *Thập Nhị Nhơn Duyên*, cái Vô minh là cái nhơn duyên đầu tay; vì vô minh (không hiểu đạo lý, nhơn quả), con người mê muội và phạm rất nhiều tội ác, rồi chịu các sự khổ não. Vì Vô minh (phiền não từ đời quá khứ), sanh ra các nhơn duyên khiến cho chúng sanh luân hồi khổ não.

*Tứ thập nhị chương Kinh* có nói: Người ngộ thấy Đạo cũng như kẻ cầm đuốc mà vô nhà tối. Tức thì cái tối liền tiêu mất, chỉ có cái sáng còn lại mà thôi. Học Đạo mà thấy chơn lý thì cái vô minh (u ám) liền tiêu diệt, chỉ còn cái sáng ở lại với mình thôi.

*Phật học giáo khoa thơ* có giải: Vô minh nghĩa là không minh bạch: 1. Không minh bạch rằng cái thân thể không phải là mình (thân thể phi ngã), 2. Không minh bạch rằng vạn vật đều không, 3. Không minh bạch rằng tất cả đều giả (không trường tồn).

\* **Vô Ngã**: Anàtman. Còn gọi là Phi ngã. Cái thể thường nhất, cái dụng có chủ thể gọi là Ngã; đối với thân người, chấp có cái đó, gọi là *Nhân ngã* (cái Ta của con người); đối với Pháp, chấp có cái đó, gọi là *Pháp ngã*; đối với mình chấp có cái đó gọi là *Tự ngã*; đối với kẻ khác chấp có cái đó, gọi là *Tha ngã*. Nhưng thân thể con người là do sự giả hợp của *năm uẩn* mà có, không có ngã thể thường nhất; còn các pháp hết thảy đều là do *nhân duyên* mà sinh ra, cũng không có cái thể ngã thường nhất; đã không có *Nhân ngã*, không có *Pháp ngã*, thì tất nhiên cũng không có *Tự ngã* và *Tha ngã*. Như vậy, cuối cùng là không có cái Ngã. Đó là chân lý về *Vô Ngã*.

\* **Vô Ngại**: còn gọi là *Vô cai*. Tự tại thông suốt mà không trở ngại. Tự tại dung thông thành ra một thể. Như ánh đèn giao thoa hòa vào nhau đó là tướng vô ngại.

\* **Vô Nguyện**: Phạn âm: *Akarmaka-samādhī*; còn gọi : **Vô nguyện Tam muội**, *Vô tác tam muội*, *Vô tác giải thoát môn*, *Vô nguyện giải thoát môn*.

Vô nguyện tam muội là loại thiền định xa lìa sự nguyện cầu tạo tác trong tất cả pháp sinh tử. Tức đối với tất cả pháp không hề mong cầu, là tam muội tương ứng với 2 hành tướng Khổ, Vô thường của Khổ đế và 4 hành tướng Nhân, Tập, Sinh, Duyên của Tập đế.

\* **Vô Sanh** : (Tân dịch: **Vô sinh**) là Chân lý của Niết Bàn, không sinh diệt cho nên gọi là vô sinh. Nhân đó mà quán các lý của vô sinh để phá trừ phiền não của sinh diệt. *Triệu Luận Tân Sớ Du Nhận* (q.Trung): “Ngài Thanh Lương nói: Người nghe vô sinh liền biết các pháp, hết thấy đều không tịch, không sinh, không diệt. Nhưng ở nghiêm độ lợi tha; không sinh vui mừng, mà chỉ hưởng tới tịch diệt, thì thành Thanh văn thừa. Nếu nghe vô sinh, liền biết theo duyên, cho nên vô sinh thì thành Duyên giác thừa. Nếu nghe vô sinh, liền biết các pháp vốn tự không sinh, nay thì không diệt. Tức sinh diệt mà không sinh diệt. Cái không sinh diệt không trở ngại cái sinh diệt. Đem cái đó mà diệt ác sinh thiện, lợi mình lợi người, thì thành Bồ Tát thừa”.

\* **Vô Sở Hữu** : Còn gọi: **Vô Sở đắc**. Gọi tắt: **Vô đắc**. Phạn âm: *Aprāptitva*. Đối lại: *Hữu sở đắc*.

Không có chỗ chứng đắc. Thể ngộ chân lý vô tướng, trong tâm không còn chấp trước, không còn phân biệt. Trái lại, chấp trước tướng sai biệt của các pháp, rơi vào *kiến chấp một bên* là *Hữu*, *Vô* thì gọi là *Hữu sở đắc*. Các pháp đều do nhân duyên sinh ra, vốn không tự tính, vì không có tự tính nên không có tướng quyết định khả đắc, gọi là *Vô sở đắc*. Đó chính là *Trung đạo chính quán* không rơi vào *Tứ song bát kế*: *Sinh diệt, thường đoạn, nhất dị, lai khứ*.

*Luận Đại Trí Độ 18* (*Đại 25, 197 trung*) ghi: “Trong thật tướng các pháp, vì thụ quyết định tướng bất khả đắc nên gọi là *Vô sở đắc*”. Bồ Tát đoạn hẳn tất cả sinh tử, thoát ra 3 cõi, trụ trong nhất thiết trí, là chỗ chỉ

cực của Đại thừa bất khả đắc, cho nên Bồ Tát cũng gọi là *Vô sở đắc*. *Kinh Đại Bát Niết Bàn* ghi: “*Hữu sở đắc* gọi là *Sinh tử luân*, tất cả phàm phu luân hồi sinh tử nên gọi là *Hữu sở kiến*. Bồ Tát đoạn hẳn tất cả sinh tử, nên Bồ Tát được gọi là *Vô sở đắc*”.

\* **Vô Sở úy**: Còn gọi: **Vô úy**. Phạn: *Abhaya*. Dịch là không hề sợ hãi điều gì. Nghĩa là khi Phật, Bồ Tát thuyết pháp có sự tự tin không hề sợ hãi điều gì, đồng thời an ổn mạnh mẽ. Đó là một đức cả của Phật, Bồ Tát. Nhờ có đủ đầy Thánh hạnh, trí huệ, phước đức, biện tài, phương tiện, chư Phật và Bồ tát thuyết pháp, độ thế một cách an nhiên. Phật có bốn đức vô úy là: *Chư pháp hiện đẳng giác vô úy, Nhất thiết lậu tận vô úy, Chương pháp bất hư quyết định thụ ký vô úy và Vị chứng nhất thiết cụ túc xuất đạo như tính vô úy*; Bồ tát cũng có bốn đức vô úy theo bậc Bồ tát là: *Năng trì vô úy, Tri căn vô úy, Quyết nghị vô úy và Đáp báo vô úy*.

\* **Vô tác**: Phạn âm: *Akarmaka, Akarma*. Vô tác là không có nhân duyên tạo tác hoặc tâm không có niệm tạo tác vật, có thuyết cho rằng Vô tác là pháp không nhờ động tác của thân, khẩu, ý mà tự nhiên tương tục, như Vô biểu sắc, Vô tác giới.

*Kinh Duy-ma-cật Sở Thuyết*, hạ ghi: “Tu học vô tướng vô tác, không dùng vô tướng vô tác làm chứng”.

\* **Vô tánh**: Tân dịch: **Vô tính**. Âm theo Phạn: *Agotra*. Vô tánh tức là không có cái thể tánh. Tất cả vạn vật, tất cả các pháp đều không có cái tánh thật, cái thể thật, đều không thật có. Như: Các chúng sinh do ngũ uẩn giả hiệp. Vạn pháp do nhân duyên hòa hiệp. Vì vậy nên nói vô tánh, tức là không có cái thể tánh chắc chắn, vững bền.

*Vô tánh (Agotra)* còn là tên của một đức Bồ Tát.

\* **Vô Tận**: Phạn âm: *Aksaya*. *Vô tận* là vô cùng, không bờ mé. *Pháp Vô vi* là tướng sinh diệt, gọi là *Vô tận*; sự sinh khởi của *pháp Hữu vi*, một nhiều tương tức, cũng gọi là *Vô tận*. Sự *Vô tận* của *pháp Vô vi* do *Quyền giáo* chủ trương, còn sự *vô tận* của *pháp Hữu vi* do *Thật giáo* chủ trương. *Tông Hoa-Nghiêm* cho rằng *Vô tận* nghĩa là *viên dung vô ngại*, chủ trương tự thân của tất cả sự tồn tại đều có thể là *chủ thể* hoặc *khách thể*, bất

luận là *chủ thể* hoặc *khách thể* đều *dung thông vô ngại*, hoàn toàn không mâu thuẫn, đó chính là *Chủ bạn vô tận* ; do đây mà hình thành tư tưởng *pháp giới duyên khởi* (hoặc *Vô tận duyên khởi*) “*tương tức tương nhập trùng trùng vô tận*” của tất cả pháp.

Theo *Hoa-Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký 1, Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương 1*, đối với *Nhất thừa Viên giáo* của *Hoa Nghiêm* thì tất cả pháp *Chủ bạn cụ túc*, duyên khởi vô ngại và lớp lớp không bờ mé, gọi là *Vô tận Phật pháp*.

*Bảo tạng Vô tận* gọi là *Vô tận tạng*, dụ cho công đức hàm chứa vô hạn. Như trong *kinh Hoa Nghiêm 18, 21, 25* đều nói Bồ Tát có 10 *Vô tận tạng*. Là nói theo nghĩa *Vô tận pháp giới*.

\* **Vô Tận Ý Bồ Tát**: Âm theo Phạn: *Aksayamatir bodhisattvah* ; Còn gọi: *Vô Tận Huệ Bồ Tát, Vô Lượng Ý Bồ Tát*.

Vô Tận Ý Bồ Tát là vị Bồ Tát ngự ở phía Tây trong Bắc phương ngũ tôn, ngoài đàn hội Tam-muội-da Mạn-đồ-la Kim cương giới, Mật giáo, 1 trong 16 tôn vị của kiếp Hiền.

Bồ Tát này nhờ quán nhân duyên quả báo của tất cả sự vật hiện tượng đều là vô tận mà phát tâm, trên cầu công đức vô tận của chư Phật, dưới độ vô tận chúng sinh, nên gọi là Vô Tận Ý Bồ Tát; mật hiệu là Định Huệ Kim Cương; Vô Tận Kim Cương; chủng tử là (vi), hình tam- muội-da là mây ngũ sắc trên đám mây. Hình tượng tôn vị này thân màu da trắng, tay trái nắm lại đặt ngang eo, tay phải cầm hoa mây. *Theo phẩm Vô Tận Ý Bồ Tát trong Kinh Đại Phương Đẳng, Tập 27*, Bồ Tát này ở thế giới Phổ Hiền Như Lai, nước Bất Thuần, phương Đông.

\* **Vô thường** : Phạn âm : *Anitya, Anityatā* ; Hán dịch : *A-nễ-dát-dã* ; Từ đối nghĩa là *Thường trụ*. Vô thường tức là không thường trụ. Tất cả pháp hữu vi đều do nhân duyên sinh, nương theo bốn tướng ***sinh, trụ, dị và diệt***; Sinh diệt trong từng sát-na, xưa không mà nay có, nay có mà về sau không, nên gọi chung là vô thường. *Luận Đại Trí Độ 43* nêu 2 thứ vô thường là:

1. *Niệm niệm vô thường*: Chỉ cho sự sinh diệt trong từng sát-na của tất cả pháp hữu vi.

2. *Tương tục vô thường*: Chỉ cho sự hoại diệt của pháp tương tục, như khi người thọ mạng hết thì tử vong.

\* **Vô Thường Quán** : Còn gọi: *Phi thường quán*.

Quán sự biến hóa của tất cả pháp không có thường pháp, gọi là *Vô thường quán*, một trong các pháp quán. Pháp quán này là yếu môn bậc nhất để nhập Phật môn, xưa nay các bậc tiên thánh thường dùng pháp quán này làm căn bản để phát tâm Bồ-đề.

\* **Vô Thường Tưởng** : Cái tư tưởng, phép tưởng nhận rằng vạn vật, các chúng sanh và các pháp đều không chừng, không thường tồn, có đó mất đó. Chính là cái phép tưởng mà các đệ tử Phật phải tu. Theo *Niết Bàn Kinh*, nếu tu *Vô Thường Tưởng* thì dứt khỏi sự trù mền cõi Dục giới, cõi Sắc giới và cõi Vô Sắc giới, tức là thoát khỏi Tam giới. Cũng diệt trừ được vô minh, lòng kiêu mạn, và trừ luôn cái *Vô thường tưởng*. Tỷ như trong các đấu chơn, đấu chơn voi là to hơn hết; Cũng như thế, trong các tư tưởng mà Phật tử phải tu, cái *Vô Thường Tưởng* là trọng hơn hết. Muốn được giải thoát, chẳng những phải tu *Vô thường tưởng* mà cũng tu luôn *Khổ tưởng*, *Không tưởng* và *Vô ngã tưởng* nữa.

\* **Vô thượng**: Phạn: *Avatana, Anoyttara*. Hán âm: *A bạt đa la, A nậu đa la*. *Vô thượng* là cao hơn hết, không có chí trên nữa, không có ai hơn được. Tiếng *Vô thượng* thường dùng để chỉ Trí, Đức của Phật. Cũng dùng để chỉ đức tánh của Niết Bàn, của Tam Bảo, của Đại thừa.

\* **Vô Thượng Đạo** : Đồng nghĩa: *Chính giác, Vô Thượng Chính Đẳng Giác, Vô Thượng Bồ Đề*.

Phật đạo tối thượng, không gì có thể so sánh. Vì đạo mà Như Lai chứng đắc không có đạo nào vượt hơn nên gọi là Vô thượng đạo, Vô thượng Bồ đề.

Ngoài ra, Vô thượng đạo còn là từ gọi tắt của Vô thượng đạo tâm, tức chỉ cho tâm cầu đạo Vô thượng, còn gọi là Bồ Đề tâm. Trong *kinh Quán Di Lặc Bồ Tát Thượng Sinh Đâu Suất Thiên*, thuyết minh việc được gặp Bồ Tát Di Lặc, nghe pháp, cầu Vô thượng đạo, thành bất thối chuyển. Tâm cầu Vô thượng đạo này gọi là Vô thượng đạo tâm.

\* **Vô Thượng giác:** Gọi đầy đủ : *Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*. Tức là sự giác ngộ cùng tột, không gì hơn. Tiếng Phạn của “Giác” là Bodhi, Hán âm là Bồ-đề, chỉ cho diệu lý Niết Bàn; Bồ-đề mà Phật chứng đắc là tối thượng không gì hơn, nên gọi là Vô Thượng Giác.

*Luận Bồ Tát Bàn Sinh Man 3 (Đại 3, 338 thượng)* ghi: “Tự xả bỏ thân mình, không tham tiếc điều gì, cùng các chúng sinh chứng Vô Thượng Giác”.

\* **Vô Thượng Sĩ :** Phạn âm : *Anuttara* ; Hán âm : *A-nậu-đà-la* ; Còn gọi: **Vô thượng** , *Vô thượng trượng phu*.

Vô thượng sĩ là một trong 10 hiệu (Thập hiệu) của Phật. Trí đức của Như Lai hơn hết trong loài người, không có ai hơn, nên gọi là Vô Thượng Sĩ.

Hơn nữa, Đức Phật tự chứng biết pháp Niết-Bàn vô thượng. Trong tất cả các pháp, Niết Bàn là trên hết. Trong tất cả chúng sinh, Đức Phật cũng là trên hết, nên gọi là Vô Thượng Sĩ.

Ngoài ra, đối với địa vị Đẳng giác (còn gọi là Hữu Thượng Sĩ) trong 52 địa vị Bồ Tát, địa vị Diệu giác của Phật cũng gọi là Vô Thượng Sĩ.

\* **Vô Thượng Thượng :** đồng nghĩa với **Tối thắng**, là Đức hiệu của Phật Phần sau *Phẩm Tứ Tướng Giải Thoát, Kinh Đại Bát Niết Bàn* ghi : “Vô thượng thượng là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức đắc Phật chân.”. Vô thượng thượng còn là lời tôn xưng Niết Bàn, giải thoát. Cũng trong kinh Đại Bát Niết Bàn ghi : “Giải thoát tức vô thượng thượng, thí như đối với phương Đông thì phương Bắc là vô thượng thượng. Giải thoát cũng thế, là vô thượng thượng, Vô thượng thượng là chân giải thoát”.

\* **Vô Tri :** Phạn âm: *Ajnāna*. Có 2 luận nghĩa :

1/. Đối với hàng phàm phu, hạ căn thì *Vô tri* là chỉ tâm mờ tối, không rõ sự lý . *Hữu Bộ Tiểu Thừa* có lập 2 thứ *Nhiễm ô vô tri* và *Bát nhiễm ô vô tri*.

2/. Đối với Phật, Bồ Tát hay bậc thượng căn thì *Vô tri* là chỉ chân trí vắng lặng, bất động, dứt hẳn tất cả phân biệt. Thật tướng vô tướng,

chân trí vô tri, vì là vô tri cho nên không điều gì không biết. Nếu tâm khởi thấy thì có tướng không thấy, tâm tính lìa thấy thì có nghĩa là chiếu khắp tất cả pháp giới. *Tịnh-Độ Luận Chú, hạ (Đại 40, 839 hạ)* ghi : “Tâm phàm có biết nên có điều không biết; tâm thánh không có biết nên không điều gì không biết. Không biết mà biết, biết tức không biết”.

\* **Vô Trí** : Còn gọi : *Si* (Phạn: *Moha, Mudha*), *Vô minh* . Si tức ngu si, là trạng thái tâm ngu muội vô tri, không rõ sự lý, tên của một tâm sở. *Tông Câu-Xá* cho đó là một trong các đại phiền não địa pháp, *tông Duy Thức* thì cho đó là một trong các tâm sở phiền não, là 1 trong 3 bất thiện căn, là 1 trong 6 phiền não căn bản, 1 trong 10 tùy miên.

Theo *Luận Du-Già Sư Địa 86*, Si có các tên gọi khác nhau như : Vô trí, Vô kiến, Phi hiện quán, Hôn muội, Ngu si, Vô minh, Hắc ám ... Theo *Luận Du-Già Sư Địa 55*, trong các Tùy phiền não thì Phú, Cuống, Siểm, Hôn trầm, Vọng niệm, Tán loạn, Bất chính tri ... đều lấy 1 phần của Si làm thể.

Theo *Luận Thành Duy Thức 6*, sự sinh khởi của các phiền não đều do Si , cho nên Si chắc chắn tương ứng với 9 phiền não căn bản.

\* **Vô Trụ** : Phạn âm : *Aniketa*. Còn gọi: *Bất trụ*. *Vô trụ* tức không có thật thể cố định hoặc chỉ cho tâm không chấp trước vào một đối tượng nhất định, không mất đi tác dụng tự do vô ngại. Từ ngữ *Vô trụ* được chuyển thành dụng ngữ phủ định trạng thái cố định, nên nói là “*Tất cả các pháp vô tự tính nên vô sở trụ*”. Sự vật không ngừng trụ trong tính chất bất biến của tự thân, nhận thức của con người không nên dùng một khái niệm cố định để làm bản chất cố hữu. *Lý luận Bát Nhã* y cứ vào đây để làm nội dung quan trọng về tính Không của các pháp. *Phẩm Tự của Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật* ghi : *Khi Bồ Tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật thì không nên trụ trong Sắc, không nên trụ trong Thụ, Tưởng, Hành, Thức*. Đó là do các pháp đều ở trong mối quan hệ nhân duyên và trong sự sinh diệt vô thường, vì thế không nên trụ.

\* **Vô Trước** : Phạn âm: *Asangha* . Còn gọi: *A-tăng-già*. Nghĩa là Vô trú, tức không mê, không chấp.



\* **Vô Tướng:** Âm theo Phạn: *Animitta*, tức là không có hình tướng. *Theo Kinh Đại Bảo Tích 5 (Đại 11, 29 thượng)* ghi: “Tất cả các pháp bản tính đều không, tự tính của tất cả các pháp là vô tính. Nếu Không, Vô tính thì chúng là một tướng, gọi là Vô tướng. Vì Vô tướng cho nên chúng thanh tịnh. Nếu Không, Vô tính thì chúng không được biểu thị bằng tướng”.

*Theo Phẩm Sư Tử Hống Bồ Tát trong Kinh Đại Bát Niết Bàn 30 (bản Bắc)* thì Niết Bàn Không có 10 tướng: Sắc tướng, Thanh tướng, Hương tướng, Vị tướng, Xúc tướng, Sinh tướng, Trụ tướng, Hoại tướng, Nam tướng và Nữ tướng, cho nên Niết Bàn còn gọi là Vô tướng.

Ngoài ra, *Theo Chân Ngôn Danh Mục của Ngài Lại Bảo* thì Vô tướng có 2 nghĩa là cạn lược và sâu kín, đó là:

1. Thể tính của các pháp như huyền, hư giả, tự tính là không, không một tướng nào thật có, vô sắc vô hình, đó là Vô tướng theo nghĩa cạn lược.
2. Trong một tướng tuy có tất cả tướng nhưng không lưu giữ một tướng; đó chẳng phải là vô tướng không sắc không hình mà là tất cả tướng nhưng không có một tướng, đó là Vô tướng theo nghĩa sâu kín.

Nghĩa cạn lược biểu thị cho nghĩa Hiện giáo ngăn tình, nghĩa sâu kín biểu thị cho nghĩa Chân ngôn biểu đức. Còn nói theo “Giáo” thì có thể chia thành Hữu tướng giáo và Vô tướng giáo; Nói theo “Hành” thì có thể chia làm Hữu hành tướng và Vô hành tướng; Nói theo “Quán” thì có thể chia làm Hữu tướng quán và Vô tướng quán; Nói theo “Độ” thì có thể chia làm Hữu tướng độ và Vô tướng độ.

\* **Vô Tướng thiên** : Phạn âm: *Asamjñsattvāh*. Còn gọi: *Vô Tướng Hữu Tình Thiên, Vô Tướng Chúng Sinh Thiên, Thiếu Quảng Thiên, Phước Đức Thiên*.

*Vô Tướng Thiên* là một trong các tầng trời cõi Sắc, tức quả báo dị thực do tu *Vô tướng định* chiêu cảm. Người sinh về cõi trời này niệm tướng dứt sạch, chỉ còn *Sắc thân* và *Bất tương ưng hành uẩn*, nên gọi là *Vô Tướng Thiên*. Tầng trời này là nơi Niết-Bàn tối cao của ngoại đạo Bà-la-môn, cũng là quả báo dị thực của phàm phu dị sinh dùng tác ý “*xuất ly tướng*” tu *Vô tướng định* mà cảm được, gọi là *Vô tướng quả* hoặc *Vô tướng dị thực, Vô tướng sự, Vô tướng báo*. Vị trí của tầng trời này, *Hữu bộ* và *Kinh bộ* xếp vào Quảng quả thiên của **Đệ tứ thiên**, chứ không lập chỗ riêng; *Thượng Tọa bộ* thì trên *Quảng quả thiên* còn lập riêng *Vô tướng*

*thiên*. Ngoài ra, thân của chúng sinh ở cõi trời này cao 500 do-tuần, sống lâu 500 đại kiếp, còn *luận Lập Thế A-tì-đàm* 7 thì cho rằng 1000 đại kiếp, lúc mạng chung lại sinh niệem tưởng và đọa vào cõi Dục.

\* **Vô úy** : Cũng gọi Vô sở úy . Xem **Vô sở úy** .

\* **Vô Vi**: Còn gọi là **Vô vi pháp** (*Asamskrta-dharma*); Âm theo Phạn là *Asamskrta*; Từ đối là Hữu vi. Vô vi là pháp không có tạo tác, lia sinh diệt biến hóa và tuyệt đối thường trụ. Vốn là tên khác của Niết-Bàn, người đời sau ngoài Niết bàn lại lập các thứ vô vi, do đó sinh ra nhiều thuyết như Tam vô vi, Lục vô vi, Cửu vô vi.

Nhưng bất luận là khai lập thành Lục vô vi hay Bát vô vi đều chẳng phải cho rằng Vô vi có nhiều thể khác nhau mà là một trong các pháp tính được hiển bày do đoạn trừ ngã chấp và pháp chấp; pháp tính này được gọi bằng nhiều danh từ khác nhau y cứ vào các duyên được hiển bày.

\* **Vô Vi Niết Bàn** : Gọi đầy đủ: **Vô Vi Niết Bàn Giới**. Cảnh giới vô vi Niết Bàn bất sinh bất diệt, lia tất cả tướng hữu vi, đạt đến sự giác ngộ tuyệt đối bất biến, nên gọi là Vô vi Niết bàn giới. Thế giới Cực Lạc của tông Tịnh Độ chính là Vô vi Niết bàn giới.

\* **Vũ Trụ** : Còn gọi : **Sát hải** . Gọi đầy đủ : **Sát độ đại hải** . Tức mười phương thế giới . Chữ *Sát* tiếng Phạn là *Ksetra*, Hán dịch : *Sát độ*, *Quốc độ* ; *Hải* nghĩa là biển lớn .



# X

\* **Xan tham** : Còn gọi : *Khan tham* . Phạn âm : *Mātsarya-rāga* .

*Xan tham* tức bôn xén và tham lam. Tiếc rẻ tài vật, không bố thí cho người và tham cầu không biết đủ . *Phẩm Phương Tiện, Kinh Pháp Hoa 1 (đại 9, 8 thượng)* ghi : “Nếu độ người bằng pháp Tiểu thừa, dù chỉ một người thôi thì ta cũng rơi vào khan tham”. Tâm khan tham này được đối trị bằng bố thí Ba-la-mật . *Luận Đại Thừa Khởi Tín (đại 32, 581 thượng)* ghi : “Vì biết thể của pháp tính không có *khan tham*, nên tùy thuận tu hành bố thí Ba-la-mật”.

\* **Xá Lợi** :

**I. Xá-lợi**, nếu theo Phạn âm: *Sarira*. (Còn gọi: *Thật-lợi, Thiết-lợi-la, Thất-lợi-la*. Hán dịch: *Thể, Thân, Thân cốt, Di thân*), nghĩa là tử thi, di cốt. Thông thường chỉ cho di cốt của Phật, gọi là Phật cốt, Phật xá-lợi, về sau cũng chỉ cho xương còn sót lại sau khi thiêu nhục thân vị Cao tăng.

*Phẩm Xả Thân, kinh Kim Quang Minh 4*, ghi : “Xá-lợi là vật được huân tu bởi giới, định, huệ, rất khó có được, là phước điền tối thượng”.

Bảo tháp an trí xá-lợi Phật gọi là Xá-lợi tháp, bình chứa xá-lợi Phật gọi là Xá-lợi bình, pháp hội cúng dường xá-lợi Phật gọi là Xá-lợi hội.

Tiếng Phạn *Sarira* hoặc do động từ *Sri* (linh y) chuyển thành danh từ, nghĩa là thân thể sở y hoặc do động từ *Sr* (phá hoại) chuyển biến mà thành, nghĩa là dễ phá hoại. Tiếng Phạn *Dhatu*, Hán âm là *đà-đô*, là tên khác của xá-lợi. Theo *Trường Bộ Kinh Chú (Sumangala-vilasini)* bằng tiếng Pali thì sau khi thân thể (*Sarira*) liên kết hoàn chỉnh được hoả thiêu thì biến thành bột (*Dhatuyo*, là phức số của *dhatu*) như trân châu, vàng ròng mài nhuyễn; y theo đó ta biết được *Sarira* chỉ cho tử thi, *Dhatuyo* chỉ chi di cốt sau khi trà-tỳ, loại trước gọi là Toàn thân xá-lợi, loại sau gọi là Toái thân xá-lợi.

*Kinh Dục Phật Công Đức*, chia xá-lợi ra làm 2 loại:

1. Sinh thân xá-lợi (còn gọi: *Thân cốt xá-lợi*) : Di cốt của Phật .
2. Pháp thân xá-lợi (còn gọi: *Pháp tạng xá-lợi*) : Giáo pháp, giới luật do Phật để lại, được thí dụ như Xá-lợi.

*Pháp Uyển Châu Lâm 40* chia xá-lợi ra làm 3 loại :

1.Cốt xá-lợi : màu trắng.      2.Pháp xá-lợi : màu đen.      3.Nhục xá-lợi : màu đỏ.

Xá-lợi mà ta thường nói là những mảnh xương, cho nên hình dáng, kích thước khác nhau, có tính cứng chắc và thanh mảnh ; Ở Trung Quốc thì thường cho những hạt có hình dáng như hạt đậu là xá-lợi. Theo truyền thuyết, di cốt của Phật được chia làm 3 phần cho Chư thiên, Long vương và Nhân gian ; như trời Đế Thích được xá-lợi răng của Phật, đem về cõi trời cúng dường, Tiệp Tật quỷ từng lấy đi một chiếc. Ngoài việc lễ bái xá-lợi Phật còn có lễ bái xá-lợi các vị A-Nan, Mục-Liên, Xá-Lợi-Phất. Ý nghĩa việc lễ bái di thân xá-lợi cũng giống như lễ bái cội bồ-đề nơi Phật thành đạo, bảo toà kim cương, dấu chân Phật kinh hành, nghĩa là muốn kết nhân duyên “gặp Phật nghe Pháp” và mau thành bồ-đề.

III. Xá-lợi, nếu theo Phạn âm: *Sari, Sarika* (Hán âm: *Xa-ri, Xa-lê-ca* ; Còn gọi: *Cù dục điểu, Anh dục điểu, Thu lộ điểu, Xuân cù điểu, Phẫn thiệt điểu*), là dùng để chỉ loài chim nói được tiếng người, như kinh thường nói đến chim xá-lợi.

\* **Xá-Vệ thành** : Phạn âm: *Cravasti, Sravasti*. Là một trong sáu đô thị lớn (Lục đại thành: *Xá-Vệ, Bà-Chỉ-Đa, Chiêm-Đà, Tỳ-Xá-Ly, Ba-La-Nại, Vương-Xá*) ở Ấn Độ thời đức Phật Thích-Ca ra đời. Thành Xá-Vệ là kinh đô nước Câu-tát-la (Kosala), là nơi sản sinh ra nhiều danh nhân và vật phẩm tốt, thời đức Phật thành đạo, thì vua Ba-tư-nặc (Prasenajit) trị vì. Ở thành Xá-Vệ, có vườn **Kỳ Thọ Cấp Cô Độc** là nơi đức Phật thường trụ để giáo hóa tín đồ và cứu độ chúng sinh. Vườn ấy vốn của Thái tử Kỳ-Đà, ông trưởng giả Cấp Cô Độc bỏ vàng ra mua để làm nơi thường trụ của Phật và chư đệ tử. Vua Ba-tư-nặc cũng có công xây dựng cảnh Tịnh xá.

Chính tại thành Xá-Vệ, vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, đức Phật ra điều luật không cho : kẻ tội tử xuất gia, trừ khi có chủ cho phép ; kẻ bán nam bán nữ ; kẻ bị thiếu dương vật ; loài Rồng hóa thân người ; Ngoại đạo có lòng tà vạy; kẻ giết cha mẹ; kẻ sát hại bậc La Hán. Tại đây, đức Phật cũng chỉ cách nhập hạ (ngủ nơi một chỗ để tu học trong mùa mưa) .v.v... , Phật có được hòa thuận sau một kỳ chia rẽ nhau của chư tăng và ban truyền những điều luật về Giáo hội Tỳ kheo ni.

Hồi sắp trở về thăm quê nhà ở thành Ca-tỳ-la-vệ, đức Phật đương trụ ở thành Xá-Vệ thì vị đại đệ tử Xá-lợi-phất (Cariputra) tịch. Ở đó, người ta có xây tháp thờ đức Xá-Lợi-Phất và mỗi năm làm lễ kỷ niệm công đức của Ngài.

\* **Xả** : Âm theo Phạn: *Upeksā*. Hán âm: *Ưu-tất-xoa*.

Xả là bố thí, buông thả ra, bỏ đi. Như trong các tiền thân của Đức Phật, Ngài từng xả (bỏ) thân mạng mà cứu giúp chúng sinh. Kết, đương làm Bồ tát trên cung Đâu-suất, Ngài xả (bỏ) các sự vui sướng nơi Thiên cung mà giáng sanh để cứu thế. Lại trong khi làm Đông cung Thái tử, sắp lên ngôi vua, Ngài xả tất cả: đèn đài, cung điện, châu báu, vợ đẹp, hầu xinh; một mình ra đi, mặc áo già, ngồi trên núi Tuyết mà tu khổ hạnh.

Xả là một đức trong bốn đức vô lượng (Tứ vô lượng) *Từ, Bi, Hỷ, Xả*. Xả có bốn thứ gọi là *Tứ xả* và bảy thứ gọi là *Thất chủng xả*.

- *Tứ xả* bao gồm:

1/. *Tài xả*: là đem của cải, đồ vật thí xả cho người.

2/. *Pháp xả*: là đem pháp lý mà thí xả cho người.

3/. *Vô úy xả*: là đem đức không sợ mà thí xả, mà phổ cập cho người.

4/. *Phiền não xả*: là tự mình bỏ tất cả các mối phiền não.

- *Thất chủng xả* bao gồm:

1/. Tâm tánh bình đẳng, không đem lòng nhớ mong, tình không giữ lấy, không mắc lấy.

2/. Đối với chúng sanh, xả bỏ, rời khỏi tất cả các sự ngăn ngại về kẻ thân, người thù.

3/. Xả bỏ tất cả những sự lầm lỗi do nơi tham, sân, si.

4/. Thấy sanh mạng được thoát ra, thì không còn lo nghĩ, tức là phóng xả.

5/. Chứng được lý chơn không, bình đẳng, rời khỏi các tướng.

6/. Tự mình bỏ những sự vui sướng của mình, đem thí cho người.

7/. Việc chi có lợi ích cho chúng sinh, thì để cho họ hưởng, mình đừng trông mong.

\* **Xả đọa**: Phạn âm : *Naihsargika-prāyāscitiha*. Còn gọi: *Ni-tát-kì ba-dật-để-ca*, *Ni-tát-kì ba-dạ-để*, *Ni-tát-kì bối-dật-để*, *Ni-tát-kì ba-dật-để* .

Gọi tắt : *Ni-tát-kì* . Hán dịch: *Tận xả đọa, Xả đọa, Khí đọa* . Đối lại : *Đon đọa* .

Tội đọa nên xả tài vật, 1 trong 5 thiên tội, đây là phức hợp ngữ của tiếng Phạn . “Ni-tát-kì ” nghĩa là Tận xả; “Ba-dật-đề” nghĩa là đọa; hợp lại là *Xả đọa*. Giới này thuộc loại giới răn ngừa tâm tham do chứa cất các vật dư vô dụng, nuôi lớn nghiệp sinh tử, rơi vào 3 đường, cho nên phải xả bỏ các thứ tài vật. Trước hết phải đem các vật dư ấy xả trong Tăng, sau đó dùng phương pháp sám hối tội Ba-dật-đề.

Theo *Tứ Phần Luật và Tứ Phần Luật Hành Sự Sao; Ni-tát-kì Ba-dật-đề* gồm có 30 điều sau đây:

- |                                 |   |
|---------------------------------|---|
| 1. Giới cất y quá hạn .         | 16. Giới cầm lông quá hạn .               |
| 2. Giới rời y mà ngủ .          | 17. Giới nhờ giặt lông dê .               |
| 3. Giới cất vải quá hạn .       | 18. Giới cầm lấy tiền của .               |
| 4. Giới lấy y không thân .      | 19. Giới đổi chác tiền của .              |
| 5. Giới bảo giặt y cũ .         | 20. Giới buôn bán các thứ .               |
| 6. Giới xin người y mới .       | 21. Giới chứa bát quá hạn .               |
| 7. Giới lấy vải quá phần .      | 22. Giới xin bát quá phần .               |
| 8. Giới xin thêm tiền y .       | 23. Giới xin chỉ dệt y .                  |
| 9. Giới khuyên chung tiền lại . | 24. Giới bảo thợ dệt y thêm .             |
| 10. Giới đòi y quá hạn .        | 25. Giới đoạt lấy y lại .                 |
| 11. Giới ngọa cụ tơ tằm .       | 26. Giới cất thuốc quá hạn .              |
| 12. Giới ngọa cụ lông đen .     | 27. Giới khăn tắm trước hạn .             |
| 13. Giới ngọa cụ lông trắng .   | 28. Giới cất y cúng gáp .                 |
| 14. Giới ngọa cụ còn mới .      | 29. Giới rời y quá hạn .                  |
| 15. Giới tọa cụ còn mới .       | 30. Giới lấy vật của Tăng làm của riêng . |

\* **Xuất gia** : Âm theo Phạn: *Pravrajyā*. Hán âm: *Ba-phệ-nễ-da*. Đối lại: *Tại gia*.

Xuất gia là lìa bỏ sinh hoạt gia đình, chuyên tâm tu theo tịnh hạnh của Sa-môn; cũng chỉ cho người xuất gia tu đạo, đồng nghĩa với Sa-môn, Tỳ kheo. Vì xuất gia là xa lìa cõi thế tục nên còn gọi là Xuất trần. Xuất gia phải cạo bỏ râu tóc, không trang sức, đồng thời mặc y hoại sắc, nên xuất gia còn gọi *Lạc súc, Thế phát, Lạc phát nhiễm y, Thế phát nhiễm y, Thế nhiễm, Lạc nhiễm*. Trong 7 chúng đệ tử, ngoài 2 chúng tại gia là *Ưu-*

*bà-tắc* và *Ưu-bà-di* thì 5 chúng *Tỳ-kheo*, *Tỳ-kheo-ni*, *Thức-xoa-ma-na*, *Sa-di* và *Sa-di-ni* đều thuộc chúng xuất gia, gọi là *Xuất gia ngũ chúng*. Khi mới xuất gia hoặc chưa đúng 20 tuổi, thì thọ giới làm *Sa-di*, *Sa-di-ni*. Tu học được vài năm hoặc đã được 20 tuổi, thì thọ giới làm *Tỳ-kheo*, *Tỳ-kheo-ni*, cũng gọi là *Sa-môn*.

Nói về sự thanh cao hay tầm thường của hàng xuất gia, người ta phân ra bốn loại:

1/. *Thân xuất gia, tâm chẳng xuất gia*. Ấy là hạng người đầu đầu tròn áo vuông, mà tâm còn luyến tục.

2/. *Thân tại gia, tâm xuất gia*. Ấy là hạng người đầu còn ở thế, mà tinh tấn tu học, không say đắm, nhiễm trước. Ấy cầm bằng xuất gia như: *Bồ Tát cư sỹ Đại thừa (Duy-ma-cật, Hiền Hộ)*.

3/. *Thân, tâm đều xuất gia*. Ấy là hạng người một Tam bảo, giữ giới thanh tịnh, quyết dứt các phiền não, quyết đắc quả Bồ-đề như: *Tỳ-kheo Tiểu thừa, Bồ Tát tăng Đại thừa*.

4/. *Thân, tâm đều chẳng xuất gia*. Ấy là hạng người bận bịu vợ con, say đắm thế tục, nhiễm các phiền não.

\* **Xuất Ly** : Phạn âm : *Naiskramya*. Siêu xuất thoát ly. Tức lìa (ly) cõi mê, ra khỏi (xuất) khổ sinh tử luân hồi, thành tựu Phật đạo, để đạt đến cảnh giới giải thoát; cũng tức xuất ly lao ngục 3 cõi, thoát khỏi sự trói buộc của hoặc nghiệp, nên thông thường có các từ ngữ quen dùng như “*xuất ly tam giới*”, “*xuất ly sinh tử*”, “*xuất ly đắc đạo*”.

Theo *Hoa-Nghiêm Ngũ Giáo Chương 3*, hàng Thanh văn tu tập có *Tiệm xuất ly* và *Đốn xuất ly* khác nhau. *Kinh Hoa Nghiêm 5 (đại 10, 21 hạ)* ghi : “Điều phục chúng sinh, cuối cùng khiến cho họ được xuất ly”. *Kinh Nhân Vương, thượng (đại 8, 837 trung)* ghi : “Trời, người đều tu hạnh xuất ly, học tập theo tất cả đạo Bồ tát”. *Kinh Đại Bản trong Trường A-Hàm 1 (đại 1, 9 thượng)* ghi : “Khen ngợi xuất ly là tối vi diệu, thanh tịnh bậc nhất”.

Theo *Luận Du-Già Sư Địa 70*, Xuất ly có 2 thứ là:

1. Xuất ly tam ác thú và thú hưởng thiện thú nhân thiên.
2. Xuất ly sinh tử luân hồi và thú hưởng tam-bồ-đề.

Ngoài ra, Phật giáo Pali có *thuyết Thập Ba-la-mật*, trong đó, Ba-la-mật thứ 6 là *Xuất ly ba-la-mật* (Phạn: *Nekkhamma-pāramitā*)

\* **Xuất Thế gian**: Phạn: *Lokottara* ; Gọi tắt là **Xuất thế**, bao hàm các nghĩa sau:

**I/** Thoát khỏi trần thế, siêu việt thế tục. Đối với: Thế gian là những pháp có quan thiệp với cuộc sanh tử, luân hồi. Xuất thế gian là pháp để đắc Niết Bàn, pháp lý có tính cách giải thoát, vượt ra khỏi tam giới, Lục đạo.

Như trong Tứ diệu đế, hai đế đầu: Khổ đế và Tập đế là thế gian; Hai đế sau: Diệt đế và Đạo đế là xuất thế gian, thi hành theo thì ra khỏi cõi thế, dứt các cuộc sanh tử.

**II/** Chư Phật xuất hiện ở thế gian, thành Phật để giáo hóa thế gian, như nói “*bản hoài xuất thế của chư Phật*”.

**III/** Nhập thế để hóa độ chúng sanh. Vị Thiên sư sau khi tự thân tu trì thành tựu công đức thì trở lại nhân gian để giáo hóa chúng sanh gọi là Xuất thế. Ngoài ra, vị Tăng được bổ nhiệm làm Trụ trì, tiến lên địa vị cao hơn cũng gọi là Xuất thế.

*Điều Tôn Túc Trụ Trì, Thiên Uyển Thanh Quy 7 (Vạn Tục 111, 458 thượng)* ghi: “*Các vị truyền pháp, mỗi vị ở một nơi, làm cho mạng sống trí huệ của Phật pháp được kéo dài, đó gọi là Trụ trì; bắt đầu thuyết pháp độ sinh gọi là Xuất thế*”.

\* **Xuất Thế pháp**: tức Xuất thế gian pháp, là Pháp lý ra khỏi thế gian, thi hành pháp lý ấy thì thoát khỏi vòng luân hồi. Tức là xuất thế pháp, xuất thế gian đạo.





# Y

\* **Y** (*Xét theo nghĩa*) : Từ nhiều nghĩa :

**I/.** Từ ngữ gọi chung tất cả y phục. Trong *Kinh Phậ*t, “Y” gọi chung các pháp y như Ca-sa, Phú-kiên, quần của tăng ni. *Kinh Du-Hành, Trường A-Hàm 2 (Đại 1, 12 trung)* ghi: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y cầm bát, cùng với đại chúng đi đến giảng đường”.

**II/.** Y theo Phạn âm : *Samnīsraya* là y chỉ, nường tựa. Có chia ra *Năng y* và *Sở y*. Pháp nào hay y chỉ, nường tựa là *Năng y*; Pháp nào chịu sự y chỉ, nường tựa là *Sở y*. Như sự quan hệ giữa đất và cỏ, đất là *Sở y*, cỏ là *Năng y*. Về *Sở y*, năng lực trực tiếp (Thân sở y) gọi là *Sở y* ; trái lại, năng lực yếu kém và gián tiếp (Sơ sở y) thì gọi là Y.

**Sở y** có 3 loại : Nhân duyên y, Tăng thượng duyên y và Đẳng vô gián duyên y. Như sự sinh khởi của tâm và tâm sở phải có 3 sở y này. Nhưng chỉ có tâm và tâm sở mới có đủ 3 sở y, còn các pháp sinh diệt (pháp hữu vi) khác thì phải đợi nhân và duyên mới khởi, nên gọi là Nhân duyên y; trái lại, sự sinh khởi của tâm và tâm sở phải dựa vào các căn như mắt, mới phát sinh được tác dụng, cho nên cũng có khi mắt được gọi là *Sở y*. Nếu 2 thứ trở lên cùng y chỉ gọi là *Cộng y*, trái lại thì gọi là *Bất cộng y*.

**III/.** Y chính là Phậ pháp, phạm hạnh rộng lớn thanh tịnh vô cấu, dụ như mặt trăng rằm .

**IV/.** Y còn có nghĩa là Tự tại và Ganh ghét vì chuyển thích từ chữ Phạn *irsyā* (Hán âm: Y-lợi-sa, Hán dịch: Ganh ghét) mà có .

\* **Y Chỉ** : Nường tựa và an trụ; tức chấp trước một vật hay một pháp nào đó hoặc nường tựa vào người có năng lực, có đức hạnh mà tu tập.

*Phẩm Phương Tiện, Kinh Pháp-Hoa (Đại 9, 8 trung)* ghi: “Hoặc hữu, hoặc vô ..., nường gá (y chỉ) các kiến chấp này”.

*Phẩm Thuật Câu, Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận 4* cho rằng Y chỉ (Phạn: *Asraya*) tác ý là 1 trong 18 thứ tác ý, cũng trong kinh này quyển 8 cho Y chỉ (Phạn: *Nīsraya*) là 1 trong 8 vô thượng.

*Phẩm Chứng Tính, Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận 1* thì nêu 4 thứ Y chỉ của chủng tính Bồ Tát là: *Vô lượng thiện căn y chỉ; Vô lượng trí huệ y chỉ; Nhất thiết phiền não chướng, trí chướng đắc thanh tịnh y chỉ; Nhất thiết thân thông biến hóa y chỉ.*

*Phẩm Độ Nhiếp trong quyển 7 kinh này ghi: Bồ Tát tu tập các Ba-la-mật có 5 y chỉ là:*

1. Vật y chỉ (Phạn: *Upadhi-samñsrita*).
2. Tư duy y chỉ (Phạn: *Manasikāra-samñsrita*).
3. Tâm y chỉ (Phạn: *Āsaya-samñsrita*).
4. Phương tiện y chỉ (Phạn: *Upāya-samñsrita*).
5. Thế lực y chỉ (Phạn: *Vibhutva-samñsrita*).

\* **Y Lan** : Gọi đầy đủ là *Y-Lan Thu*. Âm theo Phạn: *Eranda*. Tên gọi khác: *Y-na-bạt-la thu*. Hán dịch: *Cực-xú mộc*. Đây là một loại thực vật thuộc họ Bê-ma (thầu dầu), có mùi hôi, hạt dùng để ép dầu. Trong *kinh luận* thường dùng y-lan dụ cho phiền não và dùng mùi thơm của Chiên-đàn dụ cho bồ-đề. Ấn-Độ có câu ngạn ngữ: “*Khi trong nước không có người trí thì người thiếu trí cũng được khen ngợi; nếu trong nước không có cây thì y-lan cũng được gọi là cây*”.

*Luận Thập Môn Biện Hoặc, thượng (Đại 32, 553 thượng):* “Y-Lan là loại cây có mùi hôi, vì sao ông dùng nó? Ca-ma là căn bệnh nặng, ông lấy gì để trị?”.

\* **Y Phấn Tảo** : Còn gọi : *Nạp y, Tệ nạp y, Ngũ nạp y, Bá nạp y*. *Y phấn tảo* là pháp y của vị Tỳ-kheo đắp, được may từ những mảnh vải vụn mà thành .

\* **Y Phương** : Gọi đầy đủ : **Y phương minh** . Phạn âm : *Cikitsa-vidya* . Còn gọi: *Y minh, Y phương luận* (Phạn: *Cikitsita*) .

*Y phương minh* là môn học giải thích về tật bệnh, cách chữa bệnh và thuốc men của Ấn Độ thời xưa ; 1 trong Ngũ minh (*Thanh minh, Công xảo minh, Y phương minh, Nhân minh* và *Nội minh*) . “Minh” nghĩa là “học”. Trong kinh luật có nhiều chỗ nói về cách chữa bệnh và săn sóc bệnh, được xem là sử liệu quan trọng về y thuật của Phật giáo thời xưa. Kỳ-Bà (làm quan cho vua Tần-bà-sa-la) sống vào thời Phật tại thế nhờ

tinh thông y thuật mà nổi tiếng ở đời, từng nhiều lần trị lành các chứng bệnh nan y.

*Nam Hải Ký Qui Nội Pháp Truyện 3* có chương “Tiên thể bịnh nguyên” và “Tiến dược phương pháp”, trong đó, các cách xem bệnh cho thuốc xưa nay của Ấn Độ được qui nạp thành 8 loại, gọi là “Bát phần y phương”, đó là :

1/ Nói về các loại ghẻ : gồm những bệnh ghẻ độc bên trong và ngoài thân .

2/ Nói về châm lễ và các bệnh về đầu .

3/ Nói về bệnh của thân : Tức các bệnh từ cổ họng trở xuống .

4/ Nói về qui chướng : Tức bệnh thông thường và các bệnh do tà mị gây nên .

5/ Nói về thuốc ác-yết-đà : Loại thuốc trị các chất độc .

6/ Nói về bệnh trẻ em : bao gồm các bệnh dễ mắc phải trong các giai đoạn từ khi còn mang thai cho đến lúc 16 tuổi .

7/ Nói về cách sống lâu .

8/ Nói về thân thể khỏe mạnh : Là nền tảng để giữ gìn sức khỏe .

Ở Ấn Độ từ xưa đến nay phần nhiều cho rằng ăn uống quá độ là nguyên nhân sinh ra bệnh tật, do đó thực hành đoạn thực, tuyệt thực, là phương pháp trực tiếp có hiệu quả chữa bệnh . Nhưng trong Phật giáo, thông thường cho rằng việc mất thăng bằng của 4 yếu tố đất, nước, gió, lửa cấu tạo thân thể con người là nguyên nhân chính sinh ra bệnh tật. Cho nên phương pháp chữa bệnh khác xa với việc đoạn thực đơn thuần. Như “104 bệnh” nói trong *kinh Phật Y, kinh Tu Hành Đạo Địa 6* được phân loại tùy theo sự mất thăng bằng của 4 đại. Trong kinh còn nêu các chứng bệnh và cách đối trị. Còn như *luật Ma-ha Tăng Kỳ 10* thì cho rằng dầu, Tô, mật là dược liệu quan trọng để trị bệnh .

\* **Y Vương** : Là danh từ tôn xưng chung Phật, Bồ Tát. Vì Phật, Bồ Tát có khả năng chữa trị tâm bệnh của chúng sinh, như thầy thuốc giỏi ở thế gian . Từ vô thủy đến nay, do phiền não nên phàm phu bị chìm đắm trong 3 đường. Phật, Bồ Tát khởi tâm đại bi, biết rõ phiền não căn bản chung của chúng sinh là sinh, lão, bệnh, tử cùng căn cơ và nhân duyên khác nhau của chúng sinh mà mỗi mỗi giáo hóa làm lợi ích, khiến họ được giải

thoát, giống như lương y ở thế gian khéo xem bệnh, biết rõ chứng bệnh ấy mà điều trị không mảy may sai lầm.

*Kinh Tập A-Hàm 15, Kinh Y Dụ* cũng nêu “4 pháp thành tựu” mà bậc Đại y vương phải có đủ, đó là: **1/**. *Biết rõ căn bệnh.* **2/**. *Biết rõ nguyên nhân gây bệnh.* **3/**. *Biết rõ pháp trị bệnh.* **4/**. *Trị bệnh xong, lại biết nhân duyên tái phát sau này để đoạn trừ.*

Lại dùng 4 pháp này để dụ cho Như Lai thành tựu 4 đức, xuất hiện ở đời, nói rộng về pháp Tứ đế *khổ, tập, diệt, đạo* để chữa trị bệnh cho chúng sinh. *Luận Đại Trí Độ 22 (Đại 25, 225 hạ)* ghi: “**Phật** như Y vương, **Pháp** như thuốc hay, **Tăng** như người săn sóc bệnh, **Giới** như điều cấm kỵ khi uống thuốc”.

\* **Yết-Ma** : Âm theo Phạn : *Karmadana*. Còn gọi : *Kiết-ma*. Tên đầy đủ: **Kiết-ma-đà-na**.

*Yết-ma* là một chức vị của nhà sư xuất gia theo Đại thừa, dưới chức Hòa thượng. Trong hàng Tỳ-kheo trưởng lão, *Hòa thượng* lo điều dắt dắt đệ tử; *Yết-ma* lo pháp và sự; *Giáo thọ* lo phần dạy dỗ. Đó là Tam sư. Chữ *Kiết-ma* có nghĩa: Tác pháp biện sự; Vì chư pháp, chư sự đều do vị *Kiết-ma* mà thành tựu; *Kiết-ma, Kiết-ma-đà-na* cũng gọi: *Duy-na Sư Kiết-ma* có đủ bốn pháp:

**1/**. *Pháp* . Biết lúc nào nên cử hành pháp nào.

**2/**. *Sự* . Thông rõ luật nghi và trông nom việc sám hối các tội phạm của chư tăng.

**3/**. *Nhơn (Người)* . Họp cho thành giáo hội Tỳ-kheo 20 người, 10 người, 5 người hoặc 4 người.

**4/**. *Giới* . Trông nom việc kết giới theo nghi pháp.

\* **Ý**: Phạn âm : *Manas* . Hán âm: *Mạt-na* . Hán dịch: *Tư lương* . Ý là suy nghĩ phân biệt.

Nếu dùng ý làm nơi y cứ cho cơ năng nhận thức thì gọi là *Ý căn*, là 1 trong 6 căn (*nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý*). Trong 12 xứ (*nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, tinh, hương, vị, xúc, ý, pháp*) thì gọi là *Ý xứ*, trong 18 giới (*nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức*) gọi là *Ý giới*. Theo *Lục Thức gia* thì 3 món *Tâm, Ý, Thức* là đồng thể mà khác tên. Theo *Bát*

*Thức gia* thì *Tâm* chỉ thức *A-lại-da*, *Ý* chỉ thức *Mạt-na*, còn *Thức* chỉ 5 thức trước (*nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức*) và *ý thức*.

\* **Ý Thú** : là Ý hướng trong tâm muốn biểu thị. Đức Phật thuyết pháp có 4 thứ ý thú là *Bình đẳng ý thú, Biệt thời ý thú, Biệt nghĩa ý thú* và *Bổ-đặc-già-la ý thú*, gọi là *Tứ ý thú* hoặc *Tứ ý*.

1/. *Bình đẳng ý thú*, còn gọi là *Bình đẳng ý*. Đây là loại ý thú được luận theo lập trường bình đẳng khi đã đoạn trừ các kiến chấp phân biệt như Đức *Phật Thích Ca Mâu Ni* tuy chẳng phải là *Phật Tì-bà-thi* thuở xưa, nhưng trên lập trường bình đẳng không hai, nên cũng có thể nói “*Ta là Phật Tì-bà-thi*”.

2/. *Biệt thời ý thú*, còn gọi là *Biệt thời ý*. Là giáo pháp được giảng nói để trừ bỏ biếng nhác như lợi ích sự tu hành của chúng sinh sẽ được thấy vào lúc khác (biệt thời), nhưng để chúng sinh khỏi biếng nhác nên dùng phương tiện thuyết pháp nói rằng có thể được ngay để khích lệ họ, chẳng hạn như xưng niệm danh hiệu *Phật A-Di-Đà* thì được vãng sinh về thế giới Cực Lạc.

3/. *Biệt nghĩa ý thú*, còn gọi là *Biệt nghĩa ý*. Chỉ cho ý thú dùng một ý nghĩa khác để thuyết minh hầu đoạn trừ chướng ngại khinh mạn giáo pháp của người nghe như do đời quá khứ từng phụng thờ chư Phật nên ngày nay được hiểu rõ Phật pháp Đại thừa. “Hiểu rõ” ở đây kỳ thực là chứng ngộ.

4/. *Bổ-đặc-già-la ý thú* (Phạn: *Pudgala*), còn gọi là *Chúng sinh ý nhạo ý thú, Chúng sinh nhạo dục ý*. Đây chỉ cho chúng sinh, là tùy thuận theo tính cách, chí hướng của chúng sinh mà giảng nói các giáo pháp, để đả phá ý nghĩ cho là đầy đủ như đối với người tham lam bòn xén thì khen ngợi hành vi bố thí, đối với người chấp trước việc bố thí thì quở trách hành vi bố thí.

\* **Ý Thức**: Âm theo Phạn: *Mano-vijnānā*, mang 2 phạm trù:

I/ Ý thức là năng lực nhận biết phân biệt các pháp do nương vào ý căn mà có. Thức thứ 6 trong 6 thức (hoặc 8 thức, 9 thức). Trong Triết học Tây Phương, ý thức được xem là “tâm cơ năng có cơ năng nắm bắt đối tượng khách quan”. Nói theo nghĩa rộng tức tất cả các kinh nghiệm của chúng ta, từ những cảm giác nguyên thủy đến sự tư duy khảo xét cao độ

đều bao hàm trong đó. Hễ tác dụng nào có công năng thống nhiếp nhiều nội dung kinh nghiệm đều gọi là ý thức. Mối quan hệ giữa ý thức và vật chất là vấn đề trung tâm của triết học. *Quan Niệm Luận (Duy Tâm Luận)* phủ định tính độc lập của vật chất, xem ý thức là nguồn gốc của tất cả. Trái lại, *Duy Vật Luận* xem ý thức là sản phẩm của vật chất. Phật giáo chia tinh thần làm 3:

**1. Tâm** (Phạn: Citta, tập khởi): Chủ thể của tinh thần.

**2. Ý** (Phạn: Manas, tư lương).

**3. Thức** (Phạn: Vijñāna, liễu biệt): tức tác dụng của tinh thần.

*Tông Duy Thức* lại chia ý thức thành 2 loại:

**1. Ngũ câu ý thức:** Ý thức cùng sinh một lượt với 5 thức trước, rõ biết cảnh sở duyên, nên còn gọi là Minh liễu ý thức, lại được chia làm: Ngũ đồng duyên ý thức và Bất đồng duyên ý thức.

**2. Bất câu ý thức:** Ý thức không khởi đồng thời với 5 thức trước mà là phát sinh tác dụng một cách đơn độc, lại cũng được chia làm: Ngũ hậu ý thức và Độc đầu ý thức.

**III/ Ý thức** là từ gọi chung cho 6 thức: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức và Ý thức.

\* **Ý ngữ** : Phạn: *Sambhinna pralapa*. Còn gọi: *Tạp uế ngữ, vô nghĩa ngữ*. Ý ngữ là tất cả lời nói thêu dệt, sai sự thật, bất chính; 1 trong 10 điều ác.

*Luận Thành Thật* 8 cho rằng: phi thật ngữ; thật ngữ mà không đúng thời; thật ngữ đúng thời mà tùy thuận phiền não; thật ngữ đúng thời mà nói không có gốc ngọn, nghĩa lý, không thứ tự đều thuộc về ý ngữ.

*Luận Du-Già Sư Địa* 8 ghi: Tên gọi khác của ý ngữ có: Phi thời ngữ, phi thật ngữ, phi nghĩa ngữ, phi tĩnh ngữ, bất tư lương ngữ, bất tĩnh ngữ, tạp loạn ngữ, phi hữu giáo ngữ, phi hữu dụ ngữ, phi hữu pháp ngữ.



**NGUYỄN ĐEM CÔNG ĐỨC HỒI HƯỚNG**  
**đến gia đình Phật tử có công in ấn**  
**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN (Phần I)**  
**thân tâm thường lạc, phúc huệ miên trường :**

- 1/. **Lạc Thiện Hiền**
  - 2/. **Trịnh Thanh Long**
  - 3/. **Trịnh Thanh Hải**
  - 4/. **Huỳnh Trọng Tín**
  - 5/. **Lê Thị Ngọc Yến**
  - 6/. **Lạc Hương Giang**
  - 7/. **Nguyễn Thị Cát Phương**
  - 8/. **Trần Tùng**
  - 9/. **Dương Đức Trung**
  - 10/. **Võ Văn Hòa**
  - 11/. **Nguyễn Thị Kim Tuyết**
  - 12/. **Huỳnh Minh Châu**
  - 13/. **Khửu Trung Bình**
  - 14/. **Mã Thị Liễu**
  - 15/. **Lê Ngọc Phượng**
  - 16/. **La Xuân**
-

CỬ SỸ THANH LAM

# ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

**Phường Yên Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội**

**ĐT: (04) 37822845 – Fax: (04) 37822841**

**Email: [nhaxuatbantongiao@gmail.com](mailto:nhaxuatbantongiao@gmail.com)**

**DD: 0903 94 78 94 – 0908 71 48 48**

Chịu trách nhiệm xuất bản

Biên tập:

Trình bày: **Mạch Thanh Hải**

Bìa: **Vũ Đức Thiện**

---

Số lượng in: 1.000 bản, khổ (26 x 19) cm

In tại Công ty TNHH T – SX - In Mỹ Tiên

Địa chỉ: 448/9, Trần Hưng Đạo, Phường 2, Quận 5

Số xuất bản:

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2016





ĐỨC HỘ PHÁP VI ĐÀ

